B 1,761,422

Digitized by Google

THE UNIVERSITY OF MICHIGAN
LIBRARIES
THE UNIVERSITY OF MICHIGAN
1817
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

MỤC LỤC
TẠP CHÍ CỘNG SẢN
NĂM 1986

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I — Những vấn đề chung về đường lối, chính sách của Đảng		
— Khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1986	Xã luận	1
— Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng	Xã luận	2
— Diễn văn của đồng chí Trường Chinh tại Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 5		2
— Quán triệt nghị quyết của Đảng về giá, lương, tiền trong công nghiệp quốc doanh	***	2
— Một sự kiện chính trị trọng đại	Xã luận	3
— Tiếp tục thực hiện đúng đắn Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTƯ Đảng	Tạp chí Cộng sản	3
— Một văn kiện lý luận sáng tạo và mang ý nghĩa thời đại	Hoàng Tùng	3
— Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	Xã luận	4
— Nông nghiệp — mặt trận hàng đầu	***	4
— Chiến thắng của cả nước	Lê Đức Thọ	4
— Tiến hành tốt đợt tự phê bình và phê bình, chuẩn bị Đại hội các cấp của Đảng	Xã luận	5
— Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng	Lê Đức Thọ	5
— Đổi mới quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở	Xã luận	6
— Quyền tự chủ và trách nhiệm của các đơn vị kinh tế cơ sở trong sản xuất kinh doanh	Võ Chí Công	6
— Đẩy biến đau thương thành hành động cách mạng	Xã luận	7
— Đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm chủ thị trường và giá cả	Xã luận	7
— Làm tốt công tác tư tưởng chuẩn bị cho Đại hội Đảng	Lê Đức Thọ	7
— Hỏi ý kiến của Đảng, của nhân dân về dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội VI	Xã luận	8
— Bài nói của đồng chí Trường Chinh tại hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị sẽ trình Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng		8

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Tình hình và nhiệm vụ	Lê Cần	8
– Cách mạng xã hội chủ nghĩa khó khăn, lâu dài, nhất định thắng lợi	Xã luận	9
– Đoàn kết chặt chẽ chung quanh Trung ương Đảng, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược	Võ Chí Công	9
– Mở rộng và nâng cao chất lượng phê bình và tự phê bình trên báo chí	Xã luận	10
– Khai thác và phát huy cao độ tiềm năng mọi mặt của nước ta để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, gắn với tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa	Trường Chinh	10
– Xử lý kịp thời và nghiêm minh những vụ phạm pháp	Xã luận	11
– Củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng thủ đô vững mạnh	Trường Chinh	11
– Mặt trận dân tộc thống nhất, một nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của cách mạng nước ta	***	11
– Vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiếp tục tiến lên trên con đường cách mạng	Xã luận	12
– Bài nói của đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh tại Đại hội đại biểu đảng bộ toàn quân lần thứ tư (13 – 18-10-1986)		12
II – Kinh tế		
– Về công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế	Tô Duy	1
– Một số ý kiến về vấn đề xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội	Trường Sơn	1
– Suy nghĩ về chính sách biển trong chiến lược kinh tế và quốc phòng của nước ta	Lưu Văn Lợi	4
– Bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp quốc doanh	Chu Tam Thức	6
– Tổ chức lao động và quản lý lao động ở đơn vị kinh tế cơ sở	Đào Thiện Thi	7
– Về phát triển nghề rừng	Phan Xuân Đợt	7
– Về phương hướng và nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong những năm 1986 – 1990	Trần Kiệm	8
– Về chiến lược khai thác tài nguyên thiên nhiên của nước ta	Nguyễn Ngọc Thụy	8
– Sắp xếp lại sản xuất nông, lâm nghiệp ở các vùng sản xuất tập trung thuộc miền núi, trung du	Trương Ngọc Uẩn	9
– Xây dựng quan điểm hệ thống và đồng bộ trong quản lý kinh tế hiện nay	Nguyễn Văn Trân	9
– Đổi mới kế hoạch hóa, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất của đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh	Huy Hùng	9
– Một số ý kiến về kế hoạch hóa kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Thế Uẩn	10
– Làm thế nào giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm ở nước ta	Nguyễn Thành Bang	11
– Mấy vấn đề về tổ chức và quản lý ngoại thương	Lưu Văn Đạt	11

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Cần chuyển từ hình thức hợp tác thương mại sang phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất trong làm hàng xuất khẩu	Thanh Khiết	11
III – Chính trị – Quân sự		
– Thực hiện dân chủ qua Quốc hội	Nguyễn Hữu Thọ	1
– Xây dựng phương pháp tư duy cách mạng và khoa học	Hoàng Chính	1
– Các huyện miền núi phía Bắc phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng	Nhật Tân	1
– Nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động và chiến đấu	***	2
– Kết hợp an ninh với quốc phòng trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	Lê Quang Thành	2
– Quán triệt hơn nữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	Hoàng Văn Thái	4
– Kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực – nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự Việt nam	Hoàng Minh Thảo	4
– Lực, thế và thời trong trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975	Phạm Hồng Sơn	4
– Công tác chính trị tư tưởng bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước	Hồng Chương	4
– Nâng cao chất lượng và hiệu lực công tác thanh tra	Bùi Quang Tạo	6
– Quân đội với nhiệm vụ xây dựng kinh tế	Bùi Phùng	6
– Mấy vấn đề cấp bách trong phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa.	Nguyễn Thọ Chân	6
– Bàn về thời kỳ đầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc	Hoàng Văn Thái	7
– Bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và vai trò quản lý của Nhà nước	Nguyễn Liêm	8
– Nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn	Đinh Nghiêm – Hữu Xanh	8
– Góp phần thực hiện tốt công tác quản lý kinh tế – xã hội của Nhà nước ta	Trần Lê	9
– Một cống hiến xuất sắc vào phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản	Nguyễn Đức Bình	9
– Khắc phục những mặt yếu về pháp chế xã hội chủ nghĩa	Phạm Hưng	10
– Tăng cường quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật trong tình hình mới	Phan Hiền	10
– Bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới	Trần Đông	10
– Mấy vấn đề về đổi mới công tác khoa học quân sự	Hoàng Minh Thảo	10
– Bộ đội tuyến I với nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế	Bùi Thế Tâm	10
– Giáo dục quốc phòng cho thế hệ trẻ sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc	Lê Trọng Tấn	12
– Về chính sách hậu phương quân đội trong tình hình mới	Trần Văn Quang	12

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Công tác chính trị tư tưởng bảo đảm thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp	Hồng Chương	12
– Cải tiến công tác thanh tra	Bùi Quang Tạo	12
IV — Văn hóa — Giáo dục		
– Về vấn đề kinh tế trong văn hóa	Trần Độ	1
– Y tế Việt nam và khả năng quản lý sức khỏe tại nhà	Nguyễn Khắc Thuật	1
– Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở	Nguyễn Văn Kiểu	1
– Cần sớm khắc phục tệ mê tín	Bùi Thị Kim Quý	1
– Quy hoạch xây dựng và kiến trúc nông thôn trên địa bàn huyện	Đàm Trung Phường	2
– Dân số và phát triển kinh tế	Đặng Thu	2
– Đề tài chiến tranh trong phim truyện Việt nam	Hải Ninh	2
– Thật sự coi cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt	***	3
– Đưa nhanh tiến bộ khoa học — kỹ thuật vào sản xuất	Đặng Hữu	3
– Phòng tuyến văn hóa biên giới phía Bắc	Nguyễn Văn Hiếu	3
– Về một chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật cần thiết cho chúng ta	Lê Thành	3
– Bàn thêm về con người mới xã hội chủ nghĩa	Phong Châu	3
– Tạo sự chuyển biến trong sự nghiệp giáo dục	Hoàng Xuân Tùy	4
– Tổ chức tốt hơn đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật hiện có	Lê Quý An	4
– Khoa học và kỹ thuật ở nước ta trong những năm vừa qua	Đặng Hữu	4
– Bước đầu của một chuyển biến mới trong văn nghệ	Hà Xuân Trường	4
– Đấu tranh cho một trật tự thông tin quốc tế mới	Hoàng Thịnh	4
– Con người mới Việt nam trong ánh sáng tư tưởng văn hóa của Bác Hồ	Lê Xuân Vũ	5
– Sự nghiệp văn hóa trong chặng đường trước mắt	Trần Văn Phác	5
– Xây dựng và phát triển ngành điện tử và tin học	Nguyễn Xuân Quỳnh	5
– Xây dựng và phát triển công nghệ sinh học	Nguyễn Lân Dũng	5
– Thế giới quan Mác — Lê-nin trong đời sống tinh thần của nhân dân ta	Lê Xuân Vũ	6
– Những năm tới : y tế cơ sở và chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân	Đặng Hồi Xuân	6
– Đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa thích hợp với tình hình mới	Nguyễn Văn Hạnh	6
– Văn học thiếu nhi với việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau	Vân Hồng	6
– Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện	Tiến Hải	6
– Tháp dân số và kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội ở từng địa phương	Đỗ Long	7
– Bản sắc dân tộc trong văn hóa và việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	Lê Anh Trà	7
– Mấy suy nghĩ về đời sống văn học tại thành phố Hồ Chí Minh từ sau giải phóng	Trần Trọng Đăng Đàn	7
– Về đạo đức thể thao xã hội chủ nghĩa	Trần Nguyên	8
– Văn xuôi, cuộc sống và bạn đọc hôm nay	Phan Cự Đệ	9

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Qua triển lãm những thành tựu khoa học – kỹ thuật toàn quốc lần thứ nhất	Chu Thái Thành	9
– Về vấn đề dân tộc trong quá trình biến đổi xã hội ở nước ta	Mạc Đường	12
– Mỹ thuật ứng dụng vào sản xuất và đời sống xã hội hiện nay	Dương Hướng Minh	12
V – Đảng – Các tổ chức quần chúng		
– Vận động quần chúng là nhiệm vụ chiến lược của Đảng	Trần Quốc Hoàn	2
– Bước chuyển của phong trào phụ nữ Việt nam sau 10 năm thống nhất đất nước	Nguyễn Thị Định	2
– Vì sao vừa ra đời Đảng ta đã giành được độc quyền lãnh đạo cách mạng?	Lê Ngọc	2
– 55 năm chiến đấu và trưởng thành của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	Vũ Mão	3
– Giai cấp công nhân Việt nam – quá khứ và hiện tại	Phạm Thế Duyệt	4
– Mấy ý kiến về việc kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý hợp tác xã nông nghiệp	Nguyễn Khắc Bộ	1
– Chuẩn bị và tiến hành tốt đại hội đảng bộ các cấp	***	5
– Hồ Chí Minh	E. Cô-bê-lép	5
– Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân	Trình Mưu	5
– Mấy ý kiến về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số	Đỗ Anh Châu	6
– Mùa Đại hội	Thanh Thanh	6
– Một tấm gương kiên trì vượt khó khăn và sáng tạo	Lê Tâm Hương	6
– Những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng hiện nay	***	7
– Một số vấn đề cần quan tâm trong công tác vận động phụ nữ	Nguyễn Thị Định	7
– Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng	Phan Chinh	8
– Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp huyện	Bùi Hồng Việt	9
– Xô viết Nghệ – Tĩnh sống mãi!	Thế Tập	9
– Sưu tầm, bảo quản các tài liệu, bài nói, bài viết và di vật của đồng chí Lê Duẩn	Tạp chí Cộng sản	10
– Coi trọng hơn nữa việc xây dựng Đảng trong giai cấp công nhân	Vũ Xuân Cận	11
– Chống thoái hóa biến chất trong đội ngũ cán bộ đảng viên	Bình Phương	12
Sinh hoạt tư tưởng		
– Cái riêng và cái chung	Hà Phương	1
– Hơn thiệt	Nguyễn Trường Khoa	2
– Địa phương tự trị?	Tân Trào	3
– Một bài học	Phương Sơn	7
– Lại nói về « cái riêng và cái chung »	Vũ Hùng	8
– « Ba phải »	Vũ Dũng	9
– Nói thật	Bình Giang	11
Thư bạn đọc		
– Một căn bệnh nguy hiểm	Lê Hùng	6

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Thư bạn đọc	Nguyễn Văn Đề	8
– Tình dân – nghĩa Đảng	Thành Tâm	9
– Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân	Nguyễn Tiến Cang	10
VI – Các địa phương, cơ sở		
– Phúc thọ xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh	Hoàng Thanh Cận	1
– Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo công tác thanh niên	Lê Huyền Thông	2
– Trẻ hóa đội ngũ cán bộ xã Điện nam	Lê Văn Phong	2
– Những tập thể và cá nhân anh hùng trên mặt trận giáo dục của chúng ta	Vũ Ngọc Lan	3
– Qua các đơn vị anh hùng của ngành văn hóa	Trần Anh	5
– Từ vùng « đất chết » đi lên	Hữu Đức	5
– Su pe phốt phát Lâm thao – nhà máy anh hùng	Hoàng Công	6
– Kết hợp nông – công nghiệp ở hợp tác xã Nga thủy	Hữu Hạnh	6
– Kết hợp cải tạo với xây dựng trong quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ở Tiền giang	Nguyễn Trọng Phúc	7
– Thành phố Hồ Chí Minh đẩy mạnh sản xuất tiểu, thủ công nghiệp	Trần Xuân	7
– Hợp tác xã Châu giang	Nguyễn Văn Thể	7
– Gương mặt trung đoàn 567	Nhật Tân	7
– Một số suy nghĩ về vấn đề phát triển nông lâm nghiệp và xây dựng xã hội nông thôn ở các tỉnh Tây nguyên	Trương Ngọc	8
– Định hóa từng bước đi lên	Lý Xuân Lai	8
– Thấy gì ở Thiệu yên ?	Lê Tâm Hương	8
– Hợp tác xã mua bán Tây giang – một điển hình tốt về phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân	Doãn Đình Huề	8
– Hoạt động văn hóa thông tin ở chợ vùng cao biên giới Hoàng liên sơn	Trần Nam	9
– Việc nâng cao chất lượng đảng viên ở đảng bộ Hà nội	Trần Tấn	9
– Phát huy các thế mạnh của tỉnh Sơn la	Hoàng Nó	9
– Nam đàn tạo chuyển biến bước đầu cho sự phát triển kinh tế – xã hội	Lê Trọng Khuyến	9
– Đồng nai đến năm 1990	Phạm Văn Hy	10
– Bình trị thiên khắc phục khó khăn, vươn tới những mục tiêu mới	Vũ Thắng	10
– Tổ chức xuất khẩu nông sản vụ đông ở Thái bình	Đặng Văn Nông	10
– Đảng bộ huyện Krông pa gắn công tác xây dựng Đảng với phát triển kinh tế – xã hội	Hoàng Bá Bích	12
– Sản xuất ở Duy tiên và một số kiến nghị	Nguyễn Văn My	12
– Bước đi lên của một huyện ngoại thành	Lương Ngọc Cử	12
– Từ mảnh đất địa đầu Tổ quốc, Hải xuân vững bước đi lên	Trần Quang Thạch	12
VII – Hội nghị khoa học – thực tiễn		
Về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó		
– Lưu Văn Đạt – Nguyễn Quang Long – Lê Đăng Doanh – Chế Viết Tấn – Trần Quang – Phạm Văn Nghiên		1

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Hoàng Hữu Nhân – Trần Linh Sơn – Nguyễn Anh Bắc – Trần Việt Chy – Phạm Văn Huân – Trần Ngọc Cảnh – Nguyễn Tế – Hồ Nhật Đán – Vũ Huy Từ – Nguyễn Quang Long – Lưu Văn Đạt – Trần Đình Nghiêm		2
– Trần Văn Phác – Phạm Minh Hạc – Trần Hồng Quân – Phạm Như Cương – Hoàng Đình Phu – Lê Thi – Lê Quang Thành – Trịnh Nguyên – Bình Minh – Hồng Chương		3
Về kinh doanh xã hội chủ nghĩa		
– Vũ Hữu Ngoạn, Lê Đức Thúy, Lê Xuân Tùng, Phạm Thành, Hồ Tế		10
– Chế Viết Tấn, Đào Xuân Sâm, Phan Văn Tiệm, Xuân Kiều, Trần Quang		11
– Lê Hồng Tiệm, Lưu Văn Đạt, Chử Văn Lâm, Nguyễn Đăng Khánh, Nguyễn Anh Bắc, Nguyễn Văn Huy, Lê Xuân Hãn, Hồng Chương		12
VIII – Quốc tế		
– Cách mạng Cam-pu-chia tiến bước vững chắc	Hêng Xom-rin	1
– Về những luận điệu phản động chống Việt nam ở nước ngoài	Phạm Như Cương	1
– Nhìn lại tình hình thế giới năm 1985	Phan Doãn	1
– Phong trào hòa bình – một lực lượng chiến lược	Nhuận Vũ	2
– Chương trình SDI là gì và nó nguy hiểm như thế nào?	Duy Đức	2
– Những bài học lịch sử nóng hổi tính thời sự	Phạm Xuân Nam	3
– Người phụ nữ trong Công xã Pa-ri	Nguyễn Thị Thanh Hương	3
– Sáng kiến vì tương lai của loài người	Xuân Oanh	3
– Hiệu quả công tác Đảng – hiệu quả kinh tế	Hồ Bất Khuất	3
– Phong trào đấu tranh vì dân sinh, dân chủ và hòa bình của giai cấp công nhân các nước tư bản hiện nay	Vũ Quang	4
– Chiến lược kinh tế của Đảng XHCNTN Đức	Vũ Tiến	4
– Cu-ba vững vàng đi tới tương lai	Hồ Bất Khuất	4
– Về thế cân bằng quân sự – chiến lược hiện nay trên thế giới	Phan Doãn	4
– Chiến lược kinh tế của Liên xô	Võ Văn Kiệt	5
– Ở bước ngoặt đột ngột	V. Pan-tê-lê-ép	5
– Công tác tư tưởng của Đảng cộng sản Liên xô trong thời kỳ phát triển mới của đất nước xô viết	Hồng Chương	5
– Kinh tế Tiệp khắc – Những thành tựu đã đạt và phương hướng phát triển	Yến Vân	5
– Một số định hướng quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế của Ru-ma-ni	Lê Tịnh	5
– Những tổng kết sâu sắc về tình hình quốc tế	Nguyễn Thành Lê	6
– Hòa bình thế giới phải được bảo vệ vững chắc	Trần Anh	6
– Về « Cuộc chiến tranh ý thức hệ » của chính quyền Ri-gân	Phan Lang	6
– Theo đuôi Mỹ và Trung quốc, Thái lan sẽ đi đến đâu?	Hồ Bất Khuất	7
– Chủ nghĩa khủng bố của Mỹ và cái gọi là « xung đột khu vực »	Lê Tịnh	7
– Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta	Hoàng Ch	8

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc trong những năm gần đây	Vũ Quang	8
– Những xu hướng đổi mới cơ chế kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa	Võ Đại	8
– Đảng cộng sản Liên xô – làm việc theo lối mới	V. Ka-du-lin	9
– Những đề nghị hòa bình sáng ngời thiện chí	Nguyễn Trọng Thụ	9
– Phong trào không liên kết – một tập hợp rộng lớn chống đế quốc	Tam Nhân	9
– Năng động và thiết thực trước những yêu cầu mới	Vũ Tiên	10
– Châu Á – Thái bình dương – tham vọng và chiến lược của chính quyền Ri-gân	Duy Đức	11
– Nền văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia hồi sinh	Lê Thành Công	12
IX – Đọc sách		
– Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	***	1
– Nắm vững đường lối, cụ thể hóa đường lối và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng	Xuân Kiều	2
– Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam	Phạm Thành	11
X – Văn kiện – Tư liệu		
– Hội nghị thứ chín BCHTƯD (khóa V)		1
– Quốc tế cộng sản với Đảng cộng sản Đông dương		
– Tuyên ngôn của các đại biểu đã thoát ly hội tịch ở toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ nhất của Hội Việt nam thanh niên cách mạng (tức là Việt nam cách mạng đồng chí hội)		2
– Điện mừng của BCHTƯ ĐCS Việt nam gửi Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô		3
– Lời chào mừng của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn tại Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô		3
– Cuộc hành trình của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp năm 1946 (Biên niên tóm tắt)		5
– Thông Báo đặc biệt của BCHTƯ ĐCS, Quốc hội, HĐNN, HĐBT nước CHXHCN Việt nam và Đoàn chủ tịch UBTƯMTTQ Việt nam		7
– Danh sách Ủy ban lễ tang Nhà nước		7
– Tiểu sử đồng chí Lê Duẩn		7
– Điếu văn do đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh đọc tại lễ truy điệu đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn		7
– Thông báo của Hội nghị đặc biệt BCHTƯ ĐCS Việt nam		7
– Tiểu sử tóm tắt của đồng chí Trường Chinh		7
– Phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị đặc biệt BCHTƯ Đảng (khóa V)		7
– Thư của Hồ Chủ tịch gửi Đại hội trù bị		9
– Người Việt nam đỏ		11

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

UNIV. of MICH.
APR 22 1986
Current Serials

1

1.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hội nghị thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V)

Triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc thứ VI của Đảng vào cuối năm 1986

TRUNG tuần tháng 12-1985, Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã họp để quyết định phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1986.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đọc lời khai mạc.

Hội nghị đã kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch năm 1985. Năm 1985 đánh dấu một bước tiến trong lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế của Đảng và Nhà nước ta với việc thực hiện các nghị quyết sáu, bảy, tám của Ban chấp hành trung ương Đảng. Trong tình hình mất cân đối gay gắt về nhiều mặt, mặc dù bão lụt và hạn hán xảy ra liên tiếp ở nhiều tỉnh, nhưng nền kinh tế vẫn đạt được những thành tựu mới quan trọng.

Sản lượng lương thực tuy bị thiệt hại nặng do thiên tai vẫn tăng hơn năm 1984. Chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, nghề rừng, nuôi trồng và khai thác thủy sản đều phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 7,4% trong đó công nghiệp quốc doanh

15 87 392AA2 2 013 1 XL 2 2408
Digitized by Google

tăng 8,5%. Ngành giao thông vận tải cố gắng bảo đảm vận chuyển các mặt hàng quan trọng. Một số công trình xây dựng cơ bản đạt được tiến độ thi công và đưa vào sử dụng đúng thời hạn. Công tác thu mua nhiều mặt hàng đạt khá. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở nhiều tỉnh Nam bộ hoàn thành về cơ bản. Công tác cải tạo công thương nghiệp, quản lý thị trường được đẩy mạnh. Công tác khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế, xã hội, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, thông tin đều có cố gắng và tiến bộ. Đáng chú ý là trong cả nước có nhiều xí nghiệp, nhiều huyện thực hiện tốt các nghị quyết sáu, bảy, tám của Ban chấp hành trung ương, tạo ra thế làm ăn mới, có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch năm 1985 còn nhiều mặt yếu, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp đều chưa ổn định và vững chắc, năng suất, chất lượng và hiệu quả vẫn thấp, một số sản phẩm quan trọng không tăng. Kim ngạch xuất khẩu tăng chậm. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh còn yếu. Phân phối, lưu thông còn nhiều khó khăn. Do có những khuyết điểm trong việc thực hiện Nghị quyết tám của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ chính trị về giá – lương – tiền, tình hình quý 4 xảy ra một số hiện tượng phức tạp, ảnh hưởng không tốt đến các hoạt động kinh tế xã hội.

Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ kế hoạch kinh tế xã hội năm 1986, mở đầu kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 nhằm đưa tình hình kinh tế xã hội đi dần vào thế ổn định, tạo tiền đề cho bước phát triển các năm sau.

Kế hoạch năm 1986 tập trung thực hiện những nhiệm vụ quan trọng nhất, bảo đảm những nhu cầu bức thiết nhất, có chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện cơ chế mới quản lý kinh tế xã hội, sử dụng lao động, đất đai và những cơ sở vật chất kỹ thuật đã có. Nông nghiệp luôn luôn là mặt trận hàng đầu. Cần tăng nhanh lương thực, thực phẩm, phát triển mạnh cây công nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và các ngành công nghiệp nặng then chốt phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và giao thông vận tải; tăng thêm hàng xuất khẩu, bảo đảm nghĩa vụ đã cam kết với các nước.

Trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay, phải nêu cao tinh thần cần cù lao động, khắc phục khó khăn, gian khổ để tích lũy vốn cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, triệt để thực hiện tiết kiệm, mau chóng ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, khai thác tốt các nguồn khả năng, kết hợp kinh tế với quốc phòng, và quốc phòng với kinh tế, nhằm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

Digitized by Google

Hội nghị đã chỉ ra một số vấn đề về đổi mới kế hoạch hóa và tăng cường chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh phong trào cách mạng của nhân dân lao động, của cán bộ, đảng viên, của các cấp quản lý, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, nâng cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức trách nhiệm của đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, ý thức tự lực tự cường, vận dụng các kinh nghiệm tốt của các cơ sở và các huyện, động viên sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân.

Kiện toàn tổ chức, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ, sửa đổi lề lối làm việc là biện pháp quan trọng đối với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Hội nghị lần thứ chín của Trung ương Đảng đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng vào cuối năm 1986.

Ban chấp hành trung ương Đảng tin tưởng rằng, trên cơ sở quán triệt sâu sắc các nghị quyết sáu, bảy, tám và chín, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo, ra sức khai thác mọi khả năng sẵn có, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1986, lập thành tích xứng đáng chào mừng Đại hội lần thứ VI của Đảng, góp phần thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Xã luận

KHẮC PHỤC MỌI KHÓ KHĂN, QUYẾT TÂM THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1986

Năm 1985 đánh dấu một bước tiến bộ trong lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế của Đảng và Nhà nước ta với việc triển khai thực hiện nghị quyết các Hội nghị 6, 7, 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Trong năm 1985, nền kinh tế của ta vẫn gặp khó khăn về nhiều mặt; từ cuối quý III, hạn hán và bão lụt xảy ra liên tiếp ở nhiều tỉnh. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự cố gắng của các ngành, các cấp, sự phấn đấu kiên cường của nhân dân ta, việc thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội năm 1985 vẫn có những kết quả và tiến bộ.

Sản lượng lương thực cả nước năm 1985 tăng 40 vạn tấn so với năm 1984; các mặt chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, nghề rừng, nuôi trồng và khai thác thủy sản đều phát triển.

Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 7,4% trong đó công nghiệp quốc doanh trung ương tăng 8,5%, việc vận chuyển các mặt hàng quan trọng được bảo đảm, một số công trình xây dựng cơ bản bảo đảm được tiến độ thi công và đưa vào sử dụng đúng thời hạn.

Về lưu thông, nhiều mặt hàng nông sản thu mua được khá, việc nắm hàng công nghiệp có những tiến bộ mới. Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tăng 50%, kim ngạch xuất khẩu tăng 7,6% so với năm 1984.

Ở các tỉnh Nam bộ, đã hoàn thành về cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp với hai hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh và quản lý thị trường được tăng cường.

Công tác khoa học — kỹ thuật, giáo dục, y tế, xã hội, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, thông tin đều có cố gắng.

Một điều rất đáng chú ý là đã có nhiều xí nghiệp nhiều huyện trong cả nước quán triệt tốt các nghị quyết 6, 7, 8 của Trung ương Đảng, đổi mới cách lãnh đạo và quản lý, tổ chức chỉ đạo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn, thể hiện rõ xu hướng tiến lên về mặt quản lý kinh tế xã hội.

Công cuộc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trên các địa bàn, trước hết ở các tỉnh biên giới phía Bắc, có những tiến bộ mới.

Digitized by Google

Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp đều chưa ổn định, năng suất, chất lượng và hiệu quả rất thấp, một số sản phẩm quan trọng không tăng, thậm chí có loại còn giảm. Tình trạng tiêu hao vật tư trong công nghiệp vẫn còn quá lớn, điện hao hụt và lãng phí quá nhiều, giá thành sản phẩm còn cao.

Phân phối — lưu thông vẫn là lĩnh vực đang còn nhiều khó khăn. Thị trường, giá cả tiếp tục biến động. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh vẫn còn yếu. Kim ngạch xuất khẩu tăng chậm, hàng xuất khẩu không đáp ứng các hợp đồng đã ký kết với nước ngoài.

Cho đến quý III, nền kinh tế đã có đà phát triển tốt, song từ quý IV — 1985, giá cả thị trường có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không tốt đến nhiều mặt hoạt động kinh tế — xã hội. Đó là do có những khuyết điểm trong việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ chính trị về giá — lương — tiền.

Nhìn chung, sau kế hoạch 5 năm vừa qua, bên cạnh những tiến bộ mới, những nhân tố mới cần được khẳng định và ra sức phát huy, nền kinh tế nước ta vẫn đứng trước những khó khăn gay gắt, các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân về lương thực, năng lượng, vật tư, tài chính còn rất căng thẳng. Cơ cấu kinh tế chưa có chuyển biến đáng kể, cơ chế quản lý mới chưa hình thành rõ rệt. Tổ chức sản xuất và quản lý sản xuất chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, phân tán. Quan hệ sản xuất mới còn ở trình độ thấp, kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa được củng cố vững chắc. Lao động, đất đai, năng lực công nghiệp chưa được sử dụng tốt. Chất lượng của các hoạt động văn hóa, giáo dục chậm chuyển biến. Kỷ luật của Đảng, Nhà nước và pháp chế xã hội chủ nghĩa không được chấp hành nghiêm chỉnh. Công tác chỉ đạo, điều hành có nhiều khuyết điểm.

Những khó khăn và những mặt yếu kém nói trên phải được tất cả các cấp, các ngành kiên quyết khắc phục để đưa các hoạt động kinh tế xã hội tiến lên vững chắc.

★

Năm 1986 là năm mở đầu của kế hoạch 5 năm 1986—1990. Đây là kế hoạch có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế — xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

Hội nghị thứ 9 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã quyết định phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch kinh tế xã hội năm 1986. Cần phải nắm vững những quan điểm cơ bản của Đảng để phân tích tình hình cụ thể, tập trung thực hiện những nhiệm vụ quan trọng nhất, giải quyết những vấn đề bức thiết nhất, **từng bước ổn định tình hình kinh tế, xã hội, ổn định đời sống, tạo nguồn tích lũy,** *chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho bước phát triển mạnh hơn trong những năm sau.*

Hội nghị thứ 9 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã khẳng định **phải tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.** *Cần tập trung mọi cố gắng để giải quyết bằng được vấn đề ăn, tăng nhanh nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa cho xuất khẩu.*

Digitized by Google

Nhiệm vụ số một là phấn đấu đạt cho được 20 triệu tấn lương thực. Đối với lúa, phải phát triển mạnh các loại màu, gắn sản xuất với chế biến và từng bước cải tiến bữa ăn.

Đẩy mạnh công tác thủy lợi, tăng thêm sức kéo và bơm nước để mở rộng diện tích đông xuân và hè thu. Bảo đảm đủ và kịp thời các loại phân, thuốc trừ sâu cho yêu cầu thâm canh. Các địa phương cần dành một số ngoại tệ thu được để nhập thêm tư liệu sản xuất cho nông nghiệp.

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, phải thực hiện triệt để tiết kiệm lương thực và làm thật tốt công tác huy động lương thực.

Khuyến khích phát triển sản xuất cây công nghiệp, phát triển mạnh chăn nuôi. Phát động phong trào trồng cây, trồng rừng, bảo vệ vốn rừng hiện có; tiếp tục giao một phần đất và rừng cho xã, hợp tác xã, đơn vị quân đội và gia đình quản lý kinh doanh.

Đẩy mạnh đánh bắt cá biển, tiếp tục phát triển mạnh việc nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm xuất khẩu ở ven biển, tận dụng và thâm canh tốt diện tích nuôi cá nước ngọt ở khắp các vùng.

Cùng với nông nghiệp, **phát triển mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và các ngành công nghiệp then chốt** *phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và giao thông vận tải. Đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại.*

Ưu tiên bảo đảm cân đối đồng bộ các điều kiện vật chất cho những sản phẩm trọng yếu nhất có tác dụng chi phối nền kinh tế quốc dân.

Khuyến khích phát triển nhanh hàng công nghiệp tiêu dùng để đáp ứng yêu cầu của đời sống nhân dân và trao đổi hàng hóa với nông dân. Phát triển mạnh các mặt hàng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của hợp tác xã và gia đình.

Nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là chất lượng hàng xuất khẩu, quản lý chặt chẽ sản phẩm làm ra.

Triệt để tiết kiệm, giảm tiêu hao vật tư, năng lượng, mở rộng liên kết kinh tế để tăng nguồn nguyên liệu, sử dụng phế liệu để huy động tốt đa công suất nhà máy, tăng khối lượng sản phẩm, mở thêm mặt hàng mới.

Tập trung sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại cơ cấu mặt hàng và đổi mới cơ chế quản lý, sắp xếp lại lao động trong từng ngành, từng xí nghiệp, bảo đảm cho xí nghiệp thật sự sản xuất và kinh doanh có lãi. Giải quyết việc làm cho số lao động dôi ra sau khi sắp xếp lại sản xuất.

Về giao thông vận tải — bưu điện, phải hoàn thành việc sắp xếp lại sản xuất và phân bố lại lao động trong toàn ngành. Phấn đấu tăng năng suất, hạ giá thành, giảm tiêu hao nhiên liệu, vật tư; tổ chức tốt việc bốc xếp ở các nút giao thông. Nâng cao chất lượng vận tải hàng không; khôi phục các phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng bưu điện. Nâng cao chất lượng thông tin, bưu điện.

Đối với xây dựng cơ bản, tập trung vào các công trình trọng điểm, chấm dứt tình trạng đầu tư dàn đều, triệt để tiết kiệm vật tư và các chi phí khác trong xây dựng.

Digitized by Google

Bố trí vốn đầu tư phải theo thứ tự : ưu tiên cho các công trình trọng điểm chuyên tiếp quan trọng nhất về than, điện, dầu khí, hóa chất, cơ khí, giao thông, các công trình hợp tác với nước ngoài ; cho mục tiêu sử dụng lao động và đất đai. Chú trọng đầu tư đồng bộ hóa, đầu tư chiều sâu có chọn lọc, cải tạo các xí nghiệp, bảo đảm tận dụng công suất các xí nghiệp hiện có.

Muốn kết hợp tốt tư liệu sản xuất với lao động nhằm tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, cần **đẩy mạnh phân công và bố trí lại lao động**, *sắp xếp và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn cả nước, nhất là trên địa bàn huyện, các thành phố, khu công nghiệp lớn và cơ sở ; sử dụng tốt* **lao động, đất đai** *và cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có để phát triển mạnh sản xuất và kinh doanh*

Hiện nay, việc bố trí lại lao động, giải quyết công việc làm cho những người lao động là một công tác có tầm quan trọng đặc biệt. Ở nước ta, lực lượng lao động đang rất dồi dào, đồng thời tư liệu sản xuất hiện có chưa được sử dụng hết cũng còn nhiều. Nếu chúng ta biết tổ chức kết hợp tốt lao động với đất đai và cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có thì nhất định sẽ có thêm nhiều sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.

Chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp. Phải thực hiện bước chuyển mạnh trong việc phân bố, sử dụng lao động và đất đai để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, công nghiệp phát triển nhanh hơn, đặc biệt là trên địa bàn từng tỉnh, từng huyện và những vùng kinh tế mới còn nhiều tiềm năng chưa khai thác như Tây nguyên, Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu long, trung du và miền núi phía Bắc.

Trong nông nghiệp, đất đai là một loại tư liệu sản xuất rất quan trọng. Các giá trị sử dụng của hàng hóa đều do hai yếu tố kết hợp thành : vật chất và lao động. Trong nông nghiệp, nếu chỉ có lao động mà không có đất đai để trồng trọt thì không thể có hàng hóa nông sản. Vì « lao động không phải là nguồn gốc duy nhất của những giá trị sử dụng do nó sản xuất ra của cải vật chất. Như Vi-liêm Pe-ti nói, lao động là cha, còn đất là mẹ của của cải vật chất »(1).

Phân bố lại lao động, sử dụng lao động và đất đai trong năm 1986, trước hết nhằm phát triển mạnh mẽ sản xuất lương thực, thực phẩm, tăng nhanh sản phẩm cây công nghiệp, cây xuất khẩu, hàng tiêu dùng, góp phần tích cực vào việc ổn định tình hình kinh tế, xã hội.

Các thành phố, thị xã cần tổ chức liên kết với các địa phương khác, đưa lao động đến vùng nguyên liệu để mở mang công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, mở rộng việc gia công hàng xuất khẩu, chế biến lương thực, thực phẩm và phát triển mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ. Sắp xếp, sử dụng phần lớn lao động trong huyện, trong tỉnh theo hướng liên kết giữa xã với xã, huyện với huyện, mở thêm cơ sở hợp tác xã, vừa phát triển kinh tế tập thể, vừa phát triển kinh tế gia đình.

Đẩy mạnh việc đưa lao động đến khai khẩn các vùng đất mới trên địa bàn cả nước theo phương châm « nơi dễ làm trước, nơi khó làm sau », dựa vào sức dân là chính, có sự giúp đỡ tích cực của Nhà nước.

Giải quyết tốt các vấn đề về **phân phối lưu thông**. *Trên cơ sở phát triển sản xuất, Nhà nước làm chủ thị trường, giảm chi phí sản xuất để hạ giá thành*

(1) C Mác : *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1959, quyển 1, tập 1, tr. 66.

Digitized by Google

sản phẩm giảm chi phí lưu thông, phấn đấu ổn định giá cả để ổn định đời sống và thúc đẩy sản xuất phát triển.

Giữ mặt bằng giá đã được hình thành với hệ thống giá mới do Nhà nước vừa quy định. Trên nguyên tắc lấy giá thóc làm chuẩn và quan hệ tỷ giá đúng đắn giữa nông sản và hàng công nghiệp, tiếp tục xác định các loại giá và sửa lại một số giá không hợp lý.

Về thóc, giá mua trong hợp đồng phải theo đúng giá chuẩn Trung ương đã quy định. Trước mắt, để bảo đảm Nhà nước mua hết lương thực thừa của nông dân, các địa phương được mua ngoài hợp đồng theo giá linh hoạt ở từng vùng.

Sắp xếp lại hệ thống thương nghiệp, tổ chức lại việc mua và bán hàng để Nhà nước nắm được hàng hóa, làm chủ thị trường. Mở rộng mạng lưới thương nghiệp và dịch vụ. Tổ chức phân phối hàng hóa đến tận tay người tiêu dùng với giá cả được công bố rõ ràng. Tăng cường quản lý thị trường, quản lý giá cả, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu.

Về xuất, nhập khẩu và kinh tế đối ngoại, *coi trọng việc đầu tư để tạo thêm năng lực mới sản xuất hàng xuất khẩu trong nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, bảo đảm cung ứng vật tư cho sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu. Sắp xếp lại và tổ chức công tác xuất, nhập khẩu nhằm tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, quản lý chặt chẽ nhập khẩu, bảo đảm chất lượng và hiệu quả trong xuất, nhập khẩu.*

Xúc tiến thực hiện các chương trình hợp tác kinh tế với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Mở rộng hợp tác và liên kết kinh tế với Lào và Cam-pu-chia với tinh thần giúp đỡ lẫn nhau.

Khuyến khích các ngành sản xuất vay vốn bên ngoài hoặc liên kết với các địa phương để tăng thêm khối lượng và mặt hàng xuất khẩu. Hết sức tiết kiệm ngoại tệ, cấm nhập hàng xa xỉ, hàng tiêu dùng cao cấp và những mặt hàng mà trong nước có khả năng sản xuất và cung cấp. Dành ngoại tệ để nhập vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất là chủ yếu.

Để củng cố và phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước, cần **tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa** *bằng những hình thức và bước đi thích hợp.*

Việc sắp xếp và tổ chức lại sản xuất phải gắn với cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới trong từng ngành và từng vùng lãnh thổ. Phát triển và nâng cao chất lượng kinh tế quốc doanh, tiếp tục phát triển và củng cố kinh tế tập thể, khuyến khích kinh tế gia đình phát triển theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Nâng cao trình độ và chất lượng hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam bộ.

Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, cải tạo và tổ chức lại tiểu thương, tăng cường khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ.

Ứng dụng rộng rãi các **thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật** *vào sản xuất, nhằm các mục tiêu thiết thực: nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, hạ giá thành sản phẩm...*

Tổ chức và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và kỹ thuật, trước hết là đội ngũ cán bộ khoa học hiện có, bao gồm khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu nhằm góp phần giải

Digitized by Google

quyết các vấn đề cấp bách về sản xuất, đời sống, về cải tiến quản lý và về quốc phòng an ninh. Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

Các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật trước hết phải phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất lương thực và thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu, hàng xuất khẩu và các sản phẩm công nghiệp trọng điểm, tạo ra nguồn nguyên liệu, vật liệu thay thế và nguyên liệu, vật liệu mới, góp phần tạo ra những vùng cao sản, những vùng kinh tế mới, những huyện và xí nghiệp sản xuất và kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao.

Về văn hóa, xã hội, *cần tiếp tục thực hiện tốt chương trình cải cách giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục nhằm mục tiêu xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa về mọi mặt đạo đức, kiến thức, thể lực, về ý thức lao động xây dựng xã hội mới và tinh thần sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.*

Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất thích hợp ở các trường phổ thông. Hướng dẫn và tổ chức tốt việc sản xuất ở các trường công nhân kỹ thuật.

Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, phân công đào tạo hợp lý.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và các hoạt động thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới.

Nâng cao chất lượng phục vụ của mạng lưới y tế, tăng cường vệ sinh phòng dịch, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với thương binh, cán bộ hưu trí, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng.

Đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao thành phong trào nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Củng cố và tăng cường **quốc phòng, an ninh**, *bảo đảm các yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, đánh bại các hoạt động lấn chiếm ở biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.*

★

Năm 1986 phải thực hiện một bước đổi mới rõ rệt công tác kế hoạch hóa gắn với đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế, bắt đầu hình thành cơ chế kế hoạch hóa năng động và có hiệu lực, xóa bỏ tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Cần xác định lại danh mục các sản phẩm trọng yếu và các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm Nhà nước để tập trung cân đối đầy đủ, đồng bộ và chặt chẽ. Sửa đổi, bổ sung chế độ kế hoạch hóa đối với một số lĩnh vực; sửa đổi lại hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh theo hướng mở rộng quyền chủ động cho các ngành, các cấp, nhất là đối với đơn vị cơ sở và huyện, quận.

Trong năm nay, phải hình thành được cơ chế quản lý mới trên hai mặt: bảo đảm quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất kinh doanh; đồng thời xác

Digitized by Google

định và tăng cường chức năng quản lý hành chính — kinh tế của bộ máy Nhà nước các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị cơ sở thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đó là biện pháp quan trọng nhất để bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1986 và các nhiệm vụ kinh tế xã hội trong những năm tới.

Về chỉ đạo và điều hành, cần phải theo kế hoạch tập trung đồng bộ cho những nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch. Thống nhất và tập trung điều hành vào một đầu mối, tránh tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc mâu thuẫn nhau trong các quyết định.

Tổ chức nghiên cứu và ban hành gấp các chính sách, trước hết là chính sách khuyến khích sử dụng lao động, đất đai và cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có; các chính sách về tài chính, ngân hàng; về xuất nhập khẩu và quản lý ngoại tệ, chính sách tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng v.v

Tăng cường kiểm tra việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước, đề cao kỷ luật của Đảng và pháp chế xã hội chủ nghĩa, thưởng phạt nghiêm minh và kịp thời

Kiện toàn tổ chức, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ và sửa đổi lề lối làm việc. *Sắp xếp lại bộ máy của Đảng, Nhà nước, đoàn thể, cắt bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết, sắp xếp lại lao động của các cơ quan hành chính sự nghiệp, giảm biên chế gián tiếp ở các cơ sở sản xuất và kinh doanh. Đánh giá đúng năng lực và cống hiến của cán bộ để bố trí cho phù hợp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới. Tăng cường cán bộ cho các huyện, các đơn vị cơ sở và những nơi đang có khó khăn. Có chính sách ưu đãi và khuyến khích kết hợp với giáo dục, động viên để thu hút cán bộ khoa học — kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế về cơ sở, đi miền núi, Tây nguyên và các vùng kinh tế mới.*

Đẩy mạnh công tác tư tưởng và công tác vận động quần chúng; *phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực tự cường, ra sức lao động sản xuất và thực hành triệt để tiết kiệm; lên án mạnh mẽ các hiện tượng tiêu cực dưới mọi hình thức; đập tan các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch.*

Các đoàn thể nhân dân, nhất là công đoàn và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát huy vai trò và trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước để đẩy mạnh ngay từ đầu năm phong trào thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1986.

Các cấp ủy Đảng và cơ quan Nhà nước kịp thời phát hiện, tổng kết và vận dụng những kinh nghiệm tốt về tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở và các huyện, quận, động viên sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng để khai thác tốt nhất các nguồn khả năng thực tế về lao động, đất đai, ngành nghề, vật tư, nguyên liệu, tiền vốn, ra sức phát triển sản xuất, góp phần khắc phục các mất cân đối hiện nay trong nền kinh tế.

Trên cơ sở **phát động phong trào cách mạng** *sâu rộng trong cả nước, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta dấy lên khí thế mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng đất nước, phấn đấu cao trong lao động sản xuất, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1986, quyết làm tạo ra chuyển biến mới trong nền kinh tế quốc dân, lập nhiều thành tích to lớn hơn nữa để chào mừng Đại hội thứ VI của Đảng.*

Digitized by Google

Có đồng chí xin biếu báo ***Học tập*** *. Báo cũng là một ngành kinh tế. Nó làm công tác giáo dục, nhưng kinh tế. Có phải nuôi người viết không? Có phải mua giấy, mua mực không? (***Có tiếng trả lời: Có ạ!***). Vậy, một người mua không được thì năm, bảy người góp nhau lại mua. Nếu biếu thì biếu ai? Ở đây có bao nhiêu người? (***Ở dưới trả lời: 900 người ạ!***). Biếu người này, không biếu người kia thì không được, mà biếu cả 900 người thì nay mai không có báo ***Học tập*** nữa. Nó sập tiệm mà.

HỒ CHÍ MINH

(Trích Bài nói chuyện với những cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm – 9-12-1961. *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập II, tr. 261)

* Tức tạp chí *Học tập*, nay là *Tạp chí Cộng sản*.

Digitized by Google

HÊNG XOM-RIN
Tổng bí thư BCHTƯ
Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia

CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA TIẾN BƯỚC VỮNG CHẮC

NGÀY 28 tháng 6 năm 1951, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia ra đời, kế tục truyền thống cách mạng tốt đẹp của Đảng cộng sản Đông dương do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập.

Trải qua mấy mươi năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng, trong thế đoàn kết quốc tế, liên minh chiến lược với phong trào cách mạng Việt nam và Lào, nhân dân Cam-pu-chia dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành được thắng lợi to lớn vào ngày 17-4-1975.

Lẽ ra với thắng lợi ngày 17-4-1975, nhân dân Cam-pu-chia đã có điều kiện để chuyển qua giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến tới xây dựng một xã hội mới tốt đẹp. Nhưng tập đoàn phản bội Pôn Pốt—Iêng Xa-ry—Khiêu Xăm-phon, tay sai trung thành của chủ nghĩa Mao đã phá sạch mọi thành quả cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia. Bọn chúng đã biến Đảng thành tổ chức ăng-ka đầy tội ác ghê tởm. Mọi cơ sở hạ tầng của xã hội bị triệt hạ đến tận gốc; mọi quan hệ giữa người và người trong từng gia đình, làng xóm và trong xã hội đều bị đảo lộn chưa từng thấy. Chế độ diệt chủng man rợ đã giết hại hơn 3 triệu người dân Cam-pu-chia, và hậu quả kinh khủng của nó còn phải qua nhiều năm mới có thể khắc phục nổi.

Nhưng nhân dân Cam-pu-chia không cam chịu đày đọa tủi nhục, quyết vùng lên giành lại quyền sống của mình. Ngày 7-1-1979, được sự giúp đỡ chân thành, vô điều kiện, kịp thời, to lớn và có hiệu quả của quân đội và nhân dân Việt nam anh em, nhân dân Cam-pu-chia đã lật đổ chế độ thống trị đẫm máu tay sai của bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh, nắm lấy quyền làm chủ đất nước.

Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia được xây dựng lại, nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia được thành lập, đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do thật sự và từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi rực rỡ nhất trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước lâu dời của dân tộc Cam-pu-chia.

★

Từ ngày 7-1-1979 đến nay, khi đất nước được giải phóng, nhân dân và chính quyền cách mạng Cam-pu-chia đứng trước những khó khăn chồng chất.

Sau khi chính quyền phản động của bọn diệt chủng Pôn Pốt theo Mao bị sụp

Digitized by Google



Đồng chí
HÊNG XOM-RIN

đồ, bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác, nhất là bọn phản động trong giới cầm quyền Thái-lan, đã phản ứng điên cuồng. Với nhiều thủ đoạn gian ác, thâm độc về quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, với nhiều mánh khoé chiến tranh tâm lý, chúng cố phá hoại công cuộc hồi sinh dân tộc, chia rẽ Cam-pu-chia, Việt nam, Lào, chia rẽ Cam-pu-chia với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tiến hành cuộc chiến tranh nhằm *lấn chiếm lãnh thổ và lật đổ chế độ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.*

Nền kinh tế quốc dân của Cam-pu-chia vốn nghèo nàn, lạc hậu, trải qua nhiều năm chiến tranh, lại bị bọn diệt chủng Pôn Pốt – Iêng Xa-ry – Khiêu Xăm-phon thẳng tay phá hoại tận gốc. Toàn bộ cơ cấu xã hội bị đảo lộn chưa từng thấy. Nền văn hóa dân tộc cũng lâm vào nguy cơ bị hủy diệt.

Được sự giúp đỡ tận tình của Việt nam và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, Đảng

Digitized by Google

nhân dân cách mạng Cam-pu-chia và Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đã huy động toàn dân tập trung sức vừa đánh bại các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của địch, vừa bắt tay vào công cuộc hồi sinh dân tộc, ổn định dân cư, khôi phục kinh tế, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là sản xuất lương thực nhằm chặn đứng kịp thời nạn đói đe dọa.

Trong tình hình vô cùng khó khăn do sức lao động bị suy giảm, thiếu thốn trầm trọng, phương tiện sản xuất nông nghiệp bị phá hỏng phần lớn, Đảng và Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước đã động viên nông dân hết lòng giúp đỡ nhau và chung sức làm ăn trong các tổ đoàn kết sản xuất. Đến nay, hơn 10 vạn tổ đoàn kết sản xuất được xây dựng, củng cố đã góp phần đắc lực vào việc khôi phục sản xuất trên hai phần ba diện tích trồng lúa; sản lượng thóc năm 1983 đã đạt 2 triệu tấn, bằng những năm bình thường trước chiến tranh. Kỹ thuật thâm canh tăng vụ bước đầu được thực hiện ở các địa phương trên hàng chục vạn héc ta cùng với việc gieo trồng các giống lúa mới có năng suất cao, đã góp phần quan trọng làm cho đời sống nhân dân dần dần ổn định.

Bên cạnh thành quả sản xuất lương thực đó, có thể nói tới kết quả đáng phấn khởi trên các lĩnh vực chăn nuôi, trồng cây công nghiệp... Ví dụ: tổng số trâu bò hiện nay đã bằng hai phần ba tổng số trâu bò có trong thời kỳ trước chiến tranh. Sản lượng cao su thu hoạch được tuy còn thấp hơn so với trước chiến tranh, song việc khai thác cây công nghiệp này đã tiến hành được trên gần một nửa diện tích các đồn điền cũ, bước đầu đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, chế biến trong nước và xuất khẩu. Riêng thủy sản, lâm sản là hai nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào của đất nước Cam-pu-chia, mặc dù vừa qua có bảo đảm được một phần nhu cầu xã hội, nhưng cần phải được tổ chức quản lý, bảo vệ tốt để có thể khai thác nhiều hơn nữa. Về sản xuất công nghiệp, giá trị tổng sản lượng hằng năm đều tăng và có dành phần xuất khẩu, song vẫn tiếp tục gặp khó khăn trong sản xuất do máy móc cũ kỹ, phụ tùng hư hỏng và thiếu thốn lớn về năng lượng, vật tư, nguyên liệu. Đáng nói là các ngành nghề thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp truyền thống được khôi phục và khuyến khích phát triển, đã góp phần đáng kể phục vụ nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn của nhân dân. Đặc biệt, nghị quyết về chính sách đối với kinh tế sản xuất tư nhân được Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng họp tháng 11-1984 thông qua, có ý nghĩa quan trọng động viên mọi tay nghề trong nhân dân tích cực góp phần với Nhà nước đẩy mạnh các hoạt động sản xuất và phục vụ đời sống kinh tế – xã hội; đồng thời chủ động hướng mọi thành phần kinh tế theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Đáp ứng yêu cầu rất bức thiết về quan hệ giao lưu của nhân dân đã bị cắt đứt, hủy bỏ hoàn toàn dưới thời thống trị của bọn Pôn Pốt, việc khôi phục giao thông vận tải trong nội địa tuy chưa hết khó khăn trở ngại nhưng cũng sớm thực hiện được trên cả ba hệ thống đường bộ, đường sông, đường sắt, phục vụ ngày càng tăng các mặt vận chuyển, cung cấp lương thực, hàng hóa, vật tư cho các địa phương. Ba năm nay, đường bay giữa Cam-pu-chia và Việt nam đã được đưa vào sử dụng. Mạng lưới thông tin bưu điện trong nước và liên lạc với ngoài nước cũng sớm đi vào hoạt động và từng bước mở rộng.

Hoạt động kinh tế – xã hội mau chóng trở lại bình thường, sản xuất được đẩy mạnh, một phần là do tác dụng rõ rệt của việc phát hành đồng tiền của Ngân hàng quốc gia Cam-pu-chia. Vừa qua, quan hệ mua bán giữa Nhà nước với nhân dân và giữa nhân dân với nhau được thiết lập và tăng

Digitized by Google

cường. Một phong trào rộng lớn mang ý nghĩa truyền thống yêu nước tốt đẹp của quần chúng nhân dân Cam-pu-chia đã sôi nổi diễn ra dưới khẩu hiệu đầy tình cảm « Nông dân bán lúa và nông sản cho Nhà nước là yêu nước. Nhà nước bán hàng đến tận tay dân là trách nhiệm đối với nhân dân ».

Song song với việc khôi phục kinh tế, sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế cũng đạt được những thành tựu đáng tự hào, có mặt vượt hẳn mức phát triển dưới các chế độ cũ. Ngày nay, đã có 70 phần trăm trong số hơn 1 triệu người không biết chữ đã đọc và viết được. Hầu hết các huyện đều có trường cấp II, và 11 tỉnh, thành phố của Cam-pu-chia đã xây dựng trường cấp III; 90% số em đến tuổi đi học được cắp sách đến trường cấp I. Hàng nghìn sinh viên, học sinh theo học ở 10 trường đại học và trung học kỹ thuật trong nước; hàng nghìn người khác được đào tạo nghề nghiệp ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Không ai dám nghĩ rằng một dân tộc bị thảm họa diệt chủng vừa mới hồi sinh chưa lâu mà hiện nay cứ 4 người dân đã có một người được đi học.

Tự hào với nền văn hóa truyền thống vẻ vang, quý báu của dân tộc được phục hồi và phát huy, nhân dân Cam-pu-chia đang từng bước xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phong phú, tốt đẹp hơn bao giờ hết. Hoàn toàn khác với các thời kỳ còn bị đế quốc, phong kiến thống trị, văn hóa văn nghệ ở Cam-pu-chia ngày nay mang tính chất quần chúng rõ rệt, thể hiện ở nhiệt tình tham gia hoạt động của đông đảo các tầng lớp nhân dân cũng như qua việc các đội chiếu bóng, văn nghệ thường xuyên phục vụ đến tận ấp, xã. Phong trào thể dục thể thao cũng được phát động sôi nổi ở nhiều nơi trong nước, và một số đội thể thao đã bắt đầu tham gia thi đấu ở nước ngoài.

Sự phát triển đều khắp của mạng lưới y tế từ trung ương đến xã, ấp cho thấy rõ chính quyền cách mạng rất quan tâm chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Các dịch bệnh đã bị sớm dập tắt. Tỷ lệ tử vong trong các sản phụ và hài nhi ngày càng giảm. Hàng nghìn cán bộ y tế mới được đào tạo, gánh vác công việc phòng bệnh và chữa bệnh ở các địa phương và hăng hái phục vụ cả ở tuyến lửa biên giới.

Nhìn chung, các mặt kinh tế — xã hội của Cam-pu-chia trong bảy năm qua có những tiến bộ đáng kể trong khôi phục và xây dựng, song còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa để nâng cao chất lượng và đạt hiệu quả lớn hơn.

Đất nước Cam-pu-chia hiện nay còn đứng trước những khó khăn to lớn do nền kinh tế vốn lạc hậu lại mất cân đối trên nhiều lĩnh vực; cơ sở vật chất kỹ thuật vốn rất yếu kém; tình hình thiếu thốn năng lượng, nguyên liệu, vật tư chưa được khắc phục; đội ngũ cán bộ chuyên môn kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế và lao động lành nghề chưa đủ để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Cách mạng Cam-pu-chia còn phải tiếp tục trải qua nhiều năm để khắc phục hoàn toàn những hậu quả nghiêm trọng của chế độ diệt chủng, khôi phục và phát triển mọi mặt đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm tạo ra những tiền đề và điều kiện thuận lợi mới để từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

★

Những thành tựu mà nhân dân Cam-pu-chia giành được trong bảy năm qua đã làm nổi rõ *sáu nhân tố* thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng:

1 — Từ Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước đến Mặt trận đoàn kết xây

Digitized by Google

dựng, bảo vệ Tổ quốc Cam-pu-chia, tổ chức Mặt trận với cương lĩnh chính trị đúng đắn đã tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân các dân tộc, mọi tầng lớp, giai cấp trong nước hăng hái tham gia đấu tranh cách mạng, là một nhân tố hết sức quan trọng làm nên ngày Bảy tháng Giêng lịch sử và là nguồn sức mạnh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2 — Nhà nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ra đời thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động Cam-pu-chia đã được xác lập với một hệ thống tổ chức bao gồm Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, các lực lượng vũ trang và bộ máy hành chính các cấp. Nhà nước cách mạng đó được thành lập theo nguyên tắc dân chủ từ cấp trung ương đến cấp cơ sở; hiệu lực pháp lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân lao động trong xã hội được bảo đảm bởi các sắc luật và văn bản pháp quy đã ban hành.

3 — Lực lượng nòng cốt của phong trào cách mạng là đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp không ngừng được xây dựng và củng cố trong bảy năm qua. Đó là cái vốn quý báu, quan trọng của cách mạng Cam-pu-chia.

4 — Nền kinh tế, văn hóa, giáo dục đang được khôi phục hướng theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Ngay từ đầu, nhiệm vụ khôi phục kinh tế, ổn định đời sống đã được gắn với việc xây dựng quan hệ sản xuất mới có tính chất tập thể cùng với việc hình thành sớm các cơ sở kinh tế quốc doanh. Đồng thời, Đảng và Nhà nước cũng hết sức coi trọng việc phục hồi văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng và phát triển văn hóa, giáo dục mới nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và chế độ mới.

5 — Đoàn kết quốc tế xã hội chủ nghĩa và liên minh chiến lược ba nước Đông dương nói chung và Cam-pu-chia — Việt nam nói riêng trải qua thực tiễn đấu tranh đầy thử thách, rõ ràng là một nhân tố cơ bản bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng Cam-pu-chia cũng như của cách mạng ba nước Đông dương cùng chống kẻ thù chung trong mọi thời kỳ.

Trên thực tế, liên minh chiến lược đó được củng cố và không ngừng phát huy hiệu lực là liên minh mẫu mực ở Đông Nam châu Á, phù hợp với quy luật phát triển của thời đại.

Cách mạng Cam-pu-chia luôn luôn coi trọng sự phát triển và củng cố tình đoàn kết quốc tế xã hội chủ nghĩa với các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa mà Liên xô là trụ cột, đoàn kết với mọi lực lượng hòa bình, tiến bộ trên toàn thế giới, đấu tranh vì sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

6 — Nhân tố quyết định hướng tiến lên đúng đắn của cách mạng Cam-pu-chia chính là sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia.

Từ sau thắng lợi 7-1-1979, công cuộc xây dựng lại Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức được đặc biệt coi trọng. Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã từng bước trưởng thành, trở thành một đảng cách mạng của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình.

Số lượng đảng viên hiện nay tuy còn ít nhưng ngày càng bắt rễ trong quần chúng ở cơ sở, đông viên được đông đảo nhân dân nêu cao ý chí, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Đảng, ra sức bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Sáu nhân tố cơ bản nói trên có mối quan hệ hữu cơ với nhau đang tiếp tục được bồi đắp và phát huy hơn nữa. Đó cũng chính là những bài học cơ bản rút ra từ quá trình đấu tranh đầy gian khổ bảy năm qua của Đảng và nhân dân Cam-pu-chia. Sáu nhân

Digitized by Google

tổ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng Cam-pu-chia để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

★

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia họp vào trung tuần tháng 10 năm 1985 là một cột mốc lịch sử quan trọng trên con đường phát triển của cách mạng Cam-pu-chia với việc vạch ra nhiệm vụ chiến lược chung, các chính sách đối nội, đối ngoại của cách mạng và nhiệm vụ xây dựng Đảng trong giai đoạn mới.

Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, xây dựng Tổ quốc Cam-pu-chia từng bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội — nhiệm vụ chiến lược chung đó của cách mạng đã được Đại hội Đảng đề ra dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng đắn tình hình mọi mặt của đất nước trong thời gian qua cùng với việc đúc kết những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng quý báu.

Cách mạng Cam-pu-chia chuyển sang giai đoạn mới trong hoàn cảnh đất nước vẫn còn là điểm nóng bỏng ở khu vực Đông Nam châu Á và đang ở trong trạng thái *vừa có hòa bình vừa có chiến tranh*. Nhân dân Cam-pu-chia phải đương đầu với các thế lực phản cách mạng ngoan cố nhất, nham hiểm nhất bao gồm bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và bọn phản động trong giới cầm quyền Thái-lan cùng các lực lượng tay sai của chúng là bọn Pôn Pốt diệt chủng, bọn tư sản mại bản và bọn phong kiến — những kẻ nuôi tham vọng giành lại các vị trí và quyền lợi đã bị nhân dân tước mất.

Hoạt động của các lực lượng thù địch với cách mạng nhằm vào mục tiêu cuối cùng là lật đổ chế độ Cộng hòa nhân dân. Chúng vừa dùng thủ đoạn quân sự uy hiếp cuộc sống lao động hòa bình của nhân dân, tạo cơ hội thực hiện lấn chiếm lãnh thổ, vừa dùng thủ đoạn chiến tranh tâm lý và phương thức diễn biến hòa bình hòng lung lạc, làm suy yếu, biến chất đội ngũ cách mạng. Vì vậy, cách mạng Cam-pu-chia tiến hành trong hoàn cảnh hết sức phức tạp, và cuộc đấu tranh trên mọi lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng còn rất gian khổ.

Mặc dù đã bị giáng những đòn nặng nề, đặc biệt là trong mùa khô 1984 — 1985, tàn quân địch vẫn tiếp tục bám vào « đất thánh » Thái-lan để được hà hơi tiếp sức và gây ra biến động từng nơi, từng lúc trên lãnh thổ Cam-pu-chia. Tình hình đó nhắc nhở các lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân Cam-pu-chia không ngừng đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi mưu mô, hành động quấy rối, đánh phá công khai cũng như thầm lặng của kẻ địch; đồng thời phải ra sức vận động những người lầm đường theo địch trở về với quê hương, với cách mạng.

Mối quan tâm bậc nhất và thường xuyên trong sự nghiệp lãnh đạo của Đảng là giáo dục, động viên nhân dân ra sức *bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng*, coi đó là *nhiệm vụ hàng đầu*. Nhiệm vụ đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Cam-pu-chia phải bằng mọi cách bảo vệ kỳ được chính quyền cách mạng, giữ vững nền độc lập dân tộc, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ sự nghiệp xây dựng đất nước để từng bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Yêu cầu cơ bản có ý nghĩa chiến lược là phải luôn luôn giữ vững thế làm chủ chiến trường, phải quản lý được toàn bộ đất nước trong bất cứ tình huống nào. Do đó, nhân dân Cam-pu-chia không

Digitized by Google

ngừng phát huy thế làm chủ của cách mạng ở biên giới và ở nội địa, liên tiếp làm thất bại các âm mưu, kế hoạch quấy phá, lấn chiếm của địch. Để đánh thắng hoàn toàn kẻ thù, thực lực cách mạng về mọi mặt, đặc biệt về chính trị, quân sự, kinh tế, phải được xây dựng, củng cố, phát triển nhanh chóng, vững mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Lòng thiết tha yêu quý độc lập, tự do của nhân dân Cam-pu-chia kết hợp với tình đoàn kết quốc tế cao cả, đặc biệt là đoàn kết Cam-pu-chia — Việt nam tạo thành sức mạnh vững chắc đưa cách mạng Cam-pu-chia không ngừng vươn tới thắng lợi hoàn toàn.

Trên cơ sở nền độc lập dân tộc được bảo vệ vững chắc, nhân dân Cam-pu-chia đang ra sức xây dựng đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cam-pu-chia tức là làm cho xã hội Cam-pu-chia được thật sự dân chủ, bình đẳng, xóa bỏ tận gốc nạn người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, và nhân dân lao động nắm giữ quyền làm chủ. Đó cũng tức là xây dựng đất nước độc lập, hòa bình, phồn vinh, tiến bộ.

Hết sức chú ý nghiên cứu kinh nghiệm lãnh đạo của các đảng mác xít — lê nin nít anh em, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia cố gắng vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học một cách đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước. Những thành quả cách mạng về nhiều mặt làm cho đất nước hồi sinh trong thời gian qua cho phép vạch ra những mốc phát triển mới, quan trọng trên con đường tiến bộ xã hội của Cam-pu-chia trong năm năm tới.

Giai đoạn mới của cách mạng Cam-pu-chia mở đầu với chương trình khôi phục và phát triển kinh tế — xã hội năm năm thứ nhất (1986 — 1990) theo phương hướng mà Đại hội thứ V của Đảng đề ra là: *Ra sức hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, tổ chức lại nền sản xuất, xây dựng nền giáo dục và văn hóa xã hội chủ nghĩa.* Phải tập trung sức phấn đấu tạo ra những chuyển biến lớn về kinh tế — xã hội vào năm 1990, đưa cách mạng tiến lên một bước mới.

Nền kinh tế quốc dân Cam-pu-chia phải được xây dựng từng bước phù hợp với điều kiện của đất nước, cần có một quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và một lực lượng sản xuất mới phát triển mạnh mẽ. Thế mạnh thật sự của nền kinh tế quốc dân Cam-pu-chia cần được phát huy là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp với bốn mũi nhọn kinh tế: lương thực, cao su, gỗ, thủy sản kết hợp chặt chẽ với việc phát triển công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và đẩy mạnh xuất khẩu.

Những chỉ tiêu phấn đấu của chương trình khôi phục và phát triển kinh tế trong năm năm tới là:

Sản lượng lương thực bình quân hằng năm tăng 7%, bảo đảm bình quân đầu người mỗi năm có 350 kg lương thực. Khôi phục 50 000 ha cao su, thu hoạch 50 000 tấn mủ khô; khai thác 200 000 mét khối gỗ và 130 000 tấn thủy sản; mở rộng 15 000 ha đay.

Đến năm 1990 đạt 300 triệu ki lô oát giờ điện.

Các tuyến đường bộ, đường thủy quan trọng và đường sắt được khôi phục với chất lượng tốt.

Lao động xã hội được phân bố lại, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng.

Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân được chăm lo, các nhu cầu thiết yếu được cố gắng bảo đảm và từng bước ổn định trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất phát triển...

Với tinh thần dựa vào sức mình là chính, nhân dân Cam-pu-chia sẽ tập trung cố gắng để hoàn thành nhiệm

Digitized by Google

vụ khôi phục kinh tế, nhưng một nhân tố không thể thiếu được là sự tăng cường hợp tác kinh tế — kỹ thuật và phối hợp kế hoạch kinh tế với Việt nam để phát huy các thế mạnh của mình, đồng thời tăng cường hợp tác với Liên xô và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở Cam-pu-chia.

Trong tình hình mới hiện nay, nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất và tổ chức lại nền sản xuất theo hướng xã hội chủ nghĩa là rất nặng nề và phức tạp. Một số việc đã làm mới là bước đầu và không thể nóng vội, giản đơn. Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia chủ trương phát triển nền kinh tế của đất nước bao gồm bốn thành phần: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình và kinh tế tư nhân, trong đó kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể giữ vai trò chủ yếu.

Đi đôi với xây dựng nền kinh tế mới, Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia chủ trương xây dựng nền văn hóa mới, nền giáo dục mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng sự nghiệp y tế, xã hội, khoa học, kỹ thuật với nội dung hoạt động gắn chặt với thực tiễn đấu tranh cách mạng, với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Trong thời gian tới, cần làm cho đông đảo quần chúng nhân dân hiểu đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, làm cho đời sống tình cảm, tư tưởng và văn hóa của toàn xã hội Cam-pu-chia phát triển lành mạnh, đúng đắn theo hướng phát huy tinh thần yêu nước chân chính kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản.

Yêu cầu có tính quy luật và là nhân tố hết sức quan trọng không thể thiếu được đối với sự ổn định và phát triển của cách mạng Cam-pu-chia, đó là liên minh chiến lược truyền thống giữa ba nước Cam-pu-chia — Việt nam — Lào. Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia quan tâm giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân bảo vệ mãi mãi khối đoàn kết liên minh chiến lược đó; phải triệt phá mọi biểu hiện tư tưởng dân tộc hẹp hòi, khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và mọi thái độ hành động gây phương hại cho tình hữu nghị giữa ba dân tộc Cam-pu-chia — Việt nam — Lào; phải kiên quyết đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch chia rẽ, làm suy yếu cách mạng ba nước Đông dương.

Nhà nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ngay khi mới thành lập đã công bố đường lối, chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập và hữu nghị, và đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của các nước xã hội chủ nghĩa, các phong trào cách mạng và nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới. Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia luôn luôn giương cao ngọn cờ yêu nước chân chính và ngọn cờ quốc tế vô sản, gắn liền lợi ích của cách mạng Cam-pu-chia với lợi ích của cách mạng thế giới. Nền tảng của đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng là không ngừng tăng cường sự đoàn kết hợp tác với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích chung của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Vừa qua và hiện nay, cùng với hai nước Việt nam và Lào anh em, Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia cố gắng làm hết sức mình, thúc đẩy xu hướng đối thoại phát triển và mở rộng trong khu vực Đông Nam châu Á nhằm biến nơi này thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác, hữu nghị, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân toàn thế giới. Những sáng kiến đưa ra tại các hội nghị bộ trưởng ngoại giao ba

Digitized by Google

nước Đông dương biểu thị rõ lập trường đúng đắn và thiện chí của ba nước Cam-pu-chia — Việt nam — Lào. Gần đây, quyết định của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam về việc rút hết quân tình nguyện Việt nam về nước vào năm 1990, cũng như ý định của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia tiến hành đàm phán với các nhóm hoặc cá nhân người Khơ-me đối lập trên cơ sở loại trừ bè lũ diệt chủng Pôn Pốt, đã và đang được dư luận yêu chuộng chính nghĩa khắp thế giới đón nhận và nhiệt liệt đồng tình.

Để bảo đảm cho nhiệm vụ cách mạng nêu trên được thực hiện thắng lợi, việc xây dựng Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia thành một đảng Mác — Lê-nin vững mạnh là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã nêu rõ phương hướng xây dựng Đảng nhằm vào hai vấn đề then chốt là xây dựng tổ chức cơ sở Đảng thật vững mạnh và xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ có số lượng thích hợp và có chất lượng cao, chú trọng trước hết số cán bộ cốt cán ở trung ương và cấp tỉnh, thành.

★

Bước vào giai đoạn mới của cách mạng, nhất định phải trải qua những thử thách mới. Nhân dân Cam-pu-chia nhận thức rõ trên chặng đường sắp tới, cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng Tổ quốc từng bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội còn diễn ra phức tạp, quyết liệt, lâu dài.

Nhưng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Cam-pu-chia vô cùng lạc quan, phấn khởi trước bước đường thắng lợi vừa qua, càng tin tưởng, quyết tâm vươn lên về mọi mặt để làm cho các quyết định của Đại hội thứ V của Đảng trở thành hiện thực tốt đẹp.

Không một thế lực phản động nào có thể cản trở nhân dân Cam-pu-chia dưới sự lãnh đạo của Đảng giành thêm nhiều thắng lợi to lớn, vẻ vang hơn nữa trong sự nghiệp bảo vệ các quyền dân tộc thiêng liêng của mình, xây dựng nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ngày càng vững mạnh, góp phần cống hiến quan trọng vào sự nghiệp củng cố hòa bình và ổn định ở Đông Nam châu Á.

Qua *Tạp chí Cộng sản*, thay mặt toàn Đảng và toàn dân Cam-pu-chia, tôi xin gửi đến nhân dân Việt nam anh hùng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến, những tình cảm đoàn kết anh em thắm thiết nhất, sâu sắc nhất. Chúng ta nguyện ra sức vun đắp cho mối tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Cam-pu-chia — Việt nam bền vững muôn đời.

Digitized by Google

NGUYỄN HỮU THỌ

THỰC HIỆN DÂN CHỦ QUA QUỐC HỘI

CUỘC tổng tuyển cử đầu tiên của nước ta tiến hành vào ngày 6 tháng giêng năm 1946, sau khi nhân dân ta làm cuộc Cách mạng Tháng 8 thắng lợi và Nhà nước Cộng hòa dân chủ đầu tiên ra đời với Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Giành lại được nước mới có 4 tháng, giữa lúc Nam bộ và Nam Trung bộ đang kháng chiến, Bắc bộ phải đối phó với hàng mấy trăm nghìn quân Lư Hán và bọn việt gian núp sau các nhãn hiệu Quốc dân đảng, Đồng minh hội mà một số thủ lĩnh của chúng tham gia Chính phủ liên hiệp lâm thời, giữa nạn đói hoành hành dữ dội, Trung ương Đảng và Bác Hồ quyết định tiến hành Tổng tuyển cử trong cả nước theo các nguyên tắc: tự do, trực tiếp, bí mật và phổ thông đầu phiếu. Mọi công dân, không phân biệt nam, nữ, chính kiến, tín ngưỡng, dân tộc đều có quyền bỏ phiếu, bầu ra người mình chọn lựa.

Xét bối cảnh cuộc tổng tuyển cử, chúng ta thấy rõ lòng tin của Trung ương Đảng và Bác Hồ đối với đông đảo nhân dân trong nước. Chủ trương tổng tuyển cử trong điều kiện như vậy, Trung ương Đảng và Bác Hồ muốn trao cho nhân dân ta tiếng nói phán quyết trước các vấn đề cực kỳ lớn lao, và trong một thời điểm cực kỳ tế nhị của đất nước. Và tiếng nói đó là: nhân dân hoàn toàn tin cậy ở Mặt trận Việt minh, ở các đoàn thể cứu quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong — bấy giờ, do sách lược đối ngoại, Đảng ta tuyên bố tự giải tán, song không ai không biết vai trò chèo lái, đứng đầu sóng ngọn gió của Đảng.

Lần đầu tiên ở Việt nam, hàng chục triệu cử tri đi đến thùng phiếu với tư cách người làm chủ vận mệnh Tổ quốc. Tất nhiên trước kia, đã có những lần bầu cử: viện dân biểu ngoài Trung—Bắc, hội đồng quản hạt, hội đồng địa hạt trong Nam. Đó là việc làm xa lạ đối với nhân dân lao động, cử tri phải là hạng « hữu sản », còn ứng cử viên phải là tay sai cỡ lớn của thực dân, trừ cuộc bầu cử hội đồng quản hạt trong cao trào dân chủ có một số ứng cử viên thuộc Mặt trận dân chủ — một nhượng bộ tạm thời của giai cấp thống trị trước sức ép của nhân dân trong nước liên kết với sức ép của Mặt trận nhân dân bên Pháp.

Bởi vậy, cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 được hưởng ứng nhiệt liệt. Âm mưu phá hoại của các nhóm phản động thất bại. Chúng kêu gọi quần chúng « tẩy chay », hơn cả kêu gọi, chúng dùng vũ lực đe dọa. Ở vùng địch tạm chiếm, giặc Pháp tìm mọi cách ngăn cản cuộc bầu cử, nhưng tỷ lệ người đi bầu vẫn rất cao. Tại thành phố Sài gòn — Chợ lớn trước lưỡi lê của kẻ thù, công dân nước Việt nam dân chủ cộng hòa dũng cảm thực hiện quyền bầu cử: thùng phiếu lưu động nhuốm máu cả người tổ chức

Digitized by Google

bầu cử lẫn cử tri. Có lẽ đó là cuộc bầu cử độc đáo nhất của lịch sử tuyển cử thế giới—thành phố thu mấy vạn lá phiếu và hàng trăm cán bộ đã hy sinh, từ đây.

Cuộc Tổng tuyển cử toát lên nguyện vọng thiết tha và quyết tâm vì độc lập, dân chủ của nhân dân cả nước. Quốc hội do cuộc Tổng tuyển cử 6 tháng 1 năm 1946 bầu ra chính là Quốc hội thống nhất của cả nước. Chúng ta có thể nói không phải sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, mà trước đó 29 năm, nhân dân ta đã thực hiện về mặt pháp lý sự thống nhất quốc gia. Ngay cả sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, số đại biểu miền Nam vẫn tiếp tục nhiệm vụ trong Quốc hội — biểu tượng của sự đoàn kết dân tộc kiên trì vì mục đích giải phóng hoàn toàn đất nước.

Từ cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 đến nay, nước ta đã trải qua nhiều biến cố và Quốc hội cũng đã nhiều lần được bầu lại; nhiệm vụ chính trị của Quốc hội vào mỗi thời kỳ không giống nhau. Quốc hội đầu tiên là của nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Quốc hội hiện thời — 40 năm sau — là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Đó là quá trình đi tới, phản ánh bước phát triển không ngừng của cách mạng, những đổi thay quan trọng trong quan hệ xã hội cùng những mục tiêu của từng giai đoạn lịch sử. Từ năm 1975 trở về trước, là Quốc hội kháng chiến cứu nước, sau năm 1975 là Quốc hội thống nhất xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Quốc hội ta, dù ở vào giai đoạn nào của đất nước, đều thể hiện chức năng «cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất», «cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp», là cơ quan «quyết định những chính sách cơ bản về đối nội, về đối ngoại, những mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa, những quy tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội, về hoạt động của công dân, «thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước» (Điều 82 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam). Điều 83 nói rõ hơn nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội, gồm 15 tiết, trong đó có các tiết «quyết định kế hoạch Nhà nước», «quyết định dự toán ngân sách Nhà nước», «bầu và bãi miễn Chủ tịch các Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng Nhà nước; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng bộ trưởng», «quyết định việc thành lập hoặc bãi bỏ các bộ, các ủy ban Nhà nước», «quy định sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế», «quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình». Thậm chí cuối Điều 83, Hiến pháp còn cho phép Quốc hội «có thể định cho mình những nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi xét thấy cần thiết».

Hiến pháp — luật cơ bản của Nhà nước — đã trao cho Quốc hội những quyền hạn và nhiệm vụ rộng lớn, bắt nguồn từ truyền thống đấu tranh cho tự do dân chủ song song với đấu tranh cho độc lập dân tộc của nhân dân ta; từ mục đích giải phóng con người về mặt chính trị, văn hóa và kinh tế của Đảng ta, kết hợp với các thành tựu về dân chủ của các nước xã hội chủ nghĩa và của nhân dân thế giới trong thời đại văn minh hiện nay. Quốc hội, do đó, thể hiện tập trung quyền của nhân dân lao động, quyền được ghi thành văn với các điều kiện bảo đảm thực hành như mọi nền dân chủ đạt trình độ cao của thế giới.

★

Dĩ nhiên, quá trình dân chủ hóa của một nước — ngay là một nước xã hội chủ nghĩa — không chỉ đo lường

Digitized by Google

bằng văn bản, cả Hiến pháp hay các quy định hết sức tỉ mỉ. Chúng ta hiểu rằng nền dân chủ không bao giờ tồn tại như một sản phẩm thoát ly hoàn cảnh xã hội. Dân chủ xã hội chủ nghĩa — bản chất là dân chủ vô sản, phải không ngừng được hoàn thiện thông qua các tiến bộ cải tạo và xây dựng xã hội, trong đó, cái quyết định là trình độ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trình độ văn hóa của nhân dân. Dân chủ xã hội chủ nghĩa, xét cho cùng, là nền dân chủ của sản xuất đại công nghiệp. Với những nước như nước ta, từ sản xuất nhỏ đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, điều hành và hưởng thụ dân chủ đương nhiên không giống tình trạng ở các nước đạt một trình độ phát triển công nghiệp nhất định rồi mới xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Bước nhảy vọt này là tất yếu về mặt chính trị trong các điều kiện cụ thể, nhưng bao giờ cũng đề ra những nỗ lực cực kỳ gay gắt, để đạt thành tựu về cơ sở vật chất — kỹ thuật và trình độ văn hóa tương ứng với thành tựu về chính trị. Khát vọng dân chủ đúng là một trong những động lực chủ yếu thúc đẩy cách mạng, nhưng một khi cách mạng thắng lợi, chủ nghĩa xã hội từ dạng ước mơ bước sang dạng hiện thực, thì thiết chế dân chủ trở thành một công cụ với những quy định cụ thể, xác lập nghĩa vụ và quyền lợi của từng cá nhân hoặc tập thể thành viên của xã hội theo sát với điều kiện thực tế của mỗi giai đoạn phát triển mỗi nước — kể luôn hoàn cảnh quốc tế.

Chúng ta không theo quan điểm không tưởng, đưa ra nội dung của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vượt quá xa cơ sở khách quan bảo đảm cho nó trở thành một yếu tố tác động trong thực tiễn xã hội. Sức sống của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là ý thức tự giác và trình độ sử dụng quyền công dân của đông đảo nhân dân lao động, không thể là một thứ ân huệ ban xuống, dù cực kỳ hào phóng.

Dân chủ xã hộ chủ nghĩa cần được tiếp nhận như sự triển khai đồng bộ của một loạt động tác — tất cả đều quan trọng cơ bản: dân chủ nội bộ Đảng cầm quyền, dân chủ trong từng tổ chức xã hội, dân chủ về chính trị và về kinh tế, dân chủ ở bên trên và bên dưới, giữa bên trên và bên dưới... Nếu chúng ta hô hào thực thi dân chủ và dùng đủ từ ngữ mô tả tầm lớn lao của nó, nhưng người lao động không được mở rộng quyền có ý kiến; chẳng hạn về cung cách quản lý nền kinh tế, cung cách sử dụng sản phẩm do mình làm ra... thì dân chủ rốt cuộc chỉ là khẩu hiệu suông. Không bao giờ có thể có một nền dân chủ trọn vẹn với cơ chế quan liêu.

Trong hoàn cảnh của ta hiện nay, phát huy dân chủ cốt lõi là xóa bỏ cơ chế quan liêu trong các lĩnh vực điều khiển công việc của đất nước. Cuộc vận động dân chủ chính là cuộc vận động chống chủ nghĩa quan liêu ở tất cả các dạng và các mức của nó.

★

Quốc hội bước vào tuổi 41, tự đặt cho mình nhiệm vụ rút ra những bài học kinh nghiệm trong suốt quá trình tồn tại, đặc biệt từ mười năm vừa qua. Đó là bài học kinh nghiệm về thể hiện quyền dân chủ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều trước tiên cần nhấn mạnh là chúng ta *sẽ không tìm khái niệm dân chủ ở đâu ngoài chủ nghĩa xã hội* — nói rõ hơn, chủ nghĩa xã hội tại nước ta, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. *Chúng ta sẽ không tìm sức mạnh ở đâu ngoài sức mạnh giải phóng của chủ nghĩa xã hội.*

Có lẽ không có vấn đề gì cần bàn cãi chung quanh những điều khoản

Digitized by Google

đã ghi trong Hiến pháp về trách nhiệm và quyền hạn của Quốc hội. Vấn đề cần đặt ra là sự thực hiện trách nhiệm và quyền hạn ấy.

Chúng ta bắt đầu từ việc chọn đại biểu. Nhiệm vụ hiện nay của đất nước đòi hỏi người thay mặt cho dân trong Quốc hội phải bảo đảm được suy nghĩ và tình cảm của dân trước các yêu cầu riêng và chung của mọi thành viên của xã hội, nhất là của công nhân, nông dân, trí thức, lớp trẻ, các dân tộc đa số và thiểu số, chiến sĩ vũ trang... Quốc hội phản ánh trong cơ cấu tính chất đoàn kết dân tộc, nhưng Quốc hội chủ yếu phải là cơ quan quyền lực tối cao của Nhà nước, nhất là phải bao gồm những người đủ kiến thức và năng lực đảm đương trọng trách đó. Hội nghị hiệp thương bàn danh sách ứng cử viên Quốc hội nhất thiết phải phản ánh được tinh thần nói trên, hết sức tránh thế «cân đối» trong ý nghĩa tượng trưng cũng như tránh rốt cuộc Quốc hội chỉ gồm những cán bộ thoát ly cơ sở. Trong trường hợp như vậy, Quốc hội không thể vừa là cơ quan quyền lực quốc gia vừa là đại biểu của quần chúng. «Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ» thể hiện nhuần nhuyễn ở Quốc hội, là nơi tập hợp cả hai mặt đó, không để hai mặt đối lập với nhau. Quốc hội càng có nhiều đại biểu gắn chặt với cơ sở, với sản xuất, với các hoạt động thực tiễn trên mọi lĩnh vực càng tốt. Bất kể yêu cầu như thế nào, đại biểu Quốc hội phải là đại biểu thật sự cho quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Đã qua không ít trường hợp đại biểu Quốc hội xa lạ với cử tri, cử tri bỏ phiếu vì tin tưởng chung chủ trương của Đảng mà chưa phải tin tưởng cụ thể người đại biểu cho mình. Quần chúng chưa từng cùng đại biểu lăn lộn với phong trào, chưa hiểu biết về đại biểu, thậm chí có cả trường hợp chưa biết tên, biết mặt.

Trong hoạt động, Quốc hội phải bám chắc diễn tiến của tình hình đất nước, được thông báo tin tức đều đặn, đầy đủ, thông suốt các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng để đứng trên vị trí toàn cục mà xử lý các vấn đề, chứ không phải chỉ đứng trên vị trí cục bộ. Đại biểu Quốc hội do nhiều địa phương bầu ra, tất nhiên cần bám sát nơi đối tượng mình thay mặt và phản ánh các vấn đề của nơi đối tượng ấy, nhưng khi bày tỏ thái độ thì với tư cách là tổ hợp tập thể cả nước, tiếng nói của quốc hội phải vì lợi ích của cả nước. Trong sinh hoạt, từng đại biểu bảo đảm tự do về quan điểm và quyền tự do đó bao gồm cả trong lá phiếu — hoặc hình thức biểu quyết công khai. Chúng ta quan tâm đến sự nhất trí, nhưng nếu phát sinh một số bất đồng nhất định giữa Quốc hội và các cơ quan điều hành thì chúng ta xem là hiện tượng bình thường. Cũng là hiện tượng bình thường nếu Quốc hội bác bỏ một quyết định nào đó của cơ quan hành pháp, khiển trách hoặc bãi miễn một hay nhiều thành viên của cơ quan hành pháp, đòi cơ quan hành pháp phải báo cáo — chứ không phải giải thích — những vấn đề mà Quốc hội quan tâm.

★

Tăng cường vai trò của Quốc hội trong đời sống chính trị của đất nước là công việc trọng yếu trong quá trình kiện toàn nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nó bộc lộ đầy đủ tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đối với mọi nền dân chủ trước nó — không chỉ bằng sự khẳng định trong ngôn từ, mà trên thực tế.

Đó là nhiệm vụ hàng đầu của Quốc hội nhân kỷ niệm ngày nước ta xây dựng mầm mống cho thể chế dân chủ cách nay tròn 40 năm.

Digitized by Google

Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*

THỜI kỳ những năm cuối thập kỷ 70 và những năm đầu thập kỷ 80 là một thời kỳ sôi động và phức tạp trong quá trình phát triển của cách mạng Việt nam. Nhân dân ta phải đương đầu và đã chiến thắng oanh liệt hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc, đồng thời đã giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia anh em vùng lên đấu tranh đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt, thành lập chế độ Cộng hòa dân chủ nhân dân ; tăng cường liên minh chiến đấu và tạo thành thế chiến lược mới vững chắc của cách mạng ba nước trên bán đảo Đông dương. Chúng ta cũng đã tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế, mở rộng và tăng cường sự hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế qua Đại hội thứ V của Đảng đã được cụ thể hóa thêm một bước. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đạt được những thành tựu đáng kể. Chúng ta dần dần vượt qua được những khó khăn to lớn, tìm ra được một số hình thức, bước đi trong tổ chức quản lý kinh tế—xã hội, định ra được những chính sách, chủ trương thích hợp với đặc điểm chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta. Do đó đã tạo ra được những chuyển biến bước đầu rất đáng phấn khởi trên mặt trận kinh tế, nhất là đối với nông nghiệp. Công cuộc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới cũng được triển khai trong cả nước. Trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cũng như trong lao động xây dựng cuộc sống mới đã xuất hiện nhiều tấm gương tập thể và cá nhân tiêu biểu cho phong cách và đạo đức của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu đó đã "đưa cách mạng Việt nam phát triển lên một thế chiến lược mới, vững chắc hơn so với trước đây, tạo ra khả năng to lớn hơn để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội" (★) (tr 20).

Tuy nhiên, thời kỳ 1978—1983 cũng là thời kỳ cuộc đấu tranh giữa ta và địch, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta diễn ra rất gay gắt, phức tạp và quyết liệt. Nền kinh tế vẫn còn những mất cân đối lớn, trong xã hội nảy sinh những hiện tượng tiêu cực. Công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội có những khuyết điểm và nhược điểm. Trận địa của chủ nghĩa xã hội trên một số lĩnh vực bị những nhân tố tư bản chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa xâm lấn. Mặt khác, kẻ thù nguy hiểm và trực tiếp của cách mạng nước

---

* Giới thiệu tác phẩm của đồng chí Lê Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*, tập IV. Nxb Sự thật, Hà nội. 1984.

★ Những câu trong ngoặc kép có ghi số trang trong bài này đều trích trong tác phẩm của đồng chí Lê-Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam* — Tập IV, Nxb Sự thật. Hà nội 1984.

Digitized by Google

ta là bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác đã và đang tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt thâm độc chống nước ta và hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia.

Trong bối cảnh lịch sử nói trên, cuốn *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*, tập IV, gồm một số bài nói và bài viết được tuyển chọn từ tháng 8-1978 đến tháng 12-1983 của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã cho ta thấy sự quan tâm của đồng chí đối với việc đánh giá thực trạng kinh tế, xã hội của đất nước, những khuyết điểm và khó khăn còn tồn tại, cùng những nguyên nhân khách quan, chủ quan của thắng lợi và khó khăn; vạch ra những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong tình hình mới; đề ra những chủ trương và biện pháp lớn nhằm phát huy các thế mạnh và tiềm năng sẵn có của đất nước để đưa nền kinh tế vượt qua những khó khăn, mất cân đối và từng bước tiến lên vững chắc, đồng thời củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa

Trong các bài: *Lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam anh hùng, bách thắng, Tiến lên dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân, Thấu suốt hơn nữa đường lối của Đảng trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ*, và đặc biệt là trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng*, đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: « Hiện nay, bọn phản động Trung quốc được Mỹ phụ họa và tiếp sức, đang tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại đối với Việt nam trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội bằng nhiều lực lượng khác nhau và nhiều thủ đoạn rất thâm độc » (tr 29). Đất nước đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt đó của kẻ thù. Vì vậy « Toàn dân, toàn quân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải đoàn kết một lòng, ra sức phấn đấu làm hai nhiệm vụ chiến lược: *Một là, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; Hai là, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa* » (tr 30). Đó « là sứ mệnh cao cả và thiêng liêng mà các thế hệ người Việt nam chúng ta từ nay về sau phải gánh vác trước lịch sử dân tộc » (tr 31).

Hai nhiệm vụ chiến lược này có quan hệ mật thiết với nhau, được coi như một quy luật của cách mạng Việt nam. « Nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cùng với nghĩa vụ quốc tế mà chúng ta đang phải gánh vác đối với hai nước Lào và Cam-pu-chia, đặt đất nước ta trước những khó khăn rất lớn. Một phần rất quan trọng nhân lực và của cải vật chất, tất nhiên bị thu hút vào công cuộc quốc phòng, khiến cho những mất cân đối trong kinh tế càng thêm gay gắt. Mặc dù vậy, chúng ta không thể lơi lỏng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu vì đây là sự sống còn của cả dân tộc » (tr 441). Lịch sử mấy nghìn năm sinh tồn và phát triển của dân tộc ta luôn luôn là kết quả vận động của quy luật xây dựng đất nước gắn liền với bảo vệ đất nước. Ngày nay, quy luật đó đang tác động mạnh mẽ đến cuộc sống của nhân dân ta. Tư tưởng quan trọng này đã được đồng chí Lê Duẩn khẳng định trong nhiều tác phẩm.

Sau khi chỉ rõ chúng ta không được một phút lơi lỏng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh: « Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu *nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội*. Bởi vì, chủ nghĩa xã hội không những là mục đích của toàn bộ sự nghiệp của chúng ta, mà còn vì chủ nghĩa xã hội, sự vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa là bảo đảm cho độc lập và tự do của Tổ quốc » (tr 35).

Digitized by Google

Phân tích về nội dung đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ đó là một thể thống nhất, hoàn chỉnh, trong đó có sự kết hợp chặt chẽ với nhau, thúc đẩy lẫn nhau, thâm nhập vào nhau giữa mục tiêu với phương tiện và biện pháp, giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, giữa cơ sở kinh tế với cấu trúc thượng tầng, giữa kinh tế với quốc phòng, giữa cải tạo với xây dựng, giữa tính năng động chủ quan và điều kiện khách quan, giữa nguyên nhân và kết quả, v.v. Sức mạnh tổng hợp của cách mạng nước ta được tạo ra từ sự đồng bộ và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố ấy. Đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế của Đảng « là sự vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, là sự thể hiện luận điểm của Lê-nin về khả năng tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa » (tr 37). Tuy nhiên, để biến đường lối thành hiện thực sinh động thì còn phải cụ thể hóa các đường lối đó thành những chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, những chủ trương, chính sách và biện pháp lớn chung cho cả nước, cũng như riêng cho từng ngành, từng vùng lãnh thổ và trong từng chặng đường phát triển của thời kỳ quá độ.

Bằng những luận chứng sắc bén ở trong các bài và báo cáo: *Tiến lên dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng; Thắng suốt hơn nửa đường lối của Đảng trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ; Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng*, đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « *Nắm vững chuyên chính vô sản xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* » (tr 37) là những nội dung cốt lõi của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế của Đảng.

Nắm vững chuyên chính vô sản là nắm vững đường lối của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng Nhà nước vững mạnh; tập hợp các tầng lớp nhân dân đông đảo chung quanh giai cấp công nhân để tiến hành ba cuộc cách mạng, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; củng cố và tăng cường lực lượng quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, dập tan mọi sự phản kháng và mọi hành động xâm lược của kẻ thù; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tích cực cùng nhân dân thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chuyên chính vô sản không phải là chấm dứt đấu tranh giai cấp, mà là sự tiếp tục đấu tranh giai cấp trong những điều kiện mới, dưới những hình thức mới, bằng những biện pháp mới. Nó thi hành và kết hợp các biện pháp hành chính, kinh tế, giáo dục thuyết phục, tổ chức quản lý để bảo vệ mọi thành quả cách mạng và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Trong thời gian qua, do không quán triệt tư tưởng đó, ở nhiều nơi, nhiều lúc, chúng ta đã phạm các khuyết điểm như: buông lỏng cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong quản lý kinh tế, trong phân phối và lưu thông, trong công tác tư tưởng và văn hóa, trong công tác trật tự an ninh; không kiên quyết thi hành pháp chế xã hội chủ nghĩa để giữ vững kỷ cương xã hội, buông lỏng và chậm tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Những khuyết điểm đó đã khiến cho những hiện tượng tiêu cực phát triển kéo dài, chậm được khắc phục, thậm chí để cho những

Digitized by Google

phần tử tư sản phục hồi và phát triển, xâm lấn trận địa của chủ nghĩa xã hội.

Trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng chí Lê Duẩn đặc biệt nhấn mạnh vấn đề xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đồng chí đã diễn đạt mối quan hệ khăng khít giữa khái niệm chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đồng chí viết: « Trong thời kỳ quá độ, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, mà nòng cốt là liên minh công nông, thực hiện bằng Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiền phong của giai cấp công nhân, đó là chuyên chính vô sản » (tr 460—461).

Để xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, trước hết phải thiết lập và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về chính trị. Song như đồng chí Lê Duẩn đã nhiều lần phân tích, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không chỉ là chế độ chính trị, mà là *một hệ thống những quan hệ xã hội mới*, xã hội chủ nghĩa bao gồm cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thể hiện một cách toàn diện và nhất quán vai trò của nhân dân lao động là người làm chủ tập thể chân chính ở nước ta. Hệ thống các mối quan hệ đó xác định bản chất, đặc điểm và nội dung của xã hội mới, làm cho chủ nghĩa xã hội khác về chất so với những chế độ xã hội từng tồn tại trước nó.

Chế độ làm chủ tập thể đó vừa *là mục tiêu*, vừa là *động lực cơ bản* của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nó được thực hiện và vận động theo cơ chế: *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý*. Điều đó phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội xã hội chủ nghĩa, phù hợp với những đặc điểm của đất nước ta. Nó vừa bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, vừa tạo ra những điều kiện quan trọng cần thiết để nâng cao không ngừng ý thức và năng lực làm chủ của nhân dân lao động.

Đồng chí đã chỉ ra những nội dung cơ bản trong việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đó là các quyền và nghĩa vụ của mỗi tổ chức, mỗi cá nhân trong toàn thể cộng đồng xã hội được xác định và bảo đảm bằng Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và điều lệ, nội quy, quy tắc của các đoàn thể nhân dân, v.v. Sức mạnh làm chủ tập thể của nhân dân lao động thể hiện ở sự kết hợp và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể ở cả ba cấp: cả nước, địa phương và cơ sở. Bảo đảm và thực hiện sự thống nhất giữa lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, sự phát triển cân đối, hài hòa của toàn xã hội với sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân. Coi trọng trước hết phát huy sức mạnh của cộng đồng, làm sáng tỏ tính hơn hẳn của cộng đồng, đi đôi với khuyến khích mạnh mẽ sáng kiến cá nhân, tính năng động sáng tạo của cá nhân. Gắn bó chặt chẽ và kết hợp đúng đắn giữa cá nhân, gia đình và toàn xã hội là điều kiện cần thiết cho cuộc sống của mỗi người và của xã hội. Bảo đảm và tận dụng được mọi điều kiện, mọi khả năng để thỏa mãn ngày càng tốt hơn những nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn thể những người lao động, v.v.

Đồng chí cho rằng, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa phải trải qua một quá trình hình thành và phát triển từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Ngay từ chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chúng ta hoàn toàn có thể và cần phải xây dựng và không ngừng phát huy tác dụng của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Quá trình xây dựng đó gắn liền với quá trình xây

Digitized by Google

dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là sản phẩm tổng hợp của ba cuộc cách mạng, của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, của quá trình cả biến cách mạng sâu sắc và triệt để trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong mỗi chặng đường của thời kỳ quá độ, việc xây dựng và phát huy chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa có những nội dung và bước đi cụ thể phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước trong chặng đường ấy. Phủ nhận yêu cầu khách quan của việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong chặng đường hiện nay hoặc muốn xây dựng hoàn thiện ngay từ đầu chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đều là không đúng.

Trong khi coi trọng xây dựng và phát triển tất cả các mặt khác nhau của đời sống xã hội, đồng chí Lê Duẩn đặc biệt quan tâm đến *nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*. Bởi vì xét cho cùng, nhân tố kinh tế luôn luôn đóng vai trò quyết định, chi phối tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Để xây dựng được nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đối với nước ta thì tất yếu phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Lê Duẩn viết: «*Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhằm tạo ra cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, với nền đại công nghiệp cơ khí đủ sức trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, với nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa có trình độ hiện đại. Đó là cơ sở vật chất kỹ thuật nhất thiết phải có để thật sự xây dựng được chủ nghĩa xã hội, nhất thiết phải có để củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta. Đó cũng chính là cái mà chúng ta thiếu nhất, sự thiếu thốn này hằng ngày đè nặng trên hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân ta» (tr 163). Mặc dù hiện nay chúng ta còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, nhưng không được một phút nào coi nhẹ sự cần thiết phải công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Bởi vì đó chính là con đường duy nhất để giải quyết những khó khăn và thiếu thốn một cách cơ bản và vững chắc.

Thế những tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải bắt đầu từ đâu và qua những chặng đường như thế nào? Trong chặng đường đầu tiên hiện nay, nội dung chủ yếu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là gì? Đó là một bài toán kinh tế — xã hội tổng hợp đang đặt ra trước Đảng ta và nhân dân ta. Đồng chí Lê Duẩn đã chỉ ra rằng: trong kế hoạch 5 năm 1981 — 1985 và những năm 80, tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta chủ yếu là: «*Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý*» tr 52).

Như vậy là nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt nhằm *trước hết, giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, vị trí của nông nghiệp trong mối quan hệ đó, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý*. Đó là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với quy mô, cơ cấu, tốc độ và hiệu quả của quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội;

Digitized by Google

là cơ sở để xác định phương hướng đầu tư và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, tổ chức và phân bố lao động, tổ chức quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội.

Hai là, phải *kết hợp đúng đắn việc xây dựng kinh tế trung ương với phát triển kinh tế địa phương*, thực hiện Ba cấp làm chủ; *tích cực xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện* để sử dụng tốt cái vốn quý nhất của chúng ta là lao động, đất đai (bao gồm cả rừng, biển) và ngành nghề, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, sử dụng tốt các cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có. Chỉ có kết hợp tốt lao động và đất đai mới đưa nông nghiệp từng bước đi lên sản xuất lớn và mới thực hiện được một nội dung quan trọng của công nghiệp hóa trong chặng đường trước mắt. Trong Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương (khóa V) đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ rằng: «Trong chặng đường hiện nay, nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, phải sử dụng hết *lao động, đất đai*, mở mang các ngành, nghề để tiến lên. Trong lúc này, không thể để đất bị bỏ hoang, người lao động thiếu việc làm. Từng cơ sở, từng địa phương phải kiểm kê, kiểm soát, có kế hoạch cụ thể phát huy hết tiềm năng lao động và đất đai, làm thêm nhiều của cải. Trong cả nước, cần có quy hoạch, kế hoạch, chính sách cụ thể, tích cực phân bố lại lao động, từng bước sử dụng 25 triệu lao động, khai thác có hiệu quả 10 triệu héc ta đất nông nghiệp và 15 triệu héc ta đất rừng. Đó là vấn đề chiến lược số một» (tr 557).

Ba là, phải *đẩy mạnh sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng*, nhằm trước hết cung ứng tư liệu sản xuất cho nông nghiệp và hàng tiêu dùng cho nhân dân, sản phẩm hàng hóa cho xuất khẩu. Việc sản xuất hàng tiêu dùng hiện đang gặp nhiều khó khăn khách quan về nguyên liệu, năng lượng. Nhưng cũng chính trên lĩnh vực này, chúng ta đang còn nhiều tiềm năng về lao động, công suất thiết bị máy móc và nguyên liệu trong nước. Nếu mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở biết đề ra những giải pháp cụ thể khắc phục khó khăn, sử dụng thêm được lao động và công suất máy móc, nâng cao được chất lượng sản phẩm thì chúng ta có thể tiến bộ hơn. Theo đồng chí, nếu không xem nông nghiệp hiện nay là mặt trận hàng đầu thì là sai lầm, là không hiểu được thực trạng kinh tế — xã hội nước ta, không biết phát huy thế mạnh vốn có của đất nước để đi lên. Nhưng nếu xem nhẹ nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hóa với nội dung cơ bản là kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý thì cũng là sai lầm lớn và không trường. Bởi vì — đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh — «chúng ta không bao giờ quên rằng cơ sở vật chất kỹ thuật duy nhất của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí hóa, có khả năng cải tạo cả nông nghiệp và trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân» (tr 51).

Bốn là, phải *mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu và nhập khẩu*. Đồng chí Lê Duẩn cho rằng: «*Mở rộng hợp tác quốc tế* là một vấn đề có tính quy luật» (tr 474); «*là bộ phận hợp thành của đường lối chiến lược kinh tế*» (tr 261) nhằm duy trì, phát triển sản xuất trong nước, phá thế bao vây của địch đối với nền kinh tế nước ta. *Đẩy mạnh xuất khẩu và nhập khẩu* là một nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách để giải quyết khó khăn về năng lượng, nguyên liệu, vật tư cho sản xuất hiện nay, để nhập kỹ thuật cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Năm là, phải *thiết lập lại trật tự mới xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông*. Xuất phát từ thực tế tình hình hiện nay, mặt trận phân phối, lưu thông là nơi có nhiều vấn đề cấp bách, nóng bỏng nhất, nơi có nhiều khó khăn và hiện tượng tiêu cực nhất và cũng là nơi đang diễn ra cuộc đấu tranh hết sức gay gắt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ, phải thiết lập lại trật tự mới xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông; phải làm chủ được mặt trận phân phối, lưu thông, trước hết là Nhà nước phải nắm được hàng, tiền và làm chủ được thị trường, đưa phân phối, lưu thông vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, mang bản chất của chủ nghĩa xã hội, phù hợp với đặc điểm của chặng đường hiện nay.

Trong nhiều tác phẩm, đồng chí Lê Duẩn đã phân tích mối quan hệ hữu cơ, gắn bó giữa việc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới với việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Chế độ mới và nền kinh tế mới có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành và phát triển nền văn hóa mới, con người mới. Ngược lại những thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới sẽ trở thành một động lực to lớn thúc đẩy tiến trình xây dựng chế độ mới và nền kinh tế mới.

Việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa phải xuất phát từ yêu cầu của cách mạng và của thời đại, đồng thời phải kế thừa và phát triển những tinh hoa của nền văn hóa Việt nam trải qua hơn 4000 năm lịch sử. Như vậy mới đưa sự nghiệp đó lên ngang với tầm cao của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Đặc trưng nổi bật của dân tộc Việt nam là lòng yêu nước thiết tha, là tính cộng đồng, dân chủ, bình đẳng trong quan hệ giữa người với người. Cộng đồng để lao động, sinh sống, dựng nước và giữ nước, từ đó có tình thương nhau, trong làng, ngoài nước. « Thương nước — thương nhà, thương người — thương mình » (tr 83), nước và nhà là một, Tổ quốc và ta là một. Khi chủ nghĩa Mác — Lê-nin chủ nghĩa cộng sản vào Việt nam, khi có Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo, tinh thần yêu nước, tinh cộng đồng dân tộc Việt nam và tinh thần giác ngộ cộng sản chủ nghĩa gặp nhau, thì truyền thống yêu nước, cộng đồng Việt nam được khơi dậy mãnh liệt, tạo nên sức mạnh vô địch. Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh rằng: « Hiện nay, nước ta xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đó vừa là thực hiện tính quy luật của thời đại, vừa là kế thừa và nâng cao truyền thống văn hóa yêu nước và dân chủ hàng nghìn năm của dân tộc Việt-nam » (tr 83), « xây dựng nền văn hóa mới và con người mới là điều cần và có thể thực hiện từng bước, từng phần ngay từ ngày hôm nay. Trong chặng đường trước mắt này có những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép chúng ta bước đầu tạo ra một xã hội đẹp về *lối sống*, về quan hệ giữa người và người, một xã hội trong đó nhân dân lao động cảm thấy sống hạnh phúc, tuy mức sống vật chất còn chưa cao » (tr 82).

Trong các bài nói và bài viết của mình, đồng chí Lê Duẩn còn luôn luôn đề cập một vấn đề có ý nghĩa quyết định là vấn đề nâng cao *năng lực tổ chức và quản lý* của Đảng và Nhà nước ta: « *Chúng ta đã nhiều lần nhấn mạnh rằng sau khi đã có đường lối, thì công tác quản lý và tổ chức thực hiện có vai trò cực kỳ quan trọng, quyết định bản thân vận mệnh của đường lối* » (tr 480).

Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh rằng, Đảng ta phải trải qua việc tổ chức thực hiện đường lối mà uốn nắn những sai sót trong đó, cụ thể hóa và hoàn chỉnh đường lối, nhất là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá

Digitized by Google

độ lên chủ nghĩa xã hội, khi mà cuộc sống đang đặt ra trên mỗi bước đi không biết bao nhiêu vấn đề cụ thể và mới mẻ phải được giải quyết.

Vấn đề quan trọng và cấp bách hiện nay là phải thực hiện đúng đắn những nguyên tắc cơ bản của cơ chế quản lý kinh tế mới xã hội chủ nghĩa. Đó là lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn liền kế hoạch, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nắm vững giá trị sử dụng đồng thời coi trọng giá trị và vận dụng đúng quy luật giá trị. Đó là thực hiện chế độ tự chủ tài chính cho cơ sở, mở rộng quyền chủ động cho địa phương, ngành và cơ sở, đồng thời bảo đảm trung ương thống nhất quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đó là thực hiện làm chủ ở ba cấp cơ bản: trung ương, địa phương và cơ sở; kết hợp đúng đắn và hài hòa ba lợi ích, luôn luôn bảo đảm lợi ích cao nhất là lợi ích của toàn xã hội, chăm lo đúng mức lợi ích của tập thể, khuyến khích thích đáng lợi ích của người lao động. Đó là coi trọng và phát huy tính năng động, sáng tạo, nhiệt tình cách mạng của người lao động và vận dụng sức mạnh to lớn của khoa học, kỹ thuật tiên tiến; kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp: kinh tế, giáo dục và hành chính. Đó là đồng thời đề cao kỷ luật, tăng cường trách nhiệm và mở rộng quyền hạn cho tất cả các ngành, các địa phương và các cơ sở.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, sự đoàn kết với giai cấp vô sản và nhân dân toàn thế giới, đặc biệt là sự đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, mối quan hệ hữu nghị đặc biệt và sự liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em là một «bảo đảm cho thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta» (tr 403). Đồng chí Lê Duẩn khẳng định: thắt chặt tình hữu nghị và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa là vấn đề hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. «*Quan hệ đặc biệt Việt nam — Lào — Cam-pu-chia là một quy luật phát triển của cách mạng ba nước, là điều có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc*» (tr 136). Đồng thời, «chúng ta chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt Nhà nước, về kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi» (tr 111).

Vấn đề *tăng cường sức chiến đấu và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng* chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong tập sách này. Đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: Đảng cầm quyền có nghĩa là Đảng chịu trách nhiệm trước lịch sử về vận mệnh của đất nước, về hạnh phúc của nhân dân, về sự phát triển không ngừng đi lên của toàn xã hội. Trách nhiệm đó đòi hỏi Đảng phải tăng cường sức chiến đấu và nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của mình, nhất là trên mặt trận kinh tế, «toàn Đảng đi sâu vào mặt trận kinh tế, cải tiến phong cách lãnh đạo kinh tế, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo kinh tế» (tr 118).

Nhiệm vụ *then chốt* của công tác xây dựng Đảng hiện nay, theo đồng chí Lê Duẩn là «*tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiền phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và*

Digitized by Google

bảo vệ Tổ quốc, làm cho Đảng ta luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thật trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng » (tr 147).

Đồng chí Lê Duẩn cho rằng phẩm chất và năng lực của người cán bộ, đảng viên lúc này thể hiện ở tinh thần cách mạng tiến công, ở tính tiên phong, gương mẫu, tin tưởng vững chắc ở thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, ở sự hiểu biết công việc, luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao; thể hiện ở lập trường kiên định trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, ở tinh thần cảnh giác, ý chí chiến đấu chống lại âm mưu và hành động phá hoại, lấn chiếm, xâm lược của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc đối với nước ta; thể hiện ở tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; ở lối sống giản dị, lành mạnh, trong sạch của người cộng sản.

Đồng chí chủ trương phải *kiên quyết đưa ra khỏi tổ chức của Đảng tất cả những phần tử cơ hội*, những người tê liệt ý chí cách mạng, những kẻ bóc lột, tham ô, ức hiếp quần chúng, sống xa hoa, trụy lạc. Đồng thời, *Đảng phải thu hút vào đội ngũ của mình những người ưu tú*, giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, có phẩm chất cách mạng và hiểu biết cần thiết về khoa học kỹ thuật, về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, được thử thách và rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng.

Đảng cầm quyền, theo đồng chí Lê Duẩn, còn phải biết hết sức coi trọng việc tạo ra trên quy mô toàn quốc cũng như trong từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở *một hệ thống những quan hệ đúng đắn giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, và Nhà nước quản lý*. Một hệ thống những quan hệ đúng đắn như thế là một hệ thống bảo đảm vững chắc nhất sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng đối với toàn bộ đời sống xã hội và sự phát triển của xã hội, bảo đảm những khả năng tối đa và hiệu lực tối đa cho vai trò quản lý kinh tế và văn hóa của Nhà nước, bảo đảm tuyệt đối quyền làm chủ thật sự và sự sáng tạo lịch sử có kết quả nhất của nhân dân lao động.

★

Tác phẩm của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam* (tập IV) đã tổng kết một cách sâu sắc tình hình nước ta trong một giai đoạn lịch sử rất quan trọng và phức tạp. Nó cung cấp cho chúng ta những cơ sở lý luận và phương pháp luận mác xít—lê nin nít về phân tích, đánh giá tình hình kinh tế, xã hội và vạch ra những giải pháp cách mạng và khoa học cho tình hình đó. Cuốn sách chẳng những đã nêu lên và giải quyết những vấn đề quan trọng nhất, cấp bách nhất của sự nghiệp cách mạng Việt nam trong chặng đường trước mắt, mà còn soi sáng những vấn đề căn bản nhất, cốt lõi nhất của toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nghiên cứu tác phẩm quan trọng này, chúng ta sẽ có được những nhận thức đầy đủ hơn, toàn diện hơn, chính xác hơn về những tư tưởng, quan điểm và đường lối của Đảng, để tiến hành mạnh mẽ và có hiệu quả việc tổ chức thực hiện, nhằm biến lý tưởng chủ nghĩa xã hội thành hiện thực sinh động trên đất nước yêu quý của chúng ta.

Digitized by Google

TRẦN ĐỘ

VỀ VẤN ĐỀ KINH TẾ TRONG VĂN HÓA

I – QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ KINH TẾ

Trong những năm gần đây, những vấn đề kinh tế trong văn hóa, xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, được đặt ra một cách bức thiết, đặc biệt là sau Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Muốn giải đáp được rõ ràng những vấn đề kinh tế trong văn hóa, cần có sự nhất trí về mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa trên cơ sở một quan niệm đúng đắn, đầy đủ về văn hóa.

Văn hóa là tổng hợp những giá trị vật chất và tinh thần, do con người sáng tạo ra và được tích lũy, trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, suốt dòng phát triển của lịch sử loài người. Hoạt động của con người tạo ra những giá trị văn hóa đó, cũng là một hiện tượng văn hóa. Và con người, chủ thể của mọi hoạt động văn hóa, cũng là một sản phẩm của văn hóa, là đối tượng phải hướng tới của mọi hoạt động văn hóa.

Như vậy, bản chất văn hóa là con người, là sự tiến bộ hoàn thiện của con người, thiếu văn hóa cũng đồng nghĩa với thiếu tính người. Nói rộng ra và đúng đắn hơn, con người phải là đối tượng phục vụ, là đối tượng phải hướng tới của mọi hoạt động xã hội, kể cả kinh tế, chứ không phải riêng gì hoạt động văn hóa.

Sự phát triển văn hóa được quyết định bởi những điều kiện vật chất của đời sống xã hội, và do đó, lĩnh vực sản xuất của cải vật chất là rất quan trọng trong mọi xã hội. Nhưng không phải chỉ cần có của cải vật chất dồi dào là sẽ có được hạnh phúc của con người trong một xã hội lý tưởng.

Nếu chúng ta không tạo ra nhu cầu một cuộc sống tinh thần cao cả, nếu cuộc sống và lao động không được chiếu sáng bởi những lý tưởng cao quý, thì có thể xảy ra khả năng một số người tự đóng khung mình trong thế giới hạn hẹp của những lo lắng vị kỷ, trong khi mức sống vật chất tăng lên không ngừng. *Tiện nghi vật chất* lúc đó có thể chuyển ngược lại, từ cơ sở của sự phát triển tinh thần, *trở thành một sức mạnh bóp méo nhân linh, khiến con người tách rời những chân giá trị của cuộc sống.*

Đảng cộng sản Việt nam đề ra đường lối "tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng" để thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, nêu lên nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, lại nêu khẩu hiệu chiến lược: Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân. Như vậy quan điểm của Đảng ta về văn hóa cũng là: văn hóa là con người, vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển của từng con người. Như vậy văn hóa hoàn toàn không phải

Digitized by Google

chỉ là một cái gì phụ thuộc vào kinh tế, theo sau kinh tế và chỉ là kết quả thụ động của sự phát triển kinh tế. Văn hóa không phải là cái gì để trang trí đời sống, có cũng được, không có cũng chẳng sao.

Trong thực tiễn, có nhiều hoạt động văn hóa có nhiệm vụ trực tiếp cổ vũ cho việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế. Vì vậy có người chỉ thấy có khía cạnh phục vụ đó, và chỉ thấy văn hóa là *phương tiện*, là *công cụ* cho kinh tế, cho chính trị. Thật ra, văn hóa có vai trò chủ động và quan trọng của nó trong phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Văn hóa xây dựng và bồi dưỡng con người, làm cho mọi con người nâng cao kiến thức, kỹ năng, thể lực, nhiệt tình và sự khéo léo trong lao động, nâng cao năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nó là *động lực* cho sự tăng năng suất, phát triển sản xuất và phát triển xã hội. Văn hóa hướng vào việc xây dựng những con người phát triển toàn diện và hài hòa để tạo ra một cộng đồng những con người mới xã hội chủ nghĩa, tạo ra một xã hội văn hóa cao, một đời sống tươi vui, hạnh phúc cho nhân dân, văn hóa còn là *mục tiêu* của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy chúng ta thường hay nhắc một ý kiến rất biện chứng và sâu sắc của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn là: văn hóa vừa là *phương tiện*, vừa là *động lực*, vừa là *mục đích* của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Văn hóa với quan niệm đầy đủ như vậy, có mặt trong mọi ngóc ngách của đời sống xã hội. Các hoạt động văn hóa phục vụ các nhiệm vụ kinh tế, các hoạt động kinh tế lại phải có văn hóa, góp phần xây dựng văn hóa (hay nói cách khác phải phục vụ văn hóa).

Như vậy, quan hệ giữa văn hóa và kinh tế là quan hệ *biện chứng tích cực*, quan hệ trong *một mục đích chính trị chung là xây dựng con người, phục vụ hạnh phúc của con người*. Kinh tế nhằm mục đích xã hội chủ nghĩa cũng phải có văn hóa, phải tạo điều kiện cho văn hóa phát triển. Không phải chỉ có sức mạnh kinh tế tạo ra văn hóa, mà văn hóa có sức mạnh riêng, sức mạnh ấy thúc đẩy phát triển kinh tế, tổng hợp với sức mạnh kinh tế mà tạo ra sức mạnh của cuộc sống một xã hội, một dân tộc.

II – VẤN ĐỀ KINH TẾ TRONG VĂN HÓA

Mọi hoạt động văn hóa – nghệ thuật đều ít nhiều có ý nghĩa kinh tế và đặt ra các vấn đề kinh tế cần được cân nhắc và giải quyết, bởi lẽ mọi dạng hoạt động văn hóa – nghệ thuật đều đòi hỏi một cơ sở vật chất, kỹ thuật nhất định, đều đòi hỏi có sự tham gia của ít hay nhiều người. Nói như Lê-nin: «cuộc cách mạng văn hóa ấy, đối với chúng ta, có những khó khăn không thể tưởng tượng được, về mặt thuần túy văn hóa (chúng ta bị mù chữ), cũng như về mặt vật chất (bởi vì muốn trở thành những người có văn hóa thì tư liệu vật chất để sản xuất phải phát triển tới một mức nào đó, chúng ta phải có một cơ sở vật chất nhất định nào đó)» (1).

Ý nghĩa kinh tế đó càng lớn, các vấn đề kinh tế đặt ra càng phức tạp, khi những hình thức hoạt động văn hóa – nghệ thuật sử dụng những phương tiện kỹ thuật hùng hậu và hiện đại, và hướng tới một công chúng đông đảo hàng triệu người.

Hiện nay, khi những quy mô hoạt động văn hóa ngày càng lớn, dụng nhiều đến vấn đề vật tư, kỹ thuật, đầu tư, chi, thu lớn, mặt kinh tế trong các hoạt động văn hóa có vẻ nổi bật lên, thì trong chúng ta có người nghĩ

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 429.

Digitized by Google

rằng « có một nền kinh tế văn hóa ». Phải nói ngay rằng đó là một ý kiến không đúng. Nếu khẳng định như vậy tức là không có vấn đề văn hóa với nhiệm vụ và mục tiêu của nó, mà các hoạt động văn hóa chỉ còn là hoạt động kinh tế, văn hóa ấy cũng là một ngành kinh tế, như kinh tế nông nghiệp, kinh tế thủ công nghiệp, và nó chỉ có nhiệm vụ kinh tế mà thôi. Đây là một sự lầm lẫn không thể chấp nhận được. Nếu theo như ý kiến này thì mọi hoạt động văn hóa, mọi hoạt động nghệ thuật đều phải nhằm kinh doanh thu lãi, và phải tìm mọi cách thu lãi, và thu lãi càng lớn càng tốt, càng là hoàn thành nhiệm vụ tốt (?). Cũng theo ý kiến này, nhiều địa phương khi xây dựng các công trình văn hóa thì đặt mục đích kinh tế lên hàng đầu, chọn công trình nào có thể có hoạt động thu hồi vốn nhanh và mau có lãi, chứ không xem xét đến nhiệm vụ chính trị của các thiết chế văn hóa là nâng cao đời sống văn hóa cho nhân dân. Có địa phương ra quyết định chính thức trao chỉ tiêu nộp ngân sách cho một thiết chế văn hóa (nhà văn hóa) như là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của nó. Và cũng do ảnh hưởng của ý kiến này, mà có lúc các cơ quan có thẩm quyền trao chỉ tiêu thu chi tài chính cho các đơn vị nghệ thuật như trao chỉ tiêu cho một đơn vị kinh doanh; điều đó dẫn đến tình trạng có giám đốc nhà hát, trưởng đoàn nghệ thuật khi đi tìm tiết mục cho đơn vị mình chỉ đề ra có một yêu cầu: « ăn khách », bán được nhiều vé, còn không cần xem xét gì đến yêu cầu tư tưởng, yêu cầu nghệ thuật. Và vì thế có một hồi chúng ta đã phải lên tiếng báo động, phê phán, ngăn chặn một hiện tượng gọi là « nghệ thuật thương mại ». Thật ra hiện tượng « nghệ thuật thương mại » có nhiều khía cạnh cần phân tích. Ở đây chỉ đề cập tới khía cạnh « kinh tế » mà thôi.

Có một loại ý kiến cực đoan khác là không có vấn đề kinh tế trong văn hóa. Văn hóa là văn hóa, bất cứ một hoạt động văn hóa nghệ thuật nào đều không có vấn đề kinh doanh, không có vấn đề tính toán lỗ lãi. Trong hoạt động văn hóa chỉ có vấn đề yêu cầu chính trị, tư tưởng là quan trọng nhất, « lãi » duy nhất và chủ yếu của hoạt động văn hóa là « lãi về chính trị, về tư tưởng ». Ý kiến này thường dẫn đến một phương châm là phải hoạt động, phải tạo ra cho kỳ được một sự kiện văn hóa, theo yêu cầu chính trị với bất cứ giá nào — có thể gọi xu hướng này là xu hướng hoạt động văn hóa « bằng bất cứ giá nào ».

Xu hướng này dẫn đến tình trạng quan liêu, bao cấp tràn lan, lãng phí ghê gớm trong hoạt động văn hóa, hoặc là đến chỗ bế tắc do không có cơ sở vật chất và kinh phí, cho nên không thể nào thực hiện được bất cứ một loại hoạt động văn hóa nào. Xu hướng này không cần biết đến chuyện tính toán tiền nong, chỉ chờ cấp phát, cho nên cũng chẳng quan tâm đúng mức đến công chúng. Chúng ta cho rằng hoạt động văn hóa nghệ thuật ở cấp trung ương cũng như ở địa phương cần được tiến hành một cách có kế hoạch, theo một trình tự ưu tiên rõ ràng, được các giới lãnh đạo và bản thân các văn nghệ sĩ, các nhà hoạt động văn hóa bàn bạc kỹ, có tính toán khoa học, *có tính toán cả về mặt kinh tế*.

Qua những phân tích như trên, chúng tôi đi đến một ý kiến khẳng định là *có những vấn đề kinh tế trong văn hóa*. Nói những vấn đề kinh tế trong văn hóa là vì có nhiều loại vấn đề kinh tế đặt ra khác nhau trong các dạng hoạt động văn hóa, ở các cấp văn hóa khác nhau. Ở mỗi dạng và mỗi cấp, cách giải quyết vấn đề kinh tế một khác.

Digitized by Google

Hướng giải quyết các vấn đề kinh tế trong văn hóa là tạo nguồn vốn và phát triển vốn để bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật và kinh phí cho hoạt động văn hóa, chứ không phải nhằm kinh doanh có lãi. Các hoạt động văn hóa hiện nay đều yêu cầu cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng lớn và càng cao. Cho nên mỗi hoạt động văn hóa đều phải đạt được cả hai mặt hiệu quả: *hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế*. Hiệu quả xã hội là hiệu quả của sự tác động vào tư tưởng, tình cảm và đời sống tinh thần của nhân dân. Hiệu quả kinh tế là hiệu quả của việc sử dụng ở mức độ ngày càng cao các cơ sở vật chất kỹ thuật và kinh phí, hiệu quả của việc tự mình phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật để cho hoạt động văn hóa có hiệu quả xã hội ngày càng cao hơn, rộng hơn và sâu hơn. Những chỉ tiêu kinh tế đạt được của các cơ sở hoạt động văn hóa chỉ là những chỉ tiêu chứng minh mặt số lượng của hiệu quả xã hội do cơ sở hoạt động văn hóa tạo nên, chứ không thể là những chỉ tiêu cứu cánh của nó, không thể là chỉ tiêu duy nhất hoặc chủ yếu để đánh giá hoạt động của cơ sở.

III — NỘI DUNG VẤN ĐỀ KINH TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA — NGHỆ THUẬT

Mọi hoạt động văn hóa, dù là với quy mô nhỏ, địa phương, chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp đều đòi hỏi vật tư, kỹ thuật, sự tham dự của một số ít hay nhiều người. Mọi hoạt động văn hóa đều đòi hỏi kinh phí, và kinh phí đó phải được tính toán, đối chiếu với hiệu quả. Kinh phí bỏ ra càng lớn thì yêu cầu tính toán kinh tế càng phải cụ thể, chính xác, có luận chứng khoa học. Không phải ngẫu nhiên mà những ngành hoạt động văn hóa lớn, như điện ảnh, đều đã phải sớm có một số cán bộ kinh tế chuyên trách, được đào tạo có hệ thống ở nước ngoài. Rõ ràng chúng ta cần đi sâu nghiên cứu các vấn đề kinh tế trong văn hóa nghệ thuật.

Chú ý đầy đủ ý nghĩa kinh tế trong hoạt động văn hóa — nghệ thuật có nghĩa là phải:

a) Sử dụng một cách tiết kiệm nhất, hợp lý nhất mọi phương tiện, mọi cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có.

b) Tận thu mọi nguồn thu có khả năng, không để thất thu.

c) Chi những mục cần phải chi, với tinh thần tiết kiệm; tiết kiệm phải được mọi ngành, mọi cán bộ quán triệt như là một quốc sách.

d) Xác định rõ ràng, một cách có cơ sở khoa học những cơ sở nào hoạt động phải có lãi, những cơ sở nào Nhà nước phải bù lỗ một phần hay toàn bộ, những cơ sở nào Nhà nước chỉ phải cấp một số vốn ban đầu, sau đó nó phải hoạt động có hạch toán v.v.

Trong thời gian gần đây, việc xuất bản nhiều sách hay về văn học, các lịch đẹp và sự xuất hiện một số vở kịch thành công như *Nhân danh công lý*, *Tôi và chúng ta*... đã cho chúng ta thấy một tình hình là các tác phẩm nghệ thuật và sản phẩm văn học có chất lượng cao có khả năng tạo ra hiệu quả kinh tế lớn. Và hiệu quả kinh tế là sự chứng minh trình độ của hiệu quả xã hội. Chúng ta phải làm sao cho hai mặt hiệu quả phát triển theo tỷ lệ thuận: có vốn tốt tạo điều kiện có sản phẩm hay, sản phẩm hay đáp ứng tốt nhu cầu và thị hiếu của nhân dân, tạo nguồn thu lớn. Không nên để nó phát triển theo tỷ lệ nghịch: tác phẩm hay, sản phẩm càng đắt tiền thì càng lỗ to; tác phẩm rẻ tiền, nhiều điều dở, điều xấu lại tạo nguồn thu lớn.

Tất nhiên, chúng ta không thể đề ra một phương châm chung là mọi

Digitized by Google

hoạt động văn hóa — văn nghệ, mọi đơn vị và cơ sở hoạt động văn hóa — văn nghệ đều phải có lãi, đều phải thăng bằng thu chi. Một quyết định như vậy cũng là quan liêu và thiếu thực tế. Chúng ta không thể từ cực đoan quan liêu, bao cấp chuyển ngoặt sang rơi vào cực đoan khác coi nhẹ, thậm chí lãng quên mục đích cao nhất của mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa là cung cấp những giá trị tinh thần và thẩm mỹ cao đẹp, vượt trên mọi định lượng bằng đồng tiền, nhằm giúp cho con người mới xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện, hài hòa và cân đối. Chính sách kinh tế đối với các loại hoạt động văn hóa văn nghệ, các cơ sở hoạt động văn hóa văn nghệ phải là một chính sách có phân biệt đối đãi.

Nội dung của vấn đề kinh tế trong một cơ sở hoạt động văn hóa hay trong một dạng hoạt động văn hóa buộc ta phải suy nghĩ và tính toán:

a) Giải quyết các vấn đề vật tư, kỹ thuật, kinh phí hoạt động bao gồm:

— Vốn để tạo những cơ sở ban đầu.

— Vốn cho quá trình bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung.

— Kinh phí ban đầu và những kinh phí hoạt động thường xuyên theo kế hoạch, hoặc đột xuất, bất thường.

b) Phát hiện, tạo ra những hoạt động có thu để đáp ứng những đòi hỏi về vốn, về kinh phí hoạt động, kinh phí chính sách, tận dụng các khả năng hoạt động chuyên môn để tăng nguồn thu, mức thu.

c) Cả hai mặt tạo vốn, chi và thu đều có tính toán, cân nhắc tìm ra phương thức và mức độ thế nào là hợp lý nhất, là góp phần phát triển chức năng xã hội của hoạt động văn hóa, không để hoạt động văn hóa bị biến dạng.

d) Cần có chính sách xã hội đối với văn hóa nghệ thuật, như đã có chính sách xã hội trong giáo dục (sách giáo khoa) trong y tế (thuốc chữa bệnh) v.v. Chính sách xã hội cần thể hiện ra 2 hình thức:

— *Bảo trợ* (không phải là bù lỗ tràn lan) cho những hoạt động văn hóa, nghệ thuật không thể thăng bằng chi thu.

— *Đặt hàng*: các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật cần được đặt hàng để có căn cứ hạch toán.

IV — PHÂN LOẠI CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA DƯỚI GÓC ĐỘ KINH TẾ

Việc phân loại một cách thích đáng các hoạt động văn hóa dưới góc độ kinh tế là tiền đề, điều kiện thiết yếu để mỗi cơ sở, mỗi loại hoạt động văn hóa có hướng đi, cách làm ăn rõ ràng, tránh tình trạng bao cấp, bù lỗ không đúng đắn, và khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của cơ sở, của mỗi loại hoạt động văn hóa.

1 — Các cơ sở sản xuất các loại vật tư văn hóa, như sản xuất phim sống, nhạc cụ, máy am pli, son phấn... nói tóm lại là các loại nguyên liệu vật liệu, vật tư trực tiếp phục vụ hoạt động biểu diễn và sáng tác văn hóa — văn nghệ. Hoạt động của các cơ sở này phải có tính chất kinh doanh thật sự.

2 — Các cơ sở sản xuất sản phẩm văn hóa nghệ thuật, như các xí nghiệp ấn loát, xuất bản, sản xuất băng nhạc và đĩa hát, xí nghiệp sản xuất phim điện ảnh v.v. Các cơ sở này phải hạch toán kinh tế đầy đủ, làm ăn phải tính lỗ lãi; tuy nhiên không thể áp dụng nguyên xi các thể chế tài chính như đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh của các ngành kinh tế.

3 — Các cơ sở biểu diễn và sáng tạo nghệ thuật, bao gồm các rạp và các đoàn nghệ thuật sân khấu, ca múa nhạc, xiếc, các tạp kỹ. Các loại cơ sở này cũng có ý nghĩa sản xuất, nhưng

Digitized by Google

là sản xuất sáng tạo, đồng thời có ý nghĩa dịch vụ.

Có những loại cơ sở sáng tác và biểu diễn một loại hình nghệ thuật được đông đảo công chúng rất ham thích, có khả năng bán vé thu tiền lớn như xiếc, cải lương, tạp kỹ, nhạc nhẹ. Những loại hình nghệ thuật này có thứ Nhà nước chủ trương khuyến khích phát triển, có thứ không chủ trương khuyến khích (tuy không cấm). Đối với các cơ sở này, cần có chính sách tài chính cụ thể để thực hiện việc khuyến khích và không khuyến khích.

Có những loại cơ sở phụ trách những loại hình nghệ thuật cao cấp mà việc sáng tác, dàn dựng, đào tạo rất tốn kém, khó khăn, trong khi đó công chúng chưa quen biết, chưa ham thích (như ô pê ra, ba lê, giao hưởng, tuồng, chèo v.v.). Trong số này, có loại nhất thiết phải có, một mặt để làm cho bộ mặt nghệ thuật đất nước phong phú, mặt khác để chuẩn bị cho những bước phát triển nghệ thuật cao hơn sau này, thì Nhà nước có chính sách tài chính thích hợp.

Có loại tuy cũng cần thiết, nhưng vì nó có những yêu cầu hết sức cao về kinh tế và kỹ thuật, mà tình trạng kinh tế chung của đất nước chưa cho phép thì phải cân nhắc, xem có nên lập ra hay không nên lập ra, chứ dứt khoát không để xảy ra tình trạng « có đẻ mà không có nuôi ».

4 — Các cơ sở dịch vụ bảo tồn, bảo tàng, các cơ sở làm chức năng truyền bá và phổ cập văn hóa, như các viện bảo tàng, nhà triển lãm, nhà truyền thống, thư viện v.v. Tùy tình hình, các cơ sở này có thể thu một số khoản lệ phí nhất định, một mặt để đóng góp vào ngân sách văn hóa chung của trung ương hay địa phương, mặt khác để gây quỹ hoạt động cho mình.

Các *nhà văn hóa* ở các cấp làm nhiều chức năng, trong đó có những chức năng chính như sáng tác, phổ cập, bảo tồn và đào tạo, đồng thời lại thường đóng vai trò trung tâm xúc tác văn hóa của địa phương và vùng v.v. Do có nhiều chức năng như vậy cho nên các nhà văn hóa cần được hưởng một quy chế tài chính riêng, do các cấp chính quyền địa phương quyết định, tùy theo tình hình cụ thể.

5 — Các cơ sở kinh doanh có tính chất dịch vụ thương nghiệp, như các loại cửa hàng, cửa hàng sách, văn hóa phẩm, cửa hàng mỹ nghệ, mỹ thuật, cửa hàng chụp ảnh, cửa hàng sửa chữa các thiết bị văn hóa v.v. Những cơ sở này hoạt động theo phương thức thương nghiệp và dịch vụ — nghĩa là buôn bán lấy lãi và làm thuê lấy công. Có cửa hàng có thể kinh doanh một mặt hàng, hoặc nhiều mặt hàng có tính chất gần nhau. Một cơ sở dịch vụ có thể dịch vụ một thứ hoặc nhiều thứ tổng hợp. Các cơ sở này phải có lãi và thu nhập đều, nhưng phải coi trọng chức năng truyền bá văn hóa, các mặt hàng kinh doanh phải bảo đảm tính lành mạnh và tiến bộ của văn hóa.

6 — Các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, các trường học, các viện nghiên cứu về văn hóa, nghệ thuật. Các trường học văn hóa, nghệ thuật các cấp, các loại là những nơi đào tạo những văn nghệ sĩ có năng khiếu, những nhà hoạt động và quản lý văn hóa có tài năng, có trình độ. Các viện nghiên cứu văn hóa các cấp là những nơi tiến hành các công trình nghiên cứu khoa học, nhằm vào những chủ đề mà nếu giải quyết tốt và thích đáng, sẽ có tác dụng đẩy mạnh sự phát triển của toàn ngành văn hóa văn nghệ nói chung, của một số ngành, một số địa phương nói riêng.

Các cơ sở này vốn đã có kinh phí theo tiêu chuẩn, nhưng những kinh phí đó thường hết sức hạn chế. Trong khi đó chất xám và sức lao động của các cơ sở chưa được khai

Digitized by Google

thác nhiều. Ở đây, có thể có hoạt động kinh tế nhằm phát huy cao hơn nữa trình độ và khả năng chuyên môn của các cơ sở và tăng cường khả năng tài chính cho các cơ sở.

Do hoạt động văn hóa trong xã hội xã hội chủ nghĩa có tính đặc thù của nó, cho nên các vấn đề kinh tế trong văn hóa xã hội chủ nghĩa phải được giải quyết theo những *nguyên tắc* nhất định:

1— Các cơ quan Nhà nước phải là người có trách nhiệm lớn nhất trong việc đầu tư, bảo trợ, là người bảo trợ hào hiệp nhất cho các hoạt động văn hóa sáng tạo. Nhà nước có thể huy động nhân dân tham gia đóng góp theo một thể chế nhất định, hoàn toàn không thể để mặc cho các cơ sở hoạt động văn hóa tự xoay xở, tự túc trong hoạt động của mình được.

2—Các cơ sở hoạt động văn hóa đều có trách nhiệm về hai mặt hiệu quả của mình là « hiệu quả xã hội » và « hiệu quả kinh tế ». Phải chú trọng trước hết đến « hiệu quả xã hội », không hoạt động theo lối chỉ nhằm « thu càng nhiều lãi càng tốt », nhưng không bỏ qua một khả năng thu nào, và cũng không hoạt động theo kiểu « bằng bất cứ giá nào ».

3— Mỗi loại hoạt động văn hóa có một loại khả năng hoạt động kinh tế khác nhau.

Nhà nước xác định các chính sách tài chính một cách có hệ thống phù hợp với các dạng hoạt động kinh tế trong các loại hoạt động văn hóa để bảo đảm cả nguyên tắc 1 và nguyên tắc 2. Không thể áp dụng nguyên xi các thể chế tài chính với các cơ sở văn hóa như đối với cơ sở sản xuất kinh doanh của các ngành kinh tế.

4— Triệt để vận dụng nguyên tắc Nhà nước và nhân dân cùng làm, với quan niệm nhân dân tham gia đóng góp vật tư, lao động, tiền của, sức mua, trí tuệ và khả năng sáng tạo, hoạt động. Cần tính toán được sự đóng góp này, và thể chế hóa sự đóng góp sao cho phù hợp với sức của dân và được lòng dân. Cần chống các hiện tượng lạm dụng.

★

Vấn đề kinh tế trong văn hóa là một vấn đề mới mẻ, lại là vấn đề có nhiều yếu tố khó tính toán, nhiều mối quan hệ lắt léo. Chúng tôi nêu ra một số ý kiến trên đây là để mong có được sự nghiên cứu tiếp tục sâu hơn, kỹ hơn.

Digitized by Google

HOÀNG CHÍNH

XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY CÁCH MẠNG VÀ KHOA HỌC

THỰC tiễn của cuộc chiến tranh giải phóng trước đây và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay, cùng với thực tiễn của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã và đang tác động mạnh mẽ đến phong cách, nếp suy nghĩ của nhân dân ta, của mỗi người chúng ta. Để thúc đẩy thực tiễn cách mạng phát triển không ngừng, một yêu cầu rất quan trọng và cấp thiết được đặt ra đối với mỗi người chúng ta là xây dựng cho mình một phương pháp tư duy cách mạng và khoa học.

Phương pháp tư duy đó là hết sức cần thiết và có tác dụng to lớn giúp chúng ta nhận thức đúng và hành động đúng. Nó lại càng cần thiết khi muốn nhìn nhận đúng và hành động đúng trước tình hình cuộc sống diễn biến phức tạp, khi muốn tìm cách vượt lên những khó khăn chồng chất để tiến về phía trước. Phương pháp tư duy khoa học đem lại cho con người khả năng sáng tạo, năng động trong nhận thức và hành động phù hợp với những yêu cầu khách quan của cuộc sống, của sự phát triển xã hội.

Tư duy hay nhận thức nói chung là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ não, hình thành ý thức tư tưởng ở mỗi người. Tư tưởng của mỗi người phụ thuộc vào nhiều yếu tố, song trên một mức độ lớn phụ thuộc vào trình độ tư duy của mỗi người. Trước một vấn đề do thực tiễn đặt ra, mỗi người, tùy theo trình độ tư duy của mình mà nhận thức khác nhau. Trình độ tư duy của mỗi người phụ thuộc vào tri thức và kinh nghiệm thực tiễn đã tích lũy được, và phụ thuộc một phần quan trọng vào phương pháp tư duy.

Trong lịch sử phát triển tư duy của loài người, phương pháp tư duy siêu hình nói chung thích ứng với giai đoạn trình độ con người nhận thức thế giới trong sự cô lập, tĩnh tại, bất biến. Phương pháp tư duy biện chứng duy vật với những nguyên tắc phản ánh tính vận động và phát triển khách quan của sự vật và hiện tượng trong mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, cho phép người ta đi sâu nhận thức bản chất thật sự của thế giới nói chung và của mỗi sự vật, hiện tượng.

Sự hình thành và phát triển của phương pháp tư duy phụ thuộc vào thế giới quan và tri thức khoa học của mỗi người, đồng thời cũng phụ thuộc vào sự rèn luyện của mỗi người trong quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn. Những thói quen, nếp sinh hoạt và làm ăn, lợi ích giai cấp, truyền thống tinh thần, đặc điểm dân tộc... phản ánh điều kiện sinh

Digitized by Google

sống và trình độ sản xuất cũng ảnh hưởng rất lớn tới phương pháp tư duy của mọi người.

Nền sản xuất nhỏ có đặc điểm lớn nhất là sự tách rời những cá nhân người sản xuất với nhau. Trong nền sản xuất đó hoạt động sản xuất của con người với những công cụ lao động thô sơ, diễn ra rời rạc, đơn điệu, chậm chạp. Thiên nhiên còn là những lực lượng thần bí đè nặng lên con người... Trong điều kiện đó, phong cách, nếp nghĩ của người sản xuất nhỏ đã hình thành với đặc trưng chủ yếu là thường nhìn sự vật, hiện tượng trong sự biệt lập, tĩnh tại và chỉ thấy hình thức bề ngoài của nó, không nhìn thấy được những mối liên hệ phức tạp, những sự tác động từ nhiều phía của các yếu tố khác nhau. Vì vậy, tư duy của người sản xuất nhỏ không đạt đến sự phân tích toàn diện, không đi vào bản chất nội tại của sự vật, hiện tượng, mà chỉ thấy những khía cạnh nào đó, những tính chất nào đó thích hợp với mục đích thực dụng, nhất thời, phiến diện của họ.

Những người sản xuất nhỏ cũng không quen nhìn nhận, xem xét sự vật trong sự vận động, phát triển, chuyển hóa phức tạp đầy mâu thuẫn của nó. Người ta suy nghĩ, tiếp thu những kinh nghiệm một cách thụ động, không kiểm nghiệm, phê phán. Người ta không dám thay đổi những trật tự, nền nếp đã lỗi thời, thường phủ nhận những mầm mống tích cực mới nảy sinh. Cũng do thiếu sự suy nghĩ, phân tích một cách khoa học, cho nên trước những cái mới, hoặc họ phủ nhận theo cảm tính, hoặc tuyệt đối hóa mặt tích cực, mà không thấy được trong cái mới nảy sinh ấy có những hạn chế gì cần phải khắc phục, cải tiến. Đó là thái độ cực đoan và sự cứng nhắc trong phương pháp tư duy của người sản xuất nhỏ. Người sản xuất nhỏ không có quan điểm lịch sử và không có ý thức rõ ràng về tính cụ thể của chân lý.

Hơn thế nữa, ở nước ta, chủ nghĩa phong kiến tập quyền phương Đông thống trị hàng nghìn năm, chủ nghĩa thực dân cũ và mới thống trị hàng trăm năm đã ảnh hưởng không nhỏ tới phương cách, nếp suy nghĩ của mỗi người trong cuộc sống, nhất là trên lĩnh vực kinh tế — xã hội. Sống trong nền sản xuất nhỏ hàng nghìn năm không tiến lên được một bước, người ta vẫn ca ngợi cái thú điền viên. Đánh giá con người không phải trên năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động của mỗi người đã đóng góp cho xã hội, mà lại bằng những tiêu chuẩn hình thức bề ngoài, bằng địa vị, danh vọng. Chính vì vậy, tư duy thường bị vướng mắc trong những định kiến, mặc cảm và những yếu tố hình thức chủ nghĩa.

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến, đất nước lại phải trải qua 30 năm chiến tranh liên tục và ác liệt. Những yếu tố đó đã in dấu ấn đậm nét lên phương pháp tư duy của mỗi người chúng ta. Chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng có những quy luật của nó. Thực hiện khẩu hiệu: «Tất cả cho tiền tuyến», «Tất cả để chiến thắng bọn xâm lược», «Không có gì quý hơn độc lập, tự do», chúng ta không thể không phục tùng những quy luật của chiến tranh. Tăng cường tính tập trung, hạn chế dân chủ, thực hiện lối lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểu thời chiến là một điều cần thiết. Trong hoàn cảnh chiến tranh, làm như vậy mới có thể tập trung được mọi lực lượng, phát huy mạnh mẽ ý chí và tinh thần cách mạng tiến công... Mặt khác, ngày nay do những hậu quả nặng nề của chiến tranh ác liệt kéo dài để lại, tâm trạng muốn nhanh chóng vượt ra khỏi những đổ nát của chiến tranh, xây dựng cuộc sống yên ổn, ấm no trong khi những điều kiện vật chất hiện có còn thấp cũng dễ dẫn đến cách suy nghĩ đơn giản, nôn nóng đốt cháy giai đoạn, chủ quan, duy ý chí.

Digitized by Google

Sự nhận thức về đặc điểm của đất nước, bước đi của chặng đường đầu tiên, về những mâu thuẫn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội còn chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, chưa toàn diện. Đặc biệt là sự hiểu biết về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở một nước kinh tế còn kém phát triển như nước ta, còn nhiều hạn chế, chưa được tổng kết và kiểm nghiệm đầy đủ trong thực tiễn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý phần lớn chưa được đào tạo một cách có hệ thống về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, chưa tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Những điều đó cũng ảnh hưởng tới phương pháp tư duy của chúng ta.

★

Thực tiễn cách mạng sôi động, biến chuyển không ngừng của sản xuất đại công nghiệp đòi hỏi phương pháp tư duy phải phù hợp với nó. Ý nghĩa có tính chất quyết định của thực tiễn đối với phương pháp tư duy là ở đó. Tuy nhiên việc học tập vận dụng những nguyên tắc của phương pháp tư duy biện chứng duy vật, việc bồi dưỡng tình cảm, tư tưởng trong sáng, cũng là yếu tố hết sức quan trọng để có được phương pháp tư duy cách mạng, khoa học.

Phương pháp tư duy biện chứng duy vật là phương pháp tư duy khoa học nhất và cách mạng nhất cả trong nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn. Tư duy biện chứng có một hệ thống các nguyên tắc của nó, mà thực chất là các quy luật của lô gích biện chứng phản ánh những quy luật chung của thế giới khách quan. Những nguyên tắc ấy được coi như con đường mà tư duy phải đi qua để hướng tới nhận thức được đối tượng trong cái chung và cái riêng của nó.

Phương pháp tư duy biện chứng đòi hỏi mỗi quá trình tư duy phải dẫn tới những kết luận khách quan, khoa học. Bởi vậy, những kết luận ấy phải là kết quả của những thông tin trung thực về đối tượng mà con người nghiên cứu. Những căn cứ làm điểm xuất phát cho mỗi quá trình tư duy cũng phải thật sự khách quan. Vì vậy tư duy phải bám sát đối tượng trong những không gian và thời gian cụ thể. Đó là nguyên tắc về tính *lịch sử cụ thể* của phương pháp tư duy. Đương nhiên mỗi sự vật, hiện tượng luôn luôn vận động, phát triển và chuyển hóa. Do đó, nguyên tắc về tính lịch sử cụ thể không có ý nghĩa là tư duy về một đối tượng đứng im, chết cứng, mà bao hàm việc xem xét sự vận động tất yếu bên trong của nó. Như vậy các phạm trù, khái niệm vừa phải có tính vững chắc, vừa chứa đựng khả năng mở rộng, bổ sung và chuyển hóa. Những quy luật về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được hội nghị các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Mát-xcơ-va năm 1957 và năm 1960 nêu ra là phổ biến đối với tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Dưới sự tác động của những quy luật phổ biến ấy, chủ nghĩa xã hội được xây dựng mới là chủ nghĩa xã hội chân chính, khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Song thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới trong những năm qua đã đặt ra nhiều vấn đề, như: quan hệ giữa các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội với quy luật giá trị trong chủ nghĩa xã hội; quan hệ hàng hóa — tiền tệ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa kinh tế quốc doanh, tập thể gia đình và chế độ sở hữu; sử dụng các đòn bẩy kinh tế, thực hiện phân phối và công bằng xã hội phân công và hợp tác kinh tế quốc tế xã hội chủ nghĩa với việc phát triển kinh tế theo chiều rộng, chiều sâu và công nghiệp

Digitized by Google

hóa xã hội chủ nghĩa ở những nước kinh tế còn kém phát triển. Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nếu không có phương pháp tư duy cách mạng và khoa học thì không thể đáp ứng được những yêu cầu mới mà chủ nghĩa xã hội hiện thực đặt ra.

Phương pháp tư duy khoa học coi sự tồn tại của sự vật, hiện tượng trong không gian và thời gian nhất định đều phù hợp với những hoàn cảnh cụ thể. Một khi sự vật còn tồn tại tất yếu thì không thể phủ định nó từ bên ngoài dù dưới hình thức lý luận hay thực tiễn. Mỗi cơ cấu kinh tế, mỗi cơ chế quản lý đều có một vai trò nhất định trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, đều có những đóng góp nhất định vào sự tiến bộ chung. Một khi nó còn phát huy tác dụng tích cực thì không nên và không thể phủ định nó, chuyển nó sang một giai đoạn phát triển khác, dù cao hơn. Đồng thời cũng cần thấy rõ những giới hạn tích cực của nó tới đâu là kết thúc để kịp thời chuyển sang một giai đoạn mới phù hợp với hoàn cảnh đã thay đổi. Vấn đề khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, vấn đề kinh tế gia đình của nông dân tập thể và những người lao động khác, vấn đề phát huy tính tích cực của người lao động bằng biện pháp dùng lợi ích vật chất để khuyến khích, kết hợp hài hòa lợi ích xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động và nâng cao giác ngộ chính trị tư tưởng... là những thực tế sinh động về nhiều mặt, trong đó có mặt về phương pháp tư duy. Ngược lại khi bản thân sự vật đã phát triển tới mức độ tự nó đòi hỏi phải phủ định, tức là sự tồn tại tất yếu của nó đã không còn nữa, thì cách nhìn nhận sự vật và sự suy nghĩ cũng phải chuyển theo để kịp thời thích ứng với sự vật mới. Cơ chế quản lý bao cấp hình thành trong điều kiện chiến tranh kéo dài, ác liệt và có sự viện trợ to lớn của bên ngoài. Nó đã thích ứng và cần thiết trong điều kiện chiến tranh. Cơ chế quản lý đó lẽ ra phải được thay đổi khẩn trương trong hoàn cảnh mới thì lại để chậm trễ, kéo dài, trở thành cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp, nhất là trên lĩnh vực giá — lương — tiền, kìm hãm sự phát triển sản xuất, gây thêm khó khăn cho đời sống của nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang. Cơ chế đó phải dứt khoát được phủ định và thay thế bằng cơ chế quản lý mới lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn liền kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Song ở đây sẽ lại không đúng về phương pháp tư duy, nếu nghĩ rằng ngày một ngày hai có thể chuyển hẳn toàn bộ cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới, mặc dù phải làm kiên quyết, khẩn trương. Bởi vì đây là công việc rất phức tạp, đòi hỏi phải có một quá trình nhất định.

Đương nhiên tính linh hoạt, mềm dẻo của phương pháp tư duy biện chứng đòi hỏi xem xét sự vật, hiện tượng trên cơ sở hiện thực, có sự phân tích khoa học nghiêm túc, vì sự tiến lên của sự nghiệp cách mạng chung, chứ không phải là sự suy nghĩ tùy tiện, chủ quan dựa trên chủ nghĩa thực dụng, triết học hiện sinh và thuật ngụy biện, nhằm những mục đích vụ lợi, ích kỷ, thiển cận. V.I. Lê-nin đã viết: « Tính linh hoạt toàn diện, phổ biến của các khái niệm, tính linh hoạt đến mức đồng nhất của các mặt đối lập, — đấy là thực chất. Tính linh hoạt đó áp dụng một cách chủ quan = chủ nghĩa chiết trung và ngụy biện. Tính linh hoạt áp dụng một cách *khách quan*, nghĩa là phản ánh tính toàn diện của quá trình vật chất và sự thống nhất của quá trình đó, thì đó là phép biện chứng, là sự phản ánh chính xác sự phát triển vĩnh viễn của thế giới » (1).

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, tập 29, tr. 117—118.

Digitized by Google

Thế giới nói chung và mỗi sự vật, hiện tượng là một thể thống nhất của những mối liên hệ, những yếu tố cấu thành. Trong hệ thống ấy, mỗi yếu tố, mỗi mối liên hệ có chức năng, vị trí cụ thể của nó. Do đó phương pháp tư duy biện chứng đòi hỏi phải dựa trên cơ sở thu thập những thông tin toàn diện, có hệ thống để nhìn nhận đúng đắn, đầy đủ sự vật, hiện tượng. Đương nhiên tính toàn diện và có hệ thống của phương pháp tư duy biện chứng không loại trừ mà trái lại còn bao hàm việc xem xét các yếu tố, các mối liên hệ trong sự tác động nhân — quả lẫn nhau, có những yếu tố, những mối liên hệ cơ bản quyết định sự tồn tại và phát triển của bản thân sự vật và ảnh hưởng tới các yếu tố, các mối liên hệ khác mà chúng ta phải mang toàn lực ra nắm lấy để thúc đẩy toàn bộ sự vật tiến lên. Đồng chí Lê Duẩn đã nhiều lần chỉ rõ rằng, đường lối chung và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng ta là một thể thống nhất, hoàn chỉnh, trong đó có sự kết hợp chặt chẽ với nhau, thúc đẩy lẫn nhau, thâm nhập vào nhau giữa mục tiêu với phương tiện và biện pháp, giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, giữa cơ sở kinh tế với cấu trúc thượng tầng, giữa kinh tế với quốc phòng giữa cải tạo với xây dựng, giữa tính năng động chủ quan và điều kiện khách quan, giữa nguyên nhân và kết quả.. Sức mạnh tổng hợp của cách mạng nước ta được tạo ra từ sự đồng bộ và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố ấy: Song có mấy vấn đề phải đặc biệt chú ý trong đường lối là nắm vững chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Sau nữa, một nguyên tắc quan trọng nhất của phương pháp tư duy biện chứng là *nguyên tắc thực tiễn*. Các Mác đã từng nhấn mạnh rằng tư duy được phát triển trên cơ sở hoạt động thực tiễn, là hoạt động làm bộc lộ những thuộc tính, những quy luật vận động của sự vật được nhận thức. Cũng chính hoạt động thực tiễn, hoạt động của con người cải tạo thế giới theo nhu cầu của mình là động lực thúc đẩy, là mục đích mà tư duy phải hướng tới. Chính trong thực tiễn đó, các quan điểm tư tưởng, các đường lối, chính sách sẽ được kiểm nghiệm tính đúng đắn của nó. Đó là sự tác động trực tiếp của thực tiễn đến tư duy để khẳng định hay là phủ định nó. Nguyên tắc thực tiễn bảo đảm cho tư duy luôn luôn bám sát cuộc sống biến đổi và phát triển, tránh được tình trạng "bay bổng" của tư duy. Điều đó lại càng quan trọng hơn đối với tư duy kinh tế, một lĩnh vực đang đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng đổi mới và nâng cao khi mà đất nước ta có những yêu cầu cấp thiết đẩy mạnh những hoạt động kinh tế. Có đổi mới tư duy kinh tế mới đổi mới được hoạt động kinh tế, đổi mới được cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế.

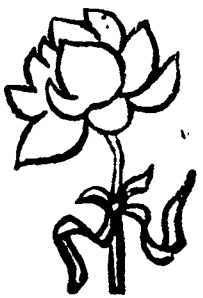
Tư duy kinh tế không phải là một loại tư duy đặc biệt nào khác mà là tư duy biện chứng duy vật trong lĩnh vực kinh tế, trực tiếp dựa vào học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Yêu cầu đổi mới quan trọng nhất của tư duy kinh tế là phải quán triệt tính cách mạng và tính khoa học trong tư duy. Vấn đề bức thiết nhất hiện nay là trên cơ sở quán triệt những quy luật khách quan trong chủ nghĩa xã hội, trước hết là trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, quán triệt đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội do Đảng ta vạch ra, tư duy kinh tế phải nhằm vào việc cụ thể hóa những đường lối ấy thành những

Digitized by Google

chiến lược kinh tế — xã hội, thành kế hoạch dài hạn và ngắn hạn, thành những chính sách, biện pháp lớn, thành những hình thức, cơ chế, bước đi cụ thể phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta, đồng thời nêu ra được những nguyên tắc và hình thức tổ chức quản lý sao cho tất cả các thành phần kinh tế dựa trên những loại quan hệ sản xuất khác nhau trong chặng đường hiện nay đều phát huy tốt tác dụng của nó để tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội và phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ rằng, trên lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế, nhiệm vụ quan trọng nhất đang đặt ra trước chúng ta là « Toàn bộ nền kinh tế quốc dân phải được tổ chức lại và quản lý theo một cơ chế năng động, cho phép động viên được mọi năng lực sản xuất, khai thác mọi nguồn dự trữ về lao động, đất đai và các tài nguyên thiên nhiên khác. Cơ chế quản lý mới phải bảo đảm vận dụng đúng đắn các quy luật của chủ nghĩa xã hội, nhất là các quy luật của nền kinh tế từ sản xuất nhỏ đi lên. Triệt để xóa bỏ chủ nghĩa tập trung quan liêu và bao cấp, chuyển hẳn sang quản lý lấy kế hoạch làm trung tâm gắn liền với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, hướng mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh vào việc tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, đó là đòi hỏi của cuộc sống » (2). Phương hướng nhiệm vụ đó cũng đòi hỏi phải đổi mới tư duy kinh tế, xây dựng phương pháp tư duy cách mạng và khoa học.

(2) Lê Duẩn : « Thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở Việt nam » báo *Nhân dân*, ngày 5-9-1985.



Digitized by Google

TÔ DUY

VỀ CÔNG TÁC HỢP ĐỒNG KINH TẾ VÀ TRỌNG TÀI KINH TẾ

BẤT kỳ nền kinh tế sản xuất hàng hóa nào cũng đòi hỏi sự trao đổi sản phẩm. C.Mác viết: « Muốn cho những vật đó quan hệ với nhau như những hàng hóa thì những người giữ hàng hóa phải đối xử với nhau như những người mà ý chí nằm ở trong các vật đó,... Mối quan hệ pháp lý đó, mà hình thái của nó là bản giao kèo, — dù có được cũng cố thêm bằng pháp luật hay không cũng vậy, — là một mối quan hệ giữa các ý chí, phản ánh mối quan hệ kinh tế ». (1) Khi nền kinh tế hàng hóa đã hình thành và phát triển, V.I. Lê-nin cũng chỉ ra rằng: « Bây giờ, cơ sở đó không phải là nền kinh tế tự nhiên nữa, không phải là sự trao đổi bằng hiện vật về những « công việc mà hai bên đã làm cho nhau »... « mà là hợp đồng « tự nguyện », hợp đồng trao đổi hàng hóa, hợp đồng trả bằng tiền ». (2) Các hợp đồng trao đổi hàng hóa thông thường như vậy là các hợp đồng dân sự.

Phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa được lập nên trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, song do còn các hình thức sở hữu khác nhau cho nên sản xuất dưới chủ nghĩa xã hội vẫn là sản xuất hàng hóa. Kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch và nó đẻ ra một phạm trù pháp lý riêng có của chủ nghĩa xã hội *là hợp đồng kinh tế. Hợp đồng kinh tế không* phải chỉ *là kết quả của sản xuất hàng hóa đơn thuần như các hợp đồng dân sự*, mà *là sản phẩm tất yếu của sản xuất hàng hóa có kế hoạch dưới chủ nghĩa xã hội*, là kết quả tự nhiên của sự tác động lẫn nhau giữa quy luật phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân và quy luật giá trị. Các hợp đồng kinh tế đó là sự trao đổi lợi ích kinh tế giữa các chủ thể kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Khi ký hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa đã làm cho lợi ích của mình thể hiện trên các bản hợp đồng phù hợp với lợi ích toàn xã hội thể hiện trên các văn bản kế hoạch. Sự trao đổi sản phẩm đó được thực hiện trên cơ sở giá trị, nhằm bảo đảm quyền lợi của các bên ký kết hợp đồng. Đồng thời, khi bàn bạc với nhau để ký hợp đồng, các bên đã đưa nội dung của văn bản kế hoạch thành các điều khoản ghi trong hợp đồng. Như thế rõ ràng là nếu không có hợp đồng kinh tế thì không thể thực hiện được kế hoạch trong nền kinh tế có sự phân công chuyên môn hóa và hiệp tác hóa. Hợp đồng kinh tế chứa đựng sự thống nhất hữu cơ giữa yếu tố tài sản với yếu tố tổ chức — kế hoạch. Đó là hình thức pháp lý của các quan hệ hàng hóa — tiền tệ trong nền kinh tế

(1) Các Mác: *Tư bản*. Nxb Sự thật. Hà nội 1973. quyển 1. tập 1, tr. 163—164.

(2) V.I Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va. 1978. tập 1. tr. 650—651.

Digitized by Google

kế hoạch hóa của chủ nghĩa xã hội, phản ánh mối quan hệ ngang, phối hợp giữa các tổ chức kinh tế để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ chung của kế hoạch Nhà nước. Cũng vì thế, *hợp đồng kinh tế* do các bên bàn bạc ký với nhau không chỉ nhằm trao đổi hàng hóa mà chính *nó phản ánh tổng hợp các quan hệ kinh tế của quá trình tái sản xuất xã hội, chính nó được tổ chức ra để thực hiện quá trình tái sản xuất xã hội chủ nghĩa.*

Mặt khác, nội dung của hợp đồng kinh tế bao giờ cũng chứa đựng phần nội dung bắt buộc do pháp luật, do kế hoạch quy định và phần nội dung tự nguyện do các bên thỏa thuận với nhau. Trong chủ nghĩa xã hội, các chủ thể kinh doanh dù có sự khác nhau về vị trí hành chính trong bộ máy, về tính chất và trình độ quan hệ sản xuất, cũng đều quan hệ với nhau trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi. Điều đó xuất phát từ yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, cũng như của quy luật phân phối theo lao động và quy luật giá trị trong sản xuất, kinh doanh của mỗi đơn vị kinh tế. Hợp đồng kinh tế vừa có tính tự nguyện, vừa có tính cưỡng bức của luật pháp. Thế nhưng, chính tính tự nguyện của hợp đồng kinh tế không những không làm giảm nhẹ mà lại củng cố, nâng cao tính pháp lệnh. Các bên tham gia quan hệ hợp đồng không chỉ có nghĩa vụ với nhau, mà còn cùng nhau thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước nữa. Nếu hạ thấp tính tự nguyện trong quan hệ hợp đồng kinh tế, cũng sẽ giảm nhẹ, thậm chí phá vỡ tính pháp lệnh. Tính tự nguyện hòa lẫn với tính pháp lệnh làm cho hợp đồng kinh tế trở thành một nhân tố có tác dụng thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế quốc dân theo kế hoạch.

Khác với đa số các nước xã hội chủ nghĩa đã có nền sản xuất lớn với một hệ thống quan hệ kinh tế ổn định, nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ nền tiểu sản xuất hàng hóa, phổ biến là lao động thủ công mang nặng tính tự cấp, tự túc, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và phải đồng thời làm cả hai nhiệm vụ: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong điều kiện như vậy, hợp đồng kinh tế, một mặt là sản phẩm tất yếu của kinh tế hàng hóa có kế hoạch, mặt khác nó là công cụ tích cực thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy quá trình tập trung chuyên môn hóa sản xuất, góp phần đẩy nhanh công cuộc xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, công tác hợp đồng kinh tế phải chịu sự chi phối của các đặc điểm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Nền kinh tế nước ta, tuy đã có kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo và kinh tế tập thể, nhưng vẫn còn nhiều thành phần. Ở miền Nam còn kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân, thị trường tự do còn rộng. Sản phẩm do các thành phần kinh tế phi quốc doanh làm ra chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng sản phẩm xã hội. Vì vậy, bên cạnh các quan hệ hợp đồng trong kinh tế quốc doanh, các quan hệ hợp đồng giữa kinh tế quốc doanh với các thành phần kinh tế khác chiếm một vị trí quan trọng. Nếu các quan hệ hợp đồng loại này được các cấp chính quyền quan tâm chỉ đạo và quản lý tốt, thì sẽ khai thác được nhiều tiềm năng, tạo ra nhiều sản phẩm, góp phần giải quyết những khó khăn trước mắt. Đặc điểm này đòi hỏi các cấp chính quyền, nhất là các cơ quan có trách nhiệm trực tiếp quản lý công tác hợp đồng kinh tế, phải chú trọng quản lý các hợp đồng gia công, các hợp đồng bán nguyên liệu mua sản phẩm, các hợp đồng cung ứng vật tư, thu mua nông sản, lâm sản, thủy sản theo phương thức hai chiều. Đặc điểm này cũng đòi hỏi công tác nghiên cứu, xây dựng các

Digitized by Google

văn bản pháp luật phải chú trọng giải quyết vấn đề ranh giới điều chỉnh của dân luật và luật hợp đồng kinh tế, nhất là về mặt chủ thể, trong điều kiện sử dụng nhiều thành phần kinh tế; về chế định pháp nhân, phải **chú ý giải** quyết mối quan hệ giữa tố tụng tòa án và tố tụng trọng tài.

Thứ hai: nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là chủ yếu, lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp, lao động thủ công là phổ biến. Ngay trong giá trị sản lượng của công nghiệp, giá trị sản lượng do tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tạo ra vẫn chiếm một tỷ trọng lớn. Trong nông nghiệp, sự phân công lao động, chuyên môn hóa sản xuất còn ở mức thấp, chưa có nhiều vùng chuyên canh theo quy mô tập trung. Tình trạng sản xuất phân tán và thực hiện tự cung, tự cấp trong từng vùng lãnh thổ, từng địa phương đã hạn chế việc tập trung, chuyên môn hóa và hiệp tác hóa trong sản xuất, hạn chế việc phát triển các ngành kinh tế — kỹ thuật, hạn chế việc xây dựng các mối quan hệ hợp lý giữa các ngành và các vùng lãnh thổ. Lực lượng sản xuất với tính chất phân tán và ở trình độ thấp như vậy đã dẫn đến năng suất lao động xã hội thấp, sản phẩm thặng dư ít, kinh tế hàng hóa chưa phát triển. Đặc điểm đó đòi hỏi Nhà nước đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật và sự phân công lao động xã hội mới, từng bước chuyển sản xuất nông nghiệp từ tình trạng thủ công, phân tán sang sản xuất tập trung với việc sử dụng sức mạnh của cơ khí, từng bước xây dựng các ngành kinh tế, các vùng kinh tế, khu vực kinh tế có trình độ chuyên môn hóa cao. Với yêu cầu khách quan đó, không chỉ cần coi hợp đồng kinh tế như là một sản phẩm, một kết quả tất yếu của kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa, mà còn cần phải chủ động lãnh đạo, sử dụng các quan hệ hợp đồng kinh tế như là công cụ có hiệu lực để góp phần phá vỡ các quan hệ tự cấp, tự túc, đẩy nhanh sự phát triển của kinh tế hàng hóa theo hướng kế hoạch Nhà nước. Trong điều kiện lực lượng sản xuất ở trình độ thấp và mang tính chất phân tán làm hạn chế khả năng kế hoạch hóa trực tiếp và hiệu lực của kế hoạch, việc *tổ chức và lãnh đạo tốt các quan hệ hợp đồng kinh tế sẽ tạo điều kiện xây dựng và thực hiện kế hoạch tốt hơn, góp phần thúc đẩy các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác sản xuất, kinh doanh*, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng quan hệ lưu thông hàng hóa, khuyến khích các quan hệ trực tiếp giữa các đơn vị kinh tế, từ đó mà tích cực góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước. Tất nhiên cần phải kết hợp chặt chẽ kế hoạch với hợp đồng, quản lý chặt chẽ các hợp đồng đó nhằm giữ vững kỷ luật kế hoạch, bảo đảm cho mọi quan hệ liên kết, liên doanh theo đúng phương hướng kế hoạch, tăng thêm hiệu lực của kế hoạch.

Thứ ba: Sau 30 năm chiến tranh, nền kinh tế nước ta đang bị mất cân đối nghiêm trọng trên nhiều mặt. Về chủ quan, trình độ kế hoạch hóa của ta còn ở mức thấp, khả năng cung ứng vật tư của Nhà nước chỉ đáp ứng được 50% yêu cầu của công suất thiết bị, máy móc, trong khi còn nhiều khả năng tiềm tàng về đất đai, tài nguyên, sức lao động chưa được khai thác. Cơ chế quản lý kinh tế cũ, tập trung quan liêu, bao cấp, sản phẩm của chiến tranh đang gây trở ngại cho sự phát triển của sản xuất. Tình hình đó đòi hỏi Nhà nước phải xây dựng một cơ chế quản lý kinh tế mới, năng động, hợp lý, lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Suốt thời gian chiến tranh, để đối phó với sự tàn phá của chiến tranh, chúng ta đã phải tổ chức hoạt động kinh tế phân tán, thực hiện tự cung,

Digitized by Google

tự cấp trong từng vùng ; điều đó làm phát triển lề thói sản xuất phân tán của kinh tế tiểu nông cùng với lối suy nghĩ vụn vặt, tủn mủn, và lối sống tùy tiện. Đặc điểm đó cùng với các thiếu sót chủ quan trong việc quản lý và điều hành bộ máy kinh tế Nhà nước, hệ thống pháp luật cũng như các chính sách chưa hoàn chỉnh đã làm cho tình trạng thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, không chấp hành hoặc chấp hành pháp luật một cách tùy tiện trở thành phổ biến trong nhân dân, trong viên chức Nhà nước và trong cả một số người có trách nhiệm quản lý kinh tế. Do đó, trong việc lãnh đạo, quản lý kinh tế, có tình trạng coi nhẹ pháp luật, chưa sử dụng lợi thế của phương pháp pháp lý để làm cho việc điều hành bộ máy kinh tế có nền nếp và có hiệu quả.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã chỉ rõ rằng: « Phải quản lý xã hội, quản lý kinh tế bằng pháp chế Nhà nước. Chỉ có thông qua Nhà nước, bằng các chế độ, quy định, tiêu chuẩn của Nhà nước, bằng hệ thống luật pháp kinh tế và toàn bộ hệ thống pháp chế Nhà nước, thì đường lối, chính sách, những nhiệm vụ do Đảng đề ra mới đi vào cuộc sống xã hội được, mới thực hiện được » (3). Như vậy, trong việc xây dựng cơ chế quản lý kinh tế mới, cần chú trọng xây dựng *hệ thống pháp luật kinh tế*, chú trọng các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế và hoạt động giải quyết tranh chấp tại các cơ quan trọng tài Nhà nước về kinh tế các cấp, thật sự *coi hợp đồng kinh tế là một bộ phận trọng yếu của cơ chế quản lý kinh tế mới*. Cần tạo ra được một tổng thể đồng bộ các phương pháp quản lý và chú trọng đầy đủ phương pháp pháp lý trong quản lý kinh tế. Phải tổ chức, quản lý tốt các quan hệ hợp đồng kinh tế để tạo ra một *hàng rào về mặt pháp lý*, bảo đảm cho các quá trình kinh tế diễn ra trong khuôn khổ của sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước. Do hợp đồng kinh tế chứa đựng cả hai nội dung: nội dung pháp lý và nội dung kinh tế, cho nên việc coi trọng hợp đồng kinh tế là một yêu cầu thiết yếu để giữ gìn trật tự xã hội chủ nghĩa trong kinh tế, nhất là trên mặt trận phân phối, lưu thông, chống được sự phân tán, tùy tiện, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế, đồng thời phát huy mạnh mẽ quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở.

Xuất phát từ chức năng kinh tế của mình, Nhà nước xã hội chủ nghĩa chỉ đạo các hoạt động kinh tế, *tiến hành kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, tổ chức và lãnh đạo công tác hợp đồng kinh tế*. Nhà nước tổ chức cơ quan trọng tài kinh tế để thực hiện sự quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực công tác này, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cấp, các ngành chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế và giải quyết tranh chấp kinh tế. Thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cả ở nước ta đã chỉ rõ, không có hợp đồng kinh tế thì không thể xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch, và nếu không có trọng tài Nhà nước thì cũng không thể thực hiện tốt chế độ hợp đồng được. Vì vậy, hợp đồng kinh tế và trọng tài Nhà nước về kinh tế là công cụ quan trọng để quản lý nền kinh tế quốc dân. Đó là vấn đề có tính quy luật đối với việc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước.

Những nguyên lý chung trên đây của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và những đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam đã cắt nghĩa luận điểm nêu trong báo cáo của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ IV Đảng cộng sản Việt nam: « Hợp đồng kinh tế phải thật

(3) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập 2, tr. 446.

Digitized by Google

sự trở thành cơ sở để xây dựng và thực hiện kế hoạch, thành phương tiện quan trọng để kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường, thành nếp quan hệ thường xuyên giữa các đơn vị kinh tế cơ sở». Nghị quyết Hội nghị thứ 6 (khóa V) của Trung ương ngày 12-7-1984 lại nêu rõ: «Nhà nước phải sớm ban hành các quy định chặt chẽ về hợp đồng kinh tế, thi hành nghiêm túc chế độ quyết toán thực hiện hợp đồng, nâng cao vai trò của trọng tài kinh tế trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế».

Ở nước ta, các cơ quan trọng tài Nhà nước về kinh tế cần làm tốt cả ba chức năng: chức năng *tham mưu* cho cấp ủy và chính quyền, đề ra các chủ trương, biện pháp về mặt xây dựng chính sách, pháp luật, tổ chức chỉ đạo công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài Nhà nước; chức năng *pháp lý*: thanh tra việc tuân thủ pháp luật hợp đồng, giải quyết các tranh chấp và xét xử các vi phạm, góp phần lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong quản lý kinh tế, chống những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất kinh doanh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký hợp đồng, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa; chức năng *quản lý*: thực hiện vai trò của hợp đồng kinh tế là công cụ xây dựng và thực hiện kế hoạch, kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường để quản lý nền kinh tế quốc dân.

Để làm trọn cả ba chức năng đó, các cơ quan trọng tài Nhà nước cần chú trọng việc thực hiện cả hai nhiệm vụ: nhiệm vụ quản lý chế độ hợp đồng kinh tế và nhiệm vụ thanh tra, giải quyết các tranh chấp, xét xử các vụ vi phạm. Phù hợp với đặc điểm của ta, các cơ quan trọng tài Nhà nước cần thực hiện cả mấy hình thức hoạt động: hoạt động giải quyết tranh chấp, hoạt động phòng ngừa và hoạt động lập quy. Để làm tốt công tác hợp đồng kinh tế, cần xây dựng một cơ chế các quan hệ hợp đồng mềm dẻo, linh hoạt cả về phương diện chủ thể cũng như về phương diện nội dung của quan hệ hợp đồng cho phù hợp với đặc điểm vừa xây dựng vừa cải tạo, vừa hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, vừa không ngừng cải tiến cơ chế quản lý và kế hoạch hóa. Điểm quan trọng hàng đầu là phải xây dựng một *cơ chế bảo đảm quyền quan hệ kinh tế trực tiếp của các xí nghiệp*. Điều đó đòi hỏi các văn bản pháp luật cũng như sự quản lý, chỉ đạo của các cơ quan quản lý hành chính — kinh tế đều phải hướng vào việc bảo đảm cho các đơn vị kinh tế chủ động ký các hợp đồng khai thác cả bốn nguồn khả năng để xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của mình một cách tích cực nhất. Trong sự chỉ đạo của mình, các cơ quan quản lý cần tập trung hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở ký và thực hiện hợp đồng từ lúc chuẩn bị xây dựng kế hoạch, bảo vệ kế hoạch trước cấp trên, thực hiện kế hoạch, đến lúc xét duyệt hoàn thành kế hoạch. Chỉ tiêu giao nộp sản phẩm đúng hợp đồng cần được đặt thành một tiêu chuẩn đánh giá chất lượng hoàn thành kế hoạch của cơ sở. Đi đôi với việc khuyến khích, mở rộng các quan hệ kinh tế trực tiếp giữa các đơn vị kinh tế cơ sở, các cơ quan quản lý hành chính — kinh tế cần đặc biệt chú trọng chỉ đạo việc xây dựng và quản lý quan hệ hợp đồng giữa kinh tế quốc doanh với các thành phần kinh tế khác. Thực tế việc xét duyệt hoàn thành kế hoạch Nhà nước của các ngành, các địa phương vừa qua cho thấy, những địa phương nào mà cấp ủy và chính quyền quan tâm chỉ đạo, quản lý tốt quan hệ hợp đồng kinh tế trong tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và hợp đồng mua nông sản, lâm sản, thủy sản thì đều hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu giao nộp nông sản thực

Digitized by Google

phẩm cho trung ương và chỉ tiêu bán lẻ hàng tiêu dùng cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Đồng thời với việc xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật cũng như cơ chế quản lý và kế hoạch hóa mới, cần lãnh đạo làm tốt công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài Nhà nước về kinh tế, qua đó mà bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và cơ chế quản lý mới. Đó là hai mặt có quan hệ biện chứng với nhau, không thể coi nhẹ mặt nào. Cần chống tư tưởng cho rằng do pháp luật chưa hoàn chỉnh, do cơ chế quản lý chưa ổn định, cho nên không thể làm hợp đồng kinh tế và không thể thanh tra, xét xử các vi phạm hợp đồng kinh tế được. Ai cũng biết rằng pháp luật là một bộ phận của cấu trúc thượng tầng được xây dựng trên cơ sở kinh tế, cho nên khi kinh tế vận động, phát triển, pháp luật phải được bổ sung, hoàn chỉnh cho phù hợp. Pháp luật của ta phải phản ánh các yêu cầu phát triển của nền kinh tế nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, phản ánh các quan điểm chỉ đạo đúng, sát hợp với tình hình thực tế. Bởi vậy, trên cơ sở pháp luật hiện hành, các cấp, các ngành cần chỉ đạo tổ chức công tác hợp đồng đúng pháp luật, phù hợp với thực tế quản lý, để từ đó rút kinh nghiệm, bổ sung, xây dựng và hoàn chỉnh pháp luật. Đó là cách làm phù hợp với đặc điểm của ta. Mặt khác, nguyên nhân chủ yếu của các tranh chấp, vi phạm hợp đồng kinh tế hiện nay là do thiếu hiểu biết về pháp lý, do khó khăn khách quan, cho nên cách làm thích hợp là vừa hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, vừa tháo gỡ vướng mắc cho các cơ sở để xây dựng các quan hệ kinh tế hợp lý, làm cho hoạt động trọng tài Nhà nước về kinh tế có hiệu quả thiết thực. Dĩ nhiên, chúng ta cần phải hết sức chú trọng xét xử nghiêm minh các vụ cố ý vi phạm, nghiêm trị những kẻ xấu gây tổn thất hoặc xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, nhất là các vụ nằm trong âm mưu phá hoại của địch. Chúng ta cũng cần sớm xác định ranh giới điều chỉnh giữa dân luật và luật hợp đồng kinh tế, vì đặc điểm sử dụng nhiều thành phần kinh tế ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đẻ ra nhiều vấn đề cần giải quyết về chủ thể, về chế độ pháp nhân, về vấn đề quan hệ giữa tố tụng tòa án và tố tụng trọng tài. Vấn đề này có tính chất cấp bách, bởi vì đang có những quan hệ không có ngành luật nào điều chỉnh, hoặc có nhiều tranh chấp về tài sản không thuộc bất cứ riêng loại tố tụng nào. Song đây cũng là vấn đề thuộc lĩnh vực lập pháp khá phức tạp ở Việt nam và việc giải quyết vấn đề này phải dựa trên cơ sở nghiên cứu đầy đủ sự phát triển các quan hệ kinh tế và sự phối hợp giữa nhiều ngành trong việc vận dụng thành tựu của khoa học pháp lý và khoa học kinh tế.

Digitized by Google

TRƯỜNG SƠN

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I

TRONG quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong nông nghiệp đã xây dựng gần 400 nông trường, tổ chức hơn 3 vạn hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, xây dựng hàng nghìn trạm, trại và cơ sở nghiên cứu thí nghiệm. Nhà nước đã trang bị cho nông nghiệp hàng vạn máy kéo và xây dựng hàng nghìn trạm bơm điện có khả năng tưới nước và tiêu nước cho mấy triệu héc ta đất canh tác. Trong công nghiệp đã xây dựng được 2 600 xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương, tổ chức gần 4 000 hợp tác xã và tổ nghìn tổ sản xuất. Cả nước đã có 4 vạn máy công cụ các loại, 1,4 triệu kW công suất điện, 8 — 9 triệu tấn công suất than nguyên khai, 50 vạn tấn công suất gang thép, 3,5 triệu tấn công suất xi măng, 70 vạn tấn công suất phân hóa học, 450 triệu mét công suất vải lụa, 13 vạn tấn công suất giấy... Trong giao thông vận tải đã có gần 3 000 km đường sắt, hơn 70 000 km đường ô tô, 7 000 đầu máy và toa xe, gần 400 nghìn tấn tàu biển. Trong xây dựng cơ bản có 400 cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, 35 000 máy thi công các loại. Trong phân phối lưu thông có hàng nghìn cửa hàng thương nghiệp quốc doanh và hàng vạn hợp tác xã mua bán. Về giáo dục, văn hóa, y tế có 12 000 trường học phổ thông, 80 trường đại học, 300 trường trung cấp, 600 trường dạy nghề, hàng trăm cơ quan nghiên cứu khoa học, 700 bệnh viện, bệnh xá với trên 100 nghìn giường...

Chúng ta rất trân trọng những cơ sở vật chất kỹ thuật đã xây dựng được, vì đó không chỉ là mồ hôi, mà còn cả máu của đồng bào và chiến sĩ ta nữa. Chúng ta coi đó là cái vốn quý của chúng ta trên đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, cần phải thấy rõ rằng *cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có của ta còn quá nhỏ bé*, bình quân một lao động thuộc khu vực sản xuất vật chất mới được trang bị 3 00đ — 4 00đ (tiền mới) tài sản cố định. Hơn nữa, cơ sở đó lại chưa tạo ra được một cơ cấu thích hợp và đang mất cân đối nghiêm trọng. Đó là chưa nói đến nhiều xí nghiệp của ta xây dựng cách đây 20 — 30 năm cho nên kỹ thuật đã lạc hậu và máy móc, thiết bị hư hỏng nhiều. Tình trạng này là một nguyên nhân rất quan trọng làm cho việc sử dụng công suất máy móc, thiết bị thường ở mức rất thấp (40 — 50%), chứ không phải chỉ do thiếu nguyên liệu và năng lượng như lâu nay thường nói đến.

II

Để đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ

Digitized by Google

nghĩa, cũng tức là để hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nông nghiệp và phát triển nông nghiệp theo hướng thủy lợi hóa, hóa học hóa, cơ khí hóa, điện khí hóa nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản cho xuất khẩu. Chúng ta phải mở mang rộng khắp công nghiệp nhẹ từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương, từ quy mô nhỏ và vừa đến quy mô lớn, từ kỹ thuật thô sơ đến kỹ thuật hiện đại để sản xuất được phần lớn các mặt hàng tiêu dùng cần thiết cho đời sống và xuất khẩu. Chúng ta phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý để có thể cải tạo được nông nghiệp và trang bị một phần kỹ thuật cho các ngành kinh tế quốc dân. Đặc biệt chúng ta còn phải xây dựng cơ cấu hạ tầng cho sản xuất bao gồm những ngành trực tiếp phục vụ sản xuất vật chất như hệ thống giao thông vận tải, thông tin bưu điện, hệ thống đô thị... và những ngành gián tiếp phục vụ sản xuất như giáo dục, văn hóa, y tế... Để làm được các việc trên, chúng ta không thể không công nghiệp hóa ngành xây dựng để có thể xây dựng kịp thời với chất lượng tốt những cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và những công trình văn hóa phúc lợi của nhân dân.

Đó là tất cả những việc phải làm, những mục tiêu phải thực hiện. Để đạt được những mục tiêu đó, chúng ta phải vừa tích cực hoàn thiện những cơ sở hiện có và từng bước xây dựng thêm những cơ sở mới theo hướng kết hợp đúng đắn phát triển theo chiều sâu với phát triển theo chiều rộng. Có ý kiến cho rằng nền kinh tế của ta hiện nay còn quá lạc hậu, cơ sở vật chất kỹ thuật còn quá nhỏ bé, do đó phương hướng chủ yếu là phát triển theo chiều rộng, chứ không phải phát triển theo chiều sâu. Ý kiến ngược lại cho rằng, cơ sở vật chất kỹ thuật của ta tuy còn nhỏ bé nhưng chưa được tận dụng, chủ yếu là do mất cân đối, cho nên hướng chính là phải phát triển theo chiều sâu. Cả hai ý kiến trên đều có cơ sở thực tế, song vấn đề đặt ra là phải kết hợp đúng đắn phát triển theo chiều sâu với phát triển theo chiều rộng. Một mặt phải hết sức coi trọng đầu tư theo chiều sâu, dành vốn trước hết cho đầu tư chiều sâu để cân đối và đồng bộ hóa nhằm tận dụng triệt để mọi khả năng sẵn có. Mặt khác, phải tính toán kỹ việc đầu tư theo chiều rộng, bố trí vốn thích hợp với khả năng và yêu cầu theo hướng thật tập trung nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao

III

Hiện nay và trong nhiều năm nữa, nông nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu. Cho nên phải *hết sức coi trọng việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp*. Nền nông nghiệp của ta hiện nay còn lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, đất có chiều hướng thoái hóa và chúng ta đang thừa lao động. Do đó, phương hướng hoàn thiện và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp trong những năm sắp tới là: tiếp tục phát triển thủy lợi và hoàn chỉnh thủy nông, tiến tới chủ động được tưới tiêu theo phương pháp khoa học. Đầu tư để tạo cơ sở cho việc nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng sinh học, tạo ra được những loại giống mới có năng suất cao và chống chịu giỏi. Tìm mọi cách bảo đảm có đủ vôi, tăng thêm phân bón, có đủ thuốc trừ sâu để cải tạo đất và bảo vệ thực vật. Củng cố và sắp xếp lại các viện nghiên cứu, các trạm trại thí nghiệm gắn với các cơ sở sản xuất. Về cơ khí, hướng nỗ lực trước mắt là bảo quản, tận dụng và phát huy tốt những cái hiện có, bảo đảm đủ công cụ cầm tay và công cụ cải tiến, tăng

Digitized by Google

thêm máy bơm nước, máy và guồng đập lúa, phương tiện vận tải... Về máy kéo vẫn cần tiếp tục trang bị cho những nơi cần thiết và bổ sung cho số bị hao hụt, nhưng chủ yếu là tăng thêm máy công tác và bảo đảm phụ tùng thay thế. Về năng lượng, ở các nơi có điều kiện cần tích cực phát triển thủy điện nhỏ; coi trọng phát triển các dạng năng lượng cổ điển kể cả trồng cây lấy củi và từng bước phát triển các dạng năng lượng mới như thu góp bức xạ mặt trời tạo nhiệt để bơm nước hoặc sấy, thu sức gió tạo ra nguồn động lực quay máy phát điện hoặc bơm nước, thu khí mê tan từ phân rác làm chất đốt dùng cho nấu ăn hoặc thắp sáng nhằm góp phần giải quyết « cục bộ » vấn đề điện khí hóa nông thôn. Về lâu dài, cùng với sự phát triển của công nghiệp, chúng ta sẽ dần dần nâng cao trình độ thủy lợi hóa, hóa học hóa, cơ khí hóa và điện khí hóa nông nghiệp, tạo cho nông nghiệp những bước tiến cao hơn.

Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp còn phải gắn với phương hướng và cơ cấu phát triển nông nghiệp. Trước mắt tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các vùng lúa cao sản ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu long và các vùng khác để sớm giải quyết cơ bản vấn đề lương thực. Đồng thời đầu tư thích đáng để xây dựng một số vùng cây công nghiệp tập trung chuyên canh như cao su, cà phê, chè, thuốc lá, bông, đay, dâu tằm để tạo nguồn nguyên liệu vững chắc cho công nghiệp chế biến.

Phát triển nông trường quốc doanh là một phương hướng quan trọng của nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. Song ta chưa có nhiều kinh nghiệm và vốn đầu tư còn có hạn, cho nên trước mắt cần hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của các nông trường hiện có nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Khó khăn lớn trong nông nghiệp của ta là đất ít, người nhiều. Khai hoang để mở rộng diện tích canh tác là vấn đề có ý nghĩa chiến lược. Song kinh nghiệm cho thấy đây không phải là vấn đề đơn giản. Vì vậy, việc khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới nên tiến hành theo phương châm « thà ít mà tốt », và phải đầu tư thích đáng đồng bộ cho cả hai mặt sản xuất và đời sống, đặc biệt chú ý xây dựng cơ cấu hạ tầng làm cho sinh hoạt ở đây chóng ổn định, tạo điều kiện cho mọi người an tâm, phấn khởi xây dựng vùng kinh tế mới.

Phát triển nông nghiệp có liên quan mật thiết đến lâm nghiệp vì rừng có hai tác dụng quan trọng là phòng hộ và cung ứng. Cho nên, cùng với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, *phải tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho lâm nghiệp*, nhằm cải tạo, bảo vệ và phát triển rừng theo phương thức nông — lâm kết hợp. Thực tiễn cho thấy một cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng nhất của nông — lâm nghiệp là phát triển trồng cây gây rừng trên khắp lãnh thổ đất nước, từ rừng núi, đồi nương, đến đồng bằng, ven biển, vừa phát triển cây lương thực, cây công nghiệp, vừa xây dựng hệ thống cây xanh nhằm tận dụng tổng hợp tiềm năng sinh học nhiệt đới, tạo nên cả sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp trên cùng một diện tích, vừa cải thiện môi trường, vừa bồi dưỡng đất đai, vừa bảo vệ sức khỏe của người lao động.

Trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp cần chú ý gắn với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của công nghiệp và xuất khẩu nhằm tạo nên những liên hợp sản xuất kinh doanh nông nghiệp — công nghiệp — xuất khẩu.

Giao thông vận tải thuộc cơ cấu hạ tầng của sản xuất, có được phát triển trước một bước thì mới tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành khác phát triển. Cơ sở vật chất kỹ thuật trong

Digitized by Google

giao thông vận tải của ta hiện nay còn quá nhỏ bé, lạc hậu và đang mất cân đối nghiêm trọng, không những làm cho hiệu suất vận tải kém mà có nơi, có lúc còn gây ra ách tắc cho sản xuất và khó khăn cho đời sống. Để khắc phục tình trạng này, việc *xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho giao thông vận tải* trước hết cần tập trung vào các khâu như xây dựng bến cảng, kho tàng, tăng năng lực bốc dỡ nhằm giải phóng nhanh phương tiện và rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa; coi trọng việc nạo vét luồng lạch, gia cố cầu cống, nâng cấp mặt đường; đẩy mạnh xây dựng các khu đầu mối; cải tạo giao thông ở thủ đô Hà nội và các thành phố khác; mở mang giao thông vận tải nông thôn, giao thông vận tải miền núi. Mặt khác, phát triển và sử dụng rộng rãi các phương tiện vận tải thô sơ và cải tiến, tăng năng lực sản xuất phụ tùng và sửa chữa nhằm kéo dài tuổi thọ và khai thác tốt các phương tiện hiện có.

Về lâu dài, cần có kế hoạch xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật của giao thông vận tải theo hướng ưu tiên phát triển đường biển, đường sông, tăng mật độ đường ô tô, đường sắt... Xây dựng một hệ thống cảng biển bao gồm các cảng trung tâm và các cảng nhỏ vệ tinh. Trang bị các loại phương tiện bốc dỡ thích hợp với quy mô và đặc điểm của hàng hóa. Phát triển các loại tàu vận tải ven biển, đi biển gần và đi biển xa với quy mô và trọng tải thích hợp. Phát triển rộng rãi giao thông đường sông trong cả nước. Xây dựng hệ thống các cảng sông với quy mô và phương tiện bốc dỡ thích hợp. Sử dụng phổ biến các loại tàu đẩy, tàu kéo, sà lan, thuyền xi măng lưới thép, thuyền xi măng nan tre và các loại phương tiện vận tải có tính chất tổng hợp. Củng cố và phát triển rộng khắp hệ thống giao thông đường bộ bao gồm các quốc lộ, các đường liên tỉnh, liên huyện, liên xã, đưa mật độ đường ô tô lên gấp 2 — 3 lần hiện nay. Có phương án cải tạo và phát triển giao thông ở các thành phố một cách thích hợp. Cải tạo, mở rộng và tiến tới hiện đại hóa đường sắt Bắc — Nam. Phát triển đường sắt vào các khu công nghiệp và các vùng kinh tế lớn, trước hết là đường sắt lên Tây nguyên. Tiến hành điện khí hóa các tuyến đường có nhu cầu vận tải lớn. Từng bước phát triển hàng không dân dụng phù hợp với khả năng và yêu cầu. Hoàn thiện sân bay Nội bài, khôi phục và xây dựng các sân bay khu vực.

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành thông tin bưu điện cũng là một yêu cầu bức thiết và cơ bản. Để khắc phục tình trạng lạc hậu hiện nay, cần tăng cường đầu tư để xây dựng cho được một mạng lưới thông tin quốc gia thống nhất, toàn diện, đồng bộ, khoa học, tiến lên hiện đại hóa nhằm phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc của Đảng và Nhà nước, của các ngành kinh tế, văn hóa và của nhân dân ở những mức độ thích hợp với chất lượng ngày càng cao. Đặc biệt, chú ý phát triển mạng lưới điện thoại đường dài và nội hạt xuống tận thôn, xã sớm đạt chỉ tiêu 1 máy cho 100 người dân.

Các ngành công nghiệp hiện nay đang gặp khó khăn lớn là thiếu nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, phụ tùng, bao bì và dây chuyền sản xuất mất cân đối. Vì vậy, phương hướng *hoàn thiện và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong công nghiệp* sắp tới là nhằm khắc phục những khó khăn đó. Trước mắt, đầu tư thích đáng để phát triển các ngành sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp, vật liệu cho xây dựng vì hiện nay nguyên liệu, vật liệu là vấn đề rất khẩn trương của nền kinh tế. Hàng nghìn nhà máy không sử dụng hết công suất vì thiếu nguyên liệu, hàng trăm công trình không hoàn thành đúng thời hạn vì thiếu vật liệu; nhân

Digitized by Google

dân cũng đang rất cần vật liệu để xây dựng, sửa chữa nhà ở. Hết sức coi trọng phát triển nguyên liệu từ nông nghiệp và lâm nghiệp, vì đây là nguồn nguyên liệu cơ bản và lâu dài của công nghiệp thực phẩm và công nghiệp nhẹ. Ngành luyện kim cần được từng bước phát triển cân đối với yêu cầu sản xuất và xây dựng. Chú ý đầu tư để sản xuất nguyên liệu hóa chất trong nước thay thế dần hóa chất nhập khẩu. Cần phát triển toàn diện các loại vật liệu xây dựng làm cho tốc độ phát triển vật liệu xây dựng tăng nhanh hơn tốc độ xây dựng cơ bản. Ngoài xi măng, vôi, gạch, ngói, cần chú trọng phát triển và cơ giới hóa sớm ngành khai thác đá.

Ngành cơ khí là then chốt, nhưng hiện nay lực lượng sẵn có chưa được dùng hết công suất vì thiếu nguyên liệu và dây chuyền không cân đối. Cho nên trước mắt, phương hướng chủ yếu là tăng cường năng lực tạo phôi (đúc, rèn, dập...) và xử lý bề mặt (tôi, mài, mạ...), đồng thời mở rộng khả năng sản xuất phụ tùng và sửa chữa. Về lâu dài phải tiến tới xây dựng ngành cơ khí với cơ cấu hợp lý để có thể sản xuất được phần lớn các thiết bị và phương tiện cơ bản của nền kinh tế quốc dân.

Trong ngành điện, phát triển mạng lưới điện cân đối với nguồn điện, nhất là đường dây trung thế và hạ thế, bảo đảm dẫn điện đến nơi tiêu thụ; cải tạo lưới điện ở các thành phố và trang bị đồng hồ đo điện cho các hộ gia đình nhằm sử dụng tiết kiệm điện... Trong ngành than, phát triển đồng bộ hệ thống phục vụ, nhất là khâu vận chuyển nhằm khắc phục tình trạng ứ đọng than lâu nay. Mặt khác, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của các ngành năng lượng theo hướng ưu tiên phát triển thủy điện và coi trọng phát triển năng lượng vùng.

Nước cũng quan trọng đối với sản xuất và đời sống không kém gì điện, nếu không muốn nói quan trọng hơn. Nhưng lâu nay ta đã xem nhẹ ngành công nghiệp này, cho nên sắp tới cần phải đầu tư thích đáng cho việc thăm dò, tìm kiếm nguồn nước, cải tạo, xây dựng các nhà máy nước, phát triển đường ống dẫn nước và làm sạch nước.

Trong công nghiệp nhẹ, nói chung phải phát triển cân đối ba khâu: nguyên liệu, sản xuất và bao bì; chủ yếu là đầu tư cho khâu nguyên liệu, nhưng không coi nhẹ bao bì, vì có những trường hợp hàng hóa sản xuất ra nhưng không xuất khẩu và vận chuyển được vì thiếu bao bì. Đồng thời tiếp tục phát triển thêm một số cơ sở công nghiệp chế biến cần thiết, trước hết là chế biến lương thực, thực phẩm, dược phẩm.

Hiện nay, *tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp* đang sản xuất một nửa sản lượng công nghiệp và thu hút hàng triệu lao động, vì vậy cần có kế hoạch từng bước đổi mới kỹ thuật và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm tận dụng năng lực to lớn của khu vực này.

Về xây dựng cơ bản, thời gian qua, nhất là trong kế hoạch 1976 – 1980, chúng ta có khuyết điểm là đầu tư tràn lan, phân tán và vượt quá khả năng xây dựng, cho nên để lại nhiều công trình dưới hạn ngạch xây dựng dở dang trong khi vốn đầu tư và vật liệu xây dựng còn rất hạn chế. Do đó, trong 5–7 năm tới, phải sắp xếp lại xây dựng, tập trung cao độ vốn và vật tư cho các công trình trọng điểm và phấn đấu hoàn thành phần lớn các công trình dở dang để đưa vào sử dụng. Đồng thời làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư để khởi công xây dựng một số ít công trình thật cần thiết, gối đầu cho các kế hoạch sau. Để làm tốt việc này, ngoài phát triển vật liệu xây dựng, phải tìm cách sử dụng tốt các máy móc thi công hiện có và bảo đảm

Digitized by Google

công cụ thường và công cụ cải tiến cho lao động xây dựng.

Đi đôi với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, cần đầu tư thích đáng cho việc xây dựng các công trình *văn hóa, giáo dục, y tế, phúc lợi*...

Để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, một vấn đề quan trọng là phải xây dựng cơ sở *nghiên cứu và đào tạo*. Vì có nghiên cứu (bao gồm nghiên cứu khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội, điều tra cơ bản) mới rút ra được kết luận nên làm gì và làm thế nào cho tốt, cho nhanh, tránh đi đường vòng. Và có đào tạo mới có được đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật giỏi, thực hiện tốt những nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế.

Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng về khoa học và kỹ thuật đã nêu rõ: cần khẳng định rằng trong điều kiện kinh tế càng khó khăn, trình độ kỹ thuật của sản xuất càng thấp kém, thì càng phải chú trọng đầu tư cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật, cho công tác đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật. Chính đó là con đường góp phần nhanh chóng nâng cao năng suất lao động xã hội và giải quyết tận gốc những khó khăn trong nền kinh tế hiện nay.

Về mặt này, lâu nay chúng ta đã có những cố gắng nhất định và đã thu được những thành tích bước đầu như đã xây dựng được một hệ thống nghiên cứu và đào tạo gồm hàng trăm viện và trường đại học, mấy trăm trường trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề, đã đào tạo được 2 triệu cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật... Tuy nhiên, so với yêu cầu, công tác này còn nhiều nhược điểm. Vốn đầu tư hằng năm còn ít, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu và đào tạo còn yếu.. Vì vậy, sắp tới cần tăng cường đầu tư, nâng tỷ trọng đầu tư lên 1 — 2% thu nhập quốc dân để khắc phục nhược điểm này.

Về nghiên cứu, hướng chính là đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ sở hiện có cả về thiết bị, phương tiện nghiên cứu cũng như nhà cửa, phương tiện sinh hoạt, bảo đảm cho mọi cán bộ nhân viên có đủ điều kiện làm việc, phát huy hiệu quả đến mức cao nhất. Trong đào tạo, chủ yếu là đầu tư để nâng cao chất lượng đào tạo bằng cách tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các trường về mặt nghiên cứu, giảng dạy, học tập và sinh hoạt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh dạy tốt, học tốt.

Digitized by Google

HỘI NGHỊ KHOA HỌC

Về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó

Vừa qua, để góp phần chuẩn bị Đại hội thứ VI của Đảng, Bộ biên tập **Tạp chí Cộng sản** đã tổ chức Hội nghị khoa học về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó.

Tham gia Hội nghị khoa học có các đồng chí sau đây:

— Nguyễn Anh Bắc, Đại tá, Học viện quân sự cao cấp
— Trần Ngọc Cảnh, Vụ trưởng, Bộ nông nghiệp
— Trần Việt Chy, Vụ trưởng, Bộ nông nghiệp
— Phạm Như Cương, Giáo sư, Chủ nhiệm, UBKHXH Việt nam
— Lê Đăng Doanh, Vụ trưởng, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương
— Hồ Nhật Dán, Vụ trưởng, Bộ thủy sản
— Lưu Văn Đạt, Viện trưởng, Bộ ngoại thương
— Nguyễn Đỗ, Chuyên viên Viện Mác — Lê-nin
— Phạm Minh Hạc, Giáo sư Tiến sĩ, Thứ trưởng Bộ giáo dục
— Trần Đình Hòa, Tổng cục trưởng Tổng cục cơ khí hóa, Bộ nông nghiệp
— Phạm Văn Huân, Phó tiến sĩ, Phó chủ nhiệm Văn phòng HĐBT;
— Nguyễn Quang Long, Viện trưởng, Bộ tài chính
— Nguyễn Mại, Giáo sư Tiến sĩ, Trưởng ban kinh tế Thành ủy Hà nội
— Nguyễn Ngọc Minh, Giáo sư, Viện trưởng, UBKHXH Việt nam
— Trần Đình Nghiêm, Phó viện trưởng, Viện kinh điển, Viện Mác — Lê-nin
— Phạm Văn Nghiên, Tiến sĩ, Bộ giao thông vận tải
— Vũ Hữu Ngoạn, Tổng biên tập tạp chí Nghiên cứu, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc
— Trịnh Nguyên, Phó trưởng ban tổ chức Chính phủ
— Hoàng Hữu Nhân, quyền Trưởng ban công nghiệp Trung ương Đảng
— Văn Phác, Ủy viên TƯĐ, Thứ trưởng Bộ văn hóa
— Hoàng Đình Phu, Phó chủ nhiệm UBKHKTNN
— Trần Quang, Chuyên viên Ban nông nghiệp Trung ương Đảng
— Trần Hồng Quân, Giáo sư, Phó tiến sĩ Thứ trưởng Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp
— Trần Linh Sơn, Giáo sư, Ngân hàng Nhà nước Việt nam
— Nguyễn Thanh Sơn, Chuyên viên Ban công nghiệp Trung ương Đảng

Digitized by Google

— Lê Hồng Tâm, Chuyên viên UBKHXH Việt nam
— Chế Viết Tấn, Phó trưởng ban kinh tế Trung ương Đảng
— Nguyễn Tế, Phó tiến sĩ, Chuyên viên Ban kinh tế Trung ương Đảng
— Lê Quang Thành, Viện trưởng, Bộ nội vụ
— Lê Thi, Giáo sư, quyền Viện trưởng Viện triết học, UBKHXH Việt nam
— Phan Văn Tiệm, Giáo sư Tiến sĩ, quyền Chủ nhiệm Ủy ban vật giá Nhà nước
— Trần Hữu Tiến, Phó tiến sĩ, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc
— Lê Văn Tô, Chuyên viên Ban công nghiệp Trung ương Đảng
— Đào Thế Tuấn, Giáo sư, Viện trưởng, Bộ nông nghiệp
— Vũ Huy Từ, Tiến sĩ, Văn phòng HĐBT
— Lê Trạng, Phó vụ trưởng, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.

Một số đồng chí, vì bận công tác, không đến họp được, đã gửi bản tham luận đến Hội nghị.

Để cung cấp tài liệu cho bạn đọc tham khảo, bắt đầu từ số này, chúng tôi trích đăng các bản tham luận đã được đọc trong cuộc Hội nghị khoa học nói trên.

Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản

Lưu Văn Đạt:

Phân kỳ thời kỳ quá độ ở nước ta là một *vấn đề lý luận quan trọng, có tác dụng chỉ đạo thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện của nước ta*, nhằm xác định *bước đi hợp lý, mục tiêu chủ yếu, nhiệm vụ chủ yếu* của từng chặng đường (giai đoạn phát triển); trên cơ sở đó, bố trí một *cơ cấu kinh tế hợp lý và có hiệu quả, xây dựng một cơ chế quản lý thích hợp, phù hợp với từng giai đoạn.*

Đối với nước ta, tôi cho rằng, thời kỳ quá độ *ít nhất* phải trải qua 2 chặng đường (giai đoạn phát triển):

a) Chặng đường đầu tiên (giai đoạn 1) nhằm mục tiêu và có nhiệm vụ chủ yếu là *tạo ra các tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa với quy mô lớn.*

b) Chặng đường thứ hai (giai đoạn 2) nhằm mục tiêu và có nhiệm vụ chủ yếu là *công nghiệp hóa với quy mô lớn, hoàn thiện công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Quá trình công nghiệp hóa cũng có thể trải qua ba chặng đường:

Sau chặng đường đầu tiên, chặng đường thứ hai nhằm mục tiêu và có nhiệm vụ chủ yếu là tiến hành công nghiệp hóa, xây dựng hệ thống công nghiệp hiện đại, nền sản xuất cơ khí hóa có khả năng cải tạo cả nông nghiệp, và trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Chặng đường thứ ba nhằm mục tiêu và có nhiệm vụ chủ yếu hoàn thành *công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*, kết thúc về cơ bản việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Việc phân chia các giai đoạn nói trên chỉ có ý nghĩa *tương đối*, giữa các giai đoạn không thể có một ranh giới rõ rệt. Trong chặng đường đầu, tuy nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu là tạo các tiền đề cần thiết để công

Digitized by Google

nghiệp hóa nhưng ngay trong chặng đường này, chúng ta đã phải bắt tay xây dựng và phát triển công nghiệp, (kể cả một số cơ sở công nghiệp nặng), xây dựng cơ sở hạ tầng của nền kinh tế (giao thông vận tải, thông tin liên lạc v.v.). Có xây dựng công nghiệp và cơ sở hạ tầng trong chặng đường đầu thì mới tạo được điều kiện cần thiết cho công nghiệp hóa với quy mô lớn trong chặng đường (hoặc những chặng đường) tiếp theo, nhưng xây dựng công nghiệp trong chặng đường đầu chủ yếu nhằm chuẩn bị điều kiện cho chặng đường tiếp theo.

Chặng đường đầu tiên là *một tất yếu* bắt nguồn từ điều kiện của nước ta là chưa có đủ những tiền đề cần thiết để công nghiệp hóa với quy mô lớn.

Vì vậy, đi đôi với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, trong chặng đường này, cần *ổn định và cải thiện một bước đời sống và tích lũy ban đầu cho chủ nghĩa xã hội, trong đó, ổn định đời sống cần được coi là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu.*

Để đạt mục tiêu và hoàn thành các nhiệm vụ nói trên, cần giải quyết một số vấn đề sau:

a) Khôi phục kinh tế, từng bước khắc phục những mất cân đối trong nền kinh tế do lịch sử để lại (năng lượng, nguyên liệu, lương thực, hàng tiêu dùng thiết yếu, cơ sở hạ tầng, xuất nhập khẩu), *ổn định nền kinh tế.* Đó là điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất, ổn định thị trường, giá cả, tiền tệ v.v. trên cơ sở đó, ổn định đời sống.

b) Xây dựng một lực lượng sản xuất tối thiểu, tạo ra một số vốn đầu tiên về tư liệu sản xuất và sức lao động có khả năng đẩy nền sản xuất xã hội *vượt khỏi vòng tái sản xuất giản đơn*, không ngừng tái sản xuất mở rộng *để tích lũy từ nội bộ nền kinh tế*, với quy mô ngày càng lớn. Đó là điều kiện không thể thiếu được để công nghiệp hóa với quy mô lớn.

Vì vậy, trong chặng đường này, cần thiết:

a) Phát triển nông nghiệp toàn diện, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa đáp ứng các nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa cho xuất khẩu.

b) Phát triển các ngành công nghiệp chế biến, nhất là từ nông sản, lâm sản, thủy sản, phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng (bao gồm cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp) và *công nghiệp gia công hàng xuất khẩu nhằm đáp ứng* các nhu cầu trong nước, thay thế hàng nhập khẩu và tăng nguồn hàng xuất khẩu.

Do đó, ngay từ đầu, *phải gắn nông nghiệp với công nghiệp, nông nghiệp và công nghiệp với xuất nhập khẩu* để góp phần tạo ra tích lũy ban đầu cho chủ nghĩa xã hội.

c) Xây dựng một số cơ sở công nghiệp nặng theo tinh thần nghị quyết Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng: « Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng *một cách hợp lý* trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ ». (Nghị quyết Đại hội IV). « Hướng công nghiệp nặng *chủ yếu* và *trước hết* nhằm thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng phát triển ». Theo tinh thần đó, trong chặng đường đầu, ưu tiên phát triển các ngành *năng lượng* (than, dầu khí), *hóa chất* phục vụ nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu), *cơ khí sửa chữa* là cần thiết và hợp lý.

d) Phát triển giao thông vận tải, hệ thống thông tin, hệ thống viễn thông với nước ngoài.

Sau khi hoàn thành về cơ bản các nhiệm vụ nói trên, ổn định kinh tế, ổn

Digitized by Google

định đời sống trong cả nước và tích lũy được từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, thì mới có thể kết thúc chặng đường đầu tiên. Như vậy, *thời điểm kết thúc chặng đường đầu tiên tùy thuộc vào việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ đề ra cho chặng đường này, và vào những tiêu chuẩn cụ thể* để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ đó.

Nguyễn Quang Long :

Đặc điểm chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Hiện nay cách mạng nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Những đặc điểm lớn nhất của chặng đường này là :

1. Nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ. Công nghiệp chưa phát triển, thiếu đồng bộ, lao động thủ công còn khá phổ biến, năng suất lao động thấp, thu nhập quốc dân ít, trong lúc đó số dân đông, phát triển với tốc độ cao. Tính chất sản xuất nhỏ trong kinh tế ghi đậm dấu ấn trong tư duy, lối sống và cách làm ăn của từng người và của cả xã hội.

2. Do tình trạng kém phát triển, lại chịu hậu quả nặng nề của ba mươi năm chiến tranh, nền kinh tế mất cân đối *nghiêm trọng* về nhiều mặt, mất cân đối giữa các ngành với nhau, giữa các khâu trong quá trình sản xuất và tiêu dùng, sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu tích lũy và tiêu dùng ở mức cần thiết.

3. Kinh tế nước ta là một nền kinh tế sản xuất hàng hóa đang có nhu cầu phát triển mạnh, bao gồm nhiều thành phần. Bên cạnh kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể đang được củng cố và mở rộng, kinh tế cá thể và kinh tế tư bản còn tồn tại. Tuy kinh tế quốc doanh đã nắm những ngành then chốt và nhiều cơ sở trọng yếu, cùng với kinh tế tập thể đã có tác dụng chi phối nền kinh tế quốc dân, nhưng cũng mới chiếm khoảng 40% giá trị tổng sản lượng, kinh tế cá thể và tư bản còn chiếm xấp xỉ 38%. Do đó, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội đã ra đời và các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản và tiểu sản xuất hàng hóa còn đồng thời tồn tại, hoạt động xen kẽ, dung hợp nhau, khống chế nhau và đấu tranh với nhau trong quá trình kết hợp xây dựng với cải tạo xã hội chủ nghĩa để tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

4. Từ sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta lấy xây dựng làm trọng tâm, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời vẫn phải đối phó gay gắt với kẻ thù bên ngoài, trực tiếp là bọn phản động Bắc kinh đang tiến hành chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nhân dân ta.

5. Về quan hệ quốc tế, ta có mối liên kết với nhiều nước, đặc biệt là mối liên kết, hợp tác ngày càng chặt chẽ và toàn diện với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đây là chỗ dựa rất cần thiết và quan trọng đối với nước ta trên con đường tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhưng mặt khác, bọn đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ câu kết với các lực lượng phản động quốc tế tìm cách bao vây, cô lập, phá hoại ta.

Lê Đăng Doanh :

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ mang tính tất yếu. Điều đó đã được Lê-nin khẳng định : « Mục đích của giai cấp vô sản là thiết lập chủ nghĩa xã hội... muốn thế, cần phải có một thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, vì cải tổ sản xuất là việc khó

Digitized by Google

khăn, vì cần phải có thời gian mới thực hiện được những thay đổi căn bản trong mọi lĩnh vực của cuộc sống... » (1). Tôn trọng tính quy luật phổ biến của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, căn cứ vào đặc điểm kinh tế xã hội của nước ta ở điểm xuất phát khi bước vào thời kỳ này, Đảng ta đã chủ trương phân chia thời kỳ quá độ tương đối dài và phức tạp ở nước ta thành các chặng đường. Việc phân chia như vậy không những giúp chúng ta xác định rõ được nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể của từng chặng đường, mà còn xác định được khoảng thời gian cần thiết cho mỗi chặng đường đó.

Thành tựu nổi bật của chúng ta trong thời gian vừa qua là đã đưa được nền kinh tế ở hai miền Nam — Bắc nước ta vốn là hai nền kinh tế có quan hệ sản xuất hoàn toàn khác nhau, có xu hướng phát triển trái ngược nhau, có lịch sử hình thành tách rời nhau trở thành một nền kinh tế quốc dân thống nhất theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, tình hình kinh tế xã hội của nước ta còn nhiều biến động, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn và lạc hậu, vì vậy để có thể giảm bớt và khắc phục các khó khăn, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, đạt được những tiến bộ quan trọng trong mọi lĩnh vực, tạo ra được thế cân đối mới của nền kinh tế, chuẩn bị cho những bước tiến vững chắc hơn trong chặng đường tiếp theo thì ngay trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần khẩn trương chuyển hướng cơ chế quản lý kinh tế. Trước mắt, phải triệt để chống cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa để nhanh chóng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cơ chế quản lý kinh tế mới phải kết hợp kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; phải bao quát được hoạt động của các thành phần kinh tế, các tổ chức kinh tế với các hình thức và biện pháp quản lý thích hợp. Quản lý kinh tế phải nhằm nâng cao chất lượng công tác kế hoạch hóa, vận dụng quan hệ hàng hóa — tiền tệ và các đòn bẩy kinh tế để thực hiện những mục tiêu kế hoạch đề ra. Cơ chế quản lý kinh tế mới phải mở rộng quyền tự chủ của địa phương, ngành và cơ sở, phát huy tính năng động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm đầy đủ về quá trình tái sản xuất của xí nghiệp, phải vận dụng đúng đắn chế độ tập trung dân chủ, khắc phục tình trạng tập trung quan liêu và các biểu hiện cục bộ, bản vị, vô kỷ luật.

Chúng ta bước vào chặng đường đầu tiên khi ở điểm xuất phát, lực lượng sản xuất mới đạt trình độ rất thấp và có nhiều mất cân đối nghiêm trọng. Do đó phải *sắp xếp lại nền kinh tế*, làm cho sản xuất có hiệu quả hơn, tập trung năng lực sản xuất vào những sản phẩm trọng yếu, vào những cơ sở và địa bàn trọng điểm; *điều chỉnh lại tiêu dùng*, bảo đảm những yêu cầu tiêu dùng thiết yếu nhất ở mức sản xuất cho phép, kiên quyết loại bỏ những nhu cầu xa xỉ, quá sức của nền kinh tế quốc dân. Vấn đề lao động và dân số đòi hỏi phải có phương án giải quyết có hiệu lực và lâu dài; một mặt, phải nhanh chóng hạ thấp tỉ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý, mặt khác, bằng mọi biện pháp với sức lực của tất cả các thành phần kinh tế phải tạo ra tối đa công ăn việc làm cho người lao động ở thành thị và nông thôn, khắc phục tình trạng thiếu việc làm. Trong chặng đường đầu tiên, trình độ phát triển giữa các ngành, giữa miền núi và đồng bằng, giữa thành thị và nông thôn còn có nhiều khác biệt lớn, do

(1) V. I. Lê nin. *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 38, tr. 464.

Digitized by Google

đó quản lý kinh tế một mặt *phải thống nhất trên những nguyên tắc cơ bản*, mặt khác, *phải đa dạng về hình thức và mức độ* để phù hợp với trình độ của từng ngành, từng địa phương. Mục tiêu là phải làm cho vùng chậm phát triển tiến nhanh hơn và xích lại gần các vùng phát triển khá, không thể chấp nhận một kiểu cơ chế « dền nhà ai nhà nấy rạng », địa phương giàu càng giàu hơn, địa phương nghèo càng nghèo đi.

Chặng đường đầu tiên của nước ta diễn ra trong những *điều kiện kinh tế thế giới phức tạp*, yêu cầu hợp tác quốc tế ngày càng gay gắt, đòi hỏi về số lượng và chất lượng hàng xuất khẩu ngày càng cao, do đó phải đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, tích cực tham gia vào quá trình hợp tác kinh tế xã hội chủ nghĩa. Về mặt *cơ cấu kinh tế*, cần xem xét nó trong mối quan hệ phân công lao động quốc tế, phát huy cao nhất thế mạnh của lao động và tài nguyên của đất nước trong quan hệ quốc tế, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong mối quan hệ ràng buộc hợp tác lẫn nhau. Về mặt *quản lý kinh tế* phải có chính sách phá vỡ thế bị bao vây kinh tế, thu hút vốn và kỹ thuật để phát triển kinh tế của đất nước, phải tập trung đầu tư đẩy mạnh xuất khẩu, hình thành những sản phẩm xuất khẩu chủ lực, có chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Cần nhanh chóng thoát khỏi tình trạng thu lượm, đánh bắt trên cơ sở kinh tế tự nhiên hoặc sản xuất nhỏ, tranh mua, tranh bán trong nước và trên thị trường quốc tế.

Chúng ta đang ở trong thời kỳ cách mạng khoa học và kỹ thuật thế giới bước vào giai đoạn mới và phát triển như vũ bão. Khoa học kỹ thuật đã và đang trở thành yếu tố tăng trưởng cơ bản và chủ yếu của nền kinh tế và là nhân tố quan trọng của tiến bộ xã hội. Do đó trong công tác quản lý kinh tế phải thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật, đồng thời phải ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; phải coi trọng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào tất cả các thành phần kinh tế, các lĩnh vực sản xuất và đời sống...

Chế Viết Tấn :

Để hoạch định chiến lược kinh tế xã hội, không những phải nắm vững đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và đường lối phát triển kinh tế của Đảng nói riêng, mà còn phải nhận rõ vị trí của đất nước ta trên trường quốc tế, trách nhiệm của nước ta trong liên minh đặc biệt ba nước Đông dương và trong quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đồng thời cũng phải thấy rõ điểm xuất phát và những đặc điểm kinh tế xã hội của nước ta ở chặng đường đầu tiên trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Mười năm qua, tuy đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, song, chúng ta vẫn chưa thay đổi được một cách căn bản thực trạng của nền kinh tế vốn yếu kém, còn mất cân đối lớn và chưa thật ổn định với điểm xuất phát là cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp và cơ cấu sản xuất hàng hóa chưa phát triển. Chúng ta cũng chưa giải quyết xong những nhiệm vụ cơ bản của chặng đường đầu tiên là bảo đảm thế ổn định của nền kinh tế và tạo ra những tiền đề cần thiết để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, nhiệm vụ của những năm còn lại trong chặng đường đầu tiên là *ổn định tình hình kinh tế xã hội và chuẩn bị những tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*. Hai nội dung này cần được xác định cả trên phạm vi định tính và định lượng; đồng thời phải nêu ra được một số mục tiêu cho

Digitized by Google

những yêu cầu chủ yếu nói trên. Đạt được những mục tiêu đó mới có thể nói là đã kết thúc được chặng đường đầu tiên. Tuy nhiên trong thực tế, việc phân định các chặng đường trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội chỉ là tương đối, bởi vì ngay khi đang thực hiện chặng đường đầu tiên đã xuất hiện những nhân tố quan trọng của chặng đường kế tiếp theo.

Trong việc bố trí chiến lược kinh tế xã hội ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần quán triệt một số quan điểm cơ bản sau đây :

1. Chiến lược kinh tế xã hội phải *kết hợp yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài* tùy theo điều kiện và hoàn cảnh quốc tế nhằm tạo được những cơ sở tự chủ bên trong cho tái sản xuất xã hội, cải tạo được nền kinh tế quốc dân nghèo nàn lạc hậu. Trong điều kiện đã đổi mới của thế giới ngày nay, bất cứ một nước nào tự cô lập với bên ngoài đều khó mà phát triển được. Nước ta lại nằm trong vùng kinh tế thế giới có nhiều biến đổi, vì vậy trong mối quan hệ hợp tác với các nước khác cần theo phương hướng đa dạng hóa, song phương hoặc đa phương.

2. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý. Cơ cấu kinh tế được hiểu là cơ cấu ngành, lãnh thổ và cơ cấu thành phần. Hiện nay, các loại cơ cấu đó chưa đáp ứng được quá trình phát triển kinh tế. Cần xây dựng cơ cấu kinh tế như thế nào cho phù hợp với thực tế nước ta để thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa nhưng lại Lảo đảm được công ăn việc làm cho người lao động. Lựa chọn phương hướng xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, chúng ta cần chú ý :

a) Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các ngành nhất là sản xuất nông nghiệp. Phải coi trọng sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế nông—công nghiệp, và sau này là cơ cấu kinh tế công—nông nghiệp.

b) Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối từ sản xuất đến phân phối lưu thông, không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất mới về cả 3 mặt : chế độ sở hữu, chế độ phân phối, chế độ quản lý, nhằm mở đường, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ.

c) Thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mới theo hướng Lảo đảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế nước ta trong sự phân công hợp tác ngày càng mở rộng và theo kịp thời đại công nghiệp mới.

d) Có một chiến lược quản lý nhằm phát huy tốt năng lực của con người Việt nam ở các thành phần kinh tế, các hình thức kinh tế, các vùng của đất nước. Từ đó xây dựng cơ chế quản lý hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cơ chế quản lý mới này vận dụng tốt các quy luật kinh tế thông qua kế hoạch hóa và điều hành nền kinh tế với những biện pháp, chính sách, phù hợp, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng.

d) Chọn được chiến lược kinh tế đối ngoại có lợi cho quá trình cải biến nền kinh tế, làm thế nào để tạo được nguồn vốn cần thiết, tiếp nhận được kỹ thuật tiên tiến và sử dụng các tiềm năng trong nước có hiệu quả nhất.

Như vậy, quan niệm xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý chỉ là tương đối, không phải xây dựng đầy đủ các ngành kinh tế ăn khớp và đồng bộ. Trong chặng đường đầu tiên khi điều kiện chỉ cho phép phát triển một số ngành hạn chế, chúng ta phải biết lựa chọn phương án tối ưu để phát triển.

Thực tiễn cho thấy, khả năng vốn đầu tư, kỹ thuật và các điều kiện vật chất khác của nước ta hạn chế, không cho phép chúng ta có thể trong một chặng đường ngắn mở ra hàng loạt công trình xây dựng theo lối dàn đều,

Digitized by Google

diện rộng để thỏa mãn các yêu cầu của nền kinh tế. Do đó, trong chiến lược kinh tế xã hội phải biết lựa chọn hệ thống mục tiêu chiến lược, hệ thống chủ trương chiến lược và hệ thống biện pháp chiến lược sao cho thích hợp trước những vấn đề lớn đang đặt ra cho chúng ta như: điểm xuất phát quá thấp, vốn đầu tư hạn chế, dân số tăng nhanh. Những vấn đề trên không cho phép chúng ta thoát ly thực tế, nhưng đồng thời không cho phép chúng ta co lại chịu bó tay trước khó khăn, mà phải giải quyết bằng cách tìm khâu đột phá có tính quyết định. Đó chính là năm vấn đề lớn sau đây:

— Một là, phải phân bố lại lao động, dân cư, sử dụng tối đa đất đai và giải quyết cơ bản vấn đề lương thực cho xã hội, nguyên liệu cho sản xuất hàng tiêu dùng, phát triển kinh tế dịch vụ.

— Hai là, thu nhập quốc dân đủ cải thiện đời sống nhân dân tuy ở mức không cao, song bảo đảm tái sản xuất sức lao động và có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân cho yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

— Ba là, năng lượng và vận tải phải đi trước một bước.

— Bốn là, rút ngắn khoảng cách quan hệ giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Xuất khẩu và nhập khẩu phải trở thành một trong những cầu nối giữa nông nghiệp với công nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển, khơi dậy những tiềm năng vốn có ở cơ sở, địa phương, ngành.

— Năm là, hình thành cơ chế quản lý mới nhằm phát huy năng lực con người ở mọi thành phần, mọi hình thức kinh tế để khơi dậy sức mạnh tổng hợp. Xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo quyền chủ động cho cơ sở, địa phương, ngành.

Để thực hiện những giải pháp chiến lược trên, nền kinh tế nước ta tất yếu phải đi vào ổn định và trải qua nhiều bước quá độ, từ thấp đến cao, từ nhỏ lên lớn, có những lĩnh vực phát triển tuần tự, đồng thời có những mặt phát triển nhảy vọt tùy theo khả năng bên trong bên ngoài mà chúng ta có thể tạo ra hoặc tranh thủ được.

Trên Cương:

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta, nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp) là mặt trận sản xuất hàng đầu phải bảo đảm cung cấp lương thực và thực phẩm cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến, tăng nguồn hàng xuất khẩu, tạo ra tích lũy ban đầu cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng công nghiệp là cần thiết. Song việc xây dựng công nghiệp trong những năm qua ở nước ta lại quá phân tán, chưa hình thành một cơ cấu gắn bó chặt chẽ với nông, lâm, ngư nghiệp. Mặt khác, chúng ta lại chưa chú trọng đúng mức đến nông, lâm, ngư nghiệp (đầu tư ít, chính sách giá cả thu mua chưa hợp lý...). Bản thân các ngành nông nghiệp vốn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau vì cùng có chung những đối tượng quản lý là sinh vật cộng sinh trên từng vùng sinh thái, cũng tách rời nhau cả về tổ chức và hành động. Ngay trong từng ngành cũng có sự chia cắt giữa chuyên ngành này với chuyên ngành khác, giữa trồng trọt với chăn nuôi, giữa lâm sinh với khai thác, giữa khai hoang với bảo vệ môi trường, giữa sản xuất với chế biến và lưu thông phân phối, giữa các thành phần cùng làm ra một loại sản phẩm với nhau, thậm chí kinh tế gia đình và kinh tế cá thể ở nông thôn còn bị coi là những thành phần kinh tế đối lập!

Digitized by Google

Sự tách rời như vậy đã làm nảy sinh ra nhiều mâu thuẫn nội tại, làm triệt tiêu tác dụng lẫn nhau. Những mâu thuẫn này càng gay gắt thêm khi chúng ta chưa xác định được đúng đắn mục đích và bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Do đó trong tổ chức sản xuất đã có những khuynh hướng sai lầm (như chạy theo quy mô hình thức, muốn thực hiện ngay việc phân công chuyên môn hóa sâu, tách các ngành nghề thủ công ra khỏi nông nghiệp, tách sản xuất với chế biến và kinh doanh trao đổi hàng hóa...) làm cho các ngành nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta vốn phong phú đa dạng trở thành nghèo nàn, đơn điệu, các vùng sản xuất không phát huy được thế mạnh của mình để hỗ trợ cho nhau và đều bị trói buộc chặt vào thế độc canh. Tóm lại là, các ngành nông, lâm, ngư nghiệp của ta trong những năm qua chưa xác lập được mối quan hệ cơ cấu hợp lý từ bên trong, không gắn được với công nghiệp và thị trường trong và ngoài nước, không thực hiện được quá trình tái sản xuất mở rộng, do đó chưa phát huy được tiềm năng sẵn có.

Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế và những quy luật tự nhiên, kinh tế, xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, con đường phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta phải nhằm *chuyển hóa từng bước cơ cấu kinh tế* tự túc, tự cấp, tiểu sản xuất hàng hóa thành nền kinh tế sản xuất lớn bằng cách sử dụng ba loại hình tổ chức sản xuất chuyên môn hóa (vùng sản xuất tập trung chuyên canh cây lâu năm, vùng sản xuất tập trung chuyên canh cây thời vụ và vùng sản xuất nửa chuyên môn hóa). Muốn hình thành các loại vùng sản xuất theo loại hình như trên cần nghiên cứu lựa chọn những cây trồng, con vật nuôi, ngành nghề thích nghi với điều kiện của từng nơi rồi dùng chính sách đòn bẩy kinh tế khuyến khích để hình thành từng bước, từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, nâng dần tỷ trọng sản phẩm hàng hóa. Việc lựa chọn ba loại hình chuyên môn hóa sản xuất như trên, chính là lựa chọn những hình thức, bước đi thích hợp với đặc điểm của nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa theo quy luật chuyển hóa từng bước trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Bố trí sản xuất hợp lý theo *nguyên tắc kết hợp nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến ngay từ đầu ở từng cơ sở sản xuất trên tất cả các vùng lãnh thổ* (đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển) nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường, tạo điều kiện áp dụng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là ứng dụng kỹ thuật học sinh thái nhiệt đới ẩm vào sản xuất nhằm phát triển kinh doanh tổng hợp và đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của đời sống nhân dân và xã hội.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp, cần hình thành cơ cấu kinh tế bao gồm đầy đủ các thành phần kinh tế tồn tại trong chặng đường hiện nay, trong đó, thành phần kinh tế quốc doanh phải được tăng cường đủ mạnh để nắm vai trò chủ đạo và gắn với kinh tế tập thể, hình thành một cơ chế tác động có hiệu quả vào kinh tế gia đình và kinh tế cá thể ở nông thôn, làm cho cơ cấu kinh tế trở nên phong phú, đa dạng và biến nền kinh tế còn bao gồm nhiều thành phần thành nền kinh tế mang tính thống nhất phát triển theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đã cho thấy đó là cách kết hợp cải tạo và xây dựng có hiệu quả. Theo cách đó, trong thời gian tới, cần hoàn thành cuộc vận động đưa tuyệt đại bộ phận nông dân, ngư dân và những người làm kinh tế cá thể khác ở nông thôn vào làm ăn tập thể nhưng phải thực

Digitized by Google

hiện đúng nguyên tắc « tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi ». Biện pháp đúng đắn và có hiệu quả là tập trung sức tăng cường, củng cố, mở rộng hệ thống mạng lưới các tổ chức kinh tế quốc doanh, đồng thời tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển, dùng sức mạnh liên kết giữa quốc doanh và tập thể để vừa sử dụng, vừa cải tạo những thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa. Rút kinh nghiệm những năm qua, việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất phải tiến hành đồng thời cả ba bộ phận hợp thành là chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, mối quan hệ giữa các giai cấp và tập đoàn, chế độ phân phối theo quy luật của chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt là cần nghiên cứu giải quyết tốt các chính sách của Nhà nước (thể hiện lập trường của giai cấp công nhân) với hợp tác xã và nông dân vì đây là vấn đề cấp thiết nhất hiện nay.

Khác với cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, cơ chế quản lý hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa đặt ra yêu cầu phải xác định phương hướng kỹ thuật thích hợp với điều kiện kinh tế của ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phương hướng đó là phát huy cao nhất ưu thế về sinh học phù hợp với điều kiện thiên nhiên của đất nước ta, đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với kỹ thuật công nghiệp hiện đại, kết hợp lao động thủ công có kỹ năng cao với lao động nửa cơ giới và cơ giới, kết hợp các loại quy mô lớn, vừa và nhỏ, lấy quy mô vừa và nhỏ là chủ yếu, kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật tốt cổ truyền với những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại (bao gồm cả sinh học hiện đại, công nghệ sinh học, công nghệ di truyền...). Đây chính là phương hướng kỹ thuật thích hợp đối với nước ta và cũng rất phù hợp với chiến lược sinh thái phát triển mà hiện nay đang được nhiều nước ứng dụng có kết quả trong nông nghiệp.

Để bảo đảm thực hiện những điểm trên đây, cần xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, sớm xây dựng *hệ thống quản lý mới, với cơ chế thích hợp, có khả năng vận dụng các quy luật kinh tế xã hội khách quan trong chặng đường hiện nay*; đặc biệt cần chú trọng vận dụng kết hợp một cách nghệ thuật quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch cân đối với quy luật giá trị, quan hệ hàng hóa — tiền tệ và quy luật phân phối theo lao động mà chế độ khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động vừa qua đã bước đầu thực hiện được một phần.

Phạm Văn Nghiên :

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, việc chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn là rất cần thiết. Những tiền đề đó bao gồm quá trình phát triển của nền kinh tế ở mức độ nhất định, khả năng tích lũy trong nội bộ nền kinh tế, mức sống của nhân dân, trình độ đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề. Ngoài ra, về mặt xã hội, tác phong làm việc, lối sống mới của nhân dân v.v. cũng cần được xây dựng vì tiến bộ về kinh tế không thể tách rời tiến bộ xã hội.

Nền kinh tế nước ta hiện nay về quy mô là một nền sản xuất nhỏ, về trình độ kỹ thuật và công nghệ là một nền sản xuất lạc hậu. Tính chất rời rạc trong nội bộ nền kinh tế cũng thể hiện rõ nét. Bên cạnh đó, việc chậm cải tiến cơ chế quản lý cho phù hợp với đặc điểm nền kinh tế trong chặng đường đầu đã đưa nền kinh tế nước ta vào vòng luẩn quẩn : năng suất lao động thấp — sản phẩm xã hội và thu

Digitized by Google

nhập quốc dân thấp — tích lũy ít — đầu tư thấp — cơ sở vật chất kỹ thuật nhỏ bé — năng suất lao động thấp.

Trong điều kiện hết sức khó khăn và phức tạp như vậy, muốn nhanh chóng ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, đồng thời tạo tích lũy ban đầu cho công cuộc công nghiệp hóa, cần phải tích cực kết hợp yếu tố bên trong với yếu tố bên ngoài. Một mặt chúng ta phải thực hiện tốt sự hợp tác quốc tế, sử dụng một cách có hiệu quả nhất sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em để khắc phục các khó khăn trong nước, tạo được những cơ sở tự chủ bên trong cho tái sản xuất xã hội, cải tạo được nền kinh tế quốc dân nghèo nàn lạc hậu, tạo nguồn vốn ban đầu hết sức quan trọng cho sự phát triển lâu dài; mặt khác, nguồn vốn để tích lũy ban đầu không thể chỉ dựa vào bên ngoài, mà chủ yếu là động viên và khai thác có hiệu quả các tiềm năng nội bộ, nỗ lực tạo tiền đề từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, từ các ngành kinh tế.

Nền kinh tế nước ta hiện nay cũng như nhiều nước khác là một nền kinh tế có cơ cấu nhị nguyên, nghĩa là song song tồn tại một nền sản xuất truyền thống và một nền sản xuất hiện đại dù ở mức chưa cao. Tính chất đó thể hiện rõ nét trong nền sản xuất công nghiệp với ngành công nghiệp truyền thống là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Quan tâm đúng mức và chú ý phát triển ngành công nghiệp truyền thống bên cạnh các ngành công nghiệp hiện đại và các ngành kinh tế khác là tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, đồng thời chính là tạo tiền đề cho nền sản xuất đại cơ khí và tăng thêm khả năng tích lũy. Để vươn tới sự liên kết chặt chẽ với các ngành công nghiệp hiện đại, bản thân ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cũng cần phải được *phát triển theo hướng hiện đại hóa*; chỉ có như vậy ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp mới có năng suất lao động cao hơn, và có điều kiện liên kết với các ngành công nghiệp hiện đại khác.

Căn cứ vào tình hình của nước ta trước mắt cũng như lâu dài, phát triển đi đôi với hiện đại hóa ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là một hướng mang tính chiến lược vì yêu cầu vốn đầu tư ít lại sử dụng được hàng triệu lao động ở thành thị và nông thôn, tạo được nhiều sản phẩm xã hội trong đó có hàng xuất khẩu. Việc hiện đại hóa ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phải xuất phát từ đặc điểm của nó là sản xuất thủ công, đơn chiếc và sản phẩm thường không dùng được trong các ngành công nghiệp hiện đại. Do đó, cần cơ khí hóa một bộ phận sản xuất quan trọng bằng cách trang bị một số thiết bị thật cần thiết để ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trở thành nửa thủ công, nửa cơ khí; thực hiện tiêu chuẩn hóa sản phẩm (chất lượng, kích thước v.v.) để sản phẩm của ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có thể dùng trong các ngành công nghiệp hiện đại; tiến hành tổ chức sản xuất hàng loạt nhằm tăng năng suất lao động; tổ chức sản xuất theo những nguyên tắc của nền sản xuất hiện đại; luôn luôn cải tiến kỹ thuật, cải tiến quy trình công nghệ, đổi mới mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Các điều kiện để thực hiện những công việc trên:

— Các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có thể sử dụng thiết bị cũ của các nhà máy đã thay thế thiết bị mới, hoặc sửa chữa lại máy móc đã thanh lý để dùng, hoặc sử dụng thiết bị tồn kho v.v.;

— Chủ yếu dùng nguyên liệu, vật liệu sẵn có tại địa phương, hoặc dùng phế liệu, phế phẩm của các nhà máy hoặc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu

Digitized by Google

nếu có hiệu quả kinh tế cao nhất là làm hàng xuất khẩu;

— Nguồn vốn bao gồm: vốn của địa phương, huy động trong nhân dân, vay ngân hàng;

— Mỗi huyện cần một số tổ chức có cán bộ kỹ thuật và cán bộ tổ chức quản lý giúp đỡ các cơ sở về kỹ thuật, công nghệ và tổ chức sản xuất.

Việc tổ chức sản xuất dựa trên nguyên tắc *sử dụng tất cả những con người có thể làm được với tất cả nguyên liệu, vật liệu có thể có được và ở tất cả các nơi có nhu cầu hàng hóa*. Việc phát triển ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trên nguyên tắc hiện đại hóa đó nếu được thực hiện rộng khắp trong mọi miền đất nước, ở thành thị cũng như ở nông thôn thì *ngành công nghiệp truyền thống* sẽ trở thành một ngành công nghiệp quan trọng, có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời sẽ làm cho hàng triệu người làm quen với máy móc, với cách tổ chức sản xuất mới, với tác phong công nghiệp. Song song với phương hướng hiện đại hóa, cần tiến hành tổ chức sản xuất công nghiệp phân tán tại gia đình. Đây là phương pháp tổ chức sản xuất trên quy mô rộng, đòi hỏi ít vốn đầu tư, tiết kiệm được các khoản chi về mặt xã hội (nhà trẻ, tổ chức y tế, v.v.), lại sử dụng được nhiều nhân lực dư thừa nhàn rỗi. Để thực hiện được việc đó, cần có một chương trình kinh tế — xã hội, giải quyết vấn đề nguyên liệu, vật liệu, xác định các khu vực hấp dẫn của các nhà máy cần gia công chi tiết, có chính sách giá cả khuyến khích, v.v. Từ trước đến nay ở một số thành phố của chúng ta có tổ chức gia công hàng mậu dịch nhưng lúc có việc, lúc không và tiền công quá thấp, nói chung không thể coi đó là một hệ thống sản xuất tại gia đình được.

Áp dụng một mô hình sản xuất được nhiều nước thực hiện và mang lại hiệu quả cao là xây dựng mối quan hệ chặt chẽ về sản xuất giữa các xí nghiệp lớn và xí nghiệp nhỏ, chủ yếu là về gia công chi tiết. Thực tiễn sản xuất ở các nước chứng minh rằng các công ty lớn không thể hoạt động có hiệu quả nếu sản xuất của họ không liên kết với hàng trăm, thậm chí hàng nghìn nhà máy khác, lớn hoặc nhỏ. Ở nước ta ngay trong chặng đầu của thời kỳ quá độ cũng nên áp dụng cách tổ chức sản xuất đó, tạo sự liên kết giữa các đơn vị sản xuất, tạo mối quan hệ giữa các nhà máy lớn với các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã được hiện đại hóa để gia công những chi tiết, phụ tùng mà các nhà máy đó hoặc không có điều kiện sản xuất được, hoặc có thể sản xuất nhưng giá thành cao.

Digitized by Google

NHẬT TÂN

CÁC HUYỆN MIỀN NÚI PHÍA BẮC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG

TRONG những năm qua, phát triển kinh tế gắn chặt với củng cố quốc phòng đã thật sự trở thành nhiệm vụ trọng tâm của nhiều huyện miền núi phía bắc. Hơn đâu hết, ở đây hai nhiệm vụ này được gắn chặt với nhau trong cuộc sống hằng ngày. Các huyện Tràng định (Lạng sơn), Hòa an (Cao bằng), Mèo vạc, Yên ninh (Hà tuyên), Quảng hà (Quảng ninh)... đã giải quyết tốt mối quan hệ này và đã tạo nên những bước tiến đáng kể cả về kinh tế lẫn quốc phòng, an ninh. Lực lượng vũ trang địa phương càng đánh càng mạnh, an ninh được giữ vững, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân ổn định.

Nhiệm vụ được quán triệt.

Các huyện miền núi phía bắc có vị trí quan trọng đối với nền kinh tế cũng như quốc phòng, an ninh của cả nước. Diện tích đất đai bằng 26,8% diện tích đất đai cả nước. Núi non hiểm trở, trùng điệp, kéo dài suốt 1 463 km đường biên giới với Trung quốc, đã từng là những trận đồ bát quái của ông cha ta chôn vùi những đạo quân xâm lược của phong kiến phương Bắc, và là căn cứ địa cách mạng vững chắc của cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp thắng lợi. Ngày nay, núi rừng phía bắc lại là bức trường thành vững chắc ngăn chặn cuộc chiến tranh lấn chiếm của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Nhiều tài nguyên quý giá chỉ có được ở núi rừng phía bắc này như các loại gỗ, hoa quả, các cây đặc sản có giá trị kinh tế cao trước đây đã bị bọn phong kiến đế quốc bên ngoài thi nhau giành giật, ngày nay đang được khai thác, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế quốc dân.

Tuy vậy, các huyện miền núi phía bắc còn có những khó khăn lớn. Núi đồi trọc nhiều, rừng che phủ chỉ chiếm trên 10%. Đã thế, nạn phá rừng làm nương rẫy vẫn còn, lao động ít (2 triệu trong tổng số 6 triệu dân), lại sống tập trung chủ yếu ven đường giao thông lớn và các khu lòng chảo, cơ sở vật chất thiếu thốn, trình độ quản lý, văn hóa, khoa học kỹ thuật thấp, quan hệ sản xuất mới chưa mạnh, cán bộ còn yếu và thiếu... Trong hoàn cảnh ấy, các huyện lại phải đương đầu với kẻ địch hết sức thâm độc. Kẻ địch lợi dụng hoàn cảnh núi liền núi, sông liền sông giữa ta với Trung quốc, thường xuyên tung thám báo, biệt kích sang phá hoại ta rồi lại rút về; lợi dụng những con sông, con suối để thả mìn, thủy lôi, hàng tâm lý chiến sang ta; lợi dụng tính thật thà, cả tin và mối quan hệ thân tộc gắn bó lâu đời của đồng bào sống hai bên đường biên giới để lôi kéo, chia rẽ, cài cắm lực lượng, móc nối phá hoại ta.

Từ tháng 4/1984 đến nay, địch tiến hành dạng chiến tranh lấn chiếm biên

Digitized by Google

giới theo quy mô lớn với diễn biến rất ác liệt. Nhiều vùng biên giới và kế cận không thể sản xuất được, vì bị đạn pháo của Trung quốc cày xới. Có nơi, pháo địch bắn sâu vào đất ta trên dưới 10 km; có ngày, chúng bắn tới 5 vạn viên đạn cỡ lớn vào một nơi để chi viện cho bộ binh tiến công mở rộng khu vực lấn chiếm. Kết hợp với những loạt đạn pháo dày đặc là những cuộc tiến công ồ ạt của bộ binh từ tiểu đoàn đến trung đoàn vào các điểm tựa phòng ngự của ta. Những huyện biên giới như Xín mần, Vị xuyên (Hà tuyên), Văn lãng, Cao lộc (Lạng sơn), Mường khương (Hoàng liên sơn) v.v. đã trở thành mặt trận nóng bỏng của nhân dân cả nước chống bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc. Gắn liền với nhiệm vụ chiến đấu giành giật với địch từng tấc đất để bảo vệ biên cương của Tổ quốc, đồng bào các dân tộc không lúc nào lơ là sản xuất. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất là nhiệm vụ hằng ngày được thấm nhuần đến từng người dân ở các huyện biên giới phía bắc.

Những việc làm hay.

Trong những năm qua, các cấp Đảng, chính quyền cùng với nhân dân ở vùng này đã có nhiều cố gắng để xây dựng huyện thành một pháo đài vững chắc, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, trong sạch về an ninh.

Nhiều bản trước đây nằm sát đường biên, thường bị địch lợi dụng móc nối quan hệ, cài cắm gián điệp, biệt kích..., nay 453 bản đã tự di chuyển vào phía sau. Gần đây các huyện kết hợp với công tác quy hoạch sản xuất, phân bố lại lao động, chuyển thêm được 255 bản nữa, về ở xen kẽ với đồng bào phía sau, tạo điều kiện cho bà con tiếp tục sản xuất, ổn định đời sống. Cùng với việc làm này, các huyện đã tiến hành điều tra cơ bản, quản lý lại hộ tịch, hộ khẩu ở khu vực biên phòng, giải quyết số hộ, số khẩu cư trú bất hợp pháp ở biên giới, làm trong sạch các địa bàn chiến đấu, phòng trừ âm mưu móc nối, cài cắm của địch. Đặc biệt là nhiều huyện, qua kinh nghiệm chiến đấu và sản xuất, đã đẩy mạnh việc xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân địa phương, trong đó chú trọng củng cố các xã biên phòng, vành đai biên giới, khu vực chiến đấu, bản xã chiến đấu, các hệ thống đường giao thông, thông tin liên lạc, mạng lưới y tế, kho tàng... Những phân đội dân quân thường trực thường xuyên được bảo đảm về số lượng và chất lượng, các tổ chuyên trách như đặc công, công binh, bắn tỉa được trang bị và huấn luyện một cách thích hợp, luân phiên thường trực để quen địa hình và có điều kiện tham gia sản xuất.

Bộ đội địa phương các huyện biên giới tới nay đã có những tiểu đoàn được trang bị thích hợp, cùng với dân quân, đã thật sự trở thành đội quân đông đảo đáng tin cậy, có khả năng chiến đấu cao. Từ tháng 3/1979 đến tháng 12/1984, lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các huyện đã tiêu diệt 2000 tên biệt kích thám báo, phát hiện nhiều tên do địch cài cắm vào 145 xã biên giới và kế cận, bắt 100 vụ với 473 người vượt biên, bảo đảm cho nhân dân yên ổn sản xuất.

Các huyện đã bước đầu đánh giá đúng mức và khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của miền núi là nghề rừng, trồng cây công nghiệp dài ngày và chăn nuôi đại gia súc; đẩy mạnh công tác quy hoạch tổng thể, định hướng phát triển kinh tế với cơ cấu hợp lý theo các loại hình nông – lâm – công nghiệp, lâm – nông – công nghiệp hoặc nông – lâm – ngư – công nghiệp, tiến hành giao đất, giao rừng cho cá nhân, tập thể, bộ đội, bảo đảm đất nào cũng có chủ. Đến nay, hàng trăm ki lô mét đường biên giới được rào bằng mấy tre dày đặc, vừa

Digitized by Google

là vật cản ngăn chặn sự xâm lược của bọn phản động Trung quốc, vừa là vật liệu quý để sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Nhiều loại cây công nghiệp có giá trị được chú ý thích đáng. Các huyện ở Lai châu quy hoạch trồng 20 vạn ha, huyện Thạch an (Cao bằng), Tràng định (Lạng sơn) trồng từ 1 đến 2 vạn ha trầu. Huyện Văn chấn (Hoàng liên sơn) trồng 7 500 ha, huyện Đại từ (Bắc thái) 5 000 ha chè. Các huyện Văn chấn, Tràng định, Quảng hòa... đều quy hoạch trồng từ 1 000 đến 2000 ha quế, hồi.

Bên cạnh việc phát triển nghề rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, các huyện rất chú ý thâm canh lúa và hoa màu để giải quyết phần nào vấn đề lương thực là vấn đề rất khó khăn từ trước tới nay. Huyện Mèo vạc (Hà tuyên) đã chuyển đất lên các hốc đá để thâm canh ngô, đưa năng suất từ 9,5 tạ/ha, năm 1978 lên 11 tạ/ha năm 1984. Các huyện biên giới trước đây chỉ đạt năng suất lúa bình quân 1,5 — 1,8 tấn/ha, nay đạt 2 tấn/ha, có nơi 4 tấn/ha, cá biệt có những hợp tác xã ở Hòa an (Cao bằng), Văn chấn (Hoàng liên sơn)... đạt 8 tấn/ha.

Đáng chú ý là gần đây, nhiều huyện đã biết gắn sản xuất với phân phối lưu thông, coi trọng xuất nhập khẩu để tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách huyện, và giải quyết tốt hơn một số vấn đề quan trọng như lao động, lương thực, tiền vốn, mở rộng liên kết, liên doanh, nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện của cán bộ...

Trong điều kiện khó khăn sau chiến tranh biên giới năm 1979, nhiều nơi bị bọn xâm lược Trung quốc tàn phá, lại phải tiếp tục đương đầu với chiến tranh lấn chiếm và phá hoại nhiều mặt của chúng, quân và dân các huyện miền núi phía bắc đạt những thành tích nói trên là một sự cố gắng lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên vẫn còn những việc chưa làm được, các huyện đang cố gắng vươn lên làm cho bằng được, nhất là những việc có quan hệ chặt chẽ giữa chiến đấu và sản xuất.

Những bài học tốt.

Từ những việc làm được và chưa làm được, các huyện miền núi phía bắc đã rút ra được nhiều bài học quý về việc giải quyết hai nhiệm vụ phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng.

Trước hết, đó là *phát huy tinh thần tự lực tự cường, không vin vào hoàn cảnh khó khăn của mình, không ỷ lại ở sự viện trợ, giúp đỡ của trung ương và các địa phương phía sau.* Với tinh thần đó, lực lượng vũ trang của nhiều huyện đã đánh địch cả trong điều kiện mất liên lạc với cấp trên, phát triển được thế trận cả về bề rộng lẫn bề sâu, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tiêu diệt địch. Có huyện, lực lượng vũ trang địa phương không có bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng trợ lực, cũng đánh bại được những cuộc tiến công của hàng sư đoàn địch từ tháng 4-1984 đến nay. Các huyện tự làm lấy phần lớn những công trình trên các điểm tựa và hệ thống đường giao thông. Tính từ năm 1980 đến nay, các huyện biên giới đã huy động trên 1 triệu ngày công cho việc làm này. Nhiều công trình, nhiều đoạn đường nếu cứ để cho dân công chuyên trách làm thì phải hàng năm mới xong, nhưng giao cho huyện, cho xã thì huyện và xã huy động mọi lực lượng sẵn có của mình làm ngày làm đêm, chỉ một vài tháng, thậm chí một vài tuần là làm xong. Hình thức bản làm giao thông đã xuất hiện ở nhiều huyện. Các bản đã huy động được sức lao động, công cụ của từng gia đình, làm việc theo mức khoán trong bất kể thời gian nào. Vì vậy công việc được giải quyết nhanh gọn, bảo đảm chất lượng.

Digitized by Google

Nhân dân vừa đánh địch, vừa kiên trì bám đất, bám bản làng để sản xuất, thâm canh, giải quyết vấn đề lương thực, bảo đảm hậu cần tại chỗ, giảm bớt sự viện trợ từ tuyến sau. Khẩu hiệu của huyện Mèo vạc (Hà tuyên) là đi lên từ lao động và núi đá. Liên tục trong 5 năm qua, tổng sản lượng lương thực quy thóc của các huyện miền núi phía bắc mỗi năm một tăng : từ 7 490 tấn năm 1981 lên 9 272 tấn năm 1984. Bình quân lương thực đầu người một năm hiện nay là 300 kg. Để giải quyết cái mặc, các huyện đã phát động nhân dân trồng lanh, bông, tự dệt lấy vải và đã bảo đảm được 50% nhu cầu vải mặc cho đồng bào các dân tộc.

Thứ hai là *biết phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng để giải quyết nhiều vấn đề trong điều kiện đặc biệt khó khăn.* Hầu hết các huyện đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhân dân tuyến trước và nhân dân tuyến sau, giữa nhân dân và các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn huyện, tạo nên sự hợp đồng gắn bó. Khi lực lượng vũ trang nhân dân đánh địch ở tuyến trước thì đồng bào ở tuyến sau lo liệu tiếp tế, đưa đón thương binh, tiếp nhận và bảo đảm chu đáo nơi ăn, chốn ở cho bà con phía trước sơ tán về. Nhân dân thì hết lòng thương yêu, giúp đỡ bộ đội, coi bộ đội như con em mình. Bộ đội thì quý trọng dân, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ tính mạng và tài sản cho dân. Bộ đội và nhân dân đã nương tựa vào nhau để sản xuất và chiến đấu. Nhiều nơi nhân dân đã liên kết với bộ đội để sản xuất và chiến đấu. Chẳng hạn như huyện Tràng định (Lạng sơn), huyện thì bảo đảm khâu làm đất, lo giống, phân bón, thuốc trừ sâu, còn bộ đội thì bảo đảm các khâu chăm sóc, bảo vệ và thu hoạch. Ở huyện Bình liêu (Quảng ninh), bộ đội làm 150 km đường giao thông, nếu để cho địa phương làm theo quy hoạch thì đến năm 1995 mới xong. Có huyện đã tiến hành giao đất, giao rừng cho bộ đội, kết hợp với bộ đội làm đường giao thông, làm thủy điện... Nhờ có bộ đội giúp sức mà một số huyện đã từ yếu kém vươn lên, củng cố được tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, dân quân tự vệ... Ngược lại, nhờ có nhân dân sẵn sàng che chở, tiếp tế, bộ đội mới trụ lại được để đánh địch trong những hoàn cảnh khó khăn. Nhân dân (bao gồm cả các đoàn thể quần chúng) đã đóng góp cho bộ đội biết bao tre, gỗ và công sức để làm hầm hào, đóng góp cả gạo, thịt, rau, củi, kể cả những túi gạo rang, những phong chè lam để bộ đội làm lương khô. Riêng nhân dân tỉnh Hà tuyên đã làm 156 km đường ô tô lên các điểm tựa, làm rất nhiều hầm chiến đấu, nhà khung sắt cót ép, làm mấy nghìn tấm phản nằm, lắp hàng chục km đường ống dẫn nước, trồng 500 ha rừng để cung cấp chất đốt cho bộ đội... Huyện Đại từ (Bắc thái) thường xuyên chuẩn bị 10 tấn gạo, 1 tấn thịt hơi, 1 triệu đồng để giúp bộ đội khi có chiến sự xảy ra... Đó là những việc làm sinh động thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa quân và dân, sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong huyện, trong tỉnh đối với sự nghiệp phòng thủ biên cương của Tổ quốc.

Thứ ba là *nhanh chóng xây dựng một đội ngũ cán bộ có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ của địa phương.* Thời gian qua, các huyện đã thực hiện đúng những chủ trương đường lối của Đảng, chủ động đối phó với mọi tình huống xảy ra và giành thắng lợi. Đó là nhờ, qua việc rút kinh nghiệm cuộc chiến đấu chống chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng Trung quốc hồi tháng 2-1979, các huyện đã có nhiều biện pháp nhanh chóng nâng cao năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ. Nhiều huyện đã tăng cường mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng ngắn ngày về chủ trương, chính sách, chế độ cho cán bộ từ đội sản xuất đến các cấp Đảng, chính quyền, đặc biệt là coi

Digitized by Google

trọng việc rút kinh nghiệm chiến đấu và sản xuất, kịp thời tìm ra những cách đối phó với địch, những hình thức công tác thích hợp, mạnh dạn giao việc, đồng thời kiểm tra chặt chẽ cán bộ. Nhờ vậy, tuy so với yêu cầu thì còn thiếu và yếu, nhưng trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ các huyện miền núi phía bắc đã có bước trưởng thành khá lớn. Đó cũng là yếu tố quan trọng làm cho nhiều nơi phát động được phong trào quần chúng hăng hái thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

★

Những thành tích về phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng nêu trên trước hết là kết quả những nỗ lực phấn đấu gian khổ và bền bỉ của đảng bộ và quân, dân các huyện miền núi phía bắc. Những thành tích đó cũng không tách rời *sự chỉ đạo sát sao của Trung ương và sự quan tâm giúp đỡ tích cực của hậu phương.* Trung ương và đồng bào cả nước rất quan tâm giúp đỡ về mọi mặt cho các huyện miền núi phía bắc. Nhà nước đã có sự ưu đãi trong chính sách cán bộ, chính sách dân tộc, chính sách lương thực, chính sách phân phối... và đã dành một khoản ngân sách lớn đầu tư cho các huyện miền núi phía bắc. Quân và dân các huyện miền núi phía bắc rất coi trọng và phấn khởi trước sự quan tâm giúp đỡ ấy và ngày càng nâng cao tinh thần tự lực tự cường để có thể tiếp thu tốt nhất sự chỉ đạo của trung ương, sử dụng có hiệu quả nhất sự chi viện của hậu phương. Nhân dân các tỉnh phía sau không tiếc sức mình, sẵn sàng đóng góp cho các huyện biên giới mọi thứ, kể cả việc gửi những đứa con thân yêu của mình lên xây dựng kinh tế miền núi và cầm súng bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Chỉ tính riêng từ tháng 3-1979 đến tháng 5-1979, các tỉnh phía sau đã huy động 25 vạn lao động đi đào đắp công sự, xây dựng trận địa ở tuyến một và kế cận. Kết quả đã làm được 4000 km giao thông hào, trên 2 triệu hố bắn, gần 6 vạn hầm và hàng vạn công sự chiến đấu v. v...

Hiện nay các huyện miền núi phía bắc còn nhiều khó khăn. Bọn phản động Trung quốc tuy đã mấy lần thất bại, vẫn tiếp tục những âm mưu và hành động lấn chiếm, phá hoại vùng biên giới phía bắc nước ta. Nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm chiến đấu thắng lợi đòi hỏi các huyện miền núi phía bắc phải tiếp tục vượt qua khó khăn, không ngừng tiến lên.

Y TẾ VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 85)

công tác y tế ở cơ sở, cần có sự quan tâm đầy đủ hơn nữa của các cấp Đảng, chính quyền và các ngành có liên quan, theo phương hướng « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm ».

Công tác « quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh tại nhà » thực chất là phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong lĩnh vực y tế. Mặc dù đang có khó khăn về nhiều mặt nhưng đã có được điều kiện tiên quyết là một mạng lưới y tế rộng khắp và hoàn chỉnh với một đội ngũ cán bộ y tế đông đảo, nếu biết phát huy tinh thần làm chủ tập thể và sức sáng tạo của nhân dân, chúng ta hoàn toàn có thể vượt qua những khó khăn trước mắt, phổ cập công tác « quản lý sức khoẻ, khám, chữa bệnh tại nhà » trong cả nước. Đó cũng chính là cách thức, là con đường tốt nhất để chúng ta đạt được mục tiêu cao cả : « sức khoẻ cho mọi người vào năm 2000 ».

Digitized by Google

HOÀNG THANH CẬN
Bí thư Huyện ủy Phúc thọ

PHÚC THỌ XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ HUYỆN VỮNG MẠNH

VỐN là một huyện của tỉnh Hà sơn bình, từ tháng 6-1979, huyện Phúc thọ nhập về Hà nội. Huyện có diện tích tự nhiên 11 348 ha, trong đó diện tích canh tác là 7 000 ha; hình thành hai vùng kinh tế rõ rệt: vùng bãi và vùng đồng.

Huyện gồm 22 xã với số dân gần 12 vạn người, trong đó có gần 5 vạn lao động, chủ yếu là lao động nông nghiệp.

Đảng bộ Phúc thọ có 73 tổ chức cơ sở Đảng với 4 040 đảng viên.

Sáu năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Thành ủy Hà nội, đảng bộ Phúc thọ đã từng bước vận dụng đúng đắn các chủ trương, chính sách của cấp trên vào hoàn cảnh địa phương, suy nghĩ, tìm tòi các biện pháp tháo gỡ dần khó khăn, đưa sản xuất và các phong trào của huyện từ yếu kém vươn lên ngày một khá hơn.

Huyện Phúc thọ được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba (năm 1981), Huân chương Chiến công hạng ba (năm 1984) và Huân chương Chiến công hạng nhất (năm 1985) về thành tích sản xuất và an ninh, quốc phòng.

Gắn với sự đi lên của huyện, đảng bộ huyện chúng tôi từng bước trưởng thành, đã được Ban bí thư Trung ương Đảng công nhận và tặng cờ «Đảng bộ huyện vững mạnh» năm 1980 — 1981. Ngày 11-10-1982 huyện chúng tôi có vinh dự lớn là được đón đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn về thăm.

Nhìn lại chặng đường đã đi, chúng tôi sơ bộ rút ra một số kinh nghiệm phấn đấu trở thành một đảng bộ huyện vững mạnh như sau:

Trước hết, về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, huyện ủy đã xác định phương hướng sản xuất đúng và đề ra những bước đi thích hợp.

Ở một huyện trước kia chủ yếu độc canh cây lương thực, bình quân diện tích canh tác theo đầu người chưa đầy 600 m^2 và không có ngành nghề truyền thống, huyện ủy chúng tôi chủ trương: phải ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, coi sản xuất lương thực là trọng tâm, đồng thời chú trọng đẩy mạnh trồng cây công nghiệp và chăn nuôi, tích cực xây dựng và mở rộng ngành nghề, từng bước xây dựng công nghiệp địa phương nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn huyện.

Huyện ủy chú trọng chỉ đạo toàn diện và phát triển đồng bộ mọi mặt sản xuất, song ở mỗi thời kỳ phải hướng sự chỉ đạo của mình vào việc giải quyết từng nhiệm vụ trọng tâm. Chẳng hạn như năm 1981 — 1982, chúng tôi tập trung cố gắng tạo nên sự chuyển biến lớn về sản xuất lương thực; năm 1983 đẩy mạnh chăn nuôi; năm 1984 phát triển mạnh các ngành nghề.

Để thực hiện chủ trương trên, huyện ủy chỉ đạo cụ thể việc điều

Digitized by Google

tra, khảo sát cơ bản, xây dựng quy hoạch tổng thể và phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Cụ thể là:

Về trồng trọt: hình thành các vùng sản xuất chuyên canh và thâm canh nhằm phá thế độc canh: 8 700 ha lúa, 1 500 ha ngô, 1000 ha đậu tương, 500 – 700 ha khoai tây, 250 – 400 ha mía, 500 ha rau và mở thêm vùng lạc 350 ha.

Về chăn nuôi: phát triển đàn trâu bò bảo đảm có 1 con trâu, bò trên một ha đất canh tác; đẩy mạnh chăn nuôi lợn, nhất là trong khu vực gia đình, củng cố và mở rộng chăn nuôi ở khu vực tập thể; khuyến khích chăn nuôi gia cầm; tận dụng mọi điều kiện để nuôi cá.

Về sản xuất công nghiệp: xây dựng, phát triển ngành nghề ở các hợp tác xã nông nghiệp nhằm làm cho mỗi hợp tác xã có cơ cấu sản xuất vừa chuyên môn hóa vừa kinh doanh tổng hợp, vừa sản xuất nông nghiệp vừa kinh doanh ngành nghề; đồng thời, xây dựng một số tổ chức sản xuất, dịch vụ mang tính chất công nghiệp của huyện.

Chúng tôi coi *giống* và *phân bón* đối với cây trồng và giống đối với con vật nuôi là biện pháp đột phá để nâng cao năng suất; đương nhiên không thể coi nhẹ các khâu khác. Huyện ủy chỉ đạo xây dựng các điểm giống cấp II ở huyện và cấp III ở các hợp tác xã. Hết năm 1982, chúng tôi cơ bản hoàn thành hệ tuyển giống gồm các loại giống tốt, cho năng suất cao, có tính ổn định khá, như: lúa NN8, CR 203,; ngô VM1; đậu tương V 74, ĐH4; lợn lai Đại bạch – Móng cái... Huyện ủy chỉ đạo sản xuất và tạo nguồn phân bón theo ba hướng: đẩy mạnh chăn nuôi để sản xuất phân chuồng; trồng xen canh các loại cây họ đậu, lạc vào hai vụ lúa để cải tạo đất; tự cân đối lương thực để đỡ lấy phân hóa học.

Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ công tác *cải tiến tổ chức, thực hiện cơ chế quản lý mới*. Ổn định quy mô 22 hợp tác xã. Hình thành hơn 300 đội sản xuất cơ bản, coi đây là hình thức tổ chức lao động chủ yếu trong hợp tác xã. Cân đối và chuyển hơn 4 000 lao động nông nghiệp dư thừa sang làm các ngành nghề khác. Qua đó, điều chỉnh phương hướng sản xuất, kết hợp nông nghiệp với ngành nghề, sản xuất với chế biến và phân phối lưu thông, kết hợp chặt chẽ giữa các thành phần kinh tế. Coi trọng xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, tạo điều kiện cho các hợp tác xã đảm nhận «5 khâu» theo cơ chế khoán mới. Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất dưới hình thức tổ chức các đội chuyên: giống, phân bón, bảo vệ thực vật... Đồng thời, huyện ủy từng bước chỉ đạo công tác kế hoạch hóa ở cơ sở: kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính, phân phối, phương án khoán sản phẩm, gắn chặt quyền lợi và trách nhiệm trong điều hành sản xuất và phân phối của đội ngũ cán bộ quản lý từ cấp đội sản xuất trở lên với sản phẩm cuối cùng của xã viên nhận khoán, với mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất – kinh doanh của hợp tác xã.

Chúng tôi cũng coi trọng việc mở rộng *liên kết, liên doanh*; tạo điều kiện cho các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học tác động trực tiếp đến các cơ sở, mở rộng liên kết với các cơ quan, xí nghiệp...

Do có chủ trương đúng, tìm ra những bước đi phù hợp cho nên huyện chúng tôi bước đầu đạt được một số thành tích. Năng suất cây trồng, con vật nuôi tăng lên khá nhanh và ổn định. Huyện trở thành vùng trọng điểm thâm canh lúa của thành phố. Năm 1984, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 80,2 tạ/ha, tăng 72% so với năm 1980; ngô đạt 29,3 tạ/ha, tăng 150% so với năm 1980; tổng sản lượng lương thực quy ra thóc đạt gần 40 000 tấn, tăng 76,3% so với

Digitized by Google

năm 1980. Riêng vụ xuân năm 1985 năng suất lúa toàn huyện đạt 50,01 tạ/ha, ngô đạt 38,86 tạ/ha. Mức sản xuất lương thực bình quân đầu người tăng từ 246 kg năm 1980 lên 358 kg năm 1984. Về chăn nuôi: đàn trâu, bò đạt 5 855 con; đàn lợn đạt 30 192 con, so với năm 1982 tăng 9%, trong đó đàn lợn tập thể là 2 783 con, tăng 21%. Năm 1984 Phúc thọ làm nghĩa vụ đối với Nhà nước được 7 029 tấn thóc, gấp 2,5 lần so với năm 1980; 802 tấn lợn hơi, tăng 78, 7% so với năm 1980. Ngoài ra, năm 1984 huyện còn bán cho thành phố 1 500 tấn rau xanh, 6 000 tấn mía, 120 tấn đậu tương, 50 tấn đậu xanh... Giá trị sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trước kia rất nhỏ bé, đến năm 1984 đạt 36 triệu đồng, tăng 49% so với năm 1980, chiếm 18% giá trị tổng sản lượng của huyện; cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp bước đầu hình thành trên địa bàn huyện.

Hai là, củng cố và xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, trong sạch; nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên.

Trước đây, Phúc thọ có gần 60% số cơ sở Đảng và hợp tác xã yếu kém, sản xuất gặp nhiều khó khăn, một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, giảm sút sức chiến đấu. Trước tình hình đó, huyện ủy đặt rõ vấn đề: phải coi trọng việc củng cố, đưa các cơ sở tiến lên đồng đều; đặc biệt coi trọng công tác chi bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, coi đó là nội dung và biện pháp cơ bản để xây dựng đảng bộ huyện.

Trước hết, huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ việc rà soát, phân loại cơ sở để định ra biện pháp củng cố thích hợp.

Đối với các cơ sở yếu kém, chúng tôi nghiên cứu, phân tích từng trường hợp, tìm đúng nguyên nhân và củng cố dứt điểm. Huyện chọn một cơ sở có nhiều khó khăn nhất để chỉ đạo làm thử, lấy kinh nghiệm chỉ đạo củng cố các cơ sở khác. Hướng giải quyết đối với từng loại là: yếu kém do phẩm chất, năng lực của cán bộ chủ chốt yếu thì bồi dưỡng, nâng cao hoặc thay cán bộ; yếu kém do sản xuất có khó khăn thì cố gắng đầu tư, giúp đỡ để họ vươn lên...

Đối với các đảng bộ khá, huyện ủy tích cực bồi dưỡng, tạo điều kiện cho các đảng bộ này vươn lên đạt tiêu chuẩn vững mạnh. Hằng năm, huyện ủy duy trì đều đặn việc xem xét, đề nghị thành ủy công nhận và tặng cờ «Đảng bộ vững mạnh, trong sạch» cho các cơ sở, biểu dương những đơn vị đã đạt và giữ vững danh hiệu này. Để việc xét và đề nghị được chính xác, huyện ủy triệu tập hội nghị theo vùng hay toàn huyện, thông qua bàn bạc dân chủ, mỗi đơn vị tự xếp loại, các đơn vị khác nhận xét và cuối cùng bỏ phiếu tín nhiệm. Cách làm này không chỉ làm cho các đơn vị nắm vững tiêu chuẩn mà còn tạo nên không khí thi đua sôi nổi học tập lẫn nhau. Do vậy, phong trào phấn đấu trở thành đảng bộ vững mạnh, trong sạch ở Phúc thọ khá mạnh mẽ. Năm 1983, toàn huyện có 54% số cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn vững mạnh, trong sạch. Năm 1984 có 61% và sáu tháng đầu năm 1985 có 67% số cơ sở Đảng đạt danh hiệu này, không còn cơ sở yếu kém. Hiện nay có 11 cơ sở được thành ủy tặng cờ «Đảng bộ vững mạnh, trong sạch», trong đó có 6 đơn vị được nhận cờ lần thứ hai.

Trong quá trình củng cố các cơ sở, chúng tôi coi kiện toàn chi bộ, nâng cao chất lượng đảng viên là khâu trung tâm. Để bảo đảm năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ, huyện ủy kiện toàn tổ chức hơn 400 chi bộ, bố trí lại đội ngũ bí thư chi bộ, coi trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, nhất là gần 300 chi bộ trực tiếp lãnh đạo đội sản xuất. Huyện hướng dẫn nội dung sinh hoạt, định kỳ sinh hoạt chi bộ, định ngày báo cáo lên đảng ủy cấp trên. Huyện còn chỉ đạo

Digitized by Google

các chi bộ trong việc phân công đảng viên, bảo đảm mỗi đảng viên phải đảm nhận một nhiệm vụ tùy theo năng lực và điều kiện, từ việc lãnh đạo, quản lý đến việc phụ trách hộ gia đình. Đồng thời, lưu ý các chi bộ tăng cường công tác kiểm tra và quản lý đảng viên, lắng nghe và lấy ý kiến nhận xét, phê bình của quần chúng, coi trọng việc bồi dưỡng, kết nạp người vào Đảng, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Mấy năm nay, chất lượng chi bộ và chất lượng đội ngũ đảng viên không ngừng được nâng lên. Năm 1983 có 98% số đảng viên đủ tư cách được nhận thẻ đảng viên. Năm 1984, số đảng viên đủ tư cách đạt 98,5%, trong đó có 70% đạt tiêu chuẩn tiên phong, gương mẫu. Hai năm 1983, 1984 các chi bộ kết nạp 230 người vào Đảng, gấp 2 lần so với hai năm trước; hơn 200 đảng viên được học lớp bồi dưỡng chính trị và 800 đoàn viên ưu tú được học lớp tìm hiểu về Đảng.

Ba là, đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp cán bộ theo quy hoạch.

Mấy năm qua, huyện ủy chúng tôi đã cố gắng xây dựng quy hoạch cán bộ phù hợp với từng vùng, từng cơ sở; lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp cán bộ nhằm xây dựng một đội ngũ cốt cán đủ năng lực và phẩm chất lãnh đạo thực hiện mọi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Dựa trên quy hoạch, huyện ủy cử cán bộ chủ chốt từ huyện đến xã và cán bộ dự bị đi học các trường của trung ương và thành phố; những cán bộ khác học các trường của huyện hoặc tại xã. Đối với cán bộ xã được cử đi học, huyện ủy chú ý giải quyết thỏa đáng chế độ trợ cấp trong thời gian học tập.

Huyện ủy còn mở lớp bồi dưỡng công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế cho gần 300 bí thư chi bộ và đội trưởng đội sản xuất; tổ chức học bổ túc văn hóa cho hàng trăm cán bộ, đảng viên; cử 29 đồng chí đi học các trường của trung ương và thành phố. Bên cạnh việc đào tạo, bồi dưỡng thông qua trường lớp, chúng tôi coi trọng bồi dưỡng cán bộ bằng cách tập dượt tổ chức thực hiện từng chủ trương cụ thể. Mặt khác, chúng tôi chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc sắp xếp cán bộ theo quy hoạch. Ví dụ, với cán bộ dự bị bí thư đảng ủy, chúng tôi bố trí làm chủ nhiệm hợp tác xã một thời gian; với cán bộ dự bị chủ nhiệm hợp tác xã phải qua một thời kỳ tham gia ban chỉ huy đội sản xuất v.v.

Mấy năm qua chúng tôi đã kiên quyết bố trí lại những cán bộ chủ chốt ít có triển vọng hoặc không phù hợp với vị trí công tác; mạnh dạn đổi mới sự phân công, thay thế những cán bộ già yếu, kém năng lực bằng những cán bộ trẻ, khỏe đã được đào tạo và thử thách, hạ độ tuổi bình quân của cán bộ trong toàn huyện từ 50 xuống 38 tuổi, trong đó số cán bộ nữ chiếm 23%.

Bốn là, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Thực tế đã cho chúng tôi thấy, để khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân và đưa các phong trào của huyện tiến lên, nhất thiết phải chăm lo bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Huyện ủy chúng tôi coi đây là yếu tố quan trọng bảo đảm thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Chúng tôi thường xuyên quan tâm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong nhân dân nhằm xây dựng cho mọi người ý thức làm chủ, tinh thần hăng hái lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, nông thôn mới. Đặc biệt, trong hoàn cảnh cụ thể của địa phương, chúng

Digitized by Google

tôi chú ý bồi dưỡng cho quần chúng tinh thần tự lực tự cường, ý chí vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; khắc phục tư tưởng thụ động, ỷ lại; bài trừ các hủ tục mê tín.

Chúng tôi cố gắng tạo ra các phong trào quần chúng thực hiện các chủ trương của huyện ủy, gắn việc giáo dục chính trị, tư tưởng với việc tổ chức hành động cụ thể, phục vụ thiết thực cho những mục tiêu, những nhiệm vụ công tác trọng tâm trong từng thời gian. Chẳng hạn như chúng tôi đã phát động phong trào sử dụng giống mới về cây trồng và con vật nuôi, phong trào dùng thêm phân lân và vôi để cải tạo đất, phong trào áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới trong sản xuất... Các phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, phong trào sinh đẻ có kế hoạch, giữ gìn trật tự và an ninh cũng được nhân dân tích cực tham gia. Huyện chúng tôi được thành phố Hà nội công nhận là đơn vị có phong trào thi đua khá. Huyện ủy cũng đã lãnh đạo các tổ chức cơ sở Đảng vận động và tổ chức quần chúng tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền bằng nhiều hình thức sinh động. Bằng các hình thức tuyên truyền, xây dựng câu lạc bộ cơ sở, thư viện xã, tổ chức liên hoan văn nghệ... các xã đã tạo thêm điều kiện để quần chúng học tập, vui chơi, giải trí, tạo nên không khí sinh hoạt tập thể lành mạnh trong nhân dân.

Cùng với việc bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, huyện chúng tôi chăm lo củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Trong việc kiện toàn các cơ quan chính quyền, chúng tôi đặc biệt chú trọng kiện toàn Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện, củng cố các phòng, ban, các công ty, trạm, trại thuộc huyện quản lý; đề cao vai trò tham mưu của các phòng, ban, coi trọng công tác kế hoạch hóa để nâng cao năng lực quản lý của chính quyền, cố gắng từng bước khắc phục tệ quan liêu, thoát ly thực tế sản xuất của các phòng, ban. Trong việc củng cố các đoàn thể quần chúng, chúng tôi chủ trương phải tăng cường lãnh đạo Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội phụ nữ, sắp xếp lại tổ chức, bố trí lại cán bộ, cử một số cán bộ có kinh nghiệm sang tăng cường cho cơ quan lãnh đạo; đồng thời, xác định rõ nội dung, phương hướng hoạt động của các tổ chức đó. Chúng tôi yêu cầu Đoàn thanh niên phát huy vai trò xung kích trên mặt trận lao động sản xuất, đi đầu trong những việc mới, việc khó, nhất là trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Hội phụ nữ làm tốt việc vận động chị em tham gia công tác xã hội, đẩy mạnh sản xuất, chăm lo xây dựng gia đình văn hóa mới, nuôi con khỏe dạy con ngoan, sinh đẻ có kế hoạch... Mặt trận Tổ quốc vận động các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua mua công trái, gửi tiền tiết kiệm, xây dựng vườn quả Bác Hồ v.v. Chính quyền và các đoàn thể quần chúng phối hợp hoạt động, trong từng thời gian tập trung sức giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm hoặc đột xuất. Kinh nghiệm ở huyện chúng tôi đã chỉ ra rằng, trong giai đoạn hiện nay, muốn phát huy quyền làm chủ của quần chúng, muốn tạo ra phong trào quần chúng, phải chú ý kết hợp việc động viên tinh thần với việc khuyến khích bằng lợi ích vật chất, chăm lo thật sự đời sống của người lao động; kết hợp công tác giáo dục tư tưởng với việc xây dựng quy chế và làm việc theo quy chế.

Năm là, cải tiến sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy.

Rút kinh nghiệm những năm trước đây, huyện ủy chúng tôi cố gắng từng bước cải tiến lề lối làm việc, đổi mới phương thức lãnh đạo và chỉ đạo theo phương hướng kết

Digitized by Google

hợp phát huy trí tuệ tập thể với nâng cao trách nhiệm cá nhân; kết hợp phát huy tinh thần đoàn kết, quyết tâm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của tập thể huyện ủy với việc tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên; kết hợp sự chỉ đạo tập trung thống nhất của huyện ủy với việc phát huy tính năng động, sáng tạo của cơ sở, hướng mạnh về cơ sở.

Trong việc xây dựng chủ trương, kế hoạch công tác, một mặt chúng tôi giao cho các ban, ngành chuyên môn, các cơ quan tham mưu chuẩn bị, mặt khác, yêu cầu các ngành, ban có liên quan tích cực tham gia ý kiến. Huyện ủy yêu cầu thủ trưởng các ngành phải suy nghĩ đề xuất ý kiến, nhất là về những biện pháp thực hiện; đồng thời, phải cử cán bộ xuống cơ sở, lắng nghe ý kiến của quần chúng và cán bộ ở cơ sở. Nhờ thế mà các chủ trương, kế hoạch công tác của huyện được cán bộ, đảng viên và quần chúng trong huyện tán thành và ra sức thực hiện.

Trong việc tổ chức thực hiện, huyện ủy yêu cầu các cơ quan, các đơn vị, các ngành phải nắm vững trọng tâm công tác, tập trung sức làm dứt điểm, khắc phục tình trạng « đầu voi đuôi chuột », « đánh trống bỏ dùi ». Chúng tôi đã phân công cụ thể cho các cán bộ nhất là các cán bộ phụ trách cụm, phụ trách vùng, phụ trách các cơ sở trọng điểm, theo phương hướng bám sát cơ sở và quần chúng, chỉ đạo cụ thể, chặt chẽ, có đôn đốc, kiểm tra, có làm thử, có xây dựng điển hình, có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm. Huyện ủy chú ý giáo dục, động viên và tạo điều kiện để các cán bộ công tác ở huyện và cơ sở thực hiện phương châm « đều tay xoay việc », « dàn hàng ngang cùng tiến »; khuyến khích và động viên kịp thời những cán bộ làm việc năng nổ, chủ động và sáng tạo.

Đặc biệt chúng tôi rất quan tâm xây dựng và củng cố sự đoàn kết trong huyện ủy, yêu cầu tất cả các đồng chí trong huyện ủy phải đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động, biến các chủ trương của huyện ủy thành tư tưởng, tình cảm và sức mạnh của toàn đảng bộ.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, thành tích đạt được, trong quá trình phấn đấu và trưởng thành, đảng bộ huyện chúng tôi cũng còn nhiều thiếu sót và khó khăn. Khó khăn chung là trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ ở huyện chúng tôi chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới. Sự lãnh đạo của các chi bộ đội sản xuất còn lúng túng. Tình trạng phát triển chưa cân đối giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa trồng trọt và chăn nuôi chậm được khắc phục.

Dưới ánh sáng nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯD (khóa V), được sự lãnh đạo trực tiếp của Thành ủy Hà nội, huyện Phúc thọ chúng tôi đang khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ kiểu quản lý tập trung quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện xây dựng Phúc thọ thành huyện giàu mạnh ở cửa ngõ phía tây thủ đô Hà nội.

Digitized by Google

NGUYỄN KHẮC THUẬT

Y tế Việt nam và khả năng quản lý sức khỏe tại nhà

«SỨC khoẻ cho mọi người vào năm 2000», đó là một mục tiêu cao quý đồng thời là khẩu hiệu hành động của Tổ chức y tế thế giới. Tuyên bố An-ma A-ta (1978) đặc biệt nhấn mạnh việc phổ cập chăm sóc sức khoẻ sơ đẳng. Đây không chỉ đơn thuần là việc chữa bệnh mà còn là hàng loạt nhiệm vụ mang tính chất phòng bệnh, liên quan đến miễn dịch cho quần chúng theo chương trình vệ sinh môi trường, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh thân thể, bảo vệ bà mẹ và trẻ em...

Ở nhiều nước tư bản, đầy dẫy những tệ nạn như thất nghiệp, đĩ điếm, thiếu dinh dưỡng trong những tầng lớp nghèo..., sức khoẻ vẫn còn là đặc quyền của một vài tầng lớp giàu có. Đối với các nước đang phát triển, phần đông là những nước thuộc địa mới được giải phóng, vấn đề đặt ra rất nghiêm trọng: nhiều nước đang chìm ngập trong đói nghèo, bệnh tật, thiếu cơ sở chữa bệnh, thiếu nhân viên y tế, thuốc men, làm thế nào để thực hiện được «sức khoẻ cho mọi người vào năm 2000»? Vấn đề này cũng đang đặt ra ngay với nước ta, đất nước đã chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và đang xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Liệu Việt nam có thể thực hiện được «sức khoẻ cho mọi người vào năm 2000» không?

★

Sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Một trong những thành tựu hàng đầu là đã xây dựng được *một mạng lưới y tế rộng khắp*, vươn đến tận các làng, bản hẻo lánh. Thoạt nhìn, người ta tưởng như có sự mất cân đối giữa phát triển y tế và phát triển kinh tế. Theo kinh nghiệm chung của nhiều nước, kinh tế thường phát triển trước, tạo điều kiện cho y tế phát triển đến mức tương ứng. Song Nhà nước cách mạng Việt nam đã đặt vấn đề một cách khác: y tế có khả năng và phải đi trước một bước để thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc bảo đảm và tăng cường sức khoẻ cho nhân dân có tác dụng to lớn thúc đẩy sản xuất phát triển. Mặt khác, hoàn cảnh chiến tranh liên miên chống ngoại xâm cũng đòi hỏi phải có một nền y tế ngang tầm nhiệm vụ mới có được một quân đội hùng mạnh và một hậu phương vững chắc để đánh lâu dài và đánh thắng kẻ địch.

Sự lựa chọn của chúng ta đã được thực tiễn chứng minh là đúng. Việt

Digitized by Google

nam đã xây dựng được một bộ máy y tế đáng tin cậy với một đội ngũ nhân viên hùng hậu có tay nghề và những cơ sở vật chất, kỹ thuật ngày càng phát triển. Ngay trong những năm chiến tranh ác liệt nhất, tất cả những người bị thương, những người ốm, những người đẻ... đều được chăm sóc, hầu như không có một bùng nổ dịch tễ nào đáng kể. Nhiều bệnh dịch nguy hiểm như tả, dậu mùa, bại liệt v.v. đã bị chặn đứng. Những bệnh xã hội phổ biến như sốt rét, đau mắt hột, hoa liễu v.v. đang được thanh toán. Các bệnh nhiễm trùng bị đẩy lùi trông thấy. Môi trường sống và sức khoẻ của nhân dân, nhất là ở nông thôn, đã thay đổi hẳn so với mấy chục năm trước đây.

Tuy nhiên, ngành y tế Việt nam đã và đang gặp những khó khăn to lớn: thiếu thuốc và thiếu giường bệnh, chủ yếu là *do nhu cầu về y tế* trong nhân dân không ngừng tăng lên nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Hằng năm, số dân tăng hơn một triệu người. Trước kia người dân bình thường mắc bệnh ít tìm đến thầy thuốc. Họ kiếm cây, lá thuốc quanh nhà để chữa, những trường hợp nặng thì cầu cúng, còn nếu «trời bắt đi» thì lại là tại số (!). Bây giờ đã có mạng lưới y tế khắp nơi và dịch vụ y tế thuận tiện, người dân bình thường cũng biết rằng có bệnh thì phải chữa bệnh và có quyền được chữa bệnh, phòng bệnh, được chăm sóc sức khoẻ.

Vậy thì muốn thực hiện «sức khoẻ cho mọi người vào năm 2 000» ở Việt nam, chúng ta phải làm gì? Không thể có ngay được một nền công nghiệp dược phẩm phát triển mạnh, cũng không thể tăng thêm nhiều giường bệnh, nghĩa là tăng thêm nhiều nhân viên, thiết bị, chi phí quản lý cho các cơ sở điều trị. Câu trả lời quả thật không đơn giản khi ngân sách y tế hiện nay đã vượt quá khả năng kinh tế của đất nước. Chính trong hoàn cảnh khó khăn đó, ban lãnh đạo phòng y tế huyện Ứng hòa tỉnh Hà sơn bình cùng với tập thể thầy thuốc bệnh viện Vân đình đã nảy ra sáng kiến «quản lý sức khoẻ, khám, chữa bệnh tại nhà».

Khám, chữa bệnh tại nhà không phải là chuyện mới ở các nước phát triển. Song nó đòi hỏi phải có nhiều thầy thuốc. Vả lại, vấn đề đặt ra không phải chỉ là chữa bệnh mà còn là phòng bệnh và không phải cho một số gia đình mà cho tất cả các gia đình, «cho mọi người». Cho nên, mô hình của các nước phát triển không thể áp dụng được ở Việt nam.

Ở Việt nam, phải có một mô hình khác.

Những người đưa ra «sáng kiến Vân đình» chủ trương cải tiến tổ chức y tế ở xã, coi trạm y tế hộ sinh xã là trung tâm điều khiển mọi hoạt động y tế ở cơ sở, sao cho nó cắm rễ vào từng hộ gia đình với tư cách là tế bào xã hội. Họ lập những đơn nguyên y tế trên dưới một nghìn dân do một y sĩ và hai y tá phụ trách. Mỗi gia đình cử ra một người tham gia hội chữ thập đỏ, những thành viên này trở thành chân rết của đơn nguyên đó. Hội viên chữ thập đỏ này thường là những thanh niên địa phương đã tốt nghiệp trường phổ thông cơ sở và đã có những kiến thức nhất định về văn hóa và vệ sinh. Hội chữ thập đỏ mở những lớp học cấp tốc chừng dăm bảy buổi tối nhằm giúp cho học viên có được những nhận thức đơn giản, rõ ràng về những việc phải làm trên hai mặt phòng bệnh và chữa bệnh. Họ là người đôn đốc gia đình thực hiện những quy tắc vệ sinh, đi tiêm chủng khi tới kỳ hạn, trồng các cây thuốc chủ yếu, phát hiện bệnh sớm và thông báo kịp thời cho y tế đơn nguyên khi có người ốm trong nhà để y tế đơn nguyên đến phối hợp với gia đình chăm sóc người bệnh tại nhà, trước khi bệnh trở thành nặng

Digitized by Google

Chỉ khi nào bệnh vượt quá khả năng chạy chữa tại nhà mới đưa người bệnh đến trạm y tế xã và cả ở đây nữa, người ta chỉ chuyển lên tuyến trên những trường hợp đích đáng.

Để giúp đỡ các cơ sở theo dõi một cách toàn diện và có hệ thống sức khoẻ của mỗi người trong đơn nguyên, bộ máy y tế huyện với sự giúp đỡ của các y sĩ xã, tổ chức một đợt tổng kiểm tra sức khoẻ, lập sổ sức khoẻ cho từng cá nhân (trong đó có cả mục tiêm chủng) và lập cho mỗi gia đình một túi đựng sổ sức khoẻ của các thành viên. Mỗi gia đình nhận một số hiệu. Số hiệu đó được ghi trên hồ sơ sức khoẻ gia đình và bản đồ y tế của xã. Toàn bộ hồ sơ sức khoẻ của các gia đình được lưu trữ ở trạm y tế xã và hằng ngày, vào cuối giờ làm việc, các y sĩ đơn nguyên lên giao ban, hội ý ở trạm y tế xã để thông báo những diễn biến tình hình sức khoẻ ở các đơn nguyên. Như vậy, chỉ qua trạm y tế xã, người ta có thể biết khá tỉ mỉ hằng ngày có bao nhiêu người bệnh được điều trị tại nhà, bệnh gì, tuổi, nghề nghiệp, giới tính... của người bệnh. Với cách tổ chức như trên, hệ thống y tế của huyện Ứng hòa 150 000 dân trong 27 000 hộ gia đình, bao gồm : bệnh viện đa khoa Vân đình 150 giường bệnh ; các trạm y tế xã 300 giường bệnh và 27 000 « giường bệnh tiềm năng » trong các hộ gia đình. Thế là giải quyết được vấn đề giường bệnh. Các loại thuốc chữa bệnh thông thường như ho, cảm cúm, ỉa chảy, v.v. về cơ bản cũng đã tự túc được, do chủ động khai thác nguồn dược liệu dân tộc. Ở tuyến huyện cũng như ở các trạm y tế xã, ở nhiều hộ gia đình đều có vườn thuốc nam trồng từ 25 đến 35 loại cây thuốc. Ở tất cả các cơ sở y tế trong huyện đều có đội ngũ cán bộ chuyên trách thu mua, chế biến và bảo quản dược liệu.

Quản lý sức khoẻ, khám, chữa bệnh tại nhà đã đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, nhất là khi gia đình có người ốm. Trong hoàn cảnh các dịch vụ công cộng đi lại, ăn uống, phục vụ,...) còn sơ sài, gặp nhiều khó khăn, thì cách quản lý sức khoẻ như trên tránh được cho gia đình người bệnh những chuyển dịch không cần thiết, vừa đỡ tốn kém, vừa không lãng phí nhân công. Đối với các cơ sở y tế, nó giúp tránh được nạn ùn bệnh nhân ; bệnh được phát hiện sớm cho nên không còn tình trạng phải mổ viêm màng bụng do viêm ruột thừa, do thủng dạ dày... Những người mắc bệnh mãn tính được thầy thuốc định kỳ đến thăm, khám, hướng dẫn, chăm sóc cùng với gia đình người bệnh như nằm tại bệnh viện.

Do làm tốt việc quản lý sức khoẻ tại nhà, ngành y tế nắm chắc được tình hình sức khoẻ và bệnh tật của từng người và có kế hoạch phòng, chữa bệnh cụ thể ngay từ khi họ mới mắc bệnh, chủ động thanh toán được nhiều loại bệnh phổ biến, giảm bớt số người bệnh vào các cơ sở điều trị, tiết kiệm được ngân sách Nhà nước. Chính nhờ tổ chức tốt việc quản lý sức khoẻ, khám và chữa bệnh tại nhà mà trong suốt mười năm nay, bệnh viện Vân đình đã hoàn toàn tránh được tình trạng xếp hai người vào một giường, ngay cả trong những thời kỳ cao điểm, việc phục vụ người bệnh và cả người nhà của họ nữa ở đây cũng khá chu đáo.

★

Thực tiễn « quản lý sức khoẻ, khám, chữa bệnh tại nhà » ở huyện Ứng hòa mười năm qua cho phép kết luận rằng có thể áp dụng phổ biến phương pháp ấy ở nước ta. Bởi vì chúng ta đã có *một mạng lưới y tế rộng khắp và hoàn chỉnh từ trung ương đến tận cơ sở* được phân cấp quản lý rõ ràng. Đó là điều kiện cơ bản và quan trọng

Digitized by Google

hàng đầu để có được «sức khoẻ cho mọi người vào năm 2000». Chúng ta có tuyến cơ sở (xã hoặc đơn vị tương đương) có một trạm y tế hộ sinh; làm nhiệm vụ vừa chữa bệnh vừa phòng bệnh, có khả năng sơ cứu, thực hiện vệ sinh nông thôn và ngăn ngừa dịch bệnh. Tuyến huyện có trách nhiệm điều khiển và giúp đỡ tuyến xã, được tổ chức phức tạp hơn, nhằm chuyên môn hóa nhiệm vụ phòng và chữa bệnh. Ở mỗi huyện có một hoặc nhiều bệnh viện đa khoa từ 100 đến 150 giường bệnh, có khả năng can thiệp trung bình và một đội vệ sinh phòng dịch để làm nhiệm vụ «tác chiến». Tuyến tỉnh là tuyến chỉ đạo và trực tiếp giúp sức tuyến huyện; mạng lưới y tế ở tỉnh phát triển thành hai hệ thống hoàn chỉnh: hệ thống điều trị có khả năng can thiệp lớn, gồm một, hai, thậm chí ba bệnh viện đa khoa từ 300 đến 500 giường bệnh và một số bệnh viện chuyên khoa; hệ thống phòng bệnh gồm nhiều trạm chuyên khoa và được trang bị tới mức cần thiết để làm những nhiệm vụ chiến thuật. Tuyến trung ương có hệ thống điều trị đa khoa và chuyên khoa với khả năng can thiệp cao, có hệ thống phòng bệnh đủ sức giải quyết những nhiệm vụ chiến lược trên quy mô toàn quốc và hệ thống những viện nghiên cứu khoa học. Để bảo đảm cho mạng lưới này hoạt động, còn có một hệ thống xí nghiệp dược phẩm trung ương và địa phương với nhiều viện điều chế vắc xin và một hệ thống trường đại học, trung học y, dược.

Điều kiện thứ hai là *một đội ngũ cán bộ y tế được kiện toàn*. Đời sống kinh tế — xã hội ở Ứng hòa không có gì đặc biệt so với các địa phương khác, thậm chí có những mặt còn thua kém nhiều nơi: đồng chiêm trũng, vốn đầu tư của cấp trên không bao nhiêu... Thế nhưng phong trào quản lý sức khoẻ tại nhà ở đây vẫn được duy trì khá tốt là vì có được một đội ngũ cán bộ y tế hết lòng vì người bệnh. Đội ngũ cán bộ y tế này được tổ chức chặt chẽ, được chăm sóc về đời sống vật chất và đời sống tinh thần, về chính trị, tư tưởng, đạo đức và về chuyên môn, nghiệp vụ. Cán bộ y tế ở bệnh viện và ở xã Tân phương, nơi có bệnh viện Vân đình đóng, luôn luôn rèn luyện theo lời dạy của Bác Hồ. Ai cũng có tiến bộ về chuyên môn và có đời sống tương đối ổn định. Nhờ vậy mà «sáng kiến Vân đình» đã thành nền nếp.

Điều đáng chú ý là trong điều kiện đời sống vật chất còn nhiều khó khăn hiện nay, *cần đặc biệt quan tâm đến việc thực hiện chế độ, chính sách đối với toàn bộ đội ngũ, cán bộ, nhân viên y tế được huy động.*

Lấy xã Tân phương, huyện Ứng hòa làm ví dụ. Năm 1984 xã này có 5000 dân, 920 gia đình chia thành ba đơn nguyên y tế theo khu vực cư trú. Bộ máy y tế xã gồm 4 y sĩ và 9 y tá — trong đó có một y sĩ trưởng và 3 y tá hoạt động ở trạm y tế hộ sinh, 3 y sĩ và 6 y tá hoạt động ở các đơn nguyên dựa vào 920 hội viên chữ thập đỏ làm chân rết trong các gia đình. Chỉ có 7 người được hưởng lương tháng, từ 136 đồng đến 82 đồng, riêng người bán thuốc được 72 đồng (tiền cũ). Họ phải thường trực ở trạm và làm ngoài giờ khá nhiều nhưng được thù lao không đáng kể. Những người khác thì ăn theo công điểm của hợp tác xã, y sĩ 11 điểm/ngày, y tá 9 điểm/ngày. Kinh phí để mở những lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế, cho hoạt động của Hội chữ thập đỏ ở cơ sở cũng rất eo hẹp và không có một quy định cụ thể nào. Ấy là chưa nói đến việc xây dựng hay mở rộng những cơ sở vật chất tối cần thiết. Rõ ràng là muốn duy trì và nâng cao nhiệt tình, năng lực của đội ngũ cán bộ và đông đảo những người làm

(Xem tiếp trang 75)

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN KIỀU

XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ

Cơ sở là đơn vị cuối cùng của hệ thống tổ chức xã hội. Cơ sở có mạnh thì từng địa phương, từng ngành và cả nước mới mạnh. Đánh giá một cơ sở nào đó là mạnh hay yếu phải căn cứ vào nhiều yếu tố, trong đó có đời sống văn hóa. Ở nước ta, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa có mối quan hệ mật thiết với nhau, làm tiền đề cho nhau, tác động lẫn nhau một cách tích cực và cùng thúc đẩy nhau phát triển. Cuộc cách mạng này vừa là nhân vừa là quả của các cuộc cách mạng kia và ngược lại. Làm tốt việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, tức là thực hiện tốt cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở cơ sở. Thực hiện tốt cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở cơ sở sẽ tạo điều kiện cho cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật được thực hiện tốt ở cơ sở.

Chính vì tầm quan trọng đặc biệt như vậy của việc tổ chức, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, cho nên nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Một nhiệm vụ của cách mạng tư tưởng và văn hóa là đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, bảo đảm mỗi nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, mỗi đơn vị lực lượng vũ trang, công an nhân dân, mỗi cơ quan, trường học, bệnh viện, cửa hàng, mỗi xã, mỗi hợp tác xã, phường, ấp đều có đời sống văn hóa » (1).

Tiếp theo nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng, các nghị quyết sau đó của các hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng đều có bàn đến vấn đề này. Nghị quyết số 159/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng về công tác văn hóa thông tin khẳng định: phải « xây dựng rộng khắp *đời sống văn hóa ở các đơn vị cơ sở* có chất lượng tốt », phấn đấu « bảo đảm cho *phần lớn đơn vị cơ sở* đều có hoạt động văn hóa, nhân dân lao động được đọc báo, nghe đài, xem phim, xem nghệ thuật. Đặc biệt chú ý các vùng nông thôn, vùng dân tộc ít người ở vùng cao và biên giới ».

Thực hiện các nghị quyết nói trên của Đảng và Nhà nước, mấy năm qua công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đã được chú ý đẩy mạnh.

Từ năm 1983, hầu hết các địa phương đã tiến hành điều tra, nghiên cứu tình hình đời sống văn hóa ở cơ sở, kịp thời giải quyết một số vấn đề về mặt tổ chức và chế độ chính sách nhằm xây dựng tốt hơn đời sống văn hóa ở cơ sở. Tổ chức điều tra đời sống văn hóa ở cơ sở đối với một số địa phương thật ra không phải là vấn đề mới. Nhưng điều đáng chú ý là lần đầu tiên nó được tiến hành trên quy mô cả nước một cách tập trung, mạnh mẽ và có nhiều sáng tạo. Việc tiến hành điều tra được triển khai với sự chuẩn bị chu đáo cả về mặt tổ chức, nhân lực và kinh phí. Hơn thế

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 101.

Digitized by Google

nữa, sau điều tra, từng địa phương đã có những biện pháp cụ thể, tích cực phấn đấu bảo đảm phần lớn các cơ sở có đời sống văn hóa và hoạt động văn hóa. Các tỉnh Gia lai – Kon tum, Đắc lắc đã đề ra biện pháp quản lý chặt các đội chiếu bóng nhằm bảo đảm phục vụ tốt tất cả các cơ sở ở những vùng xa xôi, hẻo lánh. Các tỉnh Hà Bắc, Thái bình sau khi tiến hành điều tra đời sống văn hóa ở cơ sở đã giao chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho từng đơn vị. Các tỉnh Bến tre, Vĩnh phú đã lập bảng xác định và phân loại cơ sở để có kế hoạch điều phối toàn bộ các hoạt động văn hóa, tiến tới xây dựng được đời sống văn hóa ở tất cả các đơn vị cơ sở. Các tỉnh thuộc khu vực đồng bằng Bắc bộ đã có phương hướng và kế hoạch phấn đấu nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của quần chúng ở các cơ sở lên một bước cao hơn. Thành phố Hà nội kiên trì xây dựng đời sống văn hóa ở các cơ sở phường và xã. Đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh đã tích cực triển khai việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, tổ chức nhiều hội nghị chuyên đề về đời sống văn hóa, do đó đã rút ra được nhiều kinh nghiệm tốt. Nói tóm lại, hầu hết các địa phương trong cả nước đã quan tâm nhiều hơn đến việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Nhiều tỉnh, thành đã có nghị quyết của thường vụ tỉnh ủy, thành ủy về vấn đề này.

Ngành văn hóa thông tin cũng đã phối hợp với các địa phương, các ngành, các đoàn thể để tổ chức các hội nghị liên tịch bàn về việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở có liên quan tới các ngành, các địa phương và các đoàn thể đó. Những cuộc hội nghị liên tịch này đã bàn tới các vấn đề thiết thực như: xây dựng đời sống văn hóa trong công nhân ngành than, ngành cao su, trong công nhân đang lao động trên công trường thủy điện Hòa bình, trong các trường phổ thông, đại học; xây dựng đời sống văn hóa ở các cơ sở thuộc vùng Đồng tháp mười, vùng nông thôn Nam bộ, vùng đồng bằng ven biển miền Trung mà nông nghiệp đã hợp tác hóa về căn bản, vùng biên giới phía bắc, v.v. Sau các hội nghị liên tịch đó, nhiều nghị quyết quan trọng về xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đã được ban hành kèm theo chương trình phấn đấu cụ thể của từng bên.

Chính nhờ những hoạt động tích cực và có hiệu quả đó mà việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở thời gian qua đạt được một chất lượng mới: phong trào bước đầu phát triển cả về bề rộng và bề sâu; mức hưởng thụ văn hóa của quần chúng ở các đơn vị cơ sở đã được nâng lên một bước; những điển hình tiên tiến về xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục xuất hiện.

Tuy nhiên, đời sống văn hóa ở nhiều vùng vẫn còn kém, nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng căn cứ kháng chiến cũ, vùng nông thôn miền Nam; mức hưởng thụ văn hóa của quần chúng ở các đơn vị cơ sở thuộc các vùng, miền khác nhau còn có sự chênh lệch khá cao.

Sự yếu kém đó có nhiều nguyên nhân. Trước hết phải kể đến nguyên nhân rất quan trọng là *một số cấp ủy Đảng và chính quyền còn coi nhẹ công tác văn hóa thông tin*, không thấy hết tầm quan trọng của nó trong sự nghiệp chung của cách mạng, do đó đã buông lỏng sự chỉ đạo, khoán trắng cho ngành văn hóa thông tin; ngân sách dành cho ngành văn hóa thông tin hằng năm quá ít.

Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa thông tin chuyên trách ở cơ sở còn rất thiếu và yếu. Đã thế, trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ này lại rất hạn chế. Nhiều nơi, công việc của cán bộ văn hóa thông tin chỉ được thu gọn vào 12 chữ: « bưng, bê, kê, dọn, cờ,

Digitized by Google

đèn, kèn, loa, đinh, đây, hồ, giấy », nghĩa là còn mang nặng tính sự vụ.

Không ít nơi *chưa nhận thức đúng và đầy đủ về nội dung đời sống văn hóa ở cơ sở*, không hiểu rõ xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là phải làm những gì. Có nơi cố chạy theo hình thức, xây dựng nhà văn hóa cho to, không cần biết nội dung hoạt động của nhà văn hóa là gì, thế mà cũng tự hào là địa phương mình, cơ sở mình đã có một đời sống văn hóa cao. Có nơi lại cố xây dựng một đội văn nghệ cho đông, sắm phông màn cho đẹp, và rồi cũng lại tưởng rằng như thế là mình đã có một đời sống văn hóa khá. Khi đã hiểu một cách phiến diện về đời sống văn hóa như vậy thì làm sao có thể xây dựng được một đời sống văn hóa cần thiết, tốt đẹp, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân ở cơ sở?

★

Xây dựng tốt đời sống văn hóa ở cơ sở luôn luôn là một nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đây hoàn toàn không phải là vấn đề đơn giản, mà trái lại: khá khó khăn, phức tạp. Muốn xây dựng tốt đời sống văn hóa ở cơ sở phải có những yếu tố cơ bản sau đây:

Trước hết, *phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo thật chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và các cấp chính quyền*. Thực tiễn cho thấy, địa phương nào, cơ sở nào có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng và chính quyền thì nơi đó phong trào xây dựng đời sống văn hóa đạt được những kết quả tốt. Bởi vì, khi mà cấp ủy Đảng và chính quyền thật sự quan tâm đến phong trào thì hàng loạt điều kiện thuận lợi sẽ nảy sinh như: tình hình được điều tra kỹ; ngân sách chi cho việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được bảo đảm đầy đủ; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa thông tin được chú ý; có chế độ, chính sách khuyến khích kịp thời đối với những người làm công tác văn hóa thông tin v.v. Các điển hình tiên tiến cấp tỉnh, thành như Nghĩa bình, thành phố Hồ Chí Minh; cấp huyện như Hải hậu, Thủ đức; cấp cơ sở như Đường lâm (Hà nội), Đào xá (Vĩnh phú), Chí trung (Hà sơn bình), Duyên hải (Thái bình), Vĩnh thủy (Bình trị thiên), Hải vân (Hà nam ninh), Phúc chu (Bắc thái), phường Ba, quận Một (thành phố Hồ Chí Minh), phường Quyết thắng (thành phố Biên hòa), phường Trần Hưng Đạo (thành phố Nam định), Liên hiệp xí nghiệp gang thép Thái nguyên, Liên hiệp xí nghiệp dệt 8-3 v.v. đã chứng tỏ điều đó.

Một yếu tố quan trọng khác là *cần tiến hành điều tra, nghiên cứu thật tỉ mỉ*. Có như vậy chúng ta mới hiểu rõ được tiềm năng và tình hình phát triển văn hóa ở cơ sở, nắm chắc được đối tượng hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa, nắm chắc được tình hình đội ngũ cán bộ văn hóa thông tin ở cơ sở, v.v. Nói tóm lại, có nghiên cứu, điều tra thật tỉ mỉ, chúng ta mới nắm chắc được thực trạng đời sống văn hóa của quần chúng ở cơ sở để có kế hoạch xây dựng đời sống văn hóa và xác định chỉ tiêu phấn đấu cho thích hợp với từng miền, từng vùng, từng địa phương và từng cơ sở khác nhau.

Xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng tốt đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa thông tin chuyên trách ở cơ sở cũng là một yếu tố có ý nghĩa quyết định. Huyện có phòng văn hóa thông tin thì xã phải có cán bộ văn hóa thông tin. Đã đến lúc không thể chấp nhận được tình trạng ở cơ sở không có cán bộ văn hóa thông tin chuyên trách. Có việc thì phải có người làm. Song, có người làm chưa đủ, mà người đó

Digitized by Google

còn phải biết làm, nghĩa là phải có trình độ văn hóa và trình độ nghiệp vụ nhất định đủ sức đảm đương công việc được giao. Như vậy, một vấn đề đặt ra là phải gấp rút đào tạo, bồi dưỡng cho được một đội ngũ cán bộ văn hóa thông tin chuyên trách ở cơ sở. Cùng với việc bồi dưỡng về mặt nghiệp vụ cũng cần có chính sách đãi ngộ thích đáng đối với những người làm công tác văn hóa thông tin chuyên trách ở cơ sở, có như vậy họ mới yên tâm, phấn khởi công tác. Nghị quyết số 159/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng về công tác văn hóa thông tin đã chỉ rõ, từ nay các cơ sở đều phải có cán bộ văn hóa thông tin chuyên trách, được hưởng chế độ thù lao như cán bộ giáo dục, y tế.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở thì cơ sở phải tự lo, tự làm là chính, tuy nhiên vẫn *phải có sự đầu tư thích đáng của cấp trên về cơ sở vật chất kỹ thuật*, bởi vì có những điều dù cơ sở cố gắng đến mấy chăng nữa cũng không thể thực hiện được. Chẳng hạn, muốn xây dựng một đội văn nghệ, một đội thông tin thì phải có những công cụ chuyên dùng như phông, màn, nhạc cụ, son phấn, loa, đài, pin, v.v. Những thứ đó cơ sở làm sao có thể tự túc được nếu không có sự giúp đỡ của cấp trên? Hiện nay, vẫn còn nhiều địa phương, kinh phí dành riêng cho văn hóa thông tin rất ít. Tình trạng này rõ ràng là không thể chấp nhận được nếu thật sự muốn xây dựng tốt đời sống văn hóa ở cơ sở.

Muốn xây dựng tốt đời sống văn hóa ở cơ sở còn phải đặc biệt chú ý *xây dựng và phát triển tốt văn hóa cấp huyện*. Văn hóa huyện là cái cầu nối liền văn hóa của cả nước, văn hóa trung ương với văn hóa ở các cơ sở. Do sản xuất vật chất của chúng ta còn thấp, giao thông chưa phát triển, phương tiện truyền thông đại chúng chưa được sử dụng phổ cập trong cả nước cho nên quần chúng ở nông thôn ít có điều kiện tham gia vào các hoạt động văn hóa của cả nước, của trung ương và của ngay chính tỉnh mình. Vì vậy, phải đẩy mạnh xây dựng văn hóa cấp huyện để thông qua đó mà truyền bá, phổ cập văn hóa, đưa những giá trị văn hóa chung của cả nước tới từng cơ sở, đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của quần chúng ở các cơ sở. Văn hóa huyện được xây dựng và phát triển vững mạnh sẽ góp phần tích cực trong việc tổ chức chỉ đạo, xây dựng và nâng cao hoạt động văn hóa của các cơ sở. Nhà văn hóa huyện ở một số địa phương đã có tác dụng nhất định trong việc vạch kế hoạch, chương trình hoạt động và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa của các cơ sở. Việc tổ chức tập huấn cho các đội văn nghệ xã, ấp, các hạt nhân văn nghệ, các tuyên truyền viên đã bắt đầu được đưa vào nội dung hoạt động của các nhà văn hóa huyện. Tại các cơ sở văn hóa của huyện còn có thể tổ chức các hoạt động câu lạc bộ, những hội nghị chuyên đề, những cuộc triển lãm, những hội diễn văn nghệ, v.v. Những hoạt động đó góp phần bồi dưỡng và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thông tin ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia đông đảo vào việc sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần mới. Như vậy rõ ràng là xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở không thể tách rời việc xây dựng văn hóa huyện, quận.

Ngoài những yếu tố nêu trên, về mặt nhận thức cần phải *hiểu đúng, hiểu đầy đủ về đời sống văn hóa ở cơ sở*. Đời sống văn hóa là một phạm trù rộng lớn bao gồm sự hoạt động của nhiều ngành văn hóa xã hội. Vấn đề này hiện đang có những ý kiến tranh luận. Song, về cơ bản đã đạt tới sự thống nhất là: một cơ sở có đời sống văn hóa khá phải bảo đảm được

(Xem tiếp trang 102)

Digitized by Google

BÙI THỊ KIM QÙY

CẦN SỚM KHẮC PHỤC TỆ MÊ TÍN

CHÚNG ta đang sống trong một thời kỳ quá độ, giao thời giữa cái cũ và cái mới. Trong bối cảnh đó đề cập đến vấn đề xây dựng lối sống hay nếp sống có văn hóa, hẳn không thể không nhắc đến một hiện tượng gần đây rất đáng lưu tâm. Đó là tình trạng mê tín, một loại hình tiêu cực nhất của tín ngưỡng, thể hiện một cách đa dạng và dường như đang có chiều hướng tràn lan ra nhiều lớp người, nhiều lứa tuổi.

Quả vậy, trạng thái mê tín diễn ra ở các thành thị và nông thôn, ở lớp người già cũng như ở những người còn trẻ, ở giới nữ và cả phái nam, không giới hạn vào trình độ học vấn hay nghề nghiệp, từ người có thu nhập bấp bênh đến người có sinh kế ổn định. Thậm chí mê tín còn tác hại ngay cả trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Điều đáng nói là hủ tục mê tín không chỉ tồn tại ở một bộ phận quần chúng lạc hậu mà còn được duy trì ngay trong nhiều đơn vị, cơ quan, xí nghiệp hoặc địa phương. (Chẳng hạn như tục « cúng cô hồn » đặc biệt vào tháng bảy âm lịch ở ngành giao thông vận tải, hoặc các hoạt động « ba lợi ích » tại một số vùng có đền chùa « linh kiền » mà ngành văn hóa, ngành thương nghiệp quốc doanh cũng đã chủ động góp phần « phục vụ »).

Trong thời gian qua, hiện tượng mê tín thường lấp đi lấp lại, mà lần nào cũng thu hút một bộ phận quần chúng đáng kể tin theo một cách mù quáng. Nước « cồn tiên » của sông Cửu long năm 1984 cũng được coi như thần diệu trị đủ « bách bệnh » giống như lời đồn đại về nước suối Kênh Gà mấy chục năm trước trên địa bàn miền Bắc. Kết quả dễ thấy là sự bỏ bê lao động sản xuất của khá đông người mê tín và sự thiệt hại không nhỏ về tài sản cũng như về tính mạng của nhân dân lao động nhẹ dạ cả tin.

Rõ thật kỳ quặc khi cho đến nay, chúng ta còn phải chứng kiến trong các thành phố, thị xã không ít cảnh đám ma nghênh ngang hơn đám rước với đội kèn đồng inh ỏi vừa nhạc tàu lại cả nhạc tây, hoặc cảnh ma chay ăn uống linh đình với đủ loại phúng điếu diễn ra nhiều ngày, hoặc đám cưới cũng phải nhờ thầy bói bấm so đôi tuổi và chọn giờ « hoàng đạo » đề rước dâu...

Rõ ràng đây là những hiện tượng xa lạ và cũng rất đối nghịch với cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng ở xã hội ta.

Vấn đề đặt ra là cần phân tích sâu sắc nguyên nhân của hiện tượng đó, để có được những đối sách và biện pháp giải quyết thích hợp nhằm bài trừ và tiến tới chấm dứt tệ mê tín.

●

★

Trước hết, cần tìm hiểu nội dung và mối quan hệ hữu cơ giữa tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín

Digitized by Google

Cả ba khái niệm trên đều có một đặc trưng chung là lòng tin vào sức mạnh thần linh, huyền bí. Lòng tin này có hình thức biểu tỏ thông qua các nghi lễ từ đơn giản đến phức tạp tùy theo dân tộc và thời đại và ngày càng bớt dần yếu tố truyền thống huyết tộc để chuyển sang một nội dung mới dần đượm màu sắc giai cấp rõ rệt.

Với tôn giáo thì niềm tin đã trở thành một hệ thống giáo lý và đạo đức quy định cả thế giới quan và nhân sinh quan của con người. Ngoài ra, ở phần nghi lễ, tôn giáo đã trở thành một thứ quy chế chặt chẽ, một giáo luật hẳn hoi với cả một tổ chức giáo hội quy tụ một lớp người hành nghề tôn giáo, có phân chia phẩm trật ngôi thứ, và chuyên việc chăm sóc « phần hồn » cho quần chúng tín đồ; đồng thời cũng luôn có ý thức làm « sáng danh đạo » qua việc nghiên cứu nhằm hợp pháp hóa các thứ giáo lý, giáo luật, giáo quyền cho ngày càng thích hợp với đông đảo quần chúng.

Riêng mê tín vì tính cách sùng kính đã chuyển sang thể mê cuồng không còn phân biệt phải trái và có khi mất hết cả lý trí. Mê tín thể hiện ra qua các mức độ khác nhau. Hiền lành hơn cả, đôi khi chỉ là một vài trở ngại thông thường: kiêng cữ ngày ba, ngày bảy, sợ ra ngõ gặp gái, « vía », mở hàng v.v. Nhưng có khi mê tín lại trở thành tệ nạn xã hội, thậm chí còn gây ra tai nạn chết người, biểu lộ rõ tính cách phi khoa học và vô nhân đạo (chôn sống hài nhi vì cho đó là « thần nữ »; không cho người đẻ trên thuyền; chữa bệnh theo kiểu mê hoặc; vụ đồng Chi ở Hà nội gây xôn xao dư luận và công phẫn trong nhân dân...). Mê tín còn được bọn phản động sử dụng để thực hiện các mưu đồ phá hoại về chính trị (bói toán kích động người di tản hoặc cản trở việc thi hành nghĩa vụ quân sự...).

Một điều đáng chú ý là giáo hội chính thống nào cũng tự xem mình là « siêu việt », phản bác mê tín, nhưng trong thực tế lại làm ngơ không loại trừ mê tín. (Như có lần tại một nhà thờ ở Thủ đức đã diễn ra cảnh các tín đồ nhặt ăn bỏng rang để trong quan tài một linh mục đã chết với lòng tin cả gia đình mình sẽ được phước lành; hoặc cứ mỗi mùa lễ Vu lan (rằm tháng bảy) việc đốt vàng mã ở các chùa gây tốn kém đến hàng chục triệu đồng...). Mê tín rõ ràng là còn được dùng để củng cố tín ngưỡng đồng thời qua đó khẳng định tổ chức giáo hội có quyền uy.

Ngoài ra, hiện tượng mê tín ở nhiều nơi được cổ vũ bởi lớp người chuyên buôn thần bán thánh. Số người này lợi dụng danh nghĩa ban chấp hành hoặc lan trị sự của một đoàn thể nhân dân nào đó để tiến hành một cách hợp pháp các hình thức lừa bịp người mê tín (như in và bán ảnh Phật bà cưỡi rồng cứu con thuyền đang gặp cơn dông bão ở biển Đông; hoặc nghĩ cách sản xuất ra thật nhiều kiểu áo mã hợp thời trang ...). Trắng trợn hơn, có một số nơi bày ra việc dâng sao giải hạn, hoặc để nguyên tình trạng tập trung các dạng bói toán, xem chỉ tay, coi tướng mặt, hoặc bói bài, đoán xăm, dâng sớ, kể cả tế lễ linh đình suốt mấy ngày « vía » trong năm; có nơi còn tổ chức « cầu cơ » và thậm chí cả cầu siêu « thánh tử đạo ». Và có nơi, để được hợp pháp hóa các hoạt động cúng tế kèm theo tiệc tùng, ban tổ chức còn mời cho kỳ được cả đại diện chính quyền, mặt trận và các đoàn thể đến khai mạc và tham dự!

★

Phân tích nguyên nhân của hiện tượng mê tín, chúng ta không thể đồng ý với cách giải thích quá đơn sơ về tình trạng mê tín hiện nay rằng đó chỉ là hậu quả thông thường của một xã hội sau chiến tranh. Cần nhìn rõ hơn vào mặt *hiện thực khách quan* của

Digitized by Google

trạng thái mê tín hôm nay, đó là cái hiện thực của chặng đầu thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản (nặng tính chất thực dân mới) lên chủ nghĩa xã hội, trong đó mặt bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội chưa được phát huy đầy đủ, mặt hậu quả của xã hội cũ còn đè nặng lên lối sống, nếp nghĩ, phong cách ứng xử của nhiều thành phần, nhiều tầng lớp người trong xã hội. Và điều đáng chú ý là có nơi, có lúc, cái cũ thậm chí còn khống chế, lấn lướt cái mới, cái tiến bộ. Do đó, ảo tưởng về một sức mạnh thần linh, huyền bí vẫn còn có cơ hội để sống lại và còn những yếu tố để tiếp tục nảy sinh.

Tuy nhiên, sẽ là không đầy đủ nếu chỉ dừng lại ở những mặt trông thấy bề ngoài mà không tính đến *chiều sâu tư tưởng* của sự phá hoại lâu dài và hiểm độc của chủ nghĩa đế quốc, chẳng những ở thời kỳ hoành hành của nó mà còn ở cả "kế hoạch hậu chiến" trong đó có vấn đề lợi dụng triệt để yếu tố mê tín, tôn giáo như một binh chủng đắc lực làm chức năng chiến tranh tâm lý phá hoại sâu rộng cuộc sống tinh thần của nhân dân ta. Nếu ở thời kỳ thực dân mới trước đây, mê tín có thể được xem như "một quốc sách không tuyên bố" thì hiện nay nó vẫn ngấm ngầm tác động mà ta chưa lường hết mọi hậu quả tai hại của nó đối với đời sống xã hội. Có thể nói, đây không chỉ là vấn đề thủ pháp kích động chính trị mà còn là vấn đề tổ chức và đường dây chỉ đạo, là việc cung cấp phương tiện cùng tiền bạc cho sự xuất hiện hàng loạt và đủ loại hình mê tín, đặc biệt đi sâu và hấp dẫn cho được số thanh niên, thiếu niên dông đảo.

Chúng ta hiểu tín ngưỡng, tôn giáo hay mê tín thực chất chỉ là vấn đề ảo tưởng, nhưng thứ ảo tưởng này không phải dễ dàng chấm dứt; thậm chí nó còn sống dai dẳng ngay cả sau khi gốc rễ đã mất đi. Đến lúc nào đó, mức sản xuất xã hội tăng lên, nhu cầu vật chất và văn hóa được thỏa mãn, gia đình hạnh phúc, chiến tranh bị đẩy lùi... song con người trong thế giới của những truyền thống tôn giáo — lúc đó được coi như tập quán xã hội — còn cần một thời gian lâu dài để tự mình định hướng, vượt qua những quan niệm, những phong tục và cơ chế dư luận của những tín đồ.

Mặt khác, còn có thể nói tín ngưỡng tôn giáo hay mê tín cũng dính dáng đến cả *quy luật tình cảm*, mặt tâm lý hết sức phức tạp của con người, một khi gặp phải tai ương, tật bệnh hiểm nghèo hay sự giã biệt cõi đời của người thân thương nhất. Khi ấy, một vài hình thức cầu siêu, khấn vái lại có tác dụng làm vơi đi nỗi bất hạnh đau thương ở những con người vốn dĩ chẳng tin gì vào thiên đường, địa ngục, vào thế giới mai sau hay linh hồn bất tử, mà chỉ để tìm một sự an ủi nào đó cho giãn thần kinh, cho dịu tâm hồn... Nhưng cũng chính do khoảnh khắc ngắn ngủi ấy mà những kẻ thường xuyên lợi dụng tôn giáo, lợi dụng lòng sùng tín của con người lại dễ dàng dẫn dắt quần chúng đi vào con đường thần bí.

★

Vấn đề đặt ra là cần sớm khắc phục tình trạng mê tín trước hết là đối với số cán bộ, đảng viên, đoàn viên. Tất nhiên về quan niệm và biện pháp, chúng ta phải có sự phân tích sâu kỹ để phân loại về tính chất và mức độ đối xử cụ thể sao cho không lẫn lộn giữa tôn trọng tín ngưỡng với việc cần thiết phải ngăn chặn mọi kiểu mê tín đã từng gây ra nhiều tai họa cho xã hội.

Tuy nhiên, còn có thể đặt hướng tích cực hơn, nghĩa là phải tạo nên những môi trường tốt, trong gia đình cũng như ngoài xã hội, ở thành thị cũng như nông thôn, từ đơn vị sản xuất tập thể nhỏ đến những xí nghiệp

Digitized by Google

lớn v.v. sao cho tất cả đều nhận thức: phải kiên quyết đấu tranh chiến thắng mọi biểu hiện thoái bộ, lạc hậu. Nói một cách khác, chính là cần nắm được tác động biện chứng của xây dựng và bài trừ trong lĩnh vực giải phóng con người ra khỏi những ảo tưởng của tín ngưỡng tôn giáo, nhất là cần ngăn chặn một cách có hiệu quả các hiện tượng mê tín.

Do đó, cũng cần phải suy nghĩ đến việc tạo những điều kiện, phương tiện cho các hoạt động văn hóa tinh thần của ta có sức hấp dẫn, thay thế những hội hè lễ nghi tôn giáo truyền thống, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa của quảng đại quần chúng, nhất là các tầng lớp thanh niên. Có những mô hình văn hóa tốt cần được nhân lên mau chóng; còn đối với các nơi đã thực hiện tốt nếp sống mới trên nhiều lĩnh vực: ma chay, cưới xin, giỗ tết, v.v. thì cần thường xuyên phát huy và giữ vững phong trào, chống sự ngóc dậy, sống lại của các hủ tục mê tín.

Tóm lại, dù trạng thái tâm lý tín ngưỡng ở xã hội ta hiện nay đang ở mức không bình thường, tình hình mê tín trong quần chúng còn như một thứ thời trang, thì chúng ta vẫn cần một thái độ bình tĩnh để xem xét nguyên nhân và tìm cách khắc phục một cách hợp lý. Đó là phương châm đúng đắn để tránh những khuynh hướng có thể diễn ra từ tả sang hữu hoặc ngược lại đối với các hiện tượng từ mê tín đến thái độ lấy cầu an chờ đợi thay thế cho hành động cách mạng. Cuộc đấu tranh này vừa gay go phức tạp lại vừa tế nhị, cần phải có thời gian và đòi hỏi một tinh thuyết phục cao; vì đấy còn là vấn đề của quy luật tình cảm, của yếu tố tập tục và truyền thống, của dư luận xã hội và của mối dây liên hệ cộng đồng chằng chịt về nhiều mặt v.v.

Giải thoát những lớp người khỏi ảnh hưởng của thần linh thượng đế, và giúp cho họ biết đặt niềm tin chảy bỏng vào sức mạnh sáng tạo của khối óc và bàn tay của chính mình vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đó là mục tiêu mà chúng ta nhằm đạt tới trong cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục mê tín hiện nay.

Cái riêng và cái chung...

(Tiếp theo trang 96)

là kẻ địch nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội» (1)

Thấm nhuần những lời dạy ân cần và sâu sắc của Bác Hồ, thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương của Đảng, chắc chắn chúng ta sẽ giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân) lợi ích tập thể và lợi ích Nhà nước, một yêu cầu rất quan trọng trong quá trình thực hiện cơ chế quản lý mới.

HÀ PHƯƠNG

(1) Hồ Chí Minh: *Về xây dựng Đảng*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1961. tr. 156.

NHÌN LẠI TÌNH HÌNH...

(Tiếp theo trang 100)

sức mạnh của xu thế thời đại, mà còn có cả sức mạnh của so sánh lực lượng đã thay đổi. Điều này chứng tỏ, mặc dù cuộc đấu tranh cho hòa bình, chống chiến tranh sẽ còn rất gay go, quyết liệt, song triển vọng là tốt đẹp. Đương nhiên, triển vọng này còn phụ thuộc vào ý chí và sức mạnh của các dân tộc, trước hết là của các nước xã hội chủ nghĩa trong việc quyết tâm thực hiện các cương lĩnh hòa bình và cách mạng, tạo ra một bước ngoặt cơ bản trong sự phát triển kinh tế — xã hội của mình, đưa thế cân bằng vững chắc hiện nay giữa Đông và Tây trên lĩnh vực quân sự — chiến lược sang cả lĩnh vực kinh tế xã hội và khoa học kỹ thuật.

Digitized by Google

Cái riêng và cái chung

MỘT giọt nước trong biển cả, một cái cây trong khu rừng, một cá nhân trong tập thể, một địa phương trong đất nước,... nghĩa là một bộ phận trong toàn cục, tất cả những cái đó nằm trong mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung.

Cái riêng và cái chung là một trong những cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật, nó phản ánh một loại quan hệ phổ biến, thường xuyên, biện chứng giữa các sự vật, hiện tượng. Theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bất cứ cái riêng nào cũng là một bộ phận của cái chung, phản ánh cái chung, chịu sự chi phối của cái chung; cũng như bất cứ cái chung nào cũng bao hàm cái riêng, quy định cái riêng. Cái riêng phong phú hơn cái chung, nhưng cái chung sâu sắc hơn cái riêng. Không có cái riêng thì không có cái chung, và ngược lại, không có cái chung thì không có cái riêng.

Chủ nghĩa tư bản dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, sản xuất tư bản chủ nghĩa nhằm thỏa mãn lợi ích cá nhân mù quáng của nhà tư bản cho nên nó rất đề cao cái riêng, tuyệt đối hóa cái riêng. Quyền tư hữu của nhà tư bản được xem như quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm. Cái tôi ích kỷ của nhà tư bản được đề cao lên tận mây xanh. Người ta cạnh tranh nhau, dìm dập nhau, thậm chí đâm chém, giày xéo lên nhau cũng chỉ vì lợi ích cá nhân ích kỷ. Sống dưới chế độ tư hữu, ai biết phận nấy, đèn nhà nào rạng nhà ấy, mọi người không cần biết đến lợi ích của nhau, mỗi người có một cái *Tôi* to tướng. Đạo đức và tình cảm của các nhà tư bản là « người khác chết cho riêng tôi sống », họ mong muốn « sau tôi là một trận hồng thủy », mọi người lâm nạn, riêng « tôi hứng được trận mưa vàng »!

Trái lại, chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, mục đích của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa là thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của toàn thể nhân dân, chủ nghĩa xã hội lại có cách nhìn biện chứng và khoa học cho nên thường nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và tập thể, giữa bộ phận và toàn cục. Chủ nghĩa xã hội không đối lập cái riêng với cái chung, không chà đạp lên cái riêng như bọn tuyên truyền tư sản thường rêu rao xuyên tạc. Chủ nghĩa xã hội hết sức tôn trọng cái riêng, bảo vệ cái riêng; nhưng trong khi tôn trọng và bảo vệ cái riêng lại rất chú ý đến cái chung, đòi hỏi cái riêng phải nằm trong cái chung và phục tùng cái chung. Cái chung mở đường cho cái riêng, tạo điều kiện cho cái riêng hoạt động hết mình và phát triển rực rỡ, trong khi cái riêng làm tất cả vì cái chung, làm phong phú thêm cái chung. Cái riêng và cái chung thống nhất hài hòa với nhau, nương tựa vào nhau và bổ sung cho nhau. Cái chung không thôn tính cái riêng, cái riêng không nằm ngoài cái chung. Đạo đức của con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa là « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người ». Nguyên tắc:

Digitized by Google

quán xuyến trong chủ nghĩa xã hội là nguyên tắc tập trung dân chủ.

Những vấn đề sơ đẳng nêu trên, mọi cán bộ, đảng viên ta đều đã rõ. Có đồng chí còn được học đi học lại nhiều lần. Vậy mà hiện nay trong chúng ta vẫn có những cách hiểu và cách làm không đúng, giải quyết không thỏa đáng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung.

Có những nơi trong một thời gian khá dài, không nhận thức đầy đủ ý nghĩa quan trọng của cái riêng, cho nên không quan tâm đúng mức đến việc tạo điều kiện cho cái riêng phát triển. Đáng lẽ phải khuyến khích, động viên các cơ sở, các thành viên trong ngành mình, bộ phận mình phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh, thì người ta lại «ôm đồm» tất cả, không mạnh dạn phân cấp, giao quyền cho cơ sở, không kiên quyết thoát ra khỏi lối quản lý quan liêu — bao cấp. Họ rất ngại nói đến tính toán kinh doanh lỗ lãi; sợ phát triển kinh tế địa phương, kinh tế gia đình sẽ đi vào con đường tự phát tư bản chủ nghĩa! Đáng lẽ phải quan tâm đúng mức đến lợi ích cá nhân người lao động, dùng các chính sách đòn bẩy kinh tế để khuyến khích người lao động phát huy đến mức cao nhất tài năng và trí sáng tạo của mình thì có nơi lại chỉ giáo dục chay, hô hào động viên chung chung, rằng hãy vì cái chung, vì tập thể.

Ngược lại, có những nơi hiểu không đúng việc phát huy tính năng động, sáng tạo, đi đến chỗ «sáng tạo» vô nguyên tắc, nhấn mạnh một chiều việc chăm lo cho cái riêng, làm việc gì cũng chỉ vì lợi ích cục bộ của riêng địa phương mình, ngành mình, đơn vị mình, không có con mắt toàn cục, không đặt mình trong cái chung tổng thể. Thậm chí có nơi vì lợi ích riêng, sẵn sàng xâm phạm lợi ích chung. Chả thế mà đã có những hiện tượng tìm cách giảm mức khoán, gian dối trong việc tính toán mức hao phí vật tư và số lượng sản phẩm để giảm mức đóng góp với Nhà nước; cố ý làm trái pháp luật Nhà nước, lập quỹ đen, kinh doanh trái phép hoặc tự ý lấy đặt ra những luật lệ riêng không đúng nguyên tắc để xoay xở làm sao có lợi cho cơ sở mình. Trong la phần kế hoạch sản xuất kinh doanh, một số nơi chỉ quan tâm đến «kế hoạch ba», tập trung ưu tiên cho «kế hoạch ba», làm ảnh hưởng xấu đến các phần kế hoạch khác.

Nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đã phê phán mạnh mẽ những biểu hiện không đúng nêu trên, chỉ ra những tác hại nghiêm trọng của nó và đòi hỏi các cấp, các ngành phải nêu cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích Nhà nước, tức cũng là giải quyết tốt mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung. Gần đây, Nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯ Đảng một lần nữa lại nhấn mạnh đến vấn đề này, yêu cầu các cấp, các ngành phải kiên quyết xóa bỏ lối quản lý quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, khuyến khích mạnh mẽ các cơ sở, các tập thể và cá nhân phát huy tính năng động, sáng tạo của mình, thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhưng đến nay, một số nơi, một số ngành vẫn còn do dự, ngập ngừng, chưa kiên quyết và dứt khoát chuyển cách làm ăn theo tinh thần của Nghị quyết tám. Nếp nghĩ và nếp làm cũ vẫn chưa rời khỏi họ. Nhiều nơi vẫn còn cố bám vào những nguyên tắc, những luật lệ cũ không còn thích hợp làm cho các cơ sở sản xuất vẫn thấy bị bó chân bó tay.

Mặt khác, ở không ít nơi, ngay trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết tám, đã có những hiểu

Digitized by Google

hiện tự do, vô kỷ luật, cục bộ địa phương, trái với nguyên tắc tập trung thống nhất trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đó là những hiện tượng không tuân theo kỷ luật định giá và giữ mặt bằng giá, lợi dụng thời cơ « đục nước béo cò », tranh thủ làm « chuyện đã rồi » kiểu như một số cửa hàng thương nghiệp trong những ngày bỏ giá vào lương; làm lộ bí mật kinh tế, phân tán tiền nong ở một số đơn vị, xí nghiệp trong những ngày thu đổi tiền; tranh thủ nâng lương đồng loạt một cách sai trái cho cán bộ, nhân viên ở một số nơi trong những ngày thực hiện cải tiến một bước chế độ tiền lương...

Trong quan hệ giữa cá nhân và tập thể, nhiều nơi có hiện tượng chỉ biết lợi ích cá nhân, tìm mọi cách vun vén cho cá nhân, giải quyết công việc chỉ xuất phát từ yêu cầu và lợi ích cá nhân. Khi có mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, người ta sẵn sàng đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích tập thể. Nguỵ biện rằng Nhà nước còn khó khăn chưa lo hết được cho từng người, từng người phải biết tự lo cho mình, dân giàu nước sẽ mạnh, một số người ra sức chạy chọt, lo lót, buôn bán làm ăn bất chính để làm giàu cho cá nhân. Một số người lấn đất công, ăn cắp vật tư của Nhà nước, của cải của tập thể để làm nhà trái phép. Một số người lợi dụng chức quyền hoặc nhiệm vụ được giao (nhất là trong các ngành vật tư, thương nghiệp, tài chính, ngân hàng,...) để móc ngoặc, gian lận, vòi vĩnh, chấm mút, xà xẻo của công, có người dục khoét rất trắng trợn.

Lại có người nhập nhằng giữa việc công và việc riêng làm sao có lợi cho riêng mình. Họ sẵn sàng mượn tiếng cơ quan, nhân danh tập thể để làm những việc phục vụ cho lợi ích riêng của họ. Việc nào thành công thì nhận là thành tích của riêng mình, công lao của riêng mình; việc nào thất bại hoặc kém kết quả thì đổ tại khách quan hoặc cho đó là « trách nhiệm của tập thể ». Cái chung và cái riêng ở đây không rõ ràng, có khi lợi chung biến thành lợi riêng, hại riêng hóa ra hại tập thể.

Có thể kể ra nhiều hiện tượng tương tự như thế trong xã hội và trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ta. Những hiện tượng này đều trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội, không phù hợp với tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước và của tập thể.

Càng ngẫm chúng ta càng thấy thấm thía vì sao Đảng ta nhấn rất mạnh sự cần thiết phải giáo dục xây dựng ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đảng ta khẳng định mạnh mẽ rằng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bản chất của chủ nghĩa xã hội; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là động lực của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đảng ta chủ trương phải xây dựng cho mọi người, mọi ngành, mọi cấp, mọi tổ chức ý thức làm chủ *tập thể xã hội chủ nghĩa*, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống thứ làm chủ cá thể, làm chủ phường hội, không phù hợp với bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Bác Hồ đã nhiều lần căn dặn chúng ta: Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động, nhân dân lao động là người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa. Đã là người chủ thì phải chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà, phải biết yêu quý, giữ gìn của công. Cán bộ, đảng viên càng phải gương mẫu, nêu cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. « *Chủ nghĩa cá nhân, lợi mình hại người, tự do vô tổ chức, vô kỷ luật và những tính xấu khác*

(Xem tiếp trang 93)

Digitized by Google

PHẠM NHƯ CƯƠNG

VỀ NHỮNG LUẬN ĐIỆU PHẢN ĐỘNG CHỐNG VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Đế quốc Mỹ, tập đoàn phản động Bắc kinh và các thế lực phản động cực hữu trong các nước thuộc khối A-xi-an đã và đang phối hợp với nhau để « trả thù » những thất bại sâu cay của chúng ở Đông dương. Chúng đã và đang tiến hành ráo riết, liên tục cuộc chiến tranh phá hoại tư tưởng, cuộc chiến tranh tâm lý trên quy mô lớn chống nước ta.

Chiến dịch chiến tranh tâm lý đầu tiên sau ngày miền Nam được giải phóng là gieo rắc tâm trạng hoang mang, hoảng loạn về một « cuộc tắm máu » lớn đối với ngụy quân, ngụy quyền và thân nhân của họ. Tiếp đó, trong những năm 1975—1977, luận điệu « Bắc hóa » miền Nam được tung ra với hàm ý là « sự tiếp nối tất yếu » của việc miền Bắc « xâm lược » miền Nam. Kèm theo luận điệu đó, chúng nó ra sức tô đậm sự « kém cỏi », « quê mùa », sự « choáng ngợp » của người miền Bắc trước cảnh « phồn vinh, sung túc » của miền Nam. Còn chủ đề nổi lên trong những năm 1978 — 1980 là Việt nam « bài Hoa » gây thảm cảnh « nạn kiều », Việt nam « đàn áp tự do, vi phạm nhân quyền » gây nên làn sóng tị nạn ồ ạt.

Chúng nó xuyên tạc, vu khống hành động tự vệ và sự giúp đỡ của chúng ta đối với cách mạng Cam-pu-chia là « xâm lược Cam-pu-chia để thiết lập Liên bang Đông dương », thực hiện « chính sách bá quyền khu vực »; chúng nó đưa ra luận điệu « Việt nam đưa dân sang để thực dân hóa Cam-pu-chia », « Việt nam sử dụng chất độc hóa học ở Lào và Cam-pu-chia ». Mối quan hệ liên minh chiến lược giữa Việt nam—Liên xô bị chúng nó xuyên tạc thành mối quan hệ giữa « đại bá và tiểu bá ». Chúng nó đổ vấy cho ta trách nhiệm về mối quan hệ thù địch giữa chúng nó và nước ta: « Việt nam vong ân bội nghĩa, phá hoại tình hữu nghị Việt — Trung », « Việt nam xâm lược, buộc Trung quốc phải phản kích tự vệ » v.v.

Theo đúng thủ thuật của chiến tranh tâm lý, những luận điệu trên đây thường được tung ra đúng vào thời gian thích hợp và được truyền đi bằng mọi phương tiện thông tin, nhằm gieo rắc hoang mang, lung lạc ý chí của nhân dân ta, lừa bịp dư luận thế giới, che đậy âm mưu và thủ đoạn đen tối, độc ác của chúng nó.

Cũng bằng những luận điệu bịp bợm, chúng nó còn mưu toan chứng minh rằng chủ nghĩa xã hội không đáp ứng được nguyện vọng tự do, dân chủ, dân sinh của nhân dân, không bảo đảm được độc lập, dân chủ; chủ nghĩa dân tộc đã chiến thắng chủ nghĩa quốc tế. Đấy cũng chính là hai chủ đề lớn mà chủ nghĩa chống cộng thế giới dùng để xuyên tạc, đả kích chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa

Digitized by Google

xã hội hiện thực ở Liên xô, Cu-ba và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Sau khi đội quân xâm lược Mỹ rút về nước, hai đời tổng thống Pho và Ca-tơ chưa có cơ hội thuận lợi để dàn dựng lại theo kiểu Mỹ bài học lịch sử rút ra từ sự kiện Việt nam, cho nên họ khuyên người Mỹ « hãy quên đi », đừng để bóng ma của sự kiện Việt nam tiếp tục ám ảnh, chia rẽ nước Mỹ. Chính quyền Ri-gân hiện nay lại mưu toan đưa nhân dân Mỹ ra khỏi cơn choáng Việt nam theo hướng khác: nếu xảy ra trường hợp như thế nữa thì phải đánh phá ác liệt hơn! (chính Ri-gân trước đây đã khuyên Ních-xơn sử dụng vũ khí hạt nhân ở Việt nam). Phụ họa với Ri-gân, các tướng tá ở Lầu năm góc rêu rao rằng cần phải « Grê-na-đa hóa chứ không phải Việt nam hóa ». Để « khôi phục danh dự » cho những lính Mỹ đã đánh phá Việt nam, chính quyền Mỹ cho dựng đài kỷ niệm cựu chiến binh, tổ chức ngày tưởng niệm tử sĩ, làm lễ quốc táng hài cốt của người lính Mỹ vô danh trong cuộc chiến tranh Việt nam, hy vọng bằng cách đó, sẽ chôn vùi được « dư âm cay đắng dai dẳng từ một cuộc chiến tranh gây ra sự chia rẽ lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ ». Đây không chỉ là trò đánh lận con đen đối với lịch sử, mà chính là sự chuẩn bị về mặt tâm lý, để lại một lần nữa biến thanh niên Mỹ thành tên lính viễn chinh xâm lược, thực hiện vai trò sen đầm quốc tế của đế quốc Mỹ. Trong khi lẩn tránh hoặc chỉ giải quyết chiếu lệ công ăn việc làm và các chính sách xã hội khác cho lính Mỹ ở Việt nam về, nhất là lính người da đen, chính quyền Ri-gân lại làm rùm beng về vấn đề số lính Mỹ còn « mất tích khi làm nhiệm vụ » ở Việt nam, hòng qua đó chứng tỏ « sự quan tâm đến cùng của chính quyền đối với mỗi công dân Mỹ, đối với nỗi đau khổ của những gia đình có người mất tích ». Mặt khác cũng qua vấn đề này họ mưu toan vu khống, xuyên tạc Việt nam, kích động dư luận Mỹ, coi đây là một trong những vấn đề chủ yếu cần được giải quyết trong quan hệ giữa Mỹ và Việt nam. Các nhà vạch chiến lược của Nhà trắng còn định lợi dụng vấn đề này bằng cách xếp đặt cho Ri-gân dừng chân tại Ha-oai trên đường đi thăm Trung quốc hồi tháng 4-1984 để đón hài cốt 8 quân nhân Mỹ được trao trả, « nhằm ghi một bàn thắng công khai cho chính sách ngoại giao của ông ta... trong việc phục vụ quyền lợi của nước Mỹ, trong cách cư xử cả với Trung quốc và Việt nam ». Tất nhiên chúng ta không để cho Ri-gân thực hiện được thủ đoạn chiến tranh tâm lý bỉ ổi đó!

Guồng máy thông tin tuyên truyền của Mỹ còn khai thác vấn đề trẻ em lai Mỹ ở miền Nam Việt nam, ra vẻ quan tâm muốn giải quyết nhanh chóng việc đưa toàn bộ số nạn nhân chiến tranh này sang Mỹ, trách cứ Việt nam có thái độ phân biệt đối xử, gây khó khăn cho việc ra đi của các trẻ em đó... Nhưng, như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói, « chính phủ Mỹ có thể đưa số trẻ này về Mỹ ngay ngày mai nếu họ muốn thế. Ngày mai Mỹ đưa máy bay đến, chúng tôi sẽ cho các trẻ đó lên máy bay. Nhưng không, Mỹ muốn được cung cấp hồ sơ, Mỹ muốn chúng tôi thông báo chi tiết về nguồn gốc cha mẹ chúng. Điều đó phải có thời gian... Nếu như Mỹ thật sự quan tâm đến số phận của các trẻ lai thì tại sao họ lại cần hồ sơ? Tại sao? Vì chính phủ Mỹ muốn dùng vấn đề con lai làm công cụ để chống Việt nam » (1).

Tuy không rầm rộ, ồn ào như trước, báo Mỹ và phương Tây vẫn thỉnh thoảng trở lại vấn đề « các trại cải tạo », vấn đề « người di tản », coi đó là dấu hiệu của sự « tiếp tục vi

(1) Xem tài liệu của TTX Việt nam ngày 25-5-1984. Bài đồng chí Phạm Văn Đồng trả lời phóng viên báo *Tuần tin tức* (News Week)

Digitized by Google

phạm nhân quyền ở Việt nam ». Về sự thật của vấn đề này, đồng chí Phạm văn Đồng cũng đã nói rõ : « Sau khi giải phóng miền Nam năm 1975, không có một cuộc tắm máu nào hay một phiên tòa theo kiểu Nu-rem-be nào. Cũng không có bất kỳ một án tử hình nào đối với những người đã từng cộng tác với địch, như đã từng thấy ở châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai... Không có việc dùng vũ lực, thay vào đó chúng tôi đã đưa những kẻ giết người hàng loạt này, những kẻ đã cùng Mỹ gây ra vụ thảm sát ở Mỹ lai và các chiến dịch « phượng hoàng » vào các trại cải tạo. Cho đến nay phần lớn họ đã được trả tự do, một số nhỏ đang còn ở trong trại... » (2).

Qua một số thủ đoạn chiến tranh tâm lý kể trên, ta còn thấy nổi lên rất rõ đầu óc sô vanh kiêu ngạo điển hình kiểu Mỹ trong cách họ hiểu về việc giải quyết những hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt nam : chính quyền Mỹ không mảy may đả động gì đến trách nhiệm tinh thần và vật chất của họ đối với vô vàn tội ác, những tổn thất hết sức to lớn về người, về của, về môi trường sống mà họ đã gây ra cho nhân dân ba nước Đông dương. Đối với họ, giải quyết nốt những hậu quả của cuộc chiến tranh Việt nam chỉ còn là vấn đề đòi Việt nam phải cung cấp đầy đủ tin tức và trao trả hài cốt những quân nhân Mỹ còn được họ kê trong danh sách những người mất tích, phải giải quyết vấn đề trẻ em lai Mỹ theo đúng yêu cầu của họ, phải để cho tất cả các tội phạm chiến tranh, tay sai đắc lực của họ trước đây được hoàn toàn tự do. Và chính quyền Mỹ coi đó là những điều kiện cần phải có để họ có thể xét vấn đề bình thường hóa quan hệ với Việt nam.

Câu kết với đế quốc Mỹ, bọn bành trướng, bá quyền Bắc kinh cũng đang lấy Việt nam, Đông dương làm trọng điểm đánh phá thường xuyên, ác liệt, bằng một cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, với những thủ đoạn tàn bạo, nham hiểm. Riêng về chiến tranh tâm lý, quả thật tập đoàn phản động Bắc kinh đã đuổi kịp « người bạn lớn » của chúng là đế quốc Mỹ trong thủ đoạn xuyên tạc, vu khống, đổi trắng thay đen. Từ tháng 4 năm 1984 đến nay, chúng đã tiến hành nhiều đợt pháo kích ác liệt, kéo dài nhiều ngày vào hàng trăm xã của ta ở biên giới, có nơi sâu vào lãnh thổ Việt nam hàng chục ki lô mét, chiếm đóng trái phép một số điểm cao ở sâu trong lãnh thổ ta, hoặc gần đường biên giới. Dấu vết tội ác còn sờ sờ ra đó, được ghi lại bằng máy ảnh, máy truyền hình và những lời thú nhận của các tù binh Trung quốc. Ấy vậy mà các loa tuyên truyền của Bắc kinh vẫn kêu toáng lên rằng quân đội Việt nam xâm nhập lãnh thổ Trung quốc, buộc phía Trung quốc phải « phản kích tự vệ để bảo vệ biên cương » !

Xuyên tạc việc Việt nam rút một số quân ở Cam-pu-chia về nước, họ nói « nguồn gốc của tình hình căng thẳng và không bình thường ở Đông Nam Á là do Việt nam chiếm đóng Cam-pu-chia và thực hiện chính sách bá quyền khu vực, với sự ủng hộ của Liên xô ! ». Họ còn rêu rao rằng « Liên xô ủng hộ Việt nam chỉ làm hại lợi ích của nước thứ ba, ảnh hưởng đến hòa bình, an ninh của châu Á và thế giới. Trung quốc chân thành hy vọng chung sống thân thiện với các nước láng giềng ! »... Có sự giống nhau đến kỳ lạ giữa luận điệu của Mỹ và của Trung quốc : Ri-gân, kẻ đang thi hành chính sách quân phiệt điên cuồng nhất, kẻ mà chủ nghĩa chống cộng gần như là bản năng, là thuộc tính bẩm sinh, cũng đang ba hoa khá nhiều về trách

(2) Xem tài liệu của TTX Việt nam ngày 25-5-1984. Bài đồng chí Phạm Văn Đồng trả lời phóng viên báo *Tuần tin tức* (News week)

Digitized by Google

nhiệm đối với hòa bình, an ninh quốc tế...

Những lời lẽ mị dân xảo trá của các nhà cầm quyền của Mỹ và của Trung quốc được đưa ra đúng vào lúc họ ráo riết đẩy mạnh chạy đua vũ trang, xúc tiến sự câu kết, hợp tác chiến lược về quân sự, vào lúc đế quốc Mỹ can thiệp bằng hoạt động lật đổ, tiến hành chiến tranh không tuyên bố ở nhiều nơi trên thế giới và Trung quốc đánh phá ác liệt vùng biên giới nước ta. Cũng nên chú ý là tập đoàn phản động Bắc kinh còn huy động cả giới học giả Trung quốc tham gia chiến dịch xuyên tạc lịch sử Việt nam, lịch sử mối bang giao giữa hai nước.

Đánh bại cuộc chiến tranh tâm lý, cuộc chiến tranh phá hoại về tư tưởng của đế quốc Mỹ và tập đoàn phản động Bắc kinh chống nước ta là nhiệm vụ cấp bách, quan trọng. Cùng với việc nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý chí đấu tranh, chặn đứng mọi tác hại mà kẻ địch có thể gây ra trong nội bộ nhân dân ta, chúng ta cần đồng thời nghiên cứu đầy đủ âm mưu, thủ đoạn của địch để tố cáo chúng nó trước dư luận thế giới một cách nhạy bén, sâu sắc, rộng khắp...

Sự thao túng của guồng máy thông tin Nhà nước tư bản đối với dư luận xã hội ở Mỹ và ở các nước phương Tây là điều đương nhiên, nhưng như thế không có nghĩa là ở các nước đó không có những luồng dư luận khác có phần vô tư, khách quan. Song để những luồng dư luận đó tiếp cận sự thật, chúng ta cũng cần tìm hiểu và tác động.

Cuộc chiến tranh Việt nam vẫn là đề tài sôi động trong dư luận nước Mỹ. Tiếp theo thời gian lẳng tránh, muốn quên đi, là sự cố gắng muốn tìm hiểu, đánh giá lại, mong tìm ra câu giải đáp xác thực cho lịch sử và rút ra bài học cho hiện tại và tương lai về vai trò và hành động của nước Mỹ, tránh cho nước Mỹ « một Việt nam thứ hai », xây dựng « mối quan hệ thành công hơn » giữa Mỹ với các nước đang phát triển.

Trong các cuộc hội thảo, trên các báo chí ở Mỹ, không ít nhà trí thức Mỹ coi chiến tranh Việt nam là « một cuộc chiến tranh lớn nhất, tốn kém nhất, nhưng lại ít thành công nhất trong lịch sử nước Mỹ », là « cuộc xung đột được người ta nói đến nhiều nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai »; là « cuộc xung đột đã được đưa lên màn ảnh nhiều lần nhất thế giới ».

Hăng-ri đơ Tu-rên (Henri de Turenne), nhà điện ảnh Pháp, người xây dựng bộ phim truyền hình tư liệu lịch sử « Việt nam » gồm 6 tập chiếu trong 6 giờ liền, đã viết trong lời giới thiệu : « Chưa có một sự kiện lịch sử nào làm dấy lên những tình cảm nồng cháy như chiến tranh Việt nam... Việt nam đã xô đẩy ký ức của các dân tộc, đã động viên dư luận thế giới trong vòng 10 năm... Từ Béc-lin đến Tô-ki-ô qua Pa-ri, trong những năm 60, Việt nam là tiếng hô tập hợp của tuổi thanh niên phẫn nộ toàn thế giới... Cho đến tận hôm nay, hai tiếng Việt nam vẫn còn chứa chất những xúc động... ».

Cùng với bộ phim trên, còn có bộ phim nhiều tập chiếu trong 13 giờ liền « Việt nam : một thiên lịch sử truyền hình » của Mi-sen Ma-clia (Micheel Maclear). Tác giả của bộ phim dài này đã nói : « Tôi đã là phóng viên ở Việt nam một thời gian dài. Về phần tôi, tôi muốn kể lại động lực của những sự kiện quân sự, nước Mỹ đã bị sa lầy như thế nào ở Việt nam ».

Cùng với hội thảo, phim ảnh, một loạt những cuốn sách khá dày cũng được xuất bản, phân tích sự dính líu của Mỹ ở Việt nam. Chẳng hạn như các cuốn « Việt nam : một lịch sử » của Stan-lây Các-nâu (Stanley Karnow), dày 750 trang ; cuốn « Không có danh

Digitized by Google

dự » của Ác-nôn R. It-sác (Arnold R. Issacs), dày 559 trang; cuốn « Một sự phân tích phê phán cuộc chiến tranh Việt nam » của Ha-ri G. Xum-mơ (Harry G. Summers) dày 225 trang... Cũng còn có thể kể đến cả việc hình thành và phát triển của môn Việt nam học trong các trường đại học và các trung tâm nghiên cứu ở Mỹ và một số nước phương Tây khác, với diện đề tài nghiên cứu khá rộng về lịch sử, văn hóa, chính trị, xã hội Việt nam từ thời cổ đại đến thời hiện đại

Đương nhiên không thể đơn giản nghĩ rằng mọi sự quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu về Việt nam ở Mỹ và ở các nước phương Tây đều xuất phát từ thiện chí và là sự tìm hiểu trung thực về chúng ta. Cũng không thể loại trừ việc các chính quyền đế quốc luôn hoạt động tình báo, gián điệp vào các hoạt động trao đổi văn hóa, khoa học. Nhưng dẫu sao, chiến thắng mang tầm vóc lịch sử và thời đại của chúng ta cũng đặt ra cho các tầng lớp xã hội khác nhau của nước Mỹ và của thế giới phương Tây, nhiều vấn đề cần xem xét, cần đánh giá lại, để xây dựng một nhận thức mới về Việt nam. Tính chủ động, tính tiến công của công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền đối ngoại đòi hỏi chúng ta chủ động, tích cực tham dự ngay từ đầu vào việc hình thành nhận thức mới của thế giới về Việt nam. Nhiều bạn quốc tế muốn chiến đấu cho Việt nam trên mặt trận thông tin, dư luận, thường phàn nàn là họ nhận được quá ít thông tin của chính chúng ta về nước ta. Họ có một lời khuyên chân tình đáng để chúng ta suy nghĩ: Họ khuyên chúng ta đừng đến quá chậm sau khi trí óc người ta đã bị chiếm lĩnh bởi các nguồn thông tin khác rồi, vì như vậy sẽ tốn nhiều công sức để sửa chữa, xóa bỏ một nhận thức đã được tạo dựng, định hình xong. Chiếm lĩnh trận địa dư luận ngay từ đầu, khi đang có sự khao khát tìm hiểu, tiếp nhận là điều có lý nhất và thông minh nhất!

Chủ động đấu tranh chống những luận điệu sai trái ngay từ lúc một nhận thức mới về Việt nam (cũng có thể nói môn Việt nam học) đang trong quá trình hình thành là một bộ phận của cuộc đấu tranh tư tưởng trên bình diện quốc tế, cần được coi trọng đúng mức. Cuộc đấu tranh ở đây có mặt phức tạp, tế nhị. Do thiếu nguồn tư liệu đầy đủ, xác thực và do những hạn chế của lập trường, quan điểm, thiên kiến tư sản, không ít người trên thế giới vẫn có cái nhìn sai lệch về thực chất, kể cả những người trước đây đã từng đấu tranh hết mình chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt nam. Họ không vui khi thấy những ảo tưởng của mình về « một Nam tư của châu Á, độc lập với cả Mát-xcơ-va lẫn Bắc kinh » bị tan vỡ. Họ cho rằng « khi trở thành đồng minh không điều kiện của Liên xô, Hà nội đã từng bước mất đi hai chủ bài chính của mình là tình hữu nghị của Trung quốc và mối thiện cảm của các nước phương Tây trong suốt 35 năm chiến tranh ». Còn không ít sự giải thích sai lệch về thực chất của liên minh chiến lược giữa ba nước Đông dương, về thực chất của tình hình Cam-pu-chia, của mối quan hệ Việt nam — Trung quốc hiện nay. Chúng ta không chờ đợi một sự chấp nhận nhanh chóng, dễ dàng quan điểm của chúng ta, mà sẵn sàng tiến hành một cuộc đối thoại thẳng thắn, trung thực với những người có lương tri thật lòng muốn tìm hiểu sự thật về nước ta

Kinh nghiệm cho thấy, nếu được chuẩn bị và chỉ đạo tốt để có sự phối hợp ăn ý, đúng đắn với các hoạt động chính trị, ngoại giao thì các cuộc tiếp xúc, hội thảo khoa học, trao đổi văn hóa, nghệ thuật sẽ có tác dụng tốt trong việc giới thiệu Việt nam trong dư luận quốc tế, kể cả việc điều

Digitized by Google

chỉnh, xóa bỏ một số ngộ nhận, định kiến ở một số người trước đây do thiếu tư liệu gốc và thiếu sự đối thoại trực tiếp với chúng ta.

Nếu việc giới thiệu với người nước ngoài về cuộc chiến tranh của nhân dân ta chống Mỹ xâm lược, về ý nghĩa và những bài học lịch sử của nó, là việc làm không dễ dàng, đơn giản, thì việc giới thiệu sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay cho người nước ngoài là vấn đề còn khó khăn, phức tạp hơn nhiều. Chấp nhận và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt nam không tất yếu dẫn đến chấp nhận và ủng hộ việc chúng ta lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Ở đây có vấn đề lập trường, quan điểm giai cấp, những vấn đề phức tạp, chông gai của bản thân quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa với khởi điểm là nền sản xuất nhỏ, những hậu quả của chiến tranh, những khuyết điểm khó tránh khỏi trong việc khai phá con đường mới mẻ. Và ở đây cũng lại có cả một kho đồ sộ những thủ đoạn, luận điệu chống chủ nghĩa cộng sản khoa học, chủ nghĩa xã hội hiện thực đi đôi với việc tán dương, tô vẽ cho chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên cách giới thiệu nước ta ra nước ngoài có hiệu quả nhất là khắc phục có hiệu quả những khó khăn, giải quyết thành công những vấn đề mới mẻ, phức tạp của bản thân cuộc sống của chúng ta. Đồng thời, nâng cao hơn nữa tính khoa học, tính chân thực, tính sinh động, tính nghệ thuật của sự đối thoại biện luận trong công tác giới thiệu nước ta ra nước ngoài, kết hợp với việc phê phán kịp thời, sắc bén những luận điệu xuyên tạc vu khống chống nước ta của bọn phản động quốc tế.

XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG...

(Tiếp theo trang 89)

sáu mặt hoạt động cơ bản sau đây: thứ nhất, có hoạt động thông tin cổ động, triển lãm và chiếu phim. Thứ hai, có phong trào văn nghệ quần chúng rộng rãi. Thứ ba, xây dựng được phong trào đọc và làm theo sách báo cách mạng. Thứ tư, có phong trào giáo dục truyền thống bằng các hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Thứ năm, có phong trào xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa. Thứ sáu, có các hoạt động thường xuyên của hệ thống nhà văn hóa, câu lạc bộ. Hiểu nội dung đời sống văn hóa một cách toàn diện như vậy thì mới có phương hướng xây dựng và chỉ tiêu phấn đấu cụ thể. Đương nhiên, không thể đòi hỏi mọi cơ sở đều phải đạt được tất cả các mặt hoạt động nêu trên thì mới được công nhận là có đời sống văn hóa. Trước mắt, ở những nơi phong trào còn thấp cần xây dựng được đời sống văn hóa tối thiểu trên các mặt: có hoạt động thông tin, cổ động, có phong trào văn nghệ quần chúng, có cuộc vận động xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa.

☆

Chúng ta đang tích cực phấn đấu để phần lớn các đơn vị cơ sở có hoạt động văn hóa, nhân dân lao động được đọc báo, nghe đài, xem phim, xem nghệ thuật.

Địa bàn trọng điểm cần tập trung xây dựng là các thành phố lớn, các tỉnh biên giới phía Bắc, vùng nông thôn đồng bằng sông Cửu long, các vùng căn cứ cũ của cách mạng và kháng chiến.

Việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở tuy còn có nhiều khó khăn. Song, nếu quyết tâm làm thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt được kết quả tốt.

Digitized by Google

PHAN DOÃN

NHÌN LẠI TÌNH HÌNH THẾ GIỚI NĂM 1985

TIẾN năm 1985, chúng ta bước vào 15 năm cuối cùng của thế kỷ 20. Nhìn lại sự phát triển của tình hình thế giới trong thế kỷ này, đặc biệt từ Cách mạng Tháng Mười, thì thấy cứ khoảng 25 – 30 năm thế giới lại có một bước nhảy vọt mới. Bước nhảy vọt cuối cùng đã đưa thế giới vào một thời kỳ mới: thời kỳ sau Việt nam, bắt đầu từ đầu những năm 70. Trên ý nghĩa đó, có thể nói năm 1985 có tầm quan trọng đặc biệt vì nó đánh dấu điểm giữa của thời kỳ sau Việt nam. Do đó việc đánh giá kỹ tình hình năm 1985 sẽ cho chúng ta thấy rõ xu thế phát triển của tình hình thế giới hiện nay và trong phần còn lại của thế kỷ

Nét nổi bật nhất của tình hình thế giới năm 1985 là *sự lớn mạnh của 3 dòng thác cách mạng, đặc biệt là của hệ thống xã hội chủ nghĩa* do Liên xô làm nòng cốt. Đây là nhân tố quyết định đã làm cho so sánh lực lượng thế giới thay đổi một cách cơ bản. Thế cân bằng quân sự – chiến lược giữa Đông và Tây được hình thành từ đầu những năm 70, qua 15 năm thử thách, nhất là trong 7 năm qua, đã được xác lập một cách vững chắc. Đây là sự kiện lịch sử đánh dấu một bước ngoặt trong tình hình thế giới và quan hệ quốc tế. Từ Cách mạng Tháng Mười đến trước năm 1985, trải qua ngót 68 năm, cuộc chiến đấu của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã diễn ra trong tình hình so sánh lực lượng còn có phần có lợi cho chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Với thế cân bằng quân sự – chiến lược giữa Đông và Tây được xác lập một cách vững chắc, nhân dân thế giới đã giành được một thắng lợi quan trọng trên chặng đường của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa cùng với các lực lượng hòa bình và cách mạng khác đã có khả năng thực tế ngăn chặn chiến tranh thế giới mới, bảo đảm những điều kiện quốc tế hòa bình cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Chính trong bối cảnh đó, Đảng cộng sản Liên xô đã đưa ra dự thảo sửa đổi mới cương lĩnh nhằm hoàn thiện việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô từ nay đến cuối thế kỷ

Nét nổi bật khác *của năm 1985 là xu thế hòa dịu, đối thoại đã đẩy lùi xu thế đối đầu, buộc các thế lực đế quốc phản động nhất phải đi vào đối thoại mà đỉnh cao là cuộc họp cấp cao Xô – Mỹ tháng 11-1985*. Chúng ta biết rằng 6 năm rưỡi qua, quan hệ Xô – Mỹ xấu đi một cách nghiêm trọng, do việc đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế không ngừng gây căng thẳng hòng đảo ngược xu thế phát triển thế giới sau Việt nam. Nhưng mọi âm mưu và hành động điên cuồng của chúng đã chuốc lấy những thất bại ngày càng thảm hại. Đế quốc Mỹ đã không sao giành được ưu thế quân sự – chiến lược trên thế giới. Mỹ cũng đã thất bại trong mưu đồ đè bẹp

Digitized by Google

cuộc đấu tranh của các dân tộc mà chúng gọi là « vấn đề khu vực », trong kế hoạch phá hoại hòa hoãn ở châu Âu, trong việc xác lập lại vai trò lãnh đạo của Mỹ đối với các nước đồng minh của Mỹ. Chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung quốc đã không thể thúc đẩy được bọn đế quốc phương Tây chống Liên xô và phá thế hai cực. Đi với Mỹ, Trung quốc không những bị cô lập trong thế giới thứ ba mà còn không thực hiện được tham vọng tự mình trở thành cực thứ 3 cạnh tranh với Liên xô và Mỹ. Trung quốc cũng không thành công trong việc gây căng thẳng và đối đầu ở Đông Nam châu Á. Âm mưu của Trung quốc dựa hẳn vào phương Tây để thực hiện bốn hiện đại hóa rõ ràng là bị phá sản. Trong lúc đó, ba dòng thác cách mạng tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Phong trào nhân dân thế giới chống chạy đua vũ trang, đòi hòa bình, đòi giảm căng thẳng, lên mạnh hơn bao giờ hết. Mặc dù đế quốc Mỹ và Trung quốc ra sức xuyên tạc Liên xô là « mối đe dọa » đối với các dân tộc, là « vương quốc của mọi xấu xa », nhưng uy tín và ảnh hưởng của Liên xô không ngừng phát triển trên khắp thế giới. Tình hình đó buộc Mỹ và Trung quốc bắt đầu từ cuối năm 1982 phải tính đến việc đối thoại với Liên xô. Đó là quá trình dẫn đến những chuyển biến quan trọng của tình hình thế giới và quan hệ quốc tế năm 1985 với sự kiện quan trọng nhất là cuộc họp giữa Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên xô Goóc-ba-trốp và tổng thống Mỹ Ri-gân. Mặc dù, bản tuyên bố của Hội nghị cấp cao Xô — Mỹ năm 1985 chưa nêu lên những kết quả cụ thể về vấn đề chấm dứt chạy đua vũ trang, nhất là chạy đua vũ trang vũ trụ và giải trừ quân bị như các cuộc hội nghị cấp cao Xô — Mỹ những năm 1972, 1973, 1974 và 1979; và những cam kết của hai bên, nhất là của Mỹ về việc không để xảy ra chiến tranh thông thường hoặc chiến tranh hạt nhân giữa Liên xô và Mỹ chỉ là sự nhắc lại những cam kết đã được ghi thành hiệp ước, hiệp định trước đây giữa hai nước, nhưng bản tuyên bố chung Xô — Mỹ lần này có ý nghĩa quan trọng ở chỗ nó đánh dấu việc chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh thứ hai và mở ra một thời kỳ hòa dịu mới trên thế giới. Bản tuyên bố chung tạo cơ sở chính trị và pháp lý cho các dân tộc trong việc tiếp tục đấu tranh buộc các thế lực đế quốc và phản động, mà Mỹ là đầu sỏ phải tính đến nguyện vọng chung của nhân dân thế giới. Tình hình dịu đi trong quan hệ Xô — Mỹ cũng như những cải thiện đáng kể trong quan hệ giữa Liên xô và Tây Âu, giữa Liên xô và Nhật bản, đã ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ quan hệ quốc tế.

Trong vấn đề này, điều đáng nói là thái độ của Trung quốc đối với các vấn đề hòa bình, chiến tranh và hòa hoãn Xô — Mỹ. Lần đầu tiên trong lịch sử của Cộng hòa nhân dân Trung hoa, *Trung quốc đã tỏ ra, ít nhất cũng là bề ngoài, hoan nghênh cuộc gặp cấp cao Xô — Mỹ và việc làm dịu quan hệ quốc tế*. Điều này cho thấy mặc dù bản chất bành trướng và bá quyền của những người cầm quyền Trung quốc không thay đổi, nhưng họ không thể chống lại xu thế chung của nhân dân thế giới mong muốn hòa bình và làm dịu tình hình thế giới. Nó còn cho thấy trong bối cảnh quốc tế đã thay đổi, âm mưu của Trung quốc lợi dụng mâu thuẫn giữa Liên xô và Mỹ, giữa cách mạng và phản cách mạng theo kiểu « tọa sơn quan hổ đấu » để trục lợi, đã thất bại. Mặt khác, Trung quốc ắt cũng thấy rằng nếu để Mỹ tiếp tục cuộc chạy đua vũ trang vô hạn độ, nhất là quân sự hóa vũ trụ, thì người thua thiệt nhất trong các nước lớn sẽ là Trung quốc. Kho vũ khí hạt nhân bé nhỏ của Trung quốc sẽ biến thành một hòm đồ chơi của trẻ con, trong lúc thế cân bằng quân sự chiến lược giữa Liên xô và Mỹ vẫn được

Digitized by Google

duy trì và nâng lên ở một mức cao hơn. Từ sự phân tích trên, chúng ta thấy rõ rằng những kẻ cầm đầu Trung quốc tỏ ra hoan nghênh cuộc gặp cấp cao Xô – Mỹ, hoàn toàn không phải vì họ thiết tha với hòa bình. Tâm địa xấu xa của họ đã thể hiện rõ trong việc họ luôn luôn tìm cách « đâm bị thóc, thọc bị gạo », gây mâu thuẫn Xô – Mỹ. Họ luôn luôn đặt điều kiện cho việc cải thiện quan hệ với Liên xô trong lúc họ liên tiếp nhân nhượng Mỹ trong vấn đề Đài loan. Họ ra sức công kích Liên xô về việc quân đội Liên xô còn có mặt ở Áp-ga-ni-xtan nhằm giúp nhân dân Áp-ga-ni-xtan chống lại sự xâm lược và can thiệp từ bên ngoài, trong lúc họ không hề đòi Mỹ rút quân đội Mỹ khỏi Nam Triều tiên, mặc dù sự có mặt của quân đội Mỹ ở đó là trở ngại chính cho sự nghiệp đấu tranh của nhân dân Triều tiên nhằm hòa bình thống nhất đất nước.

Sự phát triển vững vàng của Phong trào các nước không liên kết trước sự phản kích của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác cũng là một trong những nét nổi bật của tình hình thế giới năm 1985. Như chúng ta đã biết, trong những năm qua, cùng với việc gây tình hình thế giới căng thẳng, đế quốc Mỹ và thế lực bành trướng bá quyền Trung quốc đã chĩa mũi nhọn phản kích của chúng vào phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc. Phong trào không liên kết trở thành một mục tiêu tiến công của chúng. Chúng tìm cách phá hoại từ bên trong, nhằm hướng phong trào từ mục tiêu chống đế quốc chuyển sang chống « hai siêu cường » mà thực chất là chống Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, chúng kích động các cuộc xung đột giữa các nước thành viên của phong trào này, chia rẽ phong trào này, kích động những mâu thuẫn trong nội bộ phong trào này hòng che đậy mâu thuẫn giữa phong trào không liên kết với chính sách xâm lược, can thiệp, bóc lột kinh tế của chủ nghĩa đế quốc. Đặc biệt nghiêm trọng, chúng tập trung sức tiến công những thành viên tích cực, nòng cốt của Phong trào không liên kết như Cu-ba, Ấn độ, Việt nam v.v. Chúng ra sức tiếp tay cho bọn phản động trong nước Ấn độ gây rối ở Ấn độ mà đỉnh cao là việc ám sát Thủ tướng In-đi-ra Găng-đi lúc Ấn độ đang là Chủ tịch Phong trào không liên kết. Chúng hy vọng rằng nếu tình hình Ấn độ không ổn định, hoạt động của Phong trào không liên kết cũng sẽ bị tê liệt. Nhưng tình hình đã diễn ra trái với những mong muốn của chúng. Đất nước Ấn độ dưới sự lãnh đạo năng động của Thủ tướng Ra-gip Găng-đi đã sớm được ổn định. Ấn độ tiếp tục phát huy tốt vai trò tích cực của mình là Chủ tịch Phong trào không liên kết. Việc Dim-ba-buê được chọn làm nơi họp hội nghị cấp cao thứ 8 của Phong trào không liên kết, cũng như trước đó, việc hội nghị ngoại trưởng các nước không liên kết họp ở Lu-an-đa, thủ đô An-gô-la – những nơi đang diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt nhất hiện nay giữa phong trào giải phóng dân tộc và tên sen đầm khu vực, tay sai tàn bạo nhất của chủ nghĩa đế quốc Mỹ là bọn phản biệt chủng tộc theo chủ nghĩa A-pác-thai – đã và sẽ có tác dụng to lớn trong việc động viên toàn thể giới ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân các nước miền Nam châu Phi cũng như của các dân tộc khác đang đấu tranh một mất một còn với các thế lực đế quốc và phản động.

Tình hình phát triển mới ở châu Á – Thái bình dương theo hướng hòa bình, ổn định cũng là một nét đáng chú ý. Đây là một trong hai khu vực trọng yếu nhất của thế giới. Khác với châu Âu, trong 40 năm qua, châu Á – Thái bình dương là nơi mà chiến tranh xảy ra liên miên với cường độ ác liệt nhất và dài ngày nhất, là khu vực căng thẳng nhất thế giới. Trong

Digitized by Google

7 năm gần đây, do sự phản kích của đế quốc Mỹ và sự câu kết giữa bọn phản động Trung quốc với đế quốc Mỹ và Nhật bản, châu Á — Thái bình dương vẫn là nơi tập trung nhiều nhất những «lò lửa» trên thế giới. Với việc Mỹ buộc phải đi vào đối thoại với Liên xô, quan hệ Xô — Trung được cải thiện một bước, quan hệ giữa Liên xô và Nhật, Ô-xtơ-rây-li-a, ASEAN... chuyển biến tốt hơn trước, ở châu Á — Thái bình dương đã có những bước phát triển mới theo hướng cùng tồn tại hòa bình. Điều có ý nghĩa quan trọng là phong trào chống vũ khí hạt nhân của các nước Tây Nam Thái bình dương mà Niu Di-lân là đại diện đã làm rạn nứt thêm một liên minh quân sự của Mỹ ở khu vực này và giáng một đòn quan trọng vào chiến lược của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á — Thái bình dương. Những sự phát triển mới ở khu vực châu Á — Thái bình dương có tác động sâu sắc đến tình hình Đông Nam châu Á, làm cho xu thế đối thoại, xu thế cùng tồn tại hòa bình tăng lên mạnh mẽ trong năm 1985 ở khu vực này, trái với mọi ý đồ chủ quan của bọn đế quốc và bành trướng bá quyền.

Bên cạnh những chuyển biến to lớn đã nói trên, thực tế năm 1985 cũng cho thấy nhân dân thế giới, đặc biệt là *các lực lượng hòa bình và cách mạng vẫn phải đứng trước những thử thách to lớn. Cuộc chạy đua vũ trang do đế quốc Mỹ phát động đang tiếp diễn.* Nguy cơ chiến tranh, kể cả chiến tranh thông thường lẫn chiến tranh hạt nhân vẫn còn đe dọa nhân dân toàn thế giới. Đế quốc Mỹ chưa từ bỏ «cuộc chiến tranh các vì sao» và còn tìm trăm phương nghìn kế chống lại lợi ích của các dân tộc. Các khu vực như miền Nam châu Phi, Trung Mỹ, Trung Đông... còn tiếp tục là những điểm nóng do chính sách xâm lược và can thiệp của các thế lực đế quốc, phản động. Những thách thức to lớn và nghiêm trọng khác đối với các dân tộc hiện nay là vấn đề kinh tế. Năm 1985 là một năm lấy tai họa đối với các nước đang phát triển. Các nước này hiện mắc nợ nước ngoài khoảng 1000 tỷ đô la, một khoản nợ khổng lồ bắt nguồn từ trật tự kinh tế quốc tế bất công, trước hết là từ giá cả bất hợp lý giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp do chủ nghĩa đế quốc áp đặt, đè nặng lên nhân dân các nước đang dốc mọi cố gắng để phát triển kinh tế và cải thiện đời sống. Mặt khác, do không còn chiếm ưu thế về quân sự, các thế lực đế quốc và phản động quốc tế đã chuyển sang thủ đoạn dùng sức ép tổng hợp quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội để tiến hành sự phục thù đối với các lực lượng hòa bình và cách mạng. Đặc biệt chúng ra sức sử dụng vũ khí kinh tế là lĩnh vực chúng còn tạm thời có được ưu thế, sử dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhất để kéo dài sự tồn tại của chúng và thực hiện tham vọng của chúng trong việc khuất phục nhân dân các nước. Tình hình mới đòi hỏi các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội một mặt phải không ngừng nêu cao cảnh giác, triển khai một chiến dịch rộng lớn nhất với những biện pháp có hiệu quả nhất, nhằm đấu tranh đòi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân trên trái đất và ngăn ngừa quân sự hóa vũ trụ, thiết lập bầu không khí hòa bình, cùng tồn tại và hợp tác quốc tế rộng rãi; mặt khác, phải tập trung cao độ vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội, ra sức áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhất, nhằm nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất theo chiều sâu, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Tình hình quốc tế năm 1985 cho thấy trong tay các lực lượng hòa bình và cách mạng từ nay không chỉ có

(Xem tiếp trang 93)

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 1 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ – Преодолевая все трудности,успешно выполнить государственный план 1986 – го года. ХЕНГ САМРИН–Уверенные поступательные шаги кампучийской революции. НГУЕН ХЫУ ТХО– Осуществление демократии посредством Национального собрания. ЧАН ДО–Об экономических проблемах в культуре. ХОАНГ ТИНЬ– Установить способ революционного и научного мышления. ЧЫОНГ ШОН – Несколько личных соображений относительно создания и совершенствования материально - технической базы социализма. НАУЧНАЯ КОНФЕРЕНЦИЯ –Первый этап перехода к социализму во Вьетнаме и социально-экономическая стратегия на данном этапе развития страны. ФАМ НЬЫ КЫОНГ – Об антивьетнамских шумихах за рубежом. ФАН ЗОАН–Обзор международного положения 1985 года.

REVIEW OF COMMUNISM N° 1-1986

Editorial – Let us overcome all difficulties to successfully fulfil the 1986 State plan. HENG SOMRIN – Steady Advances of the Kampuchean revolution. NGUYÊN HŨU THO – Democracy executed through the National Assembly. TRÂN ĐỘ – On the economic matter in culture. HOÀNG CHÍNH – Creating a revolutionary and scientific method of thinking. TRƯỜNG SƠN – Some reflections on the work of building and perfecting the material and technical infrastructures of socialism. SCIENTIFIC SYMPOSIUM – On the first stage of the transitional period of Vietnam and the social-economic strategy in this stage. PHẠM NHƯ CƯƠNG – On reactionary anti-Vietnam allegations in foreign countries. PHAN DOÃN – In restropect to the world's situation in 1985.

REVUE DU COMMUNISME N° 1-1986

Editorial – Surmonter toutes difficultés, être déterminé à réaliser avec succès le plan d'Etat de 1986. HENG SOMRINE–La révolution kampuchéenne progresse à pas sûrs. NGUYÊN HŨU THO – Réaliser la démocratie par le canal de l'Assemblée nationale. TRÂN ĐỘ – Le problème économique dans la culture. HOÀNG CHÍNH – Elaborer une méthode de pensée révolutionnaire et scientifique. TRƯỜNG SƠN – Quelques idées sur l'édification et le perfectionnement des bases matérielles et techniques du socialisme. SYMPOSIUM – Sur la phase initiale de l'étape de transition au Vietnam et la stratégie économico-sociale de cette phase. PHẠM NHƯ CƯƠNG – A propos des allégations réactionnaires anti-vietnamiennes à l'étranger. PHAN DOÃN – Regard sur la situation mondiale de 1985.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 1-1986

Editorial – Superar las dificultades y estar decidido a cumplir exitosamente el plan estatal de 1986. HENG SOMRIN – El firme avance de la revolución kampucheana. NGUYÊN HŨU THO – Materializar la democracia por el canal de la Asamblea Nacional. TRÂN ĐỘ –.Acerca de la cuestión económica en la cultura. HOÀNG CHÍNH – Formar un método de pensamiento revolucionario y cientifico. TRƯỜNG SƠN – Unas opiniones acerca de la construcción y el perfeccionamiento de las bases material-técnicas del socialismo. FOROS CIENTÍFICOS–Sobre el primer trayecto de la etapa de transición en Vietnam y la estrategia ecnómico-social al respecto. PHẠM NHƯ CƯƠNG – Sobre los argumentos reaccionerios anti-vietnamitas en el extranjenro. PHAN DOÃN – Una vista retrospectiva de la situación mundial en 1985.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 1-1986. NĂM THỨ XXXII (361)

Mục lục

Hội nghị thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) 1
Xã luận — Khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1986 4
HÊNG XOM-RIN — Cách mạng Cam-pu-chia tiến bước vững chắc 12
NGUYỄN HỮU THỌ — Thực hiện dân chủ qua Quốc hội 21
★★★ — Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 25
TRẦN ĐỘ — Về vấn đề kinh tế trong văn hóa 34
Nghiên cứu ★ HOÀNG CHÍNH — Xây dựng phương pháp tư duy cách mạng và khoa học 41
TÔ DUY — Về công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế 47
TRƯỜNG SƠN — Một số ý kiến về vấn đề xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội 53
Hội nghị khoa học — Về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó — Lưu Văn Đạt — Nguyễn Quang Long — Lê Đăng Doanh — Chế Viết Tấn — Trần Quang — Phạm Văn Nghiên 59
NHẬT TÂN — Các huyện miền núi phía bắc phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng
HOÀNG THANH CẬN — Phúc thọ xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh 7
NGUYỄN KHẮC THUẬT — Y tế Việt nam và khả năng quản lý sức khoẻ tại nhà 82
NGUYỄN VĂN KIỀU — Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở 86
BÙI THỊ KIM QUỲ — Cần sớm khắc phục tệ mê tín 90
Sinh hoạt tư tưởng ★ HÀ PHƯƠNG — Cái riêng và cái chung 94
PHẠM NHƯ CƯƠNG — Về những luận điệu phản động chống Việt nam ở nước ngoài 97
PHAN DOÃN — Nhìn lại tình hình thế giới năm 1985 103

Trụ sở Bộ biên tập:

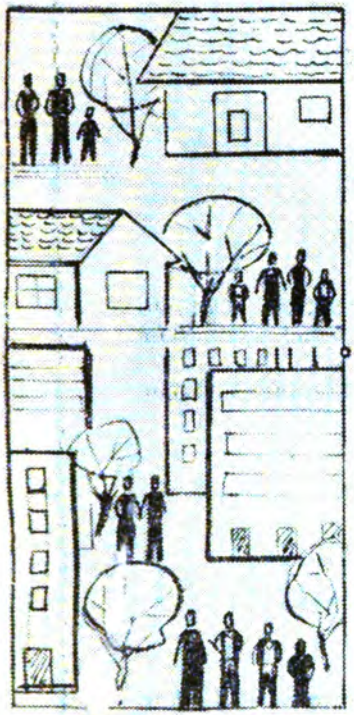
1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

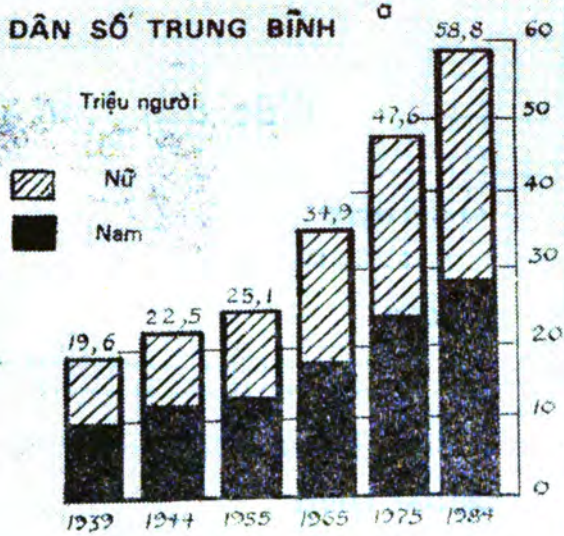
19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

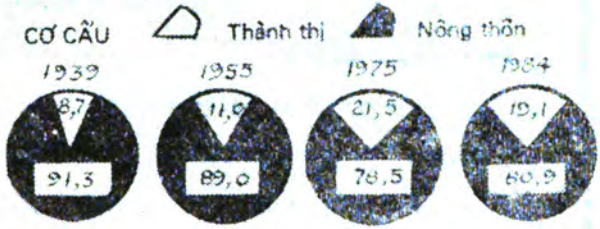
Digitized by Google

DÂN SỐ

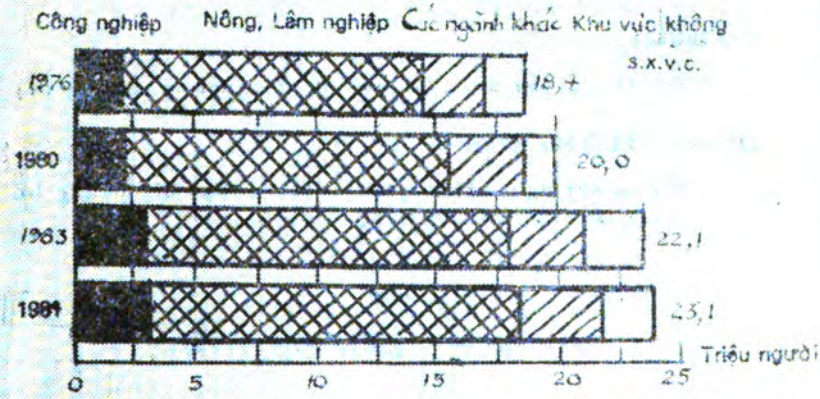


DÂN SỐ TRUNG BÌNH





CƠ CẤU LAO ĐỘNG XÃ HỘI





Digitized by Google

Các bạn tìm đọc:

HỒ CHÍ MINH

– Về công tác tư tưởng

LÊ DUẨN

– Vươn lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong giai đoạn mới
– Vì một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa vững mạnh, phồn vinh
– Thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác – Lê-nin ở Việt nam

TRƯỜNG CHINH

– Việt nam 40 năm đấu tranh và thắng lợi

PHẠM VĂN ĐỒNG

– 40 năm cách mạng, thành quả và triển vọng

TỐ HỮU

– Nắm vững đường lối của Đảng, đổi mới quản lý kinh tế

VÕ VĂN KIỆT

– Khai thác mọi tiềm năng, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế

ĐỖ MƯỜI

– Sắp xếp lại sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý công nghiệp

HOÀNG TRƯỜNG MINH

– Một số suy nghĩ nhằm quán triệt và thực hiện thắng lợi chính sách dân tộc của Đảng

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6đ00

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

UNIV. of MICH
MAY 1 9 1986
University
of Michigan
Current Serials

2

2.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Diễn văn của đồng chí Trường Chinh tại Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ V

(Ngày 16 — 17 tháng 1 năm 1986)

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí thân mến,

Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng, tôi nhiệt liệt chào mừng Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ V, chào mừng các tập thể và cá nhân anh hùng, các chiến sĩ thi đua đã mang đến Đại hội những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam.

Nhân dịp này, tôi nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn các chuyên gia Liên xô và chuyên gia các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đang ra sức lao động, giúp đỡ nhân dân Việt nam xây dựng và bảo vệ đất nước. Tôi cũng xin gửi lời chào mừng các đồng chí đại diện cơ quan ngoại giao các nước xã hội chủ nghĩa có mặt tại đây.

Các đồng chí thân mến,

Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc lần này có 218 đơn vị và tập thể anh hùng, 111 cá nhân anh hùng và 223 chiến sĩ thi đua toàn quốc thuộc đủ các tầng lớp nhân dân, các lứa tuổi, các địa

Digitized by Google

phương, miền xuôi và miền ngược. Điều đó chứng tỏ phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa đã phát triển rộng rãi trong cả nước, đang trở thành một động lực to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các đồng chí đã cùng toàn dân và toàn quân ta, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, tự lực, tự cường, vượt qua thiên tai, địch họa, lao động quên mình, lập được nhiều thành tích rất đáng phấn khởi.

Các đồng chí đã góp phần đánh bại một bước chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền, tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương các tập thể và cá nhân anh hùng, các chiến sĩ thi đua toàn quốc; nhiệt liệt biểu dương anh chị em công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và đồng bào cả nước đã dũng cảm phấn đấu, khắc phục khó khăn, lập nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Các đồng chí thân mến,

Bước sang năm 1986, năm mở đầu kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 nhiệm vụ của nhân dân ta rất nặng nề và rất vẻ vang. Dưới ánh sáng của các Nghị quyết Ban chấp hành trung ương Đảng và Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 10, các đồng chí hãy cùng với đồng bào và chiến sĩ cả nước tăng cường đoàn kết, chung sức, chung lòng, phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, chủ động, sáng tạo, ra sức thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, đổi mới cơ chế quản lý, chống tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Hãy thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: «Người người thi đua, ngành ngành thi đua, ngày ngày thi đua...», dấy lên một phong trào hành động cách mạng mạnh mẽ và rộng khắp nhằm đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, quyết tâm tạo bước chuyển biến mới trong tình hình kinh tế – xã hội nước ta.

Digitized by Google

Hãy nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng và an ninh, đánh bại chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, bảo đảm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Các tập thể và cá nhân anh hùng, các chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyên dương cần nêu cao vai trò đầu tàu của mình trong phong trào cách mạng của quần chúng, tiếp tục phấn đấu vươn cao hơn nữa, lập thành tích xứng đáng chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Tôi mong rằng trong phong trào thi đua sôi nổi của nhân dân ta sẽ xuất hiện nhiều hơn nữa những tập thể và cá nhân anh hùng, những chiến sĩ thi đua toàn quốc có sức sáng tạo, có kỹ thuật, có kỷ luật, có năng suất cao, gương mẫu trong việc quý trọng và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Chúc các đồng chí hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước năm 1986, góp phần tích cực hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm 1986 – 1990.

Chúc các đồng chí một năm mới dồi dào sức khoẻ, có nhiều hạnh phúc và công tác thắng lợi.

Digitized by Google

Xã luận

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG



Hội nghị thứ chín BCHTU Đảng đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng vào cuối năm 1986. Đại hội sẽ thảo luận đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội V, quyết định phương hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1986 — 1990; thảo luận bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; và bầu BCHTU khóa VI của Đảng.

Đó là những công việc trọng đại, có ảnh hưởng quyết định đối với vận mệnh của đất nước, đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân, đối với sức mạnh và năng lực lãnh đạo của toàn Đảng. Cứ mỗi lần tiến hành Đại hội Đảng là một dịp duyệt lại nhận thức lý luận và thực tiễn của Đảng, rà soát lại đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Đó cũng là một đợt sinh hoạt chính trị nâng cao trình độ của quần chúng. Mỗi Đại hội Đảng là một cột mốc mới trên con đường phát triển của cách mạng, đánh dấu bước trưởng thành của Đảng ta.

★

Từ sau Đại hội V của Đảng đến nay, bất chấp muôn vàn khó khăn và thử thách do địch họa nặng nề và thiên tai dồn dập gây ra, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã chiến đấu vô cùng kiên cường và dũng cảm, giành được những thành tựu to lớn trên cả hai mặt trận: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Sau khi hàn gắn những vết thương chiến tranh, trong hoàn cảnh nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, vật tư, nguyên liệu ít hơn trước, chúng ta đã cố gắng từng bước đưa các mặt sản xuất đi lên, nhất là về sản xuất lương thực. Nếu trong 5 năm 1976 — 1980 bình quân mỗi năm sản xuất nông nghiệp chỉ tăng 2%, sản xuất công nghiệp tăng 0,7%, thì trong 5 năm 1981 — 1985 bình quân mỗi năm sản xuất nông nghiệp tăng 5,1%, sản xuất công nghiệp tăng 14%. Sản lượng lương thực năm 1976: 13,49 triệu tấn, năm 1980: 14,4 triệu tấn, năm 1985: 18,2 triệu tấn; trong 5 năm gần đây trung bình mỗi năm tăng gần 1 triệu tấn lương thực.

Tuy cùng một lúc phải đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của công cuộc củng cố an ninh, quốc phòng, bảo đảm những nhu cầu tối thiểu về đời sống nhân dân, chúng ta đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Đến nay, đã

Digitized by Google

có thêm gần 300 công trình trên hạn ngạch và nhiều công trình vừa và nhỏ do Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong đó có nhiều công trình quan trọng đã phát huy tác dụng và một số công trình sẽ phát huy tác dụng trong thời gian tới. Tài sản cố định của các ngành sản xuất vật chất năm 1985 tăng gần ba lần so với năm 1976. Chưa bao giờ đất nước ta có được cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng như hiện nay.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi lớn, các giai cấp bóc lột về cơ bản đã bị xóa bỏ, công cuộc tập thể hóa nông nghiệp ở miền Nam về cơ bản đã hoàn thành với những hình thức và trình độ khác nhau; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm địa vị chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân. Điều đáng chú ý là, trong thời gian gần đây, dưới ánh sáng các nghị quyết 6, 7, 8 của Trung ương Đảng, chúng ta đã từng bước xác định các quan điểm cơ bản về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, kiên quyết xóa bỏ tập trung quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa, từng bước vận dụng đúng hơn các quy luật kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Về đời sống nhân dân, tuy còn nhiều khó khăn, nhưng cơ bản đã bảo đảm được những nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở, đi lại, bảo vệ sức khỏe, học hành. Trừ một số nơi bị thiên tai nặng, ở nhiều vùng nông thôn, đời sống nhân dân được cải thiện và ổn định hơn trước. Đã giải quyết việc làm cho hàng triệu người. Sự nghiệp giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hóa, y tế, xã hội không ngừng phát triển. Các tàn dư văn hóa, tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại ở miền Nam đến nay đã được thanh toán một phần quan trọng; bộ mặt xã hội (nhất là ở nông thôn) đang có những biến đổi sâu sắc.

Tiếp tục nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, tăng cường tiềm lực an ninh quốc phòng, chúng ta đã bước đầu đánh thắng âm mưu bao vây và phá hoại của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc và các thế lực phản động khác, giữ vững nền độc lập tự do của Tổ quốc ta, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng đối với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, tạo ra cục diện cách mạng chung của ba nước Đông dương vững mạnh hơn bao giờ hết.

Những thành tựu to lớn và toàn diện nói trên chứng minh đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, chứng minh sức mạnh và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, khẳng định bước tiến bộ và sự trưởng thành của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu to lớn và toàn diện đó là kết quả những năm tháng phấn đấu gian khổ, quyết liệt, với tinh thần tự lực tự cường của nhân dân ta, được sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sự đồng tình và ủng hộ của bầu bạn ta khắp thế giới.

Tuy nhiên, những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua chưa làm thay đổi được về cơ bản bộ mặt kinh tế xã hội của nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chưa tạo ra thế phát triển ổn định để hoàn thành những nhiệm vụ kinh tế xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Cho đến nay, sản xuất phát triển vẫn chậm trong khi dân số tăng nhanh, thu nhập quốc dân tính theo đầu người tăng ít. Lao động, đất đai chưa được sử dụng hết. Năng suất, chất lượng và hiệu quả giảm sút. Tình trạng mất cân đối trong nền kinh tế còn nghiêm trọng, có mặt rất gay gắt và căng thẳng. Đời sống của nhân dân, trước hết là của cán bộ, công nhân và lực lượng vũ trang còn

Digitized by Google

nhiều khó khăn. Kinh tế và xã hội có nhiều mặt không bình thường. Những hiện tượng tiêu cực chậm được khắc phục.

Tình hình kinh tế – xã hội yếu kém nói trên vừa có những nguyên nhân khách quan, vừa là hậu quả của những thiếu sót, khuyết điểm chủ quan trong công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện và công tác quản lý, điều hành của Đảng và Nhà nước ta.

Trên lĩnh vực tổ chức – xây dựng Đảng, chúng ta đã cố gắng bám sát phục vụ việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng, quán triệt phương hướng, đường lối, nhiệm vụ xây dựng Đảng do Đại hội IV, Đại hội V và các Hội nghị của Trung ương Đảng vạch ra. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng ta đã triển khai một khối lượng công việc to lớn với nội dung phong phú: tiến hành đại hội đảng bộ các cấp đợt hai; thực hiện các nghị quyết của BCHTƯ Đảng về các mặt công tác tư tưởng và tổ chức; rà soát và kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp; xây dựng quy hoạch và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; xây dựng quy chế làm việc của BCHTƯ Đảng, của các tỉnh ủy, huyện ủy và đảng ủy cơ sở; xúc tiến xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh; đi sâu củng cố một số loại tổ chức cơ sở Đảng (như các tổ chức cơ sở Đảng ở xí nghiệp quốc doanh, ở Tây nguyên, ở vùng cao biên giới, ở phường); tổng kết công tác phát thẻ Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên; chấn chỉnh một bước bộ máy tổ chức và biên chế; sửa đổi và bổ sung một số chính sách đối với cán bộ, v.v. Nhờ vậy chất lượng và hiệu quả công tác tổ chức – xây dựng Đảng có bước tiến bộ mới, nhất là ngày càng bám sát việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế, tăng cường bộ máy Nhà nước. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy địa phương, các ngành đã được cải tiến một bước theo phương hướng sâu sát, cụ thể và có hiệu quả hơn. Bộ máy lãnh đạo của Đảng, bộ máy quản lý của Nhà nước ngày càng được tăng cường.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác cán bộ, công tác kiểm tra nói chung chuyển biến còn chậm, không theo kịp sự phát triển của tình hình. Nhiều mặt còn thiếu chủ động, sắc bén. Trong Đảng và trong bộ máy Nhà nước, kỷ luật chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước không nghiêm. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước chưa được phát huy, thậm chí còn bị vi phạm ở nhiều nơi. Tệ quan liêu, bảo thủ, cửa quyền, vô trách nhiệm còn nặng nề. Mặc dù đã qua phát thẻ Đảng, đến nay vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên hư hỏng. Những hiện tượng lợi dụng chức quyền và điều kiện công tác để lấy cắp của công, nhận hối lộ, móc ngoặc với những phần tử xấu để làm giàu, ức hiếp quần chúng, hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, cá nhân chủ nghĩa vẫn còn khá phổ biến. Ở nhiều nơi tổ chức Đảng chưa thực hiện tốt chức năng kiểm tra, chưa làm tốt việc giáo dục và quản lý đảng viên. Tình hình mất đoàn kết nội bộ ở một số nơi chưa được khắc phục. Năng lực nghiên cứu, tổ chức chỉ đạo, điều hành của bộ máy quản lý còn thấp so với yêu cầu. Những mặt yếu kém trong công tác tổ chức – xây dựng Đảng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

★

Hiện nay, nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuy có nhiều thuận lợi cơ bản, nhưng nền kinh tế còn phổ

Digitized by Google

biến là sản xuất nhỏ, bị mất cân đối nặng ; sản xuất và đời sống nhân dân có nhiều mặt không ổn định ; đất nước ta còn phải thường xuyên chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt, chống chiến tranh lấn chiếm biên giới của địch và đề phòng chiến tranh xâm lược quy mô lớn do chúng gây ra.

Căn cứ vào đường lối và quan điểm chiến lược của Đảng, xuất phát từ thực trạng kinh tế xã hội của đất nước hiện nay, trong những năm tới Đảng ta, nhân dân ta cần tập trung sức thực hiện tốt các mục tiêu chủ yếu : Ổn định toàn diện và vững chắc tình hình kinh tế xã hội, ổn định đời sống nhân dân ; xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp hợp lý ; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phù hợp với lực lượng sản xuất, xây dựng cơ chế quản lý mới, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển ; tiếp tục củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh.

Thực hiện được các mục tiêu nêu trên là hoàn thành thắng lợi chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tạo ra những tiền đề cần thiết để đưa nền kinh tế xã hội nước ta chuyển sang chặng đường tiếp theo mà nội dung chủ yếu là triển khai trên quy mô lớn sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện phương hướng chiến lược đó, vấn đề có ý nghĩa quyết định là tiếp tục **nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước.** *Thực tiễn cuộc sống ngày càng khẳng định rằng, chỉ có đường lối đúng, có chỉ thị, nghị quyết đúng mà không có năng lực tổ chức, quản lý, điều hành tương ứng thì đường lối và các chỉ thị, nghị quyết rốt cuộc vẫn không biến thành hiện thực được, thậm chí có khi còn bị làm cho sai lạc.*

Tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, chúng ta có rất nhiều việc phải làm, nhưng vấn đề mấu chốt là phải thông qua việc tổ chức thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1986, thông qua việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, nâng cao một bước sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, kiện toàn bộ máy và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội, các cấp ủy Đảng cần đi sâu **tổng kết các mặt công tác, làm tốt việc tự phê bình và phê bình ;** *rút ra những bài học kinh nghiệm về tổ chức chỉ đạo thực hiện, về quản lý và điều hành công việc. Trên cơ sở đó đề ra những biện pháp tích cực và thiết thực nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, tăng cường đoàn kết nội bộ, đưa các mặt công tác tiến lên. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành hướng dẫn việc tự phê bình và phê bình ở cấp mình, ngành mình, và bản thân phải gương mẫu tự phê bình, tiếp thu những ý kiến phê bình và tích cực sửa chữa khuyết điểm.*

Vấn đề cấp bách hiện nay là phải **thực hiện đúng đắn và nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ** *trong sinh hoạt Đảng và trong công tác quản lý. Phải có những biện pháp cụ thể và kiên quyết để chấm dứt tình trạng lỏng lẻo về kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, tạo ra sức mạnh thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, sức mạnh thống nhất quản lý của Nhà nước, đồng thời phát huy tính chủ động và năng lực sáng tạo của các cơ sở, các địa phương, các ngành, của mỗi người lao động. Chống tập trung quan liêu, bao cấp ; đồng thời chống phân tán, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật, chạy theo lợi ích riêng làm hại lợi ích chung.*

Một yêu cầu quan trọng và cấp bách hiện nay là phải **nâng cao trình độ của cán bộ, đảng viên,** *nhất là trình độ và năng lực tổ chức và quản lý kinh*

Digitized by Google

tế, quản lý Nhà nước, đồng thời **sắp xếp lại tổ chức, bố trí lại cán bộ, cải tiến lề lối làm việc và phong cách công tác.** Một mặt phải gấp rút bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên những kiến thức mới về quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu đổi mới công tác lãnh đạo kinh tế, cải tiến cơ chế quản lý kinh tế; mặt khác cần chấn chỉnh công tác đào tạo và bố trí cán bộ, xây dựng một đội ngũ cán bộ thật sự có phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu mới của giai đoạn hiện nay. Nghị quyết Hội nghị thứ 9 của BCHTU Đảng yêu cầu ngay từ đầu năm 1986 này phải sắp xếp lại bộ máy của Đảng, của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, kiên quyết cắt bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết, sắp xếp lại lao động của các cơ quan hành chính sự nghiệp, giảm biên chế gián tiếp ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tăng cường cán bộ cho các huyện, các đơn vị cơ sở và những nơi đang có khó khăn. Các cấp, các ngành phải cải tiến lề lối làm việc của mình, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đi sát cơ sở, sát quần chúng. Khắc phục tác phong quan liêu, mệnh lệnh cũng như tư tưởng địa phương, cục bộ, hẹp hòi; đề cao lối làm việc có điều tra nghiên cứu, có làm thử, có kiểm tra, có sơ kết và tổng kết rút kinh nghiệm.

Để tăng cường sức mạnh của Đảng, phải **bảo đảm sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng**, trên cơ sở thấu suốt đường lối, quan điểm của Đảng, chấp hành đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đầy đủ tự phê bình và phê bình. Trong tình hình hiện nay, khi kinh tế, xã hội còn khó khăn và có những diễn biến phức tạp, khi kẻ thù đang tìm mọi cách để chia rẽ, kích động, phá hoại chúng ta, bất cứ một sự lơi lỏng, mất cảnh giác nào, bất cứ một biểu hiện thiếu đoàn kết nhất trí nào cũng đều có hại cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước ở bất cứ cấp nào, giữ cương vị công tác nào cũng phải nêu cao tinh thần đoàn kết, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, thể hiện đúng vai trò tiên phong, gương mẫu của người đảng viên, người cán bộ cách mạng. Phải liên hệ mật thiết với quần chúng, sửa đổi phong cách công tác, đi sát thực tế cuộc sống, thâm nhập quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng, chống quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền.

Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng và các cơ quan Nhà nước những phần tử thoái hóa, biến chất; thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với những cán bộ lãnh đạo và quản lý tỏ ra vô trách nhiệm, không chấp hành nghị quyết của Đảng, không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

★

Đại hội đại biểu toàn quốc là sự kiện quan trọng nhất trong đời sống chính trị của Đảng, có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của nhân dân và sinh hoạt của toàn xã hội. Chuẩn bị Đại hội Đảng là một dịp tốt để phát huy cao độ trí tuệ và sức mạnh của toàn Đảng, vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp phần tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Trước mắt, các cấp ủy Đảng cần phát động phong trào hành động cách mạng sôi nổi của quần chúng, thi đua hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1986, lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội thứ VI của Đảng.

Digitized by Google

Quán triệt nghị quyết của Đảng về giá, lương, tiền trong công nghiệp quốc doanh

Từ giữa năm 1985 đến nay, thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng và nghị quyết 28 của Bộ chính trị về giá, lương, tiền, các cơ sở công nghiệp quốc doanh đã thu được một số kết quả trong việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, bước đầu sắp xếp lại sản xuất, điều chỉnh lại lực lượng lao động, tạo điều kiện để từng bước xây dựng cơ chế quản lý mới theo hướng hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa. Tuy vậy, trong lúc phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đảng và quyết định của Nhà nước, các cơ sở công nghiệp quốc doanh gặp một số khó khăn như giá thành sản xuất tăng cao, một số loại sản phẩm khó tiêu thụ, số tích lũy cho Nhà nước giảm hoặc không còn nữa, một số cơ sở bị lỗ.

Những khó khăn này bắt nguồn từ trình độ sản xuất thấp kém và tình trạng mất cân đối của nền kinh tế nước ta. Do thiếu vật tư và năng lượng, nhiều cơ sở sản xuất chỉ mới sử dụng được khoảng 50% công suất thiết bị. Hao phí lao động vật hóa và lao động sống quá cao. Năng suất lao động thấp. Chất lượng sản phẩm kém. Lãng phí nhiều. Những hiện tượng tiêu cực còn phổ biến. Trong sản xuất còn nhiều khâu chưa hợp lý. Sản xuất chưa được sắp xếp lại. Phân phối lưu thông trải qua nhiều khâu trung gian không cần thiết và không hợp lý. Chi phí lưu thông quá cao. Sức mua của xã hội còn thấp. Giá cả thị trường còn chịu ảnh hưởng của chế độ bao cấp. Công tác quản lý kinh tế còn yếu kém.

Nền kinh tế của ta thấp kém và mất cân đối như vậy, cho nên mặc dù việc tính đủ chi phí sản xuất vào giá thành chỉ mới thực hiện một phần, Nhà nước vẫn còn bù lỗ khá lớn cho giá tư liệu sản xuất (nhất là vật tư nhập khẩu), cho giá cước vận tải và cho giá một số hàng tiêu dùng thiết yếu, việc xóa bỏ bao cấp chỉ mới thực hiện một bước, mà các cơ sở công nghiệp quốc doanh đã gặp không ít khó khăn. Việc giải quyết một cách cơ bản những khó khăn nói trên đòi hỏi phải ra sức đẩy mạnh sản xuất, khắc phục những mất cân đối, tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ trong nền kinh tế quốc dân.

Để vượt qua những khó khăn trước mắt các cơ sở sản xuất cần phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ra sức đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm hao phí vật tư, cải tiến quản lý để hạ giá thành, chuyển từ lỗ sang hòa vốn rồi tiến lên có lãi. Các ngành các cấp phấn đấu khôi phục lại trật tự kinh tế, ổn định thị trường và giá cả, tạo điều kiện cho các cơ sở thực hiện được kế hoạch cả về sản lượng và về giá trị, thực hiện được hạch toán kinh tế và nâng dần hiệu quả kinh tế.

Các cơ sở sản xuất cần triệt để khai thác các nguồn khả năng về năng lượng, nguyên liệu, vật liệu để dùng hết năng lực sản xuất hiện có: dùng hết vật tư tồn kho, phế liệu; liên kết với các tổ chức kinh tế khác để sản

Digitized by Google

xuất thêm nguyên liệu, vật liệu; đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu để tự tạo thêm khả năng nhập thêm các loại vật tư mà Nhà nước chưa cân đối đủ; dùng hết vốn có khả năng vay của nước ngoài để nhập vật tư, nguyên liệu cần cho sản xuất và cố gắng quay vòng nhiều lần để làm ra nhiều sản phẩm, tăng nhanh doanh số và đạt hiệu quả cao.

Xí nghiệp phải một mặt căn cứ vào nguồn cung ứng vật tư, mặt khác căn cứ vào nhu cầu của xã hội mà định ra kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch sản xuất. Xuất phát từ chính sách giá mới và nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà xây dựng phương án sản xuất, cơ cấu mặt hàng có hiệu quả nhất trong từng thời gian. Căn cứ vào khả năng tiêu thụ sản phẩm mà quyết định mặt hàng sản xuất. Đối với những mặt hàng mà nhu cầu của thị trường đã được thỏa mãn thì xí nghiệp phải chuyển sang sản xuất những mặt hàng khác mà thị trường đòi hỏi. Nếu không phải là những sản phẩm thiết yếu cần phải bảo đảm chính sách mà sản xuất bị lỗ thì phải chuyển sang sản xuất các mặt hàng khác có lãi. Giám đốc xí nghiệp có quyền điều hành sản xuất linh hoạt kịp thời miễn là phát triển được sản xuất, đáp ứng nhu cầu của xã hội, bảo đảm được nghĩa vụ Nhà nước giao, kinh doanh có hiệu quả.

Nhiệm vụ cấp bách của các xí nghiệp là phấn đấu hạ giá thành đến mức hợp lý hơn, nâng cao hiệu quả kinh tế. Để hạ giá thành cần khắc phục những bất hợp lý và những yếu kém trong tổ chức sản xuất, trong quản lý. Cần khẩn trương sắp xếp và tổ chức lại sản xuất.

Liên hiệp các xí nghiệp căn cứ vào nguồn vật tư, phương án sản xuất và cơ cấu mặt hàng của toàn ngành, và trang bị kỹ thuật của từng xí nghiệp thành viên mà phân bổ kế hoạch giữa các xí nghiệp trong liên hiệp, giữa xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương, giữa xí nghiệp quốc doanh và cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, tổ chức hợp lý sự hiệp tác giữa các xí nghiệp thành viên trong việc xử lý các công đoạn sản xuất nhằm phát huy thế mạnh của mỗi cơ sở, làm ra sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ. Các xí nghiệp xuất phát từ phương án sản xuất và cơ cấu mặt hàng đã được lựa chọn mà chủ động tổ chức lại sản xuất cho thích ứng và có hiệu quả cao nhất.

Trong công tác quản lý, cần rà soát lại các mức tiêu hao vật chất và lao động. Cần phát động phong trào công nhân viên chức xây dựng những định mức hợp lý về tiêu hao vật chất và lao động, ra sức thực hiện các định mức đó. Cần tính đủ số thiết bị cần thiết cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất trong năm. Số thiết bị không cần dùng thì xin chuyển nhượng cho các xí nghiệp khác có nhu cầu. Số thiết bị chưa dùng đến thì xin niêm cất để khỏi phải khấu hao. Thiết bị phế thải phải thanh lý sớm.

Dùng hết công suất các tài sản cố định được đưa vào sử dụng. Nếu vì thiếu nguyên liệu mà dôi công suất thì xí nghiệp được phép làm gia công cho tổ chức kinh tế khác để sử dụng hết công suất thiết bị.

Xí nghiệp phải thực hiện đúng chế độ sửa chữa lớn để tăng số ngày giờ hoạt động của thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn được tính vào giá thành. Khuyến khích bằng lợi ích vật chất thích đáng để huy động công nhân viên chức xí nghiệp tự chế tạo phụ tùng thay thế, khôi phục thiết bị hư hỏng và cải tiến thiết bị. Phải tính chi phí về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, động lực trên cơ sở xác định mức tiêu hao trung bình tiên tiến; xác định mức phát sinh phế liệu và phải thu hồi phế liệu.

Digitized by Google

Chi phí về tiền lương phải tính trên cơ sở sắp xếp lại lao động để có biên chế hợp lý, bảo đảm ngày công, giờ công có ích, tăng thu nhập cho những người có tay nghề và năng suất cao. Cần khắc phục những hiện tượng làm giảm năng suất lao động như: chuẩn bị sản xuất không chu đáo để người chờ việc; giao ca kíp chiếm nhiều thời gian lao động; đến muộn về sớm; vừa làm vừa chơi; làm việc tắc trách không có hiệu quả; không chấp hành đúng kỷ luật lao động, v.v. Những người chây lười đã được giáo dục mà không sửa chữa thì kiên quyết cho thôi việc.

Về chi phí quản lý, phải tính theo đúng chế độ đã quy định. Kiên quyết chấm dứt việc chi tiêu về quà biếu, đăng cai hội nghị và gánh những chi phí hành chính sự nghiệp cho cấp trên, cũng như tiệc tùng liên hoan chiêu đãi và các thứ chi tiêu xa hoa lãng phí khác.

Xí nghiệp phải sử dụng vốn triệt để tiết kiệm và có hiệu quả, giải quyết hàng tồn kho quá mức, xử lý vật tư ứ đọng, thu hồi vốn bị chiếm dùng, tăng vòng quay vốn để giảm bớt số vốn phải vay và số lãi phải trả.

Đối với những mặt hàng do ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến quản lý hoặc do những điều kiện sản xuất ở từng địa phương mà hạ được giá thành thì có thể bán sản phẩm thấp hơn giá chỉ đạo chung của Nhà nước để đẩy mạnh tiêu thụ, luân chuyển vốn nhanh, mở rộng sản xuất, nhưng phải được sự đồng ý của cơ quan vật giá có thẩm quyền.

Đối với những trường hợp sản xuất ngoài chỉ tiêu pháp lệnh mà giá thành còn cao song có khách hàng chấp nhận tiêu thụ thì xí nghiệp được quyền bán theo giá thỏa thuận cao hơn giá chỉ đạo chung của Nhà nước, nhưng phải phấn đấu hạ giá thành để sớm thực hiện giá chỉ đạo. Trong trường hợp giá cao khó tiêu thụ thì điều chỉnh giá bán xuống, chịu lỗ để chu chuyển vốn nhanh, không nên để khê đọng vốn quá lâu. Trường hợp chưa có giá chỉ đạo của Nhà nước thì giữa bên sản xuất và bên tiêu thụ được phép giao nhận hàng và thanh toán theo giá thỏa thuận.

Đảng ủy, công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ của xí nghiệp cùng giám đốc xí nghiệp bám sát các tổ đội sản xuất, hướng dẫn, giúp đỡ các tổ đội sản xuất giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong sản xuất và đời sống, động viên mọi người ra sức phấn đấu đẩy mạnh sản xuất.

★

Để cho các xí nghiệp công nghiệp hoạt động được bình thường, không những phải làm tốt sản xuất mà còn phải làm tốt lưu thông. Cần chấn chỉnh lưu thông ở cả hai khâu: cung cấp vật tư cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, xóa bỏ những khâu trung gian không cần thiết.

Đối với tư liệu sản xuất — Các cơ sở tiêu thụ lớn (như các nhà máy điện, các nhà máy xi măng đối với than...) thì có thể nhận thẳng vật tư từ cơ sở sản xuất. Những xí nghiệp có nhu cầu nhỏ thì được cung ứng qua các tổ chức cung ứng vật tư, được ký hợp đồng mua và nhận vật tư trực tiếp từ các tổ chức này theo nguyên tắc chỉ qua một khâu trung gian. Những tổ chức cung tiêu của Bộ mà thực chất chỉ là những khâu trung gian thì xóa bỏ. Đối với nguyên liệu do kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và kinh tế gia đình sản xuất thì mua qua hợp đồng ký trực tiếp với các cơ sở sản xuất, không mua qua tư thương trung gian. Xóa bỏ các khoản

Digitized by Google

thu do các ngành, các địa phương tự đặt ra không đúng luật lệ, chế độ của Nhà nước, làm tăng bất hợp lý giá nguyên liệu vật liệu đưa vào sản xuất.

Đối với hàng tiêu dùng — Chuyển dần sang phương thức các công ty bán lẻ, các cửa hàng bán lẻ lớn được nhận hàng trực tiếp từ các xí nghiệp sản xuất theo kế hoạch phân phối của ngành nội thương, không phải qua các khâu thương nghiệp bán buôn cấp I hoặc cấp II. Trường hợp còn phải qua thương nghiệp bán buôn thì hệ thống thương nghiệp (bao gồm bán buôn và bán lẻ) chỉ được hưởng một khoản chiết khấu (hoặc thặng số) định mức cho toàn ngành, ngành thương nghiệp sẽ phân bổ chiết khấu (hoặc thặng số) đó cho mỗi khâu trong ngành, không được vượt định mức đã được duyệt.

★

Sự nghiệp phát triển sản xuất, thực hiện hạch toán kinh tế, phấn đấu giảm giá thành trong công nghiệp quốc doanh đòi hỏi sự phối hợp, giúp đỡ và phục vụ của các ngành, các cấp.

Cần tăng cường quản lý thị trường nội địa. Phải loại trừ việc buôn bán đầu cơ các loại vật tư (kể cả phế liệu) cần thiết cho công nghiệp, đẩy giá thị trường lên cao. Đối với nhu cầu của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, cần hướng dẫn giá mua nguyên liệu, vật liệu và giá bán sản phẩm kết hợp với việc thu thuế nhằm ngăn ngừa việc đẩy giá lên để tranh mua với quốc doanh. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán hàng của công nghiệp quốc doanh và của các thành phần kinh tế khác phải kiểm tra chặt chẽ chất lượng và giá cả, không chạy theo doanh số và ham rẻ mà mua phải hàng xấu, hàng giả, tiếp tay cho những kẻ làm ăn gian dối. Đẩy mạnh cải tạo tư thương theo hướng chính là chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

Cần tăng cường quản lý xuất khẩu và nhập khẩu để bảo vệ sản xuất trong nước. Cần quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu hàng tiêu dùng. Những mặt hàng trong nước đã sản xuất được thì không cho nhập khẩu hoặc hạn chế nhập khẩu, đánh thuế nhập khẩu. Đối với những hàng được phép nhập khẩu thì phải chịu thuế nhập khẩu. Chấm dứt việc các cơ sở sản xuất kinh doanh tự định giá mua hàng xuất khẩu và giá hàng nhập khẩu rồi tự lấy lãi hàng nhập khẩu bù lỗ hàng xuất khẩu, gây rối loạn giá cả thị trường trong nước, gây khó khăn cho sản xuất và hạch toán kinh tế của công nghiệp.

Cần tăng cường quản lý Nhà nước, ổn định tình hình và lập lại trật tự kinh tế theo chính sách giá, lương, tiền mới. Các ngành, các cấp cùng nhau phối hợp trấn áp nhanh chóng những thủ đoạn phá hoại của địch, chống dầu cơ lũng đoạn gây rối loạn thị trường và gây khó khăn cho sản xuất công nghiệp. Các tổ chức có nhiệm vụ phục vụ cho sản xuất công nghiệp như cơ quan phân phối điện, vật tư, vận tải, ngân hàng, thương nghiệp... sắp xếp lại tổ chức, bỏ trung gian, sửa đổi phương thức kinh doanh, thực hiện đúng các hợp đồng kinh tế đã ký với các xí nghiệp công nghiệp. Đồng thời cần dựa trên chính sách mới về giá, lương, và những hình thức thưởng phạt đúng đắn mà giúp các xí nghiệp công nghiệp khắc phục các hiện tượng tiêu cực.

Các cơ quan quản lý tổng hợp của Nhà nước cần giúp các xí nghiệp giải quyết các vấn đề: xác định giá trị tài sản cố định; cho xí nghiệp vay vốn lưu động đủ để bảo đảm hoạt động

(Xem tiếp trang 24)

Digitized by Google

TRẦN QUỐC HOÀN

VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG LÀ NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin, khoa học cách mạng của giai cấp công nhân luôn luôn xem vận động quần chúng là một trong những nhiệm vụ chiến lược của đảng vô sản. Khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chủ nghĩa Mác — Lê-nin tỏ rõ niềm tin bất diệt vào phong trào cách mạng của quần chúng. Nhân dân lao động sáng tạo nên lịch sử, và từ khi chủ nghĩa Mác — Lê-nin ra đời, chân lý ấy ngày càng rực sáng bởi thực tiễn cách mạng của phong trào cộng sản quốc tế, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Từ phong trào yêu nước, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân Việt nam kết hợp với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng ta ra đời đã có ngay trong mình bản chất của một đảng mác xít — lê nin nít chân chính. Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, Đảng ta có nhiều kinh nghiệm trong công tác vận động quần chúng, và nhờ đấy cách mạng nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác : lần lượt đánh bại các kẻ thù, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử thắng lợi mở ra cho đất nước ta một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Tiến hành đồng thời « ba cuộc cách mạng », « hai nhiệm vụ chiến lược » là công việc nặng nề, to lớn. Tuyệt đối tin tưởng ở sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng, đoàn kết chặt chẽ bên nhau, những năm qua nhân dân ta đã giành được nhiều thành tích lớn lao trong sự nghiệp mới. Các chương trình kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng mà Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng vạch ra đã được nhân dân lao động cả nước hưởng ứng và thực hiện một cách sáng tạo, đem lại những kết quả đáng mừng. Điều lớn lao hơn, từ phong trào cách mạng của quần chúng, qua mười năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những con người mới xã hội chủ nghĩa đã và đang hình thành với ý thức và tinh thần làm chủ tập thể, với phẩm chất sáng ngời của giai cấp công nhân, với kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật ngày càng cao.

Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ những yêu cầu mới trong công tác quần chúng, lại thêm cái nguy hại của chế độ tập trung quan liêu — bao cấp kéo dài trong mọi hoạt động kinh tế — xã hội, làm cho tổ chức Đảng, cũng như cả hệ thống chuyên chính vô sản xem nhẹ công tác vận động quần chúng, không thu hút được rộng rãi quần chúng vào các tổ chức, vào các phong trào hành động cách mạng để giáo dục, rèn luyện. Nắm không chắc diễn biến tư tưởng và nguyện vọng của quần chúng cho nên giải quyết không kịp thời và sắc bén

Digitized by Google

những vấn đề do phong trào quần chúng đặt ra; quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bị vi phạm. Nhiều cán bộ, đảng viên không làm, hoặc không biết làm công tác vận động quần chúng, xa rời quần chúng, mất tác dụng lãnh đạo quần chúng. Không ít cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất làm ảnh hưởng xấu tới mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Thiếu sót đó ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị của Đảng. Nó cũng là nguy cơ làm cho Đảng xa rời quần chúng. Nguyên nhân của những thiếu sót đó có phần khi bước vào thời kỳ mới chúng ta còn ít kinh nghiệm lại thiếu tổng kết nghiêm túc, thường xuyên. Nhưng cơ bản là do nhận thức về đường lối, nhiệm vụ cách mạng nói chung, nhận thức về vị trí và nhiệm vụ vận động quần chúng nói riêng chưa đầy đủ, còn xem nhẹ các nguyên tắc của Đảng về mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng, xem nhẹ việc rèn luyện ý chí giai cấp công nhân trong toàn Đảng. Các cấp ủy cần thấy rõ những thiếu sót ấy, kịp thời vạch ra những biện pháp tích cực đưa công tác vận động quần chúng tiến kịp với đòi hỏi ngày càng to lớn của cách mạng. Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã nhấn mạnh: « Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, và hiện nay khi cách mạng nước ta làm hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng chẳng những không giảm bớt mà còn tăng thêm » (1).

Công tác quần chúng phải thể hiện được mối quan hệ biện chứng giữa Đảng và nhân dân lao động, giữa giai cấp công nhân và các giai cấp, các tầng lớp khác trong xã hội. Vận động quần chúng là một vấn đề thuộc về đường lối, chứ không phải là một biện pháp. Coi nhẹ công tác quần chúng là hiểu chưa hết đường lối của Đảng; xa rời quần chúng cũng là xa rời đường lối của Đảng. Sự liên hệ giữa Đảng và quần chúng được xây dựng trên cơ sở giác ngộ chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đã được thử thách trong hơn nửa thế kỷ qua kể từ ngày Đảng ta ra đời.

Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới là một nhiệm vụ hết sức nặng nề, phức tạp. Cuộc cách mạng sâu sắc và triệt để giữa cái mới và cái cũ, giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa tiên tiến và lạc hậu từng giờ từng phút diễn ra trong từng việc, từng cơ sở, từng con người. Từ địa vị nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, từ những người làm thuê, trình độ hiểu biết mọi mặt, đặc biệt là văn hóa và khoa học kỹ thuật còn thấp kém, người dân lao động nước ta ngày nay đã và đang vươn tới những hiểu biết ở trình độ tiên tiến của thời đại. Xưa kia nhu cầu của người dân chỉ dừng lại ở những cái trước mắt, gần gũi; hôm nay những đòi hỏi của con người chẳng những nhiều hơn mà còn cao hơn, phong phú hơn, tinh tế hơn.

Trên 55 năm đấu tranh gian khổ, Đảng ta đã mang lại chính quyền cho nhân dân lao động. Đó là thắng lợi rất cơ bản và quan trọng, là bước ngoặt trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ta. Trước khi làm cách mạng, nhân dân lao động chỉ có hai bàn tay trắng, giờ đây Nhà nước thuộc về nhân dân, mọi tài sản của dân tộc, vốn liếng, vật tư, tài nguyên đều do chính quyền thay mặt nhân dân quản lý. Tất cả những công việc bộn bề của đất nước đang được nhân dân lao động thông qua Nhà nước tổ chức lại theo chủ nghĩa xã hội. Đó là một điều kiện cơ bản hết

(1) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 118.

Digitized by Google

sức thuận lợi cho phép ta tiến lên xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới, xây dựng nền quốc phòng vững mạnh trên cả nước. Song trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, nguy cơ xa rời quần chúng có thể nảy sinh nếu không tích cực đấu tranh ngăn chặn.

Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta diễn ra trong hoàn cảnh thế giới rất phức tạp và sôi động. Hệ thống xã hội chủ nghĩa lớn mạnh không ngừng, nó đang cùng với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình áp đảo mọi thế lực phản động. Bọn đế quốc phản động đứng đầu là đế quốc Mỹ, đang tiếp tục chạy đua vũ trang, gây tình hình căng thẳng. Kẻ thù mới của nhân dân ta là bọn bành trướng bá quyền Trung quốc đang từng giờ từng phút chống phá cách mạng nước ta về nhiều mặt. Đấu tranh bảo vệ hòa bình đang là mục tiêu chung của nhân dân thế giới. Vì lẽ đó, tập hợp quần chúng tiến bộ trên trái đất vào mặt trận chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình là một việc làm hệ trọng và cần thiết. Đặt trong bối cảnh ấy, công tác vận động quần chúng của Đảng càng có ý nghĩa sâu rộng hơn.

Rõ ràng là chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải tổ chức công tác quần chúng một cách khoa học và thiết thực hơn, bảo đảm phát huy đầy đủ nghĩa vụ và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Những kinh nghiệm của công tác quần chúng trước kia là rất quý báu, giờ đây trước yêu cầu mới, nó cần được vận dụng, bổ sung, làm cho phong phú hơn về nội dung và rộng rãi hơn, tế nhị hơn về phương pháp.

Đảng phải hiểu quần chúng, nhưng hiểu như thế nào, hiểu những gì, và làm thế nào để hiểu được, đó là một khoa học mà mỗi đảng viên phải kiên trì rèn luyện mới nắm được. Các quá trình khảo sát, điều tra, thu thập tình hình và nguyện vọng của quần chúng cần được mở rộng trên phạm vi cả nước. Không nên chỉ nắm thông tin qua nơi hội họp, chỗ lãnh đạo hoặc các điển hình tiên tiến, mà còn phải qua cả những ý nghĩ hoặc tâm tư sâu kín của mỗi con người đang trực tiếp sản xuất ở nơi yếu kém, ở nơi đang có những vấn đề cần giải quyết. Bằng tất cả mọi phương tiện của chuyên chính vô sản, chúng ta phải chuyển tới quần chúng một cách chính xác và nhanh chóng nhất, dễ hiểu nhất những kiến thức về chủ nghĩa xã hội, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải là một tuyên truyền viên giỏi, một cán bộ vận động quần chúng tốt, biết nghe dân nói và biết nói cho dân nghe, biết làm người lãnh đạo quần chúng và biết làm người "đầy tớ thật trung thành" của quần chúng.

Một trong những yêu cầu quan trọng của công tác vận động quần chúng là phải tạo ra phong trào cách mạng của quần chúng. Chỉ có qua phong trào cách mạng của quần chúng, chúng ta mới kiểm nghiệm được các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, mới thực hiện có kết quả các chương trình kinh tế, xã hội và an ninh, quốc phòng, mới hiểu đúng được đội ngũ cán bộ, đảng viên, mới tập dượt được lực lượng quần chúng và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta từ trước đến nay xét đoán sự sáng suốt, sự trưởng thành của Đảng không phải căn cứ vào lời nói và sự hứa hẹn, mà chủ yếu là xem xét năng lực vạch ra và thực hiện các chính sách đem lại những kết quả rõ rệt. Vì vậy, không thể tùy tiện mà phải từ những nhu cầu chín muồi của sự phát triển xã hội, từ kinh nghiệm lao động và những cố gắng của hàng triệu người

Digitized by Google

lao động, từ lợi ích căn bản của đông đảo quần chúng mà vạch ra các chương trình và chính sách. Mối liên hệ vững chắc giữa Đảng và quần chúng không phải chỉ thiết lập một lần là xong. Nó phải được không ngừng củng cố và xây dựng. Không nên hiểu cứ tổ chức thì đưa là đã có phong trào cách mạng và cũng không nên khoán trắng phong trào cách mạng cho các tổ chức quần chúng. Tất cả các bộ phận trong hệ thống chuyên chính vô sản từ trung ương tới cơ sở phải hướng tới quần chúng mà hành động nhằm tạo ra phong trào cách mạng của quần chúng. Các cấp ủy phải có mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức phong trào và có kế hoạch kiểm tra, sơ kết, đúc rút kinh nghiệm thường xuyên, để rồi từ đó có kế hoạch bổ sung làm cho phong trào ngày càng phát triển ở mức độ cao.

Những năm qua, nhiều đảng bộ, trong đó có đảng bộ thành phố Hải phòng, các đảng bộ tỉnh Long an, tỉnh Hậu giang, tỉnh Kiên giang, đảng bộ quận Tân bình (thành phố Hồ Chí Minh) v.v. đã cho ta nhiều bài học quý về công tác vận động quần chúng. Từ thực tiễn của địa phương và nguyện vọng của nhân dân, vận dụng các chủ trương chính sách của Trung ương, Hải phòng đã biết đề ra những phong trào cách mạng phù hợp, xác định mũi nhọn là sản xuất nông nghiệp với những việc như quai đê lấn biển, ngọt hóa đồng ruộng, tạo độ phì cho đất, kết hợp với khoán sản phẩm tới nhóm và người lao động. Phong trào nông nghiệp chuyển biến đã đưa lại sắc thái mới cho Hải phòng, tạo điều kiện cho Hải phòng đi tiếp vào công nghiệp, thủ công nghiệp và hàng xuất khẩu. Khi làm những việc đó, Hải phòng đã coi trọng việc xây dựng các cơ sở chính trị ở quận, huyện, phường, xã vững mạnh, coi trọng công tác vận động quần chúng và chăm lo đời sống nhân dân. Quận Tân bình (thành phố Hồ Chí Minh) biết chọn thủ công nghiệp làm mũi tiến quân, tổ chức lại cơ cấu sản xuất thủ công nghiệp trong quận, từ đó xây dựng cuộc sống mới cho những người dân yêu lao động nhưng còn quen với nếp nghĩ cạnh tranh và tự do vô tổ chức xưa kia. Hậu giang đã cụ thể hóa khẩu hiệu « nông nghiệp là mặt trận hàng đầu » bằng nhiều chương trình hành động cách mạng, kết hợp cải tạo quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất, làm cho năng suất cây trồng, sản lượng lương thực mấy năm liền không ngừng tăng lên. Sự nghiệp tập thể hóa cũng tiến bước nhanh, mạnh. Long an với khẩu hiệu « toàn Đảng, toàn dân làm phân phối lưu thông » đã tạo ra được các nguồn hàng để thỏa mãn từng bước nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân địa phương. Ở các tỉnh, thành khác cũng xuất hiện ngày càng nhiều những bông hoa đẹp về phát huy quyền làm chủ tập thể và sức mạnh tổng hợp, đưa lại những kết quả tốt đẹp.

Rõ ràng ở đâu đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng và mục đích của cách mạng, thì ở đó tăng cường được mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng, lôi cuốn được đông đảo quần chúng phấn đấu thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách do Đảng đề ra.

Thời gian qua, coi công tác vận động quần chúng là một nhiệm vụ chiến lược, nhiều cấp ủy Đảng đã cố gắng chăm lo các tổ chức quần chúng. Nhưng nhiều khi mới dừng lại ở việc cử người sang lãnh đạo mà chưa nhận thức đầy đủ vị trí chính trị của tổ chức quần chúng cho nên chưa có cách lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên và toàn diện. Các tổ chức cơ sở Đảng phải thấy hết sức mạnh của mình trong các tổ chức quần chúng. Ngược lại, các tổ chức quần chúng phải thấy rõ chỗ dựa

Digitized by Google

chính trị của mình là các tổ chức Đảng. Các tổ chức quần chúng phải tích cực cải tiến hình thức và phương pháp tập hợp quần chúng, tranh thủ mọi điều kiện thu hút mọi tầng lớp vào tổ chức để đoàn kết, động viên họ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. Các tổ chức cơ sở Đảng phải thường xuyên vạch ra được những nhiệm vụ cụ thể, những hình thức thích hợp để lãnh đạo các đoàn thể quần chúng.

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện tập trung nhất thông qua các cấp chính quyền. Chăm lo công tác chính quyền là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của các cấp ủy Đảng. Chính quyền của ta do dân bầu ra, vì dân mà phục vụ. Nó phải được lãnh đạo, kiểm tra, bảo đảm thực hiện tốt quyền làm chủ tập thể của nhân dân; những người không đủ tư cách, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân phải bị loại ra khỏi các bộ máy quản lý chính quyền và quản lý kinh tế — xã hội. Kiên quyết xóa bỏ tệ quan liêu, ức hiếp quần chúng, nhằm củng cố niềm tin yêu của nhân dân đối với các cơ quan quản lý. Nhà nước có nhiệm vụ thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, đồng thời luôn luôn chăm lo xây dựng con người mới. Hiện nay các cơ quan kinh tế và bộ máy chính quyền các cấp trong khi lao vào thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, lại quên mất hiệu quả giáo dục con người, hiệu quả xây dựng các tổ chức chính trị.

Muốn làm tốt các mặt công tác nêu trên, chúng ta phải trở lại nhiệm vụ xây dựng Đảng, đặc biệt là phải tăng cường mối liên hệ giữa đảng viên và quần chúng. Mối liên hệ giữa đảng viên và quần chúng được bảo đảm vững chắc trên nền tảng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bằng công tác tổ chức của Đảng, bằng các chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Đảng viên có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực công tác càng cao bao nhiêu thì uy tín và ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng càng rộng lớn bấy nhiêu. Mặt khác, trình độ giác ngộ và tính tích cực của quần chúng càng được nâng cao thì vai trò và tư cách đảng viên càng có những đòi hỏi mới. Bản chất giai cấp của người đảng viên phải được xem xét ở nhiều góc độ; một trong những góc độ đó là không được xa rời quần chúng. Giữ vững tính chất giai cấp của Đảng bằng việc tăng cường rèn luyện đảng viên theo quan điểm chủ nghĩa Mác — Lê-nin, lập trường của giai cấp công nhân và chú trọng phát triển Đảng trong giai cấp công nhân, tăng nhanh thành phần công nhân trong cấp ủy. Hiện nay tỷ lệ công nhân trong cấp ủy cơ sở, huyện, tỉnh, các khu công nghiệp còn thấp. Người đảng viên gắn bó với quần chúng ở mọi phương diện công tác, sản xuất và đời sống, và tự coi mình là sợi dây vững chắc nối tổ chức Đảng với quần chúng. Chăm lo củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng, bảo đảm mỗi cơ sở sản xuất, mỗi địa bàn dân cư đều có cơ sở Đảng trong sạch và vững mạnh là một yêu cầu quan trọng để tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Để giúp Đảng chăm lo công tác quần chúng, hiện nay đã hình thành hệ thống tổ chức dân vận của Đảng. Các cấp ủy cần chăm lo thật tốt hệ thống này về mọi mặt. Người cán bộ được Đảng phân công làm công tác vận động quần chúng phải là người có lập trường chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có kiến thức nhất định về văn hóa, khoa học, về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, có năng lực giáo dục, tổ chức và động viên quần chúng. Tuy ít, nhưng đội ngũ này phải tinh và giỏi, phải nhạy bén và sáng tạo trong việc lấy quần chúng giáo dục quần chúng, từ quần chúng và phong trào quần

Digitized by Google

chúng mà tìm ra những kinh nghiệm vận động quần chúng. Hết sức chú trọng những cán bộ quần chúng nửa chuyên trách và động viên những người có điều kiện, có nhiệt tình và trách nhiệm tham gia công tác này. Các cấp ủy cần tích cực sử dụng và bồi dưỡng quần chúng cũng như cán bộ làm công tác quần chúng. Chúng ta phải thấy hết vị trí chiến lược của công tác quần chúng, từ đó có hoài bão lớn lao, có niềm tin vững chắc, vượt mọi khó khăn đem tới quần chúng lý tưởng cách mạng sáng ngời của Đảng.

Chỉ thị số 53 của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác quần chúng ra đời giữa lúc chúng ta bước vào cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu — bao cấp, xây dựng cơ chế mới trong quản lý kinh tế và xã hội. Tinh thần chủ yếu của các Nghị quyết 8, Nghị quyết 9 của Trung ương Đảng đang đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân kiên quyết và vững vàng đi lên, không do dự, chần chừ, nhưng không nôn nóng, chủ quan, thực hiện bằng được phương hướng chiến lược của Đảng trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới và cơ chế quản lý mới.

Thời gian vừa qua chúng ta đã làm được nhiều việc, nhưng ít nhiều đã bộc lộ những khuyết điểm khá nghiêm trọng mà Bộ chính trị và Ban bí thư đã chỉ rõ. Những khuyết điểm đó đã gây thiệt hại không nhỏ đến sự phát triển kinh tế và xã hội, làm giảm lòng tin và khí thế cách mạng của quần chúng trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Với tinh thần nghiêm túc tự phê bình và phê bình, các tổ chức Đảng, các cán bộ, đảng viên cần xem xét lại nhận thức và việc làm của mình, từ đó có chuyển biến thật sự trong công tác vận động quần chúng, phát động cho được một phong trào cách mạng rộng khắp và mạnh mẽ trong quần chúng, tạo nên khí thế cách mạng sôi nổi, gây một niềm tin vững chắc đối với Đảng. Có như vậy mới có thể vượt qua mọi thử thách, khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, cũng như tư tưởng tản mạn vô tổ chức, thực hiện tốt nhất Nghị quyết 8, Nghị quyết 9 của Trung ương, hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ chiến lược, lập thành tích chào mừng Đại hội thứ VI của Đảng.

Digitized by Google

NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Bước chuyển của phong trào phụ nữ Việt nam sau 10 năm thống nhất đất nước

Từ ngày đất nước thống nhất, đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phong trào phụ nữ Việt nam đã có những bước chuyển quan trọng, đạt được những thành tựu rất đáng tự hào, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt nam, đưa sự nghiệp giải phóng phụ nữ phát triển không ngừng.

Quan triệt quan điểm của Đảng : sự nghiệp giải phóng phụ nữ không thể tách rời sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng nhân dân, phong trào phụ nữ phải xuất phát từ những nhiệm vụ cách mạng chung của nhân dân để định ra những vấn đề cần giải quyết cho bản thân mình, 10 năm qua, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể, sát hợp, nhằm tổ chức, giáo dục, động viên quần chúng phụ nữ phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ trung tâm của Đảng, các mục tiêu kinh tế xã hội của Nhà nước và quan tâm giải quyết những vấn đề thuộc quyền lợi, đời sống phụ nữ, trẻ em.

Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn cả nước đi vào cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, Hội LHPN Việt nam đã phát động phong trào « Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc » với 4 nội dung :

— Thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

— Tham gia phục vụ chiến đấu và chiến đấu, làm tốt công tác hậu phương quân đội, chăm sóc con liệt sĩ, gia đình thương binh liệt sĩ, bộ đội neo đơn, động viên chồng, con làm tốt nghĩa vụ quân sự.

— Tổ chức tốt gia đình, nuôi dạy con theo 5 điều Bác Hồ dạy ; thực hiện tốt sinh đẻ có kế hoạch.

— Đoàn kết tương trợ, giúp nhau phấn đấu học tập nâng cao trình độ mọi mặt.

Đây là sự phát triển cao hơn, toàn diện hơn phong trào « ba đảm đang » trong những năm chống Mỹ, cứu nước. Bởi vì phong trào « Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc » đòi hỏi người phụ nữ phải phát triển toàn diện theo yêu cầu đối với con người mới xã hội chủ nghĩa. Người phụ nữ mới phải là người công dân tốt, trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, có giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, lao động sáng tạo, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Người phụ nữ mới còn phải biết kết hợp hài hòa lợi ích riêng với lợi ích của tập thể, của Nhà nước, luôn luôn phấn đấu, học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Người phụ

Digitized by Google

nữ mới xã hội chủ nghĩa còn là người mẹ gương mẫu, có kiến thức nuôi dạy con theo phương pháp khoa học, biết giáo dục con theo 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng; là người vợ biết tổ chức, xây dựng gia đình bình đẳng, hòa thuận, hạnh phúc, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch.

Với những yêu cầu như thế, người phụ nữ phải phấn đấu không chỉ đảm việc nhà, việc nước, như phong trào «ba đảm đang» mà phải «giỏi việc nước, đảm việc nhà, thực hiện nam nữ bình đẳng». Để phong trào đạt kết quả tốt, hằng năm Hội LHPN Việt nam dựa vào các nhiệm vụ trọng tâm của Đảng đề ra những phong trào cụ thể, nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, thực hiện kế hoạch Nhà nước và giải quyết những vấn đề về quyền lợi phụ nữ, trẻ em. Từ phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể hằng năm, trung ương Hội phát động thi đua giữa các tỉnh, thành, hướng dẫn cho các địa phương các phương thức hoạt động. Phong trào «Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc» là một bước phát triển mới của phong trào phụ nữ góp phần thúc đẩy tiến trình thực hiện ba cuộc cách mạng, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, bản thân người phụ nữ, thông qua phong trào này mà trưởng thành về mọi mặt.

Với nội dung: thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, phụ nữ nông dân, công nhân, viên chức, chị em thợ thủ công và chị em làm công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật, chị em phục vụ trong các ngành, các cấp, đều có những cố gắng mới, tiến bộ mới.

Chị em nông dân ở các tỉnh miền Nam đã tham gia cải tạo quan hệ sản xuất, tham gia xây dựng tập đoàn sản xuất, hợp tác xã, góp phần đưa việc tập thể hóa nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam căn bản hoàn thành; chị em nông dân miền Bắc tích cực thực hiện chủ trương khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Với việc tham gia cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và cải tạo nông nghiệp, phụ nữ đã góp phần thúc đẩy cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất ở nước ta. Thông qua việc tham gia cải tạo nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, cải tạo và quản lý thị trường, người phụ nữ đã giác ngộ thêm về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Chị em đã hiểu được rằng: sự nghiệp giải phóng phụ nữ, việc thực hiện nam nữ bình đẳng trước pháp luật cũng như trong đời sống, gắn liền với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa, chỉ có Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân mới thật sự giải phóng phụ nữ. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện cho người phụ nữ phát triển tài năng, sức lao động sáng tạo của mình. Bởi vì, trên cơ sở của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chị em có điều kiện phát huy năng lực làm chủ, khả năng sáng tạo của mình. Phong trào thi đua lao động sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao giúp chị em tự giác tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để đạt năng suất lao động cao, để thực hiện quyền bình đẳng của mình với nam giới. Đảng của giai cấp công nhân, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn luôn tạo những điều kiện về pháp lý để phụ nữ thực hiện quyền bình đẳng. Nhưng trên thực tế, người phụ nữ có được bình đẳng hay không chính là trình độ và năng lực của chị em có đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ hay không? Và nói đến

Digitized by Google

quyền bình đẳng của phụ nữ trước tiên là bình đẳng về lao động, là sự đóng góp của chị em trên các lĩnh vực hoạt động xã hội có tương xứng với vị trí của chị em hay không? Chính từ yêu cầu đó mà nội dung phấn đấu, học tập nâng cao trình độ mọi mặt của phong trào «Người phụ nữ mới» được đặt ra, giúp chị em thi đua học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ... để chị em có đủ điều kiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Mặt khác, nền sản xuất xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chị em phải có trình độ văn hóa ngày càng cao để tiếp thu và áp dụng kỹ thuật mới, do đó việc phấn đấu học tập nâng cao trình độ là một đòi hỏi khách quan bức thiết. Mười năm qua, chị em đã có những tiến bộ đáng kể trong việc học tập nâng cao trình độ. Nếu như năm 1975, tỷ lệ nữ có trình độ đại học chiếm 20,3% trong tổng số người có trình độ đại học thì năm 1985 tăng lên 33%. Nữ tiến sĩ, phó tiến sĩ tăng từ 103 chị năm 1975 lên 373 chị năm 1985. Nữ giáo sư đã tăng lên hơn 50 lần. Đó là thành tựu của phong trào phụ nữ, đồng thời cũng là sản phẩm của ba cuộc cách mạng ở nước ta. Gần đây Ban bí thư Trung ương Đảng có chỉ thị 44 về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ; Nhà nước có Nghị quyết 176a về việc phát huy vai trò và năng lực của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chỉ thị của Đảng và Nghị quyết của Nhà nước ra đời xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay, đồng thời cũng là đòi hỏi của sự phát triển của phong trào phụ nữ. Hơn một năm thực hiện chỉ thị 44 và Nghị quyết 176a, các cấp ủy Đảng đã có những chuyển biến trong việc đánh giá vai trò, vị trí và khả năng của phụ nữ, đã quan tâm hơn trong việc tạo điều kiện cho lao động nữ và cán bộ nữ hoạt động và bước đầu đã có một số kết quả cụ thể. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào được cấp ủy quan tâm, chính quyền tạo điều kiện tốt thì ở đó cán bộ nữ phát huy được khả năng lao động sáng tạo của mình, đóng góp có hiệu quả vào công cuộc xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa xã hội của địa phương như Hải phòng, Quảng nam—Đà nẵng, Hải hưng, Hậu giang, Thành phố Hồ Chí Minh v.v Thông qua phong trào «Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc», Hội đã liên tục phát động, hướng dẫn phụ nữ phát huy quyền làm chủ tập thể, tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát hiện và đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Cũng thông qua phong trào này mà công tác hậu phương quân đội, chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ, các cháu mồ côi, những người bị tai nạn chiến tranh, được tăng cường. Với phong trào «hướng về chiến sĩ tiền phương», năm 1984 chị em đã góp được hơn 44 triệu đồng mua chăn, áo ấm gửi các chiến sĩ; năm 1985 chị em đã mua nửa triệu áo ấm gửi các chiến sĩ đang chiến đấu ở biên giới, hải đảo.

Bên cạnh việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, phong trào «Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc» đã thật sự chăm lo giải quyết các vấn đề thuộc quyền lợi phụ nữ, trẻ em, giúp chị em có điều kiện lao động, sản xuất, công tác, học tập tốt hơn.

Những năm đầu mới giải phóng, các cấp Hội ở miền Nam đã cùng các ngành giải quyết tốt những hậu quả do chiến tranh để lại, như mở các trường «phục hồi nhân phẩm» để cải tạo các cô gái lỡ lầm, các em nghiện xì ke, ma túy, các cháu bụi đời, dạy các em có nghề nghiệp, biết lao động và sống lương thiện bằng sức lao động của mình. Các cấp Hội phối hợp

Digitized by Google

với một số ngành liên quan tổ chức các đợt học tập, nâng cao trách nhiệm làm mẹ cho phụ nữ. Trong 3 năm 1983 – 1985 có 5,5 triệu bà mẹ được học tập, bồi dưỡng kiến thức nuôi dạy con theo phương pháp khoa học. Các cấp Hội phối hợp với ngành bảo vệ bà mẹ, trẻ em tổ chức nhà trẻ ở nông thôn, đường phố để chị em yên tâm sản xuất, công tác. Để trực tiếp chăm lo cho phụ nữ, trẻ em, các cấp Hội vận động hội viên đóng góp ngày công lao động xây dựng phòng sản, phòng nhi, nhà hộ sinh xã, phường. Năm 1984, phong trào này đã triển khai sâu rộng khắp 40 tỉnh, thành phố và đã thu được hơn 40 triệu đồng mua sắm đồ dùng trang bị cho các phòng sản, phòng nhi và nhà hộ sinh. Hội phối hợp chặt chẽ với ngành y tế và Ủy ban quốc gia dân số vận động phụ nữ sinh đẻ có kế hoạch, giúp chị em có điều kiện nuôi dạy con và có thời gian nghỉ ngơi, học tập.

Qua hoạt động theo các nội dung nói trên, phong trào phụ nữ đã gắn bó khăng khít với phong trào cách mạng chung của nhân dân. Tổng kết 5 năm phong trào « Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc », bình bầu từ cơ sở theo 4 nội dung trên, toàn quốc đã có 4 628 000 chị đạt danh hiệu « Người phụ nữ mới » 5 năm liên tục. Trong bước chuyển biến cách mạng, từ cách mạng dân tộc dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, phụ nữ Việt nam đã nhanh chóng tiếp nhận và tự giác thực hiện các nhiệm vụ do Đảng đề ra.

Hội LHPN Việt nam, một tổ chức đại diện cho quyền làm chủ tập thể và quyền bình đẳng của phụ nữ, đã luôn luôn xác định đúng đắn vị trí và nhiệm vụ của mình trong phong trào cách mạng chung, đề ra những chủ trương sát hợp, cụ thể, phát huy được vai trò và khả năng của phụ nữ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Trong việc chỉ đạo phong trào, từ trung ương đến địa phương, nhiều cấp Hội đã nhạy bén, bám sát các nhiệm vụ trung tâm của Đảng, linh hoạt, chủ động, đổi mới phương thức hoạt động, tranh thủ tối đa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự giúp đỡ của các ngành, các đoàn thể bạn để thực hiện có kết quả mọi nhiệm vụ.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, các cấp Hội đã điều tra, khảo sát, nắm vững tình hình phong trào, những diễn biến trong tâm tư, tình cảm và đời sống của phụ nữ để đề xuất với Đảng, với Nhà nước những yêu cầu của phong trào và quần chúng phụ nữ đặt ra, có biện pháp giải quyết kịp thời. Từ đó, quần chúng phụ nữ thấy Hội là chỗ dựa, là nơi chăm lo quyền lợi, đời sống, cũng là người đại diện cho quyền làm chủ của mình, cho nên chị em thiết thư gắn bó với Hội. Uy tín của Hội ngày càng tăng lên..

Thông qua các phong trào hành động cách mạng của phụ nữ, đội ngũ cán bộ Hội đã trưởng thành nhanh chóng. Ở các tỉnh miền Nam, hằng năm qua việc củng cố ban chấp hành các cấp, một số cốt cán của phong trào đã được lựa chọn đào tạo, đến nay chị em đã đủ sức lãnh đạo phong trào, mở rộng đội ngũ, năng động trong đổi mới phương thức hoạt động; do đó sau 10 năm giải phóng, phong trào phụ nữ đã tiến lên đồng đều trong cả nước. Cũng thông qua các phong trào hành động cách mạng mà cán bộ Hội được nâng cao trình độ, thêm hiểu biết về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, nhờ đó các cấp Hội có điều kiện tham gia kiểm tra, giám sát các ngành, các cấp, thực hiện các chế độ, chính sách đối với phụ nữ, trẻ em, tham gia quản lý thị trường, cải tạo tiểu thương, tham gia công tác phân phối lưu thông v.v.

Digitized by Google

Đây là những bài học lớn mà sau 10 năm thống nhất đất nước các cấp Hội phụ nữ đã rút ra được để hoạt động tốt hơn trong thời gian tới.

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, phong trào phụ nữ còn những mặt hạn chế. Đó là trình độ chung của phụ nữ còn thấp. Một số cấp Hội và cán bộ Hội thiếu năng động, sáng tạo, thiếu nhạy bén trước tình hình mới, nhiệm vụ mới, chưa đề ra nội dung thiết thực, chưa đổi mới phương thức hoạt động cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ ngày càng cao. Một số nơi, cơ sở Hội còn yếu, nhất là ở miền núi, ven biển và những vùng trọng yếu. Nội dung sinh hoạt Hội ở một số nơi còn nghèo nàn, kém hấp dẫn thiếu sức lôi cuốn chị em vào các phong trào hành động cách mạng. Ở một số nơi, ban chấp hành chưa làm đúng chức năng tham mưu cho lãnh đạo, chưa tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, còn rụt rè, e ngại. Nhiều nơi trong chỉ đạo không nắm vững trọng tâm, thiếu chỉ đạo có điểm, có diện, không sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời. Nhiều chị em chưa thể hiện đầy đủ ý thức làm chủ đất nước, chưa tôn trọng kỷ luật lao động, pháp luật Nhà nước. Một bộ phận chị em còn làm ăn phi pháp, mê tín, chạy theo lối sống xa hoa lãng phí. Nhiều chị em còn nặng tư tưởng tự ti, an phận, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên. Những hạn chế đó một phần do bản thân chị em, một phần do tình hình đời sống còn nhiều khó khăn, tình hình quản lý kinh tế, quản lý xã hội chưa tốt, trong đó có phần trách nhiệm của Hội phụ nữ: chưa có nội dung và phương thức hoạt động phù hợp, chưa có biện pháp chỉ đạo sâu sát đối với từng đối tượng phụ nữ, để có biện pháp giải quyết kịp thời. Cán bộ Hội chưa được bồi dưỡng đầy đủ những kiến thức cần thiết để hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động của Hội, tăng cường kiểm tra, giám sát và đề xuất với Đảng, Nhà nước những vấn đề về chính sách, chế độ đối với phụ nữ.

Để khắc phục những mặt hạn chế trên đây và đưa phong trào phụ nữ phát triển lên những bước mới, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay, Trung ương Hội LHPN Việt nam đã quyết định: tiếp tục đẩy mạnh phong trào « Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc » mà nội dung chủ yếu là nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao tinh thần làm chủ tập thể của phụ nữ, hiểu rõ tinh thần cơ bản các nghị quyết 6, 7, 8, 9 của Trung ương Đảng, tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất từ cơ sở, tham gia tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại lao động, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả làm thước đo phẩm chất của người phụ nữ mới xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh phát triển kinh tế gia đình, mở mang nghề nghiệp để góp phần giải quyết công ăn việc làm tại chỗ, tăng thu nhập gia đình, ổn định đời sống, tăng của cải cho xã hội. Triệt để tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với phụ nữ, trẻ em. Tham gia xây dựng các chính sách mới cho phù hợp với cơ chế quản lý mới. Tham gia cải tạo và quản lý thị trường. Đẩy mạnh việc chăm lo quyền lợi, đời sống phụ nữ và trẻ em. Làm tốt công tác hậu phương quân đội và chăm sóc chiến sĩ đang làm nhiệm vụ ở tuyến trước.

Để cho chị em phụ nữ làm tròn những nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang trên đây, Trung ương Hội LHPN Việt nam đề xuất với Đảng: quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ, nhất là cán bộ cốt cán của phong trào phụ nữ để chị em có đủ kiến thức và năng lực tổ chức

Digitized by Google

chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và các chủ trương công tác của Hội. Phải tăng cường củng cố tổ chức Hội, nhất là tổ chức cơ sở và cấp huyện để Hội có đủ năng lực chủ động công tác, tập hợp được rộng rãi quần chúng phụ nữ, động viên được các tầng lớp phụ nữ thực hiện tốt các nhiệm vụ cách mạng.

Lực lượng phụ nữ chiếm 46% lao động trong khu vực kinh tế Nhà nước và 60% trong khu vực kinh tế tập thể. Nếu được đảng bộ và chính quyền các cấp quan tâm tạo điều kiện, chị em sẽ phát huy tốt khả năng lao động sáng tạo của mình, góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Hội LHPN Việt nam, người đại diện cho quyền làm chủ và quyền bình đẳng của phụ nữ, là trường học về chủ nghĩa xã hội của phụ nữ, đã và sẽ tổ chức, động viên, giáo dục quần chúng phụ nữ đoàn kết, phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, các mục tiêu kinh tế xã hội do Đảng đề ra, đem lại phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho muôn đời con cháu mai sau.

Quán triệt nghị quyết...

(Tiếp theo trang 12)

sản xuất kinh doanh theo giá mới, lương mới ; giúp các xí nghiệp thanh toán các khoản vốn bị chiếm dùng ; xử lý những mắc mứu trong việc giao nhận sản phẩm, hàng tồn kho ứ đọng ; công bố giá bán buôn các loại vật tư, giá bán buôn các loại sản phẩm thiết yếu, giá giao hàng cho xuất khẩu theo chính sách giá mới, để các xí nghiệp có cơ sở tính giá thành và xây dựng kế hoạch giá trị theo giá mới ; xác định đơn giá tiền lương mới cho một đơn vị sản phẩm làm cơ sở cho việc thực hiện chế độ làm khoán.

★

Xây dựng cơ chế quản lý mới theo nghị quyết của Đảng là một cuộc đấu tranh gian khổ và phức tạp. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh này. Vì vậy trước hết cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Các đoàn thể quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên...) cần động viên công nhân viên chức phát huy vai trò làm chủ tập thể, ra sức khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm triệt để. Việc ban hành các quy định cụ thể cùng với việc tăng cường công tác điều hành và thanh tra của các cơ quan Nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc hình thành cơ chế quản lý mới trong công nghiệp.

Thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng và quyết định của Nhà nước, các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh nhất định sẽ có chuyển biến mạnh mẽ, tạo ra bước phát triển mới của nền công nghiệp nước ta.

Digitized by Google

LÊ NGỌC

VÌ SAO VỪA RA ĐỜI ĐẢNG TA ĐÃ GIÀNH ĐƯỢC ĐỘC QUYỀN LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG?

NGÀY 3-2-1930, Đảng cộng sản Việt nam ra đời.

Vừa mới ra đời, Đảng ta đã bắt tay ngay vào việc lãnh đạo quần chúng chống đế quốc, chống phong kiến, giành dân sinh, dân chủ, đưa đến một cao trào cách mạng trong cả nước mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ tĩnh kéo dài hơn một năm. Giai cấp công nhân đi đầu và dẫn dầu phong trào đó. Đại đa số nông dân đi theo sự lãnh đạo của Đảng chứ không hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Yên bái 9-2-1930 của Việt nam quốc dân đảng.

Như thế là ngay từ đầu Đảng ta đã giành được độc quyền lãnh đạo cách mạng. Đó là một thắng lợi lớn, một ưu điểm đặc biệt rất đáng tự hào của Đảng ta. Đó cũng là một sự kiện ít thấy trong lịch sử phong trào cách mạng thế giới.

Việc Đảng ta ngay khi mới ra đời đã nắm được độc quyền lãnh đạo cách mạng không phải là hiện tượng ngẫu nhiên. Nó có những nguyên nhân khách quan và chủ quan rất sâu xa. Tìm hiểu những nguyên nhân này chúng ta sẽ hiểu thêm bản chất tốt đẹp, truyền thống tuyệt vời của Đảng ta, từ đó nâng cao thêm lòng tự hào về Đảng, về Bác Hồ, học tập một mẫu mực về việc Đảng ta vận dụng thành công lý luận Mác—Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta và đáp ứng được sự mong mỏi của bầu bạn trên thế giới.

★

Trước hết cần khẳng định rằng việc Đảng ta sớm nắm được độc quyền lãnh đạo cách mạng có liên quan chặt chẽ đến hoàn cảnh quốc tế rất thuận lợi lúc đó. Đó là thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại; chủ nghĩa Mác — Lê-nin đánh bại chủ nghĩa cơ hội quốc tế; Quốc tế thứ ba thành lập tháng 3-1919; đường lối cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa do Đại hội thứ VI của Quốc tế cộng sản họp tháng 9-1928 vạch ra; phong trào cách mạng sôi nổi ở châu Á v.v.

Ở trong nước, phong trào đấu tranh đòi giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh, nhưng thiếu người lãnh đạo. Giai cấp phong kiến đã thối nát, lỗi thời; giai cấp tư sản nhỏ yếu, bạc nhược, không đủ sức lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Đất nước ta suốt mấy chục năm ở trong tình trạng khủng hoảng về đường lối, « tình hình đen tối như không có đường ra ».

Việc Đảng ta ra đời và nắm ngay vai trò lãnh đạo cách mạng là một tất yếu lịch sử và đáp ứng đúng yêu cầu của tình hình lúc đó. Nó là kết quả lô gích của cả một quá trình chuẩn bị lâu dài mà công lao vĩ đại thuộc về đồng chí Hồ Chí Minh.

Đồng chí Hồ Chí Minh đã sớm đến với chủ nghĩa Mác — Lê-nin và rất mực trung thành với học thuyết đó. Người đã thực hiện được « nhiệm vụ

Digitized by Google

khó khăn » mà Lê-nin đã chỉ ra cho các đồng chí cộng sản ở phương Đông: « trong khi dựa vào lý luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện đặc biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học cách vận dụng được lý luận và thực tiễn ấy vào nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân... Đó là một nhiệm vụ khó khăn » (1).

Đồng chí Hồ Chí Minh đã thực hiện thắng lợi nhiều khâu công tác quan trọng, từ nhận thức đúng đắn học thuyết Mác — Lê-nin đến ứng dụng học thuyết đó vào điều kiện cụ thể của Việt nam để truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng.

Về tư tưởng, đồng chí đã nghiên cứu, nắm vững và truyền bá vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước nhiều vấn đề lý luận quan trọng, nổi bật nhất là mấy vấn đề sau đây:

1. Vấn đề thời đại. Một trong những điều kiện quan trọng nhất để có thể vạch ra một đường lối cách mạng đúng đắn là phải nhạy bén nắm bắt được nội dung của thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Lê-nin chỉ rõ rằng: « Chỉ có xem xét những đặc điểm chủ yếu của những « thời đại » khác nhau (chứ không phải là những giai đoạn lịch sử cá biệt ở mỗi nước) thì chúng ta mới có thể định ra đúng đắn sách lược của chúng ta; và chỉ có hiểu biết những đặc điểm căn bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ » (2).

Xưa cũng như nay, chung quanh vấn đề trên vẫn còn nổ ra những cuộc tranh luận kéo dài giữa một bên khẳng định ý nghĩa mở thời đại của Cách mạng Tháng Mười và một bên phủ nhận hoặc hạ thấp ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của cuộc cách mạng đó. Bác Hồ đã sớm nhận ra vai trò mở kỷ nguyên mới của Cách mạng Tháng Mười Nga. Người viết: « Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đạp đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới » (3).

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc. Bất cứ người Việt nam nào có tinh thần yêu nước đều nhận thấy cần phải chống đế quốc, giành độc lập. Nhưng điều căn bản hơn là phải hiểu được quy luật cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới, tức là phải đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản và tiến lên chủ nghĩa xã hội khi nhiệm vụ chiến lược của nó về cơ bản hoàn thành.

Những năm 1923 — 1927 nhiều tổ chức yêu nước ở nước ta khi chưa được Bác Hồ giáo dục vẫn chủ trương tiến hành cách mạng chống đế quốc theo lối cũ. Năm 1920, khi còn hoạt động ở Pháp, Bác Hồ đã tiếp thụ quan điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc thuộc địa. Người khẳng định: « Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới » (4).

3. Về vũ khí tư tưởng. Trong khi chủ nghĩa đế quốc, các nhà tư tưởng tư sản tung ra nhiều lý thuyết làm quần chúng lạc hướng, nào là chủ

(1) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 39, tr. 372.

(2) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1963, tập 21, tr. 157.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, tập 2, tr. 206 — 207.

(4) Sách đã dẫn, tr. 162.

Digitized by Google

nghĩa cải lương, chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, chủ nghĩa không bạo động, chủ nghĩa bài Xô, đề cao nền dân chủ tư sản, xuyên tạc chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thì Bác Hồ đã khẳng định một cách dứt khoát: « Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin ». (5) Người đặc biệt phê phán những khuynh hướng chính trị sai lầm đang có ảnh hưởng ở Việt nam. Người ca ngợi ông Tôn Văn là một nhà yêu nước vĩ đại của Trung quốc nhưng Người cũng chỉ ra rằng « Cương lĩnh của Đảng ông — Quốc dân đảng — là một cương lĩnh cải cách ». Người vạch rõ bản chất những khẩu hiệu của cách mạng tư sản Pháp năm 1789 và cho rằng những chữ « tự do », « bình đẳng », « bác ái » chỉ là những châm ngôn lý tưởng dùng để « trang điểm cho cái huy chương mục nát » của chế độ bóc lột đầy tội ác của chủ nghĩa tư bản thực dân.

4. Về kẻ thù. Thực dân Pháp bao giờ cũng tìm cách che giấu bộ mặt thật của nó. Kẻ đi xâm lược và thống trị áp bức dã man dân tộc khác được tô vẽ như người khai hóa văn minh. Thủ đoạn đó không phải không thu được kết quả nhất định. Vì lẽ đó, Bác Hồ đã viết một tác phẩm — tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* — tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân và chỉ rõ bản chất của nó là « ăn cướp », « hiếp dâm » và « giết người ».

5. Về đoàn kết quốc tế. Xuất phát từ nhận thức cách mạng mỗi nước là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, Người chỉ ra rằng: « Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân Việt nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau » (6). Cùng với việc làm rõ ý nghĩa chiến lược của sự đoàn kết quốc tế, Người nhấn mạnh tư tưởng tự lực tự cường, lấy sức ta giải phóng cho ta, chủ động giành thắng lợi, không ỷ lại, ngồi chờ thắng lợi của cách mạng vô sản ở các nước đế quốc. Người viết: « Nếu thợ thuyền Việt nam biết tổ chức thì chắc Quốc tế đỏ sẽ hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã » (7).

Đó là những vấn đề lý luận rất cơ bản. Nhận thức đúng các vấn đề đó đã là khó; truyền bá đúng các vấn đề đó cho những người Việt nam tuy yêu nước nhưng còn ít học hoặc chưa quen nghiên cứu lý luận lại còn khó hơn. Nhưng với quyết tâm và lòng kiên trì, lại có phương pháp đúng, Bác Hồ đã giúp cho nhiều thanh niên Việt nam yêu nước, những người tiên tiến trong công nhân, nhân dân lao động nhanh chóng tiếp thu được những vấn đề cơ bản nói trên và sớm tin theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tin theo đường lối cứu nước do Người vạch ra. Vả chăng, kinh nghiệm lịch sử đã chỉ rõ rằng, ở đâu có phong trào cách mạng, ở đó có nhu cầu đi tìm lý luận cách mạng và dễ tiếp thụ lý luận cách mạng. Giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam vốn có tinh thần yêu nước nồng nàn, đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống được Bác Hồ khơi dậy và phát huy là điều kiện vô cùng thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt nam. Chính vì thế ở nước ta, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa không bạo động được đặc biệt quan tâm và cũng mau giành được thắng lợi. Cuộc đấu tranh giữa đường lối giải phóng dân tộc theo lối mới (do giai cấp vô sản lãnh đạo) và đường lối giải phóng dân tộc theo lối cũ (do giai cấp tư sản lãnh đạo) diễn ra gay gắt hơn, đặc biệt với Việt nam quốc

(5) Sách đã dẫn, tr. 289.
(6) Sách đã dẫn, tr. 233.
(7) Sách đã dẫn tr. 224.

Digitized by Google

dân đảng. Nhưng cuộc đấu tranh này cũng nhanh chóng dẫn đến kết quả : chủ nghĩa cải lương và chủ trương « cách mạng quốc gia tư sản » bị đánh bại, phần lớn những người yêu nước, kể cả một số đảng viên Việt nam quốc dân Đảng cũng bỏ lập trường cũ, đi theo con đường do Bác Hồ vạch ra. Chính đây là một trong những điều kiện quan trọng cho việc Đảng ta xác lập vai trò lãnh đạo cách mạng của mình.

Về chính trị, quá trình xây dựng những quan điểm cơ bản về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc cũng là quá trình xác lập những nét lớn về đường lối cách mạng ; cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng cũng là cuộc đấu tranh trên lĩnh vực đường lối. Tuy thế, khi trực tiếp soạn thảo và tuyên truyền đường lối, Bác và những đồng chí tiền bối của Đảng vẫn không tránh khỏi phải đấu tranh chung quanh vấn đề phương pháp luận, tức là vấn đề vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, kinh nghiệm quốc tế sao cho thật phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt nam.

Đảng ta ra đời đã công bố ngay một đường lối đúng đắn. Đó là đường lối cách mạng tư sản dân quyền kiểu mới tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ; ở giai đoạn cách mạng thứ nhất, hai nhiệm vụ chiến lược — chống đế quốc và phong kiến — phải tiến hành kháng khít với nhau. Động lực chủ yếu của cách mạng là công — nông, trên cơ sở đó xây dựng và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Cách mạng giành chính quyền bằng con đường bạo lực. Cách mạng muốn giành được thắng lợi, nhất thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân Việt nam, có sự giúp đỡ của Liên xô, của giai cấp công nhân các nước, của các dân tộc bị áp bức. Đó là những vấn đề cơ bản nhất của đường lối chính trị.

Việc soạn thảo cương lĩnh chính trị là một quá trình chuẩn bị tương đối kỹ lưỡng. Từ năm 1921 đến năm 1925, Bác Hồ đã thảo ra những nét lớn của đường lối thể hiện trong nhiều văn kiện, đặc biệt là trong tác phẩm *Đường cách mệnh*. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội thứ VI của Quốc tế cộng sản, tháng 6-1929 Đông dương cộng sản đảng ra bản Tuyên ngôn có tính cương lĩnh, trong đó đặc biệt nhấn mạnh « vấn đề ruộng đất là vấn đề tối quan trọng cho dân cày ».

Chính cương vắn tắt và *Sách lược vắn tắt* được Hội nghị thành lập Đảng thông qua và sau đó được đồng chí Trần Phú hoàn chỉnh thêm, nhất là phát triển sâu hơn tư tưởng của Bác về vấn đề hình thức bạo lực cách mạng ở Việt nam.

Đường lối chính trị của Đảng đã kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc và yếu tố giai cấp. Chúng ta biết không ít người khi chưa tiếp thụ chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì chỉ nói dân tộc mà không nói giai cấp, đến khi giác ngộ chủ nghĩa cộng sản thì lại chỉ nói giai cấp mà không nói đến hoặc nói không đầy đủ vấn đề dân tộc. Bác Hồ của chúng ta không như thế. Người từ nhà yêu nước đã tiến lên tiếp thụ chủ nghĩa Mác—Lê-nin, và khi trở thành người cộng sản, Người lại càng là nhà yêu nước vĩ đại. Bằng kinh nghiệm của mình, Người lãnh đạo nhân dân ta đi theo con đường mà chính Người đã đi qua. Người đặc biệt phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân ta trên lập trường giai cấp vô sản. Và cũng chính với tư tưởng đó mà Bác Hồ đã có nhiều đóng góp vào kho tàng kinh nghiệm cách mạng. Đặc biệt Người đã có thái độ đúng đắn, khoa học trong việc phân tích thái độ của các giai cấp ở Việt nam, xác định giai cấp địa chủ cùng bọn đế quốc là đối tượng cách mạng nhưng vẫn phân hóa hàng ngũ địa chủ ; trong việc xây dựng, mở rộng mặt trận dân

Digitized by Google

tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông vững chắc ; trong việc giải quyết mối quan hệ giữa yêu cầu của đấu tranh vì độc lập dân tộc với yêu cầu của đoàn kết quốc tế, v.v.

Cương lĩnh của Đảng còn thể hiện sự kết hợp giữa vấn đề chiến lược và sự chỉ đạo chiến lược. Chiến lược cách mạng là đường lối chính trị cho cả một giai đoạn. Sự chỉ đạo chiến lược là biến mục tiêu chiến lược thành mục tiêu cụ thể cho mỗi thời kỳ. Bác Hồ khẳng định chủ nghĩa đế quốc Pháp « dùng bọn phong kiến Việt nam, bọn đại tư sản phản cách mạng và bọn địa chủ để áp bức, bóc lột nhân dân Việt nam » nhưng Người vẫn chủ trương đánh đổ trước bọn đại địa chủ và « lợi dụng » hay chí ít « trung lập » tầng lớp tiểu địa chủ.

Không phải ngẫu nhiên mà Bác đã thảo *Chính cương vắn tắt* lại còn thảo *Sách lược vắn tắt*.

Tiếc rằng một số địa phương đã không quán triệt những quan điểm nói trên của Đảng cho nên đã phạm sai lầm « tả » khuynh, đánh vào cả « trí », « phú », « địa », « hào » trong những năm 1930—1931. Đảng đã nhanh chóng uốn nắn, khắc phục lệch lạc đó.

Như vậy, đường lối của Đảng ta ngay từ đầu đã là một đường lối mác xít, quán triệt tinh thần khoa học và sáng tạo, không mắc chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa dân tộc, đáp ứng đúng yêu cầu của cách mạng, thể hiện được nguyện vọng chính đáng của nhân dân, có sức lôi cuốn, cổ vũ và tập hợp nhân dân đi theo Đảng. Chính đây là *yếu tố quyết định nhất* vai trò lãnh đạo của Đảng ta.

Về tổ chức, nếu xây dựng Đảng về chính trị là một quá trình thì việc xây dựng Đảng về tổ chức cũng là một quá trình. Năm 1925, Bác Hồ thành lập Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội—một tổ chức quá độ có xu hướng xã hội chủ nghĩa—để xúc tiến việc truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Việc thành lập một tổ chức quá độ để chuẩn bị thành lập Đảng là điều chúng ta thường thấy trong lịch sử thành lập đảng ở nhiều nước. Nhưng cái khác ở đây là Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã bước đầu kết hợp chủ nghĩa Mác—Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Là một hội, nhưng Hội lại lấy « cộng sản đoàn » làm nòng cốt lãnh đạo, lấy công nông làm đối tượng vận động, lấy phong trào « vô sản hóa » để rèn luyện lập trường giai cấp cho cán bộ.

Giai cấp công nhân Việt nam ra đời vào đầu thế kỷ XX và phát triển nhanh trong những năm 1924 — 1929. Nhiều cuộc đấu tranh có quy mô lớn đã nổ ra. Khẩu hiệu đấu tranh của công nhân không chỉ phản ánh lợi ích kinh tế mà còn thể hiện cả yêu cầu chính trị. Tuy thế phong trào công nhân cho đến năm 1925 căn bản vẫn mang tính tự phát. Yêu cầu khách quan đặt ra cho Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội là phải đưa phong trào tiến lên hoạt động tự giác

Song song với phong trào công nhân, phong trào yêu nước cũng sôi nổi, nhất là trong những năm 1925 — 1926. Tuy thế phong trào yêu nước vẫn còn nhược điểm lớn là không có đường lối rõ rệt hoặc đi theo con đường chống đế quốc và phong kiến theo lối cũ. Phong trào yêu nước cũng đòi hỏi phải có sự lãnh đạo đúng đắn. Sự ra đời của Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, và tiếp đó là của Đảng cộng sản đã đáp ứng đòi hỏi đó.

Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã có công đưa phong trào công nhân từ tự phát thành tự giác và hướng phong trào yêu nước đi theo đường lối của chủ nghĩa

Digitized by Google

Mác—Lê-nin. Nhưng đồng thời cũng bộc lộ nhược điểm của mình là không đủ sức lãnh đạo cách mạng tiếp tục tiến lên. Ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời trong vòng 7 tháng. Nhu cầu thành lập Đảng đã chín muồi. Và Đảng đã ra đời bằng sự hợp nhất và nâng cao các tổ chức đó.

Việc Đảng ta ra đời là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt nam—Đảng chỉ có thể lãnh đạo cách mạng với điều kiện Đảng có cơ sở ở khắp nơi và được rèn luyện thử thách thường xuyên trong phong trào cách mạng của quần chúng. Xây dựng Đảng thông qua phong trào cách mạng của quần chúng có nghĩa là tổ chức và đấu tranh gắn chặt với nhau. Tổ chức là để đấu tranh, đấu tranh để rèn luyện và củng cố tổ chức. Chính qua phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng lựa chọn được nhiều người ưu tú để bồi dưỡng và đưa họ vào Đảng. Đảng càng mạnh thì phong trào cách mạng của quần chúng càng dâng cao, kẻ thù không thể phá được Đảng vì chúng không thể phá được lực lượng hùng mạnh và vô tận của quần chúng.

Sở dĩ vừa ra đời, Đảng ta có thể bắt tay ngay vào lãnh đạo cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai là vì Đảng ta chẳng những có sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và tổ chức, mà còn có sự thống nhất trong hành động. Đoàn kết thống nhất trong Đảng là điều kiện để đoàn kết và lãnh đạo toàn dân, trước hết là công nông. Trên thực tế, quần chúng đông đảo thừa nhận chính sách của Đảng là phù hợp với nguyện vọng, quyền lợi của họ, thừa nhận Đảng là lãnh tụ của họ, họ có thể gửi gắm niềm tin vào Đảng; và Đảng, trên thực tế, cũng tỏ rõ năng lực lãnh đạo và tổ chức thực tiễn của mình. Đảng giành quyền lãnh đạo qua việc vạch đường lối đúng đắn và qua việc tổ chức thực hiện đường lối, qua việc tổ chức đấu tranh dũng cảm hằng ngày. Uy tín chính trị và quyền lãnh đạo cách mạng của Đảng sở dĩ là tuyệt đối, không ai tranh chấp nổi, bởi vì nó bắt nguồn từ sứ mệnh lịch sử của Đảng, từ bản chất cách mạng, khoa học và trình độ, năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng, từ sức mạnh vô địch của quần chúng cơ bản của Đảng — quần chúng công nông.

Tổng kết kinh nghiệm xác lập vai trò lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ đã khẳng định rằng Đảng không nên đòi hỏi nhân dân thừa nhận quyền lãnh đạo của mình « mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo »(8).

(8) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 819.

Digitized by Google

LÊ HUYỀN THÔNG

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THANH NIÊN

THÀNH phố Hồ Chí Minh là một trung tâm lớn về công nghiệp, khoa học kỹ thuật, giao dịch quốc tế và du lịch, nơi hội tụ nhiều điều kiện khách quan thuận lợi mà ít có thành phố nào ở nước ta có được. Đồng thời, đây cũng là một trọng điểm phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Ý thức được vị trí của mình đối với cả nước, nhận rõ vai trò to lớn của thanh niên, đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh luôn luôn coi công tác vận động thanh niên là nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược

Nghị quyết số 26 ngày 4-7-1985 của BCTTƯ Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên" càng cổ vũ đảng bộ thành phố đề cao hơn nữa ý thức trách nhiệm của mình, đánh giá đầy đủ tình hình thanh niên, rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng qua hơn mười năm lãnh đạo công tác thanh niên, tăng cường vận động thanh niên đi đầu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Quan tâm đến chất lượng và hiệu quả.

Tuổi trẻ thành phố vốn có truyền thống yêu nước, lại có kiến thức, sớm tiếp xúc với văn minh cơ khí, dễ gần gũi nếp suy nghĩ, tác phong công nghiệp, rất năng động, nhạy bén với cái mới. Nắm vững đặc điểm đó, mấy năm gần đây, Thành ủy chủ trương Đoàn thanh niên phải đổi mới phương thức hoạt động, phương pháp vận động để đáp ứng được những nhu cầu của thanh niên trong giai đoạn mới; việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên phải gắn với xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết của đảng bộ thành phố nhấn mạnh: Có con người thanh niên Việt nam nói chung, nhưng cũng có con người thanh niên ở từng địa phương, ở từng thời điểm lịch sử cụ thể. Do đó, việc tổ chức phong trào thanh niên cần có mục tiêu cụ thể, có khẩu hiệu hành động, đội hình thích hợp, nhằm tập hợp lực lượng, thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của tuổi trẻ.

Thực hiện chủ trương đó, trong thời gian qua, phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ thành phố Hồ Chí Minh đã hướng vào những khâu yếu, việc khó, việc mới và bám sát nhiệm vụ chính trị của đảng bộ trong từng thời kỳ khác nhau.

Thời kỳ 1975 — 1978: Đảng bộ thành phố đã lãnh đạo Đoàn thanh niên tổ chức và động viên thanh niên đi đầu thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế và ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Lúc đầu, thành phố chỉ có 550 đoàn viên, vừa tập trung sức giải quyết những công

Digitized by Google

việc cấp bách, vừa coi trọng phát triển Đoàn. Đến cuối năm 1975, số đoàn viên tăng gấp 25 lần. Sang năm 1976, Đoàn đã tổ chức lực lượng thanh niên xung phong gồm 15 nghìn lao động trẻ tình nguyện đi xây dựng các vùng kinh tế mới, động viên gần 70 nghìn thanh niên tham gia đấu tranh xóa bỏ tư sản mại bản; và chính qua đợt thử thách đó có thêm hàng chục nghìn thanh niên trở thành đoàn viên.

Thời kỳ 1979 — 1980: Thành phố gặp nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, kẻ thù lại tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại ta về nhiều mặt. Thiên tai dồn dập. Nhưng, sự lãnh đạo vững vàng của đảng bộ đã khơi dậy truyền thống cách mạng của tuổi trẻ. Hàng nghìn thanh niên lên đường đánh giặc. Nhiều chi đoàn thanh niên bám máy, bám ruộng để giữ vững sản xuất, củng cố tổ chức, đi đầu trong những việc khó. Cuối năm 1980, số đoàn viên tăng lên gần 100 nghìn người, chiếm 11% tổng số thanh niên của thành phố.

Thời kỳ 1981 — 1985 là thời kỳ thành phố «tháo gỡ» vướng mắc trong sản xuất, từng bước đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ quan liêu, bao cấp, thúc đẩy sản xuất, cải tiến công tác phân phối, lưu thông, ổn định đời sống. Cấp ủy Đảng lãnh đạo công tác thanh niên đã bắt đầu lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với đào tạo cán bộ làm mục đích hoạt động. Đại hội thứ hai Đoàn thanh niên thành phố (4-1981) nêu chủ trương phải chuyển trọng tâm hoạt động của Đoàn vào mặt trận kinh tế, cố gắng chấm dứt tình trạng vận động thanh niên chỉ hô khẩu hiệu suông, động viên chung chung, chỉ nhấn mạnh sự cống hiến mà không quan tâm đến lợi ích chính đáng của tuổi trẻ. Cái hay của đảng bộ thành phố trong lãnh đạo công tác thanh niên là đã bắt đầu «nhàn» được các điển hình tiên tiến trong thanh niên. Mở đầu là phong trào thi đua học tập thợ dệt giỏi Trần Thị Bé Bảy — một công nhân trẻ làm việc có năng suất cao, có chất lượng tốt. Hàng nghìn thợ dệt trẻ hưởng ứng phong trào này và đã có hàng chục nữ công nhân trẻ đuổi kịp và vượt Bé Bảy về một số mặt.

Từ tháng 7 năm 1985 đến nay: Thành phố bắt đầu thực hiện Nghị quyết tám của Trung ương về giá-lương-tiền. Đoàn thanh niên tích cực tham gia mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, quản lý thị trường, giá cả, trước hết là vươn lên nắm độc quyền kinh doanh lương thực. Ở công ty kinh doanh lương thực thành phố và các quận, huyện, Đoàn thanh niên nhanh chóng tham gia mở rộng mạng lưới chế biến, trong đó có mặt hàng có giá trị xuất khẩu. Ở nhiều cơ sở, nhất là ở các phường, chi đoàn nêu cao vai trò xung kích, kiên quyết đấu tranh giữ vững giá cả, tích cực tham gia mạng lưới bán lẻ, kể cả thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Nhiều đảng bộ cơ sở lãnh đạo các chi đoàn trong ngành công an, thương nghiệp, chi cục thuế; các đội kiểm tra công nhân trẻ kịp thời phát hiện hàng nghìn vụ đầu cơ buôn lậu, phân tán tiền, hàng, tung tin đồn nhảm và lũng đoạn thị trường

Sau mỗi đợt công tác, Thành ủy hướng dẫn rút kinh nghiệm kịp thời công tác của Đoàn và đề ra một số biện pháp tiếp tục phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ trong cuộc đấu tranh cải tạo công thương nghiệp tư doanh, kiên quyết chống đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả, tăng cường kiểm tra và quản lý thị trường. Gần 60 chợ trong thành phố đã lập chi đoàn và nhiều chợ có ban cán sự Đoàn dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ để tập hợp thanh niên tham gia đấu tranh chống nâng giá và bán hàng không theo giá niêm yết. «Câu lạc bộ trẻ» và nhiều chi đoàn tổ chức sinh hoạt với chủ đề «*học tập và sáng tạo*

Digitized by Google

thực hiện cơ chế quản lý mới», nhằm làm cho đoàn viên và thanh niên đổi mới tư duy kinh tế, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực của một bộ phận nhân viên thương nghiệp

Sau khi hoàn thành việc thu đổi tiền, Thành ủy lãnh đạo quản lý giá khá chặt chẽ và cố gắng giữ cho mọi hoạt động của thành phố và đời sống của nhân dân được bình thường. Song, đến giữa tháng 10, lợi dụng một số sơ hở của ta trong việc quản lý tiền mặt và ban hành mặt bằng giá mới, bọn phản động, bọn gian thương tung tin hủy tiền và tìm mọi thủ đoạn mua vét hàng, gây rối loạn thị trường. Khi «cơn sốt tiền lẻ» vừa xảy ra, Thành ủy đã huy động Đoàn thanh niên phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, phụ nữ, công đoàn triển khai ngay công tác vận động quần chúng, giúp đỡ các ngành chức năng ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, phát hiện kịp thời bọn phá hoại và bọn đầu cơ buôn lậu. Hơn 80 nghìn đoàn viên, thanh niên tham gia các đội xung kích truy tìm các «địa chỉ đen», góp phần chặn đứng và xử lý gần 1000 vụ làm ăn phi pháp.

Cùng với lãnh đạo nắm hàng, nắm tiền, Thành ủy chủ trương phải đẩy mạnh sản xuất, gắn chặt sản xuất với lưu thông, làm cho sản phẩm hàng hóa ngày càng tăng, tạo điều kiện làm tốt công tác quản lý thị trường. Chính sự lãnh đạo đồng bộ của Thành ủy, của các quận ủy, huyện ủy, đã tạo điều kiện thúc đẩy Đoàn thanh niên ở các xí nghiệp, nhà máy, cơ sở tiểu, thủ công nghiệp, nông thôn, cơ quan tích cực sản xuất và công tác, đổi mới cơ chế quản lý, cải tiến định mức kinh tế — kỹ thuật, tiết kiệm nguyên liệu, vật tư, năng lượng, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, chấn chỉnh tổ chức, làm cho sản xuất và kinh doanh có hiệu quả ngày càng cao, vừa tăng thu nhập cho người lao động, vừa tăng tích lũy cho Nhà nước.

Được rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, sự hiểu biết của thanh niên về Đảng, về chủ nghĩa xã hội đã được nâng lên rõ rệt. Phong trào hành động cách mạng của thanh niên vừa có tác dụng tập hợp lực lượng trẻ, vừa nâng cao chất lượng đoàn viên, đào tạo cán bộ và xây dựng Đoàn thanh niên vững mạnh. Đến tháng 11-1985, thành phố Hồ Chí Minh đã có hơn 250 nghìn đoàn viên sinh hoạt ở gần 8 400 chi đoàn cơ sở, chiếm gần 20% tổng số thanh niên của thành phố, tăng gấp 5 lần năm 1975. Năm 1984, hơn 4 nghìn đoàn viên được kết nạp vào Đảng, chiếm gần 70% số đảng viên mới kết nạp trong năm. Tám tháng đầu năm 1985, Đoàn đã giới thiệu với Đảng hàng chục nghìn đoàn viên ưu tú, trong đó có hơn 2.000 người đã được kết nạp vào Đảng.

Tạo ra phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trước hết nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của thanh niên thông qua hoạt động của Đoàn và được biểu hiện cụ thể bằng phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ. Kinh nghiệm ở thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, muốn tạo ra phong trào hành động cách mạng của thanh niên, Đoàn thanh niên không những cần bám sát nhiệm vụ chính trị của đảng bộ mà còn phải đổi mới hình thức và phương pháp vận động thanh niên phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của tuổi trẻ. Hoạt động của Đoàn phải năng động, nhạy bén, kịp thời phát hiện những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống, khắc phục tệ quan liêu, hình thức, giản đơn, xơ cứng trong tổ chức và sinh hoạt. Đoàn phải có nhiều hình thức tập hợp thanh niên như xây dựng các công trình thanh niên, thao diễn kỹ thuật, nhân

Digitized by Google

điển hình tiên tiến, xây dựng các hình mẫu quản lý, có biện pháp sử dụng thời giờ nhàn rỗi của tuổi trẻ, v.v.

Được sự lãnh đạo chặt chẽ của Thành ủy, trong nhiều năm qua, Đoàn thanh niên đã tổ chức nhiều phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ, nhất là ở các xí nghiệp, nhà máy, công trường, ngành tiểu, thủ công nghiệp. Từ hình mẫu quản lý kinh tế và gương cán bộ quản lý trẻ ở nhà máy dệt Thành công, nhiều tổ chức Đoàn ở các xí nghiệp khác của thành phố đã mở hội thảo về khoán sản phẩm, tổ chức « ngày quản lý », « tuần quản lý, « tháng quản lý » của thanh niên. Đoàn thanh niên thành phố còn thành lập « Hội đồng khoa học của tuổi trẻ » để góp phần thúc đẩy việc ứng dụng các tiến bộ khoa học—kỹ thuật vào sản xuất và khuyến khích đoàn viên, thanh niên mở rộng mạng lưới kỹ thuật ở cơ sở. Từ « phân xưởng thanh niên » ở xí nghiệp bột giặt Cửu long, Đoàn đã « nhân » ra hàng trăm phân xưởng khác mang tên thanh niên thể hiện chất lượng mới về công tác Đoàn gắn với hiệu quả kinh tế và đào tạo cán bộ trẻ. Qua các phong trào này, gần 5 nghìn cán bộ quản lý trẻ từ cấp tổ trưởng sản xuất đến quản đốc, giám đốc xí nghiệp và phó giám đốc các công ty đang ở độ tuổi từ 24 đến 33 được rèn luyện, trưởng thành trong thực tiễn. Trong chín tháng đầu năm 1985, phong trào « thanh niên về trước kế hoạch » đã thu hút 60 nghìn thợ trẻ ghi tên thi đua và phong trào « rèn luyện tay nghề thi thợ giỏi » ở gần 100 đơn vị có tác dụng nâng cao chất lượng giáo dục lý tưởng cách mạng gắn với xây dựng con người mới.

Trong ngành phân phối lưu thông, phong trào xây dựng « cửa hàng thanh niên », « quầy hàng thanh niên », « mậu dịch viên trẻ giỏi » xuất hiện ở nhiều nơi trong thành phố.

Muốn cho phong trào thanh niên đi đúng hướng, đạt hiệu quả cả về kinh tế và chính trị, điều quan trọng là phải xác định đúng mục tiêu thi đua. Từ kinh nghiệm làm thử việc đổi mới cơ chế quản lý ở một số đơn vị, Ban thường vụ Thành ủy khẳng định: Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác thanh niên, cũng như chất lượng của tổ chức Đoàn phải thể hiện rõ ở vai trò xung kích của tuổi trẻ trong cuộc đấu tranh xóa bỏ quan liêu, bao cấp, chống bảo thủ trì trệ, xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý mới, đấu tranh khắc phục hiện tượng tự do chủ nghĩa, cục bộ, bản vị ở tất cả các cơ sở.

Đảng bộ coi trọng giáo dục lý tưởng cách mạng song song với chăm lo lợi ích chính đáng của tuổi trẻ. Lợi ích của thanh niên bao gồm nhiều mặt, trong đó có nhu cầu có việc làm, được học văn hóa, học kỹ thuật, sinh hoạt văn nghệ, rèn luyện sức khỏe, hạnh phúc gia đình, phấn đấu trở thành đoàn viên, trở thành đảng viên. Trong thực tế, nếu không coi trọng những quyền lợi chính đáng đó của tuổi trẻ thì việc giáo dục lý tưởng, lẽ sống và lối sống cách mạng cũng ít đạt hiệu quả, và như thế cũng khó mà tạo ra được phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh cho rằng, trong điều kiện hòa bình, mọi tổ chức lao động phải nhằm đạt hiệu quả kinh tế đi đôi với bảo đảm quyền lợi vật chất và văn hóa cho người lao động, lao động thanh niên cũng như các giới lao động khác.

Cùng với việc tổ chức các đội thanh niên xung phong — một hình thức « kết hợp chặt chẽ động lực tư tưởng với lợi ích kinh tế », trong năm 1984, thành phố còn giải quyết việc làm cho 80 nghìn thanh niên. Ở các đội thanh niên xung phong, Đoàn cùng với chính quyền cố gắng lo từng bữa ăn cho các đội viên, chăm lo bồi

Digitized by Google

dưỡng văn hóa, khoa học – kỹ thuật cho anh chị em. Đến nay, trong các lực lượng thanh niên xung phong, đã hình thành một hệ thống trường bổ túc văn hóa cấp II và cấp III tại chức, với 5 phân hiệu, 250 giáo viên. Phong trào dạy và học bổ túc văn hóa trong thanh niên xung phong khá sôi nổi và bước đầu đạt kết quả tốt. Qua rèn luyện, có 2 nghìn đội viên xóa được nạn không biết chữ và đang tiếp tục học thêm; hơn một nghìn đội viên tốt nghiệp cấp III và gần 400 đội viên trúng tuyển vào các trường đại học.

Tại các đơn vị thanh niên xung phong ở vùng Tây nguyên, miền Đông Nam bộ, cùng với các phong trào học võ thuật, học ngoại ngữ, đọc sách, các hình thức lửa trại, nhóm ca khúc, sáng tác tự biên, tự diễn, thể thao, báo chí, v.v. đã góp phần tạo ra đời sống văn hóa vui tươi, lành mạnh của tuổi trẻ.

Chăm lo xây dựng cuộc sống hạnh phúc riêng tư của đội viên thanh niên xung phong cũng là mối quan tâm đặc biệt của đảng bộ thành phố. Nhiều thanh niên nam nữ đã được tạo mọi điều kiện thuận lợi để xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhiều cặp vợ chồng được đoàn thể chăm lo xây dựng đã tỏ lòng biết ơn của mình bằng cách tích cực lao động với năng suất cao, chất lượng tốt.

Rõ ràng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới phương thức công tác của Đoàn thanh niên, có nhiều hình thức hoạt động sinh động, hấp dẫn, phù hợp với yêu cầu và tâm lý của tuổi trẻ là nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của phong trào thanh niên.

Giáo dục lẽ sống và lối sống cho thanh niên.

Kinh nghiệm lãnh đạo công tác thanh niên của đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định rằng, để phát huy vai trò xung kích cách mạng của thanh niên, nhất thiết phải chăm lo giáo dục và bồi dưỡng thanh niên, đào tạo thanh niên thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, những con người thấm nhuần lý tưởng cộng sản và có lối sống đẹp. Thành ủy cho rằng quá trình hình thành lẽ sống là quá trình tác động biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa hoàn cảnh kinh tế – xã hội và đời sống văn hóa – tinh thần, giữa tập thể và cá nhân, v.v. Một bài học đáng quan tâm là giáo dục lý tưởng, truyền thống cách mạng phải gắn với lao động, chiến đấu và thông qua rèn luyện trong thực tiễn mà hình thành lẽ sống, lối sống. Phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ ở các nhà máy, xí nghiệp, công trường, phường, xã, cơ quan, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang đều gắn với việc xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, qua đó, tác động lại thái độ lao động có chất lượng và có hiệu quả cao. Hoạt động của lực lượng thanh niên xung phong là một ví dụ điển hình. Mười năm qua, đã có 50 nghìn lượt thanh niên của thành phố xung phong đi khai phá đất hoang làm giàu cho Tổ quốc. Ngay từ đầu, đảng bộ xác định xây dựng lẽ sống, lối sống xã hội chủ nghĩa là một nội dung cơ bản của nhiệm vụ xây dựng người lao động mới trong tổ chức thanh niên xung phong. Muốn làm được điều đó, Thành ủy chủ trương phải thật sự tin tưởng ở thanh niên, phát huy quyền làm chủ tập thể của thanh niên, tạo điều kiện để mỗi thanh niên gắn bó với tổ chức, rèn luyện trong thực tiễn, từng bước hình thành nếp suy nghĩ, nếp sinh hoạt và hành động lành mạnh. Lực lượng thanh niên xung phong từ nhiều nguồn khác nhau có hoàn cảnh đời sống rất đa dạng. Nhiều anh chị em có tâm lý dễ mặc cảm. Đảng ủy ở đây chủ trương không câu nệ quá khứ, không nhắc đến quá khứ của một số người bị địch bôi lem ngày trước trong khi giải quyết những vấn

Digitized by Google

để hiện tại. Điều đó có tác dụng cổ vũ mọi người chung lưng đấu cật chăm lo đời sống tập thể. Đoàn thanh niên rất tin ở sức vươn lên của tuổi trẻ, trân trọng từng cử chỉ tốt đẹp dù chỉ là bước đầu hoặc còn nhỏ ở mỗi đội viên. Đảng ủy yêu cầu mỗi đảng viên, đoàn viên phải *biết lấy trách nhiệm và tình thương* làm nguyên tắc ứng xử hằng ngày, làm động lực cảm hóa và tạo ra sự nhất trí cao trong anh chị em.

Đến thăm các vùng kinh tế mới ở ngoại thành, vùng Tây nguyên, miền Đông Nam bộ, ai cũng thấy lao động của thanh niên ở đây không những tạo ra của cải để nuôi sống con người, mà cao quý hơn nữa là, thông qua lao động, ở họ đang từng bước hình thành lẽ sống, lối sống mới xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của phong trào thanh niên xung phong được biểu hiện không những ở việc đào tạo được đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực, có phẩm chất, mà còn ở chỗ « giáo dục giành lại trọn vẹn cho bao số phận, cuộc đời tưởng bỏ đi dưới chế độ cũ ». Có gần 7 nghìn thanh niên chậm tiến trở thành đội viên thanh niên xung phong và rất nhiều người trong số này hôm nay là cán bộ quản lý, kỹ thuật ở các nông trường và xí nghiệp.

Một kinh nghiệm đáng chú ý là phải gắn việc xây dựng lẽ sống, lối sống của thanh niên với việc giáo dục cho thanh niên ý thức cảnh giác cách mạng, nâng cao ý chí chiến đấu của họ trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta với địch. Bởi vì, như đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên BCTTƯ Đảng, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, « hiện nay lớp trẻ thành phố vẫn luôn luôn là đối tượng mà kẻ thù tìm mọi cách lũng đoạn vì chúng biết rằng đánh vào tuổi trẻ là đánh vào sức mạnh, vào tương lai của dân tộc... Cuộc chiến tranh thầm lặng này diễn ra hằng ngày hằng giờ trên tất cả ngõ hẻm, đường phố, trong tất cả ngóc ngách của sinh hoạt, thậm chí có lúc lan cả vào nhà trường xã hội chủ nghĩa, vào cơ quan, gia đình cán bộ... ».

Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh còn coi trọng vấn đề *pháp luật* và *môi trường* trong quá trình xây dựng lẽ sống, lối sống của thanh niên. Đây là mối quan hệ nhân quả tác động qua lại giữa cá nhân và xã hội. Thành ủy chỉ rõ : « Tự do cá nhân được tôn trọng, nhưng khi cá nhân vi phạm tự do của người khác, vi phạm lợi ích công cộng, trật tự, trị an... thì phải có sự can thiệp của luật pháp. Cho nên, nội dung xây dựng lẽ sống và lối sống có yêu cầu người thanh niên sống theo pháp luật... ».

Về môi trường, Thành ủy chú ý vai trò và tác động của « môi trường nhỏ ». Đó là các tổ sản xuất, tổ công tác, tổ chiến đấu, tổ học tập, nhóm câu lạc bộ, gia đình. Bởi vì thời gian mỗi cá nhân gắn bó với « môi trường nhỏ » là thời gian dài nhất trong cuộc đời thanh niên. Thành ủy yêu cầu Đoàn thanh niên phải có hình thức và biện pháp phát huy tốt vai trò tích cực của môi trường. Nhà văn hóa thanh niên thành phố là một hình mẫu tiêu biểu về mặt này. Đến nay đã có hơn 10 triệu lượt thanh niên gồm mọi thành phần, trình độ khác nhau đến đây sinh hoạt, học tập, vui chơi giải trí. Thông qua những hoạt động lành mạnh ở nhà văn hóa, Đoàn hướng dẫn thanh niên xây dựng lẽ sống và lối sống tốt đẹp.

★

Phong trào thanh niên ở thành phố Hồ Chí Minh tuy đã có những thành tựu nổi bật, nhưng chưa phải đã tới

(Xem tiếp trang 47)

Digitized by Google

LÊ VĂN PHONG

TRẺ HÓA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ XÃ ĐIỆN NAM

XÃ Điện nam nằm ở vùng cát ven biển của huyện Điện bàn, tỉnh Quảng nam—Đà nẵng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, xã Điện nam có phong trào chiến tranh nhân dân khá mạnh và cũng là xã bị quân thù khủng bố, tàn sát hết sức khốc liệt. Toàn xã có 2 208 người bị giết, 877 người bị thương. Trước ngày giải phóng, cả xã chỉ còn 904 người bám trụ tại xã, vừa sản xuất để sống vừa đánh giặc. Sau ngày giải phóng, 12 445 người dân của xã từ các khu dồn dân của Mỹ—ngụy trở về quê hương, cùng với những người bám trụ phá gỡ bom mìn, bắt tay gây dựng lại cuộc sống.

Đến nay, sau hơn 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng đảng bộ và nhân dân xã Điện nam đã đạt được những thành tích đáng tự hào. Điện nam đã hoàn thành phục hóa khai hoang, đưa diện tích canh tác lên 1000 héc ta; xây dựng bốn hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thu hút 100% nông dân vào hợp tác xã; hai hợp tác xã gia công xay xát và chế biến thức ăn gia súc; một hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng với 13 lò gạch, 2 lò ngói; một cơ sở sản xuất đường kết tinh; một hợp tác xã mua bán; một hợp tác xã tín dụng; đã xây dựng ba trường phổ thông cơ sở với 71 phòng học lợp ngói; một trạm y tế 24 giường bệnh; bốn nhà trẻ, ba nhà mẫu giáo; bốn trạm truyền thanh; nhà ở của dân xây dựng theo quy hoạch của xã, 80% nhà xây mái ngói; đắp 10 km đường giao thông trong xã bằng cách lấy đất sét từ xa về đắp tạo nền cứng trên cát để xe đi lại; liên tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tuyển quân và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ.

Đạt được những thành tích trên là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân quan trọng là đảng bộ Điện nam đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ trẻ, đủ sức gánh vác những nhiệm vụ do đảng bộ đề ra. Đội ngũ cán bộ trẻ này khá năng động, sáng tạo, biết phát huy sức mạnh tổng hợp của xã để tạo ra bước đi vững chắc cho phong trào Điện nam.

Vậy bằng cách nào Điện nam đã trẻ hóa đội ngũ cán bộ của mình?

Trước hết, phải *trẻ hóa đội ngũ đảng viên*. Đảng bộ Điện nam coi việc trẻ hóa đội ngũ đảng viên là tiền đề để trẻ hóa đội ngũ cán bộ của xã. Mặt khác, tăng hơn nữa số lượng đảng viên, nhất là đảng viên trẻ, là yêu cầu thực tế để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ. Sau ngày Quảng nam — Đà nẵng được giải phóng, cả xã chỉ còn 58 đảng viên, đa số đảng viên có tuổi đời cao, trình độ, văn hóa thấp. Trước tình hình đó đảng bộ Điện nam chủ trương trước hết phải đặc biệt coi trọng công tác phát triển Đảng, từ công tác phát triển Đảng mà nâng cao sức chiến đấu mới của đảng bộ và mở rộng đội ngũ cán bộ của mình. Thực hiện chủ trương này ngay sau ngày giải phóng, đảng bộ Điện nam đã gặp không ít khó khăn. Chúng ta đều biết, suốt 20 năm thống trị miền Nam nước

Digitized by Google

ta, đế quốc Mỹ và ngụy quyền tay sai đã dùng mọi thủ đoạn thâm độc hòng lung lạc và làm sa đọa nhân dân ta, nhất là đối với thế hệ trẻ. Chúng tìm mọi cách « bôi lem » con em những gia đình có quan hệ ít nhiều với cách mạng, gây thù hằn, nghi kỵ lẫn nhau Trước khi bị đánh bại, chúng đã cài lại không ít kẻ phản động để tiếp tục chống phá cách mạng nước ta. Trong tình hình ấy, công tác phát triển Đảng không thể làm bình thường mà phải tiến hành thật công phu. Đảng bộ Điện nam đã đề ra kế hoạch và bước đi thích hợp. Những năm đầu đảng bộ tập trung tìm hiểu, điều tra, phân loại và giao việc để thử thách. Các chi bộ phân công đảng viên phụ trách từng người dân trong xã. Các chi bộ xác định 3 loại đối tượng cần tập trung bồi dưỡng kết nạp vào Đảng là: con em các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; bộ đội xuất ngũ; con em các gia đình bám trụ tại xã trong thời kỳ đánh Mỹ. Các chi bộ phân tích mặt mạnh, mặt yếu của từng loại đối tượng và đề ra hướng giúp đỡ, bồi dưỡng cụ thể. Số thanh niên là con em các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng rất hăng hái với công việc nhưng trình độ văn hóa lại thấp. Các chi bộ đã động viên, bố trí để anh chị em theo học các lớp bổ túc văn hóa tập trung. Số thanh niên là bộ đội xuất ngũ đã được rèn luyện về mọi mặt nhưng phần nhiều gia đình họ đang gặp khó khăn về kinh tế cho nên không muốn tham gia công tác. Đối với số này các chi bộ đã gần gũi động viên, giáo dục truyền thống, giúp anh em khắc phục khó khăn để tham gia công tác. Số con em các gia đình bám trụ do được gia đình gửi vào thành phố học văn hóa cho nên đa số có trình độ văn hóa cấp II, cấp III nhưng số này lại ít hiểu biết về cách mạng. Các chi bộ đã bồi dưỡng cho họ về lập trường giai cấp, về Đảng, về cách mạng xã hội chủ nghĩa... Được giáo dục, bồi dưỡng thường xuyên và được giao làm các công việc phù hợp cho nên lực lượng thanh niên của xã trưởng thành nhanh. Các phong trào thi đua sôi nổi nhằm khôi phục và đẩy mạnh sản xuất như phục hóa đồng ruộng, làm thủy lợi, thâm canh tăng năng suất, phong trào xây dựng hợp tác xã, xóa nạn không biết chữ, làm đường giao thông, xây dựng trường học... thật sự trở thành những ngày hội của thanh niên xã Điện nam. Nhiều thanh niên ưu tú xuất hiện, nhiều cán bộ trẻ trưởng thành. Từ các phong trào này nhiều thanh niên ưu tú đã được kết nạp vào Đảng.

Đảng bộ Điện nam còn chú ý củng cố tốt tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, phát huy vai trò xung kích của thanh niên trên mọi mặt công tác của xã. Tổ chức Đoàn đã thu hút đông đảo thanh niên ưu tú trong xã. Năm 1976 toàn xã có 76 đoàn viên, năm 1979 có 213 đoàn viên, năm 1983 có hơn 300 đoàn viên. Các chi đoàn hoạt động sôi nổi, với nhiều nội dung phong phú, thật sự thành trường học rèn luyện, giáo dục thanh niên. Thông qua sinh hoạt chi đoàn, các chi bộ đã bồi dưỡng cho thanh niên hiểu biết về Đảng, giúp thanh niên rèn luyện theo tiêu chuẩn đảng viên. Từng thời gian các chi đoàn bình xét, lựa chọn những đoàn viên ưu tú nhất giới thiệu để các chi bộ bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.

Với những biện pháp tích cực, chủ động như vậy, đảng bộ Điện nam đã kết nạp được nhiều đảng viên mới, trẻ. Qua 10 năm, chủ yếu là từ năm 1980 đến nay đảng bộ Điện nam đã kết nạp được 100 đảng viên mới. Số đảng viên mới này phần lớn ở tuổi thanh niên, có kiến thức văn hóa, tiếp thu nhanh cái mới, đã làm trẻ hóa đội ngũ đảng viên của đảng bộ (tuổi đời bình quân của đảng bộ xuống còn 30 tuổi). Chính họ là nguồn bổ sung cán bộ cho xã, làm trẻ hóa đội ngũ cán bộ của xã.

Digitized by Google

Để nhanh chóng trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đảng bộ Điện nam *đã mạnh dạn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo một quy hoạch chặt chẽ*. Từ lãnh đạo nhân dân trong xã tiến hành chiến tranh du kích chuyển sang xây dựng chủ nghĩa xã hội, đảng bộ Điện nam đã gặp nhiều khó khăn do đội ngũ cán bộ chủ chốt của xã vừa thiếu vừa yếu về văn hóa, về quản lý kinh tế cũng như về chuyên môn, nghiệp vụ. Đảng ủy xã năm 1976 có 15 người, nếu không kể 6 cán bộ do huyện tăng cường thì số còn lại có tuổi đời bình quân là 42,2, có trình độ văn hóa từ lớp 1 đến lớp 3 (có người chưa biết đọc, biết viết). Tình hình này đòi hỏi đảng bộ Điện nam phải hết sức chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về mọi mặt cho cán bộ xã. Đảng bộ đã xây dựng quy hoạch cán bộ của xã nhằm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị cán bộ cho những năm sau. Trong công tác này đảng bộ Điện nam chú ý chủ động đào tạo, bồi dưỡng qua thực tế công tác và kiên quyết bố trí người đi học các trường lớp dài hạn. Trước hết, đảng bộ chủ động tìm biện pháp nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Đảng bộ coi việc nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ, đảng viên là chìa khóa để giải quyết các vấn đề trong công tác cán bộ cũng như trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ. Xã tổ chức một trường bổ túc văn hóa tại chức. Đảng bộ quyết định mọi cán bộ, đảng viên phải đi học và yêu cầu các ngành, các đoàn thể bố trí công việc hợp lý để tạo điều kiện cho đảng viên đi học. Việc học bổ túc văn hóa đã cuốn hút không chỉ cán bộ, đảng viên, thanh niên mà cả mọi người dân trong xã. 100 cán bộ cốt cán, đảng viên đã theo học các lớp. Đến nay, trình độ văn hóa của đảng viên trong đảng bộ đã có bước chuyển lớn. Trong đảng bộ có 52% đảng viên học xong cấp I, 32% học xong cấp II, 14% học xong cấp III và 5 người học xong đại học.

Cùng với việc mở các lớp học văn hóa, đảng bộ Điện nam rất kiên quyết trong việc bố trí cán bộ, đảng viên đi học về lý luận chính trị, quản lý kinh tế, chuyên môn nghiệp vụ ở các trường tập trung của huyện, tỉnh và trung ương. Bố trí cán bộ đi học dài hạn trong khi ở xã rất thiếu cán bộ là sự cố gắng lớn của đảng bộ Điện nam, vì như vậy số cán bộ ở nhà phải kiêm nhiệm nhiều việc. Đảng bộ Điện nam đã nhất trí với nhau là chấp nhận khó khăn trước mắt do việc cử người đi học dài hạn để chuẩn bị cán bộ cho lâu dài. Nhờ vậy, nhiều cán bộ của xã đã được học qua các lớp về lý luận chính trị cũng như chuyên môn nghiệp vụ. Trình độ văn hóa của đội ngũ cán bộ của xã và các hợp tác xã được nâng lên rõ rệt. Hiện nay trong đội ngũ cán bộ của xã và các hợp tác xã có 59 người đang theo học lớp 9 và lớp 10, 21 người học xong chương trình trung cấp, 42 người học xong chương trình sơ cấp. Đảng ủy xã năm 1982 có 4 người tốt nghiệp cấp III, 10 người có trình độ văn hóa từ lớp 6 đến lớp 9, chỉ có 1 người lớp 5. Điện nam đang phấn đấu trong vài năm tới, hoàn thành phổ cập cấp II cho toàn thể cán bộ trong xã. Trình độ văn hóa, trình độ lý luận chính trị được nâng lên đã tạo cho đội ngũ cán bộ Điện nam sức bật mạnh mẽ, đưa phong trào của xã tiến lên không ngừng.

Cùng với những việc trên, đảng bộ Điện nam còn *mạnh dạn giao công tác cho thanh niên và giải quyết tốt mối quan hệ giữa cán bộ già và cán bộ trẻ*. Đây cũng là một biện pháp tích cực để Điện nam nhanh chóng trẻ hóa đội ngũ cán bộ của mình. Đảng bộ Điện nam chủ trương chỉ bố trí một số đảng viên có tuổi phụ trách công tác đảng và một số công việc tiếp xúc nhiều với dân, còn thì mạnh dạn bố

Digitized by Google

trí đảng viên trẻ, đoàn viên ưu tú phụ trách các đơn vị sản xuất, kinh doanh từ đội trưởng, đội phó sản xuất đến ban quản trị hợp tác xã, phụ trách công tác văn hóa, khoa học kỹ thuật... Qua một thời gian công tác, nhiều người trong số này được lựa chọn để bạt vào các cương vị công tác ở xã, hoặc bố trí đi học dài hạn. Đảng bộ còn chú ý bố trí để mọi cán bộ trẻ đều trải qua công việc từ thấp đến cao, từ phụ trách từng việc cụ thể đến phụ trách một công việc quan trọng. Nhờ có quyết tâm cao trong việc mạnh dạn giao việc cho lực lượng trẻ, đảng bộ Điện nam đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ khá trẻ. Tuổi đời bình quân của ban quản trị các hợp tác xã từ 27 đến 32, của ủy viên ủy ban nhân dân xã là 30, của đảng ủy xã là 34,5.

Đồng thời với việc mạnh dạn giao công tác cho lực lượng trẻ, đảng bộ chú ý xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa cán bộ già và cán bộ trẻ, giao cho cán bộ già trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ trẻ học tập kinh nghiệm công tác của cán bộ già. Đảng bộ Điện nam có một phần ba đảng viên là cán bộ hưu trí. Số này mỗi năm một nhiều. Những đảng viên này đều đã trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã tham gia nhiều công tác khác nhau. Mỗi người trong họ đều có những kinh nghiệm công tác mà số cán bộ trẻ của xã đang thiếu. Đảng bộ Điện nam đã sớm thấy điều này, đã động viên những đảng viên này tích cực góp phần xây dựng phong trào cách mạng của xã. Đảng ủy tìm hiểu công tác chuyên môn của từng người, khéo léo động viên họ kèm cặp, giúp đỡ cán bộ đương chức của xã. Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác của từng ngành, đảng ủy đều mời những người có liên quan đến dự để cùng trao đổi kinh nghiệm. Trong mọi công tác của xã đều hình thành mối quan hệ gắn bó, hỗ trợ nhau giữa cán bộ già và cán bộ trẻ. Những đảng viên hưu trí này đã đem hết nhiệt tình và kinh nghiệm của mình bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ trẻ của xã. Sự giúp đỡ tận tình này đã giúp cho cán bộ trẻ của xã sớm quen với công việc, bớt được những vấp váp.

Đảng bộ Điện nam còn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận. Đảng bộ thực hiện bố trí cán bộ kế cận ở các chức danh công tác. Người đương chức kèm cặp, giúp đỡ người kế cận. Trong công tác họ cùng nhau bàn bạc, và từng thời gian người kế cận được giao đảm nhiệm từng việc. Việc đào tạo theo cách này đã giúp cho cán bộ trẻ trưởng thành nhanh chóng và đảng bộ luôn luôn chủ động trong việc sắp xếp, bố trí cán bộ.

Bằng những biện pháp tích cực, chủ động nói trên, đảng bộ Điện nam đã trẻ hóa được đội ngũ cán bộ của xã. Hiện nay, Điện nam đã có một đội ngũ cán bộ khá trẻ với trình độ và năng lực công tác được nâng lên rõ rệt. Từ năm 1982 huyện rút hết cán bộ tăng cường cho Điện nam; số cán bộ hưu trí cũng chỉ còn một đồng chí trong cấp ủy. Đội ngũ cán bộ được trẻ hóa này đã góp phần quan trọng tạo nên những thành tích đáng tự hào của Điện nam. Từ một xã vùng cát khô cằn, nghèo đói, đến nay, Điện nam không chỉ tự nuôi sống mình ở mức khá mà còn làm nghĩa vụ lương thực với Nhà nước. Nhân dân Điện nam rất phấn khởi, tin tưởng vì đời sống vật chất và văn hóa ngày càng được cải thiện. Với những thành tích, những kinh nghiệm đã đạt được, với đội ngũ cán bộ ngày càng được nâng cao, chắc chắn trong những năm tới Điện nam sẽ giành được những thành tích to lớn hơn nữa.

Digitized by Google

QUỐC TẾ CỘNG SẢN VỚI ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Lời Bộ biên tập

Ngày 3-2-1930, được sự ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc (tức Bác Hồ của chúng ta) đã triệu tập **Hội nghị hợp nhất** *các nhóm cộng sản ở Đông dương thành lập Đảng cộng sản Việt nam — sau đổi tên là Đảng cộng sản Đông dương. Vừa ra đời, Đảng đã phát động một cao trào đấu tranh rộng lớn của công nông ở Đông dương mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ tĩnh 1930 — 1931. Phong trào này đã có tiếng vang và ảnh hưởng to lớn trong phong trào cộng sản quốc tế. Hội nghị toàn thể thứ 11 của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản họp từ ngày 25-3 đến 13-4 năm 1931 đã ghi nhận: « Ở Đông dương phong trào nông dân phát triển mạnh mẽ và rộng khắp mà thành tích cực kỳ to lớn được ghi nhận là việc thành lập chính quyền Xô viết... »* (1). *Tại Hội nghị này, Quốc tế cộng sản đã công nhận Đảng cộng sản Đông dương là một* **phân bộ dự bị** *của Quốc tế cộng sản, tách khỏi Đảng cộng sản Pháp.*

Tháng 8-1935, Quốc tế cộng sản họp Đại hội thứ VII ở Mát-xcơ-va. Đoàn đại biểu Đảng ta tham dự Đại hội gồm các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc (lúc đó lấy bí danh là Lin) tham dự với tư cách là khách mời của Đại hội. Đại hội đã công nhận Đảng cộng sản Đông dương là **phân bộ chính thức** *của Quốc tế cộng sản và bầu đồng chí Lê Hồng Phong là* **ủy viên chính thức** *của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản.*

Dưới đây là bản Quyết định của Đại hội VII Quốc tế cộng sản công nhận Đảng cộng sản Đông dương và một số đảng cộng sản khác là phân bộ chính thức của Quốc tế cộng sản.

---

(1) Xem: *Các đảng cộng sản và cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc*. Nxb Sự thật, Mát-xcơ-va, 1932, tr. 43.

Digitized by Google

ПОСТАНОВЛЕНИЕ
ЗА ПРИЕМАНЕТО НА НОВИ ПАРТИИ В КОМУНИСТИЧЕСКИЯ ИНТЕРНАЦИОНАЛ

(прието от VII конгрес на Коминтерна на 20 август 1935 г.)

а) Приемат се в качеството на секции на Коминтерна комунистическите партии на Индо-Китай, Филипини, Перу, Колумбия, Коста-Рико, Порто-Рико и Венецуела.

б) Приема се в качество на секция на Коминтерна, с права на съчувствуваща партия, Народно-революционната партия на Тува.

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG NHẬN CÁC PHÂN BỘ MỚI CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN

(Thông qua tại Đại hội VII của QTCS ngày 20-8-1935)

a) Công nhận là những phân bộ của Quốc tế cộng sản các đảng cộng sản ở Đông dương, Phi-líp-pin, Pê-ru, Cô-lôm-bi-a, Cô-xta Ri-ca, Poóc-tô Ri-cô và Vê-nê-du-ê-la.

b) Công nhận là một phân bộ của Quốc tế cộng sản với quyền biểu quyết Đảng nhân dân cách mạng ở Tu-va.

Digitized by Google

Tuyên ngôn của các đại biểu đã thoát ly hội tịch ở toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ nhất của Hội Việt nam thanh niên cách mệnh (tức là Việt nam cách mệnh đồng chí hội)

Lời Bộ biên tập—*Tháng 5-1929 Đại hội thứ nhất của Hội Việt nam thanh niên cách mệnh (tức Việt nam cách mạng đồng chí hội) đã họp tại một địa điểm ở nước ngoài. Tại Đại hội này các đại biểu Bắc kỳ đưa ra đề nghị thành lập Đảng cộng sản. Đề nghị này không được Đại hội chấp nhận. Các đại biểu Bắc kỳ liền bỏ Đại hội ra về. Về đến nước nhà các đại biểu đó liền ra bản Tuyên ngôn sau đây kêu gọi « Phải tổ chức ngay đảng Cộng sản ». Bản Tuyên ngôn này được in vàphát ở nhiều địa phương trong nước dưới hình thức truyền đơn.*

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 56 ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam, chúng tôi công bố bản Tuyên ngôn này để bạn đọc tham khảo.

Các đồng chí,

Các đồng bào,

Chúng tôi được các đồng chí phó thác cho cái trách nhậm đại biểu các đồng chí đi dự hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của hội Việt nam Thanh niên cách mệnh (tức là hội Việt nam cách mệnh đồng chí) đã bắt đầu khai ngày mùng một tháng 5 năm 1929, trong lòng lúc nào cũng lo sao đem hết tinh thần trí não mà phát biểu ý kiến sao cho hợp với hoàn cảnh An nam, cho đúng với ý nguyện các đồng chí, — mục đích để làm sao cho cách mệnh chóng thành công, cho anh em công nhân mau cướp được chính quyền để gây dựng nên xã hội bình đẳng, tự do, bác ái.

Vì trách nhiệm chúng tôi là thế,

Vì mục đích chúng tôi là thế,

Nên sau khi đã nhận thức được rằng:

1 — Ở An nam tư bản đã rất phát đạt và đã bắt đầu nhóm vào một số ít người (tập trung).

2 — Vô sản giai cấp ở An nam càng ngày càng đông và càng giác ngộ, mà nông dân nghèo cũng một ngày một nhiều.

3—Hiện nay ở An nam *chưa có đảng nào là đảng đại biểu cho vô sản giai cấp.*

4 — Hội Việt nam thanh niên cách mệnh (Việt nam cách mệnh đồng chí hội) là một đoàn thể *tiểu tư sản, trí thức*, một đoàn thể quốc gia tán thành xã hội chủ nghĩa. Tôn chỉ của hội V.N.Th.N.C.M. « trước làm quốc dân cách mệnh, sau làm thế giới cách mệnh » có tính chất *hoạt đầu giả cách*

Digitized by Google

mệnh (từ ngày thành lập — 1924 — đến nay hành động xa quần chúng công nông. Hội V.N.Th.N.C.M không liên lạc với Đệ tam quốc tế (tức là Quốc tế cộng sản) là cơ quan cách mệnh cả thế giới, mà lại cử đại biểu đi tham gia toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ ba của Quốc dân đảng Trung quốc là một đảng phản cách mệnh, phản công nông).

Chúng tôi không có thể không đề nghị lập một đảng đại biểu cho vô sản giai cấp, một đảng duy nhất có thể giải quyết được các vấn đề quan hệ đến vô sản giai cấp, một đảng để lĩnh đạo cho tất cả công cuộc cách mệnh ở An nam, tức là đảng *CỘNG SẢN*.

Vấn đề tổ chức đảng *Cộng sản* vì thế nên đưa ra đại hội thảo luận. Tranh biện trong gần một ngày (hôm 5 tháng 5 năm 1929) kết quả đa số đại hội lấy lẽ rằng:

Đại hội này là đại hội thanh niên (V.N.Th.N.C.M hội)

Các đại biểu là đại biểu cho các đồng chí hội Thanh niên.

Vậy:

1 — Vấn đề tổ chức cộng sản đảng không phải là một vấn đề quan hệ đến đoàn thể Thanh niên, nên đại hội không cần bàn đến.

2 — Các đại biểu chỉ được bàn về các vấn đề quan hệ đến thanh niên còn vấn đề đảng cộng sản không được nói đến.

Phải, đại hội này là của hội Việt nam thanh niên cách mệnh, song phàm đã là người chân chính cách mệnh thì bất luận việc gì can thiệp đến công nông, đến vô sản giai cấp, đều phải bàn cả. Thế mà Đại hội Việt nam Thanh niên cách mệnh lại không cho bàn đến vấn đề tổ chức đảng Cộng sản là vấn đề rất cần thiết cho quần chúng vô sản giai cấp và nông dân nghèo ở An nam. Đại hội không cho bàn đến vấn đề này tức là đại hội này không phải là đại hội đại biểu cho vô sản giai cấp

Cái tính chất hội Việt nam Thanh niên cách mệnh đã rõ ràng lắm vậy

Vì chúng tôi không khi nào quên được cái nghĩa vụ của chúng tôi đối với vô sản giai cấp ở An nam, đối với tất cả dân lao khổ ở An nam, — vì chúng tôi không thể quên được cái trách nhậm mà các đồng chí đã phó thác cho chúng tôi, — nên đối với hội Toàn quốc đại biểu hoạt dầu này, đối với hội Toàn quốc đại biểu giả cách mệnh, phản công nông này, chúng tôi không thể công nhận được mà phải tuyên bố bỏ đại hội ra về.

Đại hội hoạt dầu, giả cách mệnh, phản công nông này, sau bàn những gì chúng tôi không được biết.

Kết quả sự đi dự hội đại biểu Toàn quốc lần này là biết được rõ ràng chắc chắn rằng hội Việt nam Thanh niên cách mệnh không phải là một chính đảng chân chính vì lợi ích của vô sản giai cấp.

Vậy chúng tôi có mấy lời thành thực khẩn cấp kêu to

Cùng thợ thuyền An nam

Cùng nông dân nghèo An nam

Cùng các đồng chí hội Việt nam Thanh niên cách mệnh

Cùng các đảng viên các chính đảng ở An nam

Cùng các ngươi có lòng với cách mệnh,

Rằng:

1 — Phải hết sức đánh đổ tụi hoạt dầu giả cách mệnh lừa giới công nông.

2 — Phải tổ chức ngay đảng CỘNG SẢN thì mới dẫn đạo cho vô sản giai cấp làm cách mệnh được.

Đánh đổ Pháp đế quốc chủ nghĩa

Đánh đổ tư bản chủ nghĩa,

Trừ tiệt thổ hào liệt thân,

Vô sản giai cấp chuyên chính

Thực hiện chủ nghĩa Cộng sản

Các đại biểu bỏ đại hội ra về tuyên cáo

Ngày 1 tháng 6 năm 1929

Chú ý: Xem song sin chuyển cho người khác.

Digitized by Google

NÊU CAO CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG TRONG LAO ĐỘNG VÀ CHIẾN ĐẤU

ĐẠI hội thứ năm anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc là đại hội đầu tiên được tiến hành sau khi đất nước thống nhất. Đại hội họp trong tình hình nhân dân cả nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đồng thời cũng đang đứng trước những khó khăn về nhiều mặt.

Với chiều dài của thời gian, bề dày của cống hiến và thành tựu, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần này đã có số đơn vị anh hùng, cá nhân anh hùng và chiến sĩ thi đua đông đảo hơn các kỳ đại hội trước, bao gồm nhiều tập thể, nhiều cá nhân trong cả 40 tỉnh, thành, đại diện cho hầu hết các ngành, các lĩnh vực hoạt động quan trọng, tiêu biểu cho những thành tựu của nhân dân cả nước ta trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng. Đội ngũ anh hùng, chiến sĩ thi đua có mặt tại Đại hội này bao gồm đầy đủ các thành phần công nhân, nông dân, trí thức, nam nữ, dân tộc, tôn giáo, có những nhà cách mạng lão thành, những thanh niên mới đi theo cách mạng chưa được bao lâu, những người đại diện cho 3 — 4 thế hệ nối tiếp nhau phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân.

Nhiều đơn vị anh hùng, cá nhân anh hùng, chiến sĩ thi đua đã xuất hiện trong các phong trào đấu tranh cách mạng sâu rộng của quần chúng, trong các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực hoạt động nhằm đáp ứng những yêu cầu của cách mạng. Họ thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Bác Hồ: bất kỳ làm việc gì, đều cần phải thi đua với nhau, thi đua là yêu nước, thi đua là đoàn kết, thi đua là cải tạo con người.

Được Đảng lãnh đạo, giáo dục, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nêu cao phẩm chất cách mạng, các anh hùng, chiến sĩ thi đua của chúng ta ngày nay mang đậm nét những chất liệu quý báu của nhân dân ta trong quá khứ và hiện tại — nguồn gốc của mọi thắng lợi và thành tựu. Những chất liệu đặc biệt ấy được cô đúc lại từ lòng trung thành vô hạn với Đảng, với cách mạng, với Tổ quốc.

Trên cái nền được cấu tạo bằng những chất liệu đặc biệt đó, trải qua nhiều thử thách gay go, phức tạp gần hai thập kỷ qua và hoạt động trong những hoàn cảnh và lĩnh vực cụ thể khác nhau, các anh hùng và chiến sĩ thi đua tuy mỗi người một vẻ, có những tính cách riêng, nhưng tất cả đều thể hiện rõ nét trong suy nghĩ và hành động của mình những tính cách đa dạng, phong phú của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam.

Chúng ta có thể thấy tính cách nổi bật *trước hết là luôn luôn nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo trong lao động, trong quản lý, dũng cảm và mưu trí trong chiến đấu, vượt mọi khó khăn, gian khổ.* Trước những khó khăn chồng chất do địch họa, thiên tai gây ra, trước những hậu quả nặng nề của chiến tranh, nhất là tình trạng nền kinh tế còn nhiều mặt yếu kém, trên lĩnh vực hoạt động và vị trí công tác của mình, các anh hùng và chiến sĩ

Digitized by Google

thi đua đã thể hiện rất rõ tính chủ động, sáng tạo, không bị ràng buộc bởi những quan niệm, tư tưởng cũ, nếp suy nghĩ cũ, mà luôn tự trang bị cho mình những hiểu biết mới, cách suy nghĩ mới và thấy được hướng hành động đúng đắn nhằm khắc phục khó khăn, đạt hiệu quả công tác tốt. Không sợ khó, bám sát thực tế cuộc sống, gắn bó chặt chẽ với quần chúng, các anh hùng, chiến sĩ thi đua đã tìm ra và thực hiện nhiều biện pháp thiết thực vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khi đã có hướng hành động đúng, họ dám quyết đoán và kiên trì thực hiện tới cùng.

Trong chiến đấu, hiểu rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, với lòng yêu nước và căm thù địch sâu sắc, họ đã dũng cảm và mưu trí, linh hoạt, nhanh chóng tìm ra cách đánh chủ động, sáng tạo, làm thất bại những hành động lấn chiếm và phá hoại của địch.

Cuộc sống của chúng ta gần hai mươi năm qua có nhiều sáng tạo và đổi mới. Để đạt được những cái đó, các đơn vị anh hùng, cá nhân anh hùng và chiến sĩ thi đua đã có phần đóng góp quan trọng.

Hai là, ý thức trách nhiệm rất cao và lòng tận tụy với công việc, cống hiến hết sức mình cho lý tưởng và hoài bão cách mạng.

Tính cách anh hùng không phải chỉ thể hiện ở những sự việc lớn lao, dào núi lấp biển, mà còn thể hiện ở những sự việc rất bình thường, thầm lặng, ít người biết đến, không phải chỉ ở những công việc đột xuất, ngắn ngủi, mà cả ở những công việc hằng ngày kéo dài bao năm tháng. Đồng chí Hồ Giáo, người đầu tiên được tuyên dương anh hùng lần thứ hai, đã 31 năm gắn bó với nghề chăn nuôi trâu bò sữa giống ngoại. Là một người lao động bình thường, với ý thức trách nhiệm cao, say mê yêu nghề, tận tụy với công việc, bền bỉ chịu đựng gian khổ, khắc phục nhiều khó khăn, đồng chí đã chăm sóc những con bê như mẹ chăm con và đã đạt những kết quả tốt đẹp. Có đồng chí vì yêu cầu của cách mạng đã rời quê hương, xa gia đình, mấy chục năm gắn cuộc đời mình với đồng bào các dân tộc thiểu số, nơi rừng núi quanh năm mây phủ, khí hậu khắc nghiệt, có những phong tục, tập quán khác lạ...

Lòng tận tụy với công việc, sự bền bỉ chịu đựng vất vả, khó khăn gian khổ, hy sinh đã giúp cho các anh hùng, chiến sĩ thi đua cống hiến hết sức mình cho sự nghiệp cách mạng.

Ba là, hăng hái học tập, nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tìm con đường ngắn nhất đem lại hiệu quả lớn cho sự nghiệp cách mạng.

Trong hoàn cảnh đất nước ta hiện nay, việc đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật — then chốt trong ba cuộc cách mạng mà Đảng ta nêu ra, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Các anh hùng, chiến sĩ thi đua đã nêu cao quyết tâm học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, và tìm cách nhanh chóng ứng dụng những kết quả đó vào thực tiễn sản xuất, công tác. Tính cách anh hùng của họ ở đây là dù thiếu nhiều điều kiện, phương tiện, họ vẫn ham học, vừa làm vừa học, say mê nghiên cứu, tự tạo nên những điều kiện làm việc cần thiết, kết hợp những kiến thức khoa học với những kinh nghiệm sẵn có của bản thân, của tập thể, sáng tạo ra cái mới, áp dụng chúng trong thực tiễn sản xuất, công tác của mình với lòng tự tin, tinh thần tự lực tự cường, không nản chí trước thất bại, quyết tâm vươn lên nhằm đạt được năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Với tinh thần đó, hoạt động trên nhiều lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, trong công nghiệp,

Digitized by Google

nông nghiệp, giao thông vận tải, y tế, quốc phòng... các tập thể anh hùng, cá nhân anh hùng và chiến sĩ thi đua của chúng ta đã miệt mài tạo cho mình năng lực ngày càng cao để có thể cống hiến nhiều nhất cho cách mạng, cho nhân dân.

Bốn là, cần kiệm liêm chính, khiêm tốn và giản dị, gần bó với quần chúng, thật sự tin tưởng và dựa vào quần chúng. Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, có anh hùng là do có nhân dân anh hùng, dân tộc anh hùng, và tiếp thu truyền thống tốt đẹp của nhân dân, các anh hùng và chiến sĩ thi đua của ta trong công tác cũng như trong cuộc sống, khi còn nghèo cũng như khi ăn nên làm ra, đều không ngừng rèn luyện để luôn luôn giữ được phẩm chất quý báu đó. Trong hoàn cảnh đất nước ta còn nghèo, còn nhiều khó khăn phải vượt qua, việc thực hành cần kiệm, liêm chính, sống giản dị, khiêm tốn, hòa mình với quần chúng, tin tưởng và dựa vào quần chúng là yếu tố hết sức quan trọng làm cho các anh hùng và chiến sĩ thi đua của ta trở thành những trung tâm đoàn kết, lôi cuốn quần chúng hành động cách mạng. Nhiều đơn vị anh hùng, cá nhân anh hùng và chiến sĩ thi đua đã bắt đầu từ việc đi học người tốt, việc tốt, học những nơi tiên tiến mà làm nên sự nghiệp. Càng có thành tích, càng khiêm tốn, không tự mãn, càng học tập thêm để tiến bộ mãi.

Hơn lúc nào hết, ngày nay nêu cao và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động và chiến đấu là một yêu cầu rất quan trọng để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực hoạt động của chúng ta, nhằm vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng đề ra.

Đảng bộ thành phố...

(Tiếp theo trang 36)

cuốn hết các tầng lớp thanh niên. Số thanh niên chậm tiến, hư hỏng, đứng ngoài lề mọi diễn biến đổi mới của thành phố trong mười năm qua không phải không còn. Điều đáng chú ý là, không ít thanh niên chưa xác định đúng lý tưởng cách mạng, còn mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch. Lối sống thực dụng, buông thả, sa đọa, lười lao động và ngại học tập, vô kỷ luật, mê tín với mức độ khác nhau còn thấy ở một bộ phận thanh niên. Các cấp, các ngành còn có những biểu hiện của thái độ hẹp hòi, định kiến, chưa quan tâm lợi ích chính đáng của tuổi trẻ, nhất là một số cán bộ, đảng viên suy thoái về phẩm chất, đạo đức, cũng gây ảnh hưởng xấu đến tư tưởng, cách nghĩ, lối sống và hành động của thanh niên.

Trước yêu cầu mới của cách mạng, quán triệt sâu sắc những quan điểm cơ bản của Đảng về công tác thanh niên nêu trong Nghị quyết số 26 của BCTTƯ Đảng, đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh đang tiếp tục nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm làm tốt hơn nữa công tác lãnh đạo Đoàn thanh niên và công tác thanh niên. Thành ủy nhấn mạnh: « Chuyển cho được lớp thanh niên chậm tiến và trung bình lên tiên tiến không những thể hiện tình thương và trách nhiệm của đảng bộ, chính quyền các cấp, kể cả gia đình, nhà trường, mà còn là một chiến thắng đối với kẻ thù thâm hiểm của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành lại con người ».

Digitized by Google

HỘI NGHỊ KHOA HỌC
Về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó*

Hoàng Hữu Nhân :

Luận điểm nổi tiếng của Lê-nin về tính tất yếu của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội : « ...Tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ mà trái lại, còn bao hàm một số giai đoạn phát triển mang những đặc điểm hoặc về hình thức, hoặc về trình tự của sự phát triển đó » (1) đã được Đảng ta chủ động vận dụng để phân chia thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thành từng chặng đường. Đảng ta xác định rõ : « Chặng đường trước mắt là chặng đường tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường hơn nữa sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân, giảm bớt và khắc phục khó khăn, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, chặn đứng và loại trừ các biểu hiện tiêu cực, đạt những tiến bộ quan trọng trong mọi lĩnh vực, tạo ra thế cân đối mới của nền kinh tế, đồng thời chuẩn bị cho những bước tiến vững chắc và mạnh mẽ hơn trong chặng đường tiếp theo » (2). Khi kết thúc thời kỳ quá độ, chúng ta phải đạt được những mục tiêu :

— Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trở thành phổ biến, thống trị tuyệt đối trong mọi lĩnh vực sản xuất xã hội.

— Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải đạt được mức độ chín muồi, tức là các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội hoạt động một cách đầy đủ.

— Hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên những nét cơ bản.

Hai nhiệm vụ cơ bản của chặng đường đầu tiên là ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân và tích lũy ban đầu đòi hỏi phải giải quyết cấp bách một số vấn đề : khôi phục và ổn định nền kinh tế, từng bước khắc phục những mất cân đối lớn trong nền kinh tế ; xây dựng một lực lượng tối thiểu về thiết bị kỹ thuật, máy móc hiện đại, đào tạo đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật nhằm tạo ra một sức đẩy nhằm đưa nền sản xuất xã hội ra khỏi vòng tái sản xuất giản đơn ; hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý và có hiệu quả.

Những nỗ lực to lớn của chúng ta trong thời gian qua đã làm thay đổi nhiều trạng thái kinh tế xã hội của đất nước so với lúc ban đầu. Chúng ta đã đạt nhiều thành tựu về kinh tế trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, tuy nhiên chúng ta cũng còn nhiều khuyết điểm sai lầm về mặt lãnh đạo và quản lý kinh tế, cho nên kết quả đạt được còn thấp chưa tương xứng với công sức đã bỏ ra. Toàn bộ những

* Xem *Tạp chí Cộng sản* từ số 4-1986.

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 431.

(2) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 51.

Digitized by Google

cố gắng đó chưa tạo ra được những biến đổi gì đáng kể cho nền kinh tế để khiến chúng ta có thể rút chân khỏi bước đi ban đầu.

Chúng ta cần nhìn thẳng vào thực trạng kinh tế — xã hội hiện nay để vạch ra những mục tiêu thật tập trung và chiến lược phát triển kinh tế phù hợp cho những năm trước mắt, trong đó bao gồm việc xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, chiến lược quản lý kinh tế và nội dung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Trước mắt, nông nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu, đồng thời chúng ta phải ra sức phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Phát triển công nghiệp nặng trước hết phải trực tiếp phục vụ cho yêu cầu trên đồng thời chuẩn bị điều kiện cho chặng đường tiếp theo. Cơ cấu kinh tế hợp lý phải luôn luôn đặt *nông nghiệp — công nghiệp nhẹ — công nghiệp nặng trong một cơ cấu kinh tế thống nhất* và trong hoàn cảnh một *nền kinh tế « mở »*, biết phát huy thế mạnh riêng có của ta trong nền kinh tế thế giới. Cơ cấu đầu tư trong thời gian trước mắt phải chú trọng theo hướng đầu tư nhằm *khai thác hết và có hiệu quả nhất những năng lực sản xuất sẵn có*. Về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trước hết cần xóa bỏ triệt để chế độ quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chuyển hẳn và chuyển nhanh sang cơ chế hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, với kế hoạch là trung tâm, giao trả lại trách nhiệm và quyền chủ động kinh doanh và tự chủ tài chính vốn có của các đơn vị kinh tế dưới sự lãnh đạo, quản lý tập trung đúng mức của Nhà nước. Chỉ có một cơ chế quản lý năng động hợp với các quy luật kinh tế, thực hiện được cơ chế làm chủ tập thể của nhân dân lao động mới khai thác được mọi khả năng tiềm tàng của nền kinh tế, mau chóng ổn định lại sản xuất và đời sống nhân dân, thật sự tăng cường được sự lãnh đạo của Nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế.

Trần Linh Sơn :

Sau thắng lợi vĩ đại mùa Xuân năm 1975, nước Việt nam thống nhất bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, bắt đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thời kỳ thực hiện nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản trong cả nước. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Việt nam đã chỉ rõ : *Chặng đường trước mắt* bao gồm thời kỳ kế hoạch 5 năm 1981—1985 và kéo dài đến năm 1990 với kế hoạch 5 năm 1986 — 1990, hoặc hơn một ít thời gian nữa. Đến nay, chúng ta có thể hiểu đó là *chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta*. Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra *khái niệm chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và xác định những mục tiêu kinh tế—xã hội tổng quát của những năm 80 là :*

1 — Đẩy mạnh sản xuất, tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân.

2 — Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất—kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội có trọng điểm, tích lũy vốn từ nội bộ nền kinh tế, chuẩn bị tích cực cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa công nghiệp nặng trong chặng đường tiếp theo.

3 — Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam ; tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

4 — Đáp ứng nhu cầu cấp thiết cho quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

Có thể nói các mục tiêu đó sẽ đạt được khi nền kinh tế có một bước

Digitized by Google

chuyển biến cơ bản, thu nhập quốc dân bảo đảm đủ tiêu dùng xã hội và có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân; tổng sản phẩm xã hội tăng và cân đối tốt hơn, đáp ứng được phần quan trọng nhu cầu trong nước và có phần xuất khẩu ngày càng lớn, để qua xuất khẩu mà nhập khẩu được các sản phẩm trong nước chưa sản xuất được, hoặc sản xuất chưa đủ; có đầy đủ và kịp thời sản phẩm có giá trị xuất khẩu để trả nợ (cả lãi) đến hạn cho các nước; kiến lập được sự kiểm kê, giám sát triệt để, có hiệu lực thật sự của Nhà nước đối với sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng sản phẩm xã hội, tăng cường chế độ tiết kiệm, thực hiện kiểm tra chặt chẽ mức lao động và mức hưởng thụ của các thành viên xã hội; thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa trở thành thành phần kinh tế chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân; xã hội hóa dần dần và trên thực tế nền sản xuất xã hội.

Về điều kiện tiến lên, phải nắm chắc quy luật phát triển, với sự tác động chủ quan, tích cực của quản lý để giải quyết *một số vấn đề* sau đây:

1 — Tiếp tục bồi dưỡng con người Việt nam, vừa là chủ thể và sức mạnh năng động nhất, vừa là đối tượng, thành quả và vốn quan trọng nhất; phát huy bản chất kiên cường, bất khuất, cách mạng, ý thức cộng đồng cao của con người Việt nam; xây dựng phương pháp tư duy thật sự khoa học, khách quan, nắm được hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật để có thể tác động có hiệu lực đến quá trình sản xuất giá trị vật chất và giá trị văn hóa, tinh thần: nắm bắt được thực chất ý kiến, cách làm của người khác và toàn bộ kho tàng tri thức của nhân loại đang phát triển muôn hình, muôn vẻ, cả về bề rộng và bề sâu.

Do yêu cầu phải tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và « những cơn đau đẻ » của thời kỳ quá độ có thể kéo dài và khó khăn hơn một số nước đã trải qua cách mạng công nghiệp, cần phải nhanh chóng xây dựng cho mình thói quen làm việc có suy nghĩ, có năng suất, có hợp đồng, hợp tác; ý thức tiết kiệm thời gian, ý thức tổ chức, kỷ luật chặt chẽ, tính trật tự; khả năng tổ chức cuộc sống, làm việc và nghỉ ngơi hợp lý, trên cơ sở có kiến thức về tâm, sinh lý, giải phẫu con người, về các thành tựu của y học và khoa học bảo vệ sức khỏe; khả năng và kỹ thuật làm việc hiện đại, phù hợp với con người Việt nam, tổ chức lao động theo khoa học ở các đơn vị cơ sở, các ngành sản xuất vật chất, các cơ quan quản lý Nhà nước.

2—Thế giới ngày nay đã chia thành hai hệ thống kinh tế — xã hội, lại có các nước thứ ba đang phát triển. Hệ thống nào cũng có sự cần thiết khách quan nội tại nhất thể hóa kinh tế, liên kết khoa học, kỹ thuật và sản xuất, gắn với ý đồ chiến lược nhất định. Nước ta phải phát huy tính độc lập, tự chủ gắn liền hữu cơ với việc dựa hẳn vào sự giúp đỡ có hiệu quả của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; phát triển mạnh mẽ sự phân công và hợp tác quốc tế toàn diện với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế và đặc biệt với hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia. Đồng thời có chính sách đối ngoại đúng đắn với các nước khác.

3—Phải tận dụng các thành tựu của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong đường lối chiến lược tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Nước ta không thể không nắm bắt các diễn biến của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật đang được toàn thế giới tập trung sự chú ý. Hiện nay cách mạng

Digitized by Google

khoa học — kỹ thuật đã trở thành trường đấu tranh hết sức quyết liệt của hai hệ thống thế giới — chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản

Cần chu trọng các đặc điểm sau đây của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện đại:

a) Tiềm lực năng lượng của xã hội tăng lên rõ rệt trên cơ sở tạo ra các phương thức mới để tiếp nhận năng lượng điện (như nhà máy điện nguyên tử đầu tiên ở Liên xô đã được xây dựng năm 1954) và nâng cao hệ số tác động hữu ích của các hệ thống năng lượng.

b) Tự động hóa toàn bộ quá trình sản xuất bao gồm tất cả các khâu của hệ thống máy.

c) Bước ngoặt trong lĩnh vực quy trình công nghệ, biểu hiện trong việc hóa học hóa sản xuất, áp dụng các phương pháp điện kỹ thuật, la de, công nghiệp vi sinh vật, v.v.

d) Cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật bao quát cả yếu tố bảo thủ nhất trong lực lượng sản xuất là đối tượng lao động. Phần nguyên liệu thực vật và động vật giảm bớt, nguyên liệu khoáng chất tăng lên, các nguyên liệu thiên nhiên được thay thế bằng nguyên liệu tổng hợp.

đ) Việc chuyển sang hệ thống máy bốn khâu trên cơ sở áp dụng điều khiển học vào quá trình quản lý sản xuất (ba khâu truyền thống của hệ thống máy là *động cơ, thiết bị truyền dẫn, máy công tác*, nay thêm một khâu *mới* là *khâu quản lý*); chức năng của khâu quản lý do máy tính điện tử đảm nhiệm với quy mô ngày càng lớn nhằm thực hiện các nghiệp vụ quản lý và kế hoạch hóa. Máy móc là sự tiếp nối tay con người (theo C. Mác), còn máy tính điện tử được xem là tiếp tục bộ não của người.

4—Có biện pháp xử lý, hoàn chỉnh và công khai hóa số liệu thống kê và một số tài liệu về điều tra cơ bản, về phân vùng kinh tế hết sức cần thiết cho việc nghiên cứu vạch sơ đồ các nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, hệ thống dự báo (1) *dự thảo một số chương trình đồng bộ có mục tiêu* như: lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng và dịch vụ công cộng; năng lượng; giao thông vận tải và toàn bộ hệ thống hạ tầng cho sản xuất và xây dựng cơ bản; hệ thống thông tin liên lạc, bảo đảm hiệu lực của quản lý kinh tế và xã hội.

Xây dựng kế hoạch 5 năm, kế hoạch dài hạn 10 — 15 năm, đến năm 2000, khớp với kế hoạch phát triển của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Nghiên cứu xây dựng một hệ thống cơ cấu sản xuất liên ngành tối ưu, bảo đảm thực hiện sắp xếp lại sản xuất, xây dựng cơ bản theo chính sách đầu tư, chính sách cơ cấu kinh tế — xã hội trong quá trình biến đổi năng động, xuất phát từ *sản phẩm cuối cùng* và *từ hiệu quả kinh tế.*

5—Củng cố nền tài chính quốc gia. Giải quyết nguồn vốn đầu tư, lành mạnh hóa lưu thông tiền tệ, ổn định sức mua của đồng tiền; mở rộng và củng cố hệ thống tiền tệ — tín dụng trên cơ sở nhận thức và vận dụng hệ thống các quy luật kinh tế; phát triển sản xuất hàng hóa; quan hệ hàng hóa—tiền tệ được sử dụng có kế hoạch trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; xác lập cơ chế quản lý và kế hoạch hóa, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

---

(1) *Hệ thống dự báo* được sử dụng trong kế hoạch hóa triển vọng bao gồm tối thiểu các loại: nguồn lực thiên nhiên; xã hội; dân số; tiến bộ khoa học — kỹ thuật; chính trị đối ngoại; quân sự chính trị; các dự báo kinh tế. Từ việc nghiên cứu các dự báo đó, sẽ có quyết định lựa chọn các mục tiêu phát triển quan niệm kinh tế — chính trị của kế hoạch

Digitized by Google

Nguyễn Anh Bắc :

Nước ta đang ở trong chặng đường đầu tiên của công cuộc xây dựng nền kinh tế sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là chặng đường đầu tiên của công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân của Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Trong chặng đường này, nền kinh tế còn có nhiều khó khăn, mất cân đối nghiêm trọng. Đất nước lại ở trong tình thế vừa có hòa bình vừa phải đối phó với một kiểu chiến tranh phá hoại về nhiều mặt và một dạng chiến tranh lấn chiếm biên giới của bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh câu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời phải sẵn sàng đối phó với một cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nếu nó xảy ra.

Để đáp ứng cả 4 mục tiêu kinh tế xã hội tổng quát đã được Đại hội V của Đảng chỉ ra, chiến lược phát triển kinh tế xã hội thể hiện đúng đắn sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong chặng đường này phải nhằm đạt được những *mục tiêu chiến lược* sau đây :

1 — Thực hiện một bước chuyển biến cơ bản thực trạng của nền kinh tế quốc dân, khắc phục những mất cân đối nghiêm trọng hiện nay, xây dựng một hệ thống cơ cấu kinh tế hợp lý trên từng vùng lãnh thổ, từng địa phương và cả nước trong một cơ cấu kinh tế thống nhất, thể hiện đúng đắn sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, vừa tạo ra *thế bố trí chiến lược* thống nhất làm chủ cả về kinh tế và quốc phòng, vừa *nâng cao một bước quan trọng sức mạnh tổng hợp của quốc phòng* ở từng vùng, từng địa phương, và cả nước, *làm thất bại mọi âm mưu hành động phá hoại* của kẻ thù

2 — Tạo ra trong nền kinh tế quốc dân những điều kiện cần thiết để nâng cao khả năng bảo đảm quốc phòng một cách ổn định, có cơ sở ngày càng vững chắc, vừa đáp ứng tốt nhất các nhu cầu bức thiết trước mắt, vừa có cơ sở để xây dựng và phát triển hệ thống công nghiệp quốc phòng, kết hợp với đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn tiếp sau.

3 — Hoàn thiện các mặt *chuẩn bị động viên nền kinh tế chống chiến tranh xâm lược*, bảo đảm thực hiện thắng lợi phương hướng chiến lược: đặt lên hàng đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khi không một phút lơi lỏng nhiệm vụ quốc phòng.

4 — Đi tới một tỷ lệ cân đối hợp lý, có cơ sở ổn định có lợi cho sự phát triển kinh tế, về mối quan hệ huy động lao động và của cải vật chất cho quốc phòng và kinh tế.

Để đạt những mục tiêu chiến lược trên, những *phương hướng chiến lược* kết hợp kinh tế với quốc phòng sau đây cần được xem xét khi quyết định những vấn đề về chiến lược phát triển kinh tế xã hội :

1 — Xây dựng và phát triển kinh tế ở các vùng biên giới phía bắc, Tây nguyên, Đông Nam bộ, nhằm cải thiện một bước cơ bản thế bố phòng, tạo ra một bước phát triển về chất lượng mới sức mạnh tổng hợp của quốc phòng toàn dân, đủ sức đánh bại mọi hành động chiến tranh lấn chiếm vùng biên giới, chiến tranh phá hoại về nhiều mặt của địch, *góp phần quyết định vào việc ổn định tình hình* trong cả nước.

2 — Xây dựng cơ cấu kinh tế ở từng địa phương, huyện, tỉnh thật sự làm được vai trò là cơ sở kinh tế trực tiếp của quốc phòng ở địa phương, làm cho mỗi huyện là một pháo đài quân sự, mỗi tỉnh là một đơn vị chiến lược về quốc phòng, bảo đảm cho *nền quốc phòng của cả nước* đạt được một bước chuyển biến

Digitized by Google

rõ rệt, *có cơ sở vững chắc ở từng cơ sở, từng địa phương.*

3 — Ổn định nhiệm vụ sản xuất và phục vụ quốc phòng cho các địa phương, các ngành kinh tế kỹ thuật. Từ đó, xây dựng cơ cấu hợp lý của từng ngành kinh tế kỹ thuật, của các cơ sở sản xuất chuyên ngành của quốc phòng nhằm nâng cao khả năng bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật của quốc phòng toàn dân hiện đại, của quân đội nhân dân chính quy hiện đại với số lượng ngày càng lớn, cơ cấu sản phẩm ngày càng phong phú, đúng tiêu chuẩn chất lượng, đúng kỷ luật giao nộp. Bảo đảm *không gây mất cân đối, khó khăn cho kinh tế.* Ưu tiên đầu tư cho các ngành công nghiệp có tác dụng trực tiếp phục vụ kinh tế và quốc phòng. Sắp xếp lại các ngành công nghiệp có quan hệ trực tiếp đến phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng theo một thế bố trí chiến lược phù hợp với thế bố phòng của cả nước.

4 — Xây dựng và phát triển hệ thống cấu trúc ba tầng theo một cơ cấu phù hợp với cơ cấu kinh tế và quốc phòng, phát huy tác dụng cao nhất đối với cả hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đầu tư thích đáng cho các vùng đang có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu khẩn trương.

5 — Sắp xếp, tổ chức lại kết hợp với xây dựng mới cơ cấu các ngành khoa học kỹ thuật, cho phép tận dụng mọi lực lượng khoa học kỹ thuật cả nước phục vụ cả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo cơ sở thuận lợi xây dựng và phát triển nền khoa học kỹ thuật quân sự Việt nam trong giai đoạn tiếp sau

6 — Kết hợp nghĩa vụ lao động với nghĩa vụ quân sự, tổ chức lao động với tổ chức quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp, xây dựng lực lượng dự bị động viên của quân đội, tạo tiền đề cho việc *đi tới một tỷ lệ hợp lý, ổn định, có lợi cho kinh tế*, về huy động lực lượng lao động cho quân đội thường trực trong thời bình, nhưng vẫn ở tư thế sẵn sàng để nhanh chóng động viên lực lượng chiến đấu khi tình thế đòi hỏi.

Một trong những biện pháp chiến lược để kết hợp kinh tế với quốc phòng là sử dụng hợp lý *lực lượng quân đội, dưới hình thức các tổ chức quân sự tham gia xây dựng kinh tế.* Ví dụ các đơn vị quân đội làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ở các vùng chiến lược, là một lực lượng chiến lược xây dựng kinh tế và quốc phòng ở địa phương; một số cơ sở sản xuất chuyên ngành của quốc phòng có nhiều khả năng làm hàng dân dụng, hàng xuất khẩu thì sẽ được sắp xếp tổ chức lại để vừa bảo đảm nhiệm vụ trực tiếp phục vụ quân đội vừa tham gia sản xuất những mặt hàng tiêu dùng hay xuất khẩu nằm trong cơ cấu chung, trong kế hoạch chung của nền kinh tế quốc dân; lực lượng xây dựng của quân đội có thể nhận xây dựng cho Nhà nước nhiều công trình kinh tế, các vùng kinh tế mới. Đó cũng là một trong những biện pháp tổ chức lao động cho phép kết hợp nghĩa vụ lao động với nghĩa vụ quân sự để thực hiện các chương trình kinh tế cần tập trung lực lượng dứt điểm trong thời gian ngắn.

Một trong *những yêu cầu quan trọng* của việc *kết hợp kinh tế với quốc phòng* là Nhà nước vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, các quy luật xây dựng quốc phòng toàn dân với những chế độ, chính sách, điều lệnh, điều lệ cần thiết đối với những hoạt động kinh tế trực tiếp phục vụ quốc phòng, đối với những hoạt động kinh tế trong quân đội, đối với những hoạt động làm kinh tế của quân đội, đối với những yêu cầu chuẩn bị động viên kinh tế, chuyển nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến...

Digitized by Google

Phan văn Tiệm :

Về quy luật giá trị và sự hoạt động của nó trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thực tiễn sản xuất xã hội đã khẳng định hoàn toàn một nguyên lý cơ bản trong kinh tế học mác xít là kinh tế hàng hóa cùng với những phạm trù quy luật của nó là những phạm trù lịch sử. Sự phát sinh, phát triển, vận động của chúng gắn liền với những hình thái kinh tế xã hội nhất định, trong đó có sự phân biệt về chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Quy luật giá trị là quy luật kinh tế chủ yếu nhất và phổ biến nhất đối với sản xuất xã hội trong chừng mực nền sản xuất đó mang hình thái kinh tế hàng hóa.

Lịch sử cũng đã làm xuất hiện hai loại hình sản xuất hàng hóa : loại thứ nhất phát sinh và phát triển trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và loại thứ hai phát sinh và phát triển trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Loại thứ nhất có trước loại thứ hai. Trong mỗi loại hình, phạm vi, phương thức và cường độ hoạt động của quy luật giá trị có khác nhau. Xét theo phạm vi và cường độ, quy luật giá trị có vai trò nổi bật trong loại hình thứ nhất, ở đó do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là nguồn gốc của sản xuất hàng hóa, cho nên quy luật giá trị có vai trò chi phối sản xuất một cách phổ biến, nó là quy luật điều tiết sản xuất hàng hóa. Quy luật này có phạm vi và cường độ điều tiết hạn chế trong nền kinh tế có sản xuất hàng hóa dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Từ nhận định trên đây có thể thấy được đặc trưng nổi bật của vai trò quy luật giá trị đối với nền sản xuất xã hội trong thời kỳ quá độ, đặc biệt là trong chặng đường đầu tiên của nó so với giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển về ngay cả các chặng đường tiếp theo của thời kỳ quá độ. Điều đó được quyết định bởi tính chất nhiều thành phần trong nền kinh tế ở chặng đường đầu tiên này, trong đó các quan hệ kinh tế trong các thành phần phi xã hội chủ nghĩa và mối liên hệ tái sản xuất tất yếu giữa chúng với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa còn chịu ảnh hưởng rất lớn của quy luật giá trị. Quy luật này còn có tác dụng khách quan điều tiết sản xuất và lưu thông qua các quan hệ và các mối liên hệ tái sản xuất nói trên.

Quy luật giá trị luôn luôn hoạt động thông qua chức năng của các phạm trù hàng hóa — tiền tệ : lưu thông, thị trường, hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, tín dụng, lợi nhuận v.v. và sự hoạt động của các quy luật kinh tế hàng hóa : cung cầu, lưu thông tiền tệ. Trong điều kiện của kinh tế hàng hóa dựa trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất (bao gồm cả kinh tế tư hữu tư nhân), các phạm trù này mang những nội dung và bản chất kinh tế khác hẳn với kinh tế hàng hóa dựa trên cơ sở chế độ sở hữu công cộng. Trong trường hợp thứ nhất, kể cả trường hợp các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, quy luật giá trị hoạt động tự phát và gắn với các quy luật kinh tế của hàng hóa tư bản chủ nghĩa tùy theo phạm vi và trình độ phát triển của loại hình kinh tế hàng hóa đó ; trong đó, cần khẳng định vai trò của quy luật cạnh tranh và quy luật giá trị thặng dư.

Cùng với sự phát sinh, phát triển mở rộng của chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, loại hình mới của sản xuất hàng hóa (sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa) cũng phát triển ngay trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, trước hết trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ở đây, sự phát huy các chức năng của các phạm trù kinh tế hàng hóa, cũng như sự hoạt động của quy luật giá trị diễn ra

Digitized by Google

một cách có kế hoạch và gắn liền với các quy luật của kinh tế xã hội chủ nghĩa : quy luật kinh tế cơ bản, quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân, quy luật tiết kiệm thời gian lao động, phân phối theo lao động.

Kinh tế thời kỳ quá độ là một chỉnh thể, quá trình tái sản xuất thống nhất gắn với các thành phần kinh tế. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa hoạt động với các quy luật của nó ; ở đây, quy luật giá trị hoạt động có kế hoạch luôn luôn gây ảnh hưởng đến các thành phần kinh tế khác nhau qua những mối liên hệ tái sản xuất giữa chúng với nhau. Yếu tố quyết định mức độ ảnh hưởng như vậy là sự lớn mạnh không ngừng của kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế quốc dân thời kỳ quá độ gồm hai bộ phận dựa trên hai loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất. Thị trường dân tộc cũng gồm hai bộ phận tương ứng. Do quy luật giá trị hoạt động trong hai loại hình quan hệ sản xuất khác nhau, cho nên tính chất hoạt động của quy luật này cũng không giống nhau trong hai nhóm thành phần kinh tế.

Chuyên chính vô sản và thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là điều kiện bên trong tiên quyết để nền kinh tế thời kỳ quá độ vận động theo con đường phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, đó cũng là điều kiện khách quan để vận dụng tự giác các quy luật kinh tế, trong đó bao gồm quy luật giá trị và Nhà nước quản lý nền kinh tế một cách có kế hoạch

Vận dụng quy luật giá trị là tạo ra những điều kiện khách quan để hướng sự hoạt động của quy luật đó vào những mục tiêu kinh tế xã hội của Nhà nước và hạn chế những hệ quả tiêu cực (so với những mục tiêu nói trên) do sự hoạt động của quy luật này mang lại.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, việc vận dụng quy luật giá trị trong quản lý nền kinh tế quốc dân nhằm những mục tiêu chủ yếu sau đây :

a — Kích thích tính tích cực của người lao động và các tổ chức kinh tế thuộc tất cả các thành phần kinh tế trong việc phát triển sản xuất, tăng nhanh tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân theo cơ cấu phù hợp, không ngừng nâng cao hiệu quả của nền sản xuất xã hội, thỏa mãn nhu cầu của xã hội trong từng thời kỳ.

b — Phát triển ưu tiên và tăng cường sức mạnh của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và hạn chế từng bước sự phát triển của thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa, hạn chế tính tự phát theo hướng tư bản chủ nghĩa của kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa.

c — Phát triển thị trường dân tộc về chiều rộng và chiều sâu, làm cho nó trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế phát triển, từ phụ thuộc thành độc lập tự chủ, từ tự cung tự cấp thành sản xuất hàng hóa, từ cơ cấu quê quặt thành cơ cấu phát triển tổng hợp và cân đối, góp phần cải tạo dần cơ cấu sản xuất xã hội để bảo đảm một tốc độ phát triển cao và ngày càng thỏa mãn đầy đủ hơn nhu cầu của xã hội.

d — Phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân giữa các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư ở các vùng của đất nước, giữa các ngành kinh tế quốc dân, giữa tích lũy và tiêu dùng theo những tỷ lệ hợp lý.

Trần Việt Chy :

Phương hướng, biện pháp chiến lược để thực hiện chiến lược lương thực ở nước ta trong chặng đường

Digitized by Google

đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội *trước hết là* thực hiện bằng được kế hoạch hóa dân số. Theo chúng tôi, để phù hợp với khả năng sản xuất lương thực, chúng ta cần phấn đấu để giảm tốc độ tăng dân số đến năm 1990 chỉ nên có dưới 65 triệu người, năm 2000 cũng chỉ khoảng 76 triệu người. Với số dân như thế và với tốc độ tăng lương thực 5 năm tới khoảng 5,7% hằng năm như trong những năm 1980 — 1985, hoặc cố gắng tăng thêm 1% nữa thì đến năm 1992 — 1993 chúng ta mới có thể đạt mục tiêu về lương thực của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. *Hai là*, gắn liền việc sản xuất lương thực với việc chế biến, phân phối, lưu thông, bảo quản tốt lương thực; phát triển mạnh mẽ và toàn diện ngành chăn nuôi để từng bước thay đổi cơ cấu bữa ăn, tăng dần lượng thức ăn giàu prô tê in thực vật và động vật trong khẩu phần hằng ngày của nhân dân. *Ba là*, đẩy mạnh hoạt động của các ngành nghề thủ công, làm hàng xuất khẩu trong nông nghiệp và bố trí lại cơ cấu cây trồng theo hướng đạt hiệu quả kinh tế cao giữa cây lương thực và cây xuất khẩu ở những nơi có điều kiện, sử dụng một phần ngoại tệ do xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp để nhập lại một số lương thực nhằm giải quyết đầy đủ lương thực cho người sản xuất cây công nghiệp, cây, con xuất khẩu, góp phần bổ sung cho số lương thực chung của xã hội. *Bốn là*, tập trung đẩy mạnh sản xuất lương thực theo một cơ cấu hợp lý phù hợp với tiềm năng sản xuất và nhu cầu tiêu dùng...

Thời gian qua, lương thực ở nước ta có tăng khá, song vẫn ở mức giữa đói và no, chưa có dự trữ. Mức tiêu thụ lương thực bình quân thực tế của 10 năm, từ 976 đến 1985, là 290 — 295 kg/người (trong đó những năm 1976 — 1980 phải nhập gần 8 triệu tấn và 1981 — 1985 cũng còn nhập 1 triệu tấn). Tính ra mức ăn đó mới bảo đảm khoảng 1 800 calo/người/ngày. Chúng ta cần phấn đấu đến năm 1990 đạt chỉ tiêu 2 100 — 2 300 calo/người/ngày trong đó 15 — 20% năng lượng do thức ăn giàu prô tê in đem lại (bình quân mỗi người dân có trên 400 kg lương thực, 15 kg thịt xô các loại). Như vậy đến năm 1990 mục tiêu cần đạt được là từ 25 đến 27 triệu tấn lương thực (trong đó có 22,5 — 23 triệu tấn thóc), 1 — 1,2 triệu tấn thịt xô các loại; 1,7 triệu tấn cá v.v. Đến năm 2 000 với mức phấn đấu 2 500 calo/người/ngày, trong đó 20 — 25% năng lượng do thức ăn giàu prô tê in đem lại, thì cần có khoảng 36 — 38 triệu tấn lương thực (trong đó có 31 — 32 triệu tấn thóc) 1,8 — 2 triệu tấn thịt các loại, 3 triệu tấn cá... Do đó, trong chiến lược lương thực ở nước ta, cây lúa vẫn là cây chủ lực; tiếp đó là ngô, khoai tây, khoai lang, sắn... tùy theo điều kiện từng vùng. Cho nên đến năm 2000 về diện tích lúa, nước ta cần có khoảng 5 triệu ha canh tác. Trước mắt, từ nay đến năm 1990 diện tích lúa sẽ phải tăng thêm 60 — 90 vạn ha gieo trồng; năng suất cũng phải tăng thêm 6 — 7 tạ/ha/vụ (so với hiện nay là 29 tạ/ha/vụ). Sau đó, chúng ta phải tiếp tục phấn đấu để đạt bình quân 45 — 50 tạ/ha/vụ ngang với năng suất lúa của các nước khá trong khu vực Đông Nam Á. Muốn thế, cần phải đẩy mạnh thâm canh theo chiều sâu, sử dụng mạnh hơn các biện pháp sinh học, các yếu tố vật chất kỹ thuật và quy trình công nghệ vào các vùng trọng điểm lúa như đồng bằng sông Hồng, sông Cửu long v.v. Sớm hình thành các vùng lúa thâm canh cao sản để đến năm 1990 đạt 2,5 triệu ha, năm 1995 đạt 3 triệu ha, chiếm khoảng 30% diện tích, nhưng đạt 50% sản lượng lúa của cả nước. Trên cơ sở phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực theo hướng đó, chúng ta vừa giải quyết vấn đề ăn của xã hội, vừa có điều kiện để thay đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng

Digitized by Google

diện tích cây công nghiệp, tăng thêm thực phẩm và hàng xuất khẩu v.v.

Đối với cây màu, hướng phát triển chính là nhằm phục vụ chăn nuôi, một phần làm nguyên liệu cho công nghiệp, một phần để xuất khẩu cũng như đáp ứng nhu cầu ăn của nhân dân một số vùng có tập quán. Trong 5 năm tới, chúng ta cần trồng khoảng 1,5 — 1,6 triệu ha và đạt 3,2 đến 3,6 triệu tấn quy thóc (Như vậy, về diện tích hằng năm phải tăng 3,6 — 4,3% và sản lượng tăng 7,7 — 9%). Dự kiến đến năm 2000 chúng ta trồng 70 vạn đến 1 triệu ha ngô (trong đó 30 vạn ha cao sản), 50 — 60 vạn ha khoai lang (15 vạn ha cao sản), 20 vạn ha khoai tây, 50 — 85 vạn ha sắn, v.v. Trong số các cây công nghiệp ngắn ngày có liên quan trực tiếp tới việc giải quyết vấn đề ăn có lạc và đậu tương. Chúng vừa là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu, vừa là nguồn prô tê in quan trọng làm thức ăn cho người và chăn nuôi: vì vậy đến năm 1990 chúng ta trồng khoảng 40 vạn ha lạc, 30 vạn ha đậu tương và năm 2000 trồng 80 vạn đến 1 triệu ha lạc, 50 đến 60 vạn ha đậu tương.

Muốn thực hiện được những mục tiêu chiến lược nêu trên, chúng ta phải sử dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế, kỹ thuật, tổ chức như bố trí lại cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, mùa vụ; xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chế biến; phân bố lại lao động và dân cư nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, giao thông vận tải phục vụ nông nghiệp; đổi mới cơ chế quản lý và chính sách kinh tế; hoàn thiện quan hệ sản xuất; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, v.v.

Trước mắt, cần đổi mới chính sách đầu tư, tín dụng, giá cả, huy động sản phẩm và thu mua lương thực, cung cấp vật tư, hàng tiêu dùng cho người sản xuất lương thực; hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong các đơn vị quốc doanh, tập thể sản xuất lương thực v.v. Trước hết là tổ chức lại hệ thống cung cấp, quản lý vật tư và nguyên liệu nông nghiệp. Cần khắc phục tình trạng Bộ nông nghiệp là cơ quan chịu trách nhiệm trước Hội đồng bộ trưởng về sản xuất nông nghiệp lại không có quyền lực gì trong việc quản lý phân phối những vật tư chiến lược của ngành mình.

Trong dự kiến kế hoạch 1986 — 1990, cần có 9 triệu tấn phân đạm, 4 triệu tấn phân lân; 70 vạn tấn phân ka li. Song như vậy cũng thiếu nhiều so với yêu cầu sản xuất. Vì vậy cần có một chính sách khuyến khích các địa phương xuất khẩu để tự cân đối thêm bù vào số còn thiếu của kế hoạch. Để bảo đảm xí nghiệp nông nghiệp có thể chủ động sản xuất kinh doanh, cần có các chính sách cụ thể hơn của Nhà nước về sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm...

Phạm Văn Huân:

Ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, việc xác định một cơ cấu kinh tế hợp lý và cơ chế quản lý thích ứng với những đặc điểm kinh tế xã hội có một tầm quan trọng đặc biệt. Sớm xác định cơ cấu kinh tế hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện những mục tiêu cơ bản của đất nước trong giai đoạn hiện nay mà Đại hội thứ V của Đảng vạch ra;

— Ổn định và tiến tới cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

— Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế.

— Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau

Digitized by Google

— Đáp ứng công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh.

Một cơ cấu kinh tế hợp lý phải « đặt » đúng vị trí của ngành công nghiệp năng lượng trong sự phát triển nền kinh tế quốc dân, bởi vì nó là ngành kinh tế cơ sở hạ tầng giữ vai trò là động lực của nền sản xuất xã hội, mức sử dụng năng lượng không chỉ phản ánh mức độ phát triển kinh tế mà còn thể hiện mức sống và chất lượng cuộc sống của mỗi xã hội. Thời gian qua, năng lượng nhiên liệu của chúng ta, một mặt không đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng, mặt khác bị sử dụng rất lãng phí, trong lúc đó Nhà nước cũng chưa có hệ thống chính sách hợp lý về khai thác, chế biến, phân phối, sử dụng năng lượng, cho nên năng lượng chưa thật sự phát huy vai trò là ngành kinh tế cơ sở hạ tầng. Nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là căn cứ vào tiềm năng các nguồn năng lượng, vào mức độ phát triển kinh tế và trình độ khoa học kỹ thuật của nước ta để định rõ chiến lược khai thác, chế biến, sử dụng năng lượng cũng như chính sách đẩy mạnh khoa học kỹ thuật năng lượng nhằm xây dựng hệ thống năng lượng vững chắc và đồng bộ với các ngành kinh tế khác.

Chiến lược khai thác năng lượng của ta trong những năm trước mắt phải đạt được các mục tiêu :

1 — Xây dựng hệ thống năng lượng quốc gia (than, dầu, điện) vững chắc và đi trước làm trụ cột cho công cuộc công nghiệp hóa. Cho đến đầu năm 2000, than vẫn chiếm khoảng 23% tổng mức năng lượng tiêu thụ, vì vậy về lâu dài than vẫn là nguồn nhiên liệu quan trọng của các ngành công nghiệp. Cần đẩy mạnh thăm dò, khai thác, chế biến dầu để tiến tới bảo đảm tự cung cấp vững chắc nguồn nhiên liệu lỏng này. Cần có hệ thống điện đủ mạnh để tạo cơ sở điện khí hóa, thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế, văn hóa v.v

2 — Chú trọng khai thác các nguồn năng lượng nhỏ, phân tán, các mỏ than nhỏ, thủy điện nhỏ, cực nhỏ, các nguồn năng lượng tái tạo. Nguồn năng lượng này tuy về số lượng chiếm tỷ lệ không đáng kể trong cân bằng năng lượng nhiên liệu chung, song đem lại hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là thủy điện vừa, nhỏ và cực nhỏ vừa thiết thực phục vụ yêu cầu phát triển văn hóa xã hội của nhân dân, nhất là nhân dân và các chiến sĩ ở những vùng xa xôi, hẻo lánh, tạo việc làm cho nhiều người lao động ; vừa góp phần nâng cao năng suất và giảm nhẹ cường độ lao động cho người lao động. Phát triển các nguồn năng lượng nhỏ hoàn toàn phù hợp với năng lực thiết kế, chế tạo, trang bị, khai thác của chúng ta hiện nay, lại nhanh và rẻ.

3 — Phát triển mạnh nguồn nhiên liệu từ thực vật và khí sinh vật từ phân rác đồng thời với sự phát triển ứng dụng rộng khắp các bếp lò đun nấu có hiệu suất cao nhằm bảo đảm vững chắc và lâu dài phần năng lượng phục vụ sinh hoạt cho toàn dân. Phần năng lượng sinh hoạt vẫn chiếm khoảng 40% tổng mức năng lượng tiêu thụ (cho tới đầu năm 2000), vì vậy bảo đảm năng lượng sinh hoạt là một mục tiêu chiến lược quan trọng.

4 — Phát triển hợp tác quốc tế để xây dựng hệ thống năng lượng quốc gia, trước hết là hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khai thác dầu khí, đồng thời chuẩn bị khẩn trương cho việc xây dựng điện nguyên tử ; hợp tác khai thác sông Mê công và hình thành hệ thống điện hợp nhất của các nước trong khu vực vào cuối thế kỷ này.

Bốn mục tiêu này có mối quan hệ khăng khít với nhau. Mục tiêu thứ nhất và mục tiêu thứ tư đòi hỏi đầu tư lớn về vật tư, tài chính, kỹ thuật,

Digitized by Google

do đó do trung ương đảm nhận; còn mục tiêu thứ hai và mục tiêu thứ ba thuộc trách nhiệm địa phương (tỉnh, huyện, xã) với sự giúp đỡ kỹ thuật của trung ương. Các địa phương huy động tiềm năng của mình để phát triển các nguồn năng lượng tại chỗ nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, phục vụ đời sống của nhân dân địa phương.

Chiến lược sử dụng năng lượng nhằm mục đích khống chế được cơ cấu sử dụng và sự phát triển nhu cầu năng lượng, nhằm đạt tới cơ cấu sử dụng hợp lý và hiệu quả cao. Cơ cấu sử dụng phải phù hợp với cơ cấu khai thác các nguồn năng lượng, phải hạn chế các công nghệ sử dụng những loại nhiên liệu mà ta khan hiếm, đồng thời có hướng chuyển các công nghệ này sang sử dụng các loại năng lượng, nhiên liệu mà ta có tiềm năng lớn. Trong sử dụng năng lượng, phải hướng vào việc giảm «cường độ năng lượng» trước hết ở từng cơ sở sản xuất, từng ngành, từng địa phương cho đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong điều kiện vốn đầu tư của chúng ta còn rất hạn chế, việc giảm cường độ năng lượng, để với số năng lượng không nhiều vẫn tăng được sản phẩm cho xã hội, chính là tiết kiệm vốn đầu tư cho năng lượng. Nếu sử dụng hợp lý và có hiệu quả năng lượng thì sẽ giảm bớt sự căng thẳng giữa cung và cầu về năng lượng, đây chính là một cuộc cách mạng công nghệ trong sử dụng năng lương.

Trần Ngọc Cảnh:

Nước ta vốn là một nước nông nghiệp. Lao động nông nghiệp nhiều. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sự phát triển của công nghiệp còn bị hạn chế thì sự thay đổi về phân công lao động giữa các ngành kinh tế quốc dân cũng mới ở một mức độ nhất định. Hiện nay, trong tổng số lao động tham gia các ngành sản xuất vật chất, sản xuất nông, lâm nghiệp chiếm trên 60% mà chủ yếu vẫn là sản xuất lương thực (lao động làm lương thực chiếm 63% trong tổng số lao động nông nghiệp). Không những cơ cấu phân công lao động xã hội chưa có chuyển biến đáng kể mà trình độ công cụ lao động cũng thấp, chủ yếu trong nông nghiệp vẫn lao động bằng thủ công (lao động máy móc trong nông nghiệp mới đạt 23,7% ở khâu làm đất; 0,5% ở khâu thủy lợi v.v.).

Lao động nông nghiệp tất yếu phải gắn liền với đất đai, nhưng bình quân ruộng đất ở nước ta lại ít (khoảng 5 – 7 sào Bắc bộ canh tác/1 lao động) nhưng việc phân công lao động lại không đều giữa các vùng. Vùng đồng bằng, nơi có nhiều lao động, thì ruộng đất ít. Miền núi, chiếm 3/4 đất đai lại chỉ có khoảng trên 10% tổng số lao động. Sự phân bố lực lượng lao động nông nghiệp trên địa bàn cả nước tuy có đặt ra và chúng ta đã đạt được một số kết quả, nhưng về cơ bản vẫn chưa làm thay đổi được tình hình đó. Hơn nữa, sản xuất nông nghiệp lại mang tính chất thời vụ rất khẩn trương, có lúc thì lao động rất căng thẳng, nhiều lúc lại nhàn rỗi, cho nên ngay cả nơi bình quân ruộng đất cao lao động nông nghiệp nói chung vẫn chưa được sử dụng hết. Hơn nữa, từ một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật rất bị hạn chế cho nên tiềm năng đất đai tuy nhiều nhưng cũng chưa tập trung lao động để khai thác được.

Nguồn lao động trong nông nghiệp chưa được sử dụng hết. Trong khu vực quốc doanh, nói chung bình quân một lao động mới chỉ làm khoảng 20 – 22 ngày công/tháng. Trong khu vực tập thể lao động được sử dụng không đều nhau giữa các vùng và nói chung mức độ sử dụng còn thấp: vùng đồng bằng mới làm cho hợp tác xã

Digitized by Google

khoảng 250 công/năm, vùng núi khoảng 150 công/năm và ở Nam bộ, nhiều nơi chỉ làm cho hợp tác xã và tập đoàn sản xuất trên dưới 100 ngày công/năm. Kinh tế gia đình phụ thuộc vào điều kiện sản xuất từng vùng, từng nhà cho nên phát triển rất chênh lệch giữa các vùng và giữa các gia đình. Nhìn chung, trong nông thôn hiện nay vẫn thừa lao động, thiếu việc làm. Không những nguồn lao động chưa được sử dụng hết mà lao động đã được sử dụng thì năng suất lao động nói chung còn thấp.

★

Với tình hình nói trên, cộng với sự biến đổi về kinh tế — xã hội từng bước của thời kỳ quá độ (lao động tăng lên hằng năm, cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển, khoa học kỹ thuật nông nghiệp mở rộng v.v.), con đường giải quyết lao động nông nghiệp ở nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phải bảo đảm được *4 yêu cầu* là:

1 — Lao động nông nghiệp không những phải đáp ứng đầy đủ sự phát triển của công nghiệp và các ngành kinh tế khác, mà còn phải thỏa mãn nhu cầu lao động của từng vùng sản xuất nông nghiệp theo các hướng: tập trung lao động vào các vùng thâm canh lương thực, vùng nông sản xuất khẩu, vùng cây công nghiệp, giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, giữa nông — lâm nghiệp và các ngành nghề khác ở nông thôn, giữa lao động sản xuất với bảo vệ Tổ quốc.

2 — Tạo ra bước đi vững chắc về phân bố và sử dụng lao động cho những năm 90, xây dựng các *mô hình mẫu* về tổ chức lao động ở các vùng và các hình thức kinh tế theo hướng *gắn tổ chức sản xuất, cơ cấu kinh tế với việc tổ chức và sử dụng lao động*, mở rộng các hình thức liên kết, liên doanh, tạo ra những hình thức kinh tế cụ thể phù hợp với đặc điểm sản xuất nông nghiệp từng nơi, từng thành phần kinh tế.

3 — Có sự chuyển biến mới về năng suất lao động nông nghiệp, theo chỉ tiêu tổng hợp là: *lao động có nhiều ngày làm việc trong một năm và làm ra số lượng sản phẩm nông nghiệp ngày một tăng, chất lượng sản phẩm ngày càng tốt*; đặc biệt là năng suất lao động phải tăng nhanh ở các vùng chuyên canh xuất khẩu và các vùng thâm canh cao lương thực.

4 — Cải thiện các điều kiện sinh hoạt, làm việc cho người lao động, nâng cao một bước sự phát triển toàn diện của người lao động cả về thể lực, văn hóa, khoa học kỹ thuật và tư tưởng. Đặc biệt phải giải quyết tốt những nhu cầu về bảo hộ lao động, an toàn kỹ thuật, đời sống vật chất và văn hóa cho những ngành nghề sản xuất vất vả, độc hại và vùng biên giới.

Để thực hiện được những yêu cầu trên đây, cần giải quyết tốt các vấn đề về phân bố lao động, tổ chức và sử dụng lao động và đổi mới các công cụ và phương tiện lao động. *Về phân bố lao động*, phải trên cơ sở giải quyết tốt sự phân bố lao động trong nội bộ ngành nông nghiệp, gắn nông nghiệp, lâm nghiệp với các ngành nghề ở nông thôn mà tiến lên, có sự phân bố lao động mới giữa nông nghiệp với công nghiệp theo hướng giảm bớt lao động nông nghiệp để từng bước tăng nhanh lao động cho ngành công nghiệp chuẩn bị cho việc mở rộng sự phân công mới giữa các ngành kinh tế vào sau những năm 2000. *Về tổ chức và sử dụng lao động*, phải trên cơ sở xác định đúng đắn các hình thức tổ chức kinh tế của từng nơi, gắn với cơ cấu kinh tế hợp lý mà có sự tổ chức, phân công lao động phù hợp, tiến lên mở rộng sự hiệp tác và phân công

Digitized by Google

lao động giữa các tổ chức kinh tế trong một vùng và trên toàn lãnh thổ. *Về công cụ*, phải kết hợp thủ công, nửa cơ khí và cơ khí, đặc biệt phải coi trọng công cụ thủ công, kết hợp với công cụ cải tiến và nửa cơ khí để đi lên.

Theo hướng đó, trong 5 năm sắp tới (1986—1990) cần tập trung làm tốt *việc phân bố và sử dụng lực lượng lao động tại chỗ gắn với địa bàn huyện, kết hợp với việc phân bố lại lực lượng lao động nông nghiệp trong cả nước.* Việc phân bố và sử dụng lao động tại chỗ là hướng làm phổ biến ở tất cả các nơi, vừa có điều kiện để làm, vừa đỡ tốn kém, lại đạt hiệu quả kinh tế nhanh. Nó nhằm vào các hướng đầu tư lao động cho việc thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích; đầu tư lao động làm rừng, làm đồi, gắn rừng, đồi với ruộng; đầu tư lao động cho việc phát triển các ngành nghề trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh thực hiện các hình thức liên kết, liên doanh trong sản xuất để mở rộng sự hợp tác và phân công lao động trong ngành nông nghiệp, trên nguyên tắc vừa bảo đảm lợi ích cho người sản xuất, đơn vị sản xuất, vừa củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, vừa tăng cường được sự chỉ đạo của kinh tế Nhà nước. Theo trình độ hiện nay, trong ngành nông nghiệp nên mở rộng các hình thức liên kết như: liên kết trong phương thức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa nông trường với hợp tác xã và nhân dân địa phương; liên kết về vật tư kỹ thuật, liên kết các yếu tố sản xuất để sản xuất giống v.v. Với các hình thức liên kết đó, cần có một tổ chức kinh tế mạnh làm trung tâm và trung tâm thực hiện sự liên kết đó phải là nông trường hoặc trạm trại kỹ thuật của Nhà nước.

Phát huy đến mức cao nhất khả năng lao động của các gia đình, góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta không thể thu hút mọi lao động vào làm việc trong các tổ chức kinh tế quốc doanh và tập thể mà còn phải tạo điều kiện để lao động ở các gia đình đều có công việc làm. Để thật sự phát huy được khả năng lao động của các gia đình, không những chúng ta phải mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết trong sản xuất giữa quốc doanh, tập thể và gia đình, tăng cường hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, đẩy mạnh các hình thức gia công sản xuất và chế biến cho các gia đình trong các cơ sở sản xuất nông nghiệp quốc doanh, tập thể, mà còn phải tạo những điều kiện về giống, cơ sở vật chất, vốn... cho lao động các gia đình tiến hành sản xuất. Tùy tình hình sản xuất cụ thể của từng vùng mà nông trường, hợp tác xã hướng cho lao động gia đình phấn đấu để ngày nào cũng có việc làm.

Nguyễn Tế:

Ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, việc phân bố lại lao động và dân cư giữa các vùng trong nước có vị trí rất quan trọng trong chiến lược kinh tế xã hội vì nó liên quan đến vấn đề phân bố sản xuất, hình thành cơ cấu kinh tế tổng thể của toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như phân công lại lao động xã hội trong quá trình công nghiệp hóa.

Có thể nói, việc phân bố dân cư và lực lượng lao động ở nước ta hiện nay chưa tương xứng với đối tượng lao động và chưa tạo thế sẵn sàng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó cũng chính là một trong những nguyên nhân làm cho nền kinh tế nước ta chậm phát triển. Vì vậy, một nhiệm vụ cấp bách được Đảng ta xác định là: « Sử dụng hết lực lượng *lao động*

Digitized by Google

xã hội; tổ chức và quản lý tốt lao động; phân bố lại lao động giữa các vùng và các ngành trong cả nước nhằm tăng rõ rệt năng suất lao động xã hội» (1).

Trong lịch sử di dân, mở thêm đất canh tác của dân tộc ta, mười năm qua là thời kỳ di dân lớn nhất. Trong khoảng thời gian ngắn và với hoàn cảnh cực kỳ khó khăn phức tạp, chúng ta đã mở thêm được nhiều diện tích đất canh tác, góp phần quan trọng bố trí lại lực lượng lao động, khắc phục được phần nào tình trạng mất cân đối giữa số dân và đối tượng lao động trên phạm vi cả nước.

Trong những năm trước mắt, việc phân bố lại lao động và dân cư, thực hiện phân công lại lao động xã hội diễn ra đồng thời trên cả ba mặt:

— Trên tổng thể nền kinh tế do sự hình thành các ngành kinh tế — kỹ thuật mới.

— Trên các địa bàn lãnh thổ do thay đổi cơ cấu kinh tế trên từng địa bàn.

— Ở đơn vị cơ sở.

Ba mặt của quá trình này tác động tổng hợp lẫn nhau và ảnh hưởng khá lớn đến việc phân bố lại lao động và dân cư trên địa bàn lãnh thổ.

Phân bố lại lao động và dân cư tại chỗ cũng như phân bố lại lao động và dân cư giữa các vùng đất nước, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, phù hợp với tình hình kinh tế — xã hội và yêu cầu cấp bách của nước ta hiện nay là giải quyết việc làm, bố trí lại lao động, dân cư để phát triển sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, tăng cường xuất khẩu và chuẩn bị lực lượng lao động kỹ thuật cho yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn trong chặng đường tiếp theo. Việc phân bố lại lao động tại chỗ, tạo việc làm theo hướng thâm canh tăng vụ, phát triển ngành nghề, nhất là phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn huyện, trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với việc phân bố lại lao động ở từng huyện, từng tỉnh và trên quy mô cả nước.

Việc bố trí lại lực lượng lao động, khắc phục tình trạng mất cân đối giữa số dân và đối tượng lao động trên phạm vi cả nước phải tiến hành trên quy mô lớn; việc phân bố lại lao động và dân cư giữa các vùng trong từng địa phương và trong cả nước, thực hiện liên kết giữa các huyện để phân bố lại lao động bằng sức của nhân dân và sự giúp đỡ của Nhà nước sẽ *diễn ra trong suốt chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ*. Đi đôi với việc phân công lao động tại chỗ, chuẩn bị lực lượng lao động kỹ thuật cho yêu cầu công nghiệp hóa đất nước, cần bố trí lại 10 triệu lao động trên khắp các địa bàn lãnh thổ, giữa các vùng đất nước; định canh, định cư 2 triệu người để đưa đất nông nghiệp và lâm nghiệp từ 15 triệu ha lên 25 triệu ha (10 triệu ha đất nông nghiệp, 15 triệu ha đất lâm nghiệp) vào năm 2000. Nếu phấn đấu đến năm 2000 có được trên 10 triệu ha đất nông nghiệp thì mật độ dân số trên 1 ha đất nông nghiệp vẫn vào khoảng 10 người.

Căn cứ vào nguồn tài nguyên để phát triển công nghiệp thì ở miền Bắc nước ta, việc phát triển công nghiệp nặng với những ngành chuyên môn hóa như than, điện, khai khoáng, thiếc, gang, thép, hóa chất, phân bón, xi măng, cơ khí là hoàn toàn phù hợp. Ở miền Bắc sẽ hình thành các ngành công nghiệp then chốt có tác động sâu sắc đến tình hình phân công lao động xã hội trên tổng thể đất nước, nhưng không cần tập trung đông dân và không cần nhiều lao động

(1) Nghị quyết Đại hội IV. Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 33.

Digitized by Google

như ở các tỉnh miền Nam vì cơ cấu lao động dân số ở miền Bắc theo nhu cầu sẽ không cần nhiều như ở miền Nam. Mặt khác, gắn với chiến lược lương thực và vận tải, việc bố trí dân cư và lao động ở miền Bắc cũng phải cân nhắc để có số lượng thích hợp. Còn ở miền Nam cần sử dụng nhiều lao động hơn miền Bắc vì cần phát triển công nghiệp nhẹ và một số ngành công nghiệp nặng như khai thác bốc xít, dầu khí và làm hóa dầu, cơ khí... và vì đây là vùng lúa lớn.

Các thành phố, thị trấn trong tương lai không chỉ nằm dọc các dòng sông, các điểm đầu mối giao thông ở đồng bằng, mà còn hình thành ở vùng núi. Vùng cao nguyên miền Trung, vùng ven biển và các đảo lớn cũng sẽ trở thành các khu dân cư tập trung dưới dạng đô thị hóa.

Thủ đô Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác như Hải phòng, Đà nẵng, Vinh, Huế, Nam định. Đà lạt, Cần thơ... sẽ phát triển thành những thành phố lớn đông dân, nối liền với nhiều thành phố, thị trấn, các khu công nghiệp.

Cần sớm quy định mạng lưới đô thị của đất nước theo mô hình một nước có công nghiệp, nông nghiệp phát triển, chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường và tạo điều kiện, phương tiện sinh hoạt phù hợp với đà phát triển của khoa học kỹ thuật và của cuộc sống văn minh trong tương lai.

Trong tương lai, với dân số khoảng 100 triệu người, sẽ phân bố khoảng 50 triệu người ở các thành phố, thị trấn và cùng với đà công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, số này sẽ ngày càng tăng thêm và chiếm tỷ trọng lớn trong dân số. Còn nông thôn Việt nam vào thời kỳ đó sẽ hình thành những điểm dân cư tập trung (với số người và thiết kế mặt bằng khác nhau tùy theo dân tộc và tùy theo vùng — đồng bằng, trung du, miền núi...), nhưng phải bảo đảm nguyên tắc thuận tiện về các mặt: đi lại, điện khí hóa, cơ giới hóa và sinh hoạt đô thị hóa... Cơ cấu dân số ở cao nguyên miền Trung, vùng Tây bắc sẽ có thay đổi lớn và trên 2000 đảo lớn nhỏ cũng sẽ là hướng phân bố dân cư. Việc thiết kế mô hình các điểm dân cư (hoặc cụm dân cư) phải phù hợp với từng vùng lãnh thổ, phù hợp với đặc điểm từng dân tộc trong nước và phải dựa vào các yếu tố sau đây: cấu thành kinh tế trên từng cụm không gian, địa lý kinh tế tự nhiên ở cụm không gian, cấu trúc hạ tầng cơ sở, sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa phát triển, đặc điểm sinh học của từng dân tộc...

Tích cực xúc tiến các công tác chuẩn bị cho việc phân bố lại lao động và dân cư trong kế hoạch 5 năm 1986 — 1990 và đến năm 2000.

Trước mắt để chuẩn bị cho kế hoạch 1986 — 1990 mở thêm khoảng 1,5 — 2 triệu ha diện tích đất canh tác nông nghiệp mới, trồng thêm khoảng 3,5 — 4 triệu ha rừng, phân bố lại khoảng 2 triệu lao động đến vùng kinh tế mới, cần đẩy mạnh công tác chuẩn bị địa bàn và dân cư, đồng thời phải làm tốt công tác điều tra cơ bản làm cơ sở cho công tác quy hoạch và chuẩn bị đầu tư. Bên cạnh đó phải làm tốt công tác quy hoạch và thiết kế địa bàn, xây dựng các dự án kế hoạch phân bố lại lao động và dân cư, chú ý những địa bàn trọng điểm như: cao nguyên miền Trung, miền Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu long, và đưa một bộ phận dân cư lên miền núi phía Bắc.

Để thực hiện công tác trên, phải kết hợp xây dựng tổng sơ đồ phân bố lực lượng sản xuất, phân vùng kinh tế lớn của Việt nam, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng kinh tế.

Việc phân bố lại lao động và dân cư trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Digitized by Google

là một nội dung quan trọng của chiến lược kinh tế, quốc phòng và cần được tiến hành theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « trung ương và địa phương cùng làm », để đạt hiệu quả lớn với chi phí ít, hoàn thành được yêu cầu phân bố lại lao động và dân cư trên quy mô lớn.

Thực hiện đúng đắn và đầy đủ nhiệm vụ phân công lại lao động xã hội gắn với tổ chức lại sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, bố trí các điểm dân cư trên các địa bàn lãnh thổ trong phạm vi cả nước theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, sẽ bảo đảm sử dụng tốt nguồn lao động dồi dào của đất nước, khai thác tốt đất đai, rừng, biển... tăng nhanh sản phẩm xã hội và năng suất lao động xã hội, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa và mạng lưới đô thị mới, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, tạo ra khi thế mới để dựng nước và giữ nước trong giai đoạn lịch sử mới.

Hồ Nhật Đán:

Công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nghề cá nước ta thời gian qua đã có những tiến bộ mới. Cho đến nay ở miền Bắc đã có 341 hợp tác xã và 3 tập đoàn sản xuất với 43 890 lao động, chiếm 77,3% lao động nghề cá. Trong đó có 102 hợp tác xã khá chiếm 30% tổng số hợp tác xã. Ở miền Nam, việc cải tạo nghề cá cũng được tiến hành ngay từ năm 1976 và đến nay đã thành lập được 636 hợp tác xã và 1 772 tập đoàn sản xuất bao gồm 76 865 lao động, chiếm khoảng 50% tổng số lao động nghề cá với 11 992 tàu thuyền, chiếm 41,1% tổng số tàu thuyền và chiếm 60,9% số mã lực hiện có...

Thành tựu đó có ý nghĩa quan trọng, giải phóng phần lớn ngư dân khỏi bị bóc lột, đưa họ vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy nhìn chung chúng ta mới bước đầu giải quyết mặt tập trung tư liệu sản xuất, còn các mặt khác chưa được chú ý vì thế công tác cải tạo nghề cá nước ta trong thời gian qua còn tách rời xây dựng, chưa phù hợp với những đặc điểm sản xuất của ngành cũng như các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ...

Chúng ta biết rằng trong cải cách ruộng đất bần cố nông được chia ruộng là có điều kiện sinh sống. Còn ở miền biển, cải cách dân chủ đó chỉ mới xóa bỏ quyền chiếm hữu về khúc sông mặt biển, còn quan hệ bóc lột ngư dân căn bản vẫn chưa được xóa bỏ. Đối với nông dân, ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt, nhưng không thể di chuyển được, còn đối với ngư dân, tư liệu sản xuất của họ là ngư cụ, là lưới, là con thuyền có khả năng di chuyển lớn... Cho nên nếu hình thức, bước đi trong cải tạo không phù hợp, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, thì phản ứng của họ có thể lớn hơn phản ứng của nông dân. Khi bước vào làm ăn tập thể, nông dân góp ruộng đất, tư liệu sản xuất làm của chung... thì vấn đề tập thể hóa ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác trong nông nghiệp là vấn đề quan trọng để chuyển từ lối làm ăn cá thể sang làm ăn tập thể. Còn trong ngư nghiệp, sau khi được giải phóng khỏi ách thực dân, một phần ngư dân được Nhà nước giúp đỡ cho vay vốn, mặt khác có sự đóng góp tự nguyện để mua chung thuyền lưới... cho nên trước khi tập thể hóa tư liệu sản xuất thì nhiều thuyền lưới đã thành của chung. Vì thế khi tập thể hóa nghề cá, việc giải quyết vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất ít khó khăn hơn nông nghiệp. Mặt khác do tập quán làm ăn trên sông trên biển, mặc dù còn quan hệ sản xuất cá thể, trong ngư dân cũng đã tự phát hình thành những hình thức hợp tác giản

Digitized by Google

đơn giữa những người lao động với nhau, hoặc giữa những người thợ bạn với chủ phương tiện cùng đi biển sản xuất trên một con thuyền. Do đó vận động ngư dân vào làm ăn tập thể chắc cũng không gay gắt như vận động người nông dân quen sống « tự túc » « tự cấp » « riêng ruộng » « riêng vườn »... Khi nước nhà thống nhất, vấn đề cải tạo nghề cá có thêm những đặc điểm mới. Ở miền Nam một số ít chủ thuyền là tư sản, còn đại bộ phận chủ thuyền là tiểu chủ trực tiếp lao động sản xuất, tuy có bóc lột ít nhiều nhưng họ thường là những người có kỹ thuật thành thạo, giỏi nghề nghiệp. Trong tiểu chủ cũng có một số ít không tham gia lao động đánh bắt mà chỉ kinh doanh phương tiện để thu sản phẩm. Nhìn chung ngư dân lao động vẫn là lực lượng sản xuất chủ yếu trong nghề cá. Họ có quan hệ trực tiếp với chủ thuyền nhưng là quan hệ bà con họ hàng (ngoài ra cũng có một số người lao động làm thuê)... do đó cách ăn chia có sự « thỏa thuận » với nhau giữa chủ và thợ. *Vì vậy sau khi tập thể hóa tư liệu sản xuất thì thắng lợi của công cuộc cải tạo nghề cá lại phụ thuộc phần lớn vào việc giải quyết mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với tập thể, giữa tập thể với ngư dân; mối quan hệ đó thể hiện tập trung nhất trong chính sách kinh tế của Nhà nước đối với ngư dân, trong cách phân phối giữa ngư dân với tập thể và Nhà nước.* Thời gian qua việc cải tạo nghề cá còn chậm và chưa vững chắc là do chúng ta chưa thấy rõ vấn đề căn bản đó.

Khi bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, trong điều kiện từ một nước có nền kinh tế kém phát triển sản xuất nhỏ là phổ biến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội... thì vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nghề cá không giống các nước có nghề cá đã phát triển ở trình độ cao và đã trải qua chủ nghĩa tư bản. *Cải tạo xã hội chủ nghĩa nghề cá nước ta vì thế chủ yếu là xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, là tìm ra những hình thức tổ chức kinh tế quá độ thích hợp để dắt dẫn ngư dân đi lên chủ nghĩa xã hội. Cùng với vấn đề cải tạo tư sản và những người sản xuất nhỏ trong nghề cá, cần phải sử dụng lực lượng nghề cá quốc doanh đảm nhận những hoạt động sản xuất, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản với phương tiện hiện đại, sản xuất quy mô lớn.* Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nghề cá thời kỳ này tất nhiên chưa phải là ở vị trí sản xuất tuyệt đại bộ phận sản phẩm ngư nghiệp, mà là giúp đỡ về kỹ thuật đối với tập thể và ngư dân, vừa làm tốt nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất kinh doanh vừa cố gắng vươn ra tổ chức bảo đảm một phần công tác dịch vụ quan trọng cho toàn bộ nghề cá nhân dân thông qua các hình thức liên doanh liên kết với tập thể và gia đình, nhằm thu hút họ thành những đơn vị vệ tinh trong quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Nam chúng ta tiếp tục cải tạo nghề cá với hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất (còn hợp tác xã chỉ làm ở những nơi có điều kiện) mà trước hết tập trung vào những nghề chính, nghề có năng suất cao, nghề có giá trị xuất khẩu.

Ở miền Bắc những năm tới nhiệm vụ cải tạo nghề cá là tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Các hợp tác xã ngư nghiệp cần từng bước ổn định phương hướng sản xuất kinh doanh và xác định cơ cấu nghề nghiệp hợp lý, tiến hành kinh doanh tổng hợp, lấy ngư nghiệp làm chính, kết hợp ngư nghiệp với nông — lâm — diêm nghiệp và ngành nghề khác, đồng thời phát triển kinh tế gia đình.

Về quy mô, kết hợp các loại quy mô nhỏ và vừa cho phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và trình độ tổ chức quản lý hiện nay. Tập đoàn sản xuất nên có vào khoảng

Digitized by Google

dưới 30 lao động đánh cá, vài đơn vị thuyền nghề và khoảng 100 tấn sản phẩm hàng hóa. Còn hợp tác xã thì có quy mô lớn hơn tập đoàn một ít, nhưng nếu có trên 150 lao động đánh cá, 10 đơn vị thuyền nghề thì phần nhiều đã khó quản lý. Vì vậy việc xác định quy mô tổ chức, quy mô sản xuất phải phù hợp với nhau và gắn liền với phương hướng sản xuất, cơ cấu nghề nghiệp... Việc cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nghề cá phải gắn ngay từ đầu với chế độ hạch toán kinh tế phục vụ sản xuất kinh doanh, và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, mà hình thức tốt nhất là khoán sản phẩm cuối cùng đến đơn vị thuyền nghề, khoán gọn các khoản phải nộp. Trong phân phối, trước mắt chú ý đến nguyên tắc « cùng có lợi », ăn chia theo lao động kết hợp với chia lãi theo cổ phần đóng vào tập thể.

Đối với một số người làm ăn riêng lẻ, đánh bắt phân tán, các tiểu chủ chưa tham gia tổ chức kinh tế tập thể, cũng cần khuyến khích họ đưa vốn liếng, công cụ, kỹ thuật hợp tác với tập thể hoặc quốc doanh thông qua nhiều hình thức liên kết, liên doanh trên nguyên tắc « cùng có lợi ». Nhà nước có thể vận dụng linh hoạt chính sách đầu tư, giá thu mua và thuế cá để nắm sản phẩm và điều tiết thu nhập. Để tiến hành cải tạo, xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nghề cá, Nhà nước có những chính sách kinh tế cụ thể hơn đối với khu vực kinh tế tập thể về vấn đề cho vay vốn đầu tư, giá cả thu mua thủy sản, giá bán tư liệu sản xuất và thuế nghề cá... tạo điều kiện để các đơn vị sản xuất có thể chủ động sản xuất kinh doanh. Cần cải tiến nội dung hợp đồng kinh tế giữa Nhà nước với các đơn vị sản xuất tập thể và ngư dân, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm sản xuất, giảm được những khó khăn, phiền hà khi tiêu thụ sản phẩm.

Trên đây là một số vấn đề cụ thể cần thực hiện nhằm cải thiện quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với ngư dân mà trước đây chúng ta chưa đạt được. Chỉ khi nào chúng ta làm được tất cả những điều đó, tức là chúng ta tạo được những « vòng khâu » và « cầu nối » vững chắc, gắn chặt lợi ích kinh tế, bảo đảm cuộc sống hiện tại và tương lai của ngư dân với chế độ xã hội chủ nghĩa thì lúc đó công cuộc cải tạo, xây dựng quan hệ sản xuất mới đối với nghề cá ở nước ta mới hoàn toàn thắng lợi.

Vũ Huy Từ :

Việc tổ chức và quản lý sản xuất công nghiệp trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bị chi phối bởi thực trạng sản xuất yếu kém, đặc biệt là công nghiệp nặng chưa đáp ứng yêu cầu cơ bản trang bị kỹ thuật và tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế khác. Vai trò chủ đạo của công nghiệp, nhất là công nghiệp quốc doanh trong nền kinh tế chưa được phát huy rõ rệt. Nông nghiệp chưa đủ sức tạo nguồn nguyên liệu, lương thực và thực phẩm cho sự phát triển của công nghiệp. Đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức và quản lý nền sản xuất công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa cả về số lượng, cơ cấu, năng lực, kiến thức chuyên môn ; số cán bộ được đào tạo có hệ thống chưa được sử dụng, phát huy tác dụng đúng mức. Công tác quản lý còn nhiều yếu kém và mang nặng tính chất tập trung quan liêu bao cấp, đồng thời có biểu hiện phân tán, tùy tiện, vô tổ chức vô kỷ luật ; kế hoạch hóa tập trung quan liêu hình thức, hạch toán kinh tế giả tạo, tách rời kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Do vậy năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh kém

Digitized by Google

Kết hợp kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là một chủ trương lớn và là yêu cầu cấp bách về quản lý kinh tế ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Nó bảo đảm cho xí nghiệp không những hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao mà còn tự trang trải chi phí và có lãi trên cơ sở vận dụng linh hoạt các công cụ giá trị và các quan hệ thị trường.

Trong việc kết hợp kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cần xác định rõ những vấn đề sau đây:

1 — Kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế là hai phạm trù kinh tế riêng có của chủ nghĩa xã hội, đồng thời là hai phương pháp cơ bản của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, có đặc điểm, nội dung riêng, không thể đồng nhất, song có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, trong đó kế hoạch có tác dụng *xác định mục tiêu, định hướng và làm cơ sở không thể thiếu được của hạch toán kinh tế*. Hạch toán kinh tế là tổng hợp các biện pháp sử dụng các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, các đòn bẩy kinh tế, *tạo điều kiện xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động — sản xuất — kinh doanh đạt kết quả tối ưu*. Nếu kế hoạch — sản phẩm trực tiếp của kế hoạch hóa — là công cụ chủ yếu của quản lý, được dùng để tác động trực tiếp đến đối tượng bị quản lý, có tính pháp lệnh, thì hạch toán kinh tế lại bảo đảm kết hợp sự lãnh đạo, quản lý tập trung của Nhà nước và cơ quan cấp trên với phát huy tính chủ động, sáng tạo, mở rộng quyền tự chủ tài chính của đơn vị cơ sở trong sản xuất — kinh doanh, khuyến khích khai thác và sử dụng mọi khả năng tiềm tàng, đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo đảm hoàn thành thắng lợi kế hoạch với chi phí ít nhất.

2 — Kế hoạch hoa và hạch toán kinh tế là những bộ phận hợp thành của cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó kế hoạch hóa là khâu trung tâm, hạch toán kinh tế là một khâu cơ bản có vai trò đặc biệt quan trọng không thể thiếu được. Cần kết hợp kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa không chỉ ở các giai đoạn thực hiện và đánh giá hoàn thành kế hoạch mà *ngay từ khi xây dựng chiến lược phát triển kinh tế — xã hội, lập các bảng dự toán, xác định số hướng dẫn kế hoạch, sơ bộ ký hợp đồng kinh tế, xây dựng và hoàn thiện các hệ thống định mức, tiêu chuẩn, thông tin kinh tế — kỹ thuật cũng như những căn cứ khác cho việc lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch*. Sự kết hợp đó phải được thực hiện không chỉ *trong các đơn vị sản xuất — kinh doanh mà cả trong phạm vi ngành, địa phương và toàn bộ nền kinh tế quốc dân*; không chỉ trong *sản xuất* mà *ở mọi khâu tái sản xuất xã hội*: sản xuất, xây dựng cơ bản, phân phối lưu thông, tiêu dùng. Kế hoạch hóa được kết hợp với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa *đối với mọi yếu tố* (mọi đối tượng kế hoạch hóa) như vật tư, sản phẩm, lao động bằng hiện vật và bằng giá trị. Tất cả các mối quan hệ liên kết kinh tế cũng cần được thực hiện trên cơ sở sự kết hợp này.

3 — Sự gắn liền kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa cần được thực hiện trên cơ sở: *vận dụng đúng đắn, đồng bộ các quy luật kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội*, trong đó, quy luật kinh tế cơ bản là hạt nhân, đóng vai trò định hướng, xác định mục tiêu chung của kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế thông qua quy luật phát triển có kế hoạch và quy luật giá trị. *Quán triệt các nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa*, trước hết là nguyên tắc kết hợp lãnh đạo chính trị với lãnh đạo kinh tế, nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc xác định và tập trung sức giải quyết khâu chủ đạo, nguyên tắc hiệu

Digitized by Google

quả kinh tế và nguyên tắc kết hợp khuyến khích bằng lợi ích vật chất với giáo dục chính trị và tư tưởng. Gắn liền các loại lợi ích cơ bản: xã hội – tập thể – cá nhân người lao động; trung ương – địa phương và cơ sở; lợi ích của đơn vị (cá nhân) ở các khâu: sản xuất – phân phối lưu thông – tiêu dùng.

4 – Do những đặc điểm và điều kiện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với việc thực hiện hạch toán kinh tế là cơ bản và chủ yếu, *cần thiết phải sử dụng những yếu tố hạch toán thương mại* nhằm khuyến khích xí nghiệp tận dụng năng lực sản xuất, lực lượng lao động dư thừa, khai thác, tự cân đối các nguồn vật tư, tạo thêm nhiều sản phẩm cho xã hội, mở rộng liên kết kinh tế. Tuy nhiên, phải hiểu rằng, hạch toán thương mại ở đây khác về cơ bản hạch toán thương mại dưới chủ nghĩa tư bản. Hạch toán thương mại dưới chủ nghĩa xã hội được sử dụng trong điều kiện đã thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, nền kinh tế có kế hoạch, có sự kết hợp hài hòa các loại lợi ích cơ bản, được thực hiện ở mức độ hạn chế dưới sự hướng dẫn và kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (về giá cả, tín dụng ngân hàng, vật tư, lao động, tài chính, tiêu thụ sản phẩm...).

Để bảo đảm kết hợp kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cần:

– Có chính sách đầu tư đúng đắn nhằm tập trung vốn cho những công trình trọng điểm của Nhà nước, chú ý đầu tư phát triển chiều sâu nhằm đồng bộ hóa và tận dụng năng lực sản xuất của các cơ sở hiện có.

– Sắp xếp, tổ chức lại sản xuất trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, trong từng ngành, từng địa phương và cơ sở bao gồm sản xuất, phân phối lưu thông, tiêu dùng, mở rộng liên kết kinh tế (trong và ngoài nước) nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế.

– Cải tiến kế hoạch hóa theo hướng kế hoạch thật sự xây dựng từ cơ sở lên dưới sự hướng dẫn của cấp trên, gắn kế hoạch với thị trường, với hợp đồng kinh tế; tăng cường vận dụng quy luật giá trị và các phạm trù giá trị trong kế hoạch hóa.

– Chấn chỉnh hạch toán kinh tế xí nghiệp và nội bộ xí nghiệp trên cơ sở quán triệt đầy đủ các nguyên tắc hạch toán kinh tế: bảo đảm quyền chủ động trong sản xuất, kinh doanh, quyền tự chủ tài chính, tự trang trải và có lãi của xí nghiệp dưới sự quản lý tập trung thống nhất đúng mức của Nhà nước.

– Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các định mức tiêu dùng vật tư, năng lượng, lao động, vốn...

– Hạch toán đủ và đúng giá thành sản phẩm, loại bỏ các chi phí không hợp lý, không hợp lệ, phấn đấu không ngừng hạ giá thành sản phẩm, khắc phục bù lỗ, tiến tới hòa vốn và có lãi trong sản xuất kinh doanh.

– Tăng cường sử dụng các đòn bẩy kinh tế: lợi nhuận, thuế (thu quốc doanh), tiền lương, tiền thưởng, phạt vật chất... khuyến khích tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Nguyễn Quang Long:

Sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và việc thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội đã được Đại hội V của Đảng vạch ra đòi hỏi phải có nguồn vốn rất lớn về vật tư và tiền tệ, cho nên *tăng cường tích lũy xã hội chủ nghĩa và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng là vấn đề có ý nghĩa quyết định.*

Hiện nay, nước ta *đang thực hiện việc tích lũy ban đầu* để bảo đảm cho

Digitized by Google

nhiệm vụ công nghiệp hóa trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ theo nội dung đã được cụ thể hóa tại Đại hội V của Đảng. Yêu cầu tích lũy to lớn và khẩn trương, nhưng khả năng của nền kinh tế của ta rất hạn chế. Lấy ví dụ: trong kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 — 1980) riêng phần tích lũy qua ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng cơ bản đã tương đương với tổng mức đầu tư cho miền Bắc hơn hai mươi năm kể từ năm 1955 đến năm 1975. Tuy vậy, mức đầu tư ấy chỉ mới bảo đảm được khoảng một nửa chỉ tiêu kế hoạch đề ra, và ngân sách cũng đã phải bội chi năm sau nhiều hơn năm trước. Những năm gần đây mức tích lũy không tăng, nhưng vẫn chưa cân đối được nguồn vốn, tình hình đó đủ nói lên tính chất khó khăn, gay gắt của nhiệm vụ tích lũy vốn trong chặng đường trước mắt. Khó khăn, gay gắt vì vừa phải giải quyết những vấn đề cấp bách về đời sống, vừa phải bảo đảm nhu cầu to lớn và khẩn trương của hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình kinh tế còn thấp kém, sản xuất chưa đủ tiêu dùng, xuất khẩu chưa tương ứng với nhập khẩu, thu chưa đủ chi.

Nói một cách khác, *nền kinh tế chưa tạo được tích lũy nội bộ, nhưng lại có yêu cầu tích lũy tồn lớn và cấp bách.* Mâu thuẫn này chỉ có thể giải quyết trên cơ sở nắm vững đặc điểm của nền sản xuất nhỏ đang từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đánh giá đầy đủ đặc điểm tình hình của nước ta, xác định bước đi thích hợp, có chính sách động viên, khai thác khả năng và thế mạnh của chúng ta, *đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung vốn* để tạo nguồn tích lũy ban đầu cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời để tăng thu nhập, bảo đảm yêu cầu tiêu dùng hợp lý của nhân dân.

Khả năng và thế mạnh của ta lúc này là *lao động, đất đai* và *tài nguyên* thiên nhiên phong phú, năng lực của các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, các cơ sở vật chất kỹ thuật đã có. Để khai thác tốt khả năng và thế mạnh đó, việc có thể và cần làm trong chặng đầu của thời kỳ quá độ là *tập trung sức vào nông nghiệp*, tạo ra lao động thặng dư trong nông nghiệp ngày càng lớn, sản xuất đủ lương thực, nông sản thực phẩm, để vừa bảo đảm nhu cầu tiêu dùng trong nước, vừa tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.

Đi đôi với phát triển mạnh nông nghiệp, cần *ra sức phát triển công nghiệp*, bao gồm *tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp*. Nông nghiệp phát triển vừa tạo điều kiện (về nguyên liệu, lao động, thị trường) vừa đặt ra yêu cầu cho công nghiệp phải đồng thời phát triển. *Nông nghiệp và công nghiệp phát triển trong mối quan hệ kết hợp chặt chẽ với nhau*, chẳng những phục vụ tốt cho tiêu dùng, mà còn tạo nguồn tích lũy, và đây là *nguồn chủ yếu của tích lũy ban đầu cho công nghiệp hóa*. Công nghiệp nặng giữ vị trí ưu tiên trong suốt thời kỳ quá độ. Hiện nay, với khả năng vốn có hạn, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý là hướng công nghiệp nặng chủ yếu và trước hết vào việc thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp nhẹ phát triển, tạo nhanh tích lũy vốn cho bước phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn sau.

Kinh tế phát triển cho phép mở rộng thị trường trong nước và tăng cường mối quan hệ kinh tế với nước ngoài. Tổ chức tốt khâu lưu thông, quản lý chặt chẽ thị trường trong nước kết hợp với cải tiến và tăng cường công tác giá cả, tài chính, tiền tệ, tín dụng nhằm phân phối và phân phối lại đúng đắn, có kế hoạch tổng sản phẩm xã hội và thu nhập

Digitized by Google

quốc dân để tác động tích cực đến sản xuất và đời sống, phục vụ tốt cho chính sách tích lũy và tiêu dùng. Đồng thời trên cơ sở tăng sản xuất hàng xuất khẩu, cải tiến hoạt động ngoại thương, đẩy mạnh xuất khẩu để nhập vật tư, kỹ thuật cần thiết, và thông qua ngoại thương điều tiết thu nhập quốc dân trong nước để tập trung một bộ phận vốn cho tích lũy. Mở rộng tín dụng Nhà nước, tín dụng ngân hàng là những biện pháp có hiệu quả động viên sự đóng góp của nhân dân vào quá trình tích lũy xã hội chủ nghĩa. Tiền viện trợ cho vay của nước ngoài, đặc biệt là của Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa là nguồn bổ sung rất quan trọng cho tích lũy ban đầu của chúng ta.

Yêu cầu tích lũy ban đầu cao, như trên đã nói, đòi hỏi phải *tiết kiệm tiêu dùng*. Tuy vậy, trong giai đoạn đầu tiên của thời kỳ quá độ với những đặc điểm kinh tế — xã hội như ở nước ta, đời sống của nhân dân, nhất là của công nhân viên chức và lực lượng vũ trang, còn gặp nhiều khó khăn, *vấn đề tiêu dùng cần được giải quyết thỏa đáng* để tạo nên sự yên tâm và kích thích tinh thần cố gắng của người lao động. Bảo đảm tiêu dùng hợp lý là điều kiện, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng tích lũy.

Dương nhiên, trong điều kiện kinh tế còn thấp kém như hiện nay, chưa thể có mức tiêu dùng cao. Tiêu dùng không thể vượt quá giới hạn sản xuất cho phép và mức tăng tiêu dùng phải thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động xã hội và tăng thu nhập quốc dân tính theo đầu người, để bảo đảm dành phần tích lũy cần thiết cho tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là trong phạm vi của cải trong nước làm ra, có chính sách *điều hòa, điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư*, phân phối lại đúng đắn để người lao động có thể tái tạo được sức lao động và sống phù hợp với kết quả cống hiến theo nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa, giữ được mối quan hệ công bằng về hưởng thụ giữa các thành viên trong xã hội. Đồng thời, một vấn đề khác cũng được đặt ra là cần xử lý *đúng đắn quan hệ giữa tiêu dùng cá nhân và tiêu dùng xã hội*. Có quan tâm giải quyết tốt vấn đề tiêu dùng cá nhân trong chặng đường này, nhất là trong tình hình đời sống cá nhân còn thấp, thì mới làm tăng tiêu dùng xã hội. Tiêu dùng xã hội tăng là nguồn bổ sung quan trọng vào tiêu dùng cá nhân, là sự thể hiện tính ưu việt của xã hội ta. Phải chăm lo đến cả hai mặt đó, nhưng trong điều kiện quỹ tiêu dùng còn ít, *cần quan tâm nhiều, quan tâm trước đến tiêu dùng cá nhân, nhằm làm cho việc phân phối cho tiêu dùng tác động trực tiếp đến người lao động*, bảo đảm nhu cầu tối thiểu cần thiết để tái sản xuất sức lao động, làm cho họ hăng say lao động, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật và năng suất cao. Tiêu dùng xã hội cần được phát triển cho phù hợp với trình độ của nền kinh tế. Cách xử lý như trên sẽ bảo đảm mức tiêu dùng thỏa đáng và quan hệ hợp lý giữa tiêu dùng cá nhân và tiêu dùng xã hội trong chặng đường hiện nay.

Lưu Văn Đạt:

Về kinh tế đối ngoại trong chặng đường đầu tiên:

Nước ta bước vào thời kỳ quá độ từ trình độ phát triển kinh tế *rất thấp*, từ một nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ còn phổ biến, và có nhiều mặt mất cân đối nghiêm trọng.

Mặc dù cả nước ta đã xây dựng chủ nghĩa xã hội được 10 năm nhưng đến nay, nền sản xuất xã hội chưa vượt được vòng tái sản xuất giản đơn, *chưa bảo đảm được nhu cầu tái sản xuất mở rộng, chưa ổn định được*

Digitized by Google

đời sống của nhân dân, và chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Trong điều kiện đó, dân số lại tăng nhanh và thiên tai xảy ra liên tiếp làm cho những khó khăn về kinh tế vốn đã gay gắt càng thêm gay gắt.

Mặt khác, trong bối cảnh « đất nước ta đang ở trong tình thế đặc biệt là vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với chiến tranh lấn chiếm ở biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ », Đảng và Nhà nước ta buộc phải dành một phần quan trọng nhân, tài, vật lực vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, bài toán cần được giải đáp là:

— Làm thế nào để thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn: năng suất lao động thấp — tích lũy kém; tích lũy kém (đầu tư hạn chế) — năng suất lao động thấp.

— Làm thế nào để vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong khi làm chưa đủ ăn, thu chưa đủ chi, xuất khẩu chưa đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu?

Rõ ràng bài toán nói trên chỉ có thể giải đáp bằng cách *kết hợp các yếu tố bên trong với các yếu tố bên ngoài*, bằng việc *kết hợp tinh thần tự lực tự cường với sự giúp đỡ và hợp tác quốc tế*

Một nền sản xuất nhỏ tự bản thân nó không thể đi lên sản xuất lớn mà không có sự tác động của yếu tố bên ngoài. C. Mác đã phân tích sâu sắc vai trò của ngoại thương và của thị trường thế giới trong việc hình thành chủ nghĩa tư bản.

V. I. Lê-nin cũng chỉ rõ, trong thời đại ngày nay các nước lạc hậu có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội với *điều kiện có sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến*, sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến (V. I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1969, tập 31, tr 295).

Quy luật tích lũy ban đầu ở các nước tiến lên chủ nghĩa xã hội từ nông nghiệp lạc hậu quy định quan hệ kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển khác nhau.

Tất nhiên, nguồn vốn để tạo ra tích lũy ban đầu của chủ nghĩa xã hội ở các nước còn lạc hậu không thể chỉ là sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em mà chủ yếu phải là việc *động viên và khai thác có hiệu quả các tiềm năng nội bộ* và còn là *việc sử dụng khéo léo mọi quan hệ kinh tế đối ngoại.*

Song, bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước còn lạc hậu về kinh tế *phải dựa trên sự giúp đỡ của những nước xã hội chủ nghĩa* phát triển cao hơn, nhất là *trong chặng đường đầu tiên* khi chưa có tích lũy hoặc tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân chưa đáng kể và khi khả năng động viên tiềm năng nội bộ và sử dụng các quan hệ kinh tế đối ngoại còn rất hạn chế. Trong điều kiện đó, *sự giúp đỡ quốc tế*, chủ yếu từ các nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến, *có ý nghĩa quyết định*, và là điều kiện không thể thiếu được để các nước còn lạc hậu về kinh tế tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Phù hợp với luận điểm của Lê-nin và với tính quy luật làm đồng đều trình độ phát triển kinh tế giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa nhờ sự giúp đỡ của Liên xô, nhiều nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội từ một nền công nghiệp lạc hậu. Với sự giúp đỡ của Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, Cộng hòa Cu-ba và Cộng hòa nhân dân Mông cổ đang tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhịp

Digitized by Google

độ nhanh. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng chứng minh sự giúp đỡ to lớn và quý báu của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác là một bảo đảm vững chắc cho việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong thời đại ngày nay, khi có nhiều nước lạc hậu về kinh tế lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, luận điểm của Lê-nin vẫn *giữ nguyên giá trị*. Nhưng chúng ta cần phải tính đến khả năng và giới hạn của những nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến trong lĩnh vực giúp đỡ các nước có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn và phải phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần tự lực tự cường trong việc xây dựng đất nước. Đi đôi với việc tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, chủ yếu sự giúp đỡ trong khuôn khổ hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ đó, tất yếu phải tận lực *động viên và triệt để khai thác các tiềm năng nội bộ* để đẩy mạnh xuất khẩu và phát triển các dịch vụ thu ngoại tệ nhằm đạt các mục tiêu và hoàn thành các nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên.

Với ý nghĩa nói trên, *xuất khẩu* trong giai đoạn hiện nay là *một tiền đề để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* (nghị quyết của Bộ chính trị ngày 17-7-1981) *và ra sức tăng xuất khẩu để nhập khẩu là một nhiệm vụ* có ý nghĩa chiến lược trong toàn Đảng, toàn dân (Văn kiện Đại hội V của Đảng).

Mặt khác, *phải tích cực sử dụng mọi quan hệ kinh tế đối ngoại* nhằm thu hút các tiềm năng về vốn và kỹ thuật từ các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, bằng các hình thức hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật thích hợp, trên cơ sở cùng có lợi.

Do đó, đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng giao lưu hàng hóa và các hình thức hợp tác kinh tế với các nước có chế độ chính trị—kinh tế—xã hội khác nhau là phù hợp với xu thế chung của thời đại ngày nay và hoàn cảnh cụ thể nước ta. Việc đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại phải dựa trên cơ sở tăng cường và củng cố các quan hệ kinh tế—thương mại và khoa học kỹ thuật với Liên xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội thứ V của Đảng coi kết hợp phát triển kinh tế trong nước với mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài là một chính sách lớn về kinh tế, xã hội, công tác kinh tế đối ngoại có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhất là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Đại hội cũng khẳng định *nguyên tắc chiến lược và phương hướng chủ yếu của công tác kinh tế đối ngoại của ta* là mở rộng và tăng cường hợp tác toàn diện với Liên xô, phát triển hợp tác với các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, theo hướng liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, mở rộng hợp tác toàn diện và giúp đỡ lẫn nhau giữa nước ta và hai nước anh em Lào, Cam-pu-chia, đồng thời mở rộng thích đáng quan hệ kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Những quan điểm có cơ sở khoa học nói trên đã được thực tiễn 10 năm qua kiểm nghiệm cần được quán triệt sâu sắc trong chiến lược kinh tế đối ngoại trong suốt thời kỳ quá độ.

Trần Đình Nghiêm :

Sự thống nhất giữa hai mặt kinh tế và xã hội của chặng đường hiện nay trong chiến lược kinh tế — xã hội có ý nghĩa quan trọng và cấp bách. Chúng ta cùng một lúc vừa phải tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất—kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội trên cơ sở nền sản xuất nhỏ còn là chủ yếu, lại bị chiến tranh tàn phá ác

Digitized by Google

liệt trong suốt 30 năm; vừa phải từng bước ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân lao động trong điều kiện nền kinh tế còn mất cân đối lớn về nhiều mặt; đồng thời phải ra sức củng cố lực lượng quốc phòng và thực hiện nghĩa vụ quốc tế, trước hết là với Lào và Cam-pu-chia. Những nhiệm vụ kinh tế được đặt ra hết sức rộng lớn, khó khăn và phức tạp, những nhiệm vụ xã hội đòi hỏi phải thực hiện cũng hết sức toàn diện, cấp bách. Việc hoàn thành những nhiệm vụ ấy trên một mức độ lớn phụ thuộc vào việc kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu, chính sách, biện pháp lớn về kinh tế và xã hội trong chiến lược kinh tế—xã hội.

Kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như thực tiễn cách mạng nước ta trong thời gian qua đã chỉ rõ rằng việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế bao giờ cũng đòi hỏi phải giải quyết những vấn đề xã hội kèm theo và ngược lại việc giải quyết những nhu cầu xã hội về vật chất và tinh thần cũng đòi hỏi phải thực hiện hàng loạt nhiệm vụ kinh tế. Tất cả những vấn đề kinh tế và xã hội nếu không được tính toán và giải quyết kịp thời, đồng bộ sẽ để lại những hậu quả có khi nghiêm trọng và lâu dài.

Kinh tế và xã hội là hai mặt không tách rời nhau của tồn tại xã hội. Tuyệt đối hóa vai trò của nhân tố kinh tế trong đời sống xã hội sẽ làm mất ý nghĩa tích cực của các hoạt động chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, trói buộc hành động và năng lực sáng tạo của con người. Song tuyệt đối hóa vai trò của nhân tố xã hội cũng dễ đưa người ta đến duy ý chí, thoát ly điều kiện hiện thực, làm cho chiến lược phát triển kinh tế—xã hội mang những chuẩn mực, mục tiêu, chính sách xa lạ với điều kiện kinh tế khách quan cho phép.

Chiến lược xây dựng và phát triển kinh tế phải thống nhất với chiến lược xây dựng và phát triển xã hội. Thực chất của sự thống nhất đó là: trên cơ sở trình độ và tốc độ phát triển kinh tế đã và sẽ đạt được trong chặng đường hiện nay, đề ra những phương hướng, mục tiêu, chính sách và biện pháp cơ bản về mặt xã hội để tổ chức và quản lý một cách hợp lý các quan hệ xã hội, các quá trình xã hội theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Suy cho cùng chiến lược kinh tế—xã hội nhằm bảo đảm xây dựng và phát triển toàn diện con người mới với những phẩm chất ưu việt và lối sống xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ phát triển của kinh tế.

★

Sự kết hợp hài hòa giữa mặt kinh tế và mặt xã hội thể hiện các quan niệm phát triển, mục tiêu phát triển, chính sách và biện pháp thực hiện lớn sẽ cho phép chúng ta tối ưu hóa chiến lược kinh tế — xã hội trong chặng đường hiện nay, sử dụng triệt để các tiềm năng tự nhiên và con người, kinh tế và xã hội; từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển và hoàn thiện quan hệ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống quan niệm chiến lược kinh tế — xã hội có thể coi như mô hình khái quát của mỗi thời kỳ lịch sử. Quan niệm phát triển là vấn đề rất quan trọng và là cơ sở cho việc định hướng các mục tiêu, các chính sách và biện pháp phát triển. Hệ thống quan niệm ấy phải thể hiện bản chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế và xã hội của chúng ta. Song trong chặng đường hiện nay có lẽ bộ phận quan trọng nhất của chiến lược kinh tế—xã hội lại là hệ thống các chỉ tiêu tổng quát trên các mặt kinh tế và xã

Digitized by Google

hội. Trên cơ sở của những chỉ tiêu kinh tế có tính chiến lược, chẳng hạn, các chỉ tiêu phát triển về lực lượng sản xuất, về xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất, về trình độ tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân, các chỉ tiêu về trình độ và tốc độ tăng trưởng kinh tế, về tiến bộ khoa học kỹ thuật và áp dụng tiến bộ ấy vào sản xuất, về cơ cấu kinh tế (như cơ cấu ngành, cơ cấu vùng, các tổ hợp kinh tế), phải đề ra được các tiêu chuẩn tương ứng về phát triển xã hội. Mục tiêu cao nhất, chung nhất của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa là thỏa mãn ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, tạo điều kiện cho sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi cá nhân. Tuy nhiên để thực hiện được mục tiêu cao cả đó phải trải qua nhiều chặng đường, nhiều bước đi. Trong chặng đường hiện nay, mức phấn đấu hiện thực thể hiện ở việc bảo đảm những nhu cầu vật chất và văn hóa thiết yếu nhất cho nhân dân lao động, nhất là cho cán bộ, công nhân và lực lượng vũ trang; ở việc bước đầu xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Sự thống nhất giữa kinh tế và xã hội còn thể hiện trong các chính sách, biện pháp cụ thể về kinh tế và xã hội để thực hiện mục tiêu. Trong chặng đường hiện nay, các chính sách và biện pháp phải đồng bộ, phù hợp và tạo điều kiện thúc đẩy lẫn nhau nhằm khai thác tốt nhất, có hiệu quả nhất các nguồn dự trữ của đất nước, các cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn lao động, nguồn tài chính, các kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật), các quan hệ kinh tế đối ngoại, đặc biệt là sử dụng có hiệu quả sự hợp tác, giúp đỡ to lớn và toàn diện của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Ngay cả các truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong sản xuất và sinh hoạt cũng cần được duy trì và tích cực phát huy thông qua các chính sách kinh tế — xã hội thích đáng.

Ở đây việc khơi dậy tinh thần cộng đồng, dân chủ và bình đẳng, tính cần cù, sáng tạo trong lao động, ý chí tự lực, tự cường dân tộc và tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đã bước đầu được xây dựng, sẽ có ý nghĩa to lớn đối với việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Trên những nét lớn, những vấn đề xã hội nóng bỏng cần được ưu tiên giải quyết trong chiến lược kinh tế — xã hội của chặng đường hiện nay là:

Thứ nhất, ổn định và từng bước nâng cao mức sống cho nhân dân lao động, nhất là cán bộ, công nhân và lực lượng vũ trang. Chính sách xã hội biểu hiện ý chí và lợi ích của nhân dân lao động (cả vật chất và tinh thần). Ổn định và nâng cao mức sống của người lao động là mục đích, điều kiện, là yếu tố cơ bản nằm ngay trong quá trình sản xuất. Không quan tâm đầy đủ đến lợi ích vật chất và tinh thần của người lao động sẽ kìm hãm sự phát triển của sản xuất, làm mất động lực thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao chất lượng và hiệu quả lao động.

Thứ hai, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về kinh tế, trước hết là giải quyết quyền có việc làm cho người có sức lao động, đó không chỉ là phương tiện để bảo đảm cuộc sống mà còn là điều kiện bảo đảm cho người lao động trở thành người chủ chân chính của xã hội mới; không chỉ là phương thức để phát triển nhân cách của người lao động mà còn là cơ sở có ý nghĩa quyết định để giải quyết tận gốc những tiêu cực trong xã hội hiện nay; đó không chỉ là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà còn là động lực căn bản để xây dựng thành công xã hội mới. Trong những năm trước mắt,

(Xem tiếp trang 99)

Digitized by Google

LÊ QUANG THÀNH

KẾT HỢP AN NINH VỚI QUỐC PHÒNG TRONG NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

QUA 40 năm đấu tranh trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, khi có chiến tranh cũng như trong hòa bình, Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc quy luật : kẻ thù bên ngoài và kẻ địch bên trong luôn luôn câu kết với nhau để phá hoại cách mạng nước ta. Mối quan hệ giữa an ninh và quốc phòng gắn bó chặt chẽ với nhau và cần được tiếp tục giải quyết tốt để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đều biết, hoạt động tình báo, gián điệp của bọn đế quốc và phản động quốc tế bao giờ cũng phục vụ âm mưu chiến lược của chúng nhằm xâm lược, thôn tính nước ta. Nhưng sẽ là giản đơn nếu cho rằng hoạt động gián điệp chỉ phục vụ cho việc gây chiến tranh xâm lược. *Hoạt động tình báo gián điệp của kẻ địch chẳng những mở đường cho chiến tranh xâm lược, được đẩy mạnh trong quá trình tiến hành chiến tranh, mà còn tiếp tục ráo riết hơn sau khi chiến tranh xâm lược đã thất bại.* Theo quy luật đó, kẻ địch bên ngoài luôn luôn tìm cách móc nối với các lực lượng phản động trong nước, bao gồm các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ nhưng vẫn muốn ngóc đầu dậy và các bọn phản động khác có dã tâm chống phá cách mạng rất dai dẳng, nhằm tăng sức mạnh của chúng, gây khó khăn cho ta cả bên ngoài lẫn bên trong. Vì vậy, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc bao gồm cả hai mặt không tách rời nhau: củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, hoặc như chúng ta thường nói, bao gồm cả chống thù trong, giặc ngoài. Hai mặt đó có thể có vị trí khác nhau trong từng thời kỳ cụ thể. Trong thời bình thì công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đứng hàng đầu. Trong chiến tranh thì công tác quân sự đứng hàng đầu, còn công tác an ninh vừa phải chống gián điệp và phản động, giữ vững hậu phương, vừa phải giúp sức đắc lực cho quân đội đánh địch. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ vấn đề mang tính quy luật đó ngay từ những năm 50:

«Có lúc chiến tranh, có lúc hòa bình. Lúc chiến tranh thì Quân đội đánh giặc, lúc hòa bình thì tập luyện. Còn công an thì phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hòa bình lại càng nhiều việc. Còn chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp bóc lột là còn bọn phá hoại» (1).

Vận dụng tư tưởng đó của Bác Hồ trong tình hình cách mạng nước ta hiện nay, vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với chiến tranh lấn chiếm biên giới và kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung Quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, vừa phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược quy mô lớn nếu địch gây ra, Đảng ta đã chỉ rõ: «*Công tác an ninh cũng như công tác quân sự đều có*

(1) *Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành công an nhân dân Việt nam*. Viện khoa học công an, Bộ nội vụ xuất bản. Hà nội, 1980, tr. 19.

Digitized by Google

nhiệm vụ rất quan trọng để bảo vệ Tổ quốc ».

Đối với nước ta, phương hướng chiến lược của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ là xâm lược, thôn tính nước ta. Chúng ra sức tập hợp các lực lượng phản động từ bên ngoài, áp sát theo nhiều hướng, xâm nhập nội địa, len lỏi vào nội bộ, lợi dụng những mặt tiêu cực trong đời sống kinh tế xã hội và sơ hở, lỏng lẻo của ta trong quản lý kinh tế, xã hội, tư tưởng để dẫy mạnh hoạt động tình báo, gián điệp, móc nối với bọn phản cách mạng trong nội địa, chờ thời cơ thực hiện ý đồ « trong nổi dậy, ngoài đánh vào », gây rối, gây bạo loạn, lật đổ từ bên trong. Trong tình hình hiện nay, khi cuộc đấu tranh giữa hai con đường và cuộc đấu tranh giữa ta với địch đang diễn ra rất phức tạp, quyết liệt và lại quyện chặt với nhau, nội dung nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc không chỉ là củng cố quốc phòng, phòng thủ đất nước, chống xâm lược quân sự từ bên ngoài, mà còn bao gồm một mặt rất quan trọng, nổi lên là giữ vững an ninh. An ninh lúc này không phải chỉ là an ninh chính trị, mà còn là an ninh kinh tế, an ninh xã hội.

Vì vậy, quốc phòng và an ninh càng gắn bó chặt chẽ, thống nhất với nhau làm một trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Kết hợp chặt chẽ an ninh với quốc phòng, quốc phòng với an ninh trở thành một vấn đề chiến lược cực kỳ quan trọng.

★

Mục đích cơ bản của việc kết hợp an ninh với quốc phòng là nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng nhằm bảo đảm nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Cho nên, khi xem xét và giải quyết mối quan hệ đó trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chúng ta cũng cần chú ý tới mối quan hệ đó trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Kết hợp bảo đảm an ninh với củng cố quốc phòng rõ ràng là có ảnh hưởng trực tiếp to lớn đối với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Nói bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ an ninh quốc gia, độc lập, chủ quyền dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, bảo vệ trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền sống và công cuộc lao động sáng tạo của nhân dân các dân tộc Việt nam. Những mục tiêu trên đây được thể hiện thành các chủ trương chiến lược, các kế hoạch bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong từng thời kỳ gắn liền với từng tình huống chiến lược cụ thể. Vì vậy, mục tiêu và nội dung của sự kết hợp giữa an ninh với quốc phòng trong từng tình huống ấy cũng có sự khác nhau. Trong khi luôn luôn nắm vững nguyên tắc kết hợp chặt chẽ an ninh với quốc phòng, chúng ta cần vận dụng nguyên tắc đó cho phù hợp với từng tình huống. Ngay trong một tình huống, sự kết hợp đó cũng không giống nhau trên những địa bàn, những lĩnh vực khác nhau.

Tình hình hiện nay đang đặt ra sự thống nhất, kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược an ninh và chiến lược quốc phòng, bao gồm sự kết hợp giữa chiến lược của cuộc đấu tranh giữ vững an ninh quốc gia và trật tự xã hội với chiến lược chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ; giữa chiến lược an ninh với chiến lược quân sự ; giữa phương thức tiến hành đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự với phương thức tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ; giữa thế trận an ninh với thế

Digitized by Google

trận quốc phòng toàn dân trong thời bình và sử dụng sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh; giữa việc huy động và sử dụng các yếu tố và lực lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng... Tất cả sự kết hợp trên đây phải dựa vững chắc trên cơ sở chiến lược cách mạng trong từng giai đoạn cụ thể. Và đương nhiên phải kết hợp chặt chẽ với các chiến lược kinh tế, văn hóa, xã hội... Sự kết hợp này được thể hiện trong hai tình huống cơ bản:

Trong tình huống bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa khi chưa có chiến tranh quy mô lớn xảy ra. Mục tiêu bao trùm của việc kết hợp trong tình huống này là bảo đảm đất nước luôn luôn trong thế ổn định, vững chắc về an ninh và trật tự xã hội, bảo vệ quyền làm chủ của ta, ngăn ngừa và đẩy lùi âm mưu của địch gây chiến tranh quy mô lớn chống nước ta. Cụ thể là, một mặt, phải giữ vững an ninh quốc gia, trật tự xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; tăng cường công tác chống gián điệp của địch, kịp thời chống địch phá hoại, phát hiện và có biện pháp ngăn ngừa, đẩy lùi âm mưu gây chiến tranh quy mô lớn của địch; bảo đảm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng phát triển trong thế đất nước ngày càng ổn định. Mặt khác, chuẩn bị tốt tất cả các mặt một cách có kế hoạch, để khi có chiến tranh lớn xảy ra có thể nhanh chóng huy động và sử dụng mọi yếu tố, nhất là yếu tố về an ninh, trật tự xã hội, tạo thành ưu thế đánh thắng kẻ thù. An ninh với quốc phòng phải thống nhất trong một kế hoạch chung về phòng thủ đất nước, xây dựng các tuyến chiến lược trong cả nước, các tuyến phòng thủ trên từng địa bàn, trong đó kết hợp chặt chẽ giữa phòng tuyến an ninh với phòng tuyến quân sự.

Trong tình huống bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa khi có chiến tranh quy mô lớn xảy ra. Mục tiêu cơ bản của việc kết hợp trong tình huống này là *nhằm giữ vững an ninh và trật tự xã hội thời chiến, bảo vệ vững chắc quyền làm chủ của ta, hết sức thu hẹp không gian và thời gian chiến tranh, đồng thời sẵn sàng đối phó khi địch mở rộng và kéo dài chiến tranh.* Cụ thể là kết hợp làm một hậu phương với tiền tuyến, vừa giữ vững hậu phương, vừa tăng cường sức mạnh cho tiền tuyến. Kết hợp chặt chẽ giữa các phương thức tác chiến chiến lược của chiến tranh nhân dân với việc trấn áp bọn phản cách mạng, dập tan những mưu mô ngóc đầu dậy của các giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ, trừng trị các hành động phá hoại của địch ở hậu phương và trong nội bộ, trên các lĩnh vực; tăng cường pháp luật và kỷ luật thời chiến, bảo vệ vững chắc các cơ sở kinh tế, quốc phòng, giữ gìn trật tự xã hội, bảo đảm an toàn cho nhân dân. Chuẩn bị tốt mọi yếu tố về an ninh, quân sự và các lĩnh vực khác có liên quan khi chiến tranh kết thúc. Bảo đảm an ninh, trật tự xã hội trong khi giải quyết hậu quả chiến tranh, nhanh chóng đưa đất nước vào thế ổn định. Việc kết hợp an ninh với quốc phòng, quốc phòng với an ninh có nội dung rất rộng, vì bản thân từng lĩnh vực đã mang tính chất hoạt động tổng hợp của nhiều mặt công tác, nhiều mặt của đời sống xã hội. Hình thức và cơ chế kết hợp an ninh với quốc phòng, quốc phòng với an ninh cũng phong phú, đa dạng. Tuy vậy, nếu xét về mục tiêu, nhiệm vụ và những nội dung cơ bản thì kết hợp an ninh với quốc phòng bao gồm những vấn đề chủ yếu sau đây: kết hợp các lực lượng để bảo vệ nội bộ quân đội; bảo vệ tiềm lực vật chất kỹ thuật quốc phòng; ngăn chặn, phát hiện và nghiêm trị kẻ địch chui vào lực lượng vũ trang, làm trong

Digitized by Google

sạch lực lượng vũ trang ngay từ những khâu tuyển quân, lựa chọn sĩ quan, đào tạo cán bộ; kết hợp hoạt động bảo vệ an ninh trong quân đội với an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; kết hợp bảo vệ an ninh với chống xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa trong quân đội...

Trong lịch sử đất nước ta đã có nhiều bài học rất quý báu: các đời Lê, Lý, Trần thời cực thịnh đều nghiêm ngặt bảo vệ bí mật quốc gia, bảo vệ nội bộ quân đội. Đó là một nguyên nhân quan trọng góp phần quyết định bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc, làm nên những chiến công vô cùng oanh liệt trong lịch sử chống xâm lược của ông cha ta. *Binh thư yếu lược* ghi rõ: «Việc của một người không tiết lộ cho hai người; việc làm ngày mai, không tiết lộ hôm nay; suy xét cho kỹ càng, đừng để hở sợi tóc; bí mật ở công việc sợ tiết lộ ra lời nói; bí mật ở lời nói sợ tiết lộ ra nét mặt; bí mật ở nét mặt sợ tiết lộ ở tinh thần; bí mật ở tinh thần sợ tiết lộ trong mê mộng. Có việc làm cần giấu đầu mối; có việc dùng phải cấm không nói» (2). *Binh thư yếu lược* còn nói rõ, không phải chỉ có giáo dục, mà còn có cường bức, kỷ luật, điều lệnh rõ ràng để giữ nghiêm nội bộ, giữ nghiêm quân lệnh, nghiêm cấm mọi quan hệ vô nguyên tắc với địch, với phần tử xấu. Ngày nay, bộ luật hình sự mới của nước ta đã quy định 28 tội xâm phạm an ninh quốc gia, trong đó có những tội đặc biệt nguy hiểm phải chịu mức hình phạt nặng nhất, đồng thời cũng quy định những tội xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, nhằm góp phần quan trọng vào việc củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh.

Những nội dung hoạt động kết hợp an ninh với quốc phòng cần được tiến hành bằng nhiều hình thức, biện pháp, không những trong lĩnh vực công tác an ninh, quốc phòng, mà cả trong các lĩnh vực công tác khác như tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ở những địa phương như vùng biên giới có nhiệm vụ trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh lấn chiếm của địch hoặc khu vực xung yếu có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế, quân sự mà địch có thể tập trung lực lượng để phá hoại, việc kết hợp an ninh với quốc phòng, quốc phòng với an ninh cần nhằm những mục tiêu cụ thể, tiến hành theo kế hoạch và có sự phân công rõ ràng, bằng những biện pháp phù hợp với tình hình cụ thể của từng vùng. Thí dụ, ở khu vực biên giới đang phải chiến đấu chống địch lấn chiếm, kết hợp an ninh với quốc phòng, quốc phòng với an ninh là phải đạt cho được các mục tiêu cụ thể như: làm trong sạch địa bàn; ngăn chặn và đập tan các tổ chức phản động âm mưu gây bạo loạn; củng cố vững chắc các tổ chức Đảng, chính quyền, quân sự, công an địa phương; phát hiện và trừng trị kịp thời các hoạt động gián điệp, thám báo, biệt kích, bảo vệ triệt để bí mật quân sự, cơ sở vật chất kỹ thuật quân sự của các lực lượng vũ trang v.v. Hơn đâu hết, ở đây, sự kết hợp an ninh với quốc phòng đòi hỏi phát huy hơn nữa sức mạnh của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, sức mạnh tổng hợp của các pháo đài quân sự huyện, các đơn vị chiến lược tỉnh. Quân đội và công an nhân dân phải kết hợp với nhau thật chặt chẽ để làm nòng cốt trong các hoạt động bảo vệ an ninh và chiến đấu chống địch lấn chiếm, phá hoại.

*

(2) *Binh thư yếu lược*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1977, tr. 68.

Digitized by Google

Trong từng thời kỳ cách mạng, Đảng ta đã đề ra đường lối đấu tranh bảo đảm an ninh và trật tự xã hội, đường lối quân sự đúng đắn và sáng tạo. Đảng ta cũng đã giải quyết thành công những vấn đề về nghệ thuật lãnh đạo cách mạng, nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, nghệ thuật quân sự. Đường lối và nghệ thuật ấy là một thể thống nhất và là cơ sở chính trị, tư tưởng của sự kết hợp chặt chẽ an ninh với quốc phòng. Đồng thời, nó động viên và tập hợp tất cả các yếu tố, các lực lượng, phát huy nghị lực và sức sáng tạo phi thường của nhân dân, tạo nên sức mạnh to lớn bảo đảm thắng lợi cho công tác quân sự và công tác an ninh.

Thắng lợi của sự kết hợp an ninh với quốc phòng chỉ có thể là *kết quả của việc động viên sức mạnh tổng hợp*, chứ không đơn thuần chỉ là sức mạnh quân sự và sức mạnh an ninh. Đó là sức mạnh của sự liên kết các hình thức đấu tranh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng trong việc thực hiện cả nhiệm vụ an ninh và nhiệm vụ quốc phòng. Sẽ là sai lầm nếu cho rằng, công tác quân sự chỉ đặc trách chống chiến tranh lấn chiếm và chiến tranh quy mô lớn, còn công tác an ninh chỉ đặc trách chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt. Vì chúng ta biết rằng, chiến tranh lấn chiếm biên giới của địch tuy là một phương thức chiến tranh khác thường, nhưng được kết hợp với kiểu chiến tranh phá hoại ngấm ngầm nhiều mặt của địch đối với cả nước ta, nhằm thực hiện âm mưu chung là làm suy yếu, tiến tới thôn tính nước ta. Cho nên, sự kết hợp chặt chẽ giữa an ninh với quốc phòng, giữa đấu tranh chống địch phá hoại với đấu tranh chống chiến tranh lấn chiếm đã được đặt thành nhiệm vụ của cả nước, của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Tuy nhiên, sự kết hợp đó ở mỗi địa phương, mỗi ngành và trong từng thời điểm có thể khác nhau. Quân và dân ở 6 tỉnh biên giới phía Bắc, ở các huyện tuyến một thì phải kết hợp hết sức chặt chẽ hai công tác đó trong hoạt động hằng ngày. Cấp ủy Đảng lãnh đạo tập trung, thống nhất và toàn diện. Ủy ban nhân dân điều hành các ngành, các lực lượng và toàn dân thực hiện thắng lợi kế hoạch kết hợp. Lực lượng công an và lực lượng quân sự địa phương phải có sự hiệp đồng, phối hợp chặt chẽ, làm nòng cốt cho toàn dân đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại và chiến tranh lấn chiếm của địch. Còn các tỉnh phía sau thì sự kết hợp đó là vừa ra sức đẩy mạnh sản xuất, vừa củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời sẵn sàng chiến đấu tốt tại chỗ và ra sức làm tròn nghĩa vụ đối với các tỉnh biên giới.

Digitized by Google

ĐÀM TRUNG PHƯỜNG

QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÀ KIẾN TRÚC NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

XÂY dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa nói chung và xây dựng địa bàn huyện nói riêng — cả về mặt kinh tế và về mặt xã hội — là một vấn đề trọng tâm trong đường lối của Đảng, thu hút sự tham gia của hầu hết các ngành, các cấp và đông đảo nhân dân.

Trong hội nghị khoa học về xây dựng nông thôn, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã nói: « Phát triển nông nghiệp, xây dựng hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa là một vấn đề cực kỳ quan trọng để làm chỗ dựa vững chắc tiến lên xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng đời sống xã hội chủ nghĩa của cả nước... » (1).

Để làm tốt việc này, chúng ta đã lấy huyện làm địa bàn hoạt động. Hiện nay vị trí, chức năng của huyện đã thay đổi. Huyện không chỉ là một đơn vị hành chính, mà còn là một đơn vị kinh tế — xã hội, một đơn vị kế hoạch, ngân sách, một địa bàn phân bố lao động, tổ chức lại sản xuất và đời sống... Việc quy hoạch lại sản xuất, phân bố lại lao động, xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện đang đặt ra nhu cầu phải giải quyết vấn đề *quy hoạch xây dựng hệ thống các cơ sở vật chất kỹ thuật và các khu dân cư nông thôn.*

Thiết kế quy hoạch nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, trước tiên phải nghĩ đến việc kiến thiết lại đồng ruộng và xây dựng hệ thống các cơ sở vật chất kỹ thuật để thúc đẩy sản xuất tiến lên. Đó là hệ thống thủy nông, hệ thống cầu cống, đường sá nội đồng, dải cây phòng hộ... Đó là hệ thống sân phơi, kho tàng, trạm trại kỹ thuật, tổ chức thành các cụm kinh tế kỹ thuật cơ động và hài hòa với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, trình độ quản lý, gắn chặt với trình độ và hình thái phát triển của tổ chức xã hội qua từng thời gian.

Một đòi hỏi mới về nhà ở, về sinh hoạt văn hóa, về giao tiếp, về thay đổi nếp sống, về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đang được đặt ra trong các tầng lớp nông dân lao động. Thỏa mãn đòi hỏi trên, chúng ta cần quy hoạch lại hệ thống cấu trúc hạ tầng xã hội.

Nông thôn cũ với công trình công cộng duy nhất là đình làng, nhà thờ họ, nhà Rông, chợ tổng, chợ huyện... cần được bổ sung một hệ thống công trình lợi ích công cộng mới mang tính xã hội chủ nghĩa như nhà trẻ, nhà mẫu giáo, trường phổ thông cấp I, II và III, bệnh xá, nhà hộ sinh, nhà văn hóa, cửa hàng bách hóa, sân thể dục thể thao, bể bơi... Những bể sinh

(1) « Bài nói chuyện của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng trong hội nghị khoa học xây dựng đô thị nông thôn tháng 9-1980 ». *Chuyên san quy hoạch* (Viện quy hoạch xây dựng đô thị nông thôn, Bộ xây dựng), số 2-1981 ; tr. 1, 2.

Digitized by Google

khí, trạm thủy điện nhỏ cũng cần được xây dựng để đưa ánh sáng tới nông thôn và cung cấp năng lượng cho sản xuất nông nghiệp. Những ngõ cụt của tộc, giáp, họ, những đường mòn ở các bản làng miền núi hoặc đường lớn hơn dẫn tới đình làng, đang cần được mở rộng, thay thế và xây dựng cầu cống để đón các xe cơ giới như máy cày, máy kéo, máy tuốt lúa, máy gặt đập, ô tô các loại và cần được nối tiếp với mạng lưới đường đi xe đạp, tạo điều kiện thuận tiện cho sự đi lại của nhân dân.

Việc thiết kế và tổ chức xây dựng một loạt các công trình đã nêu trên đây, từ các cụm kinh tế kỹ thuật, từ hệ thống đường giao thông, mương máng, kênh rạch, rồi bệnh viện, trường học, nhà trẻ, chợ búa... cho đến tận ngôi nhà và mảnh vườn riêng của mỗi hộ nông dân – đó là chuỗi việc liên hoàn, đồng bộ, được coi như những tế bào của một cơ thể thống nhất, không những chỉ nhằm đáp ứng những mục tiêu kinh tế đơn thuần mà còn nhằm vào những mục tiêu về chính trị, xã hội, tư tưởng và văn hóa. Dáng vẻ hài hòa, đằm ấm, giản dị và nên thơ của nông thôn mới sẽ góp phần không nhỏ vào việc nâng cao tình cảm của người dân đối với xóm làng, với quê hương, đất nước. Đời sống văn hóa, đời sống tinh thần của người nông dân có được nâng cao hay không, một phần cũng phụ thuộc vào việc quy hoạch xây dựng những công trình lợi ích công cộng, những cụm kinh tế kỹ thuật, hệ thống đường giao thông; vào bố cục căn nhà và mảnh vườn của họ.

Nói chung, các yếu tố kinh tế – xã hội, các yếu tố về tư tưởng và thẩm mỹ trong xây dựng nông thôn gắn bó với nhau chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Kiến trúc, nếu thực hiện được đầy đủ sứ mệnh nghề nghiệp của mình, sẽ có thể cùng với các chuyên ngành khác thực hiện tốt việc xây dựng địa bàn huyện, biến đường lối kinh tế, văn hóa của Đảng thành hiện thực tươi đẹp ở nông thôn rộng lớn.

★

Trình tự chung của việc xây dựng ở nông thôn là phải đi từ việc điều tra cơ bản, lập quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, đến việc thiết kế nhà cửa và cảnh quan thiên nhiên, và cuối cùng là việc chỉ đạo để biến các dự định trong thiết kế thành công trình thực tế. Trong quá trình xây dựng đó, người kiến trúc sư phải thấm nhuần những quan điểm như: quan điểm kinh tế trong việc thiết kế, sử dụng đất đai và vật liệu xây dựng; quan điểm thuận tiện cho người sử dụng và quan điểm mỹ thuật.

Nhìn chung, những năm qua, ngành kiến trúc đã tiến hành việc xây dựng nông thôn, mà cụ thể là xây dựng địa bàn huyện một cách đúng hướng và bước đầu đạt được những kết quả tốt.

Chúng ta đã lập quy hoạch và xây dựng nhiều huyện trọng điểm, từ Đông hưng, Thọ xuân, Quỳnh lưu, Nam ninh v.v. trong đợt đầu, đến bảy huyện điểm hiện nay do Trung ương chỉ định. Đó là một công việc to lớn, công phu và đã được rà đi soát lại nhiều lần. Tiếp theo đó là việc quy hoạch tổ chức xây dựng không gian lãnh thổ của địa bàn huyện. Công việc này rất quan trọng vì nó giúp cho việc xác định các hạng mục cần đầu tư xây dựng, xác định các biện pháp thực hiện để đạt các mục tiêu kinh tế – xã hội của huyện. Đặc biệt, chúng ta đã tiến hành quy hoạch xây dựng cụ thể, cải tạo và phát triển các điểm dân cư nông thôn phù hợp với quan hệ sản xuất mới, phù hợp với hướng phát triển kinh tế, xã hội của thôn xã

Digitized by Google

mới, phù hợp với yêu cầu tổ chức môi trường sống cho người nông dân lao động mới.

Với chủ trương phát triển kinh tế vườn, phát triển sản xuất phụ trên lô đất ở của các hộ gia đình, chúng ta đang thiết kế quy hoạch xây dựng những mô hình theo công thức VAC để mỗi lô đất của hộ gia đình trở thành một đơn vị tế bào phát triển của nền kinh tế xã hội làng, bản, có chu trình sinh thái riêng hài hòa với sự vận động của hệ sinh thái quần cư trong khung cảnh của hệ sinh thái tự nhiên bao quanh.

Hiện nay, việc nghiên cứu ứng dụng phương án đưa các cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu như chè, cà phê, cây ăn quả, hồ tiêu, ớt và rau cao cấp, cây thuốc, cây nguyên liệu cho thủ công nghiệp vào lô vườn gia đình như ở Đắc lắc, Gia lai – Kon tum, Lâm đồng, đồng bằng sông Cửu long, Sông bé, Tiền giang, ở các vùng ven đô thị, vùng ven biển, miền núi... đang đem lại những hiệu quả đáng lưu ý. Chủ trương nông lâm kết hợp, đưa cây, rừng về gần làng xóm và các đô thị, thỏa mãn nhu cầu gỗ gia dụng, xây dựng nhà cửa và củi đun cho nhân dân, cũng như việc trồng xen cây lương thực, màu ở những nơi mới trồng rừng, đã có những mô hình rất đáng khích lệ.

Ngoài ra, thiết kế quy hoạch kiến trúc lô đất ở của hộ gia đình nông dân như một đơn vị sinh thái đã được đánh giá cao và đoạt giải thưởng trong kỳ thi quốc tế. Phương án này đang là một gợi ý tốt cho hướng phát triển của xóm làng vùng đồng bằng. Phương hướng xây dựng lô đất ở cho hộ gia đình nông dân của ta còn cần được nghiên cứu áp dụng rộng rãi ở vùng đồi trọc trung du đang cần được phủ xanh hợp lý để tránh thảm họa sa mạc hóa; cho các xóm làng dọc kênh mương vùng trọng điểm lúa đồng bằng sông Cửu long mà sự đi lại chủ yếu là bằng ghe xuồng; cho vùng ven biển đang được trồng rừng chắn cát, cải tạo đất canh tác; hoặc cho vùng biên giới vừa sản xuất vừa chiến đấu.

Về vấn đề này, bước đầu chúng ta đã đạt được một số kết quả đáng kể. Phương án quy hoạch và thiết kế «làng nổi» đã giải quyết được việc xây dựng làng xóm cho những vùng bị ngập thường xuyên ở Đồng tháp mười theo xu hướng sử dụng các tấm vật liệu xây dựng đúc sẵn, lắp nối các căn hộ trên các phao có kích thước mô đuyn hóa, tạo ra khả năng tổ chức làng xóm một cách cơ động, di chuyển được, giải quyết được các trang thiết bị kỹ thuật, điện nước và tổ chức nuôi cá bè dễ dàng. Kiến trúc xây dựng đơn giản và có thể đi vào hướng công nghiệp hóa được. Phương án này đang được tìm cách ứng dụng cho các làng cá, cho vùng trũng của đồng bằng sông Cửu long, cho các xóm nuôi cá bè ở An giang, Tiền giang, Minh hải, Đồng tháp, Kiên giang và một số vùng ở miền Trung. Phương án trên đã được bổ sung hoàn chỉnh để đưa vào ứng dụng cho việc tổ chức các lớp học di động, các cửa hàng bách hóa lưu động trên thuyền, các trạm sửa chữa nhỏ trên sà lan gắn máy. Nhờ vậy, việc giải quyết những yêu cầu dịch vụ đời sống của nhân dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu long đã trở nên đơn giản, thuận lợi hơn rất nhiều.

Vấn đề thiết kế những mô hình nhà ở của nông thôn là một vấn đề cấp bách, đòi hỏi phải giải quyết gấp.

Ở nông thôn, người nông dân tự lo vật liệu và tự xây dựng nhà ở cho mình. Nhà ở nông thôn không chỉ bảo đảm chức năng ở, mà còn bảo đảm cho người nông dân tổ chức sản xuất phụ, tổ chức giỗ, đám,... Hơn thế nữa, bố cục nhà ở không những phải đáp ứng được yêu cầu thuận tiện trong sinh hoạt, mà còn phải phù hợp với

Digitized by Google

các tập quán, truyền thống, đặc thù được thay đổi khi phương thức sản xuất thay đổi và trình độ văn hóa, văn minh của người nông dân lao động mới được nâng cao.

Gần đây, một số kiến trúc sư đã chú trọng đến việc bảo vệ và phát triển các di sản dân tộc, khai thác các kinh nghiệm dân gian ứng dụng cho các vùng địa lý khác nhau, các vùng dân tộc khác nhau và ứng dụng sao cho phù hợp với thói quen và khả năng của nhân dân. Họ đã tập trung nghiên cứu cải tiến nhà sàn của các dân tộc Thái, Tày, Nùng, Mường, nhà của các dân tộc Tây nguyên, nhà đất không nung vùng trung du, nhà khung gỗ vùng đồng bằng sông Hồng, nhà nổi vùng đồng bằng sông Cửu long, nhà kiểu cung đình ở Huế, nhà vùng gió nóng khô ở Nghệ tĩnh.

Những năm qua ta cũng đã nghiên cứu phương án thiết kế nhằm giải quyết việc tổ chức cho ba thế hệ sống chung trong một căn nhà ở. Đây là một hiện tượng thực tế trước mắt còn phổ biến ở nước ta, một vấn đề xã hội phức tạp đang cần được xem xét giải quyết thỏa đáng trong việc xây dựng nhà ở của nông thôn ta hiện nay, đặc biệt là ở Tây nguyên và ở miền núi.

Trong suốt quá trình thực hiện những công việc kể trên đều có sự đóng góp tích cực của nhiều thế hệ kiến trúc sư, từ các kiến trúc sư lão thành cho đến các lớp kiến trúc sư kế tiếp ngày nay. Tuy vậy, tất cả những đóng góp đó, tất cả những gì đã làm được cũng chỉ nên coi là bước đầu. Vấn đề đặt ra là những nhà chuyên môn, những nhà quản lý của ngành kiến trúc cần phải làm gì để phát huy mạnh mẽ hơn nữa, có hiệu quả thiết thực hơn nữa những thuận lợi cơ bản do tổ chức xã hội chủ nghĩa ưu việt mang lại, để thực hiện xuất sắc nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc nông thôn mới.

Trước mắt, chúng ta cần phải giải quyết những vấn đề sau:

Một là, vấn đề cơ chế công tác. Hiện nay tình trạng khá phổ biến là mỗi cơ quan làm một mảng công việc thuộc phạm vi riêng chuyên ngành mình, mỗi địa phương làm theo yêu cầu cục bộ của mình. Từ đó xảy ra sự chồng chéo và đôi lúc là sự cản trở lẫn nhau làm cho kết quả bị hạn chế. Quy hoạch xây dựng là một công tác đòi hỏi phải có sự liên kết của nhiều ngành: chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa và nghệ thuật, vì thế cho nên, muốn quản lý tốt việc xây dựng nhằm thúc đẩy quá trình phát triển của lực lượng sản xuất thì cần có sự tập trung vào một đầu mối, nói cách khác, là cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành, các tổ chức chính quyền địa phương.

Gần đây, những hội thảo khoa học do Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước kết hợp với Bộ quốc phòng tổ chức đã trao đổi nhiều ý kiến thiết thực và bổ ích nhằm xây dựng địa bàn huyện trở thành pháo đài kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm yêu cầu quốc phòng.

Những hội thảo khoa học của các ngành kinh tế kỹ thuật như Ủy ban phân vùng kinh tế trung ương, Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước, Bộ xây dựng, Bộ giao thông, Bộ thủy lợi, Bộ nông nghiệp, Bộ lâm nghiệp... đang tìm cách xây dựng những mô hình địa bàn huyện tổng hợp ở các vùng đặc trưng, mô hình các điểm dân cư cho các nông trường chuyên canh cây công nghiệp, cho các khu kinh tế mới, cho các vùng có dân tộc thiểu số. Các cuộc hội thảo này đã bước đầu đề ra được những phương hướng thống nhất. Tuy nhiên, trên thực tế, cho tới nay, những mô hình tổ chức tốt các điểm dân cư trên địa bàn huyện vẫn cần được nghiên cứu kỹ hơn nữa để bổ sung và hoàn chỉnh.

Digitized by Google

Các kiến trúc sư, kỹ sư tuy có nhiều cố gắng nhưng mới đề xuất được những ý kiến về từng mặt, chưa đáp ứng được yêu cầu quan trọng là xây dựng những mô hình xứng đáng với vị trí mới, với chức năng tổng hợp của địa bàn huyện ; chưa kết hợp hài hòa được việc đáp ứng kịp thời những yêu cầu trước mắt với phương hướng chiến lược phát triển nông thôn trong tương lai.

Hai là, khá nhiều sơ đồ quy hoạch, các mẫu nhà còn nặng về tính lý thuyết, mà ít tính đặc thù của từng địa phương. Nhiều kiến trúc sư, do ít thâm nhập thực tế, do chưa nắm đầy đủ các căn cứ khoa học, xã hội, đã đưa kiểu nhà miền xuôi lên miền núi, đưa kiểu nhà thành thị về nông thôn, đưa kiểu nhà của dân tộc này xây cho dân tộc khác.

Ba là, cán bộ cho xây dựng cơ bản nông thôn hiện nay còn thiếu nhiều. Các cơ sở đào tạo chưa dành sự quan tâm đúng mức cho việc đào tạo kiến trúc sư và các loại cán bộ cần thiết khác phục vụ nhu cầu xây dựng huyện.

Bốn là, vấn đề quản lý, hướng dẫn sử dụng vật liệu xây dựng. Hiện nay ở nông thôn người ta vẫn quan niệm, nhà vững chắc là phải xây dựng bằng gạch ngói, mà ta biết rằng không phải ở đâu cũng sản xuất được gạch ngói một cách dễ dàng. Khai thác đất sét thường làm hỏng mất đất canh tác, và nhiên liệu để nung gạch ngói thì ngày một khan hiếm. Gần đây xuất hiện một xu hướng xây dựng phi truyền thống hơn nữa là thay mái ngói bằng mái bê tông hoặc pa nen đúc sẵn. Nhà xây theo kiểu này tiêu thụ một lượng khá lớn xi măng và sắt thép là những loại vật liệu quý, hiếm chưa đủ cung cấp cho các công trình xây dựng trọng điểm của Nhà nước. Trong khi đó, nếu các viện trung ương, các sở xây dựng tỉnh, các phòng xây dựng huyện kết hợp nghiên cứu tìm ra nguyên liệu, vật liệu sẵn có, thích hợp với đặc thù của từng vùng, và làm tốt công tác hướng dẫn thì tiết kiệm được rất nhiều nguyên liệu, vật liệu. Ta có không ít vật liệu tại chỗ như gạch xỉ, đá xây dựng vùng Quảng ninh, Ninh bình, gạch cát, bê tông đất vùng đồng bằng sông Hồng, đá chẻ vùng Phú khánh, Lâm đồng, lá dừa nước vùng đồng bằng sông Cửu long... Đồng thời, Nhà nước cần có chính sách cụ thể cho từng vùng trong việc cung cấp, quản lý vật liệu xây dựng.

Từ những vấn đề đã nêu ở trên chúng ta thấy rằng : chỉ có sự kết hợp chặt chẽ giữa ngành kiến trúc và các ngành khác, các địa phương, cộng với sự nỗ lực phấn đấu của các cán bộ quản lý cũng như cán bộ chuyên môn trong ngành, và một cơ chế đúng đắn, một chính sách phù hợp, mới giúp cho kiến trúc đóng góp được khả năng tiềm tàng của mình vào công việc có tầm chiến lược của đất nước — xây dựng một nông thôn mới Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Giáo sư tiến sĩ ĐẶNG THU

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

KHI tính toán tới việc xây dựng và phát triển kinh tế lâu dài của đất nước trong thời đại ngày nay, người ta ngày càng chấp nhận tầm quan trọng và tính cấp bách của vấn đề dân số.

Thật vậy, 25 năm trước đây, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Nhưng từ đó đến nay, dân số nước ta vẫn tăng gấp đôi: từ 30 triệu dân (năm 1960) lên 60 triệu dân (năm 1985), trung bình hằng năm tăng 2,8%.

Phụ nữ Việt nam, từ mức sinh đẻ trung bình 6,2 con, đã giảm xuống còn 4,2 con. Có thể phải 20 — 25 năm nữa, phụ nữ cả nước ta mới đạt mức sinh đẻ trung bình 2 con, và như vậy, theo dự báo, dân số Việt nam sẽ khoảng 80 triệu vào năm 2000, và 105—110 triệu vào những năm 2030 rồi mới ngừng tăng.

Ở các nước có số dân tăng nhanh, lương thực tính cho đầu người thường chậm được nâng lên. Năm 1939—1940, khi nước ta mới có 20 triệu dân, bình quân đã là 285 kg lương thực/người/năm. Hiện nay, mới đạt xấp xỉ 300 kg/người/năm.

Ở châu Phi 20 năm qua, trung bình mức tăng dân số cao hơn mức tăng lương thực. Nhờ thành tựu của « cách mạng xanh », 30 năm qua, lương thực của Ấn độ đã tăng được 3 lần nhưng dân số cũng tăng lên 2 lần. Do vậy, hiện nay Ấn độ mới đạt hơn 200 kg lương thực/người/năm.

Trong khi đó, nhiều nước phát triển, dân số tăng rất ít. Mấy chục năm qua, các nước nay đã giải quyết xong vấn đề ăn; họ có 1000 kg lương thực/người/năm, mà phần lớn dành cho chăn nuôi. Liên xô đã có 600—900 kg lương thực/người/năm (có 60 kg thịt ăn/người/năm) nhưng vẫn còn đang phấn đấu để nâng cao mức sống.

Hiện nay 10 người Việt nam mới có 1 héc ta đất trồng trọt. Đất đai có thể gieo trồng lương thực đã sử dụng gần hết. Người ta cũng tính, muốn có thêm một tấn lương thực phải bỏ ra một tấn dầu khí. Thế giới dự báo tương lai số dân Việt nam sẽ lên tới 150 triệu và 25 người Việt nam sẽ phải sống nhờ vào một héc ta đất canh tác.

Vấn đề ăn ở nước ta là một vấn đề rất khó giải quyết. Dù có cách ăn độc đáo thì cũng phải mấy chục năm sau, cũng có thể phải chờ cho số dân giảm xuống, thì ta mới có mức ăn thật đầy đủ.

Vấn đề cọ xát giữa dân số và lương thực đã được các triết gia cổ đại quan tâm: dân số tăng nhanh có thể làm giảm mức sống của đông đảo quần chúng, làm giảm sức sản xuất của người lao động, là nguồn gốc của nghèo khổ và các tệ nạn xã hội.

Từ đầu công nguyên, dân số thế giới đã là 250 triệu người. Nếu dân số tăng đều 0,5% một năm thì hiện nay thế giới phải có 4 000 tỷ người, gấp hơn 800 lần dân số hiện nay. Vì vậy, dù tỷ lệ tăng dân số hằng năm chỉ là 0,5% thì về lâu dài, trái đất cũng không chịu nổi. Ngày nay, nhiều nước đã chủ trương ngừng tăng dân số.

Nước đông dân nhất thế giới hiện nay có 1 060 triệu người, 15 năm trước

Digitized by Google

đây, nước này đã phải khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 con. Hiện nay, phụ nữ cả nước ấy đã đạt mức sinh đẻ 2 con, và riêng ở đô thị, 90% số phụ nữ đã thực hiện sinh đẻ 1 con. Họ hy vọng ngừng tăng dân vào cuối thế kỷ 20 này, ở mức 1,2 tỷ dân; nhưng Liên hợp quốc dự báo họ sẽ ngừng tăng ở mức 1,4 tỷ người.

Ấn độ là nước đông dân thứ hai, hiện nay có 752 triệu dân. Năm 1984, cố thủ tướng Ấn độ In-đi-ra Găng-đi đã nói sẽ sớm tiến tới mục tiêu thôi tăng dân. Ở nước này đang khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ có 2 con. Liên hợp quốc dự báo dân số của Ấn độ sẽ ngừng tăng ở mức 1,6 tỷ người.

Như vậy, từ lúc có chủ trương thôi tăng dân số cho đến lúc thật sự ngừng tăng dân là cả một khoảng cách mấy thế hệ người.

Đông dân ắt sẽ đông lao động. Nước ta hiện nay có 30 triệu người ở độ tuổi lao động, năm 2000 sẽ có 46 triệu lao động. Và vào khoảng năm 2030, khi dân số lên tới 105—110 triệu, thì lúc đó sẽ có khoảng 70 triệu lao động.

Ngày nay, nhờ nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, nhờ ứng dụng các thành tựu của cách mạng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và nhờ sự giúp đỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác mà tốc độ phát triển kinh tế của ta nói chung cao hơn tốc độ tăng dân số, cao hơn tốc độ phát triển kinh tế của các nước đã phát triển khi họ còn ở thế kỷ 19. Tuy nhiên, tốc độ này là chậm so với thời đại.

Dân số tăng nhanh đã làm chậm việc phát triển kinh tế. 122 nước đang phát triển có trên 1 triệu dân vào thời kỳ 1960 — 1970, thì chỉ có 1/3 số nước là có thu nhập quốc dân bình quân đầu người tăng; còn lại là giảm. 72 nước đang phát triển trong thời gian dài hơn, từ 1950 tới 1975, chỉ có 33 nước, chiếm 35% số dân, tăng được tổng sản phẩm quốc dân 2 — 4%/năm, còn 25 nước, chiếm 48% số dân, chỉ tăng được 0 — 2%/năm, trong khi dân số tăng 2 — 3%/năm.

Các nước phát triển ở thế kỷ 19 có kinh tế trung bình tăng 3% năm và có dân số tăng 1%/năm. Giả thiết lúc đó dân số cũng tăng với tốc độ của các nước đang phát triển ngày nay là 3% thì hoặc là phải bỏ mặc cho người dân đói khổ để cứu lấy tốc độ phát triển, hoặc là để nuôi dân thì tiến bộ kinh tế bị triệt tiêu.

Một mô hình đơn giản của phát triển kinh tế là: sản phẩm do 1 lao động tạo ra là hàm số của số vốn tính cho 1 lao động. Vào cuối thế kỷ 18, để lợi dụng được thành quả của cuộc cách mạng kỹ thuật thứ nhất (máy hơi nước) một lao động cần có số vốn là 300 đô la thiết bị. Để phát huy thành quả của cuộc cách mạng kỹ thuật thứ hai (động cơ đốt trong vào nửa cuối thế kỷ 19) một lao động cần 3000 — 5000 đô la thiết bị. Và để lợi dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật từ 1950 trở lại đây, một lao động cần 3 vạn đô la hay 3 vạn rúp thiết bị.

Các nước phát triển ở thế kỷ trước, trung bình hằng năm tích lũy được 8% thu nhập quốc dân; ngày nay họ bỏ ra 20 — 30%, có khi 40% thu nhập quốc dân làm vốn đầu tư để có tốc độ phát triển kinh tế cao. Còn các nước chậm phát triển, có dân số tăng nhanh, thì thường làm không đủ ăn, không có tích lũy hay tích lũy ít, và không có tốc độ phát triển về kinh tế.

Thu nhập quốc dân bình quân đầu người của nước giàu có nhất thế giới hiện nay so với nước chậm phát triển nhất đã chênh lệch nhau 220 lần. Còn của hàng chục nước phát triển nhất so với hàng chục nước chậm phát triển nhất thì chênh lệch nhau 40 — 50 lần. Khoảng cách tuyệt đối này sẽ ngày càng mở rộng, và thế giới ngày càng phân hóa: một bên là những nước đã cơ bản ngừng tăng dân và ngày càng giàu có, bên kia là những

Digitized by Google

nước đang tăng dân, loay hoay với nghèo nàn, lạc hậu.

Về mặt kinh tế, dân số tối ưu là có số dân mà với số dân ấy, đất nước có thể tạo ra mức sản xuất cao nhất tính cho đầu người. Số lao động tối ưu cũng được tính toán như vậy.

Con người là vốn quý, lao động là vốn quý. Nhưng ở nhiều nơi, đôi khi đã thừa dân. Các Mác đã phân tích sự thừa dân ở bộ tộc săn bắn không giống sự thừa dân ở A-ten hay ở nước Đức, rằng các điều kiện của chế độ xã hội chỉ phù hợp với một số lượng dân nhất định; sự co giãn hình thái của các điều kiện sản xuất sẽ xác định số dân.

Thí dụ ở châu Âu, người ta tính nếu 2 lao động nông nghiệp làm 2 héc ta, tạo ra 20 đơn vị sản phẩm tiêu thụ, thì khi có thêm 1 con ngựa, tức là 1 tiến bộ kỹ thuật, thì 1 người sẽ làm được 2 héc ta, nhưng ngựa ăn hết 7 đơn vị sản phẩm. Người thứ hai đến khai thác vùng đồi núi sẽ tạo ra được 5 đơn vị thức ăn, như vậy, mức sống của 2 người đã giảm đi vì chỉ còn 18 đơn vị. Nếu người thứ hai không tồn tại hay đi sang làm ở lĩnh vực khác thì mức sống tăng được từ 10 đến 13 đơn vị sản phẩm. Như vậy, chỉ có tiến bộ đối với một số lượng dân số nào đó. Và tiến bộ kỹ thuật đưa vào lĩnh vực nông nghiệp ở nước đã quá đông dân, ít đất và mức sống thấp, thì chỉ càng làm cho số lượng lao động dư thừa ra mà thôi.

Nhiều nước đang phát triển có tới 30% quỹ thời gian lao động chưa được sử dụng. Ở Việt nam cũng mới sử dụng hết 70% quỹ thời gian lao động. Hiện nay, ta có 20 triệu lao động nông nghiệp, bằng 70% số lao động cả nước, đang canh tác trên 6 triệu héc ta. Với chủ trương « một lao động một héc ta gieo trồng » thì số lao động này dư ra tới khoảng một nửa. Một tiêu chuẩn để xem có thừa lao động hay không là hãy bớt một số lao động ở một lĩnh vực nào đó, nếu lượng sản phẩm làm ra không giảm thì là thừa lao động. Với tiêu chuẩn này thì ngành nào của ta hiện nay cũng thừa lao động, nếu được tổ chức, sắp xếp lại.

Người ta hy vọng trong quá trình phát triển, có thể rút lao động từ nông nghiệp sang làm công nghiệp. Nước Mỹ từ 75% số lao động cả nước làm nông nghiệp (năm 1880) đã giảm xuống còn 8% (năm 1960) và hiện nay là 3%. Còn ở Ấn độ năm 1901 có 72% số lao động làm nông nghiệp, tới 1961 là 73%, và ngày nay vẫn còn gần 70%. Lao động trong công nghiệp ở nhiều nước hiện nay đang giảm xuống, chỉ chiếm 20 – 30% số lao động cả nước. Công nghiệp thu hút kỹ thuật chứ không thu hút lao động. Vì vậy, những nước đông dân, đông lao động sẽ vẫn phải giữ một tỷ lệ cao và lâu dài về lao động trong nông nghiệp. Tỷ lệ 70% số lao động Việt nam làm nông nghiệp sẽ khó lòng giảm xuống, còn con số tuyệt đối làm nông nghiệp thì vẫn tăng.

Có nước phát triển đã dự báo sẽ đưa nhiều kỹ thuật vào công nghiệp và nông nghiệp, tới cuối thế kỷ này, họ chỉ cần sử dụng 10% số lao động vào làm công nghiệp và 1% số lao động vào làm nông nghiệp. Thêm nữa, ngay từ năm 1950, thủy tổ ngành điều khiển học là Vi-ne đã khẳng định, tương lai sẽ dứt khoát không sử dụng người lao động vào các công việc lặp lại.

Trong một thế giới mà tự động hóa, điều khiển học hóa phát triển cao độ, đầy dẫy những người máy, thì đội quân lao động Việt nam 46 triệu vào năm 2 000 và 70 triệu vào năm 2030 sẽ càng là một sức ép nặng nề đối với việc phát triển nền kinh tế – xã hội của đất nước. Tất nhiên, trong đội quân lao động này thì lao động có kỹ thuật, lao động quản lý giỏi là vốn quý.

Về mặt kinh tế, người ta có tính một lao động của nước Pháp năm 1750

Digitized by Google

có giá trị ngang 18 tấn lúa mì (một lao động tạo ra ngần ấy trong cả cuộc đời). Lúc này họ có mức ăn bằng 1/3 nhu cầu sinh lý tối thiểu (nhu cầu sinh lý tối thiểu của một người bằng khoảng 200 — 220 kg lương thực trong một năm). Tới 1911, một lao động đã có giá trị bằng 60 tấn lúa mì. Tính toán sơ bộ cho thấy, một lao động Việt nam hiện nay có giá trị kinh tế bằng 35 tấn lương thực, họ chỉ có thể ăn bằng 2/3 mức nhu cầu sinh lý tối thiểu. Nhưng theo chế độ lương mới thì lương tối thiểu bằng khoảng 1,5 tấn lương thực. Như vậy thì lấy gì để trả lương? Lấy gì để tích lũy? Đó là sức ép cụ thể trước mắt chúng ta.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ tươi đẹp, có cuộc sống ấm no, có năng suất lao động cao, và không thể có chuyện thừa dân, thừa lao động. Nhưng từ lúc xây dựng chủ nghĩa xã hội đến lúc có chủ nghĩa xã hội thật sự, phải có thời gian. Để có cuộc sống no đủ, các nước xã hội chủ nghĩa đã phải phấn đấu liên tục 40 — 60 năm. Để có năng suất lao động cao cũng phải cố gắng 80 — 100 năm. So sánh số lao động làm trong công nghiệp và trong nông nghiệp của Liên xô là 40% và 20% với các con số tương đương của Mỹ là 30% và 3%, ta sẽ thấy điều đó.

Quy luật phát triển dân số của xã hội xã hội chủ nghĩa là sự thống nhất giữa dân số sản xuất và dân số tiêu dùng của xã hội, mọi người có việc làm và có mức sống ngày càng được cải thiện. Nước ta phải phấn đấu 70 — 100 năm và lâu hơn nữa mới đi đến con số tối ưu kinh tế về dân số và lao động.

★

Về mặt kinh tế, việc sinh ra một đứa bé có thể coi như bắt đầu một thời kỳ đầu tư, cần những chi phí cho việc nuôi dưỡng, giáo dục đứa bé, sau đó thì đến giai đoạn sản xuất, cống hiến lại cho gia đình, xã hội, sau nữa là thời kỳ phụ thuộc khi tuổi già. Nếu tất cả những chi phí và cống hiến đó có thể tính được thì ta có thước đo giá trị của một trường hợp sinh đẻ.

Ở gia đình nông dân Mỹ thế kỷ trước, người ta có tính toán kinh tế việc nuôi một trẻ em nô lệ, và thấy rằng nuôi đứa bé lên tới 20 tuổi thì đã hòa vốn. Năm 1975, ở nông thôn Phi-líp-pin cũng thấy nuôi trẻ em lên tới khoảng 18 tuổi là gia đình đã bắt đầu có lãi. Tại nhiều nước khác, trẻ em nông thôn 6 — 8 tuổi đã có đóng góp bằng 40% người lớn, trẻ em 9 — 11 tuổi đóng góp bằng 60%, 12 — 14 tuổi bằng 70% và 15 — 19 tuổi bằng 90 — 100%, riêng nữ ở lứa tuổi này còn cống hiến nhiều hơn 1 người lớn.

Như vậy, ở một nền kinh tế lạc hậu thì cha mẹ nuôi con chỉ vất vả 6 — 7 năm đầu, tới 18 — 19 tuổi chúng đã làm lợi cho gia đình, và sau đó là nơi nương tựa của cha mẹ, nhất là lúc tuổi già sức yếu.

Ở một nước đã đông dân như nước ta hiện nay thì việc sinh thêm một đứa trẻ là một lần lỗ, và việc ngăn ngừa được một trường hợp sinh đẻ là một lần lãi.

Ở một nước có tỷ lệ sinh đẻ cao, mà sau 25 năm, số con sinh ra của một phụ nữ giảm đi được một nửa, thì cái lợi do tránh được một trường hợp sinh đẻ trong 5 năm đầu sẽ bằng thu nhập quốc dân của một người và tới năm thứ 20 — 25 sẽ bằng 2,7 lần thu nhập quốc dân của một người.

Số dân và số lao động nước ta đã vượt mức tối ưu kinh tế quá nhiều. Các thế hệ ông cha đã có tỷ lệ sinh đẻ quá cao, các thế hệ ngày nay phải trả giá. Có thể ta phải khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh đẻ 1 con kéo dài hai thế hệ thì mới mong sớm ngừng tăng dân, ngừng tăng lao động — một mục tiêu khẩn thiết của đất nước.

Digitized by Google

HAI NINH
Nghệ sĩ nhân dân

ĐỀ TÀI CHIẾN TRANH TRONG PHIM TRUYỆN VIỆT NAM

Đề tài chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chiếm một vị trí quan trọng trong phim truyện Việt nam. Nếu xếp những bộ phim Việt nam về đề tài chiến tranh theo thứ tự thời gian xảy ra sự kiện được phản ánh trong phim thì người xem có thể hình dung khá rõ cuộc hành trình vĩ đại, đầy gian khổ, với những đau thương mất mát, những hy sinh to lớn chưa từng thấy của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do. Một chuỗi dài những tác phẩm phim truyện được xây dựng công phu trong suốt 25 năm qua có thể ví như một thiên lịch sử về con người và đất nước Việt nam anh hùng bằng ngôn ngữ điện ảnh.

Từ những bộ phim truyện *Ngày ấy bên sông Lam* nói về phong trào Xô viết Nghệ tĩnh đến *Sao Tháng Tám* phản ánh cuộc Tổng khởi nghĩa mùa thu năm 1945, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, lập nên nước Việt nam dân chủ cộng hòa, tiếp theo đó là những tác phẩm phản ánh cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc vĩ đại của nhân dân ta trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và gần đây là chống bọn bành trướng Bắc kinh, đã thể hiện rất rõ điều đó. Cả mấy chục năm dất nước phải liên tiếp đối đầu với những thế lực xâm lược lớn nhất thời đại, những nghệ sĩ điện ảnh Việt nam đã sống cái hiện thực hào hùng ấy, lao động hết mình, lao động sáng tạo, cố gắng phản ánh cho được chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam, ca ngợi đất nước, con người và sự nghiệp Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam.

Hình tượng những con người Việt nam trong hầu hết các tác phẩm phim truyện về đề tài chiến tranh cũng sáng ngời tinh thần yêu nước, kiên cường bất khuất trước kẻ thù hung bạo, ý chí chống xâm lược giành độc lập tự do cho Tổ quốc mình, giành quyền lựa chọn chế độ xã hội cho dân tộc mình, sự khôn khéo, dũng cảm, mưu trí, tài thao lược, lòng nhân hậu, thủy chung, tiêu biểu cho tâm hồn Việt nam, khí phách Việt nam. Tác động của những hình tượng nhân vật điển hình này nhiều khi vượt ra ngoài biên giới Việt nam để đến với nhân dân thế giới, nhất là nhân dân các nước đang làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh. Thí dụ, chị Tư Hậu trong bộ phim cùng tên rất gần gũi với những người phụ nữ ở các nước bị đặt dưới ách của chủ nghĩa thực dân cũ và mới... Là một phụ nữ nông dân chất phác, hiền dịu, đảm đang việc nhà, chị Tư Hậu chỉ mong được sống một cuộc đời êm ấm trong làng xóm quê hương. Song, điều mơ ước nhỏ nhoi đó cũng bị kẻ thù xâm lược cướp mất. Chúng cướp của, đốt nhà, giết người cha thân yêu của chị và cưỡng hiếp chị, cho nên chị buộc phải cầm súng để tự vệ, để tự giải phóng, để góp phần vào công cuộc giải phóng chung của cả dân tộc, của những người bị áp bức. Điều đó dâu chỉ riêng có ở Việt nam?

Digitized by Google

Trong nhiều tác phẩm khác như *Con chim vành khuyên*, *Người chiến sĩ trẻ*, *Đến hẹn lại lên* (về thời kỳ chống thực dân Pháp), *Chung một dòng sông*, *Nỗi gió*, *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm*, *Đường về quê mẹ*, *Nguyễn Văn Trỗi*, *Cánh đồng hoang*, *Hồi chuông màu da cam*, *Trừng phạt*, *Em bé Hà nội*, *Bao giờ cho đến tháng mười* (về thời kỳ chống Mỹ) và một số phim chống bọn bành trướng Bắc kinh như *Đất mẹ*, *Thị xã trong lòng tay*..., hình tượng con người Việt nam hiện đại được thể hiện đa dạng, phong phú, nhiều màu sắc nhưng đều rộn ràng trong một mạch đập chung của thời đại. Chúng ta có thể thấy điều đó ở hình tượng anh Cù Chính Lan trong bộ phim *Người chiến sĩ trẻ*. Đấy là một con người có thật trong cuộc đời, nhưng khi bước vào nghệ thuật anh đã trở thành một hình tượng nghệ thuật tiêu biểu cho ý chí chống xâm lược, với những nét trữ tình, mang chất thơ và mang một cái tên thật hiền, thật đẹp: « Anh bộ đội cụ Hồ ». Bằng mưu trí và lòng dũng cảm, anh bộ đội Cụ Hồ ấy đã diệt được chiếc xe tăng địch bằng quả lựu đạn của mình. Khi chúng ta có B40, có tên lửa để diệt xe tăng, thì ta thấy chuyện ấy bình thường, nhưng gần nửa thế kỷ trước thì đó là sự chiến thắng tuyệt vời, một sự kiện mà tự bản thân nó làm sáng tỏ một quan điểm cơ bản: vũ khí rất quan trọng, song con người vẫn là yếu tố quyết định trong chiến tranh, các dân tộc nhỏ bị áp bức chỉ có vũ khí thô sơ nhưng có đường lối cách mạng đúng đắn, có tinh thần quyết chiến quyết thắng thì trong thời đại ngày nay, vẫn có thể chiến thắng kẻ thù xâm lược vũ trang đến tận răng bằng vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại.

Hình tượng con người Việt nam anh hùng không chỉ nổi bật lên trong những trận đánh mặt giáp mặt với quân thù, mà ở cả những nơi hoang vắng, tưởng chừng như cô quạnh đơn độc, song vẫn không hề cắt rời mối dây liên hệ với cuộc chiến đấu chung của cả dân tộc. Đó là trường hợp hai vợ chồng anh Ba Đô — nhân vật chính của bộ phim *Cánh đồng hoang*. Để làm nhiệm vụ giao liên cho cách mạng, cái gia đình nho nhỏ gồm có hai vợ chồng với đứa con bé bỏng ẩn náu trong một cái lều làm trên cành cây như một tổ chim nằm giữa Đồng tháp mười mênh mông bát ngát, đã chiến đấu anh dũng phi thường chống máy bay trực thăng của Mỹ. Tính cách nhân vật Ba Đô trong bộ phim *Cánh đồng hoang* mang tính hiện đại ở chỗ, con người Việt nam ở nơi tưởng như hoang dã này lại mang những ước vọng và tư duy của thời đại. Đó là ý chí chống xâm lược. Và, con người Việt nam đó không phải chỉ chiến đấu cho riêng mình, cho riêng dân tộc mình, mà cho cả loài người tiến bộ. Vấn đề mà tác giả đặt ra trong bộ phim, không phải là kẻ thù của chúng ta chỉ nhằm giết đi một vài con người, mà chính là chúng muốn tiêu diệt ý chí của cả một dân tộc, và, nếu điều đó bọn đế quốc làm được ở Việt nam thì chúng có thể làm được ở mọi nơi trên thế giới. Chính vì vậy mà loài người tiến bộ trên toàn thế giới đều coi thắng lợi của nhân dân Việt nam như thắng lợi của chính mình.

Những năm gần đây, những người làm công tác điện ảnh Việt nam đứng trước những thử thách mới. Để tiếp tục phát hiện cho được những nét mới có giá trị về đề tài chiến tranh, các nghệ sĩ điện ảnh Việt nam đã không ngừng tìm tòi sáng tạo.

Nhân vật trong các phim truyện về đề tài chiến tranh trước đây thường được thể hiện một cách trực tiếp ở chiến trường, mặt đối mặt với quân thù. Gần đây, một số tác giả mở rộng đề tài và nhân vật, khai thác cả phía sau lưng địch, trong nội bộ kẻ thù, bi kịch của chính những kẻ « gieo gió ».

Digitized by Google

Nhân vật Phan Nam phi công ngụy trong bộ phim *Hồi chuông màu da cam* đã theo lệnh Mỹ rải chất độc màu da cam xuống quê hương mình, giết hại đồng bào mình, nhưng cuối cùng hắn phải chết thê thảm vì chất độc đó. *Hồi chuông màu da cam* được hoan nghênh nhiệt liệt ở Liên hoan phim Kác-lô-vy Va-ry năm 1984, đạt giải Hoa hồng Li-đi-xê, gần đây lại được chiếu ở Cộng hòa dân chủ Đức và được đánh giá cao vì nó đáp ứng cả nguyện vọng của nhân dân thế giới ngày nay đang chống lại cuộc chiến tranh hóa-học và chiến tranh hạt nhân hủy diệt loài người do bọn đế quốc và bọn phát xít mới mưu toan nhen nhóm. Một sĩ quan ngụy khác, nhân vật chính trong bộ phim *Trừng phạt*, lại được miêu tả trong quá trình sụp đổ tư tưởng phản động của hắn — một tên tay sai của bọn xâm lược Mỹ.

Nếu trong những tác phẩm trước đây, hình tượng người phụ nữ Việt nam anh hùng sáng bừng lên ở tinh thần đấu tranh trực diện với kẻ thù như chị Dịu trong phim *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm*, chị Vân trong phim *Nổi gió*, chị Sứ trong phim *Hòn đất*, thì gần đây, hình tượng người phụ nữ Việt nam ở hậu phương, những người không trực tiếp cầm súng, nhưng đã đóng vai trò quan trọng, góp phần tạo nên thắng lợi vĩ đại của dân tộc, cũng được khắc họa khá rõ nét. Đó là chị Duyên trong phim *Bao giờ cho đến tháng mười*, chị Chiêu trong phim *Đêm miền yên tĩnh*. Những người phụ nữ, những người vợ liệt sĩ ấy đã biết vượt qua mọi nỗi đau riêng để xứng đáng với những người thân đã mất, và thật sự đã tạo nên một sức mạnh không kém những người đang cầm súng ở tiền tuyến.

Nhìn chung, những tác phẩm phim truyện Việt nam về đề tài chiến tranh trong 25 năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ và là niềm tự hào của chúng ta. Song chúng ta chưa thể thỏa mãn với những gì đã đạt được. Nói cho nghiêm khắc thì vẫn chưa có bộ phim nào thật xứng đáng với tầm cỡ cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại của nhân dân ta, chưa có tác phẩm nào ngang tầm thời đại. Bên cạnh những thành tựu, phim truyện về đề tài chiến tranh trong thời gian qua còn không ít nhược điểm và thiếu sót. Chỉ kể một vài phim truyện gần đây: *Khoảnh khắc yên lặng của chiến tranh* đã xây dựng hình tượng người sĩ quan cách mạng có phần thấp hơn tên sĩ quan ngụy. Hình ảnh tên sĩ quan ngụy hầu như choán hết màn ảnh làm cho người xem có cảm giác nó vẫn oai phong lẫm liệt, mặc dù là một kẻ chiến bại. Hơn nữa, trong toàn bộ tác phẩm này, hình ảnh những người lính cách mạng có phần mờ nhạt và bị chìm đi. *Rừng lạnh* đặt ra một tình huống phi lý, khó thuyết phục người xem: Một đơn vị bộ đội có nhiệm vụ đưa một thi hài từ Nam ra Bắc, bị máy bay, biệt kích địch săn đuổi suốt cả cuộc hành trình từ đầu cho đến tận cuối phim v.v.

Đề tài chiến tranh đã có được vị trí xứng đáng của nó trong phim truyện Việt nam, nhưng đi sâu khai thác đề tài này từ trong hiện thực chiến tranh Việt nam, đặc biệt, từ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, vẫn còn là công việc phải tiếp tục lâu dài. «Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn» những người và việc vô cùng anh dũng, oanh liệt trong những cuộc chiến tranh cứu nước và giữ nước vĩ đại của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, hiện nay và cả nhiều chục năm sau nữa vẫn là nhiệm vụ hết sức quan trọng và vẻ vang của văn học nghệ thuật Việt nam nói chung và điện ảnh Việt nam nói riêng. Đây không chỉ là món nợ tinh thần mà chúng ta có nghĩa vụ phải trả cho tất cả những ai, kẻ mất, người còn đã làm nên những chiến công hiển hách

Digitized by Google

đề có ngày nay. Đây cũng không phải chỉ là để giáo dục con cháu ta đời sau và để góp phần tuyên truyền ra thế giới, khẳng định bằng nghệ thuật điện ảnh điều mà nhân dân thế giới đã khẳng định : « Việt nam là bản anh hùng ca của thời đại », là « niềm vinh dự của loài người » trong những ngày chống Mỹ cứu nước. Đây chủ yếu là một yêu cầu trước mắt của cách mạng : đem tinh thần, khí phách, nghị lực, sự tháo vát, óc sáng tạo, niềm lạc quan... tóm lại là chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam trong chiến tranh vào giai đoạn mới của cách mạng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, khi Đảng ta và nhân dân ta đặt nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội lên hàng đầu, chúng ta phải tập trung trước hết vào đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội, vào những người mới, việc mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hôm nay, nhưng điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa là có thể coi nhẹ hoặc có thể yên tâm về việc sáng tác về đề tài chiến tranh, lơi lỏng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Vả chăng, vấn đề bao giờ cũng ở hiệu quả nghệ thuật chứ không phải chỉ ở đề tài.

Làm phim về đề tài chiến tranh, hiện nay có tính cấp bách của nó. Có những người, những cảnh, những vật liệu v.v. không chờ chúng ta được mãi.

Làm phim về đề tài chiến tranh, hiện nay có thêm nhiều điều kiện thuận lợi. Đã có một khoảng cách để nhìn lại các cuộc chiến tranh thì phạm vi đề tài được mở rộng. Chiến tranh được nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau. Những vấn đề của ta, của thù, của bạn đều rõ ràng hơn. Chúng ta lại khuyến khích những sự tìm tòi, sáng tạo mới và mỗi người cũng có nhiều thì giờ hơn để suy nghĩ, tìm tòi và sáng tạo. Song, bất cứ từ góc độ nào và tìm tòi sáng tạo như thế nào, âm hưởng chủ đạo trong các bộ phim về đề tài chiến tranh cũng vẫn phải là chủ nghĩa anh hùng cách mạng tuyệt vời của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Có như thế mới là chân thật, mới là nghệ thuật.

Làm phim về đề tài chiến tranh, hiện nay không chỉ đòi hỏi sự cố gắng phấn đấu của các nghệ sĩ điện ảnh : tác giả kịch bản, đạo diễn, diễn viên, quay phim v.v. mà còn phải có tổ chức và kế hoạch chu đáo, thiết thực.

Cần coi trọng việc đưa kịch bản văn học đi trước một bước, có kế hoạch đề tài lâu dài, mở rộng sự cộng tác chặt chẽ với các nhà văn ngoài ngành điện ảnh, mở các trại sáng tác kịch bản điện ảnh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh chị em sáng tác. Lại cần phải hết sức chú ý tránh lãng phí, thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt, làm cho chất lượng của từng bộ phim tương xứng với tiền của và công sức bỏ ra cho nó, bởi vì những phim về đề tài chiến tranh lâu nay thường đòi hỏi những chi phí rất lớn.

Chúng ta chờ đợi những bộ phim truyện mới về đề tài chiến tranh cứu nước và giữ nước vĩ đại của dân tộc ta, những bộ phim có tầm cỡ thật xứng đáng với chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta, phản ánh được bằng nghệ thuật « bản anh hùng ca của thời đại » và « niềm vinh dự của loài người » vốn đã có sức hấp dẫn đối với nhân dân toàn thế giới, để góp phần giữ mãi lấy « niềm vinh dự » ấy, góp phần cho « bản anh hùng ca » ấy mãi mãi vang truyền.

Digitized by Google

XUÂN KIỀU

NẮM VỮNG ĐƯỜNG LỐI, CỤ THỂ HÓA ĐƯỜNG LỐI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

NẮM vững những quan điểm cơ bản trong đường lối của Đảng, cụ thể hóa đường lối và tổ chức thực hiện đường lối là những vấn đề bức thiết nhất đối với các tổ chức Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên.

Cuốn sách *Thấu suốt hơn nữa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ* của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn do Nhà xuất bản Sự thật xuất bản đã đáp ứng được yêu cầu và sự mong mỏi của nhiều bạn đọc về những vấn đề nói trên.

Tác phẩm này bao gồm một hệ thống những vấn đề có tính quy luật trong quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Sau khi phân tích sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt nam, đồng chí Tổng bí thư nêu rõ những vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế của nước ta. Đồng chí nói: «Chúng ta chỉ có thể hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lịch sử hết sức khó khăn đưa đất nước ta từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bằng cách tạo ra cho được một *lực lượng tổng hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa*» (tr. 24) (+). Nói đến lực lượng tổng hợp của cách mạng là nói đến tính thống nhất và mối quan hệ gắn bó giữa các lực lượng, các yếu tố kinh tế xã hội. Lực lượng tổng hợp bao trùm nhất là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong lĩnh vực kinh tế — xã hội, lực lượng tổng hợp đó là lực lượng của ba cuộc cách mạng, của cả chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Riêng về kinh tế thì lực lượng tổng hợp ấy là sự gắn bó công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu ngay từ đầu, kết hợp hài hòa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, gắn liền phân công lao động và mở rộng thị trường trong nước với phát triển kinh tế đối ngoại, trước hết là với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đường lối của Đảng là một tổng thể hoàn chỉnh trong đó có sự kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu với phương tiện và biện pháp, giữa lực lượng sản

(+) Những đoạn trong ngoặc kép có ghi số trang là trích trong tác phẩm *Thấu suốt hơn nữa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ* của đồng chí Lê Duẩn.

Digitized by Google

xuất với quan hệ sản xuất, giữa cơ sở kinh tế với cấu trúc thượng tầng, giữa kinh tế với quốc phòng v.v. Và, như đồng chí Tổng bí thư đã kết luận, « lực lượng tổng hợp được tạo ra từ sự đồng thời ra đời và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố ấy ». Trước đây, trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mặc dù nước ta nhỏ nhưng do biết tạo ra lực lượng tổng hợp mạnh hơn địch cho nên chúng ta đã đánh thắng chúng. Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tuy phương thức tổ chức và hoạt động có nhiều điều khác hẳn so với chiến tranh, song bài học về phát huy lực lượng tổng hợp vẫn giữ nguyên giá trị.

Làm chủ tập thể của nhân dân lao động vừa là mục đích vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó cũng là yếu tố quan trọng nhất trong lực lượng tổng hợp. Làm chủ tập thể có nội dung hết sức phong phú : làm chủ xã hội, thiên nhiên và bản thân, làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ; làm chủ về kinh tế chính là làm chủ và sử dụng tốt lao động, đất đai và các tư liệu sản xuất khác, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao... Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện bằng cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Làm chủ tập thể phát triển từ thấp đến cao ; nó được thực hiện ngay từ khi chính quyền chuyên chính vô sản được thành lập. Trong mỗi chặng đường của thời kỳ quá độ, làm chủ tập thể có nội dung cụ thể phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Sau khi phân tích một cách sâu sắc vấn đề này, đồng chí Lê Duẩn đã kết luận : « Không thực hiện được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì không thể tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, không thể đưa sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội » (tr. 26).

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Quy luật đó đã được Đảng ta nêu rõ : « Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu » (tr. 29).

Để tiến hành công nghiệp hóa, phải có vốn tích lũy ; đối với chúng ta, cái vốn quý nhất là lao động và năng lực tiềm tàng có thể phát huy ngay là đất đai (kể cả rừng và biển) và ngành, nghề (bao gồm nghề phụ ở nông thôn, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp...). Động lực mạnh nhất của chúng ta là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể cho phép kết hợp lao động với đất đai và mở mang ngành, nghề, sớm tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn bảo đảm nhu cầu tích lũy và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân.

Để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phải phát triển mạnh nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, đồng thời phải hết sức chú trọng xây dựng một số công trình công nghiệp nặng then chốt : điện, than, dầu khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng, đặc biệt là cơ khí. Vì như V.I. Lê-nin đã nói, cơ sở vật chất — kỹ thuật duy nhất của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí hóa.

Từ sự phân tích sâu sắc và toàn diện những vấn đề trên, đồng chí Lê Duẩn kết luận : « Hai vấn đề cốt lõi của đường lối là làm chủ tập thể và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Có thể coi đó là quy luật » (tr. 22—23).

Vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương là một bộ phận trong đường lối kinh tế của Đảng, thể hiện quy luật tiến thẳng

Digitized by Google

từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương có mối quan hệ khăng khít với nhau và đều nằm trong một cơ cấu kinh tế công—nông nghiệp thống nhất của cả nước. Kinh tế trung ương là xương sống của nền kinh tế quốc dân, có tầm quan trọng sống còn đối với kinh tế cả nước. Kinh tế địa phương là điều kiện để bảo đảm đời sống của nhân dân tại chỗ, đồng thời góp sức xây dựng kinh tế trung ương.

Nói đến kinh tế trung ương là nói đến các ngành kinh tế—kỹ thuật; sự phát triển của các ngành này có tác dụng chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí, tạo ra máy móc công cụ và vật liệu mới, thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác hóa và liên hiệp sản xuất, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tạo ra chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Nói đến kinh tế địa phương là nói đến vai trò cực kỳ quan trọng của nó trong việc sử dụng lao động, đất đai và mở mang ngành nghề, trong việc gắn bó ngay từ đầu nông nghiệp với công nghiệp thành một cơ cấu, trong việc liên kết các thành phần kinh tế, kết hợp kinh tế với quốc phòng v.v. Sau khi phân tích vị trí và vai trò của kinh tế địa phương, đồng chí Tổng bí thư kết luận: «Kinh tế địa phương là địa bàn quan trọng quy tụ cả ba cấp làm chủ tập thể, cả sức mạnh từ cơ sở vươn lên, sức mạnh từ trung ương tỏa về, và sức mạnh bung ra ngay tại chỗ» (tr. 32). Và địa bàn quan trọng để thực hiện sự kết hợp kinh tế trung ương và kinh tế địa phương là huyện, vì: Địa bàn kinh tế huyện dính liền với các hợp tác xã, nằm trong cơ cấu kinh tế tỉnh, thành phố và gắn bó chặt chẽ với các ngành kinh tế—kỹ thuật của cả nước». Và «Chỉ có thông qua huyện, trung ương mới nắm được và kết hợp được lao động với đất đai» (tr. 32—33).

Phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân là một quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Quy luật này chi phối toàn bộ quá trình tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để vận dụng quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối sát hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, «nhất thiết phải thực hiện ba cấp kế hoạch cả nước, địa phương và cơ sở». Chúng ta rất coi trọng cấp kế hoạch cả nước vì đó là ưu thế của chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng rất coi trọng kế hoạch cấp cơ sở và cấp địa phương vì đấy là sự quán triệt trong kế hoạch hóa chế độ làm chủ tập thể trên ba cấp cơ bản. Kế hoạch hóa phải gắn liền với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; gắn kế hoạch sản xuất với kế hoạch tài chính, vận dụng tốt các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, các quan hệ thị trường. Trong điều kiện nước ta, quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối được vận dụng «ngay từ đầu của quá trình tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vì đã xác lập chế độ làm chủ tập thể, cho nên phải tuân thủ quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối» (tr. 34).

Ngoài những vấn đề đã nêu trên, hai vấn đề có tính quy luật khác như: mở rộng hợp tác quốc tế và phát triển khoa học kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến, đã được đồng chí Tổng bí thư phân tích sâu sắc trong tác phẩm này.

Trên cơ sở nắm vững những quan điểm cơ bản của Đảng, chúng ta mới có thể cụ thể hóa và chấp hành đường lối của Đảng một cách đúng đắn. Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn chỉ rõ: «Cụ thể hóa đường lối của Đảng trong chặng đường đầu tiên hiện nay, kể từ khi cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, hoàn toàn không phải là đặt

Digitized by Google

ra một đường lối nào khác, ngoài đường lối chung và đường lối kinh tế » (tr. 39). Chúng ta bác bỏ quan điểm cho rằng, đường lối của Đảng chỉ đúng cho thời gian dài, còn hiện tại thì chưa thích hợp, do đó phải xác định một đường lối cụ thể khác với đường lối chung. Cách đặt vấn đề như vậy là không đúng, không khoa học vì như trên đã nói, đường lối của Đảng là một thể thống nhất và hoàn chỉnh, được thực hiện ở tất cả các giai đoạn của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vấn đề quan trọng là mỗi tổ chức Đảng, mỗi cán bộ đảng viên phải nắm vững nội dung cụ thể hóa đường lối. Về cụ thể hóa đường lối kinh tế, đồng chí Tổng bí thư đã chỉ rõ mấy nội dung chính sau đây:

Hoàn toàn phù hợp với đường lối chung và đường lối kinh tế, căn cứ vào đường lối ấy và nhằm thực hiện đường lối ấy:

– Phải vạch ra chiến lược kinh tế – xã hội cho từng chặng đường của thời kỳ quá độ (bao gồm hệ thống các mục tiêu và biện pháp thực hiện các mục tiêu).

– Phải vạch ra chiến lược xây dựng, cải tạo và phát triển của từng ngành kinh tế, trước hết là những ngành quan trọng, có vị trí hàng đầu hoặc có vai trò then chốt.

– Phải vạch ra hệ thống quản lý kinh tế – xã hội đúng đắn, bao gồm các bộ phận hợp thành và hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh, chế độ kế hoạch hóa, các chính sách đòn bẩy, chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý và chế độ làm việc.

Sau khi đã có đường lối đúng rồi thì công tác quản lý và tổ chức thực hiện đường lối giữ vai trò cực kỳ quan trọng; ở mức độ khá lớn công tác đó có thể quyết định vận mệnh của bản thân đường lối. Việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng phụ thuộc vào những nhân tố sau đây:

– Ý chí chiến đấu cách mạng, tinh thần hăng hái vươn lên, không ngại khó, ngại khổ, đi đôi với ý thức tổ chức, kỷ luật, thái độ nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng.

– Thiết lập cho được cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý thành một hệ thống có sức mạnh tổng hợp to lớn.

– Có một chế độ làm việc thật sự cách mạng và khoa học, về chuẩn bị quyết định, ra quyết định và thực hiện quyết định.

Từ sự phân tích khoa học những nội dung cơ bản của việc cụ thể hóa đường lối và tổ chức thực hiện, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã chỉ rõ những khuyết điểm về cụ thể hóa đường lối và tổ chức thực hiện đường lối trong thời gian qua như: chủ quan nóng vội và bảo thủ, trì trệ; chấp hành chưa tốt, chưa đúng đường lối của Đảng, tổ chức và chỉ đạo thực hiện đường lối chưa có hiệu lực, chưa sắc bén v.v.

Để khắc phục những khuyết điểm nói trên, « Điều quan trọng bậc nhất là phải tạo ra cho kỳ được sự chuyển biến thật sự của Đảng, kiên quyết xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực trong Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu, có năng lực lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ mới, giữ vững được lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là sự đòi hỏi bức thiết của cách mạng hiện nay » (tr. 50).

Tác phẩm *Thấu suốt hơn nữa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ* bao gồm một hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn sâu sắc. Tác phẩm này của đồng chí Tổng bí thư góp phần quan trọng vào việc nâng cao hơn nữa trình độ nhận thức lý luận và năng lực tổ chức thực hiện cho toàn thể cán bộ đảng viên.

Digitized by Google

Hơn thiệt

MẤY năm gần đây, tư tưởng suy bì hơn thiệt phát triển khá phổ biến trong cán bộ, đảng viên ta, kể cả trong một số cán bộ trung, cao cấp. Người làm ở ngành này suy tỵ với người làm ở ngành kia, người công tác ở địa phương này, lĩnh vực này cảm thấy mình thiệt thòi hơn người công tác ở địa phương khác, lĩnh vực khác.

Chẳng thế mà đã có những đồng chí cấp ủy tỉnh day dứt: nếu mình không chuyển sang công tác Đảng, cứ làm chuyên môn, đi sâu vào khoa học, cũng có thể mình cũ học vị như ai mà lại nhàn (!) Trong khi đó có những vị giáo sư lại so sánh: làm giáo sư không sướng bằng anh cấp ủy địa phương, vừa có chức tước vừa có quyền thế, mà bổng lộc lại nhiều (!) Một đồng chí công tác ở miền Bắc nói: giá từ hồi 75, mình xin ngay vào Nam thì đời sống bây giờ khấm khá hơn. Nhưng một đồng chí cán bộ người miền Bắc đã vào Nam lại nghĩ khác: giá mình cứ công tác ở nơi cũ có sẵn quan hệ rộng rãi, đường công danh chắc thuận hơn nhiều! Có khá nhiều đồng chí cứ đến kỳ xếp lương là thắc mắc: vì sao tôi chỉ được thế này trong khi anh X ở cơ quan nọ cũng xuất phát như tôi lại hơn tôi đến mấy bậc lương...

Cứ theo kiểu như thế, người ở ngành giáo dục cho người ở ngành thương nghiệp «bở ăn», người ở ngành thương nghiệp cho người làm ngoại giao «vớ hẩm», bộ phận làm hành chính cho bộ phận sản xuất «dễ kiếm chác», trong khi bộ phận sản xuất lại nghĩ bộ phận hành chính «mưa không đến mặt, nắng chẳng tới đầu, làm chơi ăn thật». Người già cho là mình bị «bạc đãi», anh trẻ nghĩ rằng mình «có tài mà không được trọng dụng». Ai cũng cảm thấy mình là «xấu số», «hẩm hiu», mình bị thiệt thòi, còn người khác thì «gặp may», «được đủ thứ». Từ đó người ta ấm ức hoặc ngậm ngùi, tự giày vò mình hoặc oán trách lung tung, dẫn đến những cách nghĩ và cách làm tiêu cực, có hại cho sự nghiệp chung của Đảng.

Người có tư tưởng suy bì thường kém ý chí phấn đấu, không yên tâm công tác, đứng núi này trông núi nọ, quẩn quanh với những thắc mắc thiệt hơn, sinh ra thụ động, bất mãn, nhìn đâu cũng thấy bất công, không tin tưởng vào Đảng, vào chế độ mới. Họ không phát huy hết tài năng của mình, làm việc thụ động, cầm chừng, không lấy sự cống hiến làm trọng, mà lấy sự đãi ngộ, sự hưởng thụ làm tiêu chuẩn duy nhất; họ dành nhiều sức lực cho những thủ đoạn kiếm chác, đến mức sẵn sàng hy sinh cả sở trường. Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng gây mất đoàn kết nội bộ, làm giảm sức mạnh của tổ chức.

Về khách quan, có thể thấy nguồn gốc sâu xa của thói xấu đó từ trong nền sản xuất nhỏ. Lê-nin đã nói «đạo đức tiểu tư hữu: «tôi chỉ biết phần tôi» (1), và Lê-nin coi tính phóng túng

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 249.

Digitized by Google

tiểu tư sản, xu hướng vô chính phủ và đạo đức tiểu tư hữu cũng là một nguy cơ phục hồi chế độ bóc lột của giai cấp tư sản. Người có óc tư hữu nhỏ lấy lợi ích của bản thân mình làm tiêu chuẩn để đánh giá sự phân phối, lấy lao động của mình làm đơn vị đo lường. Trong hoàn cảnh sản xuất nhỏ còn phổ biến như nước ta, thực tế cũng khó mà có thể tiến hành việc phân phối, đãi ngộ cho thật công bằng, hợp lý. Mặt khác, do cách quản lý kinh tế của ta còn lỏng lẻo, để cho bọn gian thương thu nhập cao hơn người lao động chân chính, hoặc do một số chính sách có thiếu sót, có những cái rõ ràng là không hợp lý, cũng làm cho tư tưởng suy bì có cơ sở khách quan để phát triển, dẫn đến hiện tượng có những cá nhân, những đơn vị chạy theo lợi ích riêng mà quên lợi ích chung của xã hội, của Nhà nước.

Nhưng dù trong tình huống nào, một biểu hiện lệch lạc về đạo đức của cán bộ, đảng viên, — những người có trách nhiệm đi tiên phong — đều có nguyên nhân trực tiếp từ trình độ giác ngộ chính trị và rèn luyện đạo đức của bản thân người đó.

Nhiều đồng chí do không có phương pháp tư tưởng đúng, không có cách suy nghĩ đúng cho nên nhìn sự việc mất tính khách quan, chỉ thấy khó khăn hoặc sự « không may » của mình mà không thấy khó khăn và sự gian khổ của người khác; lúc nào cũng nghĩ rằng người khác thua kém mình nhưng lại được hưởng thụ hơn mình, chỉ có bản thân mình chịu « thiệt đơn thiệt kép ». Một số người chưa thấy hết đặc điểm của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội với sự đan chéo của nhiều hiện tượng kinh tế — xã hội khác nhau cùng những quan hệ sản xuất và các quy luật đặc thù vốn có của chúng, cho nên còn có nhiều kiểu phân phối khác nhau, chưa thật đúng với nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Nhưng cũng có người mang nặng tư tưởng bình quân chủ nghĩa, không thấy rõ cần phải phân phối theo lao động, cho nên hễ cứ thấy người khác có mức lương hơn mình, được hưởng thụ hơn mình là bứt rứt không chịu được.

Trong hoàn cảnh hiện nay của cách mạng nước ta, việc phân phối, đãi ngộ phải dựa trên sự xem xét nhiều yếu tố, nhất là chúng ta từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, vừa xây dựng đất nước, vừa phải tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ đất nước, việc phân phối càng có nhiều hạn chế. Cách phân phối, mức phân phối một phần còn tùy thuộc vào thiên nhiên, một phần lại phải tính đến chính sách xã hội. Nguồn phân phối lại rất thấp và ít nhiều dựa vào viện trợ của các nước bạn. Tình hình đó chưa cho phép chúng ta phân phối một cách thật công bằng hợp lý. Một đồng chí cán bộ khoa học suy bì với một đồng chí cán bộ quân đội được lương cao hơn thì cũng vô lý như một đồng chí cán bộ quân đội nào đó lại suy bì với nhà khoa học ít vất vả hơn.

Đương nhiên, phải nhận rằng hiện nay ở nhiều nơi, nhiều khâu công tác chúng ta chưa làm tốt việc phân phối, chưa thực hiện tốt các chính sách đãi ngộ, chưa giải quyết thỏa đáng và công bằng các yêu cầu đặt ra trong đời sống xã hội. Phải thừa nhận rằng hiện nay trong lĩnh vực phân phối, chúng ta còn nhiều thiếu sót, chưa bảo đảm phân phối hợp lý, công bằng theo đúng quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Nhưng không phải vì thế mà cán bộ, đảng viên được phép suy bì, kèn cựa, tính toán thiệt hơn để mặc cả với Đảng, thậm chí tự cho mình quyền làm bậy. Trách nhiệm của chúng ta là bình tĩnh xem xét, tìm ra giải pháp, kiến nghị với cơ quan có trách nhiệm để giải quyết vấn đề một cách hợp lý.

Nói đến cùng, sự suy bì tính toán thiệt hơn chủ yếu cũng là do chủ

Digitized by Google

nghĩa cá nhân mà ra. Có những người vì chủ nghĩa cá nhân mà so kè, suy bì với đồng chí, đồng đội của mình một cách rất trắng trợn. Cũng có người mất cả tỉnh táo, đi suy bì so sánh với cả những kẻ làm ăn phi pháp, ăn cắp của công, rồi tự mình kết tội mình là «dại khờ» là «không thức thời», và tỏ ý tiếc rằng mình «thật thà quá»! Chính tư tưởng suy bì kiểu ấy đã góp phần nuôi dưỡng những thói xấu, phát triển những biểu hiện tiêu cực.

Đối với mọi người trong xã hội, chúng ta không thể đòi hỏi họ tất thảy đều phải sống theo đúng tiêu chuẩn của đạo đức cộng sản, đó là ước mong lý tưởng. Song những đảng viên cộng sản, những chiến sĩ tiên phong cách mạng nhất thiết phải sống gương mẫu trên những nguyên tắc của đạo đức cộng sản. Để cho tư tưởng suy bì hơn thiệt, cũng như những hiện tượng tiêu cực khác kéo dài trong Đảng sẽ làm tê liệt ý chí đấu tranh của đảng viên, nêu gương xấu trước quần chúng. Nhân dân ta đã được rèn luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, cho nên rất tỉnh táo, biết phân biệt rõ những cái xấu, cái tốt; họ biết tin cậy, trân trọng ai và giảm sút lòng tin đối với ai. Có thể nói, một trong những nguyên nhân làm giảm sút lòng tin của quần chúng vào cách mạng, vào chế độ chính là những hành vi sai trái của cán bộ, đảng viên. Ngược lại, cũng không biện pháp giáo dục nào mạnh hơn những hành động gương mẫu, hy sinh của cán bộ, đảng viên. Lúc này, hơn lúc nào hết, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ cao cấp và trung cấp càng cần nêu cao tinh thần «thật thà phục vụ nhân dân» như Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dạy, có thể chịu thiệt thòi để giữ vững lý tưởng và khí tiết cách mạng, giống như thái độ của các liệt sĩ cách mạng đứng trước những ngọn đòn tra tấn dã man của kẻ thù.

Các đảng viên cộng sản, các cán bộ cách mạng chỉ có thể chấp nhận một sự suy bì: đó là suy bì với những hy sinh to lớn của biết bao liệt sĩ và đồng bào cho Tổ quốc, cho cách mạng mà mình phải ra sức học tập, noi theo.

NGUYỄN TRƯỜNG KHOA

HỘI NGHỊ KHOA HỌC...

(Tiếp theo trang 74)

tăng cường phát triển nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng, tiểu, thủ công nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, chú ý tới quy mô và tốc độ xuất khẩu lao động bằng các hình thức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, làm gia công cho các nước, mở rộng các hoạt động dịch vụ cho khách nước ngoài... nên được coi là những hướng quan trọng để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Thứ ba, từng bước xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa, đặc biệt đối với thanh niên, thiếu niên là một nội dung lớn của chính sách xã hội trong chặng đường hiện nay. Ngăn chặn và loại trừ các hiện tượng tiêu cực là tàn dư của xã hội cũ ra khỏi đời sống xã hội, giải quyết những hậu quả của chiến tranh, của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, những vấn đề tiêu cực mới nảy sinh trong quá trình phát triển xã hội, trong đó có sự suy thoái về lối sống và đạo đức của một bộ phận xã hội, sự sa sút về niềm tin v.v.

Thứ tư, giải quyết tốt vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình. Đây là một vấn đề kinh tế — xã hội rất khó khăn nhưng vô cùng quan trọng, một nhân tố có ảnh hưởng sâu sắc về nhiều mặt đến việc thực hiện các mục tiêu của chiến lược kinh tế — xã hội.

Digitized by Google

NHUẬN VŨ

PHONG TRÀO HÒA BÌNH – MỘT LỰC LƯỢNG CHIẾN LƯỢC

CHÍNH quyền Ri-gân đang leo thang lên tận khoảng không vũ trụ để khẩn trương chuẩn bị chiến tranh hạt nhân. Trước nguy cơ đe dọa nghiêm trọng vận mệnh của toàn thể loài người, nhân dân thế giới càng dấy mạnh cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ hòa bình và an ninh trên thế giới. Trong năm 1985, tại Mỹ và các nước phương Tây, hàng chục triệu người đã tham gia các cuộc biểu tình tuần hành chống cuộc chạy đua vũ trang của Mỹ, chống chương trình SDI của Mỹ, chống sự can thiệp của Mỹ tại Trung Đông, châu Phi, Mỹ la tinh v v. Đáng chú ý là ngày 10-11-1985, tại Tây ban nha, hơn nửa triệu người đã xuống đường biểu tình đòi triệt phá các căn cứ quân sự của Mỹ tại nước này. Chỉ hai ngày sau, tại Hy lạp cũng nổ ra những cuộc biểu tình hàng vạn người nhằm mục tiêu tương tự. Thế là tại bốn cạnh của tứ giác NATO – cạnh Bắc là Anh, Đan mạch, Hà lan, Bỉ, cạnh Đông là Cộng hòa liên bang Đức, cạnh Tây là Tây ban nha, cạnh Nam là I-ta-li-a và Hy lạp, đâu đâu cũng đều vang lên những tiếng thét đòi Mỹ « gô hôm » (1). Ngày nay, Mỹ không còn khoe khoang về tính ổn định, vững vàng của khối NATO nữa mà đang rất lo âu về tính bấp bênh của nó trước làn sóng đấu tranh chống Mỹ của nhân dân các nước Tây Âu. Làn sóng đấu tranh đó cũng là một sự kiện mà giới cầm quyền những nước Tây Âu không thể coi thường bởi vì phong trào đấu tranh đó của quần chúng có tác động sâu sắc đối với kết quả của các cuộc bầu cử trong bối cảnh các đảng phái tranh giành quyết liệt những lá phiếu. Ngày nay, phong trào hòa bình đâu còn chỉ là hiện tượng những đám đông người tập hợp trên các đường phố, họp trong ngày rồi lại tan ngay trong ngày, mà đã trở thành một yếu tố thường xuyên có sức nặng to lớn trong đời sống chính trị của nhiều nước, gồm cả nước Mỹ

Hoạt động của phong trào hòa bình thế giới dù rộng rãi đến đâu mà nếu chỉ đóng khung ở các lời lẽ, trong các khẩu hiệu và trên những biểu ngữ và không có sức mạnh thật sự thì những ông chủ của Nhà trắng và Lầu năm góc vẫn điềm nhiên vùi đầu vào kế hoạch chiến tranh mà không hề nao núng. Thế nhưng, hoạt động đó đã dẫn đến kết quả là 1 200 thành phố ở Mỹ, Anh, Hà lan, Cộng hòa liên bang Đức, Niu Di-lơn và Ô-xtrây li-a đã tuyên bố địa phương mình là vùng không có vũ khí hạt nhân. Riêng ở Nhật bản, có gần 900 chính quyền địa phương tuyên bố địa phương mình không có vũ khí hạt nhân. Điều này có nghĩa là nhiều chính quyền địa phương đã tự tách mình khỏi chính

(1) GO home : tiếng Anh, có nghĩa là cút đi

Digitized by Google

sách hạt nhân mù quáng của chính quyền trung ương nước họ. Tổ chức thống nhất châu Phi đã tuyên bố « Toàn châu Phi phải là vùng không có vũ khí hạt nhân ». Toàn bộ các nước Bắc Âu từ lâu đã nêu rõ phải thiết lập một khu vực không hạt nhân ở Bắc Âu. Đặc biệt, quyết định của chính phủ Niu Di-lơn, một nước thành viên của khối quân sự ANZUS do Mỹ cầm đầu, về việc cấm các tàu chiến Mỹ mang vũ khí hạt nhân vào các cảng của nước này, đã giáng một cái tát vào mặt đế quốc Mỹ, vào chính sách chiến tranh hạt nhân của Mỹ, gây nên một cơn choáng đối với Nhà trắng và Lầu năm góc. Tiếp đó, các nước ven bờ Ấn độ dương cũng đòi hỏi đặt đại dương này trong « thể chế phi hạt nhân ». Những gương sáng trên đây đang có sức hấp dẫn không nhỏ đối với nhiều nước ven bờ vịnh Péc-xích, biển A rập, Hồng hải, Địa trung hải, Đại tây dương, Thái bình dương.

Địa bàn hạt nhân chiến lược của Mỹ trên mặt đất, bầu trời cũng như trên đại dương, ngày càng bị thu hẹp. Phong trào hòa bình thế giới đang giáng những đòn khá mạnh mẽ vào thế trận chiến lược hạt nhân toàn cầu của Mỹ. Đây là một bất ngờ chiến lược vượt quá khả năng tính toán trước đây của những « bộ óc điện tử » tại Nhà trắng và Lầu năm góc.

Sức mạnh của lẽ phải và của thiện chí hòa bình đã thể hiện cụ thể trong sự hưởng ứng nhiệt liệt của dư luận thế giới đối với những sáng kiến hòa bình của Liên xô như: sự cam kết không sử dụng vũ khí hạt nhân trước tiên, cam kết ngừng thử vũ khí hạt nhân, chống chạy đua vũ trang và quân sự hóa vũ trụ, giảm lực lượng vũ trang trên cơ sở cân bằng lực lượng, cùng tồn tại hòa bình giữa các chế độ khác nhau. Nhân dân thế giới càng nức lòng phấn khởi trước lời tuyên bố ngày 31-12-1985 của đồng chí Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTU Đảng cộng sản Liên xô: « Năm 1986, Liên hợp quốc tuyên bố là Năm hòa bình. Liên xô sẽ làm cho Năm hòa bình này chuyển thành thập kỷ hòa bình, để thế kỷ 21, loài người bước vào sống trong những điều kiện hòa bình tin cậy và hợp tác » (2).

Từ những thực tế nói trên, có thể khẳng định, loài người đang chứng kiến những hoạt động sôi nổi chưa từng có của một mặt trận hòa bình vô cùng rộng rãi, bao gồm tất cả các tổ chức và phong trào của từng nước và quốc tế, từ châu Âu đến châu Á, châu Mỹ, châu Úc, châu Phi, từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển, từ các nước xã hội chủ nghĩa, trụ cột của phong trào hòa bình thế giới đến các nước tư bản, đế quốc; từ những tổ chức không thuộc chính phủ đến bản thân các chính phủ, đến phong trào không liên kết. Tại các nước tư bản chủ nghĩa, các đảng phái chính trị thuộc nhiều màu sắc khác nhau, đang cầm quyền hoặc đối lập, các tổ chức văn hóa xã hội với những xu hướng tư tưởng rất khác nhau, các tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ, trí thức, nghệ sĩ, các tổ chức nghề nghiệp, tôn giáo... tất cả đều quyện vào nhau và cuộn dâng lên như một làn sóng thần vô hình, chĩa vào một hướng: bảo vệ hòa bình, loại trừ nguy cơ chiến tranh hủy diệt. Đó là tất cả những lực lượng quần chúng trên thế giới mà mục tiêu trước mắt có chỗ khác nhau, nhưng tựu trung đều thống nhất trong một nguyện vọng chung duy nhất là hòa bình. Lịch sử đẫm máu nhiều nghìn năm của loài người đã làm cho từ ngữ hòa bình ngày nay trở thành phổ biến nhất, thiêng liêng nhất, dễ hiểu nhất, thiết thân nhất, có sức mạnh tập hợp nhất, bởi vì chỉ có hòa bình, loài người mới có tất cả; không có hòa

(2) Xem báo *Nhân dân*, ngày 2-1-1986.

Digitized by Google

bình, không có an ninh, là không có tất cả. Không phải ngẫu nhiên mà phong trào hòa bình đã được mệnh danh là « bão táp của thời đại », là « liên minh toàn thế giới của lý trí, của lương tri ». Chắc chắn rằng sức mạnh của lý trí sáng suốt của loài người sẽ chặn đứng được sự mù quáng và điên rồ của các thế lực đế quốc và hiếu chiến ; chỉ có lý trí và lương tri sáng suốt của loài người mới có thể bảo đảm cho một nền hòa bình bền vững, một tương lai tươi sáng của loài người. Quả thật, cùng với phong trào dân chủ, phong trào hòa bình đang trở thành một mũi tiến công có hiệu lực, một lực lượng chiến lược, một dòng thác cách mạng to lớn trên hành tinh.

Lực lượng hòa bình ngày nay đã trở thành vô địch. Tuy nhiên các thế lực thù địch với hòa bình và an ninh trên thế giới là chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế vẫn chưa thay đổi bản chất. Điều phải hết sức chú ý là chính bọn đế quốc cũng như bọn bành trướng bá quyền Trung quốc cũng trương lá cờ hòa bình để đánh lừa dư luận, để tập hợp lực lượng nhằm phục vụ những mưu đồ đen tối của chúng. Trong khi đó, đế quốc Mỹ vẫn không ngừng chạy đua vũ trang, quân sự hóa vũ trụ, chuẩn bị chiến tranh hạt nhân. Vì vậy cuộc đấu tranh cho hòa bình đòi hỏi những cố gắng bền bỉ, kiên trì và tinh thần cảnh giác thường trực. Phải thấy rằng « *Vấn đề nóng bỏng nhất hiện nay trước loài người là vấn đề chiến tranh và hòa bình*... Hiện nay không có sứ mệnh nào quan trọng và cao cả hơn là bảo vệ và củng cố hòa bình, chặn đứng các thế lực xâm lược và quân phiệt, bảo đảm sự sống cho các thế hệ hôm nay và mai sau. *Một thế giới không có chiến tranh, không có vũ khí. Đó là lý tưởng của chủ nghĩa xã hội* » (3). Loài người nhìn về tương lai với lòng tin tưởng vững chắc ở sức mạnh toàn diện của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, với Liên xô là trụ cột, với phong trào hòa bình là một thành phần quan trọng.

Năm 1986 đã đến. Chắc chắn trong Năm quốc tế hòa bình 1986, nhân dân thế giới sẽ đạt những bước phát triển mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp cao cả là bảo vệ hòa bình và an ninh trên toàn trái đất.

---

(3) « Dự thảo : *Cương lĩnh Đảng cộng sản Liên xô* » (Bản sửa đổi mới). Phụ trương bản tin « Liên xô ngày nay », số 4, tháng 11-1985.

Chương trình SDI...

(Tiếp theo trang 106)

việc thực hiện các « sáng kiến » điên rồ của Ri-gân, phải thỏa thuận với Liên xô về việc chống quân sự hóa vũ trụ và cấm tuyệt đối việc thành lập, thử và mở rộng hệ thống vũ khí vũ trụ tiến công. Tất cả những ai trung thực, có đầu óc thực tế, yêu quý cuộc sống của mình và của các thế hệ mai sau đều cần lên tiếng ủng hộ các sáng kiến hòa bình của Liên xô.

Digitized by Google

DUY ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH SDI LÀ GÌ VÀ NÓ NGUY HIỂM NHƯ THẾ NÀO?

Tấm lá chắn hay là thanh kiếm vũ trụ?

Cái gọi là « sáng kiến phòng thủ chiến lược », gọi tắt là SDI (Strategic défense initiative), là « quốc sách về quân sự hóa vũ trụ » của nước Mỹ do Tổng thống Mỹ Ri-gân chính thức nêu ra ngày 23-3-1983. Mục tiêu của SDI là nhằm giành ưu thế quân sự chiến lược so với Liên xô.

Để thực hiện chương trình SDI trước hết Mỹ sẽ hiện đại hóa hệ thống chống tên lửa (DAM: Défense antimissile) gồm các phương tiện đặt trên khoảng không vũ trụ và cả trên mặt đất. Đó là những vũ khí phát ra những tia năng lượng mạnh thuộc nhiều dạng khác nhau như: các la de phơ lo rua lty đrô, những phân tử nặng hoặc trung tính, những tia X do nổ hạt nhân sinh ra và được các la de dẫn đi, những sóng cực nhỏ và sóng điện tử, những khẩu đại bác bắn tia năng lượng, các tên lửa nhỏ tự động điều khiển bố trí trong các vệ tinh quân sự, các tên lửa chống tên lửa đặt trên mặt đất.

Hệ thống DAM của SDI chia thành 3 lớp. Lớp đầu là lớp gần đối phương nhất và xa nước Mỹ nhất. Ở lớp này sẽ có các phương tiện phóng tia la de hóa học và máy gia tốc các phân tử đặc biệt đặt trên khoảng không vũ trụ, nhằm phá hủy các tên lửa hạt nhân của đối phương ngay sau khi chúng được phóng đi từ 2 đến 5 phút và đang bay ở độ cao 10 – 150 km. Lớp giữa nhằm tiêu diệt những đầu đạn hạt nhân của đối phương bay lọt qua lớp DAM đầu và tiếp tục bay tới mục tiêu. Lớp giữa bao gồm những đại bác bắn tia điện tử hoặc những tên lửa nhỏ tự động điều khiển đặt ở vệ tinh. Các chuyên gia quân sự Mỹ dự tính đưa lên khoảng không vũ trụ bao quanh toàn bộ trái đất vài nghìn vệ tinh như vậy, mỗi vệ tinh được trang bị 40 – 50 tên lửa nhỏ có khả năng bắn rơi các mục tiêu ở độ cao 500 – 1 200 km. Ở lớp cuối, DAM sử dụng các vũ khí chống tên lửa ở tầm xa và tầm gần đặt trên mặt đất, nhằm phá hủy nốt số đầu đạn hạt nhân trên độ cao 100 – 800 km sau khi chúng lọt qua lớp đầu và lớp giữa và sắp bay tới đích.

Oa-sinh-tơn liên tục phát động các chiến dịch tuyên truyền cho chương trình SDI để hòng trấn an dư luận đầy lo lắng của động đảo nhân dân Mỹ và thế giới và nhằm tranh thủ sự ủng hộ, cộng tác của các nước đồng minh phương Tây. Luận điệu của Oa-sinh-tơn hết sức bịp bợm: nào SDI là hệ thống vũ khí « bảo vệ hòa bình », y hệt việc ông Ri-gân đặt tên cho tên lửa tiến công chiến lược MX mang 10 đầu đạn hạt nhân là « người giữ gìn hòa bình »; nào SDI là hệ thống vũ khí phi hạt nhân, không đe dọa con người mà chỉ nhằm tiêu diệt các tên lửa hạt nhân tiến công của đối phương; nào SDI sẽ làm « vô hiệu hóa » các vũ khí hạt nhân, do đó sẽ thúc đẩy việc giải trừ quân bị chấm dứt chạy đua vũ trang và thậm chí

Digitized by Google

giải thoát loài người khỏi vực thẳm của chiến tranh hạt nhân hủy diệt v.v. và v.v. Song, sự thật là thế nào? Thực chất SDI không chỉ là chiếc lá chắn vũ trụ, nó là một hệ thống vũ khí tiến công, một thanh kiếm vũ trụ treo lơ lửng trên đầu tất cả những ai sống trên trái đất. Tờ báo Mỹ *Diễn đàn thông tin quốc tế* số ra ngày 12-3-1985 đã nói rõ rằng: « Theo đúng lời của một nhân vật hăng hái bảo trợ chương trình SDI thì hệ thống này khi được triển khai đầy đủ sẽ có thể tiến hành từ trên vũ trụ những cuộc tiến công bất ngờ xuống các mục tiêu dưới mặt đất như máy bay, tàu chở dầu, nhà máy điện hạt nhân, các công trình... gây ra những đám cháy lớn và những thiệt hại mà trong vòng 30 phút có thể kéo lùi một nước công nghiệp trở lại trình độ của thế kỷ 18 ».

Ngoài hệ thống DAM, chương trình SDI bao gồm cả các phương tiện không gian mang những vũ khí tiến công trong vũ trụ và từ vũ trụ. Ba năm qua, người ta thấy Mỹ liên tiếp phóng các tàu vũ trụ con thoi với nhiều kiểu khác nhau: Cô-lôm-bi-a, Cha-len-giơ, Đi-xcô-vơ-ri, At-len-tic. Những tàu vũ trụ con thoi ấy ngày càng đảm đương vai trò của những phương tiện mang các vũ khí tiến công. Tổng thống Mỹ Ri-gân còn kêu gào các nước đồng minh phương Tây hợp tác với Mỹ để phóng lên vũ trụ một tổ hợp quỹ đạo thường trực có tác dụng như một căn cứ quân sự xâm lược lớn của Mỹ và NATO.

Hệ thống vũ khí phục vụ « cuộc chiến tranh giữa các vì sao » còn có mối quan hệ khăng khít với các vũ khí tiến công hạt nhân của Mỹ ở trên mặt đất như các tên lửa xuyên lục địa MX, Tơ-rai-đơn II và trong tương lai không xa là tên lửa Mi-ghét-man, các tên lửa tầm trung Pơ-sinh II, và Cơ-ru-dơ, các máy bay ném bom hạng nặng tầm xa mang vũ khí hạt nhân... Đó là những vũ khí hạt nhân nhằm « giáng đòn phủ đầu » chống Liên xô và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. Ngày 28-8-1985, trả lời phỏng vấn của tờ *Thời báo* Mỹ, đồng chí M.X. Gôoc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô đã khẳng định: « Sự phụ thuộc giữa vũ khí phòng thủ và vũ khí tiến công là rất rõ ràng ». Vả lại, với trình độ phát triển hiện nay của khoa học và kỹ thuật, người ta rất khó phân biệt một cách rạch ròi đâu là vũ khí tiến công, đâu là vũ khí phòng thủ. Với chương trình SDI, Mỹ chắc mầm nắm trong tay một vành đai bảo hiểm vũ trụ để có thể dám « giáng đòn hạt nhân phủ đầu » vào đối phương theo « học thuyết chiến tranh hạt nhân hạn chế » mà không lo bị đối phương giáng trả đòn trừng phạt.

Như vậy, một khi chương trình SDI với hệ thống to lớn các loại vũ khí tiến công cực kỳ phức tạp của Mỹ được triển khai, thì, bầu không khí quốc tế càng bị đầu độc và căng thẳng hơn, nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt nhân càng tăng lên, nền an ninh chung của nhân loại bị uy hiếp nghiêm trọng hơn bất cứ lúc nào hết.

Những động cơ và mục tiêu đen tối.

Mang tư tưởng chống cộng đến mức bệnh hoạn, Ri-gân cũng như giới hiếu chiến Mỹ luôn luôn coi vũ lực là nền tảng, là sức mạnh để có thể « thanh toán » được Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Dưới chính quyền Ri-gân, nước Mỹ đã lao vào cuộc chạy đua vũ trang toàn diện, quy mô lớn chưa từng thấy. Ngân sách quân sự hằng năm của Mỹ không ngừng leo thang và đã lên tới những kỷ lục cao nhất. Trong 5 năm cầm quyền, với ngót 1 200 tỷ đô la ngân sách quân sự, Ri-gân đã đẩy mạnh việc hiện đại hóa bộ ba vũ khí chiến lược: tên lửa vượt đại châu MX mang 10 đầu đạn hạt nhân, mỗi đầu đạn có sức nổ 600 ki lô tôn, tàu ngầm

Digitized by Google

hạt nhân mang tên lửa Tơ-rai-đon với 14 đầu đạn tiến công, máy bay hạng nặng B1—B có khả năng chở 30 tấn bom. Ri-gân cũng đã ráo riết thực hiện kế hoạch triển khai 572 tên lửa hạt nhân tầm trung mới ở Tây Âu... Tất cả đều nhằm phá vỡ thế cân bằng về lực lượng quân sự chiến lược, giành cho Mỹ một ưu thế trội hẳn so với Liên xô và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. Nhưng đối phương của Mỹ đâu có chịu khoanh tay ngồi nhìn! Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã khẳng định rằng trong bất cứ tình huống nào cũng không cho phép Mỹ giành ưu thế quân sự. Những biện pháp đối trả thích đáng đã được triển khai, do đó sự cân bằng về lực lượng quân sự chiến lược giữa hai bên vẫn được giữ vững, hòa bình và an ninh thế giới vẫn được bảo đảm.

Mặc dù thất bại, căn bệnh cao huyết áp chống cộng vẫn không thuyên giảm trong con người có lịch sử lâu đời chống Liên xô như Ri-gân, cho nên ông ta lại đưa ra chương trình SDI. Ông chủ Nhà trắng nghĩ rằng khoảng không vũ trụ có thể là một « vị trí tuyệt đối », là cái chìa khóa mở ra cho Mỹ con đường giành ưu thế quân sự một cách « chắc chắn ». Thực hiện chương trình SDI, Mỹ ôm ấp ảo tưởng nhờ vào chiếc lá chắn vũ trụ này để tạo ra khả năng « giáng đòn hạt nhân phủ đầu » chống Liên xô mà không lo bị đối phương đánh trả đòn trừng phạt. Đây sẽ là một ưu thế quân sự — chiến lược « lý tưởng » mà Nhà trắng và những con diều hâu siêu đẳng của Lầu năm góc hằng mơ ước!

Hiểu rõ Liên xô sẽ không mơ ngủ, sẽ nhất định có biện pháp tương ứng thích đáng, nhưng chính quyền Ri-gân vẫn không có ý định từ bỏ « sáng kiến phòng thủ chiến lược »! Tại sao? Ri-gân và các thế lực chống cộng cực đoan của Mỹ ảo tưởng rằng một khi Mỹ tiến hành chương trình SDI, Liên xô sẽ phải dốc tiền của vào cuộc chạy đua vũ trang vũ trụ hết sức tốn kém, đi đến « kiệt sức » và phải chịu sự chèn ép của Mỹ. Như con đà điểu rúc đầu vào cát, họ không nhận thấy rằng nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và hùng cường bậc nhất thế giới có nguồn dự trữ và tiềm năng vật chất rất to lớn. Từ sau Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đến nay đã có bao nhiêu âm mưu nhằm làm kiệt quệ kinh tế Liên xô, nhưng tất cả các kế hoạch đó đều bị phá sản thảm hại, chúng đã không thành đạt được trong quá khứ, càng không bao giờ thành đạt được trong điều kiện hiện nay.

Ngoan cố bám giữ SDI, chính quyền Ri-gân còn muốn lôi kéo các nước đồng minh phương Tây của Mỹ vào quỹ đạo của Mỹ dưới chiêu bài « chia sẻ » kỹ thuật vũ trụ, cộng đồng phòng thủ v.v. nhưng thực chất là cốt để cột chặt các « bạn bè » đó vào đường lối phiêu lưu quân sự của Oa-sinh-tơn. Vì vậy, cũng dễ hiểu khi một số nước phát triển ở Tây Âu tỏ ra lo ngại, phản đối chương trình SDI. Các nước này thừa biết mục tiêu không kém phần quan trọng của những kẻ chủ mưu SDI là làm cho nền an ninh Tây Âu bị phụ thuộc thêm vào tấm lá chắn vũ trụ của Mỹ, sử dụng các tài nguyên Tây Âu để phục vụ chiến lược toàn cầu của Mỹ, củng cố hơn nữa vị trí đang bị lung lay của Mỹ trong việc đứng đầu « thế giới tự do » về kinh tế, quân sự cũng như trong việc kiểm soát chặt chẽ mọi sự trao đổi, nghiên cứu khoa học — kỹ thuật của các đồng minh.

Một động cơ nữa thúc đẩy chính quyền Ri-gân bám giữ chương trình SDI là lợi nhuận khổng lồ của các tổ hợp công nghiệp — quân sự Mỹ. Những con bạch tuộc này sống bằng chạy đua vũ trang, chúng ủng hộ Ri-gân lên ngôi tổng thống để ông ta « trả ơn » cho chúng bằng những hợp đồng sản xuất vũ khí béo bở. Chương

Digitized by Google

trình SDI của Ri-gân tới năm 2000 sẽ đem lại cho các tổ hợp công nghiệp – quân sự Mỹ một khoản lợi nhuận chưa từng thấy trong lịch sử Hoa kỳ là 250 tỷ đô la. Dĩ nhiên, chính điều đó làm cho các tổ hợp công nghiệp – quân sự và đại diện của chúng trong hệ thống chính quyền Mỹ run sợ nhất trước những đề nghị của Liên xô về chấm dứt chạy đua vũ trang trên mặt đất, ngăn ngừa chạy đua vũ trang trong vũ trụ, tiến tới giảm triệt để và hủy bỏ vũ khí hạt nhân.

Cần phải ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang trong vũ trụ.

Chương trình SDI phơi trần một cách rõ ràng nhất bản chất phản động và cực kỳ hiếu chiến của đế quốc Mỹ. Rất xảo quyệt, chính quyền Ri-gân cố gây ấn tượng rằng họ mới bước vào phần đầu, ở giai đoạn « nghiên cứu ». Nhưng nếu đề « nghiên cứu » không thôi thì con số 70 tỷ đô la là không thể tưởng tượng nổi. Số tiền này lớn gấp hơn 4 lần toàn bộ chi phí cho đề án Man-hat-tan – chương trình chế tạo vũ khí hạt nhân của Mỹ và gấp hơn 2 lần kế hoạch « A-pô-lông » nhằm phát triển ngành du hành vũ trụ trong một thập niên kỷ cho đến khi đưa con người lên mặt trăng. Còn những số liệu khác nữa, trong đó có những số liệu về việc Mỹ dự định thử những hệ thống vũ khí tiến công từ vũ trụ, cho thấy đây không phải hoàn toàn là giai đoạn nghiên cứu thuần túy của SDI.

Nếu chương trình SDI được thực hiện dù mới ở giai đoạn gọi là « nghiên cứu », điều đó cũng sẽ hết sức nguy hiểm. Nó đặt cả loài người, trong đó có nhân dân Mỹ, đứng trước một hiểm họa lớn. Nó sẽ kích thích vòng chạy đua vũ trang mới, không thể kiểm soát được về tất cả mọi phương diện và nhất định sẽ làm cho nguy cơ chiến tranh hạt nhân đến gần hơn bao giờ hết. Ai cũng biết rằng số lượng vũ khí hạt nhân của các bên hiện có đã quá đủ để tiêu diệt nhiều lần sự sống trên trái đất, nhưng hòa bình vẫn được duy trì nhờ vào sự cân bằng lực lượng quân sự – chiến lược đã hình thành, nhờ Liên xô và các nước yêu chuộng hòa bình nắm trong tay một lực lượng quân sự hùng hậu đủ làm nản lòng bọn gây chiến. Nếu cuộc chạy đua vũ trang bước sang một giai đoạn mới, nếu những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật được sử dụng cho những mục tiêu quân sự thì liệu ai có thể cầm được những cái đầu nóng ở Oa-sinh-tơn và trong NATO sử dụng ưu thế tưởng tượng của chúng đối với đối phương, vung tay ấn vào những nút bấm phát động cuộc chiến tranh tự hủy diệt cực kỳ vô nghĩa?

Cho nên tuyệt đối không thể để cho điều đó xảy ra, và cần phải ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang trong vũ trụ. Nhân dân Mỹ cũng đã nhận rõ trách nhiệm của mình. Theo kết quả cuộc thăm dò dư luận do báo *Bưu điện Oa-sinh-tơn* và hãng vô tuyến truyền hình ABC vừa tiến hành tại Mỹ, 71% số người được hỏi ý kiến phản đối chương trình SDI. 1300 nhà khoa học Mỹ đã ra tuyên bố kêu gọi các nhà khoa học ở Mỹ và các nước Tây Âu từ chối không tham gia việc « nghiên cứu » SDI. Ngày 7-11-1985, 30 tổ chức quần chúng Mỹ đã ra lời kêu gọi nhân dân Mỹ tham gia chiến dịch toàn quốc chống kế hoạch quân sự hóa vũ trụ của chính quyền Ri-gân. Nhiều tướng lĩnh Mỹ, nhiều cựu bộ trưởng quốc phòng Mỹ, nhiều nhà bác học nổi tiếng được giải thưởng Nô-ben, nhiều giáo sư, nhà văn và nhiều nhân vật nổi tiếng khác ở Mỹ đã lên tiếng ủng hộ lời kêu gọi của Liên minh chống SDI. Cùng với nhân dân Mỹ, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới đang tăng cường đoàn kết, đấu tranh kiên quyết buộc đế quốc Mỹ phải từ bỏ

(Xem tiếp trang 102)

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 2 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ – Навстречу VI съезду КПВ. ★★★ – Усвоить резолюции Партии по вопросам цен, зарплаты и денег в государственном секторе промышленности. ★★★ – Поднять революционный героизм в труде и в бою. ЧАН КУОК ХОАН – Мобилизовать массы – стратегическая задача партии. НГУЕН ТХИ ДИНЬ – Сдвиги женского движения во Вьетнаме за 10 лет после воссоединения страны. ЛЕ НГОК – Почему сразу же после своего рождения Партия завоевала монополию на руководство революцией? НЮАН ВУ – Движение мира – стратегическая сила. ЗЮИ ДЫК – Что такое программа «СДИ» и какая опасность от нее?

REVIEW OF COMMUNISM N° 2-1986

Editorial – Towards the sixth Party Congress. ★★★ – Understanding thoroughly the Party's resolution on prices, salaries, and money in State industry. ★★★ – Upholding heroism in working and fighting. TRẦN QUỐC HOÀN – Launching mass movements in the strategic duty of our Party. NGUYỄN THỊ ĐỊNH – Advances of the Vietnamese women's mevemet in the ten years after national reunification. LÊ NGỌC – How was our Party able, from its foundatien, to gain sole leadership of the Vietnamese revolution? NHUẬN VŨ – The Peace movement – a strategic ferce. DUY DỨC – What is the SDI programme and what are its dangers?

REVUE DU COMMUNISME N° 2-1986

Editorial – Vers le VIe Congrès national du Parti. ★★★ – Bien assimiler la Résolution du Parti sur le système prix-salaire-monnaie dans l'industrie d'Etat. ★★★ – Faisons preuve d'héroisme révolutionnaire dans le travail et le combat. TRẦN QUỐC HOÀN – La mobilisation des masses est une tâche stratégique du Parti. NGUYỄN THỊ ĐỊNH – Nouveaux changements dans le mouvement révolutionnaire chez les femmes vietnamiennes dix ans après la réunification nationale. LÊ NGỌC – Pourquoi, à peine fondé, notre Parti a-t-il pu monopoliser la direction de la révolution? NHUẬN VŨ – Mouvement pour la Paix – une force stratégique. DUY DỨC – Le programme SDI et son danger.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 2-1986

Editorial – Hacia el VI Congreso Nacional del Partido. ★★★ – Imbuirse de la Resolución del Partido sobre el precio, el salario y el dinero en la industria estatal. ★★★ – Elevar el heroismo revolucionario en el trabajo y el combate. TRẦN QUỐC HOÀN – La movilización de la masas constituye una tarea estratégica de nuestro Partido. NGUYỄN THỊ ĐỊNH – Los cambios del movimiento femenino en Vietnam después de 10 años de unificación nacional. LÊ NGỌC – ¿Por qué logra nuestro Partido la absoluta dirección de la revolución inmediatamente después de su fundación? NHUẬN VŨ – El movimiento de paz – una fuerza estratégica. DUY DỨC – ¿Qué es el programa SDI y su peligro?

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 2-1986. NĂM THỨ XXXII (362)

Mục lục

Diễn văn của đồng chí Trường Chinh tại Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ V 1
Xã luận — Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng 4
★★★ — Quản triệt nghị quyết của Đảng về giá, lương, tiền trong công nghiệp quốc doanh 9
TRẦN QUỐC HOÀN — Vận động quần chúng là nhiệm vụ chiến lược của Đảng 13
NGUYỄN THỊ ĐỊNH — Bước chuyển của phong trào phụ nữ Việt nam sau 10 năm thống nhất đất nước 19
LÊ NGỌC — Vì sao vừa ra đời Đảng ta đã giành được độc quyền lãnh đạo cách mạng? 25
LÊ HUYỀN THÔNG — Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo công tác thanh niên 31
LÊ VĂN PHONG — Trẻ hóa đội ngũ cán bộ xã Điện nam 37
Tư liệu ★ Quốc tế cộng sản với Đảng cộng sản Đông dương 41
Văn kiện lịch sử ★ Tuyên ngôn của các đại biểu đã thoát ly hội tịch ở toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ nhất của Hội Việt nam thanh niên cách mạng (tức là Việt nam cách mạng đồng chí hội) 43
★★★ — Nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động và chiến đấu 45
Hội nghị khoa học — Về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó (Tiếp theo) 48
LÊ QUANG THÀNH — Kết hợp an ninh với quốc phòng trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa 75
ĐÀM TRUNG PHƯỜNG — Quy hoạch xây dựng và kiến trúc nông thôn trên địa bàn huyện 80
ĐẶNG THU — Dân số và phát triển kinh tế 85
HẢI NINH — Đề tài chiến tranh trong phim truyện Việt nam 89
Đọc sách ★ XUÂN KIỀU — Nắm vững đường lối, cụ thể hóa đường lối và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng 93
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGUYỄN TRƯỜNG KHOA — Hơn thiệt 97
NHUẬN VŨ — Phong trào hòa bình — một lực lượng chiến lược 100
DUY ĐỨC — Chương trình SDI là gì và nó nguy hiểm như thế nào? 103

Trụ sở Bộ biên tập:

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19 Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

Các bạn tìm đọc:

LÊ DUẨN

— Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam

LÊ ĐỨC THỌ

— Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam

M. X. GOÓC-BA-TRỐP

— Sức mạnh và hiệu lực của tình hữu nghị Việt — Xô

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

CHIAO LIU PUB. SERVICE
交流圖書公司
From:

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6đ00

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

3

3.1986

Univ. of Wash.
JUN 23 1986
Current Serials

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

MỘT SỰ KIỆN CHÍNH TRỊ TRỌNG ĐẠI

TRÊN đất nước Xô viết tươi đẹp và anh hùng vừa diễn ra một sự kiện chính trị trọng đại : Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô đã tiến hành từ ngày 25-2-1986 đến ngày 6-3-1986. Gần 5000 đại biểu thay mặt cho 19 triệu đảng viên trong toàn Liên xô đã về dự Đại hội. Đại hội cũng đã được đón 152 đoàn đại biểu của các đảng cộng sản và công nhân, các đảng dân tộc dân chủ và xã hội, các phong trào tiến bộ thuộc nhiều nước trên thế giới đến dự theo lời mời của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô.

Đại hội đã thảo luận Báo cáo của Ủy ban trung ương Đảng, thông qua Cương lĩnh (bản mới) của Đảng, bổ sung Điều lệ Đảng, quyết định những phương hướng cơ bản phát triển kinh tế và xã hội Liên xô trong giai đoạn 1986 — 1990 và cho tới năm 2000. Đại hội đã bầu ra Ủy ban trung ương Đảng do đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp làm Tổng bí thư.

Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô là sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân Liên xô, đồng thời là sự kiện có ý nghĩa lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Những người cộng sản và mọi người tiến bộ trên khắp năm châu đón mừng sự kiện này với niềm phấn khởi dạt dào. Những văn kiện thông qua tại Đại hội không những có ý nghĩa to lớn đối với Liên xô — trụ cột của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và của hòa bình, mà còn tác động mạnh mẽ đến sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân các nước trên thế giới.

★

Digitized by Google

Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô được tiến hành giữa lúc giai cấp công nhân và nhân dân Liên xô, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đạt được những thắng lợi to lớn trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trung thành với những di huấn của Lê-nin vĩ đại, thực hiện đường lối chiến lược đã được vạch ra tại các Đại hội trước, đất nước Xô viết đã vươn tới những đỉnh cao của tiến bộ về kinh tế xã hội và tiến bước vững chắc trên con đường hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, Liên xô có một nền kinh tế hùng mạnh phát triển về mọi mặt, có đội ngũ công nhân có tay nghề cao, đội ngũ chuyên gia và các nhà khoa học giỏi. Liên xô đang đứng đầu thế giới về nhiều mặt phát triển sản xuất, khoa học và kỹ thuật. Về mặt xã hội, đất nước Liên xô đang chứng kiến những thay đổi sâu sắc. Những người lao động đã thật sự làm chủ đất nước. Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân không ngừng được nâng cao. Nếp sống xã hội chủ nghĩa được hoàn thiện. Quyền bình đẳng, quan hệ hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa người và người, một nền dân chủ thật sự được thiết lập và ngày càng hoàn thiện. Nhân phẩm và quyền cá nhân được coi trọng.

Trong các năm 1981 — 1985, thực hiện nghị quyết Đại hội thứ 26, Liên xô đã có bước tiến mới trong việc phát triển kinh tế xã hội, nâng cao phúc lợi của nhân dân. So với năm 1980, thu nhập quốc dân tăng 17%. Việc đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm trang bị lại kỹ thuật và cải tạo nền sản xuất được thực hiện tích cực. Công cuộc phát triển sản xuất theo chiều sâu đạt những kết quả tốt đẹp. Hơn 90% mức tăng của thu nhập quốc dân là do tăng năng suất lao động xã hội. Hơn 1 000 nhà máy công nghiệp hiện đại mới xây dựng đã được đưa vào hoạt động. Ngành năng lượng nguyên tử phát triển nhanh, chiếm 10% tổng số điện năng của cả nước. Trước đây, Liên xô đứng đầu thế giới về khai thác dầu mỏ, hiện nay lại giành thêm được vị trí đó về khai thác khí đốt. Sản phẩm công nghiệp Liên xô hiện chiếm 20% tổng sản phẩm công nghiệp thế giới. Trong năm 1981, Liên xô đã sản xuất 1 493 tỷ kí lô oát giờ điện, 154 triệu tấn thép, 130 triệu tấn xi măng, đã khai thác 613 triệu tấn dầu mỏ. Trong những năm cuối của kế hoạch 5 năm thứ 11 (1981 — 1985), sự phát triển kinh tế xã hội của Liên xô càng mạnh mẽ. Sản lượng công nghiệp năm 1985 tăng khoảng 4% so với năm 1984. Về nông nghiệp, chương trình lương thực, thực phẩm được thực hiện và thu được kết quả tốt. Sản lượng nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 6%. So với kế hoạch 5 năm thứ 10 (1976 — 1980), sản xuất thịt tăng 10%, trứng tăng 18%. Về giao thông vận tải, khối lượng lưu chuyển hàng hóa tăng 15%. Tuyến đường sắt Bai-can — A-mua, với chiều dài 3 200km đã thông xe kỹ thuật. Việc xây dựng con đường sắt này có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển lực lượng sản xuất vùng Xi-bia và Viễn đông. Liên xô cũng đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống ống dẫn khí đốt khổng lồ với tổng độ dài 48 000 km.

Nền khoa học Liên xô không ngừng phấn đấu đạt những thành tích mới, kể cả trong việc chinh phục khoảng không vũ trụ. Tháng 10 năm 1985, lần đầu tiên Liên xô thực hiện chiến dịch « làm sống động » công trình vũ trụ — trạm quỹ đạo « Chào mừng ». Chỉ mấy ngày trước khi Đại hội 27 của Đảng khai mạc, Liên xô đã phóng thành công lên quỹ đạo vũ trụ trạm khoa học mang tên « Hòa bình » — một trạm vũ trụ thuộc thế hệ mới, một thành tựu khoa học tuyệt vời.

Trên cơ sở phát triển và tăng hiệu quả kinh tế, mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân được nâng cao nhanh chóng. Năm 1985, mức lương bình

Digitized by Google

quân hằng tháng của công nhân viên chức đạt 190 rúp, tiền công lao động hằng tháng của nông trang viên đạt 150 rúp. Vấn đề nhà ở đã được giải quyết hết sức tích cực. Hằng năm, Liên xô đã xây dựng hơn hai triệu căn hộ. Trong 5 năm qua, hơn 550 triệu mét vuông nhà ở được đưa vào sử dụng; nhà ở của hơn 50 triệu người đã được cải thiện. Công tác y tế, giáo dục, văn hóa, văn nghệ đều có những bước tiến quan trọng.

Về mặt đối ngoại, bằng những cố gắng không mệt mỏi, Liên xô đã góp phần quan trọng vào việc làm thay đổi bộ mặt của thế giới ngày nay. Liên xô đã có những đóng góp hết sức quan trọng vào sự lớn mạnh, sự đoàn kết nhất trí của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Liên xô đã hết lòng hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới, đồng thời đã đưa ra nhiều sáng kiến nhằm gìn giữ hòa bình, ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh hạt nhân, chống quân sự hóa vũ trụ, thúc đẩy hòa hoãn, hợp tác quốc tế vì hạnh phúc của loài người. Đặc biệt là tháng 11 năm 1985 vừa qua, do thái độ kiên trì đấu tranh vì hòa bình và do sáng kiến của Liên xô, cuộc gặp gỡ cấp cao Xô — Mỹ đã được tiến hành ở Giơ-ne-vơ. Đánh giá kết quả cuộc gặp gỡ đó, Nghị quyết của Xô viết tối cao Liên xô đã nêu rõ « Tại cuộc gặp gỡ tuy không giải quyết được các vấn đề rất quan trọng gắn liền với việc chấm dứt chạy đua vũ trang và củng cố hòa bình, giữa Liên xô và Mỹ còn tồn tại những bất đồng to lớn về các vấn đề có tính nguyên tắc, nhưng các kết quả cuộc gặp gỡ đã tạo khả năng chuyển từ tình trạng đối đầu nguy hiểm hiện nay sang việc tìm kiếm mang tính xây dựng các phương thức bình thường hóa quan hệ Xô — Mỹ, lành mạnh hóa tình hình quốc tế trên toàn cục ». Từ sau cuộc gặp gỡ cấp cao Xô — Mỹ đến nay, bầu không khí quốc tế nhìn chung có phần bớt căng thẳng hơn trước.

Trên cơ sở những thành tựu mà Liên xô đã đạt được, Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô đã thảo luận về con đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản, về những nhiệm vụ, phương hướng cơ bản trong chính sách đối nội và đối ngoại của Liên xô trong giai đoạn mới. Một văn kiện đặc biệt quan trọng đã được Đại hội nhất trí thông qua, và việc thực hiện nó sẽ mở ra một bước phát triển nhảy vọt của xã hội xô viết — đó là Cương lĩnh (bản mới) của Đảng cộng sản Liên xô. Như trong phần mở đầu của Cương lĩnh đã nêu rõ, Cương lĩnh thứ ba của Đảng được sửa đổi mới lần này là **cương lĩnh hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội**, đưa xã hội xô viết tiến xa hơn nữa trên con đường cộng sản chủ nghĩa trên cơ sở đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Đây là cương lĩnh đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ xã hội.

Tổng kết một cách sâu sắc và đầy đủ những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên đất nước Xô viết từ sau Cách mạng Tháng Mười đến nay, phân tích một cách khách quan, khoa học cuộc đấu tranh giữa các lực lượng tiến bộ và phản động trên thế giới hiện nay, Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên xô đã giải quyết một loạt vấn đề về lý luận và thực tiễn của quá trình chuyển tiếp từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa cộng sản. Cương lĩnh đã nêu lên những mục tiêu và phương hướng cơ bản của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản, và từ đó làm cơ sở cho việc định hướng đường lối chung của Đảng, chiến lược kinh tế và xã hội của Đảng, các phương pháp và biện pháp hành động nhằm giải quyết những nhiệm vụ được đề ra trong quá trình tiến lên của Đảng

Digitized by Google

Cương lĩnh chỉ rõ, trong tình hình ở trong nước và ngoài nước hiện nay, sự phát triển toàn diện của xã hội xô viết, việc đưa xã hội xô viết tiến lên chủ nghĩa cộng sản có thể và cần được bảo đảm bằng cách đẩy nhanh sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Đó là đường lối chiến lược của Đảng nhằm cải tạo về chất mọi mặt của đời sống xã hội xô viết; đổi mới một cách căn bản cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội trên cơ sở những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật; hoàn thiện các mối quan hệ xã hội, trước hết là quan hệ kinh tế; tạo ra những biến đổi sâu sắc về nội dung và tính chất của lao động, về những điều kiện vật chất và tinh thần của đời sống con người; làm năng động hóa toàn bộ hệ thống các tổ chức chính trị, xã hội và tư tưởng. Theo Cương lĩnh, trong vòng 15 năm tới, trong lĩnh vực kinh tế, mục tiêu là tạo ra một tiềm lực kinh tế về quy mô xấp xỉ những gì tích lũy được trong tất cả những năm qua của chính quyền xô viết, tăng gấp đôi thu nhập quốc dân và tổng sản lượng công nghiệp, tăng gấp 2,3 — 2,5 lần năng suất lao động. Trong lĩnh vực xã hội, những nhiệm vụ cơ bản được đề ra là: cải thiện không ngừng các điều kiện sống và lao động của người dân xô viết; thực hiện ngày càng đầy đủ nguyên tắc công bằng xã hội trong tất cả các lĩnh vực cơ bản của mối quan hệ xã hội; làm nhích gần các giai cấp, các giới và các tầng lớp xã hội, xóa bỏ những khác biệt căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn; hoàn thiện các mối quan hệ dân tộc, tăng cường tình đoàn kết anh em giữa tất cả các dân tộc lớn nhỏ sống trên đất nước.

Cương lĩnh cũng nêu lên những mục tiêu và phương hướng chủ yếu trong chính sách đối ngoại của Đảng, khẳng định quan điểm của Đảng là: kết hợp việc bảo vệ vững chắc các lợi ích của nhân dân Liên xô, kiên quyết chống lại chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc với việc sẵn sàng đối thoại để giải quyết trên tinh thần xây dựng các vấn đề quốc tế bằng thương lượng. Cương lĩnh nêu rõ: Hiện nay không có sứ mệnh nào quan trọng và cao cả hơn là bảo vệ và củng cố hòa bình, chặn đứng các thế lực xâm lược và quân phiệt, bảo đảm sự sống cho các thế hệ hôm nay và mai sau. **Một thế giới không có chiến tranh, không có vũ khí. Đó là lý tưởng của chủ nghĩa xã hội.**

Cương lĩnh khẳng định việc tiếp tục phát triển và củng cố quan hệ hữu nghị giữa Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác có ý nghĩa quan trọng hàng đầu; đồng thời nêu rõ Liên xô không ngừng củng cố quan hệ với các nước đã được giải phóng, trước sau như một kiên quyết bảo vệ nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình lê nin nít giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau.

Về phương hướng xây dựng Đảng, *sau khi khẳng định như một tất yếu vai trò lãnh đạo của Đảng trong đời sống xã hội xô viết càng ngày càng tăng cường, Cương lĩnh nhấn mạnh: Thực hiện sự lãnh đạo chính trị đối với xã hội, Đảng cộng sản Liên xô sẽ trước sau như một áp dụng những nguyên tắc lê nin nít đã được thử thách, xác lập tác phong lê nin nít trong công tác của Đảng, trong tất cả các lĩnh vực quản lý Nhà nước và kinh tế, nâng cao tính khoa học trong chính sách của mình; tiếp tục dựa vào trí tuệ tập thể và kinh nghiệm của quần chúng, phát huy tính chủ động của họ trong xã hội. Đảng hết sức coi trọng sự thống nhất của các hoạt động về mặt lý luận, tư tưởng, giáo dục chính trị, tổ chức và kinh tế để đấu tranh không khoan nhượng chống mọi biểu hiện của sự trì trệ và bảo thủ, tìm tòi một cách sáng tạo việc giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật và giáo dục tư tưởng.*

Digitized by Google

Với tầm quan trọng hàng đầu của những vấn đề đưa ra thảo luận, với việc thông qua Cương lĩnh (bản mới) và những nghị quyết quan trọng khác, với kết quả tốt đẹp của việc bầu Ủy ban trung ương Đảng và Ban thanh tra của Đảng, Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô không những là cột mốc đánh dấu một giai đoạn trong sự phát triển của Liên xô, mà còn có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp cách mạng và hòa bình của nhân dân toàn thế giới. Những văn kiện mà Đại hội đã thông qua không những soi sáng con đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản của đất nước Liên xô vĩ đại mà còn là một cống hiến lớn vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới, giải đáp một cách sâu sắc nhiều vấn đề mà cách mạng ở nhiều nước trên thế giới đang đặc biệt quan tâm.

★

Cùng với những người cộng sản và mọi người tiến bộ trên thế giới, Đảng cộng sản Việt nam và nhân dân Việt nam ta nhiệt liệt chào mừng Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô. Từ nhiều tháng nay, hướng về Tổ quốc của Lê-nin vĩ đại, chúng ta theo dõi với niềm tin tưởng và phấn khởi sâu sắc quá trình tiến tới Đại hội của những người cộng sản và nhân dân Liên xô anh em. Đoàn đại biểu Đảng ta do đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn dẫn đầu đã mang đến Đại hội những tình cảm quý mến nồng hậu và tình đoàn kết chiến đấu không gì lay chuyển nổi của những người cộng sản và nhân dân ta đối với Đảng cộng sản và nhân dân Liên xô. Thành công rực rỡ của Đại hội càng làm nức lòng chúng ta, cổ vũ chúng ta tiếp tục tiến bước mạnh mẽ theo con đường của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

Từ đáy lòng mình, mỗi người dân Việt nam đều hiểu một cách sâu sắc rằng trong suốt mấy chục năm đấu tranh chống đế quốc xâm lược và hiện nay trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân Việt nam luôn luôn được Đảng cộng sản, chính phủ và nhân dân Liên xô dành cho sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ to lớn, toàn diện trên tinh thần chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Với lòng biết ơn và niềm tin tưởng sâu sắc, toàn thể đảng viên Đảng cộng sản Việt nam, giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam coi những thắng lợi của Liên xô như của chính mình. Chúng ta hiểu rất rõ rằng mỗi thành tựu của Liên xô, mỗi bước đi lên của cách mạng ở Liên xô sẽ làm vững vàng thêm trụ cột của cách mạng và hòa bình trên thế giới, củng cố chỗ dựa to lớn nhất của dân tộc Việt nam. Chúng ta hết sức vui mừng trước những bước phát triển mới của tình hữu nghị anh em, mối quan hệ đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Chính phủ và nhân dân hai nước Việt nam — Liên xô. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết được ký kết tháng 11 năm 1978 là một sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của nhân dân hai nước. Chuyến đi thăm hữu nghị chính thức Liên xô của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu (từ ngày 26-6-1985 đến ngày 1-7-1985) là một biểu hiện tươi thắm của tình hữu nghị anh em Việt nam — Liên xô, một cột mốc hết sức quan trọng đánh dấu một giai đoạn phát triển mới cao hơn và sâu

Digitized by Google

rộng hơn của quan hệ hợp tác toàn diện giữa nước ta và Liên xô. Tuyên bố chung về kết quả chuyến đi thăm đó một lần nữa khẳng định sự nhất trí hoàn toàn về quan điểm giữa hai Đảng và hai Nhà nước Việt nam — Liên xô đối với những vấn đề quan trọng nhất trong quan hệ hai bên và các vấn đề quốc tế. Chúng ta quyết đem hết sức mình vun đắp cho quan hệ thủy chung, trong sáng giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt nam — Liên xô mãi mãi bền vững. Từ thế hệ này đến thế hệ khác, nhân dân Việt nam nguyện kề vai sát cánh cùng Đảng cộng sản Liên xô và nhân dân Liên xô anh em, chiến đấu cho sự toàn thắng của những lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Trong những ngày đáng ghi nhớ này, lòng tràn đầy phấn khởi, chúng ta gửi đến Đảng cộng sản và nhân dân Liên xô anh em những lời chào mừng tốt đẹp nhất về kết quả rực rỡ của Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô. Xin chúc giai cấp công nhân và nhân dân Liên xô anh em, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên xô, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư M.X. Goóc-ba-trốp kính mến, thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội, biến Cương lĩnh của Đảng thành hiện thực, đưa đất nước Xô viết tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa cộng sản, góp phần xứng đáng nhất bảo vệ và củng cố vững chắc hòa bình, vì cuộc sống và hạnh phúc của những thế hệ hôm nay và mai sau trên trái đất.

Digitized by Google



ĐỒNG CHÍ M.X. GOÓC-BA-TRỐP
Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô

Digitized by Google

Digitized by Google

ĐIỆN MỪNG CỦA BCHTƯ ĐCS VIỆT NAM GỬI ĐẠI HỘI THỨ 27 ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ

Các đồng chí thân mến,

Thay mặt Đảng cộng sản Việt nam, giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam, chúng tôi xin gửi tới Đại hội lần thứ 27 của Đảng cộng sản Liên xô quang vinh và qua Đại hội, tới những người cộng sản, giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân Liên xô anh em những lời chúc mừng nồng nhiệt nhất.

Đại hội lần thứ 27 của Đảng cộng sản Liên xô là một sự kiện chính trị trọng đại trong đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân Xô viết, đánh dấu một mốc lớn mới trong lịch sử phát triển đất nước và là sự kiện có ý nghĩa quốc tế hết sức to lớn.

Hơn 68 năm qua, Đảng cộng sản Liên xô, Đảng của V.I. Lê-nin vĩ đại, đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân Liên xô lập được chiến công và thành tựu xưa nay chưa từng có trong xã hội loài người, xây dựng thành công một xã hội mới tốt đẹp, biến lý tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học thành hiện thực sinh động, đưa đất nước Xô viết thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa hùng vĩ, thành trì vững chắc của hòa bình và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Cương lĩnh sửa đổi mới của Đảng cộng sản Liên xô mà Đại hội sẽ thông qua có tầm quan trọng đặc biệt không chỉ đối với Liên xô mà cả đối với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đối với cuộc đấu tranh của các dân tộc quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là cương lĩnh hoàn thiện chủ nghĩa xã hội một cách toàn diện và có kế hoạch nhằm tiếp tục đưa đất nước Xô viết vươn tới những đỉnh cao mới của tiến bộ kinh tế — xã hội, tiến xa hơn nữa trên con đường cộng sản chủ nghĩa, phát triển mạnh sản xuất theo chiều sâu trên cơ sở đẩy nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật, cải tạo cơ cấu sản xuất, hoàn thiện hệ thống quản lý, làm phong phú hơn nữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát triển con người Xô viết toàn diện, phát huy tinh thần làm chủ tập thể và sức sáng tạo vô tận của hàng trăm triệu quần chúng trong công cuộc xây dựng và quản lý đất nước.

Đó là cương lĩnh đấu tranh bảo vệ hòa bình và an ninh thế giới, chống đế quốc chạy đua vũ trang, ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc vì độc lập và tiến bộ xã hội. Chương trình tổng thể ba bước thủ tiêu hoàn toàn vũ khí hạt nhân nêu trong tuyên bố nổi tiếng ngày 15-1-1986 của đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp là một sáng kiến hòa bình vĩ đại, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của tất cả các dân tộc. Hơn bao giờ hết, loài người thấy rõ khả năng hiện thực

Digitized by Google

thoát khỏi sự đe dọa của vũ khí hủy diệt và triển vọng sống trong một thế giới không có chiến tranh. Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam ủng hộ triệt để sáng kiến mới của Liên xô và cùng các lực lượng hòa bình, tiến bộ phấn đấu cho mục tiêu cao cả đó.

Các đồng chí thân mến,

Trong suốt mấy chục năm chiến đấu chống các cuộc chiến tranh xâm lược và hiện nay trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân Việt nam luôn luôn được Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên xô dành cho sự ủng hộ nhiệt tình, sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả trên tinh thần của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trong sáng.

Nhân dịp này, thay mặt Đảng cộng sản Việt nam, giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên xô anh em về sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu đó.

Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả của sự hợp tác toàn diện Việt nam—Liên xô là đường lối nguyên tắc của Đảng và Nhà nước chúng tôi. Chúng tôi rất vui mừng nhận thấy Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt nam — Liên xô và những thỏa thuận trong cuộc hội đàm giữa Tổng bí thư hai Đảng đang được thực hiện trong cuộc sống và mang lại những kết quả hết sức tốt đẹp.

Đại hội lần thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô và bản Cương lĩnh sửa đổi mới của Đảng các đồng chí có vũ mạnh mẽ chúng tôi tiến lên.

— Chúc Đại hội lần thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô thành công rực rỡ.

— Đảng cộng sản Liên xô quang vinh—người tổ chức mọi thắng lợi của nhân dân Xô viết, đội tiên phong vĩ đại của phong trào cộng sản quốc tế muôn năm!

— Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết—thành trì vững chắc của hòa bình và cách mạng thế giới muôn năm!

— Tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt nam và Liên xô muôn năm!

— Chủ nghĩa Mác—Lê-nin bách chiến bách thắng muôn năm!

Digitized by Google

LỜI CHÀO MỪNG CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN TẠI ĐẠI HỘI THỨ 27 ĐCS LIÊN XÔ

Kính thưa Đoàn chủ tịch,
Thưa các đồng chí đại biểu,

ĐOÀN đại biểu Đảng cộng sản Việt nam xin nhiệt liệt chào mừng Đại hội lần thứ 27 của Đảng cộng sản Liên xô, Đảng của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân Liên xô, đội tiên phong vĩ đại nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đại hội này có ý nghĩa lịch sử trọng đại:

– Là đại hội mở ra một thời kỳ phát triển mới rực rỡ của đất nước Xô viết, thời kỳ hoàn thiện chủ nghĩa xã hội và tiến mạnh trên con đường cộng sản chủ nghĩa.

– Là đại hội đánh dấu sự nâng cao toàn diện vai trò lãnh đạo của Đảng trong đời sống của xã hội xô viết, bảo đảm chặt chẽ những tiêu chuẩn lê nin nít trong sinh hoạt Đảng.

– Là đại hội biểu dương tình đoàn kết quốc tế của những người cộng sản toàn thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chiến đấu dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, trải qua ba cuộc cách mạng nhân dân, nhất là Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, và trở thành người lãnh đạo một cường quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng cộng sản Liên xô luôn luôn tỏ rõ là người tổ chức xuất sắc mọi thắng lợi của nhân dân Xô viết. Những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của Liên xô trong công cuộc xây dựng xã hội mới, thắng lợi trong chiến tranh giữ nước vĩ đại, sự tiến bước vững chắc tới những trình độ cao của sự phát triển kinh tế – xã hội cũng như ảnh hưởng ngày càng tăng của Liên xô đối với sự phát triển của thế giới – tất cả những điều đó gắn liền với hoạt động của Đảng.

Cương lĩnh sửa đổi mới và Báo cáo chính trị của Ủy ban trung ương Đảng do đồng chí Tổng bí thư M.X. Goóc-ba-trốp trình bày đã tổng kết sâu sắc hoạt động thực tiễn, những thành tựu to lớn và kinh nghiệm phong phú của Đảng cộng sản Liên xô, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc xây dựng xã hội

Digitized by Google

cộng sản chủ nghĩa từ giai đoạn thấp lên giai đoạn cao. Đó là những văn kiện có tầm quan trọng đặc biệt không chỉ đối với Liên xô mà cả đối với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, và đối với cuộc đấu tranh của các dân tộc trên thế giới quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Những người cộng sản Việt nam cảm nhận sâu sắc những điều ghi trong Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên xô: «Chủ nghĩa xã hội là xã hội nêu cao ngọn cờ: Tất cả cho con người, tất cả vì hạnh phúc của con người», «Chủ nghĩa xã hội là xã hội mà mọi ý định và hành động trên trường quốc tế đều nhằm ủng hộ nguyện vọng của các dân tộc tiến tới độc lập và tiến bộ xã hội, phục vụ nhiệm vụ chính là bảo vệ và củng cố hòa bình». Chúng tôi đánh giá rất cao chiến lược của Đảng CS Liên xô hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội, phát triển mạnh sản xuất theo chiều sâu trên cơ sở đẩy nhanh tiến bộ khoa học–kỹ thuật, cải tạo cơ cấu sản xuất, hoàn thiện hệ thống quản lý với các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chín muồi và cơ chế quản lý năng động. Mục tiêu đến năm 2000 tăng gấp đôi tiềm lực sản xuất với sự đổi mới cơ bản về chất đặt cơ sở vững chắc để tăng nhanh phúc lợi của nhân dân, phát triển con người toàn diện, củng cố sức mạnh kinh tế và quốc phòng của đất nước Xô viết.

Việc nâng cao tiềm lực mọi mặt của Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa nhất định sẽ làm thay đổi mạnh mẽ cục diện thế giới, thúc đẩy cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Ngày nay hơn bao giờ hết, loài người ý thức được trách nhiệm gìn giữ hòa bình trên quả đất. Các dân tộc ý thức được quyền làm chủ vận mệnh của mình. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là xu thế của thời đại. Thế tiến công của ba dòng thác cách mạng là không gì ngăn cản nổi.

Chúng ta không đánh giá thấp âm mưu và thủ đoạn của các thế lực đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Chúng đang mưu toan đẩy loài người tới thảm họa hạt nhân. Nhưng những phản kích điên cuồng của chúng chỉ là sự giãy giụa tuyệt vọng của một chế độ kinh tế – xã hội đã bị lịch sử lên án và đang trong quá trình tan rã. Những đội xung kích hung hãn nhất của chủ nghĩa đế quốc đã lần lượt bị đánh bại trong các cuộc chiến tranh xâm lược chống Liên xô, Việt nam và nhiều dân tộc khác trên thế giới. Ngày nay, đang có những lực lượng ngày càng hùng hậu ngăn chặn bàn tay tội ác của chúng. Với việc thực hiện Cương lĩnh sửa đổi mới, Liên xô càng phát huy hơn bao giờ hết vai trò là thành trì của hòa bình, độc lập dân tộc và chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội. Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam ủng hộ triệt để chương trình đồng bộ nhằm thủ tiêu hoàn toàn và từng bước vũ khí hạt nhân, một sáng kiến hòa bình vĩ đại nêu trong tuyên bố nổi tiếng của đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp ngày 15 tháng 1 năm nay. Phấn đấu cho chương trình hiện thực đó, loài người sẽ bước vào thế kỷ 21 với niềm hy vọng sống trong một thế giới không có sự đe dọa của vũ khí hủy diệt, một thế giới mà chiến tranh không còn là phương tiện để giải quyết các vấn đề trong quan hệ giữa các quốc gia.

Thế giới phải hòa bình. Mọi khu vực trong từng lục địa và đại dương cũng phải có hòa bình. Ở châu Á – Thái bình dương cũng như ở Ấn độ dương, Liên xô, Việt nam cùng với các lực lượng hòa bình và tiến bộ khác đoàn kết lại nhất định làm thất bại âm mưu gây đối đầu quân sự của các thế lực đế quốc, thiết lập hòa bình và an ninh tại các khu vực này, bảo đảm cho các dân tộc ở đó thật sự làm chủ vận mệnh của mình. Ở Đông– Nam Á, đã đến lúc hai nhóm nước Đông dương và ASEAN xúc tiến đối thoại để giải quyết các vấn đề trong quan hệ giữa các bên. Đoàn kết chặt chẽ với Lào và Cam-pu-chia, Việt nam kiên trì phấn đấu theo phương hướng ấy. Đông – Nam Á phải được xây dựng thành khu vực hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác.

Thưa các đồng chí,

Đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, nhân dân Việt nam đã trải qua một chặng đường đấu tranh hết sức gay go gian khổ nhưng đầy thắng lợi vẻ vang. Ròng rã 40 năm, nhân dân chúng tôi đã liên tục chiến đấu và chiến thắng các cuộc xâm lược do các thế lực đế quốc và bành trướng gây ra. Thắng lợi vĩ đại của cuộc chống Mỹ, cứu nước chẳng những đem lại độc lập thống nhất cho Việt nam mà còn góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Hơn mười năm nay, chúng tôi xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Chúng tôi phải vượt qua nhiều khó khăn phức tạp. Chiến tranh lâu dài để lại những hậu quả nặng nề. Kẻ thù không từ một thủ đoạn nào chống phá sự nghiệp cách mạng của chúng tôi. Nhưng chúng tôi đã trả lời bằng hành động, luôn luôn cảnh giác và sẵn sàng làm thất bại mọi mưu đồ của chúng. Chúng tôi có đủ tinh thần và lực lượng thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh sửa đổi mới của Đảng cộng sản Liên xô và đại hội

Digitized by Google

lần này của các đồng chí có vũ mạnh mẽ chúng tôi tiến lên. Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả của sự hợp tác toàn diện Việt nam – Liên xô là đường lối nguyên tắc của Đảng và Nhà nước chúng tôi. Thực hiện đầy đủ Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt – Xô và các thỏa thuận trong cuộc hội đàm giữa Tổng bí thư hai Đảng tháng 6 năm 1985, phối hợp thực hiện Chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật của các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế là phục vụ lợi ích trước mắt và lâu dài của hai nước chúng ta và cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ sáu sắp tới của Đảng chúng tôi sẽ xác định những nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế – xã hội trong năm năm 1986 – 1990 đồng thời đề ra phương hướng đưa đất nước tiến vào một thời kỳ phát triển mới trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng tôi cố gắng từ nay đến cuối thế kỷ đẩy mạnh đồng bộ ba cuộc cách mang, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt, xây dựng một bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền kinh tế mới và con người mới, bảo đảm một cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Nhân dịp này, qua các đại biểu dự đại hội, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam đối với sự giúp đỡ trên tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa mà Liên xô đã và đang dành cho Việt nam.

– Đảng cộng sản Liên xô quang vinh muôn năm!

– Tình hữu nghị anh em, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt nam, Liên xô muôn năm!

– Chủ nghĩa Mác – Lê-nin bách chiến bách thắng muôn năm!

– Hòa bình và chủ nghĩa xã hội muôn năm!

Digitized by Google

HOÀNG TÙNG

MỘT VĂN KIỆN LÝ LUẬN SÁNG TẠO VÀ MANG Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

Cương lĩnh ĐCS Liên xô (bản mới) do Đại hội XXVII thông qua là Cương lĩnh hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội, đưa đất nước xô viết tiến lên chủ nghĩa cộng sản trên cơ sở tạo ra sự phát triển mạnh mẽ nền kinh tế—xã hội Liên xô. Đồng thời đây cũng là Cương lĩnh vĩ đại đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Trong lịch sử phát triển của mình, cho đến nay, ĐCS Liên xô đã có ba cương lĩnh:

Cương lĩnh đầu tiên do Đại hội II thông qua năm 1903 là cương lĩnh đấu tranh giành chính quyền Nhà nước, thành lập chuyên chính vô sản.

Cương lĩnh thứ hai do Đại hội VIII thông qua năm 1919 là cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh thứ ba do Đại hội XXII thông qua năm 1961 là cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Năm nay, Đại hội XXVII thông qua bản mới Cương lĩnh thứ ba nhằm đưa xã hội xô viết tiến xa hơn nữa trên con đường cộng sản chủ nghĩa trên cơ sở phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Cương lĩnh ĐCS Liên xô (bản mới) là sự tổng kết khoa học mọi mặt thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô, giải quyết những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của thời kỳ chuyển tiếp từ giai đoạn thứ nhất sang giai đoạn thứ hai của chủ nghĩa cộng sản. Nó kế thừa những quan điểm lý luận và chính trị làm nền tảng cho ĐCS Liên xô được trình bày trong bản cũ đã được Đại hội XXII thông qua năm 1961. Song so với bản năm 1961, bản mới này là sự phát triển cao vì nó phản ánh những thành tựu mọi mặt của Liên xô trong một phần tư thế kỷ qua và cả sự phát triển vượt bậc về tư duy lý luận mà ĐCS Liên xô đã đạt được gần đây. Mặt khác, bản mới làm phong phú kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác—Lê-nin về một loạt vấn đề có tính phổ biến của chủ nghĩa xã hội khoa học, về phương pháp luận và về kinh tế chính trị, nhất là những vấn đề lý luận và thực tiễn của thời kỳ chuyển tiếp giữa hai giai đoạn lịch sử của chủ nghĩa cộng sản. Đây thật sự là đỉnh cao mới của sự phát triển sáng tạo cả về lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội khoa học. Những nguyên lý trong Cương lĩnh (bản mới) có ý nghĩa lịch sử sâu xa và ý nghĩa thời đại rộng lớn.

Việc giải thích khoa học về xã hội xã hội chủ nghĩa có liên quan đến những vấn đề lý luận và những nhiệm vụ thực tiễn quan trọng nhất của sự nghiệp hoàn thiện chủ nghĩa xã hội. Mác, Ăng-ghen và Lê-nin đã có những định hướng quan trọng về bản chất chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Song hoàn toàn lô gích và dễ

Digitized by Google

hiểu rằng các nhà kinh điển không thể dự đoán đầy đủ các luận điểm và những hình thức cụ thể của chủ nghĩa xã hội trong phần cuối của thế kỷ 20, thời kỳ mà cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống kinh tế — xã hội đối lập và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thứ hai diễn ra khác xa với trước đây. Chúng ta đang sống trong những điều kiện lịch sử mới rất phong phú và cũng vô cùng phức tạp, đòi hỏi phải đánh giá và tổng kết một cách khoa học mọi hiện tượng và sự kiện khách quan. « Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra. Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những điều kiện thực tại... » (1). Mối quan hệ qua lại giữa lý luận cách mạng và hiện thực xã hội là một quy luật cơ bản của quá trình phát triển của học thuyết Mác—Lê-nin. Nhiệm vụ của mọi người cộng sản là phải thường xuyên nắm vững mối quan hệ qua lại đó, nghĩa là phải luôn luôn đi sát với thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn. Đây chính là cội nguồn cho việc phát triển lý luận một cách sáng tạo dưới tác động của thực tiễn cách mạng, làm cho chủ nghĩa Mác — Lê-nin trở thành khoa học và nghệ thuật thật sự của cuộc sống hết sức đa dạng. Đó là bí quyết sức mạnh và sức sống bất diệt của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Cương lĩnh ĐCS Liên xô (bản mới) định nghĩa « chủ nghĩa xã hội là xã hội với ngọn cờ vạch rõ: « Tất cả vì con người, tất cả vì hạnh phúc của con người »... Cương lĩnh nêu lên chín điểm đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội. Sự định nghĩa đó cho phép người ta hiểu rằng xã hội xã hội chủ nghĩa chứa đựng một nội dung kinh tế—xã hội tương đối độc lập, có một chất lượng riêng, đã chín muồi ở giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời lại mang những đặc tính của một xã hội mới chưa thật chín muồi đối với giai đoạn hai của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Đây là sự tổng kết đầy đủ những gì mà chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô đã đạt được kể từ Cách mạng Tháng Mười, những thành tựu kỳ diệu đã đưa Liên xô tới đỉnh cao lịch sử mới, mở ra thời kỳ chủ nghĩa xã hội phát triển. Bảy thập kỷ chỉ là một quãng thời gian ngắn trong lịch sử phát triển lâu dài của xã hội loài người, lại phải đương đầu và đánh thắng những thế lực xâm lược lớn nhất của mọi thời đại, Liên xô đã trở thành một lực lượng khổng lồ theo nghĩa nghiêm chỉnh của từ này, cả sức mạnh vật chất, sức mạnh chính trị và tinh thần, sức mạnh của chế độ xã hội mới, nền văn minh mới, con người mới, lối sống mới. Đó là sức mạnh cải tạo thế giới cũ, xây dựng thế giới mới, sức mạnh bảo vệ mình và bảo vệ cả loài người, sức mạnh của tinh thần lao động sáng tạo, sức mạnh của trí tuệ được giải phóng và phát triển không ngừng của hàng trăm triệu người, sức mạnh của lối sống, phẩm chất và đạo đức, phong cách con người, sức mạnh của hệ tư tưởng của giai cấp công nhân được vũ trang cho cả một đất nước vĩ đại, sức mạnh của tình đoàn kết và thống nhất của một cộng đồng dân tộc vốn rất đa dạng, sức mạnh của lý tưởng cao đẹp và của thiện chí hòa bình, sức mạnh của tấm gương chói sáng nhất đối với tất cả các dân tộc.

Cách đây gần 140 năm, bản *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* trình bày bản phác thảo về xã hội tương lai, chỉ cho giai cấp công nhân và loài người tiến bộ con đường giải phóng. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người có sự khám phá thiên tài như vậy. Tuyên ngôn đã phát huy sức mạnh to lớn,

(1) C. Mác—Ph. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1974, tr. 67.

Digitized by Google

tập hợp những lực lượng cách mạng đông đảo của giai cấp công nhân các nước. Ngày nay, Cương lĩnh của ĐCS Liên xô giải đáp tất cả những vấn đề thực tiễn mà trước kia các nhà sáng lập học thuyết của chúng ta chỉ mới dự đoán. Cương lĩnh còn bổ sung và phát triển một loạt vấn đề về lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mà Tuyên ngôn chưa thể đề cập đến.

Như Cương lĩnh đã chỉ rõ, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Liên xô trải qua nhiều thời kỳ. Giữa giai đoạn thấp và giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, tất yếu phải trải qua những bước chuyển tiếp. Việc định hướng con đường phát triển như vậy, một mặt, đã đóng góp một cách xuất sắc, làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, mặt khác, tạo ra những căn cứ khoa học để tiếp tục đưa xã hội không ngừng tiến lên. Đảng cộng sản Liên xô đã xác định con đường hoàn thiện chủ nghĩa xã hội về các mặt chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội..., con đường đi tới mục tiêu cao nhất là chủ nghĩa cộng sản. Sự vận động và phát triển của chủ nghĩa xã hội phát triển như thế nào là tùy theo quy luật khách quan, không phụ thuộc ý muốn chủ quan của con người. Những khái niệm khoa học có liên quan đến xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển sẽ được cụ thể hóa và làm phong phú thêm tùy theo mức độ tiến lên và sự chín muồi về vật chất và tinh thần của xã hội, mức độ mà tất cả tính ưu việt, các tiềm năng, động lực và lý tưởng của chủ nghĩa xã hội đều phát huy đầy đủ nhất tác dụng của chúng. Sự khẳng định chủ nghĩa xã hội phát triển — giai đoạn chuyển tiếp để tiến lên chủ nghĩa cộng sản — là cả một thời kỳ lịch sử lâu dài, là một phát hiện lớn, nhưng trong hành động, phải tập trung mọi lực lượng giải quyết tất cả những vấn đề đã chín muồi. Tư tưởng chỉ đạo này có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động thực tiễn. Thể hiện tư tưởng này, Đảng cộng sản Liên xô đã vạch ra những nhiệm vụ lịch sử và những mục tiêu kinh tế xã hội cho 5 năm trước mắt và đến năm 2000. Đây là một chương trình cách mạng đồ sộ xưa nay chưa từng có, bao gồm cuộc cải cách lớn về cơ cấu kinh tế, về cơ chế quản lý, cách mạng khoa học và kỹ thuật, cách mạng tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống.

Phát triển kinh tế xã hội là tiền đề trọng yếu nhất để hoàn thiện chủ nghĩa xã hội. Chiến lược kinh tế của Đảng đòi hỏi phải có những cố gắng cao nhất để tạo ra một bước ngoặt trong nền kinh tế, tăng gấp đôi tiềm lực kinh tế vào cuối thế kỷ này. Để đạt được mục tiêu này, Liên xô đang tiến hành cuộc cải cách kinh tế, đưa nền kinh tế phát triển theo chiều sâu bằng cách sử dụng rộng rãi những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã tiến vào giai đoạn thứ hai. Cuộc cải cách này đang tác động và thúc đẩy toàn bộ các lĩnh vực hoạt động trong xã hội xô viết, cả trên lĩnh vực kinh tế, tư tưởng, tổ chức, văn hóa, lối sống, tạo ra cái thế, như Lê-nin nói, cách mạng là ngày hội của quần chúng. Cách mạng khoa học kỹ thuật, cải cách kinh tế, nếp sống mới, tác phong mới, đang thúc đẩy lẫn nhau, cùng tiến đến một phương hướng, một mục đích. Sức mạnh kinh tế là cơ sở. Chiến lược kinh tế mới coi việc xây dựng một cơ chế kinh tế mới, năng động là yêu cầu cấp bách nhất. Cơ chế mới dựa trên nguyên tắc kế hoạch hóa là trung tâm đồng thời triệt để sử dụng các đòn bẩy kinh tế nhằm động viên tới mức cao nhất tính chủ động, sáng tạo của người lao động và các đơn vị cơ sở.

ĐCS Liên xô đặt nhiệm vụ xã hội ngang tầm chiến lược với nhiệm vụ

Digitized by Google

kinh tế. Theo quan điểm của Mác, phát triển kinh tế là phương tiện để đạt tới mục đích xã hội, mục đích của sản xuất là con người. Còn tiến bộ khoa học, kỹ thuật, tiến bộ kinh tế đều nhằm phục vụ nhu cầu của người lao động. Một chính sách xã hội đúng đắn sẽ tác động trở lại như là công cụ có hiệu lực nhất để thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế. Đúng như Lê-nin đã từng nói, phân phối là công cụ, phương tiện để nâng cao sản xuất. Nhà nước làm tốt chức năng xã hội sẽ nâng cao tính tích cực lao động, ý thức tự giác chính trị của quần chúng. Đó là nhân tố quan trọng, là nguồn tiềm lực không bao giờ cạn để đẩy nhanh phát triển kinh tế, bảo đảm sự ổn định xã hội, hình thành con người mới, xác lập lối sống xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu trên lĩnh vực xã hội là không ngừng cải thiện điều kiện sống và lao động của nhân dân; thực hiện ngày càng đầy đủ công bằng xã hội; làm nhích lại gần nhau các giai cấp, các nhóm và tầng lớp xã hội và các dân tộc; xóa bỏ sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn. Vì vậy, chính sách xã hội không chỉ đơn thuần là nâng cao đời sống mà là giải quyết một loạt vấn đề có liên quan đến con người, từ điều kiện lao động, phúc lợi vật chất và văn hóa, đến quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc và quan hệ gia đình.

Chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi hoàn toàn và triệt để ở Liên xô. Một hình thái kinh tế xã hội hoàn toàn mới đã được xác lập. Tại đây, giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, lao động trí óc và chân tay, thành thị và nông thôn đã có sự nhích lại gần nhau hơn bất cứ nước nào. Xã hội xô viết đang hình thành sự thống nhất về xã hội và chính trị, các tầng lớp nhân dân lao động đang chuyển sang hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Chính từ tiền đề đó mà Cương lĩnh quy định việc thiết lập một xã hội không có giai cấp sẽ diễn ra cơ bản trong khuôn khổ của chủ nghĩa xã hội phát triển, tức là trong xã hội hiện nay. Mặc dù đây là cả một thời kỳ lịch sử lâu dài, nhưng nhiệm vụ xóa bỏ giai cấp về cơ bản là một nhiệm vụ hiện thực. Trong điều kiện đó, xét về bản chất giai cấp và hệ tư tưởng, ĐCS Liên xô vẫn là đảng của giai cấp công nhân. Điều này quyết định tính kế thừa cách mạng, tính giai cấp trong chính sách đối nội, đối ngoại và toàn bộ hoạt động cách mạng. Đồng thời, như điều lệ của Đảng đã chỉ rõ, ĐCS Liên xô là đội tiên phong chiến đấu đã được thử thách của nhân dân Liên xô tập hợp trên cơ sở tự nguyện bộ phận tiên tiến nhất, giác ngộ nhất trong giai cấp công nhân, nông dân tập thể và trí thức. Như vậy, khái niệm đảng của toàn dân không coi nhẹ và phủ định bản chất giai cấp của đảng mà cách nói đó phù hợp với bản chất cơ cấu xã hội hiện nay và xu hướng phát triển lâu dài của xã hội xô viết. Trong xã hội ấy, điều then chốt là thiết lập một cơ cấu xã hội không có giai cấp mà trong quá trình đó giai cấp công nhân giữ vai trò quyết định, tạo tiền đề để tiến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa, hoàn toàn xóa bỏ giai cấp. Trước nhiệm vụ cực kỳ to lớn đó, trong điều kiện quốc tế hết sức phức tạp do sự phản ứng của chủ nghĩa đế quốc và những vấn đề mới trong phong trào cộng sản, Cương lĩnh cho rằng vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản sẽ ngày càng tăng với những đòi hỏi cao hơn, những chất lượng mới hơn. Đảng thật sự đang đứng trước những thử thách hoàn toàn mới.

Chuyên chính vô sản đã đóng vai trò quyết định trong việc tạo lập nên xã hội mới, một xã hội công bằng, vĩnh viễn xóa bỏ chế độ tư hữu, nền tảng của chế độ người bóc lột người, nguồn gốc của chiến tranh tàn phá trong lịch sử loài người đã lần lượt

Digitized by Google

giết chết hàng trăm triệu người và kìm hãm sự tiến hóa, của mọi tai họa và sự tha hóa chính con người. Chủ nghĩa xã hội mở ra kỷ nguyên tự do thay cho kỷ nguyên tất yếu, trong đó con người làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân, sự phát triển của mỗi người là điều kiện phát triển của mọi người. Đó là sự giải phóng đầu tiên, chân chính và đầy đủ của xã hội, là bước phát triển vĩ đại nhất, là cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong lịch sử. Liên xô ngày nay đã là một xã hội như thế.

Sau khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử nói trên, chuyên chính vô sản chuyển từ chức năng trấn áp sự chống đối của các giai cấp đã bị lật đổ là chủ yếu, sang chức năng xây dựng và sáng tạo là chủ yếu. Chuyên chính vô sản trở thành hệ thống chính trị của toàn thể những người lao động, của toàn dân. Đảng cộng sản là hạt nhân của hệ thống đó. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị gồm Nhà nước xô viết, công đoàn, đoàn thanh niên, các tổ chức xã hội khác, hoạt động và phản ánh tính thống nhất và tính đặc thù về lợi ích của tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc trong cả nước. Củng cố và tăng cường Nhà nước xô viết là nhiệm vụ then chốt. Về mặt đối nội, Nhà nước là công cụ chủ yếu để hoàn thiện chủ nghĩa xã hội. Về mặt đối ngoại, Nhà nước là công cụ để bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân mình, củng cố vị trí của chủ nghĩa xã hội thế giới, chống xâm lược, duy trì sự cân bằng lực lượng chiến lược giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, phát triển hợp tác quốc tế với tất cả các dân tộc.

Do sự vận động và thay đổi trong cơ cấu xã hội xô viết cho nên tính chất của Đảng và Nhà nước xô viết đang thay đổi. Đây là một quá trình lâu dài và là xu thế tất yếu, tiến bộ, phát triển. Trong thời kỳ lịch sử mới, quá trình đó đi đôi với việc không ngừng tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội và không ngừng tăng cường chức năng đối nội và đối ngoại của Nhà nước xô viết.

ĐCS Liên xô xác định chiến lược kinh tế hiện thực, chính sách xã hội có hiệu quả và công tác giáo dục tư tưởng có mục đích là một chỉnh thể, một chiến lược thống nhất. Tất cả nhằm phát động nhân tố con người. Nhân tố con người là điều kiện quyết định sự thành bại của mọi nhiệm vụ đề ra trong Cương lĩnh. Yêu cầu quan trọng nhất là phải làm cho mọi người lao động nhận thức được trách nhiệm phải tạo ra một bước ngoặt trong sự phát triển kinh tế xã hội xô viết. Đảng đặt công tác tư tưởng trên thế tiến công nhằm gạt bỏ mọi yếu tố tiêu cực, trì trệ, xoay chuyển mọi nếp nghĩ lỗi thời ngăn cản bước tiến của cái mới. Làm theo lời dạy của Lê-nin, Đảng nêu cao tác dụng của phê bình và tự phê bình trong toàn xã hội, đấu tranh chống mọi biểu hiện sai trái, xây dựng tư tưởng và phong cách cách mạng. Liên xô được lịch sử giao phó sứ mệnh quang vinh là người đi tiên phong, người mở đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Một loạt nhiệm vụ nặng nề nhưng rất vẻ vang đang đặt trước mọi công dân xô viết và những người cộng sản Liên xô. Đảng cần những con người mong muốn và có thể xoay chuyển được tình hình, dám vươn tới những yêu cầu mới của thời đại. Đảng đánh giá mọi người theo tinh thần mới, theo kết quả lao động, theo mức độ của lòng tận tụy và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Toàn bộ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là nhằm xây dựng con người mới, phát triển hài hòa cả thể chất lẫn tinh thần, có nhiệt tình lao động, lạc quan, trong sáng, lành mạnh, có kỷ luật và ý thức trách nhiệm cao. Nội dung công tác tư tưởng là xác lập cho mọi người thế giới quan

Digitized by Google

khoa học ; đạo đức cộng sản chủ nghĩa bao gồm ý thức tập thể, lòng nhân đạo, tinh thần tích cực và hăng hái ; chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế ; chủ nghĩa vô thần ; chống tư tưởng và lối sống tư sản. Tất cả đều nhằm định hướng cho một lối sống xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

★

Không gì có thể thay thế phương pháp biện chứng khoa học. Cương lĩnh xem xét các hiện tượng, các lực lượng trên vũ đài quốc tế cũng như những biến đổi của chúng theo phương pháp biện chứng và theo quan điểm giai cấp, dựa trên quy luật phát triển khách quan, xu thế của thời đại. Từ đó vạch ra bản chất vốn có của sự vật, đánh giá đúng đắn vai trò của chúng, không gán cho sự vật những gì mà nó không có. Điều quan trọng hơn là vạch ra chiều hướng vận động của sự vật hoặc là phát triển hoặc là tiêu vong, mà quy luật tất yếu và quan trọng nhất là chủ nghĩa xã hội nhất định thay thế chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Những người cộng sản mang trong mình bản tính lạc quan cách mạng. Khi phân tích lực lượng thù địch là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bá quyền, không đơn thuần chỉ thấy xu thế suy vong. Cũng như khi xem xét hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, không nên chỉ nói thuận lợi, mà không thấy khó khăn và những bước quanh co tạm thời. Hơn nữa, phải hiểu thế giới trong mối quan hệ tổng thể. Khi nói đến thắng lợi tất yếu của lực lượng này tức có nghĩa là sự thất bại không tránh khỏi của một lực lượng khác. Khi nói đến nguồn gốc của chiến tranh tất yếu phải thấy cần đấu tranh để xóa bỏ nguồn gốc đó. Cương lĩnh khái quát bản chất sự vật nhưng còn có nhiệm vụ vạch hướng tiến lên, đây là điều quan trọng hơn. Trên ý nghĩa này, Cương lĩnh còn là chiến lược, sách lược, không chỉ là chiến lược, sách lược đối nội, mà còn là chiến lược, sách lược đối ngoại.

Cương lĩnh giải thích theo tinh thần mới sự phát triển của tình hình quốc tế, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, tính chất của thời đại, các động lực của cách mạng thế giới, các quy luật phổ biến của sự phát triển chủ nghĩa xã hội, vai trò của chủ nghĩa xã hội và của ĐCS Liên xô, vấn đề chiến tranh và hòa bình.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã mở ra quá trình không thể đảo ngược là chủ nghĩa tư bản nhất định bị thay thế bằng hình thái xã hội—kinh tế cao hơn là chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội đã tạo ra bước ngoặt trong lịch sử toàn thế giới, xác định phương hướng chung và xu thế chủ yếu của sự phát triển thế giới. Chủ nghĩa xã hội từ chỗ là một hiện thực ở một nước nay đã trở thành một hệ thống thế giới. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự tăng cường và củng cố cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng trên trường quốc tế có lợi cho các dân tộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì tiến bộ xã hội và hòa bình. Cộng đồng xã hội chủ nghĩa là lực lượng có uy tín nhất của thời đại. Trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, một quan hệ hoàn toàn mới đã giữ vai trò quyết định.

Phong trào cộng sản quốc tế là đội tiên phong của phong trào công nhân, của tất cả các lực lượng cách mạng thế giới. Phong trào cộng sản quốc tế là lực lượng chính trị, tư tưởng có ảnh hưởng mạnh nhất của thời đại.

Cuộc đấu tranh chống đế quốc của các nước mới lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân nhằm củng cố nền độc lập của mình, vì tiến bộ xã hội là bộ phận cấu thành quan trọng của

Digitized by Google

quá trình cách mạng thế giới. Sự xuất hiện các nước mới giành được độc lập có ảnh hưởng to lớn đối với so sánh lực lượng trên thế giới. Một xu thế tất yếu là lợi ích của các nước mới độc lập nhất định mâu thuẫn với lợi ích của chủ nghĩa đế quốc. Trong khi đó, các nước mới giành được độc lập là đồng minh tự nhiên của chủ nghĩa xã hội. Trên thực tế, một loạt nước mới được giải phóng đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa. Ngày càng có nhiều dân tộc không tin vào chủ nghĩa tư bản và muốn phát triển theo phương hướng xã hội chủ nghĩa. Hiện tượng này có ý nghĩa lịch sử lớn lao vì nó phù hợp với xu hướng phát triển của loài người.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại khác nhiều so với thời kỳ đầu và giữa thế kỷ 20. Nó vẫn còn mạnh và nguy hiểm nhưng thời cường thịnh của nó đã chấm dứt. Về mặt kinh tế, chủ nghĩa tư bản bóc lột ngày càng tinh vi hơn, phức tạp hơn, đe dọa nghiêm trọng quyền lợi của người lao động ở trong nước và các nước khác. Về mặt chính trị, tính chất phản động của chủ nghĩa đế quốc ngày càng tăng về mọi mặt. Chủ nghĩa đế quốc không muốn chấp nhận hiện thực chính trị của thế giới hiện đại. Nó muốn giành lại những vị trí đã mất. Nó điên cuồng chống chủ nghĩa xã hội, chống tất cả các phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc. Đinh lũy của thế lực phản động quốc tế là chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Nguy cơ chiến tranh bắt nguồn trước hết từ nước đầu sỏ này của thế giới cũ.

Tuy nhiên, chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản mục nát đang giãy chết, là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Không một thủ đoạn xảo quyệt nào của chủ nghĩa tư bản hiện đại có thể làm thay đổi quy luật phát triển của nó, có thể loại trừ được mâu thuẫn đối kháng sâu sắc giữa lao động và tư bản, giữa toàn xã hội và tư bản độc quyền. Mâu thuẫn bên trong xã hội tư bản chủ nghĩa ngày càng gay gắt. Không một mưu đồ nào có thể giúp hệ thống tư bản chủ nghĩa tránh khỏi diệt vong. Phạm vi thống trị của chủ nghĩa tư bản không ngừng bị thu hẹp. Tính tất yếu bị diệt vong của nó về mặt lịch sử ngày càng rõ ràng. Cương lĩnh của ĐCS Liên xô là một cương lĩnh đấu tranh chính trị, tư tưởng để chống chủ nghĩa đế quốc, xóa bỏ chủ nghĩa đế quốc, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, nguồn gốc của mọi bất công và tai họa. Sự phân tích tổng hợp về tình hình quốc tế trong Cương lĩnh (bản mới) giúp cho những người cách mạng các nước có cách nhìn đúng đắn về cục diện chung.

Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên xô cho rằng vấn đề nóng bỏng nhất hiện nay là vấn đề chiến tranh và hòa bình; cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau là lối thoát duy nhất hợp lý. Đây thật sự là một cương lĩnh hòa bình. Điều này có liên quan chặt chẽ với đường lối đối nội, nhằm phát triển kinh tế xã hội để hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, chuẩn bị điều kiện để tiến lên giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản. «Những cội rễ sâu xa nhất của chính sách đối nội cũng như chính sách đối ngoại của nhà nước chúng ta đều do những lợi ích kinh tế, địa vị kinh tế của các giai cấp thống trị ở nước ta quyết định» (2). Hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, đó là lợi ích cao nhất, quan trọng nhất trong thời gian lịch sử hiện nay của Liên xô. Chính sách nói chung trong đó có chính sách đối ngoại là khoa học và là nghệ thuật. Phải có một chiến lược đối ngoại hiện thực nhằm đạt được mục tiêu bằng cùng tồn tại hòa bình, thông qua hòa bình, chứ không phải thông qua chiến tranh. Chiến tranh hiện đại không chỉ

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 403 – 404.

Digitized by Google

cản trở mà còn hủy diệt công cuộc lao động và mọi thành quả lao động. Phải có một quan điểm hiện thực về vấn đề lớn này — vấn đề chiến tranh và hòa bình. Việc bảo vệ hòa bình và chấm dứt chạy đua vũ trang, chấm dứt sự tích lũy những vũ khí hủy diệt, là điều kiện hàng đầu để cho nền văn minh có thể tiến lên và để cho loài người có thể đem trí tuệ và của cải tập trung vào sự nghiệp lao động hòa bình. Chúng ta phải làm thế nào để các dân tộc tin tưởng tuyệt đối rằng chủ nghĩa xã hội là hòa bình, là chống chiến tranh. Hòa bình là thuộc tính của chủ nghĩa xã hội. Chiến tranh là sản phẩm của xã hội có giai cấp, của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc. Lịch sử loài người cho đến chủ nghĩa tư bản là lịch sử chiến tranh và hòa bình xen kẽ nhau trong đó hòa bình là để chuẩn bị cho chiến tranh. Chiến tranh không phải là sản phẩm của mọi giai đoạn lịch sử, của mọi xã hội. Chiến tranh không thể là định mệnh. Chủ nghĩa xã hội là « một xã hội mới mà nguyên tắc quốc tế sẽ là *Hòa bình*, vì rằng trong mỗi một dân tộc đều cũng sẽ do một nguyên tắc này chi phối, tức là *lao động* » (3). Lịch sử của chủ nghĩa xã hội phải là lịch sử hòa bình, hòa bình nối tiếp hòa bình. Hòa bình là sản phẩm của xã hội dựa trên lao động để tồn tại. Hòa bình là đặc trưng của lao động. Hòa bình, lao động, chủ nghĩa xã hội gắn liền với nhau, quy định lẫn nhau. Dĩ nhiên, sứ mệnh bảo vệ hòa bình, duy trì hòa hoãn là của chủ nghĩa xã hội, là của tất cả các lực lượng tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Liên xô đang thi hành chính sách đối ngoại tiến công, đưa ra kế hoạch loại trừ vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt, được cả loài người tiến bộ nhiệt liệt đồng tình và ủng hộ. Chính sách đối ngoại ấy rất chủ động, đang tập hợp được những lực lượng rộng rãi trên thế giới trong cuộc đấu tranh đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc không chịu chấp nhận hiện thực chính trị của thế giới hiện đại, chúng chống phá ác liệt để phục thù trên phạm vi toàn thế giới. Dinh lũy của các thế lực phản động quốc tế là đế quốc Mỹ. Nguy cơ chiến tranh xuất hiện trước hết từ chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Trước sự ngoan cố và hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc, chúng ta không thể ngồi chờ hòa bình, mà phải đấu tranh. Trước hết chúng ta cần mạnh lên, phải tập trung cố gắng cao độ để phát triển kinh tế xã hội. Mặt khác, phải có chiến lược, sách lược đối ngoại có nguyên tắc, khôn ngoan, và cần có sự phối hợp lực lượng của tất cả mọi dân tộc yêu chuộng hòa bình.

Do bản chất của chủ nghĩa đế quốc, cho nên đấu tranh bảo vệ hòa bình luôn luôn mang tính chất chống đế quốc, hòa bình và cách mạng đi đôi với nhau, không phủ định lẫn nhau. Hòa bình và hòa hoãn là điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, tiến bộ xã hội, cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quan điểm hòa bình không tách khỏi quan điểm giai cấp. Giai cấp công nhân là giai cấp trung tâm của thời đại, là giai cấp có đầy đủ điều kiện nhất để giương cao ngọn cờ hòa bình. Đây là thời cơ tốt mà chúng ta cần nắm lấy để tiến lên. Trong khung cảnh hòa bình và hòa hoãn, trong tình hình quốc tế dịu đi, không được ảo tưởng và lơ là cảnh giác. Kẻ thù không ngừng hoạt động phá hoại chúng ta về mọi mặt. Kẻ thù của hòa bình đã lùi một bước, nhưng chúng chưa thay đổi bản chất. Cùng tồn tại hòa bình là một hình thức mới của đấu tranh cách mạng. Cương lĩnh hòa bình của Liên xô là vũ khí sắc bén nhất để ngăn chặn chạy đua vũ

(3) C. Mác : *Nội chiến ở Pháp 1871*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1961, tr. 35.

Digitized by Google

trang, tước vũ khí chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc. Chiến lược hòa bình được nêu trong Cương lĩnh không chỉ xuất phát từ thiện chí, từ bản chất nhân đạo xã hội chủ nghĩa, từ ý thức trách nhiệm cao cả của ĐCS Liên xô và Nhà nước xô viết đối với vận mệnh của loài người, mà còn dựa trên cơ sở hiện thực. Cơ sở đó là sự cân bằng lực lượng quân sự chiến lược giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc. Cương lĩnh còn tiến xa hơn, nhằm phát triển sự cân bằng nói trên sang lĩnh vực kinh tế, khoa học và kỹ thuật. Đó là tiền đề bền vững của hòa bình và của việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

★

Sự phát triển của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và to lớn nhất, trụ cột vững chắc của thế giới mới, người khai phá con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản có quan hệ chặt chẽ đến vận mệnh của tất cả các dân tộc, trước hết là toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa và cả học thuyết cách mạng của chúng ta.

Cương lĩnh mà Đại hội XXVII ĐCS Liên xô thông qua (4) là đỉnh cao mới của sự khái quát thực tiễn và sáng tạo lý luận, là thành tựu xuất sắc của tư tưởng khoa học xã hội, là sự đóng góp quan trọng nhất đối với kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, mang lại cho chủ nghĩa xã hội khoa học một sức sống mới, một khả năng mới. Chiến lược hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa cộng sản và chiến lược hòa bình được nêu trong Cương lĩnh là hoàn toàn hiện thực, có căn cứ khoa học về lý luận và thực tiễn. Nội dung sâu sắc của Cương lĩnh quán triệt toàn bộ cuộc đấu tranh chính trị và tư tưởng của thời đại. Những nguyên lý trong Cương lĩnh có ý nghĩa lý luận và thực tiễn không chỉ đối với Đảng cộng sản và nhân dân Liên xô mà còn đối với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, tất cả các đảng cộng sản và công nhân, và cả loài người tiến bộ. Đây là văn kiện lý luận sáng tạo và mang ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Nhân dân thế giới đón chào Cương lĩnh của ĐCS Liên xô như đón chào làn gió mới trong lành xua tan những đám mây đen của chủ nghĩa chống cộng, chống Liên xô, bắt nguồn từ chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động và bành trướng bá quyền.

Các dân tộc đã từng bị áp bức đón chào Cương lĩnh với lòng tin và sự ngưỡng mộ những thành tựu rực rỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô, thành trì của hòa bình và tiến bộ xã hội, hiện thân của một xã hội mới tốt đẹp — niềm mơ ước của loài người tiến bộ —, đất thánh của chương trình không lồ đưa con người tiến lên đỉnh cao của nền văn minh nhân loại.

Các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới hết sức vui mừng và trân trọng những giá trị sáng tạo của Cương lĩnh đang soi sáng con đường đấu tranh cho một xã hội tươi đẹp nhất và cho một thế giới yên lành.

Nhân dân Việt nam đón chào Cương lĩnh của ĐCS Liên xô với tình thân lạc quan và niềm tin vô hạn không phải chỉ vì Liên xô là người giúp đỡ và cổ vũ lớn nhất đối với sự nghiệp cách mạng của chúng ta mà còn vì bản Cương lĩnh đã chỉ cho chúng ta một loạt vấn đề lý luận và

(Xem tiếp trang 30)

(4) Cương lĩnh thứ ba của Đảng cộng sản Liên xô được thông qua năm 1961. Đại hội XXVI năm 1981 đã quyết định sửa đổi cương lĩnh đó. Cương lĩnh do Đại hội XXVII thông qua vẫn là cương lĩnh thứ ba nhưng được viết lại và nâng lên tầm cao mới.

Digitized by Google

Tiếp tục thực hiện đúng đắn Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương đảng

NGÀY 17-6-1985, tại Hội nghị thứ 8, Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã thông qua Nghị quyết về giá — lương — tiền, đề ra những mục tiêu, chủ trương và biện pháp lớn nhằm xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trong đó việc giải quyết vấn đề giá — lương — tiền được coi là khâu đột phá. Việc truyền đạt Nghị quyết đó đã nhanh chóng tạo ra sự nhất trí, tin tưởng, phấn khởi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, động viên mọi người ra sức phấn đấu vươn lên và đạt những thành tích mới trong sản xuất, kinh doanh. Nhiều địa phương và cơ sở đã tiến hành bù giá vào lương; nhiều nơi đã cải tiến tổ chức và quản lý theo phương thức hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán vươn lên nắm hàng, nắm tiền, giành quyền làm chủ thị trường. Sản xuất được thúc đẩy phát triển; hàng hóa lưu thông được tốt hơn; đời sống người ăn lương được ổn định và phát triển một phần. Các cơ sở sản xuất phấn đấu tăng năng suất lao động, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhiều mặt tiêu cực trong sản xuất và phân phối lưu thông được hạn chế. Những kết quả bước đầu đó nói lên sự đúng đắn của Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ chính trị. Nếu các nghị quyết này được quán triệt và tổ chức thực hiện đúng đắn, chắc chắn hoạt động kinh tế xã hội nước ta có những chuyển biến mạnh mẽ và những bước phát triển mới.

Song, do việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ chính trị có những sai sót, cho nên từ cuối năm 1985 đến nay tình hình kinh tế xã hội nước ta có những diễn biến phức tạp: giá cả tăng đột biến; sức mua của đồng tiền giảm sút; tiền lương thực tế của cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang cũng giảm sút theo... Bọn phá hoại, bọn đầu cơ, buôn lậu hoạt động ráo riết làm cho giá cả, thị trường rối thêm. Sở dĩ trước mắt tình hình kinh tế xã hội nước ta có những diễn biến phức tạp, là do chúng ta có những thiếu sót trong việc thực hiện hai nghị quyết nói trên của Đảng, nhất là trong việc đổi tiền và tổng điều chỉnh giá và lương với mức độ rất cao. Chúng ta cần có sự đánh giá đúng, có những biện pháp xử lý kiên quyết và đúng đắn, nhanh chóng xoay chuyển tình thế, đưa hoạt động kinh tế xã hội nước ta tiến lên theo hướng mà các nghị quyết các hội nghị 6, 7, 8, 9 của Trung ương Đảng đã đề ra.

★

Để nhanh chóng khắc phục tình hình kinh tế xã hội không bình

Digitized by Google

thường hiện nay, tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ chính trị, cần kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm đã mắc phải, phát huy những kết quả bước đầu đã thu được. Cần tiến hành ngay những biện pháp cấp bách, đặc biệt, kiên quyết nhưng vững chắc và có hiệu lực, nhằm làm chủ thị trường và giá cả, ổn định tài chính và tiền tệ, ổn định đời sống nhân dân và công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, làm cho hoạt động kinh tế xã hội trở lại bình thường và phát triển tốt.

Việc sửa chữa khuyết điểm, ổn định tình hình kinh tế xã hội phải trên cơ sở nắm vững và quyết tâm thực hiện đúng đắn Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ chính trị theo những bước đi vững chắc nhằm hình thành cơ chế quản lý mới theo hướng hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; không được vì những khó khăn trước mắt mà quay trở lại cơ chế quản lý cũ theo lối tập trung quan liêu, bao cấp.

Trước hết cần phải ra sức sắp xếp lại và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Nhiệm vụ này phải được thực hiện đồng thời với nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1986. Huy động mọi lực lượng lao động, vật tư, nguyên liệu hiện có để phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất lương thực và những mặt hàng thiết yếu cho đời sống nhân dân. Hết sức khuyến khích và tạo điều kiện cho các ngành và các địa phương phát triển mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Chấn chỉnh lại tổ chức cung ứng vật tư nhằm thực hiện đúng hợp đồng, bảo đảm đưa nhanh vật tư đến cơ sở sản xuất đúng theo kế hoạch, đúng số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm và giá chỉ đạo của Nhà nước, không phải qua nhiều khâu trung gian với những thủ tục phiền phức; nghiêm trị những hành động ăn cắp, hối lộ, cửa quyền và những tiêu cực khác trong việc cung ứng vật tư. Đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh. Phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh. Sắp xếp lại tổ chức và bộ máy, bãi bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết.

Một công tác cực kỳ quan trọng là tăng cường và củng cố thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, mở rộng giao lưu hàng hóa, đẩy mạnh cải tạo thương nghiệp tư doanh, quản lý chặt chẽ thị trường, giá cả. Cần phấn đấu nhanh chóng làm chủ được thị trường, chi phối được giá cả trên thị trường xã hội, trước hết là ở những địa bàn trọng điểm, đối với những mặt hàng quan trọng. Mở rộng giao lưu hàng hóa; nghiêm cấm việc tùy tiện đặt các trạm kiểm soát, gây trở ngại cho lưu thông và sinh hoạt của nhân dân; chấm dứt chia cắt thị trường theo địa giới hành chính. Thực hiện ngay việc Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh thóc gạo và những vật tư chiến lược. Có chính sách và tổ chức tốt để Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh những mặt hàng thiết yếu cho đời sống. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán phải vươn lên nắm tuyệt đại bộ phận bán buôn và phần lớn bán lẻ các loại hàng tiêu dùng và dịch vụ quan trọng trên thị trường xã hội. Chấm dứt việc các xí nghiệp dùng sản phẩm của mình để

Digitized by Google

thưởng và phân phối nội bộ. Tập trung sản phẩm công nghiệp vào thương nghiệp quốc doanh và đưa nhanh sản phẩm ra tiêu thụ, phân phối đến tay người tiêu dùng. Tăng cường giáo dục và kiểm tra chặt chẽ đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan Nhà nước, nhất là các ngành thương nghiệp (bao gồm cả nội thương, ngoại thương, vật tư), ngân hàng, tài chính, vận tải... Kiên quyết loại trừ những phần tử thoái hóa, biến chất trong cơ quan Nhà nước, xử lý nghiêm minh và kịp thời những hành vi tiêu cực, ăn cắp, cân đo gian lận, móc nối với bọn đầu cơ, buôn lậu. Đình chỉ ngay hoạt động kinh doanh buôn bán của tất cả các cơ quan, đoàn thể không có chức năng kinh doanh thương nghiệp. Đối với những cán bộ, đảng viên buôn bán đầu cơ, vi phạm pháp luật, phải kiên quyết xử lý theo pháp luật. Việc liên kết kinh tế giữa các đơn vị và các địa phương phải có kế hoạch, bàn bạc với nhau, tránh tình trạng tranh mua, tranh bán, móc ngoặc. Thường xuyên tiến hành công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh. Tư nhân không được kinh doanh những mặt hàng mà Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh. Kiên quyết trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn phe phẩy chuyên nghiệp, loại trừ ngay chợ đen buôn bán những mặt hàng do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Sắp xếp lại tiểu thương, sử dụng họ trong thương nghiệp với những hình thức thích hợp, hoặc chuyển sang sản xuất, dịch vụ, tạo điều kiện cho họ có công ăn việc làm. Sắp xếp lại các chợ và trung tâm giao lưu hàng hóa; mở rộng mạng lưới cửa hàng mua bán, ký gửi đồ cũ và các loại hàng nhập theo đường phi mậu dịch. Quản lý chặt chẽ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và giá mua bán hàng xuất khẩu, nhập khẩu của các ngành và các địa phương. Thực hiện phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa để thống nhất việc xuất khẩu các loại hàng quan trọng vào một đầu mối xuất khẩu ở trung ương hoặc ở từng khu vực để chấm dứt tình trạng tranh mua ở trong nước và tranh bán ở ngoài nước. Các công ty xuất khẩu không được cửa quyền, ép giá đối với người sản xuất. Phải thông báo rõ giá cả quốc tế cho người sản xuất hàng xuất khẩu biết và phải bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ cho người bán hàng xuất khẩu. Ngăn chặn và xử lý nghiêm những hành vi tranh mua hàng xuất khẩu đẩy giá lên cao, quản lý chặt chẽ vàng bạc và ngoại tệ theo các chế độ Nhà nước đã ban hành. Chấm dứt tình trạng mua bán, trao đổi bằng ngoại tệ ở trong nước giữa các ngành, các địa phương và cơ sở. Nếu nhường lại cho nhau quyền sử dụng ngoại tệ thì phải qua ngân hàng.

Một công tác quan trọng là đấu tranh bình ổn vật giá, kiểm soát và chi phối giá cả trên thị trường xã hội, chặn đứng tình trạng giá lên cao đột biến, không bị động chạy theo giá thị trường tự do. Trên cơ sở giá đã quy định, soát xét lại các loại giá, giải quyết đúng đắn những vướng mắc, rối ren về giá cả để các cơ sở sản xuất, kinh doanh, thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất và lưu thông, chuyển mạnh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho tình hình thị trường và giá cả đi vào thế ổn định. Giữ giá những vật tư cơ bản theo mức đã công bố. Tăng cường hạch toán kinh tế, thực hành tiết kiệm triệt để, giảm tiêu hao vật tư, giảm giá thành trong sản xuất. Xác định tỉ giá hợp lý giữa nông sản phẩm và công nghệ phẩm bằng cách chỉ đạo chặt chẽ giá mua nông sản và giá bán vật tư, hàng công nghiệp cho nông dân. Nghiêm

Digitized by Google

cấm việc tùy tiện nâng giá vật tư dưới mọi hình thức. Phấn đấu để bình ổn giá, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu. Nói chung phải phấn đấu thực hiện cơ chế một giá theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ chính trị. Những nơi có điều kiện về quỹ hàng và thị trường thì vẫn thi hành cơ chế một giá. Ở những nơi tình hình cung cầu còn căng thẳng, thị trường, giá cả đang biến động mạnh, thì tạm thời trước mắt áp dụng hai giá đối với một số ít mặt hàng thiết yếu: bán theo định lượng với giá ổn định cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và những người có quan hệ hợp đồng kinh tế với Nhà nước; đối với các đối tượng khác thì bán theo giá kinh doanh thương nghiệp. Đối với những mặt hàng không thiết yếu, những hàng cao cấp, thì bán theo giá kinh doanh linh hoạt và có chỉ đạo, có tác dụng đấu tranh chống đầu cơ và bình ổn giá cả. Nhà nước công bố giá các mặt hàng do Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh, để nhân dân yên tâm về giá hàng của Nhà nước; thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã bán đúng giá niêm yết; không để cho tư thương đẩy giá lên cao. Nhanh chóng triển khai các hệ thống cung ứng vật tư, thương nghiệp bán lẻ, thu mua, vận tải, tín dụng xuống tận cơ sở, hoạt động nhạy bén và phối hợp chặt chẽ với nhau để phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân. Thực hiện phân công, phân cấp quản lý giá. Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật giá. Không được tự định giá vượt quyền được giao. Các cấp chính quyền và các đoàn thể quần chúng cùng nhau phối hợp tiến hành kiểm tra, kiểm soát giá một cách nghiêm ngặt và liên tục.

Biện pháp quan trọng nhất hiện nay để bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang là phấn đấu bình ổn giá thị trường xã hội. Những nơi bán các mặt hàng thiết yếu theo một giá thì bù giá vào lương cho công nhân viên chức một cách thích hợp. Dù bán theo một giá hay hai giá đều phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của Nhà nước và bảo đảm cung ứng lương thực, thực phẩm và các hàng tiêu dùng thiết yếu đến tay công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và những người ăn theo. Tùy tình hình giá sinh hoạt cụ thể ở từng địa phương mà có phụ cấp đắt đỏ cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Chế độ lương khoán, lương sản phẩm cần được mở rộng để kích thích tăng năng suất, tăng hiệu quả trong sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động. Thực hiện khoán quỹ lương cho cơ sở, khuyến khích đơn vị cơ sở dùng hết khả năng để mở rộng sản xuất, sử dụng các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để chăm lo đời sống công nhân, viên chức. Chế độ lương mới đã ban hành cần được thực hiện nghiêm chỉnh, không được tự ý đặt ra các chế độ phụ cấp, trợ cấp riêng ở các ngành và các địa phương.

Việc ổn định nền tài chính quốc gia, giữ sức mua của đồng tiền là một công việc quan trọng và cấp bách. Phấn đấu thực hiện thăng bằng thu chi ngân sách theo nguyên tắc chi trong phạm vi nguồn thu, tích cực tăng thu để bảo đảm chi, lường thu mà chi, có thu mới có chi. Tích cực tạo nguồn thu, cả cho ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, cả trong khu vực kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, cá thể và tư nhân.

Digitized by Google

Thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt để giảm chi ngân sách. Sắp xếp lại và tinh giản bộ máy quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương. Giảm mạnh biên chế hành chính để chuyển sang sản xuất, kinh doanh và các ngành dịch vụ cần thiết. Loại trừ mọi chi tiêu phô trương, hình thức, lãng phí. Tăng cường kiểm tra, thanh tra về tài chính của tất cả các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở ; xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm chế độ tài chính của Nhà nước, như : chi tiêu sai nguyên tắc, sai chế độ, lập quỹ trái phép, tùy tiện đặt ra nguồn thu bất hợp lệ trái với pháp luật Nhà nước, xóa bỏ từng bước chế độ bao cấp. Quản lý chặt chẽ giá thu mua và quỹ lương. Cải tiến phương thức gửi và rút tiền tiết kiệm để động viên nhân dân có tiền dư đem gửi vào ngân hàng. Đổi mới phương thức thanh toán của ngân hàng, khuyến khích việc thanh toán bằng chuyển khoản hoặc séc qua ngân hàng, không cần phải giữ nhiều tiền mặt. Giữ nghiêm kỷ luật về quản lý tiền mặt. Đi đôi với việc tổ chức cung cấp theo định lượng cho những người ăn lương, cần sử dụng hình thức thanh toán nhằm giảm lượng tiền mặt trả lương. Mở rộng hình thức hợp đồng kinh tế với nông dân, thợ thủ công, ứng trước tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu để thu mua mà không cần dùng nhiều tiền mặt. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng ; bán hàng tiêu dùng và mở rộng dịch vụ để thu tiền về. Đổi mới cơ chế hoạt động của ngân hàng. Trước mắt các cơ sở sản xuất kinh doanh quốc doanh và tập thể có nhu cầu chính đáng về vốn mà ngân hàng chưa đáp ứng đủ, được huy động vốn của cán bộ, công nhân, xã viên với lãi suất thỏa đáng và cách thanh toán thuận tiện. Hình thức này là tạm thời và sẽ không cần thiết nữa khi ngân hàng thật sự kinh doanh tiền tệ, thu hút được mọi nguồn vốn nhàn rỗi, bảo đảm cung ứng vốn cần thiết cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

★

Để tiếp tục thực hiện đúng đắn Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng, cần nắm vững các chủ trương và biện pháp cấp bách trên đây, đưa hoạt động kinh tế xã hội trở lại bình thường và phát triển tốt. Toàn Đảng, toàn dân cần nhận thức rõ tình hình thực tế hiện nay, hiểu đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, ra sức phấn đấu, khắc phục khó khăn, thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước năm 1986, thiết thực chuẩn bị Đại hội thứ VI của Đảng. Phải giữ nghiêm kỷ luật chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự nhất trí cao, sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, trong bộ máy Nhà nước, trong các tổ chức sản xuất, kinh doanh, từ trung ương đến cơ sở.

Truyền thống của Đảng ta và của nhân dân ta là càng gặp khó khăn càng tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu, vượt mọi khó khăn, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên giành những thắng lợi mới càng to lớn hơn. Phát huy truyền thống tốt đẹp đó, chúng ta hãy dũng cảm tự phê bình và phê bình, sửa chữa những sai lầm và khuyết điểm đã mắc phải, phát huy những kết quả bước đầu đã đạt được trong việc thực hiện nghị quyết 8 của Trung ương, cùng nhau đoàn kết phấn đấu, nghiêm chỉnh thực hiện các nghị quyết của Đảng, tạo ra sự chuyển biến tốt đẹp trong hoạt động kinh tế xã hội của nước ta.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

THẬT SỰ COI CÁCH MẠNG KHOA HỌC-KỸ THUẬT LÀ THEN CHỐT

BIẾN khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp, cách mạng khoa học—kỹ thuật trên thế giới đang phát triển với nhịp độ rất nhanh, thâm nhập ngày càng sâu vào mọi lĩnh vực của sản xuất và đời sống.

Đảng ta coi khoa học là một động lực cách mạng. Từ Đại hội thứ III, Đảng đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của khoa học và kỹ thuật trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội thứ IV xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, khẳng định phải «... tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng — cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học—kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt».

Năm 1981, Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng ra Nghị quyết 37/NQ—TƯ *Về chính sách khoa học và kỹ thuật*. Nghị quyết vạch ra những phương hướng khoa học và kỹ thuật chủ yếu nhằm phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội trước mắt và lâu dài. Nghị quyết chỉ rõ phải phát huy và phát triển tiềm lực khoa học và kỹ thuật trong nước, tăng cường hợp tác quốc tế, trước hết với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, nhằm sử dụng tối đa mọi thành tựu khoa học và kỹ thuật của thế giới. Nghị quyết xác định phải cải tiến quản lý khoa học và kỹ thuật nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách khoa học và kỹ thuật, sử dụng tối ưu tiềm lực khoa học và kỹ thuật, nâng cao hiệu quả kinh tế của các hoạt động khoa học và kỹ thuật.

Đại hội thứ V của Đảng một lần nữa khẳng định vị trí then chốt của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong ba cuộc cách mạng ở nước ta hiện nay, coi đẩy mạnh hoạt động khoa học và kỹ thuật là một trong mười chính sách lớn để thực hiện bốn mục tiêu kinh tế và xã hội tổng quát trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Các nghị quyết của Đảng là cơ sở quan trọng cho việc định hướng các hoạt động khoa học và kỹ thuật, khẳng định rằng điều kiện kinh tế càng khó khăn, trình độ kỹ thuật của sản xuất càng thấp kém thì càng phải chú trọng đầu tư cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật, coi đó là con đường giải quyết triệt để các khó khăn kinh tế và đời sống.

Theo tinh thần «chấm dứt thời kỳ phát triển khoa học và kỹ thuật một cách tự phát, tản mạn, thiếu hiệu quả» như Nghị quyết 37/NQ—TƯ đã nói, trong 5 năm qua, chúng ta đã thực hiện hơn 70 chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Trên 700 đề tài nghiên cứu đã được đánh giá, nghiệm thu. Trên 300 thành tựu đã đủ điều kiện đưa vào áp dụng ngay trong sản xuất, trong đó có những thành tựu rất quan trọng phục vụ việc nâng cao năng suất cây trồng, con vật nuôi trong nông nghiệp, đổi mới sản phẩm và công nghệ trong công nghiệp, phục vụ các ngành xây dựng, giao thông

Digitized by Google

vận tải, thông tin liên lạc, điều tra cơ bản, v.v.

Nhìn vào bất cứ ngành sản xuất nào, cũng có thể thấy được những kết quả đáng phấn khởi do các hoạt động khoa học và kỹ thuật của nước ta đưa lại : những giống lúa mới xuất hiện ngày càng nhiều trên đồng ruộng ; tỷ lệ lợn lai, trâu bò lai trong đàn gia súc ngày càng tăng ; hàng loạt sản phẩm mới, công nghệ mới do cán bộ khoa học và kỹ thuật của chúng ta sáng tạo và áp dụng thành công. Mỗi năm có hàng nghìn kỹ thuật tiến bộ được áp dụng ở các địa phương. Hiệu quả kinh tế do áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trong những năm 1981—1985 thật không nhỏ.

Chúng ta cũng đã xây dựng được một hệ thống các cơ quan nghiên cứu, các trung tâm ứng dụng khoa học và kỹ thuật, đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật tương đối đông, đủ sức đảm nhận công tác nghiên cứu khoa học, điều hành kỹ thuật và chỉ đạo các hoạt động kinh tế và xã hội trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân. Đội ngũ này là một vốn quý, một thế mạnh của chúng ta.

★

Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa thực hiện được việc đưa nhanh các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, các hoạt động khoa học và kỹ thuật chưa tạo ra được những chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất. *Trên thực tế, chúng ta chưa thật sự coi cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt* : khoa học và kỹ thuật chưa trở thành động lực trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới, con người mới, phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của nước ta. Không thể không thừa nhận một thực trạng là hiện nay ở nhiều ngành trình độ kỹ thuật của sản xuất sút kém, chất lượng sản phẩm nhìn chung không đạt yêu cầu, năng suất lao động ngày càng giảm, hiệu quả của sản xuất thấp một cách đáng lo ngại.

Do chưa nhận thức rõ vị trí then chốt của cách mạng khoa học — kỹ thuật, cho rằng « bây giờ kinh tế kém, hãy làm kinh tế đã, bao giờ kinh tế khá lên mới làm khoa học », do cơ chế quan liêu bao cấp ràng buộc, cho nên nảy sinh và tồn tại hàng loạt trở ngại cho việc áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, cho việc đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật.

Về *kế hoạch hóa*, từ khâu lập kế hoạch đến việc kiểm tra, đánh giá hoàn thành kế hoạch, các cấp quản lý thường *chỉ mới quan tâm đến kế hoạch số lượng*, mà ít coi trọng chất lượng, thậm chí nhiều cấp quản lý còn quan niệm rằng khi số lượng chưa đủ thì hãy sản xuất đủ số lượng đã. Kết quả là chất lượng sản phẩm kém đã thúc đẩy nhu cầu giả tạo về số lượng, tạo ra sự lãng phí to lớn về nguyên liệu, năng lượng, lao động, v.v. Những tổn phí cho việc sản xuất những sản phẩm kém chất lượng — những sản phẩm này nhanh chóng bị thải loại ra khỏi đời sống xã hội — là một nhân tố phá hoại sản xuất và ngăn cản áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật.

Định mức kinh tế — kỹ thuật được dùng một cách tùy tiện trong khi lập kế hoạch và có xu hướng ngày càng sút kém. Đây cũng là nhân tố quan trọng làm cho sản xuất không có nhu cầu phấn đấu nâng cao chất lượng và đổi mới kỹ thuật.

Chính sách giá cả, lợi nhuận cũng như các chế độ tiền *lương*, tiền *thưởng*, v.v. ít nhiều đều có tác dụng khuyến khích một cách không tự giác việc tăng biên chế, tăng định mức tiêu

Digitized by Google

hao nguyên liệu, vật liệu, tăng tài sản cố định, v.v. nghĩa là giữ sản xuất ở trình độ kỹ thuật thấp kém. Một số chế độ khuyến khích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất còn mang tính hình thức, chưa đủ sức thúc đẩy sản xuất đi theo chiều hướng tiến bộ kỹ thuật, và nhiều khi còn bị lợi dụng theo chiều hướng tiêu cực.

Trong khu vực nghiên cứu khoa học, tuy đã có nhiều đổi mới, tiến bộ như thừa nhận quyền của cơ quan khoa học được tham gia các hoạt động kinh tế (ký hợp đồng kinh tế, lập các quỹ từ các nguồn vốn tự có, mở tài khoản và vay vốn như trong sản xuất, v.v.), song nhìn chung nhiều chế độ vẫn còn chưa đủ sức khuyến khích các cơ quan khoa học cũng như cán bộ khoa học và kỹ thuật trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo.

Chúng ta cũng chưa tổ chức và sử dụng thật tốt đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật hiện có nhằm phát huy và phát triển mọi tiềm lực khoa học và kỹ thuật. Ngay trong việc xác định chế độ đãi ngộ cũng còn nhiều lúng túng: đãi ngộ theo bằng cấp và chức vụ khoa học (tiến sĩ, phó tiến sĩ, giáo sư cấp I, cấp II, viện sĩ, v.v.), hay theo công trình khoa học, (trả tiền khoán gọn công trình, thưởng theo các công trình hoàn thành, treo giải thưởng trước cho những công trình được đặt hàng do nhu cầu của sản xuất và của nền kinh tế quốc dân, v.v)?

★

Để « cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt » trở thành hiện thực sinh động hằng ngày, chúng ta cần xóa bỏ tất cả những trở ngại nói trên trong khu vực sản xuất cũng như trong khu vực nghiên cứu khoa học, làm cho khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành « *không chỉ là căn cứ, là cơ sở của hoạt động kinh tế, xã hội, mà còn là yêu cầu nội tại* của các hoạt động ấy » (1).

Trước hết và quan trọng nhất là phải tạo ra trong sản xuất nhu cầu tiến bộ kỹ thuật bằng hai cách:

Về mặt chiến lược, cơ quan kế hoạch đặt nhiệm vụ cải biến từng bước trình độ kỹ thuật của sản xuất, để tạo ra một nền sản xuất có ưu thế giành đặc quyền về những sản phẩm có thế mạnh trong sự phân công lao động quốc tế. Tức là nền sản xuất đó phải tạo ra được những sản phẩm có sức hấp dẫn, có năng lực giành được và củng cố được vị trí ưu đãi trên thị trường quốc tế. Đây là biện pháp định hướng có tính chất trực tiếp vào sản xuất.

Bên cạnh đó, tạo ra các đòn bẩy kinh tế gián tiếp kích thích nhu cầu đổi mới sản phẩm, đổi mới kỹ thuật và công nghệ của sản xuất, nghĩa là kích thích tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất. Biện pháp này có ý nghĩa quyết định. Đúng như Ăng-ghen đã nói: khi xã hội có nhu cầu kỹ thuật, thì xã hội thúc đẩy khoa học phát triển hơn mười trường đại học. Khi sản xuất không có nhu cầu tiến bộ kỹ thuật thì không thể diễn ra quá trình « cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt ».

Hai là, làm cho khu vực nghiên cứu khoa học tạo ra một nguồn dồi dào các thành tựu khoa học và kỹ thuật. Đây trước hết là trách nhiệm của các cấp quản lý kinh tế, của các cơ quan kế hoạch kinh tế chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật trong các nhiệm vụ:

(1) Lê Duẩn: «Nắm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế». *Tạp chí Cộng sản* số 9-1984, tr. 21.

Digitized by Google

— Đề ra và giám sát thực hiện những chỉ tiêu định mức kinh tế — kỹ thuật ngày càng tiến bộ, hướng vào việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và trình độ kỹ thuật của sản xuất.

— Vạch ra và tập trung đầu tư để thực hiện những phương hướng nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ những nhiệm vụ chiến lược đổi mới sản xuất và sản phẩm, đồng thời đặt kế hoạch áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất. Không để tiếp tục tồn tại tình trạng nghiên cứu khoa học một cách tự phát, tản mạn và kết quả nghiên cứu không có nơi áp dụng.

Ba là, sử dụng và phát huy hết năng lực của đội ngũ khoa học và kỹ thuật hiện có, đồng thời xây dựng đội ngũ khoa học và kỹ thuật phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, khoa học và kỹ thuật. Cán bộ khoa học và kỹ thuật hiện có cần được sử dụng đúng ngành nghề và năng lực chuyên môn, cần được thu hút về các cơ sở sản xuất, nhằm đẩy nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong sản xuất. Chú trọng bồi dưỡng cán bộ đầu đàn, chuyên gia giỏi, đào tạo và mạnh dạn giao việc cho cán bộ trẻ.

Chúng ta đòi hỏi cán bộ khoa học và kỹ thuật phải là những chiến sĩ, vừa cách mạng vừa khoa học, có phẩm chất và năng lực, hết lòng phục vụ nhân dân, trung thực, đoàn kết, hăng hái và bền bỉ trong công tác, trong học tập và nghiên cứu, cống hiến nhiều nhất cho sự nghiệp cách mạng. Đồng thời cần có cơ chế và chính sách thích hợp khuyến khích đội ngũ khoa học và kỹ thuật nghiên cứu, sáng tạo. Kinh nghiệm chỉ rõ, mọi biện pháp « sắp xếp », « đãi ngộ » quan liêu và nhất loạt theo chủ nghĩa bình quân đều không đưa tới thành công. Ngoài chính sách đặc biệt đối với những người có trình độ cao, có năng khiếu đặc biệt v.v., cần nghiêm chỉnh thực hiện nguyên tắc tỉ mỉ nhất về phân phối theo lao động trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật: người tạo ra và áp dụng các công trình khoa học và kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế cũng được hưởng quyền phân phối lợi nhuận như người sản xuất. Không nên « lý luận » rằng « Nhà nước đã nuôi anh ăn học, anh phải có nghĩa vụ làm ra sản phẩm khoa học mà không được đòi bất cứ một chế độ bồi dưỡng, khen thưởng nào như công nhân trong sản xuất ».

Tất cả những điều nói trên chỉ có thể thực hiện được tốt đẹp trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật.

Cách mạng, kể cả cách mạng khoa học — kỹ thuật, bao giờ cũng là sự nghiệp của quần chúng. Nhiệm vụ của các cấp lãnh đạo là thực hiện các biện pháp giáo dục tư tưởng, tổ chức và quản lý nhằm tạo ra động lực thúc đẩy quần chúng tích cực hành động cách mạng, thật sự biến cách mạng thành ngày hội của quần chúng.

Một văn kiện lý luận...

(Tiếp theo trang 21)

thực tiễn của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cung cấp cho chúng ta những kinh nghiệm và bài học vô giá. Chúng ta cần nghiên cứu sâu sắc Cương lĩnh và từ đó suy nghĩ về những vấn đề đang đặt ra đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Digitized by Google

ĐẶNG HỮU

ĐƯA NHANH TIẾN BỘ KHOA HỌC — KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT

TRONG những năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, Nghị quyết 37 của Bộ chính trị Trung ương Đảng, hoạt động khoa học — kỹ thuật đã có nhiều chuyển biến đáng kể.

Tiềm lực khoa học kỹ thuật đã bước đầu được tập hợp và hướng vào phục vụ những nhiệm vụ quan trọng nhất, cấp bách nhất của nền kinh tế quốc dân. Hệ thống các chương trình trọng điểm tiến bộ khoa học kỹ thuật của Nhà nước trong kế hoạch 5 năm 1981 — 1985 với sự tham gia của trên 15 000 cán bộ khoa học kỹ thuật thuộc nhiều viện nghiên cứu, nhiều trường đại học, nhiều xí nghiệp, nhiều cơ quan đã được triển khai một cách tích cực và thu được nhiều kết quả đáng mừng. Tính đến nay khoảng 700 đề tài đã kết thúc có kết quả, trong đó trên 300 đề tài đã qua sản xuất thử và được kết luận là những kỹ thuật tiến bộ có thể đưa vào áp dụng rộng rãi trong sản xuất. Ngoài hệ thống chương trình trọng điểm của Nhà nước, có hàng nghìn đề tài nghiên cứu của các ngành, địa phương và cơ sở cũng được tổ chức thực hiện nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách của sản xuất đã đem lại kết quả thiết thực. Nhiều đề tài được thực hiện bằng cách ký kết hợp đồng trực tiếp giữa cơ sở sản xuất và cơ quan nghiên cứu khoa học.

Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đang trên đà phát triển. Nhiều sáng kiến có giá trị làm tăng đáng kể năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất.

Gần đây, các cấp, các ngành đã quan tâm nhiều đến công tác khoa học kỹ thuật, nhất là quan tâm đến việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Cán bộ khoa học kỹ thuật không dừng lại ở phòng thí nghiệm hoặc nơi sản xuất thử mà đi vào nhà máy, bám đồng ruộng, cùng với công nhân và nông dân tổ chức áp dụng các kết quả nghiên cứu đã kết luận. Hiện nay, ở các địa phương đang hình thành phong trào quần chúng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Mỗi năm có đến hàng nghìn kỹ thuật tiến bộ được áp dụng ở các địa phương. Sự chuyển biến quan trọng này liên quan chặt chẽ với sự đổi mới bước đầu cơ chế quản lý theo hướng xóa bỏ quản liêu bao cấp, gắn quyền lợi người sản xuất với chất lượng và hiệu quả của sản xuất.

Tiến bộ kỹ thuật đi vào sản xuất nhiều nhất là trong nông nghiệp. Ở đây rõ ràng là có tác động của cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến tổ, đội sản xuất và người lao động. Các giống lúa mới được sử dụng khá rộng rãi trên khắp các vùng của đất nước, tạo nên sự chuyển biến đáng kể trong sản xuất lương thực ở nước ta, góp

Digitized by Google

phần quan trọng vào việc tăng sản lượng hằng năm bình quân 1 triệu tấn trong những điều kiện thời tiết không thuận lợi) Có thể nói cuộc cách mạng xanh đang bắt đầu ở nông thôn nước ta. Cùng với các giống cây, con mới, các biện pháp cải tạo đất và bón phân, các biện pháp bảo vệ thực vật, các chất kích thích, điều hòa sinh trưởng đã góp phần đáng kể vào việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

Trong công nghiệp, tiến bộ kỹ thuật cũng đã góp phần giải quyết những khó khăn về nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng thay thế, nhiên liệu, năng lượng; làm ra nhiều sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm; phát triển thêm ngành nghề, nâng cao hệ số sử dụng công suất máy móc, tạo thêm hàng xuất khẩu và công việc làm... Nhiều kỹ thuật tiến bộ đã được áp dụng trong công tác điều tra cơ bản, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Việc áp dụng kỹ thuật tiến bộ nhìn chung đã đem lại hiệu quả đáng kể, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tuy nhiên việc áp dụng thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật nhìn chung còn chậm. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được tổ chức đánh giá, nghiệm thu, có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế cao vẫn phải chờ đợi khá lâu mới được áp dụng, hoặc đến nay vẫn chưa được áp dụng. Nhiều tiến bộ kỹ thuật được áp dụng thành công ở một số nơi nhưng không được nhân ra kịp thời trên diện rộng. Tâm lý ngại đổi mới kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sản phẩm còn khá phổ biến. Tiềm lực khoa học vì vậy còn bị lãng phí khá lớn; khoa học chưa đáp ứng được kịp thời các yêu cầu to lớn và cấp bách của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tình hình đó là do cơ chế quản lý quan liêu bao cấp không khuyến khích người sản xuất quan tâm đến năng suất, chất lượng và hiệu quả cho nên không có nhu cầu áp dụng tiến bộ kỹ thuật; do chưa hình thành đồng bộ một hệ thống biện pháp thúc đẩy và khuyến khích mọi người tham gia quá trình sáng tạo và áp dụng giải pháp sáng tạo vào sản xuất.

★

Đảng ta có đường lối đúng đắn phát triển khoa học và kỹ thuật, xác định vai trò then chốt của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong quá trình tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Một nội dung rất quan trọng để thực hiện đường lối ấy là phải nhanh chóng đưa các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của lao động sản xuất, cải thiện đời sống. Tiến bộ kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân phải là mối quan tâm hàng đầu của công việc quản lý kinh tế.

Kinh nghiệm cho thấy muốn đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất phải thực hiện đồng bộ một loạt biện pháp cải tiến quản lý kinh tế và quản lý khoa học kỹ thuật, từ khâu công tác kế hoạch hóa, đề ra các chính sách kinh tế cụ thể, các đòn bẩy kích thích đến các biện pháp giáo dục tuyên truyền, tổ chức, hành chính.

Trước hết, nói về đổi mới quản lý kinh tế. Cơ chế quản lý kinh tế phải tạo được động lực từ bên trong của sản xuất, thúc đẩy khoa học kỹ thuật phát triển, phải làm cho các xí nghiệp có nhu cầu nghiên cứu, áp dụng khoa học – kỹ thuật. Xí nghiệp phải thật sự có quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả của sản xuất. Cơ chế quản lý quan liêu bao cấp đã

Digitized by Google

làm cho nhiều xí nghiệp quay lưng lại với tiến bộ kỹ thuật. Nhiều giải pháp khoa học kỹ thuật có thể giúp cho xí nghiệp giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sản phẩm mới, mở rộng sản xuất... nhưng không được tổ chức áp dụng. Đó là do thiếu chính sách khuyến khích, thiếu biện pháp tổ chức, lại bị nhiều ràng buộc khi áp dụng các giải pháp đổi mới. Nếu không bãi bỏ chế độ lợi nhuận định mức tính theo phần trăm của giá thành, thì còn tiếp tục khuyến khích xí nghiệp tăng giá thành. Tính đầy đủ chi phí vào giá thành là rất cần thiết khi các xí nghiệp đi vào hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nhưng nếu không quy định một giá thành hợp lý cho mỗi loại sản phẩm có mức chất lượng quy định và buộc xí nghiệp tự chịu trách nhiệm về lãi, lỗ thì cũng chưa khuyến khích xí nghiệp quan tâm đến hiệu quả của sản xuất. Phải có cơ chế để xí nghiệp quan hệ trực tiếp với người tiêu dùng, thật sự chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, đáp ứng đòi hỏi của người tiêu dùng, tránh tình trạng xí nghiệp chỉ sản xuất theo đường mòn, theo những con số máy móc từ trên «áp đặt», mà không nhận được thông tin phản hồi từ phía người tiêu dùng. Thực tế cho thấy khi xí nghiệp không quan tâm tới người tiêu dùng về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại sản phẩm, thì xí nghiệp không có nhu cầu nâng cao chất lượng, đổi mới sản phẩm, cũng tức là không có nhu cầu đổi mới kỹ thuật.

Việc áp dụng các giải pháp đổi mới thường đòi hỏi vốn đầu tư, thay đổi trang bị, nguyên liệu, vật liệu v.v. mà trong nhiều trường hợp xí nghiệp không chủ động giải quyết được. Nếu không có biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi thì xí nghiệp không thể thực hiện đổi mới. Trường hợp này cần có sự tác động của kế hoạch hóa trực tiếp: giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kèm theo các điều kiện cân đối vật tư.

Gần đây, thực hiện Nghị quyết Hội nghị thứ 6, thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng, cơ chế quản lý kinh tế mới đang trong quá trình hình thành, lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả làm thước đo các hoạt động sản xuất kinh doanh trong xã hội. Một cơ chế như thế chắc chắn sẽ mở đường cho khoa học đi vào cuộc sống.

Hàng loạt các chính sách về kinh tế cần được rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm mục tiêu bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả cao của toàn bộ nền kinh tế quốc dân: chính sách xuất nhập khẩu bảo đảm khuyến khích phát triển sản xuất trong nước và tăng cường xuất khẩu; chính sách tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng trên cơ sở áp dụng các biện pháp khoa học và kỹ thuật, các định mức tiên tiến, các chính sách về chất lượng sản phẩm, về công nghệ, về tài nguyên và môi trường, về lao động v.v. cần được xây dựng trên cơ sở những thành tựu khoa học — kỹ thuật đã đạt được và hướng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế bằng khoa học—kỹ thuật.

Chẳng hạn, về xuất nhập khẩu, nếu không có chính sách đánh thuế rất cao những mặt hàng nhập mà trong nước đã nghiên cứu và sản xuất được thì các kết quả nghiên cứu vẫn chỉ dừng lại ở trong phòng thí nghiệm hoặc trong các xưởng sản xuất thử, còn Nhà nước thì vẫn cứ tốn ngoại tệ mua hàng nước ngoài. Không những phải đánh thuế cao mà còn phải cấm nhập một số mặt hàng để bảo hộ sự phát triển sản xuất trong nước. Lâu nay ta đã nghiên cứu và chế thử thành công nhiều loại vật liệu từ nguyên liệu trong nước, nhiều loại trang bị máy móc, phụ tùng thay thế cho hàng nhập; nếu có chính sách phù hợp, có kế hoạch tổ chức sản xuất trong nước, đồng thời

Digitized by Google

hạn chế hoặc xóa bỏ nhập khẩu các mặt hàng ấy, thì hằng năm có thể tiết kiệm được hàng trăm triệu rúp, đô la. Nhiều loại vật tư, chỉ cần nhập một ít nguyên liệu là trong nước có thể sản xuất thay thế được. Những loại vật tư này có thể còn kém ít nhiều so với hàng nước ngoài, song nếu đã đạt được những chỉ tiêu cơ bản nhất về chất lượng thì nhất thiết không nhập hàng nước ngoài nữa. Cần xây dựng thói quen dùng hàng trong nước

Cần có chính sách thỏa đáng khuyến khích những người tạo ra và tổ chức áp dụng có kết quả những giải pháp đổi mới. Trong một số năm đầu áp dụng kỹ thuật tiến bộ, cần để cho xí nghiệp sử dụng phần lớn tiền làm lợi được do áp dụng giải pháp mới, trong đó dành một tỷ lệ thích đáng để thưởng cho những người đã tạo ra và tổ chức áp dụng các giải pháp ấy. Cần có những quy định và hướng dẫn cụ thể cách tính toán và phân chia tiền làm lợi, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, của xí nghiệp, của cơ sở nghiên cứu khoa học và của những người trực tiếp nghiên cứu, tổ chức áp dụng. Khuyến khích mở rộng việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, liên kết liên doanh giữa các cơ quan khoa học và cơ sở sản xuất nhằm áp dụng nhanh chóng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Kế hoạch hóa là khâu trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế, nếu nó không lấy tiến bộ kỹ thuật làm nội dung cơ bản thì cũng khó thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân. Nếu các chỉ tiêu kế hoạch còn nặng về số lượng mà nhẹ về chất lượng, nặng về khối lượng công việc phải triển khai mà nhẹ về kết quả của công việc (thí dụ, chỉ nêu diện tích khai hoang, diện tích trồng rừng, diện tích cây công nghiệp..., mà không nêu tỷ lệ thành rừng, năng suất, sản lượng...), thì dễ khuyến khích cách làm ăn không quan tâm đến hiệu quả, gây lãng phí sức người, sức của. Tình hình khá nghiêm trọng hiện nay là trong sản xuất công nghiệp các chỉ tiêu tiêu hao vật tư, năng lượng, nhiên liệu, lao động vẫn còn tiếp tục tăng và cao hơn gấp nhiều lần so với mức tiên tiến trên thế giới.

Khi xây dựng kế hoạch phải căn cứ vào những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật đã đạt được, những định mức tiên tiến về tiêu hao vật chất bắt buộc phải thực hiện, những chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả cần đạt. Kế hoạch phải bắt mọi người, mọi cơ sở, mọi ngành làm việc theo những định mức tiên tiến, thực hiện nghiêm túc những tiêu chuẩn đã ban hành, cũng tức là buộc phải làm ăn một cách khoa học, phải áp dụng các biện pháp tiến bộ kỹ thuật.

Một nội dung rất quan trọng trong kế hoạch là đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, loại trừ những công nghệ quá lạc hậu, tiêu hao vật chất quá lớn và thay thế những sản phẩm lỗi thời. Sắp xếp lại sản xuất phải nhằm vào mục tiêu ấy. Không thể chấp nhận sự tồn tại các xí nghiệp sử dụng công nghệ quá lạc hậu, tiêu hao vật chất quá lớn để sản xuất ra những sản phẩm không bảo đảm chất lượng.

Như vậy, kế hoạch phải lấy tiến bộ khoa học – kỹ thuật làm căn cứ, làm nội dung cơ bản. Công tác khoa học kỹ thuật phải tập trung phục vụ việc xây dựng và thực hiện kế hoạch. Vì vậy, đòi hỏi có sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý kế hoạch và cơ quan quản lý khoa học kỹ thuật. Những kỹ thuật tiến bộ được kiến nghị đưa ra xem xét để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế phải là những kết quả nghiên cứu khoa học đã qua sản xuất thử ở quy mô cần thiết và được các hội đồng khoa học kỹ thuật có thẩm quyền giám định, kể

Digitized by Google

luận. Các kỹ thuật tiến bộ ấy trong kế hoạch phải được thể hiện qua các chỉ tiêu số lượng, chất lượng sản phẩm, qua các chỉ tiêu cân đối vật tư, năng lượng, nguyên liệu, kể cả vật tư xuất, nhập khẩu...

★

Đổi mới quản lý khoa học — một bộ phận hợp thành của đổi mới quản lý kinh tế — phải theo hướng khắc phục những mặt trì trệ bắt nguồn từ chế độ quan liêu bao cấp, phát huy mạnh mẽ tính sáng tạo của các cơ quan khoa học và đông đảo cán bộ khoa học, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Hoạt động khoa học kỹ thuật có những mặt đặc thù, không giống hoạt động sản xuất: không thể dự kiến đầy đủ và chắc chắn kết quả sẽ đạt, khó tính được hiệu quả, không thể dự toán được khối lượng công việc nghiên cứu... Nhưng không phải vì thế mà cứ duy trì chế độ cấp kinh phí tràn lan cho hầu hết các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai, kể cả những nhiệm vụ nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và áp dụng kỹ thuật mới của cơ sở sản xuất. Lâu nay các chương trình, đề tài trọng điểm của Nhà nước cũng như các chương trình, đề tài của các ngành và địa phương đều bám sát những vấn đề phát triển kinh tế — xã hội. Nhưng rất nhiều đề tài không có cơ quan đặt hàng rõ ràng và chưa xác định được địa chỉ áp dụng. Do đó, khi kết thúc trong phòng thí nghiệm, chúng gặp nhiều khó khăn trong sản xuất thử. Sau khi sản xuất thử thành công thì lại gặp khó khăn trong việc tổ chức áp dụng vào sản xuất. Đối với một số đề tài, người ta không muốn nhanh chóng hoàn thành dứt điểm vì muốn tiếp tục được cấp kinh phí. Cũng có nhiều trường hợp xin đăng ký nhiệm vụ sản xuất thử để được đầu tư bổ sung mà không phải hoàn lại v.v. Có những xí nghiệp hay liên hiệp xí nghiệp có vốn sản xuất hàng trăm triệu đồng nhưng không chịu trích ra để chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu áp dụng khoa học kỹ thuật mà cứ xin ngân sách Nhà nước cấp cho từng đề tài vài chục nghìn đồng!

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học phải nhằm khắc phục tình hình đó, khuyến khích những hoạt động sáng tạo phục vụ sản xuất và đời sống, đem lại hiệu quả cao. Các chương trình trọng điểm tiến bộ khoa học kỹ thuật của Nhà nước cần được tập trung hơn, hướng vào những vấn đề then chốt nhất của nền kinh tế quốc dân; mục tiêu là xây dựng cơ sở khoa học cho các quyết định quan trọng về kinh tế, cho các giải pháp đổi mới có ý nghĩa đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Các chương trình này được ưu tiên bảo đảm về tài chính, vật tư; những người tham gia thực hiện chương trình được hưởng những quyền lợi thỏa đáng. Khi xây dựng chương trình cần dự kiến trước những nơi sẽ áp dụng, huy động các cơ sở sản xuất tham gia nghiên cứu, nhất là tham gia sản xuất thử, để chuẩn bị điều kiện áp dụng sau khi sản xuất thử thành công và được kết luận; quan tâm trước hết đến kết quả cuối cùng của từng đề tài và có kế hoạch từ đầu chuyển giao chúng vào sản xuất. Trong nhiều trường hợp, cần khoán gọn kinh phí, vật tư cho cơ quan phụ trách đề tài và tạo điều kiện cho nó hoàn thành nhanh chóng.

Các đề tài nghiên cứu triển khai nhằm đưa các giải pháp đổi mới vào từng cơ sở sản xuất được thực hiện chủ yếu bằng phương thức ký kết hợp đồng kinh tế giữa cơ quan khoa học và cơ sở sản xuất. Những cơ quan nghiên cứu triển khai chuyên ngành sẽ tiến tới hoạt động theo phương thức này là chủ yếu. Kinh phí khoa

Digitized by Google

học từ ngân sách Nhà nước chỉdùng cho những chương trình, đề tài có ý nghĩa quan trọng nhất đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, những nghiên cứu cơ bản, nhằm tạo những kỹ thuật mới, khai thác hợp lý tài nguyên... Ngay trong hệ thống chương trình trọng điểm của Nhà nước cũng có nhiều đề tài có thể thực hiện theo hợp đồng kinh tế.

Cần có cơ chế phù hợp để thu hút mạnh sự quan tâm đầu tư cho khoa học từ phía sản xuất, căn cứ vào hiệu quả thực tế mà khoa học đem lại cho sản xuất.

Việc đánh giá, kết luận các công trình nghiên cứu khoa học phải đi vào nền nếp. Các hội đồng khoa học và cơ quan quản lý khoa học phải có ý thức trách nhiệm cao đối với những kết luận của mình.

Cần tổ chức tốt việc đăng ký đề tài, đăng ký kết quả nghiên cứu, cũng như đăng ký và xét duyệt, công nhận sáng kiến, sáng chế. Việc bảo vệ quyền tác giả cần được quan tâm hơn. Khi các giải pháp đổi mới được các xí nghiệp áp dụng, tác giả được hưởng một phần tiền làm lợi do giải pháp đổi mới đem lại. Khắc phục hiện tượng cơ quan khoa học, cán bộ khoa học « giữ tủ » các bí quyết, các kết quả nghiên cứu để làm lợi riêng cho mình.

Những biện pháp nêu trên là nhằm tạo được động lực từ bên trong của sản xuất, đồng thời nhằm kích thích sự lao động sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học trong việc giải quyết những vấn đề của sản xuất. Các biện pháp này sẽ phát huy đầy đủ tác dụng nếu được sự lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ của các tổ chức Đảng và chính quyền các cấp, đồng thời tạo được cầu nối trực tiếp giữa khoa học và sản xuất.

Thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân phải được xem là nội dung chủ yếu của sự lãnh đạo của Đảng đối với kinh tế. Các cấp ủy Đảng kiểm tra chặt chẽ trình độ kỹ thuật, năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất và đặc biệt quan tâm chỉ đạo việc vận dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để đổi mới sản xuất. Nâng cao nhận thức về vai trò tác động của khoa học đối với phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế theo chiều sâu thực chất là áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật; phát triển theo chiều rộng cũng chỉ đạt được hiệu quả khi có đầy đủ căn cứ khoa học.

Tạo được cầu nối trực tiếp giữa khoa học và sản xuất sẽ rút ngắn chu trình « khoa học – kỹ thuật – sản xuất – tiêu dùng ». Cầu nối ấy có được trước hết là nhờ các giám đốc xí nghiệp am hiểu sâu kỹ thuật của sản xuất, tiếp cận được với ngôn ngữ của khoa học hiện đại, nhạy bén với sự đổi mới; mặt khác cán bộ khoa học am hiểu kinh tế, bám sát thực tiễn sản xuất thì dễ tạo được quan hệ chặt chẽ, tự nhiên giữa xí nghiệp với các cơ quan khoa học. Các tổ chức « cầu nối » như các trung tâm dịch vụ khoa học – kỹ thuật, các trung tâm chuyển giao kỹ thuật, các phòng thiết kế thử nghiệm, các xưởng sản xuất thử v.v. cần luôn luôn rút kinh nghiệm cải tiến phương thức hoạt động nhằm rút ngắn quá trình từ khoa học đến sản xuất. « Liên hiệp khoa học – sản xuất » là hình thức tổ chức phù hợp với yêu cầu khoa học đi thẳng vào sản xuất, trực tiếp cho ra sản phẩm, cần được nghiên cứu để sử dụng trong một số ngành có điều kiện.

★

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN HIẾU

PHÒNG TUYẾN VĂN HÓA BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

SAU thất bại thảm hại hồi tháng 2-1979, bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh đã tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta. Bên cạnh những hoạt động về quân sự và kinh tế, bọn chúng ráo riết tiến hành chiến tranh tâm lý dưới những hình thức văn hóa thông tin. Hàng loạt truyền đơn, văn hóa phẩm phản động từ đất Trung quốc liên tiếp được tung vào vùng biên giới Việt nam. Hàng trăm chợ đường biên được chúng xây dựng nhằm dò la tin tức, lôi kéo, mua chuộc người của ta. Hàng trăm cụm loa có công suất lớn từ 400W đến 600W chĩa sang lãnh thổ nước ta suốt dọc vùng biên giới từ địa phận tỉnh Lai châu tới địa phận tỉnh Quảng ninh. Những cụm loa này làm việc hầu như suốt ngày đêm với nội dung kích động phản tuyên truyền, gây bạo loạn, phá hoại tình đoàn kết quân dân, đoàn kết dân tộc của chúng ta. Đặc biệt, chúng còn lợi dụng quan hệ dòng họ, quan hệ văn hóa giữa các dân tộc ở hai bên biên giới để chia rẽ nhân dân với Đảng, chính quyền ta. Một loạt hủ tục, mê tín được bọn phản động khơi dậy.

Tình hình thực tế nêu trên đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ cấp bách là phải khẩn trương, tích cực xây dựng một *phòng tuyến văn hóa* với chiều dày đủ mạnh để góp phần có hiệu quả vào việc đánh bại hoàn toàn âm mưu của bọn bành trướng và bá quyền Bắc kinh, bảo vệ vững chắc biên giới, đồng thời đáp ứng nhu cầu to lớn về đời sống văn hóa, tinh thần của quân và dân ta ở tuyến đầu Tổ quốc.

Chủ trương xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới phía Bắc đã được ngành văn hóa thông tin sáu tỉnh biên giới là Lai châu, Hoàng liên sơn, Hà tuyên, Cao bằng, Lạng sơn, Quảng ninh nhiệt liệt hưởng ứng. Tất cả sáu tỉnh này đều thành lập *Ban xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới* do một đồng chí phó giám đốc sở văn hóa thông tin phụ trách.

Điều quan trọng là, chủ trương này đã nhanh chóng trở thành chủ trương cụ thể của tỉnh ủy và ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới. Nhiều tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh đã xem xét quy hoạch và giải quyết những vấn đề cụ thể về ngân sách, chế độ, về biên chế và phương tiện hoạt động... cho ngành văn hóa thông tin trong việc xây dựng phòng tuyến văn hóa. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao bằng đã cấp kinh phí cho xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới mỗi năm hơn 1 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng sơn đã quyết định cho mỗi xã giáp biên được lập một đội thông tin nửa chuyên trách từ ba đến bốn người. Mỗi cán bộ trong đội thông tin này được cấp kinh phí 60đ/tháng và khi nghỉ hưu được hưởng chế độ đãi ngộ như một cán bộ xã. Nhiều tỉnh đã quy định chính sách không thu tiền xem phim đối với đồng bào

Digitized by Google

vùng cao, vùng giáp biên và lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn huyện biên giới (trừ thị xã).

Chủ trương xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới cũng được các huyện ủy và ủy ban nhân dân các huyện biên giới hưởng ứng tích cực. Nhiều đồng chí bí thư huyện ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân huyện đã trực tiếp xem xét việc tuyển chọn cán bộ cho các đơn vị văn hóa thông tin của huyện; chỉ đạo tại chỗ việc xây dựng các thiết chế văn hóa; trực tiếp chăm sóc và bố trí kế hoạch cho các đoàn văn công và các đội thông tin ở các tỉnh, huyện phía sau lên phục vụ biên giới.

Nhiều ngành ở trung ương có liên quan tới công tác biên giới cũng đã hưởng ứng chủ trương này, trước tiên và tích cực nhất là các lực lượng vũ trang, sau đó là ngành giáo dục.

Chủ trương xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới còn được tất cả các địa phương trong cả nước đồng tình ủng hộ. Nhiều tỉnh và huyện ở phía sau đã gửi sách cho các tỉnh biên giới để lập thư viện tỉnh và huyện; đưa các đoàn văn công hoặc đội thông tin chuyên nghiệp tới biên giới phục vụ như Đoàn ca múa thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn cải lương tỉnh Tây ninh, đội thông tin lưu động tỉnh Vĩnh phú v.v.

Phòng tuyến văn hóa được chúng ta xác định bao gồm lãnh thổ 32 huyện và thị xã biên giới, trong đó có 165 xã giáp biên. Trên lãnh thổ thuộc phạm vi phòng tuyến có 29 dân tộc anh em sinh sống, đông nhất là các dân tộc Tày, Nùng, H' mông. Tại đó còn có nhiều đơn vị của lực lượng vũ trang, 1618 trường phổ thông cơ sở, 91 trường phổ thông trung học, 219 xí nghiệp trung ương và địa phương, 18 lâm trường, nông trường và một số bệnh viện.

Xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới là xây dựng đời sống văn hóa ở các đơn vị cơ sở (bao gồm các làng bản, các đơn vị vũ trang, các trường học, bệnh viện, các xí nghiệp, các nông trường, lâm trường...) thuộc 32 huyện và thị xã biên giới nói trên. Vì vậy, những nội dung xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở cũng chính là những nội dung mà việc xây dựng phòng tuyến văn hóa cần hướng tới. Cụ thể là, việc xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới cần chú ý đẩy mạnh sáu mặt hoạt động chủ yếu sau đây. Thứ nhất là các hoạt động thông tin, cổ động. Thứ hai là hoạt động văn nghệ quần chúng. Thứ ba là phong trào đọc và làm theo sách báo cách mạng. Thứ tư là phong trào xây dựng nếp sống xã hội chủ nghĩa, bài trừ hủ tục, mê tín. Thứ năm là giáo dục truyền thống. Thứ sáu là bảo đảm sự hoạt động bình thường của các thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, câu lạc bộ, hiệu sách, hiệu ảnh...

Tất cả các hoạt động văn hóa nêu trên phải đạt tới yêu cầu là làm cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta ở vùng biên giới phía bắc thấy rõ được âm mưu vô cùng thâm độc của kẻ thù, từ đó nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, xây dựng lòng tin vững chắc vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng. Các hoạt động văn hóa đó còn phải xây dựng được trong đồng bào và chiến sĩ lòng tự hào về Đảng ta, về dân tộc ta, về nền văn hóa văn minh của đại gia đình các dân tộc Việt nam nói chung và của từng dân tộc anh em sống trên đất Việt nam nói riêng. Làm được như vậy tức là chúng ta đã xây dựng được một «chiến tuyến lòng dân» — một chiến tuyến bất khả xâm phạm và có sức miễn dịch lớn trước những luận điệu tuyên truyền phản cách mạng.

Tuy nhiên, các đơn vị cơ sở ở biên giới phía bắc có những đặc điểm riêng của nó. Việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở tại đây phải bám chắc

Digitized by Google

những nét đặc thù này thì mới thiết thực và đạt hiệu quả cao.

Mấy năm qua, ở biên giới phía bắc nước ta trên thực tế đã hình thành ba vùng tương đối rõ rệt.

Vùng tuyến đầu, bao gồm những xã và bản giáp biên chỉ có lực lượng vũ trang và lực lượng trực tiếp phục vụ chiến đấu; đồng bào địa phương đã chuyển về phía sau. Việc xây dựng đời sống văn hóa ở đây trước hết và chủ yếu phải bảo đảm được các mặt: tổ chức cho cán bộ và chiến sĩ trong các đơn vị vũ trang được thường xuyên đọc báo, nghe đài, xem phim đèn chiếu và xem các tiết mục văn nghệ nhỏ. Ở vùng tuyến đầu này, chiến sự thường xảy ra ác liệt, cán bộ và chiến sĩ ta hằng ngày, hằng giờ phải mặt giáp mặt với kẻ thù, do đó các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin phải hết sức gọn nhẹ và có tính cơ động cao; nội dung phải hết sức thiết thực, tránh hình thức. Ở vùng này không thể và thực tế cũng không cho phép tổ chức những buổi biểu diễn văn nghệ có quy mô lớn đòi hỏi những trang bị hiện đại và đội ngũ diễn viên đông đảo. Tại đây cũng không thể tổ chức những buổi chiếu phim đòi hỏi phải có màn ảnh, có máy chiếu và máy phát điện công kềnh.

Để đáp ứng nhu cầu văn hóa của cán bộ và chiến sĩ vùng tuyến đầu, cần tổ chức cho được những đội thông tin và văn nghệ mạnh nằm ngay trong các lực lượng vũ trang; đồng thời đưa các đội thông tin và văn nghệ lưu động xung kích của huyện, tỉnh, hoặc trung ương với số người và chương trình hết sức gọn nhẹ lên phục vụ cán bộ và chiến sĩ ta.

Vùng giữa gồm các xã và bản kế cận tiếp giáp với tuyến đầu. Đây là nơi tập kết của các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu, là nơi đặt cơ sở hậu cần trực tiếp, cho nên lực lượng phục vụ chiến đấu khá đông. Tại vùng này, đồng bào ta vẫn bám đất sản xuất, các trường học, các nông trường, lâm trường vẫn hoạt động bình thường.

Việc xây dựng đời sống văn hóa ở tuyến giữa này cần tập trung vào mấy nội dung chủ yếu là: thông tin cổ động; văn nghệ quần chúng; đọc sách báo cách mạng; xây dựng nếp sống mới. Tại vùng này, công tác văn hóa thông tin cần dựa hẳn vào các đơn vị vũ trang, các trường học, bệnh xá, lâm trường, nông trường; cố gắng xây dựng cho được những đơn vị văn hóa thông tin mạnh để gây ảnh hưởng tốt đến các đơn vị khác. Ở mỗi cơ sở, nhất là mỗi xã, cần tổ chức một đội thông tin từ ba đến bốn người được phụ cấp sinh hoạt phí theo đúng tinh thần nghị quyết 159/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng về công tác văn hóa thông tin.

Vùng hậu cứ gồm các xã phía sau, thị trấn huyện lỵ và thị xã. Tại vùng này, nội dung hoạt động văn hóa thông tin nên chú ý tới cả sáu mặt: thông tin cổ động; văn nghệ quần chúng; đọc và làm theo sách báo cách mạng; xây dựng nếp sống mới; giáo dục truyền thống; sinh hoạt thường xuyên của nhà văn hóa, câu lạc bộ... Tổ chức hoạt động nên dựa hẳn vào nhà trường, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, bệnh viện; cố gắng xây dựng các cơ sở này thành những cứ điểm văn hóa thông tin mạnh.

Đối với vùng hậu cứ, việc xây dựng các *chợ, thị trấn huyện lỵ, thị xã* thành những trung tâm văn hóa là điều hết sức cần thiết.

Chợ ở các huyện biên giới, nhất là chợ huyện thường họp mỗi tuần một lần. Đây là nơi tập trung đông bào các dân tộc, các cán bộ chiến sĩ và công nhân viên chức Nhà nước của cả một vùng. Vì vậy, cần xây dựng chợ thành một trung tâm văn hóa với các thiết chế như trạm truyền thanh, hiệu sách, bãi chiếu bóng, cụm pa nô cổ động.

Digitized by Google

Thị trấn huyện lỵ là nơi có chợ huyện, hàng tuần đồng bào và chiến sĩ ta thường tụ họp về đây rất đông. Huyện lỵ còn là hậu cứ trực tiếp, nơi các chiến sĩ ta tới giải trí, tiếp nhận thông tin mới và hưởng thụ văn hóa sau một thời gian chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu căng thẳng. Do đó, tại đây cần xây dựng các thiết chế văn hóa và thông tin như yêu cầu xây dựng cấp huyện nói chung, nhưng bước đi và quy mô cần thích hợp với điều kiện của huyện miền núi có chiến tranh. Trước hết cần xây dựng đài truyền thanh, rạp hoặc bãi chiếu bóng cố định, hiệu sách, nhà thông tin triển lãm, cụm pa nô cổ động và tùy điều kiện mà có thể xây dựng thêm các công trình như: sân khấu ngoài trời, nhà văn hóa, thư viện, hiệu ảnh.

Thị xã biên giới có vị trí đặc biệt quan trọng. Nó là trung tâm của cả một vùng lớn, là đầu mối giao thông quan trọng. Chúng ta chủ trương xây dựng mỗi thị xã thành trung tâm văn hóa của cả một vùng lớn bao gồm một vài tỉnh biên giới với đầy đủ các thiết chế văn hóa, đặc biệt là nhà văn hóa.

Mấy năm qua, do tích cực triển khai chủ trương xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới, cho nên cả sáu tỉnh biên giới phía bắc đều bước đầu đạt được những kết quả đáng mừng.

Tất cả các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang ở tuyến đầu đã có đội thông tin và văn nghệ. Nhiều trường học có hoạt động văn hóa thông tin đạt hiệu quả cao. Nổi nhất là trường phổ thông cơ sở Hoàng đồng (thị xã Lạng sơn), trường văn hóa dân tộc vùng cao ở Bát sát (Hoàng liên sơn) và trường sư phạm miền núi (Hà tuyên). Hầu hết các xã giáp biên giới đều tổ chức được ban văn hóa thông tin. Nhiều xã xây dựng được đội thông tin lưu động và đội văn nghệ. Ban chỉ đạo nếp sống mới xã hội chủ nghĩa ở nhiều xã cũng đã hình thành gồm đại diện của chính quyền, các đoàn thể và một số trưởng dòng họ với những nội dung hoạt động khá thiết thực: xây dựng nếp sống quân sự hóa, giáo dục tinh thần cảnh giác kết hợp với xây dựng nếp sống văn minh, vệ sinh trật tự thôn bản, xây dựng nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, chống nghiện thuốc phiện. Hầu như tất cả các chợ trong phạm vi phòng tuyến, đặc biệt là chợ huyện đã được xây dựng thành những trung tâm văn hóa thông tin. Một số chợ huyện phát huy hiệu quả rất tốt như chợ Bắc hà (Hoàng liên sơn). Nhiều huyện lỵ đã trở thành trung tâm văn hóa mạnh có đủ lực lượng và phương tiện để hoạt động thường xuyên. Các tổ chức văn hóa thông tin cấp huyện được củng cố và tăng cường thêm những cán bộ có năng lực và phẩm chất tốt. Có thể nói, một mạng lưới văn hóa thông tin khá hoàn chỉnh đã được xây dựng trên phạm vi phòng tuyến. Bên cạnh những kết quả về mặt tổ chức lực lượng như vậy, chúng ta còn đạt được những hiệu quả đáng mừng về mặt ý thức, tư tưởng. Đồng bào các dân tộc vùng biên giới đã ý thức rất rõ về chủ quyền quốc gia, quyết tâm giáng trả mọi âm mưu và hành động lấn chiếm của kẻ thù. Hầu như tất cả các xã giáp biên đều có phong trào không nghe đài Trung quốc, không xem họa báo Trung quốc, không đọc truyền đơn phản động của Trung quốc, không đi chợ Trung quốc; không dùng hàng tâm lý chiến của Trung quốc, không dùng thuốc chữa bệnh của Trung quốc. Trong phong trào xây dựng nếp sống mới, nhiều nơi đã có những quy định rất cụ thể như: không hút thuốc phiện; không thách cưới bằng vải Ti kha, vỏ chăn con công và dép xuống Trung quốc; không cúng ma gà, ma xó, hoặc kéo dài lễ tang hàng 5—6 ngày; thực hiện tiết kiệm trong việc cưới, việc tang...

Digitized by Google

Điều đáng mừng là những quy định như thế đã được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, đồng bào các dân tộc luôn luôn chú ý giữ gìn vẻ đẹp và bản sắc riêng của dân tộc mình. Những làn điệu dân ca như: « Sli » của đồng bào Nùng, « lượn » của đồng bào Tày, « páo rung » của đồng bào Dao, « quắn khắp » của đồng bào Thái, « gầu plềnh » của đồng bào H'mông... và những loại nhạc cụ như: đàn tính, quả nhạc, khèn, trống... đã từng góp phần làm nên nền văn hóa Việt nam phong phú, đa dạng, nhiều màu sắc, luôn luôn được đồng bào các dân tộc giữ gìn và làm cho ngày càng phát triển.

Thứ chiến tranh tâm lý và văn hóa phản động của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc trong thời gian đầu có gây được một số ảnh hưởng xấu đến một số ít người, nhưng về sau, ảnh hưởng đó bị thu hẹp dần.

Tóm lại, tới cuối năm 1985, *về cơ bản chúng ta đã khép kín được phòng tuyến văn hóa ở biên giới phía bắc* (có tổ chức, có phong trào, có hiệu quả).

Mặc dù có những kết quả bước đầu như vậy, song công tác xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới vẫn còn những nhược điểm và những thiếu sót cần sớm được khắc phục:

Phong trào chưa được mạnh đều ở các địa phương. Một số nơi quá xa thị trấn và đường giao thông, đồng bào và chiến sĩ ta còn ít được đọc báo, nghe đài, xem phim, xem nghệ thuật.

Việc trang bị các phương tiện kỹ thuật cho các hoạt động văn hóa — thông tin thuộc phạm vi phòng tuyến tuy đã được tăng lên khá so với trước nhưng cũng mới ở mức tối thiểu để có thể hoạt động được. Một số vật tư thông thường hết sức cần thiết vẫn còn thiếu nhiều hoặc không phù hợp với đặc điểm của vùng cao biên giới (thiếu máy chiếu phim đèn chiếu, thiếu đèn và mạng đèn măng sông, thiếu bột màu, thiếu pin nghe đài, máy phát điện quá cồng kềnh).

Ngành văn hóa thông tin cấp tỉnh có vị trí quyết định trực tiếp đối với việc xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới nhưng chưa được kiện toàn để có thể phát huy đầy đủ sức mạnh trong công việc này.

Việc huy động sức mạnh của các địa phương trong cả nước vào việc xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới gần đây mới được đặt ra và cũng chưa có kế hoạch thật cụ thể để tạo thành sức mạnh tổng hợp góp phần xây dựng nhanh hơn phòng tuyến văn hóa biên giới.

Cán bộ làm công tác văn hóa thông tin giữ vai trò quyết định trong việc xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới nhưng còn thiếu và yếu, nhất là cán bộ nghiệp vụ các loại, đặc biệt là rất thiếu cán bộ biên tập.

Các chính sách, chế độ đối với hoạt động văn hóa thông tin trên phòng tuyến văn hóa biên giới chưa đầy đủ, hoặc đã có nhưng chậm bổ sung cho phù hợp với tình hình và khi ban hành thì lại thực hiện rất chậm.

★

Nghị quyết Hội nghị thứ bảy của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã chỉ rõ: « Trước mắt cần tập trung sức của cả nước kết hợp với việc phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường của các địa phương, khẩn trương xây dựng các huyện ở 6 tỉnh biên giới phía bắc, nhất là 31 huyện, thị biên giới (hiện nay là 32 huyện, thị - vì tháng 7 — 1985, Hội đồng bộ trưởng đã quyết định thị xã Hà giang là thị xã biên giới — N. V. H) và các huyện kế cận có đủ sức về mọi mặt cùng bộ đội chủ lực bảo vệ vững chắc vùng biên giới trong mọi tình huống ».

Digitized by Google

Để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ nêu trên, trong thời gian tới, công tác xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới cần được đẩy mạnh hơn. Cụ thể là :

— Mỗi sở văn hóa thông tin tỉnh biên giới cần rà kỹ lại tình hình mạng lưới văn hóa thông tin ở phòng tuyến văn hóa; nắm thật chắc số lượng và chất lượng cán bộ và phương tiện của từng đơn vị. Kết hợp chặt chẽ với lực lượng quân sự và công an để tiến hành phân vùng, phân tuyến một cách cụ thể (mỗi vùng gồm những bản, những xã nào). Xác định những điểm cần làm trước và cần tập trung đầu tư phương tiện hoạt động.

— Xây dựng nhanh các công trình văn hóa thông tin ở các huyện lỵ và thị xã biên giới với quy mô và hình thức thích hợp.

— Về phương thức hoạt động, cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với lực lượng vũ trang, với các trường học, các cơ sở kinh tế trong các hoạt động văn hóa thông tin. Tích cực mở rộng hoạt động văn hóa thông tin ở các chợ biên giới, bảo đảm phiên chợ nào cũng có những hoạt động văn hóa thông tin. Kết hợp hình thức truyền tin miệng, thông tin trực quan (triển lãm tranh ảnh và chiếu phim đèn chiếu) với các hình thức văn nghệ nhỏ nhẹ. Đặc biệt chú trọng xuất bản các loại sách tranh, sách ảnh và bộ triển lãm nhỏ cho biên giới.

— Có chính sách đãi ngộ thích đáng đối với những cán bộ văn hóa thông tin hoạt động ở miền núi nói chung và ở vùng cao biên giới nói riêng. Kịp thời bổ sung hoặc thay đổi những chế độ, chính sách không còn phù hợp nữa.

Công tác xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới được sự quan tâm và hưởng ứng của cả nước đã có những bước phát triển mới cả về chiều rộng và chiều sâu, góp phần chống trả có hiệu quả cuộc chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt của địch. Công tác này cần được đẩy mạnh và nâng cao hơn nữa để đáp ứng thật tốt yêu cầu của tuyến đầu Tổ quốc.



Digitized by Google

VŨ MÃO

Bí thư thứ nhất TƯ
Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

55 NĂM CHIẾN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Năm nay, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tổ chức cộng sản trẻ tuổi do Đảng và Bác Hồ kính yêu sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, tròn 55 tuổi.

Hơn nửa thế kỷ theo Đảng làm cách mạng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và thế hệ trẻ cả nước đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, lập nên những chiến công xuất sắc, vang dội, và đã nhanh chóng trưởng thành.

Mặc dù các mặt công tác của Đoàn và phong trào thanh niên đang còn những thiếu sót, nhược điểm, song những cống hiến và trưởng thành của Đoàn và các thế hệ thanh niên Việt nam trong cuộc hành trình chiến đấu dưới ngọn cờ cách mạng vẻ vang của Đảng hơn nửa thế kỷ qua vẫn nói lên một thực tế khách quan: Đoàn là đội xung kích cách mạng, đội dự bị chiến đấu của Đảng, là trường học cộng sản chủ nghĩa và người đại diện cho lợi ích và quyền làm chủ tập thể của thanh niên.

Nghị quyết 26 của Bộ chính trị Trung ương Đảng về « tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên » khẳng định: « Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã có những cố gắng trong việc tổ chức, giáo dục, động viên thanh niên hăng hái thi đua thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Hình thức, phương pháp công tác vận động thanh niên có tiến bộ. Đảng đánh giá cao và biểu dương những cống hiến, thành tích của thanh niên và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ». Đoàn đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, huân chương cao nhất của nước ta trong dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập nước.

Trong 55 năm chiến đấu và trưởng thành dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh rút ra được nhiều kinh nghiệm quý. Dưới đây là một số kinh nghiệm cơ bản nhất:

1 — Đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định, trực tiếp tạo nên lý tưởng, niềm tin của thế hệ trẻ; tạo nên thành công trong công tác của Đoàn.

Chúng ta đều biết, những năm đầu thế kỷ 20, khi ngọn lửa đấu tranh của phong trào Cần vương đã tắt, đất nước ta chìm trong bóng đêm nô lệ « tưởng như không có đường ra ». Nhưng lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản Việt nam đầu tiên kịp đến với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đem chủ nghĩa Mác—Lê-nin truyền bá vào trong nước và kết hợp tư tưởng, lý luận tiên tiến đó với phong trào công nhân, phong trào yêu nước để thành lập Đảng tiên

Digitized by Google

phong, mở ra triển đồ rạng rỡ cho cách mạng nước ta.

Ngay từ khi vừa thành lập, trong cương lĩnh chính trị của mình, Đảng ta đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo. Đó là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ đế quốc, phong kiến, để giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ và bóc lột, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Với đường lối đúng đắn của Đảng, phong trào yêu nước đã đi vào quỹ đạo mới. Sức mạnh của nhân dân ta đã được kết hợp với sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân cách mạng trên thế giới. Đường lối chính trị của Đảng ngay từ khi vừa xây dựng đã thể hiện được chân lý lớn nhất của thời đại ta là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*, cho nên có sức thuyết phục mạnh mẽ, đáp ứng nguyện vọng sâu xa của hàng chục triệu nhân dân lao động; đặc biệt đã nhanh chóng trở thành *lý tưởng và niềm tin* vững chắc của thanh niên, những người khát khao lý tưởng sống cao đẹp và luôn hướng về cái mới.

Có đường lối đúng, Đảng ta lại có đội ngũ cán bộ, đảng viên kiên trung, bất khuất, suốt đời một lòng vì nước, vì dân. Những tấm gương chiến đấu hy sinh của các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Gia Tự, Nguyễn Thị Minh Khai và hàng vạn chiến sĩ cộng sản khác đã làm xúc động và cổ vũ lớp lớp thanh niên nước ta đứng lên, bất chấp gươm súng, tù gông của kẻ thù, bước vào cuộc đấu tranh một mất một còn với chúng. Tấm gương đạo đức cách mạng của các cán bộ, đảng viên trong đấu tranh, sản xuất và sinh hoạt hằng ngày, mà kết tinh cao nhất là ở Bác Hồ, đã gây xúc động và niềm cảm phục trong biết bao con người trẻ tuổi.

Ra đời trong cao trào cách mạng sục sôi 1930 – 1931, Đoàn TNCS nước ta đã đem đường lối cách mạng của Đảng tuyên truyền giác ngộ thanh niên công nông, thanh niên trí thức và các tầng lớp thanh niên khác, vận động họ đứng lên đấu tranh. Trải qua các giai đoạn cách mạng, Đoàn đã không ngừng giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, và nêu những tấm gương sáng chói của những người cộng sản để cổ vũ lớp người trẻ tuổi.

Các thế hệ thanh niên nước ta đi theo tiếng gọi của Đảng, của Đoàn, đã từng viết nên những trang sử đấu tranh huy hoàng, chói lọi. Thế hệ thanh niên đầu tiên đã tham gia thành lập Đảng và lãnh đạo các cuộc đấu tranh trong suốt thời kỳ hoạt động bí mật. Thế hệ thanh niên thứ hai đã tham gia giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám và tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp thắng lợi. Thế hệ thứ ba đã "xẻ dọc Trường sơn đi cứu nước" và cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, đem lại thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc, và cùng cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đường lối chung về xây dựng chủ nghĩa xã hội đúng đắn, sáng tạo do Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra đã nhanh chóng trở thành lời kêu gọi và kim chỉ nam cho 15 triệu đoàn viên, thanh niên trong cả nước ta – những người được mệnh danh là thế hệ thứ tư – đi tới chân trời tươi sáng.

Nhờ có đường lối của Đảng mà Đoàn luôn xác định được cương lĩnh hành động đúng đắn; có cương lĩnh hành động đúng đắn cho nên Đoàn luôn tạo được sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đoàn và trong phong trào thanh niên, tạo ra được lý tưởng, niềm tin vững chắc trong tuổi trẻ.

Đường lối đúng đắn của Đảng là cái gốc, là nhân tố hàng đầu, quyết

Digitized by Google

định nhất sự thành công trong công tác vận động thanh niên. Lúc nào, ở đâu chúng ta có sai lầm trong việc thực hiện đường lối, lúc nào, ở đâu cán bộ, đảng viên, thiếu gương mẫu thì lúc đó, nơi đó niềm tin của tuổi trẻ bị tổn thương, công tác Đoàn gặp khó khăn. Điều đó nhắc nhở cán bộ, đảng viên chúng ta phải luôn quan tâm đến việc giáo dục đường lối chính sách của Đảng cho thanh niên, đồng thời tự mình phải chú ý nêu gương sáng trong việc thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2 — Chăm lo xây dựng Đoàn vững mạnh, tích cực đổi mới hình thức, phương pháp đoàn kết, tập hợp thanh niên và phát động phong trào hành động cách mạng mạnh mẽ trong thanh niên.

Là đội quân xung kích cách mạng, Đoàn không chỉ chú ý tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, mà còn đặc biệt chú ý xây dựng Đoàn vững mạnh, đủ sức làm hạt nhân đoàn kết, tập hợp và phát động phong trào hành động cách mạng mạnh mẽ trong thanh niên, nhằm biến đường lối đúng đắn của Đảng thành hiện thực sinh động trong đời sống xã hội.

Mấy chục năm qua, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, Đoàn đã không ngừng được tăng cường và củng cố trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ « năm bảy cháu đoàn viên rất hiếm hoi » do Bác Hồ trực tiếp bồi dưỡng, giáo dục, ngày nay Đoàn đã có trên 4 triệu rưỡi đoàn viên, tập hợp chung quanh mình các tầng lớp thanh niên đông tới gần 10 triệu người. Tổ chức Đoàn được xây dựng và phát triển ở hầu khắp các địa bàn dân cư, các cơ quan hành chính sự nghiệp, các cơ sở kinh tế, văn hóa, quốc phòng và các ngành dịch vụ. Đội ngũ cán bộ Đoàn từ chỗ có mấy người, ngày nay đã đông tới gần ba vạn ; bộ máy chuyên trách của Đoàn được xây dựng khá hoàn chỉnh từ trung ương tới các tỉnh, thành quận, huyện, và cấp tương đương.

Trong công tác của mình, Đoàn luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời kỳ, nhạy bén với tình hình mới ; biết căn cứ vào đặc điểm tâm tư, nguyện vọng của tuổi trẻ mà đề ra các hình thức, biện pháp, khẩu hiệu, phong trào thích hợp cho nên đã tập hợp được hàng triệu thanh niên thành lực lượng xung kích đi vào cuộc chiến đấu dầy gian khổ, hy sinh, góp phần xuất sắc vào sự nghiệp đánh thắng hoàn toàn hai đế quốc to là Pháp và Mỹ ; đi vào ba cuộc cách mạng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hiện đứng vững ở mũi nhọn bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Các phong trào do Đoàn phát động như « Xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ nhất », « Ba sẵn sàng », « Năm xung phong » trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, và phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể » ngày nay, cùng với các hình thức « đội thanh niên xung phong », « công trình thanh niên cộng sản »... đã thật sự là trường học phấn đấu, rèn luyện và cống hiến, trưởng thành của tuổi trẻ Việt nam. Những phong trào đó đã mang lại hiệu quả cao trong chiến đấu, sản xuất, công tác và học tập. Từ trong các phong trào cách mạng rất tiêu biểu đó, hàng triệu thanh niên tích cực đã được kết nạp vào Đoàn, hàng chục vạn đoàn viên ưu tú đã được kết nạp vào Đảng, nhiều đồng chí đã trở thành cán bộ xuất sắc của Đoàn, của Đảng, của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cách mạng.

Xây dựng Đoàn vững mạnh, không ngừng đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức, tập hợp thanh niên và phát động mạnh mẽ các phong trào cách mạng trong thanh niên, rồi từ các phong trào đó mà phát triển đoàn

Digitized by Google

viên, tuyển chọn cán bộ, tăng cường sức mạnh tổ chức của Đoàn để tiếp tục đưa phong trào lên cao hơn nữa... là một quy luật hoạt động mang tính phổ biến, là kinh nghiệm thành công của Đoàn mấy chục năm qua.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, việc xây dựng Đoàn và đoàn kết, tập hợp thanh niên còn khá nhiều hạn chế và khuyết điểm. Như Nghị quyết 26 của Bộ chính trị đã nhận xét, hiện nay tổ chức Đoàn ở cơ sở nhiều nơi còn yếu. Số lượng đoàn viên còn ít so với tổng số thanh niên và chất lượng chưa cao. Nhiều thanh niên chưa được thu hút vào các tổ chức của Hội liên hiệp thanh niên. Đội ngũ cán bộ Đoàn thiếu và yếu chưa được lựa chọn và đào tạo tốt. Nội dung, hình thức, phương pháp công tác Đoàn ở nhiều nơi cũng chưa được đổi mới; bệnh quan liêu, hành chính còn phổ biến. Nếu nói vấn đề cán bộ là yếu tố quyết định nhất thì thiếu sót, khuyết điểm lớn nhất trong việc xây dựng Đoàn và đoàn kết, tập hợp thanh niên hiện nay chính là ở vấn đề này.

Sau mấy mươi năm hoạt động, đội ngũ cán bộ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có mặt mạnh rất cơ bản là sự vững vàng về chính trị, tuyệt đối trung thành và tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, có kinh nghiệm vận động thanh niên trong cách mạng dân tộc dân chủ, nhưng ít hiểu biết những vấn đề về ba cuộc cách mạng, đặc biệt là về quản lý kinh tế. Tốc độ chu chuyển quá nhanh nhưng tuổi đời bình quân của cán bộ Đoàn từ cấp huyện trở lên vẫn còn cao so với yêu cầu. Để khắc phục những nhược điểm này, Nghị quyết 26 của Bộ chính trị chỉ rõ: «Ban tổ chức các cấp phải có quy hoạch lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo và luân chuyển cán bộ Đoàn, để vừa làm tốt việc xây dựng bộ máy của Đoàn vừa tăng cường lực lượng cán bộ trẻ cho Đảng và Nhà nước». Thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ chính trị, một số địa phương, các cấp ủy Đảng đã bước đầu giúp đỡ tổ chức Đoàn xây dựng, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ phù hợp với giai đoạn mới; kiên quyết thay thế những cán bộ chủ chốt không đủ năng lực và tín nhiệm, thực hiện việc chu chuyển hợp lý để vừa bảo đảm yêu cầu trẻ hóa lại vừa bảo đảm tính chất kế thừa. Ngược lại, ở những nơi chưa được cấp ủy Đảng quan tâm đúng mức thì việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đoàn gặp không ít khó khăn, thậm chí một số cán bộ chủ chốt của Đoàn bị điều động, xáo trộn một cách không cần thiết. Đây là tình trạng cần được nhanh chóng khắc phục.

3 — *Chủ động phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội để tiến hành công tác thanh niên theo quan điểm phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng.*

Trong 55 năm xây dựng và phát triển, 14 năm đầu Đoàn thanh niên đã tiến hành công tác vận động thanh niên trong điều kiện hoạt động bí mật. Ở thời kỳ này, lực lượng làm công tác thanh niên chỉ có Đảng với Đoàn. Nhưng từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân được thành lập, chính quyền đã trực tiếp tham gia vào việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thanh niên theo quan điểm của Đảng. Cùng với sự lớn mạnh của chế độ mới, tác động của các cơ quan chức năng của chính quyền tới thế hệ trẻ trên các mặt giáo dục, văn hóa, y tế, thể dục thể thao... ngày càng to lớn. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đoàn thanh niên đã sớm có ý thức phối hợp công tác với các cơ quan, ban, ngành của Nhà nước. Sự phối hợp lúc bấy giờ đã đem lại những kết quả nhất định, song cũng còn nhiều hạn chế. Sau đại thắng mùa xuân 1975, Đảng ta đã thật sự nắm chính quyền cả nước, sự phối hợp

Digitized by Google

giữa Đoàn với các cơ quan chính quyền và các tổ chức xã hội đã phát triển lên một bước mới và ngày càng mở rộng.

Vận dụng quan điểm phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng vào công tác Đoàn, đúc rút kinh nghiệm qua nhiều năm hoạt động, những năm gần đây Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã chủ động đề xuất sự liên kết phối hợp công tác với các ngành, các cấp trên nhiều lĩnh vực. *Chương trình lương thực* do Trung ương Đoàn phối hợp với Bộ nông nghiệp khởi xướng đã được đông đảo đoàn viên, thanh niên nông thôn hưởng ứng, bước đầu đem lại kết quả tốt. *Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa trong thanh niên* do Trung ương Đoàn phối hợp với Bộ văn hóa phát động bước đầu đã đạt được một số kết quả. Việc Trung ương Đoàn phối hợp với Bộ nội vụ phát động phong trào tuổi trẻ *tham gia bảo vệ trật tự, trị an, chống tiêu cực* cũng là sự phối hợp tốt, mang lại hiệu quả lớn. Những năm gần đây, Đoàn còn phối hợp với Bộ lao động, Tổng cục dạy nghề, Tổng cục thể dục thể thao, với Hội nhạc sĩ, Hội điện ảnh v.v. giải quyết việc làm và các nhu cầu rèn luyện thân thể, vui chơi giải trí cho tuổi trẻ, được các ngành và tuổi trẻ hoan nghênh.

Để chuẩn bị ra quân theo đội hình lớn, thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1986 và 5 năm 1986 – 1990, Đoàn mở rộng sự liên kết với Ủy ban kế hoạch Nhà nước, đưa công tác thanh niên vào kế hoạch, coi công tác này là một bộ phận quan trọng của chiến lược kinh tế xã hội. Theo tinh thần Nghị quyết 26 của Bộ chính trị, Đoàn sẽ phối hợp với các ngành điện, than, cao su... động viên và sử dụng tốt lao động trẻ trong việc khai thác đất đai và tài nguyên thiên nhiên để làm giàu cho Tổ quốc.

Sự phối hợp với các ngành bắt đầu mở ra từ cấp trung ương, tới nay đã được các tỉnh, thành và nhiều quận, huyện hưởng ứng. *Điều đó chứng tỏ khi Đảng ta đã nắm chính quyền, việc đào tạo bồi dưỡng thế hệ trẻ thành sự nghiệp chung của toàn xã hội, thì việc Đoàn chủ động liên kết, phối hợp với các ngành để làm tốt công tác thanh niên là một tất yếu khách quan. Có thể xem đây cũng là bài học kinh nghiệm lớn về sự thành công trong công tác của Đoàn.*

Tuy nhiên vấn đề này cũng còn có nơi chưa coi trọng đúng mức. Ở những nơi này, các cấp ủy Đảng chưa chú ý lãnh đạo các ngành cùng phối hợp với Đoàn để làm công tác thanh niên theo tinh thần Nghị quyết Đại hội V của Đảng (phần nói về thanh niên) và Nghị quyết 26 của Bộ chính trị. Còn có hiện tượng khoán trắng công tác thanh niên cho Đoàn, trong khi đó cấp bộ Đoàn lại chưa biết chủ động đến với các ngành của Nhà nước và các đoàn thể trong Mặt trận. Hiệu quả công tác vận động thanh niên vì thế bị giảm sút rõ rệt trên cả ba mặt: giáo dục chính trị tư tưởng; tổ chức các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng; và xây dựng Đoàn, đoàn kết, tập hợp thanh niên.

★

Để nâng cao hiệu qua công tác của Đoàn và phong trào thanh niên trong cả nước, năm nay và cả một số năm tiếp theo, làm cho toàn Đảng và toàn xã hội quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết 26 của Bộ chính trị về công tác thanh niên là điều hết sức cần thiết. Cần làm cho mọi người nắm vững mục tiêu công tác thanh niên là *xây dựng một lớp người mới có giác ngộ xã hội chủ nghĩa; có trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật; có lối sống đẹp phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và truyền thống đạo đức của dân tộc; có thể lực tốt, đáp ứng được*

Digitized by Google

yêu cầu của sản xuất, công nghiệp hóa đất nước và yêu cầu của quốc phòng, bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện tốt công tác thanh niên theo mục tiêu này là thực hiện thắng lợi phần trọng yếu nhất trong việc giáo dục xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã đề ra. Muốn thế phải huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản, phải sử dụng những thành tựu khoa học cao nhất, to lớn nhất trong các ngành giáo dục, văn hóa, thông tin đại chúng, y tế, thể dục thể thao, và cả những tấm lòng nhiệt thành của các thế hệ đi trước, của các bậc cách mạng lão thành, các nhà hoạt động chính trị, xã hội, các nhà chuyên môn... đối với thế hệ trẻ.

Về phía mình, Ban chấp hành trung ương Đoàn quyết tâm động viên cán bộ đoàn viên thanh niên trong cả nước xung kích đi đầu thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Trước mắt, Đoàn sẽ dốc sức tạo ra phong trào hành động cách mạng thật sôi nổi, mạnh mẽ trong đông đảo quần chúng thanh niên, trên cả ba mặt: lao động xây dựng và phát triển kinh tế; giữ gìn an ninh quốc phòng; xây dựng nếp sống văn hóa mới, để cùng toàn dân thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1986 và 5 năm 1986—1990. Đồng thời Đoàn cũng đặc biệt quan tâm giải quyết việc làm và các quyền lợi chính đáng khác của tuổi trẻ như học tập nâng cao trình độ, sinh hoạt văn hóa, thể thao, tham quan du lịch...

Dưới ánh sáng Nghị quyết 26 của Bộ chính trị, được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự phối hợp, ủng hộ tích cực của chính quyền và toàn xã hội, chắc chắn trong thời gian tới, Đoàn thanh niên và phong trào thanh niên sẽ có thêm những bước tiến mới, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, với Huân chương Sao vàng cao quý mà Đảng và Nhà nước vừa trao tặng.



Digitized by Google

HỘI NGHỊ KHOA HỌC

Về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó*

Trần Văn Phác:

(...) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải «tăng cường hơn nữa sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân, giảm bớt và khắc phục khó khăn, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, chặn đứng và loại trừ các biểu hiện tiêu cực, đạt được những tiến bộ quan trọng trong mọi lĩnh vực, tạo ra thế cân đối mới của nền kinh tế, đồng thời chuẩn bị những bước tiến vững chắc và mạnh mẽ cho chặng đường tiếp theo».

Để thực hiện được nhiệm vụ trọng đại đó, chúng ta phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Vì vậy, chiến lược văn hóa không thể tách rời chiến lược kinh tế — xã hội; nó là một bộ phận của chiến lược tổng thể kinh tế — xã hội. Nhiệm vụ, mục tiêu của chiến lược văn hóa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ phải phục vụ đắc lực cho việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của chiến lược tổng thể kinh tế — xã hội trong chặng đường này. Cụ thể là phải góp phần thúc đẩy tốt hơn công cuộc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp văn hóa muốn thực hiện được sứ mạng vẻ vang đó phải xác định cho được nhiệm vụ cụ thể của mình trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội là gì? Theo chúng tôi, những nhiệm vụ đó là:

— Không ngừng nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nhân dân, làm cho chủ nghĩa Mác — Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống chính trị và tư tưởng của nhân dân ta; tuyên truyền và phổ biến kịp thời đường lối, chính sách của Đảng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, làm cho mọi người thấu suốt và nhận thức sâu sắc hơn nữa về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới. Tiếp tục nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, lòng tự hào dân tộc, tinh thần cảnh giác cách mạng, phấn đấu để hoàn chỉnh sự thống nhất đất nước cả về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội theo tinh thần nghị quyết của các Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng. Trên cơ sở đó mà đấu tranh chống mọi thủ đoạn phá hoại về tư tưởng và văn hóa của chủ nghĩa đế quốc, của bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc; chống lại ảnh hưởng xấu

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số 1-1986.

Digitized by Google

của tư tưởng và văn hóa thực dân mới, chống tư tưởng tư sản và tiểu tư sản, xóa bỏ những ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và tập tục hủ bại của xã hội cũ; chống tư tưởng tự do, tản mạn, địa phương, cục bộ của người sản xuất nhỏ, chống bóc lột, đầu cơ, ăn bám, chống tham ô, ăn cắp và những biểu hiện tiêu cực khác.

— Nâng cao trình độ hiểu biết toàn diện của nhân dân, trước hết là cho cán bộ và đảng viên, bảo đảm từng bước cho con người phát triển toàn diện, có khả năng làm việc đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, có nếp sống văn minh.

— Xây dựng nhân cách xã hội chủ nghĩa và lối sống xã hội chủ nghĩa, thấm nhuần nguyên tắc mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người, trong đó cá nhân được tôn trọng và mọi người đều có ý thức làm chủ tập thể, gắn liền nghĩa vụ và trách nhiệm, biết kết hợp quyền lợi riêng và lợi ích chung.

Quá trình xây dựng nhân cách xã hội chủ nghĩa và lối sống mới là quá trình cải tạo phong tục cũ, tập quán cũ, xây dựng phong tục mới, tập quán mới, là quá trình giáo dục nhân sinh quan và thế giới quan cách mạng, quá trình đấu tranh giữa văn hóa xã hội chủ nghĩa và văn hóa tư bản chủ nghĩa.

— Xây dựng nền văn hóa nghệ thuật xã hội chủ nghĩa có tính dân tộc, tính đảng và tính nhân dân, thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, lấy phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa làm phương pháp sáng tác tốt nhất.

Song song với việc tạo ra những điều kiện cho sáng tác, cần hết sức coi trọng công tác lý luận phê bình nhằm tạo một nền phê bình nghệ thuật có trình độ cao, gắn liền với công tác tư tưởng và sự lãnh đạo của Đảng.

— Xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân về văn hóa trên hai mặt: hưởng thụ các giá trị văn hóa và sáng tạo ra các giá trị văn hóa. Muốn vậy, phải nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân, tích cực xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đặc biệt chú trọng tới các vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới và vùng căn cứ kháng chiến cũ. Xây dựng văn hóa trên địa bàn huyện, hình thành một thể thống nhất giữa trung tâm văn hóa huyện và các cơ sở dân cư. Xây dựng đời sống văn hóa ở các thành phố lớn thành trung tâm văn hóa tiêu biểu cho nền văn hóa mới, nhất là ở thủ đô Hà nội và ở thành phố Hồ Chí Minh.

Để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ quan trọng trên đây, cần có những biện pháp thiết thực và đồng bộ. Trước hết là phải không ngừng nâng cao nhận thức của mọi người, nhất là trong cán bộ và đảng viên về vị trí, vai trò quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta, mà hiện nay còn rất bị coi nhẹ. Trong quá trình xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo nhưng vẫn phải coi trọng chính sách đầu tư thích đáng của Nhà nước trong việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của ngành văn hóa, trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các văn nghệ sĩ lao động sáng tác có hiệu quả nhất. Và lại càng phải khẩn trương đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ văn hóa nghệ thuật có đầy đủ năng lực và phẩm chất để góp phần tích cực vào nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa mới và con người mới trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Phạm Minh Hạc:

Nền giáo dục của chúng ta 40 năm qua đã đạt được những thành tựu to

Digitized by Google

lớn và rực rỡ, góp phần xứng đáng vào việc đào tạo lớp người lao động mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh thống nhất nước nhà.

Ngày nay, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nền giáo dục của chúng ta đang đứng trước bao nhiêu vấn đề cấp bách cần được giải quyết. Một điều rõ ràng là có những mất cân đối lớn giữa nhu cầu học tập của nhân dân với những điều kiện vật chất cho phép. Giáo dục chịu sức ép rất lớn của dân số. Sự phát triển giáo dục của chúng ta nói chung thiếu ăn khớp với sự phát triển kinh tế — xã hội. Bước đi, cách làm giáo dục nhiều chỗ chưa phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân. Nhìn chung, thấy nổi lên những mất cân đối lớn sau đây:

Một là, giữa sự phát triển kinh tế với sự phát triển giáo dục, giữa mong muốn phát triển giáo dục thật nhanh với điều kiện vật chất bảo đảm sự phát triển ấy, giữa yêu cầu phát triển số lượng với khả năng thực hiện chất lượng giáo dục toàn diện.

Hai là, giữa cơ cấu kinh tế—xã hội với cơ cấu giáo dục, giữa nhu cầu lao động với cơ cấu đào tạo, giữa kế hoạch đào tạo với kế hoạch sử dụng.

Ba là, giữa giáo dục phổ thông với giáo dục dạy nghề, giữa giáo dục dạy nghề với giáo dục trung học chuyên nghiệp, giữa giáo dục trung học chuyên nghiệp với giáo dục đại học và trên đại học...

Bốn là, giữa các mặt trong nội dung giáo dục toàn diện: giữa trí dục và đức dục, giữa tinh thần và thể lực, giữa tri thức khoa học và kỹ năng lao động

Những mất cân đối lớn trên đây đã ảnh hưởng xấu đến chất lượng giáo dục, làm chất lượng giáo dục giảm sút. Làm sao dần dần khắc phục được những mất cân đối đó, làm sao cho sự phát triển giáo dục có những bước đi phù hợp với yêu cầu và khả năng của kinh tế địa phương và cả nước? Rõ ràng, phải đặt kế hoạch phát triển giáo dục như là một bộ phận hữu cơ của kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội ở cả nước cũng như ở từng địa phương. Nếu không có sự nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân, nếu không có sự giúp đỡ của các ngành, các cấp, thì ngành giáo dục dù hết sức cố gắng cũng khó thoát ra khỏi tình trạng hiện nay. «Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hóa» (1). Nhận thức về vai trò quan trọng đó của giáo dục cần được thể hiện cụ thể trong khi xây dựng những kế hoạch kinh tế—xã hội. Giáo dục là một bộ phận của ba cuộc cách mạng, có tác dụng trực tiếp đối với sản xuất, đòi hỏi phải được đối xử thích đáng. Không nên coi đầu tư cho giáo dục chỉ như là một thứ phúc lợi đơn thuần. Đó là chưa nói đến việc phải có kế hoạch đầu tư cho tương lai xa hơn, đón đầu những thập kỷ đầu của thế kỷ sau.

Một công tác cấp bách hiện nay là phải nhanh chóng khắc phục sự mất cân đối giữa trí dục và đức dục, giữa tinh thần và thể lực, giữa tri thức khoa học và thế giới quan biện chứng, giữa học văn phổ thông với kỹ năng thực hành. Trước mắt cần tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho học sinh, xác định động cơ học tập đúng đắn, chống lại lối «học gạo» chạy theo bằng cấp, tách rời học với hành, lý thuyết với ứng dụng. Phải gắn nhà trường với mục tiêu kinh tế—xã hội của cả nước và từng địa phương. Phải làm sao mau chóng chuyển trường phổ thông văn hóa «chay» thành trường mang những tính chất: phổ thông, lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề.

(1) Hồ Chí Minh: *Bàn về công tác giáo dục*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1972, tr. 57.

Digitized by Google

Nhà trường đó buộc phải vận hành theo nguyên lý giáo dục « học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội ». Từ đó chúng ta sẽ thực hiện mục tiêu giáo dục là hình thành toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa, đào tạo con người có lòng yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có sức khoẻ, có phẩm chất, có kiến thức và kỹ năng để làm tốt một nghề, hợp với sự phân công lao động trong địa phương và trong cả nước, thích ứng với trình độ phát triển kinh tế — xã hội trong chặng đường đầu tiên và cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giải quyết sớm những vấn đề của giáo dục hôm nay chính là chúng ta tiết kiệm nhất sức người, sức của, tạo sức bật cho dân tộc trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Trần Hồng Quân:

Một trong những nhiệm vụ của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị điều kiện cho những bước phát triển mạnh mẽ bằng cách mạng khoa học — kỹ thuật. Một trong những điều kiện quan trọng đó là đáp ứng yêu cầu về đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật, cán bộ quản lý. Nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong cùng một thời kỳ, chúng ta phải đồng thời làm nhiệm vụ cả hai cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thứ 1 và thứ 2. Nếu không có vài triệu cán bộ chuyên môn thì không thể nói đến cách mạng khoa học — kỹ thuật, không thể nói đến những mục tiêu to lớn phát triển kinh tế — xã hội. Khoảng năm 2000 sẽ là bước ngoặt to lớn của thế giới. Hầu hết các nước sẽ trang bị lại, đổi mới về cơ bản kiến thức khoa học, công nghệ.

Bốn mươi năm qua, chúng ta đạt được những thành tích đáng tự hào về giáo dục, đào tạo. Nhưng từ những năm 70 sự phát triển lại ngập ngừng và sang những năm 80 thì không phát triển mà còn giảm quy mô và tiến đó đào tạo. Trong những năm 60, nước ta là nước tiên tiến về giáo dục đào tạo trong các nước đang phát triển thì hiện nay đã trở thành chậm tiến. Số cán bộ chuyên môn trên 1 vạn dân, số sinh viên đại học trên 1 vạn dân của ta thấp hơn nhiều so với nhiều nước đang phát triển. Chúng ta đang chậm sau cả về quy mô, về chất lượng, về trang bị, về loại hình đào tạo... Ta chỉ thường so sánh ta ngày nay với ta trước đây, mà ít chịu so sánh nước ta với các nước chung quanh để rút ra những đánh giá có ích.

Có người cho rằng không cần nhiều, lại có người cho rằng không thể đào tạo nhiều cán bộ đại học và trung học chuyên nghiệp. Nói không cần nhiều là vì không nhìn thấy trước được nhu cầu to lớn trong giai đoạn phát triển tương lai, cũng không thấy rằng con người dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, ngoài vai trò là lực lượng lao động còn có vai trò làm chủ xã hội nữa. Điều này đòi hỏi phải không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết. Nhu cầu học tập của đông đảo người lao động, nhất là thanh niên, rất lớn. Các trường đại học mỗi năm chỉ có điều kiện thu nhận 1/10 số học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học. Mà số trường dạy nghề của ta lại cũng thật ít ỏi. Hằng năm, số học sinh phổ thông tốt nghiệp ra trường làm cho lực lượng lao động xã hội tăng lên 4%, nhưng nói chung họ chưa được chuẩn bị về nghề nghiệp. Do đó, hàng triệu thanh niên chưa có việc làm ổn định, trong lúc đất nước rất thiếu lao động có kỹ thuật. Cớn nói không thể đào tạo được nhiều hơn vì không đủ ngân sách thì phải có cách làm khác, có nhiều loại hình, nhiều phương thức, huy động nhiều nguồn kinh phí. Có cách làm mới sẽ có khả năng mới. Biến cái không thể thành cái có thể

Digitized by Google

Phải kiên quyết phát triển, không do dự. Giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp phải đi trước một bước mới mong đáp ứng được yêu cầu của cách mạng khoa học — kỹ thuật « là then chốt » trong ba cuộc cách mạng. Không nên coi giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp là ngành không sản xuất, chỉ tiêu dùng của cải xã hội. Nó chính là một ngành sản xuất ra đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, một lực lượng sản xuất rất quan trọng. Đầu tư cho giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp là một phần đầu tư cơ bản để phát triển kinh tế — xã hội. Theo UNESCO, năm 1981 đầu tư hằng năm tính theo đầu người dân cho giáo dục đào tạo của thế giới là 181 đô la; ở các nước đang phát triển là 40 đô la; ở châu Phi là 39 đô la. Còn ở nước ta, hết sức ít. Nếu nắm được con số cụ thể ắt phải rất thăm thía khi so sánh. Có thể phấn đấu không khó khăn để bớt những lãng phí trong đầu tư, trong sản xuất, trong tiêu dùng để tăng gấp đôi, gấp ba ngân sách giáo dục đào tạo. Rồi chính hiệu quả trực tiếp và gián tiếp của giáo dục đào tạo sẽ góp phần quan trọng làm tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội. Dù xét thuần túy về mặt hiệu quả kinh tế, đây cũng là loại đầu tư có lãi nhất. Còn xét về nhiều mặt đây là một trong những loại đầu tư quan trọng nhất. Khẩu hiệu « tất cả vì con người, tất cả do con người » phải được thể hiện trong chính sách đầu tư.

Bản thân ngành giáo dục đào tạo đương nhiên phải phấn đấu hết sức mình để tự túc một phần kinh phí, đồng thời khắc phục nhiều thiếu sót, nhược điểm để nâng cao hiệu quả đào tạo, gắn bó chặt chẽ hơn nữa với các mục tiêu kinh tế — xã hội của Đảng đề ra mà phục vụ. Tiềm lực còn rất lớn. Từ con người chúng ta đi lên.

Phạm Như Cương :

Trên cơ sở đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế được thông qua ở Đại hội thứ IV, thứ V của Đảng và những kinh nghiệm phong phú của mười năm qua, các ngành khoa học xã hội phải tập trung sức nghiên cứu xây dựng những công trình khoa học cơ bản về thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là về chặng đường đầu tiên, tiến tới đưa ra được với Đảng những kiến nghị về các vấn đề lớn trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Khoa học xã hội phải góp phần phát hiện và giải quyết các vấn đề đặt ra trong việc thực hiện các chính sách về xây dựng cơ cấu giai cấp — xã hội, chính sách dân tộc, chính sách dân số v.v. trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Kinh nghiệm vừa qua cho thấy nếu không có sự chủ động giải quyết một cách có căn cứ khoa học, có kế hoạch thì trong rất nhiều trường hợp, chúng ta phải nhận lấy những hậu quả xã hội trái ngược với chính sách, với dự kiến của lãnh đạo.

Không chỉ góp phần vào việc xây dựng, cụ thể hóa, hoàn chỉnh đường lối, khoa học xã hội còn phải tham gia tích cực vào việc hoạch định các chiến lược kinh tế — xã hội, chiến lược quản lý. Đi đôi với việc điều tra cơ bản về tài nguyên, về môi trường thiên nhiên, việc điều tra cơ bản về kinh tế — xã hội, về yếu tố con người — một vấn đề mà lâu nay ta chưa có sự coi trọng đúng mức — cũng là một căn cứ rất quan trọng cho việc quyết định chiến lược và kế hoạch.

Ngày nay, khi mà yếu tố xã hội đã trở thành một yếu tố của việc nâng cao năng suất lao động thì vai trò của nhiều ngành khoa học xã hội như tâm lý học, xã hội học, mỹ học, đạo

Digitized by Google

đức học, luật học v v. đối với việc tạo ra môi trường tâm lý – xã hội tối ưu ở mỗi cơ sở sản xuất là điều có ý nghĩa quan trọng. Người quản lý kinh tế, quản lý sản xuất, theo quan niệm hiện đại, không chỉ cần được trang bị những hiểu biết về kinh tế, về quản lý kinh tế, mà cả những hiểu biết về tâm lý học, về xã hội học, luật học, đạo đức học v.v.., vì quản lý không chỉ là quản lý sự vật mà còn là quản lý con người, xử lý các mối quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất. Chỉ có như vậy thì quan điểm của Đảng về đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng, về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội trong lãnh đạo và quản lý mới trở thành hiện thực sinh động trong đời sống kinh tế – xã hội hằng ngày ở cơ sở, trong việc hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch, trong việc xây dựng con người mới, lối sống mới.

Hiện nay, nhiệm vụ chủ yếu nhất của khoa học xã hội là trải qua nghiên cứu, thảo luận mà đề xuất được những kiến nghị thật sự có giá trị khoa học và thực tiễn cho Đại hội đại biểu toàn quốc thứ VI của Đảng.

Những nhiệm vụ nghiên cứu trên đây đòi hỏi chúng ta phải đổi mới quan niệm, nhận thức của chúng ta về nhiệm vụ, chức năng của khoa học xã hội, từ đó mà cải tiến một cách mạnh mẽ công tác tổ chức, công tác quản lý các hoạt động của nó, để khoa học xã hội thật sự trở thành công cụ của lãnh đạo và quản lý, thật sự là một tiềm năng to lớn trong việc cải tiến, nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý, bảo đảm cho công tác lãnh đạo và quản lý luôn luôn có đầy đủ tính cách mạng và tính khoa học.

Khoa học xã hội của chúng ta phải chuyển mạnh vào việc phục vụ cuộc sống hiện nay, trước nhất là những vấn đề nóng hổi về kinh tế – xã hội. Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta coi nhẹ việc nghiên cứu những vấn đề lịch sử, việc nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội. Nghiên cứu, tổng kết lịch sử một cách sâu sắc là điều không thể thiếu được để hiểu rõ hơn, đúng hơn về hiện tại và tương lai; nghiên cứu cơ bản, làm rõ những vấn đề quan điểm, phương pháp luận và phương pháp là một cơ sở quan trọng để giải quyết có căn cứ khoa học những vấn đề của thực tiễn.

Để có thể có những đóng góp có giá trị khoa học cao, nhất là trong việc tham gia giải quyết những vấn đề thuộc về chiến lược kinh tế – xã hội, các khoa học xã hội cần chuyển hướng mạnh hơn trong việc nghiên cứu liên ngành, liên ngành giữa các chuyên ngành của khoa học xã hội và liên ngành giữa khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật.

Cũng như trong các lĩnh vực hoạt động khác, nói cho cùng, quy mô và chất lượng thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu được đề ra phụ thuộc vào các điều kiện và sự lãnh đạo, quản lý.

Do đó, để đưa hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội của chúng ta lên một bước phát triển mới, cần giải quyết những vấn đề thuộc về tổ chức, quản lý, chỉ đạo và về xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học xã hội của nước ta.

Xây dựng một hệ thống chương trình nghiên cứu thống nhất về khoa học xã hội được Trung ương xem xét, phê chuẩn và phân công cho các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện bằng cách huy động các chuyên gia giỏi nhất vào các chương trình đó. Có quy chế bảo đảm cho các tập thể nghiên cứu được cung cấp những thông tin cần thiết và quy chế sử dụng các kết quả nghiên cứu.

Xây dựng một quy hoạch dài hạn (có thể đến năm 2000) thống nhất của cả nước, bao gồm cả hệ thống Đảng,

Digitized by Google

hệ thống Nhà nước, của cả trung ương và địa phương, về xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ cấu đội ngũ cán bộ khoa học xã hội. Cần tính toán rõ những chuyên ngành nào cần có ở nhiều nơi, những chuyên ngành nào cần lập một trung tâm chung cho cả nước. Cần xác định rõ các ngành khoa học mũi nhọn và các cơ sở trọng điểm để tập trung xây dựng. Việc xây dựng tổ chức phải nghiêm khắc tuân theo nguyên tắc có sự chuẩn bị trước về những điều kiện tối thiểu cần phải có, nhất là điều kiện cán bộ. Những kinh nghiệm mới về tổ chức các cơ quan khoa học có thể vận dụng là: kết hợp sự ổn định tương đối về tổ chức theo chuyên ngành khoa học với sự mềm dẻo, linh hoạt về tổ chức theo chương trình đề tài; không lập nhiều tổ chức nhỏ, biệt lập, khép kín mà nên lập những tổ chức tương đối lớn mang tính chất tổng hợp, liên ngành; hình thức tổ chức phải bảo đảm được sự kết hợp tối ưu giữa nghiên cứu cơ bản, phương pháp luận với nghiên cứu ứng dụng, làm thử, thực nghiệm trước khi rút ra kết luận khoa học và đề xuất kiến nghị. Trước mắt cần có sự rà soát, điều chỉnh, sắp xếp lại tổ chức và lực lượng cán bộ.

Đi đôi với quy hoạch về xây dựng tổ chức là quy hoạch về đội ngũ cán bộ. Quy hoạch đó phải bảo đảm một tỷ lệ cân đối giữa ba thành phần cán bộ: quản lý, chuyên gia khoa học và cán bộ nghiệp vụ-kỹ thuật, bảo đảm một cơ cấu hợp lý về số lượng cán bộ thuộc mỗi chuyên ngành khoa học xã hội, về trình độ đào tạo (đại học, phó tiến sĩ, tiến sĩ). Những vấn đề có ý nghĩa quyết định hiện nay trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học xã hội là: đào tạo, bồi dưỡng được những cán bộ đủ sức giúp Trung ương tổ chức và quản lý tốt mặt trận khoa học xã hội ở một số cơ quan làm chức năng tham mưu và ở các cơ sở nghiên cứu quan trọng, một số chuyên gia đầu đàn của mỗi chuyên ngành; bồi dưỡng cho đội ngũ đang là lực lượng hoạt động chính hiện nay; đào tạo lực lượng trẻ cho bước phát triển tiếp theo; có chế độ, chính sách thỏa đáng để có thể thu hút được những thanh niên có phẩm chất chính trị tốt, học giỏi và có năng khiếu về khoa học xã hội, tạo nguồn cho việc đào tạo nhân tài về khoa học xã hội.

Chúng ta cũng cần giải quyết nhiều vấn đề thuộc về cơ chế lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với các cơ quan nghiên cứu thuộc hệ thống Đảng và hệ thống Nhà nước, cũng như việc tham gia của các đoàn thể nhân dân vào việc nghiên cứu khoa học xã hội, tạo thành một mặt trận chung thống nhất của cả nước.

Hoàng Đình Phu:

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một đất nước bị 30 năm chiến tranh tàn phá và từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đó là đặc điểm hết sức quan trọng chi phối sâu sắc con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì vậy, cần quán triệt đặc điểm đó trong việc nghiên cứu, tìm tòi để cụ thể hóa đường lối cách mạng của Đảng, nhằm xác định đúng đắn phương hướng bước đi và biện pháp phát triển kinh tế, phát triển khoa học và kỹ thuật thích hợp với từng chặng đường và cho cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Từ thực trạng của đời sống kinh tế và xã hội hiện nay từ những bài học kinh nghiệm quý báu của 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, *cần làm rõ hơn nữa những mục tiêu cụ thể của chặng đường đầu tiên, trên cơ sở mục tiêu tổng quát đã được nêu lên trong nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, nhằm định hướng đúng đắn cho*

Digitized by Google

các hoạt động kinh tế, các hoạt động khoa học và kỹ thuật.

Mục tiêu chủ yếu của chặng đường đầu tiên là ổn định sản xuất, ổn định đời sống. Phải ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện để bảo đảm nhu cầu lương thực thực phẩm một cách vững chắc, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nguồn xuất khẩu trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta từ đất đai và lao động mà đi lên. Phải sắp xếp lại sản xuất và cải tiến cơ cấu kinh tế nhằm khắc phục cho được tình trạng mất cân đối giữa yêu cầu của các cơ sở sản xuất nông nghiệp công nghiệp và dịch vụ với khả năng cung ứng năng lượng, vật tư, khả năng bảo đảm giao thông vận tải và thông tin liên lạc. Có như vậy mới ổn định được sản xuất và nâng cao hiệu quả của sản xuất. Một mục tiêu cực kỳ quan trọng của chặng đường đầu tiên là cải tiến quản lý kinh tế từ sản xuất đến phân phối lưu thông theo hướng mà nghị quyết 8 và các nghị quyết khác của Trung ương đã vạch ra, từng bước xóa bỏ quan liêu bao cấp, thật sự đi vào hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa, tiến bộ khoa học kỹ thuật thâm nhập sâu rộng và thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, làm ăn thật sự có lãi và có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, qua đó mà rèn luyện, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ quản lý có tài năng từ cấp chiến lược cho đến các địa phương và các cơ sở. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, hình thành được một sự phân công lao động quốc tế hợp lý và vững chắc trên cơ sở phát huy thế mạnh về tài nguyên và con người Việt nam.

Đạt được những mục tiêu cụ thể nói trên, mặc dù chỉ tiêu sản xuất của các ngành kinh tế kỹ thuật có thể chưa cao, thu nhập quốc dân bình quân đầu người có thể còn khiêm tốn, chúng ta sẽ tạo ra được những nhân tố thế và lực cần thiết để phát triển vững chắc và mạnh mẽ hơn nữa nền kinh tế quốc dân, tạo những điều kiện «cất cánh» cho nền kinh tế bước vào chặng đường tiếp theo.

★

Nhằm vào mục tiêu tổng quát và những mục tiêu cụ thể chủ yếu của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, các hoạt động khoa học và kỹ thuật trong chặng đường đầu tiên cần tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là: các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật phải góp phần quan trọng nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác quản lý, trên cơ sở đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng và những thành tựu của khoa học và kỹ thuật hiện tại.

Xây dựng cơ chế và nền nếp quản lý mới, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất và phân phối lưu thông. Cải tiến công cụ kế hoạch hóa, kết hợp kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hoàn chỉnh hệ thống các đòn bẩy kinh tế để mở rộng quyền chủ động của các cơ sở sản xuất và phát huy năng lực sáng tạo của nhân dân lao động. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật; bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, định mức, quy trình, quy phạm, các chế độ đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Cùng với cơ chế quản lý, cần nghiên cứu xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, dựa vào các nguồn dự trữ tài nguyên, vào tiềm lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ, vào sự phân công lao động quốc tế. Ra sức xây dựng một hệ thống thông tin kinh tế hoàn chỉnh, thông suốt từ trên xuống dưới, đi đôi với một mạng lưới thông tin liên lạc có độ tin cậy và chất

Digitized by Google

lượng cao. Áp dụng các phương pháp toán học và các công cụ tính toán hiện đại để góp phần nâng cao hiệu lực công tác quản lý.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, vừa phát triển mạnh mẽ kinh tế vừa bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh trên quan điểm chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân.

Hai là: áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật đã có và sẽ có để góp phần quan trọng phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

Trong nông, lâm, ngư nghiệp, áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về giống, thủy lợi và kỹ thuật thâm canh, về chăn nuôi và thú y, kết hợp với các biện pháp tổ chức sản xuất và các chính sách khuyến khích để tăng năng suất, chất lượng cây trồng và con vật nuôi, phát triển các vùng lúa cao sản, các vùng chuyên canh cây màu, cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản nhằm bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực thực phẩm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nguồn hàng xuất khẩu.

Trong các ngành công nghiệp và giao thông vận tải, tiến bộ khoa học kỹ thuật phải nhằm bảo đảm khai thác đến mức tối đa công suất các máy móc thiết bị hiện có, nâng cao năng lực khôi phục và chế tạo phụ tùng thay thế, nâng cao năng lực chế tạo máy, từ các máy móc thiết bị lẻ đến các dây chuyền sản xuất đồng bộ quy mô nhỏ và quy mô vừa để chế biến tài nguyên trong nước, cung cấp ngày càng nhiều các loại vật liệu cần thiết cho các ngành kinh tế quốc dân, giảm nhập khẩu như phân bón, thuốc trừ sâu, các kim loại đen, kim loại màu và hợp kim, các hóa chất cơ bản... Cần quan tâm đặc biệt đến các tiến bộ kỹ thuật trong các ngành năng lượng, nhằm nâng cao hiệu suất khai thác, chế biến than và dầu khí, phát triển nhanh các mạng lưới điện, hạ mức tiêu hao than, điện, xăng dầu trong sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong việc chế tạo các phương tiện vận tải, mở rộng mạng lưới giao thông, cải tiến tổ chức và quản lý vận tải.

Trong lĩnh vực đời sống, cần áp dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng lực phòng bệnh và điều trị, bảo đảm an toàn lao động, cải tiến bữa ăn, phát triển sản xuất thuốc chữa bệnh và xây dựng nhà ở.

Ba là: đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học để phục vụ cho các yêu cầu kinh tế xã hội trước mắt và chuẩn bị cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của nền kinh tế quốc dân trong chặng đường tiếp theo.

Tiếp tục điều tra cơ bản tổng hợp các vùng lãnh thổ quan trọng về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên thiên nhiên làm cơ sở cho việc hoàn thiện thêm một bước các quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng vùng lãnh thổ và của cả nước. Đề xuất các kiến nghị sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đặc biệt chú trọng điều tra tổng hợp về biển, bao gồm vùng ven biển, các hải đảo, thềm lục địa và vùng biển xa nhằm từng bước xây dựng và phát triển ngành kinh tế biển đầy triển vọng của nước ta.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học. Đi sâu vào các vấn đề lý luận của thời kỳ quá độ, nhằm đưa được vào cuộc sống những luận điểm độc đáo và sáng tạo trong đường lối cách mạng của Đảng. Tập trung nghiên cứu dứt điểm những vấn đề khoa học và kỹ thuật do thực tiễn sản xuất và đời sống đặt ra. Dành một lực lượng khoa học và kỹ thuật thích đáng để nghiên cứu một số vấn đề khoa học và kỹ thuật mũi nhọn cần thiết đối

Digitized by Google

với ta nhằm mở ra cho nền kinh tế quốc dân những phương hướng sản xuất mới, những thế mạnh mới phù hợp với đặc điểm tài nguyên và điều kiện thiên nhiên nước ta. Tiếp tục nghiên cứu dự báo khoa học và kỹ thuật dài hạn, dự báo từng ngành và dự báo tổng hợp để cung cấp cơ sở khoa học cho công tác kế hoạch hóa.

★

Để bảo đảm hoàn thành các phương hướng nhiệm vụ nói trên cần phát huy tốt tiềm lực khoa học và kỹ thuật hiện có. Cần tập hợp đông đảo lực lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật vào các chương trình nghiên cứu khoa học, các chương trình tiến bộ khoa học-kỹ thuật có mục tiêu ở cấp Nhà nước, cũng như cấp ngành và cấp địa phương. Sắp xếp lại và kiện toàn hệ thống các cơ quan nghiên cứu và triển khai. Đồng thời đẩy mạnh công tác thông tin khoa học, kỹ thuật và tăng cường hợp tác quốc tế. Cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý khoa học và kỹ thuật theo tinh thần nghị quyết 8 của Trung ương, nâng cao hiệu quả kinh tế, từng bước xóa bỏ quan liêu bao cấp trong các hoạt động khoa học và kỹ thuật. Đẩy mạnh phong trào quần chúng áp dụng kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, làm cho cách mạng khoa học kỹ thuật thật sự trở thành sự nghiệp của nhân dân lao động làm chủ tập thể.

Lê Thi :

Nhiều vấn đề thuộc nội dung của chiến lược kinh tế xã hội của thời kỳ quá độ đã được đề cập trong nhiều nghị quyết của Đảng và các bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng ta. Vì vậy trước hết *nên điểm lại một cách có hệ thống những suy nghĩ, những kết luận mà Đảng ta đã đạt tới* trong những năm trước đây. Từ đó rút kinh nghiệm, muốn xác định một chiến lược kinh tế xã hội thì cần có phương pháp suy nghĩ, nghiên cứu ra sao để tránh những lệch lạc, khuyết điểm trước đây.

Cần nhận rõ hiện nay *công tác điều tra* cơ bản trên hầu khắp các lĩnh vực chưa đủ cung cấp cho chúng ta những số liệu chính xác để làm căn cứ cho việc hoạch định chiến lược kinh tế xã hội 5—10 năm tới. Vì vậy cách suy nghĩ, tìm tòi, nhận định, đề ra giải pháp cần linh hoạt, uyển chuyển (sẵn sàng, điều chỉnh khi có thêm căn cứ khoa học), tránh chủ quan cứng nhắc.

Chúng ta tiến hành xây dựng chiến lược kinh tế xã hội trong khi *chưa có sự tổng kết có hệ thống công tác kinh tế* mấy chục năm qua, nhất là 10 năm gần đây (1975 — 85), đến nay mới chỉ có sự đánh giá và kết luận sơ bộ. Đồng thời kiến thức của đông đảo cán bộ về khoa học chính trị kinh tế còn nhiều điểm cũ kỹ, chưa đi kịp sự đổi mới của tình hình, và hiện *đang còn nhiều nhận thức khác nhau* trên *hàng loạt những vấn đề cơ bản* của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, ví dụ về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, về cách mạng quan hệ sản xuất, về quy luật giá trị trong chủ nghĩa xã hội. Vì vậy cần thiết tổ chức việc nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc.

Chúng ta xây dựng chiến lược kinh tế xã hội trong khi trước mắt nền kinh tế nước ta đang còn ở trạng thái phát triển không bình thường. *Cần có sự đánh giá đúng thực trạng kinh tế xã hội nước ta hiện nay.* 10 năm qua (1975 — 1985) thực trạng kinh tế vốn yếu kém, mất cân đối lớn của nước ta

Digitized by Google

chưa thay đổi một cách căn bản, sản xuất vẫn không đủ tiêu dùng và hầu như không có tích lũy. Vì vậy cần có những giải pháp đặc biệt để đưa nền kinh tế vào trạng thái ổn định, từ đó mới thực hiện được chiến lược kinh tế dài hạn.

Việc vạch ra chiến lược kinh tế xã hội không thể tiến hành tùy tiện mà phải *dựa trên cơ sở nhận thức các quy luật khách quan.*

Với kim chỉ nam là chủ nghĩa Mác—Lê-nin, chúng ta đi vào nghiên cứu đời sống kinh tế xã hội Việt nam, từ đó tìm ra được những quy luật kinh tế khách quan đang vận động trong thực tế. Chỉ khi nào nhận thức và lý giải được những quy luật đó thì mới có thể chủ động vận dụng chúng một cách có lợi nhất cho chủ nghĩa xã hội.

Việc phát hiện và nhận thức quy luật có thể thực hiện thông qua hai mặt hoạt động: *tổng kết* việc thực hiện các nghị quyết của Đảng ta trong công tác thực tiễn và *tiến hành công tác nghiên cứu khoa học*, nghiên cứu lý luận. Việc kết hợp hai mặt hoạt động này cho phép từng bước nâng cao nhận thức của chúng ta đối với các quy luật kinh tế khách quan đang vận động trong đời sống xã hội nước ta. Hai mặt hoạt động trên đây đều cần thiết, không thể thiếu mặt nào, là điều kiện của nhau, bổ sung cho nhau.

Nhiều nghị quyết của Đảng đã nêu lên những vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nhưng đường lối chính sách của Đảng phải đi vào chỉ đạo thực tiễn, thông qua sự kiểm nghiệm trong thực tiễn mà bổ sung, hoàn chỉnh. Vì vậy việc tổng kết công tác thực tiễn, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết của Đảng là điều kiện không thể thiếu được. Đồng thời các đường lối, chính sách của Đảng được xây dựng *trên cơ sở những kết quả nghiên cứu khoa học*, không phải được vạch ra một cách tùy tiện. Công tác nghiên cứu khoa học có trách nhiệm phát hiện ra quy luật vốn có của sự vật, đứng về mặt nào đó mà nói thì nghiên cứu khoa học đi tìm hiểu cái chưa biết hay các phần chưa biết. (Cái gì đã biết rồi không còn là đối tượng nghiên cứu khoa học, nó chỉ còn là công việc của thông tin tuyên truyền thôi). Do đó trong quá trình nghiên cứu, có thể nảy sinh những ý kiến chưa đúng, chưa đầy đủ, thậm chí sai trái, cũng là bình thường. Quá trình hình thành tư duy khoa học là quá trình nghiên cứu, đề xuất ý kiến, trải qua thảo luận, đối chiếu, bổ sung, phê bình và tự phê bình mà từng bước được nâng cao, từ nông đến sâu, từ bộ phận đến toàn bộ.

Muốn có thể thúc đẩy công cuộc phát triển kinh tế nói chung và hoạch định chiến lược kinh tế xã hội nói riêng, cần có sự đổi mới tư duy kinh tế của chúng ta. Nội dung của tư duy kinh tế vừa bao gồm *hệ thống những quan điểm kinh tế* (xét về mặt kiến thức) vừa bao gồm *phương pháp tư duy* (xét về mặt phương pháp luận).

Trong một thời gian dài, tư duy kinh tế của chúng ta chưa phản ánh kịp những kết luận lý luận mới, những kinh nghiệm mới của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, lại chưa gắn được chặt chẽ với thực tiễn hoạt động kinh tế của nhân dân ta và chưa giải đáp được những vấn đề đang đặt ra trong đời sống nước ta. *Sự đổi mới, sự bổ sung hệ thống quan điểm kinh tế* chính là việc nắm vững hơn nữa những vấn đề có tính quy luật của quá trình xây dựng kinh tế trong thời kỳ quá độ nói chung, ở chặng đường đầu tiên của Việt nam nói riêng. Học tập, tham khảo những ý kiến mới, những tổng kết mới về lý luận kinh tế chính trị mà các nước anh em đã rút ra từ thực tiễn hoạt động kinh tế trong suốt thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, từ những bài học

Digitized by Google

thành công và thất bại của công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế của nước ta những năm qua, chúng ta ngày càng có những nhận thức mới về những quan điểm kinh tế quan trọng.

Sự nhận thức, tiếp thu các quan điểm mới gắn bó chặt chẽ với *sự đổi mới về phương pháp tư duy*, hay nói đúng hơn, sự trở lại phương pháp tư duy biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Nó đòi hỏi chúng ta phải phân tích cụ thể vấn đề cụ thể, rút ra kết luận trên cơ sở điều tra nghiên cứu khoa học thực tiễn nước ta, đồng thời lại thông qua thực tiễn để sửa đổi, gạt bỏ những nhận thức sai lầm, điều chỉnh, bổ sung bằng những kết luận mới. Kinh nghiệm 10 năm qua cho chúng ta hiểu rõ, nhận thức và nắm được quy luật vận động của nền kinh tế nước ta, đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là hết sức khó khăn, không tránh khỏi mò mẫm và thất bại. Vì vậy tư duy cần linh hoạt, tỉnh táo, nhạy bén với cái mới, đồng thời phải nắm vững những nguyên tắc kinh tế xã hội chủ nghĩa, có quan niệm phê phán cách mạng, phê bình và tự phê bình, kịp thời gạt bỏ những nhận thức sai lầm, lạc hậu, cũ kỹ, đồng thời vẫn nâng cao, phát huy những tinh hoa, những hạt nhân hợp lý trong vốn kiến thức cũ.

Trong vài năm nay, các cuộc hội thảo khoa học về kinh tế đã lần lượt được nhiều cơ quan dứng ra tổ chức. Một trong các kết quả đáng lưu ý của các cuộc hội thảo đó là đã đặt ra các vấn đề cần giải đáp về mặt lý luận và đã sơ bộ đưa ra các cách kiến giải khác nhau, qua đó thúc đẩy, kích thích sự suy nghĩ. Nếu tổng hợp, khái quát được kết quả tích cực của các cuộc hội thảo đó, kết hợp với những kinh nghiệm đã tổng kết được trong những năm qua (dù ở mức độ còn hạn chế) thì chúng ta có đủ khả năng thúc đẩy nhanh việc đổi mới tư duy kinh tế, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế và việc xây dựng chiến lược kinh tế xã hội của nước ta hiện nay.

Lê Quang Thành :

Thực tế 10 năm qua đã giúp ta nhận thức rõ trạng thái đặc thù của cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là sự xen kẽ, quyện vào nhau hết sức phức tạp giữa cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa với cuộc đấu tranh địch ta. *Các hiện tượng tiêu cực, hiện tượng phản cách mạng và tội phạm khác dưới nhiều hình thức có quan hệ chằng chịt với nhau.*

Trạng thái đặc thù đó bắt nguồn từ tình hình cơ bản sau đây :

1 — Nước ta đang ở trong thời kỳ quá độ, vừa có chủ nghĩa xã hội vừa chưa có chủ nghĩa xã hội, « có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản *lẫn* chủ nghĩa xã hội » (1).

Hơn nữa, chúng ta xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến, cho nên trạng thái ấy càng diễn ra phức tạp hơn nhiều. Ngay từ khi cả nước ta bắt đầu đi lên chủ nghĩa xã hội đã có nhiều khó khăn to lớn. Chiến tranh để lại những đảo lộn xã hội to lớn. Chúng ta lại phải tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chưa có hòa bình thật sự để tập trung xây dựng đất nước, nền kinh tế quốc dân bị mất cân đối nghiêm trọng. Trong cùng một lúc phải đáp ứng ba yêu cầu rất to lớn và khẩn trương : bảo đảm đời sống nhân dân sau chiến tranh ; từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa

(1) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 362.

Digitized by Google

xã hội và đáp ứng những nhu cầu về an ninh, quốc phòng... Tất cả những khó khăn đó tạo nên một hoàn cảnh nghiệt ngã mà trên thế giới ít nước có. Điều đó làm nảy sinh không ít các hiện tượng tiêu cực. Ngay trong những hình thức hoạt động của các tập thể, cơ quan, xí nghiệp nhằm tăng thu nhập thực tế cho cán bộ, công nhân viên chức, có những mặt tích cực, năng động, đồng thời cũng có mặt tiêu cực, vi phạm pháp luật. Các hiện tượng tiêu cực diễn biến phức tạp xen kẽ với các hiện tượng tích cực. Kẻ địch rất chú trọng lợi dụng tình trạng đó làm cho chúng ta khó phân biệt đâu là hoạt động phá hoại của chúng, đâu là hành động tiêu cực trong xã hội ta.

2— Sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong chặng đường đầu ở nước ta là một tất yếu lịch sử. Xu hướng cơ bản của việc sử dụng các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, kết hợp với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa là nhằm phát triển nền kinh tế nước ta theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Đó là một quá trình đấu tranh phức tạp, bằng những biện pháp thích hợp vừa sử dụng vừa cải tạo từng bước các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa đi liền với xác lập, củng cố và mở rộng các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó sản sinh ra những hình thức kinh tế quá độ, những biện pháp quá độ, những « chiếc cầu nhỏ », những bước « đi vòng ». Những hình thức kinh tế « quá độ ấy » tự nó cũng chứa đựng khả năng dao động về bên này hay bên kia và con người thực hiện nó cũng có thể nghiêng ngả về phía này hay phía khác. Mười năm qua, đã xuất hiện ở nước ta một số hình thức kinh tế quá độ. Trong đó, bên cạnh mặt tích cực, sáng tạo, có những mặt tiêu cực (kể cả những hình thức mang « vẻ bề ngoài » là xã hội chủ nghĩa nhưng thực chất là kinh doanh tư bản, bóc lột tư nhân).

3— Chúng ta vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa phải trực tiếp chống chiến tranh lấn chiếm biên giới rất ác liệt và chiến tranh phá hoại nhiều mặt thâm độc của bọn lãnh tướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Kẻ địch tìm nhiều cách phá hoại nội bộ ta bằng hoạt động chiến tranh tâm lý, mua chuộc, cài người vào tổ chức của ta, khoét sâu những sơ hở, thiếu sót của ta, làm cho tình hình đấu tranh giữa ta và địch càng thêm phức tạp, đấu tranh giữa hai con đường có những lúc hòa làm một với đấu tranh giữa ta và địch.

4— Sự tiến công của kẻ địch, của giai cấp tư sản và thế lực « tự phát » của sản xuất nhỏ cộng với những thiếu sót, yếu kém về quản lý kinh tế và các mặt khác của chúng ta đã làm nảy sinh tiêu cực trong nội bộ. Những tiêu cực đó đã làm cho những tiêu cực ngoài xã hội thêm trầm trọng, gay gắt. Chỉ riêng sự thiếu hiểu biết về quản lý kinh tế, xã hội cũng đã gây nên nhiều sơ hở, tạo điều kiện cho bọn tư sản cũ phục hồi, các thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa hoạt động, các tệ nạn xã hội phát triển.

Thấy rõ những nét đặc thù và sự tác động của những điều kiện khách quan, chủ quan trong cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay là một yêu cầu quan trọng để có cách nhìn đúng đối với tính chất của cuộc đấu tranh giữa ta với địch và đấu tranh giữa hai con đường trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, từ đó có chủ trương, biện pháp phù hợp.

Trịnh Nguyên :

Với những đặc điểm của nước ta hiện nay, tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý Nhà nước có những vấn đề khó khăn, phức tạp. Hệ thống

Digitized by Google

tổ chức các cơ quan quản lý Nhà nước được xác định bởi những đối tượng quản lý về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Quá trình hình thành hệ thống tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước là quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng lãnh đạo. Vì vậy, bộ máy quản lý Nhà nước phải phù hợp với điều kiện cụ thể trong mỗi thời kỳ lịch sử của đất nước. Điều đó dẫn đến sự khác nhau về mô hình tổ chức hệ thống cơ quan trong bộ máy quản lý Nhà nước của mỗi nước.

Căn cứ vào thực tế cách mạng nước ta hiện nay, Đảng đề ra việc xây dựng cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý". Trong cơ chế đó, cần hiểu và xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa lãnh đạo và quản lý để thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế xã hội có hiệu lực. Lãnh đạo và quản lý tuy có vị trí, vai trò riêng, nhưng liên quan chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau. Ranh giới giữa lãnh đạo và quản lý trong quá trình hoạt động của bộ máy Nhà nước có khi khó phân biệt một cách tuyệt đối, mà quyện vào nhau như một thể thống nhất. Nếu không khéo kết hợp thì lãnh đạo rất dễ bao biện, quan liêu đối với công tác quản lý Nhà nước.

Yêu cầu quan trọng để bảo đảm sự hoạt động đúng đắn của bộ máy quản lý Nhà nước là phải nắm được khoa học tổ chức quản lý, giải đáp đúng đắn những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy quản lý, định ra quy chế hoạt động và phương thức quản lý, bố trí đội ngũ cán bộ và đề ra những chính sách quản lý, chính sách cán bộ thích ứng với tình hình thực tế. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không chỉ là một bộ máy quản lý hành chính, mà còn là một bộ máy quản lý kinh tế. Như vậy, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đương nhiên thực hiện nhiệm vụ trung tâm là quản lý kinh tế và đã trở thành một tổ chức quản lý kinh tế, thực hiện kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân và điều hành nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Cho nên, không thể quan niệm các cơ quan quản lý Nhà nước là những tổ chức nằm ở trên hoặc đứng bên lề hệ thống tổ chức bộ máy quản lý kinh tế được. Có quan niệm đúng mới xác định đúng cơ cấu, quy mô, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của các cơ quan quản lý kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ tình hình đất nước và nhiệm vụ của mình, Nhà nước ta điều hành hoạt động kinh tế theo một kế hoạch và một pháp chế thống nhất; bộ máy quản lý Nhà nước do vậy vừa là bộ máy quản lý hành chính kinh tế, vừa là bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh; đó là hai mặt của quản lý kinh tế gắn bó với nhau. Nhưng về mặt tổ chức thực hiện thì Nhà nước chỉ đạo hoạt động ăn khớp trong quản lý giữa hai loại cơ quan riêng biệt: cơ quan quản lý hành chính kinh tế và cơ quan quản lý sản xuất kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Việc làm rõ tính chất, chức năng quản lý hành chính kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý Nhà nước. Đương nhiên, sự hình thành và phát triển hệ thống bộ máy quản lý Nhà nước và cấu trúc của nó phải tuân theo những quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, và cả những quy luật của quản lý Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Hai lĩnh vực dân cử và hành chính trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước ta tuy về mặt pháp luật có sự phân biệt rõ ràng, nhưng trong thực tế hoạt động thì kết hợp

Digitized by Google

hài hòa với nhau, tạo nên hiệu quả của quản lý kinh tế – xã hội. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Nhà nước xã hội chủ nghĩa vận dụng các nguyên tắc quản lý theo cấp hành chính, quản lý theo ngành, quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ... dựa theo nguyên tắc cơ bản của tổ chức quản lý là *tập trung dân chủ*. Ở đây ta thấy tính kết hợp hài hòa trong một hệ thống tổ chức bộ máy quản lý có ý nghĩa thực tiễn rất to lớn; nếu vi phạm nó thì toàn bộ hệ thống quản lý sẽ giảm hiệu lực và sẽ phát sinh hiện tượng cục bộ, địa phương, tự phát, vô chính phủ; pháp luật sẽ không được tôn trọng triệt để. Và khi đã có tình hình đó thì người cán bộ điều hành dù có tài giỏi đến mấy cũng trở thành bất lực. Cho nên, việc định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức cũng như việc phân công, phân cấp quản lý cũng chính là nhằm đạt tới sự kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng về tổ chức và hoạt động, bảo đảm thực hiện các nguyên tắc quản lý của hệ thống bộ máy Nhà nước. Trong công tác quản lý Nhà nước, sự phân công không rõ ràng, sự phân cấp không đúng đắn sẽ tạo nên tình trạng tập trung quan liêu và cục bộ, phân tán, hiệu lực của pháp luật Nhà nước giảm sút.

Về hệ thống quản lý Nhà nước, Hiến pháp đã phân thành 4 cấp phù hợp với tính chất độc lập, giới hạn quyền lực của từng cấp. Chức năng, nhiệm vụ của từng cấp đã được quy định trong điều 115 của Hiến pháp. Song riêng đối với cấp huyện, căn bản bạc kỹ, vì là cấp quản lý Nhà nước thì nó không thể làm thay công việc của các tổ chức cơ sở mà các tổ chức này lại chịu sự quản lý của nó, có nghĩa là nó không thể vừa là chủ thể quản lý lại vừa là đối tượng quản lý. Vì vậy, hiện nay quan niệm huyện có chức năng quản lý hành chính đồng thời quản lý kinh tế chưa có nghĩa là đã đến lúc coi cấp huyện vừa là cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, lại vừa là cơ quan quản lý sản xuất kinh doanh (hoặc đơn vị liên hiệp sản xuất kinh doanh). Mặt khác, phải thấy tầm quan trọng của cấp xã và cấp phường trong địa bàn huyện, quận. Đó là cấp cơ sở của hệ thống quản lý Nhà nước, là nơi thể hiện rõ nhất trong xã hội hiệu lực của pháp luật. Tình hình xã, phường trong từng vùng ở nước ta có những đặc điểm rất khác nhau, cho nên cần tính đến hiệu quả cao nhất mà định ra những chức năng, nhiệm vụ của cấp này một cách thiết thực trong công tác quản lý kinh tế – xã hội. Việc thực hiện nguyên tắc « kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ », xét về mặt tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý Nhà nước, có nghĩa là kết hợp đúng đắn việc tăng cường quản lý tập trung thống nhất của Hội đồng bộ trưởng với tăng cường trách nhiệm và quyền hạn, phát huy tính chủ động sáng tạo của các ngành, các địa phương, tôn trọng và bảo vệ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị cơ sở. Làm như vậy là thực hiện việc quản lý kinh tế – xã hội bằng pháp luật Nhà nước dựa trên cơ sở phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, kết hợp chặt chẽ công tác quản lý của Nhà nước với phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng nhân dân. Và làm như vậy mới thực hiện được phương châm: « trung ương và địa phương cùng làm », « Nhà nước và nhân dân cùng làm », tạo nên sức mạnh tổng hợp trong xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Bình Minh :

Từ thực tế nước ta hiện nay trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để thi hành nghiêm chỉnh các nghị quyết 6, 7, 8, 9 của Trung ương Đảng, không thể

Digitized by Google

không giải quyết một số vấn đề cấp bách sau đây về pháp luật.

Trước hết, có một luận điểm cơ bản tôi nghĩ đến nay mọi người đã thống nhất, là *Nhà nước phải quản lý (trong đó có quản lý kinh tế) bằng pháp luật.* Điều này đã được khẳng định trong các nghị quyết của Đảng và trong Hiến pháp mới của nước ta.

Nhưng điều quan trọng cần bàn, là *cần những pháp luật gì bây giờ và cách làm ra sao?* Tôi tự giới hạn trong một số vấn đề mà tôi cho là cấp bách.

PHÁP LUẬT VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ MỚI

Muốn xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, không thể chỉ giải quyết vấn đề giá — lương — tiền, mặc dù những vấn đề này được coi như đột phá khẩu. Vấn đề cơ bản và quan trọng nhất là phải *đổi mới cơ chế quản lý.* Nếu giữ cơ chế cũ, thì tất cả mọi việc lại làm theo nếp cũ, vào guồng máy cũ, không thể nào đổi mới được.

Nghị quyết 9 của Trung ương Đảng đã nói rất rõ: «Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm sẵn có, Bộ chính trị cần khẩn trương chỉ đạo việc nghiên cứu để sớm có nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Trong năm 1986, phải hình thành được cơ chế quản lý mới trên hai mặt: bảo đảm quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất kinh doanh, xác định và tăng cường chức năng quản lý hành chính — kinh tế của bộ máy Nhà nước các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất — kinh doanh thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa».

Nội dung cơ chế quản lý mới này phải do các nhà quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước nghiên cứu và các cơ quan có thẩm quyền quyết định. Nhưng nó phải được thể chế hóa *dưới hình thức pháp luật.* Cách làm thận trọng là một số nơi làm thử trước, như ở Hải phòng, thành phố Hồ Chí Minh, từ đó mà rút kinh nghiệm. Tuy vậy, tôi nghĩ dù là cơ chế, thì nó xuyên suốt *từ trên xuống dưới*, không thể chỉ giải quyết ở một vài khâu.

Trong cơ chế quản lý mới, theo tôi, có mấy vấn đề chính sau đây phải giải quyết đồng bộ:

— *Đổi mới kế hoạch hóa* là điểm bắt đầu. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải nắm vững quản lý *tập trung, vận dụng tự giác các quy luật*, không thể để nền kinh tế tự phát như dưới chủ nghĩa tư bản. Nhưng tập trung những cái đáng tập trung. Điều phức tạp nhất hiện nay là xác định những cái gì đáng tập trung để vừa bảo đảm tập trung, vừa phát huy được quyền chủ động sáng tạo của cơ sở. Khi đã xác định được, những cái đó phải trở thành những quy định rõ ràng của Nhà nước, mọi người phải tuân theo.

Đổi mới kế hoạch hóa là điểm bắt đầu của việc đổi mới cơ chế quản lý. Nó xác định một cách hợp lý nhất, khoa học nhất những mục tiêu phải đạt, những chỉ tiêu lớn Nhà nước phải nắm, những quyền và nghĩa vụ của các cơ quan trung ương, những quyền và nghĩa vụ của các địa phương và cơ sở. Chấm dứt tình trạng cấp trên chỉ có quyền, cấp dưới và cơ sở chỉ có nghĩa vụ.

— *Quy định rõ quyền chủ động sản xuất — kinh doanh của cơ sở.* Có 3 nội dung chính cần quy định: quyền chủ động *sản xuất*, quyền chủ động *kinh doanh* (bao gồm cả xuất, nhập khẩu, nhưng tới mức độ nào, phải có quy định), và quyền *tự chủ tài chính* (vốn được cấp, vốn đi vay và vốn tự tạo, quyền sử dụng các vốn đó). Nếu không có quyền tự chủ về tài chính thì hai quyền trên cũng không có điều kiện thực hiện.

— *Quy định các mối quan hệ giữa ngành và cấp.* Đây là một vấn đề phải

Digitized by Google

giải quyết cho tất cả 40 tỉnh, thành và 40 – 50 ngành ở trung ương. Nếu không quy định rõ thì quyền của các ngành có thể là một trở ngại cho cấp, hoặc ngược lại. Thí dụ một tỉnh muốn làm chủ về sản xuất, phân phối lưu thông, — làm chủ thật sự để phát huy thế mạnh của địa phương, để khai thác mọi tiềm năng —, thì nhất định tỉnh phải có một số quyền đối với các cơ sở của ngành nằm trên lãnh thổ của địa phương mình. *Ngành* cũng phải có một số quyền, nếu không thì làm sao thống nhất được chính sách kỹ thuật, và đưa được kỹ thuật mới vào sản xuất?

Đối với cấp *huyện, quận* (số lượng nhiều hơn, trên 400) cũng có những vấn đề tương tự, tuy quy mô có hẹp hơn. Tuy vậy các quận, huyện là một lực lượng lớn hiện nay, kết hợp nông – công nghiệp và nhiều mặt khác, vừa có chức năng quản lý hành chính, vừa có chức năng quản lý xã hội, quản lý kinh tế. Càng phải có quy định.

Ba vấn đề trên đây thực chất là nội dung của *tập trung dân chủ*, một vấn đề hết sức phức tạp, nhưng nhất định phải được giải quyết.

— Đổi mới *bộ máy* và *hoạt động* của nó. Cơ chế quản lý thay đổi thì bộ máy nhất định phải bố trí lại và quy trình hoạt động của nó nhất định phải khác. Đi liền theo đó là phải bố trí lại *người điều hành* đúng với yêu cầu về năng lực, phẩm chất, và loại công tác. Bảo thủ trong lĩnh vực này cũng là một trở ngại cho đổi mới cơ chế quản lý mới.

Một vấn đề không kém cấp bách là *phải rà soát lại* các quy định của Nhà nước về quản lý hiện nay. Duy trì những quy định đúng và hướng dẫn chấp hành chu đáo hoặc bổ sung những điều cần thiết. Hủy bỏ một số quy định đã tỏ ra không còn phù hợp và không hợp với cơ chế quản lý mới. Tránh tình trạng vì một số quy định lạc hậu, không thi hành được nữa, mà một số người vin vào đó để tùy tiện «phá rào», làm ảnh hưởng đến việc thi hành những quy định đúng.

PHÁP LUẬT VỀ HẠCH TOÁN KINH TẾ, KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Sản xuất dưới chủ nghĩa xã hội cũng là sản xuất hàng hóa. Hàng hóa phải lưu thông, phải mua, phải bán, phải được đưa từ nơi sản xuất nhiều và thừa đến nơi thiếu và cần.

Hạch toán kinh tế là phải tính lỗ lãi, không thể cứ bù lỗ. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là phải để cho hàng hóa lưu thông thuận tiện. Nếu cấm chợ ngăn sông, với các trạm kiểm soát, các trạm thuế đặt la liệt trên các đường, và đánh thuế với bất cứ mức nào, giữ hàng lại một cách tùy tiện, thì có khác gì chúng ta quay lại thời kỳ cát cứ phong kiến.

Cho nên hạch toán kinh tế có nghĩa là phải tính toán lỗ lãi, nhưng các đơn vị có những quyền gì? Kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì họ có những quyền gì và những nghĩa vụ gì đối với Nhà nước? Tất cả đều phải có quy định. Nếu không thì lỗ ai chịu? Làm giỏi, làm kém, có khác gì nhau?

Giữa các tỉnh, các huyện, hàng hóa được lưu thông ra sao? Ai có quyền đặt trạm kiểm soát dọc đường, ai có quyền thu thuế và thu tới mức nào? v.v. Tất cả đều phải có quy định. Tất cả các trạm đặt trái phép phải được bỏ ngay. Ai tiếp tục vi phạm phải bị xử lý.

Một vấn đề nghiêm trọng nữa là hiện nay nhiều cơ sở sản xuất và cửa hàng quốc doanh hầu như đều giữ độc quyền sản xuất kinh doanh, từ đó có nạn cửa quyền, bắt bí khách hàng. Họ chẳng quan tâm hạ giá thành, nâng chất lượng, thậm chí họ cũng chẳng quan tâm đến ý kiến của khách hàng, mà vẫn tiêu thụ được sản phẩm.

Digitized by Google

Nên chăng đối với một số mặt hàng nào đó Nhà nước cần nắm quyền sản xuất, hoặc quản lý, thì Nhà nước nắm. Còn thì để các cơ sở sản xuất các cửa hàng tự do "thi đua". Kể cả một số dịch vụ cũng vậy. Nơi nào rẻ thì dân mua, nơi nào phục vụ tốt thì dân đến. Các nơi khác phải để cho họ lỗ, cho họ « phá sản ». Đó là quy luật đào thải.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải đi liền với một số quyền, đó là quyền tổ chức sản xuất, quyền tuyển người, giảm người, quyền định giá, quyền tiêu thụ sản phẩm. Nếu bị trói tay, trói chân về một hoặc nhiều mặt nói trên, thì kinh doanh xã hội chủ nghĩa chỉ là hình thức. Nói như thế, không có nghĩa là các cơ sở sản xuất không có nghĩa vụ gì với Nhà nước, thí dụ: nộp lợi nhuận, nộp thu quốc doanh, hoặc giao nộp một số sản phẩm v.v. Nếu chỉ vì muốn đạt các mục tiêu trên mà cơ quan cấp trên can thiệp cả vào quản lý tác nghiệp (direction opérationnelle) của cơ sở, thì rất khó khăn cho cơ sở, và kinh doanh xã hội chủ nghĩa chỉ là một khẩu hiệu suông.

VỀ QUYỀN ĐỊNH GIÁ

Ở đây, xin không bàn giá nào là đúng. Đó là chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý giá.

Ở đây chỉ xin nêu *khía cạnh pháp lý* của vấn đề, tức là *những cơ quan nào có quyền quyết định giá?*

Hiện nay tình trạng quy định giá rất hỗn loạn. Cơ quan nào cũng định giá, thậm chí cửa hàng nào cũng định giá. Nhiều thuyết về giá cả quá. Người thì nói giá nông sản hiện nay thấp quá, không khuyến khích nông dân. Thế là lên giá nông sản. Người thì nói giá hàng công nghiệp hiện nay thấp quá, không cân xứng. Thế là giá hàng công nghiệp lại lên. Rồi giữa nông sản với nhau, giữa hàng công nghiệp với nhau, lại so sánh. Thế là các giá đua nhau lên. Mà lên không theo một quy luật, một nguyên tắc nào cả. Cơ quan Nhà nước, cửa hàng quốc doanh lên giá trước, tư thương chạy theo sau. Con phe phẩn khởi quá, đua nhau kiếm lời.

Nếu cơ chế quyết định giá tiếp tục như hiện nay, thì không thể quản lý được thị trường.

Còn quan hệ giữa *giá* và *lương* v.v. và đời sống vật chất cũng có lắm điều phải bàn.

Cứ như vậy thì cơ chế quản lý mới trở thành vô hiệu. Cho nên Nhà nước cần quy định rõ:

— Loại hàng nào thì *Nhà nước* (cụ thể là Hội đồng bộ trưởng) quy định giá?

— Loại hàng nào thì các *bộ* quy định giá?

— Loại hàng nào thì *địa phương* quy định giá?

— Loại hàng nào thì *cơ sở* tự quy định giá?

— Loại hàng nào thì để *tùy thị trường, tùy cung cầu?*

Bất cứ cấp nào, cơ quan nào có quyền quy định giá phải ký tên, đóng dấu, niêm yết công khai, để dân chấp hành, đồng thời để dân giám sát. Ai quy định sai phải chịu kỷ luật.

Cho nên theo tôi nghĩ, vừa phải mau chóng bàn định giá thật kỹ, thật chín chắn (đó là nhiệm vụ của các nhà quản lý kinh tế, quản lý giá), vừa phải mau chóng xác định cơ chế quy định giá thành của Nhà nước.

LẬP LẠI TRẬT TỰ QUYỀN RA CÁC QUY ĐỊNH

Một Nhà nước có tổ chức phải quy định rõ cơ quan nào có quyền ra những quy định gì? có giá trị ràng buộc đến đâu? Đó là lĩnh vực của *luật hành chính.*

Hiện nay, ở nước ta có tình trạng cơ quan nào cũng có quyền ra quy định để ràng buộc người khác.

Digitized by Google

Muốn *lĩnh vật tư* ư? phải chạy không biết bao nhiêu cửa, phải xin không biết bao nhiêu chữ ký, chờ đợi không biết bao nhiêu ngày. Làm đủ theo yêu cầu của các cơ quan rồi, xuống đến kho, thì thủ kho lại nói còn thiếu giấy này giấy nọ, thiếu chữ ký này chữ ký kia v.v.

Trong *mọi lĩnh vực* của đời sống đều như vậy: trong sản xuất, lưu thông, vận tải, bưu điện, giáo dục, y tế, nhà đất, cửa hàng lương thực v.v.

Ai cũng thắc mắc, ai cũng tự hỏi: thể lệ phiền hà này do ai đặt ra? Nhưng trước hết cũng cứ phải làm đã, nếu không thì việc không được giải quyết.

Vào đến một cơ quan, trước hết thấy dán một bản *« nội quy »*. Nhưng nội quy không chỉ là buộc người trong cơ quan đó phải tuân theo, mà buộc cả *người ngoài cơ quan* phải tuân theo.

Tôi nghĩ đã đến lúc Nhà nước có những văn bản lập lại *trật tự về quyền ra quy định*, và *Viện kiểm sát nhân dân tối cao* có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật. Những quy định sai phải được hủy bỏ, người không có quyền mà ra quy định phải chịu kỷ luật.

HÌNH THỨC VĂN BẢN SỬ DỤNG

Trong tình hình cơ chế quản lý mới còn đang ở quá trình hình thành, hình thức văn bản thích hợp nhất là *văn bản dưới luật* (tức là của Hội đồng bộ trưởng trở xuống). Như vậy thủ tục không rườm rà, đáp ứng kịp thời nhu cầu của quản lý, và nếu cần, bổ sung, sửa đổi cũng nhanh.

Nhưng đến một thời điểm nào đó, hoặc đối với một số vấn đề có tính nguyên tắc lớn, cần phải có *luật* (do Quốc hội ban hành) hoặc *pháp lệnh* (do Hội đồng Nhà nước ban hành). Làm như vậy là thật sự phát huy vai trò làm chủ của nhân dân (thông qua cơ quan đại diện do nhân dân bầu ra), vừa làm cho quản lý có tính ổn định, vừa là để có những chế tài nghiêm khắc đối với những vi phạm nghiêm trọng.

Hồng Chương :

Tất cả các nước đều sẽ tiến đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, nhưng mỗi nước xuất phát từ một trình độ kinh tế xã hội khác nhau. Điểm xuất phát của Việt nam để quá độ lên chủ nghĩa xã hội là từ một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến. Bác Hồ đã vạch rõ : *« đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ* là từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa » (1).

Hầu hết các nước anh em đều đã trải qua chủ nghĩa tư bản rồi mới tiến lên chủ nghĩa xã hội. Họ thừa hưởng nền sản xuất lớn được tạo ra trong thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa. Ở các nước đó, sự tích lũy nguyên thủy, sự tập hợp và tập trung tư bản, cuộc cách mạng kỹ thuật nhằm tạo ra nền sản xuất lớn,... đều được thực hiện dưới chủ nghĩa tư bản. Bước vào thời kỳ quá độ, các nước đó đã có sẵn nền sản xuất lớn, cho nên chỉ cần xã hội hóa các tư liệu sản xuất chủ yếu là các nước đó có chủ nghĩa xã hội.

Việt nam không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Ở Việt nam, muốn có chủ nghĩa xã hội, phải xây dựng từ đầu lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất mới, cơ sở kinh tế mới cũng như cấu trúc thượng tầng mới. Chúng ta phải xây dựng mới gần như toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở kinh tế và cấu trúc thượng tầng của xã hội xã hội chủ nghĩa.

---

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1960, tr. 772.

Digitized by Google

Vì nước ta không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải làm những công việc mà các nước xã hội chủ nghĩa khác không phải làm. Những công việc ấy, ở phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đã được thực hiện trước cách mạng, khi còn chế độ tư bản chủ nghĩa.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam khác phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa anh em ở chỗ : có thêm một thời gian để làm những công việc mà đáng lẽ ra chủ nghĩa tư bản đã thực hiện. Thời gian đó, chúng ta gọi là « chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ».

Trong « chặng đường đầu tiên » chúng ta phải giải quyết các vấn đề : phân công lại lao động xã hội, tích lũy nguyên thủy, cuộc cách mạng kỹ thuật thứ nhất, công nghiệp hóa, tạo ra nền sản xuất lớn cơ khí hóa... Ở các nước phương Tây, giải quyết các vấn đề này thuộc về « sứ mệnh lịch sử » của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Ở Việt nam, « sứ mệnh lịch sử » này đặt lên vai giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng cộng sản lãnh đạo. Có giải quyết được các vấn đề trên đây, Việt nam mới đạt đến trình độ kinh tế xã hội tương đương với trình độ phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác khi bắt đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Khái niệm về « chặng đường đầu tiên » do đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn nêu ra lần đầu trong tác phẩm « *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới* », viết nhân dịp kỷ niệm thứ 40 ngày thành lập Đảng. Trong tác phẩm có tầm quan trọng đặc biệt này, trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm của cách mạng Việt nam, đồng chí Lê Duẩn đã vạch ra « *Đường lối phát triển kinh tế trong bước đi ban đầu* ». Đồng chí vạch rõ nhiệm vụ kinh tế cơ bản *trong bước đi ban đầu* là tích lũy vốn cho công nghiệp hóa và cải thiện đời sống nhân dân. Để giải quyết nhiệm vụ đó, cần phải xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến hành một sự phân công lao động mới trên cơ sở làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhằm đẩy mạnh sản xuất và tăng năng suất lao động. Đồng chí còn vạch rõ *trong buổi đầu của thời kỳ quá độ ở* nước ta *bước đi đầu tiên* có ý nghĩa then chốt là nhanh chóng biến nền nông nghiệp cá thể, độc canh, thành nền nông nghiệp tập thể, toàn diện ; là dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động mà phân công lại lao động xã hội theo phương hướng sản xuất mới, chuyển một phần lao động nông nghiệp sang phát triển công nghiệp, giảm dần lao động tất yếu và tăng thêm lao động thặng dư — nguồn gốc duy nhất của tích lũy. Đồng chí đã vạch ra quá trình phát sinh và phát triển của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội thứ V của Đảng, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nói : « Chặng đường trước mắt *bao gồm thời kỳ 5 năm 1981—1985 và kéo dài đến năm 1990* là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt ». Đồng chí nói *chặng đường trước mắt* là chặng đường tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường hơn nữa sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân, giảm bớt và khắc phục khó khăn, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, chặn đứng và loại trừ các biểu hiện tiêu cực, đạt những tiến bộ quan trọng trong mọi lĩnh vực, tạo ra thế cân đối mới của nền kinh tế, đồng thời chuẩn bị cho những bước tiến vững chắc và mạnh mẽ hơn trong chặng đường tiếp theo.

Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta bắt đầu từ bao giờ

Digitized by Google

và đến khi nào kết thúc? Qua hai ngày thảo luận, các đồng chí đều nhất trí cho rằng «chặng đường đầu tiên» bắt đầu từ tháng 7-1954 ở miền Bắc, và từ tháng 5-1975 ở miền Nam. Nhưng về thời điểm kết thúc «chặng đường đầu tiên» thì có nhiều ý kiến khác nhau. Có người cho rằng đến cuối năm 1985 chúng ta đã kết thúc «chặng đường đầu tiên». Một số người cho rằng đến năm 1990 mới kết thúc. Có người cho là đến năm 1995, có người cho là đến năm 2000, có người cho là đến năm 2005... mới kết thúc chặng đường đầu tiên. Sở dĩ có ý kiến khác nhau về thời điểm kết thúc chặng đường đầu tiên là do có ý kiến khác nhau về mục tiêu phải đạt được về kinh tế xã hội trong chặng đường đó.

Vậy mục tiêu mà chúng ta phải phấn đấu đạt cho được trong chặng đường đầu tiên là những gì? Để giải đáp vấn đề này cần hiểu rõ những đặc điểm của nước ta trong chặng đường đầu tiên. Trong chặng đường đầu tiên, nước ta có những đặc điểm sau đây: Nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, trình độ sản xuất thấp, nông nghiệp còn chiếm phần rất lớn và giữ vị trí rất quan trọng, công nghiệp còn rất yếu, thu nhập quốc dân sản xuất tính theo đầu người rất thấp; nền kinh tế còn mất cân đối nặng, nhất là về lương thực, năng lượng, nguyên liệu, giao thông vận tải, thị trường và giá cả biến động mạnh, rất thiếu ngoại tệ và chưa có tích lũy từ thu nhập quốc dân sản xuất trong nước, phân phối lưu thông và đời sống nhân dân chưa ổn định; còn nhiều thành phần kinh tế, tuy thành phần xã hội chủ nghĩa đã chiếm vị trí chủ yếu, nhưng cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa còn gay gắt, phức tạp, hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và đời sống xã hội còn nhiều; sự phát triển kinh tế xã hội trên các vùng đất nước chưa đồng đều, còn có những sự khác biệt tương đối lớn; nhân dân ta có nhiều truyền thống tốt đẹp, đồng thời nền sản xuất nhỏ còn in đậm dấu ấn vào tư tưởng, phong cách lao động của mỗi người, hiểu biết và kinh nghiệm về xây dựng và cải tạo kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; hoàn cảnh quốc tế nói chung có nhiều thuận lợi, nhất là có sự phân công hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, nhưng các thế lực phản động quốc tế đang tiếp tục bao vây phá hoại kinh tế nước ta; đất nước ta còn phải thường xuyên chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt, chiến tranh lấn chiếm biên giới của địch và đề phòng chiến tranh xâm lược quy mô lớn.

Xuất phát từ những đặc điểm tình hình trên đây, căn cứ vào đường lối và quan điểm chiến lược của Đảng, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên (ước tính đến những năm đầu của thập kỷ 90) chúng ta phải phấn đấu thực hiện các mục tiêu chủ yếu sau đây: ổn định toàn diện, vững chắc tình hình kinh tế, xã hội; xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp hợp lý; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng về cơ bản cơ chế quản lý mới; tiếp tục củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm vững vàng trong mọi tình huống.

Làm được những công việc trên đây là tạo ra thế và lực để phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ trong chặng đường tiếp theo với nội dung chủ yếu là triển khai trên quy mô lớn sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa mà nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng hệ thống công nghiệp dựa trên nền tảng vững chắc là công nghiệp nặng, đồng thời phát triển theo chiều sâu nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong một cơ cấu công —

Digitized by Google

nông nghiệp ngày càng phát triển, gắn chặt với đặc điểm nước ta và phù hợp với xu thế chung của thời đại, tiến lên thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược kinh tế xã hội của cả thời kỳ quá độ.

Nếu tình hình trong nước và thế giới không có biến động lớn, với sự cố gắng phấn đấu của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo của Nhà nước, ước tính khoảng đầu những năm 90 chúng ta có thể đạt được các mục tiêu đề ra trên đây để chuyển sang thực hiện công nghiệp hóa quy mô lớn.

Do tình hình nước ta không giống các nước anh em, cho nên sự phân kỳ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không giống các nước anh em. Việc nêu lên « chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội » ở nước ta là sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác — Lê-nin về thời kỳ quá độ vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Đó là một cống hiến mới của Đảng ta vào kho tàng lý luận Mác — Lê-nin. Ý nghĩa thực tiễn của việc đề ra luận điểm về « chặng đường đầu tiên » là nhận thức được các quy luật khách quan, nắm vững các bước đi lên chủ nghĩa xã hội, không « đốt cháy giai đoạn », không nóng vội, chủ quan, cũng không bảo thủ trì trệ, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Có nắm vững được luận điểm của Đảng về « chặng đường đầu tiên », chúng ta mới tránh được những sai sót trong việc đánh giá tình hình, lựa chọn mục tiêu, xác định cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý.

Vì vậy, nghiên cứu vấn đề chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó là một công việc có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn sâu sắc.

ĐƯA NHANH TIẾN BỘ...

(Tiếp theo trang 36)

Đưa nhanh tiến bộ khoa học — kỹ thuật vào sản xuất là yêu cầu của cuộc sống, là mục tiêu của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và quản lý khoa học, là nhiệm vụ then chốt của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Nó đòi hỏi sự quan tâm đầy đủ và lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, đòi hỏi phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động và vai trò xung kích của đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật

Digitized by Google

LÊ THÀNH

VỀ MỘT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT CẦN THIẾT CHO CHÚNG TA

Từ khi Tổ quốc thống nhất, khoa học và kỹ thuật nước ta đã có những bước phát triển mới. Hoạt động khoa học và kỹ thuật đã góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế—xã hội do Đảng đề ra. Đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật ngày càng lớn mạnh. Trình độ văn hóa và hiểu biết khoa học và kỹ thuật của nhân dân ngày càng cao. Có thêm nhiều cơ sở quan trọng và nhiều thuận lợi rất cơ bản cho sự phát triển khoa học và kỹ thuật. Tuy nhiên, do nhận thức chưa đầy đủ về vị trí và nội dung của cách mạng khoa học—kỹ thuật, do tổ chức và quản lý còn kém, do cống hiến của khoa học và kỹ thuật chưa tương xứng với tiềm năng hiện có, cách mạng khoa học — kỹ thuật trên thực tế chưa trở thành then chốt trong ba cuộc cách mạng.

« Khoa học, kỹ thuật không chỉ là căn cứ, là cơ sở của hoạt động kinh tế, xã hội, mà còn là yêu cầu nội tại của các hoạt động ấy » (1). Một chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật từ nay đến năm 2000 xuất phát từ mục tiêu kinh tế—xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từ đặc điểm tình hình trong nước và thế giới về khoa học và kỹ thuật, từ những dự báo khoa học và kỹ thuật có độ tin cậy ngày càng cao, và có tính đến việc tham gia chương trình tổng hợp về khoa học và kỹ thuật của Hội đồng tương trợ kinh tế v.v. là hết sức cần thiết cho việc xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội, khoa học và kỹ thuật của chúng ta.

Chiến lược khoa học và kỹ thuật đó có nhiệm vụ *phục vụ thiết thực các mục tiêu kinh tế và xã hội, an ninh và quốc phòng trước mắt và lâu dài*, góp phần quan trọng đưa nền kinh tế nước ta lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu công — nông nghiệp ngày càng hiện đại, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Chiến lược khoa học và kỹ thuật đó nhằm *từng bước xây dựng thành công nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam*: phát triển đồng thời cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội, kết hợp chặt chẽ nghiên cứu cơ bản có định hướng với nghiên cứu ứng dụng và triển khai, bám sát những xu hướng hiện đại của khoa học và kỹ thuật thế giới, chúng ta phấn đấu đưa năng lực khoa học và kỹ thuật của nước ta lên một trình độ mới, trước mắt để

(1) Lê Duẩn : « Nắm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế ». *Tạp chí Cộng sản* số 9-1984, tr. 21.

Digitized by Google

giải quyết những vấn đề cấp bách, và lâu dài thì đủ sức giải quyết những vấn đề kinh tế—xã hội cơ bản của đất nước.

Chiến lược khoa học và kỹ thuật của nước ta chủ yếu dựa vào sức mạnh sáng tạo của con người mới Việt nam làm chủ tập thể, kết hợp với thế mạnh của tài nguyên thiên nhiên nhiệt đới, sử dụng một cách hợp lý và có hiệu quả nhất những cơ sở vật chất kỹ thuật đã có và sẽ có. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội bảo đảm kết hợp việc phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật với sức sáng tạo to lớn của đông đảo nhân dân lao động. Sự kết hợp này thúc đẩy việc đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, đời sống, quản lý và quốc phòng, tạo nên sự tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực khoa học và kỹ thuật quốc gia. Nắm vững quan điểm toàn diện đồng thời biết xác định các hướng trọng điểm, lựa chọn các phương pháp tối ưu, các khoa học mũi nhọn, trong từng thời kỳ, chúng ta quyết nhanh chóng vươn lên làm chủ những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật ngày càng hiện đại. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt với mục tiêu lâu dài, quy mô vừa và nhỏ với quy mô lớn, đặc biệt chú trọng quy mô vừa và nhỏ với trình độ kỹ thuật và công nghệ hiện đại; kết hợp những bước đi thích hợp, vừa tuần tự, vừa nhảy vọt; kết hợp hoạt động khoa học kỹ thuật của trung ương và địa phương, ngành và lãnh thổ, chúng ta sẽ tạo nên một sức mạnh tổng hợp ngày càng lớn, đem lại những thành quả kinh tế—xã hội mong muốn. Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tinh hoa của dân tộc ta về văn hóa, kỹ thuật và công nghệ, sức sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và nhân dân lao động nước ta, đồng thời khai thác triệt để những khả năng to lớn của hợp tác quốc tế, trước hết là với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đặc biệt là với Lào và Cam-pu-chia, đó cũng là một tư tưởng chỉ đạo nữa trong chiến lược khoa học và kỹ thuật của nước ta.

★

Để khoa học và kỹ thuật thật sự «là căn cứ, là cơ sở» và «yêu cầu nội tại» của hoạt động kinh tế, xã hội, điều cần nhấn mạnh là chiến lược khoa học và kỹ thuật phải xác định được phương hướng giải quyết *những vấn đề tổng hợp* về phát triển kinh tế, xã hội, góp phần tạo nên những chuyển biến cách mạng trong cơ cấu kinh tế và xã hội, quản lý sản xuất, quản lý kinh tế, xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Trong hàng loạt vấn đề tổng hợp về phát triển kinh tế và xã hội, khoa học và kỹ thuật ở nước ta hiện nay, trước hết có vấn đề cụ thể hóa đường lối của Đảng, «*nắm vững và vận dụng đúng các quy luật kinh tế và các vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa*» (2). Việc này đòi hỏi phải nghiên cứu các quy luật của thời kỳ quá độ, các giai đoạn phát triển và nội dung của từng giai đoạn, đặc biệt là của chặng đường đầu tiên, để thiết thực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất—kỹ thuật, đổi mới về cơ bản lực lượng sản xuất, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Do quá trình lịch sử và do nhiều nguyên nhân khác nữa, thực trạng cơ cấu kinh tế, xã hội nước ta hiện nay đang có những mất cân đối nghiêm trọng giữa công nghiệp, nông nghiệp,

(2) Lê Duẩn : Bài đã dẫn, tr. 7.

Digitized by Google

kết cấu hạ tầng và dịch vụ, giữa các thành phần kinh tế. Nhiệm vụ trước mắt của khoa học và kỹ thuật là đi sâu phân tích thực trạng ấy, có được những kiến nghị cụ thể nhằm góp phần tổ chức lại sản xuất, tạo nên những biến đổi mới trong cơ cấu kinh tế, xã hội, từ các huyện, các xí nghiệp, các ngành kinh tế kỹ thuật, các tỉnh, thành và đặc khu, bảo đảm tái sản xuất mở rộng, thực hiện hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế, xã hội là nhân tố chủ yếu quyết định nhịp độ phát triển và hiệu quả của nền kinh tế quốc dân, của sự ổn định và tiến bộ xã hội. Có xác định được luận cứ khoa học cho *một chính sách cơ cấu kinh tế, xã hội hợp lý*, bao gồm cả động thái phát triển của cơ cấu ấy thì mới có cơ sở để xây dựng *một chính sách đầu tư có hiệu quả nhất*.

Lực lượng lao động là « lực lượng sản xuất vĩ đại nhất » (Mác). Hiện nay, lực lượng lao động kỹ thuật ở nước ta mới chiếm 10,9% lực lượng lao động xã hội. Sự phân công và phân bố lao động đều chưa hợp lý. Khoa học và kỹ thuật cần tập trung nghiên cứu *dự báo chiến lược về lực lượng lao động*, khẩn trương xác định một cơ cấu lao động hợp lý nhất bao gồm cả cơ cấu ngành nghề hiện có và sẽ có, thuộc từng lĩnh vực kinh tế, từng thành phần kinh tế xã hội, ở trong từng huyện, từng vùng lãnh thổ, từng ngành kinh tế – kỹ thuật và trên phạm vi cả nước. Cơ cấu lao động hợp lý đó không chỉ bao hàm tình hình phân công lao động là thước đo sự phát triển của một xã hội và sự phân bố lao động trên vùng lãnh thổ là biện pháp chủ yếu để kết hợp lao động với tài nguyên thiên nhiên, mà bao hàm cả yêu cầu về chất lượng của người lao động. Vì vậy, khoa học và kỹ thuật cùng với khoa học giáo dục cần nghiên cứu và vận dụng hệ thống quy luật hình thành con người mới, đề ra chiến lược đào tạo một lực lượng lao động có chất lượng ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu phân công và phân bố lao động hiện nay và trong chặng đường tiếp theo. Quan tâm đến số lượng và chất lượng dân cư, khoa học và kỹ thuật góp phần thực hiện việc kế hoạch hóa gia đình, cải tạo nòi giống, chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần của con người Việt nam.

Khoa học và kỹ thuật còn phải cung cấp những luận cứ xác đáng cho một *chính sách quốc gia về sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường*; cho một *chính sách kỹ thuật và công nghệ quốc gia*; cho việc *kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế*; cho việc *mở rộng quan hệ quốc tế về kinh tế và khoa học kỹ thuật*; cho việc *phát triển kinh tế, xã hội ở các vùng lãnh thổ*.

Cuối cùng, vì quản lý là vấn đề có tầm quan trọng bậc nhất cho nên phải xây dựng và phát triển *khoa học quản lý*, góp phần vào việc hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế, xã hội khoa học và kỹ thuật theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo tinh thần các nghị quyết của Đảng. Nhiệm vụ này yêu cầu phải nắm vững quan điểm làm chủ tập thể, trên cơ sở đó mà nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc xây dựng cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý và điều khiển quá trình kinh tế, xã hội một cách hợp lý, có hiệu quả.

★

Chiến lược khoa học và kỹ thuật từ nay đến năm 2000 xác định phương hướng tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong những ngành quan trọng của nền kinh tế quốc dân.

Cách mạng khoa học – kỹ thuật gắn liền với nhiệm vụ trung tâm của cả

Digitized by Google

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Trong những năm qua, quá trình công nghiệp hóa ở nước ta đã tiến triển ở mức độ khác nhau trong các ngành kinh tế quốc dân và đã có những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, hiện nay lao động bằng máy móc mới chiếm 10 – 15%. Hệ số sử dụng công suất máy móc thiết bị mới đạt trung bình 50% hoặc thấp hơn. Năng suất lao động thấp thua các nước công nghiệp phát triển từ 5 đến 10 lần và ở một số ngành còn thấp hơn nữa. Sự mất cân đối giữa năng lực sản xuất với năng lực cung ứng năng lượng, nguyên liệu, phụ tùng khá nghiêm trọng. 80% nguyên liệu chính đều nhập từ nước ngoài.

Tình hình đó đòi hỏi khoa học và kỹ thuật phải đi sâu nghiên cứu *góp phần cụ thể hóa hơn nữa chiến lược công nghiệp hóa của Đảng*, trước mắt nhằm khắc phục những khó khăn và mất cân đối, phát huy năng lực sản xuất hiện có ; về lâu dài thì nghiên cứu dự báo về phương hướng của một nền công nghiệp tương đối hoàn chỉnh của nước ta. Nó xây dựng luận cứ khoa học cho việc tiếp tục tổ chức và sắp xếp lại các ngành công nghiệp nhằm đưa hệ số sử dụng công suất máy móc thiết bị lên 70 – 80% để có thể nâng tổng giá trị sản lượng công nghiệp lên gấp rưỡi hay gấp đôi. Nó xác định thứ tự ưu tiên của các ngành kinh tế quốc dân cần được trang bị kỹ thuật và công nghệ mới, nhịp độ tối ưu về cơ khí hóa lao động trong từng ngành. Nó hướng vào việc giải quyết vấn đề công cụ lao động, từ công cụ thô sơ, công cụ cải tiến, nửa hiện đại đến cơ khí hiện đại nhằm phát huy thế mạnh về lao động, góp phần làm cho mọi người đều có công ăn việc làm, mọi ngành nghề đều phát triển. Nó góp phần tạo nên nguồn nguyên liệu và vật liệu ổn định cho công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, bao gồm việc tận dụng tiềm năng to lớn về tài nguyên tái tạo, đặc biệt là những nguyên liệu có tính năng độc đáo của thiên nhiên nhiệt đới ; sử dụng hợp lý và tiết kiệm các tài nguyên không tái tạo ; chú trọng nguồn trong nước và về lâu dài nghiên cứu sản xuất các vật liệu mới có tính năng đặc biệt. Nó nghiên cứu kết hợp các quy mô lớn, vừa, nhỏ, hiện đại hóa về kỹ thuật và công nghệ các ngành tiểu công nghiệp truyền thống v.v.

Khoa học và kỹ thuật phải đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và xây dựng cơ bản.

Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, trong những năm gần đây đã giành được thắng lợi to lớn, nhất là trong sản xuất lương thực, thực phẩm và xây dựng cấp huyện. Khoa học và kỹ thuật phải tập trung nghiên cứu xây dựng *một nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển toàn diện theo quan điểm sinh thái, trong một cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ngày càng hiện đại.*

Khoa học nông nghiệp phải ứng dụng rộng rãi các thành tựu của cách mạng sinh học hiện đại, kể cả công nghệ sinh học. Yêu cầu chiến lược ở đây là sử dụng hợp lý, tổng hợp và có hiệu quả quỹ đất đai có hạn (bao gồm rừng, nước, và biển) và lực lượng sản xuất quan trọng bậc nhất là nguồn lao động dồi dào và cần cù của nước ta ; khai thác hợp lý đi đôi với bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên thực vật và động vật đa dạng của thiên nhiên nhiệt đới ; tận dụng cơ sở vật chất hiện có và sẽ có. Trên cơ sở đó, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp (nông – lâm – công nghiệp, nông – ngư – công nghiệp...) thích hợp nhất cho từng huyện và đơn vị cơ sở.

Digitized by Google

nhằm đạt được cả ba mục tiêu lương thực, nguyên liệu và hàng xuất khẩu.

Vấn đề quan trọng số một là thực hiện bằng được chiến lược an toàn về lương thực — thực phẩm, đưa bình quân lương thực trên đầu người lên trên 400 kg vào đầu năm 1990 và 470—550 kg vào năm 2000 với số dân ngày càng tăng. Muốn vậy, phải hướng mạnh vào thâm canh tăng năng suất, mở rộng các vùng cao sản kết hợp với việc mở rộng diện tích trước hết bằng tăng vụ và cải tiến cơ cấu mùa vụ; cải tiến cơ cấu bữa ăn; triệt để thực hành tiết kiệm v.v. Để đưa chăn nuôi lên thành ngành chính, thành một bộ phận quan trọng của chiến lược an toàn lương thực — thực phẩm và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, khoa học và kỹ thuật phải góp phần giải quyết bằng được vấn đề thức ăn, tạo nguồn tại chỗ ổn định và có chất lượng.

Khoa học và kỹ thuật có vai trò quan trọng trong việc làm cho nước ta trong 10 — 15 năm tới trở thành một nước có thế mạnh về cây công nghiệp nhiệt đới đài ngày và ngắn ngày ở vùng Đông Nam Á: đi sâu nghiên cứu từng loại cây, tạo ra những tiến bộ kỹ thuật về giống và quy trình thâm canh cho năng suất cao, xác định những cây chủ lực cho từng vùng sinh thái, tạo nên những vùng chuyên canh lớn về cao su, chè, cà phê, dừa, cọ dầu, trầu, vè lạc, đậu, mía, thuốc lá, đay, bông..., phát triển các cây đặc sản quế, hồi, cây dược liệu, hương liệu. Ở đây, cần nhấn mạnh hơn nữa tầm quan trọng chiến lược của vấn đề mở rộng cách mạng xanh lên vùng đồi núi hiện chiếm hai phần ba đất đai nước ta, trong đó có 13 triệu héc ta đất trống đồi núi trọc; hình thành ở đó những vùng kinh tế mới giàu có và văn minh.

Khoa học và kỹ thuật lại cần nghiên cứu và xây dựng thành công nông thôn mới xã hội chủ nghĩa ở khắp mọi miền của đất nước, phù hợp với điều kiện tự nhiên và sinh thái — nhân văn từng vùng, có quy hoạch hợp lý các khu dân cư, có kết cấu hạ tầng, cơ sở văn hóa xã hội và dịch vụ cần thiết, thu hẹp dần từng bước khoảng cách giữa các vùng nông thôn và giữa nông thôn với thành thị.

Biển là một thế mạnh to lớn của nước ta: 3600 km bờ biển, diện tích vùng lãnh hải và kinh tế đặc quyền rộng tới 1 triệu km^2, gấp ba lần đất liền... Nhưng hiện nay chúng ta mới khai thác miền ven biển mà ở đây cũng chỉ mới có trên 1 triệu dân, trong đó chỉ 1/4 là lao động trực tiếp. *Phát triển nền khoa học và kỹ thuật về biển và nền kinh tế biển* phải là một phương hướng chiến lược lớn của đất nước. Trước mắt, khoa học và kỹ thuật về biển phải góp phần xây dựng cơ cấu kinh tế biển, áp dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật để phát triển mạnh miền ven biển, không ngừng tăng thêm dân cư để làm chỗ dựa tiến ra làm chủ biển gần rồi biển xa. Hàng loạt vấn đề kinh tế biển đang đặt ra cần nghiên cứu giải quyết: đánh bắt, nuôi trồng hải sản; thăm dò, khai thác, chế biến... dầu mỏ và khí đốt và các khoáng sản khác; muối, công nghiệp vật liệu cao cấp từ cát biển; vận tải đường biển, công nghiệp tàu thuyền; dịch vụ và du lịch ở các tỉnh, huyện ven biển và trên biển v.v.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế, xã hội, tạo ra những điều kiện chung cần thiết cho sự phát triển hài hòa sản xuất, phục vụ đời sống và quốc phòng, lưu chuyển kinh tế trong nước và mở rộng giao lưu quốc tế, cần phát triển *kết cấu hạ tầng và các hoạt động dịch vụ*. Nhiệm vụ đặt ra cho khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực này là xây dựng những luận cứ khoa học cho việc xác định nhịp độ phát triển tối ưu và cơ cấu hợp lý của từng thời kỳ của khu vực kết cấu hạ tầng sản xuất và xã

Digitized by Google

hội (mạng lưới giao thông quốc gia và cơ cấu vận tải hợp lý, hệ thống viễn thông — bưu chính, mạng lưới tích trữ, vận chuyển và cung ứng năng lượng, nhiên liệu, điện, nước v.v.), sự phát triển đồng bộ của các hoạt động dịch vụ trong cả nước và của từng vùng lãnh thổ, trước hết là ở những vùng trọng điểm v.v.

Chiến lược khoa học và kỹ thuật từ nay đến năm 2000 là một chiến lược phát triển toàn diện, nhưng có trọng điểm, có lựa chọn phương hướng ưu tiên trong từng thời kỳ. Trong những điều kiện hiện nay, các phương hướng ưu tiên đó có lẽ phải là :

1. *Khoa học quản lý.*

2. *Khoa học giáo dục* nhằm góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

3. *Sinh học và công nghệ sinh học* phục vụ nông nghiệp, y tế, công nghiệp thực phẩm, bảo vệ môi trường.

4. *Khoa học kỹ thuật và công nghệ về chế tạo và sử dụng nguyên liệu, vật liệu chủ yếu từ tài nguyên trong nước.*

5. *Khoa học, kỹ thuật và công nghệ chế tạo máy.*

6. *Điện tử và tin học* (informatic).

★

Để thực hiện những mục tiêu của chiến lược khoa học và kỹ thuật trên đây, *trước hết* cần tổ chức lại các lực lượng khoa học và kỹ thuật của chúng ta, triệt để tuân theo nguyên tắc kết hợp hoạt động khoa học và kỹ thuật với các mục tiêu kinh tế, xã hội cụ thể ; kết hợp « khoa học — kỹ thuật — sản xuất » đối với các cơ quan khoa học và kỹ thuật các cấp ; kết hợp « giáo dục — khoa học — kỹ thuật — sản xuất » đối với các trường đại học, trung học ; rút ngắn đến mức tối đa chu kỳ nghiên cứu — ứng dụng — triển khai — sản xuất.

Hai là, kiên quyết bố trí các cán bộ khoa học và kỹ thuật đúng với ngành nghề và năng lực chuyên môn, nhất là đối với cán bộ cao cấp, đặc biệt coi trọng cán bộ trẻ. Có cơ chế và chính sách thích hợp đưa mạnh cán bộ có kỹ năng ứng dụng giỏi về địa phương, về huyện, nông trường, xí nghiệp, hợp tác xã. Thu hút đông đảo cán bộ có trình độ tham gia chuẩn bị luận cứ khoa học cho các quyết định quan trọng của các cấp. Hình thành các tập thể lao động khoa học trong các viện, các ngành, các địa phương. Mở rộng hình thức hoạt động của các tập thể khoa học kỹ thuật lâm thời nhằm giải quyết một số nhiệm vụ quan trọng cấp bách và cụ thể. Có chính sách đặc biệt đối với những người có trình độ khoa học, kỹ thuật cao, những người có năng khiếu đặc biệt, các nghệ nhân giỏi trong một số lĩnh vực truyền thống, các lương y có kinh nghiệm gia truyền, các công nhân lành nghề. Hết sức coi trọng phát huy khả năng cống hiến của chuyên gia và trí thức Việt kiều.

Việc đào tạo và bồi dưỡng các lực lượng khoa học và kỹ thuật, đội ngũ công nhân lành nghề một cách cân đối và đồng bộ cần được đẩy mạnh theo hướng phù hợp với chiến lược phát triển chung và các phương hướng khoa học, kỹ thuật ưu tiên.

Ba là, tăng cường đầu tư cho hoạt động khoa học và kỹ thuật bằng nhiều nguồn vốn : ngân sách Nhà nước, quỹ tập trung của các ngành và các địa phương, quỹ tự có của các cơ sở ; kiên quyết đầu tư tập trung vào các chương trình và đề tài trọng điểm. Theo quy luật chung và nhất là đối với một nền khoa học đang ở bước phát triển như ở nước ta, cần đặc biệt chú ý đến công tác xây dựng kết cấu hạ tầng cho khoa học và kỹ thuật.

Digitized by Google

Bốn là, khẩn trương tăng cường hệ thống thông tin khoa học, kỹ thuật và kinh tế quốc gia, tiếp nối nó với hệ thống thông tin quốc tế. Hiện đại hóa cơ sở vật chất của hệ thống thông tin khoa học kỹ thuật và kết hợp chặt chẽ hệ thống này với hệ thống thông tin đại chúng.

Năm là, mở rộng hơn nữa và nâng cao hiệu quả công tác hợp tác và trao đổi quốc tế về khoa học và kỹ thuật. Tích cực tham gia chương trình tổng hợp về khoa học và kỹ thuật của Hội đồng tương trợ kinh tế, coi đó là một nội dung rất quan trọng của chiến lược khoa học và kỹ thuật của chúng ta.

Sáu là, tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác quản lý khoa học và kỹ thuật theo hướng đòi hỏi và khuyến khích ứng dụng thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Đồng thời với việc hoàn thiện công tác kế hoạch hóa theo chương trình có mục tiêu, cần mở rộng quyền chủ động của các cơ quan và tập thể khoa học kỹ thuật, thực hiện rộng rãi hợp đồng kinh tế, liên doanh, liên kết với các cơ sở sản xuất, thực hiện từng bước hạch toán kinh tế đối với các cơ quan ứng dụng và triển khai kỹ thuật ở những nơi có điều kiện. Thực hiện tốt nguyên tắc « làm theo năng lực, hưởng theo lao động » đối với cán bộ khoa học và kỹ thuật. Vận dụng các đòn bẩy kinh tế trong xây dựng và thực hiện cơ chế đồng bộ đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Tăng cường công tác quản lý định mức, đo lường, tiêu chuẩn và kiểm tra chất lượng sản phẩm, kiện toàn đồng bộ các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật các cấp.

Bảy là, phát động phong trào quần chúng mạnh mẽ và rộng khắp tiến quân vào khoa học và kỹ thuật mà nội dung chủ yếu là ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, làm cho phong trào này trở thành một bộ phận then chốt của phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa.

Nhân tố quyết định đưa chiến lược khoa học và kỹ thuật đến thắng lợi là *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*. Điều đó đòi hỏi các cấp Đảng và chính quyền thật sự coi khoa học và kỹ thuật là một trong những nội dung lãnh đạo chủ yếu của mình ; mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, mỗi người lao động, mỗi chiến sĩ nhận thức đầy đủ và sâu sắc vị trí then chốt của cách mạng khoa học — kỹ thuật, có hiểu biết và tự giác tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật.

Digitized by Google

Lời Bộ biên tập

Thời gian qua, chúng tôi nhận được nhiều bài của các đồng chí từ các đảng bộ trong nước gửi về tham gia mục **«Sinh hoạt tư tưởng»** *của tạp chí. Một số bài đã được đăng ; nhiều bài khác viết không đạt cho nên không thể đăng lên tạp chí. Để giúp các đồng chí có nhiệt tình muốn đóng góp vào mục này của tạp chí, chúng tôi xin đăng lại bài báo sau đây của đồng chí Trường Chinh.*

Với bút danh Tân Trào, đồng chí Trường Chinh đã viết bài « Địa phương tự trị? » đăng trong mục « Tự phê bình » của tạp chí **Sinh hoạt nội bộ,** *số 12 tháng 12-1948. Dưới đây là toàn văn bài báo đó.*

Tự phê bình

Địa phương tự trị?

TÂN TRÀO

Ngày 4 tháng 9 năm 1948, Liên khu ủy I đề nghị thẳng với các Liên khu ủy III, IV, X, định cách tổng phá tề. Ngày 1 tháng 10-1948, Liên khu ủy III lại đề nghị thẳng với các liên khu kia, họp bàn cách phối hợp về mọi mặt trong chiến dịch thu đông.

Thì ra ít lâu nay, một vài liên khu đề nghị thẳng với nhau về những vấn đề trọng yếu, phớt luôn cả Trung ương.

Một vài việc làm của những Liên khu ủy nói trên, tỏ ra gì? Tỏ ra một trong ba điều dưới đây:

Hoặc liên lạc giữa Trung ương và các đảng bộ địa phương gián đoạn hay tắc nghẽn.

Hoặc các địa phương không tín nhiệm Trung ương.

Hoặc cách làm việc của địa phương vô lối, sai nguyên tắc.

Digitized by Google

Liên lạc giữa Trung ương và các liên khu có gián đoạn hay tắc nghẽn không? Không. Vì điện đài vẫn chạy, giao thông vẫn đi.

Trung ương có mất tín nhiệm với các địa phương không? Cũng không. Chứng cớ là nhận được lời đề nghị thẳng của liên khu này, liên khu kia thấy việc trọng yếu, đã điện hỏi Trung ương.

Vậy làm sao lại có cách làm ngang như trên? Cố nhiên cách làm ngang đó là vô lối, vô nguyên tắc.

Tôi sực nhớ đến một việc cũng màu sắc địa phương tự trị như vậy. Đó là việc một Liên khu nọ khám phá trong một thời gian ba tháng, vừa vặn năm vụ gián điệp mà không hề báo cáo lên Trung ương. Mãi khi Trung ương nghe đồn, phái người xuống điều tra, lúc đó Liên khu ủy mới báo cáo.

Những việc trên đây đã chứng rõ khuynh hướng địa phương tự trị đang phát triển trong Đảng. Nếu chúng ta không kịp thời ngăn lại thì chế độ tập trung dân chủ của Đảng sẽ bị sai lệch đi. Nước ta dài, chiến tranh lại thường gây ra tình trạng bất trắc. Việc tổ chức thành nhiều khu và liên khu có ban chấp hành riêng, với quyền hành khá rộng, đã làm cho các đồng chí địa phương dễ coi khu mình như một nước nhỏ trong một nước to.

Nói như thế không phải bảo rằng: nhất nhất cái gì, không kể việc lớn hay việc nhỏ, các địa phương cũng phải chờ hỏi ý kiến Trung ương đâu. Làm như thế sẽ sinh ỷ lại và bị động, sẽ mất sáng kiến và nhụt tinh thần phụ trách của các đồng chí. Không, chúng ta phản đối ỷ lại và bị động. Chúng ta chỉ mong rằng các đồng chí nhận rõ quan hệ đúng mực giữa Trung ương và địa phương, biết phân biệt việc gì đáng hỏi Trung ương, việc gì không nên và không cần hỏi, lúc nào phải chờ lệnh cấp trên, lúc nào (ví dụ đứt liên lạc) phải tự động và dũng cảm phụ trách để khỏi lỡ việc.

Chúng ta luôn luôn nhớ rằng: **Dân chủ mà vẫn tập trung, tự động nhưng không Tự trị.**

Digitized by Google

PHONG CHÂU

BÀN THÊM VỀ CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGHE nói đến chuyện con người mới, có người nói: « Đó là việc của mấy ông làm chính trị, làm công tác văn hóa! ». Thật lửa đang cháy giữa nhà mình, lại đi hô: « Nhà hàng xóm cháy! ». Cuộc sống của mỗi cá nhân, của mỗi gia đình, của xã hội mà chúng ta đang sống phần lớn có quan hệ đến chuyện con người mới. Cuộc sống của anh hạnh phúc hay bất hạnh, tâm hồn anh thanh thản hay đau khổ, bản thân anh khỏe mạnh hay đau ốm, v.v. điều đó, một phần rất lớn, thậm chí một phần chính anh chỉ có thể tìm câu trả lời ở ngay chính anh, ở lối sống của anh. Dành rằng có những nguyên nhân khách quan, những nguyên nhân chủ quan vẫn thường là chủ yếu. Cho nên, vấn đề con người mới luôn luôn có tính thời sự nóng hổi. Thế nào là mới, là cũ? Làm thế nào để rèn luyện mình thành con người mới? Vấn đề đâu có đơn giản!

I — CON NGƯỜI MỚI, CON NGƯỜI THẨM MỸ

Dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa, mẫu người điển hình là *con người thẩm mỹ* (*homo estheticus*) (1) tức là con người sáng tạo theo quy luật của cái đẹp. C. Mác đã từng lên án sự tha hóa của lao động trong xã hội có giai cấp, nó «làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất *nhân loại* của con người, trở thành xa lạ với con người» (2). Và C. Mác yêu cầu: « Nếu anh giả định *con người với tính cách là con người* và quan hệ của con người với thế giới với tính cách là quan hệ có tính người, thì anh chỉ có thể đổi tình yêu lấy tình yêu, tín nhiệm lấy tín nhiệm v.v. Nếu anh muốn hưởng thụ nghệ thuật, thì anh phải là con người được giáo dục về nghệ thuật. Nếu anh muốn ảnh hưởng tới những người khác thì anh phải là một người có một tác dụng thật sự thúc đẩy và kích thích những người khác » (3). C. Mác muốn mọi người đấu tranh giành lấy, giữ vững và không ngừng làm phong phú bản chất *nhân loại* của con người, con người phải có *tính người* con người phải được rèn luyện qua thực tiễn.

Điều kiện lịch sử và xã hội đã làm thay đổi dần dần điều kiện tự nhiên và sinh vật học, thay đổi cả cảm giác của con người. Giác quan của mỗi người gắn liền với thực tiễn xã hội, với hoạt động của con người nhằm thích nghi với hoàn cảnh. « Chỉ có thông qua sự phong phú, đã được phát triển về mặt vật chất, của bản chất con người, thì sự phong phú của tính cảm giác chủ quan của *con người* mới phát triển và một phần thậm chí lần đầu tiên mới được sản sinh ra:

(1) Homo estheticus: tiếng la tinh, xin đọc là hô-mô ét-xtê-ti-cút.

(2), (3) C. Mác và Ph Ăng ghen. *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 121, 136.

Digitized by Google

lỗ tai thính âm nhạc, con mắt cảm thấy cái đẹp của hình thức...» (4).

Nói theo ý của C. Mác, con người mới của chúng ta phải được hoàn toàn giải phóng khỏi sự bóc lột, áp bức, để được rèn luyện, giáo dục và sống, thật sự là một *con người*, sống một cuộc sống tình cảm đầy đủ. Chính họ là chủ thể cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội, làm đẹp trái đất này và qua đó biến cải cả bản thân mình.

Con người thẩm mỹ là con người hiểu biết, cảm xúc, hành động phù hợp với cái đẹp của thiên nhiên, của xã hội đang đi lên và góp phần sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, tự do phát triển «Ra-pha-en trong mình».

Đó là con người *phát triển toàn diện và hài hòa, đẹp* về các mặt: *đẹp về tâm hồn, tư tưởng, đẹp về trí tuệ, tình cảm, đẹp về thể lực, đẹp trong quan hệ đối xử giữa người với người.*

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và nhất là dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa, phạm trù cái đẹp thu thập mọi hào quang thẩm mỹ của cái cao cả, cái tuyệt vời, cái anh hùng, cái tốt, vì mọi hành vi của con người mới đều thấm đượm bản chất *nhân loại* của con người, tình yêu thương trân trọng con người, niềm tin tưởng ở con người, ở cuộc sống. Những công trình khoa học càng ngày càng khẳng định con người có một cơ thể hết sức tinh vi, hài hòa và phức tạp, với một bộ não và hệ thần kinh hết sức diệu kỳ mà không một máy móc điện tử nào sánh nổi. Cho nên, con người hoàn toàn có khả năng sáng tạo ra muôn vàn cái đẹp, loài người sẽ xây dựng muôn vàn kỳ quan trên trái đất này.

Đó cũng chính là *con người mới* với những phẩm chất cao quý đã được nêu trong Báo cáo chính trị của Đảng ta tại Đại hội thứ IV: Con người mới là con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có trí thức và năng lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Con người mới là con người phát triển toàn diện, hài hòa cân đối. Có người hiểu khái niệm «toàn diện» như là tính bách khoa, sự thông kim bác cổ, hiểu biết Đông Tây, con người toàn diện làm nghề gì cũng giỏi, hoạt động ở lĩnh vực nào cũng tài. Thật là ảo tưởng và không đúng với triển vọng phát triển của cá nhân trong xã hội mới!

Con người lại hay dùng khái niệm «toàn diện» và «hài hòa» như là những từ đồng nghĩa. Điều đó không đúng cả về ý nghĩa, lẫn nội dung và khối lượng. Một người không thể phát triển toàn diện nếu chưa đạt tới sự cân đối hài hòa, nhưng anh ta vẫn có thể phát triển cân đối mà không nhất thiết phát triển được toàn diện. Thật vậy, muốn phát triển toàn diện nhân cách, con người không thể không phát triển cân đối các mặt chủ yếu của đời sống tâm lý như trí tuệ, tình cảm và ý chí; song anh ta vẫn phát triển cân đối trí tuệ, tình cảm, ý chí, còn nhân cách của anh thì còn lâu mới phát triển toàn diện.

Quá trình trở thành con người thẩm mỹ là quá trình rèn luyện cho sự phát triển toàn diện, hài hòa cân đối. Đây là con đường lâu dài vô tận, vươn tới cái đẹp của lý tưởng, lý tưởng thẩm mỹ — xã hội: chủ nghĩa cộng sản. Mỗi bước đi lên, ánh sáng của lý tưởng lại chan hòa, soi đường cho những bước đi tiếp. Bản thân con người phải phát triển cân đối hài hòa về mọi mặt: thể lực, tâm lý, đạo đức, tinh thần, thẩm mỹ... để có năng lực cải tạo thế giới, năng lực sản xuất ra của cải vật chất, tinh thần và năng lực sử dụng những giá trị ấy. Trong khi xây dựng con người mới, chúng ta lại còn mong đạt tới sự cân đối hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa cái

(4) C Mác: *Bản thảo kinh tế — triết học năm 1844*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1962. tr. 137.

Digitized by Google

chung và cái riêng, giữa chủ quan và khách quan, giữa con người và thiên nhiên, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cá nhân và tập thể, v.v. Nhiều quan hệ không còn là mơ ước mà đã thành hiện thực ở nhiều nơi, nhiều lúc, nhiều người. Hàng vạn người đã «xẻ dọc Trường sơn» đi đánh Mỹ, hàng vạn người đang trèo đèo lội suối, gối đất nằm sương ở biên giới để bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc... Phải chăng họ không có sự cân đối giữa cá nhân và xã hội, giữa quyền lợi và nghĩa vụ? Hàng triệu thanh niên đi xây dựng những vùng kinh tế mới, làm thủy điện sông Đà, trồng rừng phủ xanh đồi trọc... Phải chăng họ không có sự cân đối giữa chủ quan và khách quan, giữa cái riêng và cái chung? Không, họ đã và đang có những sự cân đối ấy. Họ không thể sống khác được, họ đã tự nguyện, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ; mọi quyền lợi, nguyện vọng của họ đang cùng một hướng với quyền lợi, nguyện vọng của Tổ quốc, lý tưởng của họ đang cùng một hướng với lý tưởng của đất nước. Quyền lợi, nguyện vọng riêng tư, cố hữu, ai mà chẳng có, nhưng họ biết xếp lại để cân đối hài hòa giữa cái chung và cái riêng, giữa cá nhân và xã hội.

II — ĐỂ TRỞ THÀNH CON NGƯỜI THẨM MỸ...

M. Goóc-ki đã viết: Tôi quan niệm cuộc sống như là sự vận động đến sự hoàn thiện tinh thần. Nhưng tôi cũng nhận thấy rằng, từ một thời kỳ nào đó, sự phát triển của con người diễn ra theo đường cong — trí tuệ của chúng ta thì phát triển, còn tình cảm lại bị coi thường. Tôi nghĩ rằng điều đó thật tai hại đối với chúng ta. Cần phải làm cho trí tuệ và bản năng kết hợp với nhau trong sự hài hòa thắm thiết, và lúc đó mọi thứ chung quanh ta sẽ rực rỡ hơn, tươi sáng hơn, vui sướng hơn.

Tôi không thích những con người thông minh nhưng lại chẳng hề biết rung cảm. Họ lúc nào cũng độc ác và độc ác một cách đê tiện.

Để «vận động đến sự hoàn thiện tinh thần», con người phải phát triển toàn diện, hài hòa cân đối, trở thành con người thẩm mỹ và giáo dục thẩm mỹ giữ một vai trò to lớn.

Cái đẹp của con người mới gắn liền với cuộc sống, có thể bắt gặp trong từng phút giây, ở ngay trước mắt ta, ở trong bản thân ta và ở những người đang sống với ta. Dắt một cụ già qua đường, nhường chỗ cho một bà có con mọn trên tàu, không vứt rác ra đường phố, không chen lấn khi xếp hàng mua một thứ gì đó, nhặt được của rơi đem trả ở đồn công an, khai báo hộ khẩu khi có khách, v.v. tất cả những việc làm ấy đều có nội dung thẩm mỹ. Cái đẹp đâu phải chỉ có ở chỗ quần áo «mốt» ở nhà cao cửa rộng, ở xe «cúp»... Cái đẹp không những được phản ánh qua những hình tượng nhân vật trong phim, kịch, tiểu thuyết, qua những đường nét, hình khối ở bức tranh, pho tượng mà còn biểu hiện qua những con người trong lao động, trong đấu tranh, phơi bày qua thiên nhiên muôn màu muôn sắc trong một buổi bình minh hay buổi hoàng hôn tắt nắng... Cuộc đời cao đẹp của Hồ Chủ tịch, sách, ảnh, nhạc, tranh, tượng nào ghi hết được! Tổ quốc Việt nam bao la, hùng vĩ đang còn chờ những rung động của nhiều thế hệ văn nghệ sĩ. Cho nên, giáo dục thẩm mỹ gắn liền với giáo dục chính trị, giáo dục đạo đức, giáo dục lao động...; không nên hiểu một cách nông cạn giáo dục thẩm mỹ là giáo dục nghệ thuật. Không phải vô cớ mà Goóc-ki đã mệnh danh mỹ học là *đạo đức học của tương lai*, khi ông dự

Digitized by Google

đoán toàn bộ đời sống tinh thần của mọi người sẽ được thẩm mỹ hóa dưới chế độ cộng sản.

Con người là kết quả và là tổng hòa của mọi quan hệ xã hội, bởi vậy thế giới tâm hồn của nó được tạo ra trên cơ sở những quan hệ chính trị, pháp lý, sản xuất, đạo đức, thẩm mỹ, v.v. Quan hệ thẩm mỹ mới là thành phần hữu cơ của mọi quan hệ khác, nó gạn lọc, tiếp thu những kinh nghiệm, cảm xúc thẩm mỹ của dân tộc và của thời đại. Cảm xúc thẩm mỹ định hướng cho những mối quan hệ đa dạng và vô tận với thế giới. Nếu lĩnh vực cảm xúc không được mở rộng thì không thể tạo ra những phẩm chất như thị hiếu, trí tưởng tượng, mơ ước, trực giác, tư duy, liên tưởng..., Nếu con người không có cảm xúc thẩm mỹ thì xã hội này sẽ không biết ra sao... Loài người sẽ không còn đấu tranh xã hội, không còn hoạt động cách mạng nữa.

Con đường chắc chắn và hiệu quả nhất để xây dựng con người mới, hình thành một con người thẩm mỹ phát triển toàn diện, cân đối hài hòa là *bồi dưỡng khả năng tiếp thụ và khả năng đáp ứng cảm xúc thẩm mỹ*. Cảm xúc thẩm mỹ là sự thống nhất biện chứng giữa sự *xúc động* và *nhận thức*, giữa quan hệ của con người đối với thế giới và sự đánh giá nó. Thực tại chung quanh ta không phải lúc nào và cái gì cũng đẹp cả, có không ít hiện tượng tiêu cực, vô trách nhiệm, vô giáo dục, vô văn hóa. Chúng ta lại đang sống trong một thời kỳ quá độ, có muôn ngàn điều khó khăn, phức tạp; một cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai nền văn hóa, giữa hai hệ ý thức đang diễn ra. Không có con đường thứ ba, không có và không thể có khái niệm về cái đẹp, về tính người, về lòng cao thượng dân tộc, chung chung, phi giai cấp, siêu đẳng tính. Cho nên, nhìn thấy những sự việc xấu, ta đau lòng, buồn rầu, phẫn nộ. Nhưng cuộc sống còn muôn vàn cái đẹp, suy nghĩ một chút, phân tích, so sánh một chút, ta sẽ tự hào và xúc động về những cái đẹp ấy. Đó là những dịp bù đắp cho sự thiếu thốn cảm xúc.

Sự xúc động và sự đánh giá sự việc không bao giờ được tách rời nhau. Nhìn các cháu bé bụng ỏng, gầy guộc đến xem các đại biểu ở hội nghị Tân trào, Hồ Chủ tịch đã không quên nhắc nhở các đại biểu phải đấu tranh giành được độc lập, để con em chúng ta không còn khổ như thế nữa. Cảm xúc thẩm mỹ phi giai cấp là chỗ ẩn nấp cho sự thờ ơ, lãnh đạm, hẹp hòi, thiển cận, bệnh hình thức trống rỗng.

Khả năng chuyển biến của cảm xúc thẩm mỹ rất to lớn. Nếu trong người chúng ta có một trạng thái cảm xúc cao quý do cái đẹp tạo ra thì toàn bộ thế giới chung quanh hình như tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn. Con người yêu đời, yêu người hơn, lao vào công việc say sưa, hồ hởi, coi thường mọi gian nguy. Trước Cách mạng Tháng Tám, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản đã biết trước làm cách mạng « là phải chịu tù đày, là gươm kề tận cổ, súng kề tai » (thơ Tố Hữu), song họ vẫn sẵn sàng hiến dâng đời mình cho lý tưởng. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, nhiều người đã « ba lô » lên vai, lòng nhẹ lâng lâng... Họ là những người làm cho quân thù khiếp sợ, bỏ chạy khỏi dải đất chữ S này. Nhiều người đã ngã xuống và nhiều người đã về sống với chúng ta, giản dị, bình thường, không có bia đá, tượng đồng. Thế hệ ngày nay cũng đang tiếp bước cha, anh để làm tròn nghĩa vụ của một người Việt nam chân chính. Hiểu như vậy, chúng ta sẽ thấy đó là lẽ sống ở đời, không có gì là « bôn sệt » và không mắc lừa lý lẽ khôn, dại của bọn cơ hội.

Digitized by Google

Việc cung cấp không ngừng *lượng thông tin thẩm mỹ* vô cùng cần thiết cho thế giới cảm xúc, nó như những lớp phù sa bồi đắp dần dần làm cho những cánh đồng phì nhiêu. Cái đẹp về nghệ thuật, về pháp lý, về đạo đức, về chính trị, v.v. trong mọi biểu hiện của nó đều là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh tư tưởng.

Quá trình xã hội hóa con người đang diễn ra thông qua sự thấm nhuần cái đẹp. Nhưng quá trình đó nhanh hay chậm tùy thuộc vào tính chất của từng chế độ xã hội. Chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta lên án những hành vi đạo đức suy đồi, những hành động dã man, những ước muốn ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa, những thị hiếu lố lăng, kệch cỡm. Cho nên, văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa không được phép « thẩm mỹ hóa » cái xấu xa, hại dân, hại nước mà phải cổ vũ con người làm nên những sự nghiệp cao quý, giúp họ lạc quan tin tưởng vào sức mạnh của mình, của dân tộc mình. Văn nghệ tư sản đang được xây dựng theo nguyên tắc « lật ngược » lại những giá trị tinh thần, đạo đức và thẩm mỹ. Những tên « găng-xtơ » những tên buôn lậu, cuồng dâm đang trở thành nhân vật chính của nhiều tác phẩm. Tình yêu chung thủy, tình yêu trong sáng của lứa đôi đang bị chế giễu và được trao đổi trắng trợn bằng đô la; những sách, báo, phim, ảnh khiêu dâm tràn ngập hè phố. Chúng đang ra sức làm cho con người tin rằng phải quay về tình trạng thú vật, trở lại cuộc sống sinh vật học...

Thông thường, người ta quan niệm thị hiếu thẩm mỹ như một phương tiện « miễn dịch » chống mọi thứ đê tiện, tầm thường, thô lỗ biểu hiện dưới mọi hình thức. Nhưng ác thay, cái đê tiện ấy lại được ngụy trang bằng một cái vỏ rất thẩm mỹ. Có không ít chàng trai hoặc cô gái trông sáng sủa, hấp dẫn, nhưng chỉ nói chuyện độ ba câu thì đủ thấy sự vô giáo dục thậm tệ của họ. Nhiều bản nhạc nghe rất du dương nhưng lời ca thật rỗng tuếch. Trong sự giao lưu văn hóa hiện nay, gió lành, gió độc thường lẫn lộn. Vì vậy, cung cấp lượng thông tin thẩm mỹ không được quên rèn luyện *tính đề kháng thẩm mỹ*, phải phân tích cho rõ những giá trị văn hóa tinh thần quý báu của dân tộc, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân loại tiến bộ.

Cung cấp lượng thông tin thẩm mỹ, mở rộng lĩnh vực cảm xúc thẩm mỹ chưa đủ, phải giáo dục, phát triển những năng lực nhằm giúp con người sáng tạo thêm nhiều cái đẹp, nhiều giá trị thẩm mỹ. *Năng lực sáng tạo thẩm mỹ* là một trong những năng lực chính và quý giá nhất của con người. Nó có một ý nghĩa đặc biệt đối với toàn bộ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản bởi vì xã hội cộng sản chủ nghĩa là một xã hội hoàn thiện về mọi mặt, chan chứa cái đẹp, cái hài hòa trong sáng.

Sự sáng tạo thẩm mỹ này đang diễn ra trong từng ngành chuyên môn, trong lao động thuộc ngành đó và trong các hoạt động xã hội, trong nghỉ ngơi. Cho nên, năng lực sáng tạo thẩm mỹ trải ra rất rộng, không đơn thuần ở lĩnh vực tư tưởng, ở các ngành văn hóa nghệ thuật, mà ở cả lĩnh vực kinh tế nữa.

★

Nhà giáo dục học Liên xô nổi tiếng V.A. Xu-khôm-lin-xki nói: *« Cái đẹp là phương tiện hiệu nghiệm để giáo dục sự nhạy cảm của tâm hồn. Nó là đỉnh cao từ đó ta có thể nhìn thấy cái*

(Xem tiếp trang 89)

Digitized by Google

VŨ NGỌC LAN

NHỮNG TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN ANH HÙNG TRÊN MẶT TRẬN GIÁO DỤC CỦA CHÚNG TA

TRONG 218 đơn vị và 126 cá nhân được Đảng, Nhà nước ta tặng danh hiệu anh hùng lao động và anh hùng lực lượng vũ trang đầu tháng 9-1985, có hàng chục đơn vị, cá nhân hoạt động trên mọi lĩnh vực giáo dục: nhà trẻ, mẫu giáo, giáo dục phổ thông, đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, bổ túc văn hóa. Những anh hùng giáo dục « tuy không có gì đột xuất », « không có gì là oanh liệt, nhưng làm tròn nhiệm vụ là anh hùng, anh hùng tập thể » (1). Đó là những tập thể, cá nhân tiêu biểu cho hàng nghìn trường học tiên tiến, tổ lao động xã hội chủ nghĩa, hàng vạn chiến sĩ thi đua trên mặt trận giáo dục thời gian qua. Đó là những đại biểu của hơn nửa triệu nhà giáo đang ngày đêm cống hiến công sức cho sự nghiệp « trồng người ».

Có tập thể anh hùng là một trường học, có tập thể anh hùng là ngành giáo dục một xã, có tập thể anh hùng là một bộ môn. Có những anh hùng đã vài chục năm đứng trên bục giảng, trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, cũng có những anh hùng chỉ ở tuổi 20. Có người là giáo sư, tiến sĩ nhưng cũng có người chỉ mới học hết lớp 5 hay tốt nghiệp phổ thông trung học. Có nhà giáo — chiến sĩ, có nhà giáo — bác sĩ, có nhà giáo — kỹ sư, nhà giáo — cô nuôi dạy trẻ... Thậm chí có nhà giáo suốt đời đã phấn đấu, hy sinh cho sự nghiệp giáo dục, đã qua đời không bao lâu sau khi được phong danh hiệu anh hùng. Nhưng dù là anh hùng tập thể hay cá nhân, dù là đảng viên hay chưa đứng trong hàng ngũ của Đảng, dù ở lứa tuổi, trình độ, cương vị công tác nào, dù còn hay mất... tất cả đều thể hiện rất rõ một nhân sinh quan cách mạng đúng đắn, một tinh thần luôn luôn phấn đấu, hy sinh cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau. Tất cả đều không nghĩ rằng mình sẽ trở thành anh hùng, tất cả chỉ biết phấn đấu cho mục tiêu vì con người, cho ngày mai hạnh phúc của nhân dân.

1 — Đó là những tập thể, cá nhân luôn luôn kiên trì phấn đấu thực hiện đúng đắn và sáng tạo đường lối, phương châm giáo dục của Đảng.

Hơn 40 năm qua, thực hiện mục tiêu, phương châm giáo dục của Đảng là đào tạo lớp người lao động mới bằng học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội, sự nghiệp giáo dục đã đạt được những thành tựu to lớn, đáng tự hào. Nhưng do hoàn cảnh lịch sử, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan mà mục tiêu, phương châm giáo dục đó chưa được thực hiện đầy đủ, đúng đắn. Đất

(1) Hồ Chí Minh : *Bàn về công tác giáo dục*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1972, tr. 58.

Digitized by Google

nước đang rất cần lực lượng lao động có nghề nghiệp, trực tiếp làm ra của cải xã hội, nhưng vấn đề « học để làm gì » vẫn còn phải tiếp tục giải quyết, bởi hiện nay tâm lý phổ biến là muốn học để làm « cán bộ », để thoát ly nông thôn, để khỏi phải lao động chân tay v.v.

Thấm nhuần đường lối của Đảng, các tập thể và cá nhân anh hùng đã tránh được những hạn chế nói trên, lại biết cụ thể hóa mục tiêu, phương châm giáo dục của Đảng phù hợp với từng vùng, từng lĩnh vực giáo dục trong từng giai đoạn cách mạng. Những đơn vị và cá nhân anh hùng đã thật sự phát huy quyền chủ động, sáng tạo, luôn luôn là những nhân tố mới, có tác dụng tích cực ở địa phương, cơ sở. Trường phổ thông cơ sở Bắc lý (Lý nhân, Hà nam ninh), một phần tư thế kỷ qua vẫn giữ vững danh hiệu « lá cờ đầu » trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục của Đảng. Đó là trường phổ thông đầu tiên của cả nước cụ thể hóa mục tiêu giáo dục ở nông thôn đồng bằng. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, Bắc lý đều rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp giáo dục nói chung. Thực hiện một phần « ham muốn tột bậc » của Bác Hồ kính yêu là đồng bào ta ai cũng được học hành, từ năm 1966, xã Cẩm bình (Cẩm xuyên, Nghệ tĩnh) đã phổ cập văn hóa cấp I; năm 1975, phổ cập văn hóa cấp II; đến nay, hầu hết thanh niên, cán bộ chủ chốt của xã đã tốt nghiệp hoặc đang học cấp III. Cẩm bình đã đào tạo được lớp người lao động mới gắn bó với quê hương, với sản xuất, nhạy bén với khoa học, kỹ thuật, tích cực xây dựng nông thôn mới. Thật xứng đáng là ngọn cờ của phong trào thi đua « hai tốt » và giải thưởng lớn Crúp-xkai-a. Ở vùng cao, có nhiều dân tộc thiểu số, nhưng xã Ngổ luông (Tân lạc, Hà sơn bình) là xã miền núi đầu tiên của cả nước hoàn thành phổ cập văn hóa cấp II trong toàn dân. Công tác giáo dục ở đây thật sự trở thành một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế — văn hóa — xã hội, đã đào tạo được đội ngũ cán bộ trẻ người dân tộc, có nhiệt tình cách mạng, có văn hóa, làm chủ vùng cao. Chỉ ba năm sau ngày giải phóng, xã Cát hanh (Phù cát, Nghĩa bình) đã thanh toán xong nạn mù chữ nặng nề do Mỹ — ngụy để lại. Đến nay, cả ba ngành học ở Cát hanh đều phát triển, tạo ra lực lượng cán bộ, lao động có văn hóa.

Tất cả các tập thể, cá nhân anh hùng đều thực hiện đúng đắn và sáng tạo phương châm học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất. Từ năm 1958 đến nay, thầy, trò trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa bình đã kiên trì thể nghiệm phương thức vừa học vừa làm. Đó là một đóng góp lớn vào nền giáo dục xã hội chủ nghĩa của nước ta. Gần 7000 học sinh (chủ yếu là dân tộc thiểu số) sau khi ra trường đã trở thành những cán bộ tốt, chiến sĩ tốt, công dân tốt. Đến nay, hệ thống trường vừa học, vừa làm theo kiểu trường Hòa bình đã phát triển nhiều nơi trong nước. Trường phổ thông trung học vừa học vừa làm Tân lâm (Bình trị thiên) là mô hình mới làm tốt việc gắn đào tạo, sử dụng học sinh với nông trường. Trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm Đắc tô (Gia lai — Kon tum) đã thật sự trở thành trung tâm văn hóa, khoa học, kỹ thuật ở địa phương. Bộ môn đường ô tô và đường thành phố (trường đại học Xây dựng), bộ môn thiết bị điện (trường đại học Bách khoa, Hà nội), trường công nhân Bưu điện (Tổng cục bưu điện), giáo sư Hoàng Đình Cầu, thiếu tướng Đỗ Xuân Hợp, tiến sĩ Võ Tòng Xuân, kỹ sư Trần Tuấn Khanh, thầy giáo Lê Hồng Thúy v.v. là những tập thể, cá nhân trải qua nhiều năm vừa giảng dạy—học tập—nghiên cứu khoa học—lao động sản xuất, thu được nhiều kết quả và có những đóng

Digitized by Google

góp đáng kể trong việc cụ thể hóa mục tiêu, phương châm giáo dục của Đảng ở từng lĩnh vực. Có tập thể, cá nhân anh hùng đã thể nghiệm phương thức vừa học vừa làm đó từ trong suốt hai cuộc kháng chiến của dân tộc, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ dày dạn kinh nghiệm phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2—Đó là những biểu hiện sinh động của lòng yêu người, yêu nghề, « yêu người bao nhiêu, càng yêu nghề bấy nhiêu ».

« Nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang ». Vì « nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được ? » (2). Nhưng trong tình hình kinh tế—xã hội nước ta hiện nay, nghề dạy học chỉ với bảng đen phấn trắng đã không thu hút được nhiều người. Lâu nay, vào ngành sư phạm thường chỉ là những học sinh không giỏi hoặc là bất đắc dĩ. Trong xã hội và ngay cả trong những người làm thầy, vẫn còn nhiều quan niệm sai về nghề này. Nghề « trồng người » trước hết phải có những thầy giáo thật sự yêu người, yêu nghề. Có như vậy thì mới say mê tìm tòi những phương pháp giáo dục, đào tạo có hiệu quả nhất. Một khi đã thật sự say mê thì khó có gì có thể lay chuyển được. Chính vì vậy mà các tập thể, cá nhân anh hùng trên mặt trận này thường phải có vài chục năm trong nghề. Thời gian dủ để thử thách lòng chung thủy với cái nghề rất quan trọng, rất vẻ vang nhưng cũng rất vất vả này.

Những anh hùng giáo dục là những gương sáng như thế. Từ lòng yêu người, yêu nghề, cô giáo Phí Vân Khanh (trường mẫu giáo Chim non, quận Hai Bà Trưng, Hà nội) tìm ra nguyên lý học bằng chơi, chơi mà học và cô đã thật sự là người mẹ của các cháu mẫu giáo trong suốt 23 năm qua. Có lẽ vì thiếu tình cảm của người mẹ từ rất sớm mà cô giáo trẻ Trần Thị Ngọc Anh (nhà trẻ Hoa phượng 14 B, quận Bình thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) đã có tình thương bao la đối với các cháu. Tuy chưa làm mẹ nhưng cô hiểu được tình cảm, tâm lý trẻ thơ. Phải có lòng yêu thương trẻ, yêu nghề như thế nào cô mới mày mò tìm phương pháp dạy trẻ có hiệu quả và vượt mọi khó khăn, gian khổ, ở lại nhà trẻ cả ngày lẫn đêm hàng tuần để trông các cháu cai sữa. Cô thật xứng đáng là người mẹ hiền — cô giáo giỏi — thầy thuốc tốt. Nếu không hiểu thấu lòng yêu người, yêu nghề của thầy giáo Phạm Thế Bồng (giáo viên trường phổ thông trung học Hai Bà Trưng, Hà nội), thì sẽ không giải thích được tại sao sau một năm làm cán bộ quản lý giáo dục, anh đã khăng khăng xin được trở về đúng vị trí của mình là phòng thí nghiệm và bục giảng thân yêu. Mặc dù nếu làm cán bộ quản lý anh sẽ có nhiều thuận lợi hơn, cả về công tác lẫn đời sống. Cũng chẳng có ai thúc ép mà hơn 20 năm qua, 85% bài giảng của anh đều có thí nghiệm, ngay cả trong thời kỳ sơ tán. Đó chính là lương tâm nghề nghiệp, phẩm chất người thầy. Nhân dân xã vùng cao Pù nhi (Quan hóa, Thanh hóa) đã tự hào gọi thầy giáo Nguyễn Xuân Trạc là « người Pù nhi ta, người H'Mông ta » vì suốt 23 năm qua, anh đã cùng tập thể giáo viên đến mọi nhà, mọi bản, vận động nhân dân mở trường, dựng lớp, đi học. Anh đã góp phần đưa Pù nhi có 99% số dân mù chữ thành một xã có những biến đổi lớn lao cả về kinh tế, văn hóa. Từ một giáo viên dạy vỡ lòng, nhưng với tinh thần tất cả vì tương lai con em chúng ta, thầy giáo Nguyễn Đức Thìn (trường phổ thông cơ sở Đình bảng, Tiên sơn, Hà bắc) đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ, trở thành giáo viên cấp II. Anh

(2) Hồ Chí Minh : sách đã dẫn, tr. 59.

Digitized by Google

cũng là người đề xướng phong trào « làm nghìn việc tốt ». Với tinh thần cách mạng tiến công, tuy bị bệnh tật nhưng anh vẫn góp phần đưa việc ăn, ở, sinh hoạt của bệnh viện phong Quỳnh lập vào nền nếp và xây dựng « trường học tình thương » ở đây. Còn nếu như muốn sung sướng, muốn hưởng thụ đầy đủ ở nước ngoài, đối với tiến sĩ nông học Võ Tòng Xuân chắc không khó khăn gì. Nhưng chính vì tinh thần tự hào dân tộc, lòng yêu quý con người lao động và niềm say mê nghề nghiệp mà anh đã khước từ mọi sự mời mọc của nước này, nước khác, ở lại lăn lộn cùng bà con nông dân, cùng tập thể giáo viên, học sinh trường đại học Cần thơ làm ra những giống lúa mới, tìm những cách chống sâu bệnh, để hạt gạo bớt thấm giọt mồ hôi.

Còn rất nhiều những tấm gương tận tụy hy sinh cho sự nghiệp giáo dục. Rõ ràng, nếu không có những tập thể, cá nhân hết lòng yêu người, yêu nghề như thế thì cũng không có những đơn vị, cá nhân anh hùng trên mặt trận giáo dục hôm nay.

3 — Đó là những tập thể, cá nhân « dù khó khăn đến đâu » cũng vẫn « tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt ».

Lời dặn đó của Bác Hồ kính yêu trong bức thư cuối cùng gửi ngành giáo dục trước lúc đi xa đã được những người làm công tác giáo dục ghi nhớ, thực hiện. Đặc biệt các tập thể cá nhân, anh hùng đã quán triệt, thực hiện tốt nhất. Trong điều kiện kinh tế — xã hội của ta hiện nay, lĩnh vực nào, ngành nào cũng gặp rất nhiều khó khăn. Riêng lĩnh vực giáo dục lại càng khó khăn gấp bội vì cấp bách phải khắc phục tình trạng « chất lượng giáo dục giảm sút nghiêm trọng ». Nhà giáo (với ý nghĩa chân chính của nó), không hề có « kế hoạch 3 » để « cải thiện đời sống », cũng không thể « kiếm ăn » trên nghề nghiệp của mình. Ngược lại, nghề làm thầy vẫn chưa thật sự được xã hội coi trọng. Một biên chế hơn nửa triệu người, nhiều khi bị người này, người khác cho là gánh nặng của xã hội. Do vậy, người ta tùy tiện cắt giảm những tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm hoặc thay vào bằng thứ này, thứ khác gây khó khăn thêm cho đời sống người thầy. Tiền lương nhiều khi phát chậm. Thậm chí có lúc, có nơi nhà giáo bị coi thường, bị đối xử thô bạo... Không ít giáo viên bỏ nghề, rẽ tắt hoặc ngoài giờ lên lớp phải đi làm những việc không thích hợp với nhà giáo để bảo đảm cuộc sống. Ấy vậy mà mấy chục năm qua, nói chung, đội ngũ giáo viên vẫn vững vàng trên vị trí của mình. Còn những tập thể, cá nhân anh hùng thì xứng đáng là những tấm gương sáng, là những « nhà giáo tốt » theo đúng nghĩa cao quý của nó. Phải kể từ lúc những đứa trẻ mới chỉ biết lẫy, biết bò rồi tập múa, tập hát đến khi đọc được, viết được và trở thành một người lao động tốt, một công dân tốt, thì mới thấy hết công phu, khó khăn và vất vả của công việc « trồng người ».

Tập thể nhà trẻ Nhà máy dệt 8-3 (Hà nội) là điển hình xuất sắc về việc tổ chức nuôi dạy các cháu theo kiểu « mẹ đi cả con cũng đi cả », để trong mọi điều kiện đều phục vụ tốt nhu cầu sản xuất. Bên cạnh chợ Hàng da ồn ào, phức tạp, trong điều kiện đời sống có nhiều khó khăn, tập thể giáo viên, học sinh trường phổ thông cơ sở Thăng long đã phải vượt qua bao khó khăn gian khổ để có những kinh nghiệm quý báu trong việc giữ gìn truyền thống của nhà trường, xứng đáng là cái nôi của phong trào « vở sạch chữ đẹp », xứng đáng là tập thể giáo viên, học sinh giỏi toàn diện của thủ đô Hà nội. Để giữ vững là « trường nông » chứ không phải « nông trường » như Bác Hồ căn dặn, trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa bình đã trải qua bao bước thăng trầm

Digitized by Google

bảo đảm đời sống và học tập cho hơn 500 học sinh mỗi khóa. Nhiều bộ môn, nhiều trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề v.v. có những khó khăn về cơ sở vật chất, về điều kiện học tập, nghiên cứu khoa học... vẫn cố gắng sản xuất có hiệu quả, góp phần làm ra của cải vật chất, cải thiện đời sống của thầy và trò phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mỗi lĩnh vực giáo dục, đào tạo có cái khó riêng, nếu ỷ lại, chờ đợi, không có nghị lực, ý chí vươn lên thì không sao khắc phục được. Không thể so sánh cái khó của giáo sư tiến sĩ Võ Tòng Xuân với cái khó của cô giáo trẻ Trần Thị Ngọc Anh trong công tác giảng dạy. Cũng khó nói công việc của chị Hoàng Thị Loan, tổ trưởng nhà trẻ Phú thuận (nông trường Tây hiếu, Nghệ tĩnh) dễ hơn nhiệm vụ của đồng chí Trần Tuấn Khanh, phó chủ nhiệm đề tài 52 – 01 như thế nào. Cô giáo Hoàng Thị Thanh Mai (hiệu trưởng trường mẫu giáo Hồng lĩnh, Hưng hà, Thái bình) với hai bàn tay tàn tật, cháy xém vì bom na pan của giặc Pháp, nếu không có nghị lực vượt khó, yêu nghề thì làm sao có thể dạy múa, vẽ, tiêm thuốc, làm đồ chơi... cho các cháu mẫu giáo hơn 20 năm nay được? Đôi bàn tay tàn tật như thế quý biết bao nhiêu, đẹp hơn bao nhiêu những đôi bàn tay lành lặn đầy son phấn nhưng chuyên làm những điều bất chính. Khó khăn nào hơn, khổ sở nào bằng khi bị bệnh phong, tưởng rằng không bao giờ có thể trở lại bục giảng nữa, nhưng sau 4 năm ở bệnh viện phong Quỳnh lập, thầy giáo Nguyễn Đức Thìn không những chiến thắng bệnh tật mà còn đem lại niềm tin yêu cuộc sống cho bao người bệnh ở đây. Thầy giáo Nguyễn Xuân Trạc suốt 23 năm lăn lộn, gắn bó với bà con ở vùng núi cao Pù nhi, thầy Lê Hồng Thúy từ hai bàn tay trắng làm nên sự nghiệp giáo dục ở trường Trần Hưng Đạo v.v. đều là những tấm gương khắc phục mọi khó khăn để dạy tốt, học tốt. Những tập thể và cá nhân anh hùng trên mặt trận giáo dục thật sự là những nhân tố mới, lá đầu tàu trong phong trào thi đua thời gian qua, góp phần làm nên chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam.

BÀN THÊM VỀ CON NGƯỜI...

(Tiếp theo trang 84)

mà ta chẳng bao giờ thấy được, nếu không có sự am hiểu và sự xúc cảm về cái đẹp, không có sự say mê và sự hứng khởi. Cái đẹp là ánh sáng rực rỡ chiếu rọi vào thế giới; với ánh sáng đó, ta có thể phát hiện ra sự thật, lẽ phải và điều thiện (...), nhận thức được điều ác và đấu tranh chống lại nó » (5). *Sống đẹp*, trong quan hệ đối xử giữa người với người, *làm đẹp cho con người, cho cuộc đời*, đấy là những cái *mới* của con người mới. Tất cả chúng ta ít nhiều đều có những cái mới ấy, nhưng cần làm nhiều hơn nữa, vươn lên thành con người thẩm mỹ, con người sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, đấu tranh đẩy lùi và xóa bỏ những cái xấu, cái cũ lạc hậu trong con người và trong xã hội của chúng ta.

---

(5) V.A. Xu-khôm-lin-xki: *Giáo dục con người chân chính như thế nào?* Nxb Giáo dục. Hà nội. 1981. tr. 466.

Digitized by Google

PHẠM XUÂN NAM

NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ NÓNG HỔI TÍNH THỜI SỰ

CÔNG xã Pa-ri nổ ra ngày 18 tháng 3 năm 1871, đến nay đã được 115 năm. Trong suốt thời gian đó, giai cấp tư sản và các thế lực phản động trên thế giới tìm mọi cách xuyên tạc nhằm hạ thấp hoặc phủ nhận vai trò và ý nghĩa quốc tế to lớn của nó. Nhưng giai cấp công nhân và loài người tiến bộ hằng năm đều kỷ niệm sự kiện lịch sử trọng đại ấy với lòng tự hào và ngưỡng mộ sâu sắc.

★

Vào cuối những năm 60, đầu những năm 70 của thế kỷ trước, chủ nghĩa tư bản Pháp và thế giới đã ở vào điểm chót của thời kỳ tự do cạnh tranh và phát triển đi lên, để rồi chuyển sang thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, tức là thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền, ăn bám, thối nát và giãy chết. Trong hoàn cảnh ấy, đế chế II của Lu-i Bô-na-pác-tơ (hay Na-pô-lê-ông III)—thực chất là chính quyền độc tài quân sự phục vụ cho bọn chủ ngân hàng, bọn đầu cơ chứng khoán và bọn đại tư sản công nghiệp Pháp—đã thi hành những chính sách đối nội và đối ngoại ngày càng phản động. Trong nước, giai cấp công nhân và quần chúng nông dân bị áp bức bóc lột hết sức nặng nề. Tâm trạng bất mãn của họ đối với đế chế ngày càng tăng lên. Ngoài nước, tiếp sau những cuộc chiến tranh xâm lược ở Mê-hi-cô, Việt nam, Trung quốc..., giữa tháng 7 năm 1870, Na-pô-lê-ông III đã tuyên chiến với Phổ, lúc đó do Bít-xmác làm thủ tướng chính phủ. Na-pô-lê-ông III hy vọng nếu giành được thắng lợi trong chiến tranh, thì uy thế của y ở trong nước sẽ được củng cố, đồng thời Pháp sẽ chiếm thêm được những vùng đất giàu có ở miền Tây nước Đức.

Nhưng do lực lượng yếu và chỉ huy quá tồi, quân Pháp thua hết trận này đến trận khác. Đầu tháng 9, Na-pô-lê-ông III cùng với quân đội bị quân Phổ vây chặt ở Xơ-đăng đã kéo cờ trắng đầu hàng.

Nghe tin thảm bại đó, công nhân và lao động Pa-ri liền khởi nghĩa, đòi lập lại chế độ Cộng hòa. Nhưng vì trình độ giác ngộ và tổ chức còn non, họ đã để cho giai cấp tư sản giành lấy chính quyền từ tay đế chế II vừa sụp đổ. Chính phủ lâm thời do giai cấp tư sản lập ra tự gọi mình là chính phủ « quốc phòng ». Chẳng bao lâu nó đã lộ nguyên hình là một chính phủ phản quốc.

Vì sợ giai cấp công nhân cách mạng hơn là sợ kẻ thù của dân tộc, chính phủ « quốc phòng » đã ký với Phổ hiệp định đình chiến ngày 28-1-1871.

Digitized by Google

Tiếp đó, Quốc hội Pháp được bầu ra dưới lưỡi lê của quân Phổ lại phải chấp nhận những điều kiện nhục nhã: dâng cho Bít-xmác hai tỉnh An dát, Lo ren và 5 tỷ phơ răng bồi thường chiến tranh.

Sau khi giai cấp tư sản cầm quyền thực tế đã đầu hàng, 200 tiểu đoàn quân Vệ quốc ở Pa ri gồm phần lớn công nhân, thợ thủ công — những người tự nguyện góp tiền mua sắm vũ khí, đứng lên bảo vệ Tổ quốc — đã quyết định tiếp tục chiến đấu cho sự phục hưng nước Pháp. Họ không quản ăn đói, mặc rét và cũng không sợ hàng trăm khẩu đại bác Phổ đang chĩa thẳng vào thủ đô.

Đêm 17 rạng ngày 18 tháng 3 năm 1871, Chi-e — một tên tàn ác, tham lam và quỷ quyệt leo đến chức thủ tướng chính phủ Pháp lúc đó đã ra lệnh cho một đơn vị quân thường trực kéo lên gò Mông-mác-tơ-rơ hòng tước vũ khí của quân Vệ quốc, tức tước vũ khí trong tay giai cấp công nhân. Nhưng 300 000 quân Vệ quốc cùng với nhân dân lao động Pa-ri đã nổi dậy đập tan âm mưu đen tối đó của Chi-e. Cùng với quân đội của chúng, những kẻ tai to mặt lớn trong giới cầm quyền tư sản đã vội vã tháo chạy về Vec-xay.

Chiều 18-3, quân Vệ quốc chiếm được tất cả các cơ quan hành chính ở thủ đô Pa-ri, cờ đỏ tung bay trên nóc tòa thị chính và các công sở khác. Lần đầu tiên trong lịch sử, bộ máy thống trị của giai cấp tư sản bị lật đổ, chính quyền ở Pa-ri chuyển về tay Ủy ban trung ương quân Vệ quốc, do công nhân và thợ thủ công được vũ trang bầu ra.

Ngày 26-3, Hội đồng Công xã Pa-ri được chính thức thành lập, bao gồm những đại biểu của nhân dân lao động, trong đó công nhân giữ vai trò nòng cốt.

Chỉ trong một thời gian ngắn, Công xã đã có hàng loạt hành động thể hiện bản chất sáng tạo lịch sử của giai cấp công nhân. Công xã đã thủ tiêu bộ máy cảnh sát cũ; công nhân vũ trang tự đảm nhận việc giữ gìn trật tự trị an. Hội đồng Công xã đã ban bố nhiều sắc luật mới và tổ chức ra 10 Ủy ban để thi hành những sắc luật đó. Tất cả những người đảm đương các chức vụ hành chính, tư pháp, giáo dục... đều được lựa chọn qua tuyển cử và có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào nếu tỏ ra thiếu năng lực và phẩm chất. Công xã quyết định xóa bỏ các hình thức bóc lột tàn tệ đối với người lao động, ra sắc lệnh kiểm kê các xí nghiệp của chủ tư bản và giao cho công nhân quản lý dưới hình thức tổ chức hợp tác. Trong hoàn cảnh bị bao vây, Công xã dùng khinh khí cầu để chuyển tới nông dân các tỉnh lời kêu gọi: «Thắng lợi của chúng tôi là hy vọng duy nhất của các bạn». Công xã tự xem lá cờ của mình là «lá cờ của nền cộng hòa toàn thế giới» và đã thi hành một số biện pháp nhằm tỏ rõ đường lối hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc.

Toàn bộ hoạt động của Công xã chứng tỏ nó là *một Nhà nước kiểu mới của giai cấp công nhân, là kinh nghiệm đầu tiên về chuyên chính vô sản.*

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, Công xã Pa ri chỉ tồn tại được 72 ngày (từ 18-3 đến 28-5). Mặc dù vậy, khí phách anh hùng của các chiến sĩ Công xã — những người dám «xông lên đoạt trời», như C. Mác nhận xét — mãi mãi là một tấm gương sáng cho các thế hệ cách mạng sau này, và những bài học kinh nghiệm mà sự nghiệp quang vinh của họ để lại thì không ngừng được bổ sung, hoàn chỉnh và làm phong phú thêm cùng với sự phát triển của toàn bộ quá trình cách mạng thế giới.

★

Digitized by Google

Bài học kinh nghiệm đầu tiên mà Công xã Pa ri cống hiến cho quá trình cách mạng thế giới là bài học về *sự kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh cứu nước của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động chống kẻ thù dân tộc với cuộc đấu tranh giải phóng xã hội của giai cấp công nhân chống kẻ thù giai cấp.*

Khi cầm vũ khí đứng lên giành chính quyền trong thành phố đang bị bọn xâm lược Phổ bao vây, giai cấp vô sản Pa-ri đồng thời đảm đương hai nhiệm vụ trọng đại: đấu tranh giải phóng đất nước khỏi nạn ngoại xâm và tự giải phóng mình khỏi ách thống trị của bọn tư bản. Lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng thế giới, nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ giải phóng xã hội đã được tiến trình khách quan của các sự biến đặt lên vai giai cấp vô sản.

46 năm sau Công xã Pa ri, giữa lúc cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản bắt đầu nổ ra cùng với chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp vô sản Nga liên minh với quần chúng nông dân lao động và các dân tộc bị áp bức trong đế quốc Nga đã vùng lên tiến hành cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, chặt đứt khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc thế giới, đập tan một « nhà tù của các dân tộc » là đế quốc Nga mênh mông, lập ra Nhà nước công nông vững chắc đầu tiên trong lịch sử nhân loại trên một phần sáu diện tích nổi của hành tinh chúng ta. Chính sự kết hợp độc đáo cuộc đấu tranh tự giải phóng của giai cấp vô sản với sự vùng dậy đòi quyền dân tộc tự quyết của nhân dân các nước bị áp bức trong đế quốc Nga đã khiến cho cuộc tiến công của Cách mạng Tháng Mười có một sức mạnh chưa từng thấy.

Đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười và trong thế tiến công chung của ba dòng thác cách mạng phát triển ngày càng rộng khắp trên thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai, hàng loạt cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã giành được thắng lợi ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh. Ngày càng có nhiều nước trong số những nước dân tộc độc lập quyết định lựa chọn con đường của chủ nghĩa xã hội, đưa đất nước tiến lên hoàn thành triệt để sự nghiệp giải phóng dân tộc không những về chính trị mà cả về kinh tế, kết hợp giải phóng lực lượng cơ bản của mỗi dân tộc là quần chúng công nông. Đúng như Lê-nin dự đoán, từ trong bão táp của các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo đường lối của giai cấp công nhân, *chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ hiện ra ở tất cả các đầu đường của chủ nghĩa tư bản đương thời.* Như vậy, sự kết hợp làm một cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và đấu tranh giải phóng giai cấp mà các chiến sĩ Công xã Pa-ri khởi xướng cách đây hơn một thế kỷ, đến nay đã trở thành một trong những động lực mạnh mẽ của sự phát triển lịch sử. Và dưới sự thúc đẩy của động lực đó, một chân lý lớn của thời đại đã được chứng minh: *Độc lập dân tộc chân chính tất yếu phải đi tới và gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

Bài học thứ hai, đồng thời là bài học chủ yếu mà Công xã Pa-ri đã để lại cho quá trình cách mạng vô sản thế giới là bài học về việc *giai cấp vô sản và quần chúng lao động bị áp bức phải kiên quyết dùng bạo lực cách mạng đập tan bộ máy thống trị của kẻ thù, giành chính quyền về tay mình, thiết lập chuyên chính vô sản, tức Nhà nước kiểu mới của giai cấp công nhân để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa.*

Ngoài nhiệm vụ trấn áp mọi hành động phản kích và âm mưu ngóc đầu dậy của các thế lực phản động bên trong và bên ngoài, giữ vững chính quyền trong tay giai cấp công nhân,

Digitized by Google

Công xã Pa-ri đã thể hiện bản chất của nền chuyên chính vô sản ngay trong những quyết định đầu tiên của mình là xây dựng một xã hội mới, trong đó giai cấp công nhân và nhân dân lao động từ thân phận nô lệ làm thuê trở thành người làm chủ xã hội, mọi hình thức áp bức bóc lột đối với họ bị xóa bỏ. Công xã thật sự « là *một chính phủ của giai cấp công nhân*.. là hình thức chính trị rốt cuộc đã tìm ra được khiến cho có thể thực hiện được việc giải phóng lao động về mặt kinh tế » (1), như C. Mác đã chỉ ra.

Sự nghiệp mà Công xã Pa-ri mới bắt đầu thử nghiệm, về sau đã được Nhà nước xô viết, một hình thức sáng tạo mới của chuyên chính vô sản biến thành hiện thực hết sức sinh động và ngày càng nổi bật trong gần 70 năm qua tại Liên xô. Ngay trong những năm đầu dưới chính quyền xô viết, việc quốc hữu hóa ruộng đất, nhà máy, ngân hàng từ tay các giai cấp bóc lột đã tạo ra những tiền đề cần thiết để xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa và tổ chức nền kinh tế có kế hoạch. Tiếp đó, công cuộc công nghiệp hóa đất nước, tập thể hóa nông nghiệp, kết hợp với cách mạng văn hóa được thực hiện thắng lợi đã biến Liên xô thành một nước có công nghiệp hùng mạnh, nông nghiệp phát triển toàn diện, văn hóa khoa học tiên tiến và tạo ra bước ngoặt trong đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động. Không thỏa mãn và dừng lại ở đó, Liên xô, trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội 15 năm tới, còn dự kiến tăng gấp đôi tiềm lực kinh tế của đất nước đã được tạo ra trong 70 năm qua và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân lao động. Cùng với mức sống được nâng cao, sự phát triển toàn diện, tự do về thể lực, trí lực và nhân cách của người xô viết được bảo đảm.

Đóng vai trò quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển kỳ diệu ấy của đất nước xô viết là ĐCSLiên xô quang vinh — một đội tiên phong của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một đảng dày dạn kinh nghiệm đấu tranh cách mạng trong gần một thế kỷ nay, trong đó hơn 2/3 thế kỷ đã trở thành *Đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước*.

Vào thời điểm của Công xã Pa-ri, giai cấp công nhân chưa có đủ điều kiện để thành lập một chính đảng cách mạng thật sự. Hai tháng sau khi Công xã thất bại, Quốc tế thứ nhất, do Mác và Ăng ghen sáng lập và lãnh đạo, đã chỉ ra rằng giai cấp vô sản chỉ có thể giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh tự giải phóng bằng cách tổ chức ra một chính đảng độc lập của riêng mình.

Đầu thế kỷ 20, trong hoàn cảnh lịch sử mới, Lê-nin đã phát triển những tư tưởng đầu tiên của Mác và Ăng-ghen thành một lý luận hoàn chỉnh về việc xây dựng chính đảng vô sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân trong suốt quá trình cách mạng, kể cả trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền và trong giai đoạn giai cấp công nhân đã được « tổ chức thành giai cấp thống trị », như Mác và Ăng-ghen đã dự kiến từ khi viết Tuyên ngôn của Đảng cộng sản. Đó cũng là giai đoạn Đảng của giai cấp công nhân trở thành *hạt nhân lãnh đạo hệ thống chuyên chính vô sản, trở thành đảng cầm quyền*.

Trải qua một chặng đường dài đấu tranh, tôi luyện và trưởng thành với tư cách là một đảng lãnh đạo Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, cho đến nay, đứng trước những nhiệm vụ lịch sử trọng đại mới của *thời kỳ hoàn thiện chủ nghĩa xã hội* mà đất nước đang trải qua để tiến tới chủ nghĩa cộng sản, ĐCS Liên xô đã dày công nghiên cứu phân tích

(1) C. Mác-F. Ăng ghen: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, t. I, tr. 631.

Digitized by Google

toàn diện kinh nghiệm phát triển của cách mạng thế giới, công cuộc xây dựng xã hội mới ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, phép biện chứng của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, các lĩnh vực vật chất và tinh thần trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, các quy luật hình thành hình thái cộng sản chủ nghĩa giai đoạn cao, các con đường và biện pháp tiến dần lên giai đoạn đó. Chính trên cơ sở nhận thức một cách sâu sắc đặc điểm tình hình hiện nay của đất nước xô viết, phát hiện các mâu thuẫn khách quan của xã hội xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển, ĐCS Liên xô đã tìm ra những phương án có cơ sở khoa học để giải quyết chúng, với dự báo kinh tế – xã hội đáng tin cậy. Trong Cương lĩnh (bản mới) được thông qua tại Đại hội thứ 27, Đảng đề ra đường lối đẩy mạnh phát triển nền kinh tế của đất nước trên cơ sở tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến cơ cấu và cơ chế quản lý kinh tế, nâng cao năng suất lao động, đẩy nhanh việc giải quyết những vấn đề xã hội đã chín muồi, tiếp tục phát triển hệ thống chính trị của xã hội trên cơ sở hoàn thiện nền dân chủ xô viết với sự tham gia tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân.

ĐCS Liên xô hết sức coi trọng hoàn thiện mọi mặt hoạt động của bộ máy Nhà nước xô viết. Đảng chủ trương kiên quyết xóa bỏ những biểu hiện quan liêu, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, thiếu trung thực, lạm dụng quyền hành, hám danh và tệ bao che trong bộ máy Nhà nước; xử lý kịp thời những cán bộ không còn uy tín và không còn năng động. Đảng tích cực thúc đẩy việc nâng cao quyền lực của công tác kiểm tra nhân dân, coi hoạt động của quần chúng lao động trong các cơ quan kiểm tra nhân dân là một hình thức quan trọng để phát triển trình độ chính trị và ý thức làm chủ của nhân dân đối với việc bảo vệ những lợi ích công cộng. Đảng thường xuyên chăm lo củng cố cơ sở pháp lý của bộ máy Nhà nước và xã hội, giáo dục nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và luật pháp xã hội chủ nghĩa. Đảng yêu cầu các cơ quan Nhà nước làm tất cả những gì cần thiết để bảo vệ quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản cá nhân, danh dự và nhân phẩm của công dân; kiên quyết chống tội phạm, xử lý nghiêm minh bất kỳ hành vi phạm pháp nào, dù kẻ phạm pháp là ai và vì bất cứ nguyên nhân nào.

Trong điều kiện còn tồn tại nguy cơ chiến tranh do chủ nghĩa đế quốc gây ra, ĐCS Liên xô coi việc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, củng cố nền quốc phòng của đất nước và bảo đảm ăn ninh chung của cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới là một trong những chức năng quan trọng nhất của Nhà nước xô viết hiện nay.

Thực hiện đường lối đối ngoại lê nin nít của Đảng, trong khi thường xuyên mài sắc cảnh giác, sẵn sàng giáng trả những đòn sấm sét mọi hành động gây chiến và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, Nhà nước xô viết trong hơn 2/3 thế kỷ tồn tại và phát triển vừa qua đã không ngừng giương cao ngọn cờ hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc. Từ *Sắc lệnh số 1 về hòa bình* do Lê-nin khởi thảo và công bố ngay sau khi cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay xô viết ở Pê-tơ-rô-gơ-rát thắng lợi, cho đến *Chương trình tổng hợp nhằm giải trừ toàn bộ vũ khí hạt nhân và vũ khí hóa học trên trái đất* vào cuối thế kỷ này mà đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương ĐCS Liên xô đưa ra ngày 15 tháng giêng năm 1986 – đó là những biểu hiện sinh động và điển hình nhất về đường lối nhất quán yêu chuộng hòa bình của Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. Điều đó cũng chứng tỏ lý tưởng mà

Digitized by Google

các chiến sĩ Công xã Pa-ri hướng tới từ trên một thế kỷ trước đây : « một xã hội mới mà nguyên tắc quốc tế sẽ là *Hòa bình* » (2), ngày nay tiếp tục là mục tiêu hàng đầu của chủ nghĩa xã hội và những lực lượng tiến bộ quan trọng nhất của thời đại.

★

Là một bộ phận không thể tách rời của các trào lưu cách mạng thế giới, từ hơn nửa thế kỷ nay, dưới sự lãnh đạo của đội tiền phong mác xít — lê nin nít của giai cấp công nhân Việt nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, Cách mạng Việt nam đã không ngừng phát triển thắng lợi trong ánh sáng bình minh của thời đại mới, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, mà « Người tiên khu » của nó chính là Công xã Pa-ri năm 1871.

Cách mạng Việt nam đã kế thừa và phát triển một cách sáng tạo trong hoàn cảnh cụ thể của mình những bài học quý báu của Công xã Pa-ri và của Cách mạng Tháng Mười về việc kết hợp chặt chẽ sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Từ đó đề ra đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành lấy và giữ vững chính quyền của nhân dân, nắm vững và không ngừng tăng cường nền chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng tiền phong, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, thi hành đường lối đối ngoại đúng đắn góp phần xứng đáng vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của toàn thể loài người.

Nếu lịch sử, như người ta thường nói, là người thầy tốt của cuộc sống hiện tại, thì việc ôn lại những bài học lịch sử của Công xã Pa-ri và của quá trình cách mạng trên thế giới hơn một thế kỷ qua sẽ giúp chúng ta có thêm nghị lực, kinh nghiệm và niềm tin để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt nam, khiến cho lý tưởng ngời sáng của các chiến sĩ Công xã Pa-ri và các bậc tiền bối cách mạng khác tiếp tục sống mãi cùng với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta cũng như của nhân dân thế giới.

(2) C. Mác — F. Ăng-ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1970, t. I, tr. 591.

Digitized by Google

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG CÔNG XÃ PA-RI

LỊCH sử Công xã Pa-ri là lịch sử anh hùng của những con người « xông lên đoạt trời ». Công xã là ngày hội của quần chúng. Nó tiêu diệt bất công, áp bức. Nó làm trỗi dậy những truyền thống cao đẹp của loài người tự do. Nó biến những ước mơ của con người thành hiện thực. Song, bọn phản động Vec-xay đã dìm Công xã Pa-ri trong biển máu. Mặc dù vậy, Công xã Pa-ri vẫn sống mãi trong lòng giai cấp công nhân và loài người tiến bộ. Lịch sử vẫn ghi đậm nét những tên tuổi bất diệt, những mẫu người phụ nữ tuyệt vời như những phụ nữ « thời cổ đại » (1).

Thái độ của người phụ nữ trước sự hèn nhát và phản bội của nền đế chế II.

Phản đối nền thống trị của Đế chế II, ngày 3 tháng 9 năm 1870 phụ nữ Pa-ri đã hòa trong đoàn người kéo qua đại lộ Mông-mác-tơ-rơ đến quảng trường hô vang khẩu hiệu: « Đánh đổ Đế chế », « Phế truất Na-pô-lê-ông », « Nước Pháp muôn năm », « Cộng hòa muôn năm ». Những người phụ nữ lao động Pa-ri bao nhiêu năm bị chà đạp, đã vùng lên, hăng hái theo chồng, theo con đấu tranh cách mạng, bất chấp cảnh sát, súng ống, chống lại sự thống trị của nền Đế chế bạo tàn. Các bà, các chị đã mặc những bộ áo quần đẹp nhất tràn xuống các phố phường, công viên, quảng trường. Họ đã tiến hành một cuộc biểu dương lực lượng quần chúng hòa bình. Trước sức mạnh của ngày 4 tháng 9 năm 1870 lịch sử ấy, vua và hoàng hậu đã bỏ trốn. Nhưng sau đó thành quả của cách mạng bị rơi vào tay tư sản. Những người phụ nữ đã cùng toàn thể nhân dân Pa-ri kiên quyết không lùi bước. Từ ngày 4 tháng 9, một cuộc giao tranh quyết liệt nổ ra, một bên là nhân dân lao động Pa-ri kiên quyết giữ lấy cuộc sống tự do của mình và một bên là bọn tư sản phản bội, muốn duy trì ách thống trị của chúng. Trước sự xâm lăng của quân Phổ và sự nổi dậy của nhân dân, bọn tư sản đã không ngần ngại chọn con đường bán nước, câu kết với bọn phản động Phổ nhằm dập tắt cách mạng. Khi bọn chúng ký « hòa ước » với nhau, cả Pa-ri lao động đã sục sôi căm phẫn. Khi quân Phổ kéo vào Pa-ri, cùng với mọi người, phụ nữ Pa-ri đã hô vang: « Cứu lấy súng ống của chúng ta » Tất cả đã cùng nhau kéo vào các kho vũ khí để cùng với quân Vệ quốc khuân vác súng đạn và kéo đại bác về trung tâm Pa-ri cất giữ. Khi được tin quân Phổ định kéo vào Pa-ri, các bà các chị cùng 10 vạn quân Vệ quốc đổ xuống Giăng Đơ Ác-mê để chiến đấu

Người phụ nữ trong « 72 ngày Công xã ».

Tham gia công tác chính trị, xã hội

Từ mờ sáng ngày 18 Tháng 3-1871, khi nghe tiếng chuông báo động của quân

(1) Theo ý của Các Mác.

Digitized by Google

Vệ quốc, phụ nữ Pa-ri đã vây chặt và trèo lên nòng đại bác giữ lại, quyết không cho quân lính của chính phủ kéo đi. Phụ nữ Pa-ri là những người đánh thức chồng con khi kẻ thù định cướp súng. Đồng thời, chính họ đã kêu gọi và ngăn chặn quân lính chính phủ không được bắn giết bà con.

Sáng ngày 18 Tháng Ba, Pa-ri được thức tỉnh bởi tiếng reo hò vang dậy «Công xã muôn năm». Đó là ngày khai sinh một thế giới mới. Người phụ nữ Pa-ri đã góp phần xứng đáng làm nên ngày lịch sử ấy.

Từ ngày 18 Tháng Ba, các câu lạc bộ đã hoạt động mạnh mẽ với nhịp tiến không ngừng của cuộc cách mạng. Các bà nội trợ cũng tham gia các nhóm tuyên truyền. Rất nhiều những con người phụ nữ anh hùng của Công xã được tôi luyện từ các câu lạc bộ. Ngoài những cô gái như Lu-i-dơ Mi-sen, những nhà hùng biện, ta còn thấy cả những cô thợ khâu Giuy-li Bu-rô, cô thợ giặt Vích-to-rin Goay-ê, cô thợ mũ Blăng-sơ Lơ-phe-vrơ... tất cả đều đã trở thành những người chiến sĩ dũng cảm của Công xã Pa-ri anh hùng. Mac-xen Ti-ñai-rơ được cử làm thanh tra các trường của thành phố. Phụ nữ Pa-ri đã «tham gia các công xã khu phố, giúp vào việc trưng dụng những nhà ở và những xưởng bỏ không, tổ chức lạc quyên, nhận những đơn xin cứu tế, phân phối tiền bạc, điều tra tình hình tư tưởng của phụ nữ» (2). Biết bao tấm gương sáng chói, biết bao tài năng xuất hiện, nảy nở trên lĩnh vực chính trị và xã hội trong những ngày Công xã quang vinh.

Tổ chức đời sống.

Với sự ra đời của Công xã, phụ nữ Pa-ri đã góp nhiều công sức vào việc tổ chức đời sống nhân dân. Họ thường gửi đến Hội đồng Công xã những ý kiến thỉnh nguyện, những kiến nghị chính đáng. Họ đã quan tâm đến những trẻ nhỏ không có người trông coi trong giờ làm việc. Họ đề nghị tổ chức các vườn trẻ ở các khu phố. Họ còn chú ý đến việc giáo dục nghề nghiệp. Nữ công nhân Ma-ni-e-rơ gửi tới Hội đồng Công xã một kế hoạch nhằm thay những người tu hành trong việc giáo dục. Phụ nữ khu Mông-mác-tơ-rơ phản đối sự có mặt của những nữ tu hành làm ở các bệnh viện và các nhà giam «bởi vì chúng ta có đủ các bà mẹ trung thành và dũng cảm để làm tốt hơn những công việc đó» (3). Người phụ nữ đã đòi tự do kết hôn, không chịu sự kìm hãm của thị trưởng và nhà thờ. Đến khi «bọn thầy tu ấy lợi dụng tình trạng đói rét của Pa-ri, dưới chiêu bài đi quyên và phân phát áo quần và bánh mì cho trẻ em, tuyên truyền phản cách mạng» (4) thì lập tức, người phụ nữ Pa-ri không cho bọn gián điệp đội lốt thầy tu «làm việc phúc». Người phụ nữ nhận gánh vác tất cả. Họ dõng dạc tuyên bố «chúng tôi có đầy đủ khả năng làm những việc ấy» (5). Người phụ nữ Pa-ri đã gắn bó mật thiết với đời sống của khu phố, họ rất nhạy bén trong tổ chức đời sống.

Những ngày Công xã Pa-ri mới ra đời là những ngày vô cùng khó khăn và thiếu thốn. Nhờ có bàn tay, tấm lòng của các bà, các chị, mà cuộc sống lúc nào cũng lành mạnh, vui tươi. Họ đã làm hết sức mình để tổ chức một cuộc sống yên ấm cho chồng, con yên tâm cầm súng bảo vệ thành quả cách mạng.

---

(2) Dẫn theo Hoàng Vĩ Nam: Công xã Pa-ri. Nxb Khoa học. Hà nội. 1966 tr. 102.

(3) Dẫn theo Hoàng Vĩ Nam: Sách đã dẫn. tr. 100.

(4) Dẫn theo Đỗ Đức Hiểu: *Văn học Công xã Pa-ri*. Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp. Hà nội. 1978. tr. 79 — 80.

(5) Dẫn theo Đỗ Đức Hiểu: Sách đã dẫn. tr. 80.

Digitized by Google

Chiến đấu bảo vệ Công xã:

Công xã ra đời, bọn phản động Véc-xay điên cuồng tìm cách chống phá. Chúng tìm cách ly gián để làm yếu lực lượng cách mạng. Ngày 3 tháng 4, bọn thỏa hiệp cho gián áp phích kêu gọi phụ nữ đi Véc-xay thương lượng. « Đáp lại lời kêu gọi này » lập tức ngày hôm sau một đoàn phụ nữ đã kéo đến trước tòa thị chính báo cho bọn chúng biết rằng sẽ có 10 nghìn nữ công nhân Pa-ri đi Véc-xay. Họ sẽ đi Véc-xay để đòi chính phủ không được bắn phá vào thành phố Pa-ri yêu dấu của họ. Nhưng những trái bom của chính phủ đã đàn áp họ trước khi họ tới Véc-xay. Họ không lập đoàn đi Véc-xay nữa, mà sát cánh cùng nam giới diệt thù.

« Hội liên hiệp phụ nữ bảo vệ Pa-ri và cứu thương » được thành lập, đã trợ lực cho các ủy ban Công xã. Vì Công xã thân yêu, nhiều phụ nữ đã quên mình. Bị đày trên đảo Nu-ven Ca-lê-đô-ni, Lu-i-dơ Mi-sen đã giác ngộ cho bạn tù và nhân dân địa phương. Bà đã viết sách, viết báo, tuyên truyền cách mạng. Bị giam ở nhà lao, Lu-i-dơ Mi-sen đã làm thơ tố cáo bọn giết người, kêu gọi nhân dân vùng lên chiến đấu. Thơ của bà đã thức tỉnh những ai « vẫn cúi đầu tê tái » dưới ách chủ nghĩa tư bản. Nó giục giã mọi người vững vàng ý chí tiếp tục đấu tranh. Phụ nữ tham gia đón tiếp và gắn huy hiệu cho những người quyên góp tiền đúc súng. Nhiều phụ nữ Pa-ri vừa là nghệ sĩ, vừa là cứu thương. Chị A-ga phụ trách một trạm y tế. Chị là một danh ca, một chiến sĩ cách mạng kiên cường, đồng thời cũng là một người tận tình chăm sóc thương binh. Một mình nữ nghệ sĩ Béc-na đảm đương một bệnh xá gần 30 giường bệnh. Nhiều phụ nữ chồng bị hy sinh đã nén đau thương, thay chồng khoác súng ra mặt trận. Họ đã chiến đấu dũng cảm trên quảng trường Trắng hoặc ngoan cường bảo vệ các chiến lũy. Có những bà, những chị phụ trách các trạm y tế lưu động. Nhiều nữ cứu thương đã cứu sống biết bao thương binh ngay trong khói lửa. Biết bao phụ nữ là chiến sĩ vô danh của Công xã.

★

Những đóng góp của người phụ nữ trong Công xã Pa-ri thật là đa dạng, « chẳng những họ tổ chức các bệnh viện quân y, mua dầu hỏa, khâu các bao bì để đựng lũy chướng ngại... mà lại còn trực tiếp chiến đấu bảo vệ quảng trường Trắng trong Tuần lễ đẫm máu. Chẳng những hoạt động về mặt quân sự mà phụ nữ còn tham gia quản lý Nhà nước và đấu tranh chính trị » (6). Do vậy Mác đã từng khen « Lịch sử chưa có một tấm gương anh dũng nào lớn như vậy ».

Ngày nay, qua những âm thanh hùng tráng của bài « Quốc tế ca » ra đời trong bão táp cách mạng Công xã Pa-ri, ta như thấy sống lại những anh hùng của Công xã Pa-ri bất tử, trong đó có những người phụ nữ. Những con người đó sẽ sống mãi với lịch sử. Họ như đang nhắc nhở các lớp phụ nữ sau này: hãy giữ vững vai trò lịch sử của mình. Và cũng nhắn nhủ nhân loại rằng: « Nói phụ nữ là nói phần nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người » (7)

(6) Dẫn theo Hoàng Vĩ Nam: sách đã dẫn. tr. 103.

(7) Hồ Chủ tịch với vấn đề phụ nữ, Nxb. Phụ nữ, Hà nội. 1960, tr. 15.

Digitized by Google

XUÂN OANH

SÁNG KIẾN VÌ TƯƠNG LAI CỦA LOÀI NGƯỜI

TẤT cả những ai đang đấu tranh cho một tương lai hòa bình hạnh phúc của loài người đều sẽ mãi mãi biết ơn Liên xô về những việc làm cao cả đối với vận mệnh các dân tộc, nhất là về những sáng kiến trong chương trình hòa bình mà đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, thay mặt Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên xô công bố ngày 15 tháng 1-1986. Chương trình đó nhằm từ nay đến năm 2000 vĩnh viễn loại trừ sự đe dọa của vũ khí hạt nhân và các vũ khí hủy diệt khác đối với sự tồn tại của mọi người, mọi sinh vật, mọi của cải vật chất trên hành tinh, nghĩa là tất cả những gì nền văn minh nhân loại đã tạo ra được từ nhiều thế kỷ nay.

Nội dung chương trình đó được cụ thể hóa bằng những đề nghị về việc cần làm của Liên xô, Mỹ và các nước hữu quan trong từng giai đoạn từ nay đến năm 1999, có thể tóm tắt như sau:

Giai đoạn một: Trong vòng từ 5 đến 8 năm, Liên xô và Mỹ sẽ giảm một nửa các vũ khí hạt nhân có thể bắn tới lãnh thổ của nhau, chỉ giữ lại không quá 6000 đầu đạn cho các tên lửa còn lại. Việc giảm bớt này được thực hiện trong điều kiện hai bên cùng từ bỏ việc chế tạo, thử nghiệm và triển khai các vũ khí vũ trụ tiến công. Cũng trong giai đoạn này, Liên xô và Mỹ cần đạt tới và thực hiện quyết định về loại trừ hoàn toàn các tên lửa tầm trung bình của mỗi bên ở khu vực châu Âu — bước đầu tiên trên con đường giải thoát châu Âu khỏi vũ khí hạt nhân. Liên xô và Mỹ cùng thỏa thuận về việc chấm dứt mọi vụ nổ hạt nhân.

Giai đoạn hai: được bắt đầu chậm nhất vào năm 1990 và kéo dài từ 5 đến 7 năm. Các nước khác có vũ khí hạt nhân tham gia giải trừ vũ khí hạt nhân, bắt đầu bằng việc cam kết giữ nguyên số vũ khí hạt nhân của mình và không đặt vũ khí đó trên lãnh thổ nước khác. Sau khi Liên xô và Mỹ hoàn thành việc giảm 50% vũ khí hạt nhân tương ứng của mình, tất cả các nước có vũ khí hạt nhân đều loại trừ vũ khí hạt nhân chiến thuật. Các thỏa thuận Xô — Mỹ về cấm các vũ khí vũ trụ tiến công trở thành thỏa thuận nhiều bên và tất cả các nước có vũ khí hạt nhân sẽ chấm dứt các vụ thử vũ khí hạt nhân.

Giai đoạn ba: được bắt đầu chậm nhất từ năm 1995. Trong giai đoạn này sẽ hoàn thành việc loại trừ tất cả các vũ khí hạt nhân còn lại. Đến cuối năm 1999, trên quả đất sẽ không còn vũ khí hạt nhân, và một thỏa thuận chung sẽ được ký kết nhằm bảo đảm để không bao giờ thứ vũ khí đó xuất hiện lại.

Chương trình giải trừ vũ khí hạt nhân do Liên xô đưa ra trên đây đã xác định quá trình và những định hướng rõ rệt, đặt ra những thời hạn cụ thể để đạt tới những thỏa thuận đó. Qua đề nghị đầy thiện chí của Liên xô, mọi người có lương tri trên

Digitized by Google

thế giới thấy rõ rằng Liên xô mong muốn năm 1986 không chỉ là năm hòa bình mà còn là năm tạo điều kiện để loài người đón chào năm 2000 dưới bầu trời hòa bình, trong vũ trụ hòa bình; loài người không còn nỗi lo sợ về nguy cơ chiến tranh hạt nhân chiến tranh hóa học hay bất kỳ một dạng chiến tranh hủy diệt nào khác, *càng tin tưởng vững chắc vào sự tồn tại và tiếp tục phát triển của mình.*

Đó là sáng kiến đưa các dân tộc tới một thế giới không có vũ khí, không có chiến tranh, như Lê-nin đã đề cập trước đây hơn nửa thế kỷ. Sáng kiến đó khẳng định với mọi người trên trái đất, không kể họ sống dưới chế độ chính trị xã hội nào, rằng chủ nghĩa xã hội mà Liên xô là tiêu biểu đang giải đáp câu hỏi lịch sử mà nhân vật Hăm-lét của Sếch-xpia đã từng trăn trở: « Tồn tại hay không tồn tại? ».

Các dân tộc và cả loài người nhất định phải tồn tại, tất nhiên với điều kiện không phải chỉ ngồi chờ đợi hay bàng quan mà phải hành động và đấu tranh. *Còn các thế lực đế quốc hiếu chiến thì dù tính toán và giãy giụa cách nào cũng khó cứu vãn nổi số phận của chúng,* bởi vì những âm mưu và hành động của chúng hoàn toàn đi ngược lại nguyện vọng các dân tộc, bị lịch sử lên án nghiêm khắc. Sớm muộn chúng cũng phải lùi vào quá khứ.

★

Những thành tựu của khoa học kỹ thuật, trong khi hứa hẹn đem lại cho nhân dân các nước vô vàn điều tốt đẹp, thì lại đang bị chủ nghĩa đế quốc lợi dụng để chế tạo những vũ khí hủy diệt loài người. Riêng một sự thật đó thôi cũng đủ nói lên giữa hai hệ thống thế giới ngày nay, ở đâu có chủ nghĩa nhân đạo.

Điều không ai có thể phủ nhận là chủ nghĩa xã hội, do bản chất của nó, không nhằm thực hiện mục đích nào khác là mong muốn đem lại bình đẳng và hạnh phúc cho con người bất kể con người đó thuộc dân tộc, chủng tộc hay chế độ xã hội nào. Cho nên trong mọi giai đoạn lịch sử, mỗi chủ trương xuất phát từ chủ nghĩa xã hội đều tự nó mang tính chất hòa bình, nhân đạo. Vả lại, cũng sẽ không thể hiểu được ý nghĩa của nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình giữa các chế độ xã hội khác nhau, nhất là trong điều kiện thế giới hiện nay, nếu không thấy hết tính nhân đạo chứa đựng trong lòng chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề đặt ra cho nhân dân các nước hiện nay là: cùng sống trong hòa bình hay cùng chết trong cuộc chiến tranh không có kẻ thắng. Ở đây cố nhiên chúng ta nói chiến tranh hạt nhân, một loại chiến tranh khác hẳn mọi cuộc chiến tranh đã diễn ra trong lịch sử loài người. Đã có hai cách giải đáp cho câu hỏi trên đây. Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, cùng các thế lực phản động hiếu chiến khác, lấy thống trị và bá quyền làm cơ sở và chiến tranh làm mục đích, dù biết rằng chiến tranh hạt nhân sẽ tiêu diệt cả chính bản thân mình, vẫn không từ bỏ tham vọng đạt tới một ưu thế quân sự nào đó để đánh đòn bất ngờ hòng giành thắng lợi. Chủ nghĩa xã hội thế giới mà Liên xô là tiêu biểu, cùng các lực lượng tiến bộ và cách mạng, và tất cả các dân tộc trên hành tinh này chỉ muốn sống và lao động trong hòa bình. Chúng ta cho rằng chiến tranh, kể cả chiến tranh hạt nhân, không phải là định mệnh, cũng không hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn và tham vọng của bọn đế quốc, nhất định có thể bị ngăn chặn và loại trừ khỏi đời sống của loài người, khi mà các dân tộc nhận thức được sức mạnh của chính mình trong cuộc đấu tranh có tính quyết định này. Cùng sống trong hòa bình

Digitized by Google

không chỉ là nhu cầu thực tế mà còn là mệnh lệnh của thời đại, bây giờ và mai sau, đối với các thế hệ.

Do ý nghĩa vĩ đại và tính chất tiêu biểu thật sự cho nguyện vọng và ý chí của các dân tộc, sáng kiến hòa bình do đồng chí Goóc-ba-trốp nêu lên lập tức được nhân dân các nước coi như tiếng nói chung của mọi quốc gia, mọi con người tha thiết với hòa bình và tiến bộ. Nhân dân thế giới hiểu rất rõ rằng sẽ không có ai phải chịu thiệt mà tất cả sẽ được lợi nếu sáng kiến đó được thực hiện; và sáng kiến càng sớm được thực hiện, cuộc sống trên hành tinh chúng ta càng trở nên an toàn hơn. Vì vậy, sáng kiến đó đã trở thành sáng kiến của toàn thể loài người đang sắp bước vào thiên niên kỷ thứ ba với những ước mơ cao đẹp.

Một câu hỏi đương nhiên được đặt ra: một chương trình nhằm từ nay đến cuối thế kỷ loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân trên khắp quả đất như thế liệu có thực hiện được không và nó có những cơ sở thực tế nào để thực hiện?

Khỏi cần dẫn chứng thêm để thuyết minh rằng chủ nghĩa xã hội từ khi ra đời và bằng hành động đã làm cho mọi người hiểu thế nào là lạc quan và tin tưởng. Sức mạnh vật chất và tinh thần mà chủ nghĩa xã hội tạo ra được trong thời gian lịch sử tương đối ngắn đã đủ để chứng minh rằng bất cứ một chương trình, kế hoạch nào, một khi đã vì cuộc sống và tương lai của con người thì sự thành công của nó là chắc chắn và không thế lực nào cưỡng lại được. Trong ngót bảy thập niên kỷ vừa qua đã có vô vàn những trở ngại do các thế lực thù địch gây ra cho chủ nghĩa xã hội, ở Liên xô cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, kể cả những cuộc chiến tranh can thiệp và xâm lược, nhưng kết quả là những lực lượng đại biểu cho tương lai chẳng những không bị đẩy lùi và thu hẹp, mà trái lại, càng mạnh lên, càng phát triển.

Thế cân bằng quân sự chiến lược hiện nay trên toàn cầu và sức mạnh quốc phòng trong đó có vũ khí hạt nhân của Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa đủ khiến cho chủ nghĩa đế quốc phải cân nhắc để không liều lĩnh gây ra một cuộc xung đột có tính chất mất còn giữa hai hệ thống thế giới; đồng thời nhân dân các nước cũng hiểu rõ rằng trừ phi mất trí mà chọn lấy ngày tận thế, còn không có con đường nào khác là loại trừ các vũ khí hủy diệt. Con đường đó đòi hỏi chấm dứt ngay cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân hiện nay, chặn đứng ngay những kế hoạch điên rồ nhằm giành ưu thế quân sự, trước mắt là kế hoạch quân sự hóa vũ trụ, tiến tới thực hiện giải trừ quân bị để loài người được chung hưởng hòa bình trong đó mỗi dân tộc có điều kiện phát huy hết những phẩm tốt đẹp của mình.

Từ nay đến cuối thế kỷ chỉ vẻn vẹn còn 15 năm thôi. Nhưng giá trị của chương trình do Liên xô đưa ra có bề dày của lịch sử từ khi chủ nghĩa xã hội ra đời và cả chiều dài vĩnh viễn với tư cách một sáng kiến liên quan đến vận mệnh của tất cả các dân tộc trên hành tinh. Các dân tộc đã chọn lựa sự tồn tại và bác bỏ định mệnh, bác bỏ những tham vọng điên cuồng của đế quốc và các thế lực phản động hiếu chiến.

Đương nhiên chạy đua vũ trang vốn là mục đích và lẽ sống, là nguồn lợi nhuận lớn nhất của chủ nghĩa tư bản và đế quốc. Bất chấp những hậu quả của chạy đua vũ trang đối với các dân tộc như thế nào, chủ nghĩa đế quốc khó lòng từ bỏ chạy đua vũ trang. Do vậy mà đế quốc Mỹ đang cố bám lấy cái gọi là «chiến tranh các vì sao», gọi tắt là SDI, với hy vọng rằng SDI không những sẽ đem lại cho các công ty tư bản độc quyền Mỹ những món lãi kếch sù chưa từng

Digitized by Google

có mà còn hứa hẹn khả năng giúp Mỹ giành ưu thế quân sự để thực hiện bá quyền.

Như đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp đã từng nhận định, « xét về quan niệm kỹ thuật, kinh tế và chính trị, việc làm trên đây của Mỹ là ảo tưởng ». Thời nào và ở đâu cũng vậy, ảo tưởng là từ tham vọng mà ra. Chủ nghĩa đế quốc vốn mang nhiều tham vọng cho nên có nhiều ảo tưởng. Ngay từ khi kế hoạch SDI được công bố, nhiều nhà khoa học và chuyên gia quân sự có thẩm quyền đã chứng minh rằng kế hoạch đó là viển vông, chỉ tốn kém mà không thể thực hiện được, mặt khác lại rất nguy hiểm vì nó đưa chiến tranh hạt nhân đến gần thêm một bước. Thế nhưng chính quyền Mỹ và một vài nước đồng minh, vì những mục tiêu ích kỷ vụ lợi, vẫn khăng khăng theo đuổi việc quân sự hóa vũ trụ. Điều kỳ quặc là phía Mỹ thường rêu rao chương trình SDI nhằm « thủ tiêu sự đe dọa của vũ khí hạt nhân! ». Lập luận xảo trá, lộn sòng trắng đen đó của Mỹ không lừa bịp được ai. Mọi người thấy rất rõ rằng nếu Mỹ có thiện chí thì chỉ cứ việc đơn giản là loại bỏ ngay vũ khí hạt nhân trên mặt đất, có cần gì phải lên vũ trụ mới bỏ được vũ khí hạt nhân ở mặt đất. Mọi người hiểu rằng trừ bỏ việc quân sự hóa vũ trụ, tức là giảm bớt vũ khí hạt nhân theo chiều sâu; không chịu ngừng việc quân sự hóa vũ trụ có nghĩa là không muốn chấm dứt chạy đua vũ trang trên quả đất. Mọi người cũng hiểu rằng mọi « lá chắn vũ trụ » đều rất dễ dàng biến thành « thanh kiếm vũ trụ », và kẻ nào nắm nó trong tay thì có thể không cưỡng nổi sự cám dỗ đưa nó vào hoạt động. Bởi vậy loài người đã và đang tiếp tục, bằng lời nói và việc làm, kiên quyết phản đối SDI. Hơn nữa, đã có thuốc độc tất có thuốc giải độc. *Cả chương trình SDI, tất có chương trình loại bỏ SDI và loại bỏ luôn cả cơ sở để thực hiện SDI, mà cơ sở đó là vũ khí hạt nhân.* Chương trình hủy bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân trước năm 2000 do Liên xô đưa ra đang thu hút sự chú ý và đồng tình của hàng tỷ người và đang tạo ra một sức mạnh có thể chặn đứng mọi ảo tưởng ngông cuồng của đế quốc Mỹ.

Trong chính trị cũng như trong khoa học, đã có tác động thì có phản ứng. Càng có mưu đồ gây chiến tranh thì càng tạo ra lực lượng chống chiến tranh; sức đe dọa của chiến tranh càng lớn thì lực lượng ngăn chặn chiến tranh càng phát triển mạnh. Điều đó giải thích tại sao trên thế giới hiện nay bên cạnh Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa với sức mạnh tổng hợp và sức mạnh quốc phòng hùng hậu của mình đang đảm đương sứ mệnh duy trì hòa bình, còn có cả một phong trào rộng lớn, mạnh mẽ bao gồm hàng tỷ người của các dân tộc quyết tâm đấu tranh cho hòa bình.

Từ những thực tế hùng hồn nói trên, chúng ta tin rằng *chương trình vĩ đại do đồng chí Goóc-ba-trốp nêu lên nhằm loại trừ vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt khác ngay trong thế kỷ này là điều có thể thực hiện được.*

★

Với truyền thống thiết tha yêu chuộng hòa bình, với sự hiểu biết sâu sắc những đau khổ, mất mát do chiến tranh đem lại, nhân dân ta nhiệt liệt hoan nghênh và hoàn toàn ủng hộ chương trình hòa bình của Liên xô, coi đó là một cống hiến to lớn của Liên xô đối với sự nghiệp hòa bình, an ninh của các dân tộc.

Cùng với loài người tiến bộ trên thế giới, chúng ta đòi Mỹ và các nước

(Xem tiếp trang 106)

Digitized by Google

HỒ BẤT KHUẤT

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐẢNG – HIỆU QUẢ KINH TẾ

ĐẢNG nhân dân cách mạng Mông cổ, thành lập ngày 1 tháng 3-1921 đến nay tròn 65 tuổi. Trong 65 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân Mông cổ tiến hành đấu tranh cách mạng chống phong kiến và chống đế quốc thắng lợi, thành lập nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ, thực hiện một bước nhảy vọt quan trọng trong lịch sử dân tộc Mông cổ: chuyển từ chế độ phong kiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, ĐNDCM Mông cổ đã hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ to lớn: giành chính quyền về tay nhân dân, thủ tiêu chế độ phong kiến, củng cố chế độ mới, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, biến Mông cổ từ một nước thuộc hàng lạc hậu nhất thế giới với nền kinh tế du mục, thành một nước nông – công nghiệp đang trên đường phát triển. Ngày nay nhân dân Mông cổ đang ra sức lao động để hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, làm cho nước nhà trở thành một nước công – nông nghiệp, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của mình, đưa Mông cổ lên ngang hàng với các nước xã hội chủ nghĩa phát triển ở Đông Âu. Để đạt được mục tiêu đó, ĐNDCM Mông cổ chú ý giải quyết nhiều vấn đề, mà một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu là *nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng công tác trong nền kinh tế quốc dân*. Đại hội thứ 18 của Đảng (5-1981) và các Hội nghị trung ương tiếp theo đều nhấn mạnh vấn đề sử dụng có hiệu quả tiềm năng kinh tế của đất nước. Tại hội nghị bất thường thứ tám Ủy ban trung ương Đảng (8-1981), đồng chí Bát-mơn-kho, Tổng bí thư đã chỉ rõ: « Từ năm này qua năm khác, những nguồn kinh phí to lớn được dành cho sự phát triển kinh tế và văn hóa, thiết lập những cơ sở sản xuất mới. Sử dụng chúng có hiệu quả là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Ủy ban trung ương Đảng đã và sẽ tiếp tục chú ý đặc biệt đến nhiệm vụ đó » (1)

65 năm qua, bằng sự lao động cần cù và sáng tạo, kết hợp với sự giúp đỡ to lớn đầy hiệu quả của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhân dân Mông cổ đã tạo lập trên đất nước mình cơ sở vật chất kỹ thuật to lớn: nhiều trung tâm công nghiệp với hơn 300 xí nghiệp công nghiệp hiện đại, hàng loạt hầm mỏ khai thác những khoáng sản quý, 255 liên hiệp nông nghiệp, 40 xí nghiệp liên hợp hợp tác xã và trên 60 nông trường quốc doanh với hàng chục triệu héc ta đất canh tác, hàng chục triệu đầu con gia súc cùng với nhiều

(1) Báo « Sự thật » số ra ngày 24-8-1984.

Digitized by Google

máy móc, thiết bị kỹ thuật hiện đại... ĐNDCM Mông cổ đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn, ý thức kỷ luật của người lao động, tập trung năng lực và trí tuệ của mọi người để có thể sử dụng ngày càng có hiệu quả những cơ sở vật chất kỹ thuật to lớn đó. Việc giải quyết thắng lợi các nhiệm vụ nói trên liên quan trực tiếp đến vai trò lãnh đạo của Đảng, phụ thuộc trực tiếp vào năng lực chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Nhận thức một cách sâu sắc rằng muốn nâng cao hiệu quả kinh tế, trước hết phải nâng cao hiệu quả công tác Đảng, ĐNDCM Mông cổ đã tiến hành nhiều hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công tác Đảng :

— Thực hiện chương trình phát triển Đảng có kế hoạch, quy hoạch, nâng cao không ngừng số lượng và chất lượng đảng viên, tăng nhanh thành phần công nhân trong Đảng. Cuối năm 1921, Đảng có 3 chi bộ với 225 đảng viên, đến năm 1985 Đảng đã có hơn 3000 tổ chức cơ sở gồm 85 000 đảng viên. Năm 1940 tỷ lệ đảng viên thuộc thành phần công nhân trong Đảng là 6,4%, năm 1961 tỷ lệ đó là 26,2%, năm 1985 là 32,6%. Hai năm gần đây, trong số những người được kết nạp vào Đảng, công nhân chiếm 67,5%, thanh niên dưới 30 tuổi chiếm 61,2%. Năm 1926, 67,9% đảng viên không biết chữ, đến nay phần lớn đảng viên có trình độ học vấn phổ thông, nhiều người có trình độ đại học và trên đại học. Số đông cán bộ lãnh đạo là những người được đào tạo hoàn chỉnh về lý luận ở Trường đại học Mác—Lê-nin và có trình độ chuyên môn giỏi. Ở thủ đô U lan Ba-to, hơn 80% các bí thư tổ chức cơ sở của Đảng có trình độ đại học.

— Nâng cao vai trò tiên phong của các đảng viên, phát huy cao độ tính tích cực chính trị, tính chủ động sáng tạo và gương mẫu của đảng viên trong lao động. Điều lệ sửa đổi của Đảng được Đại hội thứ 18 thông qua đã chỉ ra cụ thể: đảng viên phải là người đi đầu trong nghiên cứu và ứng dụng kinh nghiệm tiên tiến, là người có sáng kiến trong công việc, tích cực góp phần vào việc xây dựng con người mới.. Những điều này đang được thực hiện thắng lợi : năm 1985, 99% đảng viên làm việc ở các cơ sở sản xuất đã thực hiện vượt mức các giao ước thi đua xã hội chủ nghĩa, cứ 3 đảng viên thì có 1 người có những cải tiến hợp lý hóa sản xuất.

— Thực hiện kế hoạch hóa dài hạn công tác của các thành ủy, tỉnh ủy, quận ủy, huyện ủy để trong các cuộc họp tránh phải thảo luận những vấn đề tản mạn không quan trọng, dành thời gian bàn bạc những vấn đề lớn, liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế và văn hóa, tổ chức và tư tưởng.

— Áp dụng nguyên tắc thanh tra có hệ thống và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nghị quyết đã đề ra. Điều này nhằm thực hiện sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, đề cao tính thần trách nhiệm, phát huy tính chủ động sáng tạo của các tổ chức Đảng và đảng viên, phát hiện và phổ biến những kinh nghiệm hay ; đồng thời loại bỏ bệnh quan liêu, hời hợt, bệnh báo cáo không trung thực v.v. Nhờ đó, các tổ chức cơ sở Đảng được củng cố, năng lực chiến đấu được nâng cao.

— Thực hiện thông tin nội bộ từ trên xuống và từ dưới lên nhanh chóng, đầy đủ và chính xác. Các ban chấp hành, các ban thường vụ, các bí thư đảng ủy các cấp đều nhận được những thông tin định kỳ về tình hình và công việc cần phải thực hiện. Điều đó bảo đảm sự hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp ở tất cả các cơ quan, các cấp, các cơ sở.

Digitized by Google

— Đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chính trị cao, trình độ chuyên môn giỏi, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, nhạy bén với cái mới và bố trí họ vào những vị trí then chốt của sự nghiệp xây dựng kinh tế và văn hóa, phát huy tác dụng lãnh đạo trong các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội. Hiện nay, ở các địa phương, gần 70% cán bộ lãnh đạo các ban chấp hành hội đồng nhân dân, 60% chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch ủy ban công đoàn, hơn 25% bí thư chuyên trách Đoàn thanh niên cách mạng Mông cổ là đảng viên.

— Đặc biệt coi trọng phê bình và tự phê bình, coi đó là phương tiện để giáo dục cán bộ, phát huy dân chủ mạnh mẽ, củng cố Đảng về tư tưởng và tổ chức. Phê bình thân ái về hình thức, có nguyên tắc và thiết thực về nội dung. Cán bộ lãnh đạo nêu gương tự phê bình và có thái độ tiếp thu phê bình nghiêm túc. Kết quả thực hiện các ý kiến phê bình được thông báo trong các cuộc họp quần chúng và được thông tin bằng các phương tiện thông tin đại chúng. Điều đó có tác dụng nâng cao tính tích cực của đảng viên, đúc kết kinh nghiệm tập thể, tìm ra cách giải quyết các vấn đề.

— Tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và quần chúng, xây dựng sự nhất trí bền vững giữa Đảng và nhân dân. Mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân được phát triển trong quá trình hoạt động hằng ngày của các đảng viên tại nơi họ sản xuất và sinh sống. Các đảng viên có nhiệm vụ nghiên cứu các yêu cầu, nguyện vọng, ý kiến của quần chúng, giúp đỡ các tổ chức xã hội của quần chúng lao động. Để mối liên hệ này ngày càng gắn bó, Đảng đã tìm tòi các hình thức hoạt động phong phú và đa dạng: tổ chức các cuộc họp công khai của Đảng, các cuộc họp liên tịch giữa các tổ chức Đảng và Đoàn thanh niên cách mạng, tiến hành những ngày sinh hoạt chính trị chung, các cuộc tiếp xúc thường xuyên giữa đảng viên và quần chúng. Qua các hình thức nói trên, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Mông cổ có dịp phát biểu ý kiến trước nhân dân lao động.

Từ sau Đại hội thứ 18 đến nay, với quyết tâm không ngừng hoàn thiện các hình thức và phương pháp trong công tác tổ chức, chính trị, tư tưởng, ĐNDCM Mông cổ đã nâng cao hiệu quả công tác Đảng lên một bước đáng kể. Cuộc kiểm tra năng lực chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng trong cả nước cuối năm 1984 đã chứng minh điều đó: 95,7% các tổ chức cơ sở được đánh giá là hoạt động tốt, có năng lực và đạt hiệu quả cao. Sự tiến bộ của công tác Đảng cũng đã thể hiện đầy đủ và rõ ràng trong hoạt động kinh tế. Trong những năm gần đây, lực lượng sản xuất phát triển với tốc độ cao, tiềm năng kinh tế của đất nước tăng lên, các thành tựu về khoa học kỹ thuật được nhanh chóng đưa vào sản xuất. Việc ứng dụng quy trình công nghệ tiên tiến, cơ khí hóa, tự động hóa quy trình sản xuất được tiến hành rộng rãi. Các biện pháp đồng bộ nhằm tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, vật liệu, lao động, tài chính đã được soạn thảo và thực hiện thành công. Riêng năm 1984 đã tiết kiệm các khoản được hơn 60 triệu tu grích (tiền Mông cổ). Cơ cấu các ngành quan trọng trong nền kinh tế quốc dân như công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và bưu điện được hoàn thiện. Nông nghiệp được cung cấp thêm nhiều thiết bị, máy móc hiện đại, sản phẩm không ngừng tăng lên. Chỉ trong 4 năm đầu của kế hoạch 5 năm thứ 7 (1981 — 1985) tổng sản phẩm xã hội đã tăng 33%, thu nhập quốc dân tăng 30% so với cả kế hoạch 5 năm thứ 6 (1976 — 1980). Trong kế hoạch 5 năm thứ 7, tốc độ tăng trung bình hằng năm của công nghiệp là 9,8%, của nông nghiệp là

Digitized by Google

14,6% Năm 1984 so với năm 1983, tổng sản phẩm công nghiệp tăng 8,3%, sản lượng ngũ cốc tăng 79 400 tấn v.v. Có được những mức tăng đó, chủ yếu là do hiệu quả kinh tế ở phần lớn các cơ sở sản xuất đã được nâng lên, năng suất lao động tăng trong khi mức hao phí năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu giảm bớt.

Sự lãnh đạo của ĐNDCM Mông cổ là nhân tố quyết định sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước Mông cổ, điều đó đã được tình hình thực tế của Mông cổ chứng minh ngày càng rõ rệt. Công tác Đảng càng được nâng cao thì hoạt động kinh tế càng có hiệu quả tốt. Những nỗ lực của mỗi đảng viên, của các tổ chức cơ sở của Đảng, của toàn ĐNDCM Mông cổ càng có hiệu quả thì những thành tựu mà đất nước Mông cổ đạt được trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội càng to lớn.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, ĐNDCM Mông cổ coi trọng việc nghiên cứu, học tập và áp dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm quý báu của Đảng cộng sản Liên xô và các đảng anh em khác, đồng thời cũng đóng góp những kinh nghiệm có giá trị của mình. Mông cổ và Việt nam là hai nước có hoàn cảnh và điều kiện gần giống nhau: trước cách mạng đều là những nước lạc hậu nửa phong kiến, nửa thuộc địa, sau khi được giải phóng đều tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những kinh nghiệm của ĐNDCM Mông cổ rất quý đối với Việt nam và các nước đã và đang đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng xã hội mới theo con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa.

Cùng với việc kỷ niệm lần thứ 65 ngày thành lập Đảng, năm nay nhân dân Mông cổ cũng sẽ kỷ niệm 65 năm cách mạng nhân dân Mông cổ thắng lợi (11-7-1921 — 11-7-1986) và đón chào Đại hội thứ 19 của Đảng sẽ họp vào tháng 5 năm 1986. Nhân những ngày vui lớn đó, những người cộng sản và toàn thể nhân dân Việt nam gửi đến những người cộng sản và nhân dân Mông cổ anh em những tình cảm nồng hậu và lời chúc mừng thắm thiết nhất. Chúc nhân dân Mông cổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Bát-mơn-khơ kính mến, ngày càng thu được những thắng lợi to lớn hơn nữa, đưa đất nước tiến nhanh tiến mạnh trên con đường xã hội chủ nghĩa.

SÁNG KIẾN VÌ TƯƠNG LAI...

(Tiếp theo trang 102)

có vũ khí hạt nhân hãy nhanh chóng biểu thị hưởng ứng chương trình đó của Liên xô và bằng những việc làm cụ thể của mình tham gia thiết thực vào quá trình thực hiện chương trình đó. Sát cánh với nhân dân Liên xô, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước bầu bạn trên thế giới, chúng ta sẽ làm hết sức mình góp phần làm cho chương trình hòa bình của Liên xô trở thành hiện thực, để thế giới bước vào thiên niên kỷ thứ ba không phải với chương trình "chiến tranh các vì sao" mà với những đề án quy mô lớn hòa bình chinh phục tự nhiên và vũ trụ bằng sức mạnh của toàn thể loài người.

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 3 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ. Грандиозное политическое событие. ХОАНГ ТУНГ. Творческий теоретический документ эпохального значения. ТАПТИ КОНГЩАН. Продолжать правильно претворять в жизнь Постановление VIII Пленума ЦК партии. ★★★ – По – настоящему рассматривать научно – техническую революцию как ключевую. ДАНГ ХЫУ. Быстрыми темпами внедрять в производство научно-технический прогресс. НГУЕН ВАН ХИЕУ. Культурный фронт на северной границе. ВУ МАО. 55 лет борьбы и роста Союза Коммунистической молодежи им. Хо Ши Мина. ФАМ СУАН НАМ. Злободневные уроки истории. СУАН ОАНЬ. Инициатива во имя будущего человечества. ХО БАТ КХУАТ. Эффективность партийной работы – эффективность экономики.

REVIEW OF COMMUNISM N° 3-1986

Editorial – A political event of paramount importance. HOÀNG TÙNG – A creative theoretical document impregnated with the significance of our epoch. Review of Communism – Let us keep correctly implementing the 8th Resolution of Party Central Committee. ★★★ – Let us really regard the scientific and technological revolution as a kingpin. ĐẶNG HỮU – Let us put scientific and technological achievements into effect of production. NGUYỄN VĂN HIẾU – The cultural defence line at our Northern frontier. VŨ MÃO – 55 years of struggle and growth of the Hồ Chí Minh Communist Youth Union. PHẠM XUÂN NAM – The historic lessons full of actualities. XUÂN OANH – Initiatives for the future of mankind. HỒ BẤT KHUẤT: The effects of the Party work and those of the economic work.

REVUE DU COMMUNISME N° 3-1986

Editorial – Un grand événement politique. HOÀNG TÙNG – Un document théorique créateur et de signification d'époque. REVUE DU COMMUNISME – Continuer à appliquer strictement les Résolutions du 8e Plénum du CC du Parti. ★★★ – Faire de la révolution scientifique et technique une véritable cheville ouvrière. ĐẶNG HỮU – Appliquer rapidement les progrès scientifiques et techniques à la production. NGUYỄN VĂN HIẾU – Le front culturel à la frontière du Nord. VŨ MÃO – 55 années de lutte et de maturation de l'Union de la Jeunesse Communiste Hồ Chí Minh. PHẠM XUÂN NAM – De brûlantes leçons d'histoire. XUÂN OANH – Une initiative en faveur de l'avenir de l'humanité. HỒ BẤT KHUẤT – Efficacité du travail de Parti – Efficacité économique.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 3-1986

Editorial – Un acontecimiento político de gran importancia. HOÀNG TÙNG – Un documento teórico que reviste el carácter creador y de época. REVISTA DEL COMUNISMO – Proseguir la realización correcta de la Resolución del Octava Pleno del Comité Central del Partido. ★★★ – Considerar, de manera verdadera, la revolución científica-técnica como la clave – ĐẶNG HỮU – Introducir rapidamente los progresos científico-técnicos en la producción NGUYỄN VĂN HIẾU – El frente cultural en la frontera septentrional. VŨ MÃO – Cincuenta y cinco años de lucha y crecimiento de la Juventud Comunista Hồ Chí Minh. PHẠM XUÂN NAM – Las históricas lecciones de actualidad XUÂN OANH – La iniciativa por el porvenir de la humanidad. HỒ BẤT KHUẤT – Eficiencia en el trabajo del Partido – Eficiencia económica.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 3-1986. NĂM THỨ XXXII (363)

Mục lục

Xã luận – Một sự kiện chính trị trọng đại 1
Điện mừng của BCHTƯ ĐCS Việt nam gửi Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô 7
Lời chào mừng của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn tại Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô 9
HOÀNG TÙNG – Một văn kiện lý luận sáng tạo và mang ý nghĩa thời đại 13
TẠP CHÍ CỘNG SẢN – Tiếp tục thực hiện đúng đắn Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTƯ Đảng 22
★★★ – Thật sự coi cách mạng khoa học–kỹ thuật là then chốt 27
ĐẶNG HỮU – Đưa nhanh tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất 31
NGUYỄN VĂN HIẾU – Phòng tuyến văn hóa biên giới phía Bắc 37
VŨ MÃO – 55 năm chiến đấu và trưởng thành của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh 43
Hội nghị khoa học – Về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở Việt nam và chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đó (tiếp theo) 49
Nghiên cứu ★ LÊ THÀNH – Về một chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật cần thiết cho chúng ta 71
Sinh hoạt tư tưởng ★ TẠN TRÀO – Địa phương tự trị ? 78
PHONG CHÂU – Bàn thêm về con người mới xã hội chủ nghĩa 80
VŨ NGỌC LAN – Những tập thể và cá nhân anh hùng trên mặt trận giáo dục của chúng ta 85
PHẠM XUÂN NAM – Những bài học lịch sử nóng hổi tính thời sự 90
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG – Người phụ nữ trong Công xã Pa-ri 96
XUÂN OANH – Sáng kiến vì tương lai của loài người 99
HỒ BẤT KHUẤT – Hiệu quả công tác Đảng – hiệu quả kinh tế 103

Trụ sở Bộ biên tập:

1, Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19, Phạm Ngọc Thạch – T.P. Hồ Chí Minh Dây nói: 25768 – 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

Các bạn tìm đọc:

— Đại hội XXVII Đảng cộng sản Liên xô

M.X. GOÓC-BA-TNỐP

— Sức mạnh và hiệu lực của tình hữu nghị Việt--Xô

— Vì chủ nghĩa xã hội phát triển, vì hòa bình thế giới

HOÀNG TÙNG

— Một văn kiện lý luận sáng tạo và mang ý nghĩa thời đại

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 1265i Giá: 6đ00

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

UNIV. OF MICH.
JUL 21 1986
Current Serials

4
4.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

MỘT trăm năm *đã trôi qua kể từ ngày 1-5 năm 1886, ngày mà toàn thể công nhân Si-ca-gô rầm rộ xuống đường biểu tình đòi ngày làm việc 8 giờ theo nghị quyết của Đại hội Liên đoàn lao động Mỹ. Cuộc đấu tranh đó bị đàn áp đẫm máu, nhưng đã giành được thắng lợi. Đây là sự kiện hết sức quan trọng trong lịch sử thống nhất giai cấp và đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản bóc lột. Từ đó trở đi, ngày 1-5 hằng năm đã trở thành* **Ngày quốc tế lao động**, *ngày đấu tranh của công nhân và lao động toàn thế giới, ngày biểu dương sức mạnh và tình đoàn kết của họ.*

Ở nước ta, khi đế quốc Pháp còn thống trị, giai cấp công nhân cũng đã sống những ngày 1-5 đấu tranh sôi sục, nhiều khi đẫm máu, những chiến sĩ cách mạng trong lao tù kỷ niệm ngày 1-5 ngay trước mũi súng của địch. Khi giai cấp công nhân đã nắm chính quyền, ngày 1-5 hằng năm đã trở thành ngày hội lớn của công nhân, của toàn dân thi đua lập thành tích và tỏ tình đoàn kết với công nhân các nước.

★

Một trăm năm *nay, học thuyết của C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V.I. Lê-nin đã và vẫn là cơ sở khoa học, là cương lĩnh, là kim chỉ nam cho hoạt động của*

Digitized by Google

phong trào công nhân toàn thế giới. Trên cơ sở phân tích xã hội tư bản chủ nghĩa, cơ chế bóc lột của giai cấp tư sản, C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã phát hiện ra những quy luật phát triển của xã hội, có những dự kiến khoa học về sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội, đồng thời phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là người đào huyệt chôn giai cấp tư sản. Trong **Tuyên ngôn của Đảng cộng sản** *cũng như trong các tác phẩm khác, hai ông đã vạch rõ rằng xã hội tư bản chủ nghĩa ra đời cùng với những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất và trao đổi, cùng với đại công nghiệp. Đó là một tiến bộ của lịch sử. Nhưng lịch sử của chủ nghĩa tư bản là lịch sử đầy máu. Nó không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp, mà chỉ đơn giản hóa những đối kháng ấy thành đối kháng giữa hai giai cấp hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, không có mối quan hệ nào khác giữa người và người, ngoài quan hệ tiền nong lạnh lùng, ngoài lối "trả tiền ngay" không tình không nghĩa. Do quy luật nội tại của nó, xã hội ấy càng phát triển thì mâu thuẫn cơ bản của nó — mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất — ngày càng bộc lộ ra gay gắt, biểu hiện thành những cuộc khủng hoảng chu kỳ, khủng hoảng cơ cấu, kéo theo những cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt làm cho nó sụp đổ. Khi chủ nghĩa tư bản phát triển đến giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lê-nin đã gọi đó là chủ nghĩa tư bản ăn bám, chủ nghĩa tư bản giãy chết*

Chủ nghĩa tư bản tự rèn ra những vũ khí sẽ giết nó, đồng thời tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản. Chỉ họ mới gánh được sứ mệnh đó, vì họ là giai cấp cách mạng nhất trong tất cả các giai cấp đối lập với giai cấp tư sản. Họ là giai cấp đứng ở trung tâm thời đại. Họ là đại biểu của phương thức sản xuất hiện đại. Họ lớn lên cùng với bản thân nền đại công nghiệp. Mặt khác, do địa vị xã hội giống nhau của những người vô sản các nước, cuộc đấu tranh của họ mang tính chất quốc tế chủ nghĩa. Họ thống nhất với nhau trên phạm vi toàn thế giới về lý tưởng, về mục tiêu, về lực lượng.

★

Một trăm năm *nay, giai cấp công nhân thế giới đã trải qua những giai đoạn đấu tranh khác nhau, gay go, quyết liệt nhưng luôn luôn tiến lên. Họ bắt đầu đấu tranh chống giai cấp tư sản ngay từ khi mới ra đời. Lúc đầu, họ mới chỉ là "giai cấp tự nó", cuộc đấu tranh của họ được tiến hành bởi những công nhân riêng lẻ, kẻ đó, bởi những công nhân cùng một xưởng, cùng một ngành công nghiệp, cùng một địa phương chống lại những người tư sản trực tiếp bóc lột họ. Lúc này, họ không chỉ đả kích quan hệ sản xuất tư sản, mà còn đả kích ngay cả công cụ sản xuất nữa: đập phá máy móc, đốt các công xưởng, phá hủy ngoại hóa. Lúc này, họ mới chỉ là một khối quần chúng tản mạn, bị chia rẽ.*

Công nghiệp phát triển, lực lượng công nhân được tập hợp ngày càng đông đảo. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin thâm nhập vào quần chúng công nhân, dần dần đem lại tính tổ chức và tính tự giác cho phong trào của họ. Từ chỗ là "giai cấp tự nó", họ trở thành "giai cấp vì nó". Lúc này, họ đã có ý thức thành lập các liên minh quốc gia và quốc tế. Cuộc đấu tranh của họ mang tính chất chính trị ngày càng rõ rệt, từ những khẩu hiệu kinh tế tiến lên những khẩu hiệu chính

Digitized by Google

trị, hoặc là kết hợp cả hai. Mặt khác, họ đã phải đấu tranh quyết liệt trong nội bộ phong trào chống những trào lưu tư tưởng sai lầm, kể từ chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế thứ II, chủ nghĩa dân tộc sô vanh thời kỳ chiến tranh thế giới thứ I, đến chủ nghĩa xét lại của Béc-xtanh, Cau-xki, chủ nghĩa xã hội — dân chủ, chủ nghĩa công đoàn hữu khuynh,... Cuộc đấu tranh đó kéo dài cho đến tận ngày nay.

Thành quả vĩ đại nhất của phong trào công nhân quốc tế là thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga mở đầu thời đại mới — thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi toàn thế giới. Thắng lợi ấy đã sản sinh ra Nhà nước vô sản đầu tiên, thành trì cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới. Từ chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, phong trào công nhân thế giới đã có bước phát triển nhảy vọt cả về số lượng và chất lượng. Cả một hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã hình thành, trở nên nhân tố quyết định chiều hướng tiến lên của loài người. Cả một loạt nước theo phương hướng xã hội chủ nghĩa ra đời ở khu vực ngoại vi thế giới tư bản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân đi tiên phong trong ba dòng thác cách mạng của thời đại đang tiến công dồn dập vào thế giới tư bản chủ nghĩa.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, *giai cấp công nhân đã trở thành người làm chủ đất nước, người xây dựng một xã hội mới, « một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người » (1). Ở đây, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp chủ đạo, lao động của họ là cơ sở của nền sản xuất hiện đại. Thông qua đảng tiên phong của mình, họ là người tổ chức, người lãnh đạo mọi quá trình kinh tế — xã hội. Đi đầu là giai cấp công nhân Liên xô, cường quốc bậc nhất đang tiến mạnh trên con đường xây dựng chủ nghĩa cộng sản.*

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, *dinh lũy của chủ nghĩa tư bản đã và đang bị lung lay trước làn sóng đấu tranh của công nhân và lao động đông đảo. Ở các nước này, đã xuất hiện những hiện tượng kinh tế — kỹ thuật mới. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự phân công lao động mới, việc áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học — kỹ thuật đưa đến tình hình là lao động xã hội được tập trung ngày càng nhiều không những trong lĩnh vực sản xuất, mà cả trong các lĩnh vực dịch vụ, phân phối và quản lý. Kết quả là cơ cấu giai cấp công nhân biến đổi, xuất hiện ngày càng nhiều những người gọi là « người cổ áo trắng ». Từ đó, cơ quan tuyên truyền tư sản và cải lương tung ra luận điệu là giai cấp công nhân không còn có vai trò lịch sử, đã mất đi tính cách mạng, không còn là động lực của các quá trình xã hội, vai trò đó ngày nay do các tầng lớp khác, trước hết là trí thức, đảm nhận ! Nhiều đảng xã hội — dân chủ cải lương đưa ra lý thuyết « kết bạn về mặt xã hội », nghĩa là hợp tác giai cấp, thủ tiêu đấu tranh giai cấp. Thật ra, giai cấp công nhân trong thế giới tư bản chủ nghĩa vẫn là lực lượng quyết định tạo ra của cải xã hội, vẫn là động lực chủ yếu của tiến bộ xã hội. Hạt nhân của họ tập trung trong những khu vực công nghiệp đã quốc hữu hóa, trong những xí nghiệp của tư bản lớn với những tư liệu sản xuất hiện đại nhất. Còn số rất đông những người làm việc trong các ngành không có quan hệ trực tiếp với lĩnh vực sản xuất cũng bị bóc lột, họ gia nhập giai cấp công nhân hoặc là đồng minh của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân không bị « chôn », nó vẫn là giai cấp lãnh đạo cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, hòa bình và chủ nghĩa xã hội. Những trận chiến đấu giai cấp*

(1) C. Mác và Ph. Ăng ghen. *Tuyển tập*. Nxb. Sự thật. Hà nội. 1980. tập 1. tr. 569.

Digitized by Google

quyết liệt, những cuộc biểu tình hàng triệu người đòi quyền lợi kinh tế, đòi « việc làm thay cho tiền thất », những cuộc chiếm xưởng dài ngày, những cuộc đi bộ vì hòa bình, chống chạy đua vũ trang... đã chứng minh hùng hồn điều đó.

Ở các nước thuộc « thế giới thứ ba », *những thập kỷ qua, phong trào giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội cũng đã giành được những thắng lợi lớn. Đội ngũ của giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh. Giai cấp công nhân luôn luôn đi tiên phong trong các cuộc đấu tranh chống sự áp bức, bóc lột của các công ty xuyên quốc gia, chống sự khống chế của hệ thống tiền tệ quốc tế, chống chính sách của đế quốc Mỹ trút hậu quả của chạy đua vũ trang, của khủng hoảng kinh tế lên đầu nhân dân nước ta, chống tình trạng bất bình đẳng về mặt xã hội ở trong nước. Một làn sóng đấu tranh mạnh mẽ đang lan tràn khắp các nước như Bra-xin, Chi-lê, Pê-ru, Bô-li-vi-a, Xri Lan-ca, Băng-la-đét, Thái lan, Phi-líp-pin, Pa-ki-xtan, Da-ia... Tính tổ chức, tính tự giác của các cuộc đấu tranh đó ngày một nâng cao. Đã xuất hiện nhiều yêu sách chính trị như đòi hủy bỏ những trật tự phản nhân dân, đập tan những chế độ độc tài phản động, dân chủ hóa đời sống xã hội, thực hiện đường lối đối ngoại tiến bộ về chính trị và kinh tế, thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình, củng cố tại hòa bình. Đúng như V.I. Lê-nin đã nói, « .. tuyệt đại đa số dân cư trên hoàn cầu, rốt cuộc lại, được chính chủ nghĩa tư bản giáo dục và rèn luyện cho biết đấu tranh » (2).*

Một trăm năm *nay, bộ mặt thế giới đã thay đổi căn bản. Điều đó, ở mức độ lớn, gắn liền với vai trò và cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân quốc tế. Tự hào và vinh dự. Đương nhiên, sứ mệnh lịch sử của họ còn lâu dài, phức tạp, nặng nề chừng nào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa chưa được thực hiện trên cả hành tinh chúng ta. Mỗi đội ngũ công nhân phải thực hiện sứ mệnh đó trong điều kiện cụ thể của nước mình. Trong tình hình quốc tế phức tạp và căng thẳng hiện nay, nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách của tất cả các đội ngũ công nhân là đấu tranh cho hòa bình, cứu cả loài người khỏi thảm họa hạt nhân. Như đồng chí Goóc-ba-trốp đã nói trong diễn văn bế mạc Đại hội thứ XXVII ĐCS Liên xô vừa qua, hòa bình và chủ nghĩa xã hội, hòa bình và sáng tạo gắn chặt với nhau. Cuộc đấu tranh cho hòa bình xét đến cùng là nhằm giữ gìn sự sống trên trái đất, xây dựng một chế độ xã hội không có bóc lột và chiến tranh, một xã hội mà « nguyên tắc quốc tế sẽ là* **Hòa bình**, *vì rằng trong mỗi một dân tộc đều cũng sẽ do một nguyên tắc này chi phối tức là* **lao động** ! » (3).

★

Giai cấp công nhân Việt nam ra đời ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến không có độc lập, không có tự do. Họ bị ba tầng áp bức của đế quốc, phong kiến và tư bản. Họ có liên hệ chặt chẽ với nông dân đông đảo. Trong họ không có bộ phận công nhân quý tộc, họ cũng không trải qua thời kỳ đấu tranh kinh tế kéo dài dưới sự chi phối của chủ nghĩa công đoàn như ở các nước tư bản phát triển. Họ ra đời giữa lúc giai cấp phong kiến đã đầu hàng đế quốc, giai cấp tư sản sinh sau đẻ muộn lại yếu đuối, chỉ mong thỏa hiệp với đế quốc, còn các tầng lớp tiểu tư sản thì tuy hăng hái, sôi nổi nhưng bị bế tắc về tư tưởng. Vì vậy,

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va 1978, tập 45, tr. 458.
(3) C. Mác: *Nội chiến ở Pháp 1871*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1961, tr. 35

Digitized by Google

« chỉ có **giai cấp công nhân** *là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Với lý luận cách mạng tiên phong và kinh nghiệm của phong trào vô sản quốc tế, giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt nam »* (4).

Trước khi có đội tiên phong của mình, giai cấp công nhân Việt nam đã tiến hành đấu tranh một cách tự phát. Từ khi có ánh sáng chủ nghĩa Mác — Lênin do đồng chí Hồ Chí Minh đem lại, nhất là từ khi Đảng cộng sản Việt nam ra đời, họ đã nhận thức rõ : muốn giải phóng mình, trước hết phải giải phóng toàn thể dân tộc, mà muốn giải phóng mình, giải phóng dân tộc, chỉ có con đường làm cách mạng triệt để theo gương Cách mạng Tháng Mười Nga. Từ đó, giai cấp công nhân đã xác định được đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng đúng đắn. Đây chính là nhân tố làm cho giai cấp công nhân đoàn kết thống nhất, tập hợp được đông đảo quần chúng, phát huy được mạnh mẽ tinh hoa của dân tộc, kết hợp được các nhân tố giai cấp, dân tộc, quốc tế tạo thành sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt nam.

Với sức mạnh đó, nhân dân ta đã làm nên lịch sử một cách tự giác và có tổ chức, giành được những chiến thắng lẫy lừng trong mấy chục năm qua, đồng thời góp phần xứng đáng vào sự nghiệp vĩ đại đấu tranh để giải phóng loài người khỏi mọi chế độ áp bức bóc lột.

Tuy nhiên, đường đi còn dài. Là giai cấp lãnh đạo, giai cấp công nhân ta có sứ mệnh lịch sử phải cùng toàn dân xây dựng một nước Việt nam ấm no, giàu mạnh, hạnh phúc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chống mọi kẻ thù đế quốc và bành trướng. Cách mạng nước ta còn chưa vượt qua chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Khó khăn còn nhiều. Trước mắt, giai cấp công nhân phải đi đầu trong việc phấn đấu thực hiện cho được 5 mục tiêu kinh tế — xã hội do Đại hội thứ V của Đảng đề ra, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1986, ổn định tình hình kinh tế — xã hội, ổn định đời sống, xây dựng cơ chế quản lý mới, tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng một cách xứng đáng.

Là người nắm những mạch máu kinh tế then chốt, giai cấp công nhân ta phải tiến hành sắp xếp lại sản xuất, phát triển kinh tế với năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả nhiều. Đồng thời thực hành tiết kiệm triệt để, kiên quyết bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống tham ô, lãng phí.

Là người làm chủ xí nghiệp, làm chủ đất nước, giai cấp công nhân ta phải thông qua tổ chức của mình — công đoàn — tích cực tham gia quản lý sản xuất, phải phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, nhằm khai thác và sử dụng hợp lý mọi nguồn khả năng về vật tư, thiết bị, lao động, nêu cao tinh thần lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, nêu cao đạo đức vô sản, chống chủ nghĩa cá nhân.

Là người theo chủ nghĩa quốc tế, giai cấp công nhân ta phải làm tốt các nghĩa vụ quốc tế, đoàn kết hợp tác với công nhân các nước, trước hết là công nhân Lào, Cam-pu-chia, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, ủng hộ

(Xem tiếp trang 8)

(4) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1980. t. 2. tr 153.

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 11 THẮNG LỢI CỦA SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

30-4

LÊ ĐỨC THỌ

CHIẾN THẮNG CỦA CẢ NƯỚC*

CUỘC kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cả nước tiến hành một cuộc chiến tranh đánh Mỹ trong 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng và có sự liên minh phối hợp với các bạn ở chiến trường Lào và Cam-pu-chia.

Miền Nam đương đầu trực tiếp với đế quốc Mỹ, cầm súng đứng lên tiến hành chiến tranh nhân dân, xây dựng ba thứ quân, tiến hành nổi dậy. Nhưng muốn xây dựng bộ đội chủ lực lớn thì phải dựa vào hậu phương lớn nuôi quân, huấn luyện, xây dựng quân chủ lực đưa vào miền Nam kết hợp thành 3 thứ quân đánh giặc. Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn, cả tiền tuyến, hậu phương đều một lòng đánh giặc. Ở hậu phương miền Bắc, kẻ thù cũng tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nặng nề.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại, địch nhằm vào các kho tàng, đường sá, cầu cống để ngăn chặn sự tiếp tế, vận chuyển vào miền Nam; không những vậy, chúng còn phá nhà máy, bệnh viện, trường học, có làng xã ở ven đường vận chuyển biến thành vùng trắng. Nhiều làng, xã, gần hết thanh niên đi tòng quân. Có nhiều gia đình có từ ba đến bảy, tám con đi bộ đội. Hiện nay không thiếu gì các xã ở miền Bắc có hàng trăm gia đình liệt sĩ.

Như thế có thể hiểu được vì sao gọi cuộc chiến đấu của chúng ta là cả nước đánh giặc. Ở miền Nam, chúng ta hình thành một thế trận chiến tranh nhân dân, tiến công địch bằng ba mũi, ba vùng và cả ba thứ quân kết hợp với nhau. Đánh như vậy cũng chỉ chuyển dần được lực lượng so sánh giữa ta và địch và cũng chỉ có thể làm chủ được một phần khá lớn vùng nông thôn và rừng núi. Cho nên muốn cuộc chiến tranh kết thúc thắng lợi phải có quả đấm của chủ lực đánh vào trung tâm đầu não của địch mới giải quyết được cục diện cuối cùng của chiến tranh. Đó là thực tế của cuộc chiến tranh trong 15 năm đánh Mỹ của chúng ta.

* Bài nói tại Bộ biên tập báo *Tuổi trẻ* (thành phố Hồ Chí Minh), tháng 4-1985.

Digitized by Google

Nổi dậy làm chủ và giành chính quyền ở nông thôn khác ở thành thị, vì ở nông thôn bộ máy kìm kẹp của địch tương đối mỏng, lại rệu rã do sức tiến công liên tục của « hai chân, ba mũi », cho nên nổi dậy và giành quyền làm chủ có điều kiện dễ hơn. Còn ở đô thị, nơi hang ổ cuối cùng, chúng phòng thủ vững chắc hơn, bộ máy đàn áp kìm kẹp cũng dày đặc, cho nên cuộc chiến tranh ở đô thị chỉ có thể đánh đặc công, biệt động và phong trào đấu tranh của quần chúng làm suy yếu địch, chứ không thể dùng lực lượng tại chỗ nổi dậy giành quyền làm chủ được. Và dứt điểm giành chính quyền ở đô thị phải có nắm đấm của chủ lực quân là chủ yếu, nắm đấm đó kết hợp với đặc công, biệt động, phá tan tuyến phòng thủ của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng quần chúng nổi dậy nắm lấy chính quyền và mới giải quyết cuối cùng cuộc chiến tranh.

Trở lại lịch sử, do thắng lợi của chiến trường mà thành quả của Hội nghị Pa-ri là đẩy Mỹ ra khỏi đất nước, cho nên đã thay đổi lực lượng so sánh ở chiến trường về cơ bản giữa ta và địch. Sau khi Mỹ ra rồi, chúng ta dồn toàn bộ lực lượng để tiêu diệt ngụy, giải phóng miền Nam. Sau Hội nghị Pa-ri, biết thế nào địch cũng phá hoại Hiệp định, Bộ chính trị đã chỉ thị chuẩn bị ngay lực lượng cho tổng tiến công. Lúc ở Hội nghị Pa-ri, chúng tôi có nói với Kít-xin-giơ (Kissinger): « Việt nam hóa của các ông nhất định sẽ thất bại, Vì trước kia còn nửa triệu quân với phần lớn hải quân, không quân mà Mỹ vẫn còn thua, nay phải rút ra khỏi Việt nam, bây giờ chỉ có lực lượng của ngụy quân như vậy, Việt nam hóa chiến tranh làm sao Mỹ có thể thắng được ». Trong hồi ký của ông ta, Kít-xin-giơ, đã thú nhận là sự phân tích đó đã đúng vào tình hình quân sự Mỹ đang ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan và những lời nói đó đã đánh trúng vào tim ông ta và làm cho ông ta rất đau đầu. Nhắc lại lời thú nhận của Kít-xin-giơ để thấy rằng sau Hiệp định Pa-ri, lực lượng so sánh thay đổi về cơ bản, nhất định Mỹ—ngụy sẽ bị đánh bại. Sau hiệp định Pa-ri, ngụy được Mỹ giúp vẫn tiếp tục chiến tranh, vi phạm Hiệp định. Quân và dân miền Nam kiên quyết chiến đấu chống lại. Những thắng lợi ở đồng bằng sông Cửu long, miền trung Trung bộ và ở Phước long, quân ngụy đã bộc lộ những chỗ yếu của chúng. Cho nên Bộ chính trị quyết định mở ra cuộc tổng tiến công mùa Xuân 1975 trong 55 ngày đêm mà trận đánh Buôn Ma Thuột là cú đấm mở đầu của chủ lực quân. Kết quả này là kết quả 15 năm đánh giặc Mỹ của toàn quốc, là đỉnh cao của đường lối và nghệ thuật quân sự của Đảng.

Khi Bộ chính trị cử tôi và đồng chí Văn Tiến Dũng vào Lộc ninh với các đồng chí Trung ương cục và Quân ủy miền tham gia chỉ đạo dứt điểm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, chúng tôi đã bàn bạc và đi đến nhất trí: đình chỉ kế hoạch « xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh » trước đây Trung ương cục và Quân ủy miền đã đề ra sau khi giải phóng Tây nguyên, mà phải chờ phối hợp lực lượng quân chủ lực ở chiến dịch Buôn Ma Thuột và chiến dịch Trị thiên, Đà nẵng kéo vào cùng với chủ lực của B2 để mở chiến dịch cuối cùng mang tên Hồ Chí Minh đánh vào Sài gòn, thì mới có thể thắng chúng một cách nhanh chóng. Trong khi đó, lực lượng các tỉnh B2 chuyển sang hoạt động tiêu hao, tiêu diệt nhỏ và làm công tác địch vận, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng chờ mở Chiến dịch Hồ Chí Minh ở Sài gòn. Khi ấy thì lực lượng các tỉnh B2 phối hợp để đánh chiếm các đô thị. Sau khi đánh vào Sài gòn, địch phải đầu hàng, thì lực lượng của địch ở các tỉnh B2 hầu

Digitized by Google

hết bị tan rã tạo điều kiện rất thuận lợi cho các tỉnh B2 giành chính quyền ít bị tổn thất nhất. Cuộc tổng tiến công của chúng ta vào vùng đai bảo vệ Sài gòn với tư tưởng « đánh phải thắng » được tiến hành trong 4 ngày từ 26 đến 30-4, xương máu đổ ra trong bốn ngày ấy không phải nhỏ. Bốn ngày là một sự phối hợp giữa quân chủ lực với bộ đội địa phương bao gồm đặc công, biệt động với các cơ sở bên trong nội thành, không thể thiếu một bộ phận nào, nhưng chủ lực quân là chủ yếu. Trận chiến đấu ở vành đai thành phố ác liệt và có nhiều tấm gương hy sinh. Hàng nghìn người con của các thứ quân ở khắp các miền đất nước đã nằm xuống ven thành phố khi hòa bình chỉ còn có một ngày. Đó là điểm vĩ đại của người lính Việt nam. Đó là điều chúng ta không thể nào quên.

Mười lăm năm cả nước đánh giặc, cả nước cùng miền Nam đánh giặc Mỹ, hy sinh tang tóc đến tận từng gia đình để có một ngày cờ giải phóng tung bay trong thành phố. Có mười lăm năm đánh giặc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và đi đến thời cơ cuối cùng để chủ lực quân tung quả đấm quyết định. Chiến thắng này là chiến thắng của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ vĩ đại và công lao to lớn thuộc về tất cả chiến sĩ đã nằm xuống, trên khắp mọi miền đất nước. Chiến thắng này là chiến thắng của thời đại, chiến thắng của loài người tiến bộ ủng hộ Việt nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Sứ mệnh lịch sử...

(Tiếp theo trang 5)

cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội của công nhân, lao động các nước, cùng họ kiên quyết đấu tranh bảo vệ hòa bình.

Kỷ niệm thứ 100 Ngày quốc tế lao động, Đảng ta, đội tiên phong của giai cấp công nhân, phải vươn mình mạnh mẽ hơn nữa, tăng cường tính giai cấp tính tiên phong của mình, tăng cường đoàn kết nhất trí, trong sạch hóa đội ngũ, siết chặt quan hệ với quần chúng để dẫn dắt giai cấp công nhân làm tròn sứ mệnh của mình. Mỗi cán bộ, đảng viên phải rèn luyện lập trường giai cấp công nhân kiên định. Lập trường đó phải được thể hiện ở chỗ tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, phấn đấu kiên quyết cho những mục tiêu do Đảng đề ra, thi hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng, gương mẫu với quần chúng, nêu cao phẩm chất cách mạng « cần kiệm liêm chính, chí công vô tư », xây dựng một phong cách lãnh đạo và làm việc kiểu mới : một phong cách năng động, sâu sát, sáng tạo.

Digitized by Google

Đại tướng HOÀNG VĂN THÁI

QUÁN TRIỆT HƠN NỮA HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

«XÂY dựng thành công chủ nghĩa xã hội» và «sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa», là hai nhiệm vụ chiến lược vừa cơ bản vừa cấp bách của cách mạng nước ta ngày nay. Đảng ta coi đó là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể, của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Hai nhiệm vụ đó phải được tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với nhau.

Qua 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là qua hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong những năm 1978 — 1979, chủ trương chiến lược đó của Đảng tỏ rõ là đúng đắn.

Chủ trương chiến lược đó đã từng bước được cụ thể hóa bằng các nghị quyết của Đảng, quyết định của Nhà nước: nghị quyết của Bộ chính trị về công tác quốc phòng, luật nghĩa vụ quân sự, luật sĩ quan quân đội, các nghị định, quyết định về công tác động viên của Hội đồng bộ trưởng. Cùng với việc triển khai công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, các cấp, các ngành đã bước đầu triển khai việc chuẩn bị đất nước, củng cố quốc phòng. Một số địa phương đã tiến hành diễn tập động viên; một số ngành kinh tế đã tổ chức cơ quan động viên và tiến hành diễn tập động viên; việc giáo dục quốc phòng trong toàn dân, trước hết là trong thanh niên, học sinh đã tiến hành được một bước...

Tuy nhiên, đến nay còn không ít cơ quan của Đảng và Nhà nước ở trung ương cũng như ở địa phương chưa thật sự tiến hành đồng thời và gắn chặt hai nhiệm vụ chiến lược đó với nhau. Biểu hiện cụ thể là chưa nhận thức đầy đủ đường lối quân sự của Đảng, đường lối quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân, chiến tranh nhân dân trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; việc quy hoạch chiến lược quốc phòng chưa được bàn bạc gắn liền với việc quy hoạch chiến lược kinh tế dài hạn. Luật nghĩa vụ quân sự chưa được quán triệt sâu rộng và thực hiện triệt để. Hệ thống tổ chức động viên chưa được triển khai toàn diện trong cả nước, nhiều ngành coi như mới bắt đầu, thậm chí có những ngành chưa triển khai. Về chuẩn bị động viên, tuy đã được quan tâm hơn và có làm một số việc, nhưng chưa thành chủ trương, kế hoạch, biện pháp cụ thể, chưa thành chế độ, nền nếp thường xuyên.

Trong hoàn cảnh cả nước ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội lại ở vào *một tình thế đặc biệt: phải thường xuyên đối phó với kẻ thù mới trực tiếp và nguy hiểm* là bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế, càng nổi rõ yêu cầu cấp bách phải gắn liền xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên các

Digitized by Google

lĩnh vực hoạt động, vận dụng đúng đắn quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước. Kẻ địch lại liền đất, liền trời, liền biển với ta, rắp tâm thực hiện mưu đồ làm suy yếu, khuất phục và thôn tính nước ta. Chính sách thù địch của chúng đối với cách mạng nước ta chưa hề thay đổi, mà còn thâm độc nham hiểm hơn. Chúng đang tìm cách thực hiện chính sách ngoại giao «mỉm cười» với nhiều nước, nhưng vẫn cự tuyệt đàm phán với ta, không giải quyết quan hệ Trung — Việt bằng đối thoại, tiếp tục thường xuyên bắn pháo và lấn chiếm nhiều vùng biên giới nước ta, không ngừng giết hại đồng bào ta, đồng thời vẫn ra sức xuyên tạc tình hình cách mạng nước ta, tìm mọi cách cô lập ta trên trường quốc tế. Trước một tình thế phức tạp như vậy Đảng ta chủ trương tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược như thế là một *quyết sách chiến lược đúng đắn*.

★

Tình hình hiện nay đòi hỏi chúng ta phải quán triệt sâu sắc hơn nữa cả trong nhận thức và trong hành động quyết sách chiến lược đó.

Trước hết, cùng với việc nắm vững đường lối kinh tế, cần *tiến hành giáo dục sâu sắc đường lối quân sự của Đảng*, trong các cơ quan Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức trong toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Có thấu suốt cả đường lối kinh tế và đường lối quân sự của Đảng, mới có thể quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược cả trong nhận thức và hành động, trong công tác của địa phương mình, ngành mình, đoàn thể mình.

Đồng thời, bằng những hình thức và nội dung thích hợp, *tiến hành giáo dục quốc phòng trong toàn dân*, làm cho nhân dân ta nâng cao ý thức quốc phòng, hiểu được những vấn đề quốc phòng mà mỗi người dân cần tham gia trong thời bình cũng như trong thời chiến, thấy rõ trách nhiệm chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân về mọi mặt để bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đặc biệt là đối với thanh niên, cần thật sự coi trọng việc giáo dục truyền thống hy sinh cứu nước của ông cha, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, làm cho họ thấy rõ trách nhiệm và vinh dự bảo vệ Tổ quốc, kế tục xứng đáng sự nghiệp cứu nước, giữ nước của cha anh, sẵn sàng xả thân vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Việc giáo dục luật nghĩa vụ quân sự là một chương trình không thể thiếu đối với thanh niên, với cả toàn dân, nhất là đối với cán bộ, để mọi người tự giác và nghiêm chỉnh chấp hành. Trong các trường phổ thông, giáo dục hướng nghiệp không chỉ hướng về làm kinh tế, mà còn hướng về làm nghĩa vụ quân sự, hăng hái tham gia quân đội và đội ngũ sĩ quan.

Hai là, thực hiện *kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế* ở tất cả các cấp, các ngành, ở trung ương và địa phương trong những kế hoạch cụ thể, bằng các biện pháp thiết thực. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng trong việc tổ chức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Nhà nước vừa có kế hoạch chiến lược dài hạn về kinh tế, vừa có kế hoạch chiến lược dài hạn về quốc phòng. Hai kế hoạch đó cần được tính toán kỹ cho cân đối và nằm trong một tổng thể thống nhất kinh tế — quốc phòng, được thực hiện gắn bó với nhau, hỗ trợ và thúc đẩy nhau. Có như vậy mới thực hiện tốt cả yêu cầu về kinh tế và quốc phòng, từ việc phân bố lại dân số, bố trí các công trình công nghiệp, nông, lâm, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản... cũng

Digitized by Google

như hoạt động của các ngành văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội.

Quân đội ta trong hoàn cảnh hiện nay càng cần nhận rõ nghĩa vụ của mình là luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, đồng thời nhận rõ nghĩa vụ làm kinh tế góp phần làm giàu đất nước. Những đơn vị chiến đấu, ngoài thời gian huấn luyện, còn phải làm giao thông, trồng rừng, trồng cây công nghiệp, sản xuất lương thực, thực phẩm v.v. theo yêu cầu của trung ương và địa phương, để vừa nâng cao mức sống của đơn vị, vừa có đóng góp cho Nhà nước. Việc làm kinh tế đòi hỏi phải soát xét lại tổ chức biên chế cho phù hợp, quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật chặt chẽ, chống quan liêu bao cấp, chống tham ô, lãng phí, triệt để thực hành tiết kiệm.

Sự kết hợp giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế càng đầy đủ, chặt chẽ thì càng có lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vừa đẩy mạnh được sản xuất, vừa bảo đảm được yêu cầu quốc phòng. Không nên quan niệm rằng « kết hợp kinh tế với quốc phòng chỉ làm phiền cho kinh tế » hoặc « quân đội chỉ có chức năng đánh giặc ». Đó là quan niệm không phù hợp với tư tưởng chiến lược của Đảng trong việc tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay. Nó có thể gây nên những tổn thất không lường hết được một khi kẻ thù liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược nước ta. Bởi vì có kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế ngay từ thời bình, xây dựng thành chế độ, nền nếp ngay từ khi chưa có chiến tranh, thì khi cần thiết phải chuyển toàn bộ nền kinh tế sang chiến tranh mới nhanh, gọn, có hiệu quả, đỡ tổn thất, đồng thời mới đáp ứng được nhu cầu quốc phòng, bảo đảm thắng lợi của chiến tranh.

Ba là, tiến hành chuẩn bị động viên, động viên cả nhân lực và vật lực, từ việc đăng ký, quản lý quân dự bị trong các bộ, các ngành liên quan thuộc các cơ quan Nhà nước, sẵn sàng gọi nhập ngũ khi có chiến tranh, đến việc xây dựng chế độ động viên, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật cần thiết cho quốc phòng, động viên từng ngành kinh tế và cả nền kinh tế. Vừa qua Nhà nước đã có thông tư, nghị định về vấn đề này, nay cần thể chế hóa thành pháp luật, tổ chức thực hiện và quản lý chặt chẽ những công việc đó ngay từ bây giờ. Đây là một vấn đề rất rộng lớn và quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của chiến tranh, đặc biệt có quan hệ chặt chẽ tới thời kỳ đầu chiến tranh. Nhưng đó là vấn đề còn mới mẻ và rất phức tạp. Cho nên cần được dày công nghiên cứu, tiến hành khẩn trương và cố nhiên phải do tất cả các cấp, nhất là các tỉnh, thành phố, các ngành kinh tế — kỹ thuật thông suốt và tiến hành một cách chủ động, tích cực, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, bổ sung và nâng cao.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay có những điểm rất khác với chiến tranh giải phóng dân tộc cả về không gian và thời gian, về quy mô huy động lực lượng và quy mô tác chiến, về tính chất quyết liệt, phức tạp và khẩn trương... Đặc biệt, thời kỳ đầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc khác hẳn thời kỳ đầu của chiến tranh giải phóng. Nhận thức và giải quyết như thế nào vấn đề thời kỳ đầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sẽ tác động rất lớn đến mức độ thắng lợi hay tổn thất của cuộc chiến tranh đó. Tác động ấy không phải chỉ đối với thời kỳ đầu, mà còn đối với cả tiến trình và kết cục của chiến tranh. Thấu suốt đường lối quân sự của Đảng, kết hợp chặt chẽ kinh tế và quốc phòng trong kế hoạch cụ thể, chu đáo, đặc biệt là tiến hành tốt việc chuẩn bị động viên về mọi

Digitized by Google

mặt là những vấn đề cực kỳ quan trọng để giải quyết tốt những yêu cầu của thời kỳ đầu chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và nói chung của cả công cuộc chuẩn bị đất nước chống xâm lược.

Bốn là, xây dựng cơ chế *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ về quốc phòng*, như ta đã và đang xây dựng cơ chế ấy về kinh tế. Trong cơ chế ấy, chú trọng bảo đảm vững chắc nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối quân đội, thực hiện sự quản lý có hiệu lực của Nhà nước về quốc phòng, quy định rõ trách nhiệm của từng ngành, quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Có làm rõ và bảo đảm các mối quan hệ trong cơ chế đó, mới có thể thực hiện được sự kết hợp chặt chẽ, toàn diện và có chiều sâu, từ phạm vi chiến lược, luật lệ đến kế hoạch, bước đi, những công việc cụ thể của từng ngành trong công cuộc củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Nếu không có những chủ trương, biện pháp cần thiết và được bảo đảm bằng cơ chế như vậy thì việc thực hiện đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược chỉ là khẩu hiệu.

★

Trong việc quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay từ trung ương đến địa phương và cơ sở, *các tập thể cấp ủy, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và cơ quan tham mưu — kế hoạch các cấp, các ngành* có vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là những bộ phận chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trên phạm vi cả nước cũng như ở từng ngành, từng địa phương. Thực tiễn mấy năm qua cho thấy: mức độ quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược ở mỗi nơi tùy thuộc một phần rất quan trọng vào vai trò tác động của các lực lượng chủ chốt này.

Tình hình đất nước ta và bối cảnh quốc tế hiện nay và những năm tới đòi hỏi toàn dân, toàn quân ta, trước hết là các cơ quan Đảng và Nhà nước, trên cơ sở những kết quả đã đạt được và những kinh nghiệm đã có, tiến lên một bước mới trong nhận thức và hành động thực hiện tốt cả hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, làm cho đất nước ta ngày càng giàu mạnh, và làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hai dân tộc Lào và Cam-pu-chia anh em, xứng đáng là tiền đồn vững chắc của hòa bình và cách mạng ở vùng Đông Nam châu Á, góp phần tích cực vào phong trào cách mạng thế giới.

Digitized by Google

Thượng tướng HOÀNG MINH THẢO

KẾT HỢP CHIẾN TRANH NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI CHIẾN TRANH BẰNG CÁC BINH ĐOÀN CHỦ LỰC — NÉT ĐẶC SẮC CỦA NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

TRONG lịch sử, dân tộc ta thường phải đứng trước một câu hỏi lớn: làm thế nào đánh lại sự xâm lược, thôn tính của những đế quốc lớn có quân đông, vũ khí nhiều hơn mình gấp bội để giữ vững non sông, bờ cõi?

Lịch sử cũng chứng minh rằng: cơ quan lãnh đạo nào của đất nước phát động được ý chí «Không có gì quý hơn độc lập tự do» của toàn dân tộc và phát huy được những nhân tố của chiến tranh chính nghĩa, tạo được sức mạnh tổng hợp, làm chuyển hóa so sánh lực lượng ta, địch, thì sẽ đủ sức đánh những đòn quyết định đập tan âm mưu chiến lược cơ bản của địch, giành thắng lợi vẻ vang, dù cho kẻ địch đông và mạnh như thế nào.

Lợi thế to lớn nhất của chiến tranh chính nghĩa là được nhân dân ủng hộ, vì nó nhằm bảo vệ nhân dân. Điều đó cho phép cơ quan chỉ đạo chiến tranh phát động và tổ chức chiến tranh nhân dân. Song chiến tranh chính nghĩa mới là cơ sở và khả năng tiềm tàng của chiến tranh nhân dân. Sức mạnh của chiến tranh nhân dân là sức mạnh Phù Đổng. Ăng-ghen đã nói: «Những làn sóng của chiến tranh nhân dân cùng với thời gian sẽ nghiền nát và tiêu hủy một đội quân lớn nhất ra từng mảnh...» (1). Sức mạnh ấy còn tùy thuộc vào tài năng nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh và chỉ đạo đấu tranh vũ trang của cơ quan lãnh đạo. Đó là nghệ thuật của: «Một dân tộc muốn giành độc lập cho mình thì không được tự giới hạn trong những phương thức *thông thường* để tiến hành chiến tranh. Khởi nghĩa quần chúng, chiến tranh cách mạng, các đội du kích ở khắp mọi nơi — đó là phương thức duy nhất nhờ đó mà một dân tộc nhỏ có thể chiến thắng được một dân tộc lớn, mà một quân đội ít mạnh hơn có thể đối lập được với một quân đội mạnh hơn và có tổ chức tốt hơn» (2).

Lịch sử của dân tộc ta đã chứng minh lời tổng kết đó: cuộc khởi nghĩa vũ trang của hai bà Trưng; cuộc nổi dậy và kháng chiến chống quân nhà Lương của Lý Bôn — Triệu Quang Phục; các cuộc kháng chiến chống quân Tống của Lê Hoàn và Lý Thường Kiệt; ba lần thắng giặc Nguyên — Mông của vua tôi nhà Trần; cuộc kháng chiến 10 năm chống nhà Minh của Lê Lợi — Nguyễn Trãi; cuộc chiến tranh chống quân Thanh xâm lược của Quang Trung v.v. Những thực tế lịch sử hùng hồn ấy đã vẽ nên bức tranh hoành tráng sinh động và rực rỡ về tài thao lược của ông cha ta trong nghệ thuật tạo sức mạnh của chiến tranh nhân dân. Nét nổi bật

(1) Ph. Ăng-ghen: *Tuyển tập luận văn quân sự*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1974 tập VI, tr. 199—200.

(2) Ph. Ăng-ghen, V. I. Lê-nin, J. Sta-lin: *Bàn về chiến tranh nhân dân*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 27.

Digitized by Google

của nghệ thuật ấy là kết hợp chiến tranh với khởi nghĩa quần chúng; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy... Dân binh các làng xã, quân các lộ cùng với quân của triều đình đã dàn thành thế trận thiên biến, vạn hóa, kìm giữ và làm phân tán suy yếu những đội quân nhà nghề thiện chiến hàng chục vạn tên được trang bị đầy đủ đã từng chiến thắng ở nhiều nơi, để rồi tạo ra lợi thế và thời cơ giáng đòn thời sơn, đánh bại mọi biện pháp chiến lược và âm mưu xâm lược của địch, giành chiến thắng.

Ngày nay, kế thừa truyền thống nghệ thuật quân sự đó, với quan điểm quân sự vô sản, với đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, Đảng ta đã phát triển nghệ thuật chiến tranh nhân dân của dân tộc ta lên một bước mới, lập nên những kỳ tích trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược. Sự phát triển mới của nghệ thuật kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực trong thời kỳ hiện đại thể hiện ở chỗ:

— Lực lượng vũ trang ba thứ quân được tổ chức chặt chẽ, hoàn chỉnh và sâu rộng dựa trên cơ sở yếu tố dân tộc và giai cấp vững chắc. Sự chỉ đạo, điều hành chiến tranh tập trung, thống nhất, nhạy bén và có kế hoạch trên cơ sở quan điểm đường lối và phương pháp luận biện chứng khoa học. Nghệ thuật đó phát huy cao độ khả năng tác chiến của từng lực lượng, đồng thời thực hiện sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các lực lượng. Nó tạo thành sức mạnh tổi ưu để thực hiện những mục tiêu tác chiến cụ thể trên các quy mô chiến lược, chiến dịch và chiến đấu... Vì vậy, sức mạnh của nó là vô cùng to lớn. Đông xuân 1953 — 1954, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp chủ trương tập trung quân cơ động ở đồng bằng Bắc bộ và chọc những mũi dùi khiêu khích ra vùng giải phóng của ta, hòng nhử chủ lực ta giao chiến ở nơi chúng có thế lợi hơn, để nghiền nát chủ lực ta, giành chủ động về chiến lược. Nhưng, ta đã đẩy mạnh chiến tranh du kích kết hợp với một bộ phận chủ lực quân lớn với địch. Dùng một bộ phận chủ lực khác giải phóng Tây bắc, một địa bàn trọng yếu lại là nơi chúng đang sơ hở. Từ đó ta điều được bộ phận quan trọng thuộc lực lượng chủ lực cơ động chiến lược của địch lên Điện biên phủ, nơi ta có thế lợi hơn, rồi tung khối chủ lực cơ động chiến lược của ta ra thực hành trận quyết chiến chiến lược, giành thắng lợi. Đông xuân 1975, bằng hoạt động của chiến tranh nhân dân địa phương kết hợp với các đơn vị chủ lực tại chỗ cộng với thế đứng chân của các binh đoàn chủ lực lớn, ta đã hình thành được các tập đoàn chiến lược và tập đoàn chiến dịch triển khai trên các hướng chiến lược trọng yếu, buộc quân ngụy Sài gòn phải bố trí thế trận hình thành hai cụm quân lớn giăng ra ở hai đầu chiến trường (khu vực chung quanh Sài gòn và chung quanh Huế — Đà nẵng). Khu vực hiểm yếu của thế trận là Tây nguyên và ven biển miền Trung, địch bị sơ hở lớn. Ta bí mật đưa một lực lượng chủ lực kết hợp với lực lượng tại chỗ và địa phương, bất ngờ đánh đòn mở đầu ở Buôn ma thuột. Từ đó phá vỡ thế trận chiến lược của địch, dẫn đến các đòn chiến lược tiếp theo ở Huế — Đà nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giành thắng lợi hoàn toàn. Đó là những đỉnh cao của nghệ thuật kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực trong chiến tranh giải phóng dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc và tay sai của chúng ở biên giới phía bắc và tây nam, chúng ta đã bước đầu vận dụng

Digitized by Google

thành công sự kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực trong hoàn cảnh mới và bước đầu đánh bại âm mưu của chúng.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã đề ra đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, xác định phương hướng thực hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và phương hướng phát triển nghệ thuật quân sự trong hoàn cảnh mới. Đó là những quan điểm, tư tưởng và đường lối đúng đắn hình thành từ sự vận dụng sáng tạo những luận điểm quân sự của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, những kinh nghiệm của 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, từ việc phát huy truyền thống quân sự dân tộc, đồng thời tiếp thu những kinh nghiệm quý báu của nền quân sự vô sản thế giới, nhất là của Liên xô. Trong đó, Đảng ta đã chỉ rõ sự kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực là quy luật giành thắng lợi của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở Việt nam; vai trò và tác dụng của từng phương thức cũng như sự tác động lẫn nhau giữa hai phương thức đó trong quá trình chiến tranh. Sức sống của những quan điểm, đường lối ấy là ở sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo của các cấp lãnh đạo và chỉ huy, của nhân dân trong chuẩn bị và tiến hành chiến tranh.

Muốn kết hợp tốt hai phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện nay, cần chú trọng mấy vấn đề:

— Lực lượng ba thứ quân — quân chủ lực, quân địa phương và dân quân tự vệ — được tổ chức chặt chẽ, rộng rãi và vững chắc với số lượng thích hợp và chất lượng cao. Đó là cơ sở vật chất cốt yếu của nghệ thuật kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh. Số lượng lực lượng vũ trang là quan trọng, song chất lượng là mặt căn bản. Chất lượng lực lượng vũ trang là kết quả của sự tôi luyện đặc biệt về nhiều mặt tinh thần, kỹ năng, kỷ luật, thể lực v.v Đồng thời nó cũng là sản phẩm của ba cuộc cách mạng được thực hiện có kết quả ở mọi nơi, mọi lĩnh vực. Nó quan hệ chặt chẽ với đời sống và kỷ cương xã hội. Nó là kết quả của những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong cả nước, ở từng địa bàn, từng cơ sở. Sự lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước và sự vững mạnh của đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang góp phần quyết định vào chất lượng đó.

— Chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực tồn tại và vận động thống nhất hữu cơ với nhau để tạo ra sức mạnh tối đa. Mỗi phương thức có vai trò, tác dụng độc lập và trên thực tế mang khả năng tác chiến độc lập. Song trong tác chiến độc lập thì sức mạnh của mỗi phương thức chỉ là sức mạnh có hạn. Nó chỉ hoàn thành được những nhiệm vụ hạn chế. Chiến tranh nhân dân địa phương làm nhiệm vụ tiêu hao lực lượng địch, kìm giữ, chia cắt, phân tán lực lượng và làm rối loạn thế trận của địch, tạo điều kiện cho chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực phát huy tác dụng. Chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt lực lượng lớn quân địch, và cùng với chiến tranh nhân dân địa phương kết thúc chiến tranh. Sức mạnh hợp thành của hai phương thức là sức mạnh to lớn. Nếu kết hợp đúng đắn, điều luyện thì sức mạnh của từng phương thức sẽ phát triển nhảy vọt.

Trong nhận thức cũng như trong vận dụng không nên quá nhấn mạnh

Digitized by Google

tác dụng của một phương thức này tới mức coi thường phương thức kia. Đó là cách nhìn và cách làm theo quan điểm siêu hình, cắt rời sự vật, cản trở việc tạo thành sức mạnh tổng hợp của hai phương thức. Mặt khác cũng không nên hiểu và vận dụng một cách máy móc, cho rằng sự kết hợp hai phương thức phải luôn luôn ngang bằng nhau ở bất kỳ thời điểm nào. Do tình hình thực tế trong từng không gian và thời gian cụ thể của chiến tranh quyết định mà phương thức này hay phương thức kia có thể nổi lên và phát huy tác dụng, rồi cùng nhau phát triển lên những bước cao hơn.

— Tính nghệ thuật của sự kết hợp hai phương thức thể hiện ở chỗ: cơ quan chỉ đạo chiến tranh và chỉ huy tác chiến biết lập ra phương án tối ưu. Trong đó, việc sử dụng từng lực lượng với quy mô, chỗ đứng và cách thức hoạt động thích hợp, phát huy cao độ vai trò của nó, tạo được thế trận hiểm hóc, liên hoàn với mưu kế tinh xảo. Nó lừa được địch, giữ kín được đòn hiểm yếu của ta. Kết hợp các quy mô, hình thức tác chiến để đánh địch ở khắp mọi nơi, cả trước mặt, sau lưng, bên sườn, buộc địch phải phân tán và bị chia cắt; kìm giữ được bộ phận địch cần phải kìm giữ; điều động được bộ phận địch cần điều động; chuyển hóa thế trận mau lẹ, nhạy bén; luôn luôn giành chủ động trong mọi tình huống tác chiến, tạo ra thời cơ để tung lực lượng chủ lực đã được chuẩn bị đánh đòn then chốt quyết định đạt tới mục tiêu đã định. Chỉ với lực lượng tổng hợp của ba thứ quân và kết hợp chặt chẽ hai phương thức thì mới tạo ra được cách đánh hay.

★

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đặt ra nhiều yêu cầu mới. Những điều kiện của chiến tranh cũng thay đổi. Nhiều khó khăn mới đặt ra, song ta cũng có những thuận lợi chưa từng có như: ta có thể làm chủ trên cả nước, có thời gian chuẩn bị từ trước, có điều kiện dự kiến các phương án tác chiến từ đầu v.v.

Để đáp ứng những yêu cầu mới của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng là chúng ta cần có những hiểu biết mới về cuộc chiến tranh đó, đi sâu nghiên cứu những quy luật, nguyên tắc, phương thức tiến hành chiến tranh, trên cơ sở đó định ra kế hoạch vận dụng trên địa bàn cả nước và từng địa phương cụ thể.

Công tác chính trị...

(*Tiếp theo trang 31*)

Mỹ cái nội dung cơ bản, cái cốt lõi của nó, để vận dụng vào giai đoạn mới của cách mạng nước ta, để cho công tác chính trị tư tưởng của ta hiện nay bảo đảm vững chắc việc thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối quốc phòng của Đảng.

Công tác chính trị, tư tưởng của chúng ta ngày nay có nhiệm vụ cổ vũ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta ra sức đoàn kết lao động và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên quyết đánh bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt và chiến tranh lấn chiếm đất nước ta của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời không ngừng hoàn thiện công cuộc chuẩn bị đất nước về mọi mặt, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược với bất cứ quy mô nào, trong bất cứ tình huống nào, nếu chúng liều lĩnh gây ra.

Digitized by Google

Trung tướng PHẠM HỒNG SƠN

LỰC, THẾ VÀ THỜI TRONG TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC MÙA XUÂN 1975

LỰC lượng, thế và thời cơ là cơ sở vật chất để lạ quyết tâm chiến lược, và quyết tâm chiến lược lại phải chỉ ra phương hướng để xây dựng, sử dụng, bố trí lực lượng vào thế chiến lược và luôn phát triển thế chiến lược có lợi, tạo ra các thời cơ chiến lược mới đi tới kết thúc thắng lợi chiến tranh.

1 — Về xây dựng và sử dụng lực lượng.

Trong mỗi thời kỳ khác nhau của chiến tranh, việc xây dựng, xác định vị trí và sử dụng các lực lượng của cách mạng và chiến tranh cách mạng đều có sự khác nhau, vì nó phục tùng mục tiêu chiến lược và phương thức tiến hành chiến tranh của từng giai đoạn.

Trong cuộc quyết chiến chiến lược kết thúc chiến tranh để thực hiện mục tiêu chiến lược tiêu diệt hàng triệu quân địch, phá tan cả một bộ máy chính trị phản động lớn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, Đảng ta đã phát triển chưa từng có việc động viên và xây dựng lực lượng cả về số lượng và chất lượng với những hình thức tổ chức thích hợp, bảo đảm thực hiện quyết tâm chiến lược kể cả khi có bước nhảy vọt lớn của cục diện chiến tranh.

Trận quyết chiến chiến lược kết thúc chiến tranh đã dựa trên cơ sở đường lối xây dựng lực lượng của Đảng là động viên và tổ chức toàn dân xây dựng lực lượng chính trị rộng rãi của quần chúng, dòng thời xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh gồm ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, phát huy sức mạnh tổng hợp của hai lực lượng chính trị và quân sự. Chúng ta thấy trong quyết tâm chiến lược của trận quyết chiến chiến lược ấy, Đảng đã chỉ rõ *vai trò đòn bẩy của chủ lực thúc đẩy các lực lượng khác cùng phát triển để giải quyết nhiệm vụ cơ bản nhất của chiến tranh là tiêu diệt lực lượng vũ trang đối phương mà chủ yếu là khối chủ lực của địch.* Khối chủ lực của ta trong giai đoạn cuối của chiến tranh đã có các quân đoàn chủ lực gồm các binh chủng hợp thành được trang bị mạnh, có pháo binh cơ giới và cả xe tăng, thiết giáp, có khả năng tổ chức chiến dịch hiệp đồng binh chủng trên từng hướng chiến dịch và có bộ máy chỉ huy chiến dịch chiến lược quy mô nhiều quân đoàn để tiêu diệt trung tâm chỉ huy của địch tại Sài gòn do nhiều sư đoàn địch phòng giữ. Các chiến dịch quy mô quân đoàn đã diễn ra liên tiếp và đồng thời trên các chiến trường chiến lược như Tây nguyên, Trị thiên, Quảng nam — Đà nẵng, miền Đông Nam bộ.

Nói tới lực lượng, ngoài các binh đoàn, không thể không nói đến những phương tiện vật chất, lương thực, dạn dược, xăng dầu và cả quân số bổ sung cần được bảo đảm đầy đủ cho các chiến dịch lớn liên tiếp diễn ra trong thời gian ngắn. Thành công lớn của ta là đã bảo đảm tốt các phương tiện vật chất các loại với một khối lượng

Digitized by Google

lớn mà nếu không có sự chuẩn bị trước được bố trí vào các địa bàn dự kiến khi mở đầu chiến cuộc, thì không thể đáp ứng kịp thời. Cụ thể là khối lượng vật chất được bảo đảm đã lên tới 576 963 tấn, sử dụng trên 17 000 xe ô tô, xe xích, 270 tàu thuyền, sà lan, 300 toa xe lửa và nhiều chuyến máy bay để vận chuyển.

Một vấn đề lớn trong chuẩn bị lực lượng cho trận quyết chiến chiến lược là lực lượng dự bị chiến lược và quân số bổ sung. Chúng ta đã có một quân đoàn, 3 sư đoàn dự bị chiến lược ngoài ba khối chủ lực mạnh đã bố trí sẵn trên ba chiến trường chủ yếu khi mở đầu chiến cuộc, và đến khi tiến hành chiến dịch Hồ Chí Minh, trong tay Bộ tổng tư lệnh còn 4 sư đoàn mạnh. Ngoài ra, ta đã chuẩn bị một lực lượng quân bổ sung đông đảo trong 2 năm 1973—1974 là 26 vạn; riêng mấy tháng đầu năm 1975, đã huy động 23 vạn quân bổ sung. Đây là con số hết sức lớn nếu so với tổng số quân lúc mở đầu tổng công kích và nổi dậy là 118 225.

Xây dựng, tích lũy và sử dụng tối ưu các đội dự bị chiến lược các loại là một trong những nhiệm vụ quan trọng của chỉ đạo chiến lược, và cũng là một trong những nhân tố để giành và giữ quyền chủ động chiến lược. Xây dựng những binh đoàn dự bị lớn trong một thời gian ngắn và bất ngờ đối với địch, sẽ có thể có được ưu thế quyết định về lực lượng và có điều kiện kịp thời nắm thời cơ chiến lược quyết định cục diện chiến tranh. Việc này không thể làm trong một vài tháng, mà phải làm một cách có kế hoạch lâu hơn mới có kết quả lớn về chiến lược.

Quân chủ lực của ta trong cuộc tổng công kích và nổi dậy mùa xuân 1975 đã giữ vai trò trực tiếp quyết định tiêu diệt quân chủ lực ngụy, xương sống của « Việt nam hóa chiến tranh », từ đó kéo theo sự sụp đổ của bộ máy ngụy quyền, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy. Điều đó đã chứng minh sự chỉ đạo đúng đắn của Bộ chính trị và Quân ủy trung ương như trong nghị quyết của Bộ chính trị đã nêu: « Tổng công kích có ý nghĩa quyết định, phải đi trước một bước ». Vai trò của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương có ý nghĩa chiến lược to lớn trong chiến tranh cách mạng. Nó đã từng là lực lượng chủ yếu để giành thắng lợi chiến lược trong đồng khởi 1959—1960, trong quá trình chiến tranh đã buộc đế quốc Mỹ và tay sai phải dồn nỗ lực lượng, chủ lực cơ động chiến lược của chúng bị sa vào việc phân tán đối phó với từng địa phương, tạo điều kiện cho chủ lực ta tập trung giải quyết quyết định ở nơi quyết định. Riêng trong cuộc tổng công kích và nổi dậy cuối cùng kết thúc chiến tranh, lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương cũng đã góp phần có ý nghĩa chiến lược cùng chủ lực giành thắng lợi hoàn toàn. Trong thực tế, lực lượng vũ trang địa phương đã tranh thủ thời cơ đánh địch khắp nơi, tiêu diệt, làm tan rã nhiều địch, bức hàng hàng nghìn đồn bốt, đánh phá giao thông, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở cơ sở, trực tiếp trợ lực cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở địa phương, kể cả việc giải phóng quận lỵ, thị trấn, thị xã. Nhờ có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương nhanh chóng đập tan lực lượng vũ trang và chính trị tại chỗ của địch, nhanh chóng xây dựng chính quyền cách mạng, các lực lượng và đoàn thể cách mạng, mà chủ lực có điều kiện cơ động nhanh chóng lên phía trước giải quyết tiếp mục tiêu chiến lược của cuộc tổng tiến công. Đặc biệt là sau khi ngụy quyền trung ương đầu hàng ở Sài gòn, thì trên 20 tỉnh còn lại ở Nam bộ hầu hết đều do lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương giải phóng.

Digitized by Google

Ngay ở các trọng điểm tiến công của chủ lực như ở Đà nẵng, Sài gòn, tác dụng của lực lượng vũ trang địa phương cũng hết sức quan trọng trong việc nổ súng đánh chiếm một số điểm xung yếu ở trung tâm thị xã, làm cho kẻ địch rối loạn, hoang mang và làm tăng thêm tác động làm tan rã quân địch do các đòn tiến công của chủ lực. Giống như trên bàn cờ, một tốt đã đi đúng thế cờ, thì tác dụng của xe, pháo lại càng lớn. Có thể khẳng định, nếu không có sự tham gia của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương, thì chiến thắng của chủ lực không thể giòn giã, nhanh chóng như vậy.

Thực tiễn của cuộc tổng công kích và nổi dậy thắng lợi mùa xuân 1975 đã thể hiện mối quan hệ đúng đắn giữa tiến công và khởi nghĩa trong quy luật của chiến tranh cách mạng. Kinh nghiệm ở nước ta cũng như nhiều nước cho thấy, khởi nghĩa chỉ có thể nổ ra và thành công khi kẻ thù không thể cai trị nhân dân như trước được nữa, đông đảo quần chúng quyết tâm vùng lên chiến đấu, *khi các công cụ bạo lực trong tay giai cấp thống trị bị tê liệt, lực lượng vũ trang của chúng bị suy sụp, tan rã do chiến tranh đế quốc hoặc do nội chiến. Nếu bọn thống trị còn lực lượng quân sự mạnh thì khởi nghĩa khó thành công.* Chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam vừa là chiến tranh chống xâm lược, vừa là nội chiến cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa, nhất là các cuộc khởi nghĩa ở thành thị muốn thành công thì phải giành được thắng lợi cơ bản về quân sự, làm cho quân ngụy bị tiêu diệt một bộ phận quan trọng, đi đến tan rã, không còn khả năng phục hồi. Như vậy, đứng về toàn cục mà xét trong quá trình khởi nghĩa, chúng ta không phải chỉ đánh địch bằng lực lượng chính trị, mà còn phải đánh địch bằng lực lượng quân sự, mà tổng công kích quân sự phải đi trước một bước.

Tổng kết chiến tranh cách mạng qua thực tiễn tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 và cả Tết Mậu Thân 1968, chúng ta thấy rõ sự vận động có tính quy luật của phương thức đấu tranh tổng thể trong chiến tranh cách mạng ở thời đại hiện nay là: *tổng công kích phải đi trước một bước và có ý nghĩa quyết định, không thể lấy tổng khởi nghĩa làm đòn chủ yếu, còn tổng công kích chỉ có tác dụng bổ trợ cho tổng khởi nghĩa, kìm giữ quân địch. Khởi nghĩa trong chiến tranh cách mạng phải tuân theo quy luật của chiến tranh cách mạng.*

2 — Về thế trong trận quyết chiến chiến lược.

Lực lượng là một yếu tố quan trọng để có sức mạnh chiến thắng địch. Nhưng nếu không biết sử dụng lực lượng khéo léo thì có khi có lực lượng đông hơn địch mà không giành được chiến thắng. Khi lực lượng không ưu thế hơn mà muốn thắng kẻ địch đông hơn thì nghệ thuật quân sự lại càng phải cao hơn. Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, kẻ địch thường đông hơn ta, do đó truyền thống của nghệ thuật quân sự Việt nam là lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh. Nghệ thuật quân sự truyền thống đó đã được phát huy tới đỉnh cao trong thời đại Hồ Chí Minh, mà một nội dung quan trọng là lập thế ta và phá thế địch để với một lực lượng ít hơn tạo ra một sức mạnh lớn hơn địch, giành chiến thắng.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, với lực lượng được xây dựng và phát triển như đã nói ở trên, chúng ta đã lập được thế trận chiến lược rất hiểm và cơ động. Do đó, đã tạo nên một sức mạnh áp đảo giành thắng lợi quyết định trong thời gian ngắn.

Thế trận chiến lược ấy hình thành trên cơ sở các lực lượng quân sự, chính trị, ba thứ quân được triển khai

Digitized by Google

kịp thời, đúng hướng. Nòng cốt của thế trận này là thế trận của khối chủ lực trên các hướng gồm các quân đoàn, sư đoàn của các quân khu và của Bộ tổng tư lệnh. Ta bố trí ba khối chủ lực lớn ở Tây nguyên, Huế – Quảng nam, miền Đông Nam bộ có khả năng giáng những đòn tiêu diệt lớn về chiến dịch trên từng khu vực và khi cần có thể tập trung nhanh chóng tạo nên thế áp đảo trên hướng quyết định.

Ngoài lực lượng chủ lực, ta đã biết tập trung các lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng chính trị vào các thành phố, thị xã, quận lỵ, chi khu để sẵn sàng phối hợp với chủ lực khi có thời cơ.

Thế trận này đã tạo ra các khả năng:

Một là, vừa đánh được địch trên diện rộng lại vừa tập trung được lực lượng đánh mạnh trên hướng chủ yếu, đánh được địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị và khi cần nhanh chóng tập trung vào đô thị, trung tâm quân sự, chính trị, kinh tế của từng vùng cũng như toàn miền Nam; buộc địch phân tán lực lượng, kể cả khối chủ lực cơ động chiến lược của địch cũng không sao tập trung nổi.

Hai là, có thể chia cắt chiến lược ở Tây nguyên và miền Trung, bao vây, cô lập cụm quân phía bắc, không cho địch rút lui co cụm chiến lược, không cho địch ứng cứu lẫn nhau.

Ba là, có thể cơ động lực lượng tập trung nhanh chóng, chớp thời cơ chiến lược mới xuất hiện vào hướng chủ yếu là Sài gòn – Gia định.

Bốn là, cho phép ta bằng đòn tiến công lớn vào nơi hiểm yếu của địch là Tây nguyên, tạo nên một phản ứng mạnh làm cho địch rối loạn và suy sụp nhanh chóng có tính chất dây chuyền ở từng khu vực cũng như trên quy mô toàn bộ chiến trường. Thế trận này vừa bảo đảm đánh địch trong phương án cơ bản, vừa có thể nhanh chóng chuyển sang phương án thời cơ, bảo đảm giành thắng lợi của cuộc tổng tiến công theo quy luật nhảy vọt của giai đoạn kết thúc chiến tranh.

Thế trận thể hiện nghệ thuật sử dụng lực lượng trong mối tương quan với kẻ địch cụ thể cả về lực và thế. Thế trận không phải chỉ là biết tập trung lực lượng vào địa điểm và thời cơ có lợi để đánh đòn tiêu diệt, mà còn là biết phân tán địch cao độ, điều khiển được địch theo ý muốn của ta trong quá trình diễn biến tác chiến.

Thế trận vận động chuyển hóa trên toàn chiến trường chiến lược, chứ không dừng lại ở một khu vực, một điểm. Nó bao gồm cả tập trung lực lượng ta, phân tán lực lượng địch, tạo nên sự phát triển dây chuyền từ phá vỡ lực lượng địch đến khuếch trương thắng lợi và tiêu diệt địch triệt để khi thời cơ đến. Vì vậy, không nên hiểu thế trận chỉ là bố trí lực lượng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát về tác dụng của thế trận trong hai câu thơ:

Lạc nước hai xe đành bỏ phí
Được thời một tốt cũng thành công.

Có thế trận lợi hại thì lực lượng nhỏ cũng thành sức mạnh lớn, lực lượng lớn lại càng phát huy tác dụng gấp nhiều lần và có thể tạo nên một sức mạnh gấp bội áp đảo đối phương, giành thắng lợi trong thời gian ngắn với hiệu suất cao. Đại thắng mùa xuân 1975 cũng như đại thắng Đông Xuân 1953 – 1954 đã chứng minh nghệ thuật quân sự tài tình của Đảng ta trong việc lập thế trận ta và phá thế trận địch, làm cho hàng triệu quân địch trong một thế trận ổn định được xây dựng hàng chục năm trời, chỉ trong một thời gian ngắn bị tan vỡ từng mảnh. Điểm quan trọng hàng đầu trong nghệ thuật lập thế, tạo thế thể hiện cụ thể ở việc xác định đúng phương

Digitized by Google

hướng và mục tiêu tiến công. Trong tình hình bộ máy chiến tranh của địch được bố trí trên toàn bộ chiến trường miền Nam rộng lớn, phải làm thế nào chọn hướng và mục tiêu tiến công đúng để đánh đòn chủ yếu, quyết định tiêu diệt, làm tan rã địch trên quy mô lớn, phá vỡ thế bố trí chiến lược, tạo ra một phản ứng dây chuyền làm rung chuyển thế chiến lược của địch, dẫn đến đòn quyết định nhất. Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, ta đã chọn thủ đô ngụy là Sài gòn — Gia định làm phương hướng và mục tiêu tiến công chủ yếu quyết định số phận của ngụy quân và ngụy quyền. Nhưng với lực lượng có hạn, phải dùng ba đòn tiến công liên tiếp để gây tác động phản ứng dây chuyền, thì việc chọn hướng và mục tiêu cho đòn mở đầu có tác dụng thôi động cuộc tổng tiến công, là hết sức quan trọng. Bộ chính trị đã chọn *Tây nguyên là nơi địch yếu hơn cả, nhưng lại là nơi hiểm*, có tác dụng chia cắt chiến lược, cô lập quân khu I và khi cần có thể tập trung lực lượng nhanh vào hướng chủ yếu. Chiến thắng ở Tây nguyên vừa có ý nghĩa tiêu diệt một lực lượng quân sự chiến lược, vừa có ý nghĩa phá thế phòng ngự hoàn chỉnh về chiến lược của địch. Nó có khả năng thực tế tạo ra một thế mới để khuếch trương thắng lợi, chuyển thắng lợi cục bộ thành thắng lợi toàn bộ. Như vậy, ta đã *bắt đầu vào chỗ yếu nhưng hiểm, kết thúc vào nơi quyết định nhất của phòng ngự chiến lược của địch là thủ đô của ngụy quyền.*

3— Về tạo và tận dụng thời cơ chiến lược.

Trong nghệ thuật đấu tranh cách mạng cũng như nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, Đảng ta rất coi trọng nhân tố thời cơ, coi thời cơ là một lực lượng hết sức quan trọng.

Thời cơ được tạo ra do nhiều nhân tố phát triển đến chín muồi tạo thành, gồm cả nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan, cả về ta và địch. Những nhân tố đó có quá trình phát triển và tác động lẫn nhau. Ta có thể nhận thức được xu thế phát triển của chúng. Muốn tạo và tận dụng thời cơ phải nắm vững các nhân tố đó, nắm được quy luật phát triển của chúng, phải có sự tác động chủ quan thúc đẩy chúng phát triển chín muồi, hạn chế những nhân tố không có lợi và ra sức chuẩn bị những điều kiện chủ quan để tận dụng thời cơ.

Thời cơ chiến lược của trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975 đã được xác định trong quyết tâm của Bộ chính trị tháng 1-1975. Đặc biệt sau chiến thắng Buôn ma thuột và Tây nguyên, nghị quyết của Bộ chính trị ngày 18 và 25-3-1975 đã xác định thời cơ chiến lược mới trên cơ sở các yếu tố sau :

— Một là, tinh thần quân ngụy đã có bước sa sút mới, đòn Tây nguyên làm rung động cả nông thôn đồng bằng và đô thị.

— Hai là, ta đã phá vỡ thế chiến lược phòng ngự của địch xây dựng từ 20 năm nay, buộc địch phải điều chỉnh việc bố trí chiến lược.

— Ba là, sự chỉ huy của quân ngụy bắt đầu rối loạn và mất hiệu lực, có triệu chứng bước đầu của sự tan rã và suy sụp lớn.

— Bốn là, khả năng can thiệp của Mỹ một lần nữa tỏ ra rất hạn chế.

— Năm là, ta còn sung sức, khí thế ngày càng cao, lực lượng và khả năng chiến đấu được tăng thêm, đã tạo ra một thế chiến lược mới rất cơ động và có lợi. Trình độ chiến đấu của chủ lực đã có bước phát triển mới, có khả năng đánh hiệp đồng binh chủng quy mô lớn giải quyết nhanh gọn một thị xã lớn và đánh tiêu diệt gọn từng đơn vị cấp sư đoàn của địch.

Như vậy rõ ràng đến ngày 24-3-1975, tổng số quân địch tuy còn đông (trên

Digitized by Google

60 vạn, trong đó có 30 vạn quân chủ lực gồm 10 sư đoàn và 8 trung đoàn) nhưng thế và tinh thần của quân địch đã suy yếu.

Thời cơ chiến lược được tạo ra do hành động tích cực, chính xác của ta thể hiện chủ yếu ở đòn tiêu diệt lớn ở Tây nguyên. Điều đó còn do địch phạm sai lầm nghiêm trọng về chiến lược: vội vã rút bỏ Tây nguyên một cách thiếu tổ chức.

Thời cơ xuất hiện trong một thời gian nhất định. Cho nên kịp thời nắm thời cơ chiến lược là một vấn đề quyết định của thắng lợi. Lúc này thời gian là lực lượng, mọi hành động phải theo đúng phương châm «kịp thời nhất, nhanh chóng nhất, táo bạo nhất, bất ngờ nhất, chắc thắng». Chiến dịch Huế — Đà nẵng và cả chiến dịch Hồ Chí Minh đều là sản phẩm của nghệ thuật chỉ đạo tài tình về nắm thời cơ và tạo thời cơ mới liên tiếp theo quy luật nhảy vọt của giai đoạn kết thúc chiến tranh. Nắm thời cơ thể hiện ở chỗ nắm vững địch, đặc biệt là thế chiến lược của chúng, có dự kiến đối với sự phát triển tuần tự và nhảy vọt của chiến tranh, có chuẩn bị mọi mặt cả lực lượng, vật chất sẵn sàng ứng phó với tình thế, đồng thời nắm vững lực lượng dự bị chiến lược, kịp thời cơ động lực lượng để khuếch trương chiến quả. Chỉ trong vài ngày, 40 vạn quân địch đã bị tiêu diệt. Điều đó không thể có được nếu không có thời cơ chiến lược, không có sự chỉ đạo kiên quyết, tài giỏi, nghệ thuật tổ chức chỉ huy tập trung nhiều quân đoàn — lực lượng hiệp đồng tác chiến của chiến dịch chiến lược, không phát động được các lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương phối hợp hành động. Thời cơ tới đòi hỏi phải có sức mạnh của quần chúng, sự nhất trí từ trên xuống dưới và hành động nhanh chóng, kịp thời của các cấp chỉ huy binh đoàn đến phân đội, sự lãnh đạo chính trị của các cấp xuống tận quần chúng nhân dân trong lực lượng chính trị.

Nghệ thuật tạo thời cơ, nắm thời cơ có liên quan mật thiết với nghệ thuật tạo lực lượng, sử dụng lực lượng và nghệ thuật lập thế trận. Lực — thế — thời là ba yếu tố có quan hệ hữu cơ với nhau, tạo ra chiến thắng. Đặc biệt, đối với các cuộc chiến tranh, chiến dịch chiến đấu mà lực lượng ta ít hơn đối phương, thì thời và thế lại có tác dụng rất quan trọng phát huy lực nhỏ thành sức mạnh lớn hơn địch để giành chiến thắng. Đúng như Nguyễn Trãi đã viết: «Được thời có thế, thì nhỏ hóa thành còn, nhỏ hóa ra lớn; mất thời không thế, thì mạnh hóa ra yếu, yên lại thành nguy; sự thay đổi ấy chỉ trong khoảng trở bàn tay» (1).

(1) Nguyễn Trãi: *Toàn tập*. Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1969, tr. 117.

Digitized by Google

HỒNG CHƯƠNG

CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG BẢO ĐẢM THẮNG LỢI CỦA SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

TRONG bài kết luận Hội nghị Bộ chính trị bàn về tình hình và nhiệm vụ của cuộc chống Mỹ, cứu nước hồi đầu năm 1975, sau khi nêu lên quyết tâm của Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết chiến trận cuối cùng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, đồng chí Lê Duẩn có nói: «Quyết tâm này của Bộ chính trị phải được truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân. Phải tiến hành *công tác chính trị, tư tưởng sâu rộng*, cổ vũ mạnh mẽ khí thế quyết chiến, quyết thắng». Đồng chí còn nói thêm: «Làm thật tốt *công tác chính trị tư tưởng* trong quân đội, trong nhân dân, động viên toàn quân toàn dân nêu cao ý chí *tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng*». Những lời đó của đồng chí Tổng bí thư đã nói lên tầm quan trọng của công tác chính trị tư tưởng. Công tác chính trị tư tưởng đã có ý nghĩa cực kỳ to lớn góp phần tạo nên thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đảng ta do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện luôn luôn coi trọng công tác chính trị tư tưởng. Trong cuộc kháng chiến chống tên sen đầm quốc tế là đế quốc Mỹ, Đảng ta càng đặc biệt coi trọng công tác chính trị tư tưởng. Ngay khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bắt đầu Trung ương Đảng đã nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của công tác chính trị tư tưởng. Hội nghị thứ 11 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III) họp trong những ngày 25, 26, 27 tháng 3 năm 1965 đã vạch rõ nhiệm vụ của công tác chính trị tư tưởng như sau: «Công tác lãnh đạo *tư tưởng* và nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên và nhân dân là cực kỳ quan trọng trong lúc này. Cần phải làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận rõ âm mưu của Mỹ, và do những âm mưu và hành động mới của chúng, *miền Bắc* không còn ở trong thời kỳ xây dựng hòa bình nữa, *mà đã bắt đầu ở vào thời chiến*. Cần làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận rõ *so sánh lực lượng* giữa ta và địch, *chỗ mạnh và chỗ yếu, thuận lợi và khó khăn, cũng như khả năng* của ta và của địch; nhận rõ ta đang chiến thắng; ta có lực lượng, có chính nghĩa, và được cả phe xã hội chủ nghĩa và toàn thế giới ủng hộ, Mỹ đang thất bại nghiêm trọng và bị động cả về chính trị và chiến lược, và đang bị cô lập cao độ, cho nên *ta nhất định thắng; chúng nhất định sẽ thất bại hoàn toàn*». (Nghị quyết «Về tình hình và nhiệm vụ trước mắt» của Trung ương, tháng 3-1965).

Một vấn đề cực kỳ quan trọng trong chiến tranh là xác định đúng kẻ thù, hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của nó. Công tác chính trị tư tưởng của ta đã vạch cho quân và dân ta thấy rõ đế quốc Mỹ là kẻ thù của ta; nó chia cắt đất nước ta, giày xéo miền Nam, phá hoại miền Bắc, hòng xâm chiếm cả nước ta. Công tác chính trị tư tưởng khơi dậy trong nhân dân

Digitized by Google

ta cảm thù cao độ đối với đế quốc Mỹ. Nhân các vụ giết người hàng loạt ở Phú lợi, Sơn mỹ... các phương tiện thông tin đại chúng của ta được huy động để tố cáo trước dư luận trong nước và ngoài nước những tội ác tày trời của Mỹ và tay sai, kêu gọi mọi người đoàn kết đấu tranh chống Mỹ. Công tác chính trị tư tưởng của ta cũng giúp cho quân và dân ta hiểu rõ âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ, thấy rõ sự khác nhau giữa chính sách của đế quốc Mỹ và chính sách của thực dân Pháp trước kia. Đế quốc Mỹ không dùng hình thức cai trị trực tiếp như thực dân Pháp ngày trước mà thông qua chính quyền tay sai đội lốt « quốc gia độc lập » để nô dịch nhân dân ta. Chính sách nô dịch theo kiểu thực dân mới của Mỹ là rất nguy hiểm vì nó mang tính chất xảo trá lừa bịp. Tuy vậy, chính sách đó là sản phẩm của thế yếu, thế bị động của chủ nghĩa đế quốc, nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và có những chỗ yếu rất cơ bản.

Trên cơ sở vạch rõ những chỗ yếu cơ bản của đế quốc Mỹ, công tác chính trị tư tưởng của ta đã giúp cho mọi người nhận thức rõ rằng « Mỹ giàu mà không mạnh ». Công tác chính trị tư tưởng đặc biệt coi trọng việc đấu tranh chống tư tưởng sợ Mỹ, phục Mỹ, đồng thời đề phòng tư tưởng chủ quan khinh địch.

Qua mỗi giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng cục diện của chiến tranh, đánh giá đúng so sánh lực lượng về mọi mặt giữa ta và địch, thấy rõ thế của ta và thế của địch, trên cơ sở đó xác định được nhiệm vụ của mình, tin tưởng, phấn khởi, quyết chiến, quyết thắng đế quốc Mỹ và tay sai. Nhờ đó toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta có tư tưởng sẵn sàng chiến đấu và công tác bất cứ ở nơi nào theo tiếng gọi của Đảng và Tổ quốc. Cán bộ, đảng viên và nhân dân có tư tưởng đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của giặc Mỹ. Mọi người nêu cao ý chí tự lực tự cường, sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn gian khổ, kiên quyết chiến đấu lâu dài chống đế quốc Mỹ và tay sai.

Nhờ làm tốt công tác chính trị tư tưởng, Đảng ta đã phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân và dân ta, khắc phục tư tưởng hoang mang giao động, cầu an, bảo mạng, sợ gian khổ khó khăn, sợ hy sinh; bi quan, tiêu cực, hoặc chủ quan nóng vội; cũng như tư tưởng muốn đàm phán khi chưa có điều kiện có lợi, muốn kết thúc chiến tranh với bất cứ giá nào,... Công tác tư tưởng cũng giúp cho mọi người tin tưởng ở sức mình, khắc phục tư tưởng ỷ lại vào sự giúp đỡ của nước ngoài.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác chính trị, tư tưởng của ta đã làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta nắm vững quyết tâm của Đảng ta. Quyết tâm ấy được thể hiện trong những lời nói tiếng của Hồ Chủ tịch : « Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, một triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam Việt nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được ý chí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà nội, Hải phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn »

Digitized by Google

Nhờ có ý chí sắt đá đó, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã vượt qua mọi khó khăn trở ngại, chịu đựng mọi thiếu thốn hy sinh, chiến đấu kiên trì và dũng cảm, đánh thắng từng bước và tiến lên đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ và tay sai.

Về công tác chính trị tư tưởng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta đã thực hiện nghiêm chỉnh chỉ thị sau đây của đồng chí Lê Duẩn: "Phải đặc biệt chú trọng làm thật tốt *công tác chính trị, tư tưởng*, giáo dục các tầng lớp nhân dân căm thù sâu sắc kẻ địch, làm cho cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng hiểu rõ đường lối của Đảng, quán triệt phương châm kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vững lòng tin ở thắng lợi cuối cùng, không sợ Mỹ, và không có ảo tưởng hòa bình". (*Thư gửi Trung ương cục miền Nam*, tháng 11-1965).

Công tác chính trị tư tưởng làm cho mọi người hiểu rõ vì sao chúng ta phải đánh Mỹ; chúng ta chiến đấu kiên quyết và khôn khéo thì thắng được giặc Mỹ; chúng ta phải thắng Mỹ và có thể thắng Mỹ vì chúng ta biết đánh và biết thắng.

Công tác chính trị tư tưởng làm cho mọi người thấy rõ đế quốc Mỹ rất tàn bạo và rất ngoan cố. Càng thất bại chúng càng chống lại. Trong cơn lồng lộn chúng có thể gây cho ta nhiều thiệt hại. Càng tiến đến gần thắng lợi, chúng ta càng gặp nhiều khó khăn lớn. Đó là những khó khăn trên đường thắng lợi; chúng ta có điều kiện và khả năng để vượt qua mọi khó khăn. Chúng ta có chính nghĩa, có đường lối đúng, lại có lực lượng, chúng ta nhất định thắng. Chỉ cần chúng ta có quyết tâm, kiên trì và cố gắng đúng mức thì sẽ vượt qua được mọi khó khăn để giành thắng lợi.

Xây dựng ý chí quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược, đó là nhiệm vụ hàng đầu của công tác chính trị tư tưởng của ta trong suốt thời gian kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

★

Làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nắm vững và quán triệt đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng, đường lối quốc phòng toàn dân và đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng là nhiệm vụ trung tâm của công tác chính trị tư tưởng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bộ máy thông tin đại chúng của Đảng và Nhà nước ta được huy động để tuyên truyền đường lối cách mạng Việt nam do Hội nghị thứ 15 của Trung ương Đảng (tháng 1-1959) và Đại hội thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đề ra với hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời thực hiện: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Giương cao ngọn cờ yêu nước và chủ nghĩa xã hội, đường lối cách mạng của Đảng ta thể hiện yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của nhân dân ta hồi bấy giờ. Công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho mọi người nhận thức rõ ràng cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là thể theo quy luật phát triển của xã hội miền Bắc đã được giải phóng khỏi ách thực dân đồng thời là thể theo yêu cầu của cách mạng cả nước; bởi vì xây dựng miền Bắc là xây dựng thành trì cách mạng cả nước, xây dựng cơ sở vững chắc để đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam cũng vừa là thể theo quy luật phát triển của xã hội miền Nam đang ở

Digitized by Google

dưới ách thống trị thực dân mới của Mỹ, vừa là thể theo yêu cầu của cả nước phải bảo vệ miền Bắc, tạo điều kiện thuận lợi cho miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nắm vững tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 15 của Trung ương Đảng, công tác chính trị, tư tưởng đã làm cho mọi người thấy rằng vì đế quốc Mỹ quyết tâm bám lấy miền Nam, chúng không tự nguyện từ bỏ hành động bạo lực nhằm tiêu diệt cách mạng miền Nam và xâm lược miền Bắc, cho nên nhân dân ta phải chuẩn bị về mọi mặt theo phương hướng cơ bản là *khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ—Diệm*. Công tác chính trị tư tưởng cũng làm cho mọi người thấy rõ rằng cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam có thể chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang lâu dài.

Công tác chính trị tư tưởng cũng giúp cho mọi người nắm vững và quán triệt chiến lược chung của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là chiến lược tiến công, nắm vững và quán triệt phương châm của chiến lược đó là đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến lên đánh đổ toàn bộ kẻ địch, đồng thời biết kéo địch xuống thang, thắng địch từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững phương pháp cách mạng của Đảng ta là: sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; kết hợp ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ; thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ; nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy để bẹp quân địch giành thắng lợi cuối cùng.

Công tác chính trị tư tưởng động viên cán bộ đảng viên và nhân dân cố gắng vượt bậc sáng tạo ra thời cơ đồng thời chuẩn bị lực lượng để khi thời cơ xuất hiện do địch gặp khó khăn và thất bại thì kịp thời nắm lấy thời cơ, thực hiện những bước nhảy vọt của cuộc kháng chiến. Chúng ta làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quán triệt tư tưởng kiên trì kháng chiến cho đến thắng lợi, đồng thời quán triệt tinh thần cách mạng không ngừng, phát huy mạnh mẽ tinh thần cách mạng tiến công.

Công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thấy rõ đường lối cách mạng của Đảng ta là một đường lối độc lập tự chủ, đúng đắn và sáng tạo. Có đường lối đúng đắn, Đảng ta có thể huy động đến mức cao nhất mọi lực lượng của dân tộc, kết hợp được lực lượng cách mạng của dân tộc và lực lượng cách mạng của thời đại, đánh bại được đế quốc Mỹ xâm lược. Có được nhận thức sâu sắc về đường lối của Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, kiên quyết vì lợi ích tối cao của Tổ quốc, vì tiền đồ vẻ vang của dân tộc, vì sự sống còn của nhân dân cả nước, mà ra sức vượt

Digitized by Google

mọi khó khăn, chịu đựng mọi gian khổ, sẵn sàng hy sinh tất cả để xông lên tiến công địch, chiến đấu liên tục, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Để giúp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và quán triệt đường lối của Đảng, chúng ta đã đấu tranh kiên trì chống những khuynh hướng cho rằng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc có thể «chung sống hòa bình» với chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam. Mặt khác, chúng ta chống lại khuynh hướng «trường kỳ mai phục» không tiến hành cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam. Cả hai khuynh hướng này đều dẫn đến kết quả giống nhau là khiến cho nhân dân ta cam chịu cảnh chia cắt lâu dài đất nước ta. Công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nâng cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường. Nó đã làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận rõ giải phóng miền Nam là trách nhiệm chung của nhân dân cả nước; cả nước đều phải tham gia đánh giặc, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn.

Công tác chính trị tư tưởng đã giúp toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nắm vững phương châm Đông dương là một chiến trường, trong đó miền Nam Việt nam là chiến trường quan trọng nhất, miền Bắc Việt nam không những là hậu phương lớn của miền Nam, mà còn là hậu phương của cách mạng các nước Lào và Cam-pu-chia. Nhân dân ba nước Đông dương tăng cường tình đoàn kết gắn bó, ủng hộ lẫn nhau, cùng nhau chiến đấu, cùng nhau chiến thắng đế quốc Mỹ. Nhân dân Việt nam quyết làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia.

Công tác chính trị tư tưởng đã làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhận rõ chúng ta có vinh dự lớn làm nhiệm vụ dân tộc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế cao cả.

Công tác chính trị tư tưởng làm cho mọi người thấy rõ thế hệ chúng ta có vinh dự lớn tiến hành cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc; nhân dân ta có vinh dự lớn đi tiên phong trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới chống đế quốc Mỹ, kẻ thù số một của nhân loại tiến bộ; cổ vũ mọi người dũng cảm tiến lên, vượt mọi khó khăn đánh bại kẻ thù.

Công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho cán bộ đảng viên và nhân dân thấy rõ *sự chỉ đạo chiến lược sắc bén* của Trung ương Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch và Bộ chính trị. Tư tưởng của sự chỉ đạo chiến lược đó là *tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ các mặt*. Nhờ có sự chỉ đạo chiến lược sắc bén đó mà cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, và mùa xuân 1975, với phương châm *thần tốc, táo bạo, bất ngờ*, các cánh quân của ta đã giáng cho quân địch những đòn sấm sét, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

★

Thể hiện sự chỉ đạo chiến lược của Đảng, công tác chính trị tư tưởng tỏ ra nhạy bén sắc sảo, nhất là trong những thời điểm có tính chất bước ngoặt của cách mạng và chiến tranh cách mạng ở miền Nam.

Trong những năm 1958 — 1959, khi cách mạng miền Nam gặp khó khăn nghiêm trọng nhất, khi Mỹ — Diệm lê máy chém đi khắp miền Nam để giết hại đồng bào ta, công tác chính trị tư tưởng của Đảng đã vạch rõ địch không mạnh như chúng tưởng, đồng

Digitized by Google

bào miền Nam không bao giờ chịu khuất phục đế quốc Mỹ và tay sai; chỉ có thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt được cảnh đau khổ của đồng bào miền Nam; con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân; con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn tư sản mại bản quan liêu, quân phiệt, phát xít, tay sai của Mỹ, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Được tiến hành theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 15 của Trung ương Đảng (khóa II), công tác chính trị tư tưởng đã góp phần thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam. Các cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra khắp nơi làm xoay chuyển tình thế: từ khó khăn nghiêm trọng chuyển thành cao trào, từ «đứng trước nguy cơ bị đè bẹp, không gượng lên nổi» chuyển thành «quần chúng đã vùng dậy», và «về lực lượng chính trị ta đã chiếm ưu thế tuyệt đối so với Mỹ—Diệm» như đồng chí Lê Duẩn đã nhận xét trong *Thư vào Nam*.

Trong những năm 1966 — 1968, khi đế quốc Mỹ đưa ào ạt mấy chục vạn quân Mỹ vào miền Nam, thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ ở miền Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân, hải quân, đẩy chiến tranh phát triển đến mức cao nhất, công tác chính trị tư tưởng của Đảng ta vạch rõ rằng quân Mỹ vào không phải trong thế mạnh, mà trong thế thua, thế yếu, thế bị động; vào để cứu quân ngụy khỏi sụp đổ; rằng quân Mỹ vào là «hạ sách» của chủ nghĩa thực dân mới là thứ chủ nghĩa thực dân phải giấu mặt, trá hình để lừa bịp nhân dân; quân Mỹ vào càng làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa nhân dân ta và đế quốc Mỹ; rằng quân Mỹ vào, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, tuy mức độ chiến tranh giữa ta và địch ngày càng trở nên gay go ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở vững chắc để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch.

Được tiến hành theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 12 của Trung ương Đảng (khóa III), công tác chính trị tư tưởng của ta đã cổ vũ mạnh mẽ quân và dân ta nêu cao ý chí quyết chiến, quyết thắng, tiếp tục phát huy thế tiến công chiến lược, giáng những đòn sấm sét vào các trung tâm đầu não của Mỹ—ngụy trong Tết Mậu Thân (1968), làm thất bại chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh.

Năm 1973, sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, Mỹ buộc phải rút quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam nước ta, các lực lượng vũ trang của ta vẫn ở lại miền Nam, so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho ta; trong hoàn cảnh đấu tranh mới rất phức tạp, tuy nhiều nơi lực lượng và thế trận của ta được giữ vững, nhưng có một số nơi phong trào cách mạng lại gặp khó khăn, tổn thất; công tác chính trị tư tưởng của ta đã kịp thời vạch rõ rằng địch còn chống phá được phong trào ở một số nơi không phải do địch mạnh mà do ta có sai sót; cách mạng miền Nam đã có thế và lực mạnh hơn trước.

Được tiến hành theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 21 (tháng 10-1973) của Trung ương Đảng (khóa III), công tác chính trị tư tưởng của ta đã chỉ rõ: *con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng*; đường lối chiến lược của cách mạng miền Nam là đường lối chiến lược tiến công; phương hướng tư tưởng và hành động của quân và dân ta là

Digitized by Google

nhanh chóng tạo thế mới, lực mới, trong mọi khả năng, quyết tiến lên giành thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Công tác chính trị tư tưởng đã cổ vũ mạnh mẽ quân và dân ta hăng hái phấn đấu, ra sức phát huy thắng lợi đã giành được trong sự nghiệp « đánh cho Mỹ cút » tiến lên hoàn thành nốt nhiệm vụ « đánh cho ngụy nhào » như Hồ Chủ tịch kính yêu đã vạch rõ từ xuân 1968.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, nắm vững tinh thần nghị quyết của Bộ chính trị (tháng 10-1971), công tác chính trị, tư tưởng đã giúp mọi người thấy rõ rằng ngụy quyền Sài gòn đã suy yếu nhanh chóng và toàn diện; dần dần đi vào thế phòng ngự, ta giành thắng lợi lớn, tuy là mới thắng lợi một bước nhưng vững chắc, có ý nghĩa quan trọng, để quốc Mỹ còn âm mưu tiếp tục thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, nhưng khả năng trực tiếp can thiệp của Mỹ khó khăn hơn trước nhiều, mà dù chúng có trực tiếp can thiệp, ta cũng quyết đánh thắng, quyết giải phóng miền Nam. Tình hình đang có những bước phát triển nhảy vọt « một ngày bằng hai mươi năm ». Chúng ta đang đứng trước những triển vọng và thời cơ chiến lược lớn. Công tác chính trị tư tưởng cổ vũ mọi người ra sức thực hiện bằng được quyết tâm mà Bộ chính trị đã đề ra: « Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã tuyệt đại bộ phận ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền các cấp và giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, *giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước* ». (Nghị quyết Bộ chính trị, tháng 10-1974).

Về ngoại giao chúng ta làm cho cán bộ đảng viên nắm vững chủ trương của Đảng ta là « vừa đánh vừa đàm, vừa kỳ vừa đánh » nhằm tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang hoàn thành nhiệm vụ. Công tác chính trị tư tưởng đã cổ vũ cán bộ đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật, phát huy tinh thần dũng cảm không hờ bến, gương mẫu đi đầu, xông lên ở những nơi gay go gian khổ nhất. Công tác chính trị tư tưởng đã có tác dụng động viên sự cố gắng cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền, dốc toàn lực giải phóng cho được miền Nam. Công tác chính trị tư tưởng đã cổ vũ mọi người anh dũng tiến lên vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, vì sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới và của cả loài người tiến bộ.

★

Đấu tranh tư tưởng chống địch là một mặt quan trọng của công tác chính trị tư tưởng. Nghị quyết « *Về tình hình và nhiệm vụ mới* » của Trung ương Đảng tháng 10-1968 đã nhấn mạnh: « Phải rất coi trọng việc đẩy mạnh đấu tranh với địch trên mặt trận chính trị tư tưởng, kiên quyết đánh bại mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý của địch ». Để xâm lược nước ta, nó địch nhân dân ta, đế quốc Mỹ không chỉ dùng đội quân viễn chinh gồm hơn nửa triệu tên của Mỹ mà còn dùng bộ máy chiến tranh tâm lý đồ sộ với những phương tiện hiện đại nhất. Chống chiến tranh tâm lý của địch là một mặt không thể thiếu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng chống địch chúng ta chĩa mũi nhọn vào chỗ yếu cơ bản của địch là *tính*

Digitized by Google

chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh của Mỹ. Chúng ta đã làm rõ chính sách và hành động của Mỹ là xâm lược, và ngụy quyền miền Nam là tay sai của Mỹ. Chúng ta đã làm rõ chính đế quốc Mỹ và tay sai đã phá hoại Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 và Hiệp định Pa-ri năm 1973. Chúng ta đã làm rõ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là chính nghĩa, chúng ta vì độc lập dân tộc và hòa bình mà phải chống Mỹ.

Phối hợp với đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, cuộc đấu tranh tư tưởng chống địch đã góp phần *đề bẹp ý chí xâm lược* của Mỹ. Nó đã chỉ rõ thế tất thắng của ta và khẳng định Mỹ và tay sai nhất định sẽ thất bại. Phát huy thắng lợi của quân và dân ta trong các trận Ấp bắc, Bình giã, Núi Thành, Vạn tường, Tết Mậu Thân, Đường 9 – Nam Lào, các chiến công hạ máy bay bắt giặc lái Mỹ trên miền Bắc,... cuộc đấu tranh tư tưởng của ta đã góp phần làm cho ý chí chiến thắng của Mỹ ngày càng tan rã. Trong hàng ngũ quân đội Mỹ và quân đội đánh thuê và chính quyền tay sai, tư tưởng thất bại chủ nghĩa ngày càng lan rộng.

Do tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược, cho nên quân đội viễn chinh Mỹ chiến đấu không có lý tưởng, tinh thần chiến đấu thấp kém. Trên chiến trường miền Nam nước ta quân đội hiện đại của đế quốc Mỹ buộc phải chiến đấu trong những điều kiện rất khó khăn, gian khổ, không thích hợp với chúng. Do đó tinh thần chiến đấu của chúng càng sút kém. Bị các lực lượng vũ trang của ta giáng cho những đòn đau, chúng càng thêm hoang mang. Công tác tuyên truyền của ta bồi thêm những đòn tiến công tư tưởng khiến cho tinh thần chiến đấu của chúng càng thêm sa sút. Ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ bị lung lay.

Công tác chính trị tư tưởng của ta đã tham gia tích cực vào công tác vận động ngụy quân. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta rất coi trọng công tác binh vận. Đồng chí Lê Duẩn đã nói: « Làm tan rã lực lượng quân sự địch là rất quan trọng và cấp bách. Phải có một phong trào quần chúng làm binh vận thật rộng rãi và mạnh mẽ ». Đồng chí còn nói: « Thắng địch bằng công tác binh vận cũng quan trọng như thắng địch bằng tác chiến ». (*Thư vào Nam*, ngày 13-8-1972).

Chúng ta thường xuyên làm công tác tuyên truyền vận động binh lính địch. Công tác binh vận được kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Chúng ta tố cáo mạnh mẽ âm mưu và tội ác của Mỹ ngụy, đập tan những luận điệu lừa bịp xảo trá của chúng, làm cho binh lính trong hàng ngũ địch căm thù Mỹ – ngụy. Chúng ta làm cho binh sĩ ngụy quân và nhân viên ngụy quyền hiểu rõ chính sách đại đoàn kết và hòa hợp dân tộc của ta. Chúng ta làm cho họ thấy rõ nỗi nhục của cuộc đời nô lệ, thấy rõ nỗi đau khổ của nhân dân ta là do Mỹ – ngụy gây ra, thấy rõ phải chống Mỹ và tay sai thì nước ta mới độc lập, dân ta mới tự do và hạnh phúc. Qua làn sóng điện, tiếng nói chính nghĩa của ta đã vào tận buồng ngủ của binh sĩ ngụy quân và nhân viên ngụy quyền đánh thức tinh thần yêu nước của họ.

Ta càng thắng to, địch càng thua nặng, tinh thần binh lính, sĩ quan quân đội ngụy càng sa sút, chúng ta càng đẩy mạnh công tác binh vận làm tan rã hàng ngũ địch. Nêu khẩu hiệu đòi hòa bình, chống bắt lính, đôn quân, chúng ta đã mở những chiến dịch tuyên truyền, vận động các gia đình có người thân trong các tổ chức vũ trang, nửa vũ trang của địch, gây thành những đợt đấu tranh công khai, quy mô lớn, chống bắt lính,

Digitized by Google

đôn quân, đòi chồng con bỏ ngũ trở về, đòi trả súng không đi chiến đấu, v.v. Chúng ta còn tổ chức cho cha mẹ, vợ con binh lính đi vận động binh sĩ địch tại ngũ. Chúng ta đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền giáo dục thanh niên; nhiều thanh niên được giác ngộ cách mạng khi bị địch bắt đi lính đã trở thành phần tử tích cực của ta trong hàng ngũ địch.

Đế quốc Mỹ và tay sai dùng chiêu bài « ủng hộ quốc gia, bài trừ cộng sản », để chia rẽ các gia đình, gây hận thù trong làng xóm, đẩy một số người đi vào con đường tội lỗi. Chúng ta chủ trương đoàn kết, huy động tất cả mọi người có thể huy động được vào cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bất cứ ai bỏ hàng ngũ địch, trở về với nhân dân đều được đối xử khoan hồng. Chúng ta thi hành đúng chính sách 10 điểm đối với binh sĩ ngụy.

Công tác chính trị tư tưởng của ta còn nói rõ chính sách của ta đối với binh sĩ ngụy quân và nhân viên ngụy quyền sau khi chiến tranh kết thúc để cho họ yên tâm. Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nói : « Sau giải phóng, chúng ta kêu gọi đoàn kết, lôi kéo những người lầm lạc trở về với bà con, làng nước, với Tổ quốc, nhân dân. Hòa hợp dân tộc cũng là hòa hợp trong từng gia đình, từng thôn xóm, làm cho gia đình được đoàn tụ, thôn xóm được hòa thuận yên vui ». Đồng chí còn nói thêm : « Theo tinh thần hòa hợp dân tộc, cách mạng chủ trương « đại xá » đối với những người đã tham gia các tổ chức chính trị hoặc vũ trang của địch. Tất cả những ai thấy được tội lỗi, đoạn tuyệt với quá khứ, quay về đường lẽ phải, đều có chỗ đứng trong lòng dân tộc ». (*Thư vào Nam*, tháng 8-1972).

Bằng báo chí, đài phát thanh, chúng ta nói rõ chúng ta lấy nhân nghĩa để cảm hóa, lấy khoan hồng để đối xử, tuyệt đối không báo oán trả thù. Báo, đài của ta tố cáo tội ác, vạch trần âm mưu, thủ đoạn chia rẽ thâm độc của Mỹ—ngụy, song không gây căm thù đối với người ở lại với cách mạng, quay về với nhân dân, mà chĩa mũi nhọn vào bọn tội phạm chính là đế quốc Mỹ và tay sai đầu sỏ. Chúng ta khêu gợi lòng yêu nước, vun đắp tình nghĩa đồng bào, tình nghĩa quê hương làng xóm. Chúng ta chủ trương khuyến khích mọi người đoàn kết, thương yêu đùm bọc nhau, xóa lỗ tị hiềm, thù oán do đế quốc Mỹ và tay sai gây ra, hăng hái tham gia sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng cuộc sống mới hòa bình, tự do, ấm no, hạnh phúc.

★

Những kinh nghiệm về công tác chính trị, tư tưởng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước rất phong phú và quý báu. Nắm vững đường lối của Đảng, bám sát sự chỉ đạo chiến lược của Trung ương Đảng, công tác chính trị tư tưởng luôn luôn ở tư thế cách mạng tiến công, giáo dục các tầng lớp nhân dân về tinh thần yêu nước và căm thù sâu sắc đối với quân giặc, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ đường lối của Đảng, đoàn kết triệu người như một, ra sức chấp hành đường lối đó, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn.

Ngày nay, chúng ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những kinh nghiệm về công tác chính trị tư tưởng trong kháng chiến chống Mỹ có thể giúp ích cho việc tiến hành công tác chính trị và tư tưởng của chúng ta hiện nay. Chúng ta phải rút ra từ công tác chính trị tư tưởng trong kháng chiến chống

(Xem tiếp trang 16)

Digitized by Google

VŨ QUANG

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH VÌ DÂN SINH, DÂN CHỦ VÀ HÒA BÌNH CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN CÁC NƯỚC TƯ BẢN HIỆN NAY

NGÀY 1-5-1986, giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới kỷ niệm ngày Quốc tế lao động, ngày mà cách đây 100 năm được đánh dấu bằng những dòng máu của công nhân Mỹ đổ xuống đường phố Si-ca-gô đề đòi thực hiện ngày làm 8 giờ. Ngày này hằng năm, những lá cờ đỏ phấp phới trên hành tinh nhắc nhở chúng ta về lịch sử đấu tranh lâu dài và anh dũng với những chiến công vẻ vang của hàng chục triệu quần chúng công nhân các nước. Những lá cờ ấy vẫy gọi tiếp tục đấu tranh để giải phóng lao động, giải phóng nhân loại khỏi mọi áp bức và bất công. Ngày này, những lá cờ ấy nhắc nhở mọi người chớ quên rằng tại một bộ phận của hành tinh chúng ta, giai cấp những người lao động vẫn đang từng ngày từng giờ đương đầu một cách quyết liệt với các chính sách bóc lột, đàn áp tàn bạo của chủ tư bản và giai cấp cầm quyền.

★

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cảnh tiêu điều và thất nghiệp hàng loạt bao trùm khắp nơi. Quần chúng lao động dưới chế độ tư bản hết sức căm ghét các tổ chức tư bản độc quyền, những tổ chức đã nuôi dưỡng và che chở cho chủ nghĩa quốc xã, tử thù của hòa bình, cội nguồn của sự kiệt quệ của nền kinh tế các nước tư bản và toàn thế giới. Trước sức ép của phong trào công nhân, giới chủ buộc phải thi hành nhiều biện pháp để bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động, phải thực hiện một số chính sách về bảo hiểm xã hội. Các nhà tư bản buộc phải rút về thế phòng ngự. Có thể nói trong nhiều chục năm sau chiến tranh, đi đôi với sự phồn vinh tạm thời về kinh tế ở các nước tư bản, phong trào công nhân đã giành được những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh chống tư bản, bảo vệ quyền lợi người lao động. Chính trong khung cảnh đó mà bọn cải lương đã vội đưa ra những lý luận nhằm bảo vệ chủ nghĩa tư bản, nào là tư bản và lao động "hợp tác", "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "Nhà nước phúc lợi chung", nào là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội đã "hội tụ" lại rồi... Ngay gần đây, lãnh tụ các đảng xã hội dân chủ cầm quyền ở Cộng hòa liên bang Đức, Áo... còn vênh vang tuyên bố rằng đất nước họ – nơi mà chủ nghĩa tư bản ăn sâu bám rễ suốt mấy thế kỷ nay – nay đã trở thành nước "xã hội chủ nghĩa". Điều đó, đối với giai cấp công nhân, thật là kỳ quái. Thực tế như thế nào? Tại các nước nói trên cũng như ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa đang diễn ra những mâu thuẫn gay gắt giữa lao động và tư

Digitized by Google

bản, giữa người bị bóc lột và kẻ bóc lột, những hiện tượng phân hóa giai cấp một cách phổ biến và sự bần cùng hóa của người vô sản. Những thực tế đó đã bác bỏ những luận điệu đối trá nói trên.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại khác xa với chủ nghĩa tư bản thời kỳ giữa thế kỷ 20. Khác như thế nào? Chủ yếu đó là sự phát triển mạnh của chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước. Sức mạnh của tư bản độc quyền và quyền lực của Nhà nước tư sản câu kết với nhau trong một cơ chế thống nhất. Mục tiêu của chúng là hạn chế và dập tắt phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, xóa bỏ những thành quả xã hội mà quần chúng lao động đã giành được qua nhiều năm đấu tranh liên tục và gian khổ. Điều này gây ra sức ép mạnh mẽ chưa từng có đối với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm bảo vệ cuộc sống của mình, khiến cho mâu thuẫn giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột ngày càng gay gắt. Đồng thời xu hướng quốc tế hóa ngày càng tăng trong hệ thống tư bản độc quyền Nhà nước, sự liên kết quốc tế của bọn tư bản độc quyền ngày càng phát triển, tích tụ và tập trung tư bản diễn ra trên phạm vi nhiều nước, biến thế giới tư bản chủ nghĩa thành một công xưởng của chủ nghĩa đế quốc mà các công ty xuyên quốc gia là đại diện. Tình hình đó cho phép chủ nghĩa đế quốc vạch ra chiến lược chung về kinh tế, chính trị, xã hội nhằm tìm kiếm lợi nhuận tối đa dưới hình thức tinh vi được che đậy để che mắt người lao động, chia rẽ và đối lập công nhân nước này và nước khác. Hơn bao giờ hết, thực tiễn đang chứng thực hùng hồn điều khẳng định sau đây của Mác: Tư bản là một lực lượng quốc tế. Vì vậy, vô sản cũng phải là một lực lượng quốc tế.

Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân mới thông qua các công ty xuyên quốc gia để đẩy mạnh việc bòn rút lợi nhuận ở các nước đang phát triển. Chúng trả lương cho công nhân các nước đang phát triển ít hơn 2 lần so với công nhân trong nước chúng. Các công ty lớn của Mỹ đang sử dụng lao động của các nước nghèo để khỏi phải trả mức lương cao hơn cho công nhân Mỹ. Nhờ có được siêu lợi nhuận bằng cách đó mà nhiều chủ tư bản lũng đoạn có thể chịu đựng được các cuộc bãi công kéo dài hằng tháng, hằng năm của hàng nghìn công nhân. Thế giới hiện đại đang phải chứng kiến một nghịch cảnh là trong khi hàng triệu công nhân các nước đang phát triển nai lưng làm việc suốt ngày để nhận đồng lương rẻ mạt thì hàng triệu công nhân các nước tư bản phát triển nhất bị sa thải và thất nghiệp kéo dài. Chưa bao giờ chủ nghĩa tư bản lại hút máu người lao động ở trong nước và ở ngoài nước một cách tinh vi và tàn khốc như vậy hệt như con đỉa hút máu bằng hai vòi mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mô tả cách đây nhiều chục năm. Chưa bao giờ giai cấp công nhân trong thế giới tư bản chủ nghĩa, kể cả các nước phát triển và đang phát triển lại phải đương đầu một cách khốc liệt với những cuộc tiến công tàn bạo của các công ty xuyên quốc gia như hiện nay.

Một đặc điểm lớn của chủ nghĩa tư bản hiện đại là chúng ra sức sử dụng những thành tựu của cách mạng khoa học và kỹ thuật để phát triển lực lượng sản xuất lên mức rất cao. Sức mạnh to lớn chưa từng có của khoa học kỹ thuật nằm trong tay chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước đã biến thành công cụ hoàn toàn vị kỷ. Nó sử dụng những thành tựu mới nhất của nền văn minh để phục vụ lợi ích giai cấp của nó, bảo vệ sự sống còn của chủ nghĩa tư bản.

Thực tiễn cho thấy việc ứng dụng kỹ thuật mới cho phép phát triển những ngành kinh tế ít tốn lao động

Digitized by Google

nhất và giảm nhẹ nhu cầu về nhân lực. Nhưng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật gây ra những hậu quả xã hội nghiêm trọng. Hàng triệu người lao động bị đuổi ra khỏi nhà máy, bị thiếu thốn về vật chất. Nạn thất nghiệp trở thành căn bệnh kinh niên, dù cho cục diện kinh tế tư bản chủ nghĩa có thay đổi như thế nào. Các tổ chức độc quyền và những tên dày tớ của chúng trên lĩnh vực tư tưởng luôn luôn lừa dối quần chúng lao động. Chúng lừa bịp công nhân rằng việc gì mà phải sợ khoa học kỹ thuật! Nhưng cho đến nay, tất cả những tiến bộ về kỹ thuật và công nghệ sản xuất diễn ra dưới chủ nghĩa tư bản đều làm tăng thêm nạn thất nghiệp không chỉ của công nhân công nghiệp mà cả hàng ngũ « những người áo cổ trắng », tức là các kỹ thuật viên và lao động trí óc trong kinh tế. Tại sao trong những chục năm cuối thế kỷ 20, công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa lại vẫn là nạn nhân của tiến bộ kỹ thuật, của những máy móc ngày càng hiện đại? Tại sao chủ nghĩa tư bản rốt cuộc vẫn không thể sử dụng khoa học và kỹ thuật để mang lại phúc lợi cho quần chúng lao động như chúng luôn miệng rêu rao? Tại sao quyền được lao động của hàng triệu con người lại bị tước đoạt? Chủ nghĩa tư bản không bao giờ trả lời được những câu hỏi đó một cách đúng đắn. Tất cả đều ở chỗ quy luật giá trị thặng dư — chạy theo lợi nhuận đang ngự trị trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Ở tất cả các nước tư bản tiên tiến nhất đều có hiện tượng kỳ lạ là đang diễn ra sự cạnh tranh giữa người máy, công nghệ hiện đại và người lao động. Giai cấp công nhân đang phải đương đầu với một tình thế mới. Họ phải đấu tranh mạnh mẽ để buộc chủ xí nghiệp trong khi ứng dụng kỹ thuật mới, không được sa thải công nhân, mà phải giữ nguyên chỗ làm việc và cải thiện điều kiện lao động cho họ.

Theo những dự báo khoa học, trong những chục năm tới, cách mạng khoa học và kỹ thuật còn phát triển mạnh mẽ, kỹ thuật và thiết bị sản xuất còn được đổi mới chưa từng thấy. Nhưng dưới chủ nghĩa tư bản, sở hữu tư nhân còn thống trị, nguồn gốc của mọi tai họa vẫn còn nguyên vẹn, cách mạng khoa học và kỹ thuật chưa thể chấm dứt được khủng hoảng kinh tế và nạn thất nghiệp, chưa thể phục vụ lợi ích toàn xã hội. Giai cấp công nhân còn phải tiếp tục giương cao ngọn cờ đấu tranh chống tư bản, chống thất nghiệp, đòi giảm giờ làm và đòi được hưởng những thành quả của tiến bộ khoa học và kỹ thuật.

Một đặc điểm nổi bật của thế giới tư bản chủ nghĩa hiện đại là sự hoạt động điên cuồng của các tổ hợp công nghiệp — quân sự. Các tập đoàn tư bản độc quyền chuyên sản xuất vũ khí, bọn tướng lĩnh trùm chiến tranh, các tập đoàn quan liêu Nhà nước tư bản, bộ máy tư tưởng và các cơ quan chuyên nghiên cứu về chiến tranh của chúng, tất cả những cái đó tập hợp lại thành cái gọi là tổ hợp công nghiệp — quân sự, kẻ truyền bá và thực hiện đắc lực nhất chính sách chạy đua vũ trang và chuẩn bị chiến tranh một cách phiêu lưu và điên cuồng. Việc sản xuất vũ khí và chạy đua vũ trang hạt nhân, quân sự hóa vũ trụ đem lại những lợi nhuận khổng lồ cho các tập đoàn tư bản độc quyền, trong khi những chi phí quân sự to lớn đó lại là những gánh nặng đè lên vai giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sự cấu kết đầy tội ác giữa các tập đoàn sản xuất vũ khí giết người với chính quyền Nhà nước đế quốc là chỗ dựa của bọn phản động cực đoan của chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa phát xít mới, nguồn gốc thường xuyên tạo ra nguy cơ chiến tranh, gây ra sự đảo lộn và vô

Digitized by Google

vẫn khó khăn trong đời sống người lao động.

Trong chạy đua vũ trang và trong chiến tranh, người lao động không được lợi gì, ngược lại, họ bị thiệt hại nhiều nhất. Việc tăng cường quân sự ngốn mất những của cải to lớn mà lẽ ra có thể dùng để làm cho hàng trăm triệu người lao động thoát khỏi nạn đói kinh niên, nạn thất nghiệp triền miên, bệnh tật, mù chữ, nạn ô nhiễm môi trường sống... Trung bình, cùng một khoản đầu tư như nhau, nếu bỏ vào kinh tế quân sự chỉ bảo đảm một số lượng chỗ làm việc ít hơn 3 — 4 lần so với bỏ vào kinh tế dân sự. Riêng ở Mỹ, giá trị những tài nguyên bị ngân sách quân sự ngốn đi hằng năm nếu được dùng vào nhu cầu hòa bình sẽ có khả năng tạo ra 10 triệu chỗ làm việc, tức là ba lần nhiều hơn số việc làm được tạo ra trong khuôn khổ sản xuất quân sự. Tại các nước đế quốc chủ nghĩa, trước hết là ở Mỹ, để phục vụ chính sách quân phiệt, chính quyền Nhà nước đã cắt giảm hàng loạt các khoản chi phí về phúc lợi, thu hẹp hệ thống bảo hiểm xã hội, kìm hãm việc tăng lương của người lao động. Đi đôi với những việc đó là sự xuất hiện những kẻ thù nguy hiểm nhất của phong trào công nhân như chủ nghĩa phát xít mới, chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa chống cộng. Những thế lực đó hết sức ủng hộ và gắn bó với chính sách quân phiệt của chủ nghĩa đế quốc. Toàn bộ tình hình nói trên đang đặt giai cấp công nhân trước một nhiệm vụ cấp bách là đấu tranh kiên quyết nhất chống chạy đua vũ trang, bảo vệ hòa bình.

Các tập đoàn tư bản quân phiệt cùng với những đại diện của chúng đang đưa ra các luận điệu đủ kiểu để lừa bịp người lao động. Chúng nói bừa rằng sản xuất quân sự là nhân tố cần thiết để ổn định kinh tế và bảo đảm đời sống. Bộ máy tuyên truyền quân phiệt tìm cách đầu độc những người lao động bằng những tư tưởng chống hòa bình, chống việc chuyển kinh tế quân sự sang quỹ đạo hòa bình. Những người cộng sản, những chiến sĩ tiên phong của giai cấp công nhân đang hoạt động không mệt mỏi để làm cho những người lao động thấy rõ rằng chạy đua vũ trang và sản xuất quân sự gắn liền với thất nghiệp, với giảm việc làm, giảm tiền lương, giảm phúc lợi xã hội; gắn liền với những đe dọa nghiêm trọng nhất đối với quyền lợi cơ bản của người lao động.

Xu thế quốc tế hóa tư bản độc quyền Nhà nước, sự phát triển mạnh mẽ như vũ bão của tiến bộ khoa học và kỹ thuật, chiều hướng quân sự hóa nền kinh tế ngày càng tăng, tất cả những điều đó diễn ra trong bối cảnh gay gắt của các cuộc khủng hoảng vốn có của chủ nghĩa tư bản, khiến cho mâu thuẫn đối kháng giữa lao động và tư bản, giữa xã hội và độc quyền ngày càng thêm sâu sắc. Những cuộc khủng hoảng đó — tổng khủng hoảng, khủng hoảng cơ cấu và khủng hoảng chu kỳ — đan chéo nhau, lồng quyện vào nhau, gây nên những thiệt hại to lớn chưa từng có cho lợi ích của người lao động.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 — 1975 là giai đoạn đình đốn nghiêm trọng nhất sau chiến tranh Việt nam. Nó bùng nổ ở Mỹ và bao trùm toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng 1980 — 1982 là đợt suy thoái nặng nề nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Sự giảm sút nghiêm trọng của tất cả các ngành kinh tế đã đưa số người thất nghiệp tăng lên chưa từng có. Cho đến năm 1985, số người thất nghiệp có đăng ký chính thức trong 24 nước thuộc OECD vẫn còn trên 30 triệu. Ở Mỹ, năm 1985 bắt đầu đợt suy thoái mới, số người thất nghiệp toàn phần và từng phần lên tới trên 14 triệu. Chỉ trong 2 năm, do chính sách sa thải và đóng cửa xí nghiệp, các chủ công ty tư bản Mỹ đã

Digitized by Google

nghiệm nhiên tước đoạt của giai cấp công nhân 200 tỷ đô la. Trong năm đầu của nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên, Ri-gân đã cắt giảm 100 tỷ đô la các khoản chi cho chương trình xã hội, làm giảm mức sống của người lao động. Đó là những đòn đánh rất mạnh vào đời sống công nhân Mỹ.

Trong khung cảnh trên, *phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động không ngừng dâng lên*. Họ đòi dân sinh dân chủ, đòi việc làm, đòi cải thiện đời sống, đòi không được cắt giảm phúc lợi, chống tăng ngân sách quân sự, chạy đua vũ trang – chống sa thải công nhân, chống thất nghiệp. Hàng trăm cuộc bãi công đã liên tục diễn ra ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa. Trong đó tiêu biểu nhất là các cuộc bãi công có hàng triệu người tham gia hồi tháng 2-1985 ở I-ta-li-a, tháng 6-1985 ở Bồ đào nha, tháng 7-1985 ở Tây ban nha... Đó là những đợt đấu tranh lớn của giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa trong nhiều chục năm qua. Tại Mỹ, từ đầu những năm 80 đến nay, công nhân liên tục đấu tranh chống cuộc tiến công của giai cấp cầm quyền. Năm 1981 công nhân ở 80% số hầm mỏ của Anh đã bãi công chống chủ xí nghiệp sa thải 20 nghìn thợ mỏ. Cuộc bãi công này của công nhân mỏ đã làm dấy lên một cao trào đoàn kết vô sản chưa từng thấy. Trong nước Anh, các tổ chức công nhân thuộc các ngành nghề khác nhau, các xu hướng chính trị khác nhau, bao gồm cả Công đảng Anh, đều ủng hộ một cách thiết thực cuộc đấu tranh của công nhân mỏ. Các tổ chức công đoàn của 50 nước trên thế giới đã giúp đỡ công nhân mỏ Anh về vật chất và tài chính.

Có thể khẳng định, đặc điểm nổi bật của phong trào công nhân trong những năm vừa qua không chỉ là nội dung đấu tranh ngày càng sâu sắc mà hình thức đấu tranh cũng ngày càng phong phú, như bãi công « cảnh cáo », bãi công « luân phiên » (luân phiên từ nơi này, xí nghiệp này đến nơi khác, xí nghiệp khác), công nhân xuống đường tuần hành phản đối, tổ chức ngày hành động toàn quốc, và cao hơn cả là chiếm xí nghiệp, phong tỏa xí nghiệp... Trong các hình thức nói trên, bãi công chống sa thải hàng loạt mà công nhân mỏ Anh tiến hành là hình thức phổ biến nhất trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh những đổi thay về điều kiện lao động và đấu tranh, trong đội ngũ công nhân cũng có những hiện tượng mới. Đó là số lượng những người mặc « áo cổ trắng » (lao động không phải bằng chân tay) tăng lên và người mặc « áo cổ xanh » (lao động chân tay) giảm xuống. Đây là một xu hướng tất yếu phù hợp với quá trình phát triển của hiện đại hóa sản xuất. Ở nước Anh, số lao động chân tay đã trở thành thiểu số trong toàn bộ những người lao động. Tuy nhiên, trong quá trình đấu tranh chống tư bản, bộ phận người lao động chân tay có truyền thống hơn, có tinh thần kiên quyết hơn và ý thức đoàn kết giai cấp hơn. Tình hình này đặt ra một vấn đề mới là phải đoàn kết được hai bộ phận người lao động nói trên trong một mặt trận chung chống bóc lột. Đây là vấn đề quan trọng cấp bách trong phong trào công nhân và trong hoạt động của các tổ chức công đoàn hiện nay.

Đội ngũ công nhân thế giới ngày nay không chỉ bó hẹp ở các nước tư bản phát triển mà đang tăng lên mạnh mẽ ở các nước đang phát triển. Tại các nước đang phát triển đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân tuy còn non trẻ nhưng phát triển nhanh và đang xuất hiện trên vũ đài thế giới như một lực lượng rất quan trọng. Họ phải chống lại cả bọn tư

(Xem tiếp trang 85)

Digitized by Google

PHẠM THẾ DUYỆT

GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM – QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

NGÀY 1-5-1986, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt nam cùng với công nhân và lao động toàn thế giới long trọng kỷ niệm lần thứ 100 Ngày Quốc tế lao động. Cách đây đúng 100 năm, ngày 1-5-1886, đã nổ ra cuộc biểu tình của 34 vạn công nhân Mỹ đòi làm việc 8 giờ một ngày, mở đầu một thời kỳ đấu tranh oanh liệt của giai cấp công nhân toàn thế giới. Bốn năm sau, ngày 1-5-1890 một cuộc biểu tình vĩ đại của giai cấp công nhân đã nổ ra cùng một lúc ở nhiều nước: Mỹ, Ca-na-đa, Pháp, Đức, Áo, Hung-ga-ri, Đan mạch, Bỉ, Thụy điển, Ru-ma-ni, Hà lan. Chính trong dịp này, Phri-đrích Ăng-ghen đã viết thêm vào lời tựa *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* những dòng đầy phấn khởi: «... Ngày hôm nay, khi tôi viết những dòng này, giai cấp vô sản châu Âu và châu Mỹ đang điểm lại lực lượng chiến đấu của mình... Cảnh tượng ngày hôm nay sẽ chỉ cho bọn tư bản và bọn địa chủ tất cả các nước thấy rằng những người vô sản tất cả các nước đã thực sự đoàn kết với nhau» (1).

Vào thời kỳ này, giai cấp công nhân Việt nam vừa mới ra đời. Đó là kết quả của việc thực dân Pháp khai trương các đồn điền, hầm mỏ, đường sá, các nhà máy cơ khí sửa chữa v.v. Những người nông dân từ nhiều vùng quê khác nhau bị phá sản, dắt díu nhau vào đây để «bán thân đổi mấy đồng xu». Và từ đấy, họ trở thành người của giai cấp công nhân.

Trong cuộc khai thác thứ nhất của tư bản Pháp (những năm cuối thế kỷ XIX) giai cấp công nhân nước ta có chừng 5 vạn người, đến năm 1929, với cuộc khai thác thuộc địa thứ hai của thực dân Pháp, công nhân cả nước ta lên tới 22 vạn người.

Như thế là giai cấp công nhân nước ta xuất hiện giữa lúc chủ nghĩa tư bản thế giới chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội hiện thực bắt đầu xuất hiện, với sự ra đời của Liên xô vĩ đại, giai cấp công nhân trở thành trung tâm của thời đại.

Ngay từ lúc mới ra đời, giai cấp công nhân Việt nam đã mang trong mình những phẩm chất tốt đẹp của giai cấp công nhân quốc tế. Đó là tính cách mạng triệt để, tính tổ chức kỷ luật, và tinh thần quốc tế vô sản. Đồng thời, giai cấp công nhân nước ta cũng có những đặc điểm riêng: ra đời trước giai cấp tư sản trong nước, sớm được giác ngộ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, sớm có một chính đảng lãnh đạo, là giai cấp thuần nhất, không có tầng lớp công nhân quý tộc, không chịu ảnh hưởng chủ nghĩa cải lương, gần bó mật thiết với nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Điều đó đã cắt nghĩa vì sao giai cấp công nhân Việt nam *luôn luôn có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để, luôn luôn là lực lượng nòng cốt và đi đầu trong các cuộc đấu tranh cách mạng.*

Do bị áp bức, bóc lột nặng nề, lại mang trong mình dòng máu bất khuất

(1) C Mác—Ph. Ăng-ghen: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980 tập I, tr. 526.

Digitized by Google

của một dân tộc anh hùng, giai cấp công nhân nước ta đã không ngừng đứng lên đấu tranh chống lại bọn chủ tham lam, độc ác. Ban đầu là những cuộc đấu tranh tự phát, riêng lẻ. Dần dần về sau là những phản ứng của tập thể công nhân chống lại bọn cai kỳ, viết đơn đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống cúp phạt, đánh đập... Từ năm 1900, xuất hiện nhiều cuộc bãi công, tiêu biểu là cuộc bãi công ở hãng LUCI (5-1909), cuộc đấu tranh của học sinh trường Bách nghệ và công nhân hãng Ba son năm 1912, có sự tham gia của đồng chí Tôn Đức Thắng.

Những cuộc đấu tranh ấy đã mở đầu cho hàng loạt cuộc đấu tranh sau này và là cơ sở để hình thành các tổ chức quần chúng và tổ chức Đảng trong giai cấp công nhân.

Từ tự phát đến có ý thức, có tổ chức, những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ngày càng phát triển và ngày càng thu được thắng lợi lớn, dẫn đến sự hình thành những mầm mống hoạt động của Công đoàn với các tổ chức của thủy thủ, của công nhân các nhà máy, đồn điền, hầm mỏ. Đặc biệt là, khi ánh sáng Cách mạng Tháng Mười Nga rọi vào Việt nam, thông qua nhà cách mạng vĩ đại Nguyễn Ái Quốc và với phong trào «vô sản hóa» của các chiến sĩ cách mạng, với việc chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản Đông dương, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân nước ta như được tiếp thêm sức mạnh càng dâng cao và mang chất lượng mới. Những người lao động trong các ngành công nghiệp dần dần được tổ chức lại dưới các hình thức khác nhau như: Hội ái hữu, Hội chơi họ, Hội may mặc, Hội cưới xin... Đây là cơ sở của các công hội bí mật sau này. Phong trào «vô sản hóa» đã đưa những chiến sĩ cách mạng theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoạt động trong công nhân vừa để tự cải tạo mình, vừa để tổ chức phong trào cách mạng trong quần chúng công nhân. Nhờ đó, ngày 28-7-1929 Tổng công hội đỏ Bắc kỳ – tiền thân của tổ chức Công đoàn Việt nam ngày nay – ra đời. Tổ chức này phát triển nhanh chóng ở Hà nội, Hải phòng, Quảng ninh, Nam định, Vinh, Sài gòn–Chợ lớn và ở nhiều đồn điền, hầm mỏ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, Công hội đỏ hoạt động ngày càng mạnh, phong trào đấu tranh của công nhân ở các hầm mỏ, đồn điền, nhà máy trở thành cao trào. Nổi bật trong thời kỳ này là, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng của công nhân kết hợp với phong trào đấu tranh của nông dân, tạo thành một lực lượng cách mạng dân tộc, dân chủ to lớn, cùng hướng vào một mục tiêu chung là chống đế quốc và phong kiến; làm bùng lên ngọn lửa cách mạng sục sôi những năm 1930 – 1931, mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ tĩnh. Cao trào này cùng với các cuộc đấu tranh đòi quyền tự do lập nghiệp đoàn, quyền dân sinh dân chủ trong những năm 1936 – 1939, là những cuộc diễn tập cách mạng do Đảng cộng sản Đông dương lãnh đạo để tích cực chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 1945.

Trong những ngày tổng khởi nghĩa, khắp nơi công nhân sát cánh cùng nông dân, giương cao cờ cách mạng đi đầu đoàn quân nổi dậy giành chính quyền, tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước dân chủ cộng hòa trẻ tuổi của mình.

Chín năm kháng chiến chống Pháp, công nhân ở chiến khu và vùng tự do ra sức sản xuất vũ khí, đạn dược phục vụ chiến trường, rèn đúc nông cụ cung cấp cho sản xuất nông nghiệp. Công nhân ở vùng tạm bị địch chiếm dưới sự lãnh đạo của Đảng và công đoàn, bí mật, dũng cảm phá hoại kinh tế địch, làm thất bại âm mưu «lấy chiến tranh nuôi chiến tranh» của giặc Pháp. Khi địch rút khỏi miền

Digitized by Google

Bắc, giai cấp công nhân là người bảo vệ thiết bị máy móc để giao lại cho chính quyền cách mạng.

Sau năm 1954, dưới ách kìm kẹp của Mỹ – ngụy, công nhân miền Nam vẫn kiên cường đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ. Bằng nhiều hình thức, lúc công khai, lúc bí mật, kết hợp đấu tranh bất hợp pháp và đấu tranh hợp pháp, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, công nhân đã kiên trì và dũng cảm chống địch, tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần cùng toàn quân và toàn dân ta làm phá sản mọi âm mưu chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai. Trong cuộc tổng tiến công vĩ đại và nổi dậy đồng loạt mùa xuân 1975, công nhân miền Nam khắp nơi đã đứng lên giành quyền làm chủ, bảo vệ tài sản, tham gia xây dựng chính quyền mới, tích cực khôi phục và phát triển sản xuất, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Ở miền Bắc, sau năm 1954 là thời kỳ phát triển rực rỡ của giai cấp công nhân Việt nam. Thực hiện đường lối kinh tế của Đảng, hàng trăm công trường, nhà máy, nông trường mọc lên khắp nơi. Giai cấp công nhân lớn lên nhanh chóng, thật sự trở thành lực lượng tiên phong trong ba cuộc cách mạng, tham gia đắc lực vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần xứng đáng hoàn thành thắng lợi các kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ miền Bắc vững mạnh, chi viện đắc lực cho miền Nam. Những năm đế quốc Mỹ điên cuồng đánh phá miền Bắc bằng không quân, giai cấp công nhân đã cùng toàn dân tỏ rõ ý chí kiên cường, thông minh, sáng tạo trên mọi lĩnh vực sản xuất, giao thông, vận tải; tình nguyện gia nhập quân chủ lực; tổ chức tự vệ chiến đấu... để chi viện và chia lửa với miền Nam.

Sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất, thực hiện đường lối phát triển kinh tế – xã hội của Đảng, giai cấp công nhân cả nước đã cùng toàn dân ra sức khắc phục khó khăn do 30 năm chiến tranh để lại, chịu đựng mọi hy sinh thiếu thốn để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em.

Vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt nam luôn luôn gắn với vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới. Như chúng ta đã biết, một trong những tổ chức đầu tiên của giai cấp công nhân Việt nam là tổ chức của những người thủy thủ trên các tàu buôn của tư bản Pháp, chạy trên các tuyến Sài gòn – Hương cảng; Sài gòn – Mác-xây; đây là những thủy thủ xuất thân từ nhiều nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi... Tuy khác dân tộc, khác màu da, tiếng nói, nhưng họ cùng chung kiếp lầm than, nô lệ và cùng đứng lên chống lại bọn chủ giàu có tham lam. Và chính những người thủy thủ ấy đã cùng đồng chí Tôn Đức Thắng kéo cờ ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga trên một chiếc tàu của đế quốc Pháp.

Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đầu tiên trên thế giới ra đời đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của giai cấp công nhân Việt nam non trẻ. Những năm ấy, mỗi lần kỷ niệm ngày 1-5, kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, ở nhiều nơi trên nước ta xuất hiện truyền đơn ủng hộ Liên xô, ủng hộ Cách mạng Tháng Mười. Từ khi có Đảng lãnh đạo, nhất là từ sau khi có chính quyền, phong trào công nhân nước ta càng gắn bó với phong trào công nhân thế giới.

Trong kháng chiến chống Pháp và nhất là những thập kỷ gần đây, trong

Digitized by Google

công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân Việt nam lại càng tỏ rõ là một bộ phận khăng khít của giai cấp công nhân thế giới. Đặc biệt là, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít hồi chiến tranh thế giới thứ hai và chống đế quốc Mỹ chuẩn bị chiến tranh bằng vũ khí hạt nhân, bảo vệ hòa bình thế giới, giai cấp công nhân Việt nam, bằng hành động cụ thể của mình, đã phối hợp chặt chẽ với giai cấp công nhân các nước và các dân tộc bị áp bức, trong cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... Từ nhiều năm nay, Tổng công đoàn Việt nam, tổ chức rộng lớn nhất của giai cấp công nhân Việt nam là thành viên tích cực của Liên hiệp công đoàn thế giới.

★

Lịch sử hình thành, phát triển của giai cấp công nhân Việt nam là lịch sử đấu tranh cách mạng ngoan cường. Giai cấp công nhân Việt nam còn rất non trẻ, với số lượng không nhiều, nhưng luôn đứng ở trung tâm các sự kiện lịch sử của dân tộc. Đó là giai cấp đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến nhất và cùng với nông dân hợp thành đội quân chủ lực của cách mạng nước ta. Nó kế thừa và phát huy truyền thống đấu tranh vẻ vang của dân tộc Việt nam.

Hiện nay, cả nước ta bước vào một cuộc chiến đấu mới, tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại, sâu sắc và triệt để nhất trong lịch sử: cách mạng xã hội chủ nghĩa trên quy mô cả nước. Chúng ta lại phải luôn luôn cảnh giác đối phó với chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, nghĩa vụ quốc tế của chúng ta cũng rất nặng nề. Giai cấp công nhân Việt nam luôn luôn đi đầu trong việc thực hiện những nhiệm vụ trọng đại ấy.

Nói đến chủ nghĩa xã hội là phải nói đến công nghiệp hóa. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta. Giai cấp công nhân là lực lượng quyết định việc thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta, phát triển sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Giai cấp công nhân có nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên là phải dấy lên phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động trong công nghiệp và phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển nông nghiệp.

Ngày nay giai cấp công nhân nước ta nắm trong tay những cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại nhất, mạnh mẽ nhất. Chỉ tính trong 10 năm gần đây, chúng ta đã xây dựng thêm hơn 300 công trình trên hạn ngạch, tạo ra những năng lực sản xuất mới đáng kể trong các ngành kinh tế then chốt như: điện, than, xi măng, cơ khí... Cũng trong thời gian ấy, vốn đầu tư cho công nghiệp chiếm tới 35 – 37% tổng số vốn đầu tư. Kết quả là tài sản cố định trong công nghiệp tăng 2,5 lần; số lượng xí nghiệp quốc doanh tăng 1,4 lần; số lượng công nhân tăng 1,3 lần. Nhờ đó tốc độ sản xuất công nghiệp hằng năm tăng 8,1%.

Giai cấp công nhân không chỉ trực tiếp tác động vào sản xuất công nghiệp, vào công tác nghiên cứu khoa học – kỹ thuật, mà còn trực tiếp tác động ngày càng sâu rộng vào mọi ngành kinh tế khác, trước hết là nông nghiệp. Điều đó thể hiện ở việc tạo ra hàng loạt giống cây, con mới; ở các khâu tưới tiêu, làm đất, dịch vụ, phân bón, phòng trừ sâu bệnh v.v. Có thể nói, càng ngày hoạt động của giai cấp công nhân, của công nghiệp

Digitized by Google

càng thâm nhập mạnh mẽ hơn vào việc đưa năng suất cây trồng, con vật nuôi lên cao, góp phần giải quyết vấn đề nóng bỏng của xã hội hiện nay là lương thực và thực phẩm.

Tuy vậy, do hoàn cảnh ra đời và trưởng thành, giai cấp công nhân Việt nam có những nhược điểm như chưa có nhiều công nhân lâu đời, công nhân truyền thống; tỷ lệ thợ bậc cao quá thấp; những năm gần đây số lượng phát triển nhanh, nhưng do điều kiện và trình độ sản xuất công nghiệp của ta chưa cao, cho nên giai cấp công nhân còn mang nặng những dấu vết của giai cấp nông dân; tác phong công nghiệp, tính tổ chức kỷ luật còn kém.

Nắm vững những đặc điểm ấy của giai cấp công nhân là điều hết sức cần thiết trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Cần giáo dục, động viên anh chị em công nhân phát huy cao độ truyền thống vẻ vang của giai cấp và dân tộc, đồng thời ra sức khắc phục những nhược điểm của mình, cố gắng vươn lên hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ trọng đại của giai cấp và dân tộc. Trước mắt cần làm tốt mấy việc chủ yếu sau đây:

Một là, xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh, cả về số lượng lẫn chất lượng. Đây là công việc thường xuyên, bao gồm nhiều mặt và phải do nhiều tổ chức từ Đảng, Nhà nước, đến các đoàn thể, cùng làm.

Bằng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống kết hợp với các biện pháp quản lý, thực hiện tốt các chế độ, chính sách, cần xây dựng cho công nhân lòng tự hào giai cấp, tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật. Tinh thần, ý thức ấy phải được biểu hiện cụ thể ở năng suất lao động cao, chất lượng và hiệu quả công tác tốt, ở thái độ đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực trong đơn vị và ngoài xã hội, xây dựng nếp làm việc khoa học, thái độ lao động tự giác, cần cù, sáng tạo. Chính đây là đạo đức, là lương tâm của người công nhân xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phải từng bước xây dựng, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở, quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động, tiến hành sắp xếp lại sản xuất, tổ chức lại lao động, bảo đảm cho mọi người đều có việc làm và làm việc có hiệu quả tốt, đạt năng suất cao. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề kinh tế, mà còn là vấn đề xã hội, đạo đức, là vấn đề xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân.

Trong việc xây dựng đội ngũ, cần chú ý công tác đào tạo tay nghề cho công nhân, nhất là đối với lớp công nhân trẻ. Cho đến nay, mới có khoảng 30% số công nhân trực tiếp sản xuất trong các ngành kinh tế công nghiệp được đào tạo qua các lớp chính quy. Điều đó hạn chế năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế. Tình hình ấy đòi hỏi từng cơ sở, từng ngành và trên phạm vi cả nước phải có kế hoạch bồ túc tay nghề cho lớp công nhân cũ, đào tạo một cách có hệ thống cho lớp công nhân trẻ. Có biện pháp cụ thể đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ công nhân giỏi, công nhân đầu đàn, công nhân truyền thống nhiều đời. Thực tế cho thấy, nhiều sản phẩm nổi tiếng đã được tạo ra từ các nghề truyền thống như nghề đúc đồng, nghề dệt lụa, nghề gốm sứ... cho nên, việc tạo lập truyền thống nghề nghiệp cần được đặt ra càng sớm càng tốt.

Hai là, trong tình hình tiền lương, giá cả hiện nay, vấn đề đời sống của công nhân viên chức cần được đặc biệt quan tâm. Cơ sở để ổn định vật giá, đời sống là phát triển sản xuất. Do đó, như phần trên đã nói, phải nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý

Digitized by Google

kinh tế, sắp xếp lại sản xuất, tổ chức lại lao động, tinh giản bộ máy gián tiếp, bỏ bớt những khâu trung gian không cần thiết, giải quyết tốt số lao động dôi ra, trên cơ sở đó phát triển sản xuất, đẩy mạnh các hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm. Công đoàn phải cùng với các cơ quan Nhà nước xem xét lại các chế độ, chính sách về tiền lương, giá cả, bảo hiểm xã hội và các chế độ phụ cấp, trợ cấp khác theo hướng khuyến khích sản xuất, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động. Công đoàn phối hợp với chính quyền cùng cấp tạo điều kiện cho công nhân viên chức làm tốt kinh tế gia đình để giải quyết một phần khó khăn trong sinh hoạt.

Trong thời gian qua, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng, một số việc làm cụ thể về giá — lương — tiền có sai lầm khuyết điểm, đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống. Chúng ta cần kiên quyết và kịp thời sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm đó để đẩy mạnh sản xuất, ổn định và làm chủ thị trường, giá cả, ổn định đời sống nhân dân lao động, trước hết là công nhân viên chức và lực lượng vũ trang. Lê-nin đã từng dạy: "*Nhiệm vụ đầu tiên là phải cứu người lao động. Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động*. Nếu họ còn thì chúng ta sẽ cứu vãn và khôi phục lại được *tất cả*" (2).

Ba là, đẩy mạnh việc xây dựng Đảng trong giai cấp công nhân và vận động công nhân tham gia xây dựng Đảng. Đây là một công tác lớn, hết sức quan trọng, cần tiến hành thường xuyên. Nhưng những năm gần đây, có lúc, có nơi không quan tâm đầy đủ. Hiện nay trong Đảng ta tỷ lệ đảng viên là công nhân mới chiếm trên dưới 10%, số cán bộ chủ chốt của Đảng và Nhà nước xuất thân từ công nhân ở các cấp cũng không nhiều. Trong khi đó, có một số người trong lớp công nhân trẻ không tha thiết sinh hoạt đoàn thể, ngại gần gũi đảng viên, thậm chí có người không muốn vào Đảng.

Trong dịp chuẩn bị và tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp, cũng như chuẩn bị Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng, các cơ sở cần tổ chức cho công nhân tham gia ý kiến vào các văn kiện Đại hội Đảng, phê bình góp ý cho cán bộ, đảng viên, đồng thời giới thiệu cho Đảng những công nhân ưu tú để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Chúng ta hiểu rằng Đảng cộng sản là hạt nhân, là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Mảnh đất phát triển Đảng trước hết phải là giai cấp công nhân và từ đó đào tạo cho Đảng những cán bộ ưu tú, có phẩm chất, có năng lực, biết làm việc, suốt đời hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, của giai cấp công nhân.

★

Truyền thống của giai cấp công nhân Việt nam rất oanh liệt và vẻ vang. Sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt nam hết sức quang vinh, tương lai của nó vô cùng rực rỡ. Đó là điều hoàn toàn khách quan. Trong tình hình nền kinh tế của ta đang gặp nhiều khó khăn, nhiệm vụ của giai cấp công nhân hết sức nặng nề. Để góp phần làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội theo hướng xóa bỏ lối quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mỗi công nhân viên chức hãy vươn lên, xứng đáng với truyền thống của giai cấp mình. Tổ chức công đoàn phải làm tròn nhiệm vụ là một tổ chức rộng lớn nhất, là trường học chủ nghĩa cộng sản, trường học quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước của giai cấp công nhân Việt nam.

---

(2). V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va. 1977, tập 38, tr 430.

Digitized by Google

Tiến tới ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

Góp ý kiến về chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đầu tiên ở nước ta

Lời bộ biên tập — *Để tập trung trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân góp phần xây dựng đường lối và các chính sách của Đảng, bắt đầu từ số này Tạp chí Cộng sản mở mục « Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng » Trong mục này chúng tôi sẽ đăng những ý kiến của bạn đọc trong cả nước và kiều bào ở nước ngoài đóng góp vào việc định ra chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đầu tiên ở nước ta. Mong bạn đọc gần xa sốt sắng tham gia bằng cách viết bài gửi cho chúng tôi để góp phần thiết thực chuẩn bị Đại hội thứ VI của Đảng.*

HOÀNG XUÂN TÙY
Trưởng ban thư ký Ủy ban CCGDTU

TẠO SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

Từ một nước lạc hậu với hơn 90% số dân mù chữ, trải qua 40 năm cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đến nay chúng ta đã có một nền giáo dục xã hội chủ nghĩa tương đối phát triển với hệ thống giáo dục đã được thiết lập trên cả nước, bao gồm đầy đủ các cấp học: nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông, bổ túc văn hóa, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và sau đại học. Mạng lưới các trường học đã được phân bố khắp mọi nơi. Hiện nay có hơn 3 triệu cháu vào nhà trẻ, mẫu giáo; 11 767 000 học sinh phổ thông và trên 30 vạn học sinh các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học. Bình quân cứ gần 4 người dân có một người đi học. Hàng triệu thanh niên học sinh đã trở thành những người lao động trên khắp mọi miền Tổ quốc, những chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, lập những chiến công hiển hách, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì thống nhất nước nhà. Giáo dục đã đào tạo một đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hơn một triệu người đủ các trình độ, ngành nghề; một đội ngũ công nhân

Digitized by Google

khá đông đảo và có trình độ văn hóa, tay nghề nhất định.

Mấy năm qua, trong muôn vàn khó khăn, các nhà trường vẫn giữ vững phong trào « thi đua 2 tốt », và triển khai cải cách giáo dục. Nhiều địa phương, nhà trường đã có những biện pháp sáng tạo trong việc thực hiện đường lối, phương châm giáo dục của Đảng. Nhờ vậy, *chất lượng giáo dục từng bước có chuyển biến tích cực*. Rõ nhất là chuyển biến trong nhận thức của cán bộ lãnh đạo các địa phương, của ngành giáo dục : về tính chất của nhà trường phổ thông là dạy kiến thức cơ bản, lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề ; về việc gắn sự nghiệp giáo dục với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội của cả nước và của từng địa phương ; gắn dạy và học với lao động sản xuất ; ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đời sống. Đã xuất hiện những điển hình tiên tiến, những tập thể và cá nhân anh hùng, những chiến sĩ thi đua toàn quốc trên mặt trận giáo dục. Qua các đơn vị và cá nhân tiên tiến này thấy rõ dù khó khăn đến đâu vẫn có thể phát triển giáo dục một cách thích hợp.

Tuy nhiên, những chuyển biến trên đây mới chỉ là bước đầu và chưa mang tính hệ thống toàn cục. Vẫn còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm. Có thể khái quát lại ba vấn đề cơ bản :

Một là, *về chất lượng giáo dục*. Nhà trường chưa giáo dục đủ mức cho thế hệ trẻ ý thức sẵn sàng phục vụ bất kỳ ở đâu, làm bất kỳ việc gì khi Tổ quốc cần. Tư tưởng thực dụng, ngại khổ, ngại khó, trung bình chủ nghĩa, thiếu hoài bão, lý tưởng cách mạng trong thanh niên học sinh còn khá phổ biến. Có nhiều nghề cần thiết cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng ít ai muốn vào học hoặc có vào cũng là miễn cưỡng. Học sinh tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp thường thích công tác ở các thành phố, thị xã... Việc giảng dạy nói chung vẫn thiên về văn hóa chay, lý thuyết tách rời thực hành, tách rời lao động sản xuất. Phần lớn học sinh phổ thông muốn học để vào đại học. Các trường đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp chưa bám sát yêu cầu và mục tiêu kinh tế — xã hội để sắp xếp nội dung, chương trình đào tạo, bố trí cơ cấu ngành học, xây dựng các kế hoạch nghiên cứu và thực nghiệm khoa học, lập các quy hoạch và kế hoạch đào tạo v.v. Việc giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thể lực, giáo dục quốc phòng chưa được quan tâm đầy đủ. Thể lực học sinh đang có chiều hướng giảm sút.

Hai là, *về quy mô, tốc độ giáo dục*. Hiện nay vẫn còn trên 7 triệu cháu, chiếm 2/3 số trẻ đang độ tuổi mầm non, chưa có điều kiện để vào nhà trẻ, mẫu giáo. Việc phổ cập văn hóa cấp I chưa hoàn thành, nhất là ở miền núi, đồng bằng sông Cửu long. Việc phổ cập văn hóa cấp II (phổ thông cơ sở) chưa làm được bao nhiêu. Số lượng học sinh đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề đều giảm so với 5 năm trước đây (năm 1980 có 15 vạn sinh viên đại học, năm 1985 còn 12 vạn). Tốc độ phát triển giáo dục và đào tạo quá chậm so với sự phát triển của dân số và yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Sau năm 1975 có 35 sinh viên trên một vạn dân, tỷ lệ đó hiện nay chỉ còn trên 20/1 vạn. Tuy thanh niên và người lao động nước ta thông minh, cần cù và sáng tạo, nhưng do sự phát triển của giáo dục còn chậm, do việc bố trí, sắp xếp, sử dụng chưa hợp lý v.v. cho nên tiềm năng đó chưa được bồi dưỡng và phát huy đầy đủ.

Ba là, *về hiệu quả của công tác giáo dục*. Đội ngũ cán bộ khoa học; kỹ thuật, nghiệp vụ của ta tuy khá đông

Digitized by Google

đào, nhưng thiếu đồng bộ, mất cân đối và phân bố chưa hợp lý. Ở một số ngành như mỏ – địa chất, lâm nghiệp.. ở khu vực kinh tế tập thể, kinh tế gia đình vẫn rất thiếu cán bộ. Trong lúc đó, ở các thành phố lớn, các thị xã, ở các trường đại học còn nhiều cán bộ khoa học, kỹ thuật chưa được sử dụng hoặc sử dụng không đúng ngành nghề đã được đào tạo. Nhiều ngành công nghệ quan trọng như công nghệ chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, công nghệ sinh học v.v. có ít chuyên gia giỏi và cán bộ đầu đàn. Việc phân luồng học sinh sau khi học xong phổ thông cơ sở còn chưa hợp lý, do đó gây thêm khó khăn cho việc hướng nghiệp, chuẩn bị thanh niên vào lao động sản xuất, và làm mất cân đối giữa các ngành giáo dục và đào tạo. Cách làm kế hoạch giáo dục và đào tạo chưa thích hợp, còn máy móc, sao chép cách làm của một số nước có nền kinh tế đã phát triển. Kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch đào tạo chưa gắn với kế hoạch sử dụng. Có ngành cán bộ đã được đào tạo ra nhưng chưa có nhu cầu sử dụng (như hóa dầu, tự động hóa...) hoặc nhu cầu ít, nhưng đào tạo nhiều (hiện nay số kỹ sư về đầu máy toa xe nhiều hơn tổng số đầu máy toa xe). Hệ thống giáo dục còn cứng nhắc, chưa phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội của đất nước ta. Cách dạy và học thiên về hàn lâm, yêu cầu phải có đầy đủ chương trình hoàn chỉnh, có thầy giáo, trường lớp, trang thiết bị... trong khi thực tế không bảo đảm được các điều kiện đó. Nhiều hình thức học khác bị coi nhẹ. Bệnh hình thức, chuộng văn bằng, chưa chú trọng đến thực chất trình độ, đến hiệu quả đào tạo, v.v còn phổ biến trong các ngành giáo dục và trong xã hội.

Có nhiều nguyên nhân gây nên những khuyết điểm, nhược điểm trên đây. Chúng ta vừa trải qua mấy chục năm chiến tranh liên miên lại bị bọn đế quốc, phản động gây chiến tranh lấn chiếm biên giới, bao vây phá hoại ta về nhiều mặt; cơ sở vật chất – kỹ thuật quá nghèo nàn, lạc hậu, lại bị tàn phá trong chiến tranh; những khó khăn về kinh tế và đời sống đang diễn ra gay gắt; cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội còn tập trung quan liêu, bao cấp đã hạn chế rất nhiều tính năng động sáng tạo của các ngành giáo dục. Chúng ta chưa có chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội dài hạn làm cơ sở cho chiến lược và quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục. Nhưng nguyên nhân *chủ quan vẫn là chủ yếu*. Giáo dục cũng như nhiều lĩnh vực hoạt động khác đều phải tuân theo những quy luật nhất định. Nhưng đã có những lúc chúng ta chưa nắm vững và làm theo các quy luật, rồi vì chủ quan, nóng vội, mà đã gây ra những tác hại phải lâu dài mới có thể khắc phục được. Chúng ta chưa nhận thức đầy đủ vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của kinh tế – xã hội; chưa thấy rằng trong các nhân tố phát triển kinh tế – xã hội thì *nhân tố con người là quan trọng nhất*, có thể nói là *quyết định*. Nói chung, chúng ta vẫn chưa dành đúng mức công sức và tiền của cho sự nghiệp « trồng người ». Ban chấp hành trung ương Đảng chưa có hội nghị chuyên đề bàn về công tác giáo dục; tập thể Hội đồng bộ trưởng cũng ít bàn về vấn đề này và bàn chưa sâu. Nói chung, các cấp Đảng và chính quyền địa phương, nhiều ngành kinh tế, xã hội còn coi nhẹ công tác giáo dục. Đầu tư cho giáo dục chiếm một tỷ lệ quá nhỏ trong tổng số vốn đầu tư cho kinh tế – xã hội. Đội ngũ thầy giáo, cán bộ, nhân viên ngành giáo dục chưa có vị trí xứng đáng trong xã hội và chưa được quan tâm xây dựng, bồi dưỡng, chăm sóc đúng mức. Trường sở phần lớn nhếch nhác, trang thiết bị thiếu thốn nghiêm trọng. Học sinh học chay là phổ biến. Vì vậy sự nghiệp giáo dục hiện nay chưa phát

Digitized by Google

huy đầy đủ tác dụng của mình đối với việc thúc đẩy nhịp độ phát triển của kinh tế – xã hội.

Ngành giáo dục nói chung, từ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, đến đội ngũ giáo viên, học sinh, sinh viên và cả gia đình học sinh còn mang nặng một số quan điểm của xã hội cũ về giáo dục: thiên về dạy và học chữ, lý thuyết tách rời thực tế, dạy và học văn hóa tách rời nghề nghiệp, tách rời lao động sản xuất; học để có địa vị. Bộ giáo dục, Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp, Tổng cục dạy nghề, Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em cũng ở trong tình trạng phân tán, chia cắt, ít liên kết với nhau và còn *tư tưởng bảo thủ, trì trệ*, chậm cụ thể hóa những đường lối, nội dung giáo dục của Đảng và Nhà nước; chậm tìm ra bước đi, cách làm phù hợp với đặc điểm của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta. Cơ chế quản lý quan liêu bao cấp của các ngành giáo dục cũng cản trở nhiều sự phát triển giáo dục.

★

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đòi hỏi rất nhiều ở giáo dục. Giáo dục có vai trò rất quan trọng và to lớn trong ba cuộc cách mạng của ta hiện nay. Không thể coi giáo dục là một bộ phận phụ sản xuất, có tính chất đơn thuần phúc lợi, một gánh nặng của nền kinh tế. Giáo dục có nhiệm vụ quan trọng: làm biến đổi tận gốc chất lượng của lực lượng lao động, bộ phận quan trọng nhất của lực lượng sản xuất, đồng thời cũng góp phần củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Giáo dục là một yếu tố quan trọng trong *chiến lược con người*. Như vậy, giáo dục cần phải trở thành một bộ phận hữu cơ của nền sản xuất xã hội và có quan hệ mật thiết đến sự phát triển kinh tế – xã hội. Những nhiệm vụ to lớn còn lại của thế kỷ này và của đầu thế kỷ sau sẽ do những em bé hôm nay đang ngồi trên ghế nhà trường giải quyết. Do đó, ngay từ bây giờ chúng ta phải nhận thức đúng về vị trí, vai trò của sự nghiệp giáo dục và bằng mọi cách làm cho nó phát triển đúng hướng. Chúng ta cũng phải nghiên cứu đầy đủ đặc điểm của nước ta, của dân tộc ta, đánh giá chỗ mạnh, chỗ yếu của thanh niên, của người lao động nước ta để tìm ra bước đi và cách làm thích hợp.

Mục tiêu của cả hệ thống giáo dục là đào tạo con người lao động mới có lòng yêu nước, có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có sức khỏe, có phẩm chất, có kiến thức và kỹ năng lao động nghề nghiệp, sẵn sàng gia nhập quân đội bảo vệ Tổ quốc hay lao động sản xuất phù hợp với sự phân công lao động trong địa phương và trong cả nước. Đội ngũ lao động nước ta chẳng những phải thích ứng và đón đầu trình độ phát triển kinh tế – xã hội trong chặng đường đầu tiên và cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta mà còn phải có khả năng tiếp thụ được những thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới.

Để đạt được những mục tiêu, hoàn thành tốt những nhiệm vụ của sự

Digitized by Google

nghiệp giáo dục, trước hết từ nay đến năm 1990, chúng ta cần giải quyết tốt những vấn đề cơ bản đang đặt ra cho từng ngành giáo dục:

Ngành giáo dục mầm non phải được thống nhất, bao gồm hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo nhằm nuôi dạy tốt các em, bồi dưỡng cho các em cơ sở ban đầu của nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là điều kiện thuận lợi để đạt chất lượng cao trong giáo dục phổ thông và mở rộng sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Tuy nhiên, vẫn còn hàng triệu trẻ em không có điều kiện vào nhà trẻ và mẫu giáo. Vì vậy, đi đôi với việc mở rộng mạng lưới các nhà trẻ, mẫu giáo và nâng cao chất lượng nuôi dạy các cháu, phải có biện pháp hướng dẫn, phổ biến cho các bà mẹ việc nuôi dạy trẻ em trong gia đình theo khoa học.

Ngành giáo dục phổ thông đang đứng trước hai vấn đề to lớn và cơ bản là phổ cập giáo dục và chuyển biến tính chất của nhà trường. Đến năm 1990, chúng ta phải cố gắng hoàn thành việc phổ cập văn hóa cấp I trong trẻ em đang độ tuổi; phổ cập cấp II trong các thành phố, thị xã, vùng đồng bằng, khu kinh tế tập trung và trong cán bộ thuộc khu vực kinh tế tập thể; phổ cập cấp III trong công nhân trẻ và những người trong khu vực kinh tế quốc doanh. Học sinh đã học xong phổ thông cơ sở không thể vào hết các trường phổ thông trung học, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp nhưng lại chưa đủ khả năng tham gia lao động một cách thật sự. Do vậy, Bộ giáo dục nghiên cứu để thiết lập một loại hình trường phổ thông trung học không chính quy, vừa dạy văn hóa ở mức chưa phải hoàn chỉnh, vừa dạy thêm một nghề hợp với nhu cầu và sự phân công lao động của xã hội. Loại trường này được xây dựng theo phương châm cơ sở sản xuất quốc doanh và tập thể, nhân dân tự tổ chức, Nhà nước giúp về giáo viên và quản lý chương trình, nội dung giáo dục. Đó là một bước chuẩn bị để phổ cập văn hóa phổ thông trung học. Cần có hệ thống trường chuyên, lớp chuyên để chọn những học sinh giỏi, đào tạo nhân tài cho đất nước. Đồng thời từng bước chuyển trường phổ thông hiện nay thành trường dạy văn hóa, giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Khi ra trường (trường phổ thông cơ sở, phổ thông trung học) học sinh có một trình độ văn hóa nhất định và bước đầu được chuẩn bị về ý thức và kỹ năng lao động nghề nghiệp. Nội dung, chương trình giáo dục sẽ được sửa đổi theo hướng giáo dục toàn diện. Việc dạy ngoại ngữ trong các nhà trường phổ thông cũng sẽ được mở rộng và chú trọng chất lượng. Cải tiến chương trình giảng dạy môn chủ nghĩa Mác — Lê-nin cho phù hợp với đặc điểm và trình độ của từng cấp học, với các đối tượng khác nhau với thực tế của đất nước.

Ngành *dạy nghề* phải chiếm một tỷ trọng lớn trong sự nghiệp giáo dục để đào tạo được những công nhân lành nghề, theo một quy trình chặt chẽ, đạt chất lượng cao, đồng thời phổ cập rộng rãi nghề nghiệp trong thanh niên và người lao động. Trong khu vực kinh tế Nhà nước hiện còn 38% người lao động chưa được đào tạo về nghề nghiệp một cách cơ bản. Vì vậy, chế độ đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức là rất cần thiết để nâng cao chất lượng của đội ngũ lao động ở nước ta. Chúng ta nên học tập kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới có những luật quy định về chế độ đào tạo, bồi dưỡng trình độ trong các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cũng quan trọng ngang với nhiệm vụ sản xuất của xí nghiệp, nhà máy; cần có kinh phí dành cho công tác này. Cuối mỗi năm, đơn vị nào không dùng hết kinh phí

Digitized by Google

này thì phải nộp lại Nhà nước, không được chi vào việc khác. Các trường dạy nghề phải được sắp xếp lại theo hướng lấy các tỉnh, thành phố trực thuộc làm địa bàn phục vụ. Ở trung ương chỉ có một số trường đào tạo những nghề nào mà các địa phương ít có nhu cầu sử dụng.

Ngành trung học chuyên nghiệp kết hợp chặt chẽ với ngành dạy nghề trong *hệ thống giáo dục chuyên nghiệp*. Ở nhiều nước, trong một trường trung học, có thể có cả hệ phổ thông, hệ dạy nghề và hệ trung học chuyên nghiệp. Có nước, trong một trường đại học có cả hệ cao đẳng và hệ trung học chuyên nghiệp. Chúng ta có thể học tập cách giải quyết linh hoạt đó để tận dụng những khả năng về giáo viên và cơ sở vật chất trong công tác giáo dục và đào tạo.

Ngành đại học hiện nay đang gặp khó khăn là số thanh niên tốt nghiệp phổ thông trung học tăng lên hằng năm nhưng quy mô tuyển sinh vào hệ đại học tập trung lại rất có hạn. Vì vậy, phải cải cách mạnh mẽ cơ cấu hệ thống đại học hiện nay theo hướng đa dạng, linh hoạt để bảo đảm nhu cầu đào tạo cán bộ và nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên trình độ người lao động. Điều quan trọng là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh đại học nhằm giải quyết tốt những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra. Học sinh tốt nghiệp các trường đại học có thể phục vụ ở khu vực kinh tế tập thể hoặc gia đình và hưởng thụ theo hiệu quả đóng góp của họ đối với xã hội. Chúng ta cũng cần coi trọng hệ đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có nhu cầu vừa làm vừa học, nâng cao trình độ, tăng năng suất và hiệu quả lao động, phục vụ nhiều hơn cho xã hội. Nhanh chóng khắc phục tình trạng bỏ quá nhiều thời gian vào việc học tập, thi cử, lấy bằng cấp một cách hình thức mà dành quá ít thời gian cho hoạt động thực tiễn, sáng tạo, cống hiến. Mạng lưới các trường đại học và cao đẳng càng phải được sắp xếp lại theo hướng: xây dựng một số trường đại học lớn, trọng điểm và phân bố các cơ sở đào tạo ở các địa phương, các vùng của đất nước.

Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội — đó là phương châm giáo dục đúng đắn của Đảng ta. Lao động cần được đưa vào chương trình chính khóa, vì lao động sản xuất trong nhà trường có tác dụng quan trọng trong việc giáo dục con người mới một cách toàn diện. Qua lao động sản xuất — lao động có kỹ thuật — các nhà trường có điều kiện nhanh chóng ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, đồng thời có thu nhập để góp phần cải thiện đời sống giáo viên, học sinh, xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường.

Chăm lo xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ giáo dục là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của ngành giáo dục hiện nay. Tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng giáo viên về những bộ môn còn rất thiếu như chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thẩm mỹ, ngoại ngữ, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, quân sự. Huy động những nhà nghiên cứu khoa học, những nhà công nghệ và công nhân giỏi ở các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy (kể cả những người đã nghỉ hưu) tham gia giảng dạy trong các trường. Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ của giáo viên, lựa chọn những học sinh giỏi có phẩm chất tốt đưa vào ngành sư phạm để đào tạo thành những nhà sư phạm. Đảng và Nhà nước nên có những chính sách nhằm nâng cao vị trí xã hội của giáo viên, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của giáo viên để họ yên tâm với nghề nghiệp.

Digitized by Google

Đầu tư cho giáo dục ở nước ta đang ở mức quá thấp, lại có chiều hướng giảm bớt trong các kế hoạch 5 năm vừa qua. Vì vậy, trong thời gian tới, Nhà nước nên quy định tỷ lệ đầu tư thích đáng cho sự nghiệp giáo dục. Ngoài ngân sách trung ương cần quy định mức đóng góp cụ thể của các địa phương, các ngành kinh tế, các tổ chức xã hội và của nhân dân cho giáo dục. Ngành giáo dục không thể trông chờ, ỷ lại mà phải phát huy đầy đủ ý thức tự lực tự cường, thông qua lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học... để tự giải quyết một phần quan trọng những nhu cầu của mình.

Công tác kế hoạch hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô phát triển, chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục và đào tạo. Do đó, nó phải được cải tiến, đổi mới theo hướng có trọng điểm, không dàn đều và được xây dựng từ cơ sở. Kế hoạch đáp ứng nhu cầu của khu vực Nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình, gắn với nhu cầu sử dụng và phân công lao động xã hội.

Việc thi cử, đánh giá học sinh, lựa chọn và sàng lọc học sinh trong quá trình giáo dục và đào tạo cần được cải cách và có cơ chế cụ thể để các tập thể sư phạm, các tổ chức xã hội, gia đình và cả bản thân học sinh đều có thể tham gia quá trình đánh giá và lựa chọn này. Chế độ cấp chứng chỉ, bằng, học vị, nhất là ở bậc đại học và sau đại học, phải được cải tiến, hướng vào mục đích phục vụ thiết thực sản xuất, xã hội, phản ánh đúng thực chất trình độ, chống thói hư danh, hình thức.

Việc mở rộng trao đổi, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhất là với Liên xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng cần được tăng cường để qua đó nâng trình độ giáo dục của nước ta và đóng góp kinh nghiệm phong phú của nền giáo dục ta với các nước khác.

Dưới ánh sáng của đường lối giáo dục của Đảng ta, sự nghiệp giáo dục nước ta đang có những chuyển biến tích cực. Nhất định trong thời gian tới sự nghiệp giáo dục sẽ có những bước phát triển mới, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế – xã hội mà Đại hội thứ VI của Đảng sẽ đề ra.

Digitized by Google

LÊ QUÝ AN

TỔ CHỨC TỐT HƠN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT HIỆN CÓ

HƠN 30 năm qua, thực hiện đường lối giáo dục và đào tạo của Đảng, chúng ta đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật tương đối đông đảo, góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết 37 của Bộ chính trị đã nhận định: « Đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, công nhân chuyên nghiệp đã được đào tạo với số lượng đông, có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn dần dần được nâng cao ».

So với các nước đang phát triển, nước ta có tiềm lực cán bộ khoa học và kỹ thuật không nhỏ. Thí dụ, số người làm việc trong khu vực nghiên cứu và triển khai trên một triệu dân tính trung bình trong những năm 70, tại các nước phát triển là 3871, ở các nước đang phát triển là 307, còn ở ta năm 1983 là 349.

99% số cán bộ khoa học kỹ thuật của chúng ta được đào tạo từ sau cách mạng, đa số được rèn luyện, thử thách và trưởng thành trong thực tiễn sản xuất và chiến đấu, đang phát huy tác dụng ngày càng rõ rệt trong mọi lĩnh vực của xã hội.

Đội ngũ này đã có khả năng tiếp thu được những tiến bộ khoa học—kỹ thuật mới, công nghệ mới của thế giới để vận dụng có hiệu quả vào tình hình thực tế nước ta, như trong công tác điều tra cơ bản; trong thiết kế và thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; chế tạo, lắp ráp và sửa chữa cơ khí trong nông nghiệp, y tế v.v.

Năng lực tổ chức và tiến hành nghiên cứu khoa học đã được nâng cao rõ rệt. Để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, khoảng 1500 đề tài thuộc 76 chương trình tiến bộ kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước đã được thực hiện trong 5 năm qua, cùng với hàng nghìn đề tài nghiên cứu khoa học của các ngành, các địa phương, đã có nhiều kết quả bước đầu khả quan. Việc nghiên cứu và đưa vào gieo trồng trên hàng chục vạn héc ta các giống lúa mới có năng suất cao, các giống lúa ngắn ngày, các giống lúa chịu chua phèn, chịu rét; nghiên cứu cơ cấu cây trồng, các biện pháp thâm canh, bảo vệ thực vật, đã góp phần nâng cao sản lượng lương thực và thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hóa cho xuất khẩu. Những kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghiệp đã góp phần nâng cao khả năng sản xuất trong nước một số vật liệu, thiết bị, máy móc và phụ tùng, giảm bớt khó khăn cho sản xuất, tiết kiệm ngoại tệ, tăng thêm chủng loại các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Trong lĩnh vực điều tra cơ bản, việc ứng dụng các phương pháp địa vật

Digitized by Google

lý, đo đạc hàng không, phân tích ảnh từ vũ trụ, máy tính điện tử, đã nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác đo đạc, khảo sát, công tác tìm kiếm và thăm dò khoáng sản, phát hiện thêm nhiều mỏ và điểm khoáng

Chúng ta đã bắt đầu tổ chức đào tạo cán bộ trên đại học ở trong nước: 16 trường đại học và viện nghiên cứu đã được phép tiến hành công tác này. Gần 400 cán bộ đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và phó tiến sĩ, mà hầu hết các đề tài có ý nghĩa đối với thực tế nước ta. Đây cũng là một nét quan trọng, đánh dấu sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật.

Tuy nhiên, tiềm lực của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật chưa được phát huy đầy đủ nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Có những nguyên nhân từ bản thân đội ngũ và những nguyên nhân về tổ chức quản lý.

Cán bộ khoa học kỹ thuật nói chung chưa nhận thức sâu sắc về đặc điểm và điều kiện thực tế của đất nước. Đội ngũ cán bộ khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật ít hiểu biết về khoa học xã hội, lúng túng trong việc vận dụng một cách tổng hợp những kiến thức có tính chất liên ngành, bị hạn chế về khả năng thực hành và trình độ công nghệ v.v. Những điều đó nhiều khi đã ảnh hưởng tới việc phát hiện và xác định đầy đủ, chính xác những vấn đề khoa học cần nghiên cứu, lựa chọn trọng điểm, vận dụng kiến thức cho vững chắc để giải quyết vấn đề một cách trọn vẹn. Đặc biệt, những hạn chế về kiến thức kinh tế – xã hội, trình độ công nghệ, khả năng tổ chức quản lý đã làm cho kết quả nghiên cứu thiếu hoàn chỉnh hoặc khó đưa vào ứng dụng trong thực tế. (Tất nhiên, những khó khăn trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật còn do nhiều nguyên nhân khác nữa). Trình độ ngoại ngữ của cán bộ khoa học kỹ thuật cũng chưa cao. Qua điều tra, có tới 47% số cán bộ không biết hoặc chưa dùng được một ngoại ngữ nào.

Trong cơ cấu của đội ngũ, cũng còn có mặt chưa đồng bộ. Số cán bộ có trình độ cao còn ít, chỉ chiếm ngót 2% tổng số cán bộ có trình độ đại học, do đó thiếu những người giỏi để chủ trì những tập thể khoa học trong việc nghiên cứu các đề tài quan trọng hoặc nghiên cứu xác định những phương hướng khoa học lớn. Xét về cơ cấu ngành nghề, còn có chỗ chưa cân đối. Cán bộ thuộc một số ngành khoa học xã hội, quản lý kinh tế còn ít.

Việc bố trí sử dụng có vị trí rất quan trọng trong việc phát huy tác dụng của đội ngũ. Theo tài liệu điều tra năm 1982, việc phân bố cán bộ khoa học kỹ thuật theo các nhóm ngành đào tạo giữa hai khu vực sản xuất vật chất và không trực tiếp sản xuất vật chất như sau:

	Khoa học tự nhiên	Khoa học kỹ thuật	Khoa học y dược	Khoa học nông nghiệp	Khoa học xã hội
Tổng số (%)	100	100	100	100	100
Khu vực SXVC (%)	5,3	74,8	16,2	52,8	20,3
Khu vực không SXVC (%)	94,7	25,2	83,8	47,2	79,7

Digitized by Google

Riêng các ngành khoa học tự nhiên có tình hình phân bố như trên là vì số cán bộ này chủ yếu công tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Nếu tính chung, thì khoảng 30% tổng số cán bộ khoa học kỹ thuật công tác tại khu vực sản xuất vật chất. Tỷ lệ này còn thấp, cần có biện pháp nâng cao hơn.

Xét về phân bố theo lãnh thổ, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật còn tập trung nhiều ở trung ương và các tỉnh, thành phố lớn. Trong khi đó, tại vùng núi và trung du phía Bắc chỉ có 14% số cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên; tại đồng bằng sông Cửu long có 7,5% và Tây nguyên có 2,9%. Đặc biệt, cán bộ khoa học kỹ thuật bố trí ở cấp huyện còn quá mỏng, chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng cấp huyện. Tất nhiên, ở những tỉnh và thành phố lớn, có nhiều cơ quan nghiên cứu, đào tạo, quản lý và xí nghiệp lớn, nhưng dù sao tình hình phân bố như vậy cũng hạn chế việc phát huy thế mạnh của từng vùng trong nhiệm vụ phát triển kinh tế — xã hội chung của cả nước. Ngay việc phân bố cán bộ giữa các viện nghiên cứu và các trường đại học cũng không đồng đều. 14% số viện chưa có cán bộ trên đại học, 35% số viện chỉ có 1 đến 2 người. Có những trường đại học có tới 25% — 30% cán bộ giảng dạy có trình độ trên đại học, trong khi còn những trường chưa có hoặc chỉ có rất ít.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật là yếu tố quan trọng nhất của tiềm lực khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó còn có các yếu tố khác như hệ thống các cơ quan nghiên cứu triển khai, cơ sở vật chất — kỹ thuật, thông tin khoa học kỹ thuật, đầu tư tài chính, tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật, trong đó kể cả các chính sách có liên quan. Có thể hiểu khái niệm tiềm lực khoa học kỹ thuật như một khái niệm tổng hợp về các yếu tố hợp thành. Chúng tác động lẫn nhau, kích thích, hỗ trợ hoặc hạn chế lẫn nhau. Chỉ có sự phát triển hài hòa và sử dụng tổng hợp các yếu tố đó mới mang lại hiệu quả thiết thực. Cho nên cần xem xét việc phát huy tác dụng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trong mối quan hệ của đội ngũ này với các yếu tố khác của tiềm lực khoa học kỹ thuật. Hiện nay nước ta có hơn 100 viện nghiên cứu, chưa kể hàng chục viện thiết kế, quy hoạch. Có trên 10 000 cán bộ đại học và gần 1000 cán bộ trên đại học công tác tại các viện này. Một số viện được trang bị tương đối tốt, có đội ngũ đồng bộ, đã phát huy được tác dụng tích cực trong công tác nghiên cứu và triển khai. Nhưng đa số còn nghèo nàn về cơ sở vật chất — kỹ thuật; trang bị thường thiếu hoặc cũ kỹ, không đồng bộ. Hệ thống các viện hình thành quá nhanh. Từ năm 1975 lại đây, số lượng các viện đã tăng gấp đôi. Nhà nước không đủ khả năng đầu tư. Ngoài ra, giữa một số viện lại có sự trùng lặp về chức năng. Do tính chất phân tán, chia cắt, cơ chế quản lý lại mang nặng tính hành chính quan liêu, cho nên các viện chưa phát huy tác dụng được bao nhiêu. Theo kết quả điều tra tổng hợp, mới có khoảng 30% tổng số thiết bị của các viện, trường được sử dụng tương đối tốt, 52% thiết bị không đưa vào sử dụng được vì thiếu cán bộ vận hành, thiếu điều kiện bảo đảm về vật chất — kỹ thuật (vật tư, hóa chất, linh kiện, phụ tùng, thiết bị phụ trợ, điện, nước...), 14% thiết bị ở trạng thái sử dụng không ổn định, do thiếu kế hoạch, không có nhu cầu sử dụng thường xuyên, 4% thiết bị không có nhu cầu sử dụng.

Mức đầu tư cho khoa học kỹ thuật của chúng ta cũng còn quá thấp, ngay cả so với các nước đang phát triển.

Digitized by Google

Nếu chỉ dùng một chỉ tiêu về cách đánh giá của UNESCO, xem mức đầu tư tài chính bình quân cho một cán bộ làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai, thì thấy ở các nước đang phát triển, mức trung bình là vào khoảng 20 000 đến 30 000 đô la Mỹ trong một năm. Ở các nước phát triển, mức đó có thể lên tới 100 000 đô la hoặc hơn nữa. Còn ở nước ta, năm 1979, chỉ tiêu đó là 8300 đồng. Ở một số nước, như Mô-ri-ta-ni, Ê-cu-a-đo, Ca-na-đa, Đan mạch..., tính trung bình trong khoảng 10 năm của thập kỷ 70, tốc độ bình quân tăng thu nhập quốc dân hằng năm lớn hơn tốc độ bình quân tăng đầu tư cho một cán bộ nghiên cứu và triển khai từ 1,2 đến 1,4 lần. Đó cũng là điều đáng suy nghĩ.

Về cơ chế quản lý và chính sách, chế độ, trong những năm gần đây có phần nào được cải tiến, song cũng còn nhiều điểm làm hạn chế việc phát huy tác dụng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Một trong những nguyên nhân sâu xa là, cơ chế quản lý kinh tế quan liêu bao cấp không thúc đẩy tính năng động của cơ sở, không coi trọng mối quan hệ gắn bó giữa nghiên cứu — sản xuất — tiêu dùng. Từ đó đã làm giảm ý thức tìm tòi, sáng tạo trong con người lao động, phát triển nếp làm ăn thụ động, « chờ giao kế hoạch », « chờ cung cấp tài chính, vật tư », « có được đến đâu, làm đến đó ». Do vậy, người sản xuất ít quan tâm đến nhu cầu của tiêu dùng (kể cả tiêu dùng trong sản xuất và trong đời sống) về chủng loại và chất lượng của sản phẩm, tức là cũng không có nhu cầu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Thậm chí, có lúc, có nơi, càng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, càng nâng cao chất lượng sản phẩm, càng bị lỗ ; càng giữ nhiều trang thiết bị, tuy không dùng đến, càng được lợi.

Tóm lại hiện nay chúng ta đã có được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật khá đông đảo, nói chung có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ khá. Đó là vốn quý của đất nước, là kết quả của quá trình bồi dưỡng, đào tạo lâu dài theo đường lối giáo dục của Đảng. Chúng ta đang bước vào kế hoạch 5 năm 1986—1990, kế hoạch có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện những mục tiêu kinh tế — xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ mà Đại hội thứ V của Đảng đề ra. Nghị quyết thứ 9 của Trung ương Đảng đã chỉ rõ, phải « tổ chức và sử dụng có hiệu quả hơn tiềm lực khoa học kỹ thuật, trước hết là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có, bao gồm khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách về sản xuất, đời sống, về cải tiến quản lý và về quốc phòng ». Muốn thế cần phải có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ cho hợp lý nhằm phát huy năng lực từng người và tiềm lực của toàn đội ngũ.

Muốn bố trí đội ngũ cán bộ hợp lý hơn, việc trước tiên cần làm là phải xem xét và kiên quyết sắp xếp lại hệ thống các viện nghiên cứu, các trường đại học, thực hiện chủ trương chung về đẩy mạnh phân công và bố trí lại lao động, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn cả nước. Đối với những viện thuộc lĩnh vực chuyên ngành hẹp, nên nghiên cứu đưa về trực thuộc các liên hiệp xí nghiệp, nhằm phục vụ sát hơn nữa những yêu cầu của sản xuất và hoạt động chủ yếu trên cơ sở ký kết hợp đồng với các đơn vị sản xuất. Như vậy, Nhà nước có thể đầu tư tập trung hơn, tăng cường trang bị cho những viện trọng điểm, nhằm thực hiện những nhiệm vụ quan trọng nhất, những

Digitized by Google

nhu cầu bức thiết nhất. Cùng với việc sắp xếp mạng lưới các trường và viện, cần soát xét, bố trí lại cán bộ khoa học kỹ thuật cho hợp lý hơn, trước hết hãy giải quyết những bất hợp lý trong nội bộ từng ngành.

Để giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật quan trọng, phức tạp, cần khắc phục tình trạng phân tán, chia cắt, bằng cách hình thành những tập thể khoa học đồng bộ, liên ngành, triển khai thực hiện các chương trình trọng điểm của Nhà nước, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, phát triển khoa học kỹ thuật, lập luận chứng kinh tế – kỹ thuật của các công trình có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế quốc dân v.v. Thực tiễn những năm qua cho thấy việc thực hiện những nhiệm vụ phức tạp như thế đòi hỏi phải tập hợp cán bộ thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội, cán bộ công tác trong các lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất, quản lý và đào tạo. Một vấn đề đáng quan tâm và có tác dụng khá quan trọng đối với việc bảo đảm sự hoạt động có hiệu quả của những tập thể khoa học là việc lựa chọn và chỉ định các cán bộ chủ trì. Những người này cần có khả năng tập hợp, có trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức vững vàng.

Máy móc, trang thiết bị của chúng ta còn nghèo nàn, nhưng công suất sử dụng lại chưa cao. Cần tận dụng cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có, tạo thêm điều kiện làm việc cho cán bộ khoa học kỹ thuật bằng cách xây dựng những thể lệ, chế độ, những định mức và giá cả hợp lý để khuyến khích các cơ quan cùng hợp tác khai thác chung những trang thiết bị của nhau một cách có hiệu quả nhất. Mặt khác, cũng nên có những biện pháp cần thiết, như điều động trang thiết bị, thu kinh phí khấu hao v.v., nhằm thúc đẩy các cơ quan tận dụng trang thiết bị và [illegible] bỏ dần tình trạng cứ giữ máy móc mà không dùng hoặc ít dùng.

Cần nghiên cứu và ban hành những chính sách, chế độ cụ thể để động viên cán bộ khoa học kỹ thuật đi sâu vào sản xuất, về các cơ sở và địa phương có nhu cầu. Cần khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ khoa học kỹ thuật giải quyết những khó khăn trong đời sống bằng chính lao động khoa học của mình, làm cho cán bộ khoa học kỹ thuật gắn bó hơn nữa với hiệu quả của công tác, của sản xuất. Trong việc này, nên coi trọng hiệu quả công việc đối với xã hội, tránh chủ nghĩa bình quân.

Những năm gần đây, một số cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân đã được cử đi công tác ở nước ngoài, dưới hình thức xuất khẩu lao động. Việc đó nên làm và có thể phát triển mạnh hơn, nhưng cần có một sự chỉ đạo nhạy bén, tập trung và có hiệu quả hơn, xử lý hài hòa mối quan hệ trong nước – ngoài nước, trước mắt – lâu dài, tuyển chọn người đi – sử dụng người về v.v.

Cán bộ khoa học kỹ thuật cần được đánh giá không phải đơn thuần theo bằng cấp, mà điều rất quan trọng là phải theo hiệu quả của công tác khoa học kỹ thuật và sự cống hiến đối với sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ đất nước và cần có chế độ thưởng phạt nghiêm minh.

Sự nghiệp đào tạo cán bộ của chúng ta đã có nhiều thành quả tốt đẹp, song để đáp ứng những nhu cầu của xã hội, việc sắp xếp hệ thống các trường và công tác đào tạo nói chung cần gắn chặt hơn nữa với việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, phù hợp với việc phân bố lực lượng sản xuất, cũng như khả năng

Digitized by Google

đầu tư của Nhà nước. Từ đó, mục tiêu, nội dung và phương thức đào tạo cũng nên được nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi hoàn chỉnh hơn. Cần có cách thức đào tạo linh hoạt sao cho đào tạo gắn chặt với sử dụng, vừa phục vụ tốt cho sản xuất, đời sống, quốc phòng, vừa góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng tinh thần hiếu học truyền thống của nhân dân ta.

Song song với việc sắp xếp hệ thống đào tạo, có nhu cầu lớn về tăng cường bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ khoa học kỹ thuật, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ kịp thời nắm được những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước, bổ sung những kiến thức liên ngành. Nâng cao chất lượng đào tạo và hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi phải thành một chủ trương lớn của Nhà nước, bằng cách nâng cao chất lượng từ giáo dục phổ thông trở lên, bồi dưỡng và sàng lọc trong quá trình sử dụng, đẩy mạnh đào tạo trên đại học ở trong nước và nâng cao hiệu quả hợp tác khoa học kỹ thuật với nước ngoài.

Cùng với việc cải tiến quản lý khoa học kỹ thuật theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế — xã hội, phù hợp với đặc điểm của công tác này, cần mạnh dạn tăng cường đầu tư cho khoa học kỹ thuật.

Tổ chức tốt hơn đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, kết hợp với đội ngũ công nhân kỹ thuật, với các hội khoa học kỹ thuật và phong trào quần chúng tiến quân vào mặt trận khoa học kỹ thuật, sẽ góp phần tích cực làm cho cách mạng khoa học kỹ thuật thật sự trở thành then chốt trong ba cuộc cách mạng, và làm cho khoa học trở thành «một động lực thúc đẩy lịch sử tiến triển, một động lực cách mạng».

Suy nghĩ về chính...

(Tiếp theo trang 61)

Việt nam nhìn thẳng ra Biển Đông và có hơn 3260 km bờ biển, có vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa rộng. 20 tỉnh, đặc khu, thành phố có bờ biển trong tổng số 40 tỉnh, thành phố, đặc khu, hơn 90 huyện có bờ biển trong tổng số 423 huyện của cả nước. Như vậy ngay một nửa của phần lục địa Việt nam cũng có bờ biển. Một nước như vậy không thể không đặt biển vào vị trí xứng đáng trong chiến lược kinh tế và quốc phòng của mình. Một nước như vậy ít nhất cũng làm được bằng những nước có tầm vóc tương đương hoặc kém hơn. Vấn đề là có chính sách đúng, có tổ chức thực hiện có hiệu lực, phù hợp với từng chặng đường của mình.

Truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ chia một nửa số con lên núi, một nửa số con xuống biển phải chăng đã đến thời điểm trở thành câu chuyện thật tượng trưng hai hướng phát triển của nước ta: hướng lục địa và hướng biển?

Digitized by Google

LƯU VĂN LỢI

SUY NGHĨ VỀ CHÍNH SÁCH BIỂN TRONG CHIẾN LƯỢC KINH TẾ VÀ QUỐC PHÒNG CỦA NƯỚC TA

Với hơn 360 triệu km^2, tức hơn 70% diện tích của trái đất, với 1,3 tỷ km^3 nước tức hơn 97% toàn bộ nước của trái đất, với thế giới động vật và thế giới thực vật đa dạng và vô cùng phong phú, với nguồn tài nguyên không sinh vật chưa tính hết được, biển giữ vị trí ngày càng quan trọng trong lịch sử tiến hóa của loài người. Đó là chưa kể tác động của biển đối với thời tiết và khí quyển.

Người thượng cổ đã biết lấy muối ăn từ nước biển hoặc biết sử dụng các đường biển để liên lạc với các đảo lân cận cách đây 4—5000 năm, nhưng con người khám phá và tìm hiểu biển chậm hơn khám phá và tìm hiểu đất liền, và điều đó cũng dễ hiểu. Không kể chuyến vượt đại dương của người Vi-kinh (Na-uy) dẫn tới việc họ đổ bộ lên Bắc Mỹ vào khoảng thế kỷ XII, các cuộc phát hiện lớn từ thế kỷ XV, trong đó nổi lên cuộc hành trình của Cri-xtốp Cô-lông (Christophe Colomb) tìm ra châu Mỹ, chỉ là những công cuộc đi tìm đất mới mặc dù nó mang lại cho loài người nhiều thông tin mới về địa lý, về trái đất, về biển. Khoa học đại dương thật sự xứng đáng với cái tên đó bắt đầu từ cuộc đi vòng quanh trái đất dài 69 000 hải lý trong ba năm rưỡi của chiếc tàu Anh Sa-lin-giơ (HSM Challenger), từ 21 tháng 12 năm 1872 đến 24 tháng 5 năm 1876, quan tâm đến nhiều khía cạnh của biển, kể cả đáy đại dương. Điều đặc biệt là từ bấy giờ, nghĩa là cách đây hơn một trăm năm, tàu Sa-lin-giơ đã lấy được những viên cuội kết hạch đa kim (nodules polymétalliques) đầu tiên hiện nay đang là vấn đề thời sự đối với các giới hải dương học cũng như các giới kinh doanh ở nhiều nước.

Trong vòng ba thập kỷ qua, với việc phát hiện dầu mỏ và khí đốt ở thềm lục địa và các khu vực giàu cuội kết hạch đa kim, việc nghiên cứu biển và đại dương càng được phát triển nhanh chóng. Các nước phát triển đều có chính sách quốc gia về biển. Viện hàn lâm khoa học Liên xô, Ủy ban Nhà nước Liên xô về khí tượng thủy văn và kiểm soát môi trường thiên nhiên, Cục hàng hải và hải dương học Bộ quốc phòng Liên xô đã tiến hành nhiều cuộc nghiên cứu đại dương để phục vụ kinh tế quốc dân và khoa học biển. Mỹ thông qua đạo luật về phát triển tài nguyên và kỹ thuật biển năm 1966, tiếp đó thành lập một ủy ban có nhiệm vụ xác định nội dung chính sách nghiên cứu biển của Mỹ. Năm 1967 Pháp thành lập trung tâm quốc gia khai thác các đại dương. Tháng 8 năm 1967, đại diện Man-tơ (Malte) tại Liên hợp quốc đề nghị ghi vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng năm đó «tuyên bố và hiệp ước liên quan tới

Digitized by Google

việc chỉ dùng vào những mục đích hòa bình các đáy biển và đại dương ở ngoài giới hạn thẩm quyền quốc gia hiện nay và liên quan tới việc khai thác các tài nguyên đó vì lợi ích của loài người». Như vậy thực chất là đề nghị Liên hợp quốc thảo luận một khái niệm mới coi các đáy biển và đại dương nằm ngoài giới hạn quyền tài phán của các quốc gia là «di sản chung của loài người». Ngày 21-12-1968, Đại hội đồng Liên hợp quốc quyết định thành lập «Ủy ban về việc sử dụng vào các mục đích hòa bình các đáy biển và đại dương nằm ngoài các khu vực thuộc quyền tài phán quốc gia». Chính do những vấn đề mới mà ủy ban này phát hiện mà Liên hợp quốc đã đi tới quyết định sẽ triệu tập một hội nghị quốc tế về luật biển sẽ khai mạc ở Ca-ra-cát (Caracas) với sự tham gia của hơn 110 nước.

Từ những năm 60 đến những năm 70 của thế kỷ này, nhiều nước đã tham gia những chương trình quốc tế quy mô nhằm nghiên cứu khu vực nhiệt đới của Đại tây dương, dòng Cu-rô—Xi-ô (Kuro—Shio), biển Ca-ri-bê, vùng đông bắc, vùng tây bắc Đại tây dương, nhiều vùng của Thái bình dương, Ấn độ dương v.v., đáng chú ý là chương trình FAMOUS (French-Aemerican Mid Oceanic Undersea Study) của Pháp — Mỹ, chương trình GATE (thực nghiệm toàn diện về Đại tây dương) trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu khí quyển toàn cầu với sự tham gia của hàng mấy nghìn nhà khoa học và kỹ thuật của 72 nước. Thông tin về hải dương học được trao đổi qua các trung tâm số liệu hải dương thế giới đặt tại Liên xô và Mỹ.

Nhiều công trình thăm dò cuối kết cấu đã kịp được tiến hành ở đáy Thái bình dương.

Ngày nay không phải chỉ là kỷ nguyên «con người — vũ trụ» mà còn là kỷ nguyên «con người — đại dương» như nhiều nhà khoa học đã gọi. Vấn đề đại dương có phương diện kinh tế, quân sự của nó, nhưng cũng có phương diện chính trị — pháp lý của nó vì đã và ngày càng xảy ra nhiều cuộc tranh chấp quyền lợi trên đại dương. Trong thời đại khoa học và kỹ thuật tiến những bước khổng lồ và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đang khốn khổ vì thiếu nguyên liệu và nhiên liệu, đại dương trở thành một miền «viễn tây» mới để các tờ rớt, các công ty đa quốc gia lao vào tìm những nguồn nguyên liệu, nhiên liệu có khả năng vượt xa các trữ lượng trên lục địa hay ít nhất cũng bổ sung được các nguồn đã bắt đầu cạn trên lục địa.

Chính vì tầm quan trọng của các biển và đại dương về cả ba phương diện mà ngày 10-12-1982 đại diện 119 nước, bất chấp sự chống đối của Mỹ, đã ký công ước của Liên hợp quốc về luật biển tại Môn-tê-gô Bay (Montego Bay) ở Ha-mai-ca; đến nay đã có thêm khoảng 20 nước khác tham gia công ước này. Công ước hiện nay chưa có hiệu lực, nhưng Ủy ban trù bị đã được thành lập để cơ quan quyền lực về đáy biển và tòa án quốc tế về luật biển có thể sớm hoạt động. Đã có bốn nước, Liên xô, Ấn độ, Nhật bản, Pháp, đóng mỗi nước 30 triệu đô la để đăng ký là «người đầu tư ban đầu».

*

Sự hình thành và phát triển của các quốc gia trong lịch sử cho chúng ta thấy có hai hướng phát triển. Có những quốc gia theo xu hướng lục địa thông thường men theo hai bờ tiến đến châu thổ một hay nhiều con sông rồi từ đó ngày càng mở rộng địa bàn cư trú có khi qua chinh phục các nước chung quanh trở thành đế quốc

Digitized by Google

lục địa. Đó là trường hợp chẳng hạn của Ai cập, Sumaer, đế quốc Inca, đế quốc Trung hoa. Lại có những quốc gia khác theo xu hướng biển, thường là các dân tộc sống ở bờ biển hoặc trên các hải đảo, ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động trên biển, tăng cường đội tàu buôn, phát triển mậu dịch với các nước khác qua đường biển. Nước Ly lạp cổ đã từng chiếm ưu thế trong Địa trung hải, đánh bại cả đế quốc lục địa Ba tư, xây dựng lên một nền văn minh rực rỡ còn tỏa sáng đến ngày nay. Thậm chí một đảo nhỏ như Crét (Crète) trong Địa trung hải cũng đã phát triển mạnh mẽ nhờ biết dựa vào biển và xây dựng một nền văn hóa nổi tiếng. Người Phê-ni-ci không phải chỉ dùng biển để phát triển buôn bán với các nước chung quanh mà còn vượt biển đến định cư ở Bắc Phi, thành lập nên xứ Các-ta-giơ (Carthage) hùng mạnh và phồn vinh, khống chế phần lớn Địa trung hải, chèn ép Rô-ma, khiến Caton, nhà chính trị Rô-ma phải luôn mồm kêu gọi « phải tiêu diệt Các-ta-giơ ! ». Sau này, khi kỹ thuật hàng hải phát triển, nhiều nước có biển như Bồ đào nha, Tây ban nha, Hà lan, Anh, Pháp v.v. trở nên hùng mạnh và phồn vinh cũng chính là do buổi đầu đã tận dụng ưu thế của một nước có biển. Chúng ta lên án chế độ thuộc địa mà các nước đó sau này thiết lập ở những vùng đất mới, nhưng chúng ta cần nghiên cứu chính sách biển của họ để phát triển kinh tế, mở rộng ảnh hưởng.

Từ xa xưa ông cha ta đã biết khai thác nguồn muối, cá của Biển Đông, đã lập Vân đồn làm cảng đầu tiên buôn bán với người nước ngoài. Đặc biệt là nhà nước phong kiến đã chiếm hữu Hoàng sa (tức là cả quần đảo Hoàng sa và quần đảo Trường sa ngày nay), tổ chức đội Hoàng sa hằng năm ra khai thác Hoàng sa năm, sáu tháng, sau lại tổ chức thêm đội Bắc hải để khai thác tài nguyên ở vùng biển khác.

Hồ Chủ tịch và Đảng luôn nhắc chúng ta : nước ta có « rừng vàng biển bạc », và nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đều quán triệt tinh thần đó trong khi vạch và thực hiện các biện pháp cụ thể về biển.

Nghị quyết của Đại hội thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta. Riêng về phần kinh tế biển, nghị quyết đã nêu nhiều mặt hoạt động như đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, tăng nhanh lực lượng đánh cá biển, phát triển nghề muối, đóng tàu biển, tàu đánh cá, phát triển đội tàu biển v.v. Khi phân vùng quy hoạch sản xuất để phát triển tất cả các vùng, nghị quyết cũng nêu « miền biển ». Đại hội cũng đã vạch rõ hai vốn quý nhất của chúng ta là lao động và đất đai (bao gồm cả rừng và biển). Đại hội thứ V của Đảng đã khẳng định tiếp tục đường lối do Đại hội thứ IV đã vạch ra và khi đề ra những nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế — xã hội trong 5 năm 1981 – 1985 và những năm 80 cũng đã nhấn mạnh vấn đề kinh tế biển.

Xuất phát từ đường lối chung và các chủ trương cụ thể của Đảng trong từng giai đoạn, các cơ quan khoa học và khai thác biển của nước ta trong đó có Viện nghiên cứu biển, Bộ thủy sản, đã tiến hành nhiều cuộc điều tra biển từ Vịnh Bắc bộ đến các vùng biển phía nam và đã đạt được những thành tích quan trọng.

Đường lối của Đảng cũng như những công trình nghiên cứu đã tiến hành chứng minh rõ ràng sự quan tâm của nước ta đến biển và các vấn đề mà biển đặt ra trước đây cũng như trong những năm 80.

Digitized by Google

Nhưng *từ sau những năm 80 của thế kỷ này chính sách biển của nước ta nên như thế nào?* Đó là câu hỏi nóng hổi đặt ra cho các nhà khoa học, các nhà kinh tế, các nhà quân sự nước ta nghiên cứu ngay từ bây giờ và trả lời để sớm có một đáp số đúng đắn ngang tầm vóc của vấn đề biển và phù hợp với hoàn cảnh và yêu cầu của nước ta.

Tôi cho rằng muốn đề cập đúng đắn vấn đề này chúng ta nên tính đến ba nhân tố sau đây:

1 — Nhờ tiến bộ ngày càng nhanh của khoa học và kỹ thuật cho phép con người khám phá những bí mật và phát hiện tiềm năng của đại dương, con người có thể đặt nhiều hy vọng vào đại dương để giải quyết hàng loạt vấn đề vượt quá tiềm năng của lục địa: đánh bắt, nuôi trồng thủy sản để tăng thêm nguồn prôtit; khai thác các mỏ dầu và khí đốt ở thềm lục địa; khai thác các cuội kết hạch đa kim ở dưới đáy đại dương, các khoáng sản hòa tan trong nước biển; khai thác năng lượng nhiệt của biển. Thực tế đã xác nhận cách đề cập vấn đề như vậy hoàn toàn là hiện thực.

2 — Ngày 12-5-1977 Chính phủ ta đã ra tuyên bố quy định vùng đặc quyền về kinh tế rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở thềm lục địa là sự kéo dài tự nhiên của lục địa ra tới bờ ngoài của rìa lục địa và tới 200 hải lý ở nơi nào thềm lục địa không rộng tới 200 hải lý. Đây là một tuyên bố cực kỳ quan trọng vì nó mở rộng vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia của nước ta theo đúng pháp luật quốc tế. Như vậy chúng ta không phải chỉ có một *nước Việt nam lục địa rộng hơn 329 000km²* mà còn có một *nước Việt nam biển rộng trên dưới 1 000 000 km²*, không phải chỉ có những tài nguyên trên đất liền mà còn có những tài nguyên sinh vật và không sinh vật trong vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của nước ta.

3 — Công ước của Liên hợp quốc về luật biển ký tháng 12 năm 1982 đến nay đã được hơn 130 nước ký kết hoặc tham gia, trong đó có nước ta, đã công nhận *vùng* (Zone) — tức là đáy các biển và đại dương nằm ngoài giới hạn tài phán quốc gia và các tài nguyên của nó — là «di sản chung của loài người», do đó toàn thể loài người mà cơ quan quyền lực quốc tế (Autorité) là đại diện có tất cả các quyền đối với các tài nguyên của vùng; cơ quan quyền lực quốc tế có thể đứng ra trực tiếp khai thác thông qua xí nghiệp (l'entreprise) hoặc ký hợp đồng với các quốc gia và các thực thể khác cho phép họ thăm dò, khai thác, kinh doanh các tài nguyên trong vùng đáy biển và đại dương. Trước đây nước ta cũng như các nước khác được quyền cho tàu thủy, máy bay tự do qua lại các đại dương; bây giờ, với công ước mới về luật biển, *nước ta sẽ là thành viên của cơ quan quyền lực quốc tế, có quyền tham gia thăm dò, khai thác, kinh doanh các tài nguyên ở đáy đại dương theo các quy định của công ước.* Tài nguyên của nước ta không chỉ giới hạn trong phạm vi đất liền, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa của nước ta mà còn được mở rộng ra vùng đáy biển và đại dương nằm ngoài giới hạn quyền tài phán quốc gia.

Như vậy khi nghiên cứu vạch chính sách biển cho nước ta, chúng ta có quyền hiểu rằng đó là chính sách về vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia, thềm lục địa của nước ta và cả đại dương nữa. Quan điểm đó cần được quán triệt trong các khâu của chính sách, từ nghiên cứu khoa học đến thăm dò, khai thác, kinh doanh tài nguyên biển, từ đào tạo đội ngũ chuyên viên lành nghề đến chuẩn bị tổ chức và vốn đầu tư, từ việc tự làm đến việc hợp tác với các bên khác.

★

Digitized by Google

Nói đến tài nguyên vô cùng phong phú và vị trí của biển trong chiến lược kinh tế và quốc phòng của nước ta, ai cũng đồng ý, nhưng đồng thời ai cũng thấy « lực bất tòng tâm » vì hiện nay thật sự « lực » của ta « bất tòng tâm ». Hiện nay nước ta mới ở chặng đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, vừa có hòa bình vừa phải đối phó với cuộc chiến tranh lấn chiếm biên giới, chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chủ nghĩa bành trướng Bắc kinh. Bên cạnh những thuận lợi, chúng ta có biết bao khó khăn, chiều hướng đi lên đã trông thấy, những năm khó khăn nhất đã vượt qua, nhưng rõ ràng hiện nay chúng ta làm không đủ ăn, thu không đủ chi, thế thì chính sách biển của nước ta lấy gì để vượt quá biển ven bờ, biển gần ? Nói gì đến những vùng xa xôi của Biển Đông, đến các đại dương !

Nhưng cuộc sống, với quy luật khắt khe của nó, đặt chúng ta trước những yêu cầu không thể và không nên né tránh.

Các vùng biển và thềm lục địa của nước ta có một tiềm năng lớn. Pháp luật quốc tế đã cho nước ta hưởng những quyền lợi mới thật to lớn, kể cả đối với đáy đại dương. Nếu đã là chủ quyền của nước ta thì ta phải giữ. Nếu đã là quyền lợi chính đáng của nước ta thì ta không được phép khước từ. Với việc phát hiện mỏ dầu ở ngoài khơi Vũng tàu, tài nguyên của thềm lục địa nước ta rõ ràng là đã trong tầm tay của ta. Trong vài năm tới, song song với việc đẩy mạnh khai thác tài nguyên trên phần lục địa nước nhà, nếu ta lấy được một số lượng dầu nguyên khai đáng kể thì bộ mặt kinh tế của ta có thể có những đổi thay nhanh chóng. Chỉ với một mỏ dầu dưới biển nằm ở phía đông bắc quần đảo Trường sa, Phi-líp-pin đã lấy được một số dầu đủ thỏa mãn 10% nhu cầu hằng năm về nhiên liệu lỏng của họ. Điều đó có nghĩa là việc khai thác dầu và khí trong Biển Đông (sau này còn phải tính cả Vịnh Bắc bộ nữa) không phải là việc xa xôi lắm.

Hơn nữa nhiều nước đang lợi dụng tình thế khó khăn hiện nay của nước ta để tranh giành đất đai, tài nguyên của ta. Bắc kinh đã chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng sa của ta và đang cho nhiều công ty Mỹ, Pháp, Anh... tích cực thăm dò dầu khí ở đây cũng như trong Vịnh Bắc bộ. Trong quần đảo Trường sa, ta có quân đóng trên 9 đảo nhưng Đài loan đang chiếm đảo Ba bình là đảo lớn nhất của quần đảo, Phi-líp-pin đang chiếm 8 đảo (chỉ từ 1970 đến nay), Ma-lai-xi-a đang chiếm một hòn đảo đá nhỏ để có một chỗ đứng chân hòng thăm dò, khai thác tài nguyên ở vùng biển và đáy biển chung quanh. Còn con rồng Bắc kinh luôn luôn há to mồm để chờ cơ hội nuốt chửng toàn bộ quần đảo Trường sa, ra sức vùng vẫy trong Biển Đông. Tình hình này cho ta thấy ngay trong Biển Đông và ngay trên phần lãnh thổ thuộc chủ quyền của nước ta, ta càng chậm càng có nguy cơ mất thêm đất, mất thêm biển và tài nguyên dưới biển và trong lòng đất dưới đáy biển. Ngày nay mọi người đã thấy rõ ràng Bắc kinh tìm cách bành trướng ra biển, lấn dần Biển Đông hòng thực hiện các kế hoạch bành trướng và bá quyền ở Đông Nam Á.

Quyền và tài nguyên của nước ta ở thềm lục địa, theo công ước mới về luật biển, là bất khả xâm phạm dù ta có tuyên bố hay không tuyên bố, dù ta có khai thác hay chưa khai thác. Nhưng quyền được hưởng một phần « di sản chung của loài người » ở đại dương lại không thế. Các quốc gia đều có quyền đăng ký xin thăm dò, khai thác các cuội kết hạch đa kim ở từng khu vực một. Hiện nay một số quốc gia đã đăng ký rồi và nhiều

Digitized by Google

quốc gia khác tiếp tục đăng ký những khu vực khác cho đến khi không còn khu vực nào có ý nghĩa kinh tế đáng để đăng ký nữa. Trước đây các cụ ta thường nói: «trâu chậm uống nước đục». Ngày nay trong vấn đề tài nguyên ở đáy đại dương «trâu chậm» không còn cả «nước đục» để uống nữa!

Các nước phát triển từ lâu đã tích cực chuẩn bị thăm dò, khai thác đáy đại dương. Bây giờ đến lượt các nước đang phát triển. Từ tháng 7-1981, Ấn độ đã thành lập cơ quan phát triển đại dương (DOD) do một bộ trưởng phụ trách và đặt dưới sự chỉ đạo của Văn phòng Thủ tướng có nhiệm vụ phối hợp hoạt động của các cơ quan liên quan và vạch ra chính sách đại dương của Ấn độ. Thái lan có Trường đại học Chu-la-lon-con (Chulalongkorn) phối hợp với Trường đại học Dalhousie của Ca-na-đa trong một chương trình quy mô nhằm nghiên cứu các vấn đề về luật biển ở Đông Nam Á từ năm 1981 (chương trình SEAPOL). Từ 1966 tổ chức Ủy ban điều phối thăm dò tài nguyên khoáng sản ngoài khơi châu Á (CCOP) được thành lập gồm 12 nước châu Á.

Hiện nay vấn đề đặt ra với nước ta là:

- Hoặc đặt ngay vấn đề biển ngang với tầm vóc của nó, nghĩa là trong phạm vi chủ quyền và các quyền hợp pháp của nước ta kể cả ngoài đại dương, thì hiện nay ta chưa có sức.

- Hoặc đợi khi ta có sức mới đặt vấn đề thì chắc chắn khi đó phần khoáng sản mà ta có quyền khai thác ở đáy đại dương không còn nữa.

Đây là một sự lựa chọn cực kỳ khó khăn trong lúc chúng ta có những ưu tiên khác, nhưng không phải là một phương trình vô nghiệm.

Trước những khó khăn và nhiệm vụ cấp bách hiện nay, việc tiến ra đại dương có thể hiểu như là câu chuyện khoa học viễn tưởng đối với nước ta, đặt vấn đề để tham gia khai thác đáy biển và đại dương thậm chí có thể coi là câu chuyện viển vông, một ảo tưởng. Nhưng theo tôi, điều quan trọng trước hết là xem có đúng đại dương và biển đặt ra một vấn đề hết sức cấp bách cho tương lai gần, tương lai xa, thậm chí cho hiện tại của nước ta không, và có phải nước ta có thể xây dựng và phát triển theo cả hướng lục địa và hướng biển không? Sau khi thấy vấn đề cần đặt ra như vậy, các cơ quan có trách nhiệm sẽ nghiên cứu và kiến nghị những chủ trương và bước đi cho thích hợp với khả năng hiện nay và sau này của nước ta.

Sau khi công ước của Liên hợp quốc về luật biển được ký năm 1982, Bộ ngoại giao và Ban biên giới của Hội đồng bộ trưởng đã đề nghị với Chính phủ lập một Ủy ban quốc gia về biển. Hiện nay Thường vụ Hội đồng bộ trưởng đã thành lập một tiểu ban chuyên nghiên cứu về vấn đề thềm lục địa. Riêng tôi kiến nghị nên thành lập càng sớm càng tốt một Ủy ban quốc gia về biển có nhiệm vụ giúp Chính phủ vạch ra chính sách biển của nước ta.

★

Bị tàn phá hết sức nặng nề trong chiến tranh thế giới thứ hai, với diện tích hơn nước ta một chút, với số dân hơn 30 triệu, Ba lan đã xây dựng một công nghiệp đóng tàu phát triển, có đội thương thuyền 304 chiếc tàu với tổng trọng tải 2 835 953 tấn (1) mặc dù Ba lan chỉ có khoảng 500 km bờ biển. Cu-ba là một hòn đảo rộng hơn 1/3 diện tích nước ta, có khoảng 10 triệu dân nhưng trong 25 năm đã xây dựng được đội thương thuyền gồm 111 chiếc tàu với tổng trọng tải 797 418 tấn (2).

(*Xem tiếp trang 55*)

(1), (2) Theo tạp chí SHIPPING STATISTICS xuất bản ở Bremen, số tháng 1 năm 1985. Ở đây chỉ tính các tàu từ 300 tấn trở lên.

Digitized by Google

Nông nghiệp — mặt trận hàng đầu

NGHỊ quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ». Đây là phương hướng cơ bản có ý nghĩa chiến lược của Đảng nhằm phát triển nền nông nghiệp nước ta.

Trong những năm qua, cùng với những khó khăn chung của nền kinh tế, mặt trận sản xuất nông nghiệp đã gặp không ít khó khăn. Khó khăn nổi bật là thiên tai xảy ra liên tiếp và nghiêm trọng, vật tư kỹ thuật phục vụ cho nông nghiệp còn thiếu và đưa về không kịp thời; cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã gây trở ngại và kìm hãm sự phát triển của sản xuất.

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, nhân dân ta đã phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần lao động sáng tạo, khắc phục khó khăn, phấn đấu đạt được những mục tiêu quan trọng về sản xuất nông nghiệp.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp trong 5 năm qua đã có những bước tiến quan trọng, chúng ta đã chặn đứng sự sa sút nghiêm trọng về sản xuất nông nghiệp của 2 năm 1979 và 1980. Từ năm 1981 lại đây nền nông nghiệp của cả nước phát triển theo hướng toàn diện, nhiều nhân tố mới xuất hiện, nhiều điển hình tiên tiến tiêu biểu cho sức sống của nền nông nghiệp đang tiếp tục đi lên.

Nói đến kết quả về sản xuất nông nghiệp không thể không nói đến thành tựu nổi bật về sản xuất lương thực. Nhờ thực hiện tốt các biện pháp thâm canh, tăng vụ, đổi mới cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ, nhất là áp dụng cơ chế khoán mới, mà sản lượng lương thực đã không ngừng tăng từ 11,5 triệu tấn năm 1980 lên 15,1 triệu tấn năm 1981 và 18,2 triệu tấn năm 1985. Nếu sản lượng lương thực quy thóc bình quân trong 5 năm 1976—1980 mới đạt được 13,35 triệu tấn/năm thì trong 5 năm 1981 — 1985 đã đạt được 17,1 triệu tấn/năm; tốc độ tăng bình quân hằng năm là 5,05%, đó là tốc độ tăng tương đối khá trong lịch sử phát triển nông nghiệp ở nước ta (chủ yếu là tăng năng suất lúa). Mức lương thực bình quân từ 268 kg/người năm 1980 đã lên 309 kg/người năm 1985 (trong khi dân số tăng 5,8 triệu người so với năm 1981). Số lượng lương thực Nhà nước huy động được năm 1980 là 2 triệu tấn, năm 1984 là 3,9 triệu tấn, nhờ đó mức nhập khẩu lương thực hằng năm đã giảm đi một cách đáng kể. Đời sống nhân dân ở nông thôn nhìn chung ổn định và nhiều nơi được cải thiện rõ rệt, trừ những vùng bị thiên tai nặng.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất lương thực, sản xuất cây công nghiệp, cây thực phẩm... có bước phát triển mới cả về diện tích, cơ cấu cây trồng, về năng suất và sản lượng. Ngành chăn nuôi trong 5 năm qua cũng đạt được bước tiến quan trọng, đàn lợn năm 1985 tăng 26% so với năm 1980, đàn bò và trâu từ 1,6 triệu

Digitized by Google

con và 2,3 triệu con năm 1980 tăng lên 2,6 triệu con và 2,58 triệu con năm 1985; tình trạng sa sút về số lượng, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi đã được chấm dứt; chăn nuôi từng bước phát triển cân đối với trồng trọt.

Những tiến bộ đạt được trên lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi trong 5 năm qua gắn liền với việc đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, nhất là hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ. Đây là một thành tựu đáng kể và cũng là nhân tố hết sức quan trọng bảo đảm phát triển nông nghiệp trong 5 năm qua và tạo tiền đề cho sự phát triển nông nghiệp trong những năm tới.

Những kết quả thu được trên mặt trận sản xuất nông nghiệp trong 5 năm qua là biểu hiện sinh động về tinh thần lao động sáng tạo vượt mọi khó khăn, phấn đấu vươn lên của giai cấp nông dân tập thể, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên so với yêu cầu và tiềm năng của đất nước thì kết quả trên đây mới chỉ là bước đầu; chúng ta cần phải phấn đấu vươn lên nữa. Trong việc thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng, chúng ta có thiếu sót, cần ra sức khắc phục. Trước hết, việc thực hiện chủ trương lấy «nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu» do Đại hội thứ V đề ra còn nhiều thiếu sót. Nhiều vấn đề của bản thân nông nghiệp như cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thủy lợi... và những vấn đề khác có liên quan trực tiếp đến nông nghiệp như chính sách giá cả, thu mua, chế biến nông sản, vận tải... chưa được giải quyết đúng mức và kịp thời. Vốn đầu tư cho nông nghiệp đã ít lại chưa tập trung đúng mức vào những khâu then chốt. Chưa chú trọng đầu tư đồng bộ, theo chiều sâu. Nhiều công trình thi công kéo dài, không dứt điểm, gây lãng phí lớn và hiệu quả sử dụng rất thấp.

Thế mạnh của nông nghiệp chưa được phát huy, tiềm năng lao động, đất đai và ngành nghề chưa được bố trí và sử dụng tốt để phát triển nông nghiệp toàn diện, tạo nên một cơ cấu sản xuất hợp lý, có hiệu quả cao trên từng đơn vị cơ sở, từng huyện và từng vùng trong cả nước. Sản xuất lương thực, thực phẩm tuy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, khó khăn về lương thực, thực phẩm còn diễn ra triền miên, sản xuất cây công nghiệp chưa bảo đảm nhu cầu cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu.

Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp tuy được khắc phục bước đầu, song nhìn chung đây vẫn là trở lực chính kìm hãm sự phát huy quyền tự chủ và tính năng động sáng tạo của đơn vị cơ sở. Nhiều chính sách kinh tế đối với nông nghiệp không còn phù hợp nhưng chưa được tháo gỡ kịp thời. Còn nhiều tổ chức và đầu mối trung gian không cần thiết, gây phiền hà cho người sản xuất.

Hợp tác hóa nông nghiệp trên phạm vi cả nước về cơ bản hoàn thành nhưng trình độ tổ chức, quản lý, trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật ở các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nói chung còn yếu, do đó chưa phát huy mạnh mẽ tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới.

Những sự hạn chế trên đây chịu tác động của nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân sâu xa là nền nông nghiệp nước ta đang từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lại chịu hậu quả của chiến tranh kéo dài. Nguyên nhân trực tiếp là trình độ tổ chức quản lý và sự nhận thức

Digitized by Google

« nông nghiệp là mặt trận hàng đầu » của chúng ta còn non kém, lại bị cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp ràng buộc, khiến cho các cấp, các ngành chưa quan tâm đúng mức đến sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay nền kinh tế của cả nước còn có nhiều khó khăn, và chính hoàn cảnh khó khăn này đòi hỏi mỗi người chúng ta phải thật sự khách quan đánh giá đúng những cái đã làm được và những cái chưa làm được. Khuynh hướng chỉ nhìn thấy khó khăn mà không thấy thành tích hoặc chỉ thấy thành tích mà không thấy khó khăn đều không giúp ích gì cho việc quyết tâm thực hiện phương hướng phát triển nông nghiệp của Đảng trong những năm tới.

Năm 1986, năm mở đầu của kế hoạch 5 năm 1986 — 1990, đặt ra cho ngành nông nghiệp những nhiệm vụ hết sức nặng nề, trước hết là đẩy mạnh sản xuất lương thực. Cùng với lúa, phải phát triển mạnh các loại màu như ngô, khoai tây, khoai lang, sắn..., gắn sản xuất với chế biến và từng bước cải tiến cơ cấu bữa ăn. Phấn đấu năm 1986 đạt cho được 20 triệu tấn lương thực. Phương hướng phát triển cây công nghiệp năm 1986 là phải khuyến khích phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, đậu tương, thuốc lá, mía, đay, bông, thầu dầu... Đối với cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, chè, dừa, [illegible], dứa sợi..., vừa tập trung đầu tư thâm canh trên diện tích đã có, vừa mở rộng diện tích trồng mới. Thực hiện phương châm « lấy ngắn nuôi dài », « Nhà nước và nhân dân cùng làm », kết hợp chặt chẽ giữa quốc doanh với tập thể và gia đình để tăng nhanh diện tích, năng suất và sản lượng nhằm đáp ứng yêu cầu của công nghiệp và xuất khẩu. Phát triển mạnh chăn nuôi ở cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình nhằm bảo đảm nhu cầu về thịt, sữa, phân bón và sức kéo... Khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò và mở rộng giao lưu trâu bò giữa các vùng: phát triển đàn lợn cả về số lượng và trọng lượng, cố gắng đưa đàn lợn lên 13 triệu con năm 1986, phát triển mạnh đàn vịt xuất khẩu ở những nơi có điều kiện.

Để thực hiện phương hướng phát triển nông nghiệp năm 1986, phải có những biện pháp thiết thực có hiệu quả.

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp. Như trên đã nói, thắng lợi của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp trên phạm vi cả nước năm 1985 đã tạo tiền đề cho việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp. Bài học về phát triển lực lượng sản xuất không cân xứng với quan hệ sản xuất mới đã được xác lập trong nông nghiệp trong những năm qua nhắc nhở chúng ta phải tăng cường đầu tư hơn nữa cho nông nghiệp. Đây cũng là vấn đề cực kỳ quan trọng mà Lê-nin đã từng nhấn mạnh: bản thân nông nghiệp không thể tự nó đi lên được. Vì vậy, muốn phát triển nông nghiệp, lấy « nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu » thì vấn đề mấu chốt là phải tăng cường vốn đầu tư, tức là tăng cường sự giúp đỡ của Nhà nước của giai cấp công nhân đối với giai cấp nông dân tập thể. Trước hết là dành một số vốn đầu tư thích đáng cho việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp. Hướng chính là tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi, hoàn chỉnh và nâng cao năng lực công trình, cải tạo và xây dựng đồng ruộng phục vụ tốt thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích. Xúc tiến ngay việc hoàn chỉnh các cơ sở (từ trung ương đến địa phương) lai tạo, khảo nghiệm và sản

Digitized by Google

xuất giống cây trồng, giống con gia súc, hệ thống bảo vệ thực vật, thú y..., theo hướng bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu về giống, bảo đảm an toàn cho sản xuất, chống dịch bệnh, tạo năng suất và sản lượng cao nhất. Cần xem xét lại tỷ lệ vốn đầu tư cho nông nghiệp trong cơ cấu vốn đầu tư chung, đồng thời sắp xếp lại cơ cấu vốn đầu tư cho các ngành trong nội bộ nông nghiệp, đầu tư hợp lý vào các lĩnh vực, các khâu quyết định năng suất, sản lượng cây trồng và con gia súc; đầu tư tập trung, dứt điểm, đồng bộ cho các loại cây trồng, con gia súc có tính chất mũi nhọn, đồng thời chú ý phát triển nông nghiệp toàn diện; cung cấp đủ phân bón, thuốc trừ sâu... và phải bảo đảm kịp thời theo đúng kế hoạch thời vụ gieo trồng, coi đây cũng là yếu tố trực tiếp để tăng năng suất, sản lượng cây trồng. Việc tăng cường đầu tư thích đáng về cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp là rất cần thiết, vì với diện tích hiện đang canh tác, nếu chúng ta cung cấp đầy đủ và kịp thời các yếu tố vật chất kỹ thuật (trước hết là phân bón, thuốc trừ sâu) thì cũng có thể tăng thêm hàng triệu tấn lương thực — đó là khả năng thực tế.

Đi đôi với tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, phải từng bước *đổi mới cơ chế quản lý nôngnghiệp*. Đây là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt, bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển nông nghiệp vào những năm tới. Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp trước hết là đổi mới chính sách kinh tế, chính sách đầu tư tín dụng, giá cả, huy động sản phẩm, cung ứng vật tư..., nhằm bảo đảm cho nông nghiệp có đủ vật tư kỹ thuật phục vụ kịp thời cho sản xuất và khuyến khích mọi người hăng hái phấn khởi sản xuất. Việc đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp đòi hỏi phải xác định rõ vị trí của đơn vị cơ sở (nông trường quốc doanh, hợp tác xã) là tổ chức kinh tế vừa sản xuất, vừa kinh doanh, có quyền tự chủ về tài chính và tư cách pháp nhân độc lập. Trên cơ sở kế hoạch tập trung thống nhất của Nhà nước, đơn vị cơ sở chịu trách nhiệm bảo đảm sản xuất kinh doanh có lãi, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của người lao động, chủ động khai thác các nguồn khả năng để sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp là phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và hiện đang tồn tại các thành phần kinh tế khác nhau (chủ yếu là kinh tế tập thể), cho nên cơ chế kế hoạch hóa nông nghiệp phải sử dụng hai hình thức: Nhà nước thực hiện kế hoạch hóa *trực tiếp* đối với khu vực quốc doanh (sản xuất và dịch vụ) và sử dụng sức mạnh của kinh tế quốc doanh tác động, chỉ đạo kế hoạch *gián tiếp* đối với khu vực tập thể và cá thể. Đối với khu vực tập thể và cá thể, Nhà nước có kế hoạch hướng dẫn, bằng các chính sách kinh tế như thu mua, giá cả, tín dụng... để khuyến khích và điều tiết sản xuất theo hướng chung của kế hoạch Nhà nước. Quan hệ trao đổi, buôn bán, giao dịch giữa các đơn vị cơ sở sản xuất nông nghiệp... với các đơn vị kinh tế khác được thực hiện trên nguyên tắc bình đẳng, thật sự thỏa thuận và theo hợp đồng kinh tế.

Từng bước thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, bảo đảm kinh doanh có lãi, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, mở rộng và hoàn thiện khoán sản phẩm, trả lương theo sản phẩm, cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng... nhằm khuyến khích những người lao động hăng hái sản xuất.

Thực hiện sự phân công, phân cấp giữa trung ương và địa phương, giữa các ngành và các tổ chức kinh tế phải dựa trên nguyên tắc hình thành các ngành kinh tế kỹ thuật, đồng thời phát huy được tiềm năng và sự sáng tạo của địa phương và cơ sở, bảo đảm

Digitized by Google

sự chỉ đạo tập trung thống nhất của trung ương, khắc phục tình trạng phân tán cục bộ, tranh mua tranh bán, nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu. Cần mở rộng việc giao lưu kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (trong phạm vi cho phép). Hoạt động của thương nghiệp quốc doanh phải hướng vào phục vụ thiết thực cho sản xuất nông nghiệp, mua bán phải sòng phẳng, khắc phục tình trạng mua chịu kéo dài gây phiền hà cho người sản xuất. Giải quyết tốt khâu lưu thông tiêu thụ sản phẩm, tổ chức tốt chợ nông thôn, cho phép các hợp tác xã có sản phẩm thừa được bán trực tiếp cho các đơn vị tiêu thụ ở thành phố và khu công nghiệp, nếu thương nghiệp quốc doanh không đủ sức đảm nhiệm.

Đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp bao gồm nhiều vấn đề, song vấn đề quan trọng có tính chất quyết định là *sắp xếp lại bộ máy và đội ngũ cán bộ nông nghiệp*. Vào năm 1986, cùng với sự sắp xếp lại bộ máy quản lý chung của Nhà nước, bộ máy quản lý nông nghiệp cũng phải được sắp xếp lại, kiên quyết cắt bỏ những tổ chức trung gian, những đầu mối không cần thiết; lựa chọn những cán bộ có năng lực, có phẩm chất để tăng cường cho bộ máy quản lý nông nghiệp, kiên quyết cho thôi việc những cán bộ không đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ theo cơ chế mới. Kiện toàn và tăng cường bộ máy quản lý nông nghiệp từ trung ương đến tỉnh, huyện nhằm phát huy năng lực và trách nhiệm làm tham mưu cho các cấp ủy Đảng và chính quyền, tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển nông nghiệp. Sắp xếp và sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ quản lý nông nghiệp, đưa cán bộ kỹ thuật và quản lý có năng lực xuống địa phương và cơ sở (chủ yếu là xuống hợp tác xã), gắn hoạt động của họ với kết quả sản xuất. Cơ chế quản lý mới đòi hỏi phải nâng cao năng lực và trình độ tổ chức quản lý, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ nông nghiệp. Vì vậy, các tỉnh, huyện và cơ sở phải có kế hoạch và quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nông nghiệp cho đơn vị mình. Hiện nay, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho đơn vị cơ sở đang là khâu yếu và cũng là vấn đề cấp bách nhất. Muốn mở rộng quyền hạn cho đơn vị cơ sở, phải có đội ngũ cán bộ đủ sức tiếp thu những kiến thức về tổ chức quản lý, về nghiệp vụ chuyên môn theo cơ chế mới. Trong việc thực hiện khoán sản phẩm nông nghiệp những năm qua, bên cạnh những điển hình tốt cũng còn không ít hợp tác xã làm ăn chưa tốt. Điều đó do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là trình độ tổ chức quản lý, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ hợp tác xã chưa đáp ứng yêu cầu của cơ chế khoán mới. Để tăng cường hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cần có sự phân cấp phân quyền cho tỉnh và huyện, xác định rõ nội dung chương trình và hình thức đào tạo đối với mỗi loại cán bộ. Đẩy nhanh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt của hợp tác xã.

Phát triển nông nghiệp là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân, do đó phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, hướng mọi hoạt động của các cấp, các ngành vào phục vụ nông nghiệp, lấy kết quả phục vụ nông nghiệp làm thước đo sự cống hiến của mỗi cấp, mỗi ngành.

Những nhiệm vụ và mục tiêu phát triển nông nghiệp năm 1986 và các năm tiếp theo rất nặng nề, song nếu chúng ta ra sức phấn đấu thì nhất định có thể đạt được các mục tiêu ấy. Chúng ta phải phát huy tính năng động sáng tạo, có cách nghĩ, cách làm mới, đẩy mạnh nông nghiệp phát triển, nhằm đạt được nhiều thành tựu lớn hơn nữa.

Digitized by Google

NGUYỄN KHẮC BỘ

MẤY Ý KIẾN VỀ VIỆC KIỆN TOÀN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

MỖI bước chuyển giai đoạn cách mạng đều đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác cán bộ, trong đó có vấn đề cán bộ lãnh đạo và quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

Như chúng ta đều biết, khi tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, một loạt cán bộ « hoạt động phong trào », bộ đội phục viên, xã viên tích cực, đoàn viên ưu tú... được giao trách nhiệm lãnh đạo, quản lý hợp tác xã. Buổi đầu, khi chưa có ngay đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng một cách có hệ thống, việc bố trí hàng loạt cán bộ như trên lãnh đạo, quản lý hợp tác xã là điều cần thiết. Trên thực tế, lớp cán bộ này đã phát huy tác dụng tốt trong những năm đầu cải tạo và phát triển nông nghiệp. Nhiều người đã nêu cao tinh thần vừa làm vừa học, cho nên đã nhanh chóng vươn lên theo kịp yêu cầu, trở thành những cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã khá vững vàng. Đến nay họ vẫn là lực lượng quan trọng trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ sở nông nghiệp tập thể, có nhiều kinh nghiệm tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh lớp cán bộ đó, trong 26 năm qua, chúng ta đã gấp rút đào tạo cho các hợp tác xã hơn 5 vạn cán bộ có trình độ trung cấp và một số có trình độ đại học về kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ nông nghiệp. Trải qua hoạt động thực tiễn, nhiều người đã trở thành cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đến nay, cả nước có 10% chủ nhiệm hợp tác xã, 11% bí thư chi bộ, đảng bộ có trình độ trung cấp và đại học; 12,7% đội trưởng sản xuất có trình độ trung cấp và sơ cấp về kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ nông nghiệp. Hầu hết các cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã đã được bồi dưỡng qua các trường Đảng, trường nông nghiệp, trường quản lý (ở trung ương hoặc ở tỉnh, huyện) hoặc qua các lớp tập huấn ngắn ngày tại cơ sở. Nhờ thế họ đã có những kiến thức và kinh nghiệm nhất định để lãnh đạo, quản lý công cuộc cải tạo, xây dựng nền nông nghiệp và nông thôn mới theo đường lối của Đảng.

Thế nhưng, trước yêu cầu mới của nhiệm vụ phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã hiện nay đã bộc lộ rõ những nhược điểm khá lớn và nhìn chung chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Ở miền Bắc, sau hơn 20 năm hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, quy mô các hợp tác xã đã mở rộng phổ biến tới xã, mỗi hợp tác xã trung bình đã có vài trăm héc ta đất canh tác, hàng trăm lao động, hàng triệu đồng tiền vốn, quản lý nhiều ngành nghề phức tạp, yêu cầu về lãnh đạo, quản lý hợp tác xã ngày càng cao, nhưng trình độ các mặt của cán bộ lãnh đạo và quản lý chậm được nâng cao, năng

Digitized by Google

lực công tác hạn chế, số đông cán bộ chủ yếu vẫn dựa vào những kinh nghiệm quản lý cũ trước đây để làm việc.

Ở miền Nam, phần lớn việc lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã mới nhằm vào nhiệm vụ trước mắt là tổ chức xây dựng phong trào hợp tác hóa chứ chưa thật sự đi vào nội dung quản lý kinh tế cụ thể.

Hiện nay, trên 90% cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã nông nghiệp chưa được đào tạo chính quy và có hệ thống về kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ, đặc biệt là khoa học tổ chức quản lý nông nghiệp; trên 82% bí thư chi bộ, đảng bộ, chủ nhiệm và 95% đội trưởng sản xuất mới có trình độ văn hóa phổ thông cơ sở, trong đó trên 1/4 ở trình độ văn hóa cấp I.

Trình độ văn hóa, chuyên môn của cán bộ quản lý còn thấp, cộng với cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, sản xuất, đời sống còn nhiều khó khăn đã tạo điều kiện cho những hiện tượng tiêu cực trong hợp tác xã phát sinh và phát triển. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã sa sút về phẩm chất.

Tình hình ấy có những nguyên nhân khách quan và chủ quan như sau :

1 — Các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ và chưa quan tâm đúng mức đến việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã nông nghiệp, chưa có Liện pháp tích cực để củng cố kiện toàn đội ngũ này. Trong một thời gian dài chúng ta không thấy hết tai hại của thói quen chỉ đạo chung chung, tùy tiện, phân tán, cục bộ địa phương trong hoạt động kinh tế; không có biện pháp bồi dưỡng đầy đủ, kịp thời theo quy hoạch, kế hoạch đào tạo.

2 — Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã chưa gắn chặt với việc phục vụ nhiệm vụ của các hợp tác xã trong từng giai đoạn và chưa lấy kết quả sản xuất, kinh doanh theo sự đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp làm tiêu chuẩn để sàng lọc, bố trí lại cho phù hợp. Có những cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã thiếu năng lực, sa sút phẩm chất nhưng không có sự đánh giá và soát xét lại kịp thời để thay thế và đổi mới.

3 — Cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp trong nông nghiệp chậm được sửa đổi; chế độ chính sách đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã chậm được bổ sung, cho nên chưa khai thác hết khả năng của cán bộ, thậm chí còn tạo điều kiện cho tình trạng vô trách nhiệm, quan liêu, lười biếng phát triển, dẫn đến những việc làm sai nguyên tắc, phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực trong hợp tác xã.

★

Hiện nay, chúng ta đang tập trung sức phát triển sản xuất nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp là vấn đề cực kỳ quan trọng. Vì vậy, cần gấp rút xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã nông nghiệp đủ sức bảo đảm lãnh đạo, quản lý việc tổ chức sản xuất, kinh doanh theo cơ chế quản

Digitized by Google

lý mới, từng bước đưa nhanh nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Phương hướng chung là sắp xếp hợp lý, tăng cường bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã hiện có và tuyển chọn, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý dự bị cho hợp tác xã theo một cơ cấu đồng bộ bao gồm bí thư chi bộ, đảng bộ, chủ nhiệm hợp tác xã, các đội trưởng sản xuất, cán bộ kế hoạch, kế toán trưởng... Đó phải là những người có khả năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã theo cơ chế quản lý mới. Đồng thời họ phải được sắp xếp thế nào để tạo thành « người quản lý tập thể » cân xứng, khoẻ khoắn, bổ sung được cho nhau; vừa vững vàng về chính trị, vừa tinh thông về nghiệp vụ quản lý; vừa chắc chắn, vừa xông xáo, sáng tạo, nhạy bén để « chủ động tính toán khả năng lao động, đất đai, ngành nghề mà xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng các chính sách của Nhà nước, làm tròn nghĩa vụ nộp thuế và thực hiện đầy đủ các hợp đồng kinh tế với Nhà nước và các tổ chức kinh doanh khác » (1).

Tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã phải được cụ thể hóa đối với từng chức danh, song trước hết đó phải là sự trung thành với Đảng, với chủ nghĩa xã hội. Cán bộ lãnh đạo và quản lý hợp tác xã phải nắm được đường lối, quan điểm của Đảng, chỉ thị nghị quyết của cấp trên; có khả năng tổ chức thực hiện đề biến đường lối của Đảng, chỉ thị của cấp trên thành hiện thực; có tinh thần dấu tranh chống tri trệ, bảo thủ; có trình độ hiểu biết và có kinh nghiệm quản lý hợp tác xã; có tinh thần chịu trách nhiệm trước tập thể và say sưa lăn lộn với sản xuất nông nghiệp. Đội ngũ cán bộ ấy phải là những người có phẩm chất tốt, thẳng thắn, trung thực, được quần chúng xã viên tín nhiệm.

Hiện nay, trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý hợp tác xã, có một số đồng chí đã được thử thách trong thực tiễn, được rèn luyện nhiều mặt, có kinh nghiệm, có nhiệt tình và có trách nhiệm cao. Nhưng số cán bộ này không nhiều và một số lại chưa được sắp xếp hợp lý. Theo tinh thần nghị quyết hội nghị thứ 7 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) cần phải phát huy tốt hơn nữa số cán bộ hiện có, đồng thời nhanh chóng phát hiện, sử dụng, đề bạt những cán bộ đã được đào tạo và rèn luyện, có cách nghĩ, cách làm thích hợp với cơ chế quản lý mới; kiên quyết thay đổi những cán bộ lãnh đạo, quản lý bảo thủ, thiếu năng lực và kém phẩm chất.

Những năm qua, chúng ta đã đào tạo được hàng vạn cán bộ trung cấp và đại học, trong đó đã có hàng trăm cán bộ đại học và hàng nghìn cán bộ trung cấp thuộc biên chế Nhà nước về công tác ở các hợp tác xã. Trong số này có nhiều người đã tỏ ra xuất sắc trên lĩnh vực công tác của mình, được thử thách về năng lực tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh, có thể chọn ngay để bổ sung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã.

Trong khi ở cơ sở còn thiếu nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã nông nghiệp, thì lại có hàng chục vạn cán bộ chỉ đạo, cán bộ kinh tế, kỹ thuật nông nghiệp (gồm 520 phó tiến sĩ, 31500 kỹ sư, 114000 cán bộ trung cấp các loại) được bố trí công kênh ở bên trên, nhất là tỉnh và trung ương. Nếu chúng ta kiên quyết điều chuyển một số cán bộ này về

(1) Chỉ thị số 67/CT — TU ngày 22-8-1985 của BBT TUĐ về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Digitized by Google

tăng cường cho các hợp tác xã nông nghiệp, thì trong số đó cũng có thể chọn được những cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh để đưa vào tham gia lãnh đạo, quản lý hợp tác xã. Điều chủ yếu là phải có chính sách thỏa đáng đối với họ.

Đi đôi với việc kiện toàn đội ngũ cán bộ hiện có, cần tích cực tuyển chọn và đào tạo cán bộ kế cận, cán bộ dự bị cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã. Hiện nay, bình quân mỗi hợp tác xã có từ 150 đến 200 học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở và trung học đang công tác, lao động ở cơ sở và có khoảng 35% lao động trẻ là bộ đội phục viên, xuất ngũ, có trình độ văn hóa khá. Đây là một nguồn tuyển chọn, đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý hợp tác xã rất tốt. Chúng ta cần triệt để khai thác khả năng của nguồn này; đồng thời xin cấp trên cử về để rèn luyện, đào tạo, chuẩn bị một đội ngũ kế cận cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã, bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục, đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp.

Ở đây điều cơ bản là phải quán triệt quan điểm của Đảng trong công tác cán bộ. Đảng ta luôn luôn yêu cầu phải lấy tiêu chuẩn làm căn cứ để lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã, không nên chỉ xem xét về bằng cấp, tuổi tác đơn thuần; kiên quyết khắc phục những thái độ hẹp hòi, bảo thủ làm cản trở việc phát hiện và sử dụng cán bộ mới. Phải thực sự vì việc mà bố trí người, không vì chiếu cố, vì giữ mối quan hệ nội bộ hoặc vì tình làng xóm, thôn ấp mà bố trí những cán bộ thực chất không đủ phẩm chất và năng lực công tác.

Trên thực tế rất hiếm có những con người hoàn chỉnh. Những cán bộ có bản lĩnh, có tài năng, có tinh thần tiến công táo bạo thường là những người có "cá tính", có nhược điểm riêng về tác phong, thái độ, quan hệ, rất dễ bị thành kiến bởi cách nhìn cũ kỹ. Cho nên chỉ có mạnh dạn và hết sức tỉnh tường trong việc đánh giá con người, châm chước những mặt thiếu sót không cơ bản thì mới lựa chọn và bố trí được cán bộ thật sự có năng lực.

Để tìm ra những cán bộ đáp ứng được yêu cầu mới, phải có cách nhìn mới và có phương pháp mới; phải lấy yêu cầu khắc phục trì trệ trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của hợp tác xã và việc chuyển biến công tác tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu mới làm căn cứ để bố trí lại cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã, lựa chọn cán bộ dự bị, mạnh dạn đề bạt và tạo điều kiện cho họ phát huy tác dụng.

Chất lượng cán bộ là điều quyết định thắng lợi của công tác lãnh đạo và quản lý hợp tác xã. Bởi vậy, ngoài việc tự học, tự rèn luyện trong thực tiễn công tác, người cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã còn phải được bồi dưỡng, đào tạo qua trường lớp, nhất là những kiến thức cơ bản về lý luận Mác — Lê-nin, về đường lối chính sách của Đảng, về quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất và tổ chức lao động, về những nguyên tắc và kinh nghiệm lãnh đạo, đặc biệt về phương pháp và nghệ thuật lãnh đạo. Đương nhiên cần xác định mức độ yêu cầu cho thích hợp với các loại hình hợp tác xã, các đội sản xuất, cũng như các chức danh cụ thể của cán bộ.

Để sớm làm tốt những công việc nêu trên, cần quan tâm giải quyết một số vấn đề then chốt dưới đây:

Một là, củng cố lại hệ thống quản lý cán bộ hợp tác xã, trong đó có các ban, ngành từ trung ương đến các địa phương, nhất là huyện và xã. Cần sớm bổ sung vào hệ thống này những cán bộ có phẩm chất và năng lực mới phù hợp với việc chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới, bảo đảm

Digitized by Google

việc nhận xét, đánh giá, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, quản lý cán bộ một cách khách quan, khoa học.

Hai là, bên cạnh việc bố trí lại cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã cho phù hợp với nhiệm vụ trước mắt, cần xúc tiến ngay việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ để chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã cho 5 – 10 năm sau và cho lâu dài.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã không thể hình thành một cách tự phát mà phải có quá trình lựa chọn, thử thách, vun trồng rất công phu. Cho nên có thể tính toán đào tạo số cán bộ kinh tế, kỹ thuật,... vừa đủ cho khu vực Nhà nước (hiện nay còn hàng trăm sinh viên tốt nghiệp chưa có công tác; hàng nghìn cán bộ còn bố trí công kềnh ở bên trên), còn thì chuyển sang đào tạo cán bộ kinh tế, kỹ thuật, quản lý... cho các hợp tác xã nông nghiệp. Hằng năm hợp tác xã có thể chọn cử con em xã viên vào học các ngành nghề có nhu cầu sản xuất, kinh doanh, theo một kế hoạch thống nhất từ cơ sở đến trung ương. Học xong, về hợp tác xã công tác không thuộc biên chế Nhà nước. Nếu chúng ta bắt tay ngay từ bây giờ theo hướng này thì cũng phải gần 10 năm sau mới có thể chọn được cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã có trình độ đại học, có thực tiễn vững vàng (5 năm học, khoảng 5 năm công tác thực tế).

Ba là, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả hệ thống trường lớp hiện có. Hiện nay cả nước có 10 trường và 2 khoa đại học, 67 trường trung học chuyên nghiệp chuyên đào tạo cán bộ kinh tế, kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi. Riêng nông nghiệp có 4 trường, 2 khoa đại học; 2 trường cao đẳng, 11 trường trung học trung ương, 32 trường trung học địa phương. Nếu tính cả các trường công nhân kỹ thuật, các trường nông nghiệp huyện thì có 102 trường. Nhà nước mới lập 2 trường quản lý hợp tác xã trung ương. Tỉnh, huyện nào cũng có trường Đảng và cả nước có 3 trường Đảng khu vực.

Tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi trường và yêu cầu về trình độ của mỗi loại chức danh mà quy định nội dung, chương trình đào tạo và chọn cử người đi học thật sát hợp.

Chẳng hạn như các trường đại học, trường quản lý hợp tác xã trung ương, trường Đảng trung ương bồi dưỡng, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã có trình độ đại học. Các trường ở tỉnh bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có trình độ trung cấp. Các trường ở huyện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ sơ cấp.

Cần sửa đổi chương trình giảng dạy ở các trường lớp cho phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới. Các giáo trình cũ dựa trên cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp ngày nay không còn thích hợp nữa. Cần biên soạn những giáo trình mới dựa trên cơ chế quản lý mới theo lối hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa và mở rộng quyền chủ động của đơn vị kinh tế.

Hình thức bồi dưỡng, đào tạo phải đa dạng, linh hoạt. Hệ tập trung dài hạn chủ yếu để đào tạo cán bộ dự bị, cán bộ đương chức còn trẻ có điều kiện theo học. Hệ chuyên tu, tại chức chủ yếu dành cho cán bộ đương chức không có điều kiện học tập trung.

Nội dung đào tạo cần được bổ sung ngay những vấn đề về phương pháp lãnh đạo, phương pháp công tác của người lãnh đạo, những hiểu biết cần thiết về công tác tổ chức cán bộ, công tác tư tưởng, công tác kiểm tra, công tác vận động quần chúng. Những vấn

(Xem tiếp trang 81)

Digitized by Google

ĐẶNG HỮU

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT Ở NƯỚC TA TRONG NHỮNG NĂM VỪA QUA

TRONG giai đoạn phát triển mới của đất nước, khi cụ thể hóa đường lối xây dựng kinh tế, Đại hội thứ V của Đảng đã khẳng định lại một lần nữa vai trò then chốt của cách mạng khoa học – kỹ thuật trong ba cuộc cách mạng ở nước ta và coi việc đẩy mạnh hoạt động khoa học và kỹ thuật – một nội dung rất quan trọng của cuộc cách mạng này – là một trong mười chính sách lớn để thực hiện bốn mục tiêu kinh tế xã hội tổng quát của chặng đường đầu tiên. Đại hội đã nêu ra những yêu cầu to lớn đối với khoa học và kỹ thuật (cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội), chỉ rõ nhiệm vụ của những người làm công tác khoa học và kỹ thuật là phải làm chủ những vấn đề khoa học và kỹ thuật cần thiết đối với đất nước: «cái gì đất nước cần thì ta phải vươn lên làm chủ cho kỳ được».

Thực hiện nghị quyết Đại hội, đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật cùng với đông đảo nhân dân lao động cả nước, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cơ quan Đảng và chính quyền các cấp, đã nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, bám sát các nhiệm vụ kinh tế xã hội bức bách của các ngành, các cấp, các địa phương, từng bước gắn hoạt động khoa học và kỹ thuật với sản xuất và đời sống, đem lại những kết quả đáng khích lệ.

Điểm nổi bật trong giai đoạn 1981–1985 là việc đưa vào áp dụng phương thức quản lý theo chương trình có mục tiêu. Trên 70 chương trình tiến bộ khoa học – kỹ thuật trọng điểm cấp Nhà nước, trên 250 chương trình cấp ngành và trên 150 chương trình cấp tỉnh, thành phố đã tập hợp đông đảo lực lượng khoa học và kỹ thuật vào việc giải quyết các vấn đề nóng bỏng của nền kinh tế như: bảo đảm lương thực, thực phẩm cho nhân dân; tạo thêm nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu từ tài nguyên trong nước cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp hàng tiêu dùng; phục hồi, chế tạo nhiều phụ tùng, thiết bị, máy móc, kể cả các dây chuyền đồng bộ quy mô nhỏ và vừa cho nhiều ngành kinh tế quốc dân; nâng cao hệ số sử dụng công suất sản xuất; giảm định mức tiêu hao vật tư, năng lượng và lao động; ổn định và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa; cải tiến và hoàn thiện cơ chế quản lý...

Trong vài năm gần đây, nhiều vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội như: «cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ», «quản lý cấp huyện»... cũng được nêu lên thành các chương trình nghiên cứu trọng điểm.

Chỉ riêng các chương trình cấp Nhà nước đã thu hút trên 15 000 cán bộ khoa học và kỹ thuật chủ chốt của gần 400 cơ sở nghiên cứu, giảng dạy và sản xuất thuộc 40 bộ, tổng cục cùng tham gia giải quyết. Bằng cách đó, đã khắc phục một bước tình trạng nghiên cứu phân tán, tản mạn kéo dài trong nhiều năm trước đây, đồng thời tạo điều kiện tập trung các nguồn lực

Digitized by Google

(tài chính, cán bộ, vật tư, thiết bị...) vào các văn đề trọng điểm của các cấp. Nhờ triển khai các chương trình trọng điểm mà trên 700 đề tài nghiên cứu đã được đánh giá, nghiệm thu, trong số đó trên 300 đề tài đã có đủ điều kiện đưa ứng dụng ngay vào sản xuất. Tính bình quân trong 5 năm vừa qua, hằng năm đã có trên 1000 biện pháp kỹ thuật tiến bộ được áp dụng ở các quy mô khác nhau. Hiệu quả kinh tế do áp dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trong 5 năm qua ước tính đã làm lợi trên một chục tỷ đồng. Chỉ riêng việc ứng dụng một số biện pháp tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đã đưa năng suất của một số cây trồng, vật nuôi ở một số vùng tăng gấp 1,5 — 2 lần so với năm 1980 và đã đóng góp một phần quan trọng vào việc tăng sản lượng lương thực trung bình khoảng 1 triệu tấn/năm.

Cùng với việc áp dụng phương thức quản lý theo chương trình có mục tiêu, hoạt động khoa học và kỹ thuật ở các địa phương đã có bước phát triển mới. Thấu suốt tinh thần nghị quyết 37 của Bộ chính trị *về chính sách khoa học và kỹ thuật*, nhiều cơ quan lãnh đạo Đảng và chính quyền cấp tỉnh, thành phố đã ra những nghị quyết riêng về công tác khoa học và kỹ thuật, đã tăng mức đầu tư cho khoa học, kiện toàn và tăng cường các ủy ban khoa học và kỹ thuật tỉnh làm chức năng tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương. Với sự giúp đỡ, chi viện của trung ương, nhiều tỉnh, thành phố đã tập hợp lực lượng khoa học và kỹ thuật ở địa phương tiến hành công tác điều tra cơ bản phục vụ việc phân vùng, quy hoạch phân bố lực lượng sản xuất trên phạm vi lãnh thổ; vận dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào việc giải quyết những khó khăn về sản xuất và đời sống của địa phương; đẩy mạnh công tác quản lý do lường, tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm, phát động rộng rãi phong trào phát huy sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất.

Thời gian năm năm 1981 — 1985 cũng đánh dấu bước phát triển mới trong hoạt động nghiên cứu ở các trường đại học, cao đẳng và trung cấp. Có tiềm lực to lớn về cán bộ và trang bị, thiết bị, kết hợp với công tác đào tạo, ngoài việc tham gia thực hiện các chương trình trọng điểm của Nhà nước, nhiều trường đã chủ động mở rộng quan hệ trực tiếp với các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở trung ương và địa phương thông qua các hợp đồng nghiên cứu, triển khai, chuyển giao kỹ thuật, hoặc thực hiện các dịch vụ kỹ thuật. Ở một số trường đại học, tổng kinh phí thực hiện theo hợp đồng đã đạt tới mức hàng chục triệu đồng. Phù hợp với thế mạnh về chuyên môn, ở một số trường đã thành lập các phòng thí nghiệm, trung tâm và viện nghiên cứu chuyên đề trực thuộc, để triển khai công tác nghiên cứu.

Thực hiện nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, các cơ quan chỉ đạo và nhiều tập thể khoa học đã có ý thức kết hợp khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật với khoa học xã hội ngay từ khâu điều tra cơ bản tổng hợp, xác định nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu, lựa chọn các cơ quan và cá nhân tham gia thực hiện và đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Nhờ vậy mà nhiều thành tựu của các ngành sinh học và công nghệ sinh học, của toán học và điều khiển học, của tâm lý học và xã hội học, của khoa học tổ chức và quản lý, v.v. đã được vận dụng để giải quyết có kết quả bước đầu nhiều vấn đề phức tạp của thực tiễn sản xuất và đời sống.

Trên những công trình của đất nước như thủy điện sông Đà, Trị an, nhiệt điện Phả lại, cầu Thăng long, cầu Chương dương, xi măng Hoàng thạch, Bỉm sơn... sát cánh với các chuyên

Digitized by Google

gia bạn, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân Việt nam đã đưa ra nhiều giải pháp kỹ thuật có giá trị về khoa học và có ý nghĩa lớn về hiệu quả kinh tế, để khắc phục những khó khăn trong thi công, vận hành cả những thiết bị và công nghệ ở trình độ hiện đại của thế giới.

Công tác quản lý kỹ thuật cũng có những chuyển biến đáng kể. Tốc độ xây dựng và soát xét lại các tiêu chuẩn đã tăng gấp đôi so với thời gian năm năm 1976 — 1980; hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa từ trung ương tới địa phương và cơ sở đã được tăng cường một bước; hệ thống kiểm định và sửa chữa dụng cụ đo lường được bổ sung thêm. Những cố gắng đó đã góp phần thiết thực vào việc ngăn chặn tình trạng suy giảm chất lượng sản phẩm và hàng hóa trong thời gian qua.

Cùng với việc tập trung giải quyết những vấn đề trước mắt, một phần tiềm lực quan trọng đã dành cho các chương trình điều tra cơ bản tổng hợp một số vùng quan trọng như Tây nguyên, Tây bắc, đồng bằng sông Cửu long, ven biển Thuận hải; điều tra tổng hợp một số tỉnh và thành phố, làm cơ sở cho công tác nghiên cứu phân bố lực lượng sản xuất. Trong nhiều chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật trọng điểm và trong khuôn khổ tiểu ban nghiên cứu chiến lược khoa học và kỹ thuật, hàng nghìn cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý, nghiệp vụ đã được huy động tham gia công tác nghiên cứu dự báo và chiến lược dài hạn phát triển khoa học, kỹ thuật và kinh tế, xã hội. Những kết quả thu được đã góp phần chuẩn bị luận cứ khoa học cho việc xác định mục tiêu, bước đi của đất nước trong giai đoạn sắp tới và cho kế hoạch 1986 — 1990.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích quan trọng nêu trên, nếu nghiêm túc đối chiếu với vai trò cần có của khoa học và kỹ thuật thì những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm lực hiện có và còn xa mới đáp ứng yêu cầu to lớn của nhiệm vụ phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống, cải tiến và hoàn thiện quản lý kinh tế, củng cố an ninh và quốc phòng.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu do cơ chế quản lý kinh tế chưa thật sự coi trọng yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả cho nên chưa đòi hỏi và mở đường cho việc sáng tạo và ứng dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật. Cũng chính vì vậy, nhiều biện pháp tiến bộ kỹ thuật, kể cả những cái có hiệu quả kinh tế — xã hội lớn, đem áp dụng trong thực tiễn còn chậm và với quy mô còn quá hạn chế. Nhiều điển hình tiên tiến, nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị chưa được nhân rộng. Nhiều công trình nghiên cứu đã kết thúc, nhưng chưa tìm được nơi ứng dụng... Do vậy, nhìn chung, hoạt động khoa học và kỹ thuật chưa tạo được những chuyển biến mạnh mẽ trong các ngành sản xuất.

Trong những năm gần đây các quy định pháp lý về quản lý kỹ thuật đã được bổ sung và hoàn thiện thêm một bước, nhưng việc chấp hành thiếu nghiêm chỉnh và xử lý không nghiêm ngặt các vụ vi phạm pháp chế kỹ thuật đã có ảnh hưởng tiêu cực tới việc ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt đối với các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và xuất khẩu. Tình trạng không chấp hành nghiêm chỉnh các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong sản xuất, lưu thông và phân phối, việc quản lý lỏng lẻo các định mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đã gây thêm nhiều khó khăn cho nền kinh tế.

Sự mất cân đối lớn giữa lực lượng cán bộ hiện có và các điều kiện tối thiểu bảo đảm triển khai công tác khoa học và kỹ thuật như: vật tư,

Digitized by Google

hóa chất, thiết bị thí nghiệm, phụ tùng, phụ kiện thay thế; nhà, xưởng làm việc, nhất là các cơ sở sản xuất thử; các tài liệu thông tin khoa học — kỹ thuật, các phương tiện ấn loát, v.v. chậm được khắc phục. Đó vẫn là một trở ngại lớn đối với việc bảo đảm chất lượng công trình và tiến độ thực hiện theo kế hoạch. Thêm vào đó, sự chậm kiện toàn các cơ quan nghiên cứu khoa học, chậm khắc phục tình phân tán, tản mạn và trùng lắp về nhiệm vụ của các cơ quan ấy đã làm hạn chế khả năng đóng góp to lớn của đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật — nguồn tài sản vô giá của đất nước.

Hệ thống các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật chuyên trách từ trung ương tới địa phương và cơ sở đã được hình thành về cơ bản, nhưng chậm được tăng cường, quan hệ phối hợp công tác giữa các cơ quan này với các cơ quan quản lý kế hoạch, tài chính v.v. cùng cấp chưa được chặt chẽ, cho nên chưa phát huy được đầy đủ vai trò cần có. Việc chưa phân định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật trong công tác giám định kỹ thuật và công nghệ đối với những công trình đầu tư lớn, nhất là các công trình nhập của nước ngoài, đang gây những ảnh hưởng tiêu cực đối với việc nâng cao hiệu quả đầu tư và hình thành cơ cấu kinh tế của từng ngành, từng địa phương và chung cho toàn nền kinh tế quốc dân.

Những thiếu sót và hạn chế trên đây ở chừng mực nhất định đã hạn chế khả năng đóng góp có thể có của lực lượng khoa học và kỹ thuật đối với việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế — xã hội do Đại hội thứ V của Đảng đề ra. Trong thời gian tới, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, yêu cầu đối với khoa học và kỹ thuật càng to lớn và bức bách hơn. Trên cơ sở tổng kết những bài học thành công và chưa thành công của những năm vừa qua, các ngành, các cấp, cả đội ngũ khoa học và kỹ thuật cần tìm ra những biện pháp có hiệu quả để khắc phục những thiếu sót và hạn chế đó. Nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết Hội nghị thứ 8, thứ 9 gần đây của Ban chấp hành trung ương Đảng, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, đặc biệt là cơ chế đồng bộ đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, từng bước xóa bỏ lối quản lý hành chính bao cấp, chuyển mạnh sang phương thức hạch toán kinh tế ở những nơi có điều kiện, tăng cường quyền chủ động của cơ sở,... nhằm động viên tới mức cao nhất có thể tiềm năng to lớn của đội ngũ những người lao động khoa học và kỹ thuật kết hợp chặt chẽ với đông đảo nhân dân lao động, tham gia thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mới đặt ra cho những năm 1986—1990.

Digitized by Google

HÀ XUÂN TRƯỜNG

BƯỚC ĐẦU CỦA MỘT CHUYỂN BIẾN MỚI TRONG VĂN NGHỆ

Tổ quốc Việt nam được thống nhất đã tạo nên sức bật mới cho văn nghệ của cả nước. Đặc biệt, sau đại hội các hội sáng tác cuối năm 1983, đội ngũ sáng tác bước đầu được sắp xếp lại, những ưu, khuyết điểm được nêu ra phân tích, đánh giá, phương hướng hành động được vạch ra cụ thể, sinh hoạt văn nghệ cả nước ngày càng sôi động, khởi sắc.

Điều nổi lên của văn nghệ năm 1985 là sự cố gắng tiếp cận thực tại xã hội với những chuyển biến đầy mâu thuẫn phức tạp của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Qua hàng trăm cuốn sách, bộ phim, vở diễn sân khấu, hàng nghìn bài thơ, ca khúc, tác phẩm tạo hình, ảnh nghệ thuật, có thể thấy cuộc sống mới đang đi vào tác phẩm, văn nghệ cũng bước đầu đi sâu vào cuộc sống mới và từ những góc độ khác nhau mà nhận thức, đánh giá và sáng tạo nhằm góp phần thúc đẩy xã hội phát triển. Tiềm năng sáng tạo được khai thác dùng vào những nguồn mạch mới đầy sức sống của xã hội mới. Từ những tác phẩm văn nghệ năm 1985 và vài năm trước đó đã dần dần hiện lên gương mặt của con người và thời đại ngày nay, dẫu chưa toàn diện, hoàn chỉnh và mức độ thành công cũng chưa đồng đều trong các loại hình văn nghệ.

Có thể nói, nét nổi bật nhất của văn nghệ vừa qua là sự đề cập đến nhiều vấn đề thuộc đạo đức xã hội, những vấn đề đang lay động tâm tư, tình cảm mọi người. Đó là điều tất yếu của thực trạng trước mắt khi cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra quyết liệt, xã hội đang có sự phân cực mạnh mẽ: ở một phía là những thế lực tiên tiến anh hùng đang ngày đêm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lao động xây dựng từ những công trình nhỏ, vừa, đến những công trình của thế kỷ, đổi mới cách làm ăn, cải tạo xã hội theo hướng đi lên, và phía bên kia là những phần tử lạc hậu, thoái hóa vẫn ngoan cố dai dẳng bám lấy những quan niệm sống cũ, ngày càng tụt sâu xuống vực thẳm trước sự cám dỗ của nếp sống xa hoa, cá nhân, ích kỷ, giá trị xã hội bị lấn lộn, chuẩn mực đạo đức bị xâm phạm. Trong bối cảnh như vậy, sự xuất hiện những tác phẩm như *Thời gian của người*, *Sao đổi ngôi*, *Mùa lá rụng trong vườn*, *Hành trình ngày thơ ấu*, *Nhân danh công lý*, *Lối rẽ trái trên đường mòn* v.v. tạo được sự chú ý của dư luận là điều dễ hiểu, đồng thời cũng nói lên sự nhạy bén của văn nghệ mong muốn tham gia giải quyết những vấn đề cấp bách của xã hội.

Con người trong quá trình lao động, sản xuất, xây dựng — bộ mặt

Digitized by Google

chủ đạo, quan trọng nhất của đất nước hôm nay — tiếp tục xuất hiện trực diện hơn trong sáng tác văn nghệ. Với những tác phẩm như *Cù lao tràm*, *Hạt mùa sau*, *Đứng trước biển* (phim), *Giấy trắng*, *Đối thoại sông Đà*, *Tôi và chúng ta*, *Mùa hè ở biển*, v.v. văn nghệ đã đi thẳng vào những vấn đề cốt lõi của đời sống lao động sản xuất và của mặt trận kinh tế. Mặc dù mức độ thành công của từng tác phẩm, từng loại hình nghệ thuật có khác nhau và về mặt chất lượng, tầm tư tưởng, sức thuyết phục, giá trị nghệ thuật nhìn chung còn chưa đạt tới mức toàn diện, hoàn chỉnh, xứng đáng với tầm vóc lớn lao của cuộc sống thực tế, những tác phẩm thuộc loại này cũng được công chúng hưởng ứng sôi nổi, có tác phẩm được sự chú ý sâu rộng chưa từng thấy.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc — mảng đề tài mà văn nghệ nước ta đã có nhiều thành công tiếp tục được quan tâm, đặc biệt theo khuynh hướng sử thi, nhiều tác giả muốn khái quát ba mươi năm kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Một số tiểu thuyết nhiều tập của Nam Hà, Hữu Mai, Phan Tứ, Nguyễn Quang Sáng, Hoàng Văn Bổn, Nguyễn Trọng Oánh, v.v. đã và đang được xuất bản, một số tác phẩm sân khấu và điện ảnh theo hướng này đã ra mắt công chúng và đạt thành công nhất định. Những thử nghiệm nghiêm túc trong việc thể hiện hình tượng Bác Hồ, linh hồn của cách mạng và kháng chiến trên sân khấu đạt kết quả đáng mừng, như trong vở kịch *Lịch sử và nhân chứng*.

Thật ra, sinh hoạt văn nghệ không thể có được sức thu hút dư luận xã hội cao như vừa qua nếu người sáng tác chỉ mới tiếp cận được với cuộc sống mà chưa có chuyển biến trong tư duy và thể hiện nghệ thuật. Công chúng nghệ thuật ngày nay được nâng cao về văn hóa, về ý thức làm chủ, đang vươn tới trình độ tiếp thu tác phẩm văn nghệ với thái độ phân tích, đánh giá, với những suy nghĩ mới. Từ những hiện tượng xã hội đến những số phận con người, từ những nét chung của những tập thể sang lối khái quát xã hội qua những hình tượng cá nhân riêng biệt, từ việc xây dựng những nhân vật nặng về tính chất nêu gương cho mọi người sang kiểu những nhân vật có đấu tranh nội tâm phong phú, có cá tính độc đáo, văn nghệ ta hôm nay đang gợi cho người đọc, người xem suy nghĩ, phân tích, đánh giá để tự hoàn thiện. Những cuộc tranh luận sôi nổi, đôi khi gay gắt về một số tác phẩm văn học, sân khấu, điện ảnh thể hiện việc nghệ thuật trực tiếp tham gia vào cuộc sống, nhân vật và tác giả đối thoại trực tiếp với cuộc sống, với người cùng thời. Nhiều tác giả mạnh dạn đưa nhân vật của mình sống, hành động, tư duy trong cuộc chiến đấu nóng bỏng ngày nay, dám thể hiện những tính cách đang hình thành đồng thời với quá trình của cuộc sống chưa định hình, đang diễn biến, dám chủ động lý giải những vấn đề mới với ý thức góp phần vào sự phát triển của xã hội chứ không lần lữa đợi chờ, nghe ngóng. Có lẽ đây là một nguyên nhân gây nên nhiều sự tranh cãi trong thời gian qua. Và đó là điều đáng mừng cho nền văn nghệ nước ta. Phương ngôn xưa có câu: chân lý được đẻ ra trong sự tranh cãi.

Những năm qua, trong tất cả các loại hình nghệ thuật đều có một số không ít tác phẩm có đề tài tốt, chủ đề đúng, nêu được những vấn đề tích cực, nhưng không tạo được sự chú ý của dư luận xã hội vì chưa có được sự đổi mới đáng kể về tư duy và hình thức biểu hiện phù hợp với những đòi hỏi mới. Nhận ra điều này, nhiều tác giả, trong sáng tác, đã bắt đầu mở ra những hướng tìm tòi để đổi mới ngôn ngữ nghệ thuật, thu hút đông đảo công chúng đến với tác phẩm. Giới sáng tác trẻ luôn tỏ ra hăng hái, bước đầu

Digitized by Google

đã có những thành công về mặt này. Cũng đã có nhiều cố gắng đổi mới và nâng cao cách thể hiện ngay cả ở lớp văn nghệ sĩ lớn tuổi, phong cách sáng tác vốn đã định hình, bền vững.

Sân khấu kịch nói có những thành công đáng kể về mặt mở rộng thể loại, phong cách dàn dựng, diễn xuất. Trên sân khấu truyền thống, chèo bước đầu vượt lên những khó khăn để phát triển theo hướng nâng chèo truyền thống lên một đỉnh cao hơn hoặc mở rộng ngôn ngữ biểu hiện cho phù hợp với tâm lý thụ cảm của người xem hiện đại. Tuồng tự khẳng định sự tồn tại của mình với những tìm tòi đi vào đề tài hiện đại. Một số vở cải lương thành công trong những hội diễn gần đây nói lên sự cố gắng vượt ra khỏi thói quen tìm tình hấp dẫn trong những cốt chuyện lý kỳ éo le, giả tạo, những tình cảm bi lụy, khắc phục tính lai tạp để đến gần với cuộc sống hơn, vươn tới những tiêu chuẩn nghệ thuật cao hơn. Dân ca kịch bài chòi, dân ca Nghệ tĩnh đang tự làm phong phú thêm về mặt âm nhạc và hình thức trình diễn. Lần đầu tiên nghệ thuật dù kê của đồng bào Khơ-me Nam bộ mang những nét độc đáo của sân khấu dân gian cổ truyền được nâng cao và trình diễn với tư cách một loại hình sân khấu chuyên nghiệp.

Điện ảnh cũng có những cố gắng phát huy tính quần chúng rộng rãi vốn có của mình với những thể nghiệm mở rộng đề tài, thể loại, phong cách dàn dựng, thể hiện hiện thực với nhiều tầng lớp thời gian, không gian. Trong phạm vi ngôn ngữ đặc trưng của mình có những tìm tòi để nâng cao hiệu quả của hình tượng thị giác âm thanh qua việc gia tăng số lượng phim màu, nâng cao trình độ quay phim, thiết kế mỹ thuật, âm nhạc điện ảnh, đổi mới diễn xuất, đa dạng hóa các bộ mặt diễn viên.

Trong lĩnh vực âm nhạc, hàng loạt ca khúc thành công vừa mang được hơi thở của nhịp sống ngày nay vừa kế thừa và làm giàu thêm những từ nhạc, giai điệu của ca khúc cách mạng và kháng chiến. Một số sáng tác thuộc các thể loại kịch hát, kịch múa, giao hưởng,... đánh dấu những thành công nhất định theo hướng sáng tạo, phát triển và nâng cao âm nhạc truyền thống dân tộc. Âm nhạc dân gian, dân tộc cổ truyền và âm nhạc nghiêm túc — bác học được chú ý thích đáng và dần dần giữ vị trí xứng đáng. Ca nhạc nhẹ có nội dung lành mạnh đang đi vào chiều hướng kết hợp phong cách hiện đại với việc khai thác vốn truyền thống dân tộc và dân gian, nâng cao trình độ thẩm mỹ và tư tưởng. Đây là một loại hình âm nhạc được quần chúng thanh niên rất ưa chuộng.

Nghệ thuật tạo hình cũng có những bước tiến đi vào lối thể hiện có chiều sâu. Thủ pháp đồng hiện với khả năng ôm trùm nhiều sự kiện, nhiều không gian, nhiều hình tượng đang được các họa sĩ thuộc nhiều thế hệ — nhất là lớp trẻ — thể nghiệm để theo kịp những đòi hỏi của đời sống xã hội. Về mặt chất liệu, sơn dầu với sức năng động của ngôn ngữ tạo hình đang gắng tạo nên sự uyển chuyển phong phú giữa dân tộc và hiện đại. Sơn mài vững vàng với những truyền thống quý báu và ngôn ngữ đặc trưng của chất liệu độc đáo này. Điêu khắc cũng có nhiều trăn trở trong ý niệm và cách biểu hiện, gắng vượt lên những xu hướng đã được khẳng định. Các công trình tượng đài được chú ý đáp ứng một nhu cầu thẩm mỹ mới của xã hội. Việc sử dụng các kỹ thuật in, khắc truyền thống đang được mở rộng nhờ tiếp thu kỹ thuật của đồ họa thế giới.

★

Digitized by Google

Trong tình hình kinh tế — xã hội đang có nhiều khó khăn, những chuyển biến của văn học và nghệ thuật như mấy năm qua, đặc biệt tập trung vào năm 1985, thể hiện sự cố gắng rất lớn của anh chị em hoạt động văn học và nghệ thuật trong cả nước. Tuy nhiên, *sự chuyển biến nói trên mới bắt đầu*. Nhìn chung đa số tác phẩm mới chỉ dừng lại ở mức tái hiện một số mặt của hiện thực mà chưa đi sâu phanh phui, lý giải, chưa gắn chặt với những vấn đề thực chất của chặng đường đầu tiên của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, với chiều sâu triết học và tư tưởng cần có, với sức nóng nhiệt của tinh thần cách mạng cao. Nói chung, văn nghệ mới *nói lên*, nhưng chưa *trả lời* những vấn đề mà cuộc sống đang đặt ra. Đây là nhược điểm cơ bản của văn nghệ ta hiện nay. Đối với sáng tác, đề tài và chủ đề là quan trọng. Nhưng đối với chất lượng của sự sáng tạo, thì vấn đề là đề tài đó nói cái gì, chủ đề đó được đi sâu và khai thác đến độ nào, tác phẩm đem đến điều gì mới, bổ ích cho tâm hồn, trí tuệ và tình cảm của công chúng.

Trong mảng đề tài phản ánh cuộc sống hôm nay, những tác phẩm hướng về khía cạnh đạo đức, tâm lý xã hội mang âm hưởng phê phán, vừa qua được sự hưởng ứng mạnh mẽ và khuyến khích của đông đảo công chúng vì chúng đáp ứng đúng mong muốn phanh phui những mặt tiêu cực đang tồn tại khá lớn, thậm chí ngang nhiên thách thức dư luận xã hội. Nhưng trong hướng khai phá khu vực còn mới mẻ này, thường thiếu sự phân tích chính xác, sâu sắc những nguyên nhân cốt lõi của hiện tượng nhằm tạo được niềm tin, thôi thúc mỗi người suy nghĩ và tham gia đấu tranh cải tạo xã hội. Chính vì vậy, những tác phẩm mang chủ đề phê phán dễ bắt đầu trùng lặp về chủ đề và gặp nhau ở tính hời hợt và giản đơn.

Còn chưa nhiều tác phẩm xây dựng được hình tượng con người mới có sức thuyết phục trong lao động, sản xuất, cải tạo và xây dựng, những con người mà Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua vừa qua cho thấy có rất nhiều nguyên mẫu sinh động trong cuộc sống hiện nay. Trong những nguyên mẫu này, sức hấp dẫn toát ra từ khát vọng góp phần tích cực vào tiến bộ của xã hội. Khát vọng này thấm sâu trong từng chi tiết, hành động, ý nghĩa, trở thành động lực quyết định sự phát triển tính cách độc đáo, đa dạng của con người trong quá trình thử thách và cọ xát với các thế lực xã hội. Nhìn lại việc thể hiện con người mới qua khía cạnh lao động, sản xuất, có thể thấy trong những năm vừa qua đã có những tác phẩm có giá trị cao, gây được tiếng vang rộng lớn và là chủ đề của những cuộc tranh luận sôi nổi, có tác động tích cực trong xã hội, nhưng nhìn chung khu vực đề tài này chưa được giới sáng tác và phê bình cũng như nhiều đồng chí làm công tác tư tưởng của Đảng quan tâm đầy đủ. Những thành công bước đầu này chủ yếu mới thuộc về một số người sáng tác trẻ có tính năng động, có tinh thần xông xáo — mặc dù còn bộc lộ một số nhược điểm về vốn sống, về thế giới quan, nhân sinh quan cũng như về nghệ thuật biểu hiện. Cũng cần nói đến một tình hình đáng quan tâm là sự dễ dãi, vội vàng trong sáng tạo và sự lẩn tránh thực tế đi vào sự chiêm nghiệm, tự nhận thức. Một số hiện tượng của khuynh hướng hoài cổ, tâm tư buồn chán, coi văn chương như một hoạt động tự thân, xa rời đấu tranh cách mạng cũng đã xuất hiện «Nghệ thuật kiếm sống» đang là vấn đề nóng hổi rất tai hại không chỉ cho trước mắt mà cho cả tương lai của sự nghiệp văn nghệ, là nguyên nhân của nhiều tiêu cực trong hoạt động văn nghệ của chúng ta.

Trong sự chuyển biến chung của văn nghệ có sự chuyển biến và sự đóng

Digitized by Google

góp của lý luận và phê bình. Những cố gắng mới của nó thể hiện trên nhiều bài mạnh dạn ủng hộ cái mới chân chính, phân tích cái tốt, đồng thời cũng phân tích cái chưa được và cái không tốt. Một số công trình nghiên cứu, nhiều cuộc hội thảo bổ ích năm qua tạo cho phê bình một không khí lành mạnh khá sôi nổi, được giới chuyên nghiệp cũng như công chúng quan tâm. Nhưng trong cái chung của mặt trận văn nghệ, cũng bộc lộ rõ nhược điểm vốn có của phê bình là chưa theo kịp sự phát triển của sáng tác, tình trạng né tránh nề nang chưa được khắc phục. Trong khi sáng tác — đặc biệt văn học, sân khấu, điện ảnh — đã tạo được cho mình một khối công chúng đáng kể của thời kỳ mới, đã có những tác động khá mạnh mẽ vào đời sống xã hội hiện nay, công tác phê bình chưa có được sự nhạy bén nắm bắt tình hình dư luận để phát huy những mặt hay, tốt của tác phẩm, phân tích và vạch ra những mặt non yếu hoặc chưa thành công của sáng tác, uốn nắn những lệch lạc, chấn chỉnh những điều ngộ nhận trong dư luận của một bộ phận không nhỏ công chúng. Mặt khác, công chúng nghệ thuật đang có những chuyển biến hợp quy luật từ thói quen thưởng thức nghệ thuật thời chiến với những hình tượng có tính nêu gương, nặng về đại diện cho các lực lượng xã hội sang cách thụ cảm những hình tượng có tầm khái quát xã hội thông qua cá tính độc đáo, nội tâm phong phú, đa dạng, gợi cho đối tượng thưởng thức những suy nghĩ, bồi bổ cho họ nghị lực để tự nâng mình lên. Trước tình hình này, lý luận phê bình vẫn chưa có những hoạt động đáng kể để nâng cao trình độ thưởng thức của công chúng, đồng thời đấu tranh chống những quan niệm dung tục, những sự gán ghép khiên cưỡng, suy diễn tùy tiện. Tình trạng phát triển thiếu đồng bộ giữa lý luận phê bình và sáng tác đang ảnh hưởng đáng kể đến việc nâng cao sức mạnh tổng hợp để văn học nghệ thuật có thể đạt hiệu quả cao hơn nữa trong nhiệm vụ trực tiếp tham gia giải quyết những vấn đề hết sức phức tạp của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

★

Sức mạnh của văn nghệ xã hội chủ nghĩa chỉ được thể hiện khi văn nghệ tham gia trực tiếp xây dựng cuộc sống mới, cùng với nhân dân phấn đấu vì lẽ sống xã hội chủ nghĩa, khi quả tim của văn nghệ cùng đập theo mạch đập của cuộc đời trong quá trình cách mạng đi lên rất phức tạp và dày màu thuẫn. Phê bình văn nghệ chỉ thể hiện được chức năng hướng dẫn, chỉ đạo một khi nó tham gia tích cực vào quá trình sáng tạo nghệ thuật bằng những phát hiện, những phân tích tinh tế, đánh giá công bằng và sâu sắc, bằng sự gắn bó với quần chúng. Tính nhân dân của nền văn nghệ mới không chỉ bắt nguồn từ nhân dân và phục vụ nhân dân, mà còn phải thúc đẩy được sức sáng tạo của quần chúng, tạo nên được một công chúng tự giác có trình độ văn hóa và thẩm mỹ cao.

Nhân dân ta xứng đáng được hưởng những tác phẩm nghệ thuật hay nhất và đẹp nhất của dân tộc và nhân loại. Đội ngũ văn nghệ sĩ nước ta có đủ khả năng, tiềm lực tiếp tục đưa nền văn nghệ nước ta phát triển thành một nền văn nghệ lớn của chủ nghĩa xã hội. Những nét mới của văn nghệ năm 1985 là kết quả của một quá trình, thì những nhược điểm, khuyết điểm của

Digitized by Google

nó một phần quan trọng là do sự thay đổi cơ bản về yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Những bước mới của sự chuyển mình sắp tới chắc chắn sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn, trước hết vì cách mạng sẽ đi vào chiều sâu, cuộc đấu tranh giữa hai con đường sẽ quyết liệt hơn nhiều. Cuộc đấu tranh cách mạng không chỉ đòi hỏi sự nhất trí cao của đội ngũ văn nghệ sĩ đối với mục tiêu phấn đấu của Đảng và nhân dân, tình đoàn kết chiến đấu giữa các thế hệ của đội ngũ. Nó còn đòi hỏi sự gắn bó máu thịt của chúng ta với cuộc sống, với hàng chục triệu nhân dân lao động đang phấn đấu bền bỉ và anh dũng trên đồng ruộng, lâm trường, biển cả cũng như trên các công trường xây dựng, các xí nghiệp công nghiệp, với các chiến sĩ đêm ngày gìn giữ biên cương của Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Nó cũng đòi hỏi chúng ta không ngừng trau dồi kiến thức toàn diện, ý chí luôn luôn tự vươn mình. Và hơn bao giờ hết cách mạng, cuộc sống đòi hỏi không ngừng nâng cao tính công dân và tính đảng của người văn nghệ sĩ — chiến sĩ trên mặt trận vẻ vang nhưng đầy sóng gió này : mặt trận văn nghệ.

MẤY Ý KIẾN VỀ VIỆC...

(Tiếp theo trang 71)

đề này hiện nay chưa có hoặc có rất ít trong các giáo trình.

Bốn là, sớm nghiên cứu giải quyết một số vấn đề về chính sách đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã nông nghiệp (bao gồm cả cán bộ thuộc biên chế Nhà nước tăng cường cho hợp tác xã, bảo đảm phân phối công bằng theo kết quả lao động của từng người, tạo nên một tâm lý xã hội mới là dù làm gì, ở cương vị nào, lĩnh vực nào có cống hiến tốt cũng đều được quý trọng như nhau. Coi trọng khuyến khích cả về vật chất lẫn tinh thần trên cơ sở thực hiện chế độ trách nhiệm rõ ràng, có thưởng phạt nghiêm minh, có chính sách khuyến khích mạnh mẽ đối với những người nhận nhiệm vụ ở khâu mũi nhọn, khó khăn gian khổ, tích cực học tập, gắn bó với công việc. Sớm nghiên cứu chế độ hưu trí cho cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã.

Năm là, sớm tổng kết công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã từ khi có phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đến nay một cách toàn diện. Trên cơ sở đó và căn cứ vào yêu cầu phát triển nông nghiệp trong thời gian tới mà kiến nghị với Đảng và Nhà nước một phương án xây dựng đội ngũ cán bộ cho khu vực kinh tế nông nghiệp tập thể đến năm 2000.

Digitized by Google

LÊ TÂM HƯƠNG

MỘT TẤM GƯƠNG KIÊN TRÌ VƯỢT KHÓ KHĂN VÀ SÁNG TẠO

Là một xí nghiệp công nghiệp dược đầu tiên của nước ta, được giao những nhiệm vụ nặng nề, xí nghiệp dược phẩm trung ương 2 trong hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn, đã *25 năm liên tục hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao và sẵn sàng đón nhận những nhiệm vụ nặng nề, to lớn hơn.* Xí nghiệp không chỉ có những thành tích rất đáng tự hào tính bằng những mặt hàng thuốc phục vụ nhân dân và xuất khẩu có uy tín trên thị trường, bằng những trăm triệu đồng giá trị tổng sản lượng và nộp ngân sách Nhà nước v.v., mà còn có tiềm lực to lớn về cơ sở vật chất và kỹ thuật, nhất là về vốn con người do xí nghiệp tạo ra. Xí nghiệp xứng đáng được Nhà nước ta tuyên dương là đơn vị anh hùng lao động.

Thành lập từ năm 1961, xí nghiệp dược phẩm trung ương 2 lúc đầu chỉ có 315 cán bộ, công nhân, trong đó 25% là nữ. Mặt bằng của xí nghiệp chật hẹp, máy móc già cỗi, điện nước mấy năm nay không ổn định, nguyên liệu, vật tư ngày càng khan hiếm, nhập khẩu đã khó khăn mà mua ở trong nước cũng không dễ dàng, tá dược cũng thiếu nghiêm trọng, nhiệm vụ sản xuất được giao vượt nhiều lần công suất thiết kế. Trong tình hình như vậy, xí nghiệp luôn luôn chủ động tìm cách khắc phục hết khó khăn này đến khó khăn khác để hoàn thành kế hoạch và giữ vững vị trí đầu tàu của mình.

Giá trị tổng sản lượng của xí nghiệp năm 1983, 1984 chiếm tới 1/5 giá trị tổng sản lượng của toàn ngành dược. Những mặt hàng sản xuất bằng dược liệu trong nước trước kia chật vật lắm mới đạt được 10%, nay đã lên tới 30% giá trị tổng sản lượng của xí nghiệp, vượt chỉ tiêu của Bộ y tế giao cho các xí nghiệp trung ương. Chỉ riêng việc đạt chỉ tiêu này đã không đơn giản: từ những dược liệu trong nước chỉ chiết xuất được một phần trăm, có khi chỉ một phần nghìn, thậm chí một phần vạn hoạt chất, hoạt chất này lại phải tinh chế để đạt tiêu chuẩn dùng làm thuốc, rồi từ đó làm ra hàng trăm triệu viên thuốc, ống thuốc, giảm được số lớn ngoại tệ mua dược liệu của nước ngoài. Xí nghiệp nộp ngân sách Nhà nước mỗi năm một tăng: năm 1981 là 26 triệu đồng, năm 1982 là 89 triệu đồng, năm 1983 là 93,3 triệu đồng, năm 1984 là 116 triệu đồng. Chất lượng sản phẩm được bảo đảm, liên tục vượt chỉ tiêu quy định của Bộ y tế, và xí nghiệp đã được Ủy ban khoa học kỹ thuật Nhà nước tặng bằng khen. Mặt hàng của xí nghiệp ngày càng có uy tín trên thị trường: Ka vet, Sê đa, Viên sữa ong chúa, Viên tăng lực, Ma-la-min, Sen vông, Vin ca. Sản phẩm xuất khẩu như các loại cao Ba đình, Sơ

Digitized by Google

vàng, dầu Thăng long, thuốc sâu răng Đen to xit và gần đây Viên phấn hoa đều đạt chỉ tiêu kế hoạch. Xí nghiệp cũng đã nêu cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa với Lào và Cam-pu-chia, với Liên xô, Hung-ga-ri. Với Lào, từ hơn 10 năm trước, xí nghiệp đã thiết kế và lắp ráp cho tỉnh Hua-phăn của Lào một xí nghiệp dược phẩm hoàn chỉnh có đầy đủ các bộ phận cần thiết cho sản xuất, đến nay, xí nghiệp vẫn thường xuyên cung cấp vật tư, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho bạn...

Để phục vụ tốt nhiệm vụ sản xuất, xây dựng đơn vị vững mạnh về các mặt, xí nghiệp đã xây dựng được nhiều phong trào có tác dụng rõ rệt. Phong trào thi đua đã thành nền nếp, có tổ lao động xã hội chủ nghĩa 14 năm liền. Về phong trào an toàn vệ sinh công nghiệp, xí nghiệp được Tổng công đoàn Việt nam công nhận là đơn vị xuất sắc, được Hội đồng bộ trưởng tặng bằng khen. Xí nghiệp cũng được Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước tặng bằng khen về phong trào bảo vệ chất lượng thuốc. Phong trào văn hóa văn nghệ cũng tốt. Trường bổ túc văn hóa của xí nghiệp liên tục là trường tiên tiến xuất sắc. Xí nghiệp có tiểu đoàn tự vệ đạt danh hiệu Quyết thắng 12 năm liền. Xí nghiệp còn được công nhận là đơn vị xuất sắc trong phong trào phát huy sáng kiến, phong trào bảo vệ an ninh chính trị. Đảng bộ xí nghiệp được công nhận là đảng bộ vững mạnh.

★

Đạt được những thành tích đáng tự hào trong suốt 25 năm qua, trước hết là do xí nghiệp đã luôn luôn *nêu cao ý chí và kiên trì thực hiện phương châm tự lực tự cường*. Điều quan trọng nhất là đã biết tìm ra và dựa vào nguồn dược liệu trong nước, sản xuất thuốc phòng và chữa bệnh, kết hợp Đông y với Tây y, góp phần xây dựng ngành y tế Việt nam độc lập và tự chủ, vượt được khó khăn lớn nhất của xí nghiệp. Diện tích sản xuất chật hẹp thì lo bố trí cho ngăn nắp. Máy móc cũ, đã có chế độ sử dụng, bảo quản, kiểm tra định kỳ, Xí nghiệp tự chế tạo lấy một số phụ tùng thay thế. Vật tư thiếu thốn, nhập khẩu khó khăn thì những người chuyên trách chạy như con thoi khắp trong Nam ngoài Bắc, lên các tỉnh biên giới tìm kiếm cho ra, thu mua cho được. Mỗi khi cần phải thay đổi nguyên liệu, tá dược, đều kịp thời nghiên cứu bổ sung quy trình kỹ thuật cho phù hợp với thực tế sản xuất. Tuy chưa có chính sách, chế độ thỏa đáng đối với việc nghiên cứu sản xuất thuốc từ dược liệu trong nước, trang bị, thiết bị cho việc nghiên cứu và sản xuất thiếu thốn và không đồng bộ, nhưng từ giám đốc xí nghiệp đến cán bộ khoa học và công nhân kỹ thuật chẳng ai ngại khó, mà trái lại say mê, khiêm tốn học hỏi, bao ngày đêm mất ăn mất ngủ mới đưa được một mặt hàng vào dây chuyền sản xuất.

Hai là, *đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến và nghiên cứu khoa học*.

Công nghiệp dược phẩm là một ngành sản xuất đòi hỏi khoa học kỹ thuật chính xác, chất lượng sản phẩm phải bảo đảm tuyệt đối, chỉ cần sơ suất một tý là có thể gây nguy hại cho tính mạng con người. Nó cũng đòi hỏi đi sâu nghiên cứu, tìm tòi sáng chế ra những loại thuốc ngày càng hiệu nghiệm hơn, thông dụng hơn. Giám đốc cùng ban lãnh đạo xí nghiệp đã đặc biệt quan tâm đến khâu công tác này và coi đó là trách nhiệm quan trọng nhất của mình. Nhờ vậy, việc nghiên cứu khoa học và áp dụng vào sản xuất đã có quy chế thành nền nếp trong các phòng, ban phân xưởng. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của xí nghiệp đến nay đã có

Digitized by Google

trên 100 người có trình độ đại học và trên đại học. Trong 5 năm qua, đã có 74 công trình nghiên cứu khoa học được đưa vào sản xuất, đạt hiệu quả kinh tế. Công trình sản phẩm ong đã tạo ra những mặt hàng đóng góp gần 30 triệu đồng cũ vào giá trị tổng sản lượng của xí nghiệp 5 năm qua; những mặt hàng này chiếm 60% giá trị mặt hàng chế biến bằng dược liệu trong nước hằng năm của xí nghiệp. Tổng hợp cô đê in từ moóc phin chiết từ quả anh túc, tinh chế vi ta min K bị phá hủy thành nguyên liệu làm thuốc, chế tạo phẩm màu không tan, chiết vin bla stin chữa ung thư từ hoạt chất của cây dừa cạn v.v.. Để có thể sản xuất được các dược liệu này, xí nghiệp đã tự thiết kế bằng vốn của mình một dây chuyền chiết xuất dược liệu, tự chế tạo nồi cô chân không tuần hoàn để cô cao dược liệu với công suất 100 lít/giờ, máy xay mịn dược liệu có công suất 120 kg/giờ. Nhiều đồng chí đã nêu gương tận tụy say mê trong công tác nghiên cứu. Có những đồng chí đã lặn lội theo các đội nuôi ong lưu động nghiên cứu cách lấy từng sản phẩm của ong để về phân tích, kết luận cái nào đưa được vào sản xuất, nguồn nguyên liệu nào dồi dào. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, từng đoàn cán bộ đã đi tới Hoàng liên sơn để nghiên cứu việc cất tinh dầu quế từ các bộ phận trong cây quế, và những năm gần đây cất tinh dầu quế tại Thanh hóa, Hà tuyên. Không chỉ lo điều tra dược liệu, lắp đặt nồi cất, nghiên cứu địa điểm cất, bảo quản tinh dầu — một mặt hàng chiến lược, mà còn lao động chân tay, gánh nước, xây lò. Các cán bộ của xí nghiệp đã đến tận Mường lóng, Sa pa, Lai châu để phát hiện cây anh túc có nhiều quả, tỷ lệ hoạt chất cao, hoặc trong đợt nghỉ mát tại Sầm sơn, đã say mê tìm nguồn dừa cạn có nhiều hoạt chất. Trong việc sản xuất thuốc, anh chị em đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, chú ý đến từng chi tiết nhỏ, từ việc in nhãn trên ống tiêm đến nét chữ trên viên thuốc để tránh nhầm lẫn. Ngay việc này, xí nghiệp cũng có sáng kiến chế tạo ra chày có chữ để dập viên thuốc. Trong những năm qua xí nghiệp đã có tới 3231 sáng kiến, làm lợi cho Nhà nước trên 3 triệu đồng cũ. Xí nghiệp đã nhận 3 đề tài cấp Nhà nước, giám đốc là ủy viên ban chủ nhiệm công trình 64.01 tạo nguồn nguyên liệu làm thuốc — công trình cấp Nhà nước.

Ba là, *xây dựng và thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân.*

Do có những yêu cầu chuyên sâu về khoa học kỹ thuật để bảo đảm phát triển sản xuất, cho nên xí nghiệp rất coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ của cán bộ công nhân. Tuy bận nhiều công việc, các giám đốc xí nghiệp vẫn kế tiếp nhau làm hiệu trưởng trường bổ túc văn hóa của xí nghiệp. Trường này đã hoàn thành nhiệm vụ phổ cập văn hóa cấp I năm 1970, phổ cập cấp II năm 1979, phổ cập cấp III năm 1983 cho tất cả những người trong diện tuổi quy định của toàn xí nghiệp. Muốn đảm nhiệm được công tác ở đây phải học tập không ngừng, học chuyên môn và học cả ngoại ngữ. Giám đốc đã học 4 ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Tiệp) để có thể nghiên cứu thêm tài liệu của nước ngoài, nâng cao trình độ đặng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ ngày càng nặng. Các phó giám đốc cũng biết từ hai đến bốn ngoại ngữ. Các cán bộ khoa học kỹ thuật say mê học ngoại ngữ (Nga, Anh Pháp). Một số cán bộ đã biết 4 ngoại ngữ (không kể ngoại ngữ đã học khi ở nước ngoài như Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Tiệp khắc, Trung quốc). Những cán bộ có trình độ đại học đều lần lượt được cử đi bồi dưỡng thêm về trình độ ở trong nước và ngoài nước. Theo quy hoạch, tất cả các công nhân kỹ thuật đều phải qua lớp kỹ

Digitized by Google

thuật sơ cấp hoặc kỹ thuật trung cấp. Còn các cán bộ chủ chốt của xí nghiệp ngoài việc học tập chuyên môn, ngoại ngữ, đều qua lớp chính trị trung cấp.

Cái « chìa khóa văn hóa » ấy đã giúp xí nghiệp có điều kiện đào tạo được đội ngũ cán bộ kế cận hoàn thành nhiệm vụ trong mỗi thời kỳ. 25 năm qua xí nghiệp đã cung cấp cho bản thân mình và cho nơi khác 116 cán bộ lãnh đạo.

Bốn là, *thường xuyên chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức.*

Nhiệm vụ của xí nghiệp ngày càng nặng nề. Đời sống của cán bộ công nhân viên chức có nhiều khó khăn, nhất là cán bộ công nhân nữ, sức khỏe yếu, con nhỏ, có những chị vừa làm mẹ, lại vừa làm bà, hai vai gánh vác việc nước, việc nhà rất vất vả. Chị em chiếm tới 80% tổng số người của xí nghiệp, nhiều chị giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt trong sản xuất, trong tổ chức Đảng, Công đoàn. Ban lãnh đạo xí nghiệp là nữ ấy rất thông cảm với đời sống cán bộ công nhân viên chức. Xí nghiệp đã áp dụng nhiều hình thức và biện pháp khác nhau để chăm lo đời sống. Đáng chú ý là tổ chức cơ khí hóa nhà ăn, duy trì đều đặn bữa ăn giữa ca và bồi dưỡng độc hại, mặc dù giá cả đắt đỏ; thực hiện đều việc khám sức khỏe định kỳ hằng năm, hằng quý cho những người làm việc ở nơi độc hại, phát triển việc phòng bệnh và chữa bệnh bằng phương pháp Đông y và Tây y, tổ chức chăm cứu tại xí nghiệp; duy trì tốt nhà trẻ và mẫu giáo; thực hiện việc khoán sản phẩm gia công, thu hồi phế liệu, phế phẩm. Chỉ riêng việc này, mỗi năm đã tiết kiệm được hàng triệu đồng tiền cũ: năm 1983 — 1.073 triệu, năm 1984 — 1,4 triệu.

★

Với những thành tích đã đạt được trong 25 năm qua, lại có truyền thống phấn đấu tốt, có cơ sở chính trị, tư tưởng vững mạnh, quyết tâm giữ vững danh hiệu cao quý đơn vị anh hùng lao động, phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của cả xí nghiệp, nêu cao hơn nữa tinh thần tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, chủ động sáng tạo, Xí nghiệp dược phẩm trung ương 2 chắc chắn sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ to lớn hơn trong kế hoạch năm 1986 và kế hoạch 5 năm 1986 — 1990.

Phong trào đấu tranh...

(Tiếp theo trang 36)

bản nước ngoài lẫn bọn bóc lột trong nước. Trong quá trình đấu tranh, họ dần dần được tổ chức lại, ý thức giai cấp và sự chín muồi về chính trị của họ cũng được nâng cao. Về mặt kinh tế họ là đối tượng bóc lột tệ hại của tư bản bản xứ và các công ty xuyên quốc gia. Về mặt chính trị, họ là đối tượng tranh chấp của các tổ chức công nhân thuộc đủ mọi xu hướng, đặc biệt là xu hướng cải lương xã hội dân chủ. Tình hình trên đòi hỏi phong trào công nhân ở khu vực này phải chống sự chia rẽ, chống những khuynh hướng hợp tác giai cấp với chủ tư bản, giữ vững ngọn cờ đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân.

Trong lúc ở các nước tư bản chủ nghĩa tình hình diễn ra như đã nói trên thì ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã thoát khỏi mọi áp bức bóc lột, thật sự trở thành người chủ của xã hội, của tự nhiên và của bản thân, đang lãnh đạo sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đem lại hạnh phúc cho toàn thể nhân dân, mở ra tương lai tươi sáng cho loài người. Điều đó càng cổ vũ và thôi thúc giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa kiên quyết đấu tranh vì những lợi ích sống còn của mình.

Digitized by Google

HOÀNG THỊNH

ĐẤU TRANH CHO MỘT TRẬT TỰ THÔNG TIN QUỐC TẾ MỚI

CHƯA bao giờ loài người lại có khả năng to lớn như ngày nay để tự mình giải quyết những khó khăn mà từ buổi bình minh của lịch sử đã được đặt ra, như các vấn đề: sức khỏe, ăn, ở, thiên tai và an ninh của chính mình.

Sự phát triển của thông tin giúp cho con người khám phá thêm nhiều chân trời mới và làm quen với nền văn hóa của các dân tộc khác.

Xã hội của chúng ta đang trở thành *một xã hội thông tin*. Cuộc cách mạng thông tin đã có những ảnh hưởng sâu sắc tới tổ chức xã hội. Do những thành tựu kỳ diệu của khoa học kỹ thuật, với những công cụ truyền thông hiện đại, không một khu vực nào trên thế giới sống lẻ loi, cô lập; và tin tức về các mặt đời sống, dù nó xảy ra ở bất cứ nơi xa xôi nào trên trái đất, cũng có thể đến với mọi người trong giây lát. Hành tinh của chúng ta trở thành nhỏ bé và đang dần dần biến thành cái mà nhiều người bắt đầu gọi là *một làng toàn cầu*.

Sự ra đời của xử lý vi mô (micro-processor) và máy tính điện tử nhỏ được coi như *một sự bùng nổ trong thông tin*! Máy tính điện tử gọn nhẹ, trở thành một công cụ thu, phát, xử lý thông tin và có thể lưu trữ một khối lượng thông tin rất lớn, bằng tổng số chữ của 170 000 cuốn sách, mỗi cuốn dày 400 trang. Ngày nay, một số nước đã sử dụng máy tính điện tử và tia la de để sắp chữ và trình bày các trang báo.

★

Vào những năm 70 của thế kỷ này, một khái niệm mới đã xuất hiện và làm giàu thêm từ điển chính trị thế giới: *trật tự thông tin quốc tế mới*.

Nhờ có sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông mà các mối quan hệ và giao lưu về mọi mặt giữa các dân tộc và các nước trên thế giới ngày nay được tăng cường hơn bao giờ hết, tạo điều kiện cho cuộc sống con người ngày càng tốt đẹp.

Thế nhưng hiện có *những mất cân đối nghiêm trọng* trên phạm vi quốc tế trong việc sản xuất và truyền đi những tin tức, những chương trình. Các nước đang phát triển chiếm 70% dân số toàn thế giới mà chỉ có một phần nhỏ các phương tiện truyền thông: 22% tên sách xuất bản, 17% báo chí lưu hành, 9% giấy in báo, 27% máy phát thanh, 18% máy thu thanh, 5% máy phát hình và 12% máy thu hình.

Một trong những trở ngại đối với các nước đang phát triển trong việc tiếp xúc tự do với thông tin là giá các kỹ thuật mới về viễn thông rất cao. Mỹ và các nước công nghiệp phương

Digitized by Google

Tây độc quyền về các phương tiện truyền thông, thường hạn chế chuyển giao kỹ thuật thông tin sang các nước đang phát triển. Và do nắm độc quyền các phương tiện thông tin, các nước đế quốc tư bản cũng nắm độc quyền về việc truyền tin. Riêng bốn hãng thông tấn phương Tây (UPI, AP, Reuter và AFP) hằng ngày truyền đi ngót 90% tin thế giới, trong đó nhiều lắm chỉ có độ 20% nội dung đề cập tới các nước đang phát triển. Tin tức từ các nguồn tin phương Tây đưa ra thường sai sự thật, nhiều khi xuyên tạc, làm lu mờ và tạo ra hình ảnh không đẹp, không đáng về các nước đang phát triển.

Cho nên, các nước đang phát triển kịch liệt chống luồng thông tin một chiều đó, gọi đó là kiểu *thông tin đế quốc chủ nghĩa* và đấu tranh đòi thiết lập một trật tự thông tin quốc tế mới, tự do hơn, cân bằng hơn và có hiệu quả hơn.

☆

Lúc đầu các nước đế quốc kịch liệt chống lại quan điểm cho rằng phải thiết lập một trật tự thông tin quốc tế mới.

Nhưng vào cuối thập kỷ 70, do so sánh lực lượng trên thế giới thay đổi, chủ nghĩa đế quốc buộc phải thừa nhận sự cần thiết thay đổi cơ cấu thông tin trên thế giới.

Nhờ kiên trì đấu tranh và phối hợp chặt chẽ giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển, Đại hội đồng Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), khóa 20, năm 1978, đã thông qua được một văn kiện tiến bộ: « *Bản Tuyên ngôn về những nguyên tắc cơ bản liên quan đến sự đóng góp của các phương tiện thông tin đại chúng* vào việc củng cố hòa bình và hiểu biết lẫn nhau trên thế giới, vào việc phát triển quyền con người và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa vị chủng và chủ nghĩa a pác thai cũng như việc kích động chiến tranh ».

Trước đó, tại Đại hội đồng UNESCO, khóa 19, năm 1976, tuyệt đại đa số các nước thành viên đồng ý xác lập *một trật tự thông tin quốc tế mới*.

Nhưng dần dần các nước đế quốc tìm cách *thay đổi tên gọi*, nhằm làm giảm bớt tính chất giai cấp và chống đế quốc, hướng cuộc đấu tranh mang tính chất chính trị vào mục đích chuyên môn thuần túy. Tại Hội nghị Ta-loa (Pháp), họ đưa ra luận điệu về *một trật tự thông tin toàn cầu*, đòi bỏ chữ *mới* và thay chữ *quốc tế* bằng chữ *toàn cầu*.

Hiện nay, những tài liệu của *Liên hợp quốc* dùng khái niệm « trật tự thông tin *thế giới* mới », trong khi các văn kiện của phong trào *không liên kết* lại dùng khái niệm « trật tự thông tin *quốc tế* mới ».

Không những tên gọi, mà ngay *định nghĩa* các khái niệm cũng chưa thống nhất. Mấy năm gần đây, ngoài khái niệm *thông tin* (information), lại xuất hiện một khái niệm mới là *truyền thông* (communication). Và trật tự mới có lúc được gọi là *trật tự thông tin và truyền thông mới*.

Cho đến bây giờ vẫn còn nhiều định nghĩa khác nhau về « truyền thông ».

— Có người cho rằng « truyền thông là mối quan hệ giữa người và người bằng tín hiệu (signes) và ký hiệu (symboles) ».

— Có người định nghĩa « truyền thông là môi trường trao đổi rộng

Digitized by Google

rãi giữa người và người về những dữ kiện và quan điểm».

— Lại có người nói «truyền thông là một phạm trù về liên hệ giữa người và người bằng những ký hiệu, nó có thể là cử chỉ, điệu bộ, hình vẽ hay chữ viết».

Do những bất đồng như vậy, theo quyết định của Đại hội đồng UNESCO khóa 19, *Ủy ban quốc tế nghiên cứu những vấn đề thuộc về truyền thông* được thành lập gồm nhà báo và người làm thông tấn có kinh nghiệm của 16 nước, đứng đầu là ông Mắc Brai, người Ai-len, luật sư, cựu bộ trưởng ngoại giao, đã được giải thưởng Nô-ben và giải thưởng hòa bình Lê-nin. Do thành phần phức tạp, cho nên công việc tiến hành rất khó khăn và bản báo cáo cuối cùng của Ủy ban Mắc Brai (như người ta quen gọi) là một bản thỏa hiệp.

Khi đặt câu hỏi «Truyền thông là gì?», bản báo cáo đó định nghĩa: «Truyền thông có thể là *một công cụ của quyền lực*, cũng như nó có thể là *một vũ khí cách mạng, một sản phẩm thương mại* hay *một phương tiện giáo dục*». Như vậy bản báo cáo đưa luôn một lúc bốn mặt khác nhau của một khái niệm.

Bên cạnh một số nhược điểm, bản báo cáo của Ủy ban Mắc Brai có hàng loạt điểm tích cực, như đã phê phán lập trường của các cường quốc phương Tây trong lĩnh vực thông tin, phê phán các công ty liên quốc gia độc quyền thông tin; kiến nghị để các phương tiện thông tin đại chúng tạo một không khí tốt cho sự hiểu biết lẫn nhau; kiến nghị không được dùng các phương tiện thông tin đại chúng vào mục đích chiến tranh hoặc tuyên truyền cho hằn thù dân tộc, chủng tộc hay tôn giáo.

Không phải ngẫu nhiên mà tại Đại hội đồng UNESCO, khóa 22 năm 1983 tại Pa-ri, chương trình «Truyền thông phục vụ con người» đã gây ra cuộc tranh luận gay go giữa các lực lượng tiến bộ và các lực lượng phản động, vì thiết lập một trật tự mới trong thông tin có ý nghĩa to lớn trong việc đẩy mạnh đấu tranh giai cấp trên sàn khấu quốc tế, nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản của thời đại giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau. Tại đại hội đó, Mỹ và một số nước phương Tây nhấn mạnh và tìm cách áp đặt công thức «phổ biến thông tin tự do» nhằm lảng tránh trách nhiệm. Đại biểu Việt nam đã cùng với đại biểu các nước xã hội chủ nghĩa và các nước không liên kết vạch rõ: trong lúc bốn hãng thông tấn phương Tây (UPI, AP, Reuter và AFP) mỗi ngày truyền đi hơn 40 triệu từ tin tức, thì Tổ chức hợp tác thông tấn các nước không liên kết chỉ phát được 60 000 từ. Trước tình hình đó, quá nhấn mạnh đến «tự do thông tin» sẽ dẫn đến *thông tin một chiều*. Chúng ta đòi hỏi phải sửa lại tình trạng mất cân đối trong công tác thông tin hiện nay, phải xác lập một trật tự mới, *cân đối, thông tin hai chiều* và ta đòi quyền tự do thông tin phải gắn liền với trách nhiệm của người làm thông tin. Chúng ta cũng tích cực đấu tranh chống quan điểm sai trái đòi đưa tin «khách quan» nhưng trên thực tế là đưa tin sai lệch, một chiều. Ví dụ như khi phản ánh tình hình Cam-pu-chia có nước chỉ đưa lại tin của bọn diệt chủng Pôn Pốt hay của bọn phản động quốc tế vu cáo Việt nam. Cho nên chúng ta đòi hỏi thông tin phải *chính xác, đúng sự thật, trung thực, hết sức khách quan*.

★

Digitized by Google

Khái niệm *trật tự thông tin quốc tế mới* sẽ chỉ là một khái niệm suông nếu không có những biện pháp cụ thể và tích cực để biến nó thành hiện thực.

Lần đầu tiên, Hội nghị các vị đứng đầu các nước không liên kết tại Angiê năm 1973 đã ra lời kêu gọi *phi thực dân hóa công tác thông tin* để góp phần giành độc lập về kinh tế và quyền tự quyết về chính trị. Sau đó, một số hãng thông tấn các nước không liên kết bắt đầu trao đổi tin tức với nhau. Nhưng *Tổ chức hợp tác thông tấn các nước không liên kết (Pool)* chỉ thật sự được thành lập tại cuộc hội nghị cấp bộ trưởng thông tin các nước không liên kết họp ở Niu Đê-li tháng 7 năm 1976, và được Hội nghị thứ 5 cấp cao các nước không liên kết họp tại Cô-lôm-bô cuối năm 1976 chính thức thông qua.

Pool tổ chức một *mạng lưới truyền tin* giữa các nước trong Phong trào không liên kết, nhằm đưa ra *một hình ảnh chân thật* về tình hình thực tế các nước đang phát triển, chống lại sự bóp méo của các hãng thông tấn phương Tây. Nó đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự mới trong thông tin.

Từ sau ngày thành lập, Pool đã tỏ rõ tác dụng của mình. Giữa các hãng thông tấn các nước không liên kết, việc trao đổi tin tức, giúp đỡ nhau về trang bị kỹ thuật, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ theo tinh thần *tự lực tự cường tập thể*, đã góp phần tăng cường khả năng thông tin của các nước đó nhằm góp phần vào việc đấu tranh chống lại một cách có hiệu quả bộ máy tuyên truyền đồ sộ, đầy tính xuyên tạc của các nước đế quốc và phản động. Nhờ có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và các nước không liên kết có điều kiện vật chất kỹ thuật cao hơn, nhiều nước đang phát triển đã thành lập được hãng thông tấn quốc gia của mình.

Hằng ngày các hãng thành viên của Pool kịp thời phát vào mạng lưới truyền tin chung tình hình của đất nước mình về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Một số hãng thông tấn có cơ sở kỹ thuật khá hơn, trong đó có Thông tấn xã Việt nam, xung phong làm nhiệm vụ « trung tâm phát lại » những tin tức nhận được của các nước trong khu vực, nhờ đó mà tin tức về các nước không liên kết được truyền đi xa hơn và rộng hơn.

Sau 10 năm hoạt động, Pool đã không ngừng lớn mạnh, lúc đầu chỉ bao gồm 12 hãng thông tấn, nay đã có 93 nước tham gia, và tin tức phát vào mạng lưới của Pool ngày càng tăng về số lượng và cải tiến về chất lượng.

Ở từng châu, lại hình thành các tổ chức khu vực, như hãng thông tấn châu Phi (PANA), Tổ chức thông tấn Mỹ la tinh (ASIN), Tổ chức thông tấn châu Á — Thái bình dương (OANA).

Ngoài ra, Tổ chức phát thanh, vô tuyến truyền hình các nước không liên kết cũng hình thành.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là bước đầu đáng khích lệ mà thôi, bởi vì hiện nay còn 13 nước không liên kết chưa có hãng thông tấn quốc gia và hơn một nửa số thành viên của Pool trang bị thiếu thốn nên không đủ phương tiện để nhận tin hoặc truyền tin về đất nước mình vào mạng lưới chung của Pool.

Sự cải tiến kỹ thuật trong truyền thống đang diễn ra với nhịp độ nhanh, đòi hỏi phải thường xuyên làm chủ được các kiến thức khoa học kỹ thuật. Việc xử lý và truyền bá thông tin cũng đòi hỏi kỹ thuật ngày càng tinh vi, hiện đại. Một vấn đề được đặt ra : các nước đang phát triển *phải có thái độ đối với việc nhập khoa học kỹ thuật mới như thế nào?*

Digitized by Google

Tại Hội nghị thông tin đại chúng các nước không liên kết (NAMEDIA) họp ở Niu Đê-li tháng 12-1983, có hai xu hướng: đóng chặt cửa, không cho kỹ thuật phương Tây vào, sợ làm hại đến những phương tiện truyền thông sẵn có trong nước, hoặc mở rộng cửa đón những thành tựu mới vào để nhanh chóng hiện đại hóa mà không tính kỹ đến khả năng thực tế của nước mình.

Trong bài phát biểu của mình, đại biểu Việt nam đã nhận xét: *Cách mạng kỹ thuật hiện đang diễn ra ngay trước ngưỡng cửa của chúng ta.* Cho nên một mặt, nêu cao tinh thần *tự lực tự cường tập thể*, các nước đang phát triển trước hết hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, mặt khác đòi các nước phát triển *chuyển giao khoa học kỹ thuật* cho các nước thế giới thứ ba mà không có điều kiện chính trị kèm theo. Vì điều kiện kinh tế — xã hội chưa cho phép trang bị kỹ thuật hiện đại đồng loạt cho các phương tiện thông tin đại chúng, các nước đang phát triển cần tập trung khả năng hiện có, giúp đỡ nhau giải quyết những vấn đề có thể tự lực giải quyết; mặt khác không xem nhẹ việc từng bước hiện đại hóa, nhập những kỹ thuật mới phù hợp với nhu cầu, khả năng và trình độ tiếp thu nhằm khai thác những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới của thời đại.

Tại các hội nghị của Pool, vấn đề điện tử hóa trở thành một đề tài tranh luận sôi nổi. Một số hãng thông tấn các nước không liên kết đã bước vào giai đoạn điện tử hóa công tác thu phát tin (như Ấn độ) hoặc điện tử hóa công tác biên tập tin (như Ma-lai-xi-a). Thông tấn xã Việt nam đang thí nghiệm và bước đầu đạt kết quả tốt trong việc thiết lập đường truyền tin mới Hà nội—thành phố Hồ Chí Minh bằng thiết bị vi tính với bản tin tiếng Việt dấu và tốc độ cao hơn ít nhất là 12 lần so với tốc độ thường dùng từ trước đến nay.

Pool cũng đã có những biện pháp cụ thể đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cải tiến nội dung, chất lượng và hình thức thể hiện của tin tức nhằm tăng cường *tính hiệu quả* của công tác thông tin các nước đang phát triển.

★

Đế quốc Mỹ đã chi những món tiền khổng lồ cho việc thông tin và bỏ ra 1 tỷ đô la để hiện đại hóa các đài phát thanh trong 5 năm tới. Riêng cơ quan tình báo CIA hằng năm dành 300 triệu đô la cùng với 2.000 nhân viên (ở cơ quan đầu não thông tin và ở nước ngoài) cho các dịch vụ thông tin đại chúng. Mỹ không ngừng giương cao ngọn cờ « thập tự chinh » chống cộng sản khắp nơi, đưa chiến tranh tâm lý thành một biện pháp chiến lược phá hoại đối phương, dùng thông tin tuyên truyền thành một công cụ đầu độc và gây sức ép toàn cầu.

Hội nghị thường kỳ của các Bí thư Trung ương Đảng các nước xã hội chủ nghĩa về vấn đề tư tưởng họp tại Bu-ca-rét tháng 12-1985, quyết định phải vạch rõ những tham vọng của Mỹ muốn phá vỡ thế cân bằng chiến lược và giành ưu thế quân sự là không thể thực hiện được, cần vạch trần tính chất hiếu chiến của chương trình « Chiến tranh giữa các vì sao » của Mỹ, tính chất nguy hiểm cho sự

Digitized by Google

nghiệp hòa bình mà những tư tưởng và chính sách « thập tự chinh » cũng như các chiến dịch khiêu khích chống chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa đế quốc có thể mang lại. Hội nghị cũng quyết định phải tìm cách cải tiến mặt kỹ thuật của công tác tuyên truyền, nhất là cần tính tới khả năng truyền trực tiếp các chương trình vô tuyến truyền hình qua vũ trụ.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh, chúng ta không thể coi nhẹ tác động thông tin thù địch. Bởi vì, bọn phản động Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động trong và ngoài nước, đang từng giờ chĩa mũi nhọn chiến tranh tâm lý vào đất nước ta nhằm tác động vào tinh thần và tâm lý quần chúng. Phục vụ cho cuộc chiến tranh tâm lý của chúng là hàng chục đài phát thanh nói tiếng Việt của bọn đế quốc, của bọn phản động Trung quốc và phản động các loại.

★

Thông tin là công cụ phục vụ chính trị và chịu sự tác động trở lại của chính trị. Thông tin là một lực lượng sống còn trong phát triển kinh tế. Thông tin ngày càng được sử dụng rộng rãi vào việc phát triển giáo dục và văn hóa. Thông tin đóng góp tích cực vào việc nâng cao sự hiểu biết giữa các dân tộc nhằm bảo vệ hòa bình, an ninh thế giới và tăng cường sự hợp tác quốc tế.

Lĩnh vực thông tin và truyền thông đang mở ra những triển vọng mới, đồng thời cuộc đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự thông tin quốc tế mới, tự do hơn, cân bằng hơn, có hiệu quả hơn, vẫn đang tiếp diễn gay gắt.

Digitized by Google

VŨ TIẾN

Chiến lược kinh tế của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức

ĐẦU những năm 60, đi đôi với việc quốc hữu hóa bộ phận kinh tế của chủ nghĩa phát xít, Cộng hòa dân chủ Đức đã hoàn thành việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp và nông nghiệp; từ đó quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thiết lập và giữ địa vị thống trị trong toàn bộ kinh tế quốc dân. Chiến lược kinh tế trong thời kỳ này là nhằm xóa bỏ sự mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế do sự chia cắt làm hai nước Đức (1), đồng thời ra sức phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân. Nhờ thực hiện chiến lược đó mà cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được xây dựng, một số ngành công nghiệp quan trọng trước đây hết sức yếu kém nay phát triển mạnh. Những hậu quả của chiến tranh và sự mất cân đối nặng nề trong nền kinh tế được khắc phục một cách căn bản. Như vậy, đến đầu những năm 60, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội được hoàn thành về cơ bản. Xã hội xã hội chủ nghĩa bắt đầu phát triển trên cơ sở riêng của nó. Trong những năm 60, Đảng đề ra nhiệm vụ củng cố và phát triển một cách toàn diện chế độ xã hội mới. Đầu những năm 70, Đại hội VIII của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức lần đầu tiên đề ra nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển, coi việc thực hiện nhiệm vụ đó là một *quá trình lịch sử* của những cuộc cải tạo sâu sắc về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và tinh thần, là giai đoạn chuyển tiếp để tiến lên xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Đầu những năm 80, Đảng XHCNTN Đức đề ra *chiến lược phát triển kinh tế trong những năm 80 nhằm thực hiện chủ nghĩa xã hội phát triển* trong điều kiện cụ thể của tình hình trong nước và thế giới thời kỳ đó. Hiện nay, Đảng XHCNTN Đức lại khẳng định sự đúng đắn của chiến lược đã đề ra và đưa vào đó những nội dung mới, phù hợp với tình hình mới.

Nội dung trước hết của chiến lược kinh tế mới là *triệt để khai thác những khả năng hiện có về khoa học kỹ thuật* ở trong nước và trên thế giới để tăng sức mạnh kinh tế tới mức tối đa.

Coi khoa học kỹ thuật là yếu tố quyết định trong cuộc đấu tranh kinh

(1) Trước khi nước Đức bị chia cắt, phần phía Đông nay là Cộng hòa dân chủ Đức phải nhận 45% sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp từ bộ phận phía Tây, nay là Cộng hòa liên bang Đức, nơi tập trung hầu hết cơ sở nguyên liệu, luyện kim, công nghiệp năng lượng và công nghiệp nặng nói chung của cả nước Đức.

Digitized by Google

tế và quân sự giữa hai hệ thống xã hội đối lập, CHDC Đức đang phấn đấu để đưa công tác nghiên cứu khoa học đứng vào hàng tiên tiến nhất trên thế giới. Chỉ có như vậy mới có được những giải pháp sản xuất có chất lượng cao nhất. Hiện nay và trong tương lai, CHDC Đức tập trung vào những ngành có công nghệ cao cấp, coi đó là chìa khóa để CHDC Đức giữ vững vị trí là một trong 10 cường quốc công nghiệp trên thế giới. Những ngành đó là vi điện tử, kỹ thuật người máy, kỹ thuật sinh học, vật liệu gốm cao cấp v.v. Trong đó, vi điện tử và kỹ thuật người máy là công nghệ then chốt để thúc đẩy toàn bộ kinh tế quốc dân phát triển và đạt hiệu quả cao nhất. Năm 1981, CHDC Đức đã đưa vào sử dụng 10 800 người máy. Đến nay đã có 46 500 người máy làm việc trong các ngành kinh tế. Năm 1984 đã áp dụng 43 000 dây chuyền sản xuất « tự động — chương trình hóa ». Tháng 9-1985 trang bị máy tính cá nhân cho học sinh phổ thông với chương trình thích hợp. Việc xuất khẩu máy vi điện tử tạo ra 50% tổng số lợi nhuận do xuất khẩu đem lại.

Trong phần tăng thu nhập quốc dân, tăng năng suất lao động, giảm tiêu hao vật tư và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm CHDC Đức trên thị trường thế giới, trên 90% là do khoa học kỹ thuật đem lại.

Một nội dung quan trọng của chiến lược kinh tế hiện nay là *tận dụng nguồn tài nguyên trong nước*. CHDC Đức là một nước nghèo nguyên liệu, không có than đá, dầu mỏ, quặng sắt, crôm, măng ga ne, rất thiếu đồng, gỗ, bốc xít, bông, vàng, bạc... Trước đây và hiện nay, với sự giúp đỡ to lớn của Liên xô và với sự hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, CHDC Đức về cơ bản được thỏa mãn nhu cầu về các nguyên liệu nói trên. Song từ đầu những năm 80, tình hình giá cả trên thị trường quốc tế có những biến động mới, vì vậy CHDC Đức chủ trương đẩy mạnh việc tận dụng *nguyên liệu, năng lượng trong nước*, giảm nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu trong khi vẫn bảo đảm tăng giá trị xuất khẩu. Để thực hiện việc này, mọi hoạt động kinh tế và khoa học, kỹ thuật, từ nghiên cứu cơ bản, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ học, phát triển các quy trình, kiến trúc, tạo hình cho đến việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động, tổ chức toàn bộ nền sản xuất theo những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt nhất, tất cả đều nhằm mục tiêu tăng sản lượng nguyên liệu và nhiên liệu trong nước, kể cả nguyên liệu thứ cấp, sử dụng các nguyên liệu trong nước trong nhiều lĩnh vực kỹ thuật sản xuất khác nhau, và nhất là tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao từ mỗi kí lô gam nguyên liệu trong nước bằng cách tinh chế.

Hiện nay CHDC Đức đã làm được rất nhiều việc trong quá trình thực hiện mục tiêu nói trên. Trước kia dự kiến năm 2 000 mới đạt 300 triệu tấn than nâu một năm (than nâu là loại than kém nhiệt lượng, có rất nhiều ở CHDC Đức), đến nay đã đạt trên 300 triệu tấn. Nhờ ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhất, CHDC Đức đã tinh luyện để làm giàu than nâu, do đó đã có thể sử dụng than nâu để chạy tất cả các nhà máy điện trước đây chạy bằng dầu mỏ, đồng thời dùng than nâu thay thế dầu mỏ ở nhiều lĩnh vực khác. Dự kiến ngành điện có thể dùng than nâu trong 50 năm. Mục tiêu được đặt ra là dùng than nâu làm chất đốt trong tất cả các lĩnh vực sản xuất xã hội. Trong kế hoạch 5 năm 1981—1985, CHDC Đức dành 70% vốn bỏ vào công nghiệp để phát triển ngành than nâu với mục đích nói trên. Dụng cụ gia đình trước làm bằng gỗ, nay chủ yếu được chế tạo từ mùn cưa và gỗ lạng. Sợi thủy tinh quang học và gốm

Digitized by Google

kỹ thuật cao cấp này được chế tạo từ nguyên liệu trong nước, thay cho nguyên liệu của nước ngoài. Về thức ăn gia súc, trước kia phải nhập khẩu hằng năm 4,5 triệu tấn lương thực, nay chủ yếu nhờ tăng sản lượng và tận dụng lương thực trong nước, chỉ còn nhập 1,5 triệu tấn, trong khi vẫn bảo đảm phát triển đàn gia súc và sản lượng thịt, sữa.

Một trong những nội dung quan trọng nhất của chiến lược phát triển kinh tế của CHDC Đức là tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu. *Tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu* có nghĩa là tăng khối lượng sản phẩm thông qua việc sử dụng hợp lý cơ sở vật chất hiện có mà không tăng thêm sức lao động.

Có nhiều biện pháp để thực hiện tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu, song chủ yếu là tiến hành cách mạng khoa học và kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. *Hai là*, sử dụng lao động một cách hợp lý nhất, có hiệu quả nhất theo nguyên tắc tốc độ tăng của năng suất lao động phải cao hơn tốc độ tăng của khối lượng sản phẩm. *Ba là*, phát huy hết hiệu quả của vốn cố định. Căn cứ vào xu thế đổi mới kỹ thuật trên thế giới để kịp thời đổi mới vốn cố định, bảo đảm trình độ kỹ thuật hiện đại. Hiện nay hơn một nửa vốn cố định ở CHDC Đức mới được đưa vào sử dụng chưa quá 10 năm, một phần ba chưa quá 5 năm. Đó là tốc độ đổi mới khá cao. Để làm việc này, trong số vốn đầu tư vào tài sản cố định, CHDC Đức tăng phần vốn dùng để đổi mới thiết bị, giảm phần vốn xây dựng mới. *Bốn là*, coi tiết kiệm là nhiệm vụ chiến lược lâu dài. Khẩu hiệu của CHDC Đức là triệt để tiết kiệm trong sản xuất và trong tiêu dùng, tinh luyện nguyên liệu, vật liệu, hết sức coi trọng năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Chế độ tiết kiệm trong sản xuất được quy định theo một hệ thống chỉ tiêu chặt chẽ về tiêu hao nguyên liệu, năng lượng. Theo quy định mới nhất, hằng năm mức tiêu hao nguyên liệu, năng lượng trên một đơn vị sản phẩm phải giảm từ 3 đến 7%. Hiện nay, 92% các hoạt động kinh tế ở CHDC Đức đều có định mức tiêu hao nguyên liệu, năng lượng; tỷ lệ này là cao nhất trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Việc huy động và sử dụng vật liệu thứ cấp được nêu thành chỉ tiêu kế hoạch, có khuyến khích bằng giá và được tổ chức thực hiện bằng một mạng lưới thu mua rộng khắp. Người lớn và trẻ em trong cả nước đều rất quan tâm và tích cực thu nhặt phế liệu, phế phẩm.

Vấn đề tiết kiệm trong tiêu dùng được đặt ra rất nghiêm ngặt, nhất là đối với xăng dầu và những nguyên liệu phải nhập khẩu.

Mặt khác, việc sử dụng hợp lý nhất thời gian lao động được coi là một biện pháp tiết kiệm quan trọng nhất. Điều này được đặt ra trong phạm vi toàn xã hội cũng như đối với từng cá nhân người lao động. Năm 1983, nhờ nâng cao năng suất lao động mà tiết kiệm được 543 triệu giờ lao động, tương đương với khoảng thời gian làm việc của 300 nghìn người trong một năm.

Chiến lược sản xuất theo chiều sâu được áp dụng ở CHDC Đức từ đầu những năm 70. Đối với CHDC Đức, nền kinh tế phải được phát triển đến một trình độ nhất định mới có thể phát triển theo chiều sâu. Trước hết phải có một đội ngũ cán bộ, công nhân có trình độ khoa học và kỹ thuật cao, có năng lực độc lập sáng tạo, trong đó có những bộ phận quan trọng đạt hoặc vượt trình độ tiên tiến trên thế giới. Đồng thời phải có một cơ sở vật chất và kỹ thuật hùng hậu, trên đó toàn bộ nền kinh tế có thể phát triển ổn định. Ngoài ra, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế đã đạt được

Digitized by Google

trình độ cao chưa từng có trong phạm vi toàn xã hội.

Ở CHDC Đức, *việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng* dựa trên cơ sở nguyên liệu trong nước hoặc nhận được từ Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là một trong những nội dung quan trọng nhất của chiến lược kinh tế. Để thực hiện phương hướng chiến lược này, Nhà nước quy định không chỉ các ngành công nghiệp nhẹ mà cả những ngành công nghiệp làm ra máy móc và thiết bị để sản xuất hàng tiêu dùng, cũng phải trực tiếp sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng cần thiết. Tiến bộ khoa học, kỹ thuật phải trực tiếp thể hiện trong hàng tiêu dùng. Vi điện tử phải được ứng dụng trong việc sản xuất hàng tiêu dùng nhằm nâng cao chất lượng, mức độ tin cậy, tiện lợi và tiêu thụ ít năng lượng. Việc sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng đòi hỏi phải kết hợp có hiệu quả kỹ thuật hiện đại và tài nghệ thủ công, đòi hỏi sự say mê, tỉ mỉ, sáng tạo và nhiệt tình của người lao động.

Cùng với việc cung cấp lương thực, thực phẩm và xây dựng nhà ở, việc cung cấp hàng tiêu dùng cho nhân dân nằm trong chính sách thống nhất kinh tế và xã hội của Đảng XHCNTN Đức trên cơ sở *gắn liền việc cải thiện đời sống với nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.*

Mục tiêu chiến lược của Đảng XHCNTN Đức đặt ra cho ngành nông nghiệp là: Nâng cao một cách có hệ thống năng suất và sản lượng của các ngành nông nghiệp, bao gồm trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng, nhằm bảo đảm cung cấp một cách ổn định với số lượng và chất lượng ngày càng tăng lương thực và thực phẩm cho nhân dân và nguyên liệu cho công nghiệp; thực hiện mạnh mẽ công nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp và thành thị hóa nông thôn nhằm từng bước xóa bỏ những khác biệt cơ bản giữa thành thị và nông thôn.

Để đạt mục tiêu nói trên, *chiến lược phát triển nông nghiệp của Đảng XHCN TN Đức* là trong điều kiện không thể tăng diện tích (hiện nay CHDC Đức có 4,7 triệu héc ta đất gieo trồng và 1,6 triệu héc ta đồng cỏ), ra sức tăng sản lượng trên đơn vị diện tích, tăng năng suất cây trồng và gia súc, bằng cách tăng độ màu mỡ của đất, hiện đại hóa máy móc thiết bị nông nghiệp, tăng cường và cải thiện cơ sở vật chất và kỹ thuật trong nông nghiệp, giảm chi phí, hạ giá thành, tăng chất lượng sản phẩm, sử dụng đất đai một cách có hiệu quả nhất, làm cho nông nghiệp có thể cung cấp đầy đủ nhất lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cho xã hội.

Đảng XHCNTN Đức cho rằng vấn đề sản xuất nông nghiệp vừa có ý nghĩa kinh tế cấp bách vừa mang ý nghĩa chính trị trọng đại. Hiện nay, ở CHCD Đức đã hình thành những xí nghiệp nông nghiệp hiện đại chuyên môn hóa về trồng trọt và chăn nuôi gắn bó với nhau bằng quan hệ hợp tác. Những xí nghiệp ấy bảo đảm cung cấp những thực phẩm chính cho nhân dân như thịt, sữa, bơ, trứng, bánh, đường, khoai tây. Năm 1984, CHDC Đức đạt sản lượng kỷ lục 11,5 triệu tấn lương thực với năng suất 4,5 tấn trên một héc ta. Tuy nhiên hằng năm, CHDC Đức còn phải nhập lương thực để duy trì đàn gia súc. Nông nghiệp (kể cả nghề rừng) chỉ mới cung cấp hơn nửa số nguyên liệu cho kinh tế quốc dân. Trong khi đó, chủ nghĩa đế quốc ngày càng sử dụng lương thực như là một công cụ để gây sức ép về chính trị, quân sự.

Trước tình hình đó, CHDC Đức phải lợi dụng mọi khả năng khoa học kỹ thuật để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo chiều sâu, nâng cao sản lượng lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc và các loại nguyên liệu, trong đó *sản xuất lương thực và thức*

Digitized by Google

ấn gia sức được đặt ở vị trí hàng đầu trong kinh tế nông nghiệp.

Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất trong khu vực hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh (các nông trường quốc doanh chủ yếu chuyên về chăn nuôi và chọn giống), CHDC Đức rất coi trọng việc phát huy vai trò của nông nghiệp cá thể, chăn nuôi gia đình và của Hội những người làm vườn. Sản xuất cá thể hiện còn chiếm khoảng 5,5% diện tích canh tác. Bộ phận sản xuất này được các cơ quan kinh tế Nhà nước quan tâm giúp đỡ. Hội những người làm vườn và những người chăn nuôi nhỏ bao gồm 1,3 triệu hội viên đã cung cấp một số lượng lớn rau quả, mật ong, thịt thỏ, khoảng 1/4 sản lượng gia cầm và 40% sản lượng trứng của cả nước.

Cùng với bộ phận thủ công nghiệp tư nhân bao gồm 26 vạn người lao động và cung cấp 59% sản lượng và dịch vụ (hợp tác xã thủ công cung cấp 41% sản lượng và dịch vụ), bộ phận nông nghiệp cá thể và kinh tế phụ gia đình đang phát huy vai trò ngày càng lớn.

Chiến lược kinh tế của Đảng XHCN TN Đức đặt vấn đề giáo dục và đào tạo con người theo quan điểm cho rằng người lao động là lực lượng sản xuất cơ bản nhất, quyết định nhất, ngay cả trong điều kiện khoa học và kỹ thuật tiến bộ không ngừng. Thực tế ngày càng chứng tỏ, *chỉ có những con người có trình độ chuyên môn cao, có óc sáng tạo, lại có giác ngộ, có kỷ luật mới làm chủ được khoa học — kỹ thuật, và những người đó là tiềm năng duy nhất và vô tận của sức mạnh kinh tế một nước.*

Ở CHDC Đức, giáo dục và khoa học ngày càng thâm nhập mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội. Vì vậy, CHDC Đức hết sức coi trọng hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học, nhằm đào tạo những con người xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện, vừa có tri thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật, vừa có giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tinh thần kỷ luật công nghiệp. Bên cạnh hệ thống các trường phổ thông, đại học và trung học chuyên nghiệp rất phát triển, CHDC Đức còn có một hệ thống trường bồi dưỡng kỹ thuật và nghiệp vụ cho người lao động. Hiện nay, 95% người lao động ở CHDC Đức đã được theo học ở các trường này.

Trong đường lối giáo dục người lao động, CHDC Đức coi trọng tăng cường kỷ luật, giáo dục chính trị, tư tưởng, tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ công dân. Đảng XHCNTN Đức nhấn mạnh rằng trong một nước công nghiệp phát triển, *đội quân lao động cũng cần có kỷ luật nghiêm ngặt như đội quân chiến đấu*, chỉ khác ở chỗ, trong kinh tế phải sử dụng quy chế và thuyết phục nhiều hơn là mệnh lệnh. Mặt khác, việc khuyến khích bằng lợi ích vật chất ở CHDC Đức được thực hiện ở mức cao và có cơ sở vật chất bảo đảm.

Do có chính sách coi trọng nhân tố con người như trên nên CHDC Đức ngày nay có một đội ngũ người lao động có trình độ kỹ thuật và tinh thần kỷ luật công nghiệp vào hàng đầu thế giới. Với 3,2 triệu người lao động công nghiệp, CHDC Đức đã tạo ra một giá trị công nghiệp đưa đất nước vào hàng ngũ 10 cường quốc công nghiệp thế giới. Nông nghiệp (bao gồm cả nghề rừng) cũng chỉ có khoảng trên 800 nghìn người lao động, nhưng đã tạo ra một sản lượng lương thực đủ nuôi sống gần 17 triệu dân ở mức cao (tính bình quân mỗi lao động có thể nuôi 21 người). Nông nghiệp lại còn có gần 6 triệu con bò, trên 13 triệu con lợn..., sản xuất gần 11 triệu m^3 gỗ và cung cấp hàng loạt nguyên liệu cho công nghiệp, chưa kể những sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu.

Digitized by Google

Về cơ chế quản lý kinh tế, khác với một số nước đang có xu hướng "tự do hóa", Đảng XHCNTN Đức chủ trương *tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý theo kế hoạch theo hướng nâng cao chất lượng kế hoạch hóa trung tâm, đồng thời mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của các xí nghiệp liên hợp* (combinat) trong phạm vi kế hoạch. Nhà nước đưa ra một cụm 4 chỉ tiêu có tính chất pháp lệnh đối với các xí nghiệp, đó là sản lượng hàng hóa, trong đó có nói rõ cả phần hàng hóa dành cho xuất khẩu; tổng sản lượng; lợi nhuận; sản lượng hàng tiêu dùng cho nhân dân. Xí nghiệp liên hợp bảo vệ kế hoạch trước Ủy ban kế hoạch với sự có mặt của bộ chủ quản. Xí nghiệp liên hợp, chịu trách nhiệm trước nền kinh tế quốc dân về cân đối sản phẩm mà xí nghiệp liên hợp được giao sản xuất. Điều đáng chú ý là các xí nghiệp trong xí nghiệp liên hợp được hạch toán kinh tế đầy đủ, được lập quỹ khuyến khích bằng vật chất, có tư cách pháp nhân.

★

Vừa qua Hội nhà báo Việt nam đã cử chúng tôi sang thăm CHDC Đức. Đến đất nước bạn, chúng tôi càng thấy rõ rằng nhân tố quyết định sự thành công của chiến lược kinh tế nói trên là sự lãnh đạo của Đảng XHCNTN Đức, là tinh thần lao động sáng tạo và tự lực tự cường của nhân dân lao động CHDC Đức, là sự liên kết chặt chẽ và toàn diện giữa CHDC Đức với Liên xô và các thành viên khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Chúng tôi hết sức vui mừng trước những kết quả to lớn mà nhân dân CHDC Đức đã giành được trong quá trình thực hiện chiến lược kinh tế của Đảng XHCNTN Đức. Năm nay Đảng và nhân dân CHDC Đức kỷ niệm thứ 40 ngày thành lập Đảng XHCNTN Đức (21-4-1946) và tiến hành Đại hội thứ XI của Đảng. Nhân những ngày vui lớn nói trên, những người cộng sản và nhân dân Việt nam xin gửi đến những người cộng sản và nhân dân CHDC Đức anh em những lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúng ta tin rằng dưới ánh sáng những Nghị quyết của Đại hội XI của Đảng, nhân dân CHDC Đức nhất định sẽ giành được những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển ở CHDC Đức.

Digitized by Google

HỒ BẤT KHUẤT

CU-BA
VỮNG VÀNG ĐI TỚI TƯƠNG LAI

THẮNG lợi của cách mạng Cu-ba, một nước nằm trong vùng biển Ca-ri-bê gần bên nước Mỹ, gây ấn tượng vô cùng mạnh mẽ đối với các dân tộc trên thế giới. Người ta hồi hộp theo dõi và không ít người tự hỏi: liệu nhân dân Cu-ba có đứng vững được không? Cách mạng Cu ba có đứng vững và phát triển được không? Hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua, tư thế hiên ngang, vững vàng của đất nước Cu ba hôm nay là sự trả lời hùng hồn cho những câu hỏi đó. Nhân dân Cu-ba giàu dũng khí và nhiệt tình cách mạng, đang sống trong phấn khởi, tự tin. Tháng 4-1986, Cu-ba kỷ niệm 25 năm chiến thắng Hi-rôn và 25 năm tuyên bố tính chất xã hội chủ nghĩa của cách mạng Cu-ba. Đất nước đang chuyển mình để đáp ứng những đòi hỏi đổi mới do nhu cầu của thời đại đặt ra. Đại hội thứ III của Đảng cộng sản Cu-ba được tiến hành từ ngày 4 đến ngày 7-2-1986 là một sự kiện có ý nghĩa to lớn trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Tại diễn đàn đại hội, đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô, Bí thư thứ nhất UBTƯ ĐCS Cu-ba, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa Cu-ba tuyên bố:

« Mỗi Đại hội phải là một dịp tổng kết nhằm biểu dương những thành tựu đã đạt được, phê phán nghiêm khắc những mặt thiếu sót đã mắc phải, xác định những phương hướng lạc quan và táo bạo cho tương lai với niềm tin vào sức mạnh cách mạng, vào tinh thần cách mạng của chúng ta và khả năng vô cùng to lớn của chủ nghĩa xã hội ».

Thành tựu nổi bật của nền kinh tế Cu-ba trong 5 năm qua (1981 – 1985) là tổng sản phẩm xã hội tăng trung bình hằng năm 7,3%. Sản xuất công nghiệp tăng 8,8%, trong đó một số ngành quan trọng có mức tăng cao như ngành cơ khí tăng 16%, ngành xây dựng tăng 9,5% mỗi năm. Trong 5 năm qua, số lượng các công trình công nghiệp tăng 45% so với năm 1980, 335 000 căn hộ được xây dựng, sản xuất xi măng đạt 16 triệu tấn, tăng 3 triệu tấn so với 5 năm trước. Tổng sản lượng điện tăng gấp 7 lần so với trước cách mạng và cho phép 85% số gia đình trong nước sử dụng điện trong sinh hoạt. Sản xuất nông nghiệp (chưa kể mía) tăng trung bình hằng năm 3,8%, trong đó sản xuất sữa tăng 21%, trứng gà 23%, gà 30% và đàn lợn 33%. So với 5 năm trước, sản xuất đường, sản phẩm then chốt của kinh tế Cu-ba, trong 5 năm qua tăng 12,2% và đạt sản lượng ổn định khoảng 8 triệu tấn mỗi năm. Các ngành kinh tế khác cũng đạt những thành tích đáng phấn khởi như đội tàu biển chở hàng trong 5 năm qua tăng 21% và đạt tổng trọng tải là 1 160 000 tấn.

Digitized by Google

Cu-ba đạt được những thành tựu đó trong điều kiện cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới ngày càng trầm trọng và ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của các nước Mỹ la tinh và các nước ở khu vực Ca-ri-bê, khiến mức sản xuất của các nước trong khu vực tính theo đầu người chỉ bằng năm 1977; từ năm 1980 đến năm 1985, mức tăng hằng năm của kinh tế Mỹ la tinh chỉ là 0,5% tính theo đầu người. Riêng đối với Cu-ba, Mỹ lại còn thực hiện chính sách bao vây kinh tế, cấm vận, đe dọa về quân sự v.v. Nhưng Cu-ba vẫn vững vàng, bởi bên cạnh Cu-ba có các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và các nước bè bạn. Nền kinh tế Cu-ba là nền kinh tế có kế hoạch. Kinh tế phát triển ổn định cho phép Đảng và Chính phủ Cu-ba nâng cao đời sống của nhân dân lao động. Đến năm 1985, cứ trong 100 gia đình có điện dùng thì có 50 tủ lạnh, 91 máy thu hình, 152 máy thu thanh, 59 máy giặt, 69 quạt máy. Đảng và Nhà nước Cu-ba đặc biệt quan tâm đến y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao. Các thành tựu trong những lĩnh vực này đều nổi bật.

Cu-ba hiện có một vị trí danh dự trên thế giới trong việc chăm sóc sức khỏe con người. Ngày nay, cứ 413 người dân Cu-ba thì có một bác sĩ. Tuổi thọ trung bình của người Cu-ba hiện nay là 74. Vào đầu kế hoạch 5 năm vừa qua, các bác sĩ và nhân viên y tế đã tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh loại trừ nạn dịch sốt xuất huyết do đế quốc Mỹ gây ra chống nhân dân Cu-ba.

Năm 1959, khi cách mạng thành công, trong 6 triệu rưỡi dân, có hơn 1 triệu người không biết chữ. Ngày nay tất cả nhân dân lao động Cu-ba đều đã có trình độ văn hóa phổ cập lớp 9 (hệ 12 năm) và hiện nay 1/3 số dân cả nước đang đi học theo các hình thức khác nhau, 280 nghìn sinh viên học trong 16 trường đại học trong nước và hàng nghìn người đang học ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Cu-ba đã đào tạo được 258 nghìn giáo viên và giảng viên, đạt mức trung bình một thầy giáo trên 12 học sinh.

Đội ngũ giáo viên và đội ngũ bác sĩ của Cu-ba không những chỉ hoàn thành nhiệm vụ giáo dục và bảo đảm sức khỏe cho nhân dân Cu-ba mà còn làm nghĩa vụ quốc tế: đến dạy học và chữa bệnh ở các nước Ni-ca-ra-goa, An-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a và nhiều nước khác.

Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng được nâng cao. Hiện nay mỗi năm Cu-ba in hơn 40 triệu bản sách, cả nước có 319 thư viện công cộng và hơn 3000 thư viện trong các trường học. Trong các lĩnh vực nghệ thuật như điện ảnh, hội họa, văn học, ca múa, Cu-ba đều có những thành công lớn được công nhận trên thế giới.

Cu-ba là một trong những nước đầu tư nhiều nhất để phát triển thể thao ở Tây bán cầu. Trong các cuộc thi đấu quốc tế, các vận động viên Cu-ba thường đạt được những thành tích xuất sắc.

Để bảo vệ thành quả cách mạng, đặc biệt trước sự đe dọa thường xuyên của đế quốc Mỹ đối với cách mạng Cu-ba và cách mạng ở vùng Trung – Mỹ, Đảng và Nhà nước Cu-ba hết sức chú ý đến việc củng cố quốc phòng. Cu-ba đã có những nỗ lực to lớn để xây dựng một lực lượng vũ trang tinh nhuệ, luôn luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, có sức cơ động lớn, hỏa lực mạnh và có tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường. Tiềm lực quốc phòng của Cu-ba ngày nay đủ mạnh để đánh bại mọi kẻ thù xâm lược Cu-ba.

Trong 5 năm qua, lực lượng vũ trang Cu-ba vừa làm tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa gửi 100 nghìn người đi làm nghĩa vụ quốc tế.

Digitized by Google

Ngày nay, người Cu-ba rất tự hào về đất nước mình, nhân dân mình bao gồm nhiều chủng tộc, nhiều màu da nhưng sống bình đẳng, hòa thuận trong một gia đình. Châu Mỹ la tinh là nơi mà sự phân biệt màu da diễn ra rộng rãi bốn thế kỷ nay, nhưng ở Cu-ba hiện tượng này đã biến mất hoàn toàn và vĩnh viễn. Đó là một trong những thành tựu quan trọng nhất của cách mạng Cu-ba.

Cu-ba bước vào năm 1986 đủ mạnh, đủ vững vàng, đủ tự tin để từ diễn đàn Đại hội III của Đảng, đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô nói về những khuyết điểm, thiếu sót một cách thẳng thắn và rõ ràng. Những yếu kém trong quản lý kinh tế được nêu ra cụ thể, được phân tích kỹ cho mọi người hiểu tác hại của nó để khắc phục, để tránh, để tìm ra những phương thức quản lý mới có hiệu quả hơn.

Khẳng định những thành tựu, biểu dương những tư tưởng tiên tiến, phong cách làm việc sáng tạo; chỉ rõ những mặt còn yếu kém, phê phán thái độ bảo thủ, trì trệ. Điều đó cho phép hiểu rõ đúng mình, đánh giá đúng mình để huy động được tất cả sức mạnh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dự thảo những phương hướng cơ bản phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong 5 năm 1986 — 1990 được đưa ra để nhân dân thảo luận. Hơn ba triệu người lao động đã góp ý kiến vào dự thảo đó. Ở Đại hội III, trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân đã được phát huy và đúc kết, và một kế hoạch to lớn cho tương lai đã được thông qua. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của kế hoạch 5 năm này là nâng cao hơn nữa năng suất lao động, sử dụng tốt hơn tiềm năng sản xuất nhằm đạt được mức tăng tổng sản phẩm xã hội trung bình hằng năm là 5%, xuất khẩu tăng 5% và nhập khẩu chỉ tăng 1,5%. Cu-ba đầu tư 23 tỷ 140 triệu pê xô vào kinh tế, tăng 29% so với 5 năm trước, trong đó 45% dành cho khu vực công nghiệp. Một trong những mục tiêu chiến lược kinh tế là đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa đất nước. Theo kế hoạch, sản xuất điện sẽ tăng 4,3%, công nghiệp cơ khí tăng 9,3%, sản xuất kền và cô ban tăng 14% mỗi năm, sản xuất thép đến năm 1990 sẽ tăng 57% so với năm 1985; khai thác dầu sẽ đạt 2 triệu tấn vào năm 1990. Sản xuất nông nghiệp (không kể mía) tăng hằng năm 4,5%, riêng sản xuất đường tăng 15% trong 5 năm tới, công nghiệp thực phẩm tăng 3%, ngành đánh cá nâng sản lượng lên 248 nghìn tấn vào năm 1990 so với 220 nghìn tấn năm 1985, và trọng tải của đội tàu biển tăng lên 1 360 000 tấn.

Các công tác y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao tiếp tục được đẩy mạnh và hoàn thiện để đạt được những thành tựu xuất sắc hơn nữa. Trong kế hoạch 5 năm tới, Cu-ba đặc biệt quan tâm đến các mặt của đời sống như ăn, ở, mặc, chữa bệnh, nghỉ ngơi. Đến năm 1990, mức tiêu thụ hằng ngày theo đầu người sẽ đạt 3100 ca lo và 83 gam chất đạm; Nhà nước, các hợp tác xã và tư nhân sẽ xây thêm 400 nghìn nhà mới, số vải tính theo đầu người là 23 — 24m; 27 bệnh viện, 45 phòng khám bệnh đa khoa, 113 nhà an dưỡng sẽ được xây dựng thêm và đưa vào sử dụng.

Với kinh nghiệm đã tích lũy được trong hơn một phần tư thế kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội, với tinh thần lao động cần cù sáng tạo vốn có của mình cùng với sự giúp đỡ và hợp tác kinh tế với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, nhân dân Cu-ba bắt tay vào thực hiện những nhiệm vụ to lớn đó với niềm tin vào thắng lợi.

Tư thế của Cu-ba hôm nay rất chững chạc, vững vàng. Cái vững vàng trước hết là ở chỗ 10 triệu nhân dân Cu-ba tuyệt đối tin tưởng vào Đảng cộng sản Cu-ba — đội tiên phong

Digitized by Google

anh hùng của giai cấp công nhân. Đảng cộng sản Cu-ba hiện có 532 639 đảng viên chính thức và đảng viên dự bị, 60% trong số họ trực tiếp lao động sản xuất và chiến đấu ở cơ sở. Những chiến công, những thành tựu vẻ vang của đất nước gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng.

Trong chiến đấu, lao động, học tập, nhiệt tình cách mạng của nhân dân Cu-ba thể hiện rõ ràng, cụ thể và mãnh liệt; họ muốn làm được tất cả những gì có thể làm được để bảo vệ thành quả cách mạng, để thúc đẩy xã hội không ngừng phát triển. Lãnh đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng đã duy trì và nhân nhiệt tình những ngày đầu cách mạng của nhân dân lên một tầm cao mới.

Ngày nay, nhu cầu đổi mới đặt ra một cách bức xúc và quyết liệt, đòi hỏi phải có một quyết định đúng đắn về công tác cán bộ. Đảng chủ trương trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Ủy ban trung ương Đảng được Đại hội III bầu ra gồm 146 ủy viên chính thức và 79 ủy viên dự khuyết, trong đó độ tuổi từ 28 đến 35 có 20 đồng chí, độ tuổi từ 36 đến 45 có 91 đồng chí, độ tuổi từ 46 đến 55 có 86 đồng chí, trên 55 tuổi có 28 đồng chí. Những chiến sĩ cách mạng lão thành nhiều năm đứng trong cơ quan lãnh đạo tối cao vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, nay tự nguyện nhường vị trí cho những đồng chí trẻ hơn.

Đảng cộng sản Cu-ba vốn có niềm tin vô hạn vào thế hệ trẻ, lớp người có năng lực, có trình độ và có dầu óc phê phán. Phát biểu trong Đại hội của Liên đoàn học sinh đại học, học sinh chuyên nghiệp, đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô nói: "Trách nhiệm lớn thuộc về các đồng chí. Năm 2000 sắp tới sẽ là năm của các đồng chí hơn là của chúng tôi! Tương lai nằm trong tay các đồng chí".

Thế hệ trẻ Cu-ba phát huy những truyền thống tốt đẹp của cha anh, rèn luyện, tu dưỡng, tự nâng mình lên trong lòng xã hội xã hội chủ nghĩa, đang dấn thân những trách nhiệm lớn lao. Cu-ba đang trên bước đường đổi mới sâu sắc. Cả đất nước đường như đang làm một cuộc giao ban thế hệ.

Trên đất nước Cu-ba đang khẩn trương triển khai việc thực hiện nghị quyết của Đại hội III. Nhân dân Cu-ba kỷ niệm 25 năm chiến thắng Ni-rôn, và 25 năm tuyên bố tính chất xã hội chủ nghĩa của cách mạng Cu-ba trong không khí khẩn trương nào nức đó. Trải qua một phần tư thế kỷ lãnh đạo cách mạng, Đảng cộng sản Cu-ba đã trở thành một trong những đội tiên phong kiên định nhất và dày dạn nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Với đường lối đúng đắn, với tính năng động sáng tạo và những kinh nghiệm quý báu, Đảng cộng sản Cu-ba, đứng đầu là đồng chí Phi đen Ca-xtơ-rô, vị lãnh tụ sáng suốt, đầy tài năng và nhiệt tình cách mạng của nhân dân Cu-ba, sẽ đưa đất nước Cu-ba, hòn đảo tự do, vững vàng đi tới tương lai xán lạn.

Giữa hai Đảng cộng sản, nhân dân hai nước Việt nam — Cu-ba vốn có tình đoàn kết chiến đấu ấm nồng và bền chặt từ lâu. Hai Đảng, nhân dân hai nước chúng ta hiểu nhau sâu sắc, luôn luôn bên cạnh nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Nhân dịp này, những người cộng sản và nhân dân Việt nam gửi đến những người cộng sản và nhân dân Cu-ba lời chào mừng nồng nhiệt nhất! Chúc nhân dân Cu-ba anh em đạt được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa, bảo vệ vững chắc và xây dựng đất nước Cu-ba — tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Tây bán cầu — ngày càng tươi đẹp hơn.

Digitized by Google

PHAN DOÃN

VỀ THẾ CÂN BẰNG QUÂN SỰ – CHIẾN LƯỢC HIỆN NAY TRÊN THẾ GIỚI

THẾ nào là thế cân bằng quân sự chiến lược, nó hình thành như thế nào và tại sao nó lại là tiền đề cho hòa bình và hoa hoãn trên thế giới. Đây là những câu hỏi mang tính thời sự nóng hổi. Làm rõ những vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn để nhận thức tình hình thế giới, quan hệ quốc tế và xu hướng phát triển của những quan hệ đó.

Thế cân bằng lực lượng quân sự chiến lược là một khái niệm có nội dung khá phong phú và được đề cập hết sức rộng rãi trong ngôn ngữ chính trị hiện đại. Theo cách hiểu thông thường, thế cân bằng này là sự ngang nhau giữa Liên xô và Mỹ, cũng có thể gọi là giữa khối Vác-sa-va và khối NATO, giữa phương Đông và phương Tây, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, về toàn bộ lực lượng quân sự, bao gồm lực lượng thông thường, lực lượng vũ khí hạt nhân chiến thuật và lực lượng vũ khí hạt nhân chiến lược. Trong đó sự ngang nhau về vũ khí hạt nhân là quan trọng nhất.

Chủ nghĩa đế quốc xuất phát từ quan điểm dùng sức mạnh quân sự để làm cơ sở cho chính sách đối ngoại, thực hành chủ nghĩa bá quyền cho nên chúng coi sức mạnh quân sự là yếu tố quyết định nhất trong so sánh lực lượng. Ngược lại chủ nghĩa xã hội cho rằng khi đánh giá so sánh lực lượng, cần xem xét sức mạnh tổng hợp bao gồm tiềm lực kinh tế, tiềm lực quân sự, sức mạnh chính trị, tư tưởng và tinh thần của chế độ, sức mạnh của thời đại, tức là sức mạnh của các động lực cách mạng trên thế giới. Chủ nghĩa đế quốc không bao giờ có được những sức mạnh đó.

Riêng về so sánh lực lượng quân sự, cũng không chỉ liên quan đến những yếu tố có thể tính toán được như binh lực, số lượng và chất lượng vũ khí, trang bị... mà còn liên quan đến những yếu tố không thể tính toán được như tinh thần chiến đấu và trình độ huấn luyện của quân đội, khả năng về chỉ huy, về hậu cần, về thông tin, về tình báo, đặc điểm về tổ chức và kết cấu của quân đội...

Trong bài này, xin trừu tượng hóa tất cả những yếu tố không tính toán được để tập trung đi sâu phân tích sự cân bằng về lực lượng quân sự chiến lược.

★

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác luôn luôn chú trọng việc đi hai chân trên lĩnh vực xây dựng quốc phòng, tức là vừa phát triển lực lượng thông thường vừa phát triển lực lượng chiến lược. Việc phát triển lực lượng vũ trang thông thường của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác sau chiến tranh có những thuận lợi lớn. Với việc dập tan sự kháng cự của quân đội phát xít Đức ngay tại sào huyệt của nó và việc tiêu diệt đội

Digitized by Google

quân Quan Đông – lực lượng tinh nhuệ nhất của phát xít Nhật –, Hồng quân Liên xô bước ra khỏi chiến tranh thế giới thứ hai với tư thế hiên ngang của một đội quân vô địch, bách chiến bách thắng. Chính sức mạnh của Hồng quân Liên xô đã ngăn cản âm mưu đen tối của các thế lực hiếu chiến ở Mỹ và Anh trong việc gây chiến tranh chống Liên xô sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Trong bối cảnh đó, Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-da-ki chính là để đe dọa Liên xô. Thế giới bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của vũ khí hạt nhân. Thảm họa hạt nhân nói trên đã đặt loài người trước sự lựa chọn: hoặc là chịu sự thống trị của Mỹ trong một nền hòa bình kiểu Mỹ, hoặc là bị vũ khí hạt nhân tiêu diệt. Ngoài ra không có con đường nào khác, vì sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là tên đế quốc mạnh nhất thế giới và giữ hoàn toàn độc quyền vũ khí nguyên tử. Tình hình đó đòi hỏi Liên xô phải sớm chấm dứt sự độc quyền hạt nhân của Mỹ, phải sớm trang bị cho các lực lượng hòa bình và cách mạng những vũ khí hiện đại nhất không kém gì vũ khí của phe đế quốc, kể cả vũ khí hạt nhân chiến lược. Phải làm cho chủ nghĩa đế quốc thấy rằng trên quả đất này chúng không còn có « đất thánh » nếu chúng liều lĩnh gây chiến tranh hạt nhân chống nhân loại. Nhận thức sâu sắc được trách nhiệm của mình đối với sự sống còn của loài người, ngay từ những năm cuối cùng của chiến tranh thế giới thứ hai, Liên xô đã tiến hành các kế hoạch chế tạo vũ khí hạt nhân và từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay Liên xô đã không từ một cố gắng nào để thiết lập cho kỳ được thế cân bằng quân sự với Mỹ và NATO trước hết là về mặt lực lượng chiến lược. Quá trình này đã mất 25 năm với những mốc lịch sử đáng ghi nhớ. Năm 1949, Liên xô cho thử quả bom nguyên tử đầu tiên, chấm dứt sự độc quyền vũ khí hạt nhân của Mỹ. Năm 1953, Liên xô có bom khinh khí. Năm 1956, Liên xô thử thành công tên lửa vượt đại châu. Thành tựu này của Liên xô đã tước bỏ hoàn toàn quyền bất khả xâm phạm mà lãnh thổ Mỹ được hưởng trong chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai. Năm 1957 đánh dấu một bước tiến mới của nền khoa học kỹ thuật Liên xô trong việc vượt Mỹ về chinh phục vũ trụ. Những năm 60 đánh dấu sự lớn mạnh vượt bậc của Liên xô về vũ khí chiến lược, cả về số lượng, chủng loại, sức công phá, độ chính xác và dưa đến việc thiết lập thế cân bằng với Mỹ và NATO.

Từ đầu, những năm 70, Mỹ đã phải thừa nhận thế cân bằng quân sự chiến lược đó. *Chính điều đó là cơ sở để Liên xô và Mỹ ký kết một loạt hiệp ước nhằm công nhận thế cân bằng nói trên về mặt pháp lý.* Những hiệp ước đó là: hiệp ước giữa hai nước về các nguyên tắc quan hệ giữa Liên xô và Mỹ về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn I (SALT1) và giai đoạn 2 (SALT2) và các cuộc đàm phán ở Viên từ 1973 về việc cùng cắt giảm các lực lượng quân sự thông thường ở Trung Âu. Chính xuất phát trên thế cân bằng này mà Liên xô và các nước trong tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va đã liên tiếp đưa ra nhiều sáng kiến hòa bình nhằm chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang và làm dịu tình hình thế giới. Trong đó nổi lên là các đề nghị của Liên xô trong các cuộc đàm phán với Mỹ hiện nay về giải trừ quân bị như hai bên cùng cắt giảm 50% số vũ khí chiến lược có thể bắn đến lãnh thổ của nhau và việc Liên xô đơn phương ngừng thử các vụ nổ hạt nhân và đặc biệt là đề nghị do đồng chí Tổng bí thư Goóc-ba-trốp đưa ra ngày 15-1-1986 về một chương trình, tổng hợp nhằm từ nay đến cuối thế kỷ loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân trên khắp quả đất. Rõ ràng đây là những đề nghị không phải chỉ xuất

Digitized by Google

phát từ thiện chí mà nó còn xuất phát từ khả năng thực tế do thế cân bằng quân sự – chiến lược giữa Đông và Tây hiện nay cho phép. Việc Mỹ và các nước NATO ra sức phá hoại các thỏa thuận đã đạt được trước đây với Liên xô và khối Hiệp ước Vác-sa-va về hạn chế vũ khí chiến lược và chậm đi đến các thỏa thuận mới về giải trừ quân bị cho thấy họ rất sợ sự tồn tại và ngày càng được củng cố của thế cân bằng nói trên. Chính quyền Ri-gân đang dốc mọi cố gắng để phá vỡ thế cân bằng và giành ưu thế quân sự về Mỹ.

Những phần tử hiếu chiến trong chính quyền Mỹ luôn luôn rêu rao về mối « đe dọa quân sự của Liên xô », nói rằng Liên xô đã vượt Mỹ và NATO về vũ khí chiến lược. Gần đây bộ trưởng quốc phòng Mỹ Oen-bơ-giơ còn đưa ra những con số bịa đặt nói rằng nếu chi phí quốc phòng của Liên xô là 1 thì đầu những năm 60, của Mỹ là 1,4, nhưng đến năm 1981 Mỹ tụt xuống còn 0,65 và dự tính năm 1986 Mỹ cũng chỉ mới đạt 0,95. Những luận điệu nói trên chỉ nhằm dựng lên những lý do để bào chữa và che đậy cho chính sách chạy đua vũ trang điên cuồng hiện nay, đặc biệt là chương trình SDI cực kỳ nguy hiểm và tốn kém do Oa-sinh-tơn đang triển khai, nhằm phá vỡ thế cân bằng hiện có, giành ưu thế về Mỹ, mưu tính nhận chìm Liên xô và toàn thể loài người trong một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt. *Thế cân bằng quân sự chiến lược là tiền đề cho hòa bình và an ninh quốc tế. Việc giữ thế cân bằng đó là một nhiệm vụ cấp bách nhất hiện nay.*

Thế cân bằng lực lượng quân sự chiến lược hiện nay trên thế giới là thành tựu lịch sử của chủ nghĩa xã hội. Gần 70 năm qua, sau khi xuất hiện nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, sự phát triển của tình hình và quan hệ quốc tế, trước hết là khả năng giữ gìn hòa bình thế giới gắn liền với sự lớn mạnh của Liên xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Trong giai đoạn đầu (1917 – 1945) tuy hệ thống đế quốc thế giới đã bị chọc thủng ở một khâu, là nước Nga, chấm dứt ách thống trị độc tôn của chủ nghĩa đế quốc trên thế giới và đưa chủ nghĩa tư bản vào cuộc tổng khủng hoảng, nhưng chủ nghĩa xã hội chỉ mới tồn tại trong một nước và ở trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản. Trong tình hình đó, lực lượng chống chiến tranh mà chỗ dựa duy nhất là Liên xô chưa đủ mạnh để ngăn chặn không cho nổ ra cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

Bước sang giai đoạn thứ 2 (từ 1945 đến 1970), tình hình đã thay đổi lớn. Chủ nghĩa xã hội từ một nước đã trở thành hệ thống thế giới. Ba dòng thác cách mạng ở thế liên tục tiến công và không ngừng lớn mạnh. Trong bối cảnh đó, mặc dù Mỹ còn tạm thời có ưu thế về vũ khí hạt nhân nhưng đã không dám gây chiến tranh thế giới mới. Tuy nhiên Mỹ và đế quốc đã sử dụng ưu thế tạm thời đó để gây chiến tranh lạnh và hàng trăm cuộc chiến tranh cục bộ, trong đó có ba cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất đã diễn ra ở châu Á.

Từ sau khi Mỹ thất bại ở Việt nam, trong những năm đầu thập niên kỷ 70, tình hình đã hoàn toàn khác trước. Với việc Liên xô và các nước thành viên khối Vác-sa-va thiết lập được thế cân bằng quân sự – chiến lược với Mỹ và NATO, Mỹ và phe đế quốc đã mất ưu thế sức mạnh quân sự chiến lược so với chủ nghĩa xã hội. Sự hình thành thế cân bằng đó trước hết là kết quả của sự cố gắng phi thường, sự phấn đấu hy sinh to lớn của nhân dân Liên xô anh hùng trong nhiều năm. Nếu như năm 1917, sản lượng công nghiệp Liên xô chỉ mới chiếm 3% sản lượng công nghiệp thế giới, thì nay tỷ lệ đó là 20%. Thu nhập quốc dân của Liên xô so với của Mỹ

Digitized by Google

năm 1950 là 31%, năm 1957 là 50%, năm 1965: 59%, năm 1975: 67%, hiện nay là 75%.

Những thành quả ấy đạt được trong một thời gian lịch sử ngắn. Những thành quả đó cho phép Liên xô vừa củng cố quốc phòng vừa không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

Thế mạnh của kinh tế Liên xô còn ở chỗ Liên xô là cường quốc phát triển duy nhất có thể tự túc được hầu hết về tài nguyên tự nhiên trong lúc Mỹ và các cường quốc phụ thuộc ngày càng nhiều vào nguồn tài nguyên từ bên ngoài.

Liên xô đang dẫn đầu thế giới về một số lĩnh vực quan trọng như sử dụng năng lượng hạt nhân vào mục đích hòa bình, kỹ thuật la de, kỹ thuật vũ trụ... Về một số mặt khác, Liên xô đạt trình độ ngang với Mỹ. Đó là chưa nói tới việc do tính ưu việt hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội, Liên xô có khả năng huy động sức người sức của của đất nước mình một cách có hiệu quả hơn bất cứ nước tư bản chủ nghĩa nào.

Với cương lĩnh mới hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, cuối thế kỷ này, Liên xô sẽ có một tiềm lực kinh tế gấp đôi hiện nay. Điều này mở ra một triển vọng tốt đẹp cho sự nghiệp của nhân dân Liên xô và toàn thế giới.

Những phần tử hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc và bọn bồi bút của chúng luôn luôn vu cáo Liên xô chi phí cho quân sự nhiều hơn Mỹ, song lại tìm cách bôi nhọ nền kinh tế Liên xô. Chúng nói bừa rằng nền kinh tế Liên xô bị khủng hoảng, ốm yếu, rối loạn! Những kẻ không có chân lý bao giờ nói năng cũng tự mâu thuẫn! Thử hỏi nếu không có một tiềm lực kinh tế hùng mạnh và khoa học, kỹ thuật tiên tiến thì làm sao có được một tiềm lực quốc phòng hùng mạnh? Sự thật như thế nào? Như lịch sử đã chứng tỏ, Liên xô xây dựng được một nền kinh tế đủ sức để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm một nền quốc phòng vững vàng, đạt mức ngang bằng với chủ nghĩa đế quốc về lực lượng quân sự chiến lược, có khả năng đương đầu với mọi thách thức của chúng, không cho phép đế quốc Mỹ phá vỡ thế cân bằng hiện có. Hơn nữa, tiềm lực kinh tế của Liên xô còn cho phép Liên xô trong tình hình cần thiết, tiếp tục nâng cao trình độ của sự cân bằng chiến lược để duy trì cơ sở vật chất quan trọng này cho một nền hòa bình lâu dài trên thế giới.

Điều nổi bật nhất và mang ý nghĩa thời đại lớn lao hiện nay là sự lớn mạnh của các lực lượng hòa bình và khả năng của loài người trong việc ngăn chặn một cuộc chiến tranh thế giới mới. Một sự kiện có vẻ ngược đời đã xảy ra. Chưa bao giờ cuộc chạy đua vũ trang cả về lực lượng thông thường và lực lượng hạt nhân chiến lược lại có quy mô to lớn như trong 15 năm qua. Số vũ khí hạt nhân hiện nay trên thế giới đã lên đến mức có thể tiêu diệt 20 lần sự sống trên quả đất này. Nhưng chính trong tình hình đó, khả năng của loài người trong việc giữ gìn hòa bình lại lớn hơn bao giờ hết và đã trở thành một khả năng thực tế. Tại sao lại như vậy? Rõ ràng việc Liên xô và các nước trong tổ chức hiệp ước Vác-sa-va thiết lập được thế cân bằng quân sự — chiến lược đã đặt phe đế quốc trước hai sự lựa chọn, như đồng chí Goóc-ba-trốp đã từng nói là, hoặc cùng tồn tại hoặc cùng bị tiêu diệt. Điều đó thúc đẩy sự hình thành phong trào chống chiến tranh rộng lớn trên khắp thế giới bao gồm cả những cá nhân và tập đoàn trong hàng ngũ đế quốc. Đối với các lực lượng hòa bình và cách mạng, việc thiết lập thế cân bằng chiến lược Đông — Tây đã tạo ra cho họ một chỗ dựa hoàn toàn đáng tin cậy để tiếp tục cuộc đấu tranh cho những mục tiêu của thời

Digitized by Google

đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Thực tế 15 năm qua cho thấy khả năng của chủ nghĩa đế quốc trong việc gây chiến tranh đã bị hạn chế rõ rệt. Một số giới thuộc phe đế quốc cũng bắt đầu thấy rõ rằng tình hình so sánh lực lượng đã thay đổi không có lợi cho chúng, nếu chúng liều lĩnh gây chiến tranh thế giới thì sẽ là tự sát. Hơn nữa, khả năng của chúng trong việc gây chiến tranh cục bộ và chiến tranh lạnh cũng bị hạn chế. Bằng chứng rõ rệt nhất là việc Mỹ phải vội vã rút khỏi Li-băng sau khi bị thương vong nặng và việc đồng minh Mỹ không hưởng ứng việc Mỹ bao vây cấm vận kinh tế đối với Liên xô; bản thân chính quyền Rigân rất hung hăng hiếu chiến, nhưng chỉ sau khi nhậm chức 4 tháng đã phải hủy bỏ lệnh cấm bán ngũ cốc cho Liên xô. Nguyên nhân của sự hạn chế này tất nhiên không phải do bản chất xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đã thay đổi mà là do sự lớn mạnh của Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Ngày nay, với thế cân bằng chiến lược giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã được thiết lập một cách vững chắc, trên thế giới đang diễn ra một cuộc tập hợp lực lượng mới dưới hình thức một mặt trận quốc tế chống chiến tranh bao gồm cả những người vốn không ưa gì chủ nghĩa cộng sản. Tình hình đó đã làm thay đổi sâu sắc quan hệ quốc tế. *Do kết quả của sự hình thành thế cân bằng, so sánh lực lượng trên thế giới đã thay đổi có lợi cho chủ nghĩa xã hội, do đó xuất hiện khả năng thuận lợi cho việc xác định lại toàn bộ hệ thống quan hệ quốc tế hình thành trong thời kỳ sau chiến tranh, đặt các quan hệ đó trên cơ sở hòa bình và dân chủ.*

Nét lớn nhất của quan hệ quốc tế hiện nay là trước mối đe dọa của khả năng «cùng bị tiêu diệt một cách chắc chắn», ngày càng có nhiều nước nhận thức được rằng con đường duy nhất đúng đắn, sự lựa chọn hợp lý nhất là cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội chính trị khác nhau. Đây là điều Lê-nin đã dự đoán từ lâu nhưng chỉ trở thành hiện thực phổ biến sau khi thế cân bằng chiến lược Đông—Tây được thiết lập và củng cố vững chắc. Quan hệ cùng tồn tại hòa bình ở châu Âu được bắt đầu từ đầu những năm 70, đã vượt qua thử thách của 7 năm chiến tranh lạnh vừa qua, ngày nay được củng cố thêm một bước với Hội nghị Xtốc-khôn về an ninh và hợp tác châu Âu. Giờ đây, quan hệ cùng tồn tại hòa bình đang phát triển sang khu vực châu Á—Thái bình dương.

★

Trong 15 năm còn lại của thế kỷ này, cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới còn gay go và ác liệt. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân còn rất lớn. Nhưng khả năng bảo vệ hòa bình còn lớn hơn. Nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi. Khả năng tồn tại hòa bình đã bắt đầu trở thành hiện thực. Nhưng chiến tranh cục bộ và những cuộc đấu tranh cách mạng vẫn tiếp tục diễn ra. Trong điều kiện tồn tại hòa bình, các lực lượng cách mạng và hòa bình càng có điều kiện và khả năng mới để tiếp tục đấu tranh cho một xã hội công bằng, một trật tự quốc tế bình đẳng, dân chủ và tiến bộ. Trong cuộc đấu tranh đó, nhân dân thế giới có chỗ dựa vững chắc là Liên xô hùng cường, đất nước đang chuẩn bị tiến những bước khổng lồ dưới ánh sáng Đại hội XXVII của Đảng cộng sản Liên xô quang vinh.

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 4 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ – Историческая миссия рабочего класса. ЛЕ ДЫК ТХО – Победа всей страны. ХОАНГ ВАН ТХАЙ – Лучше усвоить две стратегические задачи – строительство и защита социалистической родины. ХОАНГ МИНЬ ТХАО – Ведение войны посредством сил народных масс на местах и регулярных подразделений – отличительная особенность военного искусства Вьетнама. ВУ КУАНГ – Движение борьбы за жизнь, демократию и мир рабочего класса в современных капиталистических странах. ФАМ ТХЕ ЗУЕТ – Вьетнамский рабочий класс: прошлое и настоящее ХОАНГ ТХИНЬ – Бороться за новый международный информационный порядок. ВУ ТЬЕН – Экономическая стратегия Социалистической Единой партии Германии. ХО БАТ КХУАТ – Куба, устремленная в будущее.

COMMUNIST REVIEW N° 4-1986

Editorial – The historical mission of the working class. LÊ ĐỨC THỌ – The victory of the whole country. HOÀNG VĂN THÁI – Let us grasp further the two strategic tasks: building and defending the socialist Motherland. HOÀNG MINH THẢO – Combination between the people's local war with the war of all the army corps of the main force – an outstanding feature of Vietnamese military art. VŨ QUANG – The movement of struggle for the rights to well-being, democracy and peace of the working class in capitalist countries nowadays. PHẠM THẾ DUYỆT – The Vietnamese working class in the past and at present. HOÀNG THỊNH – Fighting for new order of international information. VŨ TIÊN – The economic strategy of the Socialist Unity Party of Germany. HỒ BẤT KHUẤT – Cuba's steady advance to future.

REVUE DU COMMUNISME N° 4-1986

Editorial – La mission historique de la classe ouvrière. LÊ ĐỨC THỌ – Une victoire de tout le pays. HOÀNG VĂN THÁI – Mieux se pénétrer des deux tâches stratégiques: édifier et défendre la Patrie socialiste. HOÀNG MINH THẢO – Combiner la guerre populaire localisée et la guerre régulière: trait remarquable de l'art militaire vietnamien. VŨ QUANG – L'actuel mouvement de lutte de la classe ouvrière des pays capitalistes pour la paix, la démocratie et l'amélioration des conditions de vie. PHẠM THẾ DUYỆT – La classe ouvrière vietnamienne: passé et présent. HOÀNG THỊNH – Lutter pour un nouvel ordre d'information internationale. VŨ TIÊN – La stratégie économique du Parti socialiste unifié Allemand. HỒ BẤT KHUẤT – Cuba avance à pas sûrs vers l'avenir.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 4-1986

Editorial – La misión histórica de la clase obrera. LÊ ĐỨC THỌ – La victoria de todo el país. HOÀNG VĂN THÁI – Asimilarse más de las dos tareas estratégicas: construcción y defensa de la Patria socialista. HOÀNG MINH THẢO – Combinación de la guerra popular a escala regional y la guerra ejecutada por las columnas regulares-una particularidad del arte militar vietnamita. VŨ QUANG – El actual movimiento de lucha por el derecho a la vida, la democracia y la paz de la clase obrera en los países capitalistas. PHẠM THẾ DUYỆT – La clase obrera vietnamita: su pasado y su presente. HOÀNG THỊNH – Luchar por un nuevo orden internacional de comunicación. VŨ TIÊN – La estrategia económica del Partido Socialista Unificado de Alemania. HỒ BẤT KHUẤT – Cuba en su firme avance hacia el futuro.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 4-1986. NĂM THỨ XXXII (364)

Mục lục

Xã luận — Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1

Kỷ niệm lần thứ 11 thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước

— LÊ ĐỨC THỌ — Chiến thắng của cả nước 6

— HOÀNG VĂN THÁI — Quán triệt hơn nữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa 9

— HOÀNG MINH THẢO — Kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực — nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự Việt nam 13

— PHẠM HỒNG SƠN — Lực, thế và thời trong trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975 17

— HỒNG CHƯƠNG — Công tác chính trị tư tưởng bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước 23

VŨ QUANG — Phong trào đấu tranh vì dân sinh, dân chủ và hòa bình của giai cấp công nhân các nước tư bản hiện nay 32

PHẠM THẾ DUYỆT — Giai cấp công nhân Việt nam — quá khứ và hiện tại 37

Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng

— HOÀNG XUÂN TỤY — Tạo sự chuyển biến trong sự nghiệp giáo dục 43

— LÊ QUÝ AN — Tổ chức tốt hơn đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật hiện có 50

— LƯU VĂN LỢI — Suy nghĩ về chính sách tiền trong chiến lược kinh tế và quốc phòng của nước ta 56

★★★ — Nông nghiệp — mặt trận hàng đầu 62

NGUYỄN KHẮC BỘ — Mấy ý kiến về việc kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý hợp tác xã nông nghiệp 67

ĐẶNG HỮU — Khoa học và kỹ thuật ở nước ta trong những năm vừa qua 72

HÀ XUÂN TRƯỜNG — Bước đầu của một chuyển biến mới trong văn nghệ 76

LÊ TÂM HƯƠNG — Một tấm gương kiên trì vượt khó khăn và sáng tạo 82

HOÀNG THỊNH — Đấu tranh cho một trật tự thông tin quốc tế mới 86

VŨ TIÊN — Chiến lược kinh tế của Đảng XHCNTN Đức 92

HỒ BẤT KHUẤT — Cu-ba vững vàng đi tới tương lai 98

PHAN DOÃN — Về thế cân bằng quân sự — chiến lược hiện nay trên thế giới 102

Trụ sở Bộ biên tập:

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

VỀ ĐẠI HỘI THỨ XXVII ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ

Các bạn tìm đọc:

★ — Cương lĩnh, Điều lệ Đảng cộng sản Liên xô

M. X. GOÓC-BA-TRỐP

— Báo cáo chính trị của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô tại Đại hội XXVII của Đảng

N. I. RU-GIƠ-CỐP

— Về những phương hướng cơ bản phát triển kinh tế và xã hội Liên xô trong những năm 1986 — 1990 và thời kỳ đến năm 2000

☆

★ — Lời chào mừng Đại hội XXVII Đảng cộng sản Liên xô

HOÀNG TÙNG

— Đỉnh cao mới của sự phát triển

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

CHIAO LIU PUB. SERVICE
交流圖書公司
From:

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6000

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

UNIV. OF MICH.
AUG 2 0 1986
Current Serials

5

5.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

Tiến hành tốt đợt tự phê bình và phê bình, chuẩn bị Đại hội các cấp của Đảng

Tự phê bình và phê bình là một quy luật phát triển của Đảng ta, một vấn đề có tính nguyên tắc trong sinh hoạt của Đảng. Nó có ảnh hưởng quyết định trực tiếp tới sự tồn tại và vững mạnh của Đảng, tới sự phát triển của cách mạng. Dũng cảm, thành khẩn tự phê bình và sửa chữa khuyết điểm, sai lầm là một biểu hiện của tính Đảng, một yêu cầu không thể thiếu đối với mỗi tổ chức Đảng, mỗi đảng viên, cán bộ, không trừ một tổ chức nào, một cán bộ nào. Cán bộ lãnh đạo, cán bộ có chức có quyền càng phải nghiêm túc tự phê bình và sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, làm gương cho những cán bộ, đảng viên khác. Tiến hành tốt việc tự phê bình và phê bình không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên, chất lượng tổ chức Đảng, tăng cường đoàn kết nội bộ, mà còn là một biện pháp cơ bản để giữ vững mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. V.I. Lê-nin đã nói: « Thái độ của một chính đảng trước những sai lầm của mình là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất và chắc chắn nhất để xét xem đảng ấy có nghiêm túc không và có **thực sự** *làm tròn nghĩa vụ của mình đối với* **giai cấp** *mình và đối với* **quần chúng** *lao động không »* (1). *Lê-nin còn nói: « Công khai thừa nhận sai lầm, tìm ra nguyên nhân sai lầm,*

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 51.

Digitized by Google

phân tích hoàn cảnh đã đẻ ra sai lầm, nghiên cứu cẩn thận những biện pháp để sửa chữa sai lầm ấy, — đó là dấu hiệu chứng tỏ một đảng nghiêm túc... » (2).

Quán triệt tư tưởng của Lê-nin, suốt trong quá trình lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện Đảng ta, Bác Hồ kính yêu luôn luôn coi trọng việc giáo dục các tổ chức Đảng, giáo dục cán bộ, đảng viên « phải thường xuyên **nghiêm chỉnh phê bình** *và* **thật thà tự phê bình** *để giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, để cùng nhau tiến bộ* » (3). *Người nói : « Làm cách mạng thì có đúng có sai* » (4), « *Chúng ta không sợ có sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm* » (5).

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, vấn đề tự phê bình và phê bình đối với cán bộ, đảng viên, với các tổ chức Đảng càng có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Trước hết, đó là vì trách nhiệm của Đảng đối với toàn xã hội rất lớn, chúng ta đang đứng trước những nhiệm vụ mới mẻ, phức tạp, nặng nề, khó tránh khỏi có sai lầm, khuyết điểm. Có tiến hành tốt việc tự phê bình và phê bình mới rút ra được những kinh nghiệm cần thiết cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là những kinh nghiệm về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, chỉ ra những ưu điểm cần phát huy, những sai lầm, khuyết điểm cần kịp thời sửa chữa. Mặt khác, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, nếu cán bộ, đảng viên không chịu tu dưỡng, rèn luyện, không vững vàng trước những khó khăn, thử thách mới, không thường xuyên làm tốt việc tự phê bình và phê bình thì dễ có nguy cơ trở thành lực hậu, thoái hóa, biến chất, mặc dù trước đây họ là những người có công với cách mạng. Những cán bộ lãnh đạo, cán bộ có chức có quyền xem thường việc tự phê bình, việc góp ý kiến phê bình của quần chúng, của cán bộ cấp dưới càng dễ đưa tới những hậu quả tai hại. Điều lệ của Đảng ta đã quy định : « Các tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh **tự phê bình và phê bình** *; cấp trên phải tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức tốt việc phê bình từ dưới lên. Tự phê bình và phê bình phải thành thật, thẳng thắn, và nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng tổ chức, giúp đỡ nhau tiến bộ* » (6). *Điều lệ Đảng còn ghi rõ : « Đảng nghiêm cấm những hành động trấn áp phê bình, trù dập cá nhân, và có thái độ nghiêm khắc đối với bất cứ cán bộ, đảng viên và tổ chức nào phạm các khuyết điểm ấy* » (7).

Điều đáng chú ý là những năm gần đây, vấn đề tự phê bình và phê bình trong Đảng ta có phần bị xem nhẹ. Có những tổ chức Đảng, những cán bộ, đảng viên không quan tâm tới việc tự phê bình và phê bình hoặc chỉ tiến hành tự phê bình và phê bình một cách hình thức, chiếu lệ, không có tác dụng thiết thực gì. Những hiện tượng lệch lạc như chỉ thích nghe những lời tâng bốc, khen ngợi, chỉ thấy sai lầm, khuyết điểm của người khác, chỉ hăng hái phê bình người khác mà không nghiêm khắc tự phê bình, không muốn ai nói đến sai lầm, khuyết điểm của mình đang diễn ra khá phổ biến trong không ít cán bộ và cấp ủy Đảng. Lại có những trường hợp chỉ nhận sai lầm, khuyết điểm cho « phải phép », cho ra vẻ nghiêm túc nhưng không chịu sửa chữa ; thậm chí còn trù dập, ức hiếp người thẳng thắn phê bình, chỉ ra khuyết điểm, sai lầm của người lãnh đạo.

---

(2) Lê-nin : *Toàn tập* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 51.
(3), (4) Hồ Chí Minh : *Về xây dựng Đảng*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tr. 183.
(5) Hồ Chí Minh : *sách đã dẫn*, tr. 53.
(6) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt nam*, Ban chấp hành trung ương, in lần thứ 2, tr. 13 – 14.
(7) *Sách đã dẫn* tr. 13 — 14.

Digitized by Google

Những hiện tượng nói trên là hoàn toàn xa lạ với bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta. Chính những hiện tượng sai trái ấy là một trong những nguyên nhân làm cho việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng không đạt được kết quả mong muốn, và làm cho những sai lầm, khuyết điểm trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, trong cán bộ, đảng viên kéo dài, ảnh hưởng không tốt đến lòng tin của quần chúng. Khắc phục những hiện tượng không lành mạnh nói trên, tiến hành nghiêm túc việc tự phê bình và phê bình trong các tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền, trong cán bộ, đảng viên đang trở thành một yêu cầu quan trọng cấp bách.

Hiện nay, toàn Đảng ta đang khẩn trương chuẩn bị tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc thứ VI vào cuối năm 1986. Ban bí thư Trung ương Đảng đã quyết định, nhân dịp này **tổ chức một đợt tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, ở tất cả các chi bộ, các cấp ủy, ủy ban nhân dân, cơ quan lãnh đạo các ban, ngành từ huyện đến trung ương, đối với tất cả mọi đảng viên và cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành.** *Để ăn khớp với lịch công tác chuẩn bị Đại hội, việc tự phê bình và phê bình sẽ chia ra làm hai đợt: đợt một — tự phê bình và phê bình tập trung vào ba điểm: phẩm chất, phong cách lãnh đạo, chính sách cán bộ; đợt hai — sau khi nhận được dự thảo đề cương Báo cáo chính trị tại Đại hội VI, tự phê bình và phê bình về quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng và tổ chức thực hiện. Đây là một nội dung rất quan trọng của công việc chuẩn bị đại hội các cấp và Đại hội toàn quốc, và cũng là một đợt sinh hoạt chính trị hết sức quan trọng không chỉ trong Đảng mà còn trong toàn xã hội. Mỗi đảng viên, cán bộ chúng ta có trách nhiệm góp phần tích cực vào việc tiến hành đợt tự phê bình và phê bình này.*

☆

Mục đích *của đợt tự phê bình và phê bình — như chỉ thị của BBT TUĐ đã chỉ ra là:*

— Qua đánh giá rút kinh nghiệm công việc đã làm từ Đại hội V đến nay mà nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, góp phần tăng cường sự thống nhất về tư tưởng và tổ chức trong Đảng, nâng cao tính tổ chức và kỷ luật của cán bộ, đảng viên, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng, tạo điều kiện để tiếp thu và triển khai thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội toàn quốc thứ VI và Đại hội các cấp sắp tới.

— Đánh giá, nhận xét cán bộ một cách đúng đắn, toàn diện, cả về phẩm chất và năng lực, về ưu điểm và khuyết điểm, nhược điểm; từ đó có thể lựa chọn chính xác những đồng chí xứng đáng để cử đi dự đại hội các cấp, để bầu vào đảng ủy các cấp và bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VI.

Đối với **tập thể cấp ủy** *hoặc* **lãnh đạo các ngành, nội dung** *tự phê bình và phê bình tập trung vào những vấn đề chính như: kiểm điểm việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V và các nghị quyết Hội nghị BCHTU từ sau Đại hội đến nay, nhất là các nghị quyết Hội nghị thứ 6, thứ 7, thứ 8, thứ 9 của Trung ương và nghị quyết của đại hội đảng bộ cấp mình vừa qua. Chú trọng xem xét việc quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng thể hiện ở các quyết định, chủ trương của ngành mình, địa phương*

Digitized by Google

mình có gì đúng, sai; chỉ rõ nguyên nhân thành công, thất bại, phân tích ưu điểm, khuyết điểm, sai lầm, đánh giá đúng thực trạng kinh tế xã hội và chỉ rõ trách nhiệm cụ thể của từng đồng chí cấp ủy viên trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo. Cần kiểm điểm kỹ việc tổ chức thực hiện như: sử dụng và điều hành bộ máy, bố trí cán bộ, lề lối làm việc có ưu điểm, khuyết điểm gì; tinh thần trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo, ý thức tổ chức kỷ luật... biểu hiện thế nào? Kiểm điểm việc chấp hành cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý và các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng đã được quy định trong Điều lệ Đảng như: tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, dân chủ nội bộ, đoàn kết thống nhất, tự phê bình và phê bình

Hiệu quả của việc tự phê bình và phê bình của cấp ủy phải thể hiện trước hết ở chất lượng báo cáo tổng kết công tác đưa ra trước các đại hội, làm rõ những yêu cầu về nội dung nói trên, rút ra những bài học kinh nghiệm và chỉ ra phương hướng, biện pháp cải tiến sự lãnh đạo của cấp ủy mình, ngành mình. Sau khi tự phê bình, các cấp ủy, các cơ quan lãnh đạo có thể góp ý kiến nhận xét, phê bình cơ quan lãnh đạo cấp trên trực tiếp của mình.

Trong đợt tự phê bình và phê bình này, tất cả đảng viên, cán bộ phụ trách các cấp, các ngành, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cơ sở trở lên đều có trách nhiệm phải tham gia một cách nghiêm túc. **Yêu cầu đối với mỗi cá nhân** *là kiểm điểm việc thực hiện các nhiệm vụ công tác được giao từ Đại hội toàn quốc thứ V đến nay. Một mặt chú trọng xem xét việc quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả đem lại thế nào; mặt khác chú trọng xem xét về phẩm chất và tác phong như: ý chí chiến đấu cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tính năng động, sáng tạo trong chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, ý thức chăm lo đời sống của nhân dân, chăm lo công tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức và cán bộ, ý thức tập thể dân chủ, tác phong làm việc, lối sống.*

Cần nghiêm khắc phê phán tệ quan liêu, bảo thủ, trì trệ, vô trách nhiệm, chủ quan, cơ hội chủ nghĩa, gia trưởng độc đoán, những hiện tượng vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, lợi dụng chức quyền lấy cắp của công, ăn hối lộ, móc ngoặc với những phần tử xấu để đầu cơ buôn lậu, làm ăn phi pháp, những hiện tượng mất cảnh giác cách mạng trước những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, chiến tranh tâm lý của kẻ thù.

Đợt tự phê bình và phê bình này **cần được chỉ đạo chặt chẽ từ trên xuống dưới và cần được tiến hành một cách nghiêm túc, sâu sắc** *đối với tất cả các đảng viên, cán bộ, tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị. Kinh nghiệm những đợt sinh hoạt chính trị trước đã cho thấy, muốn cho cuộc tự phê bình và phê bình đạt được kết quả tốt, điều quyết định là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành phải gương mẫu tự phê bình, phát huy dân chủ, lắng nghe ý kiến phê bình của cấp dưới và quần chúng, nếu thấy đúng thì tiếp thu, nếu thấy không đúng thì trình bày lại. Không được có thái độ nóng nảy, gay gắt với người phê bình mình. Nghiêm cấm thái độ trù dập, trả thù; ai vi phạm điều này, phải xử lý nghiêm khắc. Điều hết sức quan trọng là, trong việc tự phê bình và phê bình, cần dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá trung thực tình hình công việc, phẩm chất, năng lực, phong cách, lối sống của mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi tổ chức Đảng, nêu rõ ưu điểm, nói cho hết khuyết điểm, và từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, chỉ ra những biện pháp thiết thực phát*

Digitized by Google

huy tru điểm, khắc phục khuyết điểm, nhằm đáp ứng tốt hơn những yêu cầu của cách mạng.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải phê bình với ý thức trách nhiệm, thái độ trung thực, thẳng thắn, vô tư, khách quan, phê bình có căn cứ cụ thể. Không xuề xoa, nể nang, phê bình qua loa, chiếu lệ theo kiểu « dễ người dễ ta », « gió chiều nào che chiều ấy ». Cũng không xen động cơ cá nhân, thành kiến, lợi dụng phê bình và tự phê bình để đả kích, vu cáo, bịa đặt nói xấu đồng chí, gây chia rẽ nội bộ. Kết hợp chặt chẽ việc phát huy tính tự giác của cán bộ, đảng viên trong việc tự phê bình với việc góp ý kiến đấu tranh phê bình của tập thể. Phê phán nghiêm khắc những hiện tượng công thần, gia trưởng, tự cho phép mình đứng trên tập thể, đứng ngoài tổ chức, coi thường mọi ý kiến phê bình của các đồng chí khác. Trong những trường hợp cần thiết, cấp trên cần tìm hiểu, thẩm tra, xác minh trước một số vấn đề, để giúp cho việc phê bình, tự phê bình đạt kết quả tốt.

Một yêu cầu quan trọng nữa là tự phê bình và phê bình phải đi đôi với sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Những việc đã kiểm điểm thấy sai, phải có biện pháp sửa ngay, tạo ra chuyển biến thiết thực, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Các cấp ủy, các cơ quan có trách nhiệm cần kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc này, tạo ra một phong cách làm việc mới : khắc phục tình trạng lời nói không đi đôi với việc làm, nghị quyết một đằng làm một nẻo. Nếu sai mà không sửa thì phải chịu kỷ luật của Đảng.

Làm tốt đợt tự phê bình và phê bình này chính là chúng ta thiết thực chuẩn bị cho Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc của Đảng, tạo ra những điều kiện thuận lợi cơ bản cho sự trưởng thành chung, cho việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta tiến lên giành những thắng lợi mới.

Digitized by Google

LỜI HỒ CHỦ TỊCH

..... Các đồng chí ấy hiểu rằng : đảng viên phạm sai lầm thì sẽ đưa quần chúng đến sai lầm, cho nên khi có sai lầm thì các đồng chí ấy sẵn sàng và kịp thời sửa chữa, không để nhiều sai lầm nhỏ cộng thành sai lầm to. Do đó, các đồng chí ấy biết **thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình** *đồng chí khác để cùng nhau tiến bộ.*

Như thế là đúng với **đạo đức cách mạng.** *Trong bao nhiêu năm hoạt động bí mật, dù bị bọn thực dân khủng bố gắt gao, và Đảng ta gặp rất nhiều khó khăn nguy hiểm, nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, càng mạnh mẽ, và đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Đó là vì Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén* **phê bình và tự phê bình.**

Nhưng vẫn có một số ít đảng viên bị **chủ nghĩa cá nhân** *trói buộc mà trở nên kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại. Họ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình họ ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Họ sợ tự phê bình thì sẽ mất thể diện, mất uy tín. Họ không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Họ xem khinh những cán bộ ngoài Đảng. Họ không biết rằng: có hoạt động thì khó mà hoàn toàn tránh khỏi sai lầm. Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ. Lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi. Đó là kết quả tất nhiên của chủ nghĩa cá nhân...*

Digitized by Google

. . . . .

« Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới... Mỗi người chúng ta đều phải biết đặt lợi ích của dân tộc, của giai cấp lên trên lợi ích cá nhân, phải biết quên mình cho nghĩa lớn. Muốn giữ gìn trong sáng chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì trước hết tự mình phải trong sáng. Muốn đánh thắng kẻ thù là **chủ nghĩa đế quốc**, *muốn xây dựng thắng lợi* **chủ nghĩa xã hội**, *thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong của mỗi chúng ta là* **chủ nghĩa cá nhân**...

Chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm mà mỗi người chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo đề phòng và kiên quyết tiêu diệt ».

. . .

« Số người đó coi Đảng như một cái cầu thang để thăng quan phát tài. Họ không quan tâm đến đời sống của nhân dân mà chỉ lo nghĩ đến lợi ích của riêng mình. Họ quên rằng mỗi đồng tiền, hạt gạo đều là mồ hôi, nước mắt của nhân dân, do đó mà sinh ra phô trương, lãng phí. Họ tự cho mình có quyền sống xa hoa hưởng lạc, từ đó mà đi đến tham ô, trụy lạc, thậm chí sa vào tội lỗi ».

. . . . .

« Số người ấy không hiểu sức mạnh của Đảng chính là ở sự tập trung thống nhất, ở kỷ luật sắt của Đảng. Họ ít gần bó với

Digitized by Google

tổ chức, không tin ở lực lượng và trí tuệ của tập thể. Họ sống và làm việc một cách riêng rẽ, không đoàn kết và hợp tác với người khác. Hễ có đôi chút hiểu biết, đôi chút thành công thì tự cao tự đại, vênh vang kiêu ngạo, tự cho mình tài giỏi hơn người. Ở cương vị phụ trách thì tự cho mình có quyền hơn hết thảy, định đoạt mọi việc; ở ngành nào, địa phương nào thì coi đó như một giang sơn riêng, không biết đến lợi ích toàn cục. Họ coi thường những quyết định của tổ chức, họ là những "ông quan tiêu", chỉ thích dùng mệnh lệnh đối với đồng chí và nhân dân».

. . .

"Có những đồng chí còn giữ đầu óc địa vị, cố tranh cho được làm ủy viên này, chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon, mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc».

. . .

"Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: **mình vào Đảng để làm đày tớ cho nhân dân... làm đày tớ nhân dân chứ không phải làm «quan» nhân dân».**

. . .

Digitized by Google

LÊ ĐỨC THỌ

NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Từ ngày thành lập đến nay, trải qua hơn 56 năm đấu tranh cách mạng gian khổ và kiên cường, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta lập nên những chiến công vang dội, giành thắng lợi này đến thắng lợi khác, mở ra những trang chói lọi và huy hoàng nhất trong lịch sử dân tộc ta. Và chính trong quá trình đấu tranh thử thách ấy, Đảng ta đã trưởng thành nhiều mặt, luôn luôn phấn đấu không ngừng để xứng đáng là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta, xứng đáng là một đội ngũ tiên phong trong phong trào cách mạng thế giới.

Có thể chia lịch sử Đảng ta và cách mạng nước ta làm hai giai đoạn lớn: giai đoạn thứ nhất từ ngày thành lập Đảng (tháng 2 năm 1930) đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam (tháng 4 năm 1975); và giai đoạn thứ hai từ tháng 4 năm 1975 đến nay.

Giai đoạn thứ nhất tuy có nhiều thời kỳ khác nhau, phải thực hiện nhiều nhiệm vụ cụ thể khác nhau, nhưng nhiệm vụ chiến lược chung và cơ bản là thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi bọn thực dân cướp nước, lật đổ ách thống trị của bọn đế quốc và phong kiến địa chủ, giải phóng hoàn toàn đất nước, thống nhất Tổ quốc, thiết lập nền chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Giai đoạn thứ hai chắc chắn cũng sẽ bao gồm nhiều thời kỳ và phải thực hiện nhiều nhiệm vụ cụ thể khác nhau, nhưng chiến lược chung và cơ bản là thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đây là cuộc đấu tranh giai cấp rất phức tạp.

Hai giai đoạn lịch sử đó có những điều kiện và đặc điểm khác nhau, đối tượng và nhiệm vụ của cách mạng khác nhau, vận động theo những quy luật khác nhau. Nếu trong giai đoạn thứ nhất, sự thử thách là hy sinh xương máu, hy sinh tính mạng, nó rất quyết liệt, thì ở giai đoạn thứ hai này, sự thử thách là sự cám dỗ của vật chất và lối sống tư sản (tiền tài, gái đẹp, hàng hóa), nó không đòi hỏi phải hy sinh tính mạng, nhưng nó rất phức tạp và ghê gớm, nó giết dần giết mòn phẩm chất và đạo đức của người cách mạng, nó hủy hoại ngấm ngầm sức mạnh của đội ngũ chúng ta.

Ở giai đoạn này, muốn chiến thắng, tức là muốn cải tạo được xã hội cũ, xây dựng và củng cố xã hội mới, không thể chỉ lấy nhiệt tình và tinh thần hy sinh quên mình mà được. Ở đây đòi hỏi phải nâng cao trình độ và năng lực quản lý kinh tế, và phải tiến hành một công tác tổ chức bền bỉ, lâu dài để giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội cực kỳ khó khăn và phức tạp. Đúng như Lê-nin đã

Digitized by Google

nói: "... Muốn quản lý được tốt, thì *ngoài* cái tài biết thuyết phục, biết chiến thắng trong cuộc nội chiến, còn cần phải biết *tổ chức trong lĩnh vực thực tiễn*. Đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, vì vấn đề là phải tổ chức theo phương thức mới những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống của hàng chục và hàng chục triệu con người" (1). Lê-nin còn nói: giải quyết một vấn đề chính trị có khi chỉ cần vài tuần lễ, giải quyết một vấn đề quân sự cũng có thể chỉ trong vài tháng, nhưng về kinh tế thì phải giải quyết hằng năm, vài ba năm. Mỗi vấn đề có quy luật riêng của nó. Riêng các quy luật về kinh tế rất phức tạp, nó có quan hệ hữu cơ chằng chịt với nhau, đan dệt vào nhau mà nếu làm sai ở một khâu nào thì lập tức nó kéo theo các khâu khác, có khi còn tác động đến tất cả. Ví dụ như nếu chúng ta định giá cả mà sai thì lập tức tác động đến sản xuất, phân phối, đời sống, xã hội, chính trị; nếu nông nghiệp mà sai thì công nghiệp gặp khó khăn, giao thông vận tải gặp rất nhiều trở ngại, v.v.

Trong 10 năm qua, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách do địch họa và thiên tai gây ra, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chiến đấu vô cùng dũng cảm, nhân dân ta đã giành được những thành tựu rất to lớn trên cả hai mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, từng bước đưa các mặt sản xuất đi lên, nhất là về sản xuất nông nghiệp, xây dựng những cơ sở vật chất — kỹ thuật bước đầu cho chủ nghĩa xã hội, hoàn thành một bước cơ bản công cuộc tập thể hóa nông nghiệp ở miền Nam, bảo đảm tối thiểu những nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, củng cố và tăng cường tiềm lực an ninh — quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta và làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em.

Trong quá trình đó, Đảng ta đã được củng cố một bước về chính trị, tư tưởng và tổ chức; trưởng thành hơn trong việc lãnh đạo xây dựng và quản lý kinh tế, quản lý xã hội, lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao về trình độ giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có kinh nghiệm công tác, năng động, sáng tạo hơn và được thử thách trong xây dựng kinh tế. Chúng ta đã kiện toàn một bước các cơ quan lãnh đạo của Đảng và các bộ máy quản lý của Nhà nước theo phương hướng nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế và tăng cường quản lý Nhà nước; chú trọng xây dựng cấp huyện, tăng cường cấp huyện gắn liền với củng cố và kiện toàn cơ sở. Chúng ta đào tạo được một đội ngũ cán bộ bước đầu biết quản lý kinh tế, có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật ngày càng cao; đã kết nạp thêm được hơn 80 vạn người vào Đảng. Đó là những cố gắng của chúng ta trong công tác xây dựng Đảng, góp phần quyết định vào những thắng lợi và thành tựu của chúng ta trong hơn 10 năm qua.

Tuy nhiên, so với yêu cầu mà các nghị quyết Đại hội IV, Đại hội V và các Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng đề ra, công tác xây dựng Đảng chưa làm được bao nhiêu; khuyết điểm tồn tại trong công tác tổ chức xây dựng Đảng còn nhiều, có những mặt rất nghiêm trọng. Chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thật với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc của người cộng sản, vạch ra những khuyết điểm tồn tại và có biện pháp tích cực sửa chữa để tiến lên.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 210.

Digitized by Google

Về tư tưởng, hiện nay trong cán bộ, đảng viên đang có những diễn biến phức tạp. Nhiều người thấy tình hình kinh tế và đời sống có khó khăn thì sinh ra lo lắng, băn khoăn, không biết sẽ gỡ tình hình này như thế nào, đất nước rồi sẽ đi đến đâu? Nhiều đồng chí hoài nghi, giảm sút lòng tin đối với năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Một số cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác và trong việc chăm lo xây dựng Đảng, chăm lo đời sống quần chúng mà chỉ lo cho đời sống riêng, kèn cựa địa vị cá nhân, kéo bè kéo cánh làm mất đoàn kết trong Đảng. Tình trạng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật trong Đảng tương đối phổ biến. Nó biểu hiện ở chỗ không chấp hành nghiêm túc chỉ thị nghị quyết của Đảng, không thi hành đúng Điều lệ Đảng và kỷ luật của Đảng; tự do tùy tiện, cục bộ, địa phương, phát ngôn bừa bãi.

Về phẩm chất và lối sống, hiện tượng phổ biến trong cán bộ, đảng viên là tham ô, hối lộ, buôn lậu làm giàu, ăn chơi sa đọa, chè chén, quà cáp biếu xén có tính chất hối lộ công khai. Một số cán bộ, đảng viên chạy theo hủ tục ma chay cưới xin, mê tín cúng lễ, chạy theo lối sống vật chất tầm thường, nhiều khi để cho đồng tiền chi phối cả lương tâm, danh dự. Tình hình này ở nơi nào cũng có, cấp nào cũng có. Nó gây ra lãng phí rất lớn trong sản xuất và đời sống, nó làm hư hỏng cán bộ, đảng viên, làm giảm lòng tin của quần chúng. Có thể nói, chưa lúc nào trong Đảng ta có sự sa sút về phẩm chất và lối sống như hiện nay. Đây là một vấn đề lớn và rất nghiêm trọng; nó không phải chỉ là vấn đề tác phong, vấn đề sinh hoạt như có đồng chí nào đó hiểu. Nó đã đụng chạm đến tư cách đảng viên, phẩm chất của người chiến sĩ cách mạng, nó thuộc về phạm trù đạo đức của người cộng sản. Trong lúc hàng triệu nhân dân còn có khó khăn, túng thiếu mà có những cán bộ, đảng viên tham ô, hối lộ, buôn lậu làm giàu, có những đơn vị, xí nghiệp tổ chức ăn uống thừa mứa chè chén linh đình, làm mất lòng tin của quần chúng, mà nói đó là tác phong sinh hoạt được sao? Phải thấy rằng bọn địch đang lợi dụng triệt để vấn đề này để phá ta, phá từ bên trong phá ra, phá bằng cách đánh vào dục vọng của con người, hòng làm lung lạc, rã rời phẩm chất và hàng ngũ cán bộ cách mạng.

Về tổ chức bộ máy. Đại hội IV, Đại hội V và nhiều Hội nghị của Trung ương Đảng đã chỉ rõ phải kiên quyết và khẩn trương sắp xếp lại tổ chức, kiện toàn bộ máy, tinh giản biên chế gián tiếp. Song những công việc ấy chưa làm được bao nhiêu. Hiện nay bộ máy lãnh đạo của ta ở các cấp, các ngành còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, nhiều tầng nấc trung gian, vừa lãng phí vừa rất kém hiệu lực. Một số quy chế về chức trách và lề lối làm việc đã ban hành, nhưng không được chấp hành nghiêm túc. Quyền hạn của tập thể và cá nhân, của trung ương và địa phương, của bộ và công ty, xí nghiệp... còn chưa được phân định rõ. Tình hình đó đã để ra chủ nghĩa quan liêu, tệ bảo thủ, trì trệ rất nặng ngay trong bộ máy từ trên xuống dưới, từ trung ương đến địa phương, nó làm cho thông tin không chính xác, chỉ đạo không sắc bén, không kịp thời, không tập trung, và làm bó tay bó chân cấp dưới và cơ sở trong mọi mặt công tác.

Về đội ngũ cán bộ, khác với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chúng ta vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh kéo dài ngót 30 năm, chưa có thời gian hòa bình xây dựng được bao nhiêu, do đó cán bộ của ta chưa được đào tạo một cách cơ bản, có hệ thống và đồng bộ. Đội ngũ cán bộ của ta được hình thành từ nhiều nguồn: có đồng chí từ tù đày ra, có đồng chí từ kháng chiến về, có đồng chí được

Digitized by Google

đào tạo trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy trình độ và năng lực của đội ngũ không đồng đều, không toàn diện. Phần đông cán bộ lại đã già. Các đồng chí tham gia Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nay đã ngoài 60 tuổi. Nhiều bộ trưởng, thứ trưởng của ta hiện nay đã ở độ tuổi đó. Trong khi đó chúng ta lại chưa có quy hoạch đào tạo cán bộ một cách tích cực; còn bảo thủ, trì trệ trong việc bố trí, quản lý và sử dụng cán bộ, nhất là đối với cán bộ trẻ. Việc quản lý cán bộ chưa có nền nếp, cho nên việc đề bạt còn chắp vá, tùy tiện.

Về phong cách và lề lối làm việc. Trung ương Đảng đã thông qua quy chế làm việc, cách thức và lề lối ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết, nhưng quy chế đó không được thực hiện đúng. Tình hình khá phổ biến hiện nay ở trong Đảng vẫn là thiếu dân chủ, quan liêu, xa thực tế, xa quần chúng. Có những đồng chí chủ chốt ở các cấp các ngành rất gia trưởng, độc đoán, không lắng nghe và không muốn nghe ý kiến của quần chúng, của đảng viên và cán bộ cấp dưới, thậm chí còn thành kiến hoặc trù dập những người có ý kiến khác với mình. Những cái đó đã gây ra không khí sinh hoạt không lành mạnh trong Đảng, làm tê liệt sự suy nghĩ của cán bộ, đảng viên, không tập trung được trí tuệ của tập thể. Trong Đảng sinh ra nể nang, sợ sệt nhau, không dám nói thẳng, nói thật ý nghĩ của mình, có nơi ngôn ngữ của người cộng sản được thay thế bằng ngôn ngữ của những kẻ cơ hội, xu nịnh, nói lựa theo chiều, báo cáo láo. Tình hình đó ảnh hưởng rất xấu đến việc ra quyết định và thực hiện quyết định, gây ra mất đoàn kết nội bộ, cán bộ lãnh đạo phạm sai lầm, tập thể không làm việc được.

Lãnh đạo, chỉ đạo nặng về quan liêu, giấy tờ; thiếu sâu sát quần chúng và cơ sở; không thực hiện tốt chức năng kiểm tra, không đi sâu vào thực tiễn, bám sát cuộc sống để nắm tình hình, phát hiện vấn đề, giải quyết kịp thời, tổng kết rút kinh nghiệm. Hội họp quá nhiều, phô trương hình thức. Do đó có tình trạng « đánh trống bỏ dùi », ra nghị quyết coi như xong, không ai nghiên cứu, không ai đôn đốc thực hiện.

Nguyên nhân khách quan của những thiếu sót, khuyết điểm nêu trên là chúng ta bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội hết sức khó khăn và phức tạp bởi hậu quả nặng nề của chiến tranh ác liệt kéo dài và thiên tai dồn dập. Chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, lại chưa có kinh nghiệm tổ chức sản xuất, xây dựng kinh tế. Cuộc đấu tranh giai cấp biểu hiện cụ thể ở cuộc đấu tranh giữa hai con đường, trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, rất phức tạp và gay gắt, nó đụng chạm đến quyền lợi sát sườn của tất thảy mọi người, của mọi tầng lớp xã hội. Văn hóa và lối sống phương Tây qua nhiều con đường tác động vào xã hội ta. Kẻ địch hằng ngày hằng giờ tìm cách phá hoại ta.

Về phía chủ quan, chúng ta đã phạm phải một số chủ trương sai lầm lớn trên mặt trận kinh tế, cho nên đề ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống, kinh tế, xã hội và chính trị. Đồng thời chúng ta còn có nhiều thiếu sót, khuyết điểm về công tác tư tưởng, còn hữu khuynh, thiếu nhạy bén, thiếu tích cực và chủ động trong việc đấu tranh chống lại những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, chống lại những thói hư tật xấu trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Có đồng chí cho rằng do tình hình kinh tế và đời sống khó khăn cho nên khó làm công tác tư tưởng, đi đến buông

Digitized by Google

lợi công tác tư tưởng. Có đồng chí nhấn mạnh quá mức đến lợi ích vật chất, không chú ý đầy đủ đến công tác tư tưởng, đến giá trị tinh thần; trong « ba lợi ích » thì chỉ nhấn mạnh và chú ý đến lợi ích cá nhân. Một số nơi làm công tác tư tưởng một cách hời hợt, chung chung, chỉ đóng khung trong các hội nghị, chỉ dừng lại ở việc giải thích nghị quyết hoặc hô hào động viên chung chung, mà không đi sâu nghiên cứu, phát hiện và uốn nắn kịp thời những nhận thức sai lệch. Báo chí, đài phát thanh, các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền, giải thích một chiều, chỉ nặng về nói thành tích và ưu điểm, không dám nói khuyết điểm, không dám phê bình thẳng thắn và công khai, không trả lời đầy đủ những câu hỏi của quần chúng, không đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân. Chẳng thế mà đã có tình trạng báo chí thì cứ nói hoàn thành kế hoạch trong khi quần chúng thiếu thốn đủ thứ. Ngành văn hóa văn nghệ còn để lưu hành những văn hóa phẩm đồi trụy, nhảm nhí; có nhiều cơ quan cho chiếu cả những phim bậy bạ để kiếm tiền. Công tác tư tưởng thật sự là một mặt trận đấu tranh nóng bỏng, nhưng toàn Đảng chưa tạo ra được sức mạnh và chưa chủ động trong cuộc đấu tranh đó.

Công tác tổ chức, công tác cán bộ, công tác kiểm tra của chúng ta cũng chưa sắc bén, chưa năng động, nhiều mặt còn bảo thủ và trì trệ, nhất là về mặt quy hoạch, đào tạo và quản lý cán bộ. Chúng ta đã duy trì quá lâu một cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, không kịp thời thay đổi một số chính sách không còn thích hợp và vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Các tổ chức Đảng, nhất là các tổ chức cơ sở Đảng chưa được củng cố và kiện toàn; một số nơi chưa quan tâm đầy đủ đến công tác rèn luyện, giáo dục, nâng cao phẩm chất đảng viên. Nhiều đảng viên mới được kết nạp chất lượng còn thấp, chỉ chú ý mặt hiệu quả công việc, mà không chú ý về mặt phẩm chất, thậm chí có nhiều người vào Đảng với động cơ không đúng, nhưng không được giáo dục và xử lý. Thi hành kỷ luật không nghiêm và không công bằng, khen thưởng cũng không công bằng vì cảm tình, thậm chí cả vì dút lót, cũng là một nguyên nhân dẫn đến những hiện tượng tiêu cực hoặc không ngăn chặn được hiện tượng tiêu cực. Nghị quyết của Đảng nói rằng bất kỳ ai, dù ở cương vị công tác nào, nếu làm sai đều phải có kỷ luật thích đáng, nhưng hiện nay có tình hình cùng một khuyết điểm tương tự như nhau, nhưng chỉ cấp dưới mới bị thi hành kỷ luật, còn ở cấp trên thì không bị kỷ luật hoặc kỷ luật nhẹ. Chính đó cũng là điều làm cho đảng viên và quần chúng thiếu tin tưởng.

★

Hiện nay, chúng ta đang tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Các cấp, các ngành đang chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ của cấp mình, ngành mình. Đây là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng ta.

Chúng ta bước vào Đại hội Đảng kỳ này trong tình hình đất nước, thế giới và khu vực có những biến

Digitized by Google

chuyển sâu sắc với những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có rất nhiều khó khăn. Khó khăn lớn nhất, tập trung nhất là tình hình kinh tế, đời sống, xã hội của nước ta còn chưa ổn định và có mặt còn rối ren; các mặt mất cân đối lớn còn nghiêm trọng; các hiện tượng tiêu cực còn khá nặng nề; tình hình chính trị trong khu vực và trên thế giới đang có những diễn biến phức tạp. Bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác đang tìm cách phá hoại nước ta.

Trong tình hình đó, chúng ta phải nêu cao tinh thần đoàn kết, nhất trí, ý thức trách nhiệm, chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội Đảng, củng cố vững chắc Đảng ta, làm cho Đảng ta luôn luôn trong sạch và vững mạnh, xứng đáng là Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân Việt nam, có đủ sức lãnh đạo và tổ chức nhân dân ta hoàn thành thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã-hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách nhất của Đảng ta hiện nay.

Chúng ta phải xây dựng Đảng một cách toàn diện, đồng bộ như Đại hội toàn quốc lần thứ V và các Hội nghị gần đây của Ban chấp hành trung ương Đảng đề ra. Đặc biệt là phải nâng cao năng lực lãnh đạo xây dựng và quản lý kinh tế, năng lực quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Phải kiện toàn sự lãnh đạo của Đảng trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Đào tạo và bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực đề đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Trước mắt cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ cấp bách sau đây:

1 — Sắp xếp lại tổ chức, kiện toàn bộ máy, bố trí đúng cán bộ theo yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế mới và thực hiện phương thức quản lý mới.

Chúng ta cần khẩn trương sắp xếp lại bộ máy các cơ quan Đảng và Nhà nước ở trung ương và địa phương, bao gồm cả việc định lại biên chế tổ chức, bố trí lại cán bộ, định ra quy chế và phong cách làm việc mới. Cơ chế quản lý mới đòi hỏi phải có bộ máy mới, con người mới, nhạy bén, năng động, sáng tạo, biết cách quản lý, kinh doanh, làm ăn có lãi. Các ban, các bộ, các ngành phải làm tốt công tác tổ chức, cán bộ của ban, ngành mình. Các địa phương cần nghiên cứu, vận dụng, thực hiện từng bước việc sắp xếp tổ chức, kiện toàn bộ máy của mình. Tập trung làm thật tốt công tác nhân sự của các cấp, nhất là của các tỉnh, thành phố, các công ty, các xí nghiệp liên hợp, xí nghiệp lớn, các ban huyện ủy, quận ủy; bố trí đúng các cán bộ chủ chốt lãnh đạo Đảng, các ngành kinh tế, an ninh, quốc phòng về các ban của Đảng, nhất là tuyên huấn và tổ chức. Kiên quyết tinh giản biên chế các cơ quan hành chính và bộ máy gián tiếp ở các đơn vị sản xuất kinh doanh, biên chế các cơ quan Đảng và các đoàn thể quần chúng; cắt bỏ ngay những bộ phận trung gian không cần thiết.

Trong việc lựa chọn bố trí cán bộ, phải nắm vững quan điểm của Đảng, xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, có thái độ và phương pháp thật sự khách quan, dân chủ, khoa học. Đây là một công tác rất

Digitized by Google

quan trọng nhưng cũng hết sức khó khăn. Nếu không lựa chọn bố trí đúng cán bộ thì không thể tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Mỗi giai đoạn cách mạng có yêu cầu về cán bộ khác nhau tùy theo nhiệm vụ chính trị của giai đoạn đó. Lựa chọn bố trí cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Hiện nay chúng ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng cơ cấu kinh tế mới, chế độ quản lý mới, nền văn hóa mới, con người mới. Nhiều đồng chí cán bộ cũ phụ trách các cấp, các ngành của Đảng và Nhà nước có rất nhiều cống hiến cho Đảng, có nhiều kinh nghiệm công tác, trải qua thử thách lâu dài gian khổ, đến nay đã già yếu nhiều, không làm việc được bao nhiêu. Vì vậy phải mạnh dạn đào tạo, sử dụng và đề bạt lớp cán bộ trẻ để thay thế, nếu không chúng ta sẽ bị hẫng, công tác lãnh đạo sẽ gặp nhiều khó khăn.

Chúng ta phải tin ở cán bộ trẻ. Tuổi trẻ tuy có nhược điểm là kinh nghiệm ít, nhưng nhạy bén, xông xáo, có trình độ tiếp thu cái mới, hăng hái, dám nghĩ dám làm. Nếu chúng ta đào tạo bồi dưỡng tốt thì anh em sẽ làm được. Kinh nghiệm đã cho thấy, anh em trẻ khi mới lên có thể chưa có kinh nghiệm nhưng cứ làm rồi sẽ có kinh nghiệm, sẽ trưởng thành. Trong Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp chúng ta đã biết gì mấy về quân sự đâu, nhưng cứ đánh, cứ làm và cuối cùng đã làm được. Sau năm 1945, bộ trưởng của ta mới chỉ ngoài 30 tuổi, nhiều đồng chí Trung ương chỉ trên 30 tuổi, nhiều ủy viên Bộ chính trị mới 40 tuổi. Đồng chí Tổng bí thư của Đảng ta lúc đó cũng mới 40 tuổi. Vừa qua, ở một số nơi cán bộ mới được đề bạt rất nhanh và anh em cũng làm được việc.

Cũng có thể có những đồng chí tuổi cao nhưng còn sức khỏe, có năng lực thì tiếp tục ở lại làm việc để làm chỗ dựa cho anh em trẻ, kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ già và cán bộ trẻ. Nhưng dù già, dù trẻ, đều phải trên cơ sở tiêu chuẩn cán bộ là chính, và phải vì yêu cầu chung của cách mạng mà giao nhiệm vụ. Không nên có tư tưởng «sống lâu lên lão làng», coi thường anh em trẻ, không tích cực đào tạo bồi dưỡng cán bộ trẻ. Thực tế có đồng chí tuổi đã cao nhưng cứ cố giữ ghế của mình, suốt ngày chỉ ngồi bàn giấy đọc báo cáo, không đi cơ sở được, không xông xáo cho nên không thể lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả được.

Trên cơ sở tiêu chuẩn, chúng ta lựa chọn trong số anh em trẻ, nhất là những anh em đã qua thử thách trong công tác, chiến đấu, tù dày, trưởng thành lên qua cuộc kháng chiến chống Mỹ, những anh em xuất thân từ công nhân, các chị em nữ và cán bộ người dân tộc thiểu số, để đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo. Tốt nhất là bố trí, đề bạt từ dưới lên, những anh em đã trải qua công tác thực tế. Ví dụ: đề bạt đồng chí chủ tịch xã lên làm phó chủ tịch huyện một thời gian rồi bố trí làm chủ tịch huyện; đồng chí chủ tịch huyện lên làm phó chủ tịch tỉnh một thời gian rồi làm chủ tịch tỉnh. Bố trí bí thư cấp ủy cũng cần làm theo cách như vậy. Các cán bộ khoa học kỹ thuật cần được đào tạo theo ngành nghề, đồng thời phải biết quản lý. Cán bộ lãnh đạo các bộ, các ngành nhất thiết phải học qua trường Đảng. Chúng ta phải tiến tới tiêu chuẩn hóa cán bộ, xác định độ tuổi, xác định nhiệm kỳ cho từng loại cán bộ, đến tuổi nào đó thì thay đổi.

Việc ổn định cán bộ cần kết hợp với việc luân chuyển cán bộ, đổi

Digitized by Google

mới cán bộ. Sắp tới có thể Trung ương sẽ điều một số cán bộ từ Bắc vào Nam và từ Nam ra Bắc; một số cán bộ ở trung ương về công tác ở tỉnh, ở huyện và một số ở tỉnh, huyện lên công tác ở trung ương. Giữa các tỉnh, các huyện, các xã, các ngành cũng cần thiết phải luân chuyển như thế để đổi mới cán bộ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, phát huy tính năng động của cán bộ. Kinh nghiệm cho thấy, một đồng chí cứ làm mãi một việc, ở mãi một nơi thì dễ sinh ra bảo thủ, trì trệ, lười suy nghĩ và không mở rộng được tầm hiểu biết. Dương nhiên phải tiến hành việc này một cách có kế hoạch, có quy củ và chỉ trong một số trường hợp cần thiết, chứ không phải làm tràn lan, gây xáo trộn đội ngũ cán bộ một cách không cần thiết. Ở đây phải chống tư tưởng cục bộ, địa phương, chỉ muốn bố trí người tại chỗ, không muốn hợp tác với người từ nơi khác đến. Phải rất chú ý bảo đảm tiêu chuẩn cán bộ.

Nói tiêu chuẩn cán bộ không phải là nói phẩm chất và năng lực chung chung mà phải thấy những yêu cầu cụ thể đối với từng loại cán bộ. Phẩm chất của người cán bộ hiện nay phải thể hiện rất rõ ở lòng trung thành và đức tính thẳng thắn, trung thực, tinh thần dám nói, dám làm, năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm, có quan hệ chặt chẽ và gần gũi quần chúng và có lối sống lành mạnh. Năng lực hiện nay phải là năng lực cụ thể hóa, quán triệt đường lối của Đảng, năng lực quản lý, năng lực tổ chức điều hành công việc, biết làm công tác Đảng, công tác quần chúng. Không có những cái đó người cán bộ không thể tổ chức quần chúng thực hiện đường lối của Đảng, biến đường lối của Đảng thành hiện thực.

Lựa chọn và bố trí đúng cán bộ là công việc cực kỳ khó khăn, là một khoa học và nghệ thuật. Trước hết phải chấn chỉnh lại công tác quản lý cán bộ để có thể nắm chặt được cán bộ. Việc tìm hiểu, lựa chọn cán bộ đòi hỏi phải có phương pháp đúng đắn, khoa học. Phải thật sự dân chủ, lắng nghe nhiều ý kiến của cán bộ, đảng viên, quần chúng; phải làm việc tập thể, trao đổi ý kiến trong tập thể một cách vô tư, khách quan, công bằng, tránh tình cảm nể nang hoặc để cho chủ nghĩa cá nhân xen vào. Tất nhiên lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên, quần chúng phải bằng nhiều nguồn, bằng chế độ quản lý thường xuyên, gặp gỡ riêng, trực tiếp nghe từng người, viết thư trao đổi ý kiến có phân tích chọn lọc, có điều tra nghiên cứu thận trọng. Thực tế không phải không có trường hợp do thông tin sai lệch, cho nên hiểu không đúng và do đó nhận xét đánh giá sai cán bộ, có trường hợp kẻ địch xen luồn vào để tung tin vu cáo cán bộ, phá hoại ta. Tóm lại, chúng ta phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

Đồng thời với việc sắp xếp bố trí cán bộ cho trước mắt, phải chuẩn bị ngay đội ngũ cán bộ kế cận cho 5—10 năm sắp tới; có quy hoạch và kế hoạch đào tạo một cách có hệ thống và đồng bộ. Phải thực hiện đúng đắn chính sách cán bộ. Những đồng chí đã già yếu hoặc không đủ khả năng đảm đương nhiệm vụ trong giai đoạn mới, cần có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, chăm lo chu đáo đời sống của anh chị em, tạo điều kiện để anh chị em đỡ khó khăn trong đời sống. Đối với các đồng chí hoạt động lâu năm, lão thành cách mạng, nên có chế độ ưu đãi cho các đồng chí đó.

Đối với đời sống của cán bộ, nhân viên nói chung, các bộ, các cấp cần có kế hoạch giúp đỡ một cách cơ bản hơn bằng cách tổ chức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, theo đúng chế độ chính sách. Hiện nay cán

Digitized by Google

bộ lo đời sống một cách lung tung, không có tổ chức, không có hướng dẫn. Ngay việc sản xuất, chăn nuôi cũng cần phải tính: theo quy mô, phạm vi thế nào là vừa, thế nào thì lại là không được.

2—Thực hiện tự phê bình và phê bình, nâng cao chất lượng đảng viên, khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong Đảng.

Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Đảng, chúng ta cần thực hiện tốt chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về tự phê bình và phê bình, kết hợp với việc tổng kết công tác, đánh giá tình hình, rút ra những bài học kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ đạo trong 10 năm qua. Đó là nội dung cơ bản của công tác tư tưởng của Đảng từ nay đến Đại hội VI.

Tự phê bình và phê bình là vũ khí sắc bén để sửa chữa khuyết điểm, là quy luật phát triển của Đảng. Lê-nin nói rằng phê bình và tự phê bình công khai là «thanh bảo kiếm chữa lành những vết thương». Để có thể phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, tiếp tục tiến lên, chúng ta cần tiến hành thường xuyên và nghiêm túc tự phê bình và phê bình. Trước mắt, cần tổ chức một đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình, qua đó giáo dục, sàng lọc đảng viên, lựa chọn cán bộ, chuẩn bị thiết thực cho Đại hội Đảng.

Tự phê bình và phê bình đợt này cần hướng vào kiểm điểm việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội V và các nghị quyết Hội nghị thứ 2, 6, 7, 8, của Trung ương Đảng, nghị quyết của đại hội đảng bộ mình trong nhiệm kỳ vừa qua, chú trọng cả năng lực và hiệu quả công tác, cả phong cách làm việc, phẩm chất và lối sống, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm và nêu phương hướng cải tiến công tác của cá nhân, đơn vị mình.

Muốn tự phê bình và phê bình có kết quả, các cấp các ngành phải có sự chuẩn bị chu đáo, phải giáo dục tốt cán bộ, đảng viên và tổ chức sinh hoạt Đảng một cách cụ thể; làm có lãnh đạo, có trọng điểm, trọng tâm, tránh qua loa, chiếu lệ, hình thức chủ nghĩa. Tất cả cán bộ, đảng viên ở mọi cấp, mọi ngành phải nêu cao ý thức trách nhiệm, tinh thần dũng cảm, vô tư, thẳng thắn, chân thành, lòng thương yêu đồng chí; không né tránh, nể nang, nhưng không lợi dụng đả kích, gây mất đoàn kết nội bộ. Các cán bộ chủ chốt, các cơ quan lãnh đạo cấp trên phải gương mẫu tự phê bình và phê bình — lâu nay ta chưa làm được như vậy, chính điều đó cũng hạn chế tự phê bình và phê bình; phải thật sự tôn trọng ý kiến của quần chúng và cấp dưới, không được độc đoán, gia trưởng, không được thành kiến, trù dập. Nếu cán bộ chủ chốt và cơ quan lãnh đạo cấp trên không gương mẫu tự phê bình và phê bình thì không thể mở ra phong cách mới thật sự dân chủ trong Đảng và sẽ làm tắc ngay tự phê bình và phê bình. Nói cách khác, phê bình và tự phê bình kỳ này phải được tiến hành mạnh mẽ từ trên xuống và từ dưới lên, kết hợp sự phê bình trong Đảng với việc tổ chức cho các đoàn thể quần chúng góp ý kiến xây dựng Đảng. Nếu ở đâu có sự trù dập phê bình phải lập tức thi hành kỷ luật thích đáng.

Việc tự phê bình và phê bình phải gắn chặt với việc khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Phải thẳng thắn vạch ra những việc làm không đúng, những hiện tượng tiêu cực trong Đảng, đề ra những biện pháp sửa chữa, tích cực sửa chữa và tiến lên. Chúng ta không sợ khuyết điểm sai lầm, chỉ sợ có khuyết điểm sai lầm

Digitized by Google

mà không nhận ra hoặc không chịu nhận ra để sửa chữa. Có đồng chí lo rằng nếu công khai nói khuyết điểm sai lầm trước các tổ chức quần chúng thì sẽ làm mất uy tín của cán bộ, của Đảng, và sẽ bị kẻ thù lợi dụng đả kích, xuyên tạc. Không phải hoàn toàn như vậy. Từ trước đến nay, chúng ta đã tổ chức nhiều đợt tự phê bình và phê bình trong Đảng có các tổ chức quần chúng tham gia ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên và đã đưa đến những kết quả tốt. Bác Hồ đã dạy: « Dân ta rất tốt, rất yêu thương Đảng, yêu thương cán bộ. Khi ta có khuyết điểm mà nói trước dân, chẳng những dân không ghét, không khinh, mà còn thương yêu, quý trọng, tín nhiệm ta hơn nữa » (2). Lê-nin thường nói, thái độ nghiêm túc của một đảng cách mạng chân chính là công khai thừa nhận sai lầm khuyết điểm, vạch rõ nguyên nhân và tìm ra biện pháp sửa chữa. Đảng cách mạng không sợ khuyết điểm, không sợ kẻ địch xuyên tạc, vì Đảng rất mạnh và rất cầu tiến bộ. Chính đó là sức mạnh của Đảng, là bảo đảm quan trọng để cho Đảng tiếp tục tiến lên. Lê-nin nói: « Tất cả những đảng cách mạng đã bị tiêu vong cho tới nay, đều bị tiêu vong vì tự cao tự đại, vì không biết nhìn rõ cái gì tạo nên sức mạnh của mình và sợ sệt không dám nói lên những nhược điểm của mình. Còn chúng ta, chúng ta sẽ không bị tiêu vong, vì chúng ta không sợ nói lên những nhược điểm của chúng ta, và những nhược điểm đó, chúng ta sẽ học được cách khắc phục » (3).

Với tinh thần tự phê bình nghiêm túc, Đảng ta nhiều lần công khai nói rõ rằng, bên cạnh những ưu điểm và thành tích cơ bản, thời gian qua Đảng ta cũng phạm một số sai lầm, khuyết điểm lớn về kinh tế và về việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối kinh tế của Đảng. Những sai lầm, khuyết điểm đó đã làm ảnh hưởng đến tốc độ xây dựng của chúng ta, làm trầm trọng thêm những khó khăn, tiêu cực trong xã hội, làm giảm sút lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Nhận ra những sai lầm, khuyết điểm đó, Đảng ta đang tìm mọi cách để sửa chữa và khắc phục. Đảng yêu cầu các cấp, các ngành cũng với tinh thần đó, thông qua tự phê bình và phê bình, tìm ra biện pháp sửa chữa để tiến lên.

Đương nhiên, đây là vấn đề rất khó. Chúng ta phải giải quyết đồng bộ, vững chắc. Nhưng trước mắt phải biết giành lấy từng thắng lợi nhỏ để tiến dần đến thắng lợi lớn. Những việc nào có thể làm được thì tập trung sức giải quyết ngay. Chẳng hạn như chúng ta có thể tinh giản, cắt bỏ ngay những đầu mối trung gian không cần thiết trong bộ máy quản lý, chấm dứt ngay những hiện tượng tiêu cực như quà cáp biếu xén, ăn uống nhậu nhẹt, hợp hành hình thức phô trương lãng phí, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người đã thoái hóa biến chất, không còn đủ tư cách đảng viên, thay ngay những cán bộ không còn đủ phẩm chất và năng lực,... Ở các địa phương và cơ sở, việc nào có thể giải quyết được thì tập trung giải quyết ngay, không chờ đợi gì cả. Chúng ta phải rất năng động, tích cực. Thời gian không chờ đợi chúng ta.

Thông qua đấu tranh tự phê bình, phê bình, sửa chữa khuyết điểm, chống tiêu cực, chúng ta cần giáo dục, rèn luyện, nâng cao chất lượng đảng viên. Trong 10 năm qua, số lượng đảng viên của ta tăng lên không ít,

---

(2) Hồ Chí Minh: *Về xây dựng Đảng*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, tr. 217.

(3) V.I. Lê-nin: *Về những nguyên tắc tổ chức của đảng cộng sản*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1978, tr. 188.

Digitized by Google

nhưng chất lượng ở nhiều cơ sở chưa cao. Có những người vào Đảng với động cơ không đúng: vào Đảng để được đi học, được thăng cấp, được lên lương, được cái này cái nọ. Bây giờ chúng ta phải sàng lọc lại. Trước khi sàng lọc, phải củng cố kiện toàn chi ủy, đảng ủy, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Phải làm ráo riết vấn đề này để nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, làm trong sạch đội ngũ của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Mỗi cán bộ, đảng viên cần hiểu rõ rằng, sự sa sút về phẩm chất, sự thoái hóa trong lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên là một nguyên nhân rất quan trọng dẫn đến sự giảm sút lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Trước những khó khăn về đời sống và các mặt tiêu cực ngoài xã hội hiện nay, người đảng viên không một phút nào được lơi lỏng rèn luyện, bỏ vị trí chiến đấu của mình, bỏ danh hiệu cao cả của người cộng sản.

3 — Đổi mới phong cách và lề lối làm việc.

Đây là một vấn đề lớn, một vấn đề trọng yếu trong công tác lãnh đạo của Đảng, là một công tác cấp bách trong việc chuẩn bị Đại hội Đảng. Nếu đổi mới được phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc thì sẽ góp phần làm chuyển biến được tình hình, mở ra một không khí mới trong Đảng, tạo ra một khí thế mới trong công tác.

Một yêu cầu quan trọng là phải làm việc theo nguyên tắc tập thể dân chủ, đoàn kết nhất trí, thẳng thắn, trung thực, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; kiên quyết chấm dứt lối làm việc độc đoán, gia trưởng, nể nang, né tránh, không dám nói thẳng nói thật ý kiến của mình, ỷ lại, dựa dẫm nhau. Phải giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng ta là trong Đảng chỉ có một ý chí, một tiếng nói, một hành động, một phong cách sống và làm việc.

Coi thường tập thể, coi thường quần chúng và cấp dưới, độc đoán, gia trưởng, quan liêu là sản phẩm của chế độ phong kiến. Khi có chức có quyền, người ta rất dễ mắc vào bệnh này, và quần chúng rất sợ, rất chán lối làm việc này. Muốn chuyển sang thực hiện phong cách khoa học, cách mạng, phong cách lê nin nít, chúng ta nhất thiết phải bắt đầu từ việc tạo ra trong Đảng một bầu không khí thật sự chan hòa, dân chủ, một lối làm việc tập thể kết hợp với phân công, xác định trách nhiệm cá nhân rõ ràng, bảo đảm dân chủ đi đôi với kỷ luật. Trong Đảng không nên có lối làm việc «giữ miếng» nhau, nể nang nhau, né tránh nhau.

Phải xây dựng tác phong lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, cụ thể, luôn luôn gần gũi quần chúng và cấp dưới; chống bệnh quan liêu, hành chính giấy tờ, hình thức phô trương. Phải kiên quyết làm việc theo quy chế, chống tùy tiện, tự do chủ nghĩa.

Các bí thư tỉnh ủy, chủ tịch tỉnh, các bộ trưởng, thứ trưởng khi cần thiết phải xuống tận cơ sở chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, phát hiện vấn đề rồi cho ý kiến giải quyết ngay tại chỗ. Hoặc khi cần thì cho gọi cấp dưới lên trực tiếp gặp, nghe báo cáo, trao đổi ý kiến, quyết định ngay, giải quyết ngay, không cần qua báo cáo trung gian, không nên dùng nhiều công văn giấy tờ, họp hành triền miên; cồng kềnh, nặng nề, kém hiệu quả. Khi ra quyết định cũng vậy, đồng chí nào phụ trách thì phải trực tiếp tiếp xúc với cấp dưới, với cơ sở, không được chỉ ngồi ở trên, ở bàn giấy nghe báo cáo, đọc báo cáo, bàn bạc qua trung gian, vòng vèo, loanh

Digitized by Google

quanh, mất nhiều công sức, thì giờ mà hiệu quả thấp, nhiều khi còn ra quyết định không đúng, dẫn đến hậu quả tai hại. Chúng ta phải cách mạng ngay lối làm việc đó.

Phong cách làm việc lê nin nít là phong cách *miệng nói, tay làm, chân đi*, lãnh đạo tập trung, dứt khoát, chỉ đạo cụ thể, có đôn đốc, có kiểm tra, theo quy trình công nghiệp, không đánh trống bỏ dùi, không phải họp xong là coi như xong việc, không phải ra quyết định xong coi như đã hết trách nhiệm.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc, các bộ phận văn phòng cũng phải chuyển nhanh phong cách làm việc. Hiện nay chúng ta có quá nhiều công văn, giấy tờ, quá nhiều báo cáo, chỉ thị. Báo cáo cần có chất lượng hơn, tổng hợp hơn, có phân tích cái mới và có lượng thông tin chọn lọc. Tệ nạn báo cáo, công văn, giấy tờ nhiều làm cho cán bộ càng quan liêu, không nắm được tình hình bên dưới. Nếu là báo cáo láo, thống kê sai lạc thì càng nguy hiểm.

Các ban tham mưu của Đảng, đặc biệt là Ban tổ chức trung ương và ban tổ chức của các cấp ủy Đảng, cần sớm được kiện toàn cả về phẩm chất và năng lực. Đây là một khâu rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức và cán bộ. Hiện nay các cơ quan tổ chức của ta làm việc còn theo kiểu cũ kỹ, lạc hậu, cách nghĩ và cách làm rất bảo thủ. Một số cán bộ tổ chức không có phương pháp tư tưởng đúng, thiếu công tâm, giải quyết theo tình cảm cá nhân, không khách quan cho nên có khi đánh giá cán bộ không chính xác, hoặc là thành kiến họp hội, hoặc là hữu khuynh dễ dãi. Ở một số nơi còn có hiện tượng nhận của hối lộ, vòi vĩnh biếu xén, cửa quyền, trù dập.

Những cán bộ làm công tác Đảng, công tác tổ chức phải là những người có phẩm chất, tư cách rất cao, trung thực, thật sự công minh, thẳng thắn, khách quan, vô tư, có nhiệt tình cách mạng, có đạo đức trong sáng, có tình thương yêu đồng chí; lại phải có trình độ, có năng lực, có phương pháp xem xét, đánh giá con người một cách đúng đắn, nắm vững đường lối quan điểm của Đảng, nguyên tắc tổ chức cán bộ. Cán bộ tổ chức phải làm việc một cách sâu sát, cụ thể, khoa học, phối hợp và kết hợp chặt chẽ với các bộ phận có liên quan, phát huy và tập trung được trí tuệ của tập thể trong công tác cán bộ. Nếu không kiện toàn tốt ban tổ chức, không giáo dục tốt cán bộ làm công tác tổ chức thì đến một lúc nào đó có thể đội ngũ cán bộ của ta sẽ chuyển biến theo một chiều hướng khác, không còn là đội ngũ của Đảng cách mạng. Sắp tới phải rà soát lại, kiên quyết loại bỏ những người không đủ tư cách làm cán bộ tổ chức xây dựng Đảng, bổ sung những cán bộ có đủ tiêu chuẩn làm công tác này, xây dựng ban tổ chức thành cơ quan tham mưu đắc lực của Đảng, một ban mẫu mực, trong sạch, có tính chiến đấu cao.

★

Digitized by Google

Trước mắt chúng ta đang có rất nhiều khó khăn, nhiệm vụ chiến đấu, sản xuất, xây dựng, cải tiến cơ chế quản lý, tổ chức xây dựng Đảng rất nặng nề. Nhưng nếu toàn Đảng ta, tất cả các cấp các ngành đoàn kết nhất trí, tập trung làm tốt những việc cấp bách nêu trên; mỗi cán bộ, đảng viên trên vị trí công tác của mình đem hết nhiệt tình cách mạng hoàn thành tốt đẹp nhất nhiệm vụ mà tổ chức Đảng đã giao cho, thì nhất định chúng ta sẽ làm chuyển biến được tình hình, hoàn thành thắng lợi các mặt công tác mà Trung ương Đảng, Bộ chính trị đã đề ra, tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng với một niềm tin mới, một quyết tâm và khí thế mới, đưa đất nước bước vào một thời kỳ mới đầy năng động, sáng tạo và giành những thắng lợi mới. Những người cộng sản chúng ta ở tất cả mọi lứa tuổi hãy ghi nhớ lời nói đầy tâm huyết của người cộng sản trẻ tuổi Pa-ven Coóc-xa-ghin trong tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy*, và lấy nó làm phương châm sống và hành động của mình: «Cái quý nhất của con người là cuộc sống. Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng tỉ tiện và đớn hèn của mình, để đến khi nhắm mắt xuôi tay có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời...».

Digitized by Google

CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH TỐT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP

THEO quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng, cùng với việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc thứ VI của Đảng, từ nay đến hết quý III năm 1986, các cấp ủy Đảng sẽ triệu tập Đại hội đảng bộ các cấp.

Khác với trước đây, lần này Đại hội đảng bộ các cấp chỉ tiến hành một vòng cho nên đều phải thảo luận Đề cương báo cáo chính trị của BCH TƯ Đảng, thảo luận Dự thảo báo cáo bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng; thảo luận Báo cáo hoặc Đề cương báo cáo của cấp ủy Đảng cấp trên; đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ công tác của đảng bộ mình trong nhiệm kỳ qua, quyết định những phương hướng, nhiệm vụ công tác trong nhiệm kỳ tới; bầu đại biểu đi dự Đại hội đảng bộ cấp trên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; và bầu ban chấp hành mới của đảng bộ.

Như vậy là Đại hội đảng bộ các cấp kỳ này có rất nhiều nội dung quan trọng, phải giải quyết nhiều nhiệm vụ chẳng những có quan hệ trực tiếp đến mọi mặt công tác của địa phương, mà còn có liên quan đến việc chuẩn bị Đại hội toàn quốc của Đảng, đến việc nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của toàn Đảng.

Việc tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp một vòng vào trước Đại hội toàn quốc tuy có những khó khăn nhất định trong việc chuẩn bị nội dung và khẩn trương về mặt thời gian, nhưng có mặt tốt cơ bản là kết hợp chặt chẽ được việc chuẩn bị tiến hành Đại hội đảng bộ cấp mình với việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội đảng bộ cấp trên và Đại hội toàn quốc, tránh được những sự trùng lắp, rườm rà và lãng phí không cần thiết.

Đại hội đảng bộ các cấp kỳ này có những yêu cầu chủ yếu sau đây:

— Đánh giá đúng tình hình thực hiện các nhiệm vụ công tác thời gian vừa qua, góp ý kiến vào các đề án của Đại hội cấp trên và Đại hội toàn quốc, xây dựng tốt nghị quyết của Đại hội đảng bộ.

— Bầu cử được ban chấp hành mới của đảng bộ đủ sức đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ do Đại hội đảng bộ đề ra, và cử đoàn đại biểu tiêu biểu cho trí tuệ của đảng bộ đi dự Đại hội đảng bộ cấp trên hoặc Đại hội toàn quốc.

— Tăng cường đoàn kết nhất trí, phát huy truyền thống tốt đẹp và sức chiến đấu của đảng bộ, động viên quyết tâm và khí thế của quần chúng thi đua đẩy mạnh sản xuất và công tác, lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng.

★

Muốn thảo luận và đánh giá chính xác tình hình thời gian vừa qua, góp ý kiến đúng đắn vào các Đề án Đại hội đảng bộ cấp trên và Đại hội toàn quốc, xây dựng tốt nghị quyết của đại hội đảng bộ cấp mình, vấn đề quan trọng là phải có quan điểm và phương pháp đánh giá đúng, tức là

Digitized by Google

Phải thật sự khách quan, khoa học, nhìn nhận tình hình một cách toàn diện, cụ thể và biện chứng, không giản đơn một chiều, không xen động cơ cá nhân sai lệch. Các cấp ủy Đảng và Đại hội cần làm rõ những thành tích và ưu điểm để phát huy, đồng thời chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm để sửa chữa. Phải nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình bôn sê vích, dám nhìn thẳng vào sự thật, dũng cảm nhận những thiếu sót, khuyết điểm chủ quan, không, tranh công về mình, đổ lỗi cho người khác, không né tránh, phủi trách nhiệm.

Tiến hành Đại hội đảng bộ là một dịp tổng kết các mặt công tác, rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết trong việc lãnh đạo và chỉ đạo, nhất là kinh nghiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện, kinh nghiệm quản lý và điều hành công việc, trên cơ sở đó củng cố sự đoàn kết nhất trí, vạch ra những phương hướng và biện pháp tiếp tục đưa các mặt công tác tiến lên. Vì vậy Báo cáo của cấp ủy trước Đại hội cần tập trung vào việc tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội V của Đảng và nghị quyết Đại hội đảng bộ nhiệm kỳ vừa qua, đi sâu phân tích việc thực hiện «bốn mục tiêu», «ba cuộc cách mạng» ở địa phương, kiểm điểm sâu sắc sự lãnh đạo của đảng bộ và cấp ủy, chỉ ra đầy đủ những thành tích và khuyết điểm, phân tích rõ nguyên nhân, đề ra các biện pháp tích cực sửa chữa khuyết điểm.

Khi thảo luận đánh giá tình hình công tác của địa phương, cần kết hợp thảo luận những nhận định đánh giá tình hình của cấp trên; kết hợp việc tự phê bình và phê bình của cấp mình với việc phê bình các công việc của cấp trên; kết hợp việc tự phê bình và phê bình trong Đảng với việc lấy ý kiến phê bình của quần chúng ngoài Đảng; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng.

Trong việc đề ra phương hướng, mục tiêu, biện pháp công tác cho thời gian tới, cần quán triệt và vận dụng quan điểm và chủ trương chung của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương, đề ra mục tiêu sát hợp, chủ trương thiết thực, biện pháp tích cực, có trọng tâm, không chủ quan, viển vông, không thụ động, ỷ lại. Hiện nay, đất nước ta đang có những chuyển biến sâu sắc về các mặt với những thuận lợi rất cơ bản, nhưng cũng có nhiều khó khăn, thậm chí có những khó khăn gay gắt. Khó khăn lớn nhất và tập trung nhất là tình hình kinh tế, đời sống, xã hội của nước ta còn chưa ổn định, bước chuyển sang xây dựng cơ cấu kinh tế mới và cơ chế quản lý mới mới chỉ là bước đầu, có nhiều diễn biến phức tạp; giá — lương — tiền đang là vấn đề nóng bỏng; các hiện tượng tiêu cực còn nhiều, quần chúng kém phấn khởi và có một bộ phận giảm sút lòng tin; kẻ địch đang ra sức lợi dụng khó khăn của ta để phá hoại. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, cố gắng vươn lên khắc phục mọi khó khăn, năng động, sáng tạo, khai thác đến mức tốt nhất các tiềm năng về đất đai, lao động, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật, làm ra nhiều của cải cho xã hội, nhằm sớm ổn định cơ bản tình hình kinh tế xã hội, đưa nền kinh tế đi vào thế phát triển năng động, hình thành cơ cấu kinh tế mới, xây dựng và hoàn thiện từng bước cơ chế quản lý mới, thúc đẩy sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên những bước mới.

Các cấp ủy Đảng cần nắm vững quan điểm cơ bản của các nghị quyết Hội nghị thứ 6, 7, 8, 9 của BCH TƯ Đảng (khóa V), vạch ra kế hoạch và biện pháp tổ chức lại sản xuất, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, khắc phục tình trạng tập trung quan liêu bao cấp, phát triển mạnh sản xuất, kinh doanh, ổn định

Digitized by Google

giá cả, thị trường, bảo đảm đời sống nhân dân. Đồng thời có chủ trương và biện pháp tích cực củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, kiện toàn bộ máy tổ chức, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

★

Bầu ban chấp hành mới của đảng bộ, kiện toàn cấp ủy Đảng là một nội dung quan trọng của Đại hội đảng bộ các cấp. Đặc biệt lần này, Đại hội Đảng được tiến hành trong hoàn cảnh đất nước ta sau hơn 10 năm hoàn toàn giải phóng và sau 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội V của Đảng, đội ngũ cán bộ Đảng và Nhà nước ta đã có bước trưởng thành đáng kể trong lãnh đạo xây dựng và quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhưng hiện nay nhiều đồng chí đã già yếu, không còn đủ sức khỏe và khả năng đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng. Yêu cầu khách quan đặt ra là phải thực hiện sự chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng và bố trí đúng đội ngũ cốt cán, làm cho sự lãnh đạo của Đảng luôn luôn vững vàng, các tổ chức Đảng luôn luôn đoàn kết thống nhất, đưa cách mạng nước ta tiếp tục vững bước tiến lên.

Đại hội kỳ này phải bầu được ban chấp hành đảng bộ thật sự có năng lực lãnh đạo hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ công tác của địa phương, tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Muốn thế phải nắm vững tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, tiêu chuẩn cấp ủy viên mà Đại hội V của Đảng đã quy định. Trong điều kiện hiện nay, cần đặc biệt chú trọng các tiêu chuẩn trung thành và trung thực với Đảng, với nhân dân, nhất trí với đường lối, quan điểm của Đảng, hết lòng hết sức phấn đấu cho lợi ích của Đảng và của nhân dân, biết chăm lo lợi ích chung của cả nước, của tập thể, của người lao động; có ý thức tổ chức kỷ luật, chăm lo đoàn kết nội bộ; có tính năng động, sáng tạo; có tinh thần dám nghĩ, dám nói thẳng sự thật, dám làm và dám chịu trách nhiệm; có ý thức toàn cục, không cục bộ địa phương, không cơ hội chủ nghĩa.

Về năng lực, những đồng chí được bầu vào cấp ủy phải là những người có năng lực vận dụng và quán triệt đường lối của Đảng, năng lực tổ chức thực hiện và điều hành công việc, nhất là năng lực quản lý kinh tế, năng lực thực hiện cơ chế quản lý mới.

Về phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc, đó phải là những đồng chí biết tôn trọng tập thể, làm việc dân chủ, sâu sát cơ sở và công việc, lắng nghe ý kiến quần chúng và cấp dưới; có lối sống giản dị, lành mạnh; làm việc có nghiên cứu điều tra, có kiểm tra đôn đốc; thực hiện tự phê bình và phê bình, khen thưởng công bằng, kỷ luật nghiêm minh; thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm.

Những tiêu chuẩn chung đó lại phải được cụ thể hóa sao cho sát hợp với từng loại chức vụ ở từng cấp, từng ngành và thích hợp với tính chất công việc ở mỗi địa phương, cơ sở. Không để lại trong cấp ủy những đồng chí trong nhiệm kỳ qua không phát huy được tác dụng lãnh đạo, sa sút về phẩm chất, hạn chế về năng lực hoặc sức khỏe.

Việc cấu tạo cấp ủy lần này phải nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng lãnh đạo kinh tế, đồng thời tăng cường lãnh đạo quốc phòng, an ninh, công tác Đảng, công tác quần chúng, bảo đảm sát cấp dưới, sát cơ sở, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý. Những đồng chí được bầu vào cấp ủy nói chung phải là những người trưởng

Digitized by Google

thành từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chiến đấu, công tác, am hiểu công việc được giao, thật sự có khả năng tham gia lãnh đạo hoàn thành mọi nhiệm vụ công tác và có tác dụng tập hợp, lôi cuốn quần chúng.

Trong cơ cấu thành phần cấp ủy, cần có một số cán bộ phụ trách các ngành quan trọng về kinh tế, xã hội, nội chính, công tác Đảng, công tác quần chúng; có một số lượng thích đáng các bí thư, giám đốc ở các đơn vị kinh tế quốc doanh, các cơ quan sự nghiệp,... do cấp trên ngành dọc quản lý nhưng tổ chức đảng trực thuộc đảng bộ địa phương. Trong số cấp ủy viên của tỉnh, thành phố nên có một phần ba công tác ở huyện, quận và cơ sở; của huyện, quận nên có trên một phần ba công tác ở cơ sở. Ở những huyện, quận, thành phố, thị xã có nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp và ở các xí nghiệp kinh tế quốc doanh cần có một số lượng thích đáng công nhân trực tiếp sản xuất tham gia cấp ủy.

Để bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ, kết hợp chặt chẽ cán bộ cũ với cán bộ mới, cán bộ già với cán bộ trẻ, đáp ứng yêu cầu trước mắt và yêu cầu lâu dài, tất cả các ban chấp hành đảng bộ được bầu lần này nên có đủ ba thế hệ ở ba lứa tuổi khác nhau. Ở cấp tỉnh, thành phố, bên cạnh một số đồng chí thuộc lớp tuổi từ 50 trở lên, cần có nhiều đồng chí ở lớp tuổi từ 40 đến 49, và một số đồng chí ở lớp tuổi dưới 40. Ở cấp huyện, quận, bên cạnh một số đồng chí trên 45 tuổi, cần có số đông đồng chí từ 35 đến 45 tuổi, và một số đồng chí trên 30 tuổi. Chú ý tăng thêm các cán bộ xuất thân từ công nhân, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ có trình độ quản lý kinh tế. Chú ý bảo đảm cơ cấu thành phần hợp lý trong cấp ủy không có nghĩa là chỉ cốt tạo ra một cơ cấu cấp ủy «đẹp» gồm đủ các thành phần, mà xem nhẹ hoặc «châm chước» tiêu chuẩn. Phải ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện của tư tưởng bè phái, cục bộ, địa phương, chỉ chú trọng những người ở địa phương, thôn xóm mình, không ủng hộ những cán bộ ở các địa phương khác đến hoặc do cấp trên điều về, mặc dù họ có đủ tiêu chuẩn. Ngăn ngừa và khắc phục các thiên hướng hình thức máy móc như chỉ xem xét về tuổi đời hoặc chỉ chú trọng bằng cấp, nặng về thành phần xuất thân, không xem xét đầy đủ tiêu chuẩn.

Cũng nhân dịp này, các tỉnh ủy, thành ủy cần thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ kết hợp với ổn định cán bộ. Trong những trường hợp cần thiết, tỉnh ủy, thành ủy cần điều chuyển cán bộ lãnh đạo từ tỉnh, thành phố xuống huyện, quận và cơ sở, hoặc từ huyện, quận này sang huyện, quận khác; từ huyện, quận lên tỉnh, thành phố hoặc xuống cơ sở... Làm như vậy chẳng những sẽ góp phần nâng độ đồng đều về chất lượng lãnh đạo giữa các địa phương, mà còn đổi mới được cán bộ, bồi dưỡng cán bộ một cách toàn diện hơn, mở rộng tầm nhìn và sự hiểu biết của cán bộ, khắc phục những tư tưởng chủ quan, bảo thủ, trì trệ trong đội ngũ cán bộ. Đối với một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở tỉnh, huyện, nếu chưa qua công tác ở huyện hoặc cơ sở cũng cần đưa về huyện, cơ sở để bồi dưỡng thêm hiểu biết thực tế và kinh nghiệm công tác, chuẩn bị bố trí những công tác quan trọng hơn trong khóa sau và cũng là để tăng cường chất lượng cho cấp ủy cấp dưới.

★

Thành công của Đại hội đảng bộ các cấp tùy thuộc chủ yếu vào công tác chuẩn bị của các cấp ủy Đảng. Mặc dù cùng một lúc các cấp ủy Đảng

Digitized by Google

phải lãnh đạo triển khai thực hiện nhiều việc, trong đó có những việc rất cấp bách và nóng bỏng như sắp xếp lại sản xuất, ổn định giá cả, thị trường, bảo đảm đời sống nhân dân,... nhưng vẫn cần tập trung sức chuẩn bị thật tốt các công việc của Đại hội; kết hợp chặt chẽ việc chỉ đạo thực hiện các công tác thường xuyên với việc chuẩn bị Đại hội.

Quá trình chuẩn bị Đại hội là quá trình nắm lại tình hình, kiểm điểm và tổng kết việc thực hiện các nghị quyết và chỉ thị của Đảng từ Đại hội V của Đảng đến nay, tiến hành tốt đợt tự phê bình và phê bình, phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc đánh giá tình hình, vạch ra phương hướng, biện pháp công tác, sắp xếp lại tổ chức, kiện toàn lại bộ máy, bố trí lại cán bộ, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Trên cơ sở nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, thực hiện nghiêm túc việc tự phê bình và phê bình, khẩn trương rà soát và bố trí lại các cán bộ chủ chốt sao cho đáp ứng được yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng trong những năm sắp tới. Việc này phải hoàn thành về cơ bản trước khi tiến hành Đại hội.

Các ban, các bộ ở trung ương góp ý kiến cụ thể với các tỉnh ủy, thành ủy về những vấn đề cơ bản, quan trọng trên lĩnh vực công tác của ngành mình sẽ đưa ra bàn bạc và quyết định ở Đại hội, đồng thời có những kiến nghị cần thiết về việc điều chuyển cán bộ về tham gia cấp ủy ở địa phương hoặc cơ sở.

Các cấp ủy có biện pháp chỉ đạo tích cực việc củng cố các cơ sở; rà soát, sàng lọc, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; bố trí đúng các cốt cán lãnh đạo như bí thư đảng ủy, chủ tịch xã, giám đốc xí nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã... theo tinh thần các chỉ thị và quyết định của BBT TƯ Đảng về củng cố, kiện toàn các loại tổ chức cơ sở Đảng.

Để chuẩn bị và tiến hành tốt Đại hội, các cấp ủy Đảng cần nắm vững yêu cầu, phương hướng, nội dung của Đại hội, có kế hoạch chỉ đạo thật cụ thể, thiết thực, và nên làm thử ở một vài nơi để rút kinh nghiệm; không hình thức phô trương, không ăn uống lãng phí.

Việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội sẽ thu được kết quả tốt nếu được kết hợp chặt chẽ với việc thúc đẩy các nhiệm vụ công tác thường xuyên của địa phương, phát động quần chúng đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng.

Digitized by Google

VÕ VĂN KIỆT

CHIẾN LƯỢC KINH TẾ CỦA LIÊN XÔ

ĐẠI hội XXVII ĐCS Liên xô vừa nêu lên nhiệm vụ lịch sử hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội, đưa xã hội xô viết tiến xa hơn nữa trên con đường cộng sản chủ nghĩa trên cơ sở đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Chiến lược kinh tế do Đại hội thông qua cho 5 năm tới và đến năm 2000 là yếu tố quan trọng hàng đầu để hoàn thiện chủ nghĩa xã hội và đưa xã hội Liên xô tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Việc xác định chiến lược đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội của đất nước dựa trên sự đánh giá khách quan và sâu sắc thực trạng nền kinh tế, với tinh thần dám nhìn thẳng vào sự thật, khẳng định mặt mạnh, vạch rõ những yếu kém và từ đó vươn lên với quyết tâm cao và những biện pháp hết sức thực tế và khoa học. Mặt mạnh của kinh tế Liên xô hiện nay là tiềm lực và quy mô to lớn, hoàn chỉnh, bao gồm gần 50 nghìn xí nghiệp công nghiệp, chiếm 20% sản lượng công nghiệp thế giới, sản xuất khoảng 20 triệu sản phẩm khác nhau; tài sản cố định của nền kinh tế đạt 1500 tỷ rúp. Liên xô hiện có trên 5000 trung tâm nghiên cứu khoa học với một đội ngũ nhà khoa học đông nhất và có trình độ vào loại cao nhất thế giới, sản xuất một phần ba sản phẩm khoa học toàn thế giới. Có thể khẳng định *nền kinh tế Liên xô đã đạt tới giới hạn mà những thay đổi căn bản về chất đã chín muồi và cấp thiết.*

Đảng và Nhà nước Liên xô đã chỉ ra mặt yếu của nền kinh tế Liên xô là năng suất lao động chưa cao; kể từ những năm 70, nhịp độ tăng trưởng kinh tế chậm lại; chất lượng sản phẩm có mặt còn yếu kém; sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng chưa đáp ứng nhu cầu; tiến bộ khoa học đưa vào sản xuất còn chậm, thiếu những bước nhảy vọt tương xứng với tiềm năng hùng hậu sẵn có.

Mục tiêu chiến lược của đường lối kinh tế hiện nay là nhằm thực hiện một bước chuyển biến mang tính chất cách mạng trong nền kinh tế. Vấn đề chủ yếu không phải chỉ là nhịp độ phát triển mà là thay đổi nhanh chóng về chất lượng. Điều đó có nghĩa là phải nhanh chóng đạt tới một nền kinh tế có tổ chức và hiệu suất cao nhất, lực lượng sản xuất phát triển toàn diện, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa hoàn thiện, cơ chế quản lý kinh tế khoa học và có hiệu lực. Muốn đạt mục tiêu này, không thể dựa trên cơ sở vật chất — kỹ thuật đã có. Lối thoát ở đây là cải tổ lại một cách sâu sắc nền kinh tế quốc dân trên cơ sở những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật, đổi mới một cách căn bản toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế.

Đối với Liên xô, 15 năm tới là thời kỳ lịch sử hết sức quan trọng trên con đường hoàn thiện chủ nghĩa xã hội và tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Mục tiêu của chiến lược kinh tế là trong 15 năm tới *phải tạo nên một tiềm*

Digitized by Google

lực kinh tế gấp hai lần tất cả những gì đã đạt được cho tới nay, tăng gần gấp hai lần thu nhập quốc dân và 2,3—2,5 lần năng suất lao động. Dựa trên cơ sở đó để đạt tới mục tiêu cao nhất của chiến lược kinh tế là không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

ĐCS Liên xô cho rằng trong thời gian hơn 10 năm qua, nền kinh tế Liên xô mặc dù vẫn không ngừng phát triển song đã gặp những khó khăn nhất định. Nguyên nhân của những khó khăn đó chủ yếu là nền kinh tế chưa thật sự chuyển sang con đường phát triển theo chiều sâu, trong khi đó thì những điều kiện để khai thác tài nguyên khó khăn hơn và nguồn lao động cũng khan hiếm hơn. Do đó, một khi việc xây dựng mới và nguồn lao động giảm xuống thì nhịp độ tăng trưởng kinh tế cũng giảm. Vì vậy, Đảng coi việc *chuyển nền kinh tế lên quỹ đạo theo chiều sâu*, tạo ra tính năng động cao và tính nhạy cảm đối với hiệu quả ở mọi cấp quản lý, là điều kiện quyết định để phát triển hơn nữa kinh tế xã hội Liên xô, là biện pháp chiến lược mang tính chất sống còn đối với mỗi xí nghiệp, mỗi ngành và toàn bộ nền kinh tế. ĐCS Liên xô cho rằng từ nay phải dứt khoát từ bỏ quan điểm coi xây dựng mới là biện pháp cơ bản để mở rộng sản xuất, chấm dứt cách làm trước đây là cố « moi » của Nhà nước càng được nhiều vốn và nguyên liệu, vật liệu càng tốt.

Thực tế cho thấy, đối với tiềm lực kinh tế Liên xô hiện nay, việc đầu tư để cải tạo kỹ thuật các xí nghiệp hiện có sẽ cho hiệu quả gấp hai lần so với đầu tư xây dựng mới. Nếu như trước đây, trong tổng số vốn, 2/3 dành cho xây dựng mới, 1/3 dành cho cải tạo, thì từ nay ít nhất 1/2 dành cho cải tạo. Trong 5 năm tới sẽ đổi mới từ 50 đến 60% thiết bị trong toàn bộ kinh tế quốc dân, thay vào đó bằng những thiết bị hiện đại nhất, có năng suất cao nhất, thực hiện việc cải tạo về chất cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xô viết.

Đòn bẩy chiến lược chủ yếu của sự phát triển theo chiều sâu là *thúc đẩy nhanh chóng sự tiến bộ về khoa học, kỹ thuật*; đặt khoa học, kỹ thuật lên một tầm cao mới, coi đó là yếu tố quyết định của tăng trưởng kinh tế, xã hội. « Sứ mệnh lịch sử của chủ nghĩa xã hội là đem những thành tựu của khoa học tiên tiến, kỹ thuật hiện đại và hoàn thiện nhất phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản, sử dụng cơ sở vật chất vững chắc để thực hiện những mục tiêu cơ bản có tính cương lĩnh của ĐCS Liên xô là tăng nhanh phúc lợi của nhân dân và phát triển con người toàn diện, củng cố sức mạnh kinh tế và quốc phòng của Tổ quốc chúng ta » (1). ĐCS Liên xô cho rằng nền khoa học xô viết, bao gồm cả khoa học cơ bản và khoa học kỹ thuật, phải giữ vị trí quyết định sự tăng trưởng mạnh mẽ toàn diện và hiệu quả cao mọi lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và quản lý. Do đó phải chuyển từ kiểu « tuần tự như tiến » là chủ yếu sang những chuyển biến mang tính chất cách mạng là chủ yếu trong tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Phải chấm dứt kiểu cải tiến nhỏ nhoi, ngốn nhiều vốn mà thu hồi vốn lại chậm. Đảng đòi hỏi giới khoa học kỹ thuật xô viết phải trong thời hạn ngắn nhất tạo nên những hệ thống công nghệ hoàn toàn mới, những máy móc thuộc thế hệ mới nhất và có hiệu quả cao nhất, tạo ra một bước ngoặt về trình độ cơ khí hóa và tự động hóa, tiến tới tự động hóa toàn bộ qua việc sử dụng rộng rãi người máy trong toàn bộ nền kinh tế, nhằm giảm tới mức thấp nhất số người lao động chân tay hiện nay và đưa năng suất lao động công nghiệp

(1) *Cương lĩnh ĐCS Liên xô* (bản mới) do Đại hội XXVII ĐCS Liên xô thông qua.

Digitized by Google

và nông nghiệp Liên xô lên hàng đầu thế giới.

Biện pháp quan trọng để khoa học kỹ thuật có thể thực hiện được nhiệm vụ trên đây trước hết là xác định đúng đắn vị trí quan trọng của các cơ quan và giới khoa học xô viết, tạo điều kiện thuận lợi để cho cán bộ khoa học kỹ thuật có thể có những sáng tạo lớn nhất, cống hiến hết sức mình cho đất nước xô viết. Đồng thời, về mặt tổ chức, Liên xô thực hiện việc liên kết khoa học và sản xuất, thành lập các "Liên hợp khoa học — sản xuất". Các liên hợp này bao gồm từ cơ quan nghiên cứu khoa học, thiết kế, các nhà máy sản xuất thử và sản xuất hàng loạt; các viện nghiên cứu và thiết kế trở thành một bộ phận hữu cơ của các liên hợp sản xuất lớn.

Một bộ phận hết sức quan trọng của cách mạng khoa học kỹ thuật là cuộc cách mạng trong hệ thống giáo dục và đào tạo, nhằm tạo ra một đội ngũ cán bộ và công nhân không chỉ có thể đứng vững được trong kỷ nguyên các quy trình công nghệ thay đổi như vũ bão và các máy móc thiết bị hao mòn vô hình một cách cực kỳ nhanh chóng mà còn có đủ khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật mới nhất trong sản xuất và cả trong quản lý. Bởi rằng ngày nay, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã đặt quản lý kinh tế xã hội trên những cơ sở kỹ thuật tiên tiến là kỹ thuật tính toán điện tử và kỹ thuật tổ chức hoàn toàn mới.

Chiến lược kinh tế mới đòi hỏi phải có *những thay đổi lớn về cơ cấu kinh tế*. Nền kinh tế phải được xây dựng lại một cách năng động phù hợp với xu thế tiến bộ khoa học kỹ thuật, với những công nghệ mới và với nhu cầu đời sống xã hội. Do vậy, cần phát triển nhanh các ngành có khả năng bảo đảm tiến bộ khoa học kỹ thuật và giải quyết có kết quả các nhiệm vụ của xã hội, tạo ra mối quan hệ tối ưu giữa tiêu dùng và tích lũy, cải tiến quan hệ tỷ lệ giữa khu vực sản xuất tư liệu sản xuất và khu vực sản xuất tư liệu tiêu dùng, giữa các ngành trong liên hợp xí nghiệp nông — công nghiệp.

Muốn đạt mục tiêu trên, phải có sự đổi mới về chính sách đầu tư, nhằm bảo đảm hiệu quả cao nhất của đồng vốn, tập trung vào những lĩnh vực có ý nghĩa quyết định, khiến toàn bộ kinh tế phát triển với nhịp độ tăng trưởng cao, ổn định, cân đối, từ mỗi đồng rúp chi phí có thể làm ra nhiều sản phẩm và đưa lại mức thu nhập quốc dân cao. Cần chuyển trọng tâm từ việc xây dựng mới sang trang bị lại về kỹ thuật và cải tạo kỹ thuật các xí nghiệp hiện có.

Liên xô chủ trương tiếp tục phát triển hơn nữa công nghiệp nặng, đó là cơ sở của sức mạnh kinh tế, trong đó *công nghiệp chế tạo máy giữ vai trò then chốt* trong việc thực hiện cách mạng khoa học kỹ thuật, vật chất hóa những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến. Liên xô sẽ ưu tiên phát triển công nghiệp máy cái, công nghiệp kỹ thuật điện, kỹ thuật vi điện tử và máy tính, công cụ, toàn bộ công nghiệp thông tin. Đó là những đòn bẩy thật sự để đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Công nghiệp luyện kim, hóa chất, vật liệu mới sẽ được tăng cường và có sự chuyển biến về chất, nhất là về chất lượng nguyên liệu, vật liệu, chất lượng sản phẩm. Liên xô sẽ cố gắng gấp hai, ba lần để đuổi kịp thế giới về vật liệu gốm, nguyên liệu, hóa chất, vật liệu tinh khiết và siêu tinh khiết. Công nghiệp nhiên liệu, năng lượng sẽ được phát triển có hiệu quả, sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng. Vấn đề tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng được đặt thành một trong những chỉ tiêu kinh tế bắt buộc trong toàn bộ các ngành kinh tế. Hiện nay, ở Liên xô phần chi phí cho nguyên liệu,

Digitized by Google

năng lượng chiếm tới 75% giá thành sản phẩm. Hơn nữa, nguồn lao động giảm, giá thành nguyên liệu, năng lượng ngày càng cao. Trên thế giới, nguồn năng lượng đang bước vào giai đoạn cạn kiệt. Từ năng lượng kéo theo những khó khăn về nguyên liệu. Tình hình đó đòi hỏi phải thay đổi công nghệ khai thác, chế biến và sử dụng nguyên liệu, năng lượng, nhằm giảm mức tiêu hao năng lượng, nguyên liệu trong một đơn vị sản phẩm xuống mức thấp nhất. Nhiệm vụ đặt ra là đáp ứng 75 – 80% mức tăng nhu cầu của nền kinh tế về nguyên liệu, năng lượng bằng cách tiết kiệm chúng. Đây thật sự là nhiệm vụ to lớn của toàn Đảng, toàn dân Liên xô.

Các nông trang tập thể, nông trường quốc doanh, các xí nghiệp liên hợp nông–công nghiệp là cơ sở của kinh tế xã hội chủ nghĩa, có nhiệm vụ góp phần quyết định vào việc bảo đảm những nhu cầu của toàn xã hội về sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, các liên hợp nông – công nghiệp là điều kiện tất yếu của sự tiến bộ kinh tế xã hội (2). Do đó, Liên xô sẽ dành nhiều vốn hơn nữa để củng cố và nâng cao hiệu quả của các xí nghiệp liên hợp nông – công nghiệp; chú trọng hơn nữa đến kinh tế phụ của các xí nghiệp và gia đình. ĐCS Liên xô hướng mọi cố gắng vào việc tăng nhanh sản xuất hàng tiêu dùng và các hoạt động dịch vụ nhằm thỏa mãn một cách toàn diện nhu cầu của mọi công dân xô viết.

ĐCS Liên xô tiếp tục không ngừng quan tâm đến việc hoàn thiện sự phân bố lực lượng sản xuất trong cả nước, nhằm kết hợp một cách hợp lý nhất giữa cơ sở sản xuất và cơ sở nguyên liệu, đẩy nhanh sự phát triển lực lượng sản xuất ở Xi-bia và Viễn Đông.

Chất lượng sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp và chính xác nhất của tiến bộ khoa học kỹ thuật, của trình độ văn hóa và kỷ luật lao động, là một nội dung quan trọng bậc nhất của chiến lược kinh tế hiện nay. ĐCS Liên xô thừa nhận rằng chất lượng sản phẩm của Liên xô hiện nay tuy đã được nâng cao, song vẫn là một trong những yếu kém của nền kinh tế, là một nguồn gốc gây ra những thiệt hại nghiêm trọng không chỉ về kinh tế xã hội mà cả về chính trị, đạo đức. Đảng không thể chấp nhận tình trạng những kỹ thuật mới vừa được sáng tạo và đưa vào sản xuất lại đã tỏ ra lạc hậu so với những chỉ tiêu tiên tiến nhất của kỹ thuật cùng loại. Đảng cho rằng chất lượng sản phẩm không chỉ là niềm tự hào nghề nghiệp mà còn là niềm tự hào dân tộc. Nhà nước cần phải có những quy chế nghiêm ngặt nhất về việc cấp dấu chất lượng Nhà nước. Trong công việc này, không một sự trì hoãn nào có thể được bào chữa. « Không một ai, không một xí nghiệp, một nhà thiết kế, nhà công nghệ hay nhà bác học, không một công nhân hay một nông trang viên, tóm lại, không một người lao động trung thực nào có quyền đứng ngoài cuộc. Đảng sẽ tích cực trợ lực cho cuộc đấu tranh vì danh dự của nhãn hiệu Liên xô và sẽ xét hỏi nghiêm khắc những ai còn thụ động hoặc gây cản trở cho việc giải quyết vấn đề được đặt ra » (3).

---

(2) Kể từ tháng 5-1982, Liên xô thành lập các liên hợp xí nghiệp nông–công nghiệp ở cấp huyện và tỉnh, nhằm thống nhất về một đầu mối sản xuất nông nghiệp và các hoạt động có liên quan đến nông nghiệp như chế biến nông sản, cung cấp vật tư, thiết bị và tiền vốn cho nông nghiệp... Ở cấp trung ương đã thành lập Ủy ban nông – công nghiệp Nhà nước thay thế cho 6 bộ có liên quan về nông nghiệp trước đây. Đây là việc cải cách quan trọng về cơ chế quản lý nông nghiệp. Nó tạo điều kiện cho các liên hợp xí nghiệp nông–công nghiệp có thể phát huy tinh thần chủ động độc lập hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

(3) M.X. Goóc-ba-trốp: *Vấn đề then chốt trong chính sách kinh tế của Đảng*. Bài phát biểu tại hội nghị UBTƯ ĐCS Liên xô tháng 4-1985.

Digitized by Google

Đảng cộng sản Liên xô coi tiền đề của việc đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội là thường xuyên hoàn thiện quan hệ sản xuất. Đảng coi việc *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là một đòi hỏi cấp bách*. Mục tiêu quan trọng nhất của việc cải tiến cơ chế là nhằm hướng toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế vào việc nâng cao hiệu quả kinh tế, đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, thỏa mãn ngày càng đầy đủ nhu cầu xã hội. Phương hướng cơ bản của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế hiện nay là: *Thứ nhất*, mở rộng hơn nữa quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở, theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước. *Hai là*, sử dụng mạnh hơn các đòn bẩy kinh tế, làm cho từng cá nhân và tập thể thật sự quan tâm đến hiệu quả cuối cùng của sản xuất kinh doanh, bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa kế hoạch và các đòn bẩy kích thích kinh tế. Do vậy, cơ chế mới phải tạo ra được một đà mới trong nền kinh tế, và sản xuất phải phục tùng đòi hỏi của tiêu dùng chứ không phải ngược lại. ĐCS Liên xô quyết định đổi mới một cách căn bản việc lập kế hoạch và quản lý, giảm bớt một số chỉ tiêu kế hoạch xét không cần thiết. Hoạt động của các xí nghiệp phải được điều hành không phải bằng mệnh lệnh hành chính mà chủ yếu bằng những định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng có căn cứ khoa học và do đó mang tính chất pháp luật chặt chẽ, tiếp tục củng cố và phát triển chế độ tập trung dân chủ, nâng cao hiệu quả của nhân tố tập trung hóa trong việc quản lý và kế hoạch hóa; tích cực vận dụng các hình thức và phương pháp lãnh đạo linh hoạt, năng động; quán triệt nguyên tắc hạch toán kinh tế và mạnh dạn sử dụng quan hệ hàng hóa—tiền tệ cũng như toàn bộ các đòn bẩy kích thích kinh tế; động viên tới mức cao nhất tinh thần chủ động sáng tạo của địa phương, cơ sở và của quần chúng. Dựa vào mục tiêu nói trên để hoàn thành trong thời gian ngắn nhất việc thiết lập một cơ chế quản lý và kinh doanh mới trong toàn bộ kinh tế quốc dân. Trong cơ chế mới, phải phát huy mạnh mẽ vai trò và trách nhiệm của Ủy ban kế hoạch Nhà nước Liên xô, biến nó thật sự thành trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế, thành cơ quan kinh tế khoa học, nơi tập trung những chuyên gia kinh tế đầu ngành và các nhà bác học lớn. Những chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm, về hiệu quả sử dụng tài nguyên, về quy mô và nhịp độ đổi mới sản phẩm, về mức tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến bộ khoa học kỹ thuật, có vị trí hàng đầu trong kế hoạch.

Cơ chế quản lý kinh tế mới đòi hỏi phải giao một cách rộng rãi nhất quyền chủ động cho các xí nghiệp; các xí nghiệp được hạch toán kinh tế một cách đầy đủ, tự mình quyết định lựa chọn con đường hợp lý nhất để kinh doanh có hiệu quả, tự mình chịu trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng, đối với lỗ lãi, từ đó mà phát triển sản xuất, mở rộng tích lũy, nâng cao phúc lợi và tiền lương. Các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, nếu có nhu cầu đặt hàng của xã hội, có thể tự mình quyết định cơ cấu mặt hàng sản xuất, không một chiều ngồi đợi kế hoạch của trên giao. Các ngành sản xuất và dịch vụ được áp dụng rộng rãi chế độ khoán tập thể, gắn liền một cách trực tiếp kết quả lao động và tiền lương.

Đi đôi với việc hình thành một cơ chế quản lý mới hoàn chỉnh, ĐCS Liên xô *chủ trương động viên triệt để những tiềm năng về tổ chức, về xã hội và về con người ở tất cả mọi cấp, thiết lập một trật tự lao động có khoa học, có trách nhiệm và kỷ luật cao, phấn đấu để mọi người cống hiến hết sức mình tại nơi làm việc*. Thực tế trong những năm gần đây cho thấy đây là một nguồn sức mạnh không bao giờ cạn. Việc huy động nguồn tiềm năng

Digitized by Google

nói trên cho phép không cần bỏ vốn lớn, và ngay cả trong điều kiện chưa hiện đại hóa sản xuất, vẫn đẩy nhanh nhịp độ phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất. Trong những điều kiện vật chất như nhau, nơi nào tổ chức tốt hơn, kỷ luật tốt hơn, quần chúng thật sự làm chủ và lao động sáng tạo thì ở đó hiệu quả cao hơn rất nhiều. Đảng đưa ra nguyên tắc: tất cả mọi người, không trừ một ai, đều được thưởng và chịu phạt như nhau trước mọi thành công và thất bại về kinh tế.

Nhân tố quyết định để thực hiện những đổi mới nói trên là con người. ĐCS Liên xô cho rằng cần phải cải tạo tâm lý và cách tư duy lỗi thời trong cán bộ và công nhân, giáo dục họ suy nghĩ và làm việc theo lối mới, khuyến khích ở khắp mọi nơi cách tiếp cận hiện đại đối với các vấn đề thời sự nóng hổi về tiến bộ kinh tế xã hội, tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiến bộ văn hóa tư tưởng, phát huy rộng khắp tinh thần chủ động và sáng tạo. Lối tư duy cũ kỹ như chỉ thấy nhiệt tình không thấy điều kiện khách quan, lấy quyết tâm thay cho quy luật, nhìn nhận thành tựu và phương tiện là mục tiêu, coi số lượng cao hơn chất lượng, chỉ thấy mặt kinh tế không thấy mặt xã hội, chỉ muốn xây dựng mới không muốn cải tạo kỹ thuật xí nghiệp hiện có, chỉ thấy sản xuất không đếm xỉa môi trường, và tất cả những lối tư duy khuôn sáo đường mòn của cán bộ đều phải thay đổi nhanh chóng, để cho xã hội khỏi phải trả giá quá đắt cho những tiến bộ nhỏ nhoi về kinh tế, xã hội. Những suy nghĩ nói trên có nguồn gốc lịch sử và đến hôm nay vẫn còn gây ra những trở ngại to lớn. Do vậy, việc xây dựng một nếp nghĩ mới, một phương pháp tư duy khoa học, nhạy cảm với cái mới, vẫn là một nhiệm vụ gay gắt của Đảng, nhằm đổi mới và thiết lập một cơ chế kinh tế năng động hơn và hiệu quả hơn nhằm tạo những chuyển biến mang tính chất bước ngoặt trong nền kinh tế xô viết. ĐCS Liên xô là hiện thân cho lợi ích của toàn thể nhân dân Liên xô, có trách nhiệm tạo nên lối tư duy mới và cơ chế quản lý kinh tế mới.

Khi vạch chiến lược kinh tế, ĐCS Liên xô có tính tới các yếu tố trong nước gắn bó chặt chẽ với các yếu tố bên ngoài. Toàn bộ chính sách đối ngoại của Nhà nước xô viết là nhằm bảo đảm những điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc lao động hòa bình của nhân dân Liên xô và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa. Trong xu thế «quốc tế hóa» kinh tế ngày càng cao, Liên xô chủ trương đặt *công tác kinh tế đối ngoại vào vị trí chiến lược*, nhằm triệt để sử dụng những khả năng của sự phân công lao động quốc tế cùng có lợi và trước hết là những ưu việt của liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa. Yêu cầu khách quan của thị trường thế giới đòi hỏi nghiêm khắc các ngành sản xuất của Liên xô phải có sự chuyển biến căn bản về số lượng và nhất là về chất lượng sản phẩm, phải nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Liên xô. Một nhiệm vụ quan trọng là Liên xô phải bảo đảm được sự độc lập hoàn toàn đối với các nước tư bản chủ nghĩa trên những phương hướng chiến lược về kinh tế và quốc phòng, bảo đảm an toàn tuyệt đối trước các thủ đoạn phân biệt đối xử của Mỹ và các cường quốc phương Tây khác.

★

Liên xô đã và đang là biểu tượng của những hy vọng của loài người về một xã hội lý tưởng. Vận mệnh lịch sử của Liên xô, vị trí của chủ nghĩa xã hội trên thế giới tùy thuộc trực tiếp vào việc thực hiện thắng lợi toàn bộ

(Xem tiếp trang 45)

Digitized by Google

E. CÔ-BÊ-LEP
Phó tiến sĩ sử học
(Liên-xô)

HỒ CHÍ MINH

CÁC nhà cách mạng lỗi lạc bao giờ trước hết cũng là những người con của nhân dân mình, những anh hùng dân tộc của nước mình. Nhưng do ý nghĩa quốc tế của bất cứ cuộc cách mạng nào đặt mục đích cho mình là giải phóng dân tộc và xã hội, những con người như thế lại thuộc về toàn bộ phong trào cách mạng thế giới. Điều này cũng hoàn toàn đúng đối với Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là một trong những lãnh tụ cách mạng mà tên tuổi ngay khi còn sống đã được hàng triệu người biết tới, và đã trở thành truyền thuyết thật sự.

Người ta khâm phục Người, nhiều người nói về Người, và mỗi người đều nêu lên một nét đặc biệt đáng chú ý nào đó trong tính cách của Người. Phi-đen Ca-xtơ-rô đã gọi Người là « nhà mác xít — lê nin nít khiêm tốn nhất và triệt để nhất của thời đại chúng ta », bí thư UBTƯ Đảng cộng sản U-ru-goay Rốt-nây A-ri-xmen-đi đã gọi Người là « biểu tượng của sự sáng suốt cộng sản chủ nghĩa ở châu Á », In-đi-ra Gan-đi đã gọi Người là « nhà lãnh đạo vĩ đại và kiên định, nhưng khoan dung ». Xan-va-đo A-gien-đê, trước câu hỏi của một nhà báo: « Ba đức tính của các chính khách mà ngài muốn có là những đức tính gì và ngài muốn noi gương ai? », đã trả lời: « Sự toàn vẹn, lòng nhân ái và tính khiêm tốn cao cả của Hồ Chí Minh ». Còn ở Liên xô, người ta đã gọi Người một cách trìu mến là « hiệp sĩ của cách mạng », gửi gắm vào những từ đó niềm khâm phục đối với lòng quả cảm, dũng khí của nhà cách mạng, của người chiến sĩ nơi Người, và đồng thời đối với tính cách thật sự cao quý của Con Người viết hoa nơi Người.

Kẻ thù căm ghét Người, nhưng phải thừa nhận sức mạnh và uy tín lớn lao của Người. Giăng Xanh-tơ-ni, đại diện Pháp ở Việt nam dân chủ cộng hòa trong những năm 1945 — 1946, đã ca thán trong tập hồi ký của ông: « Đáng tiếc là nước Pháp đã đánh giá thấp con người đó, không hiểu được tầm vóc của ông ta và những lực lượng mà ông ta đại diện ». Đ. Ai-xen-hao, khi giải thích lý do vì sao Mỹ đã phá hoại cuộc tổng tuyển cử năm 1956 ở Việt nam, và đã tiến hành cuộc can thiệp vũ trang ở đây, cũng đã thừa nhận: chính quyền Mỹ tin chắc rằng tuyệt đại đa số người Việt nam sẽ bỏ phiếu cho Hồ Chí Minh. Và khi các máy bay Mỹ bắt đầu dùng bom để đánh chặn, và dùng na pan để đốt cháy con đường được che giấu rất khéo trong các rừng rậm, con đường mà qua đó các chiến sĩ tình nguyện chuyên chở vũ khí và đạn dược từ miền Bắc vào miền Nam Việt nam, thì ở các bộ tham mưu của Mỹ, người

Digitized by Google

ta đã đặt tên cho con đường đó là « đường mòn Hồ Chí Minh », mặc dù bản thân Người chưa hề bao giờ có mặt ở những nơi này.

Hồ Chí Minh và Việt nam — hai từ đó trong những năm dài đã quyện chặt vào nhau trong ý thức mọi người. « Việt nam, Hồ Chí Minh » — đó là câu mở đầu một bài ca đã được hát ở khắp nơi trên trái đất trong những năm 60, khi nhân dân Việt nam tiến hành cuộc chiến đấu quên mình chống sự xâm lược của cường quốc đế quốc mạnh nhất là Mỹ.

Thiên anh hùng ca hết sức vĩ đại về cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt nam cho sự giải phóng dân tộc và xã hội sẽ không bao giờ phai mờ trong ký ức lịch sử. Thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở một nước cực kỳ lạc hậu, nửa phong kiến và việc thành lập Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á (năm 1945); cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp (1945 — 1954); cuộc kháng chiến thứ hai chống sự xâm lược đế quốc chủ nghĩa của Mỹ, cuộc kháng chiến sản sinh ra những kiểu mẫu của chủ nghĩa anh hùng mang tính quần chúng (1960 - 1973); cuộc đấu tranh chính trị, vũ trang và ngoại giao lâu dài để giải phóng miền Nam Việt nam và thống nhất Tổ quốc bị bọn đế quốc chia cắt làm hai, cuộc đấu tranh đã kết thúc bằng thắng lợi hoàn toàn (1954—1975) — tất cả những sự kiện đó là những bộ phận hợp thành của kỳ công yêu nước và cách mạng của nhân dân Việt nam. Và đằng sau tất cả những thành tựu vĩ đại đó, là Đảng cộng sản Việt nam và lãnh tụ của nó — đồng chí Hồ Chí Minh.

Trong lịch sử lâu dài của cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc Đông dương để giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã đóng vai trò người mở đường với ý nghĩa đầy đủ của từ đó. Đầu thế kỷ thứ 20, nước Việt nam dưới ách thực dân, không thiếu những người anh hùng, những người yêu nước nồng nàn muốn giải phóng Tổ quốc mình. Nhưng họ không biết làm thế nào để đạt được điều đó, không thấy những con đường hiện thực đưa tới giải phóng. Một số người chỉ trông vào đánh du kích (như Hoàng Hoa Thám), số khác lại chỉ trông vào từ tâm của bọn thực dân, mà theo họ, có thể khuyên chúng tự nguyện làm dịu bớt số phận của nhân dân Việt nam (như Phan Chu Trinh), số khác nữa lại hy vọng vào sự giúp đỡ của « người anh em đồng chủng », trước hết là Nhật bản, trong cuộc đấu tranh để lật đổ chính quyền của bọn thực dân da trắng (như Phan Bội Châu).

Hồ Chí Minh là người đầu tiên tìm thấy ở những tư tưởng của V.I. Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười vĩ đại con đường duy nhất đúng để giải phóng Tổ quốc. Năm 1920, khi ở Pháp, Người đã tìm hiểu luận cương của V.I. Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, được viết nhân Đại hội thứ II của Quốc tế cộng sản. Công trình đó của Lê-nin, như Hồ Chí Minh nhớ lại, đã làm Người vô cùng xúc động. « Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! — Người viết — Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba » (1). Chủ nghĩa Lê-nin đã giúp Người về sau này rút ra kết luận có ý nghĩa vô cùng sâu sắc: « Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ » (2).

Ngay trong những bài báo đầu tiên của Người viết về V.I. Lê-nin (1924 — 1925), Hồ Chí Minh đã phát triển quan niệm của mình về ý nghĩa quốc tế của

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật Hà nội, 1980, tập II, tr. 175.
(2) Sách đã dẫn, tr. 176.

Digitized by Google

chủ nghĩa Lê-nin, về tính chất phổ biến của nó đối với cuộc đấu tranh cách mạng để giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Người chỉ rõ, học thuyết Lê-nin đối với các dân tộc thuộc địa có ý nghĩa vĩnh cửu, bởi vì nó đã mở ra *« một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa »* (3). Lê-nin, như Hồ Chí Minh nhận xét, « là người đầu tiên đã hiểu và nhấn mạnh tất cả tầm quan trọng của việc giải quyết đúng đắn vấn đề thuộc địa đối với cách mạng thế giới... của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa tham gia phong trào cách mạng... không có nhân dân các nước thuộc địa tham gia thì không thể có cách mạng xã hội » (4).

Cả cuộc đời về sau, Hồ Chí Minh đã trung thành với những di huấn của Lê-nin, với những tư tưởng toàn thắng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Người thường xuyên dựa vào kinh nghiệm vô giá của Lê-nin để kiểm tra các hành động của mình và chính sách của đảng do Người lãnh đạo. Là người lãnh đạo lâu năm Đảng cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh tỏ ra là một người kế tục triệt để sự nghiệp của Mác và Lê-nin, góp phần quan trọng vào việc phát triển sáng tạo và vận dụng đúng đắn những tư tưởng mác xít — lê nin nít trong điều kiện phức tạp của Đông dương và Việt nam. Chủ nghĩa Lê-nin, như Hồ Chí Minh chỉ rõ, là « mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản » (5). Ngày nay, lòng trung thành đối với học thuyết Lê-nin sống mãi, vẫn là ngôi sao chỉ đường cho những người cộng sản và những người lao động ở Việt nam, Lào và Cam-pu-chia.

Nắm vững học thuyết Lê-nin, Hồ Chí Minh là người đầu tiên hiểu được sự cần thiết lịch sử phải thành lập ở Đông dương một đảng cộng sản, một đảng của giai cấp công nhân, là đảng duy nhất có thể lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc và đưa cuộc đấu tranh đó tới thắng lợi. Trong cuốn *Đường cách mệnh* (1926), Hồ Chí Minh đã chứng minh luận điểm đó về mặt lý luận và kêu gọi đồng bào mình mau nắm lấy lý luận Mác — Lê-nin. Người đã lấy câu nói nổi tiếng sau đây của Lê-nin làm đề từ cho cuốn sách đó: *« ... chỉ đảng nào được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiền phong »* (6).

Để chuẩn bị điều kiện thành lập Đảng, Hồ Chí Minh đã tiến hành một công tác chính trị và tổ chức rộng lớn. Người đã mở ở nước ngoài các lớp học chính trị cho những người cách mạng Việt nam, và sau đó đã thành lập một tổ chức trung gian là Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và bắt đầu ra báo chính trị *Thanh niên*. Trong một số năm, Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và tờ báo do Hồ Chí Minh xuất bản, đã bồi dưỡng được một đội ngũ hùng hậu các nhà cách mạng chuyên nghiệp, những người đã hiến dâng cuộc đời cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xã hội của nhân dân mình. Những nhà cách mạng này đã trở thành nòng cốt của Đảng cộng sản Đông dương do Hồ Chí Minh sáng lập vào ngày 3 Tháng Hai năm 1930.

Hồ Chí Minh đã đóng vai trò kiệt xuất trong quá trình trưởng thành sau đó của Đảng cộng sản Đông dương, trong việc biến nó thành một đảng mác xít — lê nin nít thật sự có tính quần chúng, thật sự già dặn. Nhờ Hồ Chí Minh trước hết, Đảng cộng sản Đông dương và cách mạng Việt nam, ngay trong giai đoạn đầu tiên, đã có

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 225.

(5) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tập II, tr. 177.

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-cơ-va, 1978, tập 6, tr. 32.

Digitized by Google

được những mối liên hệ bền vững với Quốc tế cộng sản, với phong trào cộng sản thế giới, và với những đội ngũ quan trọng nhất của nó mà trước hết là Đảng cộng sản Liên xô.

Đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân mình, Hồ Chí Minh là người đầu tiên hiểu rõ và thường xuyên nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của sự liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân và nông dân trong điều kiện Việt nam. Trong các tác phẩm lý luận của mình, Hồ Chí Minh, tiếp theo sau V.I. Lê-nin, đã rút ra kết luận rằng ở các nước như Việt nam, cuộc cách mạng « lúc đầu và trước hết là một cuộc cách mạng nông dân », rằng « sự liên minh giữa quần chúng đông đảo nông dân và giai cấp công nhân làm cái nền tảng trên đó có thể thành lập một mặt trận dân tộc rộng rãi và vững chắc » (7). Trong quá trình chuẩn bị cách mạng, Người luôn luôn lưu ý những người bạn chiến đấu của mình, lưu ý mọi đảng viên rằng nhất thiết phải cân nhắc một cách đúng đắn mối liên hệ qua lại hữu cơ giữa vấn đề dân tộc và cuộc đấu tranh cho dân chủ, giữa các nhiệm vụ đấu tranh chống đế quốc và đấu tranh chống phong kiến.

Hồ Chí Minh là người khởi xướng và bảo vệ tích cực chiến lược mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi trong mỗi giai đoạn cụ thể của cách mạng, chiến lược đó đã được trình bày trong các văn kiện của Đại hội thứ VII của Quốc tế cộng sản năm 1935. Chiến lược đó đã trở thành một vũ khí mạnh mẽ trong tay những người cộng sản Việt nam, lúc đầu trong cuộc đấu tranh để giải phóng nước nhà khỏi bọn chiếm đóng Nhật bản và bọn thực dân Pháp (Mặt trận Việt minh), sau đó trong cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt nam chống xâm lược Mỹ (Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam), và hiện nay trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất Việt nam (Mặt trận Tổ quốc Việt nam).

Nhân vấn đề này, không thể không nói tới sự khôn khéo và sáng tạo mà Hồ Chí Minh đã chứng tỏ ở những bước ngoặt khác nhau của cách mạng Việt nam. Năm 1941, tại Hội nghị toàn thể thứ tám Ban chấp hành trung ương Đảng, khi giải quyết vấn đề tên gọi của mặt trận dân tộc thống nhất được thành lập lúc ấy, không thiếu gì những đề nghị cấp tiến nhất. Hồ Chí Minh đã biết thuyết phục những người bạn chiến đấu của mình đặt cho mặt trận đó một cái tên mà ai nấy đều có thể chấp nhận, kể cả những đại biểu của các giai cấp có của đang đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, cái tên đó chính là Việt nam độc lập đồng minh. Cũng chính Người lại đề nghị gọi nó bằng một cái tên ngắn gọn, thông dụng, một cái tên âm vang, dễ nhớ và thu hút quần chúng. Thế là xuất hiện một từ ngắn gọn và chính xác, như tiếng súng — từ « Việt minh », một từ mà trong nhiều năm đã vang lên như một hồi chuông báo động, kêu gọi nhân dân đứng lên đấu tranh để giải phóng Tổ quốc.

Đặc trưng chung cho hoạt động của Hồ Chí Minh là sự kết hợp hữu cơ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, là sự thống nhất giữa lý tưởng yêu nước chung với những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, sở dĩ như vậy trước hết là do tính chất của cách mạng Việt nam — cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đối với người Việt nam, Hồ Chí Minh là biểu tượng chân chính của đoàn kết dân tộc. Luôn luôn đứng vững trên lập trường giai cấp — trên lập trường của giai cấp công nhân, Người đồng thời biết lôi cuốn về phía nhân dân những đại biểu của giai cấp

(7) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập II, tr. 525.

Digitized by Google

tư sản dân tộc và những người trong tầng lớp địa chủ, điều đó đã cho phép, trong những giai đoạn khó khăn của cách mạng, hình thành được khối liên minh khá rộng rãi của dân tộc Việt nam để chống lại kẻ thù bên ngoài. Nhiều đại biểu của giới trí thức tư sản và phong kiến Việt nam đã nêu lên rằng sở dĩ họ đi theo cách mạng chính là do chịu ảnh hưởng của nhân cách Hồ Chí Minh, qua nhân cách đó họ thấy trước hết niềm hy vọng giải phóng và phục hưng Việt nam trong tương lai.

Tháng Tám năm 1945, do kết quả của việc nhân dân xô viết và các đồng minh của họ đập tan chủ nghĩa phát xít Đức và các lực lượng xung kích của chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản, những điều kiện bên ngoài thuận lợi cho sự phát triển thắng lợi của cách mạng Việt nam đã được tạo ra. Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Đông dương, sau khi tỏ rõ sự hiểu biết sáu sắc về chiến lược và sách lược cách mạng, đã thông qua quyết định lịch sử về tổng khởi nghĩa vũ trang và tuyên bố thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa sau khi thắng lợi.

Đó là một bước đi cực kỳ quan trọng và dũng cảm. Chúng ta hãy nhớ lại Việt nam lúc ấy ở trong tình hình như thế nào. Ở trong nước, vẫn còn bọn Nhật chiếm đóng và bọn Pháp thân chính phủ Vi-si (*). Từ phía bắc, nước Tàu Tưởng Giới Thạch đang uy hiếp; còn từ phía nam và phía đông, quân đội Anh — Mỹ đang đe dọa. Lại không có ai để mà dựa — Liên xô ở xa, cách hàng nghìn kilômét. Mặc dù thế, Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Đông dương lúc đó chỉ có non năm nghìn đảng viên, đã dũng cảm thách thức quân thù đông đảo, và đã chiến thắng. «Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 — Hồ Chí Minh chỉ rõ — là thắng lợi của học thuyết Lê-nin trong phong trào giải phóng dân tộc đầu tiên ở một nước thuộc địa».

Trong 24 năm sau đó, Hồ Chí Minh liên tục lãnh đạo Nhà nước Việt nam tự do và đảng của những người cộng sản Việt nam. Đó là những năm thử thách vô cùng ác liệt. Ngay từ những ngày đầu tồn tại, nước Việt nam dân chủ cộng hòa đã buộc phải cầm vũ khí bảo vệ chủ quyền và nền độc lập của mình, lúc đầu chống bọn thực dân Pháp cố sức lập lại ách thống trị đã bị mất, và tiếp đó, sau cả thảy có sáu năm tạm ngừng chiến, sống hòa bình, lại phải chống bọn xâm lược Mỹ muốn dùng sức mạnh của vũ khí để tách miền Nam ra khỏi nước cộng hòa và biến nó thành một thuộc địa kiểu mới. Hồ Chí Minh, với tư cách Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa và người đứng đầu của Đảng, đã lãnh đạo cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt nam, đã trở thành linh hồn của cuộc đấu tranh toàn dân giành tự do.

Trong tất cả những năm khó khăn đó, Hồ Chí Minh vẫn như trước, là hiện thân của niềm tin không gì lay chuyển nổi vào thắng lợi của sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt nam. Từng giờ, Người ra sức gieo vào trái tim những bạn chiến đấu, những cán bộ trong Đảng và trong quân đội, và mọi người lao động Việt nam, chủ nghĩa lạc quan vô tận của mình. Người giáo dục họ không khi nào sợ kẻ thù, tin vào sức mình và sự ủng hộ của bầu bạn. Chính từ đấy mà Việt nam không hề biết sợ kẻ thù bên ngoài, cho dù kẻ thù đó ghê gớm và nguy hiểm đến đâu. Người dạy phải sẵn sàng hy sinh thân mình, chịu đựng và kiên trì đạt tới mục đích. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, tự do và chủ nghĩa xã hội, như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, nhân dân cần có «*tinh thần cách mạng triệt để*, luôn luôn giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa

(*) Tức chính phủ Pháp do Pê-tanh đứng đầu, trụ sở đặt ở Vi-si (1940 — 1944). Chú thích của người dịch.

Digitized by Google

anh hùng cách mạng, không sợ gian khổ, hy sinh, kiên quyết đấu tranh đến cùng» (8).

Động viên toàn dân vào cuộc kháng chiến chống sự xâm lược của đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh và những người cộng sản Việt nam đã biết đề ra và thực hiện thắng lợi chiến lược chiến tranh cách mạng phù hợp với điều kiện Việt nam, góp phần quan trọng vào kho tàng kinh nghiệm cách mạng thế giới. Họ đã biết kết hợp linh hoạt các hình thức đấu tranh khác nhau — vũ trang, chính trị, ngoại giao, hình thức này bổ trợ cho hình thức kia tùy theo sự phát triển cụ thể của tình hình, do đó đã có thể gây sức ép không ngừng, ngày càng tăng đối với kẻ thù, buộc kẻ thù đi vào thế thủ.

Chống lại cuộc xâm lược tàn bạo, nhân dân Việt nam anh hùng trước hết dựa vào sức mình, vào các nguồn vật chất và nghị lực cách mạng của mình, và cả vào sức mạnh đoàn kết vĩ đại của bầu bạn trên toàn thế giới. Hồ Chí Minh và đảng của những người cộng sản Việt nam được vũ trang bằng chiến lược duy nhất đúng là kết hợp uyển chuyển những cố gắng mọi mặt của dân tộc với sự ủng hộ rộng khắp của quốc tế. Dựa vào sự giúp đỡ vô tư của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, vào phong trào đoàn kết trên toàn thế giới, những người cộng sản Việt nam, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, đã có thể biến đất nước mình thành một thành trì kiên cố mà kẻ xâm lược, được trang bị tận răng, trong bao nhiêu năm ròng rã đã không sao công phá được.

Hồ Chí Minh không sống được tới ngày Tổ quốc được hoàn toàn giải phóng mà vì nó Người đã hiến dâng cả cuộc đời. Người mất ngày 3 Tháng Chín năm 1969 và hiện giờ Người đang yên nghỉ trong lăng bằng đá hoa cương ở quảng trường trung tâm Ba đình Hà nội. Hồ Chí Minh, cho tới hơi thở cuối cùng, vẫn tin tưởng vững chắc rằng ngày thắng lợi đó chẳng còn bao lâu nữa sẽ đến. Trong Di chúc chính trị, Người đã viết: «Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất» (9). Vậy chỉ sáu năm sau khi Người qua đời, những lời nói đó đã trở thành hiện thực.

Tất nhiên, tại Đại hội thứ IV của Đảng cộng sản Việt nam (tháng 12-1976) — «Đại hội của thắng lợi» —, tư tưởng và tình cảm của những đại biểu tham dự Đại hội đều hướng trước hết tới Bác Hồ — cái tên mà người Việt nam vẫn triu mến gọi Hồ Chí Minh.

★

Câu chuyện về Hồ Chí Minh sẽ không đầy đủ, nếu như chúng ta không nói tới một số mặt quan trọng khác trong tính cách của Người, tài năng của Người. Người là một nhân vật tài năng, sáng tạo — là nhà báo, nhà chính luận, nhà văn, nhà thơ. Người đã viết không ít sách, báo về chủ nghĩa Lê-nin và những bài học của Tháng Mười vĩ đại, về những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt nam, về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện Việt nam, về sách lược đấu tranh chống các cuộc xâm lược của nước ngoài, để bảo vệ tự do và độc lập của đất nước. Ở Việt nam, Hồ Chí Minh được gọi là nhà sáng lập nền văn học cách mạng Việt nam. Tập thơ *Nhật ký trong tù* của Người đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Ở Liên xô năm 1979 đã xuất bản, và sau đó đã tái bản tuyển tập tác phẩm văn học của Người.

(8) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập II, tr. 467.

(9) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tr. 542.

Digitized by Google

Hồ Chí Minh có kiến thức bách khoa, thông thạo nhiều thứ tiếng. Người đã đọc A-na-tôn Phrăng-xơ bằng tiếng Pháp, đọc Séch-xpia bằng tiếng Anh, đọc Lỗ Tấn bằng tiếng Trung quốc, ở Liên xô Người đã đọc các điển văn bằng tiếng Nga.

Trong những người cộng sản Việt nam, Hồ Chí Minh được coi là bậc thầy có một không hai về phương pháp hoạt động bí mật, một khoa học hết sức phức tạp và bắt buộc phải có đối với công tác cách mạng. Để tránh sự truy lùng của sở mật thám thực dân, Người đã thay đổi hàng chục tên gọi, trong đó không còn thấy tên thật được bố mẹ đặt cho khi sinh Người — Nguyễn Sinh Cung. Trong 23 năm, từ 1919 tới 1942, Người được biết tới ở Đông dương và trong những người cộng sản nước ngoài dưới cái tên Nguyễn Ái Quốc, có nghĩa là « người yêu nước ». Mãi tới năm 1942, Người mới mang tên Hồ Chí Minh là cái tên được toàn thế giới biết tới.

Hồ Chí Minh thuộc đội ngũ xuất sắc các nhà cách mạng thuộc trường phái Lê-nin, những người không chỉ tiếp thụ và thực hiện trong thực tiễn học thuyết thiên tài của Lê-nin, mà còn bằng những phẩm chất cá nhân, bằng tấm gương sống của mình, cho thấy sức cuốn hút lớn lao của những tư tưởng cộng sản chủ nghĩa. Tất cả những ai đã có hạnh phúc gặp Người, đều kinh ngạc trước sự kết hợp hoàn toàn tự nhiên, hữu cơ ở Người, ý chí gang thép và dũng khí không gì lay chuyển nổi với tình giản dị và lòng nhân ái hiếm có theo kiểu Lê-nin — ở đây nói như vậy là đúng chỗ. Người là chiến sĩ bảo vệ nhiệt thành đạo đức cách mạng, và đấu tranh không biết mệt nhằm bồi dưỡng cho đảng viên, cho mọi người lao động Việt nam phẩm chất cá nhân cao đẹp

Trong những năm dài đấu tranh, Người quen với lối sống gian khổ chịu đựng, và đối với tính cách của Người không có gì xa lạ bằng thói ham muốn xa hoa. Người thích nhớ lại cuộc sống khó khăn, nhưng đầy lãng mạn, trong hang núi ở Việt bắc hồi trước cách mạng và trong những năm của cuộc kháng chiến đầu tiên. Người luôn luôn tâm đắc với cuộc sống giản dị đó giữa nhân dân, trong đó Người cùng chia sẻ miếng ăn với nông dân và binh sĩ, cùng ngủ với họ dưới một mái nhà. Người muốn sống cuộc sống giản dị như vậy cho tới những ngày cuối đời mình.

Từ tính cách của Người tỏa ra sự ấm áp tinh thần mà Người chia sẻ rộng rãi với những người chung quanh. Người thuộc loại người đau những nỗi đau của người khác hơn nỗi đau của chính mình. Nhiều người gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét rằng Người cực kỳ nhạy cảm với tất cả những gì liên quan đến đời sống nhân dân Việt nam, đến những đau khổ và hy sinh của họ. Người xúc động rõ rệt khi kể về chủ nghĩa anh hùng của các chiến sĩ Việt nam và ngậm ngùi nhắc lại: « Đang mất đi những người ưu tú nhất ».

Trong phong trào cách mạng Việt nam, Hồ Chí Minh luôn luôn là biểu tượng của nguyên tắc quốc tế hết sức cần thiết đối với bất cứ cuộc cách mạng nào: Dù tiến hành công tác cách mạng ở đâu, Người cũng thường xuyên phấn đấu cho sự thống nhất của những người lao động ở các nước khác nhau, cho sự liên minh của nhân dân Việt nam với các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới. Hoạt động của Hồ Chí Minh là kiểu mẫu về sự kết hợp hữu cơ giữa đấu tranh vì lợi ích của giai cấp công nhân, những người lao động nước mình với đấu tranh vì lợi ích của giai cấp vô sản, những người bị áp bức trên toàn thế giới.

Hình ảnh Hồ Chí Minh đặc biệt thân thiết và gần gũi đối với những người xô viết, bởi vì nhà yêu nước vĩ đại của Việt nam là người bạn lớn của đất

Digitized by Google

nước chúng ta, thiết tha với tất cả những gì liên quan đến Cách mạng Tháng Mười, đến Lê-nin. Người là người cộng sản Việt nam đầu tiên đến nước Nga xô viết vào tháng sáu năm 1923. Người ước mơ gặp Vla-đi-mia I-lích, nhưng ước mơ đó Người đã không thực hiện được. « Thế là tôi chưa được gặp Lê-nin, và đó là một điều ân hận lớn trong đời tôi »(10), Hồ Chí Minh nhớ lại như vậy. Trong những ngày tháng giêng đau thương năm 1924, trên báo *Pra-vda*, trong số nhiều bài của bầu bạn nước ngoài nói lên những suy nghĩ của mình trước sự qua đời của vị lãnh tụ cách mạng thế giới, người ta thấy có bài của một người cộng sản Việt nam ký tên Nguyễn Ái Quốc.

Trong những năm hoạt động trước cách mạng, Hồ Chí Minh đã ba lần sang Liên xô — vào những năm 1923—1924, 1927 — 1928 và 1931 — 1938. Người đã công tác ở Ban phương Đông thuộc Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, học ở Trường đại học cộng sản chủ nghĩa của những người lao động phương Đông và ở Trường quốc tế Lê-nin, tham gia công việc của các đại hội thứ V và thứ VII của Quốc tế cộng sản. Tổng cộng Người đã ở đất nước chúng ta, nơi mà Người đã thật sự tìm thấy Tổ quốc thứ hai, hơn sáu năm. Những năm đó làm cho Người mãi mãi là người bạn tin cậy của đất nước Xô viết. Người đã sang thăm Liên xô nhiều lần trong những năm 50 và 60 với tư cách Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa và Chủ tịch Ban chấp hành trung ương Đảng của những người cộng sản Việt nam. Cả đời mình, trong các cuộc nói chuyện với đồng chí, trong các bài thuyết trình, các bài báo, cũng như trong các bài phát biểu từ diễn đàn của các đại hội, các hội nghị, các cuộc mít tinh, Hồ Chí Minh đều bằng mọi cách, tuyên truyền những thành tựu của đất nước chúng ta, kêu gọi đoàn kết với nhân dân Liên xô, nhấn mạnh « lòng tin ở sức mạnh vô địch của Liên xô — thành trì của phong trào cách mạng và cuộc đấu tranh vì hòa bình trên toàn thế giới ».

Người luôn luôn thấy ở nước chúng ta một người bạn gần gũi nhất và một người bạn chiến đấu của nước Việt nam đang đấu tranh, và Người luôn luôn khẳng định : nhân dân Việt nam không bao giờ quên rằng những thắng lợi của mình gắn liền với sự giúp đỡ và ủng hộ của Liên xô.

Thật đáng chú ý, một trong những bài báo cuối cùng của Người là bài đăng trên báo *Pra-vda* viết nhân kỷ niệm thứ 50 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại. «... Việt nam có câu tục ngữ : « Uống nước nhớ nguồn » — Hồ Chí Minh viết — .., Đi theo con đường do Lê-nin vĩ đại đã vạch ra, con đường của Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Việt nam đã giành được thắng lợi rất to lớn. Chính vì vậy mà mối tình gắn bó và lòng biết ơn của nhân dân Việt nam đối với Cách mạng Tháng Mười vẻ vang, đối với Lê-nin vĩ đại và đối với nhân dân Liên xô là vô cùng sâu sắc » (11)

Ngày nay quan hệ Xô — Việt dựa trên nền tảng vững chắc của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, ký ngày 3-11-1978 ở Mát-xcơ-va. Hai nước chúng ta, gắn bó bằng mối tình hữu nghị bắt nguồn từ Hồ Chí Minh, đang vai kề vai xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh chống những âm mưu của các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế, vì một nền hòa bình bền vững trên toàn thế giới, vì tương lai tươi sáng của loài người.

---

(10) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1980 tập II. tr. 524

(11) Hồ Chí Minh : Sách đã dẫn, tr. 468, 473.

Digitized by Google

TRỊNH MƯU

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân[1]

Nhân đọc cuốn **Biên bản tóm tắt Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân** *do Nhà xuất bản* **Nông thôn mới**, *Mát-xcơ-va, xuất bản năm 1924, bằng tiếng Nga, chúng tôi có ý định giới thiệu những phần có liên quan đến hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị nhằm giúp giới nghiên cứu lịch sử có thêm tài liệu để hiểu những đóng góp của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Thông qua việc giới thiệu này, chúng tôi có ý định đính chính một vài sử liệu không chính xác, được công bố trên sách, báo của ta trước đây.*

★

Tư tưởng về việc thành lập Quốc tế nông dân bắt đầu xuất hiện vài năm trước chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), nhưng là do một số lãnh tụ phản động ở châu Âu khởi xướng. Những lãnh tụ này hiểu được vị trí và tầm quan trọng của vấn đề nông dân, cho nên âm mưu lôi kéo về phía mình lực lượng nông dân hùng hậu để chống lại phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân. Nguồn gốc của tư tưởng muốn thành lập tổ chức « Quốc tế nông dân đen » có thể tìm thấy ở một số người thuộc các « đảng trung tâm » ở Đức (còn gọi là phái giữa) và một số đảng ở Trung Âu, mà phần lớn các đảng này đều chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của giáo hội Ki-tô. Nhưng, mặt khác, do bản chất phản động của họ, những người này sợ rằng, một khi nông dân đã được tổ chức lại, đứng lên tham gia đấu tranh chính trị ở trong nước và trên phạm vi quốc tế, thì rất có thể nông dân sẽ đi theo con đường hoàn toàn ngược với ý đồ của họ. Kết quả là ý định muốn thành lập Quốc tế nông dân không thực hiện được.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, trong phong trào nông dân Bun-ga-ri do Xtam-bô-li-xky cầm đầu, lại xuất

(1) Lâu nay trên sách báo của ta thường viết là *Đại hội* Quốc tế nông dân. Nhưng theo biên bản Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân họp ở Mát-xcơ-va, bản tiếng Nga, Nxb *Nông thôn mới*, Mát-xcơ-va, 1924, thì đây là *Hội nghị* (Конференция) chứ không phải là *Đại hội* (Съезд hoặc Конгресс).

Digitized by Google

hiện tư tưởng muốn thành lập « Quốc tế nông dân xanh ». Tư tưởng này có một tiếng vang rộng lớn ở châu Âu, nhưng cũng không thực hiện được, vì Xtam-bô-li-xky không đề ra được một bản cương lĩnh tập hợp, đoàn kết nông dân các nước. Các thế lực phát xít đã làm đảo chính lật đổ ông, gây ra cuộc khủng hoảng chính trị, xã hội sâu sắc.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 và việc thành lập Quốc tế cộng sản đã chỉ rõ ý nghĩa to lớn của vấn đề nông dân và vấn đề liên minh công nông. Với hoạt động không mệt mỏi của Lê-nin và Quốc tế cộng sản, với ảnh hưởng mạnh mẽ của Luận cương Lê-nin *Về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, phong trào nông dân quốc tế ngày càng phát triển. Lực lượng nông dân đông đảo đã được tổ chức, tham gia ngày càng tích cực vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và ách áp bức, bóc lột của địa chủ phong kiến.

Tháng 6-1923, tại Hội nghị thứ ba Ban chấp hành Quốc tế cộng sản bàn về vấn đề chính phủ công nông, đồng chí Đôm-ban (đại biểu nông dân trong Nghị viện Ba lan) đã nêu ra sáng kiến triệu tập hội nghị quốc tế nông dân, chỉ rõ sự cần thiết phải thực hiện ngay việc thành lập tổ chức nông dân quốc tế để thực hiện sự liên minh công nông trên phạm vi quốc tế. Đề nghị này đáp ứng đúng yêu cầu của tình hình thực tế, cho nên đã được báo chí của công nhân và nông dân ở nhiều nước nhiệt liệt ủng hộ.

Cũng trong thời gian này, cuộc *Triển lãm kinh tế nông nghiệp toàn Liên xô* khai mạc ở Mát-xcơ-va đã thu hút sự chú ý rộng rãi của nông dân Tây Âu. Ban lãnh đạo cuộc triển lãm kêu gọi nông dân toàn thế giới tham gia cuộc triển lãm với tư cách là khách mời. Đại biểu của nông dân nhiều nước đã quyết định sử dụng triển lãm Mát-xcơ-va để thảo luận việc thành lập tổ chức Quốc tế nông dân. Họ thỏa thuận với nhau tham gia triển lãm và tại đây, đã tiến hành một số cuộc họp trù bị. Kết quả là đã hình thành một nhóm nông dân được đông đảo đại biểu nông dân các nước ủy nhiệm triệu tập Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân. Nhờ những hoạt động tích cực của nhóm này, một cuộc hội nghị được tiến hành để bầu ra Hội đồng nông dân quốc tế (sau này có người gọi là « Quốc tế nông hội đỏ »). Nhóm này đưa ra dự thảo *Cương lĩnh* và *Chương trình hành động* cho sự hợp tác giữa nông dân và giai cấp công nhân các nước đấu tranh về kinh tế, chính trị.

Sau một thời gian chuẩn bị, Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân đã được triệu tập tại Mát-xcơ-va, trong cung An-đrê-ép-xky, Krem-li. Hội nghị khai mạc ngày 10-10-1923 và kết thúc ngày 16-10-1923 (2). Tham dự hội nghị có 158 đại biểu (trong đó 122 là đại biểu chính thức) đại diện cho nông dân của 40 nước trên thế giới, bao gồm lãnh tụ các đảng nông dân, các liên minh nông dân; đại biểu nông dân trong các nghị viện và chính phủ; tổng biên tập báo *Nông dân*. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia Hội nghị với tư cách là đại biểu chính thức của nông dân Đông dương.

Đồng chí Đôm-ban đã khai mạc Hội nghị. Nêu bật ý nghĩa to lớn của Hội nghị này, đồng chí nói: « Lần đầu tiên trong lịch sử, những người nông dân được tập hợp trong Hội nghị Quốc tế nông dân. Đây là một sự kiện có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và chứng tỏ rằng nông dân đã bắt đầu đi tìm con đường để tự giải phóng

(2) Phần *Biên niên tóm tắt hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh* trong cuốn Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 549 viết Quốc tế nông dân đã họp Đại hội thứ nhất « từ ngày 12 đến ngày 15-10-1923 », như vậy là không chính xác.

Digitized by Google

mình theo chủ trương đoàn kết với tất cả nông dân lao động các nước trên thế giới và liên minh chặt chẽ với giai cấp công nhân. Hội nghị này có một vị trí quan trọng trong lịch sử loài người. Những quyết định của Hội nghị sẽ mở ra một thời đại mới — thời đại của sự liên minh công nông trên toàn thế giới. Hội nghị sẽ trở thành buổi bình minh của kỷ nguyên công — nông mới » (3).

Hội nghị đã nhất trí bầu Đoàn chủ tịch Hội nghị gồm 9 thành viên: Xmiếc-nốp (Nga), Bi-xốp (Đức), Va-dây (Pháp), Đôm-ban (Ba lan), Gô-rốp (Bun-ga-ri), Gơ-rin (châu Mỹ), Gan-van (Mê-hi-cô), một đại biểu Tiệp khắc và một đại biểu U-crai-na. Trong 10 phiên họp, Hội nghị đã nghe và thảo luận 7 bản báo cáo chính, thông qua cương lĩnh, điều lệ và bầu Hội đồng Quốc tế nông dân (4).

Trong phiên họp đầu tiên, chủ tịch phiên họp Gô-rốp (Bun-ga-ri) đã giới thiệu đồng chí Ca-li-nin — Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên xô, đọc diễn văn chào mừng Hội nghị. Ca-li-nin báo cáo trước Hội nghị những thành tựu của công nhân và nông dân Liên xô trong Cách mạng Tháng Mười và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, chỉ ra những bài học kinh nghiệm phong phú và ảnh hưởng to lớn của Liên xô đối với tiến trình cách mạng thế giới, đặc biệt là đối với phong trào nông dân. Tấm gương của công nông Liên xô cổ vũ mạnh mẽ phong trào nông dân, thức tỉnh họ, liên kết họ thành một lực lượng chính trị hùng hậu, sát cánh cùng với giai cấp công nhân trong đấu tranh để tự giải phóng.

Ngay sau lời chào mừng của đồng chí Ca-li-nin và lời phát biểu của đại biểu Gan-van (Mê-hi-cô) và Ru-đơ-lô (Tiệp khắc), đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã được mời phát biểu ý kiến. Đồng chí nói: « Nông dân trong các thuộc địa của Pháp bị hai tầng áp bức bóc lột như giai cấp vô sản và như những người nô lệ bị mất nước. Ở An-giê-ri, những vùng đất đai màu mỡ bị bọn tư bản Pháp chiếm đoạt hết, còn những người nông dân buộc phải sống chen chúc trong rừng rú là nơi đất đai cằn cỗi và không canh tác được. Còn ở Đông dương, bọn thực dân Pháp sống một cách thừa thãi trên những vùng đất đai rộng lớn và màu mỡ gồm nhiều làng xã do chính phủ bảo hộ chia cho chúng. Những người nông dân không chỉ có bần nông mà cả trung nông đều bị phá sản, bắt buộc phải rời bỏ ruộng đất của mình hoặc làm dày tớ không công cho bọn chiếm đóng nước ngoài. Thưa các đồng chí, khi các đồng chí được tổ chức lại, các đồng chí cần phải nêu gương cho chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi và giang rộng cánh tay đón chúng tôi, để chúng tôi có thể bước vào đại gia đình vô sản quốc tế » (5).

Ý kiến của Người được ghi lại trong biên bản, có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó không chỉ giúp cho các đại biểu hiểu được tình cảnh cùng những tâm tư nguyện vọng của nông dân trong các thuộc địa, mà còn giúp cho Hội nghị chỉnh lý và bổ sung các báo cáo chính thức của Hội nghị. Đồng chí Va-dây, đại biểu nông dân Pháp, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Hội nghị, người trình bày bản báo cáo chính đầu tiên « Nông dân và chiến tranh », đã phát biểu sau khi nghe các đại biểu thảo luận. Đánh giá cao

(3) *Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân*, tiếng Nga. Nxb Nông thôn mới. Mát xcơ-va. 1924. tr. 5.

(4) Xem: Nguyễn Quốc Hùng: *60 năm — Bác Hồ tham dự Đại hội thành lập Quốc tế nông dân*, tạp chí *Lịch sử Đảng* số 3-1983 (từ tr. 20 đến tr. 23). Ở đây chúng tôi dùng từ *Hội đồng*. (tiếng Nga là COBET) cho đúng với nguyên bản (không dùng từ *Ban chấp hành* như các sách báo từ trước đến nay vẫn dùng.

(5) *Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân*. sách đã dẫn, tr. 14 — 15.

Digitized by Google

đóng góp của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Va-dây nói: «Đại biểu Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ tình trạng bị hai tầng áp bức bóc lột của nông dân thuộc địa. Tôi hoàn toàn không phản đối mà ghi nhận để sửa chữa, bổ sung cho bản luận cương của tôi» (6).

Trong phiên họp thứ 7, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lại phát biểu ý kiến. Đồng chí nêu bật bức tranh hiện thực của nông dân Đông dương, trình bày trước Hội nghị những quan điểm của mình về vấn đề vận động, giác ngộ và tổ chức nông dân. Người nói: «Nếu đem so sánh tình cảnh người nông dân Nga với người nông dân Việt nam nói riêng và người nông dân Đông dương nói chung, người ta có ấn tượng rằng: trong khi người nông dân Nga đang ngồi chễm chệ trên chiếc ghế bành thì cũng lúc đó người nông dân Việt nam, người nông dân Đông dương đang bị treo ngược đầu xuống đất.

«Hằng năm chính phủ Đông dương bán ra hơn 400 triệu đô la thuốc phiện để đầu độc 20 triệu người bản xứ. Cứ 10 trường học thì có khoảng 1000 quầy bán rượu và thuốc phiện.

«Bọn đế quốc nước ngoài đuổi nông dân Việt nam khỏi mảnh đất của họ để độc chiếm ruộng đất. Nhưng không phải chỉ có bọn đế quốc thực dân. Song song với quá trình xâm lược ở Đông dương đã xuất hiện những nhà truyền giáo, kẻ dọn đường cho bọn xâm lược nước ngoài. Họ đã chiếm đoạt những văn bản ghi nhận quyền sở hữu về ruộng đất của nông dân. Ở Nam kỳ, những nhà truyền giáo đã chiếm hơn 1/4 đất đai canh tác. Ở Cam-pu-chia, hơn 1/3 đất đai nằm trong tay các nhà truyền giáo. Và ở Bắc kỳ, bọn truyền giáo đã chiếm đoạt những vùng đất đai hết sức rộng lớn, thậm chí ngay cả ở thủ đô Hà nội.

«Nhân những dịp thiên tai đột xuất, chẳng hạn như lụt, bão, hoặc mất mùa, bọn thực dân liền lợi dụng cho nông dân vay tiền với lãi cắt cổ trong một thời gian ngắn, để sau đó bắt buộc nông dân phải gán ruộng cho họ. Đối với nông dân, nhà nước bảo hộ chỉ là một tai họa không hơn không kém. Bất kể được mùa hay mất mùa, nông dân vẫn cứ phải nộp thuế. Người nông dân bắt buộc phải bán toàn bộ hoa lợi cho bọn đầu cơ bằng mọi giá để sau đó, bọn này lại cho nông dân vay với giá cắt cổ.

«Dứng về mặt quan hệ pháp luật, người bản xứ thực chất chỉ là nô lệ. Anh ta không có quyền xuất bản báo chí và lập hội. Để thành lập một tổ chức khoảng 4 đến 5 người, những người bản xứ buộc phải có giấy phép của viên toàn quyền. Thậm chí anh ta không có đến cả quyền thay đổi chỗ ở, nếu không có giấy phép của chính quyền địa phương.

«Trong thời gian chiến tranh, thực dân Pháp đã động viên gần một triệu binh sĩ từ các thuộc địa phục vụ nước Pháp. Chỉ trong vòng hai năm (1916 — 1917), nước Pháp đã vơ vét ở các thuộc địa 2 tỷ tấn ngũ cốc, trong khi những dân bản xứ ở châu Phi và ở Đông dương đang chết đói.

«Quốc tế của chúng ta chỉ trở thành quốc tế chân chính khi trong quốc tế này có những người nông dân ở phương Đông tham gia, đặc biệt là nông dân các nước thuộc địa, những người bị áp bức và bóc lột tệ hại nhất» (7).

Hội nghị Quốc tế nông dân đã thành công tốt đẹp. Hội nghị bầu ra Hội đồng quốc tế nông dân gồm 52 ủy viên, đại diện cho nông dân châu Âu, châu Á, châu Mỹ và các thuộc địa (8).

(6) *Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân*, sách đã dẫn, tr. 24.

(7) *Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân*, sách đã dẫn, tr. 93.

(8) Theo Nguyễn Quốc Hùng, Hội đồng Quốc tế nông dân có 63 ủy viên, nhưng *Biên bản Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân*, tr. 142 — 143 ghi rõ chỉ có 52 ủy viên.

Digitized by Google

Trong phiên họp đầu tiên, ngày 17-10-1923, Hội đồng Quốc tế nông dân đã bầu ra Đoàn chủ tịch gồm 11 ủy viên: Xmiếc-nốp (Nga xô viết), Đôm-ban (Ba lan), Buốc-ghi (Đức), Va-dây (Pháp), Rít-lơ (Tiệp), Gô-rốp (Bun-ga-ri), Ghê-rô (các nước Xcang-đi-na-vơ), Gơ-rin (Mỹ), Gan-van (Mê-hi-cô), Xen-ca ta-y-a-ma (Nhật bản), Nguyễn Ái Quốc (Đông dương).

Do những hoạt động lý luận và thực tiễn phong phú, với những đóng góp tích cực vào công việc của Hội nghị, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giành được sự tin nhiệm của tất cả các đại biểu. Hội nghị bầu Người vào Đoàn chủ tịch không chỉ với tư cách thay mặt cho nông dân Đông dương mà còn là đại biểu cho tiếng nói của đông đảo nông dân ở các nước thuộc địa, trước hết là các thuộc địa của đế quốc Pháp. Thay mặt quần chúng nông dân các thuộc địa, Người đã ký vào nhiều văn bản chung của Hội nghị, hoạt động không mệt mỏi trong phong trào nông dân thuộc địa, góp phần quan trọng đưa phong trào nông dân thuộc địa ở các nước Á, Phi lên những bước phát triển mới (9).

(9) Trong năm 1924, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết 3 bài báo về phong trào nông dân thuộc địa đăng trên tạp chí *Quốc tế nông dân*: « Tình cảnh nông dân Việt nam », số 1-1924; « Tình cảnh nông dân ở Tuy ni-di », số 5-6-1924, và « Nông dân ở các nước Bắc Phi » số 10-12-1924.

CHIẾN LƯỢC KINH TẾ...

(*Tiếp theo trang 32*)

đường lối của ĐCS Liên xô, trước hết là chiến lược kinh tế của Đảng trong 5 năm tới và cho đến năm 2000. Trung thành vô hạn với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả, Đảng và nhân dân Liên xô trước sau như một dành cho cách mạng Việt nam, cho nhân dân Việt nam sự ủng hộ nhiệt tình, sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả. Ngày nay, hơn bao giờ hết, cách mạng Việt nam gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Liên xô anh em. Trong mọi lĩnh vực kinh tế xã hội ở Việt nam, mọi công trình, mọi sản phẩm đều trực tiếp hay gián tiếp mang dấu ấn của quan hệ hợp tác Việt—Xô. Nhân dân Việt nam coi Nghị quyết của Đại hội XXVII ĐCS Liên xô về việc hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội và về chiến lược kinh tế vĩ đại không chỉ là bó đuốc soi đường tiến lên cho nhân dân Liên xô anh hùng mà cho cả loài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Việt nam. Uống nước nhớ nguồn, nhân dân ta đời đời biết ơn Liên xô và nguyện đem hết sức mình không ngừng tăng cường tình đoàn kết và hợp tác toàn diện giữa Việt nam và Liên xô làm cho quan hệ Việt—Xô ngày càng nở hoa kết trái và đời đời bền vững.

Digitized by Google

LÊ XUÂN VŨ

CON NGƯỜI MỚI VIỆT NAM TRONG ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG VĂN HÓA CỦA BÁC HỒ

CÁCH mạng tư tưởng và văn hóa theo Chủ tịch Hồ Chí Minh *xét về mặt tư tưởng* là xóa bỏ mọi biểu hiện của hệ tư tưởng của giai cấp bóc lột, xây dựng lại đời sống tinh thần của xã hội trên cơ sở thế giới quan Mác—Lê-nin; *xét về mặt xã hội* là dân chủ hóa văn hóa, xây dựng một nền văn hóa mới do nhân dân lao động làm chủ tập thể. Hai mặt đó gắn bó biện chứng với nhau, tạo thành một quá trình thống nhất và cùng hướng tới việc giải quyết nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hóa là hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa Việt nam.

« Xúc tiến công tác *văn hóa* để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc » (1), Hồ Chủ tịch đã nói như vậy. Con người là cứu cánh. Tất cả vì con người. Nhưng tất cả cũng do con người. Bằng hoạt động của mình, con người tự tạo ra mình trong khi cải tạo tự nhiên và xã hội vì lợi ích của con người. Lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình. Cho nên, chúng ta thấy Hồ Chủ tịch Lao giờ cũng chú ý đặc biệt và trước hết đến con người: rèn luyện con người, khai thác hết mức sức mạnh của con người, phát triển cao nhất khả năng của con người.

Không phải chỉ đến cuộc chỉnh huấn mùa xuân năm 1961, Hồ Chủ tịch mới nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa* ». Năm 1955, khi có người hỏi « Nếu Mỹ — Diệm cứ ỳ ra thì thế nào »? Người đáp: không nên hỏi như vậy. « Mà mỗi người chúng ta nên tự hỏi: Mình đã cố gắng đến mức nào, đã làm tròn nhiệm vụ được chừng nào? » (2). Năm 1947, nói về cái lẽ tại sao khẩu hiệu rất đúng mà chưa làm được hoặc làm nửa chừng lại nguội, lại xẹp, Hồ Chủ tịch chỉ ra một loạt nguyên nhân mà nguyên nhân đầu tiên là: « Vì chúng ta quên một lẽ rất giản đơn dễ hiểu: tức là vô luận việc gì, đều do người làm ra cả, và từ *nhỏ* đến *to*, từ *gần* đến *xa* đều thế cả.

« Muốn lập làng kiểu mẫu, đội kiểu mẫu, v.v. thì trước hết phải đào tạo ra *những người kiểu mẫu*, để làm cán bộ cho làng đó, đội đó » (3)... Mọi việc đều do con người làm ra cả, muốn làm việc gì trước hết phải có những con người cần thiết để làm việc ấy, cho nên từ những năm 20 của thế kỷ « gieo hạt giống của công cuộc giải phóng » vào người Đông dương cho đến khi từ giã cõi đời,

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập 1, tr. 487.

(2) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tập 2, tr. 44.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tập 4, tr. 454.

Digitized by Google

Hồ Chủ tịch vẫn đặt lên hàng đầu việc chăm lo xây dựng con người.

Những con người mới Việt nam — công trình văn hóa cơ bản, sống động và vĩ đại nhất của Bác Hồ — đã làm nên kỳ tích Việt nam mấy chục năm qua.

Đó là những con người « muốn sống thì phải làm cách mạng » theo lời dạy tha thiết, chân tình của Hồ Chủ tịch, bất chấp mọi hy sinh quyết thực hiện bằng được hoài bão cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng loài người, lấy việc xây dựng tự do hạnh phúc cho mọi người làm lý tưởng cao cả và hạnh phúc lớn lao của mình. Đó là những con người cộng sản có lý luận cách mạng tiên phong, có đạo đức cách mạng sáng ngời, tiêu biểu cho khát vọng, niềm tin và khí phách anh hùng của dân tộc Việt nam, làm cho đế quốc và phong kiến khiếp sợ, làm nên thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lê-nin ở một nước thuộc địa — thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Đó là những con người giữ vững lời thề của *Tuyên ngôn Độc lập* « quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập » đã giành được, thực hiện khẩu hiệu « toàn dân là chiến sĩ », « vừa kháng chiến vừa kiến quốc », trải chín năm gian khổ, đánh thắng thực dân Pháp, làm rực rỡ Điện biên, chấn động địa cầu. Đó là những con người được tôi luyện trong kháng chiến trường kỳ, « tận trung với nước, chí hiếu với dân », « cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư » theo gương và lời dạy của Hồ Chủ tịch, sống giản dị và chân thành, phơi phới niềm tin vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đó là những con người ghìm đầu kẻ thù tàn bạo nhất của loài người là bọn xâm lược Mỹ xuống mà đánh, đánh cho phá sản chủ nghĩa thực dân mới của chúng, đánh cho thất bại chiến lược toàn cầu của chúng, vì sự sống còn của dân tộc mình và cũng vì sự nghiệp chung của cả thế giới tiến bộ. Đó là những con người anh hùng chiến đấu kiên cường cho tự do và phẩm giá con người nhưng cũng rất hiền, rất khiêm tốn, có những đức tính đẹp đẽ, cao quý của một dân tộc tồn tại và phát triển từ lâu đời, những con người thật sự văn minh. Đó là những con người tượng trưng cho sức mạnh của tư tưởng « không có gì quý hơn độc lập, tự do », sức mạnh của chủ nghĩa xã hội và của tinh thần quốc tế vô sản, bằng sự thông minh, dũng cảm, tài trí và máu của mình nữa, viết nên bản anh hùng ca của thời đại. « Cao sang thay cái chức vụ làm người trên trái đất ! », hoàn toàn có thể tự hào nhắc lại câu cảm thán đó của Gooc-ki khi chúng ta nói tới những con người mới Việt nam thời chống Mỹ, cứu nước, những con người đã làm cho không ít người phải thay đổi thước đo đánh giá con người mình.

Trong cuộc đấu tranh quyết liệt nhất để sống còn, con người mới Việt nam trong chống Mỹ, cứu nước buộc phải bộc lộ hết mọi tiềm lực của mình, trong đó có cả sức mạnh của 4000 năm và sức mạnh của thời đại « cùng ta ra trận ». Song, phải có mới bộc lộ ra được. Hơn nữa, cái-có đó đã trở thành máu thịt mới bộc lộ ra được một cách tự nhiên, tuyệt vời đến thế. Làm cho những phẩm chất tốt đẹp cao quý của dân tộc, của thời đại kết hợp nhuần nhuyễn với nhau, trở thành máu thịt của mỗi con người, đó là thành quả của công tác văn hóa. Những con người mới Việt nam tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam, trước đây cũng như hiện nay trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chính là sản phẩm của nền văn hóa mới Việt nam.

Ai cũng biết xây dựng con người là việc khó, tinh vi, phức tạp, và cách

Digitized by Google

làm tốt nhất là nêu gương. Không phải chỉ đến năm 1968, mà ngay từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chủ tịch đã thường xuyên khen người tốt việc tốt qua các thư từ động viên, khuyến khích, biểu dương thành tích của thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, của các cụ phụ lão, đồng bào công giáo, phật giáo, các chiến sĩ bình dân học vụ, đồng bào các dân tộc thiểu số v.v. Người chú ý đến hết thảy mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi. Đối với các cháu nhi đồng, Người đề nghị tổ chức đội Trần Quốc Toản, rèn luyện tinh thần siêng năng và bác ái để sẩu thành người công dân tốt. Đối với các cụ già, Người không tán thành tư tưởng « lão lại tài tận », « lão giả an chi », mà động viên : « ... càng già càng quắc thước, càng già càng anh hùng... không làm được công việc nặng nề, thì khua gậy đi trước, để khuyến khích bọn thanh niên... » (4). Đối với thanh niên, Người khuyên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, hăng hái làm việc, « dâu cần thanh niên có, việc khó thanh niên làm », luôn luôn thiết thực, nói được làm được...

Con người Việt nam trong quá trình biến đổi cách mạng cũng bộc lộ không ít nhược điểm. Đó là tư tưởng của người sản xuất nhỏ còn phổ biến trong nếp nghĩ và cách làm ; là trình độ và kỹ năng lao động còn thấp ; là sự thiếu kiến thức và thiếu kinh nghiệm tổ chức quản lý kinh tế và quản lý xã hội mới v.v. Nhưng, trong thực tiễn đấu tranh cách mạng hơn nửa thế kỷ qua, con người Việt nam đã tỏ rõ là những con người có ý chí làm chủ đất nước rất mãnh liệt, phát huy đến độ cao chưa từng thấy tinh thần yêu nước, truyền thống bất khuất của dân tộc Việt nam trước mọi thế lực xâm lược. Đó là những con người cần cù, nhẫn nại, chịu đựng gian khổ, dám hy sinh, giàu lòng nhân ái — một truyền thống tốt đẹp nữa của dân tộc Việt nam được kế thừa và phát huy trong thời đại mới. Đó là những con người có giác ngộ chính trị cao, gắn bó với Đảng, với chế độ mới, nhanh chóng tiếp nhận con đường làm ăn tập thể. Đó là những con người thông minh, dũng cảm, lạc quan, ham học hỏi và luôn luôn vươn tới...

Đại hội thứ IV của Đảng chỉ rõ : « Con người mới xã hội chủ nghĩa là con người Việt nam mới mà những đặc trưng nổi bật là : làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản. Đó cũng là sự kết tinh và phát triển những gì cao đẹp nhất trong tâm hồn và cốt cách Việt nam hun đúc qua bốn nghìn năm lịch sử.

Con người mới là con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có tri thức và năng lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân ».

Trong Báo cáo chính trị tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI, đồng chí Lê Duẩn nói : con người mới xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng là « con người lao động Việt nam làm chủ tập thể. Đó là những con người kết tinh và phát triển những gì cao đẹp nhất trong truyền thống văn hóa Việt nam ; nhưng đó là những con người Việt nam mới, xã hội chủ nghĩa, phù hợp với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng. Đó là con người có tư tưởng đúng, có tình cảm cao đẹp, có đủ tri thức và năng lực để làm người lao động làm chủ tập thể : làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân mình. Đó là con người có tinh thần tự giác cao, có đầy đủ quyết tâm và nghị lực để

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tập 4, tr. 21.

Digitized by Google

vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ. Là con người lao động thật thà, ghét lối sống ăn bám, dối trá, làm dối, nói dối, là con người lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, con người yêu lao động, quý trọng và bảo vệ của công, tôn trọng các quy tắc của đời sống công cộng. Là con người có tình thương yêu sâu sắc đối với nhân dân lao động đang cùng mình xây dựng cuộc đời mới. Con người mới có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn, kết hợp nhuần nhuyễn lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Con người mới là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa và phong phú » (5).

Như vậy là theo tư tưởng của Bác Hồ, theo đà tiến triển của cách mạng nước ta, mô hình con người mới Việt nam xã hội chủ nghĩa ngày càng được xác định: đó là con người làm chủ tập thể, yêu lao động, giàu tình thương, trọng lẽ phải.

Làm chủ tập thể là một bước nhảy vọt vĩ đại nhất từ chế độ người bóc lột người tồn tại mấy nghìn năm nay sang một chế độ hoàn toàn mới: người lao động tự quản lý lấy mình, xã hội mình, đất nước mình. Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt nam là con người lao động làm chủ tập thể trong một cộng đồng được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công và hợp tác xã hội chủ nghĩa, kết hợp hài hòa cá nhân với tập thể, tin yêu tập thể cũng như tin ở mình, khiêm tốn học hỏi người khác nhưng vẫn có độc lập suy nghĩ, dám bảo vệ chân lý đến cùng, dám chịu trách nhiệm trước tập thể và đối với chính mình. Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt nam phải là thành viên chủ động và tích cực thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ làm chủ của mình trong cộng đồng xã hội cũng như trong mỗi tổ chức của hệ thống chuyên chính vô sản mà mình tham gia.

Ý thức làm chủ đòi hỏi mỗi người phải chăm lo xây dựng tập thể vững mạnh, hết lòng vì lợi ích tập thể, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Ý thức làm chủ không cho phép ỷ lại vào ai, dù là ỷ lại cấp trên hay ỷ lại bên ngoài. « Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã » (6), từ *Đường kách mệnh* Hồ Chủ tịch đã nói như vậy. Người lại nói nhân 1000 ngày kháng chiến chống Pháp: « Mỗi một người dân phải hiểu: Có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do » (7). Con người mới ngày nay phải nâng cao ý thức tự lực tự cường của mình, khai thác mọi tiềm năng và tự giải quyết lấy mọi vấn đề của mình, của địa phương mình, của đất nước mình, không bao giờ chịu bó tay trước khó khăn mà luôn luôn năng động, tìm tòi, sáng tạo.

Muốn nâng cao năng lực làm chủ thì phải có hiểu biết lý luận và thực tiễn cần thiết, có phương pháp tư duy đúng đắn. Chẳng những phải có trình độ văn hóa chung ngày một cao mà trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, còn phải có hiểu biết và tự giác tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật, có hiểu biết và năng lực quản lý kinh tế, xã hội.

Yêu lao động là sẵn sàng lao động ở bất cứ đâu Tổ quốc cần đến, lao động vì lợi ích của mình và của toàn xã hội; trong điều kiện hiện nay, yêu lao động là sẵn sàng thực hiện sự phân công và phân bố lao động theo hướng sử dụng hết lao động và đất đai, trực tiếp sản xuất ra thật nhiều

(5) « Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt nam thống nhất xã hội chủ nghĩa », *Tạp chí Học tập*, số 7-1976, tr. 55.

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, tập 2, tr. 224.

(7) Hồ Chí Minh. Sách đã dẫn, 1985, tập 5 tr. 102.

Digitized by Google

của cải vật chất cho xã hội. Lao động của con người mới Việt nam xã hội chủ nghĩa phải là lao động đã được giải phóng khỏi bóc lột, ngày càng mang đầy đủ nội dung sáng tạo, không chỉ sáng tạo ra vật phẩm mà còn sáng tạo ra cả con người xã hội chủ nghĩa cùng những quan hệ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp giữa người và người. Truyền thống lao động cần cù từ nghìn xưa của ông cha ta tìm thấy một bước phát triển mới trong những con người lao động xã hội chủ nghĩa tự giác và tự nguyện, có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật và có năng suất cao. « Cần » đi đôi với « kiệm », quý trọng và bảo vệ của công, giảm tiêu hao vật tư và lao động sống trong mỗi đơn vị sản phẩm làm ra. Lao động là nghĩa vụ, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc. Lao động trở thành giá trị hàng đầu. Phân phối theo lao động trở thành luật lệ. Sống bằng kết quả lao động của mình trở thành tiêu chuẩn đạo đức chung của cả xã hội.

Giàu tình thương là phát huy đến độ cao nhất truyền thống thương nước — thương nhà, thương người — thương mình của nhân dân ta. Thương nước — thương nhà, con người mới Việt nam ngày nay luôn luôn nêu cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng chiến đấu hy sinh làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công. Thương người — thương mình trước hết là thương nhân dân lao động đang cùng mình xây dựng xã hội mới, cuộc đời mới, « tối lửa tắt đèn có nhau ». « Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác—Lê-nin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác—Lê-nin được! » (8). Thương người—thương mình cho nên, nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, xây dựng khối liên minh ba nước Đông dương anh em, củng cố sự liên minh toàn diện với Liên xô, với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của tất cả các dân tộc bị áp bức và bảo vệ hòa bình thế giới.

Trọng lẽ phải là xóa bỏ áp bức bóc lột, xây dựng một xã hội mới công bằng, hợp lý, trong đó mỗi người đều lao động và chiến đấu cho sự phát triển của cộng đồng xã hội để ai cũng có đủ cơm no, áo ấm, ai cũng được học hành, có cuộc sống tươi vui lành mạnh. Trọng lẽ phải là bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là biến chủ nghĩa xã hội khoa học thành hiện thực phong phú và sinh động, là tạo nên sự phát triển hài hòa giữa cá nhân, gia đình và xã hội, là thực hiện đạo lý cao cả « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người ».

Xây dựng con người mới phù hợp với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nền sản xuất lớn đang được xây dựng không phải là việc dễ dàng, chóng vánh. Không thể sản xuất ra từ đâu đó những con người mới hoàn chỉnh rồi đưa họ đi xây dựng xã hội mới, mà chỉ có thể biến những con người do lịch sử để lại thành những con người mới trong khi đưa họ vào công cuộc xây dựng xã hội mới. Nhưng khi họ đang xây dựng một xã hội mới thì nói chung họ chưa phải đã là những con người mới hoàn toàn, nói theo Lê-nin là họ chưa « rũ sạch được hết bùn nhơ của thế giới cũ; họ còn bị ngập đến tận đầu gối trong vũng bùn đó. Gột sạch được dần bùn đó vẫn còn là một ước mơ. Nghĩ rằng có thể làm ngay được việc đó là một điều không tưởng

(8) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập 2, tr. 486.

Digitized by Google

hết sức ngốc ngếch» (9). Và ngay khi xã hội cũ chết đi, chúng ta cũng đâu có thể bỏ nó vào áo quan đem chôn xuống đất, thây nó cứ rữa ra chung quanh chúng ta, ô nhiễm môi trường và gây bệnh cho cả chúng ta nữa. Hồ Chủ tịch cũng nói: «Sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen» (10). Cho nên không nên nôn nóng, đòi hỏi ngày một ngày hai mọi người đều phải là những con người mới xã hội chủ nghĩa hoàn toàn. Nhưng buông lỏng, coi nhẹ việc đấu tranh xây dựng con người thì lại càng không nên, nếu không nói là sai lầm. Không một phút nào chúng ta được quên lời dạy của Bác Hồ: mỗi con người đều có cái thiện cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho cái thiện thắng cái ác, loại trừ những cái xấu xa do xã hội cũ để lại trong xã hội cũng như trong mỗi con người chúng ta, giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức cách mạng trong sáng mình vì mọi người. Xây dựng chủ nghĩa xã hội không phải chỉ là xây dựng một nền kinh tế mới, một chế độ mới, mà còn là xây dựng một nền văn hóa mới và những con người mới xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa phải có đủ cả đức lẫn tài, nhưng đạo đức cách mạng là cái nguồn, cái gốc. Cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, chúng ta chẳng những phải nhanh chóng nâng cao nhận thức tư tưởng của mình về chủ nghĩa xã hội hiện thực Việt nam, nâng cao trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn của chúng ta cho kịp với yêu cầu của cách mạng, mà càng phải chăm lo rèn luyện đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng, chống lại mọi biểu hiện tha hóa. Bởi vì «làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang» (11).

Trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa đủ có lúc bộn bề công việc, chúng ta chưa coi trọng đúng mức mục tiêu xây dựng con người mới để xảy ra những biểu hiện hư hỏng nghiêm trọng về đạo đức và lối sống ngay cả trong một bộ phận nhân dân lao động, công nhân, thanh niên, cán bộ và đảng viên, song nhìn chung bước đi của chúng ta là tích cực và đúng đắn. Trong việc xây dựng con người mới, nhờ có Bác Hồ — hiện thân của tinh hoa dân tộc Việt nam kết hợp làm một với tinh hoa của loài người, chúng ta phát huy được bản sắc dân tộc ta trong thời đại mới, đã có thể tự rèn đúc nên mình, thực hiện được lời răn của ông cha thuở trước: «... Hỡi người sắp tới, chớ có đức làm»! (12) «*Con người mới của chúng ta là con người xã hội chủ nghĩa Việt nam.*

Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt nam còn đang tiếp tục cuộc hành trình của nó trong hiện thực

(*Xem tiếp trang 75*)

(9) Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 37, tr. 551.

(10) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập 2, tr. 94.

(11) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tr. 94.

(12) Bài minh cuối thế kỷ XIV thường được coi là của Nguyễn Trung Ngạn nhắc rằng Việt nam phải là Việt nam: «Chu chi đình, thần khí dã. Việt chi đình, Phật khí dã. Thần dị biến, Phật thường lạc. Ý! Hậu nhân mạc trú thạc!» («Vạc nhà Chu là đồ thần. Vạc đất Việt là đồ phật. Thần dễ đổi thay. Phật thường vui vẻ. Hỡi người sắp tới, chớ có đức làm».

Digitized by Google

Cuộc hành trình của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp năm 1946

(Biên niên tóm tắt)

30-5-1946 — Tại Việt nam học xá, Bác Hồ dự cuộc mít tinh lớn của năm vạn nhân dân Thủ đô chào mừng Người trước khi lên đường sang thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách do chính phủ Pháp mời. Người nói: « Theo mệnh lệnh của Chính phủ và ý chí của quốc dân, tôi cùng đoàn đại biểu sẽ đi Pa-ri để mở cuộc đàm phán chính thức ».

31-5-1946 — Dậy rất sớm, Bác viết thư gửi đồng bào Nam bộ: « ... Đồng Lào Nam bộ là dân nước Việt nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi !... ».

Tại sân bay Gia lâm, sau khi chào các đại biểu và đồng bào, Bác nắm tay cụ Huỳnh Thúc Kháng (lúc đó là Quyền Chủ tịch nước VNDCCH) nói: « ... Mong cụ « dĩ bất biến ứng vạn biến » (lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi). Người căn dặn các đại biểu trong phái đoàn: « Anh em chúng ta mang trọng trách ra đi, đứng trước mặt quốc dân đồng bào cả, chúng ta phải hứa dù gặp gian nan thế nào, chúng ta cũng phải nhất trí đoàn kết để làm tròn nhiệm vụ đối với Tổ quốc ».

1-6-1946 — Qua một đêm ngủ ở Pê-gu (Răng-gun), sớm hôm sau Bác đi Can-cút-ta (Ấn độ).

2-6-1946 — Nghỉ tại Can-cút-ta, Bác đến thăm toàn quyền Anh. Kiều bào ta ở xa Can-cút-ta mấy trăm ki lô mét cũng về đón chào Người.

3-6-1946 — Bác đến thăm tỉnh San-đéc-na-go (Ấn độ); chiêu đãi lãnh sự Pháp và thăm kiều bào ta.

4-6-1946 — Bác rời Can-cút-ta đi A-gra.

5-6-1946 — Từ A-gra, Bác đến Ka-ra-si. Viên tổng đốc người Anh mời Người nghỉ tại phủ tổng đốc.

6-6-1946 — Từ Ka-ra-si, Bác đi Ha-ba-nha (I-rắc).

7-6-1946 — Rời Ha-ba-nha, Bác đến Lơ Ke (Ai cập). Tại Lơ Ke, đại diện đại sứ Pháp ra đón và mời Người đến nghỉ tại sứ quán.

8 đến 10-6-1946 — Bác đến thăm nhà vua Ai cập, viện bảo tàng Kim tự tháp và đạo thăm thành phố Lơ Ke.

11-6-1946 — Sáng sớm, từ Lơ Ke, Bác đến Ben-ga-si. Nghỉ trưa rồi đi Bi-kra (An-giê-ri).

12-6-1946 — Bác đến Bi-a-rít — một thành phố ở tây nam nước Pháp —, nghỉ tại khách sạn Các-lơ-tông.

13-6-1946 — Kiều bào ta từ nhiều nơi trên nước Pháp đến Bi-a-rít chào mừng Người. Các đại biểu của Đảng cộng sản Pháp, Tổng liên đoàn lao động Pháp, hội Pháp — Việt vừa mới thành lập... và các nhân sĩ Pháp đã lần lượt đến chào mừng Người.

Digitized by Google

22-6-1946 — Mười ngày sau khi Bác đến Bi-a-rit, chính phủ Pháp mới thành lập mời Người lên Pa-ri. Máy bay chở Bác hạ cánh trên sân bay Lơ Buốc-giê. Bộ trưởng bộ nước Pháp hải ngoại, các tướng lĩnh... ra đón Bác với nghi lễ trọng thể. Kiều bào ta, đại biểu các đảng phái, các đoàn thể quần chúng Pháp nồng nhiệt đón chào Người. Bác nói: «Cảm ơn chính phủ và dân chúng Pháp tiếp đón tôi một cách long trọng. Mong sau này hai dân tộc Việt và Pháp cộng tác một cách bình đẳng, thật thà và thân thiết». Đoàn xe đưa Bác về khách sạn Roay-an Mông-xô.

23-6-1946 — Bác tiếp đại tướng Gioăng, tham mưu trưởng quân đội Pháp; tiếp một số anh em trí thức Việt nam đang ở Pháp muốn về ngay phục vụ Tổ quốc; tiếp đón một đoàn thiếu nhi, con của kiều bào ta. Người trao cho các em lá cờ của nhi đồng Việt nam ở Hà nội tặng nhi đồng Việt nam ở Pháp...

24-6-1946 — Sáng, Bác tiếp đại biểu kiều bào người Nam bộ đến chào mừng và nghe Người nói về tình hình nước nhà.

Trưa, Người tiếp bộ trưởng Mu-tê và nhiều viên chức cao cấp trong chính phủ Pháp.

Chiều, Ban trị sự hội Pháp — Việt đến chào mừng Người.

25-6-1946 — Bác tiếp hơn một trăm đại biểu các nhà báo Pháp và nước ngoài, các nhà chụp ảnh, quay phim.

26-6-1946 — Sáng, Bác đi thăm phái đoàn ta ở khách sạn Xanh-tơ An và Lu-vrơ; tiếp các đại biểu Liên đoàn ái hữu người Việt nam ở Mác-xây, Boóc-đô, Tu-lu-dơ... đến chào Người. Chiều, Bác tiếp luật sư Blông-cua, một bạn chiến đấu của người trước đây trong Hội liên hiệp thuộc địa. Tối, Bác tiếp các lãnh tụ Đảng xã hội Pháp, một số bác sĩ, nhà văn...

27-6-1946 — Sáng, Bác đi dạo trong rừng Bu-lô-nhơ, thăm Cung văn hóa Tơ-rô-ca-đê-rô. Trưa, ông Xanh-tơ-nì mời Người đến dùng cơm với gia đình. Chiều, Bác tiếp các đại biểu Đảng cộng sản Pháp (Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê, Ca-sanh, Tô-rê, Duy-clô, Bi-u, Ti-lông...).

28-6-1946 — Sáng, Bác đi dạo trong vườn Xanh clu. Trưa, Người tiếp đại tướng Gioăng và đại tướng Đơ-ve-giơ. Chiều, Người tiếp đại biểu phụ nữ Pháp, nói về phong trào phụ nữ Việt nam. Các đại biểu báo cáo với Người tin mừng: Liên đoàn phụ nữ dân chủ thế giới đã công nhận Hội phụ nữ Việt nam là hội viên.

29-6-1946 — Sáng, Bác đi dạo trong rừng Xanh Xen-nơ. Trưa, Người dự bữa cơm cùng gia đình Cao ủy Đác-giăng-li-ơ... Chiều, Bác tiếp các đại biểu Hội thanh niên thế giới và đại biểu các tổ chức thanh niên Pháp. Bác nói về phong trào đấu tranh của thanh niên Việt nam. Các đại biểu báo tin: Hội thanh niên thế giới đã công nhận Đoàn thanh niên Việt nam là hội viên. Đại biểu thanh niên thế giới đề nghị với Người cho phép anh chị em thanh niên thế giới được gọi Người là Bác Hồ.

30-6-1946 — Sáng, Bác đi dạo trong vườn hoa Mông-xô. Trưa, Người mời các đại biểu dự Hội nghị Phông-ten-nơ-blô đến dùng cơm thân mật. Chiều, Người đi xem Viện khảo cổ; tiếp một số nhà văn Pháp.

2-7-1946 — Sáng, Bác tiếp nhà văn Lê-ô Pôn-dét. Trưa, chính phủ Pháp mở tiệc chiêu đãi hoan nghênh Người. Đáp lại lời chào mừng của Thủ tướng Pháp Bi-đôn, Bác nói: «... Chắc nhiều khó khăn đang chờ ở Hội nghị Phông-ten-nơ-blô là hội nghị có nhiệm vụ đặt nền móng cho sự giao thiệp giữa nước Pháp và nước Việt nam mới. Sự thành thật và tin cậy lẫn nhau sẽ san phẳng được hết những khó khăn trở ngại. Triết lý phương Đông và triết lý Phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: «Chớ làm

Digitized by Google

cho người những điều mà mình không muốn người làm cho mình »...

3-7-1946 — Sáng, Bác đi đặt vòng hoa trước mồ liệt sĩ vô danh tại cửa Khải hoàn và trước mồ tử sĩ Đông dương ở nghĩa địa ngoại thành. Trưa, bộ trưởng Mu-tê mở tiệc chào mừng Người. Chiều, Bác đi thăm cung điện Vec-xay. Tối, chính phủ Pháp mời Bác đi xem kịch múa tại rạp Ô-pê-ra.

4-7-1946 — Sáng, Bác tiếp một số phóng viên các báo. Sau đó Người đi viếng mộ nghĩa sĩ ở đồi Va-lê-riên, và xúc động nói: « Trông thấy nghĩa sĩ Pháp vì độc lập và tự do mà bị người Đức tàn sát, lại nhớ đến nghĩa sĩ Việt cũng vì độc lập tự do mà bị người khác tàn sát, khiến cho người ta thêm nỗi cảm động ngậm ngùi. Quyền độc lập tự do ở nước nào cũng vậy, đều do xương máu của các nghĩa sĩ và sự đoàn kết của toàn quốc dân mà xây dựng nên. Vậy nên, những người chân chính ham chuộng độc lập, tự do của nước mình, thì phải kính trọng độc lập, tự do của dân tộc khác ».

Trưa, cao ủy Đắc-giăng-li-ơ mở tiệc hoan nghênh Người. Chiều, chính quyền và nhân dân Pa-ri tổ chức mít tinh trọng thể chào mừng Người.

Tối, Bác mở tiệc chiêu đãi Thủ tướng Bi-đôn, các bộ trưởng, các vị trong quốc hội Pháp, các tướng lĩnh...

5-7-1946 — Bác tiếp các đại biểu Tổng liên đoàn lao động Pháp và ông Tôn thư ký Công hội thế giới. Các đại biểu báo tin Công hội thế giới đã công nhận Công đoàn Việt nam là hội viên.

6-7-1946 — Hội nghị Việt — Pháp khai mạc ở cung điện Phông-ten-nơ-blô. Bác là thượng khách của chính phủ Pháp, cho nên không tham gia hội nghị.

7-7-1946 — Cả ngày, Bác tiếp nhiều kiều bào ta; tiếp tướng Sa-lăng đến chào Người. Tối, Bác đến dự hội đốt pháo hoa của nhân dân thành phố Vec-xay tổ chức chào mừng Người.

8-7-1946 — Sáng, Bác gửi điện về nước báo cáo với chính phủ: Người đã gặp các lãnh tụ Đảng cộng sản Pháp, Đảng cộng hòa bình dân, Đảng xã hội, đại biểu các tổ chức phụ nữ, thanh niên, trí thức, nhà báo, v.v. Trưa, Bác mời cơm thân mật vợ chồng ông Ma-ra-nơ, cựu chủ tịch quận Xen, vợ chồng nhà văn Pôn-đét, v.v. Chiều, đô đốc Mít-xốp mở tiệc hoan nghênh Người.

9-7-1946 — Sáng, Bác tiếp ông Xa-ra-van-nơ, một nghị viên người Ấn độ trong quốc hội Pháp, có cảm tình với nhân dân Việt nam. Chiều, ông bà Xanh-tơ-ni mở tiệc chào mừng Người.

10-7-1946 — Sáng, Bác tiếp nhiều khách người Pháp đến chào Người. Trưa, Bác mời cơm thân mật ông bà Xanh-tơ-ni, cả bà thân sinh ông Xanh tơ-ni và ông An-be Xa-rô, bố vợ ông Xanh-tơ-ni, nguyên toàn quyền Đông dương.

11-7-1946 — Sáng, Bác tiếp kiều bào ta và đại biểu Tổng hội giáo dục Pháp. Trưa, Bác tiếp đại tướng Gioăng. Chiều, hội Pháp — Việt mở tiệc trà hoan nghênh Người. Tối, Bác đi gặp Thủ tướng Bi-đôn và bộ trưởng Mu-tê đến khuya mới về.

12-7-1946 — Bác họp báo để công bố lập trường của Việt nam tại hội nghị Phông-ten-nơ-blô:

1 — Việt nam đòi quyền độc lập. Độc lập nhưng không phải là tuyệt giao với Pháp, mà ở trong Liên hiệp Pháp, vì như thế lợi cho cả hai về mặt kinh tế và văn hóa, Việt nam vui lòng cộng tác với Pháp.

2 — Việt nam quyết không chịu có một chính phủ liên bang.

3 — Nam bộ là một bộ phận của nước Việt nam, không ai có quyền chia rẽ, không lực lượng nào có thể chia rẽ.

Digitized by Google

4 — Việt nam sẽ bảo hộ tài sản của người Pháp. Nhưng người Pháp phải tuân theo luật lao động của Việt nam và Việt nam giữ lại quyền mua lại những tài sản có quan hệ đến quốc phòng.

5 — Nếu dùng đến cố vấn thì Việt nam sẽ dùng người Pháp.

6 — Việt nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự đi các nước.

13-7-1946 — Sáng, Bác tiếp kiều bào. Trưa, Bác đến dự bữa cơm thân mật do đô đốc Bác-giô mời. Tối, Bác dùng cơm thân mật với gia đình Ông Mi-sơ-lê, bộ trưởng bộ quốc phòng Pháp.

14-7-1946 — Sáng, Bác đi dự lễ quốc khánh của nước Pháp. Trưa, Bác viết thư cảm ơn thủ tướng Bi-đôn: "... Trong lúc mà dân Pháp và dân Việt đương tìm cách để thực hành sự cộng tác thực thà và thân thiện, ngày 14-7 lại càng có ý nghĩa đặc biệt đầm thắm cho hai nước chúng ta".

15-7-1946 — Sáng, Bác về thăm quê vợ chồng ông Pôn-đét. Chiều, Bác trả lời phỏng vấn của một số nhà báo. Tối, Bác cùng phái đoàn ta đến dự cuộc mít tinh lớn do kiều bào ta tổ chức tại cung Muy-tuy-a-li-tê (Pa-ri).

16-7-1946 — Trưa, Bác mời cơm thân mật anh em cảnh sát Pa-ri, những người có công hộ vệ Người. Chiều, Bác trả lời phỏng vấn của bà Xô-ni-ê, đại biểu tuần báo *Hành động*, một tờ báo ủng hộ Việt nam.

17-7-1946 — Bác đi thăm một số nơi thuộc vùng Noóc-măng-đi... Tối, Bác nghỉ tại làng E-ghec-vin, quê của ông Xanh-tơ-ni.

18-7-1946 — Bác tiếp tục đi thăm một số nơi thuộc vùng Noóc-măng-đi. Tối, Bác trở về Pa-ri.

19-7-1946 — Sáng, Bác tiếp nữ văn sĩ Xi-mon Tê-ri và trả lời phỏng vấn của ông Rô-đăng-phen về cuộc hội nghị Phông-ten-nơ-blô. Tối, Bác dự tiệc trà do ông Ti-lông, bộ trưởng bộ quân khí, tổ chức hoan nghênh Người.

20-7-1946 — Sáng, Bác tiếp phóng viên báo *Phrăng Ti-rơ* (Franc Tireur). Sau đó Người đi thăm ông bà Giô-li-ô Quy-ri và ông Phrăng-xi Giuốc-đanh, Tổng thư ký hội Pháp — Việt. Chiều, Bác tiếp các đại biểu phụ nữ Pháp đến thăm Người.

21-7-1946 — Sáng, Bác tiếp đại biểu các báo hằng tuần; văn hào Liên xô I-li-a Ê-ren-bua; ông Lô-ren-ti, chánh văn phòng bộ hải ngoại Pháp. Sau đó, Bác tiếp đại biểu thanh niên 61 nước thay mặt cho 50 triệu thanh niên nam nữ dự Đại hội thanh niên thế giới họp ở Pa-ri. Tối, Bác tiếp các đô đốc Li-mon-ni-ê, Ba-giô.

22-7-1946 — Sáng, Bác tiếp chị em Việt kiều đến thăm Người. Tối, Bác cùng anh em tùy tùng đi xem chiếu phim về ngày hội thể thao ở Mát-xcơ-va.

23-7-1946 — Sáng, Bác tiếp ông Duýt-sa, một nhà báo Pháp ủng hộ nền độc lập của Việt nam. Chiều, Người cùng ông bộ trưởng Mu-tê đi dự bữa cơm thân mật do ông Xanh-tơ-ni mời.

24-7-1946 — Nhiều tờ báo ở Pháp đăng bài của Bác trả lời phỏng vấn về mối quan hệ giữa Việt nam và Pháp, trong đó Người kết luận: "Nước Pháp thừa nhận Việt nam độc lập, và cùng chúng tôi gây mối quan hệ mới trên các nền tin cậy và tự do, thì nước Pháp sẽ thấy danh dự của mình, tinh thần của mình, và hợp lực của mình ở Việt nam thêm nhiều lắm. Mà như thế thì vững vàng, chắc chắn hơn là lấy chiến tranh, hoặc sức mạnh, hoặc tham mưu để ép chúng tôi ký điều ước này, điều ước nọ".

25-7-1946 — Sáng, Bác tiếp bác sĩ Blăng-đơ-vơ đến chào Người. Chiều, Bác đi thăm cụ Lê-ông Blum, một lãnh tụ Đảng xã hội Pháp.

26-7-1946 — Sáng, Bác đến thăm Phông-ten-nơ-blô, nơi họp hội nghị của hai phái đoàn Việt nam và Pháp.

Digitized by Google

Quận trưởng quận Xen và ủy ban thành phố mở tiệc hoan nghênh Người.

27-7-1946 — Bác đến thăm anh em công binh người Việt nam ở Pa-ri, khuyên anh em thương yêu nhau, đoàn kết và hướng về Tổ quốc.

28-7-1946 — Bác và anh em tùy tùng về thăm ông bà Ô-brắc quê ở Xoa-di Xu Mông Mô-ren-xi cách Pa-ri 10 km. Ông bà đều tham gia du kích trong thời kỳ kháng chiến chống phát xít Đức. Ông bà viết thư mời Bác về nghỉ mát, và rất ân cần, niềm nở đón tiếp Bác đến thăm.

29-7-1946 — Buổi sáng đầu tiên kể từ khi đến nước Pháp, tại nhà ông bà Ô-brắc, Bác được nghỉ ngơi, Người mang ghế ra vườn ngồi xem sách báo, nói chuyện với ông bà và vui đùa với hai cháu nhỏ của gia đình. Sau khi Bác dự bữa cơm trưa với ông bà Ô-brắc, đại diện chính phủ Pháp đến mời Người đi dự khai mạc Hội nghị hòa bình của các nước đồng minh họp tại điện Luých-xăm-bua, Pa-ri.

30-7-1946 — Sáng, Bác đi dạo trong rừng Mông Mô-ren-xi. Trưa, Bác tiếp ông chủ bút báo *Chiến đấu* (Le combat). Chiều, Bác đến thăm giáo sư Ri-vê; Bác tiếp ông Tổng thư ký Hội thanh niên cộng hòa Pháp cùng vợ đến chào và tặng hoa Người.

31-7-1946 — Trưa, Bác tiếp đô đốc Muy-đơ-li-ê. Chiều, Bác đi thăm bà Ang-đrê, Vi-ô-lít, một nhà báo nổi tiếng đã sang Việt nam điều tra tội ác của thực dân Pháp, và sau khi về nước bà viết cuốn *Đông dương kêu cứu*. Sau đó, Bác đi thăm giáo sư Lăng-giơ-vin, một nhà khoa học nổi tiếng. Tối, ông Mác Ang-đrê, trưởng đoàn đại biểu Pháp trong hội nghị Phông-ten-nơ-blô mở tiệc hoan nghênh Người.

1-8-1946 — Sáng, Bác tiếp nhà văn Lu-i Ca-xtêch. Sau đó, Người tiếp viên quan năm Phát-tanh, người phụ trách anh em công binh Việt nam ở Pháp. Chiều, ông Bi-u, bộ trưởng Bộ kiến thiết của chính phủ Pháp và ông Đa-xchi-ê đến thăm Người.

2-8-1946 — Sáng, Bác trả lời phỏng vấn của nhà báo Pháp Phlơ-ri và tiếp đại biểu thông tấn xã Trung quốc ở Pháp; Bác tiếp ông Clô-đơ Moóc-găng, chủ bút tờ tuần báo *Văn học Pháp*, một tờ báo ủng hộ nền độc lập của Việt nam. Sau đó, Bác tiếp ông Ô-bay, nghị viên Đảng xã hội Pháp. Trưa, Bác đi thăm cựu thủ tướng Hê-ri-ô, chủ tịch Đảng cấp tiến. Chiều, ông He-ri-ô đến chào Người để đáp lễ; Bác đi thăm tướng Lơ Clếc, và thăm Đảng xã hội Pháp.

3-8-1946 — Sáng, Bác đi thăm ông Buy-rê, chủ bút báo *Trật tự* (L' ordre) một tờ báo thường công kích ta; Bác nói rõ về tình hình Việt nam. Sau đó, báo này tỏ thái độ dứng đắn. Chiều, Bác đi thăm giáo sư Ri-vê, một bậc lão thành trong Đảng xã hội Pháp. Sau đó ông Bu-skê, một đại biểu trong phái đoàn Pháp tại Hội nghị Phông-ten-nơ-blô, mời Bác đến thăm gia đình ông ở ngoại ô Pa-ri.

4-8-1946 — Sáng, Bác tiếp nhiều anh chị em kiều bào ta và các cháu thiếu nhi Việt nam ở Pháp. Sau đó, Bác tiếp tướng Moóc-li-e sắp sang Việt nam. Chiều, Bác đi thăm gia đình cụ Lê-ông Blum ở ngoại thành Pa-ri.

5-8-1946 — Sáng, Bác tiếp một số kiều bào ta và đọc các báo... Chiều, Bác đi thăm cụ Vanh-xăng Ô-ri-ôn; thăm giáo sư E-min Kam, chủ tịch Hội nhân quyền Pháp ủng hộ nền độc lập của Việt nam. Sau đó, Bác đi thăm ông Luýt-xi, đảng viên Đảng xã hội Pháp, đại biểu quốc hội Pháp.

6-8-1946 — Bác trả lời ông Sác-bon-ni-ê, đại biểu báo *Trật tự* đến phỏng vấn Người.

7-8-1946 — Sáng, Bác tiếp mấy người Pháp ở Sài gòn mới về nước đến chào Người. Trưa, Bác tiếp ông Đa-xi-ê, cựu bộ trưởng Bộ nội vụ trong chính

Digitized by Google

phủ Pháp và hiện là đại biểu quốc hội Pháp, tỏ ý tán thành Việt nam độc lập.

8-8-1946 — Sáng, Bác đi thăm ông bộ trưởng Mu-tê, trung tướng Pen-lê, trước đã ở Việt nam, nay làm ở phái bộ hải ngoại. Chiều, Bác tiếp nghị sĩ Luýt-xi.

9-8-1946 — Sáng, ông Xtéc-nơ, giám đốc Viện khảo cổ Viễn đông mời Bác đến thăm viện. Tại đây, Bác cùng ông bà Xtéc-nơ nói chuyện về văn hóa phương Đông và phương Tây. Bác còn đi thăm ông Mô-ri-xơ Su-man, chủ tịch Đảng cộng hòa bình dân Pháp. Chiều, Bác tiếp ông Giăng Bê-ben, phóng viên báo *Giải phóng* (Libération), một tờ báo ủng hộ nền độc lập của Việt nam.

10-8-1946 — Bác đến thăm Trung ương Đảng cộng sản Pháp. Các đồng chí Mô-ri-xơ Tô-rê và Giắc Đuy-clô đón tiếp Người.

11-8-1946 — Sáng, Bác cùng anh em tùy tùng đi thăm cung điện Săng-chi-e-ri. Chiều về, Bác tiếp ông Xanh-tơ-ni đang chờ Bác.

12-8-1946 — Sáng, Bác gặp anh em phái đoàn ta và Việt kiều, nói chuyện đến 12 giờ. Sau đó, Bác đi thăm một nhà nuôi trẻ ở làng Noa-di Lơ-grăng.

17-8-1946 — Trả lời phỏng vấn của một số tờ báo ở Pháp về kết quả chuyến đi thăm nước Pháp của Người, và một số vụ xung đột Việt — Pháp xảy ra gần đây, Bác nói đại ý : Người không muốn trở về Hà nội tay không. Người muốn có những kết quả cụ thể với sự cộng tác chắc chắn giữa hai nước. Người lấy làm tiếc về những cuộc xung đột mới xảy ra, và tuyên bố là nước Việt nam không chịu trách nhiệm về những việc ấy. Người nhấn mạnh cần tạo ra bầu không khí thuận lợi cần thiết cho sự cộng tác Việt — Pháp. Muốn thế, cần phải làm yên lòng người Việt nam cũng như người Pháp. Về phía Việt nam sẽ bảo đảm cho người Pháp những quyền lợi tinh thần, văn hóa và vật chất, trái lại, phía Pháp phải bảo đảm nền độc lập hoàn toàn của Việt nam.

19-8-1946 — Nhân dịp kỷ niệm một năm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, chính phủ ta gửi điện kính chúc Bác mạnh khỏe, tỏ lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Người, và nguyện đem hết tài trí ra phụng sự Tổ quốc..

20-8-1946 — Bác đến gặp bộ trưởng Mu-tê. Người nhấn mạnh cần phải tổ chức nhanh chóng cuộc trưng cầu ý dân... ; phải có một cơ quan Việt — Pháp chuẩn bị, tổ chức và kiểm soát khi bỏ phiếu. Người nhắc lại lập trường của Việt nam là nước Pháp phải công nhận nước Việt nam độc lập, và nước Việt nam bảo đảm cho nước Pháp những quyền lợi kinh tế và văn hóa.

21-8-1946 — Bác gửi cho chính phủ Pháp bức công hàm, nêu vấn đề hai bên Việt — Pháp cần trở lại tiếp tục cuộc đàm phán chính thức ở Phông-ten-nơ-blô. Sau đó, Bác nhận được công hàm của chính phủ Pháp trả lời : « ... Những sự khác nhau quá sâu xa giữa hai quan điểm về những vấn đề căn bản làm cho hội nghị không họp được, vì có họp lại cũng không đi đến kết quả nào ».

30-8-1946 — Sắp đến ngày kỷ niệm Quốc khánh đầu tiên của nước ta, Bác gửi điện về nhắc nhở đồng bào hết sức tránh va chạm với người Pháp để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc nói chuyện giữa phái đoàn ta và phái đoàn Pháp.

14-9-1946 — Cuộc tiếp xúc giữa Bác và ông Mu-tê diễn ra rất gay go vào giữa đêm... 12 giờ rưỡi đêm, Bác lại gặp ông Mu-tê, và phút cuối cùng Bác quyết định ký bản Tạm ước.

16-9-1946 — Sáng, Bác rời Pa-ri bằng chuyến xe lửa riêng. Chiều, Bác đến Mác-xây.

17-9-1946 — Sáng, Bác tiếp đại biểu các báo Mác-xây, gửi lời cảm ơn

Digitized by Google

nhân dân đón tiếp Người, và sự quan tâm của nhân dân đối với đồng bào của Người là thợ thuyền và binh lính. Sau đó, các nhà chức trách đến chào Bác và đưa Bác đến trại Ma-giac-nhơ, nơi tập trung hơn ba nghìn thợ thuyền và binh lính Đông dương. Bác nói chuyện với họ về tình hữu nghị Việt—Pháp. Chiều, các nhà chức trách cùng với Bác về Tu-lông. Bác lên tuần dương hạm Đuy-mông Đuyếc-vin.

18-9-1946 — Sáng sớm, ông Giăng Xanh-tơ-ni lên tàu chào từ biệt Bác. Sau đó, chiến hạm Đuy-mông Đuyếc-vin nhổ neo. Bác yêu cầu ban chỉ huy chiến hạm kéo quốc kỳ Việt nam mỗi lần tàu cập bến ở những hải cảng thuộc Anh. Ở nhiều hải cảng trên dọc đường có bắn đại bác chào mừng vị nguyên thủ quốc gia đầu tiên của nước Việt nam mới. Bác thăm Gi-bu-ti theo lời mời của toàn quyền Pháp đã được chính phủ Pháp báo trước chuẩn bị đón tiếp Người.

Khi tàu ghé cảng Cô-lôm-bô, Bác lên bờ thăm Xây-lan nay là Xri Lan-ca) một ngày. Cụ Găng-di và ông Nê-ru cử người thay mặt tới thủ đô Xây-lan trao tặng Bác lá cờ của Quốc hội Ấn độ...

18-10-1946 — Tàu ghé vào vịnh Cam-ranh. Đắc-giăng-li-ơ và Moóc-li-e mới từ Hà nội vào đã có mặt trên tuần dương hạm Xắp-phơn để đón Bác. Nhiều nhà báo cũng được mời đến. Sau phần nghi lễ, Bác dự tiệc chiêu đãi, thủy sư đô đốc Đắc-giăng-li-ơ nâng cốc chúc sức khoẻ Người. Bác trao đổi ý kiến với viên cao ủy về việc thi hành Tạm ước 14 tháng 9. Bác khuyên các nhà báo hãy góp phần vào việc thi hành các điều đã được thỏa thuận trong Tạm ước.

20-10-1946 — Đảng bộ và nhân dân Hải phòng đã chuẩn bị đón Bác. Ngoài đơn vị quân đội ta, còn có một đơn vị quân đội Pháp tham gia lễ đón dưới quyền chỉ huy của ta. 16 giờ, tàu vào Bến ngự. Rời khỏi cầu tàu, Bác tươi cười chào các đoàn đại biểu và đồng bào. Sau phần nghi lễ, Bác cảm ơn các đoàn đại biểu và đồng bào, nhận bó hoa của nhân dân Hải phòng và ôm hôn các cháu thiếu nhi đến đón Bác. Sau đó, Bác về nghỉ ở Ủy ban hành chính thành phố. Sau bữa cơm chiều, Bác kể lại vắn tắt cho một số đại biểu nghe về cuộc hành trình...

21-10-1946 — Sáng sớm, Bác đi dạo một vòng quanh thành phố. Trở về, Bác tiếp đại biểu các đoàn thể, đảng phái từ Hà nội xuống; đại biểu các cơ quan, đoàn thể ở Hải phòng; đại biểu các tỉnh Kiến an, Hòn gai, Quảng yên, Nam định, Thái bình, Bắc ninh... 10 giờ sáng, chuyến tàu đặc biệt đưa Bác về Hà nội. Suốt dọc đường xe lửa, chỗ nào cũng có đông đồng bào đứng đón. Ở mỗi ga là một cuộc mít tinh với rừng người, rừng cờ và biểu ngữ... Bác đứng suốt 5 giờ đồng hồ bên cửa sổ mở rộng của toa xe lửa để vẫy chào đồng bào.

15 giờ 30, tàu đến ga Hàng cỏ. Cụ Huỳnh Thúc Kháng dẫn đầu đoàn đại biểu chính phủ, Quốc hội và các đoàn thể đứng đón Bác trên sân ga. Moóc-li-e mới từ Cam-ranh trở về, cũng có mặt ở sân ga. Bộ chỉ huy quân đội Pháp cũng cử tới một đội danh dự và một đội nhạc binh. Sau khi dự lễ đón mừng ở ga, Bác lên xe trở về Bắc bộ phủ, qua những con đường dầy cờ chào, đông nghịt đồng bào vẫy cờ, tung hoa, hò reo, hô khẩu hiệu chào mừng Người.

Bác gặp đồng chí Trường Chinh và Ban thường vụ Trung ương Đảng tại Bắc bộ phủ...

Đồng bào đã đón đến trước Bắc bộ phủ. Các em thiếu nhi diễu qua, đánh trống, hô to: "Bác Hồ đã về! Bác Hồ đã về!" Bác ra đứng bên cửa sổ, vẫy chào đồng bào và các cháu thiếu nhi.

(Xem tiếp trang 67)

Digitized by Google

V. PAN-TÊ-LÊ-EP

Ở BƯỚC NGOẶT ĐỘT NGỘT (*)

Ở bước ngoặt đột ngột trong đời sống của đất nước và của toàn thế giới hiện đại, Đại hội thứ 27 của những người cộng sản Liên xô đã đưa ra câu trả lời cho những vấn đề chủ yếu nhất mà thời đại đặt ra. Đại hội đã thông qua một chương trình hiện thực được cân nhắc mọi mặt về đẩy nhanh sự phát triển kinh tế—xã hội, một chương trình đã trở thành đường lối chiến lược của Đảng cộng sản Liên xô, đường lối chiến lược này sẽ đưa xã hội xô viết tới một tình hình mới về chất. Tư tưởng đẩy nhanh đã thâm nhập mọi hoạt động trước đại hội của Đảng, đã ở trung tâm sự chú ý của đại hội, đã được thể hiện ở Báo cáo chính trị của UBTƯ, ở văn bản mới của Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên xô và ở những sửa đổi trong Điều lệ Đảng, trong «Những phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế và xã hội của Liên xô trong những năm 1986—1990 và trong thời kỳ tới năm 2000» và trong những văn kiện khác của đại hội.

Đại hội thứ 27 đã vạch ra một chương trình hiện thực cho những hành động cụ thể nhằm ngăn ngừa thảm họa hạt nhân nóng, bảo vệ và củng cố hòa bình. Tư tưởng về mối quan hệ khăng khít giữa chủ nghĩa xã hội và hòa bình, giữa hòa bình và xây dựng, gắn chắc các kế hoạch của Đảng cộng sản Liên xô. Cũng như đường lối đẩy nhanh, tư tưởng đó như sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ công việc của đại hội, xuyên suốt các nghị quyết và các văn kiện do đại hội thông qua.

I

Chiếm vị trí trung tâm trong công việc của Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô, là Báo cáo chính trị của Ủy ban trung ương do Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô M.X. Goóc-ba-trốp trình bày. Báo cáo đó đã phác ra một toàn cảnh rộng lớn của thế giới hiện đại, những xu hướng và những mâu thuẫn cơ bản của nó. Đã phân tích mọi mặt tình hình đối nội, những thành tích và những khó khăn của đất nước. Đã phác họa rõ nét những phương hướng chủ yếu trong chính sách kinh tế và xã hội của Đảng, trong sự nghiệp dân chủ hóa hơn nữa xã hội xô viết. Đã trình bày những mục tiêu chủ yếu và đã cụ thể hóa những phương hướng trong hoạt động chính trị đối ngoại của Đảng. Đã tổng kết những cuộc thảo luận về văn bản mới của Cương lĩnh và về những sửa đổi trong Điều lệ ĐCS Liên xô.

Một phần tư thế kỷ đã trôi qua kể từ khi thông qua Cương lĩnh thứ ba của ĐCS Liên xô. Trong khoảng thời gian ấy nhân dân xô viết đã đạt được những thành tích đáng kể. Nhưng sự

(*) Bài viết cho Tạp chí Cộng sản.

Digitized by Google

tự mãn là xa lạ đối với Đảng. Đánh giá đúng những gì đã đạt được, Đảng thẳng thắn và công khai nói lên những gì chưa đạt được, và nói lên những nguyên nhân của những thiếu sót ấy. «Trong một số năm, — như Báo cáo chính trị của UBTƯ ĐCS Liên xô đã nêu rõ, — không chỉ do những nhân tố khách quan, mà còn do trước hết những nguyên nhân mang tính chất chủ quan, những hành động thực tiễn của các cơ quan Đảng và Nhà nước đã lạc hậu so với những yêu cầu của thời đại, của bản thân cuộc sống. Những vấn đề trong sự phát triển của đất nước đã tăng nhanh hơn những vấn đề được giải quyết. Sức ỳ, sự khô cứng của những hình thức và phương pháp quản lý, sự giảm sút tính năng động trong công tác, sự tăng thêm chủ nghĩa quan liêu — tất cả những hiện tượng đó đã tác hại không nhỏ tới sự nghiệp. Trong đời sống xã hội đã bắt đầu xuất hiện những hiện tượng trì trệ»

Tháng tư năm 1985, Hội nghị toàn thể UBTƯ ĐCS Liên xô đã đề ra yêu cầu khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong sự phát triển của xã hội về mặt kinh tế — xã hội, làm cho nó có tính năng động cần thiết và được đẩy nhanh. Đường lối của Hội nghị toàn thể tháng tư đã được sự tán thành và ủng hộ của Đảng và nhân dân. Điều đó thấy rất rõ trong thời gian chuẩn bị đại hội.

Trong tiến trình của cuộc thảo luận rộng rãi thật sự mang tính toàn dân về những văn kiện trước đại hội, đã có sự mạn đàm công khai và xây dựng về tất cả những vấn đề chủ chốt. Đặc điểm nổi bật trong cuộc vận động bầu ban lãnh đạo mới trong Đảng là sự thành thạo, là thái độ ráo riết đối với những khuyết điểm và thiếu sót trong công việc. Tại các cuộc họp và hội nghị, những người cộng sản đã nêu lên nhiều đề nghị và nhận xét mang tính phê phán, họ nói về sự cần thiết phải dứt khoát xây dựng lại phong cách, hình thức và phương pháp công tác Đảng, loại trừ những biểu hiện nương nhẹ và phô trương. Lời khuyên của Đảng và nhân dân đã cho thấy rõ hơn cần phải bắt tay làm gì và làm theo cách nào, cần phải đưa những đòn bẩy nào vào hoạt động. Kinh nghiệm tập thể của Đảng và toàn dân đã cho phép giải quyết nhiệm vụ có tầm quan trọng lịch sử như thế này: vạch ra một đường lối chiến lược mới về nguyên tắc.

Ý nghĩa nào được đưa vào khái niệm «đẩy nhanh»? Trong Báo cáo chính trị của UBTƯ có nói, đó «trước hết là việc nâng cao nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Nhưng không chỉ như vậy. Bản chất của nó là ở chất lượng mới của sự tăng trưởng: ở chỗ làm sao bằng mọi cách phát triển sản xuất theo chiều sâu trên cơ sở của tiến bộ khoa học — kỹ thuật, của việc xây dựng lại cơ cấu nền kinh tế, của những hình thức có hiệu quả trong việc quản lý, tổ chức và khuyến khích lao động»

Nhưng đường lối đẩy nhanh không hạn chế ở những cải cách trong lĩnh vực kinh tế. Đại hội Đảng đã nhấn mạnh rằng nhân tố quyết định trong việc đẩy nhanh là nhân tố con người. Và chỉ có thể động viên mọi khả năng chưa được sử dụng của nó, bằng cách thi hành một chính sách xã hội tích cực, củng cố nguyên tắc công bằng xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện những quan hệ xã hội, đổi mới những hình thức và phương pháp công tác của các học viện chính trị và tư tưởng, tăng cường nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nói cách khác, đẩy nhanh có nghĩa là khắc phục một cách kiên quyết sức ỳ, sự trì trệ và tính bảo thủ — tất cả những cái đang kìm hãm sự tiến bộ xã hội, đang cản trở việc phát hiện đầy đủ những ưu thế và khả năng của chế độ xã hội chủ nghĩa. Điều đó liên

Digitized by Google

quan tới mọi phương hướng công tác do Đảng đề ra — công tác trước mắt và lâu dài, công tác kinh tế và xã hội, công tác chính trị đối nội và đối ngoại.

Những nhiệm vụ có tầm cỡ đã được Đại hội thứ 27 đề ra trong lĩnh vực kinh tế. Tới cuối thế kỷ, phải tăng thu nhập quốc dân lên gần 2 lần, với việc tăng gấp đôi tiềm năng sản xuất và cải biến tiềm năng đó về chất. Năng suất lao động phải tăng lên từ 2,3 tới 2,5 lần. Dễ hiểu là không thể nào đạt được những thành tích quan trọng nhất trong kinh tế trên cơ sở vật chất — kỹ thuật cũ và dựa vào những phương pháp quản lý sẵn có. Lối thoát là ở chỗ cải tổ sâu sắc nền kinh tế quốc dân trên cơ sở những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật, và cả việc xây dựng lại cơ chế kinh tế và hệ thống quản lý.

Sẽ có sự thay đổi về chính sách cơ cấu và đầu tư. Điều đó biểu hiện ở việc chuyển trung tâm sự chú ý từ các chỉ tiêu số lượng của sản xuất sang các chỉ tiêu đặc trưng cho chất lượng, hiệu quả của nó. Nhìn kết quả không phải ở kết quả trung gian mà ở kết quả cuối cùng; trong đa số trường hợp, không phải là mở rộng quỹ sản xuất mà là đổi mới nó; ưu tiên không phải là tăng các nguồn nhiên liệu — nguyên liệu mà là sử dụng các nguồn đó tốt hơn — đấy là những yêu cầu của nền sản xuất hiện đại. Và những yêu cầu đó được thể hiện trong các nghị quyết của Đảng.

Vai trò chủ chốt trong tiến bộ của công nghiệp nặng được dành cho ngành chế tạo máy. Được ưu tiên phát triển ở đây là những ngành thật sự có tính chất xúc tác đối với việc đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật — ngành chế tạo máy công cụ, ngành công nghiệp kỹ thuật điện, ngành vi điện tử, ngành kỹ thuật tính toán, ngành chế tạo dụng cụ, ngành công nghiệp tin học. Ngành năng lượng nguyên tử sẽ phát triển với nhịp độ nhanh. Trong tương lai, việc tăng nhu cầu về các nguồn nhiên liệu — năng lượng lên từ 75% đến 80% phải được thỏa mãn bằng con đường tiết kiệm bằng mọi cách các nguồn đó.

Một nhiệm vụ chủ yếu nữa phải giải quyết là khắc phục tình trạng lạc hậu của nông nghiệp. Cho tới nay nông nghiệp vẫn tiến chậm. Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đang hướng Đảng và toàn dân xô-viết vào việc tạo ra một bước ngoặt quyết định đối với khu vực nông nghiệp trong nền kinh tế.

Điều đó có hiện thực không? Có, như Đảng trả lời, dựa vào những biện pháp bổ sung do Đảng vạch ra, nhằm tăng cường tính hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Vấn đề hàng đầu là làm cho ruộng đất thêm màu mỡ, sử dụng rộng rãi các kỹ thuật thâm canh. Nguồn trước mắt để bổ sung cho quỹ lương thực là làm sao giảm được mất mát sản phẩm trong lúc thu hoạch, chuyên chở, bảo quản và chế biến.

Việc giải quyết các nhiệm vụ mới — cả trong công nghiệp lẫn trong nông nghiệp — sẽ không thể nào thực hiện được, nếu không cải tổ sâu sắc cơ chế kinh tế, xây dựng một hệ thống quản lý thống nhất, có hiệu quả và linh hoạt, cho phép thực hiện đầy đủ hơn những khả năng của chủ nghĩa xã hội.

Việc quản lý kinh tế đòi hỏi phải có sự cải tiến thường xuyên và có hệ thống. Cần nói thẳng ra rằng nhu cầu thật sự phải cải tiến hệ thống quản lý cho tới thời gian gần đây, phần lớn vẫn chưa được đánh giá đúng. Công việc này đã được tiến hành một cách chậm chạp và nửa vời. Sự gắn bó với các phương pháp cũ, chủ yếu là các phương pháp hành chính, đã chiếm ưu thế. Sự trì trệ trong tư duy đã không tránh khỏi đẻ ra sự trì trệ

Digitized by Google

trong công việc. Và bây giờ, như được nhấn mạnh trong Báo cáo chính trị của UBTƯ trước Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô, tình hình đã tới mức là không thể chỉ bó hẹp trong những cải tiến bộ phận — cần phải có một sự cải cách triệt để. Ý nghĩa của sự cải cách này là làm thế nào để trên thực tế có thể làm cho toàn bộ nền sản xuất ở trong nước đáp ứng được các nhu cầu xã hội, thỏa mãn được các nhu cầu của con người; có thể hướng việc quản lý vào chỗ nâng cao hiệu quả và chất lượng, đẩy nhanh tiến bộ khoa học — kỹ thuật, làm cho cán bộ, nhân viên quan tâm hơn đến kết quả lao động của họ, làm cho sáng kiến và tính tháo vát xã hội chủ nghĩa ở mỗi khâu của nền kinh tế quốc dân, và trước hết ở các tập thể lao động, được phát huy.

Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đã xác định đường lối hành động có tính nguyên tắc theo phương hướng này. Đường lối đó là làm sao để, dựa vào nguyên tắc bất di bất dịch của chế độ tập trung dân chủ, tăng cường và hoàn thiện sự lãnh đạo kinh tế có kế hoạch tập trung của Nhà nước — thành quả và ưu thế căn bản của chủ nghĩa xã hội. Và về vấn đề này, như đã được nêu lên tại đại hội, những hy vọng của các nhà tư tưởng tư sản về sự xa rời của những người cộng sản Liên xô đối với nguyên tắc căn bản đó của Lê-nin là không có căn cứ.

Yêu cầu dứt khoát chuyển sang những phương pháp mới về quản lý và kinh doanh đang lan rộng khắp mọi cấp, mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, kể cả khu vực nông nghiệp. Có ý nghĩa nguyên tắc ở đây là việc xây dựng ở trung ương và ở các địa phương các cơ quan quản lý tổ hợp nông công nghiệp thống nhất có nhiệm vụ bảo đảm việc liên kết nông nghiệp với các ngành công nghiệp có liên quan với nông nghiệp. Việc xây dựng cơ cấu tổ chức mới này được kiện toàn bằng một cơ chế kinh tế phù hợp, và mục đích chủ yếu của cơ chế này, cũng như trong công nghiệp, là mở đường cho những phương pháp kinh tế trong kinh doanh. Quyền tự chủ của các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh đang được mở rộng một cách đáng kể; sự quan tâm và trách nhiệm của các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh đối với kết quả cuối cùng trong công việc của họ cũng sẽ được đề cao. Như M. X. Goóc-ba-trốp đã nhấn mạnh trong Báo cáo chính trị tại đại hội, thực chất vấn đề là vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lê-nin về thuế lương thực phù hợp với điều kiện hiện đại.

Đối với các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, đang dự kiến quy định các kế hoạch thu mua sản phẩm ổn định cho từng năm của kế hoạch 5 năm, các kế hoạch này sẽ không thay đổi. Sẽ mở rộng chế độ hợp đồng và chế độ khoán ở các cấp đội, tổ, gia đình, với việc giao cho họ trong thời hạn hợp đồng các tư liệu sản xuất, kể cả ruộng đất.

Đảng nhấn mạnh rằng, ở bước ngoặt đột ngột hiện nay, đòi hỏi phải vứt bỏ nhiều cái lỗi thời, thì những quan niệm đã trở nên ổn định, nhất là các thiên kiến, không được cản trở chúng tôi. Và nếu như chẳng hạn, điều cần thiết và chính đáng là phải áp dụng những định mức kinh tế thay cho những chỉ tiêu có tính chất pháp lệnh nào đó, thì điều đó không phải có nghĩa là từ bỏ các nguyên tắc lãnh đạo có kế hoạch, mà chỉ có nghĩa là thay đổi các phương pháp và cách thức lãnh đạo có kế hoạch mà thôi. Thật là không đúng, nếu coi bất cứ sự thay đổi nào về cơ chế kinh tế cũng gần như là sự từ bỏ các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Về vấn đề này, M.X.Goóc-ba-trốp đã nhấn mạnh rằng "tiêu chuẩn cao nhất về hoàn

Digitized by Google

thiện công tác quản lý, cũng như hoàn thiện toàn bộ hệ thống các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phải là việc đẩy nhanh kinh tế — xã hội, tăng cường chủ nghĩa xã hội trên thực tế ».

Những cuộc cải cách sâu sắc, do Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đề ra, đòi hỏi phải có thời gian nhất định. Còn việc đẩy nhanh hiểu theo nghĩa rộng của nó, thì cần phải đạt được ngay từ hôm nay. Vì vậy, cần phải huy động tới mức cao nhất mọi nguồn dự trữ — các nhân tố về kinh tế và tổ chức, về tâm lý và xã hội, cần phải sử dụng tốt hơn tiềm năng sản xuất hiện có, nâng cao hiệu lực của việc khuyến khích lao động, tăng cường tính tổ chức và kỷ luật, khắc phục tình trạng không biết kinh doanh. Việc nâng cao căn bản chất lượng sản phẩm có ý nghĩa rất lớn. Còn một nguồn dự trữ quan trọng nữa là phổ biến rộng rãi kinh nghiệm tiên tiến, thực hiện thi đua xã hội chủ nghĩa, cuộc thi đua này phải nhằm vào việc nâng cao chất lượng công tác, vào việc tiết kiệm và dè xẻn, vào việc đạt được các giới hạn đề ra ở mỗi tập thể, ở mỗi nơi làm việc.

Khi đưa ra các nhiệm vụ có tầm cỡ, ĐCS Liên xô chỉ rõ mối quan hệ khăng khít giữa việc cải thiện đời sống của con người với việc nâng cao hiệu quả lao động và xã hội của họ. Cần phải tăng cường việc kiểm tra mức lao động và mức tiêu dùng, làm cho tiền lương phụ thuộc chặt chẽ hơn vào năng suất và chất lượng lao động, kiên quyết loại trừ chủ nghĩa bình quân, không để xảy ra tình trạng trả lương cho người không lao động, trả thưởng cho người không có công lao. Cần phải đấu tranh không khoan nhượng chống những khoản thu nhập không do lao động đem lại, cần phải triệt để thiết lập sự công bằng xã hội.

Quy mô và sự mới mẻ của những công việc sắp tới, đang đề ra những yêu cầu rất cao đối với tính cách hoạt động của ĐCS Liên xô, ngày nay tập hợp trên 19 triệu người cộng sản, trong các lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Cuộc sống không đứng im tại chỗ, nó thường xuyên kiểm tra năng lực của những người cộng sản trong việc giải quyết những nhiệm vụ mới do cuộc sống đề ra. Và Đảng có thể giải quyết thành công những nhiệm vụ đó, nếu như bản thân nó ở trong một quá trình phát triển liên tục, không sa vào tình trạng, như được nêu trong Báo cáo chính trị, cho rằng mình « không bao giờ phạm sai lầm », nếu như bản thân nó đánh giá một cách có phê phán những kết quả đạt được, và thấy rõ mình sẽ phải làm gì. Về mặt này, thời gian sau Hội nghị toàn thể tháng tư (năm 1985) của UBTƯ ĐCS Liên xô là thời gian khác thường. Chúng tôi hiểu rất rõ, như M.X Goóc-ba-trốp đã nói tại đại hội, rằng không thể lảng tránh hơn nữa đối với những vấn đề đã chín muồi trong sự phát triển của xã hội, không thể chịu đựng hơn nữa đối với thái độ vô trách nhiệm, ít đòi hỏi, thụ động. Đảng thẳng thắn nói với nhân dân về những khó khăn và thiếu sót trong công tác của mình, về những con đường để khắc phục những khó khăn và thiếu sót đó. Và sau khi làm như vậy, Đảng đã mạnh thêm, vì được sự ủng hộ tích cực của hàng triệu người lao động.

Những nhiệm vụ mới đề ra trước xã hội xô viết, đòi đổi phải có một sự chấn chỉnh căn bản trong công tác Đảng. Thực chất của công việc này là làm thế nào để mỗi tổ chức Đảng sống trong một không khí tìm tòi, đổi mới các hình thức và phương pháp hoạt động của mình. Gọi sự việc đúng với tên gọi của nó, xét đoán mọi việc một cách công khai, thông báo một cách khách quan cho các cơ quan cấp trên của Đảng và

Digitized by Google

quần chúng biết, luôn luôn và trong mọi việc thể hiện rõ tính đòi hỏi cao và sự thẳng thắn — tất cả những phẩm chất đó phải là nguyên tắc bất di bất dịch trong công tác Đảng. Đại hội Đảng đã nhấn mạnh cần phải bằng mọi cách phát huy tinh thần phê bình và tự phê bình, tăng cường đấu tranh chống sự phô trương, thi hành kỷ luật đối với những cán bộ, nhân viên nào trên lời nói thì ủng hộ việc chỉnh đốn, nhưng suy nghĩ và hành động thì vẫn theo công thức cũ. Cần phải kiên quyết ngăn chặn bất kỳ mưu toan nào muốn bóp nghẹt, bài xích sự phê bình lành mạnh.

Điều chủ yếu là xác lập ở mọi nơi phong cách thiết thực và chiến đấu của công tác Đảng, những phương pháp và phương tiện linh hoạt, có hiệu quả của công tác đó.

II

Đảng cộng sản Liên xô — đảng của những người theo chủ nghĩa quốc tế chân chính — kết hợp một cách hữu cơ việc giải quyết những nhiệm vụ chiến lược có tính chất bước ngoặt, đưa xã hội xô viết tiếp tục tiến lên trên con đường hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, với những thắng lợi của quá trình cách mạng thế giới.

Một thế giới trẻ trung, hướng về tương lai — Cương lĩnh của ĐCS Liên xô nhận xét về chủ nghĩa xã hội thế giới như vậy. Ở định nghĩa này nổi lên xu hướng chủ yếu của thế giới hiện đại : sự tiến bộ xã hội trong thời đại chúng ta đồng nhất với chủ nghĩa xã hội, với sự hình thành, sự hoàn thiện, sự vận động tiến lên của nó. Hơn một phần ba loài người, hơn một chục nước và dân tộc đang đi theo con đường đó. Họ đã bắt đầu con đường đó từ những trình độ ban đầu khác nhau, trong những điều kiện không giống nhau, và đối với nhiều nước và dân tộc trong số họ thì con đường đó không phải bằng phẳng và không phải giản đơn, không phải dễ dàng qua được mà không phạm sai lầm.

Nhưng, mặc dù những biểu hiện cụ thể của cùng một cơ sở hạ tầng là vô tận như Mác đã tiên đoán, ở đây vẫn có những cột mốc chỉ đường — những tính quy luật chung của sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Việc nhận thức chúng và vận dụng vào điều kiện cụ thể của mỗi nước là cái bảo đảm để giải quyết thành công những nhiệm vụ đặt ra, khắc phục những khó khăn, giải quyết những mâu thuẫn ; là cơ sở để tiến lên một cách vững chắc.

Điều ĐCS Liên xô đặc biệt quan tâm, như được nhấn mạnh trong Cương lĩnh của Đảng, là tăng cường bằng mọi cách tình hữu nghị, phát triển và hoàn thiện các mối quan hệ của Liên xô với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Việc phân tích những xu hướng và mâu thuẫn cơ bản của thế giới hiện đại, được đưa ra trong Báo cáo chính trị của UBTƯ ĐCS Liên xô, chứng tỏ một cách hùng hồn rằng, vận mệnh của thế giới và tiến bộ xã hội ngày nay gắn bó chặt chẽ hơn bao giờ hết với tính năng động trong sự phát triển kinh tế và chính trị của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Muốn đẩy nhanh phong trào chung tiến lên, điều quan trọng sống còn là thúc đẩy sự phối hợp hành động, sự phối hợp này đưa lại kết quả là tiềm năng của chúng ta tăng lên không chỉ bằng con số cộng mà bằng con số nhân.

Động lực của sự phối hợp hành động mọi mặt giữa các nước trong cộng đồng, là các đảng cộng sản và công nhân cầm quyền. Sự hợp tác chính trị của họ đang tăng lên không ngừng, những phương pháp và hình thức hợp tác đang được hoàn thiện và đổi mới.

Digitized by Google

Đại hội thứ 27, Cương lĩnh của Đảng, các văn kiện khác của đại hội đã thu hút sự chú ý tới nhiều nhân tố mới, những nhân tố này cho thấy sự phối hợp hành động của các nước anh em về mặt kinh tế. Điều chủ yếu ở đây là 25 năm qua, trong việc thực hiện xu hướng lịch sử về quốc tế hóa đời sống kinh tế, đã thực hiện được một bước chuyển, được toàn bộ sự phát triển trước đó chuẩn bị một cách hợp quy luật, lên hình thức cao nhất của quốc tế hóa đời sống kinh tế trong điều kiện hiện đại — liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa. Sự cần thiết tăng cường hơn nữa liên kết như là cơ sở vật chất cho sự đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, đã được nhấn mạnh trong các văn kiện có tính chất cương lĩnh của ĐCS Liên xô.

Một bước quan trọng mới trên con đường đó là việc thông qua « Chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học — kỹ thuật của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế tới năm 2000 ». Chương trình này đóng vai trò đặc biệt trong việc đẩy nhanh tiến bộ kinh tế—xã hội của các nước anh em, bảo đảm nâng cao một cách căn bản năng suất lao động, tăng thêm uy tín và ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, ĐCS Liên xô, trong những văn kiện được Đại hội thứ 27 của Đảng thông qua, một lần nữa xác nhận sự quan tâm và sẵn sàng của mình góp phần vào việc nâng cao hơn nữa nền sản xuất xã hội và lối sống xã hội chủ nghĩa ở các nước trong cộng đồng chúng ta, vào việc đẩy nhanh quá trình làm ngang bằng trình độ phát triển kinh tế của các nước ấy. Chẳng hạn, trong « Những phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế và xã hội của Liên xô trong những năm 1986 — 1990 và trong thời kỳ tới năm 2000 », có chỉ rõ sự cần thiết tiếp tục cùng với các nước anh em khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế dành sự giúp đỡ quốc tế cho Việt nam, Cu ba và Mông cổ trong việc đẩy nhanh sự phát triển và nâng cao hiệu quả của nền sản xuất xã hội, trong việc mở rộng sự tham gia của các nước đó vào sự phân công lao động xã hội chủ nghĩa quốc tế.

Theo tinh thần của thời đại, nhằm đáp ứng nhu cầu của cuộc sống, ĐCS Liên xô đang nhấn mạnh ý nghĩa của nghị lực, của sự thành thạo, của sáng kiến. Theo quan niệm của Đảng chúng tôi, những phẩm chất đó cần được mở rộng cả sang toàn bộ hệ thống các mối quan hệ giữa các nước anh em với nhau. Bớt quan liêu mệnh lệnh, bớt các loại ủy ban và tiểu ban, chú ý hơn đến các đòn bẩy kinh tế, đến sáng kiến, đến tinh thần vật xã hội chủ nghĩa, đến việc lôi cuốn các tập thể lao động — đó là điều cần thiết hiện nay để tăng cường sự phối hợp hành động về kinh tế.

Mệnh lệnh của chính sách hiện đại của Đảng — đẩy nhanh sự phát triển kinh tế—xã hội, đạt tới một tình hình mới về chất trong xã hội chúng tôi, trước hết là trong kinh tế—đang thôi thúc chúng tôi quan tâm hơn nữa, đi sâu hơn nữa tìm hiểu cái gì là quý giá trong kinh nghiệm của các nước và các đảng anh em. Mỗi nước và mỗi đảng đều góp phần mình vào toàn bộ kho tàng kinh nghiệm chung của chủ nghĩa xã hội thế giới. ĐCS Liên xô đánh giá cao sự đóng góp này, coi trọng công tác lý luận và thực tiễn của các đảng anh em.

III

Đối lập với thế giới xã hội chủ nghĩa hướng về tương lai, đối lập với phong trào cách mạng và giải phóng quốc tế, là thế giới tư bản chủ

Digitized by Google

nghĩa bóc lột, thế giới này tuy còn mạnh và nguy hiểm, nhưng đã trải qua điểm tột cùng của nó.

Chủ nghĩa đế quốc ngày nay chứa đựng nguy cơ ngày càng lớn đối với bản thân sự tồn tại của loài người. Nó là kẻ đầu tiên đã sử dụng vũ khí hạt nhân, và hiện nay đang chuẩn bị thực hiện một bước mới—có lẽ không sửa chữa được — là đưa cuộc chạy đua vũ trang lên vũ trụ.

Mục tiêu chủ yếu của đường lối chính trị đối ngoại của ĐCS Liên xô là ở chỗ làm thế nào bảo đảm cho nhân dân xô viết có được khả năng lao động trong điều kiện hòa bình bền vững. Vì vậy đấu tranh chống nguy cơ hạt nhân, chống chạy đua vũ trang, nhằm bảo vệ và củng cố hòa bình chung, cả trong tương lai nữa, vẫn là phương hướng chính trong hoạt động của Đảng trên trường quốc tế. Trong khuôn khổ đó, phương hướng trung tâm trong chính sách đối ngoại của Liên xô sẽ là đấu tranh để thực hiện chương trình đã được đưa ra trong Tuyên bố của Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô M.X. Goóc-ba-trốp ngày 15 tháng giêng năm 1986. Chương trình đó có ý nghĩa lịch sử. Nếu như kế hoạch thủ tiêu vũ khí hủy diệt hàng loạt và ngăn ngừa chiến tranh thế giới mới theo từng giai đoạn được thực hiện, thì loài người sẽ đón thế kỷ thứ 21 không có vũ khí hạt nhân, nguy cơ tự hủy diệt mình cũng sẽ được loại bỏ.

Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đã chỉ rõ tầm quan trọng đặc biệt của «Những cơ sở để thiết lập hệ thống an ninh quốc tế toàn diện», những cơ sở có tính nguyên tắc đã được đưa ra trong Báo cáo chính trị của UBTƯ. Đây là ý kiến mới trong chính trị thế giới. Những nguyên tắc được trình bày ở đây mang tính toàn diện, tổng hợp, xây dựng, những nguyên tắc đó thống nhất thành một mối tất cả những khía cạnh của khái niệm hiện đại về an ninh quốc tế — quân sự, chính trị, kinh tế và nhân văn.

Tham dự Đại hội thứ 27 có 152 đoàn đại biểu các đảng cộng sản, công nhân, dân chủ cách mạng, công đảng và các đảng khác, có các đại diện của các tổ chức xã hội dân chủ. Tổng cộng từ 113 nước ở khắp các châu tới.

Phát biểu trước khách nước ngoài của Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô tại cuộc chiêu đãi ở Điện Crem-li, M.X. Goóc-ba-trốp đã nói rằng họ không chỉ là khách của đại hội, mà còn là — những người cộng sản Liên xô coi như vậy — những người tham gia đại hội, góp phần của mình vào công việc của đại hội. Sự đóng góp đó là ở chỗ họ đã ủng hộ tinh thần đổi mới, ủng hộ chiến lược chính trị đối ngoại của ĐCS Liên xô.

Các đoàn đại biểu các đảng anh em ở các nước xã hội chủ nghĩa đều nhất trí trong việc đánh giá Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô, coi đó như một sự kiện có ý nghĩa lịch sử. Việc thực hiện các kế hoạch có tính chất xây dựng của ĐCS Liên xô, như họ nhấn mạnh, sẽ ảnh hưởng quyết định tới sự tiến triển của các sự nghiệp trên thế giới, giúp cho việc đoàn kết hơn nữa các lực lượng của chủ nghĩa xã hội thế giới.

Trong bài phát biểu tại đại hội, đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư BCHTƯ ĐCS Việt nam, đã nhận xét rằng Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô có ý nghĩa lịch sử trọng đại vì nó mở ra một thời kỳ phát triển mới rực rỡ của đất nước xô viết, nó biểu dương tình đoàn kết quốc tế của những người cộng sản toàn thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. «Cương lĩnh sửa đổi mới của ĐCS Liên xô và đại hội lần này của các đồng chí, — đồng chí Lê Duẩn nói, — cổ vũ mạnh mẽ chúng tôi tiến lên. Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả của sự hợp tác toàn diện Việt nam — Liên

Digitized by Google

xô là đường lối nguyên tắc của Đảng và Nhà nước chúng tôi ».

Trong cuộc trao đổi ý kiến giữa đồng chí Goóc-ba-trốp và đồng chí Lê Duẩn diễn ra ở Mát-xcơ-va ngày 14 tháng ba năm nay, nhà lãnh đạo của những người cộng sản Việt nam, sau khi đánh giá cao công việc của Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô, đã nhận xét rằng những văn kiện do đại hội thông qua, có ý nghĩa cổ vũ lớn lao không chỉ đối với Liên xô, mà còn đối với tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Đồng chí đã chúc những người cộng sản và toàn thể những người lao động Liên xô thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do đại hội đề ra.

★

Lịch sử sẽ đánh giá một cách khách quan ý nghĩa của Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô. « Nhưng ngay từ hôm nay, — như được nêu rõ trong diễn văn của M.X. Goóc-ba-trốp khi bế mạc đại hội, — có thể nói: đại hội đã diễn ra trong một không khí thể hiện rõ tính nguyên tắc của Đảng và sự thống nhất, thể hiện rõ tính đòi hỏi cao và sự thật bộn sẽ vích, sự công khai vạch trần các khuyết điểm và thiếu sót, sự phân tích sâu sắc những điều kiện đối nội và đối ngoại trong sự phát triển của xã hội chúng ta. Đại hội đã nêu một tấm gương cao cả về đạo đức, tinh thần cho hoạt động của Đảng, cho sinh hoạt của cả nước ».

CUỘC HÀNH TRÌNH CỦA...

(Tiếp theo trang 58)

23-10-1946 — Bác ra lời tuyên bố với quốc dân: « ... Tôi qua Pháp đáp lại thịnh tình của chính phủ Pháp đã mời tôi, mục đích cốt để giải quyết vấn đề Việt nam độc lập, cùng Trung Nam Bắc thống nhất. Vì hoàn cảnh hiện thời ở nước Pháp mà hai vấn đề chưa giải quyết được, còn phải chờ. Nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng: Việt nam nhất định độc lập, Trung Nam Bắc nhất định thống nhất! » (*).

THẾ TẬP
Sưu tầm

(*) Theo một số bài đăng trên báo *Cứu quốc* năm 1946, *Nhật ký Hội nghị Phông-ten-nơ-blô* (bản đánh máy lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng); cuốn *Những năm tháng không thể nào quên* của Võ Nguyên Giáp, Nxb Quân đội nhân dân, năm 1974, và tham khảo cuốn *Les deux guerres au Việt nam* (Hai cuộc chiến tranh ở Việt nam) của Georges Chaffard, Nxb La table ronde de Combat, Paris, 1969.

Digitized by Google

HỒNG CHƯƠNG

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC XÔ VIẾT

Từ trước đến nay, ĐCS Liên xô vốn coi trọng công tác tư tưởng. Trong thời kỳ mới của sự phát triển đất nước xô viết, công tác tư tưởng lại càng được ĐCS Liên xô đặc biệt chú ý.

Trong giai đoạn hiện nay, nhân dân Liên xô, dưới sự lãnh đạo của ĐCS Liên xô, có nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang: hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội, đưa xã hội xô viết tiến xa hơn nữa trên con đường cộng sản chủ nghĩa trên cơ sở đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Công tác tư tưởng của ĐCS Liên xô có nhiệm vụ bảo đảm cho nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang đó hoàn thành thắng lợi.

Như Cương lĩnh của ĐCS Liên xô (bản mới) đã nhấn mạnh, ĐCS Liên xô sẽ làm tất cả những gì cần thiết để sử dụng triệt để sức mạnh cải tạo của tư tưởng mác xít – lê nin nít vào việc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, tiến hành công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục lao động và đạo đức cho nhân dân, *xây dựng con người phát triển hài hòa, có tinh thần tích cực trong công việc xã hội, kết hợp trong mình sự phong phú về tinh thần, sự trong sạch về đạo đức và sự hoàn chỉnh về thể lực*

Đất nước xô viết càng tiến xa trên con đường cộng sản chủ nghĩa, vai trò của công tác tư tưởng không hề giảm bớt mà càng tăng thêm. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản càng đẩy mạnh càng đề ra cho công tác tư tưởng những nhiệm vụ nặng nề, to lớn.

Cương lĩnh ĐCS Liên xô (bản mới) đề ra những mục tiêu vĩ đại. Phát triển sản xuất theo chiều sâu với mức độ cao nhất trên cơ sở tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tổ cơ cấu kinh tế, thực hiện những hình thức quản lý có hiệu quả, tổ chức và khuyến khích lao động. Trong vòng 15 năm tăng gấp đôi tiềm lực sản xuất với sự đổi mới cơ bản về chất, tăng năng suất lao động từ 2,3 đến 2,5 lần. Chuyển sang nền kinh tế có tổ chức cao nhất, có hiệu quả với lực lượng sản xuất phát triển toàn diện, các quan hệ sản xuất xã hội chín muồi, với cơ chế kinh tế năng động. Đẩy mạnh sự phát triển khoa học, kỹ thuật. Làm cho sở hữu tập thể và sở hữu toàn dân xích lại gần nhau và trong tương lai sẽ hòa làm một. Cải thiện điều kiện sống và lao động của nhân dân, thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội. Làm cho các giai cấp xích lại gần nhau, xóa bỏ sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, đạt trình độ có khả năng loại trừ ưu thế chiến lược của các thế lực đế quốc. Đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ trên thế giới. Tăng cường và củng cố đội ngũ của Đảng, hoàn thiện quan hệ trong Đảng

Digitized by Google

trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ ; ...

Công tác tư tưởng của ĐCS Liên xô trong những năm tới cổ vũ nhân dân ra sức phấn đấu đạt các mục tiêu vĩ đại và hoàn thành các nhiệm vụ nặng nề được đề ra trong Cương lĩnh của Đảng.

ĐCS Liên xô tập trung toàn bộ sức mạnh tác động của mình vào điều quan trọng nhất là làm cho mọi người dân Liên xô nhận thức được một cách sâu sắc tính chất gay gắt của giai đoạn phát triển hiện nay của đất nước xô viết, tính chất bước ngoặt của nó. Công tác tư tưởng của Đảng nhằm đánh thức tính tích cực lao động và xã hội, năng lực và sáng kiến của quần chúng nhân dân, động viên mọi người ra sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Mục tiêu cách mạng càng to lớn bao nhiêu thì sự tích cực tham gia của hàng triệu con người vào việc thực hiện các mục tiêu đó càng quan trọng bấy nhiêu. ĐCS Liên xô đặc biệt nhấn mạnh vai trò của yếu tố con người trong quá trình phấn đấu đạt các mục tiêu đã đề ra. Công tác tư tưởng nhằm phát huy hoạt động sáng tạo của quần chúng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Công tác tư tưởng của Đảng trước hết giáo dục cho nhân dân về hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa, về lòng trung thành cao độ đối với chủ nghĩa cộng sản. Nó giáo dục cho mọi người về chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản xã hội chủ nghĩa. Nó bồi dưỡng cho mọi người thái độ tự giác đối với lao động và ý thức bảo vệ tài sản xã hội. Nó tạo điều kiện cho nhân dân được tiếp xúc nhiều hơn nữa với văn hóa tinh thần. Nó xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa và xóa bỏ những tập quán trái với lối sống đó.

Nghị quyết Đại hội 27 ĐCS Liên xô ghi rõ : « Trong công tác tư tưởng, mục đích cơ bản là giáo dục nhân dân lao động theo tinh thần tư tưởng cộng sản và trung thành với Tổ quốc xô viết, chủ nghĩa quốc tế vô sản xã hội chủ nghĩa, thái độ giác ngộ đối với lao động và tài sản của xã hội, không khoan nhượng đối với tất cả những gì xa lạ với chủ nghĩa xã hội, với văn hóa và đạo đức tập thể của chúng ta ».

Công tác tư tưởng nhằm đưa xã hội xô viết tiến tới những giới hạn mới về đời sống tinh thần được đề ra trong Cương lĩnh của Đảng : tiếp tục củng cố tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong ý thức của nhân dân, xác lập hoàn toàn những nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa, tinh thần tập thể và tương trợ trên tình đồng chí, làm cho đông đảo quần chúng nhân dân tiếp cận những thành tựu khoa học, những giá trị văn hóa, xây dựng con người phát triển toàn diện.

ĐCS Liên xô đòi hỏi công tác tư tưởng phải có nội dung lý luận và tư tưởng sâu sắc, đồng thời phải có tính thông tin phong phú. Nó phải gắn với thực tế cuộc sống trong nước và ngoài nước, phải đáp ứng nhu cầu tinh thần ngày càng cao của nhân dân, phải gần gũi quần chúng và dễ hiểu đối với quần chúng. Việc giáo dục con người gắn liền với sự tham gia thật sự của con người vào lao động sáng tạo vì lợi ích của nhân dân. Vì vậy gắn với thực tế cuộc sống là yêu cầu hàng đầu đối với công tác tư tưởng. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội 27, đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô có nói : « bất cứ lĩnh vực công tác tư tưởng nào, chúng ta cũng phải xuất phát từ cuộc sống ».

Một yêu cầu thiết yếu nữa của công tác tư tưởng là lời nói đi đôi với việc làm. « Đảng viên đi trước, làng nước theo sau », tác dụng nêu gương của người đảng viên cộng sản là rất quan trọng. Vì vậy, một nguyên tắc mà người làm công tác tư tưởng phải

Digitized by Google

tuân theo là sự thống nhất giữa lời nói và việc làm.

Công tác tư tưởng không phải chỉ là công việc riêng của ngành tuyên huấn; đó là công việc chung của toàn Đảng. ĐCS Liên xô xác định rằng mỗi người đảng viên cộng sản đều có nghĩa vụ tích cực tham gia vào công tác giáo dục chính trị và tư tưởng.

Công tác tư tưởng của Đảng có những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

— Xây dựng thế giới quan khoa học;

— Giáo dục lao động;

— Giáo dục đạo đức cộng sản chủ nghĩa;

— Giáo dục chủ nghĩa vô thần;

— Đấu tranh chống những biểu hiện của tư tưởng và đạo đức xa lạ, chống những biểu hiện tiêu cực;

— Đấu tranh chống tư tưởng tư sản.

Nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng là bảo đảm cho thế giới quan khoa học dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin chiếm ưu thế trong đời sống tinh thần của xã hội. Nó phải giáo dục cho những người lao động các quan điểm của chủ nghĩa Mác—Lê-nin về triết học, kinh tế học, và chính trị xã hội học. Nó phải tiếp tục phát triển sáng tạo lý luận Mác — Lê-nin trên cơ sở nghiên cứu và tổng kết những hiện tượng mới trong đời sống xã hội. Nó phải nghiên cứu kinh nghiệm các nước anh em và các đảng anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế, cũng như những kinh nghiệm của phong trào dân tộc và dân chủ. Nó phải phân tích và tổng kết những thành tựu của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Nó phải giúp cho mỗi người lao động nắm vững học thuyết Mác — Lê-nin, nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng của họ, để họ tự giác tham gia tích cực vào việc vạch ra chính sách của Đảng và thực hiện chính sách đó.

Lao động là nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội. Đó là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Lao động là tiêu chuẩn chủ yếu của uy tín xã hội của một con người. Đó cũng là cơ sở để giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho mọi người. Vì vậy xây dựng cho mọi người có thái độ lao động đúng đắn, có ý thức sẵn sàng say mê tham gia lao động vì lợi ích của xã hội là trọng tâm của công tác tư tưởng. Công tác tư tưởng của Đảng nhấn mạnh việc phát triển tính chủ động và sáng tạo của mọi người trong lao động, đề cao vai trò của lao động có năng suất và hiệu quả cao.

Đạo đức của người cộng sản hấp thụ những giá trị đạo đức thông thường vốn có của nhân loại cũng như những tiêu chuẩn xử sự và quan hệ giữa người và người mà nhân dân lao động đã tạo ra trong cuộc đấu tranh lâu dài chống bóc lột, vì tự do và công bằng xã hội, vì hạnh phúc và hòa bình. Đạo đức của người cộng sản được xây dựng trên cơ sở trung thành với những mục tiêu của cách mạng, những lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Theo Cương lĩnh của ĐCS Liên xô, đạo đức cộng sản chủ nghĩa bao gồm:

— Ý thức tập thể;

— Tinh thần nhân đạo;

— Tính tích cực và hăng hái;

— Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế.

Chủ nghĩa tập thể đối lập với chủ nghĩa cá nhân, đạo đức cộng sản chủ nghĩa đấu tranh chống tính vị kỷ, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Nó đề cao nguyên tắc «một người vì mọi người, mọi người vì một người».

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, quan hệ giữa người và người là quan hệ hợp tác giúp đỡ nhau trên tình đồng chí. Nó không dung thứ những hành động làm tổn hại đến phẩm giá của

Digitized by Google

con người lao động. Đạo đức cộng sản chủ nghĩa thấm nhuần tinh thần nhân đạo vì nó đề cao con người lao động, tôn trọng con người lao động.

Đấu tranh kiên định cho lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, đạo đức cộng sản chủ nghĩa thúc đẩy con người vươn tới những đỉnh cao mới trong lao động sáng tạo, hăng hái tham gia sự nghiệp xây dựng đất nước, chống các biểu hiện tiêu cực, trái với chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy nó mang tính tích cực và hăng hái.

Người cộng sản tha thiết yêu Tổ quốc của mình; đồng thời có tình cảm sâu sắc đối với anh chị em cùng giai cấp trên thế giới, đối với những người lao động ở các nước anh em, đối với những người đấu tranh chống đế quốc, vì độc lập dân tộc, vì tiến bộ và hòa bình trên khắp các nước. Đạo đức cộng sản chủ nghĩa kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế. Nó giáo dục tinh thần sẵn sàng chiến đấu hy sinh để bảo vệ Tổ quốc; đồng thời đấu tranh không khoan nhượng chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa sô vanh nước lớn, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và tính ích kỷ dân tộc.

Một mặt nghiêm chỉnh thi hành những điều khoản bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng được ghi trong Hiến pháp, mặt khác lên án những âm mưu lợi dụng tôn giáo để gây tổn hại cho lợi ích của xã hội và con người; đó là chính sách trước sau như một của ĐCS Liên xô. Nâng cao tính tích cực lao động và xã hội của nhân dân, phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học về mọi mặt, đó là con đường đúng đắn để khắc phục các định kiến sai lầm về tôn giáo.

Trong cuộc đấu tranh chống các mặt tiêu cực, Đảng đề lên hàng đầu việc thanh toán triệt để các hiện tượng vi phạm kỷ luật lao động, tham ô và hối lộ, đầu cơ và ăn bám, nghiện rượu và say rượu, lưu manh côn đồ, tâm lý tư hữu và trục lợi, nịnh hót và luồn lọt. Trong cuộc đấu tranh này Đảng sử dụng sức mạnh của dư luận quần chúng kết hợp với quyền lực của pháp luật. Đảng nêu cao những điển hình tốt trong đời sống xã hội và trong đời sống riêng, trong việc thực hiện nghĩa vụ công dân.

Công tác tư tưởng đặc biệt coi trọng việc làm rõ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản. Nó vạch trần sự bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, vạch trần bản chất phản nhân dân và vô nhân đạo của nó. Tuyên truyền cho lối sống xã hội chủ nghĩa với quan hệ tốt đẹp giữa người và người là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng.

Phê bình và tự phê bình là quy luật phát triển của Đảng cộng sản và của xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong công tác tư tưởng Đảng coi trọng việc vận dụng phương pháp phê bình và tự phê bình. Có những người nước ngoài chuyên bới lông tìm vết, lợi dụng sự phê bình và tự phê bình của những người cộng sản để nói xấu chủ nghĩa xã hội. Nhưng họ chỉ tốn công vô ích; sự xuyên tạc của họ không thể bôi nhọ được chủ nghĩa xã hội. Sự thật hiển nhiên là việc vạch trần một cách dũng cảm những gì xa lạ với bản chất và nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội nhằm triệt để khắc phục nó chứng tỏ rằng chủ nghĩa xã hội hiện thực có sức mạnh to lớn. Bằng cách đấu tranh với chính bản thân mình, khắc phục mặt yếu và phát huy mặt mạnh của mình, xã hội xã hội chủ nghĩa tự giác giải quyết những vấn đề của mình, nhờ đó mà phát triển mạnh mẽ và tiến xa hơn nữa trên con đường cộng sản chủ nghĩa.

Trong công tác tư tưởng của Đảng, các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò cực kỳ to lớn. Báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh thuyết phục nhân dân bằng các chương trình có định hướng chính trị rõ ràng, có

Digitized by Google

nội dung sâu sắc nhanh nhạy, giàu lượng thông tin, đẹp và dễ hiểu. ĐCS Liên xô coi báo chí là công cụ mạnh mẽ của tính chất thông báo công khai và sự kiểm tra của xã hội. Nghị quyết Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô nhấn mạnh: «Các phương tiện thông tin đại chúng càng có tính chất chín chắn, linh hoạt và càng ít theo đuổi tin tức cá biệt, giật gân bao nhiêu thì hoạt động của chúng càng có kết quả bấy nhiêu».

Báo chí xô viết ngày càng có tác dụng to lớn đối với cuộc sống. Thời gian gần đây báo chí xô viết có một khí thế và phong cách mới. Nó tham gia giải quyết những vấn đề phức tạp, mới về nhiều mặt. Báo chí xô viết phản ánh bản thân cuộc sống sinh động với những thành tựu và mâu thuẫn của nó. Báo chí xô viết thể hiện một ý thức công dân cao hơn trước. Tính chiến đấu của nó cũng mạnh hơn trước. Nó phân tích, phê bình một cách cụ thể những khuyết điểm và thiếu sót. Nó đưa ra nhiều đề nghị có tính chất xây dựng về những vấn đề kinh tế, xã hội và tư tưởng cấp bách. Nó vứt bỏ những khuôn sáo cũ, chú ý nhiều hơn đến lợi ích thiết thân của quần chúng.

Trong công tác tư tưởng, văn học và nghệ thuật có vai trò quan trọng. Văn học và nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc tính dân tộc và tính đảng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, văn học và nghệ thuật phục vụ lợi ích của nhân dân và sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa. Nó là nguồn vui và nguồn động viên của những người lao động. Nó thể hiện ý chí và tình cảm của họ. Nó góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của họ. Nó là một phương tiện rất tốt để giáo dục, bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Văn học và nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa liên hệ mật thiết với đời sống nhân dân, phản ánh trung thực với tính nghệ thuật các thực tế của chủ nghĩa xã hội, ủng hộ cái mới, cái tiến bộ, đấu tranh chống tất cả những gì cản trở sự phát triển của xã hội. ĐCS Liên xô đòi hỏi văn học nghệ thuật phản ánh sự ra đời của thế giới mới, đồng thời tham gia tích cực vào việc hình thành thế giới mới, góp phần xây dựng con người mới. Trong phê bình văn nghệ, Đảng đòi hỏi phải từ bỏ thói nề nang đang xói mòn đạo đức lành mạnh. Đảng nhắc nhở rằng phê bình là công việc xã hội, chứ không phải là lĩnh vực phục vụ tính tự ái và kiêu ngạo của tác giả.

Trong công tác tư tưởng Đảng coi trọng việc giáo dục thẩm mỹ cho những người lao động. Thông qua các tác phẩm tốt nhất của nền văn nghệ của dân tộc và của nhân loại, Đảng tiến hành công tác giáo dục thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ. Đảng coi kiến thức thẩm mỹ là cơ sở tăng nguồn hứng thú trong lao động, chắp cánh cho con người, làm đẹp cuộc sống của những người lao động.

Trong công tác tư tưởng, dư luận xã hội có vai trò to lớn. Đảng đặc biệt coi trọng việc xây dựng dư luận xã hội đúng đắn, phát triển ảnh hưởng của dư luận xã hội đối với thực tiễn công tác.

Để làm tốt công tác tư tưởng cần có những cơ sở vật chất cần thiết. Đảng thường xuyên chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho công tác tư tưởng.

★

Trải qua gần 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, ĐCS Liên xô có nhiều kinh nghiệm quý báu về công tác tư tưởng. Chúng ta cần nghiên cứu nghiêm chỉnh những kinh nghiệm đó để làm tốt công tác tư tưởng của chúng ta.

Digitized by Google

Công tác tư tưởng là mối quan tâm hàng đầu của Đảng ta. Nhờ làm tốt công tác tư tưởng, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta khởi nghĩa thắng lợi giành được chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám, đánh thắng đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ.

Trong giai đoạn cách mạng mới, công tác tư tưởng của Đảng ta có nhiệm vụ bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội thứ V của Đảng đã vạch rõ nhiệm vụ cơ bản của công tác tư tưởng là vũ trang cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, xây dựng ý chí kiên cường, quyết tâm sắt đá và trình độ hiểu biết cần thiết để làm tròn cả hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác tư tưởng nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu sâu sắc đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, ra sức thực hiện đường lối ấy một cách tự giác với nhiệt tình cao nhất. Nó làm cho mọi người thấy rõ không chút mơ hồ kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của dân tộc là bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ, hiểu rõ âm mưu và hành động của chúng, thường xuyên nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm để bảo vệ Tổ quốc.

Những người làm công tác tư tưởng lấy việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng là nhiệm vụ hàng đầu của mình. Thông qua việc giáo dục về thời sự, chính sách, họ giúp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu sâu sắc đường lối và quan điểm của Đảng. Theo dõi sát việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, họ phát hiện những chỗ đúng và chỗ sai, kiến nghị những điều sửa đổi và bổ sung cho đường lối chính sách được hoàn chỉnh hơn.

Đảng ta coi trọng việc giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc và truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Giáo dục về nếp sống xã hội chủ nghĩa là một mặt quan trọng của công tác tư tưởng của Đảng ta.

Công tác tư tưởng của Đảng coi trọng việc giáo dục phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, chống chủ nghĩa cá nhân, chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức, chống các biểu hiện tiêu cực.

Công tác tư tưởng coi việc xây dựng con người mới, xây dựng hình thái ý thức xã hội mới, là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của mình.

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc càng phát triển càng đặt ra nhiều vấn đề mới. Những người làm công tác tư tưởng không thể tránh né, mà phải đi sâu nghiên cứu, tìm ra câu trả lời cho các vấn đề đó. Chính vì vậy họ phải được trang bị về mặt lý luận.

Đảng ta đặc biệt coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của tư tưởng không vô sản. Đảng chủ trương phân tích, phê phán sâu sắc những biểu hiện tư tưởng tiểu tư sản để khắc phục nó, kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng tư sản, chống những tàn dư văn hóa thực dân mới và tàn dư tư tưởng phong kiến. Sức mạnh của công tác tư tưởng của Đảng ta là ở tinh thần cách mạng và khoa học của nó. Đảng ta coi trọng tính chân thật trong công tác tuyên truyền. Sự thật là vũ khí của chúng ta. Đảng chủ trương nói rõ cho nhân dân hiểu sự thật, những việc làm được và những

Digitized by Google

việc chưa làm được, thuận lợi và khó khăn, thành tích và khuyết điểm. Đảng ta chủ trương tiến hành công tác tư tưởng trên cơ sở khoa học, không chủ quan, một chiều, chống sơ lược, hời hợt, hình thức chủ nghĩa. Có như thế mới có thể đấu tranh sắc bén và có hiệu quả chống mọi tư tưởng sai lầm, thù địch.

Trong công tác giáo dục về tư tưởng, Đảng dùng phương pháp khêu gợi sự tự giác của mọi người. Đảng trang bị cho mỗi người những quan điểm đúng để họ có thể tự mình phân tích các sự kiện và có cách ứng xử đúng trước các sự kiện. Công tác giáo dục tư tưởng của Đảng nhằm giúp mọi người có quan điểm đúng để suy nghĩ và hành động đúng. Lối « nhồi sọ » là hoàn toàn xa lạ đối với phương pháp giáo dục tư tưởng của Đảng ta. Bằng cách khêu gợi sự tự giác của mỗi người, công tác tư tưởng của Đảng làm cho mọi người tự nguyện tự giác tiếp thụ đường lối và chính sách của Đảng, ra sức phấn đấu để thực hiện thắng lợi đường lối và chính sách đó.

Hiện nay công tác tư tưởng đang tích cực góp phần thực hiện Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng nhằm xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế, chuyển công tác quản lý của các đơn vị kinh tế sang phương thức hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đây là một sự đổi mới có tính chất cách mạng hết sức sâu sắc trong quản lý kinh tế. Công tác tư tưởng của Đảng nhằm bồi dưỡng, nâng cao về nhận thức, tư tưởng, làm cho mọi người thấu suốt các quan điểm, chính sách quản lý kinh tế của Đảng, khắc phục những quan điểm, nhận thức cũ kỹ, lỗi thời, lệch lạc, gây trở ngại cho việc xây dựng cơ chế quản lý mới. Có giúp cho mọi người đổi mới được lối suy nghĩ và cách làm ăn, xóa bỏ được lối suy nghĩ cũ, cách làm ăn cũ do cơ chế quản lý cũ, nội dung và cách giáo dục cũ tạo ra, thì công tác tư tưởng mới góp phần dắc lực vào việc thực hiện cơ chế quản lý mới mà Đảng đã đề ra. Chính vì vậy Đảng chủ trương tăng cường công tác tư tưởng, nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực tự cường, ra sức lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm triệt để, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, đập tan các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch.

Cuối năm nay, Đại hội thứ VI của Đảng sẽ họp. Công tác tư tưởng phải góp phần chuẩn bị tốt Đại hội Đảng. Cần làm tốt việc tổng kết các mặt công tác của Đảng, nhất là công tác tư tưởng, trong 10 năm qua, đặc biệt là từ Đại hội thứ V đến nay, làm sáng tỏ các vấn đề của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, đề ra phương hướng đúng đắn cho công tác tư tưởng trong những năm tới. Công tác tư tưởng phải góp phần làm cho Đại hội Đảng thật sự trở thành nơi tập trung trí tuệ của toàn Đảng. Cổ vũ phong trào quần chúng thi đua lập thành tích mừng Đại hội Đảng, công tác tư tưởng phải có tác dụng thúc đẩy mọi mặt công tác của Đảng và Nhà nước tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

Công tác tư tưởng giúp cho mọi người nhận thức đúng đắn cục diện cách mạng nước ta, khẳng định những thắng lợi trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc và những thành tựu to lớn trên mặt trận xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, làm cho mọi người phấn khởi tự hào về những thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được. Đồng thời nói rõ những khó khăn trong sản xuất và đời sống, phân tích rõ nguyên nhân của những khó khăn để ra sức khắc phục. Đảng ta không hề che giấu khuyết điểm, sai lầm. Đảng công khai nói rõ sai lầm và đề ra phương hướng

Digitized by Google

sửa chữa. Trong công tác tư tưởng, Đảng đề cao tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tổ chức và kỷ luật, nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Đảng giải thích kịp thời và đúng đắn cho toàn Đảng toàn dân thấy rõ tình hình thực tế, hiểu đúng chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn phá hoại của địch, vạch trần những thủ đoạn tuyên truyền của chúng, động viên quần chúng nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể, ra sức phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên.

Trong những năm qua, về công tác tư tưởng, Đảng ta có nhiều thành tích. Công tác đó đã góp phần thúc đẩy ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; góp phần xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cũng đã tích lũy được những kinh nghiệm quý báu về công tác tư tưởng. Tuy vậy, những kinh nghiệm của chúng ta chủ yếu là những kinh nghiệm về công tác tư tưởng trong đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ chính quyền, trong chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm về công tác tư tưởng trong xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Sự hiểu biết của chúng ta về chủ nghĩa xã hội cũng chưa đầy đủ. Sự hiểu biết của chúng ta về quản lý kinh tế lại càng ít. Những kinh nghiệm của các đồng chí Liên xô là những người đi trước chúng ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản sẽ giúp cho chúng ta tránh được những mò mẫm, vấp váp, để làm tốt công tác tư tưởng trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta.

Học tập những kinh nghiệm công tác tư tưởng của ĐCS Liên xô là điều rất cần thiết đối với chúng ta.

CON NGƯỜI MỚI...

(*Tiếp theo trang 51*)

cách mạng sôi động, trong ánh sáng tư tưởng văn hóa của Bác Hồ. Văn hóa chính trị của chúng ta đang soi sáng mỗi bước đi của nó. Văn hóa đạo đức của chúng ta đang đắp xây nền cho nó. Văn hóa nghệ thuật của chúng ta, khoa học, giáo dục, y tế, thể dục thể thao của chúng ta đang tạo cho nó những kích thước tâm hồn, trí tuệ và thể chất cần có. Nó đang hằng ngày biểu hiện sự sống và sức sống của nó trong đấu tranh và xây dựng. Nó là thành quả tổng hợp nhất, tinh xảo nhất, kỳ diệu nhất và ngày càng tinh xảo hơn nữa, kỳ diệu hơn nữa của cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt nam, của nền văn hóa mới Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google



Tiến tới ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

Góp ý kiến về chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đầu tiên ở nước ta

TRẦN VĂN PHÁC

SỰ NGHIỆP VĂN HÓA TRONG CHẶNG ĐƯỜNG TRƯỚC MẮT

CHẶNG đường trước mắt của cách mạng nước ta « là chặng đường tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường hơn nữa sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân, giảm bớt và khắc phục khó khăn, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, chặn đứng và loại trừ các biểu hiện tiêu cực, đạt những tiến bộ quan trọng trong mọi lĩnh vực, tạo ra thế cân đối mới của nền kinh tế, đồng thời chuẩn bị cho những bước tiến vững chắc và mạnh mẽ hơn trong chặng đường tiếp theo » (1).

Tích cực góp phần thực hiện những nhiệm vụ chính trị to lớn ấy, sự nghiệp văn hóa phải tự xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu và phương hướng phát triển có tính chiến lược của mình phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước. Đây thật sự là những vấn đề rất rộng, rất mới và rất khó.

Trước hết, việc phát triển văn hóa phải *phù hợp với tình hình kinh tế — xã hội và nhằm phục vụ những mục tiêu kinh tế — xã hội*. Văn hóa phụ thuộc vào kinh tế nhưng đồng thời tác động trở lại kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển. Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế là quan hệ giữa cấu trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi phải có sự phát triển cân đối, nhịp nhàng giữa kinh tế và văn hóa. Theo dự báo của các cơ quan kinh tế của Đảng và Nhà nước, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế nước ta chưa thể có những bước phát triển đột biến. Các chỉ tiêu về lương thực thực phẩm, về sắt thép, về năng lượng điện... tính

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 51.

Digitized by Google

bình quân theo đầu người cũng sẽ chỉ đạt ở mức không cao. Trong việc tổ chức lại nền kinh tế, những vùng chuyên canh lớn về cao su, cà phê..., những vùng công nghiệp lớn về dầu khí, sắt thép, phân đạm, xi măng... sẽ được hình thành. Chúng ta sẽ phân bố lại lao động trong phạm vi cả nước, đưa hàng triệu người đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Cùng với việc xây dựng vùng nông thôn mới, sẽ hình thành các cụm dân cư, những thị trấn, thị xã trên dưới 20 000 dân. Hệ thống đường giao thông, hệ thống thủy điện nhỏ sẽ được xây dựng nhiều hơn...

Những nét cơ bản về phương hướng phát triển kinh tế nêu trên có liên quan rất nhiều đến việc đề ra nhiệm vụ, mục tiêu và phương hướng phát triển văn hóa. Thoát ly điều đó, việc phát triển văn hóa lập tức sẽ thiếu tính khoa học.

Phát triển văn hóa là nhằm *đáp ứng ngày càng cao những nhu cầu văn hóa lành mạnh của nhân dân*. Nhu cầu văn hóa của con người là vô hạn. Xã hội càng phát triển, nhu cầu đó ngày càng cao. Và các phương tiện văn hóa cũng đổi mới, gia tăng. Thí dụ, hiện nay, cùng với sự phát triển nhảy vọt của khoa học kỹ thuật, chúng ta đã có nhu cầu về máy thu hình màu, về vi đê ô Cát xét, về phim từ, về điện tử hóa âm thanh và ánh sáng sân khấu.

Nhu cầu văn hóa của con người ngày càng phát triển là chuyện bình thường và hợp quy luật. Nắm vững các nhu cầu đó để có kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa cho phù hợp là mục tiêu phấn đấu của chúng ta. Nhưng, thấy rõ nhu cầu và thỏa mãn nhu cầu là hai việc khác nhau. Thấy rõ nhu cầu để có kế hoạch thỏa mãn nhu cầu. Song, muốn thỏa mãn nhu cầu phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của nền kinh tế, vào mức thu nhập của cá nhân và khả năng chi phí cho nhu cầu đó. Có những nhu cầu cần được thỏa mãn ngay nếu cơ sở vật chất cho phép. Có những nhu cầu trong tương lai mới thỏa mãn được. Và, có cả những nhu cầu cần được sự hướng dẫn, không thể thả nổi. Chúng ta hiện đang chỉ đạo sự nghiệp văn hóa phát triển theo hướng đó. Mấy năm qua, nhất là năm 1985, hoạt động văn hóa — văn nghệ có chuyển biến tốt trên nhiều mặt, cả trong hoạt động chuyên nghiệp và phong trào quần chúng, ở trung ương và địa phương, về sáng tác, biểu diễn cũng như về lý luận phê bình. Công tác xây dựng đời sống văn hóa ở các đơn vị cơ sở có bước phát triển mới rõ rệt. Phong trào xây dựng nếp sống mới có tiến bộ hơn trước. Tuy nhiên, sự chuyển biến nói trên mới bắt đầu, chưa thật vững chắc. Đời sống văn hóa của nhân dân ta vẫn còn nghèo, nhất là ở nông thôn, miền núi. Số lượng tác phẩm mới quá ít, chất lượng nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật còn thấp. Công tác tổ chức và quản lý của nhiều cơ quan văn hóa — văn nghệ chưa được củng cố. Tình hình nêu trên giúp chúng ta thấy rõ thực chất chỗ mạnh, chỗ yếu và những mâu thuẫn cần giải quyết để đưa sự nghiệp văn hóa tiến lên trong điều kiện mới.

Một nền văn hóa dân tộc chân chính phải bắt nguồn từ truyền thống để phát triển và đổi mới. Phương hướng phát triển văn hóa của chúng ta trong chặng đường trước mắt phải *đặc biệt chú ý đến vấn đề truyền thống và đổi mới, vấn đề dân tộc — hiện đại*.

Việt nam là một nước có nền văn hiến lâu đời, lại cũng là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới.

Việt nam là một cộng đồng nhiều dân tộc đoàn kết gắn bó với nhau trong quá trình giữ nước và dựng nước, hiện nay đang càng ngày càng sống xen kẽ với nhau. Mỗi thành phần dân tộc có nền văn hóa của mình và đem sắc thái riêng làm phong phú nền văn hóa chung của cả Việt nam.

Digitized by Google

Nước Việt nam là một, dân tộc Việt nam là một, ý chí thống nhất đó bắt nguồn từ sức mạnh của một nền văn hóa sớm có bản sắc Việt nam.

Tóm lại, lịch sử lâu đời đã tạo nên cho dân tộc Việt nam một bản sắc độc đáo và một truyền thống tốt đẹp. Song, bên cạnh những truyền thống tốt đẹp, chúng ta cũng cần thấy hết sự lạc hậu của một xã hội phong kiến, sản xuất nhỏ trì trệ hàng nghìn năm. Những ảnh hưởng của hệ tư tưởng nho giáo, phật giáo và các loại tư tưởng phản động dưới các chế độ cũ còn rất nặng nề. Nếp suy nghĩ và tác phong của người sản xuất nhỏ còn khá phổ biến. Chúng ta phải hiểu rõ những mặt tốt đẹp, đồng thời cũng phải hiểu rõ cả những mặt hạn chế của truyền thống để tạo ra những giá trị văn hóa mới của nước Việt nam thống nhất xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới.

★

Trong chặng đường trước mắt, chúng ta vẫn phải tiếp tục tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học—kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Riêng về cách mạng tư tưởng và văn hóa, việc «đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới», «thúc đẩy tốt hơn công cuộc xây dựng chế độ mới và nền kinh tế mới» vẫn được coi là những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Sự nghiệp văn hóa muốn thực hiện có hiệu quả sứ mạng vẻ vang đó phải xác định cho được *những nhiệm vụ cụ thể* của mình hiện nay và trong những năm tới. Những nhiệm vụ đó là:

— Không ngừng nâng cao ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nhân dân, làm cho chủ nghĩa Mác—Lê-nin chiếm được ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nhân dân ta; tuyên truyền và phổ biến kịp thời đường lối, chính sách của Đảng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, làm cho mọi người thấu suốt và nhận thức sâu sắc hơn nữa về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới. Tiếp tục nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, lòng tự hào dân tộc, tinh thần cảnh giác cách mạng, phấn đấu để hoàn chỉnh sự thống nhất đất nước cả về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội theo tinh thần nghị quyết của các Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng. Trên cơ sở đó mà đấu tranh chống mọi thủ đoạn phá hoại về tư tưởng và văn hóa của chủ nghĩa đế quốc nói chung, của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc nói riêng; chống ảnh hưởng xấu của tư tưởng và văn hóa thực dân mới, chống tư tưởng tư sản và tiểu tư sản, xóa bỏ những ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và tập tục hủ bại của xã hội cũ; chống tư tưởng tự do, tản mạn, địa phương, cục bộ của người sản xuất nhỏ, chống bóc lột, đầu cơ, ăn bám, chống tham ô, ăn cắp và những biểu hiện tiêu cực khác.

— Nâng cao trình độ hiểu biết toàn diện của nhân dân, trước hết là của cán bộ và đảng viên, bảo đảm từng bước cho con người phát triển toàn diện, có khả năng làm việc đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, có nếp sống văn minh.

— Xây dựng nhân cách xã hội chủ nghĩa và lối sống xã hội chủ nghĩa, thấm nhuần nguyên tắc «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người», trong đó cá nhân được tôn trọng và mọi người đều có ý thức làm chủ tập thể, gắn liền nghĩa vụ và trách nhiệm, biết kết hợp lợi ích riêng và lợi ích chung.

Digitized by Google

Quá trình xây dựng nhân cách xã hội chủ nghĩa và lối sống mới là quá trình cải tạo phong tục cũ, tập quán cũ, xây dựng phong tục mới, tập quán mới, là quá trình giáo dục nhân tình quan và thế giới quan cách mạng, quá trình đấu tranh của văn hóa xã hội chủ nghĩa chống văn hóa tư bản chủ nghĩa.

— Xây dựng nền văn hóa — văn nghệ xã hội chủ nghĩa có tính dân tộc, tính đảng và tính nhân dân, thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, lấy phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa làm phương pháp sáng tác.

Song song với việc tạo ra những điều kiện cho sáng tác, cần hết sức coi trọng công tác lý luận phê bình nhằm tạo một nền phê bình văn nghệ có trình độ cao, gắn liền với công tác tư tưởng và sự lãnh đạo của Đảng.

— Xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân về văn hóa trên hai mặt: hưởng thụ các giá trị văn hóa và sáng tạo ra các giá trị văn hóa. Muốn vậy, phải nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân, tích cực xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đặc biệt chú trọng tới các vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới và vùng căn cứ kháng chiến cũ. Xây dựng văn hóa trên địa bàn huyện, hình thành một thể thống nhất giữa trung tâm văn hóa huyện và các cơ sở dân cư. Xây dựng đời sống văn hóa ở các thành phố lớn, tạo nên những trung tâm văn hóa tiêu biểu cho nền văn hóa mới, nhất là ở thủ đô Hà nội và ở thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng với việc xác định những nhiệm vụ cụ thể của sự nghiệp văn hóa trong chặng đường trước mắt, *việc xây dựng những mục tiêu, chỉ tiêu về văn hóa* cần phấn đấu thực hiện cho được trong chặng đường này cũng là điều hết sức quan trọng. Ta có thể chia thành 5 nhóm mục tiêu lớn như sau:

1 — Nhóm mục tiêu về *nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân.*

Trong chặng đường trước mắt, phấn đấu nâng cao mức hưởng thụ của nhân dân trên các mặt: đọc sách báo, văn hóa phẩm, xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật, xem bảo tàng, triển lãm. Xây dựng thêm các công trình văn hóa, các thiết chế văn hóa theo khả năng cho phép của nền kinh tế quốc dân. Phấn đấu đến năm 2000, mỗi huyện có một tổ hợp thiết chế văn hóa, mỗi xã có một số thiết chế văn hóa cần thiết theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Ở trung ương, các thiết chế văn hóa phải là các công trình văn hóa của quốc gia như: cung văn hóa, nhà hát quốc gia, rạp chiếu bóng quốc gia, nhà triển lãm, nhà hòa nhạc, công viên văn hóa v.v. Mỗi kế hoạch 5 năm, phấn đấu xây dựng một hoặc hai công trình quốc gia, trước hết ở thủ đô Hà nội.

Nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, đặc biệt chú trọng giáo dục thẩm mỹ từ tuổi nhỏ. Đưa việc giáo dục nhạc, họa vào chương trình chính khóa trong các trường phổ thông, trường dạy nghề. Phát triển các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm phổ biến rộng rãi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

2 — Nhóm mục tiêu về *sáng tạo các giá trị văn hóa.*

Đảng và Nhà nước sẽ đẩy mạnh việc đầu tư, phấn đấu xây dựng cho được những tác phẩm văn hóa — văn nghệ lớn, có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật xứng đáng với dân tộc và thời đại. Đẩy mạnh việc đào tạo nhân tài trên các mặt sáng tác, nghiên cứu, lý luận, biểu diễn, giảng dạy văn hóa — văn nghệ. Xây dựng những công trình nghiên cứu, lý luận có giá trị về văn hóa — văn nghệ.

Digitized by Google

3 – Nhóm mục tiêu về *bảo tồn các giá trị văn hóa.*

Trong vòng 10 năm trước mắt, cố gắng hoàn thành việc sưu tầm, xếp loại các giá trị văn hóa; bảo tồn các tác phẩm văn học, sân khấu cổ điển, xây dựng bảo tàng dân tộc học; hình thành quy hoạch di tích, tượng đài trong phạm vi cả nước, từng tỉnh và thành phố.

Đến năm 2000, hoàn thành việc chuẩn bị, khởi công bảo tồn và tôn tạo các di tích đã có trong kế hoạch: Đền Hùng, Côn đảo, đường mòn Hồ Chí Minh, Điện biên phủ, dinh thự ở Huế và các di tích về chiến dịch Hồ Chí Minh. Hoàn thành việc viết lịch sử các ngành nghệ thuật. Bảo tồn các nghề nghiệp cổ truyền và các món ăn cổ truyền.

4 – Nhóm mục tiêu về *xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa.*

Tiếp tục đẩy mạnh các cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, xây dựng gia đình văn hóa mới, xây dựng phong tục mới trong việc cưới, việc tang, nếp sống nơi công cộng, bài trừ mê tín, đẩy lùi các tệ nạn xã hội và những mặt tiêu cực khác. Xây dựng một số quy chế, thể chế để bảo đảm đạt kết quả tốt trong việc xây dựng nếp sống mới, chống mê tín, chống văn hóa thực dân mới và các loại văn hóa đồi trụy phản động.

5 – Nhóm mục tiêu về *cải tiến và từng bước hiện đại hóa các cơ sở vật chất kỹ thuật của văn hóa.*

Gấp rút cải tiến kỹ thuật và cơ sở sản xuất cho ngành điện ảnh để bảo đảm sản xuất bình thường. Tăng tỷ lệ phim màu cho điện ảnh. Nâng cao chất lượng các sản phẩm văn hóa hiện có: nhạc cụ, máy chiếu phim, mỹ thuật, đĩa hát... Tổ chức các cơ sở sản xuất mới như xưởng làm các đạo cụ biểu diễn nghệ thuật, xưởng làm phương tiện vật tư cho mỹ thuật v.v. Từng bước mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở sản xuất đã có, hiện đại hóa các trường đại học văn hóa nghệ thuật, các ngành bảo tàng, thư viện. Nghiên cứu việc tổ chức sản xuất trong nước các phương tiện phổ biến khác (máy truyền thanh, thu thanh, máy truyền hình, thu hình, băng ghi âm và ghi hình, mi crô, loa, ăm pli, máy nổ) và các vật tư cao cấp (giấy các loại, phim đen trắng, phim màu, băng từ...).

★

Muốn thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu trên đây, cần có *những biện pháp thiết thực và đồng bộ.*

Trước hết, không ngừng nâng cao nhận thức đúng đắn của mọi người, nhất là của cán bộ, đảng viên *về vị trí, vai trò quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta,* mà hiện nay còn rất bị coi nhẹ.

Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa – văn nghệ. Yêu cầu của việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa – văn nghệ hiện nay và những năm sắp tới là:

– Nâng cao kiến thức về văn hóa – văn nghệ cho cán bộ lãnh đạo các cấp, củng cố bộ máy tham mưu về văn hóa – văn nghệ cho cấp ủy từ trung ương đến địa phương.

– Cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng, phương thức quản lý Nhà nước, nhằm đưa các hoạt động văn hóa – văn nghệ bám chắc các mục tiêu của cách mạng; quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa – văn nghệ, bảo đảm tính Đảng trong các hoạt động đó, khuyến khích sự sáng tạo, tìm tòi trong lĩnh vực nghệ thuật.

Digitized by Google

— Củng cố tổ chức Đảng trong hệ thống các cơ quan và đơn vị văn hóa — văn nghệ, thường xuyên nâng cao phẩm chất và ý thức trách nhiệm của những đảng viên làm công tác văn hóa — văn nghệ nhằm thực hiện thắng lợi đường lối, quan điểm của Đảng về văn hóa — văn nghệ.

Xây dựng những tổ chức văn hóa — văn nghệ mạnh, thích hợp với tính đặc thù của công tác văn hóa — văn nghệ; đồng thời xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ văn hóa — văn nghệ có phẩm chất và tài năng để góp phần tích cực vào việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong quá trình xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, chủ trương « Nhà nước và nhân dân cùng làm » là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo nhưng vẫn phải coi trọng *chính sách đầu tư thích đáng của Nhà nước* trong việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và trong việc tạo những điều kiện thuận lợi cho các văn nghệ sĩ lao động sáng tạo có hiệu quả nhất.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để phát triển sự nghiệp văn hóa, trước hết đối với các ngành, các giới có liên quan nhiều tới công tác này như lực lượng vũ trang, các ngành giáo dục, y tế, thể dục thể thao và các đoàn thể quần chúng (công đoàn, thanh niên, phụ nữ). Chẳng hạn, Bộ giáo dục nên đưa ngay việc giáo dục nhạc, họa vào các trường mẫu giáo, trường phổ thông, nhằm bồi dưỡng khiếu thẩm mỹ cho các em ngay từ lúc còn nhỏ tuổi v.v.

Đẩy mạnh sự hợp tác quốc tế về văn hóa — văn nghệ nhằm mục đích trao đổi văn hóa với nước ngoài, giới thiệu nền văn hóa — văn nghệ của ta với thế giới và chọn lọc những tinh hoa văn hóa — văn nghệ của thế giới để giới thiệu với nhân dân ta. Trong sự hợp tác quốc tế về văn hóa, cần nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động văn hóa — văn nghệ, đặc biệt chú trọng chất lượng về tư tưởng, luôn luôn có ý thức giành thắng lợi quyết định cho văn hóa — văn nghệ xã hội chủ nghĩa, tranh thủ và đoàn kết được các lực lượng văn hóa — văn nghệ tiến bộ trên thế giới, nhất là ở các nước tư bản chủ nghĩa đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

XÂY DỰNG VÀ...

(Tiếp theo trang 85)

công nghiệp mũi nhọn, góp phần quyết định vào việc tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cho các ngành kinh tế quốc dân, trong thời gian tới (1986 — 1990) chúng ta cần nhanh chóng thực hiện từng bước chương trình điện tử hóa nước ta.

Phát triển mạnh mẽ kỹ thuật điện tử và tin học là một vấn đề có tính quy luật đối với tất cả các nước muốn đưa nền kinh tế quốc dân tiến lên hiện đại. Xây dựng thành công ngành kỹ thuật điện tử và tin học tiên tiến ở nước ta sẽ mang lại hiệu quả kinh tế to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Digitized by Google

Giáo sư tiến sĩ
NGUYỄN XUÂN QUỲNH

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC

TRONG vòng 10 năm gần đây, nhiều nước đang phát triển đã chọn điện tử và tin học làm một trong những ngành kinh tế mũi nhọn và thậm chí còn coi đó là một ngành công nghiệp đòn bẩy để thúc đẩy các ngành công nghiệp khác cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển. Những tiến bộ cực kỳ nhanh chóng và sự thâm nhập sâu rộng của điện tử và tin học vào mọi lĩnh vực của sản xuất, kinh tế—xã hội là một đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay. Tiến bộ khoa học kỹ thuật điện tử và tin học đang trở thành những biện pháp quan trọng để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tạo nên sự chuyển biến to lớn trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, trong việc hiện đại hóa an ninh và quốc phòng.

Ngày nay khó có thể tìm được một máy công cụ nào, dù rất đơn sơ, xuất hiện trên thị trường thế giới mà không có bộ phận điều khiển điện tử nhằm tiết kiệm năng lượng tối đa và khai thác có hiệu quả nhất. Các thiết bị điện tử như tay máy, người máy, đặc biệt là người máy thông minh, cho phép tự động hóa hoàn toàn các dây chuyền sản xuất với quy mô toàn xí nghiệp, cho phép con người đi sâu vào đại dương, đi xa vào vũ trụ và làm chủ những quá trình lao động sáng tạo trong các điều kiện môi trường khắc nghiệt. Kỹ thuật điện tử và tin học giải phóng con người khỏi những lao động cực nhọc, giản đơn để tập trung vào những lao động sáng tạo có tính hệ thống và tính điều khiển cao. Từ khi xuất hiện các bộ vi xử lý tức các cấu kiện điện tử điều khiển theo chương trình thì công cụ sản xuất của xã hội loài người đã thay đổi một cách cơ bản về chất và khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, trí tuệ con người gắn liền một cách sinh động với từng loại công cụ sản xuất.

Đặc điểm của một xã hội văn minh và phát triển cao là tính phổ cập của thông tin và tính kịp thời, chính xác trong xử lý thông tin. Máy tính điện tử ra đời và phát triển đã thay đổi căn bản phương thức và quy mô xử lý thông tin của xã hội loài người. Trước đây thông tin do con người trực tiếp xử lý, ngày nay máy tính điện tử làm nhiệm vụ đó, nhờ vậy mà con người có thể xử lý những khối lượng thông tin khổng lồ, với tốc độ cực nhanh (hàng tỷ phép tính/giây). Những máy tính khổng lồ hiện nay có bộ nhớ hàng chục tỷ bit. Máy tính điện tử, đặc biệt máy vi tính đã thâm nhập vào mọi hoạt động của xã hội loài người, kể cả trong cuộc sống gia đình. Máy vi tính được lắp trực tiếp vào các dụng cụ, máy công cụ, thiết bị công nghệ đã góp phần

Digitized by Google

nâng cao rõ rệt năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu và năng lượng. Đặc biệt trong lĩnh vực tổ chức quản lý kinh tế và xã hội, máy tính điện tử đã đưa đến cuộc cách mạng thật sự trong khoa học kỹ thuật : cách mạng tin học.

Ở nước ta tuy nền công nghiệp điện tử mới hình thành nhưng các thiết bị điện tử, kể cả những thiết bị hiện đại đã thâm nhập từ lâu và góp phần to lớn trong công cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất Tổ quốc. Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đến việc phát triển và ứng dụng kỹ thuật điện tử và tin học trong các ngành thông tin liên lạc, bưu điện, phát thanh, truyền hình, nghiên cứu khoa học, y tế và đời sống ; trong sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, đặc biệt là trong an ninh và quốc phòng. Hiện nay ở nước ta đã hình thành một số cơ sở công nghiệp đầu tiên của ngành điện tử. Đó là các nhà máy sản xuất các thiết bị điện tử dân dụng (lắp ráp ra đi ô, ti vi...), các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, một số xí nghiệp sản xuất các thiết bị điện tử chuyên dùng và dịch vụ điện tử. Về tin học, bên cạnh các trung tâm và xí nghiệp tính toán, chúng ta đã có công ty máy tính Việt nam, thống nhất dịch vụ tin học cả phần cứng (phần thiết bị) lẫn phần mềm (phần bảo đảm chương trình) trong cả nước. Trong quốc phòng và an ninh đã xây dựng được nhiều cơ sở điện tử, chủ yếu là sửa chữa và khai thác các thiết bị điện tử quân sự. Ngoài ra, ở nhiều bộ và ngành sản xuất khác cũng đã hình thành các cơ sở dịch vụ điện tử trong phạm vi hẹp. Việc thành lập Tổng cục điện tử và kỹ thuật tin học năm 1984 là một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng và phát triển ngành điện tử và kỹ thuật tin học ở nước ta.

Về nghiên cứu và đào tạo, chúng ta đã xây dựng được một số trung tâm nghiên cứu về điện tử và tin học nằm rải rác ở các viện nghiên cứu và các trường đại học. Những trung tâm này đã tiến hành nghiên cứu chủ yếu theo các chương trình trọng điểm của Nhà nước và đã đạt được một số kết quả bước đầu. Để đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng nhằm đưa nhanh các tiến bộ khoa học, kỹ thuật điện tử và tin học vào sản xuất, Nhà nước đã thành lập Viện nghiên cứu kỹ thuật điện tử. Trong ba mươi năm qua chúng ta đã đào tạo được nhiều kỹ sư điện tử phục vụ cho chiến tranh giải phóng dân tộc và xây dựng nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, sự phát triển của ngành điện tử và tin học nước ta mới chỉ ở bước đầu :

Công nghiệp điện tử của chúng ta mới hình thành và còn ở tình trạng nghèo nàn, lạc hậu so với tình hình phát triển chung của công nghiệp điện tử trên thế giới. Về kỹ thuật tin học chúng ta chưa có một cơ sở công nghiệp nào kể cả phần cứng lẫn phần mềm.

Đầu tư của Nhà nước cho công nghiệp điện tử còn ít và phân tán.

Nền công nghiệp điện tử của chúng ta chưa gắn liền với hệ thống công nghiệp điện tử thế giới, kể cả với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, cho nên chưa tranh thủ được sự giúp đỡ và trao đổi quốc tế.

Song bên cạnh những khó khăn đó, chúng ta lại có những thuận lợi rất cơ bản để phát triển ngành công nghiệp non trẻ này của đất nước. Nghị quyết của các Đại hội thứ IV, thứ V của Đảng và nghị quyết 37 của Bộ chính trị đều nhắc tới vị trí quan trọng của ngành điện tử trong nền kinh tế nước ta và đã đề ra phương hướng phát triển ngành này cho nhiều năm tới. Chúng ta lại có nguồn lao động dồi dào, cần cù, khéo tay, thông minh, giàu sáng tạo, thích hợp với ngành công nghiệp điện tử. Chúng ta

Digitized by Google

có nguồn nguyên liệu cần thiết đủ để phát triển công nghiệp điện tử, có quan hệ hợp tác ngày càng mở rộng với các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và với các nước khác. Đội ngũ cán bộ khoa học điện tử và tin học của chúng ta tuy còn ít nhưng có đủ trình độ tiếp thu và tiến lên làm chủ được ngành kỹ thuật điện tử và tin học hiện đại.

Xây dựng và phát triển mạnh mẽ ngành điện tử và tin học ở nước ta trong thời gian tới là yêu cầu bức bách. Kỹ thuật điện tử và tin học phải trở thành một ngành mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân, một bộ phận quan trọng của khoa học kỹ thuật nhằm phát huy triệt để tiềm năng trí tuệ của con người Việt nam. Căn cứ vào đường lối chung phát triển khoa học kỹ thuật của Đảng, dựa vào kết quả nghiên cứu, dự báo và kế hoạch phát triển của các ngành kinh tế – xã hội, chúng ta thấy ngành điện tử và tin học cần phát triển theo những phương hướng sau đây:

Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật điện tử và tin học vào các ngành kinh tế – xã hội.

Trong hướng này cần đặc biệt quan tâm đến việc ứng dụng kỹ thuật tin học để xây dựng các kế hoạch kinh tế của nước ta. Công tác xây dựng kế hoạch là một quá trình xử lý thông tin nhằm đưa ra các quyết định có căn cứ khoa học. Cần chú trọng ứng dụng kỹ thuật điện tử và tin học trong các lĩnh vực quản lý sản xuất, quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Ứng dụng kỹ thuật điện tử và tin học trong tự động hóa điều khiển các quá trình sản xuất, tự động hóa xử lý số liệu trong điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và trong công tác thiết kế cũng là một hướng ứng dụng rất quan trọng. Cần sớm ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật điện tử và tin học trong thông tin liên lạc để nâng cao chất lượng mạng lưới thông tin. Trong lĩnh vực thông tin đại chúng cần ứng dụng thành tựu của kỹ thuật điện tử và tin học để nâng cao chất lượng công tác phát thanh và truyền hình. Từng bước đưa kỹ thuật điện tử và tin học vào sản xuất công nghiệp, trước mắt bảo đảm vận hành tốt những thiết bị và hệ thống điều khiển đã có. Mạnh dạn ứng dụng các thành tựu mới của kỹ thuật điện tử và tin học để góp phần dần dần đổi mới hệ thống kỹ thuật và công nghệ của nền kinh tế nước ta.

Phát triển sản xuất các thiết bị điện tử và tin học phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu

Trong 10 năm gần đây, giá thành các cấu kiện vi điện tử giảm 100 lần và mỗi năm tiếp tục giảm từ 20% đến 30%. Vì vậy trong điều kiện ít vốn đầu tư, chúng ta nên đi từ lắp ráp các thiết bị điện tử và tin học để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Bằng cách đó chúng ta sẽ sử dụng được sức lao động dồi dào và tiềm năng chất xám cũng như kỹ năng khéo léo của người Việt nam. Chúng ta sẽ dần dần tích lũy vốn để phát triển ngành công nghiệp điện tử và tin học nước ta. Chúng ta sẽ sớm hình thành các cơ sở lắp ráp các thiết bị tin học, từ các máy vi tính đến các thiết bị ngoại vi, các đầu cuối thông minh, các mạng tin học địa phương... Các máy điện tử dân dụng: ra đi ô, cát xét, máy thu thanh, thu hình v.v. sẽ được tổ chức lắp ráp hàng loạt để phục vụ nhân dân và xuất khẩu nhằm tích lũy vốn.

Cần chú trọng phát triển công nghiệp phần mềm, sản xuất các phần mềm phục vụ cho ứng dụng và xuất khẩu. Công nghệ phần mềm có nhiều khả năng trở thành một mặt mạnh của chúng ta. Phần mềm trong kỹ thuật tin học ngày càng có ý nghĩa đặc biệt, có khi chiếm đến 70% tổng kinh phí trang bị máy vi tính. Cán bộ khoa học của chúng ta hoàn toàn có

Digitized by Google

khả năng làm chủ và sáng tạo được trong lĩnh vực này.

Trong việc nghiên cứu chế tạo vật liệu, chúng ta lựa chọn các loại vật liệu có nguồn tài nguyên trong nước, có điều kiện nghiên cứu, sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế cao, như vật liệu từ chứa nguyên tố đất hiếm có rất nhiều ở nước ta.

Đẩy mạnh dịch vụ sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa từng phần, nâng cao độ tin cậy của thiết bị điện tử và tin học.

Trong khi chúng ta chưa thể mở rộng sản xuất thiết bị điện tử và tin học, việc đẩy mạnh dịch vụ sửa chữa, nâng cao độ tin cậy của các thiết bị đã có và sẽ nhập ngày càng nhiều, có một ý nghĩa chiến lược quan trọng. Cần phát triển các tổ chức bảo đảm dịch vụ sửa chữa cho hệ thống các máy tính điện tử của các dây chuyền sản xuất tự động hóa hiện có như xi măng Hoàng thạch, nhà máy giấy Vĩnh phú v.v. và cho các thiết bị điện tử quý; bảo đảm dịch vụ sửa chữa cho các máy điện tử dùng trong các ngành kinh tế — xã hội, an ninh, quốc phòng, nhất là các ngành ít cán bộ khoa học kỹ thuật về điện tử (y tế, văn hóa...) và sửa chữa máy điện tử dân dụng. Cần chú trọng tận dụng những thành tựu mới của kỹ thuật điện tử để hiện đại hóa từng bước các thiết bị điện tử hiện có, nhằm nâng cao tính năng kỹ thuật và kéo dài thời gian sử dụng chúng.

Để xây dựng và phát triển ngành kỹ thuật điện tử và tin học theo những phương hướng trên, chúng ta cần tích cực thực hiện những biện pháp sau đây:

Tăng cường đầu tư để tạo cơ sở vật chất — kỹ thuật cho ngành kỹ thuật điện tử và tin học. Chỉ có trên cơ sở đó ngành kỹ thuật điện tử mới có thể phát triển được với tốc độ cao, mang lại hiệu quả kinh tế to lớn cho đất nước.

Đào tạo đội ngũ cán bộ tin học đủ để đáp ứng nhu cầu của ngành kỹ thuật điện tử và tin học.

Đây là vấn đề vô cùng quan trọng vì sản phẩm tin học là sản phẩm trí tuệ, con người với năng lực trí tuệ là yếu tố quyết định sự phát triển tin học. Cần đào tạo nhanh chóng đủ các loại cán bộ tin học: cán bộ nghiên cứu thiết kế các thiết bị và hệ thống tin học, phát triển phần mềm; cán bộ giảng dạy; các kỹ sư, công nhân bảo hành, sửa chữa, sản xuất; cán bộ tin học ứng dụng. Việc đào tạo cán bộ điện tử và tin học cần phải được đưa ngay vào chương trình của các trường đại học có liên quan.. Các cơ sở đào tạo cần được trang bị đủ phương tiện cần thiết, bảo đảm chất lượng cao trong đào tạo.

Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm xây dựng ngành điện tử và tin học phát triển với tốc độ cao bằng một chính sách hợp tác đúng đắn và mạnh dạn.

Trước hết cần nghiên cứu mọi khả năng hợp tác với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế và ra sức sử dụng tốt mọi điều kiện thuận lợi mà các nước anh em dành cho nước ta. Chúng ta cũng hết sức coi trọng tranh thủ hợp tác với các nước khác có trình độ tiên tiến về điện tử và tin học.

Cần nhanh chóng thiết lập mạng xử lý tin hợp lý ở nước ta. Mạng xử lý tin này sẽ góp phần quan trọng trong việc giải quyết các bài toán quản lý kinh tế — xã hội, tối ưu hóa các kế hoạch phát triển kinh tế của nước ta, mang lại hiệu quả kinh tế vô cùng to lớn.

Để đưa ngành điện tử và tin học trở thành một trong những ngành

(Xem tiếp trang 81)

Digitized by Google

Giáo sư NGUYỄN LÂN DŨNG

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

GẦN đây trên thế giới người ta nói nhiều đến công nghệ sinh học và coi đó như là một trong những mũi nhọn của sự phát triển khoa học và kỹ thuật. Công nghệ sinh học là một trong năm hướng ưu tiên mà từ nay cho đến năm 2000 các nước thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế sẽ « tập trung những nỗ lực của mình và tổ chức hợp tác đồng bộ chặt chẽ ».

Công nghệ sinh học là các quá trình công nghệ có cơ sở là các hệ thống sinh học. Đó là sự áp dụng các nguyên tắc khoa học và công nghệ vào các quá trình vật chất có sử dụng các tác nhân sinh học để tạo ra hàng hóa và những xử lý phục vụ. Các tác nhân sinh học đó là vi sinh vật, enzym và các tế bào động vật, thực vật nuôi cấy được. Hàng hóa ở đây bao gồm thực phẩm, thức ăn gia súc, hóa chất, dược phẩm, vật liệu và cả kim loại nữa. Các xử lý phục vụ bao gồm việc xử lý rác sinh hoạt, rác công nghiệp, nước thải, sản xuất khí sinh học (biogas).

Lịch sử đã chứng kiến 5 kỷ nguyên phát triển khác nhau của công nghệ sinh học. Thành tựu của kỷ nguyên sau bao giờ cũng vượt xa kỷ nguyên trước và càng gần đây càng có nhiều thành tựu có thể coi là kỳ diệu:

Kỷ nguyên trước Pasteur (trước 1865), kỷ nguyên Pasteur (1865—1940), kỷ nguyên chất kháng sinh (1940—1960), kỷ nguyên sau chất kháng sinh (1960—1975) và kỷ nguyên công nghệ sinh học mới hiện nay

Ngày nay, cùng với việc phát hiện ra men transcriptaza ngược (hay ravertaza) và việc sử dụng plasmid của vi khuẩn để vận chuyển các gen lạ từ tế bào này sang tế bào khác, con người đã mở ra một trang mới trong lịch sử phát triển của sinh học, bắt đầu một thời kỳ chủ động tổng hợp và lắp ghép gen. Ngày nay, các nhà khoa học đã có trong tay những loại dao cắt phân tử (men restrictaza), hồ dán phân tử (men ligaza), các loại xe vận tải phân tử (plasmid, vi rút, thực khuẩn thể...) để cắt gen, nối gien và vận chuyển gen. Con người đã bắt buộc tế bào nhiều loại vi sinh vật phải tiếp nhận nhiều loại gen mới, và dưới sự chỉ huy của các gen này các vi sinh vật nói trên có thể tổng hợp ra các loại prôtein mà từ xưa tổ tiên của chúng chưa hề sản sinh ra được. Có thể nêu lên hàng loạt các thành tựu kỳ diệu như vậy, chẳng hạn như việc tổng hợp Insulin (1977), Somatostatin (1978), kích tố sinh trưởng người HGH (1979), kích tố sinh trưởng bò BGH (1980), Interferon (1980), Ovalbumin (1978), kháng nguyên vi rút viêm gan B (1979), Albumin người (1982), men Urokinaza (1982), Protein của vi rút bệnh Apto, của vi rút bệnh Ecpet, của vi rút dại (1982), việc đưa gen để kháng kháng sinh từ vi khuẩn vào tế bào thực vật (1983), đưa gen sinh men xenlulaza từ vi sinh vật này sang vi sinh vật khác (1983)...

Digitized by Google

Một chân trời mới đang mở ra trước các nhà nghiên cứu về công học di truyền (genetic engineering). Hàng loạt kích tố, vacxin hoặc thuốc tăng cường miễn dịch dự kiến sẽ được sản xuất ở quy mô công nghiệp và sử dụng rộng rãi trên thế giới trong ít năm tới, đó là insulin (1985), interferon chống ung thư (1987), interferon chống vi rút (1987), vacxin chống viêm gan B (1990), kích tố sinh trưởng của người (1990) v.v.

Công học gen và kỹ thuật lai còn đem lại những triển vọng to lớn trong việc sản xuất vacxin chống sốt rét, nhiều loại vacxin thú y, sản xuất axit aminolaevulinic có tác dụng trừ cỏ, sản xuất các loại prôtein ngọt (như thaumatin, monellin — vừa giàu đạm, vừa ngọt hơn đường kính nhiều lần). Đặc biệt mục tiêu phấn đấu nhằm đưa gen Nif (gen sản sinh các enzym cố định đạm không khí) vào tế bào thực vật để tạo ra loại cây lương thực không cần phân đạm đang được các nhà khoa học khắp nơi trên thế giới xúc tiến với một sự tập trung nỗ lực hết sức lớn lao.

Tóm lại, công nghệ sinh học đang chứng tỏ những khả năng to lớn của nó trong việc giải quyết những vấn đề lương thực, thực phẩm, nâng cao phúc lợi vật chất và sức khỏe của con người, bảo vệ môi trường sống.

★

Đứng trước những thành tựu cực kỳ lớn lao và hết sức đáng phấn khởi của cuộc cách mạng về công nghệ sinh học (còn gọi là cuộc cách mạng thứ hai trong sinh học phân tử), chúng ta cần suy nghĩ và hành động như thế nào để cho tất cả các thành tựu này có thể từng bước triển khai được trên Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu của chúng ta, góp phần đẩy lùi những khó khăn hiện còn rất gay gắt về lương thực, về thức ăn gia súc, về năng lượng, về phân bón, về thuốc trừ sâu, về thuốc men và về kim loại?

Phải hiểu rõ rằng trong lĩnh vực này, chúng ta còn có một khoảng cách khá lớn so với các nước có kinh tế phát triển. Ngoài một vài xí nghiệp lên men đã có như các nhà máy rượu, bia, mì chính, một số phân xưởng sản xuất nước chấm, giấm, nấm ăn, vac xin... hầu như còn chưa có đủ cả các sản phẩm lên men được nói đến từ kỷ nguyên Pasteur. Một nước trên 60 triệu dân mà chưa có công nghiệp sản xuất chất kháng sinh, vitamin, dung môi hòa tan chất dẻo, prôtein đơn bào, thuốc trừ sâu vi sinh vật, phân bón vi sinh vật... là một thiệt thòi rất lớn và không thể để kéo dài lâu hơn nữa.

Không phải là chúng ta không có những điều kiện cần thiết để xây dựng và phát triển công nghệ sinh học của nước ta.

Trước hết, chúng ta sẵn có các nguyên liệu chủ yếu của công nghệ sinh học (rỉ đường, tinh bột, nguyên liệu giàu xenluloza, sản phẩm biển, khí thiên nhiên và cả dầu mỏ trong một tương lai không xa).

Chúng ta sẵn có khí hậu ấm áp và ở nhiều vùng phía Nam hầu như có thể lên men quanh năm trong điều kiện không cần sưởi ấm. Với một bức xạ mặt trời hết sức phong phú có thể phát triển rộng lớn các bể phản ứng quang sinh học để thu nhận các sản phẩm của tảo lục, của vi khuẩn lam và các vi khuẩn quang hợp.

Chúng ta sẵn có một khu hệ vi sinh vật của thiên nhiên hết sức đa dạng và phong phú. Nhiều thực nghiệm cho thấy từ thiên nhiên nước ta có thể phân lập được nhiều chủng vi sinh vật có hoạt tính cao, có tính chống chịu cao với những điều kiện nuôi cấy bất lợi nào đó.

Digitized by Google

Chúng ta có một sự chuẩn bị đáng kể về đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật (đại học và trên đại học), về các ngành khoa học có liên quan đến công nghệ sinh học (kể cả các lĩnh vực khoa học hiện đại của công học di truyền, kỹ thuật lai...).

Thiết bị nghiên cứu tuy chưa nhiều nhưng nếu biết phối hợp sử dụng một cách hợp lý thì cũng khá đầy đủ, kể cả những thiết bị hết sức hiện đại. Đã có nhiều nghiên cứu chuẩn bị cho việc triển khai công nghệ sinh học trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Chúng ta lại có sự giúp đỡ quốc tế to lớn theo chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật đến năm 2000 của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Căn cứ vào năm nhiệm vụ hàng đầu của công nghệ sinh học được vạch ra trong chương trình tổng hợp khoa học kỹ thuật của Hội đồng tương trợ kinh tế, chúng ta có thể tổ chức việc triển khai thật tốt chương trình nghiên cứu trọng điểm của Nhà nước về công nghệ sinh học và tổ chức thật chu đáo việc hợp tác, liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa với các nước thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế.

Trong nhiệm vụ sản xuất *các hoạt chất sinh học và các chế phẩm thuốc mới dùng trong y tế cho phép chẩn đoán sớm và điều trị những căn bệnh nặng như bệnh tim mạch ác tính, bệnh di truyền, bệnh nhiễm khuẩn kể cả nhiễm vi rút*, chúng tôi nhận thấy nên tập trung trước hết vào các bệnh nhiễm khuẩn. Cụ thể cần sớm đầu tư tích cực vào việc xây dựng các nhà máy sản xuất chất kháng sinh, các cơ sở sản xuất vacxin. Đối với các loại thuốc thế hệ mới chỉ nên chọn lọc để nghiên cứu và sản xuất thử nhằm đào tạo cán bộ, tập dượt cho sự tiếp thu các tiến bộ mới của thế giới.

Trong nhiệm vụ sản xuất *các phương tiện vi sinh vật để bảo vệ thực vật, chống sâu bệnh, phân bón vi khuẩn, các chất điều chỉnh độ tăng trưởng của thực vật, các giống và giống lai của cây nông nghiệp mới có năng suất cao, chịu đựng được những yếu tố không thuận lợi của môi trường, thu được bằng các phương pháp tái tổ hợp gen và tế bào*, chúng tôi nhận thấy, trước mắt cần xây dựng các nhà máy hoặc phân xưởng sản xuất thuốc trừ sâu vi khuẩn, phân bón vi khuẩn, kích thích tố gibberellin, đẩy mạnh việc nuôi cấy mô thực vật để nhân nhanh các giống cây quý hoặc để thu nhận các hoạt chất của thực vật. Việc sử dụng công học di truyền để tạo giống mới cần làm có trọng điểm tại một số phòng thí nghiệm đã có những trang bị cần thiết và có nhiều cán bộ đã hoặc sẽ được đào tạo tại nước ngoài.

Trong nhiệm vụ phát triển *những thức ăn bổ sung có giá trị cao cho gia súc và các chất có hoạt tính sinh học để nâng cao năng suất chăn nuôi, những phương pháp mới trong tái tổ hợp gen và tế bào để phòng ngừa, chẩn đoán và điều trị có hiệu quả các loại bệnh chủ yếu của các gia súc và gia cầm chăn nuôi theo quy mô công nghiệp*, chúng tôi đề nghị trước mắt tập trung xây dựng các xí nghiệp, hoặc phân xưởng sản xuất sinh khối nấm men, sinh khối nấm sợi, sinh khối tảo, kháng sinh thô, vitamin B12 thô và lizin. Việc sử dụng các kỹ thuật công học di truyền trong công tác thú y và nuôi cấy hợp tử cần tiến hành ở quy mô tập dượt, trong khi tận dụng ở mức độ cao những sự hợp tác quốc tế về các lĩnh vực mới mẻ này.

Trong nhiệm vụ phát triển *những công nghệ sinh học mới để thu được những sản phẩm có giá trị cao dùng trong công nghiệp thực phẩm, hóa chất và các ngành công nghiệp khác*, chúng tôi đề nghị ưu tiên phát triển các thực phẩm xuất khẩu (rượu trắng, rượu thuốc, rượu mùi, rượu vang,

Digitized by Google

nấm ăn, mộc nhĩ, nước mắm, mắm chua ..), các thực phẩm phục vụ đời sống hằng ngày (mì chính, nước chấm, giấm, men, bánh mì thực phẩm khô...), các hóa chất quan trọng (axeton, butanol, dextran, axit axetic, axit lactic...).

Trong nhiệm vụ phát triển *các công nghệ sinh học để chế biến một cách có hiệu quả các phế liệu của nông nghiệp, công nghiệp và của các thành phố, sử dụng nước thải và khí thải để sản xuất khí sinh học và các loại phân bón có chất lượng cao*, chúng tôi đề nghị trước mắt tập trung chỉ đạo việc xây dựng các trạm xử lý nước thải, kết hợp với việc sản xuất sinh khối tảo, nấm men phục vụ chăn nuôi, xây dựng nhanh các xí nghiệp xử lý rác để làm phân bón, chế biến thức ăn gia súc tái tạo từ các phế liệu công nghiệp và nông nghiệp, sản xuất để bán rộng rãi các bể sinh biogas quy mô gia đình hoặc cụm gia đình, đẩy mạnh việc sử dụng các biện pháp vi sinh vật học để chống ô nhiễm dầu khí, ô nhiễm phân bón và các hóa chất dùng trong nông nghiệp và công nghiệp.

★

Để có thể có được những bước đi nhanh chóng và vững chắc trong khi phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ nói trên, chúng tôi xin nêu lên năm kiến nghị cụ thể:

1. Hình thành sớm những tổ chức đủ mạnh để có thể chỉ huy chặt chẽ và thống nhất công tác nghiên cứu và triển khai công nghệ sinh học. Đó là Ban chủ nhiệm chương trình nghiên cứu công nghệ sinh học, Liên hiệp khoa học sản xuất công nghệ sinh học, Bảo tàng giống vi sinh vật quốc gia, tiến tới việc thành lập Tổng cục công nghệ sinh học (trực thuộc Hội đồng bộ trưởng) và Viện công nghệ sinh học (trực thuộc Viện khoa học Việt nam). Trước mắt cần chú ý đầu tư thêm để hoàn thiện các cơ sở nghiên cứu về vi sinh vật học đã hình thành.

2. Nhà nước đầu tư vốn thích đáng và tận dụng triệt để các kế hoạch viện trợ quốc tế để xây dựng ngay một số xí nghiệp công nghệ sinh học quan trọng nhất nhằm sản xuất chất kháng sinh, vi ta min, lizin, dung môi hữu cơ, thuốc trừ sâu vi sinh vật.

3. Cử nghiên cứu sinh và thực tập sinh đi nghiên cứu thực tập về công nghệ sinh học ở các nước phát triển, nhất là về các lĩnh vực công học di truyền (genetic engineering), kỹ thuật lai (bioprocess technologies)). Tổ chức liên kết, hợp tác giữa nhiều phòng thí nghiệm trong và ngoài nước để triển khai có trọng điểm các nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu triển khai thuộc các lĩnh vực mới mẻ này.

4. Tổ chức nhanh và vững chắc việc đưa vào sản xuất ở các tỉnh, các huyện, thậm chí ở ngay từng cơ sở sản xuất (nông trường, hợp tác xã, khu phố, trường học, đơn vị quân đội, bệnh viện...) những sản phẩm lên men phục vụ sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống, theo các quy trình đơn giản với các thiết bị tự chế tạo trong nước (lên men hở với các giống vi sinh vật có tính chống chịu cao với điều kiện bất lợi, hoặc lên men kín trên các môi trường đặc).

5. Tổ chức tốt hơn công tác hậu cần khoa học, trước mắt xem xét lại giá bán các loại vật tư, hóa chất và thiết bị khoa học, xây dựng chế độ cước phí bưu điện ưu tiên cho cán bộ khoa học, chế độ quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và kinh phí triển khai tiến bộ kỹ thuật (dành quyền chủ động về tài chính cho các chủ nhiệm đề tài nghiên cứu).

Digitized by Google

Thư gửi Bộ biên tập



Kính dâng Đảng

Tôi là Ngô Thị Út, năm nay 79 tuổi, và chồng tôi 82 tuổi, chưa biết lúc nào phải rời bỏ cõi đời, xin ghi vội mấy dòng kính dâng lên Đảng thân yêu.

Từ năm 1948, khi được kết nạp vào Đảng, chúng tôi đã ý thức rằng: «Cha mẹ sinh con, Đảng sinh tinh», chứ không phải «trời sinh tính» như người ta thường nói. Do đó, suốt chặng đường dài, luôn luôn rèn luyện theo tư tưởng của Đảng, trải qua muôn vàn khó khăn gian khổ do thiên tai, địch họa gây ra, chúng tôi vẫn vững bước dưới lá cờ của Đảng cho tới ngày nay.

Qua 22 năm được hưởng chế độ hưu trí của Nhà nước ta, chúng tôi sống trong sự thương yêu đùm bọc của gia đình, của đồng chí, đồng bào. Tiếp bước chúng tôi, lớp con cháu trong gia đình chúng tôi đều một lòng theo Đảng — 10 trên 14 người đã được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Ước mơ cao đẹp nhất trong đời người — Độc lập, Tự do, Hạnh phúc — đối với chúng tôi đã trở thành hiện thực, dầu rằng khó khăn gian khổ hãy còn nhiều.

Cho đến những giờ phút cuối cùng của đời mình, chúng tôi nguyện vẫn ghi lòng tạc dạ tình sâu nghĩa nặng đối với Đảng kính yêu.

NGÔ THỊ ÚT

(Phường Phú hiệp — Thành phố Huế)

Digitized by Google

HỮU ĐỨC

TỪ VÙNG «ĐẤT CHẾT» ĐI LÊN

NÔNG trường quốc doanh Đông triều (Quảng ninh) là đơn vị tiêu biểu cho 441 nông trường của cả nước vừa được Đảng và Nhà nước ta tặng danh hiệu Đơn vị anh hùng. Trải qua hơn hai thập kỷ kể từ khi thành lập năm 1963, nông trường Đông triều đã trở thành trung tâm lợn giống thuần chủng gốc quốc gia (lợn Móng cái), góp nhiều thành tựu xuất sắc vào sự nghiệp chăn nuôi lợn của cả nước.

Nông trường có 1 470 ha đất tự nhiên, trong đó 50% có khả năng sản xuất nông, lâm nghiệp, còn lại là đồi trọc, đất đai cằn cỗi, « đất chết ». Địa hình ở đây chia cắt thành 10 khu vực bởi 9 con suối, chạy dài trên 30 km từ đầu đến cuối huyện Đông triều, xen kẽ với nhiều vùng dân cư. Nó nằm gọn trong vòng cung Đông triều, bị bao bọc bởi những dãy núi cao, thường chịu những cơn xoáy của gió mùa đông bắc, cho nên ở đây hình thành các vùng tiểu khí hậu có độ chênh lệch cao về nhiệt độ, khô hạn kéo dài từ tháng 9 đến tháng 5 năm sau. Những đặc điểm đó ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức và quản lý sản xuất của nông trường.

Năm 1973 đánh dấu một bước ngoặt đối với nông trường. Đó là năm đầu tiên nông trường sản xuất có lãi gần 26 ngàn đồng (+); tình trạng làm ăn thua lỗ kéo dài 10 năm chấm dứt.

Từ đó, qua 10 năm sản xuất kinh doanh (1973 — 1982), giá trị tổng sản lượng tăng 5,2 lần; năng suất lao động tăng 3, 4 lần; lãi tăng 8 lần; thu nhập bình quân một cán bộ, công nhân tăng 7 lần. Hằng năm nông trường cung cấp cho Nhà nước từ 5000 đến 6000 lợn giống các loại, 100 — 200 tấn thịt, 450 tấn hoa quả, hàng ngàn mét khối gỗ và còn cung cấp hơn 2000 lợn đực giống, 20 000 lợn cái hậu bị và 29 000 lợn bột cho 237 đơn vị chăn nuôi của 30 tỉnh, thành phố.

Mười năm đó, năm nào nông trường cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước giao, lãi năm sau cao hơn năm trước, tổng số lãi tới gần 1,8 triệu đồng. Mấy năm gần đây, nông trường càng nêu cao ý chí tự lực, tự cường, bằng vốn liếng của mình đã mở rộng sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi, trồng cây ăn quả, thả cá..., xây dựng thêm nhà ở, trường học, nâng cao mức sống và cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân; nộp ngân sách Nhà nước 3 triệu đồng, trả gần đủ vốn Nhà nước cấp phát và nộp lãi 2,3 triệu đồng.

Nhiều người về thăm nông trường đều có cảm nghĩ: trong hoàn cảnh khó khăn như nông trường Đông triều mà còn làm được như vậy, thì các nơi khác cũng có thể phát triển tốt nông nghiệp, góp phần làm giàu cho đất nước.

★

(+) Những đơn vị tiền trong bài này không có chú thích đều là tiền cũ (H.Đ).

Digitized by Google

Xét về mặt kinh tế — xã hội, quá trình 23 năm xây dựng có cả thất bại lẫn thành công của nông trường Đông triều cho thấy có mấy nhân tố nổi bật làm cho nông trường ngày nay trở thành đơn vị anh hùng.

Một là, *gắn liền việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý với việc thực hiện cơ chế quản lý năng động phù hợp trong hoàn cảnh cụ thể của nông trường.*

Trong vòng 10 năm đầu, Đông triều đã thay đổi phương hướng chăn nuôi 4 lần, trồng trọt 5 lần. Trong thời gian đó cũng có lúc đã chăn nuôi lợn giống nhưng vẫn làm ăn thua lỗ. Nguyên nhân chính là không xác định rõ và cụ thể cơ cấu kinh tế hợp lý giữa các ngành để phục vụ cho phương hướng sản xuất chính.

Sau đó, nông trường đã dần dần bố trí được một hệ thống cơ cấu cây trồng vừa bổ trợ đắc lực cho phương hướng sản xuất chính (sản xuất lợn giống), vừa bảo đảm kinh doanh có lãi. Nông trường dành 15 ha có độ phì cao trong số 60 ha đất đai bằng phẳng để trồng rau làm thức ăn cho đàn lợn, hằng năm thu hoạch 120 — 130 tấn một ha, đủ để cung cấp cho gần 850 lợn nái đặc chủng và các loại lợn khác của nông trường; số đất còn lại trồng lúa, hoa màu dùng để chế biến, làm thức ăn tinh, tự cân đối được 20—30% thức ăn cho lợn.

Những chỗ đất dốc, sỏi đá, tầng đất canh tác mỏng, không có điều kiện làm thủy lợi thì tận dụng trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ, trồng cỏ xty lô để chăn thả trâu bò. Đến nay nông trường đã trồng 106 ha vải thiều, 11 ha mận, 180 ha mít, 20 ha chè, 20 ha chanh, hàng chục ha cỏ xty lô đủ chăn thả 180 trâu bò và 300 ha rừng bạch đàn, phi lao với 1,5 triệu cây. Giá trị sản phẩm thu hoạch được từ cây ăn quả và cây rừng hằng năm đạt 3—4 triệu đồng. Nông trường lợi dụng bóng mát của mít, vải, bạch đàn để chăn thả trâu, bò thịt; vùng đất trồng mận để nuôi thả lợn; tận dụng hoa của cây cối để nuôi ong lấy mật; cải tạo những nơi đất trũng hoặc có nước thành hơn 10 ha hồ ao, hằng năm thu hoạch 8—10 tấn cá.

Nông trường không những biết kết hợp các ngành nghề nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản, mà còn biết lợi dụng ưu thế của cơ cấu sản xuất để luân canh hợp lý, kết hợp tốt lao động với đất đai, biết vận dụng và cải tạo những điều kiện tự nhiên của từng vùng đất đai để bố trí cơ cấu kinh tế có nhiều loại sản phẩm hàng hóa. Đến nay các vùng đất này được xem như là những miền tài nguyên riêng của nông trường. Triều phú là đất của mít. Triều sơn là đất của vải thiều, chanh. Triều hải là đất của chè. Còn trung tâm nông trường là đất của mận. Như vậy, cơ cấu kinh tế của nông trường Đông triều vừa thể hiện sự chuyên sâu vừa mang tính chất kinh doanh tổng hợp, các bộ phận hỗ trợ lẫn nhau làm cho sản xuất phát triển cân đối.

Để bảo đảm phát huy tác dụng của cơ cấu kinh tế hợp lý đó, nông trường đã xây dựng thành công một cơ chế quản lý thích hợp, năng động, đem lại hiệu quả cao. Điều đáng chú ý là, nông trường đã vận dụng sáng tạo các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước, thực hiện lương khoán theo sản phẩm trong cả chăn nuôi và trồng trọt. Đã xây dựng được một hệ thống định mức lao động, định mức kinh tế và yêu cầu kỹ thuật trong từng khâu của quá trình chăn nuôi và trồng trọt. Trên cơ sở hệ thống định mức này mà giao nhiệm vụ cho các đội sản xuất và khoán gọn quỹ lương cho các đội sản xuất. Đội trưởng sản xuất là người trực tiếp nhận khoán với giám đốc về tiền lương, chi phí vật tư, giá thành sản phẩm... Nông trường đã tổ chức các đội chuyên sản xuất một loại cây,

Digitized by Google

một loại con. Trong đội đó lại chia ra các tổ chuyên như: tổ cày kéo, tổ bảo vệ, tổ chăm sóc... của ngành trồng trọt; các tổ theo các khâu sản xuất như: tổ sinh sản, tổ tiếp giáp, tổ vệ sinh, tổ chế biến thức ăn v.v. của ngành chăn nuôi.

Theo định kỳ hằng tháng, nông trường tổ chức các đoàn công tác kế hoạch xuống các đội sản xuất nghiệm thu số lượng và chất lượng công việc, chỉ đạo các đội thực hiện kế hoạch, nắm số liệu ban đầu và chứng từ gốc, để thấy mức độ lỗ, lãi qua từng tháng đối với từng loại cây con. Thông qua đó mà phát huy quyền làm chủ tập thể của người lao động đối với công việc của đội sản xuất và giúp đội hạch toán, điều chỉnh công việc của mình một cách có hiệu quả. Hơn nữa, do có định mức kinh tế, kỹ thuật rõ ràng, dựa vào đơn giá khoán do đội trưởng và tổ trưởng giao, người công nhân biết ngay được tiền lương, tiền thưởng của mình, cho nên họ đã phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất lao động. Trước đây, đội trưởng, tổ trưởng phải đôn đốc công nhân làm việc; nay với cơ chế quản lý mới, mọi người đã thấy rõ nghĩa vụ và quyền lợi trực tiếp của mình đối với kết quả sản xuất cuối cùng, cho nên đã tích cực lao động. Nhờ vậy, từ đội trưởng sản xuất đến tổ trưởng và công nhân bước đầu đã có phong cách làm ăn mới, biết hạch toán kinh tế và quan tâm chăm lo, giúp đỡ lẫn nhau.

Gắn liền tiền lương với chế độ thưởng phạt, nông trường đã sử dụng tốt đòn bẩy kinh tế này, kết hợp nó với phong trào thi đua sản xuất, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Một công nhân đạt mức lao động tiên tiến mà ở một tổ không tiên tiến thì được thưởng 100%; nếu ở tổ tiên tiến thì được thưởng 130%; nếu ở tổ lao động xã hội chủ nghĩa thì được thưởng 200%. Kỳ sau nếu tiếp tục đạt lao động tiên tiến ở tổ tiên tiến hoặc tổ lao động xã hội chủ nghĩa thì được thưởng thêm 20% so với kỳ trước. Nếu công nhân phạm kỷ luật từ cảnh cáo trở lên thì phải trả lại mức thưởng lúc đầu. Cách quản lý lao động bằng biện pháp chấm điểm, thưởng điểm, phạt điểm cũng có tác dụng tốt. Một ngày lao động ở đây được tính 10 điểm, gồm 4 điểm về bảo đảm 8 giờ lao động, 3 điểm đạt mức quy định, 3 điểm làm đúng quy trình kỹ thuật. Người lao động tăng năng suất được thưởng điểm tùy theo số phần trăm vượt mức. Các đội trưởng sản xuất, tổ trưởng, cán bộ kỹ thuật làm tốt những nhiệm vụ được giao, cũng được thưởng điểm. Có thưởng thì có phạt, phạt nặng nhất là vi phạm nội quy, quy trình sản xuất mỗi lần từ 10 đến 20 điểm. Nghỉ không có lý do: phạt 20 điểm; đi muộn về sớm; phạt điểm theo giờ. Đội trưởng, tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật không hoàn thành kế hoạch đều bị phạt từ 20 đến 100 điểm, trách nhiệm càng cao, phạt càng nhiều. Tỷ lệ thưởng từng loại lao động được quy định rõ ràng. Hệ số thưởng lao động trực tiếp là 1,5, còn lao động gián tiếp là 0,7. Vì thế tinh giản được bộ phận gián tiếp sản xuất. Các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất tùy theo giá trị làm lợi cho nông trường mà được thưởng theo chế độ chung của Nhà nước; ngoài ra nông trường có thưởng thêm để khuyến khích.

Sau 8 năm áp dụng lương khoán theo sản phẩm và thực hiện một số biện pháp quản lý thích hợp, nông trường đã nâng cao năng suất lao động của công nhân, tiết kiệm được hàng vạn ngày công mỗi năm, giải quyết được tình trạng thiếu lao động bình quân mỗi năm 100 người, đưa mức lương bình quân hiện nay lên 420 đồng/người/tháng (tiền mới). Kinh nghiệm thực hiện lương khoán theo sản phẩm của nông trường Đông triều đã được

Digitized by Google

báo cáo tại hội nghị toàn ngành và được áp dụng có hiệu quả ở nhiều nơi.

Để phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế hơn nữa, nông trường đã liên doanh, liên kết kinh tế với huyện, các hợp tác xã nông nghiệp, các tổ chức kinh tế của tỉnh và mở rộng dần quan hệ với các địa phương khác. Xuất phát từ cơ cấu kinh tế và trình độ quản lý của mình, nông trường đã thực hiện sự liên kết khá vững chắc, đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực, không sa vào kiểu liên kết hình thức, không lành mạnh, chạy theo lợi ích không chính đáng. Cụ thể là dựa vào thế mạnh của mình, nông trường đã đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các trại lợn giống của tỉnh, huyện và các hợp tác xã nông nghiệp, cải tạo đàn lợn giống của các nơi này để đạt năng suất cao và có lãi. Cùng với huyện, liên doanh nuôi lợn thịt xuất khẩu, đạt giá trị xuất khẩu bình quân mỗi người trong nông trường được 28 đô la.

Sự liên doanh, liên kết kinh tế đó đã giúp cho nông trường Đông triều có điều kiện xây dựng hệ thống giống vững chắc, phát triển các ngành nghề nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến thức ăn gia súc, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật (chuồng trại, nhà cửa, phương tiện đi lại, hoạt động văn hóa xã hội), đẩy mạnh việc làm hàng xuất khẩu đổi lấy vật tư, thiết bị để chủ động tự cân đối một phần kế hoạch sản xuất. Thông qua sự liên doanh, liên kết ấy, nông trường ngày càng phát huy được vai trò chủ đạo của một nông trường quốc doanh xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện và tỉnh, đem lại lợi ích thiết thực cho địa phương, tranh thủ được sự đồng tình, giúp đỡ của địa phương, tăng cường mối liên minh công—nông. Nhân dân địa phương đã góp phần cùng nông trường bảo vệ các sản phẩm của nông trường (trước đây hằng năm nông trường mất mát tới 20—30% tổng sản lượng). Tiểu đoàn tự vệ « Quyết thắng » của nông trường đã góp phần thiết thực bảo vệ trật tự, an ninh ở địa phương.

Hai là, *tích cực và kiên trì đưa các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất.*

Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trước hết là phải làm cho phẩm chất lợn giống ngày càng cao, đó là yếu tố kỹ thuật có tính chất quyết định đối với sự tồn tại của nông trường. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật được tiến hành toàn diện trong các khâu: giống, chăm sóc, thức ăn, thú y... Việc đó đã gắn liền với yêu cầu cải tiến quản lý sản xuất, kinh doanh và dựa trên cơ sở những trang bị, con người hiện có, cho nên đã có nhiều khả năng và điều kiện thực tế để biến thành hiện thực.

Theo cách làm dựa vào sức mình là chính, lại được sự quan tâm chỉ đạo của công ty lợn giống và công nghiệp trung ương, sự giúp đỡ của các viện nghiên cứu chăn nuôi và sự hợp tác của các trường đại học nông nghiệp, nông trường Đông triều đã cải tạo thành công đàn lợn giống Móng cái thuần chủng. Ban đầu nông trường chỉ có 30 lợn nái sinh sản cơ bản, ở hợp, sản xuất tự cung, tự cấp, nay đã trở thành trung tâm lợn giống quốc gia với hơn 850 lợn nái sinh sản có phẩm chất cao, tốt nhất của cả nước. Đi đôi với biện pháp kiểm tra, chọn lọc về phẩm chất giống, nông trường còn nhập thêm các nhóm đực, cái cao sản của địa phương, và của các đơn vị chăn nuôi tiên tiến để làm tốt công tác nhân giống thuần chủng. Nông trường đặc biệt quan tâm việc chọn và bồi dục con giống, giữ mức ổn định đàn lợn sinh sản, xây dựng đủ đàn lợn hạt nhân, thay thế số lợn thải loại hằng năm nhằm làm tăng những di truyền tiến bộ của con giống. Nhờ vậy, chất lượng con giống ngày càng tăng rõ rệt: từ 34,46% lợn đặc cấp:

Digitized by Google

43,03% cấp I; 20,8% cấp II, 1,71% cấp III, nay nâng lên 43,82% đặc cấp; 51,27% cấp I; 4,07% cấp II và hầu như không còn cấp III. Đàn lợn nái sinh sản bình quân năm từ 1,6 lứa lên 1,8 lứa, lợn cai sữa 8—9 con, trọng lượng lợn cai sữa bình quân 7 kg. Trọng lượng lợn thịt xuất chuồng mười tháng tuổi từ 64 kg tăng lên 80kg, loại cao nhất là 100 kg.

Cùng với công tác giống, nông trường đã chú trọng chăm sóc, bồi dưỡng đàn lợn và chế biến thức ăn theo quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật cho từng loại lợn, đồng thời trong điều kiện còn nhiều khó khăn về nguồn thức ăn, đã chịu khó tìm thức ăn thay thế, thay đổi cơ cấu thức ăn và cho ăn theo khẩu phần. Nhờ vậy đã giảm được đơn vị thức ăn cho một kí lô gam tăng trọng từ 7,02 xuống gần 6,5. Nông trường vừa tạo được giống lợn cao sản vừa giảm được chi phí thức ăn chăn nuôi. Điều đó đã làm cho tốc độ tăng tổng chi phí giá thành thấp hơn tốc độ tăng tổng trọng lượng các loại lợn.

Về mặt chăm sóc đàn lợn, nông trường sử dụng các loại chất dinh dưỡng cho lợn con, thực hiện tiêm phòng định kỳ, tiêm phòng khép kín, xây dựng vành đai an toàn, có nội quy thăm quan và mua sắm thức ăn của công nhân, cho nên 23 năm qua không xảy ra dịch bệnh.

Trong trồng trọt, nông trường đã thực hiện chủ trương: «cây rừng đi trước, từ cây rừng mà đi», với những biện pháp kỹ thuật thích hợp, sử dụng hợp lý máy móc hiện có để làm các công việc san ủi, cày bừa, gieo cấy, phun thuốc kịp thời, trồng thành công tập đoàn cây phân xanh: muồng, cốt khí, cỏ xtylô để thâm canh cây trồng. Tập đoàn cây phân xanh này được trồng vào thời kỳ xây dựng cơ bản các vùng cây ăn quả (lúc chưa giao tán). Nó đã cung cấp hàng trăm tấn phân xanh cho một ha, và có thể cắt thường xuyên để tủ gốc cây, diệt cỏ dại, giữ ẩm, chống xói mòn, tăng độ phì cho đất và làm tăng năng suất cây trồng (vải thiều đạt 50—107 tạ/ha, chanh 120 tạ/ha, mận 45 tạ/ha, chè búp 10 tạ/ha). Có thể nói, kết quả lớn nhất về mặt này là nông trường đã có tập đoàn cây trồng sinh trưởng tốt, cân bằng được hệ sinh thái, trong những điều kiện tự nhiên của địa phương mình.

Để đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất ngày càng sâu rộng, nông trường quan tâm thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Đã có hơn 100 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng làm lợi cho nông trường hàng triệu đồng. Trong đó, số sáng kiến của công nhân trực tiếp sản xuất chiếm tỷ lệ khá cao.

Ba là, có những biện pháp thiết thực chăm lo đời sống cán bộ, công nhân.

Đảng ủy, ban giám đốc, công đoàn đã đặt nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của cán bộ, công nhân ngang tầm với nhiệm vụ sản xuất.

Nông trường đã bố trí ổn định khu dân cư, cho mỗi gia đình công nhân mượn 300—500 m^2 đất để xây dựng nhà ở và làm kinh tế gia đình, trích quỹ phúc lợi cho mỗi gia đình vay 2000 đồng trừ dần vào lương trong 5 năm. Nông trường tổ chức lực lượng sản xuất vật liệu xây dựng nhà ở, cấp toàn bộ vật liệu đủ xây dựng 30—50 m^2 nhà gạch ngói cho gia đình thương binh, liệt sĩ, cán bộ chủ chốt, chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến liên tục nhiều năm, bán vật liệu với giá rẻ cho những gia đình chưa đủ tiêu chuẩn cung cấp. Đến nay đã có hơn 70% số gia đình công nhân có nhà ngói khang trang, vườn cây ăn quả, ao cá, chuồng lợn với sự giúp đỡ của nông trường về giống, thức ăn, thú y. Nông trường còn gia công cho các gia đình nuôi lợn thịt, hằng năm nông trường có thêm 40—60 tấn thịt,

Digitized by Google

mỗi gia đình thu được 20—25 ngàn đồng. Nhờ vậy, nhiều gia đình đã có thu nhập khá, kinh tế gia đình có tác dụng bổ sung rõ rệt đối với kinh tế tập thể. Nông trường còn chăm lo bữa ăn hằng ngày của công nhân. Nhờ các biện pháp khuyến khích tăng gia sản xuất, trồng rau, nuôi lợn, thả cá đưa vào phục vụ bếp ăn tập thể, mỗi năm các bếp ăn tập thể đã có 20—27 tấn thịt, 5—6 tấn cá, hàng trăm tấn rau xanh. Những thức ăn thu được đều ưu tiên dành cho bếp ăn tập thể, nhà trẻ. Tất cả cán bộ, công nhân đều được ăn bữa giữa ca không mất tiền (trích từ quỹ phúc lợi). Nông trường đã phát động phong trào tận dụng đất đai để sản xuất lương thực, hoa màu, chế biến thức ăn, nuôi lợn xuất khẩu đổi lấy vải mặc, đồ dùng thiết yếu. Vì vậy, tính bình quân mỗi công nhân hằng năm được hưởng 36 kg thịt, cá và một bộ quần áo tốt. Hợp tác xã tiêu thụ của nông trường có tài khoản và hạch toán riêng, đưa hàng xuống tận các đội sản xuất phục vụ vào ngày chủ nhật và ngoài giờ làm việc của công nhân, phân phối hàng công khai, đúng tiêu chuẩn, đúng đối tượng.

Từ năm 1981 đến nay do không được cấp vốn xây dựng cơ bản, nông trường đã tạo ra vốn để xây dựng thêm nhà làm việc, nhà ở, mua sắm thiết bị kho tàng, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường phổ thông cơ sở và trường phổ thông trung học vừa học vừa làm. Tất cả các cháu là con em cán bộ, công nhân đến tuổi đi học đều được đến trường. Đội ngũ giáo viên được chăm lo về đời sống. Nhà câu lạc bộ có hệ thống truyền thanh, máy thu hình. Hoạt động văn nghệ thể thao được tổ chức thường xuyên phục vụ công nhân.

Nhờ có sự chăm lo đời sống vật chất và văn hóa như vậy, nông trường không những làm cho cán bộ, công nhân yên tâm công tác, sản xuất lâu dài, mà còn thu hút được con em họ, những người vừa có văn hóa, sức khỏe, vừa tiếp thu được kinh nghiệm nghề nghiệp của cha anh bổ sung vào đội ngũ cán bộ, công nhân của mình. Cán bộ, công nhân ở đây coi nông trường thật sự là quê hương của mình, họ đã góp phần thiết thực biến đổi bộ mặt nông thôn ở đây.

★

Có thể nói, vươn lên từ một vùng «đất chết», trải qua những bước thăng trầm, nông trường Đông triều ngày nay tuy còn có khó khăn, nhưng đã tạo lập được cơ sở kinh tế—xã hội vững mạnh, làm đà cho những bước tiến mới. Với vinh dự to lớn được Nhà nước tặng danh hiệu Đơn vị anh hùng, cán bộ công nhân nông trường Đông triều nhất định sẽ phát huy hơn nữa vai trò nêu gương của một nông trường xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

TRẦN ANH

QUA CÁC ĐƠN VỊ ANH HÙNG CỦA NGÀNH VĂN HÓA

NÉT tiêu biểu ở các tập thể anh hùng của chúng ta là ý chí và nỗ lực tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần cần thiết để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong những điều kiện, hoàn cảnh đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh. Hoạt động thực tiễn của ba đơn vị anh hùng của ngành văn hóa là Nhà máy in Tiến bộ, Xí nghiệp phim tài liệu và khoa học trung ương, Đội chiếu bóng số 1 huyện Bến hải (Bình trị thiên) cũng chứng minh điều đó.

Đường lối văn hóa của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo. Song trong thực tế có tình hình là có khi do nhận thức chưa đầy đủ hoặc cố gắng chưa cao cho nên nơi này nơi khác không thiếu gì « lý do » để xem nhẹ, buông trôi công tác văn hóa. Trước những khó khăn về kinh phí, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện hoạt động chuyên ngành, không ít đơn vị văn hóa đã tỏ ra lúng túng, làm việc một cách thụ động, kém hiệu quả. Kinh nghiệm thành công trước tiên ở các đơn vị anh hùng của ngành văn hóa là do *coi trọng đúng mức vai trò của văn hóa, văn nghệ mà quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, sáng tạo ra những điều kiện cần thiết để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.*

Ở tuyến lửa Vĩnh linh, với quyết tâm « đánh thắng giặc Mỹ trên mặt trận điện ảnh », Đội chiếu bóng số 1 huyện Bến hải (Bình trị thiên) đã tìm được cách chiếu phim an toàn cả ban đêm lẫn ban ngày, trên mặt đất cũng như dưới hầm sâu, đáp ứng được nhu cầu xem phim của nhân dân và chiến sĩ. Để kịp thời cổ vũ quân và dân ta trong chiến đấu và lao động sản xuất, những người làm phim ở Xí nghiệp phim tài liệu và khoa học trung ương đã thường xuyên có mặt ở những nơi mũi nhọn của cuộc sống cách mạng sôi động, ghi lại được những hình ảnh quý về những chiến công, những thành tựu lao động, sản xuất, khoa học, kỹ thuật, những chuyển biến lớn lao trong đời sống xã hội. Với khí thế thi đua sôi nổi, liên tục, cả nhà máy như một trận địa, Nhà máy in Tiến bộ đã in hàng núi tài liệu, văn kiện chính trị, sách báo... bảo đảm chất lượng cao, phục vụ kịp thời công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cung cấp cho bạn đọc nhiều ấn phẩm có giá trị.

Dùng sản phẩm văn hóa tác động vào đời sống, góp phần làm chuyển biến tư tưởng, tình cảm và hành động cách mạng của quần chúng nhân dân là nét phổ biến trong hoạt động có ý thức của các đơn vị anh hùng này. Đội chiếu bóng số 1 huyện Bến hải đã biết chọn những phim thích hợp với nhân dân địa phương, chiếu những phim dễ đi vào tình cảm sâu lắng của con người trong những thời điểm có binh lính ngụy sang canh gác bên bờ bắc cầu Hiền lương. Đội đã tổ chức áp dụng những kinh nghiệm khoa học được giới thiệu trên phim như cách làm bèo hoa dâu, cách làm xe cải tiến, những mẫu hình văn hóa

Digitized by Google

mới... vào sản xuất và đời sống của quần chúng. Xí nghiệp phim tài liệu và khoa học trung ương đã xây dựng hàng trăm bộ phim có chủ đề gắn chặt với cuộc sống chiến đấu, lao động sản xuất và các lĩnh vực hoạt động khác của nhân dân ta như *Lũy thép Vĩnh linh, Đầu sóng ngọn gió, Hà nội những ngày đêm không thể nào quên, Bác kính yêu lược thâm bại, Đường dây lên sông Đà, Bệnh đường ruột, Hàng không Việt nam, Kinh tế vườn*, v.v..

Bằng những hoạt động dũng cảm và bền bỉ của mình, các đơn vị anh hùng của ngành văn hóa đã góp phần *xây dựng đời sống văn hóa của nhân dân lao động, từng bước thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về văn hóa*. Họ ý thức rằng sản phẩm văn hóa trong tay họ là tài sản của nhân dân và đã tìm mọi cách để đưa những sản phẩm ấy đến với quần chúng nhanh, nhiều, có chất lượng. Đội chiếu bóng số 1 huyện Bến hải đã liên tục nâng cao chỉ tiêu hưởng thụ về xem chiếu bóng của nhân dân ở vùng mình phụ trách. Nhà máy in Tiến bộ, Xí nghiệp phim tài liệu và khoa học trung ương đã khắc phục rất nhiều khó khăn về kinh phí và vật tư để không ngừng tăng số trang in đẹp, tăng số phim phóng sự, tài liệu và khoa học quý. Các đơn vị này đã giữ gìn tốt, sử dụng tiết kiệm và phát huy cao nhất hiệu quả của những phương tiện hoạt động văn hóa của mình. Thái độ phục vụ chu đáo cùng với những biện pháp sinh động trong việc đưa tác phẩm văn hóa đến với quần chúng nhân dân, như giới thiệu phim, tọa đàm với các đối tượng thuộc các lứa tuổi trong nhân dân về sản phẩm văn hóa, học tiếng để viết thuyết minh phim bằng tiếng Vân kiều cho đồng bào Vân kiều v.v. đã có tác dụng góp phần từng bước nâng cao trình độ thưởng thức và năng lực hoạt động, sáng tạo văn hóa của quần chúng các dân tộc.

Nhân dân lao động tìm thấy trên phim ảnh, trên những trang sách, tài liệu, văn kiện... lời giải đáp cho những câu hỏi mình đặt ra, nguồn cổ vũ, thôi thúc mình vươn tới những thành tựu mới. Từ đó họ đã tích cực tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho công tác văn hóa, xây dựng các tổ chức văn hóa, trực tiếp tham gia các hoạt động văn hóa.

Điều kiện và hoàn cảnh của các đơn vị anh hùng ngành văn hóa không thuận lợi hơn mà nhiều khi còn khó khăn hơn so với các đơn vị bạn, thế thì yếu tố nào, động lực nào đã giúp họ hoạt động có hiệu quả cao? Đội chiếu bóng số 1 huyện Bến hải đã tổ chức chiếu bóng liên tục và an toàn trong mọi điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên, của thời gian và không gian đầy bom đạn. Xí nghiệp phim tài liệu và khoa học trung ương đã giải quyết được sự thiếu thốn về nguyên liệu, vật liệu, máy móc, phụ tùng vốn phải mua từ nước ngoài, không ngừng phát huy sáng kiến, tự lực tìm tòi, thể nghiệm, đã đưa kỹ thuật làm phim lên ngang cấp tiến bộ và đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nhà máy in Tiến bộ đang vươn lên thoát khỏi lối làm ăn bao cấp, đã giữ vững được các nguyên tắc quản lý kinh tế, quản lý tài chính, thực hiện vượt mức các chỉ tiêu năng suất lao động, chỉ tiêu nộp lãi cho Nhà nước, tạo được công ăn việc làm, bảo đảm mức thu nhập và ổn định được đời sống của công nhân, tránh được những hiện tượng tiêu cực... Xét đến cùng, đó là do các đơn vị anh hùng này biết *thực hiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong đơn vị mình*. Họ biết ra sức phát huy tinh thần tự lực tự cường khai thác các nguồn tiềm năng, phát huy tính chủ động, sự năng nổ của cán bộ, công nhân trong đơn vị. Trước khó khăn, những con người ở đây không chịu bó tay mà luôn luôn vươn tới, cùng nhau cải tạo hoàn cảnh theo nhu cầu của

Digitized by Google

mình. Phát huy tinh thần làm chủ tập thể, họ đã tích cực tác động vào những điều kiện khách quan sẵn có để tạo ra những điều kiện khách quan mới cần thiết cho công việc.

Để làm chủ có hiệu quả, cán bộ, công nhân ở các đơn vị anh hùng này đã luôn luôn rèn luyện để nâng cao mình lên về các mặt trí thức, tư tưởng, tình cảm, ý chí và năng lực tổ chức hoạt động. Tình cảm và ý chí đó là sự định hướng, sự thôi thúc bên trong để chuyển hóa tri thức của họ thành quyết tâm, thành hành động cách mạng hoàn thành nhiệm vụ. Nhiều cán bộ, công nhân Xí nghiệp phim tài liệu và khoa học trung ương và Nhà máy in Tiến bộ đã anh dũng hy sinh trong khi bám chắc vị trí lao động, sản xuất và chiến đấu. Bất chấp mọi gian khổ hy sinh, những người quay phim ở đây đã bám trụ ở những vùng chiến sự nóng bỏng nhất, luôn luôn có mặt ở những vị trí đầy nguy hiểm để kịp thời ghi lại những cảnh máy bay Mỹ bị bắn cháy trên bầu trời Việt nam, những bằng chứng về tội ác của giặc Mỹ và bọn bành trướng Trung quốc...

Có tri thức, có tình cảm và ý chí cách mạng, những con người ở các tập thể anh hùng này lại có năng lực tổ chức hành động. Họ đã biết liên kết các nhân tố người với người, người với cơ sở vật chất để nhân thêm sức mạnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Quá trình phấn đấu thực hiện có hiệu quả cao những nhiệm vụ cách mạng được giao của các đơn vị anh hùng này do vậy cũng là quá trình từng bước xây dựng và rèn luyện, bồi dưỡng ý thức và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của họ.

Tóm lại, các đơn vị anh hùng của ngành văn hóa đã biết khai thác và phát huy cao nhất mọi khả năng của các phương tiện, phương thức hoạt động văn hóa, thật sự làm cho văn hóa gắn bó với cách mạng, phục vụ nhân dân lao động. Trong khi ra sức phục vụ, góp phần nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, các đơn vị anh hùng này đã làm giàu thêm cho kho lưu trữ tư liệu quốc gia hàng chục vạn mét phim, hàng triệu trang in — những tập sử biên niên sống động vô giá, bằng chứng hùng hồn của dáng đứng Việt nam trong những thập kỷ vừa qua, khắc họa rõ thế ứng xử của con người Việt nam trước những thách đố của lịch sử, ghi lại tiến trình của dân tộc Việt nam không ngừng nâng cao tầm vóc của mình trong thời đại mới. Các đơn vị anh hùng của ngành văn hóa đã cung cấp cho chúng ta những bài học kinh nghiệm quý báu, khẳng định hướng đi tích cực cho các đơn vị bạn trong ngành, góp phần thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Digitized by Google

YẾN VÂN

KINH TẾ TIỆP KHẮC — NHỮNG THÀNH TỰU ĐÃ ĐẠT VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

VÀO những năm đầu của thập niên kỷ 80, trong nền kinh tế Tiệp khắc đã xuất hiện nhiều khó khăn không lường trước. Trước hết, đó là những khó khăn do tình hình quốc tế trở nên xấu đi, phần lớn các nước đế quốc đều đẩy mạnh chính sách phân biệt đối xử đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, theo nhận định của UBTƯ ĐCS Tiệp khắc, trong lãnh đạo kinh tế, cũng đã bộc lộ một số mặt yếu kém, thể hiện trước hết ở việc sử dụng không linh hoạt và không nhất quán các nhân tố phát triển theo chiều sâu, ở việc chậm ứng dụng vào thực tiễn những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật. Hậu quả của tình hình đó khiến cho nhịp độ phát triển kinh tế Tiệp khắc trong hai năm đầu của kế hoạch năm năm thứ 7 (1981 — 1985) bị chậm lại.

Trước tình hình đó, UBTƯ ĐCS Tiệp khắc đã kịp thời phân tích tình hình, động viên toàn Đảng, toàn dân kiên quyết tìm ra và sử dụng những nguồn dự trữ, thực hiện nhất quán những nhiệm vụ do Đại hội thứ 16 của Đảng (họp tháng 4-1981) đề ra. Đảng và Chính phủ Tiệp khắc đã thông qua một số biện pháp khẩn cấp nhằm bảo đảm sự cân bằng kinh tế cả bên trong và bên ngoài, tạo ra những tiền đề để khôi phục mức tăng thu nhập quốc dân. Trong những biện pháp đó có việc sửa đổi trong lĩnh vực đầu tư và nhập khẩu, cải tạo cơ cấu sản xuất và tiêu dùng, điều chỉnh giá v.v.

Nhờ những quyết định kịp thời đó của Trung ương Đảng, ngay trong năm 1983, Tiệp khắc đã khôi phục được sự phát triển kinh tế quốc dân, từ đó tiến lên hoàn thành tốt đẹp kế hoạch năm năm thứ 7 (1981 — 1985). Thu nhập quốc dân tăng bình quân 3,2% mỗi năm; năng suất lao động xã hội năm 1985 tăng khoảng 9% so với năm 1980; sản xuất công nghiệp tăng 15%, sản xuất nông nghiệp tăng 9,8% so với kế hoạch năm năm trước.

Năm 1985 so với năm 1970, thu nhập quốc dân tăng 80%, (trong đó 92% mức tăng là do tăng năng suất lao động); sản xuất xã hội tăng 70%, sản xuất nông nghiệp tăng 34%, thu nhập thực tế của nhân dân tăng 109%, mức lương trung bình tăng 50%.

Những thành tựu nói trên đã tạo ra được những tiền đề thực tế cho việc phát triển kinh tế một cách vững chắc và mạnh mẽ trong thời gian tới.

Công nghiệp — ngành chủ yếu trong nền kinh tế Tiệp khắc sử dụng 40% lực lượng lao động của đất nước, đã mang lại 70% thu nhập quốc dân. Các ngành cơ khí, điện, luyện kim chiếm trên 30% tổng sản lượng công nghiệp. Ngành chế tạo máy, được coi là một ngành « truyền thống » của Tiệp khắc, đang phấn đấu bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân những phương tiện sản

Digitized by Google

xuất và kỹ thuật mới. Công nghiệp hóa chất đã xây dựng thêm những ngành mới, sản xuất các chất tổng hợp. Việc quốc hữu hóa các xí nghiệp công nghiệp, quản lý kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân đã tạo điều kiện để Tiệp khắc thực hiện việc tập trung sản xuất cao. So với trước chiến tranh thế giới thứ hai, hiện nay sản lượng công nghiệp tăng 13,5 lần, điều đó có nghĩa là khối lượng sản phẩm công nghiệp làm ra trong vòng chưa đầy một tháng ngày nay, nhiều hơn khối lượng của cả một năm dưới chế độ tư bản, mặc dù trước chiến tranh, Tiệp khắc đã là một trong những nước có công nghiệp phát triển đứng hàng đầu thế giới.

Nông nghiệp, với việc thực hiện hợp tác hóa và cơ khí hóa, đã trở thành nền sản xuất phát triển cao với phương pháp canh tác tiên tiến. Mức tăng sản lượng nông nghiệp bình quân hằng năm là 2% (trong khi mức tăng của Cộng hòa liên bang Đức là 1,4%, Pháp 1,8%, Áo 1,4%...). Tiệp khắc đã vượt nhiều nước tư bản chủ nghĩa về sản lượng một số nông sản chủ yếu tính theo đầu người. So với thời kỳ trước chiến tranh thế giới, sản lượng nông nghiệp Tiệp khắc ngày nay cao gấp đôi, mặc dù số người làm trong nông nghiệp chỉ còn một phần ba và diện tích đất canh tác giảm đi. Do nông nghiệp ngày càng hiện đại hóa, Tiệp khắc đã và sẽ chuyển một số đáng kể lao động nông nghiệp sang các khu vực khác của nền kinh tế quốc dân.

Việc ứng dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất được đặc biệt coi trọng, và được tập trung vào các khâu then chốt như điện tử hóa nền kinh tế quốc dân, tự động hóa đồng bộ và áp dụng các hệ thống sản xuất linh hoạt, phát triển năng lượng hạt nhân, nghiên cứu phát triển các vật liệu mới và công nghệ mới, phát triển công nghệ sinh học. Tiệp khắc đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đông tới gần 20 vạn người. Những đội tổng hợp nghiên cứu việc hợp lý hóa sản xuất gồm công nhân, kỹ thuật viên và chuyên gia các viện khoa học được thành lập trong các xí nghiệp, trực tiếp giải quyết nhanh chóng những vấn đề kỹ thuật đặt ra trong quá trình sản xuất, tạo điều kiện cho guồng máy sản xuất đạt hiệu quả cao. Phong trào sáng chế phát minh được khuyến khích, cổ vũ đã mang lại những lợi ích thiết thực. Trên mặt trận nông nghiệp, hiện nay, ở Tiệp khắc, tất cả các hợp tác xã đều đã có đầy đủ các loại cán bộ kỹ thuật thuộc các ngành trồng trọt, thú y, quản lý kinh tế, sửa chữa máy v.v. có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.

Là nước có nền kinh tế phát triển nhưng nguồn nguyên liệu, vật liệu không được dồi dào, thị trường trong nước hẹp, Tiệp khắc coi việc tham gia *sự liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa* có tầm quan trọng lớn trong việc nâng cao hiệu quả nền kinh tế của đất nước. Với việc tăng cường quan hệ trao đổi kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Tiệp khắc đã giải quyết được 77% nhu cầu nhập khẩu về nhiên liệu, nguyên liệu, 74% nhu cầu nhập khẩu về máy móc, thiết bị, 63% nhu cầu nhập khẩu hàng công nghiệp thường dùng. Đồng thời Tiệp khắc cũng đã xuất sang các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa nhiều máy móc thiết bị, nhiều hàng công nghiệp. Năm 1985 so với năm 1970, tổng kim ngạch ngoại thương tăng gần gấp đôi. Năm 1985 trong kim ngạch ngoại thương Tiệp khắc, phần các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế chiếm trên 74%, riêng phần Liên xô chiếm 55%.

Có thể nói rằng hiện nay ở Tiệp khắc, trong hầu hết các lĩnh vực sản

Digitized by Google

xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật hùng mạnh đã được hình thành, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thiết lập trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, tiềm lực khoa học — kỹ thuật khá lớn.

*

Trên cơ sở những thành tựu về mọi mặt mà Tiệp khắc đã đạt được, ĐCS Tiệp khắc cho rằng vấn đề then chốt hiện nay đối với Tiệp khắc là đẩy nhanh sự phát triển kinh tế — xã hội, nâng cao đáng kể hiệu quả của nền kinh tế quốc dân, từ đó nâng cao mức sống của nhân dân, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân ở mức phát triển cao hơn về chất, và tạo điều kiện ngày càng thuận lợi cho sự phát triển hài hòa của con người.

Dựa trên sự phân tích những khả năng và nhu cầu tiếp tục phát triển xã hội đến năm 2000, Đại hội thứ 17 ĐCS Tiệp khắc, họp tại Pra-ha từ ngày 24-3 đến ngày 28-3 vừa qua, đã đề ra mục tiêu trong 15 năm tới tăng thu nhập quốc dân thêm hai phần ba, trong khi giảm một phần ba tiêu hao năng lượng và 40 — 50% tiêu hao về kim loại, tăng năng suất lao động thêm hai phần ba. Riêng trong kế hoạch năm năm thứ tám (1986—1990), tăng thu nhập quốc dân thêm 18 — 19%, trong đó khoảng 92 — 95% mức tăng phải đạt được do tăng năng suất lao động xã hội. Điều này đòi hỏi nhịp điệu tăng thu nhập quốc dân hằng năm phải đạt 3,5% và những chỉ số tăng đó được thực hiện trong điều kiện không tăng khối lượng nguyên liệu, vật liệu và năng lượng.

Đại hội khẳng định việc bảo đảm thực hiện mục tiêu này là nhiệm vụ cơ bản của chiến lược kinh tế của Đảng dựa trên *sự phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế theo chiều sâu*. Biện pháp chủ yếu gồm đẩy nhanh việc áp dụng những tiến bộ khoa học—kỹ thuật và phương pháp công nghệ mới vào sản xuất, giảm đến mức thấp nhất chi phí sản xuất, triệt để thực hiện chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học—kỹ thuật của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế từ nay đến năm 2000; thực hiện những thay đổi về cơ cấu sản xuất, cải tiến công tác quản lý và kế hoạch hóa, vận dụng cơ chế kinh tế, bảo đảm sự tham gia ngày càng tăng và có hiệu quả của người lao động vào công tác quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn và phát huy tính năng động của người lao động. Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ thiết lập và tăng cường ở khắp mọi nơi tính tổ chức và kỷ luật, động viên tất cả mọi người vào lao động sáng tạo, kiên quyết chống bệnh công thức, bảo thủ, trì trệ, lười biếng, xâm phạm của công, vô kỷ luật và những thói quen của lối làm việc cũ, thay đổi tâm lý và phương pháp hoạt động của con người.

Để thúc đẩy kinh tế phát triển theo chiều sâu, việc kết hợp chặt chẽ hơn nữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, nâng cao sự khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với người lao động và củng cố nguyên tắc phân phối theo lao động được đặt ra một cách nghiêm túc. Theo nghị quyết của Đại hội, trong 15 năm tới, mức tiêu thụ của nhân dân sẽ tăng ít nhất 50%, khoảng 1,5 triệu căn hộ sẽ được xây dựng thêm. Hàng công nghiệp tiêu dùng, nhất là các sản phẩm cơ khí và điện tử có chất lượng

Digitized by Google

cao sẽ tăng nhanh. Văn minh thương nghiệp và các dịch vụ sẽ được cải tiến và mở rộng. Các nhu cầu của nhân dân về giáo dục, y tế, xã hội, nhà ở, giải trí, môi trường và các nhu cầu khác liên quan đến việc nâng cao mức sống của nhân dân sẽ được ưu tiên đáp ứng.

Đảng cộng sản Tiệp khắc cho rằng việc phát triển kinh tế theo chiều sâu—con đường duy nhất để đưa đất nước Tiệp khắc tiến lên, là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp. Nhiệm vụ đó phải được sự tham gia chủ động, tích cực của toàn dân; do vậy yếu tố quyết định trong việc thực hiện kế hoạch là con người. Vì lẽ đó, cùng với việc động viên sự sáng tạo của người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao hơn nữa mức sống của nhân dân, Đảng đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên của Đảng phải không ngừng phấn đấu hết sức mình để nâng cao trình độ về mọi mặt, gương mẫu trong mọi việc và trong lối sống, xứng đáng với vai trò của mình trong giai đoạn mới, kiên quyết lãnh đạo quần chúng thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng.

★

Cùng với niềm phấn khởi đạt dào đón mừng những kết quả rực rỡ của Đại hội thứ 17 Đảng cộng sản Tiệp khắc, nhân dân Tiệp khắc đang tưng bừng kỷ niệm 65 năm thành lập Đảng (16-5-1921 — 16-5-1986). Trong những ngày đáng ghi nhớ này, những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam gửi tới những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân Tiệp khắc những lời chào mừng nhiệt liệt nhất. Xin chúc nhân dân Tiệp khắc dưới sự lãnh đạo của ĐCS Tiệp khắc, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Gu-xta-vơ Hu-xắc kính mến, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội thứ 17 của Đảng, đưa đất nước Tiệp khắc tiến mạnh hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển, tiến lên chủ nghĩa cộng sản, góp phần tích cực hơn nữa vào việc tăng cường sức mạnh của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vị trí của chủ nghĩa xã hội trong cuộc thi đua hòa bình với chủ nghĩa tư bản.

Digitized by Google

LÊ TỊNH

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG QUAN TRỌNG TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA RU-MA-NI

ĐẢNG cộng sản Ru-ma-ni đề ra mục tiêu đến năm 2000 sẽ đưa Ru-ma-ni vốn là một nước nông nghiệp lạc hậu trước đây, một nước công nông nghiệp đang phát triển hiện nay, thành một nước công nông nghiệp phát triển, có công nghiệp tiên tiến, nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật phát triển cao, toàn thể nhân dân đều có mức sống cao, phù hợp với tiêu chuẩn khoa học, phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần. Theo dự định, đến cuối thế kỷ này, bằng cách sử dụng những công nghệ kỹ thuật mới nhất, công nghiệp và các ngành kinh tế then chốt khác của Ru-ma-ni sẽ được tự động hóa, điều khiển tự động hóa và người máy hóa ở mức cao. Trình độ kỹ thuật, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm của Ru-ma-ni sẽ vươn lên vào loại tiên tiến nhất thế giới.

Những phương hướng chủ yếu nhằm đạt được các mục tiêu nói trên là ra sức áp dụng những thành quả mới nhất của khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ hiện đại hóa sản xuất, chủ yếu là công nghiệp và nông nghiệp, không ngừng hoàn thiện cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, nhanh chóng nâng cao năng suất lao động, tận dụng nguyên liệu và các nguồn năng lượng giảm mạnh chỉ tiêu tiêu hao vật chất, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả hàng xuất khẩu của Ru-ma-ni trên thế giới.

Để không ngừng hoàn thiện cơ cấu công nghiệp, vấn đề hàng đầu là củng cố hơn nữa cơ sở nguyên liệu, năng lượng trong nước, từng bước bảo đảm khả năng tự túc của Ru-ma-ni trên lĩnh vực năng lượng. Vì vậy, một mặt, phải tập trung ưu tiên phát triển ngành khai thác và ngành năng lượng. Mặt khác, coi trọng việc tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng trong tiêu dùng và trong sản xuất. Đồng thời, đặc biệt chú trọng phát triển các ngành có tác dụng như là đòn bẩy thúc đẩy kỹ thuật phát triển, tạo nên năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, có sức cạnh tranh lớn như công nghiệp điện tử, máy tính, thiết bị vi điện tử, công nghiệp đóng tàu. Phương hướng cơ bản của công nghiệp là phát triển theo chiều sâu, khai thác tiềm năng hiện có, tập trung cải tạo và nâng cao kỹ thuật hiện có, hết sức hạn chế việc sử dụng vốn để tăng thêm năng lực sản xuất, cố gắng tới mức cao nhất để đưa chỉ tiêu tiêu hao năng lượng và nhiên liệu xuống mức thấp nhất, nhằm đạt trình độ cao của thế giới về lĩnh vực này.

Ru-ma-ni dự kiến trong vòng một chục năm tới, bằng cách ưu tiên phát triển điện nguyên tử và đa dạng hóa ngành năng lượng điện, sẽ tự trang trải được nhu cầu về năng lượng.

Digitized by Google

Nông nghiệp, bao gồm trồng trọt, chăn nuôi và đánh cá là ngành cơ bản thứ hai của kinh tế Ru-ma-ni. Cùng với việc xác định công nghiệp là ngành chủ đạo và quyết định việc hiện đại hóa toàn bộ nền kinh tế, Ru-ma-ni coi nông nghiệp là cơ sở của kinh tế quốc dân. Để tập trung phát triển nông nghiệp, liên tục trong mấy kế hoạch năm năm vừa qua và trong tương lai, Ru-ma-ni dành cho nông nghiệp mức độ tăng vốn đầu tư cao nhất so với tất cả các ngành kinh tế khác. Hiện nay, một cuộc cách mạng thật sự đang diễn ra trong nông nghiệp Ru-ma-ni. Mục đích của cuộc cách mạng này là nhằm tăng cường hơn nữa cơ sở kỹ thuật của nông nghiệp, cải tiến tổ chức lao động và cơ cấu sản xuất nông nghiệp, thay đổi cả cách lao động, cách sống và cách tư duy của nông dân tập thể, nhằm làm cho nông dân theo kịp yêu cầu của công nghiệp hóa, kỹ thuật hiện đại. Trên cơ sở đó, thúc đẩy nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sản xuất và đời sống toàn xã hội. Cho rằng điều quan trọng nhất trong nông nghiệp là đẩy mạnh việc cải tạo đất bằng cách không ngừng mở rộng diện tích được tưới nước, Ru-ma-ni đang phấn đấu để đến năm 1990, 60% diện tích nông nghiệp được tưới nước theo một hệ thống thủy lợi hiện đại, toàn bộ sản xuất nông nghiệp được cơ khí hóa, với lượng phân bón không ngừng tăng lên. Ngành chăn nuôi với các giống vật thường xuyên được đổi mới sẽ cho sản lượng và chất lượng thịt ngày càng cao.

Đi đôi với quá trình phát triển kinh tế, vấn đề tập trung vốn ngày càng trở thành vấn đề gay gắt. Thực tiễn cho thấy, giữa một bên là nhu cầu phát triển kinh tế và tăng thu nhập quốc dân — nguồn duy nhất để nâng cao mức sống và mở rộng sản xuất — và một bên là phần thu nhập dành cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân và xã hội, có mối liên hệ rất chặt chẽ. Việc xác định một tỷ lệ hợp lý giữa tiêu dùng và tích lũy trong một lượng thu nhập quốc dân nhất định trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu của các nước. Trong suốt 20 năm qua, Ru-ma-ni đã dành trên 30% thu nhập quốc dân hằng năm cho tích lũy. Đó là mức tích lũy khá cao và là yếu tố quan trọng nhất bảo đảm cho Ru-ma-ni đạt được những thành tựu kinh tế hiện nay.

Hiện nay, Ru-ma-ni đã xây dựng được một tiềm lực kinh tế cho phép chuyển mạnh sang việc phát triển theo chiều sâu, chú trọng khai thác những tiềm năng đã có, đẩy mạnh việc nâng cấp xí nghiệp và thiết bị đã được xây dựng, dành vốn cho những công trình trọng điểm có ý nghĩa lâu dài. Trong điều kiện phát triển theo chiều sâu, Ru-ma-ni coi trọng năng suất và hiệu quả, ra sức nâng cao hiệu suất đồng vốn, sao cho mỗi đồng lây bỏ ra sẽ thu về hiệu quả cao nhất. Điều đó nhằm bảo đảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế ở mức trung bình và ổn định trong khi vốn đầu tư chỉ tăng ở mức thấp hơn. 20 năm qua, ở Ru-ma-ni bình quân hằng năm vốn đầu tư tăng trên 8%, nay dự kiến trong những năm 1986 — 1990, mỗi năm chỉ tăng 1,3 — 2,5%.

Phát triển lực lượng sản xuất phải đi đôi với không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất, cải tiến tổ chức và quản lý kinh tế. Về mặt này, Ru-ma-ni đang phấn đấu phát triển kinh tế theo một kế hoạch thống nhất trong phạm vi cả nước, kết hợp hài hòa yêu cầu của tất cả các ngành kinh tế, trước hết là của công nghiệp và nông nghiệp, của công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ; gắn liền phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục và y tế. Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế được coi là nội dung cơ bản của việc không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất. Nguyên tắc quan trọng

Digitized by Google

được áp dụng trong cơ chế quản lý là tự quản trong sản xuất và tự chủ về tài chính. Ở Ru-ma-ni, tất cả các đơn vị kinh tế cũng như toàn bộ kinh tế quốc dân đang phấn đấu để xác lập một cơ chế có thể phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo, tự nguyện, tự giác của quần chúng và cơ sở, coi đó là nhân tố quan trọng nhất để không ngừng nâng cao năng suất lao động, phát triển sản xuất.

Trong cải tiến cơ chế quản lý, Ru-ma-ni coi trọng vận dụng quy luật giá trị và các quy luật kinh tế khách quan khác, ra sức khắc phục mọi biểu hiện của lối điều hành kinh tế bằng ý muốn chủ quan, bằng chủ nghĩa duy ý chí, bất chấp quy luật khách quan, đồng thời đấu tranh chống lối buông lỏng để cho quy luật tự nó chi phối sản xuất và thị trường. Với tinh thần đó, Ru-ma-ni đang cố gắng xây dựng cơ chế kinh tế và tài chính mới theo nguyên tắc giữ vững kế hoạch hóa, kết hợp một cách khoa học tập trung và dân chủ, quản lý hành chính và tự quản của quần chúng. Cơ chế quản lý kinh tế Ru-ma-ni chú ý sử dụng rộng rãi các đòn bẩy kinh tế, gắn thu nhập của người lao động với kết quả lao động, dùng kích thích vật chất và tinh thần để không ngừng nâng cao năng suất và hiệu quả.

Ru-ma-ni coi nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển kinh tế xã hội là cải cách hệ thống giáo dục theo hướng kết hợp giáo dục với thực hành sản xuất và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Đồng thời, tăng cường việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật, nâng cao trình độ văn hóa và kiến thức khoa học kỹ thuật cho toàn thể nhân dân. Trong những năm qua, Ru-ma-ni đã dành một số vốn khá lớn đầu tư vào giáo dục và khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội

Ru-ma-ni coi trọng việc phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài, trước hết là với các nước xã hội chủ nghĩa trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Theo tinh thần Đại hội thứ 13 của Đảng cộng sản Ru-ma-ni, Ru-ma-ni cố gắng góp phần vào các hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế, phấn đấu thực hiện tốt sự phân công và hợp tác trong sản xuất và trong nghiên cứu khoa học giữa Ru-ma-ni và các nước thành viên khác, góp phần làm cho Hội đồng tương trợ kinh tế ngày càng giữ vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các nước thành viên.

Trên đây là một số định hướng quan trọng trong kế hoạch năm năm phát triển kinh tế xã hội thứ 8 (1986—1990) và cho đến năm 2000 được thông qua tại Đại hội thứ 13 Đảng cộng sản Ru-ma-ni tiến hành vào tháng 11 năm 1984. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Ru-ma-ni, nhân dân Ru-ma-ni anh em đang ra sức biến chiến lược kinh tế của Đảng thành hiện thực. Hiện nay nhân dân Ru-ma-ni đang tưng bừng kỷ niệm thứ 65 ngày thành lập Đảng cộng sản Ru-ma-ni (8-5-1921 — 8-5-1986). Nhân dịp này, những người cộng sản và nhân dân Việt nam gửi đến những người cộng sản và nhân dân Ru-ma-ni anh em lời chúc mừng nhiệt liệt. Chúng ta tin rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Ru-ma-ni đứng đầu là đồng chí Xê-au-xe-xcu, mặc dù còn nhiều khó khăn như chính các đồng chí lãnh đạo Ru-ma-ni đã nhiều lần vạch ra, nhân dân Ru-ma-ni sẽ giành được những thành tựu ngày càng to lớn trên con đường tiến tới những mục tiêu đã xác định. Chúng ta chân thành mong muốn phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa Việt nam và Ru-ma-ni theo tinh thần hữu nghị và đoàn kết xã hội chủ nghĩa vốn có giữa hai Đảng và nhân dân hai nước chúng ta.

Digitized by Google

ПЕРЕДОВАЯ–Успешно провести кампанию критики и самокритики, подготовить партийные конференции всех уровней. ЛЕ ДЫК ТХО– Неотложные задачи работы по партийному строительству. ★★★–Подготовить и успешно провести партийные конференции всех уровней. ВО ВАН КИЕТ. экономическая стратегия Советского Союза. ЧИНЬ МЫУ – Товарищ Нгуен Ай Куок на первом съезде Крестьянского интернационала. ПАНТЕЛЕЕВ–На крутом повороте. ХОНГ ТЬЮНГ–Идеологическая работа коммунистической партии Советского Союза на новом этапе развития советской страны. ЙЕН ВАН – Экономика ЧССР – достигнутые успехи и направления. ЛЕ ТИНЬ–Важнейшие ориентации в плане экономического развития Румынии.

REVIEW OF COMMUNISM N° 5-1986

Editorial – Criticism and self-criticism work must be well carried out in preparations for the Party's Congresses at all levels. LÊ ĐỨC THỌ – Some urgent tasks in the Party-building work. ★★★ – Let us well prepare and conduct the Party's Congresses at all levels. VÕ VĂN KIỆT – The Soviet Union's economic strategy. TRỊNH MƯU – Comrade Nguyễn Ái Quốc at the First Conference of the Peasants' Internationale. PANTELEEV – At a sharp turning-point. HỒNG CHƯƠNG – The ideological work of the Communist Party of the Soviet Union in the new stage of development of the USSR. YẾN VÂN – Czechoslovakia's economy – Its achievements and orientations of development LÊ TỊNH – Some important orientations in the plan of economic development of Rumania.

REVUE DU COMMUNISME N° 5-1986

Editorial – Mener à bien la campagne de critique et d'auto-critique en vue des Congrès des différentes instances du Parti. LÊ ĐỨC THỌ – Les tâches urgentes du travail d'édification du Parti. ★★★ – Préparer et mener à bien les Congrès des différentes instances du Parti. VÕ VĂN KIỆT – La stratégie économique de l'Union soviétique. TRỊNH MƯU – Le camarade Nguyễn Ái Quốc à la Première Conférence de l'Internationale des Paysans. PANTELEEV – Aun tournant brusque. HỒNG CHƯƠNG – Le travail idéologique du Parti communiste de l'Union soviétique dans la nouvelle étape de développement du pays des Soviets. YẾN VÂN – L'économie de la Tchécoslovaquie – réalisations et orientations de développement. LÊ TỊNH – Quelques orientations importantes dans le plan de développement économique de la Roumanie.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 5-1986

Editorial – Realizar bien la jornada de autocrítica y crítica y preparar el congreso del Partido en sus respectivos niveles. LÊ ĐỨC THỌ – Las apremiantes tareas en el trabajo de contruccion del Partido. ★★★ – Preparar y organizar bien el congreso del Partido en sus respectivas organizaciones. VÕ VĂN KIỆT – La estrategia económica de la Unión Soviética. TRỊNH MƯU El camarada Nguyễn Ái Quốc al primer Congreso de la Internacional Campesina. PANTELEEV – En el brusco viraje. HỒNG CHƯƠNG – El trabajo ideológico del Partido Comunista de la Unión Soviética en el nuevo periodo de desarrollo de la patria soviética. YẾN VÂN – Economía de Checoslovaquia: sus realizaciones y su orientación de desarrollo. LÊ TỊNH – Algunas orientaciones importantes del plan de desarrollo económico en Rumania.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 5-1986. NĂM THỨ XXXII (365)

Mục lục

Xã luận – Tiến hành tốt đợt tự phê bình và phê bình, chuẩn bị Đại hội các cấp của Đảng 1
Lời Hồ Chủ tịch 6
LÊ ĐỨC THỌ – Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng 9
★★★ – Chuẩn bị và tiến hành tốt Đại hội đảng bộ các cấp 22
VÕ VĂN KIỆT – Chiến lược kinh tế của Liên xô 27
E. CÔ-BÊ-LÉP – Hồ Chí Minh 33
TRỊNH MƯU – Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị thứ nhất Quốc tế nông dân 41
LÊ XUÂN VŨ – Con người mới Việt nam trong ánh sáng tư tưởng văn hóa của Bác Hồ 46
★ – Cuộc hành trình của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp năm 1946 (Biên niên tóm tắt) 52
PAN-TÊ-LÊ-ÉP – Ở bước ngoặt đột ngột 59
HỒNG CHƯƠNG – Công tác tư tưởng của Đảng cộng sản Liên xô trong thời kỳ phát triển mới của đất nước xô viết 68
Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng
– TRẦN VĂN PHÁC – Sự nghiệp văn hóa trong chặng đường trước mắt 76
– NGUYỄN XUÂN QUỲNH – Xây dựng và phát triển ngành điện tử và tin học 82
– NGUYỄN LÂN DŨNG – Xây dựng và phát triển công nghệ sinh học 86
Thư gửi Bộ biên tập 90
HỮU ĐỨC – Từ vùng «đất chết» đi lên 91
TRẦN ANH – Qua các đơn vị anh hùng của ngành văn hóa 97
YẾN VÂN – Kinh tế Tiệp khắc – Những thành tựu đã đạt và phương hướng phát triển 100
LÊ TỊNH – Một số định hướng quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế của Ru-ma-ni 104

Trụ sở Bộ biên tập:

1, Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19, Phạm Ngọc Thạch – T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

KỶ NIỆM THỨ 96 NGÀY SINH
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19-5-1890 — 19-5-1986)

Các bạn tìm đọc:

HỒ CHÍ MINH

- Về Đảng cầm quyền
- Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân (tái bản)

LÊ DUẨN

- Chủ tịch Hồ Chí Minh — lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta

TRẦN DÂN TIÊN

- Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6đ00

Digitized by Google

HX
9
.A68B

Tạp chí Cộng sản

...v. of MICH.
NOV 1 0 1986
Current Serials

6

6.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

Đổi mới quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở

NHỮNG năm vừa qua, thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới quản lý kinh tế, chúng ta đã thu được những kết quả bước đầu trong việc khắc phục những trói buộc của cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, từng bước phát huy quyền chủ động, sáng tạo của các cấp và các ngành, nhất là của các đơn vị kinh tế cơ sở. Nhiều điển hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả khá cao trong nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đã xuất hiện, đem lại những kinh nghiệm quý, tác động mạnh đến việc thay đổi tư duy kinh tế của cán bộ và góp phần nâng cao một bước trình độ lãnh đạo và quản lý kinh tế của các cấp, các ngành.

Tuy vậy, đến nay cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp về cơ bản chưa bị xóa bỏ, cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa chưa hình thành. Các chế độ quản lý mới ban hành còn chắp vá, thiếu đồng bộ. Các thể chế về quản lý kinh tế vẫn còn mang nặng tính chất mệnh lệnh hành chính, chưa khuyến khích và thúc đẩy cơ sở chuyển mạnh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật, tham ô, lãng phí... phát triển ở nhiều nơi, gây ra những hậu quả xấu về kinh tế và xã hội. Trong việc tổ chức điều hành vừa thiếu dân chủ lại vừa buông lỏng kỷ luật và pháp luật.

Tất cả những cái đó đã hạn chế việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị kinh tế cơ sở trong sản xuất kinh doanh; mặt khác không bảo đảm được quyền quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước.

Digitized by Google

Vì vậy trong cuộc họp gần đây, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã quyết định phải kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước, đồng thời đổi mới cơ chế quản lý chung. Hai việc này có liên quan khăng khít, tác động lẫn nhau. Việc đổi mới cơ chế quản lý chung tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc phát huy quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của cơ sở; ngược lại, việc bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của cơ sở lại có tác động lớn đến việc đổi mới cơ chế quản lý chung, làm cho cơ chế quản lý mới chóng hình thành và ngày càng hoàn thiện. Cần thấy rõ tầm quan trọng của các đơn vị kinh tế cơ sở: đó là nền tảng của tổ chức kinh tế — xã hội, là nơi sản xuất mọi của cải vật chất, nơi nhân dân lao động tiến hành ba cuộc cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, nơi chằng chịt mọi đường dây của quản lý, mà nếu ta làm được thông suốt thì toàn bộ công tác quản lý kinh tế của đất nước sẽ càng có cơ sở để đổi mới mạnh mẽ.

Việc đổi mới quản lý lần này phải **nhằm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy mạnh mẽ động lực làm chủ của nhân dân lao động, nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở và của các cấp, các ngành, để đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, phát triển sản xuất, kinh doanh với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.** *Trên cơ sở đó, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân lao động; tạo ra và tăng thêm nguồn tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn phá hoại của địch, đấu tranh có hiệu quả chống các hiện tượng tiêu cực, bảo vệ tốt tài sản xã hội chủ nghĩa, tăng cường quốc phòng và an ninh.*

Được tiến hành trong điều kiện nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, nền kinh tế còn nhiều thành phần và đang mất cân đối nghiêm trọng về nhiều mặt, tình hình kinh tế, xã hội chưa ổn định..., việc đổi mới quản lý lần này phải rất sát hợp với thực tiễn của nước ta. Nó đòi hỏi chúng ta phải biết vận dụng sáng tạo những nguyên tắc cơ bản của chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, phải thực hiện đúng **nguyên tắc tập trung dân chủ** *trong quản lý kinh tế. Cần phải hiểu sâu sắc rằng, việc bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở là cực kỳ quan trọng, song việc đó tuyệt đối không được tách rời mà còn phải góp phần thúc đẩy việc tăng cường sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước trung ương. Làm khác đi là vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, một nguyên tắc cơ bản của quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, gây thiệt hại cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.*

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp phải trên cơ sở **lấy kế hoạch làm trung tâm; vận dụng các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội, đồng thời sử dụng đúng đắn quy luật giá trị và quan hệ hàng hóa — tiền tệ,** *gắn sản xuất với lưu thông. Chống bảo thủ, trì trệ, quan liêu, đồng thời chống tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật.*

Phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Gắn quyền hạn, lợi ích với trách nhiệm và nghĩa vụ; kết hợp **ba lợi ích,** *bảo đảm lợi ích toàn xã hội,*

Digitized by Google

chú ý thích đáng lợi ích của cơ sở và của người lao động. Kết hợp chặt chẽ **ba loại biện pháp** *trong quản lý, lấy biện pháp kinh tế làm cơ bản.* **Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.**

★

Trong sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch, các xí nghiệp quốc doanh phải hoàn toàn **tự chịu trách nhiệm** *về lời, lỗ, phấn đấu giảm chi phí để kinh doanh có lãi.*

Để làm tốt việc đổi mới quản lý lần này, cần nắm vững và thực hiện tốt những vấn đề cơ bản sau đây về cơ chế quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở.

1. Về kế hoạch hóa.

Căn cứ vào hướng dẫn của cơ quan quản lý trực tiếp, vào khả năng cân đối vật tư từ các nguồn và tiêu thụ sản phẩm thông qua các đơn đặt hàng và các hợp đồng kinh tế, xí nghiệp **chủ động xây dựng kế hoạch của mình** *và trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xét duyệt. Đương nhiên, đó phải là một kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính — xã hội thống nhất, thể hiện mọi hoạt động sản xuất kinh doanh xã hội của xí nghiệp, không phân biệt nguồn cân đối vật tư, kể cả những mặt hàng ngoài thiết kế ban đầu. Để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, các xí nghiệp sẽ được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp sớm thông báo số hướng dẫn kế hoạch, các vật tư, dịch vụ được cung ứng và các tổ chức cung ứng vật tư, dịch vụ được chỉ định để xí nghiệp ký hợp đồng, các định mức, tiêu chuẩn kinh tế — kỹ thuật, các chính sách khuyến khích của Nhà nước, các thông tin kinh tế kỹ thuật trong nước và thế giới có liên quan v.v.*

Tùy tình hình cụ thể, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao cho mỗi xí nghiệp từ **1 đến 3 chỉ tiêu pháp lệnh**; *ngoài ra có thể có những* **chỉ tiêu hướng dẫn** *cần thiết.*

Từ nay xí nghiệp chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, và xí nghiệp phải **bảo vệ, nhận kế hoạch và chịu sự xét duyệt hoàn thành kế hoạch** *trước thủ trưởng cơ quan ấy.*

Các xí nghiệp cũng phải **củng cố và tăng cường hạch toán kinh tế** *một cách thật sự.*

2. Về cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm, kể cả thông qua xuất nhập khẩu.

Điều cơ bản là phải chuyển việc cung cấp vật tư sang mua bán vật tư giữa xí nghiệp và tổ chức vật tư thông qua hợp đồng kinh tế. Vì vậy phải tổ chức lại hệ thống các cơ quan cung ứng vật tư, và chuyển hoạt động của các cơ quan này sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nói chung, cần bảo đảm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh được nhận vật tư ở đâu mới thuận lợi nhất, theo con đường ngắn nhất.

Digitized by Google

Để tự cân đối thêm vật tư, các xí nghiệp có quyền liên kết, liên doanh với các đơn vị kinh tế khác, được mua trực tiếp hoặc mua qua hợp đồng ký với các cơ sở sản xuất, các cơ sở thương nghiệp, những nguyên liệu do kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và kinh tế gia đình sản xuất.

Về tiêu thụ sản phẩm, trừ những sản phẩm tươi sống và sản phẩm ngoài danh mục Nhà nước thống nhất quản lý, các xí nghiệp phải **tiêu thụ theo kế hoạch** *và theo hợp đồng kinh tế, không được dùng hàng hóa do mình làm ra hoặc kinh doanh, kể cả hàng hóa sản xuất phụ, để bán rẻ hoặc thưởng cho công nhân, viên chức, cán bộ.*

Xí nghiệp được quyền tạo thêm nguồn vật tư và tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng **xuất nhập khẩu** *theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Những liên hiệp các xí nghiệp và xí nghiệp lớn có đủ điều kiện thì được Nhà nước cho phép trực tiếp xuất nhập khẩu, giao dịch, liên kết kinh tế với nước ngoài.*

Mọi tổ chức xuất nhập khẩu đều phải đặt dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước về ngoại thương và ngoại hối.

3. Về quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp.

Ngoài một phần vốn Nhà nước cấp ban đầu, vốn khấu hao cơ bản và lợi nhuận để lại cho xí nghiệp, xí nghiệp được **tự tạo thêm vốn tự có** *chủ yếu bằng cách ra sức phát triển sản xuất, tăng năng suất và hạ giá thành sản phẩm để tăng thêm phần lợi nhuận xí nghiệp được hưởng.*

Xí nghiệp được **vay** *ngân hàng và nếu ngân hàng chưa đáp ứng yêu cầu thì được tạm thời huy động vốn của công nhân viên chức trong xí nghiệp với lãi suất thích đáng theo sự hướng dẫn của ngân hàng.*

Xí nghiệp được **sử dụng vốn tự có và vốn vay,** *bao gồm cả* **vốn ngoại tệ,** *sử dụng linh hoạt các loại quỹ của xí nghiệp (song cuối năm phải trả lại các khoản sử dụng linh hoạt đó cho các quỹ) để phát triển sản xuất, kinh doanh.*

Xí nghiệp được giữ một mức tồn quỹ nhất định về tiền mặt cần thiết cho sản xuất, kinh doanh hàng ngày theo **kế hoạch tiền mặt đã đăng ký với ngân hàng.**

Các xí nghiệp có quỹ ngoại tệ phải gửi tại ngân hàng, và được sử dụng ngoại tệ theo đúng quy định của Nhà nước.

Để bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp, Nhà nước sẽ **ban hành chính sách mới về tài chính có liên quan đến xí nghiệp** *theo nguyên tắc bảo đảm cho xí nghiệp tích tụ được vốn nhanh hơn và tăng thêm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.*

Mặt khác, Nhà nước cần **nhanh chóng chuyển hướng tổ chức và cơ chế hoạt động của ngân hàng,** *sửa đổi các chính sách, chế độ, thủ tục đã lỗi thời.*

4. Về định giá.

Nhà nước **định giá** *đối với những vật tư, sản phẩm trọng yếu do Nhà nước thống nhất quản lý, và định* **khung giá** *hoặc* **giá chuẩn** *đối với những*

Digitized by Google

mặt hàng quan trọng khác. Đối với những mặt hàng quan trọng này, xí nghiệp được chủ động xây dựng phương án giá trong khung giá và giá chuẩn do Nhà nước quy định và bảo vệ trước cơ quan duyệt giá.

Đối với những mặt hàng khác, xí nghiệp được định giá tiêu thụ trong khung giá do chính quyền địa phương quy định hoặc tự định giá trên cơ sở tính toán chính xác giá thành, chống chạy theo cơ chế thị trường tự do.

Xí nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật giá của Nhà nước.

5. Về lao động, tiền lương.

Giám đốc xí nghiệp được quyền tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng lao động theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh, khen thưởng, thi hành kỷ luật, cho thôi việc đối với công nhân viên chức trên cơ sở pháp luật của Nhà nước.

Xí nghiệp căn cứ vào thang, bảng lương của Nhà nước để tính quỹ lương kế hoạch, được chủ động áp dụng các hình thức trả lương, thưởng, mở rộng các hình thức lương khoán, lương theo sản phẩm.

Mặt khác, Nhà nước sẽ khẩn trương sửa đổi những quy định bất hợp lý trong chế độ tiền lương hiện hành để quán triệt hơn nữa nguyên tắc phân phối theo lao động.

6. Về khoa học và kỹ thuật.

Xí nghiệp được quyền chủ động quyết định các phương án kỹ thuật của sản xuất và sản phẩm, tổ chức liên kết với các cơ quan nghiên cứu khoa học dưới mọi hình thức. Khi cần thiết, xí nghiệp có thể lập các tổ chức nghiên cứu thực nghiệm kỹ thuật, các đơn vị chế thử v.v. Xí nghiệp cũng được quyền chủ động sử dụng các nguồn vốn khác nhau để tổ chức các hoạt động khoa học — kỹ thuật.

Về phía mình, Nhà nước để lại cho xí nghiệp trong một số năm phần lợi nhuận thu thêm nhờ áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật để đưa vào các quỹ của xí nghiệp; chuyển các viện nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật về cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc gắn các viện này với hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở.

7. Thực hiện đúng đắn cơ chế « Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý » và chế độ một thủ trưởng trong quản lý kinh tế ở cơ sở.

Đảng ủy xí nghiệp *có nhiệm vụ làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng đảng bộ và các đoàn thể quần chúng trong xí nghiệp, công tác cán bộ, công tác kiểm tra và tạo mọi thuận lợi cho giám đốc làm tròn nhiệm vụ của mình.*

Tập thể **công nhân viên chức**, *thông qua hoạt động của tổ chức công đoàn và nhiều hình thức khác, có quyền hạn và nhiệm vụ: tham gia xây dựng kế hoạch kinh tế — xã hội, tham gia quyết định việc sử dụng hợp lý các loại quỹ, quyết định việc sử dụng quỹ phúc lợi của xí nghiệp, góp ý kiến vào mọi mặt công tác cán bộ ở xí nghiệp, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh và việc thực hiện các chính sách, chế độ quản lý kinh tế của giám đốc, quyết định nội quy của xí nghiệp phù hợp với chế độ, luật lệ của Nhà nước. Họ còn có*

Digitized by Google

trách nhiệm xây dựng đơn vị mình thành một tập thể lành mạnh, đoàn kết, có kỷ luật và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao

Giám đốc *có quyền hạn và chịu trách nhiệm về: xây dựng kế hoạch, điều hành sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã được cấp trên phê chuẩn; ra quyết định về tổ chức bộ máy quản lý và bố trí đội ngũ cán bộ giúp việc, trên cơ sở tham khảo ý kiến của công nhân viên chức xí nghiệp và bàn bạc thống nhất với đảng ủy, (riêng, kế toán trưởng do Nhà nước bổ nhiệm; các phó giám đốc do cấp trên quyết định dựa trên cơ sở đề nghị của giám đốc sau khi thống nhất ý kiến với Đảng ủy); tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật đối với công nhân viên chức, kể cả cho thôi việc những người không làm tròn nhiệm vụ theo hợp đồng, sau khi đã tham khảo ý kiến của cơ quan lãnh đạo công đoàn; tổ chức, điều khiển lực lượng an ninh và tự vệ để bảo vệ tài sản xí nghiệp. Sẽ sớm ban hành Điều lệ giám đốc xí nghiệp và làm thử việc bổ nhiệm giám đốc trên cơ sở công nhân viên chức bỏ phiếu tín nhiệm.*

Ngoài những vấn đề cơ bản nói trên, Đảng ta cũng đã đề ra những nguyên tắc đúng làm cơ sở cho việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh.

Đảng ta cũng đã đề ra một số chủ trương mới đối với sản xuất tiểu, thủ công nghiệp (gồm cả kinh tế tập thể lẫn kinh tế gia đình và kinh tế cá thể, tư nhân). Đảng còn đòi hỏi phải thực hiện đúng tinh thần và nội dung Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương (khóa V) và các chỉ thị của Đảng và Nhà nước đã ban hành. Phải tổng kết công tác quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, chuẩn bị đề án về cơ chế quản lý đối với các đơn vị kinh tế tập thể, gắn với đổi mới cơ chế quản lý chung trong nông nghiệp để Bộ chính trị thảo luận và quyết định trong năm 1986. Tinh thần chung của những chủ trương đó là hướng tới việc xây dựng một cơ chế quản lý thích hợp nhằm phát huy đầy đủ tiềm năng, và hướng hoạt động của các khu vực sản xuất tiểu, thủ công nghiệp và nông nghiệp theo đúng quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

★

Việc đổi mới quản lý kinh tế đối với các đơn vị kinh tế cơ sở cần tiến hành một cách tích cực, vững chắc, có bước đi thích hợp, có biện pháp đồng bộ, có hệ thống trong mọi bước.

Trước hết cần phổ biến rộng rãi « Nghị quyết của Bộ chính trị (dự thảo) về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở » trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, làm cho mọi người đều thấm nhuần và tích cực thi hành Nghị quyết, **biến thành phong trào cách mạng sôi nổi ở cơ sở, ở mọi cấp, mọi ngành.**

Trong việc quán triệt và thi hành Nghị quyết, cần chống hai khuynh hướng sai lầm sau đây:

Một là, *bảo thủ, trì trệ, không chịu đổi mới và không quyết tâm đổi mới cơ chế quản lý.*

Hai là, *tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, tự ý « xé rào » ngay cả đối với những quy định mới của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở.*

Cả hai khuynh hướng trên đều trái với nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế, đều gây cản trở đối với việc thực hiện Nghị quyết của Đảng

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

HỘI NGHỊ THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA V)

CUỐI tháng 5 – đầu tháng 6-1986, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam (khóa V) đã họp Hội nghị lần thứ mười.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đọc diễn văn khai mạc. Đồng chí nói : « Hội nghị Trung ương lần này chuẩn bị nội dung cho Đại hội lần thứ sáu của Đảng... Thành công của hội nghị này sẽ là bước mở đầu có tính quyết định đối với thành công của Đại hội Đảng sắp tới ».

Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng đã thảo luận và nhất trí thông qua dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ sáu.

Với ý thức trách nhiệm cao vì sự nghiệp cách mạng của nhân dân và của Đảng, Ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng đã nghiêm túc tự phê bình và phê bình, nêu rõ ưu điểm, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, và quyết định những biện pháp có hiệu quả để khắc phục. Hội nghị tin tưởng chắc chắn rằng, làm tốt đợt tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, từ Trung ương đến các cấp và các cơ sở, sẽ tạo ra bầu không khí phấn khởi, làm tăng thêm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Ban chấp hành trung ương đã thảo luận một số điểm bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng nhằm nâng cao tính giai cấp và tính chiến đấu của Đảng, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng.

Sau khi thảo luận, phân tích những khuyết điểm, sai lầm trong việc chỉ đạo công tác giá, lương, tiền, Ban chấp hành trung ương khẳng định mạnh mẽ tinh thần và nội dung cơ bản của nghị quyết tám là đúng đắn, có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, thể hiện quyết tâm chiến lược xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đánh dấu bước trưởng thành của Đảng ta trong công tác lãnh đạo kinh tế. Hội nghị Ban chấp hành trung ương đã vạch ra phương hướng phấn đấu cho toàn Đảng, chỉ ra một số công việc cấp bách về giá, lương, tiền, từng bước ổn định tình hình kinh tế – xã hội, thi hành đúng đắn Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương và các nghị quyết của Bộ chính trị.

Sau Hội nghị Trung ương lần này, toàn Đảng ta tập trung vào công việc của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ sáu, trước mắt bảo đảm cho Đại hội đại biểu các cấp đạt kết quả tốt.

Hội nghị lần thứ mười Ban chấp hành trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta nêu cao ý chí cách mạng, ra sức khắc phục khó khăn, hăng hái thi đua lao động sản xuất, tăng cường quản lý, thực hành tiết kiệm, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1986, tạo đà phấn khởi lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội đại biểu các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ sáu của Đảng, góp phần thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

VÕ CHÍ CÔNG

QUYỀN TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ TRONG SẢN XUẤT — KINH DOANH

THỜI gian qua, chúng ta đã bước đầu sửa đổi một số chính sách kinh tế, điều đó có tác dụng tốt đối với sản xuất và lưu thông, nhưng cho đến nay, cơ chế quản lý tập trung quan liêu — bao cấp về cơ bản chưa bị xóa bỏ, cơ chế quản lý mới chưa hình thành.

Tình trạng tập trung quan liêu — bao cấp gắn liền với tính ỷ lại, thụ động và sự phân tán tản mạn, cục bộ địa phương trong chỉ đạo và quản lý kinh tế tồn tại từ lâu. Tổ chức sản xuất có nhiều bất hợp lý; công tác kế hoạch hóa không được đổi mới, không sát thực tế; tổ chức bộ máy quản lý cồng kềnh, nặng nề và kém hiệu lực, không phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính — kinh tế với chức năng quản lý sản xuất — kinh doanh.

Những khuyết điểm trên đây đã hạn chế việc phát huy quyền làm chủ tập thể, quyền tự chủ sản xuất — kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở; đồng thời, cũng không bảo đảm được quyền lãnh đạo và quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước.

Để làm chuyển biến tình hình kinh tế — xã hội của đất nước hiện nay, việc *đổi mới quản lý kinh tế* có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Đổi mới quản lý lần này là một cuộc vận động lớn có ý nghĩa cách mạng sâu sắc về kinh tế, chính trị — xã hội, trước hết là đối với việc củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy cách mạng khoa học — kỹ thuật để phát triển lực lượng sản xuất thích ứng với tình hình thực tế khách quan của nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới cơ chế quản lý phải được tiến hành cùng với việc sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại cơ cấu kinh tế. Đó là một công tác phức tạp phải trải qua một quá trình lâu dài, liên tục; nó đòi hỏi phải đổi mới toàn bộ hệ thống quản lý nền kinh tế quốc dân và xã hội, nhưng cần tiến hành từng bước đồng bộ vững chắc. Trước mắt, chúng ta chọn khâu *bảo đảm quyền tự chủ sản xuất — kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở làm khâu đổi mới đầu tiên, đồng thời đổi mới cơ chế quản lý chung*, nhằm phát huy động lực làm chủ của nhân dân lao động, nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở, của các ngành, các cấp để phát triển kinh tế với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Thực hiện tốt vấn đề này tạo điều kiện ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân lao động, tăng nguồn tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, dập tan mọi âm mưu và thủ đoạn phá hoại của địch, đấu tranh có hiệu quả chống các hiện tượng tiêu cực, bảo vệ tốt tài sản xã

Digitized by Google

hội chủ nghĩa, tăng cường quốc phòng và an ninh.

Việc đổi mới quản lý đối với đơn vị kinh tế cơ sở có tầm quan trọng đặc biệt, vì cơ sở là nền tảng của tổ chức kinh tế—xã hội, nơi tạo ra mọi của cải vật chất cho xã hội; nguồn vốn tích lũy từ sản phẩm thặng dư cũng phát sinh ở đây. Chính tại các đơn vị kinh tế cơ sở, nhân dân lao động thực hiện trực tiếp quyền làm chủ tập thể dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Do đó, các đơn vị kinh tế cơ sở phải được bảo đảm đầy đủ quyền hạn và lợi ích, đồng thời phải làm đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với cả nước.

Tình trạng tập trung quan liêu—bao cấp kéo dài hàng chục năm đã tạo nên tính thụ động, tư tưởng ỷ lại, không phát huy và nâng cao được ý thức tự chủ và tinh thần trách nhiệm của những người lao động trong xí nghiệp quốc doanh. Tư liệu sản xuất và sản phẩm của kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân; tập thể những người lao động trong xí nghiệp quốc doanh được Nhà nước giao cho *quyền sử dụng và quản lý trực tiếp một phần tư liệu sản xuất* thuộc sở hữu toàn dân để tiến hành sản xuất vì lợi ích của toàn xã hội. Sự thành công hay thất bại của xí nghiệp, hiệu quả kinh tế cao hay thấp, lời lãi hay thua lỗ, sạt nghiệp, một phần rất quan trọng là do những người lao động trong xí nghiệp đó quyết định; do đó tập thể những người lao động trong từng xí nghiệp từ giám đốc, cán bộ quản lý đến công nhân phải ý thức được đầy đủ về quyền hạn và trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ trong sản xuất—kinh doanh. Nhưng từ lâu, với cơ chế quản lý cũ, tính thụ động, ỷ lại, dựa dẫm vào Nhà nước đã làm xói mòn và tê liệt mọi sáng tạo của những người lao động. Người lao động đã có lúc thờ ơ với kết quả sản xuất—kinh doanh của xí nghiệp vì mọi việc đã có Nhà nước lo, kết quả làm ăn của xí nghiệp tốt hay xấu đều do Nhà nước lo, không gắn trực tiếp với lợi ích và trách nhiệm cụ thể của họ. Giờ đây, muốn khơi dậy ý thức làm chủ, sức sáng tạo, trách nhiệm và nghĩa vụ, tính tổ chức và kỷ luật của người lao động để phát triển tốt sản xuất—kinh doanh của xí nghiệp thì phải kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu—bao cấp, xác lập quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở trong sản xuất—kinh doanh, làm cho xí nghiệp thật sự chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Công cuộc đổi mới quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở cũng như đổi mới cơ chế quản lý kinh tế chung phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản về quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Dưới đây là một số nguyên tắc cơ bản cần nắm vững trong quá trình thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Bảo đảm quyền tự chủ sản xuất—kinh doanh của các đơn vị kinh tế trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản của chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, Nhà nước trung ương luôn luôn tăng cường sự lãnh đạo và quản lý tập trung thống nhất trên các mặt chủ yếu: xác lập quy hoạch và kế hoạch phát triển nền kinh tế quốc dân; quản lý tài nguyên đất nước, phân phối hợp lý vốn, ngoại tệ, nắm chắc các sản phẩm quan trọng, những vật tư chủ yếu, quyết định những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân, trực tiếp quản lý có hiệu lực các ngành có vị trí quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân; quy định các chính sách kinh tế — tài chính, các định mức kinh tế — kỹ thuật quốc gia; làm tốt công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ; chỉ đạo việc phối hợp hoạt

Digitized by Google

động của các ngành, các đơn vị kinh tế; kiểm tra thanh tra, đề cao pháp chế và kỷ luật quản lý, bảo đảm thực hiện đúng đắn các chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Các đơn vị kinh tế phải được bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ sản xuất — kinh doanh dưới sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước. Mọi xí nghiệp đều chịu sự quản lý trực tiếp của một cơ quan đầu mối cấp trên và chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác nhằm thực hiện đúng những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

Một là, giữ gìn, sử dụng, phát triển tài sản cố định và vốn lưu động được Nhà nước cấp theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước, đồng thời tự tạo thêm vốn để thực hiện tái sản xuất mở rộng.

Hai là, xác định cơ cấu sản xuất — kinh doanh phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước, với nhu cầu của xã hội và khả năng sản xuất — kinh doanh của đơn vị.

Ba là, thiết lập các mối quan hệ sản xuất — kinh doanh với các đơn vị kinh tế khác trong nước và ngoài nước theo những quy định của Nhà nước về hợp đồng kinh tế.

Bốn là, tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học — kỹ thuật, phát minh sáng chế và cải tiến kỹ thuật, góp phần đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật.

Năm là, các đơn vị phải làm tròn nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm theo hợp đồng, trước hết bảo đảm cung ứng hàng hóa cho thương nghiệp quốc doanh để thực hiện việc phân phối theo kế hoạch vì nhu cầu chung của xã hội và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Sáu là, giải quyết tốt những vấn đề xã hội trong nội bộ đơn vị kinh tế.

Bảy là, xác định cơ cấu tổ chức bộ máy; đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng lao động và cán bộ theo đúng chính sách của Nhà nước.

Thời gian qua, do cơ chế quản lý tập trung quan liêu — bao cấp, cho nên các đơn vị kinh tế không có quyền tự chủ trong sản xuất — kinh doanh; mặt khác, do tình trạng phân tán tản mạn, cục bộ, tùy tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật cho nên cấp trên cũng không thể thực hiện được sự tập trung có hiệu lực trong quản lý kinh tế. Tập trung và dân chủ là hai mặt của một vấn đề cần được nắm vững trong quản lý kinh tế. Cần phải thực hiện một cách nhất quán việc bảo đảm quyền tự chủ sản xuất — kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở gắn với việc tăng cường hiệu lực lãnh đạo và quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước trung ương. Những khuynh hướng bảo thủ, trì trệ không chịu đổi mới, cứ khư khư bám lấy lối quản lý tập trung quan liêu, không thiết thực, kém hiệu lực, mà thực tế là sự tập trung lỏng lẻo cần phải được xóa bỏ; ngược lại, những khuynh hướng tự do chủ nghĩa cứ đòi mở rộng quá mức quyền hạn và lợi ích cho các đơn vị cơ sở mà không ràng buộc quyền hạn, lợi ích với nghĩa vụ và trách nhiệm của xí nghiệp với Nhà nước, biến mỗi xí nghiệp thành một « vương quốc » riêng thoát khỏi sự quản lý tập trung đúng đắn của Nhà nước cũng phải được phê phán và uốn nắn kịp thời. Thực hiện việc bảo đảm quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở đồng thời phải thúc đẩy cải tiến và tăng cường sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước trung ương và sự phân cấp hợp lý giữa trung ương và địa phương thì mới bảo đảm sản xuất — kinh doanh của các xí nghiệp đi đúng quỹ đạo xã hội chủ nghĩa và đưa lại hiệu quả mong muốn theo yêu cầu phát triển kinh tế — xã hội của cả nước, do đó mới bảo đảm được lợi ích lâu

Digitized by Google

lời của xí nghiệp và của người lao động.

Việc đổi mới quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở cũng như đổi mới quản lý kinh tế chung được thực hiện dựa trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm, đồng thời sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa — tiền tệ, làm cho xí nghiệp thật sự chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế có kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của mọi thành viên trong xã hội trên cơ sở kỹ thuật ngày càng phát triển và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nhưng sản xuất dưới chủ nghĩa xã hội vẫn mang tính chất sản xuất hàng hóa, mặc dù tính chất của sản xuất hàng hóa đã khác trước; vì vậy, quy luật giá trị, quy luật chung của mọi nền sản xuất hàng hóa vẫn còn tồn tại và hoạt động. Chỉ có khác là dưới chủ nghĩa xã hội, các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội chiếm vai trò chỉ đạo và điều tiết chủ yếu nền sản xuất xã hội, quy luật giá trị không còn giữ nguyên vai trò điều tiết một cách tự phát các hoạt động kinh tế như trong các phương thức sản xuất trước đó. Song, chừng nào còn sản xuất hàng hóa, dù là sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa có kế hoạch thì các hoạt động kinh tế không tránh khỏi vẫn còn chịu sự tác động của quy luật giá trị. Chúng ta phải thật sự chủ động, thật sự tự giác vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội cũng như vận dụng đúng đắn quy luật giá trị và quan hệ hàng hóa — tiền tệ, quan hệ thị trường trong quản lý và kế hoạch hóa để đưa lại năng suất, chất lượng và hiệu quả cao cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời hạn chế có hiệu quả mặt tiêu cực về kinh tế và xã hội do sự hoạt động của quy luật giá trị tự phát gây ra.

Tiền đề vật chất của việc phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân cũng như của việc phát triển sản xuất — kinh doanh trong từng đơn vị kinh tế là tính chất và trình độ xã hội hóa lực lượng sản xuất. Song, chỉ có việc xã hội hóa lực lượng sản xuất thì vẫn chưa thể có sự phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối trong phạm vi toàn xã hội; điều này chỉ có thể thực hiện được dưới chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và trong điều kiện lực lượng chính trị đại biểu cho chế độ đó là nền chuyên chính của giai cấp công nhân.

Có luận điểm cho rằng sản xuất có tính chất xã hội hóa là nhân tố quyết định việc phát triển kinh tế có kế hoạch, rằng việc phát triển kinh tế có kế hoạch không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa xã hội, rằng chủ nghĩa tư bản đã thực hiện nó từ lâu và ngày nay với tính chất và trình độ xã hội hóa lực lượng sản xuất ngày càng cao, chủ nghĩa tư bản đã thực hiện kế hoạch hóa sản xuất đến cả phạm vi các công ty đa quốc gia và liên quốc gia mà chủ nghĩa xã hội còn lâu mới thực hiện được. Đó là một luận điểm sai lầm. Chúng ta đều biết rằng, chủ nghĩa tư bản đã đạt tới trình độ rất cao về tổ chức và quản lý trong phạm vi của từng xí nghiệp (kể cả những công ty đa quốc gia và liên quốc gia) mà chính những người cộng sản phải biết học tập để tổ chức và quản lý tốt các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, nhưng chủ nghĩa tư bản không thể chỉ đạo phát triển kinh tế có kế hoạch trong phạm vi toàn xã hội, vì nền kinh tế tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất thì tất yếu phải phát triển theo quy luật cạnh tranh, ngay cả trong giai đoạn tư bản độc quyền đến trình độ rất cao vẫn không thể thủ tiêu được hoạt động của quy luật đó. Chúng ta cần phân biệt rõ ràng sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, về cái gọi là "kế hoạch hóa tư bản chủ

Digitized by Google

nghĩa » và kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa xuất hiện, hoạt động và ngày càng phát huy tác dụng bảo đảm cho nền kinh tế phát triển có kế hoạch. Quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối là một trong các quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội. Việc vận dụng một cách tự giác và đúng đắn quy luật đó sẽ bảo đảm cho sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng trong nền kinh tế quốc dân phát triển một cách cân đối, nhịp nhàng, tiến lên không ngừng mà không bị ngắt quãng bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế như dưới chủ nghĩa tư bản. Tất nhiên, mức độ cao hay thấp của tính chất và trình độ xã hội hóa lực lượng sản xuất có liên quan trực tiếp đến trình độ kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân; chúng ta phải tính đến điều đó khi vận dụng quy luật có kế hoạch và cân đối vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tránh chủ quan, nóng vội, kế hoạch hóa một cách quan liêu, hình thức.

Vấn đề mấu chốt của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là đổi mới kế hoạch hóa, cả về nội dung và phương pháp. Mọi sự trì trệ trong sản xuất – kinh doanh trước đây đều bắt nguồn từ kế hoạch hóa chưa đúng. Kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính – xã hội của cả nước, của từng địa phương và của từng đơn vị kinh tế là một thể thống nhất, thể hiện được sự vận dụng tổng hợp hệ thống các quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội và các quy luật kinh tế khác còn tồn tại và hoạt động dưới chủ nghĩa xã hội, bao gồm cả các quy luật của kinh tế hàng hóa như: quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ. Kế hoạch đó bao gồm các mặt sản xuất – phân phối lưu thông – tiêu dùng qua hệ thống các chỉ tiêu được cân đối vững chắc, các biện pháp kinh tế đồng bộ, thích hợp và các hợp đồng kinh tế. Mỗi đơn vị kinh tế chịu sự quản lý trực tiếp của một cơ quan quản lý cấp trên được chủ động xây dựng phương án sản xuất – kinh doanh tốt nhất, phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước và nhu cầu của xã hội. Xí nghiệp phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi và phải phấn đấu sản xuất – kinh doanh có lãi vì lợi ích của toàn xã hội, đồng thời cũng vì lợi ích của tập thể xí nghiệp và của người lao động. Đơn vị kinh tế cơ sở phải thực hiện tốt các chỉ tiêu hiện vật và giá trị, đạt hiệu quả kinh tế thiết thực và ngày càng cao.

Chúng ta không thể chấp nhận quan điểm cho rằng, mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường, cho xí nghiệp được chọn cái gì mà thu được nhiều lãi hơn thì sản xuất, được tự do mua bán vật tư của Nhà nước và tiêu thụ sản phẩm theo giá cả thị trường, phải « thương phẩm hóa mọi loại sản phẩm ». Nhà nước muốn nắm các sản phẩm của xí nghiệp quốc doanh cũng phải thông qua hợp đồng kinh tế theo kiểu thuận mua vừa bán. Quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm. Để đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống của toàn xã hội, chúng ta phải luôn luôn quan tâm đến cả giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa. Mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh của xí nghiệp phải được tiến hành trước hết theo phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống của toàn xã hội, đồng thời phải đem lại hiệu quả kinh tế cao, làm ăn có lãi để bảo đảm tái sản xuất mở rộng không ngừng.

Đối với những sản phẩm thuộc về nhu cầu thiết yếu của sản xuất và

Digitized by Google

đời sống của xã hội, thì nhiệm vụ chủ yếu của xí nghiệp là sản xuất theo yêu cầu của kế hoạch Nhà nước — kế hoạch đó đã tính đến nhu cầu của thị trường, nhằm đáp ứng các nhu cầu của xã hội, thực hiện yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Xí nghiệp được quyền dựa vào yêu cầu của kế hoạch Nhà nước, nhu cầu của thị trường, khả năng cân đối vật tư từ các nguồn và tiêu thụ sản phẩm thông qua các hợp đồng kinh tế để tự xây dựng kế hoạch sản xuất — kinh doanh nhằm tận dụng tốt công suất máy móc và tiềm năng sản xuất của xí nghiệp. Nhưng mọi hoạt động sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp, không phân biệt các nguồn cân đối vật tư khác nhau, đều phải được phản ánh trong kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính — xã hội thống nhất 5 năm và hàng năm; tuyệt đối không được hình thành một bộ phận sản xuất ngoài kế hoạch để tăng thu nhập của xí nghiệp bằng thu chênh lệch giá hoặc bằng những cách không chính đáng khác, nhằm lập quỹ riêng chia nhau trong xí nghiệp.

Cần phải cải tiến công tác kế hoạch hóa và chế độ hợp đồng kinh tế về cung ứng vật tư để xí nghiệp được nhận vật tư cần thiết đúng thời gian, ở địa điểm thuận lợi nhất, với chi phí vận tải ít nhất, không qua các khâu trung gian không cần thiết. Trên cơ sở đó, xí nghiệp và các tổ chức cung ứng vật tư cũng như các đơn vị sản xuất nguyên liệu ký kết hợp đồng kinh tế với nhau, thực hiện đúng đắn những điều khoản đã cùng nhau ký kết trong hợp đồng và chịu trách nhiệm một cách bình đẳng trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng kinh tế. Trong công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch, các hợp đồng kinh tế ngày càng có vai trò chủ đạo. Để thực hiện tốt các hợp đồng kinh tế, việc đề cao pháp chế kinh tế và phát huy đầy đủ vai trò của cơ quan trọng tài kinh tế các cấp với chức năng như một tòa án kinh tế có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Kế hoạch lao động — tiền lương của xí nghiệp được xây dựng cho toàn bộ khối lượng sản xuất — kinh doanh theo các định mức hao phí lao động và định mức chi phí về tiền lương cho từng loại sản phẩm. Việc trả lương phải gắn với kết quả sản xuất — kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc của xí nghiệp.

Về giá thành, cần lập kế hoạch theo các định mức kinh tế — kỹ thuật tiến bộ, loại bỏ các chi phí bất hợp lý và bất hợp lệ. Nếu vật tư do Nhà nước cung ứng để sản xuất thì hạch toán vào giá thành theo giá quy định của Nhà nước. Còn vật tư do xí nghiệp tự cân đối thì được hạch toán vào giá thành theo giá mua thực tế trong khung giá do Nhà nước quy định. Trừ một số sản phẩm trọng yếu làm nguyên liệu sản xuất chính cho nhiều ngành sản xuất quan trọng trong nước, một số sản phẩm đưa lại lợi nhuận đặc biệt cao hoặc Nhà nước còn phải trợ giá vì chính sách xã hội, Nhà nước giao chỉ tiêu pháp lệnh về giảm mức tiêu hao vật chất hoặc mức giá thành để làm cơ sở cho việc tính toán giá bán buôn xí nghiệp và bảo đảm lợi nhuận chính đáng cho xí nghiệp. Nói chung Nhà nước không giao chỉ tiêu pháp lệnh về giá thành như theo cách quản lý trước đây; khi xí nghiệp đã phải tự chịu lấy trách nhiệm về lỗ lãi trong sản xuất — kinh doanh, vì lợi ích thiết thân của mình, xí nghiệp buộc phải quan tâm đầy đủ tới việc tính toán giá thành trên cơ sở các định mức và đơn giá chặt chẽ, đồng thời tích cực áp dụng các biện pháp về kỹ thuật và kinh tế, không ngừng phấn đấu hạ giá thành sản phẩm nhằm đưa phần lợi nhuận của xí nghiệp ngày càng tăng lên. Điều này cũng đòi hỏi phải đổi mới nghiệp vụ công tác tài chính, kế hoạch, lao động tiền lương, thống kê, hạch toán

Digitized by Google

và cả phương pháp tiếp cận của các ngành có trách nhiệm để quản lý xí nghiệp có hiệu lực hơn.

Xí nghiệp cần chủ động xây dựng kế hoạch tài chính. Về vốn, ngoài phần vốn Nhà nước cấp một lần ban đầu và các khoản thu hằng năm do Nhà nước để lại cho xí nghiệp, xí nghiệp phải có kế hoạch tạo vốn và bổ sung nguồn vốn tự có chủ yếu bằng cách ra sức phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm để tăng thêm các loại quỹ của xí nghiệp. Xí nghiệp được vay vốn ngân hàng hoặc tạm thời vay tiền nhàn rỗi của công nhân viên chức xí nghiệp trong khi ngân hàng chưa đủ vốn cho vay v.v. Cần xây dựng kế hoạch lợi nhuận của toàn bộ các hoạt động sản xuất — kinh doanh, không phân biệt các nguồn cân đối vật tư.

Tùy theo tình hình và điều kiện sản xuất — kinh doanh cụ thể của các loại xí nghiệp, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao cho xí nghiệp từ một đến ba chỉ tiêu pháp lệnh: giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (trong đó ghi rõ kim ngạch xuất khẩu, nếu có); số lượng sản phẩm chủ yếu với quy cách và chất lượng quy định tiêu thụ theo kế hoạch và hợp đồng (trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu, nếu có); các khoản nộp ngân sách (gồm lợi nhuận và các khoản thu khác).

Đối với những sản phẩm thiết yếu về sản xuất, đời sống, quốc phòng và xuất khẩu, nhất thiết Nhà nước phải giao chỉ tiêu pháp lệnh về sản phẩm chủ yếu tiêu thụ theo kế hoạch và hợp đồng. Đối với xí nghiệp sản xuất những mặt hàng không thuộc danh mục thiết yếu và phải tự cân đối lấy hầu hết hoặc phần lớn vật tư chủ yếu cho sản xuất, do đó sản xuất không ổn định, Nhà nước có thể chỉ giao một chỉ tiêu pháp lệnh là các khoản nộp ngân sách.

Theo hướng trên đây, Nhà nước cụ thể hóa thêm về chỉ tiêu pháp lệnh cho thích hợp với từng loại xí nghiệp quốc doanh trong công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, vận tải, lưu thông bao gồm thương nghiệp nội địa, xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư v v.

Trong việc đổi mới nội dung và phương pháp kế hoạch hóa ở từng đơn vị kinh tế cơ sở cũng như ở từng cấp, từng ngành và trong phạm vi cả nước, còn có nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hóa hơn nữa, bảo đảm cho kế hoạch Nhà nước thật sự được xây dựng một cách dân chủ và khoa học, kết hợp được việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch từ dưới lên với sự tính toán cân đối vững chắc và có cơ sở khoa học của cơ quan kế hoạch Nhà nước. Nội dung kế hoạch bao gồm cả việc ứng dụng các tiến bộ khoa học — kỹ thuật, biến khoa học — kỹ thuật thành lực lượng sản xuất trực tiếp, và việc sử dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế như giá cả, tiền lương, lợi nhuận, tài chính, thuế, tín dụng để tạo ra những động lực thật sự mạnh mẽ bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch.

Thực hiện sự kết hợp hài hòa ba lợi ích ở đơn vị kinh tế cơ sở: lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích của người lao động.

Một động lực rất mạnh thúc đẩy sự phát triển sản xuất và tăng năng suất của xí nghiệp là giải quyết đúng đắn *các lợi ích kinh tế*. Lê-nin đã dạy rằng: "Những lý tưởng cao cả nhất cũng không đáng giá một xu nhỏ, chừng nào mà người ta không biết kết hợp chặt chẽ những lý tưởng đó với lợi ích của chính ngay những người đang tham gia cuộc đấu tranh kinh tế" (1).

Lợi ích kinh tế là một phạm trù kinh tế khách quan, nhưng cũng là

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập I, trang 510 — 511.

Digitized by Google

động cơ hoạt động của con người, do đó nó trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế. Khi mà lợi ích kinh tế được tác động một cách tự giác thì nó khơi dậy được sự cố gắng cá nhân một cách mạnh mẽ, làm cho các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước thật sự đi vào quần chúng, lôi cuốn cả phong trào quần chúng trong lao động sản xuất để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc giải quyết một bước các mối quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã nông nghiệp, giữa Nhà nước, hợp tác xã và nông dân xã viên theo nhiều chỉ thị của Đảng và Nhà nước đã ban hành, trong đó có chế độ khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động (theo chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng) cũng như việc giải quyết một bước các mối quan hệ giữa Nhà nước với xí nghiệp và giữa Nhà nước, xí nghiệp với công nhân (theo quyết định 25—CP, 26—CP, 156—HĐBT của Nhà nước), trong đó có việc mở rộng các hình thức lương khoán, các hình thức thưởng, đã kích thích mạnh mẽ phong trào lao động sản xuất trong nông nghiệp, công nghiệp. Năm năm qua, trong khi các cơ sở vật chất kỹ thuật của sản xuất nói chung chưa hơn trước, vật tư, nguyên liệu cần thiết cho sản xuất nhập từ bên ngoài vào chỉ bằng 2/3 so với 5 năm trước, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp đã vượt qua được những khó khăn, trì trệ, giảm sút của những năm 1979 — 1980 và từ năm 1982 đến nay đã phát triển với tốc độ đáng kể, nhất là sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối nhanh, chính là nhờ có những đổi mới từng bước trong quản lý kinh tế, bảo đảm kết hợp hài hòa ba lợi ích, bảo đảm được lợi ích trực tiếp của người lao động.

Tuy vậy, đến nay chưa phải chúng ta đã giải quyết tốt vấn đề này. Trong kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, lợi ích trước mắt của tập thể xí nghiệp và lợi ích trực tiếp của cá nhân người lao động có sự thống nhất căn bản, nhưng cũng có mâu thuẫn. Đó là một tồn tại khách quan. Phải làm cho tập thể xí nghiệp và người lao động nhận rõ lợi ích của toàn xã hội mà Nhà nước là người đại diện là lợi ích cơ bản; lợi ích này có được thực hiện đầy đủ thì lợi ích của xí nghiệp và của người lao động mới có điều kiện để bảo đảm lâu dài và ngày càng tăng thêm. Đồng thời, cũng phải làm cho các cơ quan quản lý tổng hợp, các cán bộ quản lý cấp trên của Nhà nước nhận thức sâu sắc rằng, có chú trọng đầy đủ tới lợi ích trước mắt của tập thể xí nghiệp, lợi ích trực tiếp của người lao động thì xã hội mới thực hiện sự tích tụ ngày càng lớn trong từng đơn vị kinh tế cơ sở, và trên cơ sở đó mà tập trung được nguồn tích lũy ngày càng lớn vào ngân sách Nhà nước nhằm tái sản xuất mở rộng không ngừng trong phạm vi toàn xã hội. Chỉ chú trọng tới lợi ích trực tiếp hằng ngày của người lao động và lợi ích cục bộ của xí nghiệp, coi nhẹ lợi ích của toàn xã hội, thì trong một thời gian ngắn nào đó, tuy có kích thích được sản xuất trước mắt, nhưng đứng về lâu dài thì xã hội không thể tạo ra được những điều kiện vật chất — kỹ thuật cần thiết cho tái sản xuất mở rộng liên tục của xí nghiệp, do đó mà làm thiệt hại ngay cho cả bản thân xí nghiệp và từng người lao động. Ngược lại, nếu không chú trọng đầy đủ tới việc tăng nhanh tích tụ từ cơ sở, nhất là trong điều kiện từ sản xuất nhỏ đi lên như ở nước ta hiện nay, và không quan tâm thỏa đáng đến lợi ích trực tiếp hằng ngày của người lao động, chỉ chú trọng đến tăng thêm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước thì không thể kích thích được sản xuất phát triển và do đó mà cũng không có cơ sở để làm cho nguồn thu ngân sách ngày càng lớn lên. Vì vậy, mọi cấp, mọi ngành, mọi cơ sở, mọi người lao động đều phải nhận rõ

Digitized by Google

những điều đó. Đồng thời, cần làm cho cán bộ quản lý và mọi người hiểu sâu sắc quyền hạn, lợi ích bao giờ cũng gắn chặt với trách nhiệm và nghĩa vụ, không bao giờ chỉ có quyền lợi mà không có nghĩa vụ, đồng thời cũng không bao giờ chỉ có nghĩa vụ mà không có quyền lợi. Cần phải bảo đảm đúng đắn lợi ích của Nhà nước, của xí nghiệp cũng như của người lao động. Phải giáo dục cho những người lao động hiểu rằng, khi nào và ở đâu mà lợi ích của Nhà nước và của tập thể không được bảo vệ thì lợi ích chính đáng của người lao động cũng không được thực hiện một cách đầy đủ, để tự giác nhận rõ trách nhiệm đối với sản xuất của xí nghiệp và làm tròn nghĩa vụ đối với toàn xã hội, đối với Nhà nước, tích cực lao động quên mình vì lợi ích của toàn xã hội, của tập thể xí nghiệp, trong đó có phần lợi ích của mình.

Cần phê phán những tư tưởng cục bộ, bản vị, muốn giảm bớt lợi ích của Nhà nước để dành phần thu nhập cho xí nghiệp mình được cao hơn, mặc dù điều kiện sản xuất và hiệu quả kinh tế của xí nghiệp không cho phép. Không ít xí nghiệp đã tự ý để lại một phần sản phẩm đáng kể để phân phối nội bộ dưới mọi hình thức, hoặc trao đổi với các cơ sở sản xuất khác lấy hàng tiêu dùng về phân phối nội bộ, tăng thêm các quỹ tiêu dùng của xí nghiệp, hoặc tăng thêm thu nhập thực tế của công nhân, viên chức, cán bộ, hoặc để buôn bán, trao đổi ngoài kế hoạch theo giá thị trường tự do nhằm trước đoạt một phần sản phẩm thặng dư của các đơn vị kinh tế khác, của những người lao động khác bằng thu chênh lệch giá không chính đáng để tăng thêm thu nhập của mình, hoặc để trang trải cho những thua lỗ của xí nghiệp, do cách quản lý kém gây nên. Những việc làm này đã làm hư hỏng chế độ hạch toán kinh tế, làm nảy sinh và phát triển nhiều hiện tượng tiêu cực không những về kinh tế mà cả về xã hội; vì vậy, phải được kịp thời và kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và khắc phục bằng mọi biện pháp.

Trong đổi mới quản lý kinh tế, phải *sử dụng và kết hợp tốt hơn nữa cả ba loại biện pháp: biện pháp kinh tế, biện pháp hành chính — tổ chức và biện pháp giáo dục.*

Trong ba loại biện pháp đó, biện pháp kinh tế là cơ bản. Phải có những chính sách, chế độ quản lý kinh tế đúng để gắn quyền lợi và trách nhiệm, bảo đảm đãi ngộ xứng đáng về vật chất những người làm ăn tốt, sản xuất giỏi, đồng thời cũng bắt phải chịu trách nhiệm về vật chất những người làm ăn kém, sản xuất dở. Cần quán triệt hơn nữa nguyên tắc phân phối theo lao động trong chế độ tiền lương, tiền thưởng và thực hiện đúng đắn chế độ xử phạt về vật chất trong sản xuất — kinh doanh.

Biện pháp hành chính — tổ chức và biện pháp giáo dục có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế; những biện pháp đó càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoàn cảnh nước ta hiện nay đang có cuộc đấu tranh chống chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt của kẻ thù và cuộc đấu tranh nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay go, phức tạp. Phải thật sự đề cao pháp luật và tăng cường kỷ luật trong quản lý kinh tế, thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất — kinh doanh, phân phối sản phẩm và thu nhập trong từng xí nghiệp và trong phạm vi toàn xã hội. Xử lý nghiêm khắc và công bằng đối với mọi sự vi phạm pháp luật; kịp thời xử lý đối với những phần tử thoái hóa biến chất, thay thế những cán bộ không đủ phẩm chất chính trị và

Digitized by Google

năng lực quản lý kinh tế. Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và công tác vận động công nhân, viên chức, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh, dấy lên phong trào hành động cách mạng sôi nổi của quần chúng ở khắp mọi cơ sở, đẩy mạnh thi đua cải tiến kỹ thuật, tổ chức hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý kinh tế, nhằm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và đấu tranh có hiệu quả chống mọi hiện tượng tiêu cực, mọi hoạt động phá hoại của kẻ thù.

Thực hiện đúng đắn cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý" và chế độ một thủ trưởng trong quản lý kinh tế ở cơ sở. Đảng ủy xí nghiệp có trách nhiệm làm tốt công tác tư tưởng, công tác xây dựng đảng bộ cơ sở, công tác cán bộ, công tác xây dựng các đoàn thể, phong trào thi đua trong đơn vị, thực hiện đúng chức năng kiểm tra để bảo đảm thi hành đúng đắn đường lối chính sách của Đảng, các chế độ quản lý và pháp luật của Nhà nước trong xí nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo của đảng ủy và chỉ đạo của công đoàn, công nhân viên chức trong xí nghiệp có trách nhiệm xây dựng đơn vị mình thành một tập thể lao động tốt có khả năng hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Giám đốc, người trực tiếp điều hành sản xuất – kinh doanh của xí nghiệp, phải là người thật sự có phẩm chất chính trị, có năng lực, có kinh nghiệm quản lý sản xuất – kinh doanh, nhạy cảm với cái mới, biết tôn trọng và phát huy vai trò của tổ chức Đảng và đoàn thể để hoàn thành đầy đủ và xuất sắc kế hoạch của xí nghiệp.

Việc bảo đảm quyền tự chủ sản xuất – kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở phải được thực hiện đồng thời với việc sắp xếp và tổ chức lại sản xuất trong cả nước, trong từng vùng và từng địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hiện cơ chế quản lý mới.

★

Đổi mới quản lý ở các đơn vị kinh tế cơ sở và đổi mới quản lý kinh tế chung theo phương thức hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là sự đổi mới có tính chất cách mạng rất sâu sắc trong toàn bộ đời sống kinh tế – xã hội, gắn liền với quá trình thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng. Vì vậy, chúng ta phải coi đây là sự nghiệp của quần chúng. Chúng ta cần vận động đông đảo quần chúng tham gia và tổ chức quần chúng thực hiện một cách liên tục. Phải đổi mới nếp suy nghĩ cũ kỹ, đổi mới cả về mặt tâm lý xã hội, hình thành phương pháp luận và tư duy lô gíc và biện chứng, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội và của sản xuất.

Chúng ta đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng, trước hết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước các cấp và trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt của các đơn vị kinh tế. Khẩn trương bồi dưỡng nâng cao nhận thức tư tưởng của mọi người, làm cho họ quán triệt và nhất trí cao về quan điểm, chủ trương và chính sách đã đề ra trong nghị quyết của Bộ chính trị (dự thảo) về "bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở", kiên quyết khắc phục những nhận thức lệch lạc, lỗi thời do lối quản lý cũ và cách làm ăn cũ tạo ra.

Đồng thời, gắn công tác tổ chức với công tác tư tưởng, kiên quyết và kịp thời thay đổi những cán bộ lãnh đạo và quản lý không có đủ phẩm chất

Digitized by Google

và năng lực, không có khả năng tiếp thu và thực hiện cái mới. Đổi mới cán bộ, tăng cường bộ máy quản lý các cấp, trước hết ở các đơn vị kinh tế, có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo đảm quyền tự chủ sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp. Qua việc làm tốt công tác tư tưởng và tổ chức mà thật sự tạo ra sự nhất trí cao; từ đó, hình thành sức mạnh về sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn dân để chuyển sang cơ chế quản lý mới.

Trước hết, chúng ta cần phải nghiên cứu thảo luận kỹ nghị quyết của Bộ chính trị về "bảo đảm quyền tự chủ sản xuất — kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở" trong các ngành, các cấp, có liên hệ với tình hình thực tế và công tác đã làm của cơ quan và đơn vị để có sự chuyển biến nhận thức tư tưởng, làm cơ sở cho việc soát xét lại các quy định, chế độ cũ, phương pháp nghiệp vụ cũ và xây dựng các chính sách, chế độ, quy định mới. Khẩn trương bồi dưỡng kịp thời cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý về nội dung đổi mới cơ chế quản lý lần này.

Việc bảo đảm quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế trong sản xuất — kinh doanh cần được tiến hành một cách khẩn trương và kiên quyết, nhưng phải tiến hành đồng bộ và có bước đi vững chắc. Các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương đều phải có chỉ đạo điểm và đi sâu đi sát thực tế để nghiên cứu kiểm tra, kịp thời phát hiện các vấn đề để vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo vừa uốn nắn kịp thời những lệch lạc của cơ sở.

Đề cao kỷ luật, chấp hành đúng đắn nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Các cấp bộ Đảng và chính quyền, các ban của Đảng, các bộ, các ngành kinh tế phải giữ đúng kỷ luật về báo cáo, xin chỉ thị và kiến nghị những vấn đề cần bổ sung lên Bộ chính trị, nhằm giải quyết đúng đắn và kịp thời những diễn biến phức tạp của tình hình có thể xảy ra và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện.

Các ngành, các cấp cần thường xuyên sơ kết, tổng kết kinh nghiệm để làm phong phú thêm sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đổi mới quản lý kinh tế đối với các đơn vị kinh tế cơ sở.

Quản lý nền kinh tế là một công tác cực kỳ khó khăn và phức tạp, nhất là trong quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải dám làm, dám chịu trách nhiệm, tổ chức chỉ đạo chu đáo và vừa làm, vừa học, vừa rút kinh nghiệm để làm cho tốt, không chần chừ, do dự, đồng thời cũng không chủ quan, nóng vội, đòi hỏi mọi việc đã làm là phải hoàn chỉnh ngay. Lê-nin đã chỉ rõ rằng không phải bẩm sinh người ta đã có nghệ thuật quản lý, mà phải trải qua kinh nghiệm mới có được, nhất là trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân không tránh khỏi phải mò mẫm, thí nghiệm để lựa chọn những phương pháp mới đáp ứng đúng yêu cầu của tình thế khách quan mới. Và có thể chúng ta phải trả giá cho bài học mới.

Digitized by Google

BÙI QUANG TẠO

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU LỰC CÔNG TÁC THANH TRA

Ngay từ khi nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh thành lập Ban thanh tra đặc biệt (ngày 23-11-1945) để thanh tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Từ đó đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về công tác thanh tra.

Tại Hội nghị thanh tra năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn cán bộ: «*Thanh tra là công tác rất quan trọng*. Nếu như Trung ương Đảng, Chính phủ có nghị quyết, chỉ thị đưa về các ngành, các địa phương, kết quả thế nào không có thanh tra khó mà biết được địa phương làm tốt, làm vừa, làm xấu, có làm hay không làm trên không biết; địa phương nhiều khi tự mình cũng không biết; trên không thấu dưới, dưới không thấu trên. Thanh tra là để theo dõi xem các kế hoạch, chỉ thị, chính sách đó, các địa phương đã chấp hành như thế nào... Nếu họ làm sai hay gặp khó khăn, còn giúp đỡ họ làm cho đúng với nghị quyết, chỉ thị của trên đưa xuống.

«Thanh tra cũng không phải chỉ điều tra, nghiên cứu việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị đã được đến đâu mà còn phải theo dõi cho đến khi công việc đó được làm xong, làm tốt...

«Tóm lại *thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới...*» (1).

Trong chỉ thị số 98 Ban bí thư Trung ương Đảng đã xác định vai trò quan trọng của công tác thanh tra: «Các tổ chức thanh tra là công cụ đắc lực của Đảng, của chính quyền trong việc kiểm tra, thanh tra sự chấp hành đường lối chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật, kế hoạch Nhà nước». Công tác thanh tra không phải chỉ là của cấp trên, mà còn là công việc của bản thân mỗi cấp, không phải chỉ là của lãnh đạo, mà còn là của quần chúng, thể hiện sự nhất trí giữa lợi ích Nhà nước và lợi ích nhân dân. Có lãnh đạo, có hoạt động là phải có kiểm tra, thanh tra. Công tác thanh tra là một bộ phận quan trọng không thể thiếu được của công tác lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, một công cụ sắc bén của bản thân người lãnh đạo, người quản lý, đồng thời là nội dung cần thiết của quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Nó có tác dụng quan trọng thúc đẩy việc chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật, kế hoạch của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân.

Để nâng cao chất lượng và hiệu lực công tác thanh tra, phải giải quyết nhiều vấn đề. Hiện nay cần

(1) *40 năm phát triển và trưởng thành của lực lượng thanh tra*. Ủy ban thanh tra Nhà nước xuất bản. Hà nội 1985, tr 55-56.

Digitized by Google

tập trung làm tốt mấy vấn đề chủ yếu và cấp bách sau đây:

1. *Nắm vững và thực hiện đúng quan điểm thanh tra của Đảng trong hoạt động thanh tra.*

Mục đích của công tác thanh tra là nhằm ngăn ngừa và giúp đỡ sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Thanh tra phải phát hiện, đánh giá đúng thành tích, ưu điểm, những nhân tố mới, tiến bộ mới, những sáng kiến, kinh nghiệm hay để kiến nghị biểu dương, phát huy, làm cho mặt tích cực, tiến bộ ngày càng lấn át, đẩy lùi mặt tiêu cực; phát hiện kịp thời những thiếu sót, lệch lạc mới nảy sinh, kiến nghị biện pháp có hiệu lực ngăn chặn, giúp đỡ sửa chữa, không để gây ra tác hại lớn. Phát hiện sai phạm có tính chất nghiêm trọng, làm thiệt hại lớn tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản, sinh mệnh chính trị của công dân, gây ảnh hưởng không tốt về chính trị, thì kiến nghị xét xử nghiêm theo đúng chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Công tác thanh tra mang tính công khai và tính quần chúng rộng rãi nhằm thu hút được sự quan tâm đóng góp nhiều ý kiến bổ ích của nhân dân, để kiến nghị với cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước không ngừng phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu, nâng cao chất lượng lãnh đạo và quản lý.

Nhận thức và thực hiện đúng quan điểm thanh tra của Đảng trong hoạt động thực tế mới nâng cao được chất lượng và hiệu lực thanh tra, tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của đông đảo cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp, đấu tranh có hiệu quả chống những biểu hiện tiêu cực. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, hoạt động thanh tra chỉ thiên về truy tìm sai lầm khuyết điểm để trừng trị, ít quan tâm đến những việc làm đúng, làm tốt để kiến nghị biểu dương, động viên, thì dễ bị cô lập, khó tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ và nhân dân.

2. *Căn cứ để xây dựng và chỉ đạo thực hiện chương trình thanh tra.*

Xây dựng chương trình thanh tra là phải bám sát các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của chính quyền, kế hoạch kinh tế—xã hội của Nhà nước. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng để phát huy tác dụng thanh tra, thực hiện chương trình theo hệ thống tổ chức thanh tra.

Việc thực hiện chương trình thanh tra đòi hỏi phải huy động được cả hệ thống và các tổ chức thanh tra cùng tiến hành một cách thường xuyên. Tùy tình hình cụ thể cần tập trung thanh tra một số vấn đề quan trọng và cấp bách theo yêu cầu của Đảng, của Nhà nước.

Qua việc chỉ đạo thực hiện chương trình thanh tra, sẽ thấy rõ hơn tình hình thực tế chấp hành các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, sự hoạt động của bộ máy và cán bộ Đảng, chính quyền ở các cấp, từ đó thu thập được nhiều thông tin trong các cơ sở của nhiều ngành, nhiều địa phương, và có căn cứ để phản ánh tình hình và kiến nghị với cơ quan lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước nhằm đánh giá đúng tình hình, tăng cường công tác chỉ đạo, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, uốn nắn lệch lạc, đấu tranh ngăn chặn những việc làm sai trái.

3. *Tăng cường chỉ đạo hoạt động thanh tra theo hệ thống tổ chức thanh tra, có kế hoạch phối hợp hoạt động với các tổ chức có liên quan.*

Từ khi có chỉ thị số 38 của Ban bí thư Trung ương Đảng và nghị quyết số 26 của Hội đồng bộ trưởng, tổ chức

Digitized by Google

thanh tra đã trở thành hệ thống bao gồm Ủy ban thanh tra Nhà nước, Ủy ban thanh tra cấp tỉnh, thành phố, đặc khu, huyện, quận và cấp tương đương, Ban thanh tra nhân dân cấp cơ sở. Đó là một hệ thống được chỉ đạo và quản lý thống nhất từ trung ương đến cơ sở, có điều kiện rất thuận lợi để xây dựng tổ chức, kiện toàn đội ngũ cán bộ và đẩy mạnh hoạt động thanh tra.

Để phát huy sức mạnh của cả hệ thống tổ chức thanh tra, trước hết mỗi tổ chức thanh tra phải nêu cao vai trò và trách nhiệm của mình, quán triệt chương trình thanh tra của Ủy ban thanh tra Nhà nước đề ra cho cả hệ thống tổ chức thanh tra, nắm chắc ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, của thủ trưởng các ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Ủy ban thanh tra Nhà nước tăng cường quan hệ chỉ đạo đối với các Ủy ban thanh tra địa phương. Ủy ban thanh tra địa phương là một cấp của hệ thống thanh tra Nhà nước, đồng thời là một bộ phận của cơ quan lãnh đạo chính quyền cùng cấp. Nó còn có trách nhiệm thanh tra việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế xã hội của chính quyền địa phương.

Thực tiễn cho thấy, việc tăng cường chỉ đạo hoạt động thanh tra theo hệ thống tổ chức thanh tra đã tạo được sức mạnh đồng bộ, phát huy tác dụng và hiệu lực thanh tra. Nhiều cuộc thanh tra diện rộng về một vấn đề có Ủy ban thanh tra ở nhiều tỉnh, thành phố, tổ chức thanh tra của nhiều bộ, ngành tham gia, lại được chỉ đạo thống nhất, đã phát hiện, kết luận vấn đề được chính xác, khách quan, kiến nghị những biện pháp giải quyết sát hợp, được nơi thanh tra hoan nghênh. Việc đó đã có tác dụng giúp họ sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, đẩy mạnh sản xuất, công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Phương pháp tiến hành thanh tra tốt là phải thanh tra từ trên xuống, từ dưới lên, thực hiện chế độ thông tin toàn diện, chặt chẽ, báo cáo đầy đủ theo hệ thống tổ chức thanh tra, đồng thời đối chiếu với báo cáo của cơ quan chỉ đạo thực hiện nhằm phản ánh chính xác tình hình thực tế, kiến nghị những biện pháp giải quyết vấn đề một cách thật sự khách quan, bảo đảm đúng chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kết luận của thanh tra phải căn cứ vào những vấn đề đã được thanh tra, có đủ chứng cứ, đối chiếu với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để khẳng định đúng, sai. Kiến nghị của thanh tra phải xuất phát từ thực tiễn, sát với tình hình cụ thể, có điều kiện và khả năng thực hiện.

Lĩnh vực hoạt động thanh tra rất rộng, nội dung thanh tra có nhiều vấn đề, mỗi vấn đề thường liên quan đến nhiều ban, nhiều ngành, có quan hệ với cả cấp trên và cấp dưới, cho nên phải có kế hoạch cụ thể bảo đảm và tăng cường sự phối hợp hoạt động thanh tra với hoạt động của các tổ chức có liên quan, nhất là các tổ chức trong khối nội chính, các Ban của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội LHPN, Hội LHNDTT, các cơ quan tuyên truyền báo chí, để tạo thành sức mạnh đồng bộ trong hoạt động thanh tra và phát huy kết quả thanh tra.

4. Xây dựng tổ chức thanh tra vững mạnh, kiện toàn đội ngũ cán bộ thanh tra có đủ phẩm chất, năng lực.

Hoạt động thanh tra là lĩnh vực hoạt động tổng hợp, phức tạp, có khi phải đấu tranh gay go, căng thẳng, đòi hỏi có kiến thức sâu rộng, có kinh nghiệm về cuộc sống, có đức

Digitized by Google

tính thận trọng, kiên cường, công bằng, vô tư. Hoạt động thanh tra phải thể hiện được tính chất Nhà nước và tính chất nhân dân. Cho nên, nó có những yêu cầu cao đối với bộ máy tổ chức và cán bộ thanh tra. Một yêu cầu quan trọng để xây dựng tổ chức thanh tra vững mạnh là bảo đảm đầy đủ tính chất Nhà nước và tính chất nhân dân của tổ chức đó.

Từ Ủy ban thanh tra Nhà nước, Ủy ban thanh tra các tỉnh, thành phố, đặc khu, quận, huyện đến Ban thanh tra nhân dân ở cơ sở và Ban thanh tra bộ, ngành, đều phải vừa có tính chất Nhà nước vừa có tính chất nhân dân. Tính chất Nhà nước của tổ chức thanh tra thể hiện ở chỗ tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của nó được xác định về mặt pháp lý. Còn tính chất nhân dân thể hiện ở sự thừa nhận vai trò của quần chúng nhân dân tham gia hoạt động thanh tra, thực hiện quyền giám sát, thanh tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, kế hoạch, pháp luật của Nhà nước. Để bảo đảm những tính chất nói trên, mỗi tổ chức thanh tra cần làm tốt chức năng, nhiệm vụ đã được quy định. Trước hết, lực lượng thanh tra chuyên trách có trách nhiệm làm nòng cốt trong những công việc khó khăn, phức tạp; lực lượng thanh tra nhân dân với gần 20 000 ban và khoảng 500 000 thanh tra viên cấp cơ sở cần thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát, kiểm tra; thường xuyên tại chỗ, phát hiện những việc tốt, ủng hộ, bảo vệ những nhân tố tích cực, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn những việc làm sai trái, những hiện tượng tiêu cực. Làm tốt nhiệm vụ nói trên, mang lại kết quả thiết thực sẽ có tác dụng động viên đông đảo cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức cộng tác viên thanh tra và nhân dân tích cực tham gia hoạt động thanh tra.

Đặc biệt cần chú trọng củng cố tổ chức thanh tra cấp huyện, quận để có đủ khả năng chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng tổ chức thanh tra nhân dân và hoạt động giám sát, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng, chế độ, pháp luật của Nhà nước ở xã, phường và từng cơ sở sản xuất, kinh doanh. Vấn đề cấp bách hiện nay là ra sức củng cố các tổ chức thanh tra nhân dân đã có, nâng cao chất lượng hoạt động đồng đều, đem lại hiệu quả rõ rệt, có kế hoạch phát triển nhanh, mạnh và vững chắc các tổ chức thanh tra nhân dân ở những nơi chưa có.

Cán bộ thanh tra có đủ tiêu chuẩn đạo đức cách mạng và tài năng là cơ sở bảo đảm sự vững mạnh của các tổ chức thanh tra. Nghị quyết số 26 của Hội đồng bộ trưởng đã chỉ rõ: «Cán bộ thanh tra phải có phẩm chất tốt về chính trị, nêu cao tinh thần «chí công vô tư» và ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, kiên cường, phải nắm vững đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có trình độ hiểu biết về quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, về chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực thanh tra, có năng lực làm công tác thanh tra, biết làm công tác vận động quần chúng; có tác dụng giúp những đối tượng được thanh tra phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm. Những cán bộ thanh tra lạm dụng quyền hạn được giao, có những quyết định sai trái do mưu cầu lợi ích riêng tư phải bị xử lý nghiêm minh».

Cán bộ thanh tra cần nhận thức rõ hoạt động thanh tra là một trường học lớn để tự rèn luyện và thường xuyên bồi dưỡng nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ kiến thức và năng lực công tác của mình. Cần có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thanh tra có hệ thống,

Digitized by Google

trước hết là những cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

5. *Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác thanh tra là nhân tố quyết định nâng cao chất lượng và hiệu lực thanh tra.*

Thanh tra chỉ có thể trở thành công cụ đắc lực của Đảng, của chính quyền, thật sự phát huy được tác dụng và hiệu lực khi được cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo thường xuyên và được chính quyền chú ý chỉ đạo, giúp đỡ thiết thực. Sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác thanh tra thể hiện ở việc lựa chọn cán bộ có phẩm chất, năng lực làm công tác thanh tra, chú ý xây dựng và củng cố các tổ chức thanh tra, cho ý kiến về yêu cầu và nội dung hoạt động thanh tra trong từng thời kỳ, định kỳ nghe thanh tra báo cáo, sử dụng và huy động các tổ chức có liên quan phối hợp hoạt động với tổ chức thanh tra, xem xét, giải quyết những vấn đề do thanh tra phát hiện, đề xuất, kiến nghị, làm cho thanh tra phát huy tốt vai trò của mình, phục vụ đắc lực yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, tăng thêm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Đương nhiên, các tổ chức thanh tra, cán bộ thanh tra phải phát huy tính tích cực, chủ động, đề xuất ý kiến với lãnh đạo, ra sức phát huy ưu điểm, khắc phục khó khăn, thiếu sót, làm tròn nhiệm vụ được giao.

★

Hiện nay các tổ chức thanh tra, cán bộ thanh tra phải tập trung thanh tra việc thực hiện các Nghị quyết của BCH TƯĐ và của Bộ chính trị về nhiệm vụ kế hoạch kinh tế — xã hội năm 1986 và về giá — lương — tiền.

Hoạt động tích cực của thanh tra sẽ góp phần tạo nên những chuyển biến mới về tình hình kinh tế — xã hội của đất nước, thiết thực chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc thứ VI của Đảng.

Digitized by Google

Thượng tướng BÙI PHÙNG

QUÂN ĐỘI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KINH TẾ

Để giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đề ra phương hướng chiến lược thực hiện sự kết hợp kinh tế với quốc phòng trong một cơ cấu thống nhất, trong phạm vi cả nước, trong từng vùng lãnh thổ và từng đơn vị cơ sở; thực hiện khẩu hiệu: toàn dân lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đồng thời làm nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; — toàn quân vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, vừa tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế. Nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của tình hình hiện nay, Nghị quyết 9 của BCHTƯ Đảng (khóa V) đã nêu rõ: «Huy động một lực lượng lớn quân đội làm kinh tế, bảo đảm tính toán hiệu quả kinh tế, giao nộp sản phẩm và nộp ngân sách Nhà nước. Tổ chức lại sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất của các xí nghiệp quốc phòng để vừa sản xuất cho quốc phòng, vừa sử dụng thích đáng năng lực của các xí nghiệp quốc phòng và lao động kỹ thuật để sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu».

Những tư tưởng chỉ đạo chiến lược đó phản ánh đúng đắn quy luật phát triển của cách mạng nước ta, quy luật dựng nước gắn chặt với giữ nước trong điều kiện hiện nay của đất nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Bộ chính trị Trung ương Đảng, của Quân ủy trung ương trước kia và của Đảng ủy quân sự trung ương hiện nay, sự chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng bộ trưởng, được sự hợp tác giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước và các địa phương, quân đội đã đạt được những thành quả đáng kể trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế quốc dân phát triển và cải thiện đời sống quân đội và nhân dân. Sản phẩm và công trình quân đội làm ra trong 10 năm qua đã góp phần từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối trong nền kinh tế quốc dân, từng bước bố trí chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng ở một số địa bàn chiến lược, duy trì một đội quân đủ mạnh để chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của quân đội ta. 10 năm qua chỉ là một đoạn đường ngắn ngủi, lại phải tập trung nhiều công sức vào nhiệm vụ chiến đấu, cho nên thành quả của quân đội về kinh tế còn bị hạn chế.

Trên mặt trận nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, quân đội đã tập trung cố gắng vào một số mặt chủ yếu như:

— *Xây dựng các vùng kinh tế mới* ở các địa bàn Tây nguyên, Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu long, ven biển, đồng bằng sông Hồng và miền núi trung du phía bắc. Đến nay đã xây dựng 22 khu kinh tế mới tương đối đồng bộ, có cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ sản xuất và đời

Digitized by Google

sống; đã khai hoang kiến thiết đồng ruộng trên sáu vạn ha; xây dựng hơn một nghìn km đường ô tô, hàng chục công trình thủy lợi, trạm, xưởng cơ khí, trạm thủy điện nhỏ, trạm, trại cây và con giống và chế biến nông, lâm sản; đã khai thác, quản lý và tu bổ hàng vạn ha rừng, đã trồng hàng triệu cây từng bước phủ xanh đồi trọc trên các đơn vị đóng quân; đã sản xuất hơn chục vạn tấn lương thực, đồng thời đã xây dựng hàng nghìn ha ao cá Bác Hồ, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, bảo đảm cân đối một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm tại chỗ. Đặc biệt là với những cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất mới được tạo lập, các khu kinh tế mới đã thu hút trên 10 vạn lao động và dân cư đến mở mang kinh tế, củng cố quốc phòng ở một số địa bàn chiến lược.

Tại những nơi đóng quân, đã khai hoang phục hóa, sản xuất lương thực, thực phẩm (thịt cá, đậu, lạc, vừng, đường mía, rau xanh) nuôi trồng, thu hái và chế biến dược liệu... góp phần bù vào chỉ tiêu hiện vật mà Nhà nước cung cấp không đủ, giữ mức sinh hoạt tương đối ổn định của bộ đội. Mấy năm gần đây quân đội đã được Nhà nước đầu tư phát triển mạnh cơ sở vật chất kỹ thuật để đẩy nhanh nhịp độ phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm. Các đơn vị trong toàn quân, nhất là các đơn vị ở phía bắc đã xây dựng hệ thống cơ sở sản xuất ở từng cấp gắn liền với hàng vạn điểm sản xuất theo mô hình « VAC » ở các phân đội.

— *Xây dựng các công trình thủy lợi lớn, vừa và nhỏ* ở đồng bằng sông Cửu long, đồng bằng sông Hồng, Tây nguyên và ở nhiều nơi khác. Đào đắp hàng chục triệu m^3 đất làm kênh dẫn nước ngọt ngăn nước mặn, xổ phèn, quai đê lấn biển, bảo đảm việc trồng trọt cho hàng vạn ha lúa.

Những năm gần đây, quân đội đã *tham gia xây dựng một số công trình công nghiệp phân bón*, như tham gia xây dựng khu mỏ a pa tít Lào cai, mở một số điểm khai thác phân phốt pho rích...

Trên mặt trận công nghiệp, mặt trận then chốt của nền kinh tế quốc dân, quân đội đã là lực lượng xung kích trên một số lĩnh vực quan trọng, đặc biệt là *giao thông vận tải và năng lượng, lĩnh vực mà quân đội tập trung công sức cao nhất*, bởi vì đây là cơ sở hạ tầng của kinh tế và quốc phòng. Hiện nay quân đội đã đảm nhận xây dựng các tuyến đường chiến lược dọc và ngang, các tuyến đường sắt, bộ, thủy trong các khu công nghiệp, nông nghiệp lớn, mạng đường biên giới, ven biển, hải đảo. Mười năm qua đã xây dựng cơ bản được 1400 km đường quốc lộ, 205 km đường sắt, 3000 km đường địa phương, đào 1000 km kênh, góp phần bảo đảm giao thông vận tải trong nước, giữa nước ta và các nước anh em Lào và Cam-pu-chia. Quân đội còn đảm nhận công việc vận tải hàng không, xây dựng ngành hàng không quốc gia, đã vận chuyển gần 2 triệu hành khách, 26000 tấn hàng hóa, thực hiện 3800 giờ bay chuyên cơ, 3300 giờ bay chuyên nghiệp bảo đảm an toàn, đã kết hợp chặt chẽ giữa vận tải và dịch vụ, lấy dịch vụ bù cho vận tải, cho nên đã tạo ra sự ổn định trong sản xuất, kinh doanh thu ngoại tệ cho Nhà nước. Bộ đội đường ống vận hành 70 triệu tấn/km xăng dầu cho Nhà nước và nước bạn; bộ đội vận tải ngoài việc vận chuyển đáp ứng nhu cầu lớn của quân đội còn dành phương tiện và thời gian vận tải 153 triệu tấn/km cho Nhà nước và nước bạn Lào. Bộ đội pháo binh đã kết hợp khai thác và vận chuyển hàng vạn tấn nguyên liệu bảo đảm phần quan trọng cho nhu cầu sản xuất giấy của đất nước.

Năng lượng đóng vai trò cực kỳ quan trọng và có tác dụng quyết

Digitized by Google

định đến sự phát triển của nền sản xuất lớn bằng máy móc và sự nghiệp hiện đại hóa quân đội. Từ năm 1981 đến nay, quân đội đã tích cực tham gia xây dựng các công trình nhiệt điện, thủy điện lớn, vừa, nhỏ, như công trình nhiệt điện Phả lại, công trình thủy điện Hòa bình và lần đầu tiên, quân đội đảm nhận xây dựng toàn bộ công trình thủy điện Đrây linh (Tây nguyên)—công trình đầu tay của ngành điện lực Việt nam; đồng thời đã và đang cùng các tỉnh biên giới phía bắc xây dựng hệ thống thủy điện nhỏ, thiết thực phục vụ cho nhu cầu kinh tế và quốc phòng.

Quân đội cũng đã tham gia xây dựng công trình dầu khí Vũng tàu, bổ sung cho ngành dầu khí một đơn vị xây lắp có chất lượng, và có những đóng góp không nhỏ vào ngành than (Na dương, Quảng ninh). Riêng quân đội đến nay đã có 20 cơ sở nhỏ khai thác than, và đã khai thác được 300 000 tấn trong các năm qua.

Để đáp ứng nhu cầu *xây dựng cơ bản* ngày càng lớn và hết sức cấp bách, quân đội đã xây dựng 35 xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, ngói, gạch, vôi, cát sỏi, đá, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông và hàng trăm cơ sở nhỏ phân tán khác. Trong 5 năm 1981 — 1985, đã sản xuất được 120 000 tấn xi măng mác thấp, 1015 triệu viên gạch ngói các loại, 203 000 tấn vôi, 3 triệu m^3 đá các loại và hàng vạn tấn cấu kiện thép và bê tông. Nhờ có nguồn vật liệu xây dựng tự sản xuất ra, quân đội đã xây dựng 2 triệu m^2 nhà kho, nhà xưởng, nhà ở các loại, tạo ra khả năng trong 5 năm tới thực hiện về cơ bản mục tiêu «ngói hóa» ở nhiều đơn vị trong toàn quân.

Xây dựng công nghiệp quốc phòng là một bộ phận quan trọng của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Nó bao gồm những nhà máy thuộc ngành công nghiệp nặng, những nhà máy thuộc ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm. Những năm qua, các xí nghiệp quốc phòng ngoài việc sản xuất và sửa chữa phục vụ quốc phòng, đã sản xuất hàng trăm mặt hàng dân sinh và xuất khẩu cho Nhà nước. Giá trị sản lượng hàng kinh tế dân sinh chiếm gần một nửa giá trị sản lượng hàng hóa trong các xí nghiệp quốc phòng. Làm hàng dân sinh chẳng những khai thác được năng lực sản xuất hiện có, làm tăng thêm sản phẩm tiêu dùng, góp phần đáp ứng nhu cầu của nhân dân, mà còn thông qua đó, tạo vốn phát triển công nghiệp quốc phòng. Những xí nghiệp sản xuất lương khô, cơm sấy, sản xuất quân trang, quân dụng, thuốc men và các hàng tiêu dùng khác đã đáp ứng phần lớn nhu cầu của quân đội. Những xí nghiệp này hình thành từng cụm ở các khu vực, đã cung cấp kịp thời sản phẩm cho các đơn vị với chất lượng ngày càng tiến bộ, giảm chi phí vận chuyển.

Những năm qua, quân đội đã thực hiện khá tốt việc kết hợp *làm kinh tế biển* với tuần tra bảo vệ vùng biển. Về mặt sản xuất, đã đánh bắt được 40 000 tấn cá, chế biến được 7 triệu lít nước mắm, khai thác và chế biến được 236 tấn tôm, mực, bào ngư, rau câu xuất khẩu, đã sửa chữa 115 tàu trong nước và 77 tàu nước ngoài thu ngoại tệ, đã xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật cho nhiệm vụ làm kinh tế biển và quốc phòng.

★

Thực tiễn hoạt động kinh tế của quân đội trên mặt trận nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải thời gian qua khẳng định những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho là thích hợp với những điều kiện và khả năng của quân đội, có thể phát huy được thế mạnh của quân đội. Những lĩnh vực hoạt động đó có yêu cầu kết hợp rất chặt chẽ giữa kinh tế và quốc

Digitized by Google

phòng, nhiều công việc đòi hỏi sử dụng quân đội như lực lượng xung kích, nòng cốt nhằm bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Việc chỉ đạo và tổ chức quân đội tham gia xây dựng kinh tế trong thời gian qua đã làm cho chúng ta có điều kiện hiểu rõ hơn và giải quyết tốt hơn một số vấn đề về mối quan hệ giữa nhiệm vụ quân sự và nhiệm vụ kinh tế, về việc sử dụng lực lượng bộ đội làm kinh tế, về tổ chức chỉ huy và quản lý những hoạt động kinh tế của bộ đội.

Trước hết, vấn đề khai thác, sử dụng tiềm năng và thế mạnh của quân đội trên mặt trận xây dựng kinh tế là vấn đề có tính chất quyết định đối với hiệu quả công việc. Những năm 1976 — 1980, nghị quyết 258 của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã nói rõ vấn đề đó, song trong tổ chức thực hiện thì có phần còn coi nhẹ việc sử dụng lực lượng thường trực chiến đấu và các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng. Đến năm 1981 trở đi, nhất là 3 năm gần đây mới khắc phục được thiếu sót đó. Để có thể khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của quân đội trong lĩnh vực này, điều quan trọng là tìm ra những loại hình và phương thức tham gia thích hợp nhằm đạt hiệu quả ngày càng cao. Đó là lực lượng chuyên sản xuất, xây dựng kinh tế, tham gia xây dựng các công trình công, nông nghiệp trọng điểm của Nhà nước và quân đội; lực lượng thường trực chiến đấu dành một phần thời gian trong năm tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế tại nơi đóng quân; các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng tận dụng khả năng công suất thiết bị còn lại tích cực tham gia sản xuất hàng dân sinh và xuất khẩu. Đặc biệt là chú trọng tổng kết những kinh nghiệm về sản xuất, xây dựng kinh tế trong quân đội, tạo nên những mô hình sản xuất, quản lý kinh tế của quân đội theo đúng phương thức hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Làm như vậy mới tạo thành sức mạnh tổng hợp của ba lực lượng đó trong toàn quân trên cơ sở khai thác tiềm năng, phát huy thế mạnh của từng lực lượng

Tổ chức quân đội bao gồm những chiến sĩ trẻ, khoẻ, có tổ chức kỷ luật, có trình độ văn hóa, tiếp thu khoa học kỹ thuật nhanh và đội ngũ cán bộ trưởng thành trong tổ chức chỉ huy hiệp đồng quân, binh chủng. Khi làm nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế được tổ chức theo dây chuyền liên hoàn, đồng bộ và chuyên môn hóa theo kiểu sản xuất công nghiệp, đồng thời thực hiện các chính sách đòn bẩy kinh tế, áp dụng chế độ khoán, thưởng tăng năng suất cho người lao động, thì quân đội với những yếu tố về con người và tổ chức, có khả năng làm được và làm tốt mọi nhiệm vụ kinh tế, kể cả những công việc có yêu cầu kỹ thuật cao và phức tạp.

Việc gắn nhiệm vụ quân sự với nhiệm vụ kinh tế thông qua hoạt động sản xuất, xây dựng sẽ có điều kiện thực hiện thỏa đáng. Trên cơ sở gắn nhiệm vụ quân sự với nhiệm vụ kinh tế và làm tốt nhiệm vụ quân sự là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, phải làm tốt nhiệm vụ kinh tế, dựa vào kết quả làm kinh tế mà phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ quân sự. Nhiều đơn vị nhờ làm tốt việc kết hợp làm kinh tế với huấn luyện mà làm cho kết quả huấn luyện đạt chất lượng cao hơn. Các binh đoàn kinh tế thời bình chuyên làm kinh tế, thời chiến chuyển thành đơn vị phục vụ chiến đấu theo ngành nghề với lực lượng và trang bị sẵn có. Các đơn vị bộ binh kết hợp chặt chẽ với địa phương nơi đóng quân, cùng với địa phương làm kinh tế tốt, nhất định sẽ giúp cho việc xây dựng đơn vị tốt và thiết thực cùng với địa phương xây dựng tiềm lực kinh tế và quốc phòng tại chỗ mạnh. Các xí nghiệp quốc phòng làm

Digitized by Google

hàng kinh tế để tạo vốn đầu tư phát triển công nghiệp quốc phòng. Lực lượng vũ trang địa phương làm kinh tế là tạo lập ngân sách quân sự cho mình để có điều kiện triển khai các nhiệm vụ quân sự địa phương. Các đơn vị làm nhiệm vụ quốc tế có tiến hành hợp tác xây dựng kinh tế với bạn gắn chặt với liên minh chiến đấu, mới có điều kiện thuận lợi làm tốt nhiệm vụ quốc tế của mình...

Muốn quản lý sản xuất, xây dựng có hiệu quả cao, điều rất quan trọng là phải tổ chức chỉ huy và bảo đảm kỷ luật lao động tốt. Quân đội có nhiều kinh nghiệm tổ chức chỉ huy. Vận dụng thích hợp những kinh nghiệm tổ chức chỉ huy quân sự vào các lĩnh vực quản lý kinh tế, nhiều đơn vị đã áp dụng phương thức chỉ huy bốn trực tiếp: trực tiếp động viên giáo dục; trực tiếp giao nhiệm vụ, chỉ tiêu, định mức; trực tiếp kiểm tra, đôn đốc, giải quyết các vướng mắc, khó khăn; trực tiếp đánh giá thành quả sản xuất và khen thưởng về tinh thần, vật chất. Quân đội cũng có nhiều kinh nghiệm về nêu cao kỷ luật quân sự trong chiến đấu. Vận dụng thỏa đáng những kinh nghiệm đề cao kỷ luật tự giác, nghiêm minh vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhiều đơn vị đã áp dụng phương pháp «điều lệnh hóa» các quy trình, quy phạm, quy tắc kỹ thuật. Thực tiễn điều hành sản xuất những năm qua cho thấy, nhờ biết khai thác thế mạnh của tổ chức chỉ huy quân sự và kỷ luật quân sự mà năng suất, chất lượng và hiệu quả trong lao động sản xuất của quân đội có tiến bộ rõ rệt.

Trong thời gian tới, quân đội ta tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế nặng nề hơn mà Đảng và Nhà nước sẽ giao phó. Những kinh nghiệm thực tiễn của những năm vừa qua làm cho quân đội tự tin hơn. Đặc biệt, được các nghị quyết 6, 7, 8, 9 của Trung ương Đảng soi sáng, quân đội ta sẽ cố gắng phấn đấu đạt một bước tiến mới về nhận thức và trách nhiệm, về khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất — xây dựng kinh tế.

Muốn vậy, trước hết, phải nắm vững mục tiêu của nhiệm vụ quân đội xây dựng kinh tế là đẩy mạnh sản xuất, tham gia xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, đồng thời xây dựng kinh tế cho bản thân quân đội để tự cân đối một phần quan trọng những nhu cầu cấp thiết của quân đội và quốc phòng; tham gia xây dựng toàn diện các địa bàn chiến lược, góp phần bố trí lại chiến lược kinh tế — quốc phòng. Toàn bộ hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế phải hướng vào việc góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân vươn lên khắc phục tình trạng mất cân đối của nền kinh tế quốc dân, bố trí lại chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong một cơ cấu thống nhất.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp của quân đội trên mặt trận xây dựng kinh tế, cần nắm vững đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, thấu suốt quan điểm kết hợp kinh tế — quốc phòng, tự lực tự cường, làm chủ tập thể, thiết thực, tiết kiệm, tư tưởng cách mạng tiến công, định rõ quy hoạch tổng thể quân đội xây dựng kinh tế, kế hoạch hóa từng năm và dài hạn, hoàn thiện thêm một bước các loại hình, các phương thức và hình thức quân đội sản xuất, xây dựng kinh tế. Mỗi loại hình, mỗi phương thức, hình thức đó có thể huy động cao độ tiềm năng và thế mạnh của quân đội, đồng thời từng bước nâng cao và kết hợp giữa các loại hình đó nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để đạt năng suất, chất lượng và

(*Xem tiếp trang 103*)

Digitized by Google

NGUYỄN THỌ CHÂN

MẤY VẤN ĐỀ CẤP BÁCH TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHONG trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa do Hồ Chủ tịch đề xướng từ tháng 6 năm 1948, đã được đồng bào cả nước hưởng ứng rộng rãi và trở thành truyền thống tốt đẹp. Phát động và tổ chức phong trào thi đua trong quần chúng là một đặc điểm về phương pháp cách mạng của Đảng ta, về sự gắn bó giữa Đảng và nhân dân. Khi còn sống, Hồ Chủ tịch chăm lo chỉ đạo và bồi dưỡng phong trào, thường xuyên động viên người tốt việc tốt. Những lời kêu gọi thi đua giản dị có sức thuyết phục cao của Người, nhân dân ta còn nhớ như in. Trong lịch sử ngót 40 năm, phong trào thi đua đã động viên đồng bào và chiến sĩ cả nước giết giặc lập công, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm cho những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta được thực hiện thắng lợi: đánh Pháp, đuổi Mỹ, diệt ngụy, bước đầu đánh bại chủ nghĩa bành trướng Bắc kinh, thống nhất đất nước, cải cách ruộng đất, tập thể hóa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp, thủy lợi hóa, tạo giống mới, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất cây trồng, mở mang công nghiệp, giao thông vận tải, phát triển y tế, văn hóa, khoa học, giáo dục v.v.

Công nhân ta đã lập các binh công xưởng ở rừng núi hồi kháng chiến chống Pháp; đã kiên trì tổ chức sản xuất trong hoàn cảnh sơ tán hồi chiến tranh chống Mỹ, đã kiên quyết đấu tranh đòi dân sinh dân chủ trong các vùng bị địch chiếm đóng, đã đấu tranh bảo vệ thiết bị tài sản, lúc địch sắp rút chạy, và khi cả nước được giải phóng đã khôi phục những cơ sở bị địch đánh phá trước đây, ổn định sản xuất, chịu đựng muôn vàn khó khăn thiếu thốn, lao động cần cù sáng tạo, ngày nay đang tiến bước trên con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Nông dân ta suốt bao năm cày, cấy dưới bom đạn, dành dụm « hũ gạo nuôi quân ». Ngay trong chiến tranh, bà con đã làm lên những cánh đồng 5 tấn, ngày đêm làm thủy lợi, xây dựng đồng ruộng, áp dụng kỹ thuật mới, nay đang tạo nên những cánh đồng cao sản, thực hiện chế độ khoán sản phẩm đối mới quản lý.

Thợ thủ công nghiệp sản xuất một tỷ trọng hàng tiêu dùng và xuất khẩu quan trọng làm nên nhiều mặt hàng tinh xảo tỏ rõ truyền thống khéo tay. Nhiều cơ sở tiểu, thủ công nghiệp phát triển thành những xí nghiệp công nghiệp tập thể thật sự.

Giới trí thức ta có những sáng tạo quan trọng mặc dù thiếu thốn phương tiện.

Bộ đội và công an ta chiến đấu tài giỏi, mưu trí, anh hùng thế nào, cả thế giới đều biết.

Digitized by Google

Thanh niên ta xứng đáng với các bậc tiền bối. Không có nơi đầu sóng ngọn gió nào, không có việc khó khăn nào vắng mặt tuổi trẻ. Học sinh, ngay cả trong bão lửa chiến tranh, khi địch dọa đưa đất nước ta trở lại thời kỳ đồ đá, vẫn học giỏi, vẫn đoạt những giải cao trong các kỳ thi quốc tế, làm bạn bè khâm phục và không cho phép kẻ thù coi thường.

Phụ nữ ta làm biết bao việc cực kỳ khó, tưởng như chỉ có dân « vai năm tấc rộng, thân mười thước cao » mới kham nổi. Đội quân tóc dài hóa tre đã dẫn đầu đồng khởi vào lúc tình hình tưởng như bó tay. Chính trong chiến tranh, ở nông thôn miền Bắc khi phụ nữ là lao động chính, đã xuất hiện cánh đồng 5 tấn và ngày nay đội ngũ phụ nữ tài năng càng đông đảo.

Phụ lão tạ tất kiên cường, trên 80 tuổi vẫn được tặng danh hiệu anh hùng lao động như các cụ Hoàng văn Oánh, Nguyễn Văn Hưởng, Nguyễn Sĩ Lâm, xứng đáng với lời khen của Hồ Chủ tịch « lão đương ích tráng ».

Phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa ngày càng đi vào trọng tâm của cuộc sống là thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và những nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng quan trọng ; ngày càng đi vào nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, hợp lý hóa tổ chức, hạch toán kinh tế, kiểm tra nghiêm ngặt kết quả lao động và phân phối thu nhập. Hình thức tổ chức thi đua cũng phong phú : ký kết giao ước, hợp đồng, tổ chức hội chợ triển lãm, luyện tay nghề thi thợ giỏi, phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua, phấn đấu làm cho tổ, đội không còn người yếu kém, đơn vị không còn tập thể yếu kém v.v.

Việc đánh giá kết quả, đề cao vinh dự trong thi đua ngày càng làm cho các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền quan tâm tổ chức và chỉ đạo phong trào thi đua. Ban chấp hành các đoàn thể nhận thức ngày một rõ hơn chức năng giáo dục, vận động quần chúng thi đua... Nơi nào làm được như vậy, phong trào đều phát triển và đạt kết quả tốt.

Cùng với việc Nhà nước đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, việc thực hiện nguyên tắc công khai, so sánh trong thi đua, việc kiểm tra kết quả thực hiện chương trình mục tiêu thi đua [illegible] tình trạng có nhiều cờ thưởng chung, thủ trưởng quyết định khen thưởng theo nhận xét chủ quan ; bớt được tình trạng cán bộ cải lý sự không có cơ sở, hạn chế được những trường hợp khai man, thổi phồng thành tích. Đã có lần cấp trên không trao cờ dẫn đầu cho những đơn vị vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc và đạo đức lao động.

Nhiều nơi đã kịp thời phát hiện, tổng kết và tổ chức làm theo kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, xét chọn đúng anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Trên cơ sở kết quả thi đua, nhiều nơi đánh giá, phân loại tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể, lựa chọn, bồi dưỡng và đề bạt đúng cán bộ.

Phong trào thi đua mấy năm qua có tiến bộ nhưng cũng còn những vấn đề tồn tại đang cản trở sự phát triển và hạn chế thắng lợi của nó. Ở đây chỉ nêu ra một số vấn đề cấp bách cần giải quyết để đưa phong trào tiến lên, nhằm thực hiện những nhiệm vụ cách mạng mà Đại hội thứ VI của Đảng sắp tới đề ra.

Những vấn đề đó là gì ?

Một là, Hồ Chủ tịch có lần nói « Còn nhiều nơi nhân dân, mà trước hết là cán bộ, chưa hiểu thật rõ ràng ý nghĩa của phong trào thi đua ái quốc. Tưởng làm rằng thi đua là một

Digitized by Google

việc khác với những công việc hằng ngày. Thật ra, công việc hằng ngày chính là nền tảng thi đua... Tưởng lầm rằng thi đua chỉ *nhất thời*. Thật ra thi đua là phải trường kỳ" (1).

Hiện nay vẫn còn tình hình mà Bác Hồ đã nêu ra đó. Nhiệm vụ mới, nhưng sai lầm cũ vẫn tồn tại. Chúng ta không so sánh mức độ hiện nay với trước đây. Chỉ biết rằng ở bất cứ đâu, bất cứ lĩnh vực nào, ngay cả ở những đơn vị tiên tiến, chúng ta đã **làm được nhiều việc nhưng còn những việc đáng làm, cần làm, có thể làm được mà chưa làm, có nghĩa là có** người, có tập thể thi đua nhưng vẫn còn có người và tập thể chưa thi đua. Nhiều đồng chí ở cương vị không thấp tưởng rằng với trình độ của mình, đã thừa hiểu thi đua là gì nhưng thật ra chưa hiểu đầy đủ hoặc hiểu hời hợt, thậm chí hiểu sai. Và kinh nghiệm cuộc sống cho thấy hiểu nửa vời còn tệ hơn là chưa hiểu. Vẫn còn không ít đồng chí viện cớ bận nhiều việc cho nên chưa có thì giờ nghĩ tới thi đua, nhưng lại bực dọc thấy mình làm quần quật mà vẫn không hoàn thành tốt nhiệm vụ, quy lỗi cho Đảng và Nhà nước đã giao nhiệm vụ quá nặng mà không chịu để tâm xem những nơi cùng có điều kiện giống như nơi mình đã làm ăn như thế nào để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có nơi đồng chí lãnh đạo chủ chốt quan tâm nhưng chưa làm cho cả tập thể quan tâm cùng ra tay, thành ra chỉ có nhiệt tình đơn độc trong lúc có đồng chí khác nói năng và hành động làm nản lòng quần chúng, kìm hãm phong trào. Vẫn còn có nơi chỉ phát động thi đua một cách hình thức, không tổ chức chỉ đạo cụ thể, không áp dụng những biện pháp kinh tế, kỹ thuật, kiểm tra đầy đủ, phó mặc cho các đoàn thể làm sao thì làm. Kết cục đoàn thể và cán bộ thi đua cũng đành bó tay. Vẫn còn thành viên hội đồng thi đua thay mặt cho tổ chức mình mà không hoạt động cụ thể, gần như chưa thấy trách nhiệm của mình nhưng lại không tiếc lời phê bình người khác. Còn có những đồng chí luôn kêu ca phong trào thi đua yếu, có khuyết điểm và «cho những chỉ thị» nhưng bản thân chưa thi đua gì cả và làm sai không ít. Bất kỳ giai đoạn cách mạng nào, nhất là những lúc khó khăn, cũng có thể gặp những nhà «cách mạng đầu lưỡi» như vậy. Những vị ấy chỉ gây thêm phức tạp cho phong trào.

Kinh nghiệm cho thấy những nơi đạt kết quả công tác cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ đều đã kiên trì tổ chức và bồi dưỡng phong trào cách mạng của quần chúng, coi thi đua là một hình thức để quần chúng làm chủ thật sự bằng hành động cách mạng.

Hai là, cũng vì chưa hiểu rõ ý nghĩa của thi đua cho nên không ít nơi phát động thi đua một cách hình thức, lấy lệ, chưa thấy thi đua là một phương pháp chủ yếu để tổ chức và động viên đông đảo quần chúng thực hiện nhiệm vụ cách mạng, chưa thấy có những việc tuy «khó vạn lần dân liệu cũng xong»; do đó không quan tâm đến nội dung, mục tiêu, hình thức thi đua, biện pháp tổ chức, kinh tế, kỹ thuật, giáo dục và động viên nhằm đạt kết quả thiết thực. Cũng còn những đồng chí, do xa rời quần chúng lâu ngày, mất lòng tin, hoài nghi kết quả thi đua.

Thật ra, chỉ đạo thi đua là một công việc phức tạp, đòi hỏi phải chuẩn bị chu đáo, bàn bạc dân chủ, giải thích kỹ, tổ chức hợp lý, kiểm tra nghiêm ngặt, trước, trong và sau đợt thi đua đều phải có biện pháp, có quyết tâm. Phải thấy rõ: «Kế hoạch một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi». Có như vậy mới làm chủ được phong trào thi đua.

Hình thức thi đua rất phong phú. Chấm bài ghi điểm, cấp học bổng cao

(1) Hồ Chí Minh: *Thi đua yêu nước*. Ban thi đua trung ương tái bản, 1982, tr. 17.

Digitized by Google

cho học sinh nghèo học giỏi, định mức sản xuất kiểm tra kết quả, trả lương theo sản phẩm, tổ chức luyện và thi tay nghề, nâng bậc theo năng suất và chất lượng; ký giao ước, kiểm tra, xếp hạng; tổ chức hội chợ triển lãm tặng huy chương, bằng khen và công bố những sản phẩm, công trình có chất lượng cao v.v. tất cả đều là những hình thức thi đua có khen thưởng

Những ý kiến cho rằng trong hoàn cảnh thiếu thốn về vật chất, cơ chế quản lý chưa hoàn chỉnh thì không thể thi đua được đều là không đúng. Thật ra, chính trong hoàn cảnh như vậy lại càng phải đẩy mạnh thi đua. Những ý kiến cho rằng thi đua là phong trào quần chúng thì cứ để quần chúng tự làm cũng là không đúng. Đó là tư tưởng tự phát nguy hiểm vì chúng ta đều biết mọi phong trào cách mạng muốn thành công phải có sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, khuynh hướng tự phát nói trên có phần bắt nguồn từ chỗ không hiểu đúng cơ chế « Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý », không hiểu rằng nhân dân làm chủ thông qua Nhà nước, thông qua những đại diện do mình bầu ra để quản lý đất nước, cho nên, cán bộ Nhà nước phải là người đại diện thật sự cho lợi ích của dân, tôn trọng quyền làm chủ của dân, làm tròn phận sự được dân ủy thác. Trong thi đua cũng như vậy. Thủ trưởng chính quyền cũng như các đoàn thể đều có trách nhiệm lãnh đạo phong trào thi đua của quần chúng. Thủ trưởng chính quyền có trách nhiệm nặng nhất, không thể khoán trắng công việc cho đoàn thể. Còn đoàn thể phải là chỗ dựa vững chắc cho phong trào thi đua. Có lần Hồ Chủ tịch đã phê bình: « Nhiều đồng chí phụ trách các ngành, các địa phương chưa chú ý đúng mức đến công tác chỉ đạo, tổ chức thi đua » (2). Và Người luôn cho rằng để có phong trào thi đua mạnh thì nhiệm vụ của Đảng, của Chính phủ, của Mặt trận là phải đẩy mạnh phong trào thi đua lên cao hơn nữa. Chính quyền và đoàn thể phải phối hợp chặt chẽ cùng nhau tổ chức chỉ đạo thi đua dưới sự lãnh đạo và kiểm tra của các cấp ủy Đảng. Chính quyền đề ra mục tiêu, tạo điều kiện để quần chúng phấn đấu, kiểm tra kết quả, khen thưởng kịp thời chính xác, tổng kết kinh nghiệm tiên tiến, quy chế hóa những kinh nghiệm đó và tổ chức để các nơi làm theo, động viên nuôi dưỡng những yếu tố tích cực mới. Đoàn thể giáo dục chính trị, tuyên truyền ý nghĩa và mục tiêu thi đua cho quần chúng, giúp đỡ thủ trưởng chính quyền trong việc kiểm tra khen thưởng, tổng kết và tổ chức áp dụng kinh nghiệm tiên tiến, khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đề xuất những hình thức động viên người có công. Cấp ủy Đảng, ngoài việc thông qua nội dung, mục tiêu, những biện pháp lớn đẩy mạnh phong trào, còn động viên đảng viên gương mẫu lao động, tích cực thi đua, kiểm tra và uốn nắn những lệch lạc có thể có của chính quyền và đoàn thể; qua kết quả thi đua mà phát triển và kiện toàn tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng, lựa chọn cán bộ. Nơi nào tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể làm đúng chức năng thì phong trào phát triển mạnh. Hiện nay vẫn còn những cán bộ thờ ơ với phong trào cách mạng của quần chúng, có mặt ở tất cả các cuộc liên hoan, chè chén nhưng lại lấy cớ vắng mặt ở những cuộc vận động thi đua. Phong trào quần chúng của ta chưa mạnh, và nhiều nghị quyết của Đảng không được thực hiện trọn vẹn có phần do tình hình đó.

Bốn là, có nơi không nắm vững mục tiêu hoặc đề ra quá nhiều yêu cầu cho một đợt thi đua, không hợp với khả năng và sức lực của quần chúng.

(2) Sách đã dẫn tr. 54.

Digitized by Google

Những yêu cầu phụ, thứ yếu, thường dễ thực hiện, có khi lấn át cả những yêu cầu then chốt là sản xuất và tiết kiệm. Hồ Chủ tịch dặn: kế hoạch phải sát với hoàn cảnh, với địa phương và ăn khớp với nhau. Để đạt được yêu cầu sản xuất và tiết kiệm, phải có biện pháp động viên, khuyến khích phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và tổ chức tốt lao động, giải quyết những khâu yếu. Trong bất cứ công việc nào đều phải nhìn cho ra những điều đó, giải quyết những vấn đề cần thiết, xác định thời gian phải hoàn thành, con người chịu trách nhiệm, đó là những điều quan trọng bậc nhất. Trong tác phẩm « Tổ chức thi đua như thế nào » Lê-nin đã nêu bật vấn đề tổ chức, vấn đề kiểm kê, kiểm soát. Nếu không giải quyết rõ ràng những vấn đề đó, không thể gọi là tổ chức thi đua được. Ở nước ta có những nghị quyết đúng nhưng tổ chức, kiểm tra và xử lý kém cho nên thực hiện không đạt yêu cầu, thậm chí thất bại.

Chính vì không kiểm kê và kiểm soát kết quả lao động và thu nhập cho nên việc phân phối và thưởng phạt không công bằng, tạo cơ hội cho kẻ xấu lợi dụng làm bậy khiến cho người tích cực nản lòng, phải trái không rõ. Vì vậy thi đua phải lấy mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước làm nội dung chủ yếu. Nếu về chỉ tiêu nào đó còn băn khoăn thì lấy tốc độ tăng trưởng so với các năm trước để xem xét.

Năm là, để việc so sánh và thưởng phạt được công bằng thì việc *xây dựng và giao các chỉ tiêu kế hoạch* phải được tính toán kỹ, sát với tiềm lực của địa phương, cơ sở, bậc nghề của cá nhân. Việc định chỉ tiêu kế hoạch có ảnh hưởng trực tiếp đến thi đua. Quá cao, không thực hiện nổi, quá thấp, chẳng cần cố gắng cũng thừa sức hoàn thành, cả hai mặt đều sinh ra tiêu cực và dẫn đến không công bằng trong khen thưởng thi đua. Công tác thống kê và kế hoạch phải phát hiện những dự trữ về công suất thiết bị, về nguồn vật tư, về lao động, tiền vốn, về kỹ thuật, về khả năng tăng năng suất, tăng sản lượng, giảm chi phí, nâng cao chất lượng, hạ giá thành, trên cơ sở đó mà định ra những chỉ tiêu kế hoạch vừa tích cực, vừa vững chắc.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, những cơ sở sản xuất kinh doanh có liên quan đều bắt buộc phải ký kết hợp đồng, có sự giám sát và xử lý nghiêm khắc của trọng tài kinh tế Nhà nước và cơ quan cấp trên. Đây cũng là yếu tố rất quan trọng. Ký và thực hiện hợp đồng có thưởng phạt là một hình thức liên kết, một hình thức thi đua làm cho các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước được thực hiện, động viên được lòng hăng hái của cán bộ và quần chúng lao động.

Còn không ít người có trách nhiệm làm như chưa thấy vấn đề đó và có người, thường là ở cơ quan kinh doanh cấp trên, từ chối, chần chừ ký hợp đồng hoặc tự tiện hủy hợp đồng nghĩa vụ mà Nhà nước đã chỉ định.

Sáu là, trong phong trào thi đua xuất hiện không ít những con người và tập thể tiên tiến suy nghĩ đúng đắn, xác định rõ đường đi nước bước, mạnh dạn đổi mới cách làm ăn, ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, khiêm tốn học tập, hợp tác tốt với bạn bè, coi trọng danh dự và lợi ích chung, hoàn thành tốt nghĩa vụ, họ không có điều kiện gì thuận lợi hơn người khác, thậm chí còn gặp khó khăn hơn, nhưng đã biết nêu cao tinh thần chủ động, năng động khắc phục khó khăn để tiến lên. Nếu tất cả mọi người, mọi tập thể đều làm tốt như họ thì đất nước sẽ chóng giàu mạnh, nhân dân ấm no hạnh phúc.

Do vậy một vấn đề cần hết sức chú trọng là *tổng kết kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, phổ biến rộng rãi*

Digitized by Google

và tổ chức làm theo, thi đua đuổi kịp và vượt tiên tiến. Về mặt này, quân đội và các hợp tác xã nông nghiệp làm tốt hơn các ngành khác nhưng vẫn chưa thật kiên trì. Còn nhiều nơi chưa kiểm tra *xem lại sao cùng điều kiện như nhau mà kết quả công tác, sản xuất lại khác nhau*. Kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến là vốn quý của cả nước, không tổng kết, không tổ chức làm theo là bỏ phí cái vốn đó.

Bảy là, thi đua là một phương pháp quản lý, một phương pháp vận động quần chúng làm cách mạng. Có thi đua, quần chúng lao động nỗ nức hơn, phấn chấn hơn, không thi đua thì không động viên được sức mạnh của quần chúng, việc dễ trở thành khó, việc có thể giải quyết nhanh thành kéo dài. Thi đua là cùng nhau đoàn kết phấn đấu vì sự nghiệp chung nhưng có thể so sánh hơn kém, qua đó thúc đẩy phê bình và tự phê bình, giáo dục và cải tạo con người. Có qua thi đua mới thấy rõ tiên tiến hay lạc hậu, năng động hay trì trệ. Thi đua tốt thì được việc, được người, được tổ chức, được phong trào.

Căn cứ vào kết quả thi đua qua một quá trình nhất định, chúng ta có thể *lựa chọn, bồi dưỡng và kịp thời thay thế hoặc cất nhắc cán bộ, kiện toàn tổ chức Đảng*, chính quyền và đoàn thể. Một tổ chức mà được rèn luyện và phát triển trong phong trào thi đua của quần chúng thì mới sống động, mạnh mẽ. Nhiều nơi chưa gắn công tác tổ chức cán bộ với phong trào thi đua cách mạng của quần chúng cho nên đánh giá cán bộ chưa thật đúng, trong bộ máy thừa những người làm ăn được chăng hay chớ, thiếu những người năng nổ, nhạy bén, làm ăn thật sự.

★

Hiểu vấn đề thi đua, nắm chắc và thúc đẩy phong trào, giải quyết những vấn đề cấp bách được đặt ra, đó là thiết thực lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội thứ VI của Đảng cộng sản Việt nam. Chúng ta hãy làm cho thi đua trở thành cao trào, trở thành ngày hội thật sự của quần chúng.

Digitized by Google

CHU TAM THỨC

BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

GẦN đây, với việc thực hiện các nghị quyết 6, 7 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), cơ chế quản lý xí nghiệp đã có nhiều điểm được bổ sung, sửa đổi, bước đầu có ảnh hưởng tốt đến sản xuất—kinh doanh, thúc đẩy các xí nghiệp tích cực khai thác tiềm năng, tính toán kỹ hơn các phương án sản xuất—kinh doanh, tháo gỡ được nhiều vướng mắc. Tuy nhiên, những bổ sung, sửa đổi trong cơ chế quản lý xí nghiệp vừa qua chưa đáp ứng được yêu cầu phát huy quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp. Nhiều chế độ chưa đạt được mức độ hợp lý phù hợp với tình hình và điều kiện nước ta. Nhược điểm lớn nhất trong cơ chế quản lý tài chính xí nghiệp quốc doanh hiện nay xét đến cùng, vẫn còn nhiều biểu hiện của tệ tập trung quan liêu bao cấp.

Nhằm tạo điều kiện mở ra bước chuyển biến mới, căn bản trong công tác quản lý kinh tế, phát huy tính năng động sáng tạo của xí nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, việc xác lập đúng đắn quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp trong giai đoạn hiện nay là một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Chính vì vậy, Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của BCHTU Đảng (khóa V) đã nêu rõ: «Mở rộng quyền chủ động, sáng tạo, xác lập quyền tự chủ tài chính của các đơn vị sản xuất—kinh doanh, mở rộng quyền chủ động của các địa phương dưới sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương, gắn chặt nghĩa vụ với lợi ích, trách nhiệm với quyền hạn ở mỗi ngành, mỗi cấp và trong từng đơn vị cơ sở».

I — NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA XÍ NGHIỆP

Bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp chính là quy định rõ cho xí nghiệp những quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ sao cho xí nghiệp có thể phát huy được tính năng động, sáng tạo của mình trong quá trình sản xuất—kinh doanh, đó cũng chính là thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Sự cần thiết phải lãnh đạo kinh tế một cách tập trung dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là do có chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Chế độ sở hữu này liên hợp nền kinh tế thành một khối thống nhất trong phạm vi cả nước và phù hợp với tính chất xã hội của quá trình sản xuất. Quy luật phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân hoạt động dưới chế độ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi sự phát triển của tất cả các ngành sản xuất xã hội phải phục tùng sự lãnh đạo thống nhất theo kế hoạch, nhằm bảo đảm sự cân đối của các bộ

Digitized by Google

phận kinh tế. Việc duy trì sự cân đối thường xuyên trong nền kinh tế quốc dân sẽ không thể thực hiện được nếu không có kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất của Nhà nước, nếu không biến « toàn bộ bộ máy kinh tế Nhà nước thành một bộ máy lớn duy nhất, thành một cơ cấu kinh tế hoạt động sao cho hàng trăm triệu con người đều được chỉ đạo bằng một kế hoạch duy nhất » (1). Kinh doanh xã hội chủ nghĩa hoàn toàn không có tính tự phát và tình trạng vô chính phủ như chủ nghĩa tư bản vốn có. Trong chủ nghĩa xã hội, mọi hoạt động kinh tế đều chịu sự tác động của các quy luật kinh tế khách quan, đồng thời Nhà nước xã hội chủ nghĩa vận dụng một cách có ý thức các quy luật kinh tế ấy vào thực tiễn xây dựng kinh tế. Khác với chế độ tập trung quan liêu, chế độ tập trung dân chủ thu hút rộng rãi nhân dân lao động tham gia xây dựng đất nước tạo ra các điều kiện để phát huy tính chủ động và tính tích cực sáng tạo của họ. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, việc tăng cường sự lãnh đạo tập trung trong quản lý kinh tế đòi hỏi phải đồng thời hoàn thiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, thu hút ngày càng rộng rãi, đông đảo quần chúng nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, nêu cao vai trò của các cơ sở và các tổ chức kinh tế trong việc xây dựng kinh tế. Lê-nin nói: « Chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống. Tính chất máy móc hành chính và quan liêu không dung hợp được với tinh thần của chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân ». (2)

Ở nước ta hiện nay, trong hoàn cảnh sản xuất đang có nhiều khó khăn, mất cân đối, quản lý còn theo kiểu tập trung quan liêu, mọi cái đều phải chờ cấp trên xét duyệt, đã dẫn đến chậm trễ, gò bó, gây thiệt hại đến sản xuất. Bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp có tác dụng làm cho xí nghiệp quan tâm đầy đủ đến hoạt động của mình, tính toán kỹ hiệu quả kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, khắc phục lối làm ăn ỷ lại, vô trách nhiệm.

Bảo đảm quyền tự chủ tài chính là thực hiện yêu cầu phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý. Trong hoàn cảnh khó khăn phức tạp hiện nay, chỉ có phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng mới có thể tập hợp được đầy đủ trí tuệ, sức sáng tạo, đủ sức giải quyết khó khăn. Phát huy cao độ dân chủ cũng chính là tạo điều kiện để thực hiện tập trung cao độ. Chỉ có kết hợp tốt giữa dân chủ và tập trung mới tạo ra khả năng kết hợp đúng đắn sự lãnh đạo tập trung của Nhà nước với việc phát huy cao độ tính tích cực sáng tạo của quần chúng.

Bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp không có nghĩa là thoát ly khỏi sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước. Tự chủ không có nghĩa là hoạt động theo kiểu tự phát, tùy tiện. Những khuynh hướng, biểu hiện muốn đưa hoạt động của xí nghiệp ra xa vòng chỉ đạo của Nhà nước, muốn được thoải mái tự do làm theo ý mình, không muốn bị ràng buộc bởi những quy định, tiêu chuẩn, định mức hợp lý, không muốn kiểm tra, kiểm soát, chỉ thu vén cho lợi ích của xí nghiệp mình, của địa phương mình mà không thấy hết lợi ích của cả nước v.v. là xa lạ với bản chất của chủ nghĩa xã hội, không đúng với thực chất của tự chủ tài chính xí nghiệp dưới chế độ ta.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 8.

(2) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, 1978, t. 35, tr. 64.

Digitized by Google

Quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp phải được xây dựng sao cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao, tích lũy được nhiều nhất, phân phối số tích lũy làm ra hợp lý nhất, đáp ứng đồng thời cả hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm tự chủ tài chính của xí nghiệp là nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, đạt được hiệu quả kinh tế đối với từng cơ sở và đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong hoàn cảnh tích lũy của các xí nghiệp quốc doanh hiện nay làm ra chưa nhiều, nếu tính toán không kỹ, không thấy hết yêu cầu toàn diện, cả trước mắt và lâu dài, rất dễ rơi vào tình trạng phân tán vốn, làm ra bao nhiêu tiêu dùng hết bấy nhiêu. Bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp phải trên cơ sở bảo đảm cả ba lợi ích: lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể xí nghiệp và lợi ích của người lao động, trong đó lợi ích của Nhà nước là trên hết, đồng thời giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích tụ và tập trung, quan hệ giữa trung ương và địa phương. Trong các lợi ích và các mối quan hệ trên phải có chính sách phân phối hợp lý, phù hợp với từng thời kỳ và hoàn cảnh cụ thể, nhằm mục tiêu cao nhất là năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Trên cơ sở năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế đạt được và số lượng sản phẩm hàng hóa (tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng) thực tế làm ra, Nhà nước phân phối cho tích lũy và tiêu dùng. Phải tiêu dùng trên cơ sở của cải làm ra được, không phải dựa vào viện trợ, vay nợ, tranh mua, tranh bán, đẩy giá lên, tạo ra chênh lệch giá để tăng thu nhập của xí nghiệp mình, địa phương mình. Thực tế đã chỉ rõ, nếu làm như vậy chỉ tạo ra sự mất cân đối chung, làm xộc xệch việc kế hoạch hóa, làm lợi cho bọn đầu cơ, buôn lậu, gian thương, giúp cho chúng phá rối thị trường, phá rối giá cả, khiến cho Nhà nước không nắm được hàng, tiền, ngân sách Nhà nước càng thêm thâm hụt vì bị tiêu hao, rò rỉ, phân tán từ cơ sở, từ các ngành, các cấp.

Để bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp, trước mắt cần nhanh chóng tạo ra những điều kiện sau đây:

+ Kế hoạch sản xuất của xí nghiệp phải được bảo đảm cân đối trên những mặt chủ yếu như: Cân đối giữa kế hoạch sản xuất với kế hoạch cung ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và máy móc thiết bị chủ yếu, giữa kế hoạch sản xuất với kế hoạch lao động và tiền vốn, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa xuất khẩu và nhập khẩu v.v.

+ Hệ thống giá cả phải được xây dựng hợp lý, nói chung phải bù đắp được chi phí và có tích lũy.

+ Hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng có căn cứ khoa học.

+ Công tác hạch toán, nhất là hạch toán kế toán phải bảo đảm trung thực.

+ Chức năng nhiệm vụ của các bộ, các ngành, các địa phương phải được rà xét lại, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính—kinh tế của các cơ quan Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp.

II—NỘI DUNG CHÍNH VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

Trên cơ sở những nguyên tắc, điều kiện đã nêu trên, để bảo đảm quyền tự chủ tài chính, cần nhanh chóng bổ sung, đổi mới chính sách tài chính xí nghiệp.

a) Kế hoạch hóa tài chính và hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh

Digitized by Google

Kế hoạch tài chính phải thật sự được xây dựng từ cơ sở và phải được tính toán cân đối với các kế hoạch khác, nhất là kế hoạch vật tư, tiêu thụ. Hết sức khắc phục tình trạng giao kế hoạch không có vật tư bảo đảm, bắt xí nghiệp sản xuất nhưng không có kế hoạch tiêu thụ sản phẩm cho xí nghiệp. Kế hoạch tài chính và các kế hoạch khác của xí nghiệp phải được xây dựng trước hết trên cơ sở hợp đồng đã ký được cho tới giữa năm trước năm kế hoạch, không nên hoàn toàn xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu vật tư phân phối trên giấy.

Tùy theo tính chất, trình độ sản xuất, điều kiện kỹ thuật của từng ngành, tùy theo sản phẩm và khả năng cân đối vật tư của Nhà nước, cơ quan quản lý cấp trên giao cho xí nghiệp một số chỉ tiêu pháp lệnh thích hợp, (phân biệt tùy theo loại hình xí nghiệp), chủ yếu nhằm xác định rõ được yêu cầu của xã hội về hiện vật và giá trị đối với kết quả sản xuất — kinh doanh cuối cùng của xí nghiệp đó.

Đối với các cơ sở sản xuất, tùy tình hình sản xuất kinh doanh cụ thể của từng loại xí nghiệp và từng mặt hàng, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao cho mỗi xí nghiệp từ 1 đến 3 chỉ tiêu pháp lệnh sau đây:

1. Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (trong đó ghi rõ kim ngạch xuất khẩu nếu có).

2. Số lượng sản phẩm chủ yếu với quy cách và chất lượng quy định tiêu thụ theo kế hoạch và hợp đồng (trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu, nếu có).

3. Các khoản nộp ngân sách Nhà nước (gồm lợi nhuận và các khoản thu khác).

Hiện nay ở nước ta, tình hình sản xuất—kinh doanh còn đang biến động. Trong hoàn cảnh đó, nếu coi giá thành là chỉ tiêu pháp lệnh sẽ làm cho xí nghiệp bị gò bó, nhiều trường hợp hạch toán thiếu trung thực, rút từ giá thành của sản phẩm này sang sản phẩm kia. Để kích thích mạnh mẽ việc hạ giá thành, cần có chính sách mạnh dạn khuyến khích các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tiết kiệm vật tư so với các định mức tiêu hao đã được cấp trên có thẩm quyền xét duyệt. Tuy Nhà nước không giao chỉ tiêu pháp lệnh, nhưng giá thành sản phẩm là chỉ tiêu hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước; đối với các sản phẩm có tích lũy lớn hoặc các mặt hàng còn phải bù lỗ theo chính sách thì Nhà nước xét duyệt giá thành khi quy định giá bán buôn xí nghiệp. Xí nghiệp phải phấn đấu giảm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm, coi việc hạ giá thành là nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng để tăng lợi nhuận và nâng cao hiệu quả sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp.

b) Các loại vốn sản xuất:

Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho xí nghiệp có khả năng tự tạo vốn, nhằm mở rộng vốn tự có của xí nghiệp. Cần tích cực tạo điều kiện để chuyển sang hình thức tín dụng toàn bộ vốn lưu động và đại bộ phận vốn đầu tư cơ bản cần thiết. Đầu tư chiều sâu và mở rộng do xí nghiệp tự lo vốn.

Về nguyên tắc, xí nghiệp được để lại toàn bộ hoặc một phần tiền trích khấu hao cơ bản để dùng vào việc đầu tư, đổi mới kỹ thuật, mở rộng sản xuất — kinh doanh, tùy theo trạng thái của từng xí nghiệp.

Mở rộng quyền hạn của xí nghiệp trong việc thanh lý và mua bán tài sản cố định. Sau một thời gian nhất định, nếu cấp trên không trả lời ý kiến của xí nghiệp thì xí nghiệp được giải quyết theo phương án đã đề nghị.

Áp dụng khoản nộp về sử dụng vốn sản xuất ở những nơi có điều kiện

Digitized by Google

như đã xây dựng được định mức sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu tương đối đầy đủ và giá cả cho phép, nhằm thúc đẩy, khuyến khích sử dụng hết công suất máy móc thiết bị.

Khi xí nghiệp mới ra đời và đi vào sản xuất, xí nghiệp được Nhà nước cấp vốn lưu động ban đầu. Bổ chế độ hằng năm xét duyệt lại định mức vốn lưu động và ngân sách cấp vốn bổ sung vốn cho các xí nghiệp đang hoạt động. Trong năm kế hoạch, xí nghiệp được sử dụng một phần trong số lợi nhuận để lại xí nghiệp để bổ sung vốn lưu động thông qua quỹ khuyến khích phát triển sản xuất. Ngoài số vốn ngân sách cấp ban đầu và các nguồn vốn tự có khác do xí nghiệp tự tạo được, nếu thiếu xí nghiệp được vay vốn ngân hàng.

c) Phân phối tích lũy tiền tệ, trích lập và sử dụng các quỹ:

Nhà nước thực hiện việc phân phối tích lũy tiền tệ dưới hình thức thuế thích hợp. Xí nghiệp có nghĩa vụ nộp đầy đủ và kịp thời số phải nộp cho ngân sách Nhà nước, phần còn lại Nhà nước để cho xí nghiệp lập các quỹ của xí nghiệp (quỹ khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng). Mục đích, tính chất và đại lượng của các quỹ này phải được xác định trên cơ sở bảo đảm quyền xí nghiệp được tạo vốn cho sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, thực hiện các phương án kinh tế xã hội, đời sống và khuyến khích về vật chất đối với người lao động. Các quỹ này đạt được nhiều hay ít là tùy thuộc vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp trên cơ sở tăng năng suất lao động, hạ giá thành, tăng nhanh vòng quay vốn, và mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Đối với quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng của xí nghiệp, không khống chế mức tối đa; Nhà nước điều tiết bằng một khoản thu theo phương thức lũy tiến khi các quỹ này vượt quá một mức nhất định (việc điều tiết vào hai quỹ này sẽ được bãi bỏ khi Nhà nước thực hiện việc đánh thuế thu nhập đối với người lao động).

Xí nghiệp được Nhà nước cho phép trực tiếp thực hiện kinh doanh xuất nhập khẩu phải thực hiện đúng những quy định của Nhà nước và của các cơ quan chức năng về mặt hàng, tỷ giá và giá cả, quản lý ngoại tệ... Xí nghiệp được mở tài khoản tiền gửi ngoại tệ tại Ngân hàng ngoại thương và được quyền sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất – kinh doanh của xí nghiệp.

Trong trường hợp xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp quan hệ với thị trường xuất nhập khẩu, thì việc giao hàng cho tổ chức xuất nhập khẩu vẫn thực hiện bằng tiền Việt nam, nhưng xí nghiệp được bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ (do được thưởng quyền sử dụng ngoại tệ hoặc được phép ủy thác xuất khẩu phần vượt kế hoạch) và các vật tư cần thiết để sản xuất ra hàng xuất khẩu.

Những xí nghiệp có quyền sử dụng ngoại tệ thì đồng thời cũng có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng ngoại tệ cho các đơn vị kinh tế khác theo đúng quy định của Nhà nước.

Thực hiện chế độ kết hối bắt buộc một phần ngoại tệ thu được của xí nghiệp do kinh doanh xuất khẩu. Phần ngoại tệ còn lại thuộc quyền sử dụng của xí nghiệp để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh xuất nhập khẩu phục vụ sản xuất của xí nghiệp.

Xí nghiệp có quỹ ngoại tệ phải có kế hoạch thu chi ngoại tệ và chấp hành nghĩa vụ nộp thuế xuất nhập khẩu cho Nhà nước.

d) Công tác hạch toán:

Xí nghiệp có trách nhiệm thực hiện các chế độ hạch toán, báo cáo, đồng

Digitized by Google

thời chịu sự kiểm tra, thanh tra theo đúng quy định của Nhà nước. Phải hoàn thiện công tác hạch toán, trong đó hạch toán kế toán là quan trọng, nhằm đạt được các mục đích: Cung cấp thông tin chính xác để làm phương tiện cho việc phân tích đánh giá kết quả kinh tế, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và xây dựng kế hoạch cho thời kỳ tới, bảo đảm thông tin số liệu, tình hình kịp thời, chính xác cho việc điều hành sản xuất – kinh doanh; thực hiện tốt việc thanh toán và quyết toán.

Nhà nước sớm ban hành Pháp lệnh về kế toán thống kê thống nhất trong cả nước phù hợp với cơ chế quản lý mới, ban hành Điều lệ kế toán trưởng.

Ngoài ra, Bộ tài chính cần nghiên cứu bổ sung, sửa đổi một số nghiệp vụ kế toán phù hợp với những đổi mới của các chế độ về quản lý kinh tế tài chính; cùng với Tổng cục thống kê bổ sung, sửa đổi chế độ ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo kế toán thống kê của xí nghiệp; quy định chế độ kế toán vốn cố định và vốn lưu động, kế toán các loại vốn và các loại quỹ xí nghiệp, kế toán các hoạt động liên doanh, liên kết và thu chi ngoại tệ trong kinh doanh xuất nhập khẩu, kế toán tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác của xí nghiệp, chế độ xét duyệt quyết toán cho các xí nghiệp cơ sở, chế độ báo cáo kế toán tổng hợp và biểu mẫu quyết toán năm của các Bộ, Tổng cục và các cơ quan chủ quản cấp trên.

Cần tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện kỷ luật kế toán ở các đơn vị xí nghiệp và cơ sở kinh tế, bảo đảm chế độ tài chính công khai và tính trung thực của các sổ sách, chứng từ báo cáo kế toán; khôi phục và thực hiện thường xuyên công tác hạch toán kinh tế nội bộ xí nghiệp và công tác phân tích hoạt động kinh tế ở xí nghiệp, phân xưởng, tổ đội sản xuất.

★

Bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp nói riêng cũng như bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp nói chung là một yêu cầu tự thân, nội tại của hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, của nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy kế hoạch làm trung tâm, tiến hành hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cần coi trọng việc sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế về giá cả, tiền lương, tiền thưởng, lợi nhuận, tài chính, tín dụng... Xí nghiệp được quyền tạo vốn, bổ sung vốn, tăng nhanh vòng quay của vốn, thực hiện chu trình tái sản xuất mở rộng, thật sự tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh, lỗ lãi của mình, bảo đảm cả ba lợi ích, trong đó lợi ích của Nhà nước là cao nhất tạo ra động lực làm chủ tập thể của mỗi thành viên trong xí nghiệp, làm cho mọi người đều quan tâm thực hành tiết kiệm, tăng năng suất lao động, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Giải quyết đúng đắn, đồng bộ những vấn đề về quản lý kinh tế, với sự chỉ đạo sát sao, thống nhất của Nhà nước, chắc chắn sẽ có những tác động tích cực đến toàn bộ nền kinh tế xã hội của nước ta, tạo đà phát triển mới với hiệu quả cao trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1986 và những năm sau.

Digitized by Google

LÊ XUÂN VŨ

THẾ GIỚI QUAN MÁC — LÊ-NIN TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN TA

HƠN 60 năm trước, vào đầu thế kỷ 20, xã hội Việt nam còn là một xã hội thuộc địa, phong kiến lạc hậu mà nếp suy nghĩ theo những mệnh đề và khái niệm Nho giáo còn là phổ biến. Sự áp bức bóc lột của thực dân phong kiến, kể cả sự đầu độc có hệ thống của chúng đều không làm tê liệt được ý thức của nhân dân Việt nam, nhưng những phong trào cứu nước diễn ra liên tiếp và rất anh dũng, từ Cần Vương đến Hoàng Hoa Thám, từ Phan Bội Châu đến Phan Chu Trinh, vẫn cứ lần lượt bị thất bại, bởi thiếu một đường lối cứu nước đúng đắn. Thời đại đã đổi khác. Kẻ thù chính là chủ nghĩa tư bản phương Tây chứ không phải là phong kiến nước ngoài như xưa, cho nên không thể cứu nước theo đường lối và khuôn mẫu của ông cha ta thuở trước chống Trung quốc xâm lược. Nhưng lại cũng không thể giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ bằng con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, noi gương Nhật bản duy tân. Yêu nước nồng nàn, dũng cảm có thừa, hy sinh không quản, nhưng nói như Phan Bội Châu, « trăm thất bại mà chẳng một thành công ». Đó là vì tư duy còn luẩn quẩn trong khuôn khổ của thế giới quan phong kiến, tư sản, chưa có được một quan điểm đúng đắn về thời cuộc, cho nên chưa có được một đường lối cứu nước đúng đắn phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử.

Phong trào cứu nước Việt nam hồi bấy giờ đòi hỏi cấp bách có một đường lối mới dựa trên một hệ tư tưởng mới có khả năng đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thành công. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận lãnh sứ mệnh lịch sử vĩ đại ấy. Người đã tìm thấy và đem lại cho phong trào cứu nước Việt nam đường lối mới ấy, hệ tư tưởng mới ấy, sau mười năm bôn ba khắp bốn biển năm châu, vừa rèn luyện, nghiên cứu, vừa hoạt động cách mạng. Đường lối mới ấy là đường lối giải phóng dân tộc trong quỹ đạo của cách mạng vô sản. Hệ tư tưởng mới ấy là hệ tư tưởng Mác — Lê-nin.

Hồ Chủ tịch sớm chỉ rõ chủ nghĩa Mác — Lê-nin giống như trí khôn của một con người, như kim chỉ nam của một con tàu. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin phải là cái cốt lõi của một đảng cách mạng để từ đó trở thành cốt lõi của đời sống tinh thần của xã hội.

Việc biến đổi về mặt hệ tư tưởng, việc xây dựng lại đời sống tinh thần của xã hội Việt nam theo thế giới quan Mác — Lê-nin bắt đầu từ những năm 20 của thế kỷ này : từ *Le Paria* do Hồ Chủ tịch sáng lập được gửi về Việt nam ; từ những bài báo kịch liệt lên án chủ nghĩa thực dân, nhất là từ *Bản án chế độ thực dân Pháp* nổi

Digitized by Google

tiếng của Người ; từ tuần báo *Thanh niên* và tác phẩm *Đường kách mệnh* của Người có vai trò như tờ báo *Tia lửa* và tác phẩm *Làm gì?* trong Cách mạng Nga ; từ Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do Người tổ chức và phong trào « vô sản hóa » của thanh niên Bắc kỳ ; từ những học trò ưu tú của Người gửi đi học ở nước Nga xô viết trở về...

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đi vào Việt nam bằng tư tưởng độc lập, tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội : làm cách mạng đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giải phóng dân tộc rồi tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây là tư tưởng cách mạng không ngừng ; là tinh thần cách mạng triệt để của giai cấp công nhân kết hợp nhuần nhuyễn với truyền thống yêu nước và dân chủ nghìn đời của dân tộc Việt nam, là xu thế cách mạng của thời đại, là thuận theo quy luật phát triển tất yếu của xã hội loài người.

Lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin được Hồ Chủ tịch đưa vào Việt nam một cách « vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ », « rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả » (*Đường kách mệnh*). Những tư tưởng sâu sắc và phong phú của Hồ Chủ tịch thường được diễn đạt hết sức ngắn gọn, giản dị và lắng đọng ngay ở từng chủ trương, kế hoạch, biện pháp cụ thể. Phong cách hiện đại độc đáo ấy của Người đã làm cho lý luận về một đường lối và một phương pháp cách mạng mới theo hệ tư tưởng Mác — Lê-nin nhanh chóng thâm nhập vào quần chúng và có tác dụng hướng dẫn phong trào cách mạng Việt nam. Nhân dân Việt nam sục sôi tinh thần yêu nước — căm thù — ghét Tây hướng về chủ nghĩa cộng sản và nước Nga xô viết, nhanh chóng nhận rõ rằng : « Muốn sống thì phải làm cách mạng », cách mạng phải triệt để, « dã cách thì phải cách đến nơi... », làm cách mạng phải dựa vào sức mình là chính, lực lượng chủ yếu của cách mạng là công nhân và nông dân, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cộng sản v.v.

Việc thành lập Đảng cộng sản Việt nam ngày 3-2-1930 với Chính cương và Sách lược vắn tắt do Hồ Chủ tịch khởi thảo, đặt nền móng cho toàn bộ đường lối cách mạng của Đảng cho đến tận ngày nay, *là cái mốc đánh dấu thắng lợi đầu tiên của thế giới quan Mác — Lê-nin ở Việt nam* : gạt bỏ thế giới quan phong kiến, nó đi vào đời sống tinh thần của xã hội Việt nam bằng việc kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt nam, xác lập sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt nam và Đảng cộng sản Việt nam.

Cùng với sự phát triển lớn mạnh của Đảng cộng sản Việt nam trong máu lửa cách mạng, thế giới quan Mác—Lê-nin cũng ngày một sáng tỏ và chiến thắng không chỉ trong lĩnh vực chính trị—triết học phân tích mâu thuẫn xã hội, xác định chiến lược, sách lược, phương pháp cách mạng, mà cả trong nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội Việt nam. Những cuộc đấu tranh tư tưởng về đường lối cách mạng giữa những người cộng sản và những người cách mạng quốc gia trong các nhà tù đế quốc chỉ chứng minh thêm sự đúng đắn và sức thuyết phục của những quan điểm và đường lối của Đảng cộng sản Việt nam. Những luận thuyết phản động của bọn tờ rốt xkít và bọn khiêu khích chống Đảng (bọn A. B.) không có đất phát triển. Cuộc tranh luận « duy tâm và duy vật », « nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh » trên báo chí công khai vạch mặt bọn tay sai đế quốc, phê phán quan điểm chính trị, triết học, văn nghệ tư sản phản động và tuyên truyền quan điểm triết học, văn nghệ của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Đồng

Digitized by Google

thời trong nội bộ Đảng, những lệch lạc « tả » khuynh như biệt phái, hợp hồi, hữu khuynh như bệnh hợp pháp, say sưa với những thắng lợi cục bộ, hợp tác vô nguyên tắc với bọn tờ rốt xkit, lo tranh thủ giai cấp tư sản, địa chủ mà coi nhẹ lực lượng cách mạng của công nhân và nông dân, coi nhẹ liên minh công nông v.v. đều bị phê phán nghiêm khắc. Sách báo cách mạng phát hành bí mật, thơ ca cách mạng của các chiến sĩ cộng sản tuyên truyền đắc lực cho những quan điểm của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, được đông đảo quần chúng tìm đọc, truyền tụng. *Đề cương văn hóa Việt nam* (1943) thể hiện quan điểm của chủ nghĩa Mác—Lê-nin về văn hóa vận dụng vào hoàn cảnh Việt nam. Với một thế giới quan khoa học và một phương pháp luận biện chứng duy vật, *Đề cương văn hóa Việt nam* vạch ra con đường cách mạng giải phóng trí tuệ và văn hóa trong sự nghiệp giải phóng chung của dân tộc, phát động một cuộc đấu tranh rộng lớn trên mặt trận văn hóa chống văn hóa ngu dân và nô dịch của bọn phát xít Nhật—Pháp, chống những khuynh hướng văn hóa sai lầm tai hại khác, tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới Việt nam có tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời, Hồ Chủ tịch yêu cầu mở ngay « một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân » (1). *Hệ tư tưởng Mác—Lê-nin từ đây trở thành hệ tư tưởng chính thống của nước ta.* Không phải là bằng rỉ tai hay bí mật chuyền tay nhau như trước nữa mà việc tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng chính thức và công khai mở rộng ra trên phạm vi cả nước bằng sách báo, đài phát thanh, bằng nhà trường, bằng những phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng nhân dân kháng chiến và kiến quốc. Trong hoàn cảnh mới, trước những nhiệm vụ cách mạng mới, Hồ Chủ tịch càng luôn luôn nhắc nhở phải không ngừng học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin, học tập suốt đời, bởi vì « không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi », « vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan. Ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại » (2). Học tập lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin theo tư tưởng của Hồ Chủ tịch hoàn toàn không phải là học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác—Lê-nin để « trang sức » và tự biến mình thành cái « hòm đựng sách », mà là rèn luyện lấy một thế giới quan, một phương pháp tư duy khoa học, là vận dụng những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta một cách sáng tạo nhằm giải quyết những công việc thực tế. Vì lẽ đó cho nên Hồ Chủ tịch luôn luôn yêu cầu lý luận phải gắn liền với thực tiễn.

Được lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin của Đảng soi sáng, nhân dân ta giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, gắn liền chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kiên quyết đánh thắng thực dân Pháp, giành lại độc lập tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải phóng nhưng miền Nam lại bị đế quốc Mỹ xâm chiếm và biến thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Chúng ta vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Theo tư tưởng chỉ đạo của Hồ Chủ tịch, ở miền Bắc chúng

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 4, tr. 7; và tr. 444, tr. 445.

Digitized by Google

ta đã mở những cuộc vận động tư tưởng lớn, chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch tư tưởng đế quốc và phong kiến, đã kết hợp chặt chẽ việc không ngừng nâng cao lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, ý chí đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà với việc xây dựng ý thức xã hội chủ nghĩa cho nhân dân. Nhờ vậy, nhân dân lao động nước ta dần dần hiểu được rằng sau khi đánh đổ đế quốc và phong kiến, phải đi con đường xã hội chủ nghĩa để vĩnh viễn thoát khỏi áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu. Ý thức làm chủ nước nhà, chủ nghĩa tập thể, tư tưởng « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », thái độ lao động xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa anh hùng cách mạng ngày càng ăn sâu vào quần chúng nhân dân.

Đương nhiên, không dễ gì quét sạch được những tư tưởng, tâm lý và tập quán mà chế độ thực dân phong kiến đã để lại trong ý thức con người. Huống chi, đế quốc và phong kiến hồi bấy giờ lại vẫn còn đang thống trị ở miền Nam. Đấu tranh giai cấp nhằm xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phát triển lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc cũng mới chỉ bắt đầu. Những luận điệu tuyên truyền chống cộng, xuyên tạc chế độ ta và phe ta, những tà thuyết duy tâm phản động của Mỹ — ngụy, những tư tưởng cao bồi trụy lạc, « lối sống Mỹ » tràn ngập miền Nam và ảnh hưởng ra cả miền Bắc. Ngay ở miền Bắc, những tư tưởng phục đế quốc, tự ti dân tộc, sùng bái văn hóa đế quốc, những tư tưởng tôn ti đẳng cấp, danh vị, cấp bậc, thái độ gia trưởng, quan liêu, hách dịch, trọng nam khinh nữ, v.v. của giai cấp phong kiến địa chủ vẫn tồn tại trong không ít người, kể cả trong cán bộ, đảng viên. Mê tín cũng còn khá phổ biến ở nhiều nơi v.v. Cho nên, sau khi miền Bắc được giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh cho thắng lợi của tư tưởng Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng vẫn tiếp tục, nhiều lúc thật gay gắt, quyết liệt.

Chúng ta phải đấu tranh *chống những hoạt động xuyên tạc và tiến công của bọn phá hoại Nhân văn — Giai phẩm* vào đường lối của Đảng từ lĩnh vực tư tưởng, văn hóa đến lĩnh vực kinh tế, chính trị. Đây là cuộc đấu tranh rộng lớn phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt trong xã hội khi miền Bắc bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, là cuộc đấu tranh trên cả hai mặt chính trị và văn nghệ để bảo vệ chế độ ta, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bảo vệ đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. « Nhân văn — Giai phẩm là những hạt giống xấu mọc trên miếng đất của những tư tưởng lạc hậu », Hồ Chủ tịch đã nói như vậy (3). Đó là « những phần tử chống chủ nghĩa xã hội, chống Đảng đã nhân sơ hở của ta mà tiếp tục tiến công ta về mọi mặt dưới hình thức văn nghệ » như Nghị quyết ngày 6-1-1958 của Bộ chính trị Đảng ta đã nhận định. Chúng xuyên tạc chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nói xấu phe xã hội chủ nghĩa, kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, đòi « trả văn nghệ lại cho văn nghệ, trả chuyên môn lại cho chuyên môn », thực hiện « tố cộng trong lòng cộng »... Phải mất ba năm đấu tranh quyết liệt (tuy thời gian đầu — vào cuối năm 1956 đầu năm 1957 — ta còn dè dặt, phần nào buông lỏng trận địa) mới xóa bỏ được những tư tưởng chính trị thù địch và quan điểm văn nghệ phản động của chúng.

Chúng ta phải *đấu tranh chống ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại*.

(3) Trích theo Tố Hữu trong ***Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, với thời đại ta.*** Nxb Văn học, Hà nội, 1971, tr. 216

Digitized by Google

Đây là cuộc đấu tranh khá phức tạp bởi vì chủ nghĩa xét lại hiện đại khoác áo Mác—Lê-nin để tuyên truyền quan điểm tư tưởng tư sản. Thận trọng phân biệt đúng sai, phê phán có lý có tình nhưng kiên quyết giữ vững nguyên tắc, đó là thái độ của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta trong cuộc đấu tranh này. Nhờ vậy mà chúng ta đã ngăn chặn được tác hại của những quan điểm sai lầm như muốn lên chủ nghĩa xã hội nhưng sợ đấu tranh giai cấp, e ngại chuyên chính vô sản, sợ mất tự do cá nhân thực chất là tự do tiểu tư sản và tư sản, thuyết con người trừu tượng, chủ nghĩa nhân đạo trừu tượng trong xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp, phủ nhận tính đảng trong văn học nghệ thuật v.v. Từ đó, vị trí của thế giới quan Mác—Lê-nin trong đời sống xã hội ta được củng cố thêm một bước.

Cuộc đấu tranh hơn 20 năm nhằm giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước cũng bao hàm cả *đấu tranh hết sức ác liệt chống tư tưởng và văn hóa thực dân mới*. Chính kẻ địch đã chủ trương một cuộc « đối đầu tư tưởng », một cuộc « chiến tranh ý thức hệ ». Đó thực chất là cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng Mác—Lê-nin với những tư tưởng phong kiến, tư sản và tôn giáo phản động được góp nhặt lại, đại loại như ngụy thuyết duy linh nhân vị, chủ nghĩa hư vô, triết học hiện sinh tiêu cực chán chường; là cuộc đấu tranh giữa văn hóa dân tộc và nhân phẩm con người Việt nam với văn hóa thực dân mới phản động và đồi trụy; là cuộc đấu tranh giữa lối sống Việt nam lành mạnh, giản dị, nhân nghĩa, thủy chung với lối sống Mỹ xô bồ, sa đọa, lạnh lùng, tàn nhẫn. Cuộc đấu tranh này hiện diện ở mỗi căn nhà, góc phố miền Nam. Sử dụng bộ máy chiến tranh tâm lý khổng lồ, có cơ sở và phương tiện vật chất áp đảo, kẻ địch không phải là không thu hoạch được gì, hậu quả của tư tưởng và văn hóa thực dân mới ở nước ta cho đến ngày nay vẫn chưa hết. Song chúng ta đã thắng; thế giới quan Mác—Lê-nin, đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng cộng sản Việt nam đã thắng; con người Việt nam, văn hóa Việt nam đã thắng.

Trí thức nước ta cũng như trí thức các nước thuộc địa, nửa thuộc địa hay các dân tộc bị áp bức, khác với trí thức các nước tư bản đế quốc. Hồ Chủ tịch chỉ rõ: nói chung, trí thức nước ta đều bị đế quốc áp bức cho nên có dầu óc dân tộc và dầu óc cách mạng. Nhưng Hồ Chủ tịch cũng nói rằng trí thức nước ta vốn có những khuyết điểm như chủ nghĩa cá nhân, tính không kiên quyết, thái độ chờ đợi, bàng quan, tính bảo thủ, óc làm thuê, và Người răn: « Ngồi giữa hai ghế thì nhất định sẽ ngã »(4). Thực tế là trong quá trình cách mạng, chúng ta cũng phải *đấu tranh khắc phục những sự non yếu, ngả nghiêng về lập trường, quan điểm, tư tưởng ở một số người nào đó ngay trong hàng ngũ chúng ta vào những lúc có chuyển biến lớn của cách mạng*. Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc thứ III của Đảng, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội, chúng ta đã đẩy mạnh công tác tư tưởng *trong Đảng*, nhằm bồi dưỡng tư tưởng vô sản trên cơ sở giáo dục một cách có hệ thống chủ nghĩa Mác—Lê-nin; *trong xã hội nói chung*, nhằm nâng cao không ngừng trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước, ý chí thống nhất nước nhà và ý thức làm chủ của nhân dân, chống lại mọi biểu hiện của tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, tiếp tục xóa bỏ mọi tàn tích của tư tưởng phong kiến và các tư tưởng sai lầm khác. Thực hiện nhiệm vụ công tác tư tưởng này, chúng ta đã góp phần bảo đảm hoàn thành kế hoạch

(4) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 535.

Digitized by Google

Nhà nước và đẩy mạnh cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Đồng thời, đó cũng là tiến thêm một bước nữa trong cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng theo mục tiêu « làm cho toàn dân, trước hết là nhân dân lao động, thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, gạt bỏ thế giới quan và nhân sinh quan cũ, xây dựng thế giới quan của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, *làm cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nước ta và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, trên cơ sở đó mà xây dựng đạo đức mới của nhân dân ta* » (5).

Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, như Đảng ta đã nhận định, không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn mà còn « là thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ngày càng thâm sâu vào đông đảo quần chúng; thắng lợi của ý chí độc lập, tự do, của chủ nghĩa yêu nước truyền thống được phát huy mạnh mẽ hơn bất cứ thời đại nào trong lịch sử dân tộc; thắng lợi của nhân phẩm Việt nam, của những giá trị tinh thần cao quý của con người Việt nam » (6). Từ đây, từ bước ngoặt lịch sử này của cách mạng Việt nam, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập thì dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một. Cả nước thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội trong đấu tranh gay go, phức tạp giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, trong lao động tự do, tình thương và lẽ phải.

Tư tưởng làm chủ tập thể được Hồ Chủ tịch nêu lên từ sau Cách mạng và nhất là từ đầu những năm 60 đến đây càng có điều kiện phát huy mạnh mẽ. Chúng ta đang từng bước thực hiện chế độ làm chủ tập thể theo cơ chế « Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý ». Lý luận về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của chúng ta đang hình thành và phát huy tác dụng của nó: làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân; làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở, kết hợp hữu cơ quyền làm chủ tập thể với quyền tự do chân chính của mỗi cá nhân. Làm chủ là nắm quy luật khách quan và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan nhằm phục vụ sự phát triển của xã hội và con người; là có phương pháp tư duy khoa học, suy nghĩ và hành động phù hợp với yêu cầu và khả năng hiện thực, là thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi của mình với tư cách là người chủ tập thể của nước nhà...

Không chỉ những quan điểm chính trị của giai cấp công nhân về đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về lao động, về làm chủ tập thể, về chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, mà cả những quan điểm triết học, pháp luật, đạo đức, mỹ học v.v. của nó cũng ngày càng sáng tỏ trong đời sống của nhân dân ta.

★

Cuộc đấu tranh thủ tiêu mọi biểu hiện của hệ tư tưởng của các giai cấp bóc lột nhằm cải biến triệt để bộ mặt tinh thần của xã hội ta, xây dựng lại đời sống tinh thần của nhân dân ta trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lê-nin hiện nay vẫn đang tiếp diễn không kém phần gay gắt và phức tạp. Vẫn có sự phá hoại công khai và ngấm ngầm của các

(5) *Văn kiện Đại hội III* Hà nội, 1960, tập 1, tr. 70.

(6) *Báo cáo chính trị của BCHTUĐ tại Đại hội IV*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1977, tr. 112–113.

Digitized by Google

loại kẻ thù đế quốc, bành trướng và phản động khác. Vẫn còn những tác động nguy hiểm của tư tưởng tư sản và tiểu tư sản, của tàn dư tư tưởng phong kiến, của văn hóa thực dân mới, của thế giới quan tôn giáo, mê tín, v.v. Vẫn còn những yếu kém về lập trường, tư tưởng, quan điểm trong hàng ngũ chúng ta. Sự mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường và đấu tranh giữa ta và địch, lề thói sản xuất nhỏ, sự thiếu hiểu biết về khoa học và kỹ thuật vẫn còn kìm hãm nhân dân ta. Bệnh quan liêu xa rời quần chúng, sự bảo thủ trì trệ, chủ quan nóng vội bất chấp quy luật vẫn còn gây nhiều tác hại to lớn. Thậm chí vẫn còn những biểu hiện hư hỏng nghiêm trọng về đạo đức và lối sống trong một bộ phận cán bộ và nhân dân. Nhưng « chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi cảnh bị áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, để sống một cuộc đời no cơm, ấm áo, ngày mai được bảo đảm, một cuộc đời văn minh, hạnh phúc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân lao động quyền làm chủ đầy đủ, mới trả lại giá trị chân chính cho con người, khiến cho con người thật sự làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân. Có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới có kinh tế hiện đại, văn hóa, khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh; do đó bảo đảm cho đất nước ta vĩnh viễn độc lập, tự do và ngày càng phát triển phồn vinh. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho Tổ quốc ta thống nhất ở trình độ cao nhất và đầy đủ nhất, thống nhất về lãnh thổ, về chính trị và tinh thần, về kinh tế, văn hóa, xã hội, thống nhất về quyền lợi và nghĩa vụ, mọi người đoàn kết, thương yêu nhau một cách chân thành và thắm thiết » (7). Những điều đó đã trở thành nhận thức cơ bản làm cơ sở cho đời sống tinh thần của nhân dân ta ngày nay đang làm hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu tư tưởng, mục tiêu hàng đầu của cách mạng tư tưởng và văn hóa theo cương lĩnh của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta đã và đang từng bước trở thành hiện thực: *thế giới quan Mác – Lê-nin, tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã chiếm ưu thế và đang chi phối đời sống tinh thần của nhân dân ta.*

---

(7) *Báo cáo chính trị của BCHTƯ tại Đại hội IV*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 46 – 47.

Digitized by Google



Tiến tới ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

Góp ý kiến về chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đầu tiên ở nước ta

ĐẶNG HỒI XUÂN

Những năm tới: y tế cơ sở và chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

TRONG các mục tiêu kinh tế — xã hội tổng quát của những năm 80 do Đại hội thứ V của Đảng ta đề ra, mục tiêu sức khỏe cho nhân dân được đặc biệt coi trọng.

Thấu suốt nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, mấy năm qua, những người làm công tác y tế đã cố gắng vươn lên để làm tròn những nhiệm vụ nặng nề mà Đảng và nhân dân giao phó. Trong hoàn cảnh thiên tai liên tiếp xảy ra, đời sống của nhân dân ta có nhiều khó khăn, kẻ địch vẫn tiến hành chiến tranh lấn chiếm biên giới, phá hoại chúng ta về nhiều mặt, việc duy trì được các hoạt động y tế, bảo vệ sức khỏe nhân dân, phục vụ kịp thời mọi yêu cầu cấp bách của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một thành tích đáng tự hào.

Công tác trọng tâm của ngành y tế mấy năm qua là thực hiện 5 mục tiêu y tế và đẩy mạnh phong trào 5 đứt điểm. Đến nay, chúng ta đã từng bước thực hiện được các nhiệm vụ nói trên. Nhờ tích cực phòng, chống dịch, chúng ta đã không để một vụ dịch lớn nào xảy ra. Nhờ tăng cường việc khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe tại nhà mà ta đã hạ thấp được tỷ lệ người mắc các bệnh sốt rét, lao, phong, mắt hột, ho gà, bại liệt, uốn ván, sởi v.v... Theo phương châm kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, việc chữa bệnh bằng các biện pháp y học dân tộc đã có một bước phát triển mới. Sự góp sức của 6000 lương y và hàng chục nghìn y sĩ, y tá, bác sĩ được đào tạo hoặc được bồ túc về y học dân tộc, đã làm tăng thêm khả năng khám, chữa bệnh bằng thuốc nam, bằng những phương pháp không dùng thuốc như châm cứu, bấm huyệt, xoa bóp, dưỡng sinh... Công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch, hạ thấp tỷ lệ phát triển số dân ngày càng có chiều

Digitized by Google

sâu và đạt hiệu quả thiết thực. Việc tăng thêm dinh dưỡng đối với bà mẹ và trẻ em đang được mở rộng. Bằng việc thành lập liên hiệp các xí nghiệp dược, và sự cố gắng của nhiều địa phương, cơ sở, chúng ta đã khắc phục một bước tình hình thiếu thuốc hiện nay. Bốn năm qua, chúng ta đã đưa giá trị sản lượng thuốc và dược liệu tăng lên hơn ba lần. Một số thiết bị, dụng cụ y tế trước đây phải nhập từ nước ngoài, đến nay ta đã tự sản xuất được.

Việc xây dựng hệ thống tổ chức y tế, nhất là mạng lưới y tế huyện, quận và xã, phường đã được coi là một mục tiêu quan trọng nhất. 5 năm trước đây, xã, phường các tỉnh phía Nam chỉ có y tá, đến nay 80% đã có y sĩ. Các bệnh viện, đội vệ sinh phòng dịch và chống sốt rét, hiệu thuốc, phòng chẩn trị y học dân tộc huyện, phòng khám đa khoa khu vực đã được kiện toàn về tổ chức và tăng cường về cán bộ. Bình quân mỗi huyện đã có 8 bác sĩ (ở các huyện miền Nam số này còn thấp) và phần lớn đã có dược sĩ đại học.

Cùng với việc thực hiện 5 mục tiêu về chăm sóc sức khỏe nhân dân, khắc phục kịp thời những hậu quả do thiên tai gây ra, ngành y tế đã coi phục vụ chiến đấu là nhiệm vụ thường xuyên; đã định kỳ kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người địa phương, bổ sung phương tiện, thuốc cho y tế các tỉnh, huyện biên giới phía Bắc, phối hợp với quân y để chăm sóc, cứu chữa đồng bào, chiến sĩ ở nơi có chiến sự. Công tác cấp cứu chiến thương trong các trận chiến đấu bảo vệ biên cương đã được tổ chức tốt và kịp thời.

Công tác đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật và hợp tác quốc tế trong kế hoạch 5 năm qua cũng đã được tăng cường một bước. Hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung học và các lớp sơ cấp của ngành trong cả nước đã đào tạo mỗi năm từ 1 500 đến 2 000 bác sĩ, 250 đến 300 dược sĩ đại học, hàng nghìn cán bộ trung học các loại và bổ túc kiến thức chuyên môn cho hàng nghìn cán bộ. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học đã được triển khai. Hơn 3 000 trạm y tế xã, phường, gần 1 000 đơn vị y tế tuyến huyện, quận (bệnh viện, đội vệ sinh phòng dịch và chống sốt rét, hiệu thuốc, phòng khám bệnh), nhiều đơn vị y tế tuyến tỉnh và trung ương được xây dựng, sửa chữa và trang bị phương tiện. Ngành y tế đã mở rộng sự hợp tác và tranh thủ viện trợ quốc tế, đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện với Liên xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa, các nước khác và các tổ chức y tế thế giới.

Mấy năm qua, ngành y tế đã vừa tận dụng vốn đầu tư của Nhà nước và những khả năng hiện có của toàn ngành vừa dựa vào khả năng to lớn của các địa phương, sự quan tâm của các ngành, và sự đóng góp của nhân dân. Chúng ta đã đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia phong trào thực hiện dứt điểm 5 mặt công tác y tế. Phong trào đó đã trở thành động lực thúc đẩy việc thực hiện 5 mục tiêu và hoàn thành kế hoạch của ngành, bảo đảm làm tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Hàng nghìn xã, phường và hàng trăm huyện, quận đã đạt tiêu chuẩn thực hiện dứt điểm từ một đến năm mặt công tác. Nhiều đơn vị tiên tiến, nhiều nhân tố mới, nhiều cá nhân xuất sắc đã xuất hiện, được Đảng và Nhà nước ta tặng danh hiệu anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc. Từ những điển hình đó, chúng ta có thể rút ra những kinh nghiệm về cách nghĩ và cách làm sáng tạo để tháo gỡ khó khăn, vươn lên hoàn thành nhiệm vụ.

Thành tích trên đây là cơ bản và đáng tự hào nhưng so với mục tiêu và nhiệm vụ mà nghị quyết Đại hội

Digitized by Google

thứ V của Đảng đề ra, nhiều mặt chúng ta chưa đạt hoặc đạt ở mức độ thấp. Đảng ta, nhân dân ta và ngay cả những người làm công tác y tế cũng chưa hài lòng trước tình hình chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân ta hiện nay. Môi trường nhiều nơi tiếp tục bị ô nhiễm nặng, nhất là ở các khu dân cư đông đúc, ở những nơi công cộng và ở các thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp... Vấn đề thiếu thuốc chữa bệnh, ngay cả những thuốc thông thường, vẫn đang còn gay gắt. Việc sản xuất thuốc, nhập thuốc từ nước ngoài, quản lý, phân phối, sử dụng thuốc, giá thuốc đang đặt ra những vấn đề cần giải quyết để đáp ứng tốt hơn nhu cầu phòng và chữa bệnh của nhân dân ta. Số dân mấy năm qua vẫn tiếp tục tăng nhanh, gây sức ép rất lớn đối với tình hình kinh tế – xã hội. Mạng lưới y tế, nhất là ở cơ sở, nói chung vẫn đang tiếp tục bị sa sút, chưa được củng cố, ổn định. Ở nhiều nơi, cán bộ, nhân viên y tế bỏ nghề, bỏ việc đã ảnh hưởng xấu đến việc phòng dịch, chống dịch, khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân lao động. Chất lượng nhiều hoạt động y tế chưa bảo đảm. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của nhiều cán bộ, nhân viên y tế chưa tốt, còn xa lạ với tinh thần "thầy thuốc như mẹ hiền". Nhiều hiện tượng tiêu cực xảy ra, nhất là trong các lĩnh vực khám, chữa bệnh, quản lý và phân phối thuốc. Nhiều cán bộ, nhân viên y tế hách dịch, cửa quyền, ban ơn, ăn hối lộ, bớt xén và buôn bán thuốc... đã làm nhân dân giảm lòng tin vào sự nghiệp y tế nói chung. Việc thực hiện không đúng tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ tám của Trung ương Đảng (khóa V) và Nghị quyết 28 của Bộ chính trị ở một cơ sở y tế đã làm cho tình hình vốn đã khó khăn, phức tạp lại càng khó khăn, phức tạp thêm.

Những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác y tế mấy năm vừa qua có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Thiên tai, địch họa, tình hình kinh tế – xã hội của một nước lạc hậu vừa trải qua mấy chục năm chiến tranh... đã có những cản trở rất lớn đến sự phát triển ngành y tế và đáp ứng nhu cầu của cách mạng. Kinh phí cho y tế, nhất là cho các bệnh viện, các trạm y tế, quá thấp (chỉ bảo đảm 50 – 60% nhu cầu tối thiểu); vật tư, dụng cụ y tế rất thiếu. Giá mua dược liệu hiện nay quá thấp, không thu hút được dược liệu vào tay Nhà nước. Ta cũng không đủ ngoại tệ để nhập thuốc thiết yếu; chưa có nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh, thiếu nhà máy sản xuất y cụ và thủy tinh v.v. Tình hình thiếu dụng cụ y tế, thiếu thuốc càng trở nên trầm trọng. Hơn nữa, đời sống cán bộ nhân viên y tế có nhiều khó khăn; chính sách chế độ (nhất là cho cán bộ y tế cơ sở) chưa thỏa đáng, chưa kịp thời... đã ảnh hưởng xấu và làm giảm sút chất lượng các hoạt động y tế.

Nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Chúng ta nhận thức chưa đầy đủ về chức năng của y tế và y học, về cái vốn quý nhất của con người là sức khỏe. Các cấp Đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội và đông đảo nhân dân mới chỉ giao phó việc chăm sóc, bảo vệ, tăng cường sức khỏe cho riêng một ngành y tế. Chúng ta chưa thấy hết rằng, muốn có sức khỏe tốt không chỉ cần tích cực phòng và chống dịch, bệnh, mà phải tạo ra môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội thật tốt. Mỗi người chúng ta phải tự bảo vệ, tăng cường sức khỏe của mình bằng một chế độ làm việc, rèn luyện, ăn uống, nghỉ ngơi, sinh hoạt, giải trí phù hợp. Chúng ta chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ và rèn luyện sức khỏe trong nhân dân một cách sâu sắc, khoa học.

Ngành y tế chịu trách nhiệm chính trong việc để xảy ra những thiếu sót trong các hoạt động của

Digitized by Google

mình. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ người bệnh làm chưa tốt hoặc có nơi, có lúc bị buông lỏng. Những điển hình tốt của ngành chưa được nhân ra rộng rãi. Chưa có những biện pháp để phát động quần chúng phát hiện, đấu tranh, kiên quyết ngăn chặn, chấm dứt các hiện tượng tiêu cực. Do đó, đã gây tác hại đến hiệu quả phục vụ và làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự nghiệp y tế. Việc cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước ta vào lĩnh vực y tế có nơi, có lúc chưa kịp thời, chưa phù hợp cho nên cũng gây những ảnh hưởng xấu không đáng có.

Với tinh thần thẳng thắn phê bình và tự phê bình, khẳng định những thành tích, nhìn thẳng vào sự thật, chúng ta quyết nhanh chóng khắc phục những thiếu sót, nhược điểm nói trên, làm tốt hơn nữa công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

★

Trong quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội V của Đảng, chúng ta ngày càng thấy rõ hơn những vấn đề cơ bản, cấp bách trong công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân ta. Đó cũng là cơ sở hiện thực để chúng ta thảo luận, đề ra những nhiệm vụ của công tác y tế những năm trước mắt.

Năm 1985, nhân ngày "Thầy thuốc Việt nam", Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã chỉ rõ: sức khỏe con người tùy thuộc vào môi trường xã hội, môi trường thiên nhiên, sự phấn đấu rèn luyện của từng người và tác động của y học và y tế. Do đó, chăm lo sức khỏe phải bao gồm những biện pháp toàn diện về kinh tế, văn hóa và xã hội, nhằm cải thiện điều kiện sống vật chất và văn hóa của người lao động, bảo vệ và làm sạch môi trường, nâng cao trình độ, kiến thức của từng người, phát triển y học và tổ chức tốt dịch vụ y tế. *Chăm lo sức khỏe phải là trách nhiệm của các cấp Đảng, chính quyền, của các ngành và của toàn xã hội.*

Đã đến lúc cần rà soát lại và tiếp tục điều tra cơ bản về tình hình sức khỏe, bệnh tật, về những yếu tố có liên quan đến sức khỏe để ngành y tế làm tham mưu tốt hơn cho Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương, đường lối chăm lo bảo vệ và nâng cao sức khỏe của toàn dân.

Trải qua nhiều năm hoạt động trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, ngành y tế nước ta đã có một thành công lớn là Nhà nước kết hợp với nhân dân phát triển mạng lưới y tế rộng khắp trong cả nước, đưa công tác y tế tới từng người dân, thực hiện "thầy tại chỗ, thuốc tại chỗ". Đó là một kinh nghiệm tốt. Để thực hiện mục tiêu chung "sức khỏe cho mọi người vào năm 2000" mà Tổ chức y tế thế giới đề ra, chúng ta đang hòa nhịp cùng với các nước triển khai việc *chăm sóc sức khỏe ban đầu* cho nhân dân. Chăm sóc sức khỏe ban đầu bao gồm những biện pháp toàn diện để chăm sóc sức khỏe người dân mà chúng ta đã làm như giáo dục sức khỏe, cung cấp nước sạch và làm trong sạch môi trường, cải tiến bữa ăn và dinh dưỡng, tiêm chủng, phòng chống các bệnh dịch và các bệnh xã hội, bảo vệ bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình, chữa bệnh và vết thương thông thường, bảo đảm thuốc thiết yếu... Chăm sóc sức khỏe ban đầu là đưa các kỹ thuật tiên tiến thích hợp xuống cơ sở để thực hiện các biện pháp nói trên, có sự đóng góp của các ngành, các đoàn thể quần chúng và sự tham gia tự giác của nhân dân nhằm thường xuyên và chủ động chăm sóc sức khỏe các tầng lớp nhân

Digitized by Google

dân và kịp thời giải quyết các vấn đề dịch, bệnh và vết thương xảy ra hằng ngày ở cơ sở. Đó là cách làm phù hợp với quan điểm chủ động, tích cực của Đảng ta trong công tác y tế và phương hướng y học dự phòng mà loài người đang thực hiện. Cách làm đó cũng phát huy khả năng của y học cổ truyền, nguồn dược liệu sẵn có ở địa phương và những sáng kiến, những kinh nghiệm phong phú của quần chúng. Cho nên, đây là con đường thuận tiện nhất, tiết kiệm nhất để chăm lo sức khỏe cho mọi người, giảm bớt được gánh nặng không cần thiết cho Nhà nước và các tổ chức y tế tuyến trên. Chính vì vậy, ngành y tế nước ta đã coi chăm sóc sức khỏe ban đầu là nhiệm vụ trọng tâm số một trong kế hoạch y tế 5 năm 1986—1990. Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng đó, công việc có ý nghĩa quyết định là phải *củng cố và kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở*, từ trạm y tế xã, phường, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường đến mạng lưới y tế quần chúng ở từng khu vực dân cư nhỏ nhất. Những nhân viên y tế và hội viên chữ thập đỏ cần bám sát tới các hộ gia đình, tự nguyện chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tùy theo chức trách từng người, đội ngũ này cần được đào tạo, bồ túc đầy đủ về nội dung các biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu. Đội ngũ cán bộ các trạm y tế xã, phường cần được trả lương hoặc sinh hoạt phí thích đáng. Y tá đội sản xuất hoặc thôn, bản cần được dân cử, dân nuôi, làm sao giúp cho anh chị em có đủ khả năng công tác và yên tâm phục vụ. Hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở chỉ thật sự có hiệu quả khi công tác giáo dục sức khỏe trong nhân dân được đẩy mạnh, làm cho mỗi người dân có ý thức và biết cách chăm sóc sức khỏe cho mình, gia đình mình và tập thể nơi mình sống, đồng thời hăng hái tham gia thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu ở địa phương.

Năm 1978, tại hội nghị quốc tế bàn về công tác sức khỏe ở cơ sở họp ở An-ma A-ta, thủ đô nước Cộng hòa Ca-dắc-tăng (Liên xô), chính phủ các nước đã cam kết thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu và mục tiêu chiến lược «Sức khỏe cho mọi người vào năm 2000». Ở nước ta, việc thực hiện các biện pháp toàn diện này chỉ có thể thực hiện được khi nó được các cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp lãnh đạo và các ngành, các đoàn thể làm tròn trách nhiệm của mình đối với sức khỏe nhân dân. Chăm sóc sức khỏe ban đầu là nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành y tế, không của riêng y tế cơ sở. Tùy theo chức năng của mình, các đơn vị y tế tuyến trên đều phải hướng vào phục vụ cho việc thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu thông qua các công tác nghiên cứu, tổ chức, chỉ đạo, đào tạo, bồ túc kiến thức cho cán bộ, tăng cường cán bộ và trang bị, thiết bị cho y tế cơ sở.

Để phục vụ tốt người bệnh và sức khỏe nhân dân, một vấn đề bức bách và nghiêm ngặt đặt ra là *nâng cao chất lượng trên mọi lĩnh vực công tác y tế*. Đây là vấn đề sống còn của những công tác chuyên môn tỉ mỉ và phức tạp, có liên quan đến sức khỏe và tính mệnh con người; những công việc luôn luôn đòi hỏi được tiến hành với tinh thần trách nhiệm cao và tình thương yêu nhân dân, thương yêu người bệnh sâu sắc «thầy thuốc như mẹ hiền», với tay nghề thành thạo và với những quy trình, quy tắc chuyên môn chặt chẽ. Từng đơn vị y tế cần kiểm tra, đánh giá lại toàn diện tình hình chất lượng công tác để có phương hướng phấn đấu và biện pháp cụ thể của mình trong những năm tới. Tăng cường giáo dục chính trị và tư tưởng, nâng cao ý thức tổ chức,

Digitized by Google

kỷ luật và tinh thần tự giác, đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực và tự do, tùy tiện. Bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, đẩy mạnh công tác khoa học, kỹ thuật đi đôi với kiện toàn tổ chức và đổi mới cơ chế quản lý là những biện pháp chủ yếu của ngành y tế để nâng cao chất lượng công tác phục vụ ở các cơ sở y tế trong kế hoạch 5 năm tới — những năm của y tế cơ sở và của chất lượng phục vụ sức khỏe nhân dân.

XÃ LUẬN...

(Tiếp theo trang 6)

Thái độ đúng duy nhất trong việc này là **phải nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết của Đảng và Nhà nước và các văn bản pháp quy** *cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết. Không được nhân danh việc quản lý tập trung mà duy trì thói bảo thủ trì trệ, vi phạm quyền tự chủ của cơ sở; cũng không được nhân danh mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp mà gây hại đến sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước. Cơ sở chính trị tư tưởng của một thái độ đúng đắn như vậy là sự tôn trọng lợi ích của toàn xã hội,* **coi lợi ích toàn xã hội là cao hơn hết,** *là có* **quan điểm toàn cục và toàn quốc** *trong việc giải quyết mọi vấn đề cụ thể của việc đổi mới cơ chế quản lý, đồng thời rất tin tưởng ở trí sáng tạo của quần chúng, của cơ sở và chú ý thích đáng đến lợi ích trực tiếp của họ. Thiếu điều đó thì không tránh khỏi rơi vào bệnh bảo thủ, trì trệ, tự do chủ nghĩa, không tránh khỏi mắc bệnh cục bộ, địa phương chủ nghĩa, đem lợi ích cục bộ đối chọi với lợi ích toàn cục, đem lợi ích địa phương đối chọi với lợi ích toàn quốc, đem lợi ích của cá nhân người lao động và của tập thể nhỏ đối chọi với lợi ích toàn xã hội, hoặc ngược lại nhân danh lợi ích toàn xã hội mà coi thường lợi ích của xí nghiệp, làm cho việc* **kết hợp hài hòa ba lợi ích** *trên cơ sở coi lợi ích toàn xã hội là cao nhất, bị vi phạm nghiêm trọng, có hại cho toàn bộ công cuộc đổi mới quản lý kinh tế của nước ta.*

Đương nhiên, việc **ban hành kịp thời các văn bản pháp quy** *về vấn đề này là rất cần thiết. Đó trước hết là các thể chế và chính sách tạm thời về kế hoạch hóa, tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu và sử dụng ngoại tệ, về tổ chức cung ứng vật tư và định giá, về lao động và hợp đồng kinh tế.*

Cần khẩn trương chuẩn bị để án đổi mới cơ chế quản lý chung. Trước mắt cần sắp xếp lại sản xuất và tổ chức bộ máy trong từng đơn vị cơ sở, giảm nhẹ biên chế hành chính và biên chế gián tiếp trong sản xuất, kinh doanh; kịp thời bồi dưỡng cán bộ và thay những cán bộ không còn khả năng thích ứng với nhiệm vụ và phương thức quản lý mới, phát hiện và đề bạt những cán bộ có phẩm chất, năng lực, nhạy cảm với cái mới, làm nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý ở các cấp và các ngành.

Cuối cùng là phải **tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành.** *Điều cơ bản là các cấp, các ngành đều phải đi sâu, đi sát cơ sở, và tiến hành chỉ đạo điểm để nắm vững tình hình, kịp thời rút kinh nghiệm, phát huy cái đúng, khắc phục các khuyết điểm, lệch lạc có thể nảy sinh, phát hiện và xử lý kịp thời những diễn biến mới, phức tạp của tình hình.*

Đoàn kết chặt chẽ và có kỷ luật, với tư duy mới về kinh tế, Đảng ta sẽ lãnh đạo thắng lợi việc đổi mới quản lý kinh tế lần này, từng bước giành những kết quả cụ thể, rõ rệt, góp phần tích cực vào việc làm chuyển biến dần thực trạng kinh tế — xã hội của nước ta, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho thành công của Đại hội VI của Đảng sắp họp vào cuối năm nay.

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN HẠNH
Thứ trưởng Bộ giáo dục

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BỔ TÚC VĂN HÓA THÍCH HỢP VỚI TÌNH HÌNH MỚI

MỘT vinh dự lớn của ngành bổ túc văn hóa – một bộ phận quan trọng của nền giáo dục nước ta – là được Bác Hồ sáng lập và luôn luôn quan tâm chỉ đạo, dìu dắt. Vì một phần ham muốn tột bậc của Bác là đồng bào ta ai cũng được học hành, cho nên ngay sau khi giành được chính quyền (9-1945), nhân danh Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời, Bác đã đề ra một trong những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền cách mạng là *diệt giặc dốt*. Và chỉ một tuần sau đó, Bác đã ký sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ để chăm lo việc học hành, thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân ta.

Đến nay, qua hơn 40 năm cách mạng, ngành bổ túc văn hóa (BTVH) (1) đã đạt được nhiều thành tựu to lớn: góp phần củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng thời kỳ "trứng nước", nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân; bồi dưỡng cán bộ, công nhân, nông dân; xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Đặc biệt, sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, ngành BTVH đã có bước phát triển mới trên phạm vi cả nước. Hàng triệu người bị mù chữ dưới chế độ Mỹ – ngụy đã đi học, vừa biểu hiện lòng yêu nước, yêu chế độ mới, vừa muốn góp công sức vào các hoạt động cách mạng. Chỉ sau hơn hai năm, 1,5 triệu người đã biết đọc, biết viết. Nhờ đó, nước ta đã căn bản xóa xong nạn mù chữ. Tiếp theo là phong trào phổ cập văn hóa cấp I trong nhân dân lao động cả nước. Lần lượt các tỉnh vùng đồng bằng, trung du miền Bắc và một số xã, huyện đồng bằng ở miền Nam đã đạt các tiêu chuẩn quy định. Việc nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ chủ chốt các cấp và cho thanh niên ưu tú cũng đã đạt được những thành tích đáng kể. Nhiều trường BTVH được thành lập, nhất là các trường tập trung của cấp tỉnh, huyện, của một số ngành kinh tế, văn hóa và của lực lượng vũ trang. Năm 1978, riêng ở miền Nam đã có 50 trường của tỉnh với 21 000 người học cấp II, cấp III; 156 trường của huyện với hơn 15 000 người học cấp I, cấp II. Ở mỗi miền còn có một trường cấp III dành cho những công nhân trẻ có nhiều thành tích xuất sắc đến học. Các trường văn hóa tại chức cũng phát triển ở nhiều nơi, nhất là ở các thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp... Hằng năm có khoảng 10 vạn người học các trường này.

Qua những phong trào BTVH, đến nay (trừ một số vùng hẻo lánh, vùng núi cao) hầu hết cán bộ, đảng viên trong cả nước đã có trình độ văn hóa cấp I trở lên. Ở các tỉnh đồng bằng và trung du miền Bắc, số đông cán bộ

(1) Từ đây xin viết tắt là BTVH

Digitized by Google

cơ sở có trình độ văn hóa cấp II, 1/3 cán bộ tỉnh và huyện có văn hóa trên cấp II. Ở miền Nam, số đông cán bộ cơ sở có văn hóa cấp I; cán bộ huyện, tỉnh có văn hóa cấp II trở lên. Trình độ văn hóa được nâng cao đã góp phần làm cho cán bộ các cấp, các ngành nắm vững và vận dụng đúng đắn đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Việc nghiên cứu, tiếp thụ lý luận cách mạng, kiến thức về kinh tế – xã hội, đời sống v.v, có nhiều thuận lợi.

Có được những thành tựu trên đây trước hết là nhờ nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, cơ sở, nhiều ngành đã lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học, dưới ánh sáng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước ta. Đó cũng là kết quả của quá trình kiên trì phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn để dạy tốt, học tốt của đông đảo giáo viên, cán bộ quản lý BTVH và người học. Nhiều nơi phong trào BTVH phát triển, phục vụ thiết thực nhiệm vụ cách mạng. Nhiều nơi, công tác BTVH đã là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Đã có những tập thể anh hùng trên lĩnh vực BTVH như xã Cẩm Linh (Nghệ tĩnh), Cát hanh (Nghĩa bình), Ngổ luông (Hà sơn bình). Đó là những đơn vị xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm quý đóng góp vào sự nghiệp giáo dục của nước ta thời gian qua.

Nhưng mấy năm gần đây, phong trào, chất lượng BTVH nói chung giảm sút, không đáp ứng kịp nhu cầu của nhân dân ta trong giai đoạn mới. Số người đi học ngày càng giảm sút nghiêm trọng. Hiện nay, cả nước chỉ còn khoảng 30 vạn người học BTVH. Ở nhiều trường BTVH tập trung, số người không đúng đối tượng theo học tương đối cao (khoảng 40–50%). Cán bộ, thanh niên ưu tú đi học ngày càng ít. Nhiều trường BTVH tập trung đóng cửa. Nhiều trường tại chức ở nông thôn, miền núi... lèo tèo người học. Ba phần tư số tỉnh trong cả nước mỗi tỉnh chỉ có khoảng 300 cán bộ các ngành, các cấp đi học BTVH. Ở các trường BTVH cấp III, phần đông là thanh niên, thiếu niên (chưa có việc làm ổn định) theo học. Một nửa số xã, xí nghiệp trong cả nước hoặc là không có lớp học hoặc không có người đi học BTVH. Trình độ văn hóa của cán bộ, đảng viên, thanh niên ở nông thôn chững lại hoặc có chuyển biến nhưng không đáng kể. Trong các dân tộc thiểu số ở vùng cao, số người mù chữ hoặc mù chữ trở lại rất cao, một số cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa biết đọc, chưa biết viết. Việc nhiều trẻ em không đi học hoặc bỏ học ở đầu cấp I càng làm tăng nhanh số người mù chữ. Hiện nay, cả nước ta có đến hàng triệu người mù chữ.

Chất lượng dạy và học BTVH cũng kém, lạc hậu so với cuộc sống. Điểm nổi bật và cách dạy và học BTVH còn mang nặng dáng dấp của giáo dục phổ thông đối với trẻ em. Hiện tượng học qua loa, hình thức, chiếu lệ, tâm lý chạy theo văn bằng... có chiều hướng phát triển. Phong trào nhiều nơi còn hình thức, chạy theo số đầu người đi học, chưa chú ý đến thực chất và hiệu quả. Các yêu cầu về nắm vững kiến thức khoa học, vận dụng vào thực tiễn sản xuất, đời sống bị xem nhẹ. Hiệu quả của công tác BTVH nói chung chưa được thể hiện rõ trong đời sống, trong công tác.

Có nhiều nguyên nhân gây nên những thiếu sót, yếu kém trong công tác BTVH thời gian qua. Trước hết, nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, cơ sở và nhiều đồng chí lãnh đạo các ngành, các đoàn thể, kể cả ngành giáo dục *chưa nhận thức* đúng đắn vị trí, tầm quan trọng và tính chất bức thiết của công tác giáo dục nói chung và BTVH nói riêng trong sự nghiệp cách mạng hiện nay. Nhiều

Digitized by Google

người chưa thấy rằng muốn phát triển kinh tế — xã hội thì phải có cán bộ mà trong việc đào tạo cán bộ, giáo dục là bước đầu. Do vậy, nhiều nơi quá bằng lòng về những thành tích đã đạt được mà không thấy nhu cầu ngày càng mới, ngày càng cao của quần chúng và của xã hội. Một số ngành, địa phương không quy hoạch cán bộ, không quan tâm chỉ đạo và không tạo điều kiện thuận lợi cho công tác BTVH. Có một số đồng chí lãnh đạo nơi này, nơi khác nhìn cận hẹp cho rằng, đội ngũ cán bộ của ta đã khá đầy đủ, trình độ văn hóa của nhân dân ta đã khá cao, cho nên không cần hoặc ít cần phát triển BTVH.

Nguyên nhân *quan trọng nhất* của việc ngày càng nhiều người không thích học là vì nội dung, chương trình, hình thức và cách tổ chức học BTVH không thiết thực, không đáp ứng nhu cầu người học. *Trách nhiệm này thuộc về những người lãnh đạo ngành giáo dục và các cơ quan chức năng của ngành này.* Việc cải cách giáo dục làm không đồng bộ, hầu như chỉ chú ý tập trung vào giáo dục phổ thông. Các điều kiện để duy trì và phát triển ngành BTVH bị xem nhẹ, thậm chí có lúc, có nơi bị « thả nổi ». Nội dung, chương trình, sách giáo khoa, hình thức dạy và học đã quá lạc hậu, cứng nhắc lại chậm được sửa đổi, cải tiến, cho nên người học ít thấy hiệu quả thiết thực cho công tác, cho sản xuất và đời sống, thấy mất nhiều thời gian nhẽ ra để làm những việc khác bổ ích hơn.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên BTVH nói chung thiếu, không đồng bộ, yếu kém nhiều mặt lại không được tổ chức, sử dụng một cách hợp lý cũng là những nhân tố rất quan trọng làm cho phong trào BTVH sút kém. Hiện nay, các trường phổ thông không thực hiện chế độ « một hội đồng (giáo viên) hai nhiệm vụ », cho nên đã làm mất đi một lực lượng quan trọng giáo viên tham gia giảng dạy BTVH. Chúng ta cũng chưa biết tận dụng, tổ chức đội ngũ đông đảo những cán bộ giảng dạy các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và những người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ... tham gia dạy BTVH. Chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ, nhân viên BTVH và những người đi học chưa thích đáng lại chậm được bổ sung, sửa đổi cũng không khuyến khích, động viên người dạy, người học.

Ngoài ra, đời sống của nhân dân ta tiếp tục có nhiều khó khăn, việc thực hiện như thế nào đó chế độ khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp v.v. cũng có cản trở sự phát triển của phong trào BTVH

★

Rõ ràng, lĩnh vực BTVH đang có những khoảng cách khá xa so với cuộc sống, với yêu cầu của cách mạng, và đặt ra những vấn đề cấp bách phải được giải quyết. Thực tiễn cách mạng, yêu cầu của cán bộ và nhân dân ta đang đòi hỏi BTVH phải có những chuyển biến kịp thời để phù hợp với tình hình mới, nhiệm vụ mới. Ngày nay, giáo dục BTVH thực chất là giáo dục phổ thông người lớn. Cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng khoa học — kỹ thuật trên thế giới đang có những bước phát triển mạnh mẽ. Con người thời đại ngày nay phải luôn luôn không ngừng học tập, trau dồi kiến thức, « bổ túc văn hóa » nhiều mặt thì mới thích hợp được với yêu cầu của xã hội. Muốn vậy, mỗi người ít nhất phải có học vấn phổ thông làm cơ sở cho quá trình học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, năng lực công tác. Nước ta đang trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh

Digitized by Google

tế còn rất nhiều khó khăn gay gắt. Muốn đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa, tiếp thụ những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến thì trước hết mỗi người dân phải có trình độ văn hóa nhất định. Do vậy, Đảng ta nhiều lần khẳng định việc xóa nạn mù chữ, việc phổ cập văn hóa, nâng cao trình độ khoa học – kỹ thuật, trình độ quản lý, bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng, đạo đức... là yếu tố có tính chất quyết định để nhân dân lao động phát huy ý thức và năng lực làm chủ tập thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Công tác BTVH hiện nay cần được sửa đổi nhiều mặt: nội dung, chương trình, hình thức tổ chức trường, lớp, phương pháp giảng dạy, cơ chế quản lý, chế độ, chính sách v.v. Nội dung văn hóa phổ thông cho người lớn tuổi không chỉ đơn thuần là kiến thức văn hóa cơ bản mà còn bao gồm cả một số kiến thức về quản lý, về xã hội, và những kiến thức cần thiết cho một cuộc sống lành mạnh. Tỷ trọng, cấu tạo chương trình theo những kiến thức đó cũng phân biệt theo đối tượng học. Cán bộ đã lớn tuổi cần được học và đi sâu về những kiến thức khoa học tinh giản, chọn lọc để có tư duy lý luận, có phương pháp làm việc khoa học. Còn đối với cán bộ trẻ và thanh niên thì chương trình phải đáp ứng nhu cầu nắm vững những môn khoa học cơ bản kết hợp với những kiến thức về kỹ thuật phù hợp để họ tự nâng cao trình độ nghề nghiệp, sống có lý tưởng cách mạng và có nhân sinh quan đúng đắn. Những người lao động đơn giản lại cần có chương trình học để đạt trình độ «đọc thông viết thạo» và có những kiến thức khoa học thiết thực phục vụ lao động sản xuất và cuộc sống. Nội dung học BTVH, do vậy có những phần ổn định, lâu dài và có những phần thường xuyên thay đổi; có phần chung cho mọi đối tượng, mọi vùng, có phần riêng cho từng vùng, từng địa phương, dân tộc, lứa tuổi, trình độ... Trong khi xây dựng nội dung, chương trình, tổ chức lớp học BTVH, cần thấy một đặc điểm là: nói chung những người học BTVH là những người đang lao động, sản xuất, công tác, họ đã có một vốn sống, kiến thức, trình độ nhất định. Do đó, cách tổ chức trường, lớp, cách giảng dạy, cơ chế quản lý v.v. cũng phải thiết thực, đa dạng, linh hoạt, thích hợp để mọi người có nhu cầu học tập đều có thể được đáp ứng.

Phương pháp dạy BTVH phải thay đổi, cải tiến trên cơ sở phát huy cao nhất tính tích cực, sáng tạo của người học, khơi dậy những kinh nghiệm sống của họ, nhằm bồi dưỡng cho họ lòng ham muốn, say mê học tập và khả năng vươn lên tự học suốt đời. Đồng thời với việc nhanh chóng củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp BTVH, cần khắc phục những tri trệ, yếu kém, lạc hậu trong cách tổ chức giảng dạy, học tập để «trường ra trường, lớp ra lớp». Ở nông thôn, miền núi lại càng cần có những cách tổ chức lớp, cách học hợp với tập quán, thời vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học không bỏ dở chương trình. Bên cạnh những trường, lớp chính quy, cần mở rộng các loại lớp học không chính quy ở đơn vị sản xuất, ở cơ quan, xí nghiệp, ở nơi làm việc vào những giờ thuận tiện nhất. Kết hợp với những cơ sở văn hóa như câu lạc bộ, nhà văn hóa, thư viện, phòng đọc; sử dụng những phương tiện thông tin đại chúng (sách, báo, điện ảnh, đài truyền thanh, đài truyền hình...) để nâng cao hiệu quả giáo dục và mở rộng hình thức giáo dục ngoài nhà trường. Như vậy, người lao động có nhiều điều kiện để học tập, tự nâng cao trình độ, kiến thức.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý BTVH hiện nay rất thiếu và chưa

Digitized by Google

đồng bộ. Nhiều người yếu kém cả về năng lực quản lý, tổ chức, vận động quần chúng lẫn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Do đó, cấp bách phải đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung, đổi mới đội ngũ này. Bấy lâu nay, giáo viên BTVH thường truyền thụ kiến thức văn hóa đơn thuần mà chưa là những người tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo quá trình giáo dục, chưa tuyên truyền vận động, cổ vũ người học tự làm giàu vốn hiểu biết và thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ học tập. Giáo viên BTVH trong giai đoạn mới này phải được đào tạo, bồi dưỡng cả về phẩm chất cách mạng, năng lực chuyên môn, trình độ tổ chức, quản lý và đủ số lượng cần thiết. Giáo viên các trường phổ thông, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề v.v. cũng cần được giao trách nhiệm tham gia giảng dạy BTVH. Những người có trình độ khoa học, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ cũng cần được thu hút, tổ chức để họ tham gia giảng dạy những bộ môn thích hợp. Giáo viên, cán bộ ngành BTVH cũng như tất cả những ai tham gia công tác này phải được động viên, khuyến khích, bồi dưỡng, đãi ngộ một cách thích đáng.

Nhiệm vụ nặng nề của sự nghiệp giáo dục hiện nay đòi hỏi sự nỗ lực của toàn xã hội. BTVH lại là sự nghiệp của đông đảo quần chúng lao động đang hằng ngày, hằng giờ trực tiếp lao động sản xuất, công tác, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự nghiệp BTVH liên quan trực tiếp đến tất cả các ngành, các cấp, các đoàn thể, các tổ chức xã hội. Vì vậy, nó đòi hỏi những người lãnh đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể... phải là tấm gương tốt tham gia tích cực vào việc giảng dạy, học tập, tổ chức, quản lý các trường, lớp BTVH và cấp bách đầu tư cho sự nghiệp quan trọng này một cách thích đáng. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ một cách thường xuyên cũng là góp phần trực tiếp nâng cao năng suất lao động xã hội và hiệu quả công tác. Các ngành, các cấp cũng cần tham gia cả vào việc xây dựng chương trình, nội dung học tập, cung cấp người giảng, định chế độ chính sách cho người dạy, người học. Những điều nói trên chỉ có thể được thực hiện tốt khi Nhà nước có một quy chế liên ngành, quy định nhiệm vụ cụ thể và phân trách nhiệm rõ ràng.

Làm được những việc cơ bản trên đây, chúng ta bước đầu làm cho ngành BTVH thích hợp với tình hình mới và nhiệm vụ mới, thiết thực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là cơ sở quan trọng, là những nội dung chủ yếu của cải cách BTVH ở nước ta hiện nay.

Digitized by Google

ĐỖ ANH CHÂU

MẤY Ý KIẾN VỀ VIỆC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

ĐÀO tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số là một trong những vấn đề then chốt của việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, là nhân tố hàng đầu bảo đảm tăng cường đoàn kết dân tộc, thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của các thành phần dân tộc trong một quốc gia thống nhất.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Việc vận động, tổ chức quần chúng các dân tộc làm cách mạng đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ xuất thân từ quần chúng các dân tộc. Với quan điểm giai cấp và chính sách dân tộc đúng đắn, Đảng ta đã ra sức xây dựng cơ sở quần chúng, đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ngày càng lớn mạnh.

Ngay từ những ngày đầu cách mạng, nhiều người con ưu tú trong các dân tộc thiểu số đã đi theo Đảng, chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng. Được Đảng giáo dục và rèn luyện, trải qua thử thách cách mạng, nhiều người đã trở thành đảng viên và cán bộ chính trị, cán bộ quân sự xuất sắc của Đảng. Từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay, hàng ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số không ngừng được bổ sung và ngày càng phát triển.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất đi vào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số càng được đặt ra một cách toàn diện và cụ thể hơn. Đại hội IV của Đảng ta đã chỉ rõ: phải «tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc ít người trong tất cả các lĩnh vực công tác của Đảng, Nhà nước và đoàn thể, trước hết chú trọng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý kinh tế» (1). Đại hội V nhấn mạnh và bổ sung thêm: «Chú trọng làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật người dân tộc, trước hết cho cấp huyện và cơ sở» (2).

Trong 10 năm qua, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp cải tiến và bổ sung thêm các chế độ, chính sách, tăng cường các cơ sở và điều kiện vật chất, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, khắc phục dần những thiếu sót về bố trí, sử dụng, quản lý cán bộ. Đến nay chúng ta đã có một đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đông hàng vạn người, bao gồm nhiều loại: cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ giảng dạy các trường đại học và chuyên nghiệp, cán bộ kỹ thuật, chuyên môn

(1) *Báo cáo chính trị* tại Đại hội IV. Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 165.

(2) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 153–154.

Digitized by Google

nghiệp vụ ở khắp các ngành ; cán bộ chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa nghệ thuật ở các cấp từ trung ương tới cơ sở. Phần lớn số cán bộ này đã được rèn luyện và trưởng thành qua thực tiễn cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phát triển rất nhanh. Qua 10 năm tích cực đào tạo, cộng với những cố gắng trước đó, chúng ta đã có trên 7 000 cán bộ người dân tộc thiểu số có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học, chiếm 2,7% tổng số cán bộ cùng loại, trên 27 000 cán bộ có trình độ trung học, chiếm 6,1% tổng số cán bộ cùng loại. Đã có những nhà khoa học người Tày, người Thái, người Mường, người Nùng, người Dao, người Chăm .. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý từ trung ương đến cơ sở cũng phát triển và trưởng thành, chỉ tính riêng từ cấp huyện trở lên, đã có trên 9 000 người, chiếm 4,9% tổng số cán bộ cùng loại.

Ở các vùng dân tộc thiểu số mới được giải phóng, đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ huyện và nhân viên trong các cơ quan tỉnh, huyện là người dân tộc thiểu số phát triển nhanh, đáp ứng một phần quan trọng yêu cầu lãnh đạo, quản lý và đẩy mạnh các mặt hoạt động ở các vùng này. Tính đến đầu năm 1981, ở các tỉnh Tây nguyên có 8 000 cán bộ, nhân viên trong biên chế là người dân tộc thiểu số. Ở tỉnh Đắc lắc có 12,1% cấp ủy viên cơ sở, 18% cấp ủy viên huyện, thị, 37% cán bộ chủ chốt xã, phường (theo thống kê 10 chức danh) là người dân tộc thiểu số tại địa phương. Trong số đó có nhiều anh chị em đã đảm đương tốt công tác của mình. Một số cán bộ chuyên môn do chế độ cũ đào tạo cũng đã được cải tạo, mạnh dạn sử dụng và quan tâm bồi dưỡng. Ở vùng biên giới phía Bắc, trải qua cuộc đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, xây dựng và bảo vệ lực lượng ta, đội ngũ cán bộ cơ sở và cán bộ cấp huyện đã được rèn luyện và trưởng thành về nhiều mặt.

Trong các cơ quan quyền lực (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp), nơi thể hiện trực tiếp quyền các dân tộc cùng làm chủ tập thể về mặt Nhà nước, những đại biểu ưu tú của các dân tộc thiểu số tham gia ngày càng đông và được tuyển chọn ngày càng tốt. Quốc hội khóa 7 có đại biểu của 33 dân tộc (khóa trước chỉ có 30 dân tộc).

Tuy vậy, việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số cũng còn nhiều nhược điểm và thiếu sót, nhất là đối với các vùng cao, biên giới, nơi xa xôi hẻo lánh, nơi có nhiều khó khăn và ở các vùng mới giải phóng.

Đội ngũ cán bộ của các dân tộc Mông, Dao, Khơ mú, Xinh mun... tuy đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nhưng phát triển còn chậm so với các dân tộc Tày, Thái, Mường v.v. Thậm chí có nơi có chiều hướng chững lại hoặc giảm sút. Ở các vùng mới giải phóng (Tây nguyên, dọc Trường sơn,...) đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý kinh tế và cán bộ khoa học kỹ thuật vẫn còn thiếu và yếu. Cán bộ cơ sở và cán bộ cấp huyện còn mỏng và chưa theo kịp yêu cầu. Phần lớn cán bộ huyện và một phần quan trọng cán bộ cơ sở vẫn là cán bộ được điều động từ nơi khác đến. Chẳng hạn như ở tỉnh Đắc lắc có tới 91% cán bộ quản lý cấp huyện và 63% cán bộ chủ chốt xã, phường là người được đưa từ nơi khác đến. Có nơi có nguồn đào tạo khá, nhưng do còn vướng mắc về chính sách chế độ cho nên chưa phát triển được.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là ở cấp huyện và cơ sở, chậm được đổi mới. Nhiều đồng chí tuổi đã cao, nhưng chưa chuẩn bị tốt lớp trẻ kế cận. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phát triển nhanh, nhưng chưa cân đối và đồng bộ về trình độ

Digitized by Google

và ngành nghề. Còn thiếu những cán bộ quản lý kinh tế, những chuyên gia và công nhân kỹ thuật bậc cao. Đây là một trở ngại đối với việc khai thác các thế mạnh và xây dựng cơ cấu kinh tế mới ở các địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.

Đảng viên và đoàn viên thanh niên là nguồn rộng lớn trực tiếp để đào tạo thành cán bộ, song ở nhiều nơi, cơ sở Đảng còn mỏng và yếu, đội ngũ đảng viên và đoàn viên phát triển chậm, trình độ về nhiều mặt còn thấp, có người còn chưa biết chữ.

Vấn đề phát triển đội ngũ công nhân người dân tộc thiểu số cũng là một yêu cầu quan trọng trong việc thực hiện chính sách dân tộc. Mười năm qua, đi đôi với việc mở mang kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số, đội ngũ công nhân người dân tộc thiểu số đã hình thành và từng bước phát triển. Nhưng nhìn chung còn chưa tương xứng với tốc độ và quy mô phát triển kinh tế và sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Hiện nay, số công nhân là người dân tộc thiểu số mới chiếm khoảng 2,3% tổng số công nhân cả nước. Các cơ sở công nghiệp, các nông trường, lâm trường đứng trên địa bàn các vùng có đông bào dân tộc thiểu số đáng lẽ phải thu hút đông đảo lao động tại chỗ để từ đó đào tạo, bồi dưỡng họ thành những công nhân có kiến thức và tay nghề vững, nhưng nhiều nơi chưa chú ý đúng mức. Ở mỏ a pa tít Cam đường — một mỏ lớn ở Hoàng liên sơn, số công nhân là người dân tộc thiểu số cũng chỉ chiếm gần 2,7%.

Sở dĩ có những khuyết điểm và thiếu sót như trên là do tình hình kinh tế xã hội và đời sống của nhiều vùng dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc ở vùng cao biên giới còn thấp, chiến tranh kéo dài nhiều năm, nền kinh tế chung của đất nước cũng đang còn có nhiều khó khăn, mất cân đối. Song chủ yếu là do các ngành, các cấp và các cơ quan có trách nhiệm trực tiếp chưa nhận thức đầy đủ vị trí và tính chất trọng yếu của công tác cán bộ dân tộc thiểu số trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc. Chưa có quyết tâm cao, chưa có chủ trương, biện pháp, kế hoạch cụ thể từng bước đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cho từng vùng, từng dân tộc. Chưa thực hiện nghiêm túc các chính sách đã có, chưa có các biện pháp đồng bộ bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhiều kinh nghiệm và điển hình tốt chưa được tổng kết và phát huy, chưa kịp thời nghiên cứu những biện pháp thiết thực và những chính sách cần thiết để thúc đẩy công tác đào tạo cán bộ ở những vùng, những dân tộc đang có nhiều khó khăn, hoặc có nhu cầu bức thiết về cán bộ. Việc tổ chức thực hiện thiếu công phu, thường có hiện tượng dễ làm khó bỏ.

★

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, từng bước xóa bỏ sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện phân công lao động trên địa bàn cả nước, chúng ta cần ra sức nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ngày càng đông đảo và vững mạnh.

Phương hướng chung vẫn là đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số lớn mạnh, bao gồm đủ các loại, trong tất cả các lĩnh vực công tác và hoạt động, chú ý cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật, trước hết

Digitized by Google

cho cấp huyện và cơ sở. Đặc biệt cần chú trọng đẩy mạnh hơn nữa việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ cho các vùng cao biên giới, các vùng mới được giải phóng ở miền Nam, nhất là những nơi phong trào còn yếu kém.

Chúng ta cần nhận thức đúng đắn và sâu sắc hơn vị trí và ý nghĩa quan trọng của việc đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số trong sự nghiệp cách mạng chung, để từ đó có quyết tâm thực hiện. Cán bộ người dân tộc thiểu số là những người am hiểu tiếng nói, tâm lý, nguyện vọng, phong tục tập quán và trình độ sinh hoạt của dân tộc mình, cũng là những người tha thiết với sự nghiệp cách mạng của dân tộc mình, là nhịp cầu nối liền Đảng với quần chúng các dân tộc, đưa chủ trương chính sách của Đảng đến với quần chúng và phản ánh tâm tư nguyện vọng của quần chúng các dân tộc với Đảng. Cần có quy hoạch toàn diện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số, chú ý đến từng vùng, từng dân tộc, từng ngành nghề, bảo đảm cho mỗi vùng, mỗi dân tộc có một đội ngũ cán bộ chính trị, quản lý, khoa học kỹ thuật thích ứng với các mục tiêu kinh tế — xã hội đã đề ra và phù hợp với đặc điểm của vùng đó, dân tộc đó. Trên cơ sở đó có kế hoạch và biện pháp thực hiện từng bước vững chắc. Các ngành, các địa phương cần kiểm tra, rà soát lại đội ngũ cán bộ và công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý đối với từng loại cán bộ của từng dân tộc trong địa phương mình và ngành mình, qua đó rút ra những nhận xét và kinh nghiệm để cải tiến công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

Việc tạo nguồn để đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số ở vùng cao, biên giới, nơi xa xôi hẻo lánh, ở Tây nguyên, dọc Trường sơn có ý nghĩa rất quan trọng. Các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm, trường bổ túc văn hóa công nông, trường thiếu sinh quân của quân đội và công an là những loại trường tạo nguồn tốt cần được củng cố và phát triển. Cán bộ khoa học kỹ thuật người dân tộc thiểu số hiện đang công tác ở cơ sở và các ngành cũng là một nguồn đào tạo, bồi dưỡng thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Chú trọng cải tiến công tác tuyển sinh ở các vùng dân tộc thiểu số và sử dụng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng, với các loại trường, lớp dài hạn, ngắn hạn, tập huấn, tham quan... thích hợp với từng loại cán bộ, từng ngành nghề khác nhau. Củng cố, kiện toàn mạng lưới trường, lớp, các cơ sở đào tạo của huyện, nhất là của tỉnh, mở thêm những trường lớp vừa dạy văn hóa, vừa dạy nghề ở từng tỉnh, kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương. Trường dự bị đại học ở miền Bắc và ở miền Nam cần có chỉ tiêu chiêu sinh cụ thể cho từng tỉnh, mỗi tỉnh có chỉ tiêu cho từng dân tộc, từng vùng trong tỉnh. Tham quan thực tế và nghiên cứu kinh nghiệm các điển hình tiên tiến là một hình thức bồi dưỡng rất có hiệu quả đối với anh chị em cán bộ người dân tộc thiểu số, cần được đặt thành một chế độ thường xuyên. Trong các trường đảng, trường đoàn thể và trường nhà nước, cần tổ chức tổng kết việc đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số, rút ra những kinh nghiệm và kết luận về mục tiêu, chương trình, kế hoạch và phương pháp huấn luyện, trên cơ sở đó, nghiên cứu đổi mới phương thức đào tạo, bảo đảm sao cho sau thời gian học tập ở nhà trường, cán bộ có thể giải quyết được những vấn đề do thực tế ở địa phương đặt ra.

Cần sớm nghiên cứu bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ miền

(Xem tiếp trang 101)

Digitized by Google

Mùa đại hội

THẤM thoắt lại một mùa đại hội đến với các đảng bộ các cấp. Ban bí thư Trung ương Đảng đã quyết định, từ giữa năm 1986 sẽ tiến hành đại hội các cấp từ cơ sở trở lên, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc thứ VI vào cuối năm 1986.

Thế là đã hơn 4 năm qua đi đối với các đảng bộ các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, hơn 2 năm qua đi đối với các đảng bộ các huyện, quận...

Thời gian qua đi có bao giờ trở lại! Nó qua đi âm thầm, lặng lẽ nhưng cũng nghiệt ngã như một trọng tài vô tư đòi hỏi cán bộ, đảng viên chúng ta, trước hết là các cấp ủy Đảng, những cán bộ lãnh đạo, hãy nghiêm khắc nhìn lại xem mấy năm qua — từ đại hội trước đến đại hội này — chúng ta đã làm được những việc gì thật sự đem lại lợi ích cho quần chúng, xứng đáng với lòng tin cậy của quần chúng, được quần chúng thật sự hoan nghênh.

Từ đại hội đến đại hội, chúng ta đã có không ít kinh nghiệm, cả kinh nghiệm về những thành công, những điều đáng tự hào và kinh nghiệm về những vấp váp, những khuyết điểm. Gần đây, Đại hội của một số đảng anh em, đặc biệt là Đại hội 27 của Đảng cộng sản Liên xô cũng gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ.

Chuẩn bị cho đại hội đảng bộ có nhiều việc phải làm, việc nào cũng quan trọng, nhưng quan trọng hơn cả vẫn là phải chuẩn bị thật tốt hai công việc cơ bản: báo cáo của cấp ủy trước đại hội đảng bộ và bầu ban chấp hành mới của đảng bộ.

Chuẩn bị tốt hai việc ấy coi như đã nắm chắc trong tay hai phần ba thắng lợi, còn nếu chuẩn bị qua quít thì rốt cuộc đại hội cũng chỉ là một việc làm mang tính chất hình thức. Dù có bao nhiêu hoa tặng, bao nhiêu tham luận, bao nhiêu tràng vỗ tay cũng chẳng giải quyết được vấn đề gì về thực chất. Với chúng ta, kinh nghiệm ấy không hề cũ mà vẫn mang đầy đủ tính thời sự nóng hổi.

Nhiều đồng chí hẳn còn nhớ rõ, ở một số đại hội đảng bộ trước kia có những báo cáo khá dài, có khi rất dài, nhưng thiếu hẳn những nội dung cần thiết. Chúng nặng về kể thành tích, trong đó có cả một số thành tích đã được tô vẽ quá đáng song lại chỉ lướt qua những vấn đề tồn tại, những vấp váp, khuyết điểm lẽ ra cần được trình bày, phân tích kỹ cho đúng với tình hình thực tế. Có báo cáo cũng đề cập tới những thành tựu, ưu điểm, những thiếu sót, khuyết điểm, cũng rút ra bài học kinh nghiệm hẳn hoi nhưng đáng tiếc là nó giống như một

Digitized by Google

công thức chỉ cốt trình bày cho có đủ các tiết mục, còn nội dung các tiết mục thì lại nghèo nàn. Nói một cách vắn tắt, những báo cáo ấy không phản ánh được tình hình một cách trung thực, không phân tích được rõ ràng các yếu tố về lãnh đạo, chỉ đạo — ưu điểm không ra ưu điểm, khuyết điểm không ra khuyết điểm, không rút ra được bài học kinh nghiệm gì bổ ích. Sau khi được cấp ủy cấp trên góp ý kiến, cấp dưới thảo luận bổ sung, có báo cáo đã được sửa chữa tốt hơn nhưng có báo cáo về cơ bản vẫn đứng lại như khi dự thảo, không « cách mạng » được bao nhiêu.

Gần đây có một báo cáo tại đại hội một đảng bộ ở Liên xô được nhiều người đánh giá rất cao. Báo cáo cũng khẳng định những thành tựu, những tiến bộ, cũng chỉ ra những vấn đề tồn tại, những khuyết điểm, thiếu sót, cũng tổng kết công tác rút ra những bài học kinh nghiệm nhưng lại không công thức, không khô khan, nhạt nhẽo mà thật là hấp dẫn. Ở bản báo cáo sinh động nhiều tinh chiến đấu ấy, có những đơn vị cụ thể, những con người cụ thể được biểu dương, khen ngợi và cũng có những đơn vị, những người lãnh đạo — kể cả cán bộ cao cấp, được nêu đích danh để phê phán và yêu cầu phải sửa chữa khuyết điểm. Đó là báo cáo của thành ủy Mát-xcơ-va do đồng chí B.N. En-xin, Bí thư UBTU ĐCS Liên xô, Bí thư thứ nhất thành ủy Mát-xcơ-va, trình bày tại Đại hội đảng bộ thành phố Mát-xcơ-va ngày 24-1-1986 (tại Đại hội 27 ĐCS Liên xô, đồng chí B.N En-xin đã được bầu là ủy viên dự khuyết BCT UBTU ĐCS Liên xô). Báo cáo này đã được đăng trên báo *Sự thật Mát-xcơ-va* ngày 25-1-1986 và trích đăng trên báo *Nhân dân* của Đảng ta trong hai ngày 18 và 19-2-1986. Có thể nói báo cáo này là một mẫu mực về thái độ tự phê bình và phê bình bôn sê vích, một mẫu mực về báo cáo công tác của Ban chấp hành trước đại hội đảng bộ. Nó gợi cho chúng ta những suy nghĩ về một phong cách mới, một phương pháp mới về việc làm báo cáo tại đại hội các đảng bộ của chúng ta lần này.

Tại những đại hội đảng bộ các cấp trước đây, không chỉ báo cáo của một số cấp ủy mới có vấn đề cần rút kinh nghiệm mà ngay tham luận của một số đại biểu cũng có điều đáng nói. Có những bản tham luận mang nặng tính chất « lễ tân », hình thức, chỉ kể lể về thành tích, thắng lợi. Sau một tràng dài các « kính thưa » và bày tỏ sự nhất trí tuyệt đối (!) với báo cáo của cấp ủy, người tham luận đọc luôn một lèo báo cáo về thành tích công tác của ngành mình hoặc địa phương mình cho đến lúc « chúc các đại biểu dồi dào sức khỏe, chúc đại hội thành công rực rỡ ».

Đại hội đảng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất của đảng bộ và cũng là sinh hoạt chính trị quan trọng nhất của đảng bộ. Đó phải là nơi xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề đặt ra cho đảng bộ một cách nghiêm túc, thể hiện rõ trí tuệ, trách nhiệm và quyền lực của đại hội, nhất là đối với những vấn đề nóng bỏng nhất, gay gắt nhất mà quần chúng và đảng bộ đang quan tâm, đang chờ đợi.

Cuộc sống dạy chúng ta: muốn có chủ trương đúng, biện pháp đúng, điều quan trọng trước hết là phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng tình hình, đúng thực trạng kinh tế — xã hội, phân tích sâu các nguyên nhân đã dẫn tới thắng lợi hoặc thất bại, sai lầm. Còn nếu đã quanh co, né tránh, sợ trách nhiệm, sợ mất uy tín, vẽ ra một bức tranh thiếu chân thật với những « tình hình nói chung là tốt », « về cơ bản là ổn định », « không có vấn đề gì lớn », « nhiều nhân tố mới », « nhiều triển vọng tốt đẹp »... thì rốt cuộc đâu vẫn hoàn đó, tình hình sẽ nguyên vẹn như cũ.

Digitized by Google

Bởi vậy, một vấn đề có tính quyết định là các cấp ủy phải quán triệt tinh thần chỉ đạo của Ban bí thư Trung ương Đảng, tiến hành tốt đợt tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, các tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền, trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, lấy đó làm một nội dung chuẩn bị đại hội các cấp của Đảng. Báo cáo của các cấp ủy, tham luận của các đại biểu muốn thật sự có giá trị thì phải đi theo quỹ đạo ấy, không nên đi theo đường mòn, lối cũ.

Bao giờ cũng vậy, tại các đại hội, «nhân sự» là một vấn đề có tầm quan trọng to lớn. Lựa chọn ai, bầu ai vào ban chấp hành mới của đảng bộ để có thể bảo đảm đúng yêu cầu «chọn mặt gửi vàng»? Nói đúng ra, vấn đề này phải được chuẩn bị hàng năm hoặc từ một vài năm trước — nhất là đối với những vị trí chủ chốt, chứ không thể nước đến chân mới nhảy, sắp đại hội rồi mới tìm người, chọn người.

Cái khó của vấn đề «nhân sự» chung quy vẫn là chuyện «rút ai ra», «đưa ai vào» cấp ủy. Ở một số đại hội đảng bộ vừa qua thường có chuyện «tế nhị» này: người cần rút ra không rút được, người xứng đáng muốn đưa vào không đưa được!? Ở đại hội đảng bộ một thành phố nọ, sau khi các đại biểu vỗ tay nhiệt liệt chào mừng ban chấp hành mới của đảng bộ, nhiều đại biểu mới ngớ ra rằng: ban chấp hành như thế này thì rồi biết phân công thế nào? Những chuyện như thế có thể lại xuất hiện ở nơi này nơi khác trong dịp đại hội này. Cần thấy trước điều đó để chuẩn bị tốt hơn về tư tưởng cũng như về tổ chức theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Đảng.

Trải qua hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng, nhất là trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta đã có một đội ngũ đông đảo cán bộ vững vàng. Nhiều đồng chí đã trải qua nhà tù này nhà tù khác, đã có những cống hiến to lớn đối với cách mạng, được đảng bộ và quần chúng rất quý mến. Nhưng đến nay nhiều đồng chí đã tuổi cao sức yếu, đã bộc lộ rõ những mặt hạn chế. Trong khi đó lớp cán bộ những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ ngày càng trưởng thành; nhiều đồng chí đã có kiến thức, có năng lực, có kinh nghiệm nhất định để từng bước đáp ứng những yêu cầu của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Việc lựa chọn ai, bầu ai vào ban chấp hành đảng bộ không thể xuất phát từ sự đền đáp công ơn, từ những tình cảm cá nhân mà phải xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và từ thực tế của đội ngũ cán bộ. Chúng ta hết sức kính trọng, quý mến những đồng chí đã hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, Đảng ta, Nhà nước ta cần có chế độ, chính sách thỏa đáng với các đồng chí ấy. Nhưng có bầu hay không bầu các đồng chí ấy vào ban chấp hành đảng bộ lại là một việc khác. Năm ba năm trước đây, những cán bộ ấy ở cương vị công tác ấy là đúng, là thích hợp, nhưng đến nay có những trường hợp không nên như thế, không thể như thế. Đó là chưa nói đến yêu cầu mỗi lần đại hội cần đổi mới khoảng một phần ba số đồng chí trong cấp ủy. Nếu không rút người này, người kia ra khỏi cấp ủy thì làm sao có chỗ để đưa người khác vào, làm sao đổi mới được. Cũng không thể suy nghĩ một cách đơn giản là đưa tất cả những người có tuổi ra khỏi cấp ủy. Nếu như vậy thì làm sao thể hiện được tính kế thừa và tính liên tục trong việc xây dựng các cấp ủy Đảng.

Từ những điều nói trên, cần nắm vững tư tưởng chỉ đạo của Đảng là: đại hội đảng bộ các cấp phải bầu được ban chấp hành thật sự có năng

Digitized by Google

lực lãnh đạo hoàn thành những nhiệm vụ do đại hội đề ra, đồng thời thể hiện được tính kế thừa và tính liên tục trong việc xây dựng cấp ủy. Phải trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn của cấp ủy viên và qua xem xét việc làm của mỗi người trong thời gian qua mà lựa chọn những đồng chí xứng đáng theo yêu cầu cấu tạo của cấp ủy. Cần chú ý cấu tạo cả ba độ tuổi theo hướng tăng mạnh sức trẻ. Ngoài những yêu cầu về phẩm chất chính trị, về năng lực, cần chú ý về phong cách lãnh đạo. Những yêu cầu này đã được nói rõ trong chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về đại hội đảng bộ các cấp.

Kinh nghiệm của những đại hội đảng bộ trước nhắc chúng ta: cùng với việc chuẩn bị tốt các công việc cơ bản nói trên, các cấp ủy cần chỉ đạo chặt chẽ các khoản chi tiêu cho đại hội. Hết sức tránh lãng phí, phô trương, hình thức, nhất là hiện nay chúng ta đang có những khó khăn lớn về kinh tế và đời sống.

Trước hết là việc ăn uống liên hoan. Thứ hai là quà cáp, tặng phẩm. Ở nơi này nơi khác đã từng có những lời chê trách chính đáng của quần chúng, của cán bộ, đảng viên, kể cả một số đại biểu đại hội. Người ta đặt câu hỏi: Không hiểu đại hội đảng bộ có giải quyết được vấn đề gì không nhưng trước mắt tốn kém quá. Người ta phàn nàn: không chỉ tốn kém về ăn uống linh đình mà còn tốn kém về quà cáp, tặng phẩm, đã khó khăn lại khó khăn thêm.

... Mỗi lần đại hội là một bước trưởng thành của các đảng bộ và của Đảng ta nói chung. Chúng ta tin tưởng rằng, với những kinh nghiệm của các đại hội trước, với sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, đại hội đảng bộ các cấp lần này sẽ được các cấp ủy chuẩn bị tốt hơn nhằm đạt được những kết quả mong muốn.

THANH THANH

Digitized by Google

Thư gửi Bộ biên tập



Một căn bệnh nguy hiểm

Có một căn bệnh nguy hiểm, không phải thật khó chẩn đoán nhưng ít khi được ghi vào bệnh án, đó là bệnh cơ hội. Mặc dù chính bản thân người mắc bệnh biết bệnh của mình hơn ai hết, nhưng thật khó mà hình dung nổi anh ta sẽ phát khùng lên như thế nào khi mà có ai đó chỉ thẳng ra: anh là «*phần tử cơ hội*».

Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: «Điều nguy hiểm là có một số phần tử *cơ hội* đang lợi dụng lúc Đảng gặp khó khăn để thực hiện mưu đồ riêng tư. Họ đả kích lãnh đạo, thông tin sai lệch để gây hoang mang trong nội bộ. Có những phần tử cơ hội nịnh bợ, luồn cúi, lựa gió theo chiều để lấy lòng người này, người kia, họ đề cao người này, nói xấu người khác để hòng gây chia rẽ bè phái» (1).

Để góp phần vào việc nâng cao chất lượng đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình chuẩn bị đại hội các cấp của Đảng, bài viết này xin nêu lên một số ý kiến về căn bệnh nói trên với mong muốn rằng căn bệnh đó phải được các thầy thuốc ghi vào bệnh án, chữa khỏi cho người bệnh là tốt nhất, nếu không thì chí ít cũng đừng để cho những phần tử cơ hội (dù ở mức độ nào, núp dưới vỏ bọc nào) chui vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng và Nhà nước, chui vào đội ngũ những đại biểu đi dự đại hội các cấp của Đảng.

★

Trong một tổ chức Đảng hoặc Nhà nước mà có những phần tử cơ hội, nhất là khi mà những phần tử đó lại ở cương vị lãnh đạo, chỉ huy hoặc nắm khâu tổ chức cán bộ thì tình hình ở đó trước sau cũng diễn ra như thế này: nội bộ thiếu tin tưởng lẫn nhau, lục đục; cấp trên bị tung hỏa mù khó nắm được thực chất tình hình; quần chúng, đảng viên cấp dưới chán nản. Hơn thế nữa, từ chỗ thiếu tin tưởng lẫn nhau nội bộ sẽ chia bè kéo cánh; từ chỗ bị tung hỏa mù, cấp trên có khi sẽ trở thành chỗ dựa cho những phần tử cơ hội; còn quần chúng, đảng viên từ chỗ chán nản đến chỗ nơm nớp lo sợ, mất niềm tin.

Cơ hội là một biểu hiện và là biểu hiện nghiêm trọng, giấu mặt của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do. Phần tử cơ hội không có động cơ đúng, mà mọi suy nghĩ và hành động đều xuất phát từ mưu đồ riêng. Anh

(1) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 65.

Digitized by Google

ta hoạt động và quan hệ theo một nguyên tắc mà về thực chất là đối lập với các nguyên tắc đạo đức của người cộng sản. Điều nguy hiểm là anh ta luôn lách, lèo lá, lập lờ. Có khi đứng ở tuyến sau, có khi đứng ở tuyến giữa và cũng có khi ra tuyến trước, khẩu khí công khai của anh ta bao giờ cũng « cách mạng ». Phần tử cơ hội sớm muộn cũng bị phát hiện nhưng cũng phải qua một thời gian nhất định và không ít trường hợp chui sâu leo cao, nhất là khi mà cấp trên của anh ta đã bị sa vào cạm bẫy.

Trong chiến tranh, phần tử cơ hội ít xuất hiện hơn, vì chiến tranh là cuộc thử thách quyết liệt về nhiều mặt, ít chỗ trú cho những kẻ lập lờ, giấu mặt, chính, tà, dễ phân biệt. Thường trong điều kiện hòa bình, nhất là khi mà đời sống chính trị, kinh tế, xã hội có nhiều biến động phức tạp thì các phần tử cơ hội xuất hiện nhiều hơn và hoạt động cũng hăng hái hơn.

Lê-nin đã viết : « Khi nói đến đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội thì không bao giờ được quên đặc điểm của tất cả chủ nghĩa cơ hội hiện đại trong mọi lĩnh vực là : nó mang tính chất không rõ ràng, lờ mờ và không thể nào hiểu nổi được. Do bản chất của mình, phái cơ hội chủ nghĩa bao giờ cũng tránh đặt các vấn đề một cách rõ ràng và dứt khoát ; bao giờ nó cũng tìm con đường trung dung, nó quanh co uốn khúc như con rắn nước giữa hai quan điểm đối chọi nhau, nó tìm cách « thỏa thuận » với cả quan điểm này lẫn quan điểm kia, vì nó quy những sự bất đồng ý kiến của mình lại thành những điều sửa đổi nhỏ nhặt, những sự hoài nghi, những nguyện vọng thành tâm và vô hại v.v. » (2). Hoặc « ... khó mà tóm được anh chàng cơ hội chủ nghĩa bằng một công thức nào đó,... anh cơ hội chủ nghĩa dễ dàng thừa nhận *mọi* công thức và rời bỏ mọi công thức cũng dễ dàng như thế, vì chủ nghĩa cơ hội chính là ở chỗ không có những nguyên tắc nhất định và vững chắc nào » (3).

Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã khái quát rất đúng : « Bè phái chính là đặc trưng của chủ nghĩa cơ hội. Bọn cơ hội về quan điểm tư tưởng là không có tính nguyên tắc ; về lý luận, thường nguỵ biện ; về hành động, theo chủ nghĩa thực dụng » (4).

Những ý kiến của Lê-nin và của Đảng ta là cái lăng kính rất tốt để giúp chúng ta nhận biết những dấu hiệu của phần tử cơ hội.

Trong hàng ngũ chúng ta có chủ nghĩa cơ hội hay không có và nếu có thì ở mức nào, nó tồn tại như một căn bệnh chính trị hay như một lực lượng chính trị ? — người viết bài này không có điều kiện bàn và cũng không có ý bàn về vấn đề đó. Nhưng về những phần tử cơ hội thì có thể nói mà không sợ sai là hiện nay ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều đơn vị đều có ở mức độ khác nhau và hoạt động dưới các hình thức khác nhau.

Những năm qua, chúng ta nói nhiều đến chống bảo thủ, quan liêu, chống tự do tùy tiện ; phần nào chúng ta ít nói đến chống chủ nghĩa cá nhân, nhất là ít nói đến chống chủ nghĩa cơ hội.

Các phần tử cơ hội có đặc tính chung là lắm thủ đoạn, nhiều mưu đồ và tham vọng, không trung thực, hay tìm « ô » và cánh hẩu với mình. Có loại hoạt động để kiếm lợi về vật chất, có loại hoạt động để kiếm lời về chính trị, có loại nhằm cả hai cái lợi đó. Khi cần phải ca ngợi thì họ ca ngợi hết lời. Khi cần phải phê phán thì họ tỏ ra là người phê phán

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, tập 8, tr. 476.

(3) V.I. Lê-nin : *Sách đã dẫn*, tập 6, tr. 239.

(4) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 65.

Digitized by Google

sắc sảo. Khi cần nói là đúng thì họ có cách nói thành đúng, khi cần bảo là sai thì họ lại có cách chứng minh là sai. Họ tìm chỗ dễ kiếm ăn để lại gần. Họ tìm chỗ dễ tiến thân để làm quen. Họ rất biết nhược điểm và nhu cầu của cấp trên. Họ cũng rất biết cách đi vào tâm tình của những người cần lôi kéo. Họ biết cách « vận dụng linh hoạt » và cũng biết cách tỏ ra « cứng rắn », « nguyên tắc ». Nói chung, họ ít đứng ra làm người khởi xướng mà thường chỉ là người phụ họa. Họ biết xuất hiện đúng lúc và co lại cũng đúng lúc. Có một điều đáng chú ý là những phần tử cơ hội rất sợ tự phê bình và phê bình. Do đó, nếu anh ta đóng vai trò người chủ trì của một cơ sở thì có thể đoán chắc sinh hoạt phê bình và tự phê bình của cơ sở ấy khó mà đem lại kết quả gì tốt đẹp ; hoặc anh ta sẽ tìm mọi cách để biến sinh hoạt phê bình và tự phê bình thành một thứ sinh hoạt « gió thoảng mưa bay, căn bản là tốt », hoặc anh ta sẽ lách khỏi cuộc sinh hoạt ấy một cách ma quái khôn lường.

Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nước ta cũng như tình hình tư tưởng và tổ chức của chúng ta hiện nay đang đòi hỏi một cách nghiêm túc việc đánh giá đúng để sử dụng đúng người cán bộ, đảng viên, không chỉ ở một cấp nào, ngành nào, mà ở tất cả mọi cấp, mọi ngành, kể cả cấp cơ sở. Trong việc đánh giá cán bộ, đảng viên thì quần chúng là người khách quan nhất nếu chúng ta biết cách sử dụng họ vào việc này.

Với truyền thống đoàn kết, với bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng ta, chúng ta tin rằng đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình nói riêng và việc tiến hành đại hội các cấp của Đảng nói chung sẽ đem lại kết quả tốt đẹp, sẽ tạo thuận lợi cho việc lựa chọn một đội ngũ những người lãnh đạo và quản lý tốt « trung thực, thẳng thắn, không cơ hội »(5) — điều kiện tiên quyết để tổ chức thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng.

LÊ HÙNG

(5) Chỉ thị của Ban bí thư về tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, Báo *Nhân dân* ngày 17-3-1986.

Digitized by Google

VĂN HỒNG

VĂN HỌC THIẾU NHI VỚI VIỆC BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU

CHĂM nom săn sóc thiếu nhi, dành cho các em những gì tốt đẹp nhất, mong muốn thế hệ sau giỏi hơn thế hệ trước là tình cảm tự nhiên của loài người.

Những người cộng sản Việt nam phát huy truyền thống nhân đạo đó, với một tầm nhìn xa, với những kiến thức hiện đại về sự hình thành nhân cách, đã luôn luôn coi việc chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng là một trong những nhiệm vụ hết sức trọng đại của mình. Chính vì thế mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV của Đảng đã ghi rõ: « Phải xây dựng con người mới từ lúc mới lọt lòng... » (1).

Trong việc chăm sóc, giáo dục thiếu nhi về mặt tâm hồn, văn nghệ được coi như một phương tiện tốt nhất, có hiệu quả nhất. Điều này được xác định trong chỉ thị số 18/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 30-1-1968: « văn hóa văn nghệ giữ một vai trò trọng yếu, là một trong những vũ khí sắc bén nhất để giáo dục chính trị, tư tưởng, tình cảm, nâng cao đạo đức, mở rộng kiến thức cho thiếu niên, nhi đồng ». Đấy là « một trong những phương tiện tốt nhất để giáo dục con người phát triển toàn diện ». Đúng thế, ở tuổi các em, nhất là lứa tuổi mầm non (lứa tuổi trước khi đi học), khi mà ý thức đang hình thành, tư duy còn chập chững, sự cảm nhận và thích ứng với thế giới bên ngoài chủ yếu thể hiện bằng cảm xúc, bằng tưởng tượng, thì không có gì gây tác động mạnh mẽ bằng những bài hát, những chuyện kể...

★

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập Đảng và Nhà nước ta cũng là người sáng lập ra nền văn học viết cho thiếu nhi Việt nam theo đường lối của Đảng. Từ năm 1911, Bác đã viết hai bài thơ *Trẻ chăn trâu* và *Kêu gọi thiếu nhi* (nhiều năm sau đó Bác vẫn thường gửi thư và làm thơ cho các em).

Sớm chịu ảnh hưởng của các tư tưởng tiến bộ qua báo chí của Đảng trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, năm 1941, Tô Hoài đã viết *Dế mèn phiêu lưu ký* hướng về một thế giới đại đồng không có áp bức, không có chiến tranh. Tác phẩm đã được nhiều thế hệ trẻ em Việt nam và thế giới đón nhận hân hoan như là một đóng góp vào kho tàng văn hóa nhân loại. Bên cạnh đó, ngay từ những ngày đầu cách mạng và trong kháng chiến chống Pháp, một số nhà văn đã dành thời giờ viết cho thiếu nhi như Nguyễn

(1) *Nghị quyết Đại hội IV*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 29.

Digitized by Google

Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nguyễn Xuân Sanh...

Tuy nhiên do những hạn chế của hoàn cảnh, của ý thức hệ phong kiến coi thường trẻ em tồn tại dai dẳng, do những quan niệm thô sơ ấu trĩ về giáo dục và văn học cách mạng... mà nền văn học cho thiếu nhi hình thành khá chậm và có những bước đi chập chững.

Để khắc phục tình hình trên, các cơ quan được Đảng và Nhà nước ủy nhiệm đã có nhiều biện pháp: tổ chức các cuộc vận động sáng tác, các hội nghị khoa học, tặng các giải thưởng, ưu tiên về nhuận bút, tăng cường các cơ quan xuất bản sách báo cho thiếu nhi... Những hoạt động đó cùng với sự cố gắng của các nhà văn, nhà thơ đã thúc đẩy văn học cho thiếu nhi trong vài chục năm nay có những bước tiến rõ rệt. Giờ đây chúng ta có thể vui mừng khẳng định những thành tựu của nó với hàng nghìn tác phẩm đã xuất bản, nhiều tác phẩm đặc sắc được in đi in lại, không những trẻ em mà cả người lớn cũng tìm đọc, một số được dịch và có tiếng vang ở nước ngoài.

Một đội ngũ viết cho thiếu nhi đã hình thành và phát triển mạnh. Bên cạnh những nhà văn có tài năng, giàu tâm huyết vì các em như Tô Hoài, Võ Quảng, Phạm Hổ, Đoàn Giỏi... là một lực lượng đông đảo và sung sức, trưởng thành từ nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó có những người đã có tác phẩm được dư luận chú ý ngay khi còn ở lứa tuổi thiếu nhi như Trần Đăng Khoa, Khánh Chi...

Xuất phát từ yêu cầu giáo dục thiếu nhi theo *Năm điều Bác dạy* và vận dụng phương châm *« lúc học thì cần vui, lúc vui thì cần học »* — phương châm mà Hồ Chủ tịch khuyên các cán bộ phụ trách thiếu nhi — văn học cho thiếu nhi trong chặng đường đầu tiên đã đi đúng hướng: phát triển toàn diện, lành mạnh, phong phú và đa dạng, phù hợp với lứa tuổi các em.

Về mặt thể loại, văn học cho thiếu nhi đã phát triển trên diện rộng: từ truyện đồng thoại, huyền thoại, các loại truyện ngắn, tiểu thuyết, đến kịch, thơ...

Về mặt đề tài, không chỉ bó tròn trong đời sống trẻ em, văn học cho thiếu nhi bao quát một phạm vi rộng lớn từ lịch sử ngàn xưa đến cuộc đấu tranh sống còn hôm nay, từ quê hương Việt nam đến chân trời thế giới, từ tình yêu đồng bào, đồng chí đến tình hữu nghị giữa các dân tộc, từ lòng nhân ái truyền thống đến tinh thần đấu tranh giai cấp.. Tuy nhiên toàn diện không có nghĩa là dàn đều. Văn học cho thiếu nhi cũng đã bám sát những yêu cầu bức thiết của từng lứa tuổi, khai thác sâu một số vấn đề trọng tâm, tạo nên những nét đậm đà trong nền văn học mới. Đó là mảng đề tài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về các anh hùng dân tộc và những người cộng sản tiền bối, những đoàn viên, đội viên tiêu biểu, về những anh hùng chiến sĩ thi đua và các cháu ngoan Bác Hồ, nhằm giáo dục các em lòng yêu nước thương dân và những phẩm chất cộng sản. Chính ở mảng đề tài này, văn học cho thiếu nhi đôi khi đã đóng vai trò tiên phong, những thành tựu của nó đã gây ra những cuộc tranh luận lý thú và thu hút sự chú ý, quan tâm của xã hội.

Văn học cho thiếu nhi không chỉ đem lại cho các em những hiểu biết nhiều mặt trong chiều rộng và chiều dài lịch sử, những bài học về lẽ sống và nhân cách mà đã góp phần mở rộng óc tưởng tượng, làm phong phú tâm hồn và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ cho các em.

Nhìn vào gương mặt tinh thần của lớp lớp tuổi trẻ lớn lên trong mấy chục năm qua, trên các nẻo đường « ba sẵn sàng », « năm xung kích »... và hàng chục triệu đội viên « cháu

Digitized by Google

ngoan Bác Hồ », văn học cho thiếu nhi có thể tự hào vì ít nhiều đã có phần đóng góp.

★

Tuy nhiên cái hay, cái đẹp là vô cùng. Văn học cho thiếu nhi ở nước ta hiện nay tuy đã vượt qua được trạng thái thô sơ ban đầu nhưng còn ít những tác phẩm hay, có sức lay động lớn, để lại những ấn tượng lâu bền trong lòng bạn đọc. Hơn nữa giờ đây, hoàn cảnh đã thay đổi, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang đòi hỏi con người Việt nam phải có những phẩm chất mới. Mặt khác, những khó khăn, những vập vấp, sai lầm trong buổi đầu, những âm mưu phá hoại của kẻ thù các loại, những nọc độc của văn hóa thực dân mới... đang gây nên những tác động tiêu cực trong lớp trẻ, có nơi, có lúc khá nghiêm trọng. Vậy văn học cho thiếu nhi phải làm gì, phấn đấu theo hướng nào để góp phần tích cực vào *chiến lược xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa của Đảng?*

Con người mới là con người phát triển toàn diện. Để bảo đảm sự phát triển toàn diện – đã được khái quát và cụ thể hóa trong Năm điều Bác dạy – văn học cho thiếu nhi cần triển khai trên ba mặt chủ đề: giáo dục truyền thống, giáo dục chủ nghĩa xã hội và giáo dục khoa học kỹ thuật. Mỗi mặt trên đều có tính toàn diện của nó, ở đây chỉ nhấn mạnh một vài điều:

1 – Uống nước nhớ nguồn, bạn đọc nhỏ hôm nay cần biết, cần hiểu càng nhiều càng tốt về tổ tiên mình, dân tộc mình. Điều tưởng như đơn giản đó giờ đây phải nhấn mạnh, bởi vì do nhiều nguyên nhân tác động trong một bộ phận tuổi trẻ đang lẻ lói xuất hiện một tâm lý hướng ngoại, dè bỉu dân tộc, chê bai những lớp người đi trước. Tăng cường giáo dục truyền thống là cái gốc để nuôi dưỡng *lòng yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, lòng biết ơn các vị liền bối; để củng cố lòng tự hào dân tộc chân chính và giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản*, tạo nên bản lĩnh vững bền của con người Việt nam trước thời cuộc đầy biến động.

Trong việc giáo dục truyền thống, văn học dân gian có một tác dụng lớn lao, nhất là với lứa tuổi nhi đồng. Nhiều nhà sư phạm ở Liên xô đã từng nhấn mạnh: càng đi vào thế giới công nghiệp hiện đại càng cần nuôi dưỡng thiếu nhi bằng thơ ca và truyện cổ tích nếu không muốn tâm hồn trẻ nhỏ trở nên thực dụng và khô cằn. Mấy năm gần đây, trên sách báo cho thiếu nhi đã có nhiều truyện cổ. Bên cạnh những truyện nhuần nhuyễn, phong phú còn khá nhiều truyện sơ lược. Truyện cổ là một kho tàng vô giá nhưng không phải vô tận. Số truyện đặc sắc của mỗi dân tộc không phải nhiều. Vì vậy các tác giả văn học cho thiếu nhi nên bỏ nhiều công sức để viết lại truyện cổ, gạn đục khơi trong, sáng tạo nên những thể loại mới vừa giữ được phong vị cổ tích, vừa chứa đựng cảm hứng của thời đại và phong cách độc đáo của mỗi nhà văn.

Nếu như nhi đồng rất thích truyện cổ tích thì với tính hiếu động, ham muốn những kỳ tích, những chiến công, bạn đọc thiếu niên lại rất chuộng truyện lịch sử, truyện chiến đấu. Chúng ta đã có được một số tác phẩm tốt về lịch sử dân tộc, về cuộc kháng chiến chống Pháp, còn cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc đã hơn mười năm mà vẫn thưa vắng những tác phẩm xứng đáng với nó. Lớp lớp bạn đọc lớn lên hôm nay không được chứng kiến gương mặt nhân dân anh hùng trong lửa đạn, chưa có được nhận thức đầy đủ về tầm cỡ, về ánh hào quang chói lọi của cuộc kháng chiến. Trong lúc đó hằng ngày các em phải chịu đựng những hậu quả, những

Digitized by Google

khó khăn sau chiến tranh. Tâm lý hòa bình hưởng thụ, ngại gian khổ đang có xu hướng phát triển, e rằng sẽ làm vẩn đục tâm hồn các em. Trách nhiệm của các nhà văn, nhất là của những ai đã "xẻ dọc Trường sơn đi cứu nước", là phải bằng tác phẩm của mình tái hiện lại thời lịch sử oanh liệt đó, nuôi dưỡng trong các em ngọn lửa thiêng của lòng yêu nước, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam. Đã đến lúc cần viết đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về hiện thực chiến tranh. Không chỉ có thắng lợi mà còn có thất bại sai lầm ; không chỉ hướng về những hành động cao cả chói sáng mà còn khơi gợi những tình cảm nhân đạo thầm kín, lòng thông cảm vị tha, tính trung thực, sự tế nhị, niềm xúc động trước cái đẹp... Cũng cần thể hiện chiến tranh như một công cuộc lao động kỳ vĩ, trong đó sự chịu đựng gian khổ, tinh thần lao động kiên trì sáng tạo là những biểu hiện chủ yếu, hằng ngày của chủ nghĩa anh hùng. Tóm lại cần tái hiện cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với gương mặt chân thật của nó và dĩ nhiên là từ chỗ đứng, cách nhìn, phương thức tiếp cận phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi.

2 — Giáo dục truyền thống góp phần quan trọng xây dựng con người mới, nhưng con người mới xã hội chủ nghĩa chủ yếu hình thành thông qua thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hơn bất cứ lúc nào, văn học cho thiếu nhi cần dành nhiều công sức đưa đến cho các em những bức tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các công trường, nông trường, các khu công nghiệp, các vùng thôn quê... nhằm giáo dục các em *tình yêu lao động* và *ý thức tập thể*, *xây dựng cho các em lòng tin vào tương lai và niềm khao khát được góp phần cống hiến*. Mặt khác cũng không thể coi nhẹ những đề tài quen thuộc, những mối quan hệ trong gia đình, nhà trường, bè bạn... trong đó sinh hoạt Đội và nhà trường xã hội chủ nghĩa cần được xem như một trung tâm phản ánh. Viết nhiều về đề tài nhà trường xã hội chủ nghĩa là tăng cường tính hiện thực trực tiếp cho văn học thiếu nhi. Ở đây các em không còn là người chứng kiến, người dẫn truyện mà là nhân vật chính đóng vai trò tích cực trong các hoạt động để tự rèn luyện mình trở thành con người mới.

Thiếu nhi thích hình mẫu, thích noi gương, văn học thiếu nhi chú ý miêu tả những người anh hùng, những tính cách cao thượng, điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng cũng cần khai thác vẻ đẹp ở những con người bình thường, những người gần gũi chung quanh các em, đồng thời không lảng tránh mà cần phân tích, mổ xẻ, lên án những hiện tượng tiêu cực, xấu xa với một thái độ rõ ràng, trong sáng. Cần giáo dục cho các em biết phân biệt và căm ghét cái xấu, cái tiêu cực. Giúp cho các em từng bước tiếp cận với hiện thực một cách nghiêm túc thì đến khi bước vào tuổi trưởng thành, các em mới tránh được những biến động đột ngột.

Bên cạnh những chủ đề có ý nghĩa xã hội rộng lớn, cần giáo dục các em một cách chu đáo về trách nhiệm và nghĩa vụ đối với gia đình, lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, anh chị, những người đã có công nuôi dưỡng, giáo dục mình. Cũng cần nhấn mạnh yêu cầu giáo dục *ý thức tổ chức kỷ luật*, bảo vệ của công và nếp sống văn hóa, biết vâng lời người lớn, biết kính trọng tuổi già, biết bảo vệ trẻ em và thông cảm ưu ái với những người bất hạnh. Đấy là những đức tính cần thiết tạo cho các em khả năng tự bảo vệ, chống trả lại những thói quen tự do, tản mạn của người sản xuất nhỏ và những biểu hiện thoái hóa về đạo đức đang có nguy cơ tăng lên.

3 — Bạn đọc hôm nay sẽ là những công dân của thế kỷ 21. Ở thời điểm phát triển vũ bão của khoa học, của bùng nổ thông tin, sự lạc hậu của con

Digitized by Google

em chúng ta thật đáng buồn. Văn học cho thiếu nhi cần đánh thức trong các em *một nhu cầu, một khát vọng được hiểu biết khoa học và lao động cống hiến bằng khoa học*. Dung lượng kiến thức truyền bá bằng văn học có thể không lớn lắm nhưng cần đủ để vũ trang cho các em một *phương pháp tư duy khoa học, phương pháp duy vật biện chứng, đấu tranh chống lại những cách nghĩ siêu hình, cảm tính, chủ quan, mê tín*... Thực hiện chủ đề trên, cần viết nhiều về đề tài phổ biến khoa học, các truyện danh nhân, truyện khoa học viễn tưởng. Nhưng không chỉ có vậy, tất cả các đề tài, thể loại khác, truyện và tiểu thuyết lịch sử, truyện về các chiến sĩ cách mạng, các anh hùng chiến sĩ thi đua... đều cần khai thác *gương học tập, gương rèn luyện về thể lực và trí lực*. Tại sao lại không viết về Tuệ Tĩnh và Hải Thượng Lãn Ông, về Nguyễn Du và Lê Quý Đôn bên cạnh Hai Bà Trưng và Trần Hưng Đạo? Gần hơn nữa là nên biểu dương những gương học tập rèn luyện của bản thân các em như đã từng có sách về Nguyễn Ngọc Ký, Hoa Xuân Tứ, Đặng Thái Sơn... Nên chăng có một tờ báo « khoa học » dành cho các em và trên trang chủ nhật các báo hằng ngày cũng nên có một góc « *dành cho các em yêu khoa học* ». Các mục này cần vừa bổ ích vừa lý thú như lời dạy của Bác Hồ « lúc học cần vui, lúc vui cần học ».

★

Những gợi ý trên đây xuất phát từ lòng mong muốn văn học cho thiếu nhi đi sát hơn nữa hiện thực đời sống và yêu cầu xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Do đặc trưng của nó, trong văn học cho thiếu nhi, bên cạnh những hình thức biểu hiện cuộc sống như nó vẫn tồn tại còn có những hình thức khác như huyền thoại, đồng thoại, giả tưởng... Nội dung hiện thực của những thể loại này cần được nhìn nhận thông qua những tượng trưng, ước lệ. Và hơn bất cứ thể loại nào, ở đây cái « sát » của chủ đề, của tư tưởng quan trọng hơn là « sát » về mặt đề tài. Mặt khác « sát hiện thực » cũng cần nhìn từ nhiều phía: sát đường lối chính sách của Đảng, sát các phong trào cách mạng, sát các yêu cầu giáo dục và nhất là sát tâm lý, thị hiếu của các lứa tuổi thiếu nhi.

Không chỉ « sát », mà còn phải hay. Việc phấn đấu không ngừng để có được những tác phẩm hay cho từng thể loại, từng đề tài là yêu cầu bức thiết của văn học cho thiếu nhi, đòi hỏi sự phấn đấu gian khổ của những người sáng tác. Cần chống quan niệm đơn giản: viết cho thiếu nhi là một sự thu hẹp phạm vi đề tài và hạ thấp tầm tư tưởng, khác chi chúng ta cúi người xuống cho ngang tầm các em và bắt chước giọng bi bô để nói chuyện với các em. Sự thật, một tác phẩm văn học chân chính cho thiếu nhi cần phải như quan niệm của nhà văn cộng sản Pháp Pi-e Ga-ma-ra: « Từ lĩnh vực người lớn sang lĩnh vực trẻ em, các vấn đề không phải đơn giản, nhạt nhẽo đi, sơ lược hơn. Trái lại, càng sắc nhọn và phức tạp hơn » (2).

Viết cho thiếu nhi thật khó. Nhiều nhà văn lão thành đã nói như vậy. Yêu cầu rèn luyện, yêu cầu học tập của những người viết cho thiếu nhi thật là không cùng. Họ cần được vũ trang về đường lối, chính sách của Đảng, về các kiến thức của nhiều ngành chuyên môn: giáo dục, tâm lý, đạo đức, thẩm mỹ...

Việc bồi dưỡng, giúp đỡ đội ngũ những người viết cho thiếu nhi cần được xã hội, nhất là các cơ quan hữu

(2) Dẫn theo Vũ Ngọc Bình trong *Đối diện tâm đắc*. Nxb Kim đồng, Hà nội, 1985, tr. 71.

Digitized by Google

quan như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội nhà văn Việt nam... quan tâm hơn. Đặc biệt, giới nghiên cứu phê bình cần tập trung nhiều công sức hơn nữa cho nền văn học viết cho các em. Có thể nói so với sáng tác thì sự hình thành lý luận về văn học cho thiếu nhi là khá chậm trễ. Những vấn đề cần giải quyết trong văn học cho thiếu nhi cũng không ít hơn trong văn học người lớn. Vậy mà đã có mấy công trình nghiên cứu? Còn những tác phẩm có giá trị hoặc có vấn đề cần trao đổi cũng thường bị lãng quên!

Mong rằng một ngày gần đây sẽ có tờ tạp chí *Văn học thiếu nhi*, với nội dung vừa có sáng tác vừa có lý luận phê bình, tờ báo không chỉ dành riêng cho các em mà còn là chỗ gặp gỡ của những ai quan tâm đến văn học cho thiếu nhi và muốn phục vụ thiếu nhi bằng văn học. Có lẽ cũng đã đến lúc cần có một tổ chức nào đấy cho những người hoạt động văn nghệ phục vụ thiếu nhi nhằm mục đích trau dồi nghề nghiệp và mở rộng sự hợp tác quốc tế.

★

Lúc vĩnh biệt chúng ta, Bác Hồ căn dặn: « *Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết* ».

Việc « *rất quan trọng và rất cần thiết* » đó là « *vì lợi ích một trăm năm* », lợi ích lâu dài. Nhưng cũng là vì lợi ích trước mắt. Hàng chục triệu người lao động trên đất nước hôm nay chắc chắn sẽ yên tâm hơn, phấn khởi hơn nếu con em họ được chăm sóc chu đáo. Và các em nữa, chẳng phải các em cũng « *tuổi nhỏ làm việc nhỏ* » để góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội đó sao.

Cho nên vì thiếu nhi cũng là vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì trước mắt, vì lâu dài. Mong các nhà văn nhà thơ hãy đem hết tâm huyết để viết những trang đẹp nhất. Và vinh dự biết bao nếu các em sẽ mang những trang sách ấy theo suốt cả cuộc đời và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Digitized by Google

TIẾN HẢI

XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

TRONG công tác xây dựng huyện, việc xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện là một nội dung quan trọng và có ý nghĩa lớn. Qua một quá trình thử nghiệm, đến nay chúng ta đã xác định được nội dung cơ bản của công tác xây dựng huyện, hay nói cách khác là đã xác định được tương đối rõ mô hình huyện là: *xây dựng cơ cấu kinh tế thích hợp mà cốt lõi là cơ cấu nông—công nghiệp; xây dựng kinh tế đi đôi với tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, xây dựng con người mới, nông thôn mới xã hội chủ nghĩa; bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng.* Chỉ có xây dựng huyện theo mô hình như thế thì huyện mới thật sự trở thành pháo đài vững chắc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bởi vì ba nhiệm vụ: xây dựng và phát triển kinh tế; xây dựng đời sống văn hóa; bảo đảm an ninh quốc phòng trong xây dựng huyện là ba nhiệm vụ có quan hệ biện chứng, tác động tích cực lẫn nhau, cái này vừa là nhân vừa là quả của cái kia và ngược lại. Nghị quyết Hội nghị thứ bảy BCHTƯ Đảng (khóa V) về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện đã chỉ rõ: « Phát triển kinh tế phải đi đôi với tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, xây dựng con người mới, nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng ở từng cơ sở và trên địa bàn huyện ».

Về mặt kinh tế, xây dựng cơ cấu nông—công nghiệp trên địa bàn huyện để tạo ra một nền sản xuất mới, cũng đồng thời là để tạo ra một cơ sở vật chất mới của đời sống văn hóa ở đó. Không những thế, cơ cấu kinh tế mới ở huyện ra đời sẽ có tác dụng phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo nên một đời sống vật chất mới và tạo ra nguồn vốn tích lũy cần thiết cho việc xây dựng các công trình văn hóa, tạo điều kiện cho quần chúng tham gia vào hoạt động văn hóa và thưởng thức, sáng tạo văn hóa.

Về mặt văn hóa, nếu hiểu theo nghĩa rộng thì xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện cũng bao gồm cả nội dung xây dựng kinh tế, bởi vì đời sống văn hóa của con người bao gồm hai mặt: văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện là vừa trực tiếp góp phần sáng tạo ra lực lượng sản xuất mới, vừa củng cố quan hệ sản xuất mới, vừa xóa bỏ cái cũ, vừa xây dựng cái mới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn huyện. Còn nếu hiểu theo nghĩa hẹp, tức chỉ là văn hóa tinh thần thì nó cũng đòi hỏi phải xây dựng kinh tế. Bởi vì muốn nâng cao trình độ về mọi mặt cho nhân dân, muốn tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào hoạt động sáng tạo văn hóa, muốn xóa bỏ tình trạng chênh lệch về văn hóa giữa thành thị và

Digitized by Google

nông thôn... thì phải phát triển kinh tế song song với các biện pháp phát triển văn hóa. Đồng chí Lê Duẩn nói: « *Sức mạnh kinh tế không thể tách rời sức mạnh văn hóa, sức mạnh con người, và sức mạnh của văn hóa, của con người phải được hiện thực hóa trong sức mạnh kinh tế.* Tách rời kinh tế với văn hóa và con người là không nắm vững quy luật phát triển kinh tế và xã hội » (1). Cho nên, phát triển kinh tế nhất thiết phải đi đôi với phát triển văn hóa và ngược lại.

Trong mối quan hệ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện, với nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc phòng cũng vậy. Kinh tế và văn hóa phát triển mạnh mẽ thì an ninh quốc phòng được bảo đảm. Ngược lại, an ninh quốc phòng được giữ vững thì những thành tựu kinh tế và văn hóa mới được giữ gìn, bảo vệ.

Đến nay, thực tế công tác xây dựng huyện đã cho thấy huyện là địa bàn thích hợp nhất và thuận lợi nhất để tổ chức lại sản xuất xã hội, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, kinh tế với quốc phòng, tiến hành tổ chức và phân công lại lao động. Huyện cũng là địa bàn thích hợp nhất và thuận lợi nhất để tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Nói tóm lại, huyện là địa bàn thích hợp nhất và thuận lợi nhất để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn. Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện có ý nghĩa quan trọng chính là ở chỗ đó.

Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện không chỉ có ý nghĩa như một nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng, mà còn là *tiến hành trực tiếp cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ.*

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta diễn ra quyết liệt và phức tạp trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa xã hội. Cuộc đấu tranh này trên mặt trận văn hóa càng đặc biệt phức tạp. Hiện nay, những tàn dư của tư tưởng và văn hóa thực dân mới, thực dân cũ và phong kiến vẫn tồn tại dai dẳng trong ý thức của khá nhiều người. Ở nơi này cái mới thắng cái cũ nhưng ở nơi khác, cái cũ lại ngóc đầu dậy, có khi lấn át cả cái mới. Lúc này cái mới thắng cái cũ, nhưng lúc khác, cái cũ lại hầu như thắng cái mới. Cái mới, cái cũ xen lẫn nhau, hằng ngày hằng giờ đấu tranh với nhau quyết liệt. Nếu văn hóa mới, cái mới, cái tiến bộ không chiếm lĩnh được địa bàn thì các yếu tố văn hóa phi xã hội chủ nghĩa, cái cũ, cái lạc hậu, phản động sẽ chiếm lĩnh ngay. Sự giành giật này diễn ra hằng ngày hằng giờ ở khắp mọi nơi. Huyện là cấp trực tiếp chỉ đạo cơ sở, vì vậy huyện cần lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành tốt cuộc đấu tranh này. Nếu tất cả các cơ sở ở tất cả các huyện đều xây dựng và phát triển được mạnh mẽ một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phi xã hội chủ nghĩa sẽ không có cơ sở để tồn tại.

Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện còn là *trực tiếp mở rộng sự giao lưu văn hóa* giữa các cơ sở trong huyện với nhau, giữa huyện với các địa phương khác trong tỉnh và trong cả nước, làm cho văn hóa ở cơ sở không phải là thứ văn hóa khép kín như trong chế độ thực dân phong kiến trước đây. Nhờ thế, mỗi cơ sở, mỗi làng xã đều có thể học tập được những tinh hoa văn hóa của cơ sở khác, của làng xã khác, từ đó phát huy được những mặt ưu tú, loại bỏ được những mặt lạc hậu, bảo thủ

(1) Lê Duẩn : « Nắm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế », *Tạp chí Cộng sản* số 9-1984, tr. 30.

Digitized by Google

trong đời sống văn hóa của cơ sở mình, của làng xã mình.

Với những lý do nêu trên, việc xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện trở thành một tất yếu khách quan. Đã là tất yếu khách quan thì không thể xem nhẹ, không thể coi thường.

★

Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện có nội dung rất phong phú và rất đa dạng. Nhận thức cho đúng và đầy đủ về vấn đề này là một điều rất quan trọng. Qua kinh nghiệm của một số địa phương, chúng ta có thể quy tụ nội dung xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện vào mấy điểm chính sau đây:

1—Hoạt động thông tin đại chúng. Các tổ chức văn hóa thông tin ở huyện đảm nhận trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kịp thời, có hiệu quả những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, nhất là của đảng bộ và chính quyền địa phương cho nhân dân trên toàn địa bàn huyện; tổ chức thông tin kịp thời những vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, quốc phòng trong nước cũng như của địa phương và thời sự quốc tế; thông tin và phổ biến kịp thời những kiến thức cơ bản về khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Tổ chức phát hành đến tận cơ sở báo chí của Đảng và có kế hoạch hướng dẫn mọi người đọc cho tốt. Ngày nay, những phương tiện truyền thông đại chúng phát triển rất mạnh. Mọi việc xảy ra trong nước và trên thế giới đều được truyền đi rất nhanh khắp nơi. Các tổ chức văn hóa—thông tin ở huyện phải biết sàng lọc tin tức, giáo dục, hướng dẫn, điều chỉnh dư luận xã hội để tạo nên một không khí văn hóa lành mạnh ở địa phương.

2—Hoạt động văn học nghệ thuật. Những hoạt động văn học nghệ thuật trên địa bàn huyện phải được triển khai theo hai chiều: một mặt phải đưa những thành tựu văn học nghệ thuật cao tới quần chúng, tạo điều kiện cho quần chúng thưởng thức được những giá trị văn hóa cao; mặt khác động viên, tổ chức phát động đông đảo quần chúng tham gia các hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật. Muốn vậy phải tổ chức cho nhân dân ở khắp các cơ sở trong toàn huyện được xem phim, nghe nhạc, xem biểu diễn nghệ thuật, đọc sách văn học... Huyện chăm lo bảo đảm cho địa phương mình có nhiều cách hoạt động văn học nghệ thuật khác nhau để mọi người thuộc các lứa tuổi, các nghề nghiệp, các khu vực cư trú khác nhau có thể thỏa mãn sở thích, đồng thời góp phần giáo dục, nâng cao thị hiếu văn học nghệ thuật của quần chúng, xác lập quyền làm chủ của quần chúng trong hưởng thụ và sáng tạo nghệ thuật.

3—Xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa trong dân cư trên địa bàn huyện. Nếp sống thể hiện một cách cụ thể qua ứng xử của các cá nhân trong các quan hệ xã hội. Khái quát các hệ thống ứng xử xã hội, xây dựng thành thể chế, trên cơ sở ấy xây dựng một hệ thống nghi thức làm kim chỉ nam cho các ứng xử, hành vi và hành động của cá nhân là những vấn đề cơ bản của công tác xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa. Ở huyện, việc xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa nên khuôn vào những công việc cụ thể như tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các quy tắc, quy ước về việc cưới, việc tang, về phép ứng xử, giao tiếp; hướng dẫn thẩm mỹ trong trang phục, phong cách sinh hoạt ở nơi công cộng; xây dựng phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa, phong trào «gia đình văn hóa mới», bài trừ hủ tục, mê tín và mọi hiện tượng tiêu cực khác trong đời sống xã hội...

Digitized by Google

4 – Giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng cho toàn dân, đặc biệt là cho thế hệ trẻ. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, mỗi địa phương, mỗi huyện đều có những trang sử vẻ vang của mình. Những trang sử đó trở thành truyền thống tốt đẹp cần được nâng niu, quý trọng, kế thừa và phát huy, biến nó thành sức mạnh vật chất và tinh thần của đông đảo quần chúng trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đó là công việc chung của toàn Đảng, toàn dân ta, chứ không phải là công việc riêng của một ngành nào hoặc một tổ chức nào. Cần làm cho mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ trong huyện hiểu biết đầy đủ về truyền thống của dân tộc ta, của Đảng ta nói chung và truyền thống của địa phương, của đảng bộ địa phương nói riêng, từ đó gây cho họ niềm tin vững chắc và lòng tự hào chính đáng về dân tộc, về Đảng và về địa phương mình.

Để công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện đạt được kết quả tốt, trước hết cần có *sự quan tâm đúng mức của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương*, và cần xây dựng, củng cố bộ máy tổ chức văn hóa thông tin từ cấp cơ sở đến cấp huyện, xây dựng phong trào văn hóa thông tin, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho văn hóa thông tin... Đó là những yếu tố không thể thiếu được.

Trong việc *xây dựng và củng cố bộ máy tổ chức văn hóa thông tin*, trước hết cần kiện toàn phòng văn hóa – thông tin huyện, bởi vì đây là cơ quan tham mưu chủ yếu giúp cấp ủy và ủy ban nhân dân huyện trong việc vạch phương hướng, nhiệm vụ, nội dung công tác văn hóa – thông tin trong từng thời gian; dự thảo các chỉ thị và kế hoạch văn hóa – thông tin trên địa bàn huyện; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chỉ thị và kế hoạch ấy sau khi đã được duyệt; lập quy hoạch xây dựng các công trình văn hóa – thông tin. Phương hướng chung là phòng văn hóa – thông tin huyện nên được tổ chức gọn nhẹ, biên chế vừa phải, nhưng làm việc có hiệu quả cao. Cán bộ của phòng văn hóa – thông tin phải đạt các tiêu chuẩn: chính trị, tư tưởng vững; có kiến thức nghiệp vụ chuyên môn khá; có phẩm chất đạo đức cách mạng; biết tổ chức, động viên quần chúng.

Các đơn vị văn hóa – thông tin ở huyện như: đội chiếu bóng lưu động, đội thông tin lưu động, hiệu sách nhân dân, hiệu ảnh, nhà văn hóa, thư viện v.v. cần được phát triển và tùy theo nhu cầu có thể tăng thêm biên chế bởi vì các đơn vị này trực tiếp phục vụ đông đảo quần chúng; vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng vừa đáp ứng nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Ở tất cả các xã trong huyện cần thành lập ban văn hóa – thông tin theo đúng tinh thần nghị quyết 159 HĐBT của Hội đồng bộ trưởng về công tác văn hóa – thông tin để giúp ủy ban nhân dân xã vạch kế hoạch hoạt động và điều hành công tác xây dựng đời sống văn hóa trong toàn xã. Các tổ chức văn hóa thông tin như đội thông tin, đội văn nghệ, thư viện hoặc phòng đọc sách của xã nên gắn với tổ chức hợp tác xã, dựa vào hợp tác xã để hoạt động, như thế vừa bám chắc được nhiệm vụ sản xuất, vừa có điều kiện vật chất để hoạt động.

Đi đôi với việc xây dựng, tổ chức bộ máy, cần khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa – thông tin cấp huyện bao gồm hai loại: cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ chuyên môn. Để khắc phục tình trạng cán bộ văn hóa – thông tin ở huyện vừa thiếu vừa yếu như hiện nay, nhất là về trình độ chuyên môn nghiệp vụ thì ngoài nguồn cán bộ do cấp trên cung cấp, với sự giúp đỡ của trung ương và tỉnh, các huyện cần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ

Digitized by Google

là chủ yếu. Việc đào tạo và bồi dưỡng đó phải luôn luôn xuất phát từ yêu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa của địa phương.

Xây dựng và tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phải đi liền với việc *xây dựng phong trào, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật*, trang bị các phương tiện và vật tư chuyên dùng để triển khai hoạt động. Ba mặt đó là một thể thống nhất không thể thiếu được trong việc xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện.

Phong trào quần chúng là một yếu tố quan trọng bảo đảm cho các hoạt động văn hóa thông tin trên địa bàn huyện đạt kết quả tốt. Phong trào quần chúng cũng chính là thước đo chất lượng của các hoạt động văn hóa—thông tin ở huyện. Kinh nghiệm ở nhiều nơi cho thấy, hoạt động văn hóa—thông tin càng trở thành phong trào quần chúng thì càng phát huy được tác dụng thiết thực đối với việc nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và càng phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong việc chỉ đạo xây dựng phong trào cần xác định cho được lực lượng chủ chốt của từng phong trào để từ đó có kế hoạch xây dựng và triển khai lực lượng một cách thích hợp. Chẳng hạn, trong phong trào xây dựng nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín, lực lượng nòng cốt phải là thanh niên. Trong phong trào xây dựng « gia đình văn hóa mới », lực lượng nòng cốt phải là phụ nữ...

Công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện chỉ có thể đạt được kết quả tốt *khi có cơ sở vật chất kỹ thuật và các phương tiện, vật tư chuyên dùng tối thiểu để triển khai hoạt động*. Chẳng hạn, muốn phát động phong trào đọc và làm theo sách báo cách mạng thì điều tối thiểu là phải có sách báo, có thư viện hoặc phòng đọc sách. Muốn tổ chức một tối biểu diễn văn nghệ thì tối thiểu phải có một số nhạc cụ, sơn, phấn... chưa nói tới phải có sân khấu, phông màn, loa...

Trong điều kiện kinh tế nước ta còn nghèo, việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và trang bị các phương tiện vật tư chuyên dùng cho các hoạt động văn hóa—thông tin, ngoài việc dựa vào vốn đầu tư của Nhà nước, cần dựa vào dân, phát huy trí tuệ tập thể của nhân dân, tận dụng nguyên liệu của địa phương, tận dụng những công trình có sẵn rồi cải tạo đi để biến thành các công trình văn hóa—thông tin phục vụ quần chúng.

Theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » nhiều huyện đã có những biện pháp rất sáng tạo trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hoạt động văn hóa—thông tin. Huyện Tam kỳ (Quảng nam—Đà nẵng) chủ trương mỗi cán bộ thoát ly đóng góp một ngày lương để tham gia xây dựng nhà bảo tàng của huyện. Nhà bảo tàng và thư viện huyện Hải hậu (Hà nam ninh) được xây dựng với nguyên liệu, vật liệu của nhân dân đóng góp. Huyện Đông hưng (Thái bình) có sáng kiến vận động nhân dân đóng góp công lao động xã hội chủ nghĩa để xây dựng nhà văn hóa. Huyện Thủ đức (thành phố Hồ Chí Minh) sửa chữa một trường đông cũ thành nhà văn hóa tương đối lớn. Trung tâm văn hóa huyện Sông lô (Vĩnh phú) được hình thành chủ yếu cũng do cải tạo và sử dụng các cơ sở cũ.

Trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hoạt động văn hóa—thông tin ở huyện, nên ưu tiên xây dựng khu trung tâm văn hóa huyện với các thiết chế tương đối đầy đủ như nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp hoặc bãi chiếu bóng, hiệu sách, hiệu ảnh, thư viện... bởi vì đó là nơi chỉ đạo và điều hành các hoạt động văn hóa—thông tin trong toàn huyện, là nơi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa—thông tin

Digitized by Google

cho các cơ sở, nơi tập trung các điều kiện để thỏa mãn nhu cầu văn hóa của nhân dân. Đó còn là trung tâm giao lưu văn hóa của các cơ sở và các tầng lớp nhân dân trong huyện.

Ngoài khu trung tâm văn hóa huyện, cần chú ý xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cụm văn hóa xã. Thực tế cho thấy, hoạt động văn hóa ở khu trung tâm huyện lỵ không thể nào với tới được đến tất cả các xã trong huyện, nhất là đối với những huyện miền núi và những huyện ở đồng bằng sông Cửu long có địa bàn khá rộng và việc giao thông còn gặp nhiều khó khăn. Theo điều tra của một số huyện thì số giờ nhân dân ở thị trấn huyện lỵ và ở các xã gần trung tâm huyện lỵ được xem biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, nghe đài, đọc sách báo nhiều gấp 3 – 4 lần, thậm chí 5 – 6 lần so với các xã ở xa huyện lỵ. Để khắc phục tình trạng trên, nhiều huyện đã chủ trương xây dựng những cụm văn hóa xã gắn liền với cụm kinh tế – dân cư – kỹ thuật. Tỉnh Nghĩa bình, huyện Thủ đức (thành phố Hồ Chí Minh) và huyện Hải hậu (Hà nam ninh) là những nơi có nhiều kinh nghiệm xây dựng cụm văn hóa xã. Với những cụm văn hóa xã hoạt động chung quanh khu trung tâm văn hóa huyện, huyện Thủ đức đã có một hệ thống mạng lưới văn hóa hoàn chỉnh: huyện – cụm xã – xã (từ trên xuống) và ngược lại, xã – cụm xã – huyện (từ dưới lên).

★

Mấy năm qua, mặc dù có rất nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện vẫn đạt được những kết quả đáng mừng:

Điều đáng chú ý đầu tiên là hầu như tất cả các cấp ủy Đảng và chính quyền các tỉnh và thành phố đều quan tâm đúng mức tới công tác này. Nhiều tỉnh và thành phố đã có nghị quyết hoặc chỉ thị về công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện.

Nhiều huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện đã nhận thức đúng vai trò, vị trí quan trọng của công tác này, hiểu rõ nội dung hoạt động của nó và những việc cần phải làm. Chính vì thế, nhiều điển hình tốt về đời sống văn hóa trên địa bàn huyện đã ra đời như Hải hậu (Hà nam ninh), Hưng hà (Thái bình), Thủ đức (thành phố Hồ Chí Minh), An nhơn (Nghĩa bình), Đắc tô (Gia lai – Kon tum), Thốt nốt (Hậu giang)... Tiêu biểu nhất là hai huyện Hải hậu và Thủ đức. Cả hai huyện này đã xây dựng được một đời sống văn hóa tương đối cao cho nhân dân trên khắp địa bàn huyện, phát huy được tác dụng to lớn của hoạt động văn hóa – thông tin đối với sản xuất và an ninh quốc phòng.

Nhiều huyện đã xây dựng được khu trung tâm văn hóa huyện với đầy đủ các thiết chế để có thể hoạt động thường xuyên. Các tổ chức văn hóa – thông tin cấp huyện được tăng cường thêm những cán bộ có năng lực và phẩm chất tốt. Một mạng lưới văn hóa – thông tin khá hoàn chỉnh từ huyện tới cơ sở đã được xây dựng trên địa bàn của khá nhiều huyện. Tính tới cuối năm 1985, ngoài các nhà văn hóa tỉnh và thành phố, chúng ta có tới 161 nhà văn hóa quận, huyện, hơn 2000 nhà văn hóa phường, xã. Những con số này cho thấy công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện đang được chú ý đẩy mạnh.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện chưa phát triển đồng đều và rộng khắp ở tất cả các huyện trong cả nước. Chính điều đó dẫn tới sự chênh lệch có khi rất lớn giữa các huyện trên tất cả các mặt: tổ chức, phong trào, cơ sở vật chất, hiệu quả.

Chúng ta tin rằng tình hình nêu trên sẽ được khắc phục trong thời gian tới.

Digitized by Google

HOÀNG CÔNG

SU PE PHỐT PHÁT LÂM THAO – NHÀ MÁY ANH HÙNG

TRẢI qua 23 năm liên tục vừa sản xuất, vừa xây dựng và trưởng thành, nhà máy su pe phốt phát Lâm thao đã nhận được phần thưởng xứng đáng do Nhà nước trao tặng: danh hiệu Đơn vị anh hùng lao động. Hơn hai thập kỷ vượt qua mọi khó khăn trong mọi hoàn cảnh, thời bình cũng như thời chiến, nhà máy luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình: sản xuất hàng triệu tấn phân bón, hàng chục vạn tấn a xít và hàng nghìn tấn hóa chất khác cho đất nước như thuốc trừ sâu, bột giặt tổng hợp v.v.

Được xây dựng với sự giúp đỡ của Liên xô, đi vào sản xuất từ tháng 6-1962, nhà máy có công suất ban đầu là 100 000t a xít và 400 000t su pe lân một năm. Qua hai lần mở rộng, hiện nay nhà máy đã có sản lượng a xít và su pe lân gấp ba lần công suất ấy.

Là một cơ sở sản xuất hóa chất hoạt động có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, luôn đạt và vượt kế hoạch sản lượng, nộp lãi cho Nhà nước mỗi năm một tăng, giữ nghiêm kỷ luật lao động và nền nếp quản lý luôn chăm lo cải thiện đời sống của cán bộ, công nhân, vừa sản xuất, vừa xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ vững mạnh, đoàn kết... nhà máy su pe phốt phát Lâm thao xứng đáng là một trong những tấm gương sáng của ngành công nghiệp nước ta.

★

Luôn luôn giữ vững kỷ luật lao động, duy trì nền nếp và cải tiến quản lý về các mặt là yếu tố hàng đầu đem lại những thành tích to lớn của nhà máy.

Là nhà máy hóa chất có quy trình liên tục 24 giờ/ngày với những quy định nghiêm ngặt về kỹ thuật vận hành, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường, chỉ một sơ suất nhỏ trong dây chuyền cũng ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng của toàn nhà máy, gây thiệt hại hàng chục nghìn đồng, có khi ảnh hưởng lớn tới sức khỏe và tính mạng của công nhân, cho nên, ngay từ đầu, nhà máy đã chú ý tới việc giữ nghiêm kỷ luật lao động, nền nếp quản lý, thực hiện đầy đủ các quy tắc, quy trình, quy phạm kỹ thuật v.v.

Trong mỗi phân xưởng, từ người thợ phụ tới người quản đốc đều được chỉ dẫn cơ bản về nhiệm vụ của từng người với đầy đủ nội dung, chỉ rõ những mối quan hệ với người khác, phạm vi công việc phụ trách, quyền hạn và trách nhiệm; những kiến thức cần thiết về chuyên môn, về bảo đảm an toàn lao động; chế độ giao nhận ca v.v. Mỗi phòng, ban và cán bộ quản lý càng có những quy định riêng về nhiệm vụ, quan hệ trên dưới, trách nhiệm v.v.

Để cho công nhân làm đúng các yêu cầu kỹ thuật, nhà máy xây dựng đầy đủ các quy định về vận hành, bảo dưỡng máy móc, về việc lập hồ sơ máy, về chất lượng sản phẩm,

Digitized by Google

định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư, v.v. Một mặt, nhà máy tổ chức cho từng người, từng bộ phận, nhất là người mới vào nghề học tập, nắm vững tất cả các quy định liên quan đến mình, mặt khác tổ chức hệ thống kiểm tra từ nhiều phía. Chẳng hạn, mỗi công nhân vận hành máy phải ghi nhật ký kỹ thuật, báo cáo kết quả sau mỗi ca làm việc cho người phụ trách; ca sau kiểm tra ca trước, bộ phận này kiểm tra bộ phận kia. Nhà máy có các đội kiểm tra, ngoài kiểm tra định kỳ còn có kiểm tra đột xuất. Tổ chức Đảng hằng tháng có chương trình kiểm tra. Giám đốc dành thời giờ trực tiếp nghe mọi người phản ánh tình hình. Để chấp hành nghiêm các chế độ, chính sách của Nhà nước, tránh tùy tiện khi giải quyết công việc, giám đốc, đảng ủy, công đoàn dự thảo các quy chế: tuyển dụng lao động, giao nộp sản phẩm, xử lý việc xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, vi phạm kỷ luật lao động, kỷ luật kỹ thuật v.v. rồi đưa ra thông qua trước đại hội công nhân viên chức. Mọi người phải làm theo quy chế; quy chế là cơ sở của việc kiểm tra, giám sát, xét khen thưởng, kỷ luật. Việc chấp hành những quy định thuộc về quản lý lao động, quản lý kỹ thuật được kiểm tra và ghi nhận thường xuyên, rõ ràng, cho nên đã giúp việc xét thưởng, phạt, nâng lương, nâng bậc được công bằng, đúng đắn.

Tùy theo từng thời kỳ, nhà máy có những cải tiến trong nền nếp quản lý, sửa đổi các quy định cho phù hợp với sự thay đổi hoàn cảnh khách quan và điều kiện sản xuất của nhà máy, nhằm đạt được mục tiêu cao nhất là hoàn thành kế hoạch với hiệu quả, năng suất, chất lượng ngày một cao. Qua thực tế sản xuất, kiên trì đấu tranh nội bộ, qua việc tổ chức học tập và nghiêm túc xử lý những trường hợp vi phạm chế độ kỷ luật và quản lý, nhà máy đã dần dần tạo cho cán bộ, công nhân một thói quen tự giác chấp hành các quy chế của nhà máy. Điều đó thật sự góp phần nâng cao công suất máy móc, tránh được các sự cố kỹ thuật đáng tiếc xảy ra, góp phần tăng năng suất lao động của toàn nhà máy. Trong những năm gần đây, bên cạnh kế hoạch chính, nhà máy cũng có kế hoạch phụ, nhưng không có trường hợp nào vật tư, nguyên liệu từ kế hoạch chính chạy sang kế hoạch phụ. Sản phẩm dù làm ra từ nguồn nguyên liệu nào cũng đều phải đạt chất lượng quy định và được giao nộp theo đúng quy định của Nhà nước; phần do liên kết, liên doanh cũng bảo đảm giá cả thống nhất của Nhà nước, không bán ra ngoài, hưởng chênh lệch giá. Các khoản nộp ngân sách hằng năm đều đúng thời hạn, đủ và vượt chỉ tiêu theo mức độ vượt sản lượng của kế hoạch.

Thật sự coi trọng và đi sâu vào khoa học — kỹ thuật, coi đó là biện pháp rất cơ bản để tăng năng suất, đạt chất lượng, hiệu quả kinh tế, giảm tiêu hao nguyên, vật liệu, bảo đảm an toàn, vệ sinh công nghiệp, đặc biệt là để tạo điều kiện chủ động trong sản xuất, đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất làm cho nhà máy trở thành đơn vị anh hùng.

Một mặt, nhà máy biết phát huy tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo của anh chị em cán bộ, công nhân, đồng thời có khuyến khích bằng vật chất thích đáng, mặt khác tích cực đưa nhanh các kết quả nghiên cứu và sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất, đem lại hiệu quả thiết thực. Qua 23 năm, trên 1 500 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được ứng dụng làm lợi gần 25 triệu đồng (tiền cũ). Năm 1964, chỉ sau khi đi vào sản xuất một năm, các kỹ sư, công nhân đã cải tiến máy xúc K39—4, nâng sản lượng a xít từ 60 tấn lên 70 tấn/ngày, góp phần đạt 135 000 tấn su pe lân/năm, vượt công suất thiết kế 35 000 tấn.

Digitized by Google

Sau đợt 1 mở rộng (1974), nhà máy đã hoàn thành đề tài nghiên cứu, nâng sản lượng a xít từ 60 000 tấn lên 70 000 tấn/năm. Hiện nay sau đợt 2 mở rộng (1981) nhờ nắm vững kỹ thuật, dây chuyền su pe lân 2 đã đạt mức công suất thiết kế, dây chuyền a xít 2 đạt 90% công suất.

Nhà máy chú ý việc tự nghiên cứu, thiết kế, gia công, lắp đặt các loại thiết bị, máy móc và phụ tùng thay thế lẽ ra phải nhập khẩu. Hiện nay, nhà máy tự bảo đảm được 80% số phụ tùng, thiết bị thuộc loại này. Vì vậy dây chuyền su pe lân 1 tuy sau 23 năm máy móc đã cũ và khấu hao hết nhưng đến nay vẫn hoạt động tốt, góp phần đáng kể làm cho nhà máy đạt và vượt kế hoạch.

Trong 2 năm 1983 — 1984, nhà máy thực hiện được gần 200 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các đề tài tiến bộ kỹ thuật khác, làm lợi cho công quỹ hơn 9 triệu đồng (tiền cũ). Để đưa dây chuyền su pe lân 2 đi vào hoạt động trước 6 tháng so với kế hoạch, nhà máy đã tự nghiên cứu gia công được 200 tấn chất kết dính a da mít, xi măng chịu nhiệt chịu a xít ; tự chế tạo được 400 tấn thiết bị phi tiêu chuẩn, tự lắp đặt trên 1000 tấn thiết bị như các dường ống chịu a xít, chịu nhiệt, trạm khí nén, máy đo kiểm tra, trạm biến áp v.v. Nhà máy còn hợp tác với trường đại học Bách khoa Hà nội, trường cơ điện Bắc thái, nhà máy công cụ số 1 Hà nội để chế tạo một số loại phụ tùng cần thiết, kịp thời phục vụ cho sản xuất như : các vòng lạc gra phít thay vòng bạc phải nhập khẩu, bánh xe răng của cần trục v.v. Trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước, nhà máy chú trọng nghiên cứu đưa các nguyên liệu sẵn có trong nước vào sản xuất để khỏi nhập của nước ngoài, đồng thời nghiên cứu cải tiến máy móc, quy trình phù hợp với các loại nguyên liệu ấy. Nhà máy đã thành công trong việc dùng lưu huỳnh dưới các dạng : bột, cục, để sản xuất su pe lân đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Năm 1984, chỉ trong vòng 3 tháng nhà máy đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất a xít từ pi rít trong nước, và a xít từ lưu huỳnh theo quy trình đốt lưu huỳnh trong lò tầng sôi. Nhờ nghiên cứu chế tạo thiết bị và cải tiến kỹ thuật, quy trình sử dụng nguyên liệu trong nước, nhà máy đã giữ được chủ động trong sản xuất.

Nhà máy không chỉ bảo đảm chất lượng các sản phẩm đã quy định, mà còn chú ý nghiên cứu chế tạo các sản phẩm mới, mở rộng mặt hàng. Trong số 8 sản phẩm mới được sản xuất ở quy mô công nghiệp của nhà máy đã có 2 sản phẩm được đưa vào chỉ tiêu pháp lệnh là bột giặt tổng hợp (3000 tấn/năm) và na tri pô li phốt phát (600 tấn/năm). Các dây chuyền sản xuất nay đều được xây dựng từ vốn tự có của nhà máy. Ngoài ra nhà máy còn sản xuất 17 hóa chất tinh khiết khác cung cấp cho các ngành công nghiệp. Để có thêm nhiều sản phẩm mới, tiết kiệm mỗi năm hàng chục triệu đồng, nhà máy đã chú trọng giảm tiêu hao nguyên liệu, vật tư cho mỗi tấn sản phẩm thông qua tác động của khoa học kỹ thuật và đẩy mạnh phong trào tiết kiệm, tận thu phế liệu, phế phẩm để làm ra sản phẩm mới.

Việc coi trọng và đi sâu vào khoa học — kỹ thuật có ảnh hưởng lớn tới công tác cán bộ của nhà máy. Nó đã góp phần quan trọng đào tạo một đội ngũ cán bộ và công nhân vững tay nghề, có tính chủ động sáng tạo và gắn bó với nhà máy. Từ ngày thành lập đến nay, ngay cả trong điều kiện chiến tranh, nhà máy vẫn duy trì việc học tập văn hóa của cán bộ, công nhân. Nhà máy đã mở 15 khóa trung cấp, đào tạo được trên 400 công nhân, cán bộ trung cấp kỹ thuật thuộc đủ các ngành nghề trong nhà máy ; mở 3 lớp đại học tại chức, đào tạo được

Digitized by Google

35 kỹ sư trong đó có cả kỹ sư quản lý kinh tế. Hằng năm nhà máy đều cử người đi học các trường đại học tập trung. Nhờ vậy, hiện nay nhà máy có 108 người có trình độ đại học.

Nhà máy thực hiện chủ trương đào tạo, đề bạt cán bộ gắn liền với thực tiễn sản xuất. Tất cả các cán bộ của nhà máy hiện nay dù quản lý kỹ thuật hay quản lý kinh tế đều đã trải qua thời kỳ tập sự ở các phân xưởng, lần lượt làm công việc của thợ phụ, thợ cả, đốc công, quản đốc... Vì vậy, đội ngũ cán bộ này vừa có tay nghề, vừa có kiến thức, vừa có trình độ kỹ thuật, vừa có năng lực quản lý, điều hành.

★

Mấy năm gần đây nhà máy tăng cường liên kết, liên doanh với các địa phương và tổ chức sản xuất của Nhà nước để có thêm nguyên liệu sản xuất. Năm 1984, được tỉnh Vĩnh phú cung cấp nguyên liệu, nhà máy sản xuất được 200 tấn bột giặt cho tỉnh. Năm 1985 được liên đoàn địa chất 3 cung cấp 6 000 tấn pi rít và hàng chục tấn phương tiện chuyên chở, nhà máy sản xuất được 60 000 tấn su pe lân, bằng 20% sản lượng cả năm. Đây cũng là một hướng mới để nhà máy khai thác năng lực sản xuất hiện có, góp phần tăng nguồn tích lũy để trang trải các khoản đầu tư chiều sâu, tăng phần nộp ngân sách. Cũng trên cơ sở đó, nhà máy xây dựng thêm cơ sở vật chất của mình, tăng phần cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân. Nhà máy đã cố gắng bảo đảm cho mỗi cán bộ, công nhân có thu nhập gấp 3 lần so với mức lương của mình. Nhà máy tự sản xuất gạch không nung để xây thêm lớp học, nhà trẻ, bệnh xá, hội trường, nhà xưởng v.v. và đã xây dựng được hàng nghìn mét vuông nhà ở cho công nhân. Nhà máy cũng chú ý giải quyết việc làm trong nhà máy cho con em cán bộ, công nhân khi đến tuổi lao động. Được nhà máy quan tâm bằng những việc làm thiết thực như vậy, cán bộ, công nhân của nhà máy càng yên tâm sản xuất và gắn bó với nhà máy.

Nhà nước tặng danh hiệu Đơn vị anh hùng lao động cho nhà máy su pe phốt phát Lâm thao là đánh giá cao những thành tích toàn diện của nhà máy. Phấn khởi tự hào về phần thưởng cao quý ấy, nhà máy su pe phốt phát Lâm thao đang ra sức phấn đấu để đạt những thành tích to lớn hơn nữa.

Digitized by Google

HỮU HẠNH

KẾT HỢP NÔNG — CÔNG NGHIỆP Ở HỢP TÁC XÃ NGA THỦY

I - PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP CHUYÊN CANH VÀ THÂM CANH.

Đất Nga thủy trồng cói thích hợp, cho năng suất cao và chất lượng cói tốt. Từ năm 1965 trở về trước, các chính sách về cây cói chưa cụ thể và rõ ràng, do đó các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở vùng này đều chuyển sang trồng lúa. Nhưng do chất đất (phù sa biển bồi) chịu ảnh hưởng mặn, trồng lúa không tốt, năng suất thấp, thu hoạch bấp bênh. Vì vậy, vấn đề lương thực ở Nga thủy vẫn không giải quyết được bằng con đường trồng lúa.

Từ khi hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã toàn xã (năm 1965), Nga thủy chuyển toàn bộ 160 héc ta ruộng đất canh tác trên địa bàn xã sang trồng cói. Tiếp theo các năm sau, qua hai đợt quai đê lấn biển, Nga thủy lại có điều kiện khai hoang mở thêm đồng cói và đến nay đã có 223 héc ta ruộng cói. Trải qua 10 năm (từ 1965 đến 1975) liên tục đầu tư xây dựng đồng ruộng, Nga thủy đã xây dựng hoàn chỉnh ba vùng tập trung chuyên canh cói. Quy hoạch và hình thành được ba vùng chuyên canh cói như trên, Nga thủy có điều kiện bố trí rải vụ thu hoạch cói (1) kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, cho nên đã giảm bớt hư hao do thu hoạch không kịp, bỏ cói thối nát ngoài đồng ruộng hoặc biến thành cói « bồi ».

Nga thủy đã sắp xếp 780 lao động trong tổng số 1615 lao động của hợp tác xã chuyên trồng cói (tức là chuyên sản xuất nông nghiệp). Những lao động được bố trí làm nghề trồng cói đều là lao động chính và lao động khỏe, tổ chức thành 10 đội sản xuất. Mỗi lao động trồng cói phụ trách 0,55 héc ta gieo trồng cói, hằng năm làm ra 3,5 tấn cói hàng hóa (tương đương với 25 tấn cói tươi). Trong nghề trồng cói ở Nga thủy, lâu nay hợp tác xã thực hiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm lao động (không khoán sản phẩm đến người lao động), vẫn đạt năng suất 12,5 tấn một héc ta và có sản lượng 2 800 tấn cói hàng hóa một năm. Đây là đơn vị có năng suất và sản lượng cói cao nhất huyện Nga sơn.

Với sản phẩm cói hàng hóa cung cấp cho Nhà nước hằng năm hợp tác xã Nga thủy đã thu về cho mỗi đầu người trên 300 kg lương thực đối lưu (chưa kể lương thực đối lưu cho sản phẩm thủ công nghiệp chế biến bằng cói), bảo đảm giải quyết đủ lương thực cho mọi người dân trên địa bàn Nga thủy. Lương thực do đó không còn tranh chấp với nghề chuyên canh

(1) Công việc thu hoạch cói bao gồm: cắt cói chuyển về bãi, chẻ cói, phơi khô, đóng thành bước sản phẩm.

Digitized by Google

cói trên đồng ruộng Nga thủy, hơn nữa còn tạo điều kiện thuận lợi cho nghề chuyên canh cói ở đây phát triển theo chiều sâu.

Diện tích trồng cói của Nga thủy đã ổn định từ nhiều năm nay ở mức 223 héc ta. Khả năng khai hoang mở thêm diện tích còn rất ít. Vì vậy, hằng năm muốn tăng thêm sản lượng cói, Nga thủy tập trung đầu tư cho thâm canh để đưa năng suất cói mỗi năm một tăng thêm. Đi đôi với bón phân vô cơ, Nga thủy đặc biệt chú trọng bón thật nhiều phân chuồng, coi đây là mấu chốt của thâm canh để đưa năng suất cói tăng lên. Phấn đấu theo hướng đó, năng suất cói của Nga thủy đã tăng lên không ngừng: bình quân mỗi héc ta năm 1983 đạt 11,2 tấn, năm 1984 đạt 11,72 tấn, năm 1985 đạt 12,57 tấn.

Thâm canh bằng chế độ bón nhiều phân chuồng đưa lại năng suất cao, chất lượng cói tốt, hơn nữa còn làm tăng độ mùn làm màu mỡ thêm cho đất trồng cói, tạo điều kiện cho cây cói phát triển tốt lâu dài, chu kỳ khai thác kéo dài được nhiều năm, chi phí về cải tạo lại đồng cói giảm bớt. Hiện nay, Nga thủy có 40% diện tích đồng cói đã khai thác liên tục qua 24 năm, mà năng suất vẫn ngày một cao. Số diện tích còn lại cũng đều có chu kỳ khai thác từ 12 năm trở lên. Do đó, hằng năm Nga thủy chỉ phải đầu tư cải tạo lại từ 3% đến 5% diện tích cói. Ở các nơi khác, hằng năm vẫn phải cải tạo lại trên 10% diện tích đồng cói. Vì ở các nơi đó cây cói khai thác từ 7 đến 10 năm là đã giảm năng suất, phải trồng lại.

Nghề trồng cói chuyên canh và thâm canh ở Nga thủy ngày nay đã thu về cho hợp tác xã (năm 1985) được trên 3,5 triệu đồng (tiền mới). Như vậy, bình quân mỗi lao động chuyên trồng cói ở đây trong một năm đã sáng tạo ra được trên 4600 đồng (tiền mới) về thu nhập. Chính nhờ người lao động chuyên trồng cói tạo ra được năng suất lao động cao (cả về sản phẩm làm ra và giá trị thu nhập) mà hợp tác xã có nguyên liệu và tiền vốn để phát triển mạnh nghề làm sản phẩm bằng cói trong mọi gia đình xã viên và tổ chức lao động làm hàng xuất khẩu.

II — MỌI NHÀ, MỌI NGƯỜI THAM GIA SẢN XUẤT THỦ CÔNG NGHIỆP

Song song với nghề trồng cói, Nga thủy có nghề làm hàng bằng cói. Khi còn là hợp tác xã nhỏ (1965 trở về trước) các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở xã Nga thủy chỉ trồng cói, không tổ chức làm hàng bằng cói. Việc làm chiếu cói được giao cho một hợp tác xã thủ công nghiệp chuyên nghiệp làm. Tách trồng cói và chế biến cói ra thành những hợp tác xã riêng biệt như trên, hai phần ba năng lực làm chiếu cói ở xã Nga thủy không được sử dụng đến. Trong khi đó, phần lớn cói của Nga thủy làm ra đều đưa đi các nơi khác làm hàng cói xuất khẩu. Thời gian này Nga thủy làm được rất ít hàng cói xuất khẩu.

Đến năm 1965, Nga thủy chủ trương hợp nhất tất cả các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trồng cói và hợp tác xã thủ công nghiệp chế biến cói thành một hợp tác xã toàn xã, vừa kinh doanh nghề trồng cói, vừa kinh doanh nghề chế biến cói.

Chuyên làm hàng cói xuất khẩu, hợp tác xã phải tổ chức lao động sản xuất theo quy trình kỹ thuật chặt chẽ bảo đảm số lượng mặt hàng và chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

Hợp tác xã bố trí từ 600 đến 650 lao động trẻ, khoẻ đã được huấn luyện và có tay nghề thành thạo, chia thành hai đội sản xuất làm tập trung ở hai xưởng sản xuất của hợp tác xã, đảm nhận các khâu công việc quan trọng như: nhuộm màu, phơi sấy, dệt chiếu... bảo đảm chất lượng sản

Digitized by Google

phẩm cuối cùng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Hợp tác xã đã trang bị 600 máy xe cói và 110 máy xe đay giao về cho các gia đình có lao động yếu, lao động phụ và lao động nông nghiệp kết hợp làm ngoài giờ để làm các việc như: xe lõi cói theo các mã hàng khác nhau, xe sợi đay... cho hợp tác xã. Hợp tác xã cũng đã trang bị 350 động cơ điện chạy máy xe cói thay đạp chân cho những lao động yếu và lao động phụ có điều kiện xe lõi cói đạt năng suất cao.

Việc đan bao nhanh cũng gia công cho gia đình xã viên làm và giao nộp thành phẩm cho hợp tác xã.

Các gia đình nộp sản phẩm gia công cho hợp tác xã theo lịch nhập kho, đã thành lệ, không phải đòn đốc. Mỗi loại sản phẩm gia đình làm gia công cho hợp tác xã, đều có sổ riêng ghi chép số lượng giao nộp và kết quả thanh toán.

Tổ chức làm nghề thủ công chế biến cói như trên, mọi nhà, mọi người ở hợp tác xã Nga thủy đều có thể tham gia sản xuất. 40% khối lượng công việc làm hàng cói xuất khẩu ở Nga thủy là do lực lượng lao động phụ trong các gia đình xã viên đảm đương. Nhờ gắn được với lao động phụ làm gia công các nửa thành phẩm, một lao động chính sản xuất thủ công nghiệp ở hợp tác xã Nga thủy đã làm ra được một khối lượng hàng cói xuất khẩu gấp hai lần so với một lao động chuyên làm hàng cói xuất khẩu ở các hợp tác xã khác trong huyện Nga sơn. Năm 1985, 650 lao động chính làm thủ công nghiệp ở Nga thủy đã dệt được 330 000 mét vuông chiếu cói xuất khẩu, tương đương với định mức lao động của 817 người dệt chiếu chuyên nghiệp. Do đó, giá trị thu nhập về phần thủ công nghiệp của Nga thủy năm 1985 đạt 3 659 000 đồng (tiền mới), (trong đó chủ yếu là hàng xuất khẩu — đạt 3 112 000 đồng), chiếm trên 50% tổng giá trị thu nhập nông — công nghiệp (7 279 000 đồng tiền mới) của hợp tác xã.

III — NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NÔNG — CÔNG NGHIỆP Ở HỢP TÁC XÃ

Việc kết hợp sản xuất nông — công nghiệp ở Nga thủy được thử thách qua nhiều năm và đã mang lại kết quả tốt, được xác định là con đường đi lên vững chắc của hợp tác xã. Song hiện nay, Nga thủy đang còn có nhiều khó khăn phải từng bước giải quyết mới nâng cao được hiệu quả sản xuất nông — công nghiệp nhằm phát triển nhanh lực lượng kinh tế của hợp tác xã và nâng cao không ngừng đời sống cho xã viên.

Nga thủy có kinh nghiệm thâm canh đạt năng suất cao về cói cấy trên đồng ruộng. Nhưng việc thu hoạch bao gồm các khâu cắt cói, chẻ cói, phơi khô đang còn làm bằng thủ công rất nặng nhọc, năng suất thấp và lệ thuộc hoàn toàn vào thời tiết.

Hợp tác xã có chủ trương cơ giới hóa một số khâu thu hoạch cói. Dùng máy cắt cói vừa giảm nhẹ lao động cho người trồng cói, năng suất lại tăng gấp nhiều lần cắt tay. Dùng máy chẻ cói chạy điện năng suất tăng gấp 20 lần so với chẻ cói bằng công cụ thủ công. Xây dựng lò sấy bằng điện (ở đây có nguồn điện lưới) thì bảo đảm chủ động ngày đêm sấy khô cói nguyên liệu. Giải quyết được các khâu thu hoạch bằng cơ giới như vậy sẽ đạt được năng suất và sản lượng cói nguyên liệu cao với chất lượng tốt, do đó nâng cao hiệu quả sản xuất của nghề trồng cói. Năng suất lao động của người trồng cói càng được nâng cao bao nhiêu, hợp tác xã Nga thủy càng có điều kiện bấy nhiêu để chuyển thêm lao động nông nghiệp sang làm nghề thủ

Digitized by Google

công sản xuất hàng cói xuất khẩu, tạo ra giá trị thu nhập cao hơn so với lao động nông nghiệp. Với trình độ sản xuất như hiện nay, một lao động thủ công nghiệp sản xuất hàng cói xuất khẩu ở Nga thủy tạo ra được giá trị thu nhập trên 5600 đồng, còn lao động nông nghiệp chỉ được 4600 đồng (tiền mới) một năm. Hiện nay ở Nga thủy mới sử dụng khoảng 40% nguyên liệu cói của hợp tác xã làm ra để sản xuất hàng cói xuất khẩu, nhưng đã tạo ra được một giá trị thu nhập nhiều hơn giá trị thu nhập cả năm của toàn ngành nông nghiệp hợp tác xã. Nguồn cói nguyên liệu của Nga thủy còn nhiều, kinh nghiệm sản xuất có sẵn, chỉ cần rút được nhiều lao động nông nghiệp sang làm thủ công nghiệp sản xuất hàng cói xuất khẩu thì có thể nhanh chóng làm giàu cho hợp tác xã. Điều này hoàn toàn có thể thực hiện được nếu thực hiện được việc cơ giới hóa một số khâu thu hoạch trong nghề trồng cói như đã trình bày ở trên.

Máy móc, vật tư, thiết bị kỹ thuật trang bị cho việc cơ giới hóa một số khâu thu hoạch trong nghề trồng cói và cho công nghiệp làm hàng cói xuất khẩu ở Nga thủy có nhiều thứ phải mua bằng ngoại tệ. Nga thủy xin được dùng một phần ngoại tệ bán hàng cói xuất khẩu của mình vào việc mua sắm máy móc, vật tư, thiết bị cần thiết cho nhu cầu phát triển sản xuất của hợp tác xã. Điều đó hoàn toàn chính đáng, hơn nữa còn tạo điều kiện để phát huy quyền tự chủ và tính năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.

Việc từng bước trang bị cơ khí cho nghề trồng cói nói riêng, sản xuất nông nghiệp nói chung, cũng như việc sử dụng phổ biến các loại máy móc trong nghề thủ công làm hàng bằng cói ở Nga thủy và ở tất cả các hợp tác xã trong huyện đòi hỏi công việc sửa chữa cơ khí rất lớn. Bản thân hợp tác xã Nga thủy cũng như từng hợp tác xã khác trong huyện không tự làm được, đang phải mang máy móc đến sửa chữa ở các huyện và tỉnh khác, vừa xa, tốn kém, vừa phải chờ lâu mất nhiều thời gian sản xuất. Nga thủy cũng như nhiều hợp tác xã ở Nga sơn rất mong trên địa bàn huyện mình sớm xây dựng được một xí nghiệp sửa chữa cơ khí cấp huyện có đủ năng lực và trình độ bảo đảm sửa chữa kịp thời những máy móc hư hỏng cho họ.

Ngoài ra, cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp còn đang gây nhiều khó khăn, trở ngại cho phát triển sản xuất kinh doanh của hợp tác xã. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và định mức thu mua sản phẩm cói, cấp trên giao cho hợp tác xã một cách thiếu dân chủ, ấn định sát nút năng lực sản xuất hằng năm của cơ sở. Do đó, hợp tác xã không còn phần sản phẩm dư dôi làm quỹ hàng hóa để tiến hành liên doanh, liên kết kinh tế với các nơi khác tạo nguồn cân đối mới cho phát triển sản xuất kinh doanh của hợp tác xã. Hợp tác xã phải giao nộp đủ số lượng và chất lượng sản phẩm cho cơ quan thu mua của quốc doanh, nhưng lại không được đối lưu đầy đủ và kịp thời những vật tư, phụ tùng, hàng hóa, lương thực theo hợp đồng đã ký kết. Bên mua thường chịu tiền quá lâu không trả làm ảnh hưởng không tốt đến kế hoạch sản xuất của hợp tác xã và gây khó khăn cho hoạt động tiêu dùng của người sản xuất... Các cơ quan có liên quan và các chủ mua hàng của Nga thủy cần bàn bạc kỹ với hợp tác xã để tháo gỡ kịp thời những vướng mắc có nguy cơ làm triệt tiêu những động lực thúc đẩy sản xuất phát triển, làm cho người lao động kém phấn khởi sản xuất và hợp tác xã thiếu những điều kiện vươn lên giải quyết các vấn đề về sản xuất và đời sống. Có như vậy, hợp tác xã Nga thủy mới có điều kiện phát triển mạnh sản xuất nông — công nghiệp với chất lượng tốt và hiệu quả cao.

Digitized by Google

NGUYỄN THÀNH LÊ

Những tổng kết sâu sắc về tình hình quốc tế

Được tiến hành vào thời điểm xã hội xô viết và tình hình thế giới đang ở bước ngoặt, Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô được mãi mãi ghi nhớ như một cột mốc không chỉ trong lịch sử ĐCS Liên xô quang vinh do Lê-nin sáng lập, rèn luyện mà cả trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong lịch sử của cả loài người tiến bộ.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, Đại hội đã phân tích sâu sắc, toàn diện tình hình và những mâu thuẫn của thời đại, khẳng định xu thế tất yếu của thời đại, nêu bật những động lực của thời đại; đồng thời đã cụ thể hóa đường lối, chính sách đối ngoại lê nin nít của Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên xô trong tình hình quốc tế sôi động và phức tạp hiện nay.

I. Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô là sự tổng kết sâu sắc, sáng suốt, toàn diện tình hình quốc tế và các quan hệ quốc tế trong thời đại ngày nay

Thời đại chúng ta, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, là thời đại hết sức sôi động, là thời đại được đánh dấu bằng vô số những cuộc cách mạng xã hội và cách mạng giải phóng dân tộc ở hầu khắp các lục địa. Sự ra đời và lớn mạnh không ngừng của hệ thống xã hội chủ nghĩa bao gồm hàng chục nước ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ la tinh, cùng với việc khoảng một trăm nước giành được chủ quyền dân tộc làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, đã thay đổi căn bản so sánh lực lượng giữa lực lượng tiến bộ và những lực lượng phản động.

Từ chỗ chỉ mới là « bóng ma » giữa thế kỷ XIX, phong trào cộng sản và công nhân ngày nay đã trở thành phong trào chính trị—xã hội hùng mạnh nhất. Giai cấp công nhân đã tỏ rõ là giai cấp cách mạng chủ yếu trong thời đại chúng ta.

Đó là những sự thật hiển nhiên. Tuy nhiên cũng có một sự thật là sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội không tránh khỏi vấp váp, thậm chí mắc phải sai lầm ở nước này hay nước khác, kể cả ở Liên xô, đất nước đã lập được nhiều thành tích kỳ diệu, làm nức lòng người.

Trên thế giới hiện nay có hơn một trăm đảng cộng sản và công nhân. Trong thời gian qua, nhiều đảng đã phát huy tốt vai trò và tác dụng của mình, không ngừng đi lên, ngày càng trở thành nhân tố có vai trò quan trọng hàng đầu trong đời sống chính trị—xã hội của nước mình. Đồng thời lại có một số đảng đang suy thoái:

Digitized by Google

chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa dân tộc sô vanh v.v. đã và đang gây tác hại đối với các đảng đó.

Trong phong trào dân tộc, sau khi giành lại chủ quyền, một số nước đã chọn con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa và hướng theo chủ nghĩa xã hội, một số nước còn phân vân ở ngã ba đường, trong khi nhiều nước khác vẫn nằm dưới sự khống chế bằng hình thức thực dân mới của chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Bên cạnh những thành tựu nhiều mặt, các nước đang phát triển vấp phải những khó khăn chồng chất do chủ nghĩa thực dân cũ để lại và do sự bóc lột thực dân mới gây ra.

Về phía thế giới tư bản chủ nghĩa, địa bàn thống trị của chúng đã bị thu hẹp trông thấy, chủ nghĩa đế quốc đã hết thời làm mưa làm gió, nhưng các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây vẫn còn tiềm lực phát triển kinh tế. Đặc biệt là trong vài thập niên kỷ nay, do áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, lực lượng sản xuất ở các nước đế quốc chủ nghĩa phát triển chưa từng thấy.

Lợi dụng những tình hình và những sự kiện kể trên, những lý thuyết gia của giai cấp tư sản quốc tế và những kẻ theo đuôi chúng đã ra sức xuyên tạc chủ nghĩa Mác — Lê-nin, huênh hoang tuyên bố rằng sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là « một sai lầm » của lịch sử cần phải sửa chữa bằng những liều thuốc của chúng. Chúng đưa ra đủ thứ nhãn hiệu, nào là « chủ nghĩa tư bản nhân dân », nào là « chủ nghĩa tư bản — xã hội », nào là chủ nghĩa thế giới mới, nào là « thuyết hội tụ », v.v. hòng đầu độc nhân dân các nước. Chúng tuyên truyền « hiệu lực vạn năng » của khoa học — kỹ thuật, làm như khoa học — kỹ thuật có thể thay thế cách mạng xã hội.

Phân tích bức tranh toàn cảnh của thế giới ngày nay, Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô nhận định: « Thế giới ngày nay rất phức tạp, đa dạng, năng động, chứa đầy xu hướng đối lập nhau, đầy mâu thuẫn ».

Bác bỏ luận điệu của những lý thuyết gia tư sản nói rằng sự vận động của thế giới ngày nay là « sự vận động Brown », nghĩa là sự vận động hỗn độn, Đại hội khẳng định lại kết luận cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin cho rằng lịch sử của xã hội là một quá trình tiến lên hợp quy luật. Cuộc cách mạng giải phóng xã hội được mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười, đang xác định bộ mặt của thế giới ngày nay. Tác động của khoa học — kỹ thuật dù to lớn đến đâu đối với cuộc sống cũng không thể thay thế được sự giải phóng con người về mặt xã hội và tinh thần, điều kiện tiên quyết làm cho con người thật sự tự do.

Với tinh khoa học vững chắc và niềm lạc quan cách mạng tràn đầy, Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô nhấn mạnh: « ... *Những khó khăn khách quan và nhân tạo do thế giới cũ gây ra dù lớn đến thế nào đi nữa thì tiến trình của lịch sử vẫn không thể nào đảo ngược được* ».

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê nin, với tư duy khoa học đổi mới phù hợp với thực tiễn khách quan, Đại hội đã xác định những nhóm mâu thuẫn chính của thời đại ngày nay

Nhóm mâu thuẫn quan trọng nhất đối với vận mệnh của loài người là những mâu thuẫn « gắn liền với *quan hệ giữa các nhà nước thuộc hai hệ thống, hai hình thái khác nhau* ».

Hòng đảo ngược bánh xe lịch sử, hòng sửa chữa cái mà chúng gọi là « sai lầm » của lịch sử, giai cấp tư sản quốc tế đã gây ra đủ kiểu chiến tranh (chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh, chiến tranh kinh tế, chiến tranh tư tưởng, chiến tranh tâm lý, chiến tranh chia để trị, chiến tranh bằng diễn biến hòa bình v.v.) chống Liên

Digitized by Google

xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa. Chúng đã liên tiếp thất bại, nhưng như Báo cáo chính trị của đồng chí Goóc-ba-trốp đã vạch rõ: « Do bản chất xã hội của nó, chủ nghĩa đế quốc thường xuyên đẻ ra chính sách xâm lược, phiêu lưu ».

Những năm gần đây, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, hòng giải quyết cuộc tổng khủng hoảng ngày càng trầm trọng, đã hung hăng đẩy mạnh chính sách đối địch toàn cầu, đối đầu quân sự hết sức nguy hiểm. Chúng đẩy mạnh chạy đua vũ trang, tăng gấp bội kho vũ khí hạt nhân và các vũ khí giết người hàng loạt khác, âm mưu quân sự hóa vũ trụ v.v.

Khác với chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xã hội với mục tiêu « tất cả vì con người, tất cả vì hạnh phúc của con người », chủ trương dứt khoát rằng không nên và không thể gắn liền tương lai của mình vào việc giải quyết những vấn đề quốc tế bằng sức mạnh quân sự.

Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô dự báo cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội thế giới còn phức tạp về nhiều mặt, đồng thời cũng nêu rõ những yếu tố có tính chất quyết định về quan hệ tương lai giữa Liên xô và Mỹ, giữa hai hệ thống xã hội thế giới. Những yếu tố đó là « sự so sánh lực lượng trên trường quốc tế, sự lớn mạnh và tinh thần tích cực của tiềm năng hòa bình, khả năng của tiềm năng đó chống lại một cách có hiệu quả nguy cơ chiến tranh hạt nhân ».

Với tầm nhìn khách quan, hiện thực, thấm nhuần chủ nghĩa nhân bản của chủ nghĩa cộng sản khoa học, Đại hội khẳng định: « Trong điều kiện chiến tranh hạt nhân hoàn toàn không thể chấp nhận được thì chỉ có chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống, chứ không phải sự đối đầu, mới có thể trở thành luật pháp trong quan hệ giữa các nước ».

Nhóm mâu thuẫn thứ hai bao gồm những mâu thuẫn bên trong của chính bản thân thế giới tư bản chủ nghĩa. Nếu chỉ xem xét một số biểu hiện thì dường như chủ nghĩa tư bản chưa « giãy chết ». Bởi vì nhìn bề ngoài, nó còn khả năng phát triển kinh tế, còn giữ được một số vị trí cụ thể về kinh tế, quân sự, chính trị; còn khả năng phục thù về mặt xã hội trên trận địa này hoặc trên trận địa khác. Nó còn khả năng giành giật lại vị trí này hay vị trí khác trước đây đã tuột khỏi tay. « *Thế giới bóc lột còn mạnh và nguy hiểm* », đó là sự thật. Nhưng đó mới chỉ là một mặt. Mặt khác của sự thật là thế giới bóc lột « *đã qua thời kỳ cường thịnh của nó*, phạm vi thống trị của chủ nghĩa tư bản không ngừng bị thu hẹp, *tính tất yếu bị diệt vong về mặt lịch sử của nó ngày càng trở nên rõ ràng* ». Sự xung đột giữa lực lượng sản xuất đã phát triển tới mức khổng lồ và quan hệ sản xuất càng tập trung trong cơ chế thống nhất của tư bản độc quyền nhà nước, ngày càng gay gắt. Mâu thuẫn giữa lao động chân tay, lao động trí óc với tư bản cực kỳ sâu sắc. Nạn thất nghiệp hiện nay đạt đến con số kỷ lục so với toàn bộ thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư bản, thể hiện mâu thuẫn chủ yếu ở các nước tư bản chủ nghĩa, ngày càng gay gắt, phức tạp. Việc chủ nghĩa tư bản quốc tế ngày càng phải dựa vào chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa chống cộng, chủ nghĩa bài Xô, chứng tỏ nó đã và đang vấp phải những bế tắc xã hội chồng chất, nó không thể và không còn chỉ dựa hoàn toàn vào những phương pháp và biện pháp cai trị thông thường của chế độ dân chủ tư sản đại nghị.

Digitized by Google

Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản làm nảy sinh những mâu thuẫn gay gắt của chính nó. Ba trung tâm đế quốc lớn (Mỹ, Tây Âu, Nhật bản) một mặt ra sức củng cố, tăng cường liên minh quân sự, chính trị để chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và các dân tộc yêu chuộng độc lập, tự do, hòa bình; mặt khác ra sức giành giật thị trường tiêu thụ, khu vực đầu tư, nguồn nguyên liệu, giành các mũi nhọn của khoa học—kỹ thuật; các mâu thuẫn giữa các nước đế quốc diễn ra gay gắt.

Từ sau khi hệ thống thuộc địa bị sụp đổ, các nước đế quốc đã xây dựng và điều chỉnh một hệ thống bóc lột thực dân mới rất tinh vi, buộc chặt nhiều nước đã giải phóng vào chúng. Chúng mưu toan tước đoạt quyền của các dân tộc đã giành chủ quyền tự chọn cốn đường đi của mình. Đây chính là nguyên nhân gây ra những cuộc xung đột khu vực ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, vùng Ca-ri-bê.

Căn cứ vào tình hình thực tế đã và đang diễn ra trong lòng chủ nghĩa tư bản, và bằng sự phân tích khoa học, Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô một lần nữa khẳng định đanh thép rằng không một thủ đoạn nào của giai cấp tư bản hiện đại « có thể hủy bỏ được các quy luật phát triển của nó, có thể loại trừ được những mâu thuẫn đối kháng của nó », « *chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản mục nát đang giãy chết, là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa* ».

Đại hội đã xác định một nhóm mâu thuẫn nữa, và đây là một điều mới, một nhận định mới. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo tồn và phát triển văn minh, bảo tồn và phát triển sự sống với tình trạng môi trường sống, bầu khí quyển và các đại dương ngày càng bị ô nhiễm, các tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tập trung sức « tất cả vì con người, tất cả vì hạnh phúc của con người » với sự phát triển theo quy mô chưa từng thấy của các loại vũ khí giết người hàng loạt; đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo vệ nền văn hóa và các giá trị chân chính của con người với sự tiến công của sự đồi trụy tư sản đặt đồng tiền lên trên hết; đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển mạnh mẽ và toàn diện của các nước đang phát triển với sự cạn kiệt tài nguyên, với sự củng quẫn về vốn đầu tư, nợ nước ngoài chồng chất.

Đó là những vấn đề có tính chất toàn cầu. Để giải quyết những mâu thuẫn kể trên, Báo cáo chính trị do đồng chí Goóc-ba-trốp trình bày trước Đại hội nhấn mạnh: « Tiến trình lịch sử và tiến bộ xã hội ngày càng đòi hỏi cấp thiết phải thiết lập sự phối hợp xây dựng và sáng tạo giữa các nước và các dân tộc trong phạm vi toàn hành tinh ».

Chỉ ra những nhóm mâu thuẫn của thời đại ngày nay, chỉ rõ chủ nghĩa đế quốc là vật cản chủ yếu của xã hội loài người trong thời đại ngày nay, Đại hội đồng thời chỉ rõ bốn động lực chính phát triển xã hội, đó là: Chủ nghĩa xã hội thế giới; Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; Nhân dân các nước đã giành độc lập dân tộc; Phong trào dân chủ có tính quần chúng.

Cả loài người tiến bộ hoàn toàn nhất trí với nhận định của Đại hội rằng « Sự lớn mạnh không ngừng và phối hợp hành động chặt chẽ của các lực lượng này là bảo đảm để niềm hy vọng của các dân tộc được sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc trở thành hiện thực ». Giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể loài người tiến bộ hoàn toàn nhất trí với niềm tin sắt đá mà Đại hội đã khẳng định là « *Dù còn gặp ghềnh, phức tạp và mâu thuẫn, con đường của loài người tiến lên chủ nghĩa xã hội*

Digitized by Google

và chủ nghĩa cộng sản là không có gì ngăn cản nổi».

II. Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô tổng kết sâu sắc vị trí, vai trò, quan hệ kiểu mới của các nước xã hội chủ nghĩa.

Đánh giá vị trí, vai trò, tác dụng của các nước xã hội chủ nghĩa, Đại hội nêu rõ: «Sự thành lập hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự hình thành và tăng cường Cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng trên trường quốc tế có lợi cho các dân tộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội, dân chủ, độc lập dân tộc»

Nhấn mạnh đặc biệt vị trí, vai trò của Cộng đồng xã hội chủ nghĩa, mà trụ cột là Liên xô, Đại hội nhận định: «Cộng đồng xã hội chủ nghĩa là lực lượng có uy tín nhất của thời đại mà thiếu nó thì không thể giải quyết được bất cứ vấn đề gì trong nền chính trị thế giới», Cộng đồng xã hội chủ nghĩa là «thành trì vững chắc trên quả đất, là người bảo vệ kiên định nhất các nguyên tắc lành mạnh, dân chủ và hòa bình trong quan hệ quốc tế». Cộng đồng xã hội chủ nghĩa là «lực cản chính đối với đế quốc phản động».

Mặc dù có lúc mắc phải khuyết điểm, sai lầm khó tránh khỏi trong giai đoạn này hay giai đoạn khác trên con đường cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, các nước xã hội chủ nghĩa đã giải quyết được hàng loạt vấn đề chính trị, kinh tế—xã hội, văn hóa, giáo dục, quan hệ quốc tế v.v. mà chế độ tư bản chủ nghĩa không thể nào giải quyết được. Đại hội đã chứng minh rằng chủ nghĩa xã hội, được kiểm nghiệm bằng thực tiễn trên quy mô thế giới, đã tỏ rõ tính ưu việt, cổ vũ hàng trăm triệu người tiến bước dưới ngọn cờ của nó.

Do hoàn cảnh lịch sử khác nhau, và do nhiều nguyên nhân khác nhau, các nước xã hội chủ nghĩa có tính đa dạng là điều tất nhiên. Nhưng sự đa dạng không có nghĩa là không có những mẫu số chung. Đại hội đã tổng kết những mẫu số chung về đối nội, đối ngoại của các nước xã hội chủ nghĩa, những quy luật phổ biến của sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, đó là: Chính quyền của nhân dân lao động, trong đó giai cấp công nhân giữ vai trò chủ đạo; sự lãnh đạo của Đảng cộng sản được vũ trang bằng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học đối với sự phát triển xã hội; sự củng cố chế độ sở hữu xã hội đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu, và trên cơ sở đó phát triển có kế hoạch nền kinh tế vì lợi ích của nhân dân; thực hiện nguyên tắc «làm việc theo năng lực, hưởng theo lao động»; phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; bình đẳng và hữu nghị giữa tất cả các dân tộc và chủng tộc; bảo vệ những thành quả cách mạng chống sự phá hoại của những kẻ thù giai cấp.

Sự tổng kết của Đại hội về những quy luật phổ biến của các nước xã hội chủ nghĩa là một sự phát triển lý luận có ý nghĩa quan trọng; là một sự giúp đỡ to lớn và thiết thực đối với các nước anh em; là sự nhắc nhở hữu ích các đảng anh em đề phòng và khắc phục những khuynh hướng «tả» và hữu trong sự nghiệp xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội.

Đại hội cũng đã tổng kết quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, những quan hệ do bản chất của giai cấp vô sản, và của chủ nghĩa xã hội sinh ra. Những quan hệ này có cơ sở vững chắc vì các nước xã hội chủ nghĩa cùng chung lý tưởng Mác—Lê-nin, cùng chung tình đoàn kết giai cấp, hữu nghị, hợp tác và tương trợ để giải quyết các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ xã hội mới, bình đẳng, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau.

Digitized by Google

Đại hội đặc biệt biểu dương quan hệ giữa các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đã nêu tấm gương về quan hệ kiểu mới, thể hiện sâu sắc chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Trong khi ca ngợi những quan hệ kiểu mới giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các nước trong Cộng đồng xã hội chủ nghĩa, Đại hội cũng chỉ ra rằng cần phải đổi mới những hình thức, phương pháp làm việc giữa các Đảng và Nhà nước thuộc cộng đồng, phải kịp thời giải quyết các bất đồng và phải cảnh giác chống lại kẻ thù giai cấp âm mưu gây dối lập những nước xã hội chủ nghĩa này với những nước xã hội chủ nghĩa khác.

III. Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô tổng kết ý nghĩa lý luận và thực tiễn của sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình—nhiệm vụ cơ bản của thời đại.

Chiến tranh và hòa bình là vấn đề nóng hổi nhất trong thời đại chúng ta vì đây là vấn đề không chỉ liên quan tới một nhóm nước, một vài khu vực, mà là vấn đề toàn cầu, vấn đề bảo tồn sự sống trên hành tinh chúng ta, vấn đề duy trì, phát triển nền văn minh của loài người hay là làm cho nó diệt vong.

Chiến lược hòa bình và các giải pháp vì hòa bình và an ninh quốc tế của Liên xô bắt nguồn và gắn liền với bản chất của xã hội Liên xô, xã hội đầu tiên của loài người đã đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ ngót 70 năm nay. Cách đây hơn một thế kỷ, Mác đã tiên đoán: «... ở phía đối lập của xã hội cũ, với những sự khốn khổ về kinh tế và sự mê sảng về chính trị của nó, có một xã hội mới đang phát sinh, một xã hội mới mà nguyên tắc quốc tế sẽ là HÒA BÌNH vì rằng trong mỗi một dân tộc đều cũng sẽ do một nguyên tắc này chi phối, tức là LAO ĐỘNG» (1) Toàn bộ hoạt động của Nhà nước xô viết mở đầu bằng sắc lệnh về hòa bình của Lê-nin ngay khi Nhà nước xô viết mới ra đời đã thể hiện nổi bật, nhất quán quy tắc quốc tế mà Mác đã nêu ra. Cương lĩnh được Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô thông qua, ghi rõ: «Chủ nghĩa xã hội chứng minh những ưu việt của mình không phải bằng sức mạnh của vũ khí, mà bằng sức mạnh nêu gương trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, bằng sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, khoa học và văn hóa, nâng cao mức sống của người lao động, tăng cường nền dân chủ xã hội chủ nghĩa».

Để thực hiện chương trình vĩ đại hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa cộng sản, Liên xô cần có điều kiện hòa bình để xây dựng và phát triển. Mặt khác chiến lược hòa bình của Liên xô còn xuất phát từ một sự thật đã được nêu rõ trong Báo cáo chính trị của đồng chí Goóc-ba-trốp là: «Đã đến lúc phải hoàn toàn nhận thức sự khắc nghiệt của thời đại hiện nay: vũ khí hạt nhân chứa đựng nguy cơ xảy ra một cơn bão lốc có thể quét sạch loài người khỏi quả đất».

Các văn kiện của Đại hội đã chỉ rõ kẻ thù của hòa bình, kẻ đã gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới, đang đẩy mạnh chạy đua vũ trang và đang âm mưu gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ ba là chủ nghĩa đế quốc, mà đinh lũy là đế quốc Mỹ.

Trong khi hoan nghênh một số giới cầm quyền ở các nước đế quốc có đầu óc thực tế trước tình hình nguy kịch của thế giới hiện nay, Đại hội đã chỉ ra rằng bọn cực hữu trong các nước đế quốc, nhất là ở Mỹ vẫn bám vào tư duy và hành động được hình thành trong bao thế kỷ nay trên cơ sở chấp nhận những cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang; không ít kẻ trong bọn chúng «mù mắt và mù cả tâm hồn».

(1) Các Mác: *Nội chiến ở Pháp 1871*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1961, tr. 35.

Digitized by Google

Đại hội nhấn mạnh chân lý : « Muốn hòa bình thì phải đấu tranh, đấu tranh cho hòa bình một cách tích cực và kiên định. Cần phải tìm ra và sử dụng những khả năng dù là nhỏ nhất để ngăn chặn xu thế nguy cơ chiến tranh tăng lên ». Nói một cách khác cần phải có chiến lược và sách lược đấu tranh gìn giữ hòa bình.

Với tinh thần trách nhiệm cao đối với việc bảo tồn sự sống trên hành tinh này, với hệ tư tưởng cộng sản nhân ái, Đại hội đề ra chủ trương phải giảm hẳn mức đối đầu quân sự, phải bảo đảm an ninh như nhau trên cơ sở thế cân bằng chiến lược, và điều cực kỳ quan trọng là cần phải loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác ra khỏi thế cân bằng đó.

Tuyên bố ngày 15-1-1986 của đồng chí Tổng bí thư ĐCS Liên xô M.X.Goóc-ba-trốp được dư luận rộng rãi toàn thế giới ca ngợi đã cụ thể hóa mục tiêu và những bước đi của chiến lược vĩ đại vì hòa bình, vì sự sống, vì văn minh của loài người.

Với tư duy hiện thực, Đại hội nhận định đúng đắn rằng trong thế giới ngày nay đầy mâu thuẫn, trong tình trạng đối kháng rõ rệt giữa hai hệ thống xã hội thế giới, « *lối thoát duy nhất hợp tình, hợp lý, duy nhất có thể chấp nhận được là cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau* ».

Tư tưởng cùng tồn tại hòa bình giữa các chế độ xã hội khác nhau do Lê-nin đề xuất, ngày nay được Đại hội phát triển, chứa đựng nhiều nội dung phong phú : chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, triết học v.v.

Cùng tồn tại hòa bình có nghĩa là không gây chiến tranh chống nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, đó là điều hết sức quan trọng, nhưng không phải chỉ ngừng lại đó. Cùng tồn tại hòa bình còn có nội dung xây dựng tích cực là vun trồng « các quan hệ láng giềng tốt và hợp tác, trao đổi rộng rãi thành tựu khoa học, kỹ thuật, các giá trị văn hóa... » Như vậy, cùng tồn tại hòa bình đáp ứng lợi ích của các nước, các dân tộc.

Với tinh thần gắn liền lý luận và thực tiễn, lời nói và việc làm, Đại hội đã thông qua « *Những cơ sở thiết lập hệ thống an ninh quốc tế toàn diện* » bao gồm các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội. Đây là cương lĩnh hành động có tính toàn cầu do Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô đề nghị các chính phủ, các đảng, các tổ chức, các phong trào xã hội, các dân tộc thật sự quan tâm đến vận mệnh của hòa bình trên trái đất nhằm tìm ra những con đường hợp tác chặt chẽ và có hiệu quả.

Đấu tranh thực hiện « Những cơ sở thiết lập hệ thống an ninh quốc tế toàn diện » là một cuộc vận động rộng lớn có tính quần chúng nhằm dân chủ hóa trật tự quốc tế hiện nay, làm cho ý thức cùng tồn tại hòa bình giữa các chế độ xã hội khác nhau ngày càng đi vào cuộc sống của các quốc gia, các dân tộc.

Digitized by Google

Kỷ niệm thứ 45 ngày mở đầu cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên xô chống phát xít (22-6-1941 – 22-6-1986).

TRẦN ANH

HÒA BÌNH THẾ GIỚI PHẢI ĐƯỢC BẢO VỆ VỮNG CHẮC

VÀO lúc 4 giờ sáng ngày 22 tháng 6 năm 1941, không một lời tuyên chiến, nước Đức phát xít đã bội ước, bất ngờ tiến công Liên xô. Cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên xô bắt đầu. Cuộc giao tranh lớn nhất trong lịch sử loài người đã diễn ra trên mặt trận Xô – Đức, chiến trường chính của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Lúc tiến công đánh đòn phủ đầu vào Liên xô, phát xít Đức có ưu thế lớn, có kinh nghiệm tiến hành chiến tranh, có tiềm lực kinh tế, quân sự do được tư bản lũng đoạn Mỹ và Anh giúp đỡ xây dựng từ nhiều năm trước, và do đã chiếm được hầu hết các nước châu Âu. Chúng mưu toan giành thắng lợi chớp nhoáng, tiêu diệt Liên xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, thành trì của hòa bình và cách mạng trên thế giới, « vật cản » lớn nhất đối với chủ nghĩa phát xít trên con đường thực hiện ý đồ bá chủ thế giới của nó. Không riêng Bộ chỉ huy quân đội Đức mà nhiều nhà hoạt động chính trị và quân sự nhiều nước trên thế giới lúc bấy giờ đều nghĩ rằng Liên xô sẽ không thể chống cự lâu dài. Chính Sớc-sin, thủ tướng Anh đương thời đã viết trong hồi ký : « Hầu hết các chuyên viên quân sự lớn đều nhận định quân đội Nga không tránh khỏi thất bại và bị tiêu diệt ».

Sự thật diễn ra trên chiến trường Xô – Đức đã hoàn toàn bác bỏ nhận định ấy. Đoàn kết chặt chẽ chung quanh Đảng cộng sản Liên xô, toàn dân Liên xô đã nhất tề đứng dậy bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Cuộc chiến tranh du kích toàn dân chống lại bọn chiếm đóng Đức đã phát triển mạnh mẽ, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng quân đội chính quy. Những nỗ lực chung của quân đội và nhân dân Liên xô đã nhanh chóng đem lại kết quả trong việc khắc phục những tổn thất lớn trong những tuần đầu của chiến tranh và giành được những thắng lợi quan trọng ở nhiều khu vực trên mặt trận Xô – Đức. Trong trận đánh ác liệt gần thành phố Xmô-len-xcơ (10-7 đến 10-9-1941), quân đội Liên xô đã ngăn cản cánh quân xung kích của phát xít Đức là tập đoàn quân « Trung tâm » tiến công theo hướng Mát-xcơ-va và đã gây cho địch thiệt hại nặng. Tiếp theo đó trận đánh ở ngoại ô Mát-xcơ-va diễn ra vào đầu tháng 12 năm 1941 là sự kiện lớn nhất trong thời kỳ đầu của chiến tranh. Hồng quân Liên xô đã đánh bật quân thù ra xa Mát-xcơ-va về phía tây từ 100 đến 350 ki lô mét. Cuộc phản công này của Hồng quân Liên xô bắt đầu ngày 6 tháng 12 năm 1941 đã diễn ra trên mặt trận rộng lớn dài hơn 1000 km với kết quả : hơn 11 000 điểm

Digitized by Google

dân cư và nhiều thành phố đã được giải phóng, phát xít Đức đã mất hơn 500 000 quân, 1 300 xe tăng, 2 500 đại bác, hơn 15 000 ô tô vận tải và nhiều phương tiện kỹ thuật khác. Từ thắng lợi có tính chất quyết định này, mở đầu bước ngoặt cơ bản trong chiến tranh. Bằng chiến thuật phòng ngự từng tấc đất và liên tiếp giáng những đòn phản công mạnh, quân đội và nhân dân Liên xô đã tiến lên giành những chiến thắng ngày càng giòn giã, đã làm sụp đổ từng bước, tiến tới làm sụp đổ hoàn toàn mộng tưởng ngông cuồng của bọn phát xít Đức.

Với sự tổ chức và lãnh đạo tài tình của Đảng cộng sản Liên xô, cuộc chiến đấu ngoan cường và anh dũng của nhân dân Liên xô đã diễn ra 1418 ngày đêm, kinh qua muôn vàn khó khăn, gian khổ và kết thúc với thắng lợi vĩ đại của Liên xô. Quân đội xô viết đã đánh tan 607 sư đoàn quân phát xít Đức và chư hầu (trên mặt trận Xô – Đức), đã đẩy lùi bọn phát xít xâm lược đến tận hang ổ cuối cùng của chúng, đã đè bẹp bọn Đức quốc xã, tiếp đó lại tiêu diệt đội quân Quan đông, chủ lực tinh nhuệ nhất của bọn quân phiệt Nhật bản, giáng đòn quyết định buộc Nhật bản phải đầu hàng không điều kiện.

Để giành được chiến thắng vĩ đại này, nhân dân Liên xô đã phải chịu đựng những gánh nặng của chiến tranh với những hy sinh to lớn nhất về người và của. Trong số 50 triệu người đã chết ở khắp các lục địa trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, có 20 triệu người Xô viết đã hy sinh. Hàng nghìn thành phố và thị trấn, hàng vạn làng mạc, xí nghiệp, nông trường, cơ sở sản xuất trên đất nước Liên xô đã bị phát xít Đức phá hủy.

Cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Liên xô ngay từ đầu đã được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Thắng lợi vĩ đại của nó đã tạo ra bước ngoặc lớn của cục diện thế giới, của tiến trình cách mạng và tiến bộ trong lịch sử loài người. Chiến công oanh liệt nhất của các thời đại mà Liên xô đã lập nên không những đã bảo vệ Tổ quốc Xô viết thân yêu, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, mà còn cứu loài người khỏi thảm họa phát xít, tạo điều kiện cho một loạt nước ở châu Âu, châu Á, châu Phi đứng dậy giành độc lập, tự do. Đúng như Nghị quyết của UBTƯ ĐCS Liên xô về kỷ niệm chiến thắng của nhân dân Liên xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941 – 1945 đã nhận định: « Việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và sau đó là chủ nghĩa quân phiệt đã có tác động vô cùng sâu sắc đến toàn bộ tiến trình của sự phát triển thế giới. Nó tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động để giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội của mình. Những vị trí của lực lượng tiến bộ, dân chủ và yêu chuộng hòa bình đã được củng cố. Ảnh hưởng của các đảng cộng sản và công nhân đã tăng lên. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã hình thành và đang phát triển có kết quả. Quá trình suy sụp của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã được đẩy nhanh và kết thúc bằng sự sụp đổ của nó ».

Năm tháng càng đi qua, tầm vóc vĩ đại của chiến công và ý nghĩa của chiến thắng mà nhân dân Liên xô đã giành được càng chói lọi. Cả loài người tiến bộ nói chung và nhân dân Việt nam ta nói riêng rất biết ơn công lao to lớn ấy của Liên xô. Nhân dân Việt nam ta hiểu một cách sâu sắc rằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám ở Việt nam, việc thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á gắn liền với thắng lợi vĩ đại đó của Liên xô. Chỉ có những kẻ hiếu chiến, những tên đầu sỏ của chủ nghĩa đế quốc mới cố tình quên đi những

Digitized by Google

lời đánh giá, thừa nhận công khai của các nhà cầm quyền đương thời trong giới đế quốc như tổng thống Mỹ Ph. Ru-đơ-ven, thủ tướng Anh Sớc-sin... về vai trò quyết định của Liên xô trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản. Cùng với sự cố tình quên lãng đó, chúng âm mưu xuyên tạc, hạ thấp ý nghĩa lịch sử của chiến thắng vĩ đại đó, nhằm phục vụ những lợi ích bẩn thỉu hiện nay của chúng. Chúng sợ cả việc kỷ niệm rộng lớn ngày mở đầu cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại của nhân dân Liên xô và chiến thắng vĩ đại mà Liên xô là người quyết định chủ yếu. Bởi vì chúng biết rằng với việc nhắc lại một cách chân thực lịch sử, những dịp kỷ niệm đó sẽ vạch trần mọi sự bịa đặt, vu cáo đối với Liên xô, đối với đường lối, chính sách hòa hình của Liên xô do bộ máy tuyên truyền của Mỹ và khối NATO tung ra, sẽ góp phần thúc đẩy những xu hướng có lợi cho hòa hoãn và sự hợp tác thật sự ở châu Âu và trên thế giới, sẽ tiếp thêm những kích thích mới cho phong trào chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

★

Nhớ lại cuộc chiến đấu anh hùng sự hy sinh to lớn và chiến thắng vĩ đại của nhân dân Liên xô trong cuộc chiến tranh giữ nước, chống phát xít hơn 40 năm trước, loài người tiến bộ hiện nay không thể không nghĩ đến nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa nền văn minh thế giới và đe dọa chính ngay cuộc sống của mọi người thuộc mọi khu vực trên trái đất.

Trong những năm gần đây, hòng giành giật lại những vị trí đã mất, hòng ngăn chặn tiến trình tất yếu của lịch sử, các thế lực đế quốc hiếu chiến, đứng đầu là đế quốc Mỹ đã hung hăng đẩy mạnh chính sách đối địch toàn cầu, đối đầu quân sự hết sức nguy hiểm. Chúng ra sức đẩy mạnh chạy đua vũ trang, tăng gấp bội vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác, âm mưu quân sự hóa vũ trụ, mưu toan giành ưu thế về quân sự để đánh đòn trước tiên nhằm nhận chìm Liên xô và loài người trong một cuộc chiến tranh hủy diệt tàn khốc. Rõ ràng, vấn đề nóng bỏng nhất hiện nay là vấn đề chống chiến tranh bảo vệ hòa bình. Trong khi Liên xô đưa ra nhiều đề nghị hòa bình hợp lý, hợp tình nhằm hoàn toàn và vĩnh viễn giải thoát cho loài người khỏi thảm họa hạt nhân, thì Mỹ vẫn cố tình làm ngơ trước những lời kêu gọi chân thành của Liên xô, ngoan cố tiếp tục các vụ thử hạt nhân, thúc ép các đồng minh Tây Âu thực hiện chương trình quân sự hóa vũ trụ, Đẩy mạnh chạy đua vũ trang, thực hiện chương trình « chiến tranh giữa các vì sao », giới cầm quyền ở Oa-sinh-tơn nhằm chủ yếu chống phá Liên xô. Chúng hy vọng, với việc buộc Liên xô phải chạy đua vũ trang thì Liên xô không tập trung được đầy đủ tiềm lực cho chiến lược đẩy nhanh phát triển kinh tế – xã hội, do đó Liên-xô không thể mạnh lên nhanh chóng và toàn diện. Nhằm ngụy trang cho những âm mưu ác độc của chúng, bọn hiếu chiến trong giới cầm quyền ở Mỹ luôn luôn rêu rao về cái gọi là « mối đe dọa quân sự của Liên xô ». Sự thật là nguy cơ chiến tranh bắt nguồn từ đâu, điều đó mọi người đã rõ.

Là người chiến thắng vẻ vang nhất, đồng thời cũng là người chịu đựng hy sinh nhiều nhất trong chiến tranh thế giới thứ hai, hơn ai hết Liên xô rất thấu hiểu những thảm họa của chiến tranh, thông cảm sâu sắc nguyện vọng hòa bình thiết tha của các dân tộc. Với bản chất của mình, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa không bao giờ gắn liền tương lai của mình với

Digitized by Google

việc giải quyết những vấn đề quốc tế bằng sức mạnh quân sự, và cũng chưa bao giờ đe dọa ai. Những cố gắng liên tục của Liên xô, những giải pháp, sáng kiến về hòa bình, đặc biệt là bản tuyên bố ngày 15 tháng 1 năm 1986 của đồng chí M.X. Gooc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô đã thể hiện rõ thái độ nghiêm túc và ý thức trách nhiệm cao của Liên xô đối với vận mệnh của các dân tộc. Liên xô đã tìm mọi cách, mọi khả năng để thúc đẩy quá trình hòa hoãn, đã tiến hành các biện pháp đơn phương như ngừng triển khai các tên lửa tầm trung bình, giảm số lượng vũ khí, ngừng các vụ nổ hạt nhân. Liên xô đã tiến hành những cuộc nói chuyện với các nguyên thủ hoặc thành viên chính phủ nhiều nước trên thế giới, trong đó có các cuộc gặp gỡ cấp cao Xô—Ấn, Xô—Pháp, Xô — Mỹ về việc chống chạy đua vũ trang, chống chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình. Liên xô cũng đã có những nỗ lực tích cực nhằm xúc tiến các cuộc đàm phán ở Giơ-ne-vơ, Xtốc-khôm và Viên với mục đích chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang, củng cố lòng tin giữa các nước. Hòa bình là yêu cầu trước nhất của lao động sáng tạo, là điều kiện tiên quyết để phát triển sản xuất, tạo ra của cải vật chất và văn hóa dồi dào cho con người, cho xã hội tồn tại và văn minh, thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Mục đích chủ yếu của chiến lược đối ngoại của Đảng cộng sản Liên xô là bảo đảm cho nhân dân Liên xô có khả năng lao động trong điều kiện hòa bình bền vững và tự do. Hòa bình là thuộc tính của chủ nghĩa xã hội.

Chiến tranh là sản phẩm của xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp. Nó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phát xít. Chiến tranh gắn liền với bản chất bóc lột, ăn bám, xâm lược, hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc hy vọng dùng chiến tranh để xâm chiếm, giành giật đất đai, tài nguyên, thị trường để tăng cường bóc lột, thu lợi nhuận tối đa. Cương lĩnh của Đại hội thứ XXVII ĐCS Liên xô đã khẳng định: «Dinh lũy của thế lực phản động quốc tế là đế quốc Mỹ. Nguy cơ chiến tranh xuất hiện trước hết là từ phía chủ nghĩa đế quốc Mỹ...». Loài người không sợ chúng, nhưng đồng thời phải cảnh giác cao độ với chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là với đế quốc Mỹ. Để tránh thảm họa chiến tranh, giữ vững hòa bình, mỗi dân tộc, mỗi người «phải tích cực đấu tranh, đấu tranh cho hòa bình một cách tích cực và kiên định, cần phải tìm ra và sử dụng những khả năng dù là nhỏ nhất để ngăn chặn xu thế nguy cơ chiến tranh tăng lên, chừng nào hãy còn có thể làm được điều đó»; đồng thời phải tin tưởng ở sức mạnh, khả năng của mình trong việc ngăn chặn cuộc chiến tranh thế giới mới. Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên xô đã khẳng định: «Mối đe dọa đối với hòa bình do chính sách của bè lũ đế quốc xâm lược gây ra dù to lớn đến đâu, chiến tranh thế giới cũng không nhất thiết xảy ra. Có thể ngăn chặn chiến tranh, cứu loài người khỏi thảm họa. Đó là sứ mệnh lịch sử của chủ nghĩa xã hội, của tất cả các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên hành tinh chúng ta».

Tình hình thế giới rất căng thẳng, hiện nay đòi hỏi chúng ta theo dõi chặt chẽ, nhận định đúng đắn và hành động tỉnh táo. Chưa bao giờ nguy cơ chiến tranh hạt nhân nghiêm trọng như ngày nay, và cũng chưa bao giờ lại có những khả năng hiện thực to lớn như vậy để ngăn chặn cuộc chiến tranh và bảo vệ, củng cố hòa bình thế giới.

Những khả năng hiện thực đó là *tiềm lực ngày càng lớn mạnh* của các lực lượng hòa bình. Đó là sự lớn mạnh về kinh tế và quốc phòng của

Digitized by Google

các nước xã hội chủ nghĩa, sự thiết lập vững chắc thế cân bằng quân sự – chiến lược giữa Liên xô và Mỹ, giữa tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va và khối NATO. Đó là chính sách tích cực của đại đa số các dân tộc, các nước trên thế giới hết lòng quan tâm đến việc giữ gìn hòa bình, chấm dứt chạy đua vũ trang. Đó là sự lớn mạnh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa và phong trào chống chiến tranh của quảng đại quần chúng nhân dân trên khắp các lục địa. Tất cả các lực lượng hòa bình này đã và đang tiến công liên tục vào chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Trong cuộc đấu tranh chung này, các lực lượng hòa bình có chỗ dựa vững chắc là Liên xô, người đã từng có những cống hiến to lớn nhất vào việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa quân phiệt, cứu nền văn minh và vận mệnh của loài người, và ngày nay vẫn kiên định, tích cực phấn đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp hòa bình và an ninh quốc tế. Bằng tiếng nói và hành động đoàn kết với Liên xô, tích cực ủng hộ những giải pháp hòa bình hợp lý, hợp tình của Liên xô, bằng sự phối hợp hành động chặt chẽ, các lực lượng hòa bình sẽ đẩy lùi được nguy cơ của cuộc chiến tranh hạt nhân, bảo vệ vững chắc hòa bình thế giới.

MẤY Ý KIẾN...

(Tiếp theo trang 62)

xuôi công tác ở các vùng có đông bào dân tộc thiểu số, cũng như các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số. Trong quá trình đấu tranh xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển từng bước sang xây dựng và thực hiện cơ chế mới theo tinh thần các nghị quyết 6, 7 và 8 của BCHTƯ và nghị quyết 31 của Bộ chính trị, cần phân biệt những vấn đề có tính chất bao cấp với những chính sách cần thiết nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh và nâng cao chất lượng, hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số. Đối với những vùng còn quá thiếu cán bộ, cần cho tuyển gấp một số để kèm cặp đào tạo, đồng thời cử nhiều cán bộ ở nơi khác đến để giúp địa phương xây dựng và củng cố phong trào, xây dựng cơ sở và đào tạo cán bộ. Đương nhiên phải rất chú trọng chất lượng cán bộ, phải cử những đồng chí có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, có kinh nghiệm vận động quần chúng về công tác ở những nơi này.

Việc bố trí, sử dụng đúng cán bộ cần được kết hợp chặt chẽ với việc đào tạo, bồi dưỡng và quản lý, rèn luyện cán bộ. Đối với cán bộ người dân tộc thiểu số, việc bố trí đúng và sử dụng tốt đi đôi với việc kèm cặp rèn luyện trong thực tiễn, sẽ giúp cho anh chị em tiến bộ và trưởng thành nhanh chóng.

Digitized by Google

PHAN LANG

VỀ «CUỘC CHIẾN TRANH Ý THỨC HỆ» CỦA CHÍNH QUYỀN RI-GÂN

CHỈ vài tuần sau khi vào Nhà trắng (nhiệm kỳ II), ông Ri-gân đã đề ra một số «đối sách cấp bách» trong đó có đối sách: «*Đẩy cuộc chiến tranh ý thức hệ chống cộng sản ra tiền tuyến*». Ngay sau đó, tổng thống thứ 40 của nước Mỹ đế quốc đã duyệt lại ngân sách, dành cho hoạt động thông tin đại chúng một khoản chi lớn. Riêng đài *Tiếng nói Hoa kỳ* (VOA) đã nhận được một kinh phí hằng năm tăng gấp đôi, đạt tới 819 triệu đô la, trong đó, 6% dành cho các buổi phát thanh tiếng Việt.

Không những cho chạy hết công suất bộ máy dưới quyền, đích thân ông Ri-gân còn xông ra «tiền tuyến». Cựu Tổng thống Mỹ Ca-tơ và bình luận viên tờ *Thời báo Niu Y-oóc* Giêm Re-xtơn đã nhận xét: «Trong mấy chục năm qua, chưa từng có một tổng thống Mỹ nào lại vượt được Ri-gân về hoạt động trên mặt trận thông tin đại chúng», và cũng: «Chưa tổng thống Mỹ nào lại tung ra nhiều thông tin sai lạc như Ri-gân.»

Dương nhiên, đây không phải là lần đầu tiên các thế lực chống cộng đưa ra sử dụng thông tin đại chúng như một vũ khí trong cuộc đấu tranh nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa cộng sản. Từ lâu, Mác đã nhận xét rằng kẻ thù không chỉ phê phán bằng vũ khí mà còn dùng cả vũ khí phê phán chống lại chủ nghĩa cộng sản và các trào lưu cách mạng. Tuy nhiên, khi so sánh lực lượng chưa nghiêng về phía có lợi cho cách mạng, khi các thế lực đế quốc còn tin rằng chỉ cần một đòn hạt nhân «trả đũa ồ ạt» là có thể xóa sạch chủ nghĩa cộng sản trên trái đất, thì thông tin đại chúng chỉ mới đóng vai trò là một thứ vũ khí bổ trợ, nhiều lắm cũng chỉ là vũ khí chiến thuật.

Còn ngày nay, khi Ri-gân nói tới «chiến tranh ý thức hệ» thì từ ngữ này không phải chỉ là để diễn đạt cho có hình ảnh, mà mang một nội dung xác định.

Vì sao có cuộc «chiến tranh ý thức hệ»?

Trong cuốn «*Cuộc chiến tranh thật sự*» xuất bản cách đây chưa lâu, Ních-xơn, cựu tổng thống Mỹ, đã tổng kết: «Tính đến nay đã có tới 21 nước nằm trong quỹ đạo chủ nghĩa cộng sản, trong đó, 7 quốc gia tuột khỏi thế giới tự do trong quãng thời gian chỉ 5 năm, sau khi Mỹ thua ở Việt nam»... «có nhiều pháo đài vốn của phương Tây nay chỉ trong một sớm một chiều trở thành những vạc dầu sôi sục chống phương Tây»... «tình thế chung là như vậy ở khắp nơi, cộng sản đang tiến bước, còn phương Tây thì đang rút lui và *sự sống còn của nó trong thế kỷ 21 đang bị đe dọa*»...

Digitized by Google

Như vậy ngay tên trùm chống cộng khét tiếng nhất cũng phải thú nhận một sự thật mà những người cộng sản đã vạch ra từ lâu. Đó là thắng lợi, sự lớn mạnh vượt bậc và thế tiến công mãnh liệt không chỉ của phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa mà của cả ba dòng thác cách mạng. Ngọn cờ xã hội chủ nghĩa giờ đây đã phấp phới tung bay trên các lục địa, thậm chí ngay cả trước cửa sào huyệt, đinh lũy chủ yếu của chủ nghĩa chống cộng là nước Mỹ đế quốc.

Cuộc « chiến tranh ý thức hệ » của chính quyền Ri-gân đã ra đời trong bối cảnh ấy. Nó khác với vũ khí thông tin mà các thế lực chống cộng trước đây đã sử dụng ít nhất trên 3 điểm:

Nếu trước đây vũ khí thông tin đại chúng được sử dụng để bổ trợ cho việc « chiến thắng » chủ nghĩa cộng sản thì ngày nay chức năng trước hết của nó là để chống đỡ với chủ nghĩa cộng sản, cứu nguy cho chủ nghĩa đế quốc. Nếu trước đây vũ khí thông tin được sử dụng ở tầm chiến thuật thì ngày nay được nâng cấp lên thành có tầm chiến lược, thậm chí thành một cuộc chiến tranh độc lập. Nếu trước đây vũ khí thông tin chỉ nhằm chống « bóng ma cộng sản », chống nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa thì ngày nay ngoài việc chĩa vào các nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân tộc chủ nghĩa đã chọn cho mình con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, cuộc « chiến tranh ý thức hệ » còn nhằm chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội trong các quốc gia còn bị chủ nghĩa đế quốc thống trị hoặc phụ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc, trong phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp tiến bộ khác ở ngay trong lòng nước Mỹ và trong thế giới phương Tây.

Như vậy, cuộc « chiến tranh ý thức hệ » của chính quyền Ri-gân khác nhiều so với vũ khí thông tin trong tay các thế lực chống cộng trước đây, xét trên các mặt tính chất, quy mô và đối tượng.

Cuộc « chiến tranh ý thức hệ » dành phần lớn công suất của nó vào việc nói xấu, xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ « thế giới cộng sản » tức là Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác mà Ri-gân phỉ báng là « những vương quốc của tội ác », là « trung tâm của hiểm họa thời đại ngày nay ». Nó đề cập đến nhiều điểm nhưng chủ đề được tập trung hỏa lực với mật độ dày đặc nhất là « khủng bố quốc tế » và « cực quyền », « xâm phạm quyền con người ». Chỉ trong mấy năm cầm quyền của Ri-gân, một loạt chiến dịch kiểu này đã được phát động liên tục, chiến dịch này kế tiếp, gối đầu lên chiến dịch kia. Đó là các chiến dịch vu cáo Liên xô dùng nhân viên sứ quán vào mục đích gián điệp đi đôi với việc Mỹ vận động các nước đồng minh trục xuất hàng loạt các cán bộ ngoại giao Liên xô; chiến dịch bôi nhọ Liên xô thông qua sự kiện mà Mỹ nói là « tàu ngầm Liên xô thâm nhập do thám căn cứ quân sự một nước Bắc Âu »; chiến dịch « tố cáo Liên xô vô nhân đạo » xoay quanh vụ chiếc máy bay gián điệp Bô-inh 707 bị bắn rơi; chiến dịch bôi nhọ Ba lan « cực quyền » đối với Công đoàn đoàn kết; chiến dịch nói xấu Việt nam chung quanh các sự kiện « Cam-pu-chia », « người di tản », « đối xử dã man với những người cộng sự với Mỹ trong chiến tranh »; chiến dịch vu cáo Cu-ba « tuồn người và vũ khí thực hiện khủng bố quốc tế ở vùng Trung Mỹ và bờ biển Ca-ri-bê »; chiến dịch bôi nhọ Bun-ga-ri chung quanh vụ « mưu sát Giáo hoàng » v.v.

Đi đôi với việc phê phán, phủ định chủ nghĩa cộng sản, cuộc « chiến tranh ý thức hệ » còn lén lút tung ra thị trường món hàng rởm thường được gọi là « con đường phát triển thứ ba không cộng sản, không tư bản » và cái gọi là « chủ nghĩa cộng sản dân

Digitized by Google

tộc », « chủ nghĩa cộng sản khu vực » đối lập với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Cuộc « chiến tranh ý thức hệ » sử dụng toàn bộ công suất còn lại vào việc tuyên truyền tô vẽ cho chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc; thuyết minh, lý giải, biện hộ cho những chính sách lớn mà đế quốc Mỹ đang theo đuổi, trước hết là chính sách điên cuồng chạy đua vũ trang. Liền trong mấy năm nay, bộ máy thông tin đại chúng của Mỹ đã sử dụng hàng trăm vạn tấn giấy mực, hàng triệu giờ phát sóng vào việc tuyên truyền cho luận điệu « chiến tranh hạt nhân hạn chế », « ngăn chặn hủy diệt hạt nhân bằng tấm áo giáp SDI là cách ngăn chặn tốt nhất ».

Bộ máy thông tin đại chúng của Mỹ còn được sử dụng để quảng cáo cho « mức sống thừa thãi », đặc biệt là lối sống « tự do thoải mái » của thế giới phương Tây cùng với thứ triết học đề cao lên tận mây xanh chủ nghĩa cá nhân tư sản cực đoan nhất. « Sống là tiêu cho bằng hết cái tôi ». « Trên đời này không có mục đích nào cao hơn là mục đích sống cho tôi » — « Gác ngoài tai các chuyện đấu tranh xã hội, trở về với bản ngã, với pháo đài gia đình » — « Lý tưởng, hoài bão đều hão huyền, chả là cái gì cả. Tiền, tiền, tiền, đó mới là tiên là phật », « Hãy sống xả láng trong việc hưởng thụ lạc thú cuộc sống dành cho ta ». Đó là những điệp khúc không ngày nào là không vang lên từ các công cụ bộ máy thông tin đại chúng của Mỹ.

Đối tượng của cuộc « chiến tranh ý thức hệ » này là tất cả mọi tầng lớp nhân dân ở các nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân tộc chủ nghĩa, cũng như ở Mỹ và các nước tư bản, đế quốc khác. Song loại « con mồi » mà bộ máy thông tin Mỹ hám săn đuổi nhất, bám sát gót nhất vẫn là thế hệ trẻ. Xin chớ quên số liệu này : 70% hoạt động thông tin đại chúng của Mỹ là hướng về thanh niên và 70% nội dung của hoạt động thông tin ấy là xoay vào các vấn đề mức sống, đặc biệt là lối sống. Tim đen của ông Rigân không cần phải đi guốc vào, cũng thấy rõ. Chủ nghĩa chống cộng không phải ngẫu nhiên lại chọn đột phá khẩu là thế hệ trẻ. Theo những người cầm đầu, chỉ đạo cuộc « chiến tranh ý thức hệ » thì đây là đối tượng dễ mời nhử nhất chứ không kiên định như thế hệ già. Chúng hy vọng với cuộc chiến tranh này, có thể kéo thanh niên các nước phương Tây ra khỏi ảnh hưởng của những lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, loại những thanh niên này ra khỏi mặt trận đấu tranh chính trị, đấu tranh dư luận, chống các chính sách hiếu chiến phản động của nhà cầm quyền. Với thanh niên trong các nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân tộc chủ nghĩa, chúng hy vọng có thể thu hút, lôi kéo đối tượng này hướng về « thế giới tự do », kích thích họ chạy theo lối sống « tự do », hưởng thụ, vô chính phủ, đối lập với chủ nghĩa tập thể, với trật tự cách mạng.

Theo tính toán của bọn trùm sở chống cộng thì việc « đẩy cuộc chiến tranh ý thức hệ ra tiền tuyến » vừa là « cần phải » vừa là « có thể ». Trong tình hình thế giới ngày nay, khi các thế lực đế quốc thực dân không những đã bị tống cổ khỏi các nước xã hội chủ nghĩa mà còn bị đuổi và sẽ tiếp tục còn bị đuổi ra khỏi nhiều nước dân tộc chủ nghĩa thì vấn đề sống còn đối với chúng là tìm mọi cách để giữ được những trận địa còn lại. Tất nhiên, chúng chưa chịu từ bỏ ý đồ phản kích, giành giật lại những trận địa đã mất. Nhưng để đạt được mục đích này, chúng chỉ còn một con đường tác động từ xa mà chúng cho là có hiệu quả nhất. Đó chính là con đường tiến hành cuộc « chiến tranh ý thức hệ » đánh vào trái tim, khối óc của các tầng lớp nhân dân các nước không còn dưới sự thống trị của

Digitized by Google

chúng. Chính là từ đó mà những năm gần đây, trong kho từ vựng chính trị hiện đại đã xuất hiện các thuật ngữ «chủ nghĩa đế quốc văn hóa», «xâm lược bằng thông tin».

Đó là «cần phải», vậy còn vì sao lại «có thể»?

Nếu chỉ tính riêng cuộc đấu tranh trên mặt trận thông tin đại chúng thì ở đây về phương tiện, công cụ, ưu thế không nghiêng về phía các lực lượng cách mạng. Theo một tài liệu phương Tây, hiện có tới hơn 30 quốc gia tuy đã giành được độc lập chính trị nhưng chưa có cơ quan thông tấn, vẫn phải dựa chủ yếu vào nguồn thông tin của 4 hãng thông tấn lớn phương Tây. Ngay bộ máy thông tin đại chúng của các nước xã hội chủ nghĩa, tuy những năm gần đây có khá hơn, nhưng vẫn còn một khoảng cách khá xa giữa yêu cầu và khả năng tuyên truyền.

Trong khi đó, bộ máy thông tin đại chúng phương Tây lại trội hơn hẳn. Vẫn theo tài liệu phương Tây, hiện nay 4 hãng thông tấn của Mỹ, Anh, Pháp là UPI, AP, Roi-tơ, AFP khống chế trên 80% lượng thông tin phát đi hằng ngày trên thế giới. Riêng một mình Mỹ chiếm 75% toàn bộ chương trình truyền thanh và truyền hình, 35% việc xuất bản sách, 50% số giờ chiếu phim, 60% số băng, đĩa hát, 82% số hàng điện tử dùng trong bộ máy thông tin đại chúng trên thế giới.

Tận dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhất, chính quyền Ri-gân đang ra sức hoàn chỉnh, nâng cao hơn nữa hiệu quả của bộ máy thông tin đại chúng. Mỹ, Nhật và một vài nước Tây Âu đã sản xuất thành công một loại thiết bị mà sử dụng nó thì các máy thu hình đều có thể bắt trực tiếp mọi chương trình truyền hình phát đi trên thế giới, nếu những chương trình này được truyền qua vệ tinh

Các chuyên gia «chiến tranh ý thức hệ» cho rằng, đột nhập vào trái tim khối óc con người, qua hai cánh cửa «nghe» và «nhìn» là phương pháp tối ưu. Đó là cách tác động trực tiếp, tức thời, có thể bám sát đối tượng đến tận giường ngủ và, không giống như báo chí, sách vở, còn có thể tác động được cả vào những đối tượng trình độ học vấn thấp, thậm chí mù chữ. Chính là từ quan điểm này mà có tốc độ phát triển không đồng đều trong các binh chủng thông tin đại chúng. Trong 25 năm qua, ở phương Tây, trong khi tốc độ phát triển của báo chí là 77% thì của phát thanh là 417% còn của truyền hình vọt lên tới 3225%.

Dựa vào bộ máy thông tin đại chúng to lớn như thế, bọn trùm «chiến tranh ý thức hệ» nuôi hy vọng là Mỹ chẳng những có thể nhất thể hóa thế giới về quan điểm, tình cảm đối với các sự kiện xảy ra ở bất cứ một vĩ độ nào, mà còn có thể nhất thể hóa thế giới cả về lối sống, thị hiếu, thậm chí nhất thể hóa thế giới đến cả kiểu quần áo, kiểu đề tóc...

Cuộc «chiến tranh ý thức hệ» của chính quyền Ri-gân cũng như mặt trận tuyên truyền của các thế lực đế quốc tiền bối, luôn luôn vấp phải những mâu thuẫn cơ bản không thể vượt qua được. Đó là mâu thuẫn giữa những luận điệu dối trá, vu cáo, bịp bợm của chúng tuôn ra với chính nghĩa, với sự thật.

Tuy nhiên, chúng ta tuyệt đối không đánh giá thấp các hoạt động của bè lũ chống cộng trên mặt trận này. Phải đánh bại cuộc «chiến tranh ý thức hệ» chống cộng bằng một cuộc chiến tranh ý thức hệ chống đế quốc, được tiến hành ráo riết, chủ động, có hoạch định, có bài bản, đó là một nhiệm vụ cấp bách, bức thiết của công tác chính trị, tư tưởng. Để

Digitized by Google

làm tốt nhiệm vụ này, chúng ta ghi nhận một cách sâu sắc ý kiến của đồng chí Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô: «Chúng ta phải lấy trình độ nghiệp vụ cao của cán bộ tư tưởng của chúng ta, đạo đức và văn hóa của xã hội xã hội chủ nghĩa, sự thông tin công khai, tính chất mạnh dạn sáng tạo của ngành tuyên truyền của chúng ta để đối lập lại sự khôn khéo và tính vô nguyên tắc của các nhà tuyên truyền tư sản. Phải có tinh thần tiến công — cả trong việc vạch trần hoạt động phá hoại trong lĩnh vực tư tưởng, cả trong việc cung cấp thông tin đúng sự thật về những thành tựu thực tế của chủ nghĩa xã hội, về lối sống xã hội chủ nghĩa.»

Quân đội với...

(Tiếp theo trang 28)

hiệu quả kinh tế cao. Vấn đề tạo nguồn vốn phải được đặc biệt quan tâm để thực hiện cân đối kế hoạch sản xuất, trong đó phải biết tạo vốn bằng khai thác tốt nhất các tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, đặc biệt là tiềm năng lao động có tổ chức, có kỹ thuật của quân đội và phải gắn chặt với địa phương. Đơn vị chuyên sản xuất, xây dựng kinh tế, các xí nghiệp quốc phòng khi làm kinh tế phải thực hiện hạch toán kinh tế, dứt khoát xóa bỏ bao cấp. Các đơn vị chiến đấu làm kinh tế thì phân làm kinh tế phải có tính toán chặt chẽ để làm sao dù sản xuất là phải đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao; bước đầu thì tập dượt để từng bước tiến tới hạch toán kinh tế được. Trong việc phân phối các lợi ích, áp dụng các đòn bẩy kinh tế, phải chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước, thực hiện thống nhất và cụ thể trong toàn quân theo nguyên tắc làm kinh tế được hưởng quyền lợi kinh tế và làm đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với cấp trên, đối với quân đội và Nhà nước, đồng thời giải quyết tốt mối quan hệ với các cấp, các ngành bên ngoài quân đội, tạo nên sự phối hợp, kết hợp đồng bộ, thúc đẩy nhau cùng phát triển.

Muốn làm tốt các công việc nói trên, phải có cán bộ. Tất cả cán bộ quân đội phải vững về chính trị, giỏi về quân sự, đồng thời cũng phải giỏi về kinh tế. Không biết làm kinh tế là một nhược điểm lớn cần được sớm khắc phục. Đội ngũ cán bộ quân sự cần được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức kinh tế và quản lý kinh tế để có điều kiện tham gia hoạt động kinh tế ngày càng tốt hơn.

Digitized by Google

ПЕРЕДОВАЯ – Обновление управления в низовых подразделениях народного хозяйства. ВО ТИ КОНГ – Право на самостоятельность и обязанности низовых подразделений в производстве и торговле. БУЙ КУАНГ ТАО – Повышеть качество и аффективность инспекционной работы. БУЙ ФУНГ – Вьетнамская народная армия – задачи экономического строительства. НГУЕН ТХО ТЯН – К некоторым актуальным вопросам патриотического социалистического соревнования. ТЮ ТАМ ТХЫК – Обеспечить право на финансовую самостоятельность предприятиям государственного сектора. НГУЕН ТХАНЬ ЛЕ – Важные выводы о международной обстановке. ЧАН АН – Всеобщий мир должен быть сохранен. ФАН ЛАНГ – Об «идеологической войне» администрации Рейгана.

REVIEW OF COMMUNISM N° 6-1986

Editorial – Renovating management in grassroots economic establishments. VÕ CHÍ CÔNG – The autonomy and responsibility of grassroots economic establishments in production and business. BÙI QUANG TẠO – Raising the quality and effectiveness of the work of inspection. BÙI PHÙNG – Our army towards the task of economic building. NGUYỄN THỌ CHÂN – Some urgent problems in the socialist patriotic movement of emulation. CHU TAM THỨC – Ensuring the financial autonomy of the State-run enterprises. NGUYỄN THÀNH LÊ – Some intensive summing-up of the international situation. TRẦN ANH – World peace must be firmly safeguarded. PHAN LANG – On the Reagan Administration's «ideological warfare».

REVUE DU COMMUNISME N° 6-1986

Editorial – Rénover la gestion des unités économiques de base. VÕ CHÍ CÔNG – Le droit à l'autonomie et la responsabilité des unités économiques de base dans la production et le commerce. BÙI QUANG TẠO – Améliorer la qualité et l'efficience du travail d'inspection. BÙI PHÙNG – L'armée et la tâche d'édification économique. NGUYỄN THỌ CHÂN – Quelques problèmes d'urgence dans le mouvement d'émulation patriotique socialiste. CHU TAM THỨC – Assurer le droit à l'autonomie financière des entreprises d'Etat. NGUYỄN THÀNH LÊ – Des conclusions perspicaces sur la situation internationale. TRẦN ANH – La paix mondiale doit être solidement maintenue. PHAN LANG – Sur «La guerre idéologique» de l'administration Reagan.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 6-1986

Editorial – Renovar la gestión en las unidades económicas de base. VÕ CHÍ CÔNG – Autonomía y responsabilidad de las unidades económicas de base en la producción y la operación económica. BÙI QUANG TẠO – Elevar la calidad y la efectividad en la supervisión. BÙI PHÙNG – El ejército y la tarea de construcción económica NGUYỄN THỌ CHÂN – Algunos problemas apremiantes en el movimiento de emulación socialista patriótica. CHU TAM THỨC – Asegurar la autonomía financiera a la empresa estatal. NGUYỄN THÀNH LÊ – Profundos balances sobre la situación internacional. TRẦN ANH – Debe defenderse sólidamente la paz mundial. PHAN LANG – Sobre «la guerra en la ideología» de la administración de Reagan.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 6-1986. NĂM THỨ XXXII (366)

Mục lục

Xã luận — Đổi mới quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở 1
Hội nghị thứ mười Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) 7
VÕ CHÍ CÔNG — Quyền tự chủ và trách nhiệm của các đơn vị kinh tế cơ sở trong sản xuất—kinh doanh 8
BÙI QUANG TẠO — Nâng cao chất lượng và hiệu lực công tác thanh tra 19
BÙI PHÙNG — Quân đội với nhiệm vụ xây dựng kinh tế 24
NGUYỄN THỌ CHÂN — Mấy vấn đề cấp bách trong phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa 29
CHU TAM THỨC — Bảo đảm quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp quốc doanh 35
Nghiên cứu ★ LÊ XUÂN VŨ — Thế giới quan Mác—Lê-nin trong đời sống tinh thần của nhân dân ta 41
Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng
— ĐẶNG HỒI XUÂN — Những năm tới: y tế cơ sở và chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân 48
— NGUYỄN VĂN HẠNH — Đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa thích hợp với tình hình mới 54
— ĐỖ ANH CHÂU — Mấy ý kiến về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số 59
Sinh hoạt tư tưởng ★ THANH THANH — Mùa đại hội 63
Thư gửi Bộ biên tập ★ LÊ HÙNG — Một căn bệnh nguy hiểm 67
VĂN HỒNG — Văn học thiếu nhi với việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau 70
TIẾN HẢI — Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện 76
HOÀNG CÔNG — Su pe phốt phát Lâm thao—nhà máy anh hùng 82
HỮU HẠNH — Kết hợp nông — công nghiệp ở hợp tác xã Nga thủy 86
NGUYỄN THÀNH LÊ — Những tổng kết sâu sắc về tình hình quốc tế 90
TRẦN ANH — Hòa bình thế giới phải được bảo vệ vững chắc 97
PHAN LANG — Về «cuộc chiến tranh ý thức hệ» của chính quyền Ri gân 102

Trụ sở Bộ biên tập:

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

Các bạn tìm đọc:

VÕ CHÍ CÔNG

– Đổi mới quản lý kinh tế, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở

NGUYỄN THANH BÌNH

– Cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp

VŨ OANH

– Mặt trận nông nghiệp – thành tựu và kinh nghiệm mới

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

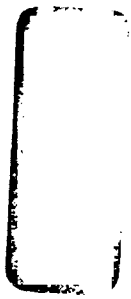
In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6đ00

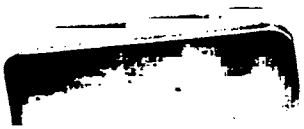
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 4992





Digitized by Google